Robert K. Massie

PYOTR ĐẠI ĐẾ

NGƯỜI CON VĨ ĐẠI CỦA NƯỚC NGA

Diệp Minh Tâm *dịch*

NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC

Pyotr Đại đế - Người con vĩ đại của nước Nga

Tác giả: Robert K. Massie | Người dịch: Diệp Minh Tâm

Nhà xuất bản Tri thức | 04/2013

OCR & Soát lỗi: @tudonald78

Soát tổng & Đóng gói ebook: @tran ngoc anh

Ngày hoàn thành: 09/04/2020

Chúc các bạn đọc sách vui vẻ!

ROBERT K. MASSIE

PYOTR ĐẠI ĐẾ:
NGƯỜI CON VĨ ĐẠI CỦA NƯỚC NGA

DIỆP MINH TÂM *dịch*

22/5/2013

NHÀ XUẤT BẢN TRI THỨC

LỜI GIỚI THIỆU

Quyển sách này trình bày cuộc đời và sự nghiệp của một nhân vật lịch sử ngoại hạng: Pyotr I Đại đế[1] (1672-1725), là Pyotr[2] của nước Nga cũ và sau đấy là Hoàng đế của Đế quốc Nga. Là một trong những nhân vật kiệt xuất của lịch sử thế giới và gần đây được nhân dân Nga bình chọn là người Nga được yêu mến nhất mọi thời đại, ông đã đạt thành tựu lớn lao trong công cuộc hiện đại hóa đất nước ông. Ông đã đưa một nước Nga lạc hậu, đi sau Tây Âu dường như hàng trăm năm, trong một thời gian ngắn vượt lên thành một cường quốc khiến cho những nước Châu Âu còn lại phải nể vì.

Đây là bản dịch từ quyển sách tựa đề *Peter the Great: His life and World* của Robert K. Massie, một nhà báo và sử gia danh tiếng nhờ những công trình nghiên cứu sử học cận đại hết sức công phu.

Điểm đặc biệt của quyển sách trên thể hiện rõ tính cách chuyên nghiệp của tác giả: kết hợp lối viết phóng sự tường thuật với cách trình bày sử liệu sau khi đã tra cứu nghiêm túc và tổng hợp nguồn thông tin đa dạng. Qua văn phong hấp dẫn như tiểu thuyết cộng thêm sự phân tích tâm lý con người khúc chiết, tác giả nguyên tác trình bày một cách cặn kẽ không chỉ về cuộc đời Pyotr Đại đế mà còn về toàn bộ khung cảnh kinh tế, xã hội, chính trị, địa dư của nước Nga và Châu Âu vào thế kỷ 17. Việc này giúp cho người

đọc có sự hiểu biết sâu rộng về bối cảnh đất nước và con người đã dẫn đến những sự kiện và biến cố dưới triều đại của Pyotr Đại đế. Ví dụ như việc tại sao Pyotr Đại đế có chủ trương trừng trị nghiêm khắc - có người còn cho là tàn bạo - đám Cấm vệ do hành vi phản loạn không phải vì lý do chính trị, mà chỉ vì bị bỏ bê (Nhưng sự bỏ bê này có nguyên ủy của nó). Có nắm được cơ bản những bối cảnh, những mối liên hệ trước đây giữa Pyotr Đại đế và lực lượng Cấm vệ, ta mới có thể hiểu thêm về chủ trương và hành động cứng rắn của vị Sa hoàng này.

Muốn hiểu được rõ con người của Pyotr Đại đế không phải là dễ, theo vài khía cạnh nào đấy. Tác giả đã phân tích tố chất đa dạng của Pyotr Đại đế: sục sôi và gan lì, vừa bao dung vừa tàn nhẫn, vừa mềm mỏng vừa cố chấp, tình cảm ở mặt này nhưng cứng rắn ở mặt khác…, nhưng cuối cùng tạo nên khúc ngoặt cực kỳ quan trọng trong lịch sử nước Nga. Hơn nữa, tác giả cũng vẽ ra con người lạ kỳ của Pyotr Đại đế lạ kỳ theo quan điểm phương Đông: việc tu thân của Pyotr Đại đế khá lôi thôi, việc tề gia cũng lắm vấn đề, nhưng công cuộc trị quốc và bình thiên hạ lại đạt nhiều thành tựu!

Lịch sử đã dành cho Pyotr Đại đế nhiều lời khen ngợi. Có lẽ lời khen ngợi trước tiên là tầm nhìn chiến lược của ông, kế đến là nhận thức rồi quyết tâm. Những tầm nhìn, nhận thức và quyết tâm ấy hầu như thiếu vắng trong khắp nước Nga thời bấy giờ. Chỉ một mình ông có tầm nhìn sâu rộng, nhận thức đúng đắn, rồi có quyết tâm sắt đá để đi đến đích. Chẳng hạn, trong khi bao triều đại trước đều không nhận ra là nước Nga bao la chỉ có một cảng biển thông ra bên ngoài thế giới trong sáu tháng mỗi năm, không có hải quân, và cả nước Nga mãn nguyện với đội thuyền đi theo dòng nước trên sông; chỉ riêng Pyotr Đại đế nhận ra đây là những khiếm khuyết vô

cùng hệ trọng trong chiến lược xây dựng kinh tế và quân sự cho đất nước ông. Chính Pyotr Đại đế đã nhận thức được công dụng diệu kỳ của một chiếc thuyền buồm không những có thể đi xuôi mà còn có thể đi ngược lại chiều gió - điều mà loại thuyền bè Nga hồi ấy không thực hiện được. Quyết tâm xây dựng cảng biển và tạo dựng nên hải quân Nga khởi phát từ tầm nhìn và nhận thức như thế.

Thế là, với bao hoài bão nung nấu nhằm hiện đại hóa nước Nga nằm kề bên Tây Âu lúc ấy đã tiến bộ khá xa, Pyotr Đại đế tự mình đóng một chiếc thuyền và học cách điều khiển nó, tổ chức riêng cho mình một đội quân và tập trận thường xuyên đế cuối cùng chuyển thành đội quân tinh nhuệ hơn hẳn lực lượng nòng cốt của triều đình, tổ chức một phái bộ sứ thần đi Tây Âu đế học hỏi và tuyển chọn nhân tài về giúp cho triều đình của mình; vào vai thợ mộc học nghề ở Hà Lan để tự tay đóng một tàu chiến bắt đầu từ những súc gô thô sơ cho đến khi hạ thủy. Và còn nhiều việc làm quyết đoán nữa, như ra lệnh tịch thu chuông nhà thờ để đúc đại bác phục vụ công cuộc chống ngoại xâm mặc cho giáo hội đầy quyền uy phản đối. Hoặc đòi hỏi các tầng lớp tăng lữ, quý tộc và thương nhân - có thế lực mạnh nhất thời bây giờ - góp chi phí vào việc xây dựng hải quân; ai không làm sẽ bị tịch thu gia sản, ai kêu nài sẽ phải đóng góp thêm! Hoặc ra lệnh đàn ông Nga phải cắt râu cho gọn và tất cả người Nga phải chuyển trang phục truyền thông sang kiểu gọn nhẹ - mục đích sâu xa là để dân Nga tăng năng suất làm việc - mặc cho chống đối của giáo hội uy quyền và thói bảo thủ muốn duy trì cách sống lâu đời.

Một công trình vĩ đại khác - khá điên rồ và mạo hiểm - là kiên trì tiến hành xây dựng nên thành phố Sankt-Peterburg bề thế từ bãi đầm lầy ngay cả trong những năm tháng chiến tranh, ngay cả khi vùng đất mới được

chiếm từ Thụy Điển, chưa có hòa ước để hợp thức hóa là thuộc Nga vĩnh viễn, có nghĩa là Thụy Điển có quyền chiếm lại bất cứ lúc nào! Quyết tâm ấy thể hiện qua chính sách là có thể nhượng bộ Thụy Điển bất cứ điều gì ngoại trừ trả lại Sankt-Peterburg, nhằm mở một đường giao thông hàng hải và căn cứ hải quân Nga. Quyết tâm này được lưu truyền mãi về sau, với kết quả là Sankt-Peterburg vẫn đứng vững trước các cuộc tấn công của vua Karl XII của Thụy Điển, cũng như của Hoàng đế Napoléon của Pháp và Hitler của Đức Quốc xã sau này.

Việc đánh giá Pyotr Đại đế có thể theo hai xu hướng. Một là cho rằng thành quả đều do cá nhân Pyotr: trong khi cả triều đình, cả giáo hội, cả các giới quý tộc và thương nhân - là những thế lực quan trọng thời bấy giờ ở Nga - không ai thiên về cải tổ và hiện đại hóa như ông (nhiều người còn chống đối, ngay cả người vợ đầu và con trai trưởng của ông). Riêng các cận thần và các cấp chỉ huy quân sự của ông chỉ thực thi sách lược và nhận mệnh lệnh của ông mà thừa hành, nên sự đánh giá càng làm nổi bật cá nhân Pyotr Đại đế trong việc biết trọng dụng nhân tài dù cho họ là người Nga hay người nước ngoài. Cũng nên ghi nhận là Pyotr Đại đế đã làm được nhiều việc nhờ ông có uy quyền tuyệt đối, có quyền ban hành luật theo ý muốn, thậm chí có quyền xử tử bất cứ ai đi ngược lại ý ông. Nếu trong một thể chế quân chủ lập hiến hoặc hệ thống dân chủ như thời nay, chỉ một cá nhân như Pyotr Đại đế hẳn sẽ không thể làm được gì nhiều trong bối cảnh xã hội nước Nga trì trệ như thế. Bằng chứng là một số cải tổ hành chính của Pyotr Đại đế, tuy có cơ sở chính đáng nhưng đã không thành công vì thái độ bảo thủ của các cấp địa phương.

Xu hướng thứ hai trong việc đánh giá Pyotr Đại đế thì cho rằng, những thành tựu là do sở thích cá nhân từ thời niên thiếu, rồi vì bản thân là Sa

hoàng, muốn gì cũng được, nên có điều kiện từ đồ chơi đi lên trò chơi, và từ trò chơi biến ra hành động thật sự. Có nghĩa là những hành động không nằm trong chiến lược tổng thể nào để phát triển đất nước. Điều này cũng đúng, nhưng thử hỏi trong bao vua chúa khác, có mấy người từ "chơi chơi" tiến lên "làm thật" tạo thành quả như thế? Ý kiến khác là xem vai trò cá nhân của ông không phải là yếu tố quyết định, trong khi phê phán ông về chế độ độc đoán, hà khắc - đôi lúc tàn bạo - theo kiểu phong kiến. Và trong công cuộc cải tổ, ông đã làm mất đi một vài giá trị truyền thống của xã hội Nga. Rộng ra hơn, những tầng lớp thấp trong xã hội Nga, đặc biệt là nông dân, không được hưởng lợi trực tiếp từ thành quả của ông. Trái lại, họ còn khổ sở hơn vì phải trực tiếp hoặc gián tiếp chịu gánh nặng để xây dựng căn cứ hải quân, xây thành phố Sankt-Peterburg, chi phí cho cuộc chiến với Thụy Điển… Chiều hướng đánh giá này cũng có cái lý của nó, tùy quan điểm của từng người. Chẳng hạn, có thể biện luận rằng một khi nước Nga đã trở nên hiện đại hóa thì dần dà đời sống nông dân Nga cũng được nâng cao hơn. Thật ra, chính Pyotr cũng chú trọng đến nông dân, như qua việc mang dây nho từ Pháp về trồng ở Nga, mời chuyên gia nước ngoài đến huấn luyện người Nga cách hớt lông cừu và dệt len lông cừu, nhập ngựa giống nước ngoài về nuôi, chỉ thị nông dân Nga dùng loại lưỡi liềm mới của Tây Âu có cán dài để không phải cúi người xuống khi sử dụng, v.v…

Quyển sách của Robert K. Massie có thể giúp người đọc đi đến sự phán xét cho riêng mình mà không né tránh mặt tiêu cực của Pyotr Đại đế - chẳng hạn sau khi đã nhìn thấy trào lưu dân chủ ở Tây Âu vẫn không muốn để dân Nga chia sẻ quyền lực. Cộng thêm bối cảnh phong phú, tác giả còn trình bày những lập luận, ức đoán khác nhau, rồi rút ra kết luận có thể được

xem là thuyết phục nhất. Người đọc có quyền tin hoặc không tin tác giả, nhưng ít ra ông đã không "ba phải" mà cũng không áp đặt.

Dù sao đi nữa, không ai có thể phủ nhận công lao của Pyotr Đại đế trong công cuộc xây dựng lực lượng quân sự và hiện đại hóa nước Nga, như la việc tạo dựng nên hải quân và đội thương thuyền hàng hải từ con số không: không tàu thuyền, không có công nghệ đóng tàu, không có ai biết lái tàu biển. Và còn nữa: từ "chuyện nhỏ" như thiết lập trường xóa mù chữ và dạy toán cấp cơ sở, trường kỹ thuật đào tạo thợ chuyên môn, xưởng in, cho đến việc cài tổ hành chính, hoàn thiện cơ sở pháp luật, xây dụng hệ thống đường sá, kênh đào vĩ đại, hoàn thiện Thành phố Sankt-Peterburg, nâng cao vai trò người phụ nữ, lập nên Viện Hàn lâm Khoa học, v.v…

Đến đây ta mới thấy điều đặc sắc về tố chất của Pyotr Đại đế: trong khi sở thích cá nhân của ông thời thơ ấu tập trung vào vài lĩnh vực như quân sự và hàng hải nhưng khi đã là Sa hoàng độc tôn và có cơ hội đi ra nước ngoài thì sự quan tâm học hỏi của ông lại trở nên bao quát. Ông đi viếng thăm đủ mọi nơi: nhà máy chế biến, xưởng cưa, nhà máy in, xưởng xe sợi, nhà máy giấy, xưởng cơ khí, viện bảo tàng, vườn thực vật, phòng thí nghiệm… Ông đến gặp gỡ và hỏi han các kiến trúc sư, nhà điêu khắc, kỹ sư, nhà thiên nhiên học, người phát minh kính hiển vi, giáo sư giải phẫu học… Ông cũng học hỏi từ người hành nghề tầm thường nhất để biết cách vá quần áo của mình, đóng một đôi dép cho riêng mình, và còn tập tháo ráp đồng hồ. Khi thơ thẩn đi xem phố xá, chợ búa nước người, ông vẫn có thái độ nghiêm túc như khi đi gặp các nhà khoa học: không phải như một du khách nhàn nhã mà như du học sinh là muốn nghe, muốn thấy, muốn phân tích tại sao dân Nga quá nghèo và dân Tây Âu quá giàu. Và từ đó, du học sinh có tên giả là Pyotr Mikhailov đi đến những câu trả lời nằm ở ngoại thương, cảng biển,

đội thương thuyền, ngay cả sự phóng khoáng về tôn giáo. Tức là, phân tích và kết luận của ông không phải là manh mún theo sở thích cá nhân, mà trở nên khá đồng bộ, tổng thể trong sách lược phát triển đất nước Nga.

Năm 1981, quyển *Peter the Great: His life and World* được trao hai giải thưởng danh giá thể loại tiểu sử: **Pulitzer Prize và American Book Award.**

Đây là một quyển sách đồ sộ, khúc chiết trong từng chi tiết, tuy cũng có phần dông dài trong việc tường thuật những điều hiển nhiên. Tác giả cũng dày công tổng hợp nhiều sử liệu, tài liệu nghiên cứu, ngay cả thư từ của nhân vật liên quan…, cuối cùng tạo nên một bức tranh hoành tráng về thời gian xuyên suốt trước khi Pyotr Đại đế ra đời và sau khi ông mất, về không gian bao trùm cả Châu Âu và một phần nước Mỹ.

Mặt khác, người dịch đã sưu tầm đưa thêm một số thông tin về địa danh, nhân vật, sự kiện lịch sử… nhằm giúp độc giả Việt Nam dễ theo dõi nội dung, cũng để tạo thuận tiện cho độc giả khi cần tra cứu, tên địa danh và nhân vật trong sách này được giữ theo nguyên tác, trừ tên riêng của Nga, Đức, Ba Lan… được phiên âm chuẩn hơn theo ngôn ngữ gốc, và trừ một vài từ đã được Việt hóa thông dụng.

DIỆP MINH TÂM

1. Pyotr là tên phiên âm trực tiếp từ tiếng Nga; tiếng Anh tương đương tên gọi này là “Peter”, tiếng Pháp gọi là “Pierre” và được một số tài liệu Viên ngữ phiên âm là “Pie.” (ND)

2. Một số tài liệu Việt ngữ dung từ “Nga hoàng” nhưng tước hiệu mà Nga dung cũng đã được sử dụng trước đấy ở Bulgaria và Serbia, không chỉ riêng cho nước Nga; vì thế dung từ “Sa hoàng” có tính phổ cập hơn. (ND)

TÊN RIÊNG VÀ TỪ ĐẶC BIỆT[3]

(Bổ sung của người dịch)

Adolphus	Gustavus Adolphus (1594-1632), Vua Thụy Điển (1611-1632), nhà chỉ huy quân sự đại tài nhờ chiến thuật sử dụng pháo binh cơ động, phương án tấn công linh hoạt nhưng vẫn tổ chức phòng thủ chặt chẽ, và nghệ thuật tâm lý chiến truyền đạt từ người chỉ huy đến người thừa hành thấp nhất. Trong lịch sử Thụy Điển, chỉ có ông được Nghị viện Thụy Điển phong danh hiệu "Đại đế."
Afrosina	Người tình gốc Phần Lan của Hoàng Thái tử Aleksei.
Ahmed III (1637-1736)	Sultan của Đế quốc Ottoman (1703-1730).
Aleksei[4]	Aleksei Petrovich Romanov (1690-1718), Hoàng Thái tử, con trai trưởng của Pyotr Đại đế (được đặt tên theo ông nội).

Aleksei I	Aleksei Mikhailovich Romanov (1629-1676), Sa hoàng (1645-1676), cha của Pyotr Đại đế.
Alexander Đại đế (336-323 TCN)	Vua nước Macedonia (miền trung-nam Bán đảo Balkan), một trong những nhà chỉ huy quân sự tài ba nhất cổ đại, đã chinh phục các vùng bây giờ thuộc Syria, Ai Cập, Thổ Nhĩ Kỳ, Iran, Iraq, Afghanistan, Pakistan… cho đến miền tây Ấn Độ. Điểm đặc biệt của ông là lòng tôn trọng các dân tộc sống trong những vùng ông chiếm được, kể cả hòa hợp các sắc thái của họ vào quân đội của ông.
Altranstadt	Lâu đài ở Saxony, nơi Karl XII ép Ba Lan ký Hiệp ước Altranstadt để truất phế Vua Augustus.
Amur	Sông ở miền trung-bắc Châu Á, có chiều dài hơn 4.400 kilômét, chảy ra Biển Nhật Bản. Tên Amur trong tiếng Anh là theo tên gốc tiếng Nga; tài liệu Hoa văn ghi tên sông này là Hắc Long Giang. Hiện nay, gần 1.610 kilômét chiều dài sông này là biên giới giữa Nga và Trung Quốc.
Anna[5]	Anna Ivanovna (1693-1740), con gái Sa hoàng Ivan V, cưới Quận công Friedrich Wilhelm xứ Courland, Nữ Hoàng đế Nga (1730-1740).
Anna	Anna Petrovna (1708-1728), con gái của Pyotr Đại đế và Ekaterina I, cưới Quận công Karl Friedrich xứ Holstein-Gottorp, mẹ của Hoàng đế Pyotr III.
Anne (1665-1714)	Con gái thứ hai của Vua James II, em gái Nữ hoàng Mary II, em vợ của Vua William III, kế vị ông này lên

	làm Nữ hoàng Anh và Ireland (1702-1714).
Antioch	Thành phố ở miền nam Thổ Nhĩ Kỳ hiện nay, dưới thời Pyotr Đại đế thuộc Đế quốc Ottoman.
Apraksin	Fyodor Matveyevich Apraksin (1661-1728), em trai của Pyotr Matveyevich Apraksin. Dưới triều Pyotr Đại đế là Đại tướng, Đô đốc Hải quân người Nga đầu tiên, Thống đốc Arkhangelsk (1693-1696), Thống đốc Azov (1700), Bộ trưởng Hải quân (1700-1706), Thống đốc Estonia và Karelia (1712-1723), Hiệp sĩ Huân chương Sankt-Andrei, Bá tước, ủy viên Hội đồng Cơ mật, Thượng Nghị sĩ, ủy viên Hội đồng Cơ mật Tối cao (1726).
Apraksin	Pyotr Matveyevich Apraksin (1659-1728), anh của Fyodor Matveyevich Apraksin, Thống đốc Astrakhan, Thượng Nghị sĩ (1717), bị kết án âm mưu với Hoàng Thái tử Aleksei.
Arkhangelsk[6]	Cảng biển nằm trên Sông Bắc Dvina Tây, cách Biển Trắng gần 50 kilômét. Xem Chương 10.
Astrakhan[7]	Thị trấn bên bờ Sông Volga, cách Biển Caspi khoảng 70 kilômét.
Augustus	Augustus Friedrich (1670-1733), Tuyển hầu tước của Công quốc Saxony (1694-1733), Vua Augustus II của Ba Lan (1697-1706) rồi được phục hồi (1709-1733).
Azov	Thị trấn pháo đài của Crimea, bên bờ trái của một nhánh Sông Don, cách Biển Azov khoảng 25 kilômét, từ đây thông ra Biển Đen rồi chảy ra Địa Trung Hải.

Åland Quần đảo có hòn đảo lớn nhất cùng tên, nằm ở đầu bắc của Biển Baltic, ở cửa Vịnh Bothnia, giữa Thụy Điển và Phần Lan, gồm khoảng 6.500 hòn đảo và rạn đá, hiện nay là một tỉnh của Phần Lan.

Áo Xem Đế quốc La Mã thần thánh.

Ba Lan Vào thời của Pyotr Đại đế thuộc về một quốc gia hợp nhất gọi là Khối thịnh vượng trung Ba Lan-Litva dưới quyền một vua duy nhất, bao gồm chủ yếu Vương quốc Ba Lan và Công quốc của Đại Công tước Litva, cộng một số công quốc nhỏ, có diện tích bao phủ hiện nay là Ba Lan và Litva, toàn bộ Belarus và Latvia, một phần của Ukraina, một phần của Estonia và một phần miền tây của Nga.

Ba Tư Đế quốc vào thế kỷ 16, bao gồm toàn bộ lãnh thổ hiện giờ là Azerbaijan, Iran và Iraq, thêm phần lớn lãnh thổ Afghanistan. Đến thời Pyotr Đại đế, Đế quốc Ba Tư đã suy yếu nhiều.

Baku Thành phố cảng nằm bên bờ tây của Biển Caspi thuộc Đế quốc Ba Tư, bị Nga chiếm năm 1723, hiện giờ là thủ đô của nước Azerbaijan, đã được công nhận là Di sản Văn hóa Thế giới.

Balkan Bán đảo ở đông nam châu Âu, ba mặt giáp biển: đông giáp Biển Đen (bán đảo Crimea đối diện ở bờ bên kia), nam giáp Địa Trung Hải, tây giáp Biển Adriatic và Biển Ionian. Vào thời của Pyotr Đại đế, Đế quốc Ottoman

	chiếm hầu hết Bán đảo Balkan. Vì thế, trong sách này Balkan gần như đồng nghĩa với Ottoman.
Bashkir	Sắc tộc chủ yếu ở vùng thảo nguyên quanh rặng núi Urals, có liên hệ với Thổ về nguồn gốc và với Tatar về ngôn ngữ.
Bạch Nga (tiếng Nga…; phiên âm tiếng Anh: Belaya Rus	Những vùng đất lịch sử ở Đông Âu, phía tây nước Nga, chủ yếu nằm trong Ba Lan, hiện giờ tương ứng với nước Belarus, một phần nhỏ ở Ukraina, Slovakia, miền đông Ba Lan và miền tây nước Nga.
Bắc Đức	Chỉ vùng ở phía bắc Đế quốc La Mã Thần thánh, gồm Pomerania thuộc Thụy Điển (trước khi Đại chiến Bắc Âu xảy ra), cộng thêm một số công quốc như Hanover, Bremen và Verden.
Bender	Còn được gọi là Tighina, thành phố miền tây nam của Đế quốc La Mã Thần Thánh, nằm bên bờ tây Sông Dniester, hiện thuộc vùng đông- nam nước Moldova.
Berezina	Sông chảy qua Thành phố Minsk xuống phía nam hợp lưu với Sông Dniepr.
Biển Baltic	Biển nằm về phía đông bắc của Châu Âu, xung quanh là Thụy Điển, Phần Lan, Đức, Ba Lan, Nga…
Biển Caspi	Biển trong lục địa, nằm giữa Châu Á và Châu Âu (Nga). Vào thời của Pyotr, Biển Caspi ngăn cách Nga và Đế quốc Ba Tư.
Biển Đen	Biển trong lục địa, nằm giữa đông nam Châu Âu và Tiểu Á, phía bắc và đông giáp Nga, Ukraina, Gruzia; phía tây giáp Romimia và Bulgaria; cả bờ nam là Thổ

	Nhĩ Kỳ hiện nay. Bán đảo Crimea nằm ở bờ bắc. Vào thời của Pyotr, Biển Đen ngăn cách Nga và Đế quốc Ottoman.
Biển Trắng	Biển nằm dọc bờ tây bắc của Nga, tiếp giáp phía tây là Karelia.
Biệt cung	Nơi cư ngụ dành riêng cho phụ nữ hoàng gia không có người hôn phối, vào thời Pyotr là tầng trên cùng của Cung điện Terem, vì thế "Terem" thường đồng nghĩa với biệt cung. Phụ nữ trong biệt cung bị hạn chế gắt gao việc tiếp xúc với bên ngoài. Sau này, Pyotr Đại đế bãi bỏ chế độ khắt khe của biệt cung.
Boerhaave	Herman Boerhaave (1668-1738), người Hà Lan, Giáo sư thực vật học và y khoa, hiệu trưởng Đại học Leiden (trường đại học lâu đời nhất của Hà Lan), Viện sĩ Viện Hàn lâm Khoa học Pháp, thành viên Hội Hoàng gia Anh quốc, được xem là cha đẻ của môn y khoa lâm sàng vì đã chứng minh được mối tương quan giữa triệu chứng và sự thương tổn cơ thể.
Bosphorus	Eo biển nối Biển Đen phía bắc với Biển Marmara phía nam. Thành phố Constantinople nằm ở đầu phía nam eo biển này.
Bothnia	Vịnh của Biển Baltic, nằm giữa Phần Lan bên bờ đông và Thụy Điển bên bờ tây.
Boyar (Nga văn…	Tước hiệu quý tộc cao của Nga, chỉ thấp hơn hoàng thân, thuộc về các dòng họ hoàng tộc cũ làm chủ những vùng đất được cha truyền con nối. Họ thường nắm giữ

	chức vụ trọng yếu qua hội đồng (Duma) boyar, thường có chức năng hành pháp kết hợp tư pháp.
Brandenburg	Công quốc nằm quanh Thành phố Berlin hiện nay, từ năm 1618 hợp nhất với Phổ để trở thành Công quốc Brandenburg-Prussia. Đến năm 1701, Đế quốc La Mã Thần thánh chấp nhận Brandenburg- Prussia la vương quốc Prussia (Phổ) dưới sự trị vì của Friedrich III, người trở thành Vua Friedrich I của Phổ.
Bremen	Công quốc có thành phố cảng nội địa cùng tên nằm bên Sông Weser, ở phía tây Đan Mạch, cách Biển Bắc khoảng 70 kilômét, lãnh thổ mở rộng đến Sông Elbe, vào thời Pyotr Đại đế cùng với công quốc nhỏ Verden nằm kề phía nam thuộc Thụy Điển. Vì thế, Bremen-Verden có vị trí chiến lược quan trọng do chế ngự cả hai cửa sông Weser và Elbe. Hiện nay Bang Bremen của Đức nhỏ hơn công quốc ngày xưa.
Buturlin	Ivan Ivanovich Buturlin (1661-1738), Hoàng thân Phó đô đốc, chỉ huy Cảnh vệ ở Trận Narva, dưới triều Ekaterina I là Tư lệnh Cảnh vệ.
Caesar Julius Caesar (100-44 TCN	Nhà lãnh đạo quân sự và chính khách La Mã, với những chiên công lan đến Anh và Pháp bây giờ, tạo ảnh hưởng cho đến ngày nay. Caesar cũng là người thắng cuộc nội chiến trong đế chế La Mã, và khởi đầu những cải tổ sâu rộng trong xã hội và cơ cấu chính phủ La Mã đương thời.

Calvin	Chủ thuyết thần học Cơ Đốc của John Calvin (1509-1564), nhà thần học người Pháp trong Phong trào Cải cách, tin tưởng tuyệt đối nơi quyền hạn thiêng liêng của Chúa định sẵn số phận sống chết của con người. Tư tưởng của chủ thuyết Calvin ảnh hưởng sâu xa đến xã hội, như cho rằng sự cần kiệm là tính tốt về đạo đức. Thanh giáo bắt nguồn từ chủ thuyết Calvin.
Caucasus	Hoặc Caucasia, vùng núi đồi vì có dãy núi Caucasus ở cực đông nam Châu Âu và tây nam Châu Á, nằm giữa Biển Đen và Biển Caspi, gồm các nước hiện nay là Gruzia, Armenia và Azerbaijan cùng một phần miền nam nước Nga.
Cảnh vệ, Cấm vệ và Vệ binh	Ba tổ chức quân sự tương tự như Ngự lâm quân của Pháp, được ghi bằng từ ngữ khác nhau trong bản dịch này để dễ phân biệt, tuy có đặc điểm chung là lực lượng nòng cốt có nhiệm vụ bảo vệ triều đình ở mỗi nước. Cấm vệ (Anh văn: *Streltsy*, Nga văn: …) là lực lượng của Nga cho đến thời Pyotr Đại đế) sau đấy Pyotr Đại đế giải tán lực lượng này để thành lập Cảnh vệ (Anh văn: *Guard*). Vệ binh (Anh văn: *Janissary*) là lực lượng của Đế quốc Ottoman.
Charlemagne Đại đế (742? -814)	Vua trị vì Đế quốc miền Tây (Anh ngữ: *Empire of the West*) trong giai đoạn 800-814. Không bao lâu sau khi Charlemagne qua đời, đế quốc này tách ra làm hai phần: phía Tây là nước Pháp duy trì cho đến hiện nay, phía Đông là Đế quốc La Mã Thần thánh.

Charles I (1600-1649)	Vua nước Anh, bị xử tử vì tội phản quốc sau khi bị quân Scotland đánh bại.
Charles II (1630-1685)	Con của Charles I, Vua cả ba nước Anh, Scotland và Ireland, anh của Vua James II.
Charlotte	Charlotte Christine Xứ Brunswick-Lüneburg (1694-1715), con gái của Công tước Wolfenbüttel, vợ của Hoàng Thái tử Aleksei, mẹ của Hoàng đế Pyotr II.
Chiến dịch Azov	Bốn chiến dịch quân sự do Nga phát động nhằm tuân thủ hiệp ước với Ba Lan được giữ Thành phố Kyyiv nên phải đánh Thị trấn-pháo đài Azov thuộc Hãn quốc Crimea, là chư hầu của Đế quốc Ottoman. Hai chiến dịch đầu do Sofia chủ trương, diễn ra trong các năm 1687 và 1689 do Golitsyn chỉ huy. Hai chiến dịch sau diễn ra trong các năm 1695 và 1696 do Pyotr đích thân cầm quân.
Chiến hạm	Trong thời kỳ này là loại tàu chiến hạng nặng có nhiều cột buồm nên có khả năng đi biển đường dài, có nhiều đại bác. Nhỏ hơn chiến hạm là tàu khu trục. Xem thêm Chương 44.
Chiến tranh Ba mươi năm (Anh ngữ *Thirty Years' War*)	Một loạt những trận chiến trong giai đoạn 1618-1648, diễn ra trên các lãnh thổ của người Đức. Khởi đầu, cuộc chiến chủ yếu dựa trên xung đột tôn giáo giữa các phe nhóm Thiên Chúa giáo và Tin Lành trong Phong trào Cải cách. Dần dà, cuộc chiến lan rộng giữa một bên là những hoàng thân người Đức và bên kia chủ yếu là Thụy Điển và Pháp muốn hạn chế quyền lực của Đế

	quốc La Mã Thần thánh. Từ cuộc chiến này, Thụy Điển chiếm được nhiều lãnh thổ của người Đức. Chiến tranh Ba mươi năm là một trong những cuộc chiến gây tàn phá nặng nề nhất trong lịch sử Châu Âu.
Chiến tranh Kế vị Tây Ban Nha (Anh ngữ *War of the Spanish Succession*)	Diễn ra trong giai đoạn 1701-1714 giữa liên minh gồm Anh, Áo, Bồ Đào Nha, Đan Mạch và Hà Lan, chống lại liên quân Pháp và Tây Ban Nha cùng một số công quốc nhỏ của Ý và Đức. Lý do trực tiếp của cuộc chiến tranh này la tranh chấp về tính pháp lý của Philip V, cháu nội của Hoàng đế Pháp Louis XIV, khi kế vị ngai vàng Tây Ban Nha năm 1700. Lý do sâu xa la việc kế vị này làm thay đổi cán cân quyền lực giữa các nước liên quan.
Constantinople	Thủ đô của Ottoman, nằm ở đầu phía nam của Eo biển Borphorus, hiện là thủ đô Istanbul của Thổ Nhĩ Kỳ. Khu lịch sử của Istanbul đã được công nhận là Di sản Văn hóa Thế giới.
Cossack (một số tài liệu Việt ngữ dùng từ "Cô-dắc")	Các bộ tộc sống chủ yếu ở Ba Lan, Litva, Nga và phần Châu Á tiếp giáp. Mỗi bộ tộc Cossack sống ở vùng riêng dưới quyền một thủ lĩnh thường do người Cossack bầu ra nhưng có khi do Nga đưa lên trong số người Cossack thân Nga. Khởi đầu dưới thời của Pyotr, có hai bộ tộc chính là Cossack Ukraina dưới quyền Ivan Mazeppa và Cossack Zaporozhsky dưới quyền Konstantin Gordeenko. Cả hai đều đầu thuận Karl XII khi ông này dẫn quân Thụy Điển xâm lăng Nga.

Courland Công quốc nhỏ phía nam Riga, dưới quyền của công tước, lệ thuộc vào Ba Lan, hiện giờ thuộc về nước Latvia.

Công đồng Định chế quản lý giáo vụ cao nhất trong một giáo hội Kitô, đứng dưới giáo hoàng hoặc giáo chủ, thường bao gồm những nhà lãnh đạo giáo hội cấp cao (chủ yếu là tổng giám mục và giám mục). Công đồng Chính Thông giáo của Nga do Pyotr Đại đế lập ra thì có phần khác: còn gọi là Công đồng Tối cao (Nga văn:…), được tổ chức giống như một bộ của chính phủ, gồm có 11 thành viên để thay cho chức giáo chủ. Đến năm 1918, Công đồng Chính Thông giáo bị giải tán, nước Nga lại có Giáo chủ như trước.

Công quốc Lãnh thổ nhỏ thường dưới quyền vua hoặc hoàng đế của một nước lớn và được trị vì bởi người có tước hiệu (như bá tước, công tước, hoàng thân…), thường là cha truyền con nối nhưng có nơi do hoàng đế chỉ định. Các công quốc khác biệt nhiều về mặt tổ chức và phân chia quyền lực, ví dụ công quốc của công tước có vị thế cao hơn của bá tước, công quốc của Tuyển hầu tước có vị thế cao hơn của công tước… Công quốc mạnh có lãnh thổ rộng, quân đội hùng hậu và được nhiều quyền tự chủ nên có vị thế không thua một quốc gia có vua.

Crimea Bán đảo phía đông nam Ukraina, được nối với lục địa qua Eo đất Perekop. Vào thế kỷ 15, Hãn quốc Kim Trướng của Bạt Đô (xem Mông Cổ) tan rã thành bốn

	hãn quốc đứng đầu là hãn vương; một trong bốn hãn quốc này là Crimea. Vì Crimea do một sắc tộc Thổ cai trị và là chư hầu của Đế quốc Ottoman của người Thổ, nên giữa hãn quốc và đế quốc này có mối liên quan mật thiết. Hiện có bang cộng hòa tự trị Crimea thuộc nước Ukraina.
Cruys	Cornelius Cruys (1655-1727), người Hà Lan, được Pyotr tuyển mộ khi viếng thăm Hà Lan trong Đại Phái bộ Sứ thần, Tư lệnh đầu tiên của Hạm đội Baltic của Nga, lên đến quân hàm cao nhất là đô đốc (1721).
Danzig	Thành phố ở miền bắc Ba Lan, nơi hai nhánh Sông Wistla chảy qua, hiện nay có tên Gdansk, thuộc Ba Lan.
Dniepr hoặc **Dnepr**	Sông dài 2.290 kilômét (dài thứ ba Châu Âu), chảy từ bắc xuống tây nam Moskva, qua đầm lầy Pripet, có một đoạn trung lưu là biên giới giữa Nga và Ba Lan, gần hạ lưu chảy qua thị trấn Smolensk và Thành phố Kyyiv rồi đổ ra Biển Đen.
Dolgorukov[8]	Grigory Fyodorovich Dolgorukov (1656-1723), Hoàng thân, đại sứ Nga tại Ba Lan (1701-1721), giúp ký kết hiệp ước với Ba Lan (1701) và liên minh Narva (1704).
Dolgorukov	Vasily Lukich Dolgorukov (1672-1739), Bá tước, nhà ngoại giao chuyên nghiệp Nga, đại sứ Nga tại Ba Lan (1706-1707), công sứ Nga tại Đan Mạch (1707-1720), Pháp (1721-1722), và Thụy Điển (1725-1727), ủy viên Hội đồng Cơ mật Tối cao (1728) dưới triều Pyotr II,

	ủng hộ Anna lên ngôi nữ hoàng đế với điều kiện quyền lực bị giới hạn, bị tử hình vì tội giả mạo chúc thư của Pyotr II.
Dolgorukov	Vasily Vladimirovich Dolgorukov (1667?-1746), Hoàng thân, có quan hệ anh em họ xa với Vasily Lukich Dolgorukov ghi trên[9], dẫn quân đánh dẹp nhóm Cossack phản loạn của Bulavin (1707-1708), tham gia Trận Pultowa, Hiệp sĩ Huân chương Sankt-Andrei. Tháp tùng Pyotr Đại đế trong các chuyến đi ra nước ngoài (1717-1718), nhưng khi về nước bị tước quân hàm và đi đày (1718) vì bị kết án âm mưu với Hoàng Thái tử Aleksei. Sau được Nữ Hoàng đế Ekaterina I ân xá (1724), rồi được phục hồi; được phong Nguyên soái và cử vào Hội đồng Cơ mật Tối cao (1728). Khi Pyotr II qua đời năm 1730, ông thảo những điều kiện cho Anna làm nữ hoàng đế nhưng năm 1739 bị Anna tước hết chức tước và bị đày đi Biển Trắng. Đến năm 1741, ông được Nữ hoàng Elizaveta phục hồi tất cả chức tước và được cử làm Giám đốc Học viện Quân sự.
Dolgorukov	Yakov Fyodorovich Dolgorukov (1639-1720), Hoàng thân, anh của Vasily Vladimirovich Dolgorukov, sứ thần Nga đầu tiên đến Pháp (1687), sau Trận Narva bị Thụy Điển cầm tù trong 10 năm, trở về (1711) làm Thượng Nghị sĩ Thứ Nhất (Chủ tịch Thượng viện). Ông phân tích khá trung thực về thành tựu của Pyotr Đại đế.

Dolgorukov Yuri Alekseyevich Dolgorukov (7-1682), Hoàng thân, chỉ huy quân đội lập nhiều chiến công trong cuộc chiến với Ba Lan (1654-1657), khi làm Tư lệnh Cấm vệ đã bị giết trong cuộc nổi loạn của Cấm vệ năm 1682.[10]

Don Sông dài gần 2.000 kilômét, bắt nguồn từ vùng đông nam Moskva, chảy về hướng nam qua thị trấn Voronezh đến thị trấn pháo đài Azov trước khi đổ ra Biển Azov.

Dorpat Thị trấn ở bắc Estonia, vào thời Pyotr Đại đế nằm dưới sự kiểm soát của Thụy Điển, hiện nay có tên Tartu thuộc nước Estonia.

Dresden Thành phố thủ phủ của Công quốc Saxony, có cảng trên Sông Elbe là cửa ngõ thông ra Biển Bắc, hiện giờ là thủ phủ của Bang Saxony thuộc Đức.

Đại chiến Bắc Âu Cuộc chiến từ năm 1700 đến năm 1721 giữa một bên là Thụy Điển với bên kia là liên minh gồm Nga, Đan Mạch, Saxony, Ba Lan; từ 1715 có thêm Phổ và Hanover.

Đại tá Quân hàm này thường nắm chức vụ trung đoàn trưởng bộ binh, lữ đoàn trường Cảnh vệ, hạm trưởng trong hải quân.

Đặt ki Việc đóng một con tàu bắt đầu từ khâu đặt ki, tức là đặt một khuôn của đáy tàu, từ đó đóng ghép con tàu dần lên phía trên. Lễ đặt ki cho một con tàu tương đương với lễ động thổ cho một công trình xây dựng trên mặt đất.

Đế quốc La Mã Thần thánh hoặc Thánh chế La Mã (Anh ngữ *Holy Roman Empire*)

Do Giáo hoàng Leo III thành lập và cử Charlemagne làm hoàng đế. Việc này dựa trên ý tưởng làm sống lại Đế quốc La Mã miền Tây đã suy tàn từ thế kỷ VI, nhằm tạo ra đối trọng với Đế quốc Byzantine lúc bấy giờ đang kiểm soát Đế quốc La Mã miền Đông. Lãnh thổ của Đế quốc La Mã Thần thánh thay đổi theo từng thời kỳ, tùy thuộc vào tiềm lực quân sự và chính sách ngoại giao. Thời cực thịnh vào thế kỷ XI-XIII, đế quốc này trải xuyên suốt từ Biển Bắc xuống đến Địa Trung Hải, bao gồm lãnh thổ rộng lớn của các nước hiện giờ: Đức, Áo, Thụy Sĩ, miền Đông nước Pháp, Bỉ, Hà Lan, miền Tây Ba Lan, Cộng hòa Séc, và nửa phần trên của nước Ý. Tuy nhiên, đến thế kỷ XVI-XVII, đặc biệt là trong Chiến tranh Ba mươi năm, Đế quốc La Mã Thần thánh đã suy yếu nhiều, do dòng họ Habsburg trị vì, đóng thủ phủ ở Wien. Vì thế trong sách này các từ "Habsburg", "Wien" và "Áo" đều chỉ Đế quốc này. Lúc đó, Hoàng đế chỉ là tước vị tượng trưng vì quyền lực thật sự là do các lãnh thổ và công quốc thành viên nắm giữ. Đế quốc La Mã Thần thánh bị giải tán năm 1806 (ứng với câu châm biếm của Voltaire để mô tả thực trạng: "không phải thần thánh, không phải La Mã, mà cũng không phải là đế quốc"). Tuy thế Đế quốc La Mã Thần thánh vẫn để lại vọng tưởng nối tiếp cho người Đức về sau. Otto von Bismarck thiết lập Đế quốc Đức năm 1871, sau này được gọi là "Đế quốc thứ Hai", và Adolf Hitler,

	trong khát vọng dựng lên một nước Đức hùng mạnh, tạo viễn tưởng của "Đế quốc thứ Ba."
Ekaterina[11] I Ekaterina Alekseyevna (1683/1684-1727)	Vợ kế của Pyotr Đại đế, Nữ Hoàng đế Ekaterina I (1725-1727).
Ekaterina II Ekaterina Alekseyevna (1729-1796)	Vợ của Pyotr III tức cháu dâu ngoại của Pyotr Đại đế, Nữ Đại đế (1762-1796).
Elbe	Sông dài 1.170 kilômét ở miền trung Châu Âu, chảy qua các thành phố Dresden và Hamburg của Đức, nối bằng kênh với Sông Odra ở Cộng hòa Séc cùng các sông Rhine và Weser ở Đức hiện nay, rồi chảy ra Biển Bắc phía nam Đan Mạch.
Elizaveta[12] Elizaveta Petrovna (1709-1762)	Con gái út của Pyotr Đại đế và Ekaterina I, Nữ Hoàng đế Elizaveta của Nga (1741-1762).
Estonia	Vùng đất phía tây Hồ Peipus, rơi vào tay Thụy Điển năm 1645, đáng lẽ thuộc về Ba Lan theo thỏa thuận trong liên minh chống Thụy Điển, nhưng bị Nga tấn công, được giao cho Nga (1721), hiện là nước cộng hòa độc lập.
Eugene (1663-1736)	Hoàng thân Xứ Savoy, Đại Nguyên soái và Tổng Tư lệnh quân đội của Đế quốc La Mã Thần thánh, được

	xem là nhà cầm quân tài ba nhất Châu Âu vào thời này. Ông lập được nhiều chiến công lớn, kể cả trong Chiến tranh Kế vị Tây Ban Nha, khi ông làm tư lệnh mặt trận nước Ý. Sau đó, ông hợp cùng Quận công Marlborough của Anh đánh bại quân Pháp.
Evdokia[13]	Feodorovna Lopukhina (1669-1731), Hoàng hậu, vợ đầu của Pyotr Đại đế, mẹ của Hoàng Thái tử Aleksei.
Fyodor[14] **III**	Fyodor Alekseyevich Romanov (1661-1682), Sa hoàng (1676-1682), con của Sa hoàng Aleksei, anh ruột của Sofia, anh cùng cha khác mẹ của Pyotr Đại đế.
Frederick IV (1671-1730)	Vua của Đan Mạch và Na Uy (1699), liên minh với Nga và Ba Lan để chống Thụy Điển.
Friedrich Augustus	Xem Augustus.
Friedrich I (1657-1713)	Vua đầu tiên của nước Phổ (1701-1713), nguyên là Tuyển hầu tước Friedrich III của Công quốc Brandenburg (1688-1701).
Friedrich I (1676-1751)	Vua Thụy Điển (1720-1751), nguyên là Quận công Xứ Hesse, em rể của Karl XII.
Friedrich II (1712-1786)	Vua nước Phổ (1740-1786), được xưng tụng là Friedrich Đại đế của Phổ, con của Friedrich Wilhelm I và cháu nội của Friedrich I.
Friedrich III	Xem Friedrich I (1657-1713), Vua nước Phổ.
Friedrich IV (1671-1702)	Quận công Xứ Holstein-Gottorp, anh rể của Karl XII.

Friedrich Wilhelm[15]	Quận công của Công quốc Courland, cháu của Vua nước Phổ Friedrich I, chồng của Công chúa Anna, tức con rể của Sa hoàng Ivan V (Đừng nhầm lẫn với hai nhân vật dưới đây).
Friedrich Wilhelm (1620-1688)	Đại Tuyển hầu tước của Brandenburg (1640-1688), tạo nền móng cho nước Phổ hùng mạnh.
Friedrich Wilhelm I (1688-1740)	Tuyển hầu tước Friedrich Wilhelm II của Brandenburg và cũng là Vua Friedrich Wilhelm I của nước Phổ (1713-1740), con của Friedrich I.
Gagarin Matvey[16] Petrovich Gagarin (7-1721)	Thống đốc Siberia, bị tử hình vì tham nhũng.
George I Louis (1660-1727)	Tuyển hầu tước của Hanover (từ 1698), kiêm Vua Anh và Vua Ireland (1714-1727). Xem Chương 56.
Gerey	Devlet Gerey: Hãn vương của Hãn quốc Crimea.
Giáo hội Chính thống Nga (Nga văn:…)	Bộ phận Kitô giáo dưới quyền Giáo chủ ở Moskva, được cho là bắt nguồn từ Giáo hội Báp-tít ở Kyyiv năm 988 (vì thế, lễ kỷ niệm 1.000 năm của Giáo hội diễn ra vào năm 1988). Khởi đầu, Giáo hội nằm dưới sự lãnh đạo của Giáo chủ ở Constantinople, rồi dời đến Moskva năm 1326 sau khi Mông Cổ tàn phá Kyyiv. Đến năm 1448, Giáo hội Chính thống Nga trở thành độc lập khỏi Giáo chủ ở Constantinople. Năm 1700, sau cái chết của Giáo chủ Adrian, Pyotr Đại đế không đề cử giáo chủ

	mới như truyền thống, mà đợi đến năm 1721 mới thành lập Công đồng Tối cao để cai quản Giáo hội. Cơ cấu này được duy trì cho đến sau Cách mạng Nga năm 1917, khi đó các giám mục bầu lên giáo chủ.
Golitsyn	Boris Alekseyevich Golitsyn (1654-1714), Hoàng thân, em họ của Vasily Vasilyevich Golitsyn, ủng hộ Pyotr trong cuộc tranh chấp giữa Sofia và Pyotr.
Golitsyn	Dmitry Mikhailovich Golitsyn (1665-1737), Hoàng thân, Thống đốc Kyyiv và Tư lệnh quân Nga ở Saxony, Thống đốc Belgorod (1711-1718), ủy viên Hội đồng Cơ mật Tối cao (1726); dưới thời Pyotr II đứng đầu Hội đồng này.
Golitsyn	Mikhail Mikhailovich Golitsyn (1674-1730), Hoàng thân, em trai của Dmitry Mikhailovich Golitsyn, chỉ huy đội quân Nga tấn công quân Thụy Điển gần Molyatychy, Hiệp sĩ Huân chương Sankt-Andrei, truy kích Karl XII sau Trận Pultowa, Nguyên soái (1725).
Golitsyn	Pyotr Golitsyn (1660-1722), Hoàng thân, Thống đốc Arkhangelsk, đại sứ Nga ở Đế quốc La Mã Thần thánh.
Golitsyn	Vasily Vasilyevich Golitsyn (1643-1714), Hoàng thân, Bộ trưởng Ngoại giao rồi Thủ tướng dưới chế độ phụ chính của Sofia.
Golovin	Aleksei Alekseyevich Golovin, em trai của Fyodor Alekseyevich Golovin.
Golovin	Fyodor Alekseyevich Golovin (1650-1706), boyar cuối cùng của Nga, ký Hiệp ước Nerchinsk với Trung Hoa

	(1689), Đô đốc kiêm Nguyên soái, bá tước đầu tiên của Nga, cũng là Hiệp sĩ Huân chương Sankt-Andrei đầu tiên (1699), đại sứ thứ hai của Đại Phái bộ Sứ thần, Bộ trưởng Ngoại giao[17] không chính thức (1699-1700).
Golovkin	Gavrila Ivanovich Golovkin (1660-1734), Ngoại trưởng, Hiệp sĩ Huân chương Sankt-Andrei và Bộ trưởng Ngoại giao sau Trận Narva (1700), Bá tước, ủy viên Hội đồng Cơ mật Tối cao (1726).
Gordon	Patrick Gordon (1635-1699), người Scotland, đại tướng, phục vụ các triều đại Sa hoàng Aleksei, Sa hoàng Fyodor, Phụ chính Sofia và Pyotr Đại đế.
Grodno	Thành phố cảng bên bờ Sông Neman thuộc Ba Lan, hiện có tên Hrodna thuộc Belarus.
Habsburg	Một hoàng tộc người Đức, được xem là một trong những hoàng tộc có thế lực nhất trong lịch sử Châu Âu cận đại. Trong giai đoạn 1440-1806, người lãnh đạo hoàng tộc Habsburg luôn nắm ngai vàng của Đế quốc La Mã Thần thánh, cũng trị vì Bohemia và Hungary. Vì thế, trong sách này hai từ "Habsburg" và "Đế quốc La Mã Thần thánh" được dùng thay thế nhau.
Hannibal Barca Hannibal (247-182 TCN	Danh tướng cổ đại, dẫn một đoàn quân vượt qua các dãy núi Pyrenees và Alpes hiểm trở rồi đánh bại quân La Mã. Cuộc hành quân được xem là một trong những chiến tích nổi bật nhất trong lịch sử cổ đại.
Hanover	Công quốc có thủ phủ cùng tên, nằm trong Đế quốc La Mã Thần thánh. Vào thời của Pyotr, quận công trị vì

Hanover có tước hiệu Tuyển hầu tước.

Hiệp sĩ Teuton Một phẩm cấp người Đức được thành lập vào cuối thế kỷ 12, đặt căn cứ ở vương quốc Phổ, với quân phục và khiên nền trắng và chữ thập màu đen, xây dựng một loạt thành trì vững chắc. Từ đây, họ tiến hành những cuộc tấn công mở rộng lãnh thổ về miền Đông. Đến thế kỷ 14, Các Hiệp sĩ Teuton trở thành một lực lượng hùng mạnh, thống trị Đông Âu và Trung Âu.

Hiệp ước Nerchinsk (1689) Hiệp ước đầu tiên mà Trung Hoa ký với nước ngoài, bên Nga do Fyodor Golovin ký, dưới triều Phụ chính Sofia của Nga và Hoàng đế Khang Hi của Trung Hoa, nhằm phân định lãnh thổ giữa Trung Hoa và Nga mà từ trước đến lúc bấy giờ không phân định ranh giới rõ ràng. Nga chấp nhận một vùng đất lớn ở lưu vực sông Amur thuộc chủ quyền Trung Hoa.

Hoàng thân Tước hiệu cao nhất của triều đình Nga, vào thời Pyotr có thể ban cho dân thường. Hoàng thân Nga thường có đất phong, nhưng ở các nước khác có thể chỉ là tước hiệu tượng trưng.

Hoàng thân Công quốc Orange Tước hiệu cha truyền con nối dù không chính xác tương ứng với tên của lãnh thổ trị vì. “Orange” cũng là tên gọi vương triều ở Hà Lan bắt nguồn từ thời Trung cổ. Dù Công quốc Orange bị Hoàng đế Louis XIV sáp nhập vào Pháp năm 1672, Vua William III của Anh vẫn giữ tước hiệu Hoàng thân Công quốc Orange của Hà Lan.

Hohenzollern	Vương triều trị vì các nước Phổ, Đức và Romania từ thế kỷ 16, người cuối cùng là Hoàng đế Wilhelm II của Đế quốc Đức, bị lật đổ năm 1918 sau khi Đức thua trận trong Chiến tranh Thế giới I.
Holstein-Gottorp	Công quốc nằm giữa Đan Mạch và Đức ngày nay.
Hòa ước Westphalia (Anh ngữ *Peace of Westphalia*)	Một số hòa ước ngày 24/10/1648 nhằm chấm dứt Chiến tranh Ba mươi năm, được ký kết giữa Hoàng đế Ferdinand III của Đế quốc La Mã Thần thánh, một số hoàng thân người Đức, cùng Pháp và Thụy Điển. Hòa ước Westphalia được các sử gia ghi nhận là cột mốc bắt đầu kỷ nguyên lịch sử hiện đại.
Hòa ước Nystad (1721)	Được ký kết giữa Nga và Thụy Điển để chấm dứt Đại chiến Bắc Âu. Thụy Điển nhượng vĩnh viễn cho Nga các miền đất vùng Baltic: Livonia, Estonia, Ingria, một phần của Karelia, và Vyborg. Nga trả lại phần Lan cho Thụy Điển, trả một khoản tiền lớn để đền bù cho Livonia, và cho Thụy Điển mua ngũ cốc miễn thuế ở Riga, Reval, va Arensburg.
Hội Hoàng gia (Anh ngữ *The Royal Society*)	Tổ chức độc lập đặt ở Thủ đô London của Vương quốc Anh, có vị thế và uy tín tương đương một viện hàn lâm, hoạt động trong các môn khoa học tự nhiên kể cả toán học và những môn ứng dụng như kỹ thuật và y khoa. Tôn chỉ của Hội Hoàng gia là hỗ trợ nghiên cứu và ứng dụng khoa học, củng cố các mối quan hệ khoa học với quốc tế và tạo điều kiện giao lưu giữa các nhà khoa học, tham mưu độc lập cho chính quyền Anh về các đề

	tài khoa học, thúc đẩy giáo dục khoa học và ý thức khoa học trong quần chúng, xuất bản các tài liệu khoa học để phổ biến trong nước và quốc tế…
Ingria (tên NgaIzhora	Tỉnh nằm phía nam Sông Neva, trải dài từ cửa Sông Neva (vị trí của Sankt-Peterburg) đến thị trấn Neva. Cùng với Karelia, Ingria là mục tiêu chính mà Nga muốn chiếm lại từ Thụy Điển.
Ivan	Ivan Bạo chúa hay Ivan IV (1530-1584), người đầu tiên chính thức xưng tước hiệu Sa hoàng. Từ "Ivan Bạo chúa" hoặc "Ivan Hung đế" (Anh ngữ: *Ivan the Terrible*) là do sử sách ghi để phán xét vị vua hung bạo này.
Ivan	Ivan Đại đế hay Ivan III Vasilyevich (1440-1505), người trị vì nước Nga từ năm 1462 với tước hiệu Đại Hoàng thân.
Ivan V	Ivan Alekseyevich Romanov (1666-1696), đồng-Sa hoàng (1682-1696), anh cùng cha khác mẹ của Pyotr Đại đế, em của Sa hoàng Fyodor III.
James II (1633-1701)	Con trai thứ ba của Vua Karl I, em của Vua Karl II, cha vợ của Vua William III, làm Vua ba nước Anh, Scotland và Ireland (1685-1688), bị Vua William III lật đổ.
Joachim	Có tên lúc thế tục là Ivan Petrovich Savelov (1620-1690), Giáo chủ Chính Thống giáo vào thời Pyotr Đại đế.

Joseph I (1678-1711)	Hoàng đế của Đế quốc La Mã Thần thánh.
Kalmuck	Bộ tộc gốc Mông Cổ duy nhất ở Châu Âu theo Phật giáo, sông chủ yếu trong vùng Trung Á, dưới triều Pyotr Đại đế được tổ chức như là một hãn quốc.
Karelia	Tỉnh nằm phía bắc Sông Neva, trải dài từ cửa Sông Neva (vị trí của Sankt-Peterburg) đến thị trấn Vyborg. Cùng với Ingria, Karelia là mục tiêu chính mà Nga muốn chiếm lại từ Thụy Điển. Karelia được Hòa ước Nystad năm 1721 công nhận thuộc Nga, được sáp nhập vào Phần Lan năm 1917, rồi được Phần Lan giao lại một phần cho Nga năm 1940.
Karl[18]	Karl Friedrich (1700-1739), Quận công Xứ Holstein-Gottorp, con trai người chị của Karl XII, con rể của Pyotr Đại đế (cưới Công chúa Anna, con gái của ông), cha của Hoàng đế Pyotr III. Vì lẽ Quận công Friedrich IV trị vì Holstein-Gottorp là anh rể của Karl XII, còn con trai Karl Friedrich của ông này là rể của Pyotr Đại đế vương triều Nga sau này mang một phần dòng máu của kẻ thù cũ Karl XII.
Karl VI (1685-1740)	Con của Leopold I, Hoàng đế của Đế quốc La Mã Thần thánh (1711-1740) kiêm Vua Karl III của Hungary (1712-1740), anh cọc chèo của Hoàng Thái tử Aleksei.
Karl XI (1655-97)	Vua của Thụy Điển, cha của Karl XII.

Karl XII (1682-1718) Kỳ phùng địch thủ của Pyotr Đại đế Vua của Thụy Điển, con của Karl XI. Trong sách này, khi chỉ ghi "Karl" có nghĩa là Karl XII.

Karlsbad hoặc Carlsbad (có nghĩa "bồn tắm của Karl") Thị trấn bên Sông Ohre, phía nam Saxony, nổi tiếng nhờ những suối nước nóng, được cho là do Hoàng đế Đế quốc La Mã Thần thánh Karl IV tìm ra, vì thế thị trấn mang tên ông, hiện nay có tên OKarlovy Vary, thuộc miền tây nam Cộng hòa Séc.

Kerch Eo biển giữa Biển Azov và Biển Đen, nơi quân Ottoman xây pháo đài trấn giữ khiến tàu Nga không thể tiến ra Biển Đen.

Khovansky Ivan Khovansky (7-1682), Hoàng thân, nhận tước hiệu boyar năm 1659, Tư lệnh Cấm vệ dưới chế độ của Phụ chính Sofia, bị Hội đồng boyar kết tội tạo phản và xử tử năm 1682 cùng với con trai.

Khu Ngoại ô Đức Khu ngoại kiều có tên Nga phiên âm ra Anh ngữ là *Nemetskaya Sloboda*, lấy từ chữ Nga *nemet* có nghĩa là người Đức. Thời bấy giờ, dân Nga không thể phân biệt các dân tộc nước ngoài, nên nghĩ mọi người Tây Âu đều là người Đức. Khu này cách Kremlin 5 kilômét, nằm trên con đường giữa Moskva và Preobrazhenskoe. Xem thêm Chương 9.

Kikin Kikin Aleksandr, Bộ trưởng Hải quân, cố vấn thân cận của Hoàng Thái tử Aleksei.

Königsberg Thành phố cảng biển của Công quốc Brandenburg, hiện có tên Kaliningrad, thuộc Nga.

Kraków[19]	Thành phố ở miền nam Ba Lan, nằm dọc bờ Sông Wistla. Trung tâm lịch sử của Kraków đã được công nhận là Di sản Văn hóa Thế giới.
Kronstadt	Pháo đài trên Đảo Kotlin ngoài khơi Thành phố Sankt-Peterburg, cách cửa sông Neva 25 kilômét, nhằm bảo vệ cửa ngõ của Sankt-Peterburg. Kronstadt đã được công nhận là Di sản Văn hóa Thế giới.
Kurakin	Boris Ivanovich Kurakin (1676-1727), Hoàng thân, đại sứ thường trực đầu tiên của Nga ở nước ngoài, một trong những cận thần thân tín của Pyotr Đại đế, tham gia chiến dịch Azov, chỉ huy Lữ đoàn Cảnh vệ Semyonovsky ở Trận Pultowa, lần lượt làm đại sứ tại Anh, Hanover và Hà Lan trong thời gian 1708-1712, đại sứ ở Pháp trong các thời gian 1716-1722 và 1724-1727.
Kyyiv[20]	Thành phố thủ phủ của tỉnh Ukraina dưới thời Pyotr Đại đế; nằm bên bờ Sông Dniepr, hiện giờ là thủ đô nước Ukraina.
Ladoga	Hồ lớn nhất Châu Âu, nằm giữa hai tỉnh Karelia ở phía bắc và Ingria ở phía nam, xả nước vào Sông Neva chảy qua Thành phố Sankt-Peterburg.
Lagercrona	Anders Lagercrona (1654-1739), Trung tướng Thụy Điển (1704).
Latvia (tiếng Latvia: *Latvija*)	Vùng đất nằm giữa Estonia về hướng bắc, Litva về hướng nam, Nga về hướng đông, hiện giờ là nước độc lập.

Leeuwenhoek	Antonie Philips van Leeuwenhoek (1632-1723), người Hà Lan, được xem là cha đẻ của môn vi sinh vật học và là nhà vi sinh vật học đầu tiên, vì là người đầu tiên quan sát và mô tả các sinh vật đơn tế bào. Ông cũng là người đầu tiên sử dụng kính hiển vi để mô tả sợi cơ, vi trùng, tinh trùng… Lúc sinh thời, ông tự chế được trên 400 kính hiển vi, nhưng hiện thời chỉ còn giữ lại được 9, có độ phóng đại 275 lần.
Lefort hoặc Le Fort	Francis Lefort (1656-1699), người Thụy Sĩ, Đại tướng-Đô đốc, Tổng trấn Novgorod, tham gia cùng Pyotr Đại đế trong hai Chiến dịch Azov, đứng đầu Đại Phái bộ Sứ thần.
Leibniz	Gottfied von Leibniz (1646-1716), Tiến sĩ luật người Đức, triết gia, nhà toán học và chính khách, được xem là một trong những nhà trí thức xuất chúng nhất trong thế kỷ 17, làm việc cho Công quốc Hanover, cũng tạo ảnh hưởng đến Pyotr Đại đế. Những công trình nghiên cứu của ông bao quát nhiều lĩnh vực: toán học, triết học, thần học, luật, ngoại giao, chính trị, vật lý…
Leopold I (1640-1705)	Hoàng đế của Đế quốc La Mã Thần thánh (1658-1705), kiêm Vua của Bohemia (1656-1705) và Vua của Hungary (1655-1687).
Lewenhaupt	Adam Ludwig Lewenhaupt (1659-1719), Bá tước, Đại tướng bộ binh của Thụy Điển, tổng trấn quân sự ở Courland.

Litva (tên theo Anh ngữ: Lithuania)	Phía bắc giáp với Công quốc Courland, phía đông với Nga, phía nam với Ba Lan, phía tây với Phổ; vào thời của Pyotr Đại đế nằm trong một quốc gia hợp nhất gọi là Khối Thịnh vượng chung Ba Lan-Litva với Ba Lan chiếm địa vị ưu thế. Hiện nay, Litva là một nước độc lập.
Livonia	Nguyên là công quốc có thủ phủ là Riga, trước Đại chiến Bắc Âu là một tỉnh dưới quyền cai trị trực tiếp của Thụy Điển, hiện nay lãnh thổ tương ứng gần đúng với nước Latvia.
Lutheran	Chủ thuyết thần học phát sinh từ Martin Luther (1483-1546), nhà thần học người Đức đã khởi xướng Phong trào Cải cách Đức. Chủ thuyết Lutheran, dần dà phát triển thành giáo hội[21], đả kích sự suy đồi của Thiên Chúa giáo thời Trung cổ. Ví dụ, Luther cho rằng Thượng Đế, chứ không phải giáo hội, có thể tha thứ cho tội lỗi của con người. Chủ thuyết Lutheran làm lung lay sự thống trị của Thiên Chúa giáo ở Châu Âu và mở đường cho sự phát triển của giáo hội Tin Lành.
Lữ đoàn	Đơn vị tương đương cấp trung đoàn nhưng không nằm trong sư đoàn. Các Lữ đoàn Cảnh vệ thường nằm dưới sự điều động trực tiếp của triều đình.
Maria	Maria Ilyinichna Miloslavskaya (1626-1669), Hoàng hậu, vợ đầu của Sa hoàng Aleksei, sinh ra Sa hoàng Fyodor III, Sa hoàng Ivan V và Phụ chính Sofia.

Marlborough	Quận công thứ Nhất John Churchill Marlborough (1650-1722), đại tướng Anh, được xem là một trong những nhà chỉ huy quân sự tài ba nhất trong lịch sử Châu Âu. Năm 1702, được cử làm Tổng Tư lệnh liên quân Anh-Hà Lan trong Chiến tranh Kế vị Tây Ban Nha.
Mary Stuart Mary (1631-1660)	Con gái lớn của Vua Charles I của Anh, vợ của Hoàng thân William của Công quốc Orange, mẹ của Vua William III của Anh, Scotland và Ireland.
Mary II (1662-1694)	Nữ hoàng (1689-1694) của ba nước Anh, Scotland và Ireland, trị vì cùng với chồng là Vua William III.
Matveyev[22] Andrei Artamonovich Matveyev (1666-1728)	Con trai của Artamon Sergeyevich Matveyev, bá tước, đại sứ Nga tại Hà Lan (1699-1712) và Đế quốc La Mã Thần Thánh (1712-1715), cũng được cử làm đặc sứ đi Pháp và Anh, thành viên Hội đồng Cơ mật (1716), Thượng Nghị sĩ và Bộ trưởng Tư pháp (1719).
Matveyev	Boyar Artamon Sergeyevich Matveyev (1625-1682), cha nuôi của Natalia Naryshkina, Thủ tướng dưới triều Sa hoàng Aleksei, bị giết trong vụ nổi loạn của Cấm vệ năm 1682.
Mazeppa	Ivan Stepanovich Mazeppa (1644-1709), Thủ lĩnh bộ tộc Cossack Ukraina (1702), bất mãn với Pyotr vì cho rằng binh sĩ Cossack bị bắt vào quân đội Nga, chịu sự chỉ huy và ngược đãi của tướng lĩnh Nga trong khi Nga không tuân thủ hiệp ước với Cossack là sẽ bảo vệ Cossack, vì thế hợp tác với Karl XII và mất chức Thủ

	lĩnh (1708). Sau này, Mazeppa được Ukraina xem là nhân vật anh hùng trong lịch sử của nước này.
Mecklenburg	Công quốc nằm kế Pomerania, phía bắc là Biển Baltic, phía nam là Brandenburg, hiện thuộc tỉnh Mecklenburg-Vorpommern của Đức.
Medvedev	Sylvester Medvedev (tên họ thế tục là Simeon Agafonnikovich Medvedev, 1641-1691), giáo sĩ và nhà thần học, cận thần đắc lực của Phụ chính Sofia.
Menshikov	Aleksandr Danilovich Menshikov (1673-1729), cận thần thân tín của Pyotr Đại đế, Đại Nguyên soái (1727), Thống đốc các tỉnh Karelia, Ingria và Estonia (1703), Bá tước của Hungary (1703), Thống đốc Sankt-Peterburg (1705), Hoàng thân của Đế quốc La Mã Thần thánh (1705), Hoàng thân Xứ Izhora (1707) của Nga, Quận công của Nga, Hiệp sĩ Huân chương Sankt-Andrei, Thượng Nghị sĩ Thứ Nhát, ủy viên Hội đồng Cơ mật Tối cao (1726), nhưng cuối cùng mất hết tước vị, tài sản và huân chương. Xem thêm Chương 28.
Miloslavsky	Ivan Mikhailovich Miloslavsky (7-1685), cậu của Fyodor va Sofia, thủ tướng khi Fyodor lên ngôi Sa hoàng, cố vấn cho Phụ chính Sofia.
Moldavia	Công quốc chư hầu của Ottoman, ở phía tây Biển Đen. Nước Moldova (gọi theo tiêng Romania) hiện nay chiếm phần lớn công quốc này.
Mông Cổ	Vào thế kỷ 12, Hãn vương Bạt Đô (Anh ngữ: *Batu Khan*), cháu nội của Thành Cát Tư Hãn, đánh phá nhiều

vùng ở Châu Âu từ Nga cho đến Ba Lan, Hungary, Đức, thung lũng Sông Danube…, rồi lập nên một đế quốc rộng lớn mà sử Hoa văn gọi là Hãn quốc Kim Trướng (Anh ngữ: Empire of the Golden Horde). Kim Trướng hoặc Golden Horde có nghĩa là "lều màu vàng", tên bắt nguồn từ việc người Châu Âu có ấn tượng mạnh với lều trại màu vàng của đội quân Mông Cổ dựng lên san sát nhau dọc dài bờ sông mà họ đứng bên này sông nhìn sang. Năm 1241, các đạo quân của Bạt Đô đã tiến đến gần bờ biển Adriatic, chuẩn bị tiến công tiếp Tây Âu. Bị chia rẽ và có tiềm năng quân sự yếu đuối, Tây Âu chấp nhận đợi bị nuốt chửng. Nhưng may mắn cho họ, Bạt Đô bất ngờ nhận tin người chú Đại hãn Oa Khoát Đài (Anh ngữ: *Ogodei*), con thứ ba của Thành Cát Tư Hãn, vừa từ trần, nên ra lệnh rút quân về miền Nam nước Nga để tham dự đại hội lập Đại hãn mới. Từ lúc ấy, quân Mông Cổ không còn trở lại với lực lượng hùng mạnh nữa, nhưng Hãn quốc Kim Trướng vẫn kiểm soát miền Nam nước Nga trong gần bốn thế kỷ cho đến cuối thế kỷ 15. Đầu thập kỷ 1400, Hãn quốc Kim Trướng được phân ra làm 4 hãn quốc nhỏ: Kazan, Astrakhan, Sibir (Siberia), và Crimea. Trong thập kỷ 1500, Sa hoàng Ivan IV tiêu diệt 3 hãn quốc đầu, riêng Hãn quốc Crimea đến năm 1783 mới bị sáp nhập vào Nga.

Munnich	Burkhard Christopher von Munnich (1683-1767), kỹ sư gốc Đức, dưới thời Pyotr Đại đế làm tổng chỉ huy công trình đào Kênh Ladoga và được phong Bá tước, dưới thời Nữ Hoàng đế Anna là Nguyên soái Tổng Tham mưu trưởng quân đội (1732).
Mười điều Giáo lệnh	Theo Thánh Kinh là do Đức Chúa trời truyền cho Moses trên Núi Sinai, được ghi trên hai tảng đá, khi Moses dẫn dắt người Do Thái rời khỏi Ai Cập đi đến miền Đất Hứa ở Palestine (khoảng thế kỷ 13 TCN). Mười điều Giáo lệnh sau đó trở thành cơ sở cho luật pháp của Do Thái giáo.
Mười hai Bàng Luật	Bộ luật cổ nhất của La Mã, được chính thức ban hành bởi 10 thẩm phán trong thời gian 451-450 TCN, được ghi trên bảng làm bằng đồng hoặc gỗ, bao gồm tất cả lĩnh vực của luật pháp kèm quy định chế tài. Bộ luật này được tu chính nhiều lần nhưng vẫn giữ hiệu lực trong gần 1.000 năm.
Na Uy	Dưới thời Pyotr Đại đế là một tỉnh của Đan Mạch.
Narva	Sông chảy từ Hồ Peipus đến Thị trấn pháo đài Narva rồi chảy ra Vịnh Phần Lan.
Narva	Thị trấn pháo đài nằm trong Estonia, bên bờ nam của Sông Narva. Hiện giờ, Narva thuộc về nước Estonia.
Naryshkin	Ivan Kyrillovich Naryshkin (7-1682), boyar, em trai của Hoàng hậu Natalia Naryshkina, bị giết trong cuộc nổi loạn của Cấm vệ năm 1682.

Naryshkin	Kyril Poliyevktovich Naryshkin (1623-1691), cha của Hoàng hậu Natalia Naryshkina, tức ông ngoại của Pyotr Đại đế.
Naryshkin	Lev Kyrillovich Naryshkin (1664-1705), anh của Hoàng hậu Natalia Naryshkina, sau khi Sofia bị lật đổ làm Bộ trưởng Ngoại giao nhưng có quyền hành như một thủ tướng, một trong ba Phụ chính khi Pyotr Đại đế đi Tây Âu.
Natalia	Natalia Alekseyevna (1673-1716), em gái của Pyotr Đại đế (được đặt tên theo tên mẹ).
Natalia	Natalia Kirillovna Naryshkina (1651-1694), Hoàng hậu, vợ Sa hoàng Aleksei, mẹ của Pyotr Đại đế.
Neva	Sông chảy từ Hồ Ladoga ở Shlisselburg đổ ra Vịnh Phần Lan, là ranh giới của hai tỉnh Karelia phía bắc và Ingria phía nam. Cửa sông Neva là nơi xây thành phố Sankt-Peterburg.
Newton	Sir Isaac Newton (1642-1727), người Anh, nhà vật lý, thiên văn học, toán học và triết gia tự nhiên, Giám đốc Sở Đúc tiền Anh quốc, Chủ tịch Hội Hoàng gia, được xem là một trong những nhà khoa học quan trọng nhất mọi thời đại.
Nöteborg	Xem Shlisselburg.
Novgorod	Tỉnh của Nga, phía nam của Tỉnh Ingria; là một trong những tỉnh biên phòng quan trọng trong giai đoạn đầu của triều đại Pyotr Đại đế và là trung tâm thương mại sầm uất. Vị thế này suy giảm sau khi Pyotr dựng nên

	Sankt-Peterburg. Thị trấn Novgorod qua tỉnh này nằm gần cực nam của Hồ Ilmen. Những đền đài lịch sử ở Novgorod đã được công nhận là Di sản Văn hóa Thế giới.
Nước Nga cũ (Anh ngữ *Muscovy*[23] sử Hoa văn là "Nga La Tư"	Tên thông dụng của Công quốc Móskva khởi đầu là vùng đất xung quanh Moskva, dần dần được mở rộng, nhất là trong hai thế kỷ 14-15, nhưng là chư hầu của Hãn quốc Kim Trướng, nên phải nộp triều cống. Trong giai đoạn này, người trị vì nước Nga mang tước hiệu Đại Vương công của Moskva (Anh ngữ: *Grand Prince of Moskva*). Trong triều đại của Ivan IV, Muscovy thoát khỏi sự kiểm soát của Mông cổ. Bắt đầu từ năm 1480, nước Nga không còn nộp triều cống cho Mông Cổ nữa. Đến năm 1721, Pyotr Đại đế chính thức gọi tên nước là Đế quốc Nga.
Odra hoặc Oder	Sông dài 912 kilômét ở miền trung-bắc Châu Âu, chảy qua Tiệp Khắc và Ba Lan hiện nay, nối với Sông Elbe qua một con kênh rồi chảy ra Biển Baltic, một đoạn hạ lưu là ranh giới giữa hai nước Đức và Ba Lan hiện nay.
Osterman	Andrei Ivanovich Osterman (1686-1747), Nam tước, người gốc Đức, khởi đầu làm thông dịch cho Pyotr Đại đế, rồi tham gia đàm phán Hòa ước Nystad (1721), ủy viên Hội đồng Cơ mật Tối cao (1726); dưới triều Pyotr II là người duy nhất nắm chính sách ngoại giao của Nga.

Ottoman	Đế quốc tồn tại từ 1299 đến 1923, vào thời Pyotr do người Thổ theo đạo Hồi trị vì, lấy Constantinople làm thủ đô. Vì thế trong sách này các từ "Thổ" và "Constantinople" được dùng để chỉ Ottoman. Xem thêm Chương 40.
Patkul	Johann Reinhold von Patkul (1660-1707), nhà quý tộc Livonia, vì Livonia bị Thụy Điển chiếm mà không trao quyền hành cho giới quý tộc Lavonia nên ông luôn nỗ lực để giành lại quyền hành này, từ đó khơi dậy Đại chiến Bắc Âu.
Peipus	Hồ ở Estonia, xả nước ra Sông Narva, nằm giữa biên giới hai nước Estonia và Nga hiện nay.
Penn	William Perm (1644-1718), nhà lãnh đạo giáo phái Quaker ở Anh, người lập nên một quần cư tín đồ Quaker ở Bang Pennsylvania, Hoa Kỳ. Vào năm 1681, triều đình cấp cho ông một nhượng địa ở Mỹ để bù cho món nợ họ thiếu cha ông. Ông đi đến Mỹ năm 1682, lập quy hoạch và đặt tên cho Thành phố Philadelphia, rồi cai quản nhượng địa của mình một cách khôn khéo.
Peterhof (Nga văn…, có nghĩa: biệt thự của Pyotr	Tên khu cung điện và vườn hoa xây riêng cho Pyotr ở Sankt-Peterburg, nhìn ra Vịnh Phần Lan, cách trung tâm Sankt-Peterburg khoảng 20 kilômét về phía tây và cách Đảo Kotlin khoảng 12 kilômét về phía nam. Có khu nhà thủy tạ tên Mon Plaisir (có nghĩa: niềm vui của tôi), được công nhận là Di sản Văn hóa Thế giới.

Pháo đài Petropavlovsk (Nga văn:…)	Được đặt tên theo hai vị thánh Pyotr và Pavel (Anh ngữ: Peter và Paul), gồm một số công trình như Thánh đường Pyotr và Pavel (nơi các Sa hoàng Nga an nghỉ), xưởng đúc tiền, lô cốt Trubetskoy, hầm mộ, bảo tàng thành phố nhà giam nơi giam giữ tù nhân quan trọng…
Phần Lan	Dưới thời Pyotr Đại đế là một công quốc của Thụy Điển.
Phép thánh Cuối cùng	Nghi lễ dành cho người theo Chính Thống giáo, Dòng Tên… sắp chết, tương tự như Phép Xức dầu Thánh trong Thiên Chúa giáo. Bản thân Pyotr Đại đế nhận Phép thánh Cuối cùng nhiều lần trong đời: lúc đi trên Biển Trắng, vài lần lúc bệnh trở nặng rồi thuyên giảm và trở nặng lại trước khi qua đời.
Phong trào cải cách (Anh ngữ *Reformation*)	Cuộc cách mạng tôn giáo trong giáo hội Cơ Đốc ở Tây Âu vào thế kỷ 16, chấm dứt quyền năng tối thượng của giáo hoàng và khởi đầu cho các hội thánh Tin Lành. Phong trào này thay đổi toàn diện lối sống thời trung cổ ở Tây Âu, mở đầu một kỷ nguyên mới trong lịch sử hiện đại, kết quả là quyền lực và tài sản của giới quý tộc phong kiến và giáo hội Thiên chúa La Mã suy giảm, được chuyên qua các thành phần trung lưu và vương quyền. Nhiều lãnh thổ giành được độc lập về chính trị, tôn giáo và văn hóa. Cùng lúc, việc xóa bỏ hệ thống phong kiến giúp tháo gỡ những trói buộc về thương mại do giáo điều truyền thống đặt ra, mở đường cho sự phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại.

Phổ (Anh ngữ *Prussia*)	Vùng đất từ Litva đến Ba Lan và phần lớn nước Đức hiện nay, thủ phủ là Berlin. Xem thêm Chương 43.
Pomerania	Vùng đất nằm giữa hai con sông Wistla và Prosnica, phía bắc Berlin, vào thời của Pyotr được chia ra cho Brandenburg và Thụy Điển, hiện nay thuộc nước Đức.
Poniatowski	Stanislaus Poniatowski (1676-1762), Bá tước, nhà quý tộc Ba Lan do Vua Stanislaus phái đi theo Karl XII xâm lăng Nga rồi theo Karl đến trú thân ở Ottoman.
Praskovaya	Praskovaya Fyodorovna Saltykova (1677-1723), Hoàng hậu, vợ của Sa hoàng Ivan V, tức chị dâu của Pyotr Đại đế.
Preobrazhenskoe hoặc Preobrazhensky	Ngôi làng cách Moskva khoảng 5 kilômét, với biệt thự nghỉ mát mùa hè cho Sa hoàng. Từ một đội quân nhỏ trong trò chơi chiến tranh ở đây, Pyotr lập nên Lữ đoàn Preobrazhenskoe thuộc lực lượng Cảnh vệ.
Pripet hoặc Pripyat	Vùng đầm lầy pha rừng ngập nước, rộng gần 300 kilômét vuông, thuộc lưu vực Sông Pripet rộng 100.000 kilômét vuông, hiện nay nằm giữa Belarus về phía bắc và Ukraina về phía nam.
Prokopovich Feofan Prokopovich (1681-1736)	Giám mục địa phận Pskov (1718), Tổng Giám mục địa phận Novgorod (1724), ủng hộ chương trình cải cách giáo hội Chính thống của Pyotr Đại đế.
Pskov	Tỉnh của Nga, phía tây giáp với Estonia và Latvia, phía đông giáp với Tỉnh Novgorod; được xem là một trong những tỉnh biên phòng quan trọng trong giai đoạn đầu

của triều đại Pyotr Đại đế. Thị trấn Pskov của tỉnh này nằm gần cực nam của Hồ Peipus.

Pushkin Aleksandr Sergeyevich Pushkin (1799-1837), nhà thơ Nga, được xem là người tạo dựng nền văn học tiếng Nga qua thơ văn, kịch nghệ, tiểu thuyết và truyện ngắn đầy anh hùng tính. Các tác phẩm về Pyotr Đại đế là hai trường ca *Pultowa* (1828) và *Kỵ sĩ bằng đồng* (1833).

Pyotr Pyotr Mikhailov, tên giả mà Pyotr sử dụng khi giấu tung tích trong chuyến đi Tây Âu và sau đấy khi lái tàu ra Biển Azov.

Pyotr II Alekseyevich (1715-1730), Hoàng đế Nga (1727-1730), con của Hoàng Thái tử Aleksei và Charlotte, cháu nội của Pyotr Đại đế.

Pyotr III Fyodorovich (1728-1762), Hoàng đế Nga (1762), con của Karl Friedrich và Công chúa Anna (con gái của Pyotr Đại đế). Vì lẽ ông nội Friedrich IV là anh rể của Karl XII, nên từ Pyotr III trở đi vương triều Nga mang một phần dòng máu của kẻ thù cũ Karl XII của Pyotr Đại đế.

Pyotr Đại đế Pyotr Alekseyevich Romanov, tức Pyotr I (1672-1725), con của Sa hoàng Aleksei. Vợ đầu là Evdokia Feodorovna Lopukhina, có con trai là Hoàng Thái tử Aleksei, cháu nội là Hoàng đế Pyotr II. Vợ kế là Ekaterina, có con gái út là Nữ Hoàng đế Elizaveta I. Đăng quang Sa hoàng Pyotr I năm 1682, được Thượng viện trao tước vị Pyotr Đại đế và Hoàng đế năm 1721.

	Nhận chức vụ hạm trưởng năm 1694, quân hàm đại tá hải quân năm 1696, trung tướng và chuẩn đô đốc năm 1709, phó đô đốc năm 1714, đô đốc năm 1721.
Quân hàm	Quân hàm sĩ quan tựu trung là 3 cấp thiếu, trung và đại cho mỗi cấp úy, tá và tướng, trên cấp tướng bộ binh có nguyên soái và đại nguyên soái; riêng các cấp tướng hải quân được dịch theo thuật ngữ Việt Nam là chuẩn đô đốc, phó đô đốc và đô đốc - nhưng có sự khác biệt: đô đốc tương đương với đại tướng.
Rehnskiöld[24]	Carl Gustav Rehnskiöld (1651-1722), Nguyên soái và Bá tước Thụy Điển, Tư lệnh Kỵ binh trong đoàn quân xâm lấn Nga, bị bắt trong Trận Pultowa.
Repnin	Nikita Ivanovich Repnin (1668-1726), Hoàng thân, thường giữ chức sư đoàn trưởng trong Đại chiến Bắc Âu, Tổng trấn Riga (1710), Thống đốc Livland (1719-1726), Bộ trưởng Chiến tranh (1724), được Ekaterina I thăng Nguyên soái (1725).
Reval	Thủ phủ của Tỉnh Estonia, bị Pyotr Đại đế chiếm rồi dùng làm căn cứ Hạm đội Baltic của Nga, hiện nay là thủ đô Tallinn của nước Estonia. Khu vực phố cổ của Tallinn đã được công nhận là Di sản Văn hóa Thế giới.
Riga	Thủ phủ của Tỉnh Livonia, nằm bên cửa Sông Dvina Bắc, hiện nay là thủ đô của nước Latvia. Trung tâm lịch sử của Riga đã được công nhận là Di sản Văn hóa Thế giới.

Romanov Dòng họ trị vì nước Nga từ năm 1613 cho đến Cách mạng Nga năm 1917, khởi đầu là Mikhail Feodorovich. Cha của Pyotr Đại đế, Aleksei I, là người thứ hai trong dòng họ trị vì, người anh cùng cha khác mẹ Fyodor III của Pyotr Đại đế là người thứ ba, kế đến là Pyotr Đại đế.

Romodanovsky Fyodor Yuriyevich (1640-1717), bạn chơi đùa và ăn nhậu của Pyotr Đại đế; thủ lĩnh "Đám Quậy", Thống đốc Moskva, thay mặt Pyotr đế điều hành việc nước khi Pyotr đi vắng, thường đóng vai trò Sa hoàng giả.

Ronne Carl Evald Ronne, tướng kỵ binh Đức được quân đội Nga thuê.

Rostov Thành phố cách Moskva khoảng 200 kilômét về hướng đông bắc.

Rumyantsov Aleksandr Ivanovich Rumyantsov (1680-1749), năm 1716 lúc còn là Đại úy Cảnh vệ và tùy viên của Pyotr, được phái đi bắt Hoàng Thái tử Aleksei đang bỏ trốn. Cưới Nữ Bá tước Maria Matveyeva, con của Bá tước Andrei Matveyev, được phong bá tước dưới triều Nữ Hoàng đế Ekaterina I.

Ryswick Tên một làng vùng ngoại ô The Hague, Hà Lan, nơi đàm phán và ký kết Hòa ước Ryswick năm 1697, giữa một bên là Pháp của Louis XIV, bên kia là Anh, Tây Ban Nha, Hà Lan và Đế quốc La Mã Thần thánh, nhằm chấm dứt chiến tranh, công nhận Vua William III của Anh.

Ruysch	Frederik Ruysch (1638-1731), nhà thực vật học và giải phẫu học người Hà Lan, chuyên viên giám định y khoa cho các tòa án ở Amsterdam, được phong hàm giáo sư thực vật học ở Vườn Bách thảo Amsterdam. Ông nổi tiếng toàn Châu Âu lúc sinh thời nhờ việc tạo nên những hình mẫu 3 chiều của cơ thể con người. Khi Pyotr Đại đế viếng thăm ông lần thứ nhất vào năm 1697, ông chỉ cho Pyotr cách bắt bướm và bảo quản mẫu bướm. Khi Pyotr Đại đế viếng thăm ông lần thứ hai vào nam 1717, ông bán cho Pyotr các loại hóa chất bí mật mà ông dùng để bảo quản xác người và mẫu động vật. Nhiều mẫu vật của ông còn được bảo tồn cho đến ngày nay.
Sa hoàng (Nga văn…; Anh văn *: Czar hoặc Tzar*)	Biến thể từ tước hiệu *caesar* của đế chế La Mã, thể hiện ý niệm Sa hoàng là người trị vì thay mặt cho Thượng Đế. Tước hiệu này đã được dùng cho người đứng đầu Đế quốc Bulgaria từ thế kỷ 10 và ở Serbia giữa thế kỷ 14. Năm 1547, Ivan IV là người đầu tiên chính thức xưng tước hiệu Sa hoàng của nước Nga.
Sankt-Peterburg	Nga văn:…, nằm trong vùng châu thổ Sông Neva, ở đầu đông của Vịnh Phần Lan bên bờ Biển Baltic, được gọi với tên thân thương là Piter (Nga văn:…). Trung tâm thành phố được công nhận là Di sản Văn hóa Thế giới.
Savoy	Một công quốc do công tước trị vì, nằm giữa nước Pháp và Ý hiện nay.

Saxony	Một công quốc lớn do Tuyển hầu tước cai trị (Electorate) ở tây- bắc Châu Âu, chủ yếu là của người Đức gốc Saxon, có thủ phủ là Dresden. Vùng trung-đông nước Đức thống nhất hiện nay có Bang Saxony, tương ứng gần đúng với Công quốc Saxony ngày trước.
Semyonovsky	Ngôi làng gần làng Preobrazhenskoe. Từ đội quân thứ hai trong trò chơi chiến tranh, Pyotr Đại đế lập nên Lữ đoàn Semyonovsky thuộc lực lượng Cảnh vệ.
Shafirov	Pyotr Pavlovich Shafirov (1670-1739), Thứ trưởng Ngoại giao, Bá tước đầu tiên của Nga, Hiệp sĩ Huân chương Sankt-Andrei, bị kết án tử hình rồi được giảm còn án đi đày (1723), được ân xá khi Pyotr Đại đế qua đời (1725).
Shaklovity	Fyodor Leontievich Shaklovity (7-1689), Tư lệnh cấm vệ dưới chế độ Phụ chính của Sofia.
Shein	Aleksei Semyonovich Shein (1662-1700), người đầu tiên mang quân hàm cao nhất của Nga là Đại Nguyên soái (sau chiến dịch Azov 1696), cũng có tước hiệu boyar, một thời giữ chức vụ Tổng Tham mưu trưởng quân đội.
Sheremetyev[25]	Boris Petrovich Sheremetyev (1652-1719), Tổng Tham mưu trưởng quân đội sau Shein, Nguyên soái (1701), boyar, Bá tước (1706), Hiệp sĩ Huân chương Sankt-Andrei.
Shlisselburg[26]	Pháo đài có tên cũ Nöteborg khi còn thuộc Thụy Điển, nằm nơi Hồ Ladoga chảy vào Sông Neva. Năm 1702,

	Pyotr Đại đế đánh chiếm pháo đài này rồi đổi tên là Shlisselburg (tên Nga: …, có nghĩa Pháo đài Chìa khóa), trong giai đoạn 1944-1992 mang tên Petrokreport.
Silesia	Vùng đất nằm dọc trung lưu và thượng lưu Sông Odra và dãy núi Sudetes, kế cận Saxony và Brandenburg, có thành phố lớn nhất là Wroclaw. Vào thời của Pyotr Đại đế, Silesia ở dưới quyền cai trị của Đế quốc La Mã Thần thánh. Hiện nằm ở miền tây nam Ba Lan.
Smolensk	Thành phố ở vùng trung-tây nước Nga, nằm bên bờ Sông Dniepr (gần biên giới Nga-Belarus hiện nay), là giao điểm của các tuyến đường quan trọng, và được xem là thành trì che chắn Moskva.
Sobieski	Jan III Sobieski (1624-1696), Vua của Ba Lan (1674-1696), được xem là vị vua tài giỏi cuối cùng của Ba Lan, đẩy lui quan Ottoman đang công hãm Thành phố Wien (1683).
Sofia	Sofia Alekseyevna Romanova (1657-1704), Công chúa, chị ruột của Sa hoàng Fyodor III và Sa hoàng Ivan V, chị cùng cha khác mẹ của Pyotr, làm Phụ chính (1682-1689) trị vì thay mặt cho hai đồng-Sa hoàng Ivan V và Pyotr.
Solon (638?-559? TCN)	Chính khách và nhà làm luật của thành Athens, Hy Lạp cổ, có công cải tổ xã hội, tài chính, thương mại, nông nghiệp…, được xem là cha đẻ của nền dân chủ Athens

	vì giảm bớt sự áp chế nô lệ và nông dân không ruộng đất.
Stanislaus	Leszczynski Stanislaus (1677-1766), được Karl XII đưa lên làm Vua Ba Lan (1704-1709), năm 1733 được bầu lại làm Vua Ba Lan nhưng lại thoái vị năm 1736.
Stettin	Thành phố cảng phía bắc Ba Lan, thông ra Biển Baltic, vào thời của Pyotr Đại đế thuộc Thụy Điển, sau Đại chiến Bắc Âu được giao cho Phổ.
Stralsund	Thành phố cảng ở miền đông bắc Đức bây giờ, dưới thời Pyotr Đại đế thuộc về Thụy Điển.
Streshnev	Tikhon Nikitich Streshnev (1649-1719), người giám hộ cho Pyotr, boyar (1688), Thống đốc Moskva (1690), Thượng nghị sĩ (1711).
Taganrog	Cảng hải quân đầu tiên của Nga, trên bờ Biển Azov, được xây dựng ngay sau khi Pyotr chiếm được Thị trấn pháo đài Azov.
Tatar	Tên gọi chung các bộ tộc sống ở các miền trung và nam nước Nga, Ukraina, Đế quốc Bulgaria…, phần lớn theo đạo Hồi. Vào thế kỷ 13, tổ tiên của các bộ tộc này hợp tác với quân Mông Cổ thuộc quyền chỉ huy của Bạt Đô (xem Mông Cổ). Không giống Mông Cổ, ngôn ngữ của Tatar thuộc một nhánh của tiếng Thổ Nhĩ Kỳ. Vì người Tatar cai trị Crimea, trong sách này hai từ "Tatar" và "Crimea" là một.
Tàu chiến	Trong sách này, chỉ chung các loại tàu của hải quân được trang bị để chiến đấu trên mặt nước, kể cả tàu khu

	trục và chiến hạm.
Tàu khu trục	Vào thế kỷ 17 là loại tàu chiến nhẹ, đi nhanh, thường có 3 cột buồm và ít hơn 40 đại bác, có thể xoay trở tốt trong vùng nước chật hẹp. Thường làm nhiệm vụ trinh sát, hộ vệ tàu buôn bạn, tấn công tàu buôn địch, hoặc vận tải hàng hậu cần… Trong hải chiến, tàu khu trục không đủ hỏa lực đế chiến đấu ở tuyến đầu của hạm đội, mà thường làm nhiệm vụ yểm trợ hạm đội. Nếu gọi là tàu khu trục nhẹ thì số đại bác thường ít hơn 20; Pyotr Đại đế khởi đầu với loại tàu này trong việc gây dựng hải quân viễn dương của Nga. Lớn hơn tàu khu trục là chiến hạm.
Thanh giáo (Anh ngữ *Puritanism*)	Xuất phát từ giáo hội Anh và chịu ảnh hưởng của chủ thuyết Calvin, vào giữa thế kỷ 16 vì có đầu óc muốn cải tổ mà tín đồ giáo phái này muốn "thanh lọc" (purify) giáo hội Anh, nên bị triều đình Anh đàn áp. Cốt lõi của Thanh giáo là hành xử theo đạo đức trong các mối liên hệ gia đình và xã hội, cùng một hệ thống quyền lực tuân thủ chặt chẽ những giáo lệnh của Thượng Đế. Cuộc đời của tín đổ Thanh giáo gắn với kỷ luật tự giác và việc tự mỗi người phán xét lấy chính mình. Thanh giáo cũng cổ vũ mạnh mẽ cho sự lao động cần cù và theo đuổi giáo dục. Nói chung, Thanh giáo không dung thứ quan niệm và lối sống có tính chống đối những thói lề áp đặt chung cho cả cộng đồng.

Thổ Chỉ chung nhiều sắc tộc có ngôn ngữ thuộc hệ thống Thổ Nhĩ Kỳ, không phải là nước Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ được thành lập sau này (xem Ottoman). Một trong những sắc tộc Thổ là Crimean Tatar cai trị Hãn quốc Crimea, và một số sắc tộc Thổ khác trị vì Đế quốc Ottoman. Vì thế trong sách này, khi đề cập đến Ottoman hoặc Crimea, tác giả thường viết gọn là Thổ.

Thuyền buồm Thật ra, vào thời của Pyotr Đại đế nhiều loại tàu thuyền khác đều có buồm. Từ "thuyền buồm" để chỉ loại thuyền nhẹ, có nhiều tiện nghi ăn ngủ, thường dùng để chở vua chúa đi giải trí, thị sát, đi đường xa… Khi được trang bị đại bác để tự vệ, thuyền buồm thời này không khác tàu khu trục nhỏ là bao.

Thuyền galê (Anh ngữ *galley*) Loại thuyền chủ yếu di chuyển do sức người chèo dọc hai bên lườn, cũng thường có buồm nhưng là chức năng thứ yếu. Thuyền galê có nhiều kiểu và kích thước khác nhau. Loại thuyền galê nhỏ không lớn hơn thuyền đi trên sông rạch của ta; loại lớn có thể vượt đại dương. Xem thêm Chương 44.

Thụy Điển Trước Đại chiến Bắc Âu là một đế quốc rộng lớn, ngoài phần chính quốc như hiện nay còn bao gồm Phần Lan và Karelia, Estonia, Ingria, Livonia, Pomerania, các cảng biển Stettin, Stralsund và Wismar dọc bờ biển của Bắc Đức, hai công quốc của giáo khu giám mục Bremen va Verden, cùng phần lớn các hòn đảo trên Biển Baltic.

Tín đồ Cựu giáo Vào thập kỷ 1650, Giáo chủ Nikon khởi xướng cuộc cải tổ trong giới tăng lữ, gây nên tình trạng phân hóa trong Giáo hội Chính thống ở Nga được gọi là sự ly giáo. Một số giáo dân chống đối cải tổ được gọi là "Tín đồ Cựu giáo" thuộc nhánh "Cựu giáo", thành lập nên những thể chế theo đường hướng xưa cũ của họ. Xem thêm Chương 5.

Tolstoy Pyotr Andreyevich Tolstoy (1645-1729), nhà ngoại giao nhiều mưu lược, một thời là Đại sứ Nga tại Đế quốc Ottoman, Thượng nghị sĩ (1714), Bá tước (1724), ủy viên Hội đồng Cơ mật Tối cao (1726), tổ tiên của nhà văn Lev Tolstoy.

Tổng đốc Hà Lan (Anh ngữ *stadholder*); nhân vật lãnh đạo trong thế kỷ 15-18 ở vùng đất hiện nay thuộc Hà Lan và Đan Mạch. Khởi đầu, họ là nhà quý tộc được cử trị vì mỗi tỉnh, nắm cả quyền hành chính lẫn chỉ huy quân đội, tương đương với tổng đốc của ta thời phong kiến. Tất cả *stadholder* ở dưới quyền một công tước của công quốc. Vào thế kỷ 16, các tỉnh giành độc lập từ Tây Ban Nha và lập nên nước Cộng hòa Hà Lan, các *stadholder* tập hợp thành một hội đồng gọi là *House of Orange*. Người đứng đầu hội đồng này được gọi là Hoàng thân Công quốc Orange, thực tế giống như là vua của Hà Lan.

Trận Golovchina Trận đánh ngày 03/7/1708, khi Karl XII dẫn quân Thụy Điển đánh qua một đầm lầy ở khoảng giữa hai đội hình quân Nga, khiến quân Nga phải rút lui nhưng trong trật

	tự. Đây là cuộc giao tranh thật sự đầu tiên giữa quân Nga và quân Thụy Điển kể từ khi Karl bắt đầu xâm lăng nước Nga.
Trận Hangö	Trận hải chiến giữa Nga và Thụy Điển ngày 6/8/1714, là chiến thắng đầu tiên của hải quân Nga, có tầm quan trọng ngang với Trận Pultowa.
Trận Lesnaya	Trận đánh ngày 28/9/1708, khi Pyotr dẫn quân chặn đánh đoàn xe goòng hậu cần và quân tăng viện của Thụy Điển ở làng Lesnaya (hiện nay là Thành phố Lisna của nước Belarus). Pyotr gọi chiến thắng này là "Bà Mẹ của Trận Pultowa".
Trận Narva	Trận đánh ngày 20/11/1700 khi Vua Thụy Điển Karl XII dẫn 10.000 quân tấn công 40.000 quân Nga đang bao vây thị trấn pháo đài Narva lúc này đang còn trong tay Thụy Điển. Bên Nga bị đại bại.
Trận Pultowa[27]	Trận đánh ngày 28/6/1709 giữa hai đoàn quân chủ lực của Nga va Thụy Điển. Bên Thụy Điển bị đại bại. Trận Pultowa là bước ngoặt quan trọng đánh dấu sự vươn mình của Nga và khởi đầu cho sự suy yếu của Thụy Điển. Xem Chương 37.
Trubetskoy	Ivan Yurievich (1667-1750), Nguyên soái Nga, Tổng trấn Novgorod, được cho là "Boyar cuối cùng".
Tu viện New Jerusalem (tên Nga:…)	Tu viện do Giáo chủ Nikon xây lên năm 1656 tại Thị trấn Istra, Thành phố Moskva.

Tu viện Troitsky, cũng có tên là Troitsky-Sergeeva (tên Nga:…)	Tu viện Chúa Ba ngôi nằm ở Thị trấn Sergiyev Posad, cách Moskva 90 kilômét về hướng đông bắc trên đường đi đến Yaroslavl, được xây năm 1345, được xem là một trong những tu viện có ý nghĩa lịch sử và tâm linh quan trọng nhất của Nga, hiện nay mang tên Zagorsk.
Tuyển hầu tước (Anh ngữ *Elector*)	Tước hiệu của 7 hoàng thân gốc Đức (thêm 3 tổng giám mục) có đặc quyền bầu lên Hoàng đế của Đế quốc La Mã Thần thánh. Mỗi Tuyển hầu tước trị vì một vùng đất gọi là Electorate, là công quốc mạnh.
Ukraintsev	Emilian Ignatievich Ukraintsev (1641-1708), Bộ trưởng Ngoại giao (1689-1699), đặc sứ của Sa hoàng đến Ottoman để đàm phán và ký hiệp ước đình chiến, đi trên chiến hạm của Nga lần đầu tiên hải hành trên Biển Đen (1699), sau đấy được cử làm Đại sứ Nga tại Ottoman (1700-1706).
Ulrika	Ulrika Eleonora (1688-1741), mang tên theo tên mẹ, Nữ hoàng Thụy Điển (1718-1720) kế vị Karl XII, sau đấy nhường ngôi cho chồng là Vua Friedrich I.
Vật liệu lấp hào	Vào thời của Pyotr, thường là những khúc gỗ buộc thành từng bó mà binh sĩ bên tấn công mang theo, đi đầu để ném dưới chiến hào của quân địch, dần dần lấp đầy con hào để quân tấn công theo sau vượt qua.
Verden	Xem Bremen.
Veselovsky	Abraham Pavlovich Veselovsky (1683-1780), đại sứ Nga ở Wien lúc Hoàng Thái tử Aleksei bỏ trốn.

Viện Hàn lâm Khoa học Nga (Nga văn:…) Do Pyotr Đại đế thành lập ở Sankt-Peterburg ngày 22/1/1724. Nhờ chính sách trọng dụng nhân tài của Pyotr, trong thời gian đầu Viện quy tụ những nhà khoa học hàng đầu thế giới như hai nhà toán học Leonard Euler (nổi tiếng nhờ tìm ra những công thức và hằng số toán học mang tên ông) và Christian Goldbach (tác giả định đề Goldbach), Nicholas Bernoulli và Daniel Bernoulli (hai người con của Johann Bernoulli), Caspar Friedrich Wolff (một trong những nhà sáng lập môn phôi thai học), Karl Ernst von Baer (cũng là nhà sáng lập môn phôi thai học), nha thiên văn học Joseph-Nicolas Delisle (tác giả thang nhiệt độ và người tìm ra hố trên mặt trăng - cả hai mang tên ông); nhà vật lý Georg Wolfgang Kraft, sử gia Gerhard: Friedrich Muller… Những chuyến đi khám phá do Viện sĩ đứng đầu gồm những chuyến của Vitus Bering (đi Kamchatka, qua đó tìm ra Eo biển Bering, Biển Bering, Đảo Bering, Băng hà Bering…), và của nhà sinh vật học Peter Simon Pallas (đi Siberia, qua đó tìm ra nhiều loài động vật mang tên ông). Năm 1925, Viện được đổi tên thành "Viện Hàn lâm Khoa học Liên bang Xô viết", nhưng đến năm 1991 mang lại tên lúc đầu (Viện Hàn lâm Khoa học Nga).

Vilna Thành phố thuộc Khối Thịnh vượng chung Ba Lan-Litva, hiện nay là thủ đô của nước Litva.

Vinius	Andrei Andreyevich Vinius (1641-1717), nhà hành chính công, cha người Hà Lan, mẹ người Nga, phục vụ Phụ chính Sofia và tiếp tục phục vụ Pyotr trong ngành ngoại giao, có thời gian làm Bộ trưởng Bưu điện, cũng giúp vào việc mua tàu chiến của Hà Lan, đúc đại bác, khai phá quặng mỏ…
Vịnh Phần Lan	Một nhánh của Biển Baltic, kéo dài từ Phần Lan (phía bắc) và Estonia (phía nam) đến Thành phố Sankt-Peterburg, nơi Sông Neva đổ ra vịnh này.
Volga	Sông dài 3.690 kilômét, khởi nguồn từ vùng tây bắc Moskva, chảy ngang Tsaritsyn và Astrakhan rồi đổ ra Biển Caspi.
Voronezh	Thị trấn trên bờ Sông Don, nằm cách gần 400 kilômét phía nam Moskva và 800 kilômét phía bắc Biển Azov, nơi Pyotr mở xưởng đóng tàu để đi đánh Azov, sau đấy được mở rộng để đóng tàu viễn dương ra Biển Azov và Biển Đen.
Vozmtsyn	Prokofy Bogdanovich Voznitsyn, nhà ngoại giao Nga cuối thế kỷ 17 - đầu thế kỷ 18, Tổng trấn Bolkhov, một trong ba Đại sứ của Đại Phái bộ Sứ thần, tham dự cuộc đàm phán ở Châu Âu để giải quyết vấn đề với Ottoman.
Vyborg	Thị trấn ở đầu Eo đất Karelia, cách Sankt-Peterburg 120 kilômét về hướng tây bắc, thủ phủ của Tỉnh Karelia, được Hòa ước Nystad năm 1721 công nhận thuộc Nga, được sáp nhập vào Phần Lan năm 1917, rồi được Phần Lan giao lại cho Nga năm 1940.

Walachia Công quốc chư hầu của Ottoman, nằm về phía tây Biển Đen, hiện thuộc Romania.

Weide Adam Weide, Thiếu tướng, sư đoàn trưởng ở Trận Narva, tư lệnh quân Nga ở Mecklenburg lúc Hoàng Thái tử Aleksei bỏ trốn.

Weser Sông dài 439 kilômét ở miền tây bắc của nước Đức bây giờ, nối với các sông Elbe và Rhine qua hệ thông kênh, chảy ra Biển Bắc.

Whitworth (1675-1725) Bá tước Charles Whitworth, đại sứ Anh tại Nga dưới triều Pyotr Đại đế ghi lại những điều tai nghe mắt thấy trong quyển sách *An Account of Russia as it was in the year 1710* (Tường thuật về nước Nga năm 1710), do Strawberry-Hill Press xuất bản năm 1758.

William (1650-1702) Hoàng thân Công quốc Orange, Tổng đốc Hà Lan, Vua William III của Anh, Scotland và Ireland (1689-1702); con của William II và Mary Stuart, rể của Vua James II, vợ là Mary II.

Wismar Thành phố cảng ở miền trung-bắc Đức bây giờ, dưới thời Pyotr Đại đế thuộc về Thụy Điển.

Wistla[28] Sông dài nhất (1.090 kilômét) của Ba Lan và là một trong những sông chính ở Đông Âu, chảy qua các thành phố Krakow, Warszawa, Torun và thành phố cảng Gdansk bên bờ tây ở cửa sông, rồi đổ ra vịnh Gdansk (thuộc Biển Baltic).

Wolfenbüttel Thị trấn công quốc của người Đức thuộc vùng Saxony, tồn tại trong các thế kỷ 15-18, do công tước dòng họ

Brunswick trị vì.

Württemberg Công quốc nhỏ của người Đức, đóng thủ phủ ở Stuttgart, vào thời của Pyotr Đại đế do công tước trị vì.

Zotov Nikita Moiseyevich Zotov (khoảng 1644-1718), thầy dạy học của Pyotr lúc thơ ấu, kế tiếp tham dự vào nhiều việc trong triều đình.

3. Vài chức vụ, như Bộ trưởng, Chủ nhiệm,… được dung để người đọc dễ hình dung sự tương đương với những chức vụ thời nay, nên thuật ngữ có thể không chính xác như danh hiệu chính thức trong giai đoạn này. (ND)

4. Theo nguyên tác dung tên “Alexis”, là phiên âm của tiếng Anh. (ND)

5. “Anna” là phiên âm từ tên Nga, tên tương tự của người Anh là “Anne”. (ND)

6. Trong nguyên tác dùng tên “Archangel”, là phiên âm của tiếng Anh. (ND)

7. Trong nguyên tác dùng tên “Astrachan”, là tên phiên âm của tiếng Anh. (ND)

8. Trong nguyên tác dung họ “Dolgorukov”, là phiên âm của tiếng Anh. (ND)

9. Trong nguyên tác không phân biệt hai người vì không ghi phụ danh. Dựa theo tiểu sử hai người, người dịch thêm phụ danh mỗi khi có thể. (ND)

10. Có một Hoàng thân Yuri Dolgorukov khác, bị quân Cossack giết năm 1707. (ND)

11. Trong nguyên tác dùng tên “Catherine”, là phiên âm của tiếng Anh. ND)

12. Trong nguyên tác dùng tên “Elizabeth”, là phiên âm của tiếng Anh. (ND)

13. Trong nguyên tác dùng tên “Eudoxia”, là phiên âm của tiếng Anh. (ND)

14. Trong nguyên tác dùng tên “Fedor”, là phiên âm của tiếng Anh. (ND)

15. “Wilhelm” là họ của người Đức, họ tương tự của người Anh là “William”. (ND)

16. Trong nguyên tác dùng tên “Matthew”, là phiên âm của tiếng Anh. (ND)

17. “Bộ trưởng Ngoại giao” được dịch theo từ “chancellor”, vào thời đó là cấp cao nhất (trong khi chính thức không có chức danh thủ tướng) và thường giữ trọng trách ngoại giao. Trên thực tế, Golovin và người thay thế là Golovkin được giao nhiều công tác quan trọng bao quát, giống như là giữ chức vụ thủ tướng. Sau này, chancellor được xem như là thủ tướng. (ND)

18. Trong nguyên tác dùng tên “Charles”, là tên người Anh. (ND)

19. Trong nguyên tác dùng tên “Cracow”, là phiên âm của tiếng Anh. (ND)

20. Trong nguyên tác dùng tên “Kiev”, là phiên âm của tiếng Anh. (ND)

21. Martin Luther phản đối từ “Lutheran” nhưng từ này vẫn được sử dụng rộng rãi. Tên khởi đầu của giáo phái là Evangelical Church, tiếng Việt gọi là Giáo hội Phúc âm. (ND)

22. Trong nguyên tác dùng tên “Matveev”, là phiên âm của tiếng Anh. (ND)

23. Muscovy và tên tương tự bị người Nga đương thời cho là có ý xúc phạm vì hàm ý nói đến tình trạng chậm tiến, hoang dã… đến mức các nhà ngoại giao Nga yêu cầu người nước ngoài tránh dùng từ này trong các buổi lễ chính thức. (ND)

24. Trong nguyên tác dùng tên “Rehnskjold”, là tên phiên âm của tiếng Anh. (ND)

25. Trong nguyên tác dùng tên “Sheremetev”, là phiên âm của tiếng Anh. (ND)

26. Trong nguyên tác dùng tên “Schüsselburg”, là tên phiên âm của tiếng Anh. (ND)

27. Trong nguyên tác dùng tên “Pultova”, là tên phiên âm của tiếng Anh. (ND)

28. Trong nguyên tác dùng tên “Vistula”, là phiên âm của tiếng Anh. (ND)

BẢN ĐỒ

Nga trong thời niên thiếu của Pyotr Đại đế, 1672-1696

Moskva

Đế chế Thụy Điển khi bắt đầu Đại chiến Bắc Âu

Trận Narva I

Trận Narva II

Cuộc xâm lược Nga của Thụy Điển, 1708-1709

Pultowa I

Pultowa II

Pultowa III

Pultowa IV

Chiến dịch Pruth

Châu Âu thời Peter Đại đế

Quy hoạch thành phố Sankt-Peterburg, 1716

MINH HỌA

bm5.1 Vasily Golitsyn *(Bảo tàng Hermitage, Leningrad)*

bm5.2 Sophia *(Bảo tàng Hermitage, Leningrad)*

bm5.3 Francis Lefort *(Bảo tàng Hermitage; Culver Pictures)*

bm5.4 The siege of Azov *(Bảo tàng Hermitage, Leningrad)*

bm5.5 Nhà của Pyotr ở Zaandam

bm5.6 Shearing the beards

bm5.7 Beard tax medallion

bm5.8 Alexander Menshikov *(Bảo tàng Hermitage, Leningrad)*

bm5.9 Pyotr Tolstoy *(Bảo tàng Lev Tolstoy, Moskva)*

bm5.10 Fedor Romodonovsky

bm5.11 Boris Sheremetev *(Gorkovsky Bảo tàng Nghệ thuật)*

bm5.12 Jacob Dolgoruky *(Bảo tàng Hermitage, Leningrad)*

bm5.13 Fedor Apraxin *(Cung điện Pavlovsk, Leningrad)*

bm5.14 Gavril Golovkin *(Phòng trưng bày Tretyakov, Moskva)*

bm5.15 Pyotr Shafirov *(Bảo tàng Nghệ thuật Yaroslavl)*

bm5.16 Trận Pultowa

bm5.17 Trận Hangö

bm5.18 Celebration of the Peace of Nystad

bm5.19 Swedish ships before Vasilevsky Island

bm5.20 St. Pyotr and St. Paul Cathedral

bm5.21 Cung điện Mùa hè của Pyotr *(Bảo tàng Nga, Leningrad)*

bm5.22 The Admiralty

bm5.23 Plan of St. Pyotrsburg

bm5.24 Pyotr and Ekaterina on the Neva

bm5.25 Pyotr and Ekaterina's marriage

bm5.26 Anne and Elizabeth *(Bảo tàng Nga, Leningrad)*

bm5.27 Tsarevich Alexis *(Bảo tàng Anh, London)*

bm5.28 Pyotr *(Culver Pictures)*

bm5.29 Victory crowning Pyotr Emperor *(Bảo tàng Hermitage, Leningrad)*

bm5.30 Pyotr Đại Đế *(Bảo tàng Nga, Leningrad)*

MỘT NƯỚC NGA THUỞ XƯA

1 NƯỚC NGA

Thành phố Moskva vào giữa thế kỷ 17 đã thể hiện nhiều nét tráng lệ. Từ trên những ngọn đồi xung quanh nhìn xuống, người ta có thể thấy hàng trăm mái vòm dát vàng nổi lên trên những ngọn cây xanh, cùng một rừng những cây thập tự giá, cũng dát vàng, vươn cao lên từ đỉnh các mái vòm này. Vào thời điểm trong ngày khi ánh mặt trời soi xuống tất cả các mái vòm, ánh sáng phản chiếu có thể khiến người ta phải nhắm mắt lại. Những bức tường vôi trắng của các ngôi nhà thờ dưới các mái vòm ấy chạy dọc dài khắp Moskva. Ở trung tâm thành phố, trên một vùng đồi không cao lắm, là khu Kremlin, với ba ngôi thánh đường tráng lệ cùng những tháp chuông bề thế những cung điện lộng lẫy, với hàng trăm ngôi biệt thự, nhà nguyện nguy nga không kém.

Nằm giữa bức tường thành trắng bao bọc xung quanh, Kremlin tự nó là một thành phố thu gọn và biệt lập. Vào mùa hè, thắm đẫm giữa màu xanh ngút ngàn, thành phố Moskva trông như một công viên bao la. Nhiều ngôi biệt thự chìm lẫn giữa vườn cây và thảm cỏ, trong khi trên những dải đất trống, được tạo ra để ngăn chặn lửa phòng khi có hỏa hoạn, mọc lên những bụi hoa rực rỡ trên thảm cỏ xanh mướt.

Thành phố Moskva thời này đã là một trung tâm náo nhiệt. Thương nhân, nghệ nhân và những bộ hành khác nhàn nhã đi chen lân công nhân, nông dân, tu sĩ mặc áo chùng đen và binh lính trong quân phục tươi sáng

cùng giày bốt vàng. Xe đẩy, xe goòng chen chúc qua rừng người, nhưng đám đông sẵn sàng tách ra để nhường đường cho những vị quan triều đình hoặc những vị quý tộc to béo, râu ria xồm xoàm, ngồi trên lưng ngựa, đầu đội mũ lông thú dày, vận áo choàng bằng nhung hoặc bằng vải thêu lót lông thú. Ở những góc phố, các nhạc công, nghệ sĩ xiếc làm trò tung hứng hoặc nhào lộn, người điều khiển thú, đang tụ tập trổ tài để thu hút túi tiền của đám đông. Ngoài cổng mọi ngôi giáo đường, từng tốp hành khất chực chờ để mong đón nhận khoản bố thí. Trước các quán rượu, người ta có thể kinh ngạc thấy những người không mặc gì vì đã bán hết quần áo đi để lấy tiền mua rượu; vào ngày lễ hội còn có những người khác, kẻ mất người còn quần áo, nằm say mèm trên vũng bùn.

Những đám đông lớn nhất tụ hội ở khu thương mại trên Quảng trường Đỏ. Quảng trường Đỏ của thế kỷ 17 hoàn toàn khác biệt với những gì yên ả, trang trọng mà người ta thấy hiện giờ. Lúc ấy, nơi này là khu thương mại ngoài trời náo nhiệt, với những thanh gỗ lát để phủ bùn, những ngôi nhà ở và nhà nguyện của Thánh đường Sankt-Basil[29] xây bằng gỗ nằm dọc theo bức tường thành Kremlin, nơi hiện nay là khu vực lăng Lenin, với những dãy dài hàng quán xây bằng gỗ hoặc đơn giản chỉ là những căn lều, chen chúc nhau trên những khu đất rộng.

Hơn ba trăm năm về trước, Quảng trường Đỏ ồn ào, náo nhiệt với hoạt động đa dạng. Chủ nhân các gian hàng thi nhau cất tiếng rao bán, mời gọi người mua. Hàng hóa thuộc mọi chủng loại: gấm vóc, tơ lụa từ Ba Tư và Armenia, đồ đồng, đồ sứ, hàng sắt, hàng thiếc, đồ da, cùng mọi loại nông sản như dưa hâu, lê táo, đào mận, cà rốt, dưa chuột, hành tỏi, măng tây… xếp đầy trên ngăn kệ, trong rổ rá. Người bán hàng rong đi len lỏi cùng khắp. Nhiều người bán các loại bánh nhân thịt đựng trong cái khay treo trước

ngực bằng sợi dây tròng qua cổ. Cũng có thợ may và thợ kim hoàn lặng lẽ làm việc trong gian hàng của họ. Những thợ cắt tóc tỉa râu cứ để râu tóc rơi đầy mà không quét dọn, trải qua bao năm tháng tạo nên một tấm thảm râu tóc dày trên nền nhà. Cũng có chợ trời bán đủ các món đồ cũ: quần áo, đồ nội thất và vô vàn món hàng linh tinh. Dọc theo con sông Moskva, người ta bán thú vật sống, cùng thủy sản sông bơi lội trong các thùng nước. Dọc bờ sông, từng hàng phụ nữ cúi mình giặt quần áo.

Vào buổi trưa, tất cả hoạt động ngừng lại. Hàng quán đóng cửa, đường phố vắng lặng vì mọi người đều dùng bữa trưa - bữa ăn thịnh soạn nhất trong ngày. Sau đấy, mọi người chìm vào giấc ngủ trưa. Chủ nhân hàng quán nằm dài trên sạp buôn bán của họ mà ngủ.

Khi màn đêm buông xuống, những đàn én bay lượn trên bầu trời Moskva sau một ngày đi kiếm ăn, còn thành phố đóng kín cửa để qua đêm. Hàng quan đóng lại sau tấm cửa dày, nhân viên bảo vệ từ trên nóc nhà đảo mắt nhìn xuống, có người còn dắt chó đi tuần trên đường phố. Vào ban đêm, ít người lương thiện dám đi ra đường phố bởi đó là lãnh địa của quân trộm cướp hoành hành bằng bạo lực sau một ngày van xin không mấy thành công. Án mạng vào ban đêm là chuyện bình thường ở Moskva thời ấy. Tuy động lực của những án mạng này phần lớn là nhằm cướp giật, nhưng do tính chất tàn bạo của kẻ phạm pháp nên ít người dân nào dám tri hô cầu cứu. Nhiều người còn không dám nhìn ra đường để biết chuyện gì đang xảy ra. Vào buổi sáng, cảnh sát thường xuyên thu nhặt xác chết dọc theo đường phố, mang đến một nơi tập trung để thân nhân đến nhận dạng. Cuối cùng, xác chết vô thừa nhận được mai táng trong một nấm mộ tập thể.

Moskva vào thập niên 1670 là thành phố xây chủ yếu bằng gỗ. Nhà lớn nhỏ cho đến biệt thự đều được xây từ những súc gỗ, nhưng kiểu dáng kiến

trúc, đường nét gọt đẽo và sơn phết của cửa sổ, cổng vòm, cột… tạo nên nét thẩm mỹ mà cách xây dựng bằng gạch ở Tây Âu không có. Ngay cả đường sá đều được lát gỗ thô hoặc gỗ xẻ. Kết quả là đường sá vẫn bụi mù vào mùa hè và vẫn lầy lội vào đầu xuân khi tuyết tan và mùa thu khi có mưa, luôn tạo khó khăn cho xe ngựa kéo.

Vì là thành phố được xây dựng chủ yếu bằng gỗ, hỏa hoạn là vấn nạn triền miên. Khi có gió to, ngọn lửa trong một trận hỏa hoạn lan từ nóc nhà này sang nóc nhà khác, cuối cùng cả khu phố có thể bị biến thành tro bụi. Vào những năm 1571, 1611, 1626 và 1671, Moskva bị thiêu hủy nặng nề do hỏa hoạn, để trơ lại nhiều khoảng rộng giữa trung tâm thành phố. Những thảm họa như thế là hiếm hoi, nhưng dân Moskva xem ngọn lửa liếm từ nhà này qua nhà khác trong khi đội chữa cháy cố giật sập những ngôi nhà kế cận để ngăn đà tiến của lửa là cảnh tượng thông thường trong đời sống của họ.

Dân chúng Moskva luôn trữ sẵn gỗ để sửa chữa hoặc xây cất mới nhà cửa. Hàng nghìn súc gỗ được chất đông giữa các ngôi nhà, có lúc trữ phía sau nhà, trong hàng rào để phòng trộm cắp. Một khu chợ gỗ trữ sẵn hàng nghìn khung nhà tiền chế với nhiều kích thước khác nhau; người mua chỉ việc cho biết kích thước ngôi nhà và số phòng họ muốn. Chỉ trong một đêm, thợ xây dựng chuyên chở các súc gỗ - tất cả đều được đánh số và đóng dấu - đến lô đất, lắp ghép lại, lợp mái nhà bằng những ván gỗ, thế là chủ nhân ngôi nhà có thể dọn vào ở ngay. Những súc gô to nhất được để dành cho mục đích khác: người thợ mộc cắt ra thành từng khúc dài khoảng 2 mét, đục các thân gỗ này rồi đóng nắp lên, tạo thành quan tài.

Khu Kremlin nằm trên một ngọn đồi vươn cao gần 40 mét so với sông Moskva. Trong tiếng Nga, từ “kreml” có nghĩa là “pháo đài.” Kremlin là

một thành trì bề thế. Hai dòng sông và một con hào sâu chạy dọc theo các bức tường của thành trì này. Tường dày 4-5 mét, cao gần 20 mét tính từ mặt nước xung quanh, tạo nên hình tam giác bao bọc lấy ngọn đồi, với chu vi khoảng 2,5 kilômét, bảo vệ một khu vực rộng gần 30 hécta. Hai mươi pháo đài vươn cao dọc bức tường, mỗi pháo đài được thiết kế để hoạt động độc lập, với cấu trúc được cho là không thể xuyên thủng. Nhưng Kremlin có thể bị xuyên thủng. Lần cuối cùng Kremlin bị vây hãm là vào đầu thế kỷ 17, kéo dài trong hai năm. Điều mỉa mai là phe vây hãm là người Nga và phe phòng thủ là người Ba Lan, những người ủng hộ Dmitry Giả mạo lúc ấy đang tạm thời ngự trên ngai vàng. Khi Kremlin cuối cùng thất thủ, người Nga xử tử Dmitry, đốt xác ông, đặt một khẩu đại bác lên mặt tường thành Kremlin rồi bắn tro thân xác của ông về hướng Ba Lan.

Thông thường, Kremlin có hai chủ nhân: Sa hoàng nước Nga thuộc vương quyền và Giáo chủ Chính Thống giáo thuộc thần quyền. Mỗi vị cư ngụ trong một pháo đài riêng biệt để trị vì lĩnh vực của mình. Xung quanh những quảng trường của Kremlin là những tòa nhà hành chính, tòa án, doanh trại quân đội, nhà giặt quần áo, chuồng nuôi ngựa… Gần đấy là hoàng cung, văn phòng cùng hơn hai mươi giáo đường và nhà nguyện của Giáo hội Chính thống Nga. Ở khu trung tâm của Kremlin, trên đỉnh đồi, là bốn kiến trúc lộng lẫy: ba thánh đường và một tháp chuông. Từ thời ấy, khu trung tâm này đã được xem là trái tim của nước Nga.[30]

Kiến trúc lớn nhất và có bề dày lịch sử đáng kể nhất là Thánh đường Thăng thiên (Uspensky Sobor), nơi cử hành lễ đăng quang cho tất cả Sa hoàng và nữ hoàng đế nước Nga từ thế kỷ 15 cho đến hoàng đế cuối cùng ở thế kỷ 20. Thánh đường này được xây dựng năm 1479, phản ánh nhiều sắc thái kiến trúc nhà thờ của Nga, nhưng có phần khác là bên trong rộng rãi

hơn nhiều so với giáo đường ở Nga thời bấy giờ. Bốn cây cột hình trụ khổng lổ chống đỡ mái vòm trung tâm hình củ hành cùng bốn mái vòm phụ nhỏ hơn mà không cần có tường kè bên trong. Cấu trúc này tạo nên không gian nền và trần thoáng đãng rất đặc trưng của nước Nga, khi mà ảnh hưởng kiến trúc Gothic chưa được biết đến ở đây.

Phía bên kia Quảng trường Thánh đường trước Thánh đường Thăng thiên là Thánh đường Arkhangelsk Mikhail[31], nơi an nghỉ của các Sa hoàng nước Nga. Do một kiến trúc sư người Ý xây dựng, lẽ tự nhiên là Thánh đường này chịu ảnh hưởng của kiến trúc Ý nhiều nhất. Bên trong Thánh đường là vài nhà nguyện, chen chúc giữa các nhà nguyện này là nơi lưu táng các Sa hoàng nước Nga. Ở giữa một gian phòng nhỏ là ba quan tài đẽo từ đá, là nơi Sa hoàng Ivan và hai con trai của ông yên nghỉ. Những Sa hoàng khác nằm dọc theo các bức tường, trong các quan tài chạm trổ bằng đồng và phủ vải nhung tím, với hoa văn bằng ngọc trai dọc theo rìa. Sa hoàng Aleksei, cha của Pyotr Đại đế cùng hai con trai, Fyodor và Ivan IV, cả hai đều là Sa hoàng, yên nghỉ trong gian phòng này. Ba vị này là những Sa hoàng nước Nga cuối cùng an nghỉ ở đây. Con thứ ba của Aleksei, Pyotr Đại đế đã cho xây một thánh đường mới trong một thành phố mới trên bờ biển Baltic. Pyotr và những Hoàng đế kế tiếp được lưu táng ở đây, ngoại trừ Pyotr II được lưu táng ở Kremlin và Nikolai II, Hoàng đế cuối cùng của nước Nga, xác bị tiêu hủy và chôn ở Ekaterinburg, vùng Urals[32].

Thánh đường Truyền tin[33] có kích thước nhỏ nhất trong ba thánh đường, là thánh đường duy nhất do kiến trúc sư Nga thiết kế. Đây là nhà nguyện riêng, nơi hoàng gia Nga đến hành lễ.

Ở phía đông của Quảng trường Thánh đường, vươn lên khỏi ba thánh đường là ba tháp chuông xây bằng gạch và quét vôi trắng, có tên Ivan Đại

đế Tháp Bono và Tháp Giáo chủ Philaret, giờ được liên kết lại thành một cấu trúc duy nhất. Phía dưới mái vòm cao nhất, cao hơn 80 mét, là từng hàng các quả chuông có kích thước khác nhau (quả lớn nhất nặng 31 tấn), được đúc bằng nhiều vật liệu khác nhau: bạc, đồng, đồng thiếc, sắt. Tiếng chuông gióng lên vào những dịp khác nhau: để triệu tập giáo dân đến hành lễ, báo giờ giấc cử hành nghi thức hoặc khai mạc lễ hội, giờ cưới hỏi hoặc tang chế, cấp báo hỏa hoạn, báo tin chiến thắng ngoài mặt trận. Những tiếng chuông đầu tiên gióng lên từ Moskva, rồi tất cả giáo đường khác tiếp nối, tạo nên âm thanh rền rĩ chấn động cả thành phố.

Sau thánh đường, kiến trúc Ý ảnh hưởng đến cung điện. Năm 1487, Ivan Đại đế ra lệnh xây cung điện đầu tiên trong Kremlin, Cung điện "Nhiều mặt"[34], gọi như thế là vì mặt tường ngoài bằng đá được cắt theo những khối tinh thể giống những mặt cắt của đá quý làm hàng trang sức. Đây là nơi Sa hoàng nước Nga chính thức tiếp đại sứ các nước. Khi nghi lễ như thế diễn ra, các hoàng hậu và công chúa có thể lén nhìn qua một khung cửa sổ nhỏ gần tâm trần, được phủ rèm.

Năm 1499, Ivan Đại đế cho xây Cung điện Terem bằng gạch và đá gồm 5 tầng để dùng làm nơi cư ngụ của chính ông và nhiều phụ nữ hoàng gia - các bà vợ, quả phụ, chị và em gái, con gái. Tòa nhà bị cháy vài lần trong thế kỷ 16 và đầu thế kỷ 17, nhưng mỗi lần đều được sửa chữa và cải thiện tận lực. Năm gian phòng chính - tiền sảnh, phòng ngai vàng (được biết đến dưới tên "Sảnh Vàng"), phòng đọc sách, phòng ngủ và nhà nguyện riêng - có tường và sàn bằng gỗ để tránh ẩm ướt do không khí ẩm ngưng đọng thành nước trên gạch và đá. Các bức tường treo những tranh mô tả cảnh tượng trong kinh Cựu Ước và Tân Ước được thể hiện trên lụa thêu, thảm len hoặc da khắc. Có một cửa sổ ở phòng đọc sách của Sa hoàng được gọi

là Cửa sổ Khiếu nại. Bên ngoài là một chiếc hộp có thể được thả xuống phía dưới, những thư van nài hoặc khiếu nại được cho vào đấy, rồi được kéo lên cho Sa hoàng đọc.

Khuyết điểm lớn nhất của những gian phòng huy hoàng này là thiếu anh sáng. Chỉ chút ít ánh sáng mặt trời có thể xuyên qua những khung cửa sổ nhỏ với hai lớp mi-ca được ngăn cách bởi những thanh chì. Ngay cả trong mùa hè, phần lớn ánh sáng trong Cung điện Terem là do những ngọn nến lập lòe đặt trong những hốc tường và dọc bờ tường.

Vào giữa thế kỷ 17, ngồi trên ngai vàng là Sa hoàng thứ hai của vương triều Romanov, Aleksei Mikhailovich. Xa cách với thần dân, nhân vật uy nghi này được phủ trong lớp hào quang gần như là của một vị thánh.

Từ lúc nhỏ, mọi người Nga đều được giáo dục để xem Sa hoàng nước Nga gần như là Thượng Đế, với những thành ngữ như "Chỉ có Thượng Đế và Sa hoàng mới biết", hoặc "Một Mặt Trời soi sáng thiên đường, Sa hoàng soi sáng trần gian". Đất đai đều thuộc về Sa hoàng, người có quyền ban phát những dải đất rộng cho nhân vật quý tộc mà ông yêu mến. Tuy thế theo nghĩa khác, đất đai là tài sản của cả gia đình dân tộc. Khi bị khiêu khích hoặc đe dọa, tất cả người Nga đều sẵn sàng hy sinh để bảo vệ đất Nga.

Sa hoàng nước Nga được coi là người cha của dân tộc Nga. Ông cất lời phán với thần dân như thể nói chuyện với con cháu của mình và có mọi quyền lực như một người chủ gia đình có quyền đối với con cháu của mình. Dân Nga không thể tưởng tượng có sự giới hạn nào về quyền lực của Sa hoàng, bởi vì trong ý nghĩ của họ, "làm thế nào quyền uy của một người cha có thể bị ai giới hạn ngoại trừ Thượng Đế?". Khi Sa hoàng ban ra mệnh lệnh, thần dân tuân phục tuyệt đối với cùng lý do như khi một người cha trong gia đình ra lệnh, con cháu phải tuân theo, không thắc mắc. Trong

nhiều thời kỳ, dân chúng tuân phục Sa hoàng giống như nô lệ tuân phục chủ nhân của mình. Ngay cả người thuộc giới quý tộc, khi được diện kiến hoặc nhận ân sủng từ Sa hoàng, phải quỳ mọp trước đấng quân vương, trán chạm xuống đất. Khi tâu lên Sa hoàng, mọi thần dân đều phải sử dụng nguyên câu từ dài dòng nêu rõ tước danh chính thức của Sa hoàng nước Nga; mỗi người có tước danh riêng. Khi ấy, nếu nói thiếu sót chữ nào có thể bị xem như phạm thượng, gần như là phản phúc.

Mặc dù là Sa hoàng, nhưng Aleksei - cha của Pyotr Đại đế - có cuộc sống như là của một tu sĩ. Nhà vua thức dậy lúc 4 giờ sáng, thay đổi trang phục rồi đi vào nhà nguyện nhỏ kế bên phòng ngủ để cầu nguyện và xem sách giáo lý trong 20 phút. Sau đấy, ông triệu một viên thị thần đi vấn an Hoàng hậu. Vài phút sau, ông đi đến phòng của Hoàng hậu rồi đưa bà đến một nhà nguyện khác để nghe giáo sĩ giảng đạo.

Trong lúc ấy, các boyar, quan chức triều đình và bộ lại đã tụ tập chờ đợi trong tiền sảnh công cộng. Khi Aleksei bước ra, họ cúi rạp người để triều kiến, rồi báo cáo công việc của mình. Lúc 9 giờ sáng, tất cả đều tham dự buổi cầu kinh kéo dài hai giờ. Tuy nhiên, trong buổi lễ Sa hoàng thường thầm thì trao đổi với các *boyar* và quan chức, hành xử công việc và ban mệnh lệnh. Aleksei không bao giờ vắng mặt trong nghi lễ tôn giáo nào. Nếu ông bị bệnh, nghi lễ được cử hành gần giường bệnh cho ông.

Sau buổi cầu lành, Aleksei tiếp tục công việc với các boyar và cận thần cho đến bữa ăn trưa. Một mình ông ngồi ở chiếc bàn đặt trên cao, các *boyar* ngồi ăn ở các bàn đặt thấp hơn dọc chân tường. Những cận thần thuộc giới quý tộc *boyar* phục vụ ông trong bữa ăn, sau khi đã nếm qua các món ăn và thức uống.

Sau bữa ăn, Sa hoàng ngủ trong vòng ba giờ, rồi trở lại nhà nguyện cho một nghi lễ khác. Bữa ăn chiều và buổi tối có sự tham dự của hoàng gia hoặc bạn hữu thân thiết của Sa hoàng. Thú vui đặc biệt của Aleksei là nghe đọc hoặc kể những mẩu chuyện.

Vào mùa hè, Aleksei rời Kremlin đến ở tại các biệt thự bên ngoài Moskva. Một trong các biệt thự này nằm ở Preobrazhenskoe, là nơi Aleksei nuôi khoảng 3.000 con chim ưng, là môn chơi thể thao mà ông ưa thích.

Tuy nhiên, Aleksei dành phần lớn thời gian để hành xử công quyền và dự nghi lễ tôn giáo. Ông không bao giờ băn khoăn về quyền hạn cai tri của mình vốn được xem là trao vào tay ông một cách thiêng liêng; trong tư tưởng của mình, ông và tất cả các quân vương được Thượng Đế chọn làm vua và chỉ chịu trách nhiệm trước Thượng Đế. Khi Nghị viện Anh chặt đầu Vua Charles I của Anh năm 1649, Sa hoàng Aleksei cảm thấy sốc và cá nhân tỏ ra bất bình, đến nỗi ông trục xuất tất cả doanh nhân người Anh khỏi nước Nga - động thái khiến cho doanh nhân Hà Lan và Nga được hưởng nhiều lợi thế.

Dưới quyền Sa hoàng nước Nga là giới quý tộc, được chia ra khoảng 12 cấp bậc. Bậc cao nhất là *boyar*, được cấp đất để tưởng thưởng công trạng đã đóng góp cho triều đình. Dưới quý tộc là giới trung lưu, là nhóm nhỏ gồm thương nhân, nghệ nhân và cư dân thành thị. Dưới cùng là tầng lớp nông dân và nông nô, tạo nên số đông vượt trội của xã hội Nga thời phong kiến. Hoàn cảnh sống và phương pháp canh tác của họ tương tự tầng lớp nông nô của Tây Âu thời trung cổ. Khoảng 30-40 cơ quan khác nhau thực hiện việc công của triều đình. Nói chung, các cơ quan này làm việc kém hiệu năng, gây nhiều thất thoát, chồng chéo lẫn nhau, khó kiểm soát và nhũng lạm. Đây là bộ máy không ai có quyền kiểm soát thật sự.

Sa hoàng nước Nga cai trị một đất nước rộng lớn nhất thế giới. Những bình nguyên mênh mông, những dải rừng thẳm nối tiếp nhau không dứt, những vùng hoang mạc và lãnh nguyên[35] ngút ngàn trải dài từ Ba Lan đến Thái Bình Dương. Khắp nơi trên lãnh thổ bao la này, đường chân trời đều thẳng tắp, cùng lắm là bị đứt đoạn bởi vài chỏm núi thấp và đồi thoai thoải. Rào cản thiên nhiên cho việc đi lại trên vùng bình nguyên mênh mông chỉ là những dòng sông, vốn từ lâu đời đã được biến thành một mạng lưới giao thông đường thủy nội địa. Bốn con sông lớn có chi lưu bắt nguồn từ những vùng xung quanh Moskva: ba con sông Dniepr, Don và Volga chảy xuống phía nam đổ ra Biển Đen và Biển Caspi; Sông Dvina Bắc chảy lên phía bắc và đổ ra Bắc Băng Dương vốn thường bị đóng băng.

Lãnh thổ mênh mông này chỉ có lác đác cư dân. Vào lúc Pyotr sinh ra, dân số Nga chỉ có khoảng 8 triệu, gần bằng dân số của nước láng giềng Ba Lan ở phía tây, đông hơn Thụy Điển (không đến 2 triệu), vương quốc Anh (trên 5 triệu), nhưng còn kém nước đông dân nhất và hùng mạnh nhất là Pháp dưới triều đại Louis XIV (19 triệu). Một phần nhỏ số dân Nga sống trong các thị trấn cổ xưa và trong các thị trấn được sáp nhập gần đây: Kyyiv, Smolensk, Kazan và Astrakhan; phần lớn sống trong vùng nông thôn và rừng núi, nơi họ cố giật gấu vá vai từ đất, rừng và sông suối.

Dù đất nước có diện tích bao la, biên giới nước Nga dưới triều đại Aleksei luôn chịu áp lực của các nước láng giềng. Ở mặt đông, dưới thời Ivan Bạo chúa và những triều đại kế tiếp, Nga đã chinh phục được đoạn trung lưu Sông Volga và Hãn quốc Kazan, mở rộng biên giới đến Astrakhan và Biển Caspi. Người Nga đã vượt qua rặng núi Urals và sáp nhập vùng đất Siberia bao la ít cư dân vào lãnh địa của Sa hoàng. Những nhóm người tiền phong của Nga đã đi đến vùng bắc Thái Bình Dương và lập nên một số khu

định cư hoang vắng, tuy cuộc chiến với triều đình Mãn Thanh của Trung Quốc đã buộc Nga phải rút quân từ một số tiền đồn dọc Sông Amur về nước.

Ở các mặt tây và nam, Nga bị bao bọc bởi những nước thù địch vốn luôn muốn cô lập Nga khỏi bờ biển thông ra thế giới. Thụy Điển, thời đó được gọi là "Bà chủ vùng Baltic", ngăn chặn ngõ ra Tây Âu của Nga qua vùng biển này. Tiếp theo hướng tây là Ba Lan theo Thiên Chúa giáo, luôn tỏ ra thù địch với nước Nga theo Chính Thống giáo. Chỉ đến gần đây, Sa hoàng Aleksei mới chinh phục Smolensk từ Ba Lan, tuy thành trì này chỉ nằm cách Moskva có 240 kilômét. Chỉ đến giai đoạn cuối trong triều đại của mình, Sa hoàng Aleksei mới lấy lại từ Ba Lan Thành phố Kyyiv quý giá, được xem là mẹ của tất cả thành phố Nga và là cái nôi của Chính Thống giáo Nga. Kyyiv và vùng đất màu mỡ nằm dọc hai bờ đông và tây của Sông Dniepr là nơi người Cossack sinh sống, sắc tộc này là những người theo Chính Thống giáo, khởi đầu là người sống lang bạt, lục lâm thảo khấu và người chán ghét cuộc sống phiền hà trong nước Nga xưa cũ nên bỏ ra vùng biên giới. Họ tập hợp nên những đội kỵ binh rồi trở thành người tiền phong đi khai phá đất hoang, lập nên trang trại, làng mạc và thị trấn ở miền bắc Ukraina. Dần dà, họ tiến thêm về hướng nam, nhưng vẫn còn cách Biển Đen khoảng 500-600 kilômét.

RUSIJA U VREME MLADOSTI PETRA VELIKOG, 1672–1696.
SEVERNI LEDENI OKEAN
Kola
BELO MORE
Solovjecki manastir
Arhangelsk
ŠVEDSKA
BOTNIJSKI ZALIV
FINSKA
Vasa
KARELIJA
Onega
S. Dvina
j. Onega
Obo
Helsingfors
Viborg
j. Ladoga
Stokholm
FINSKI ZALIV
Revelj
INGRIJA
Neteborg
ESTONIJA
Narva
Vologda
BALTIČKO MORE
Cudsko j.
Novgorod
Dorpat
Pskov
LIVONIJA
Riga
VOJVODSTVO KURLANDIJA
Volga
Jaroslavlj
Tver
Pereslavlj Zaleski
Suzdalj
Kazanj
Trojicki manastir
Moskva
Vladimir
Nižnji Novgorod
Kama
Z. Dvina
Dancig
Kenigzberg
LITVANIJA
Vilna
Moskva
Smolensk
PRUSKA
Niemen
Grodno
Minsk
Oka
Tula
Samara
POLJSKA
Orel
R U S I J A
Visla
Varšava
Pripjat
Saratov
Desna
Kursk
Voronježž
Bug
Krakov
Kijev
Don
Lemberg
UKRAJINA
Poltava
Harkov
Caricin
Donjec
Dnjepar
Dnjestar
Volga
UGARSKA
MOLDAVIJA
Rostov
Taganrog
Azov
Astrahan
Prut
Bender
Očakov
Kazikermen
AZOVSKO MORE
Perekopski zemljouz
KRIM
Kuban
KASPIJSKO JEZERO
Dunav
VLAŠKA
Bahčisaraj
BUGARSKA
CRNO MORE
Jedrene
Carigrad
Razmera u kilometrima
0
400

Vùng đất nằm giữa nơi định cư của dân Cossack và Biển Đen - vùng đồng cỏ đất thịt đen ở miền nam Ukraina - còn hoang vu. Trong vùng này, cỏ mọc cao đến nỗi đôi lúc chỉ thấy đầu và vai của người cưỡi trên lưng ngựa di chuyển trên đồng cỏ. Vào thời của Aleksei, sắc tộc Tatar ở Hãn quốc Crimea - chư hầu của Đế quốc Ottoman - đến đây để săn bắn hoặc lùa gia súc đến cho ăn cỏ. Vũ trang với cung tên và mã tấu, họ cũng thường xâm nhập lên phía bắc để cướp bóc làng mạc của Nga và Ukraina, đôi lúc tấn công một thị trấn và bắt toàn bộ cư dân đi làm nô lệ. Những cuộc tấn công này mang hàng nghìn nô lệ Nga mỗi năm đến bán cho các chợ nô lệ ở Đế quốc Ottoman, tạo nên nỗi nhục nhã và ưu phiền cho các Sa hoàng ở Kremlin. Nhưng cho đến lúc bấy giờ, không triều đình Nga nào có thể làm gì được. Tệ hơn nữa, vào những năm 1382 và 1571, sắc tộc Tatar còn cướp bóc và đốt phá ngay cả Moskva.

Bên ngoài thành phố Moskva chủ yếu là những cánh đồng và rừng cây mênh mông. Trong nhiều thế kỷ, rừng cung cấp cho dân Nga mọi thứ họ cần dùng trong cuộc sống: gỗ để xây dựng, làm củi đốt và sưởi ấm, rêu để đắp tường, vỏ cây để làm giày, lông thú làm trang phục, sáp làm nến, cùng thịt, mật ong, dâu dại và nấm cho bữa ăn… Phần lớn thời gian trong năm luôn có tiếng búa rìu đốn gỗ. Vào mùa hè, từng đoàn người sục sạo đi hái nấm và quả dại như dâu và mâm xôi.

Người dân Nga thích đời sống cộng đồng. Họ không thích sống cô lập sâu trong rừng, chống chọi với chó sói và gấu rừng. Thay vào đấy, họ sống thành những ngôi làng nhỏ ở bìa rừng, bờ hồ hoặc dọc bờ sông nước chảy hiền hòa. Nga là một đế quốc bao gồm những làng mạc như thế: chìm khuất ở cuối con đường bụi đất, bao bọc xung quanh là đồng cỏ, một nhà thờ nằm giữa những ngôi nhà gỗ phần lớn chỉ có một gian phòng nhưng không có

ống khói. Khói từ bếp củi lan khắp nhà, thoát ra ngoài qua khe hở giữa các súc gỗ làm vách. Vì thế, mọi thứ và mọi người trong nhà đều bị bám bồ hóng đen đúa. Cũng vì thế nước Nga có nhiều nhà tắm công cộng. Ngay cả ngôi làng nhỏ nhất cũng có nhà tắm công cộng với nước nóng để mọi người đến cọ rửa thân thể cho sạch, rồi bước ra ngoài trần trụi - thậm chí trong mùa đông - để gió làm khô người.

Dân quê Nga thường mặc áo may bằng vải thô với một sợi dây buộc lại ở thắt lưng. Hai ống quần rộng được bó lại ở cổ chân, hoặc được túm vào đôi giày cao cổ khi họ mang giày. Họ thường cắt tóc cao đến tận vành tai và thường đội mũ lông thú trong mùa đông lẫn mùa hè. Từ lúc được rửa tội, họ đeo một cây thánh giá quanh cổ cùng một chiếc túi nhỏ đựng tiền.

Ít có dân tộc nào trên thế giới có cuộc sống hài hòa với thiên nhiên như dân tộc Nga. Mùa đông đến rất sớm: vào tháng 9, Mặt Trời lặn vào lúc 4 giờ chiều và những cơn mưa giá lạnh đổ xuống. Sương giá cũng đến nhanh; tuyết bắt đầu rơi trong tháng 10. Chẳng bao lâu, mọi vật đều chìm ngập dưới bức màn trắng xóa: đất, sông hồ, đường sá, cánh đồng, cây cối, nhà cửa. Thiên nhiên trông hùng vĩ nhưng cũng khắc nghiệt. Vào những ngày trời u ám, người ta không thể phân biệt rõ giữa bầu không gian và mặt đất. Khi Mặt Trời tỏa sáng, bầu trời trong xanh một cách huy hoàng, mắt người nhận ra dường như cả triệu viên kim cương lấp lánh trên nền tuyết.

Sau mùa đông kéo dài hơn 5 tháng, mùa xuân chỉ kéo dài trong vài tuần. Trên mặt đất, tuyết tan gây nên bùn lầy, một biển bùn mênh mông mà người và súc vật kéo xe phải khốn khổ để vượt qua. Rồi bùn lầy khô đi, những mầm non đầu tiên của cây cỏ xuất hiện. Rừng cây và đồng cỏ trở lại sinh động với màu xanh ngút ngàn. Thú rừng và chim chóc xuất hiện trở lại. Ở Nga, khi mùa xuân về, người ta chào đón và mừng vui nhảy múa ca hát một

cách vô cùng hứng khởi mà các dân tộc ở những vùng ấm hơn không thể hiểu nổi. Ngày 1/5 là ngày lễ hội từ nghìn xưa, có ý nghĩa hồi sinh và trù phú, khi dân chúng khiêu vũ hoặc đi lang thang trong rừng. Trong khi giới trẻ sôi động, người già cảm ơn Thượng Đế đã cho họ nhìn thấy lần nữa vinh quang của cuộc đời.

Mùa hè đến nhanh tiếp sau đấy. Không gian trở nên nóng bức, ngột ngạt vì bụi mù, nhưng bầu trời trở nên đáng yêu, đất bình yên trải rộng đến chân trời. Có những buổi bình minh tinh khiết, những bóng râm hoặc bờ sông mát mẻ, những đêm với gió nồng ấm. Vào tháng 9, đêm kéo dài chỉ vài giờ.

Nước Nga là mảnh đất khó khăn vì khí hậu khắc nghiệt, nhưng ai đi qua đấy đều cảm thấy sự cuốn hút một cách sâu sắc. Không người Nga nào có thể tìm được sự an bình trong tâm hồn ở bất kỳ nơi nào khác trên thế giới.

29. Thánh đường Sankt-Basil (Nga văn:…tr.54) được xây dựng nhằm tưởng niệm chiến dịch quân sự của Ivan Bạo Chúa đánh bại các Hãn quốc Kazan và Astrakhan. Thánh Basil (1468-1552) thuộc Chính Thống giáo được chôn cất ở một trong các nhà nguyện của Thánh đường này. (ND)

30. Điện Kremlin và Quảng trường Đỏ đã được công nhận là Di sản Văn hóa Thế giới. (ND)

31. Phiên âm: Arkhangelsky sobor. (ND)

32. Xác của ông sau này được khai quật, xác định đúng là Nikolai II, rồi vào năm 1998 được đưa đi an táng lại trong Thánh đường Pyotr và Pavel ở Sankt-Peterburg. (ND)

33. Anh ngữ: Annuciation, kỷ niệm ngày 25/3 việc Maria được thông báo sẽ là mẹ của Jesus. Nga văn:…tr.58, phiên âm: Blagoveschensky sobor. (ND)

34. Tên Anh ngữ phiên âm từ tiếng Nga: Granovitaya Palata. (ND)

35. Lãnh nguyên: vùng bình nguyên gần Bắc Cực (như vùng Siberia), chủ yếu là rừng cây lá kim trên đất khô, cỏ lách trên đất ngập úng, rêu cùng địa y trên mặt đất, còn dưới đất là lớp băng đông cứng thường xuyên. Lãnh nguyên có mùa đông dài và khắc nghiệt, mùa hè ngắn, lượng mưa và tuyết rơi thấp. (ND)

2 THỜI THƠ ẤU CỦA PYOTR ĐẠI ĐẾ

Vào tháng 3/1669, khi Sa hoàng Aleksei đã 40 tuổi, người vợ đầu tiên của ông - Hoàng hậu Maria Miloslavskaya - qua đời trong khi thực hiện nhiệm vụ thiết yêu cho vương triều: chức năng sinh nở. Nhà vua tiếc thương bà sâu đậm, và những người thân của bà trong dòng họ Miloslavsky cũng đau khổ không kém: cùng với sự ra đi của bà là sự đi xuống của quyền thế vốn gắn liền với cuộc hôn nhân giữa bà và Sa hoàng. Giờ đây, qua dòng lệ khóc thương cho đứa em và đứa cháu, họ ngóng trông, lo lắng.

Vị thế chông chênh của họ còn tệ hại hơn ở chỗ, mặc dù với bao nỗ lực, Hoàng hậu Maria không thể để lại một người con nối dõi nào cho dòng họ Miloslavsky. Trong 21 năm chung sống với Aleksei, Maria (lớn hơn Sa hoàng 4 tuổi) đã cố gắng hết mức: sinh ra mười ba người con - năm trai và tám gái - trước khi qua đời cố sinh người con thứ mười bốn. Trong số năm con trai chỉ còn hai: Hoàng Thái tử Fyodor, lên 10, có thể chất yếu ớt, trong khi Hoàng tử Ivan lên 3, gần như bị mù và mang dị tật về phát âm. Nếu cả hai qua đời trước hoặc ngay sau khi Sa hoàng Aleksei mất đi, việc kế vị ngai vàng sẽ bị trống vắng và không ai biết nhân vật nào sẽ kế vị. Tóm lại,

cả nước Nga, ngoại trừ dòng họ Miloslavsky, đều mong mỏi Sa hoàng Aleksei phải nhanh chóng tái hôn.

Nếu Sa hoàng quyết định có một hoàng hậu mới, mọi người đều nghĩ ông sẽ chọn lựa trong số các cô gái của giới quý tộc Nga chứ không phải là một trong những công chúa nước ngoài. Hôn nhân dị chủng giữa các nước nhằm củng cố quyền lực vương triều là chuyện thông thường ở Tây Âu vào thế kỷ 17, nhung lại là việc mà nước Nga ghê sợ và muốn trốn lánh. Sa hoàng nước Nga chỉ kết hôn với người Nga, hay đúng hơn, Sa hoàng theo Chính Thống giáo chỉ chọn hoàng hậu theo Chính Thống giáo. Giáo hội, giới quý tộc, thương nhân và dân thường Nga sẽ lấy làm kinh hãi nếu thấy một công chúa nước ngoài dẫn đến tu sĩ Thiên Chúa giáo hoặc Tin Lành làm ô uế sự thuần khiết của Chính Thống giáo. Điều cấm kỵ này đã giúp nước Nga nằm ngoài sự can thiệp của ngoại bang và đảm bảo những cô gái thuộc dòng dõi quý tộc Nga được tham dự vào việc tuyển chọn hoàng hậu.

Trong vòng một năm sau khi Hoàng hậu Maria Miloslavskaya qua đời, Sa hoàng Aleksei tìm được người thay thế. Buồn rầu và cô đơn, ông thường tìm khuây khỏa vào buổi tối tại tư gia của người bạn thân thiết và cũng là thủ tướng triều đình, Artamon Matveyev. Đây là một con người khác lạ so với xã hội Nga thời bấy giờ: ông không xuất thân từ tầng lớp đại thần cao nhất, mà thăng tiến nhờ công trạng thật sự của chính mình. Ông quan tâm đến những đề tài học thuật, cảm thấy mê hoặc đối với nền văn hóa Tây Âu. Trong những buổi chiêu đãi ông tổ chức ở nhà riêng của mình để đón tiếp các nhân vật nước ngoài đang sinh sống hoặc thăm viếng nước Nga, ông thường hỏi han họ một cách thông minh về tình hình chính trị, nghệ thuật và công nghệ nơi quê hương của họ. Ông đã gặp cô con gái một gia đình

hoàng tộc Scotland, lúc ấy đang sống trong Khu Ngoại ô Đức, người sau này trở thành vợ ông.

Matveyev cùng bà vợ có cuộc sống rất giống phong cách Tây Âu thời bấy giờ. Matveyev học số học và thực hiện những thí nghiệm hóa học trong phòng thí nghiệm do ông lập tại nhà riêng. Gia đình ông còn tổ chức những buổi hòa nhạc, những buổi trình diễn hài kịch và bi kịch trong nhà hát tư nhân của mình. So với dân Nga truyền thống, lối sống của bà vợ ông gần như gây sốc: ăn vận trang phục Tây Âu vốn thiếu kín đáo so với trang phục của Nga, không muốn giam mình ở tầng trên ngôi nhà theo cách phụ nữ Nga được giáo dục, mà lại tiếp xúc một cách thoải mái tự nhiên với khách mời, ngồi cùng bàn ăn với khách, thậm chí tham gia cả vào các cuộc trò chuyện giữa chồng và khách.

Trong một buổi chiêu đãi phi truyền thống như thế; Sa hoàng Aleksei đã gặp một phụ nữ khác thường thứ hai sống trong nhà riêng của Matveyev: Natalia Naryshkina, lúc này 19 tuổi, có vóc dáng cao, thân hình đẹp, đôi mắt to, lông mày dài. Cha của cô, một địa chủ gốc Tatar, sống xa thủ đô, nên đã thuyết phục ông bạn Matveyev chấp nhận cho cô con gái Natalia ở nhờ và giúp dạy bảo cô theo cung cách văn hóa và phóng khoáng như lối sống của gia đình này. So với phụ nữ Nga đương thời, Natalia có trình độ học thức khá, và qua việc quan sát cùng phụ giúp mẹ nuôi, cô đã học được cách tiếp xúc với khách đàn ông - một điều mới mẻ đối với phụ nữ Nga khi đó.

Một buổi tối khi có Sa hoàng đến dự, Natalia phụ giúp bà mẹ nuôi mời khách dùng đồ uống và thức ăn. Aleksei chăm chú nhìn cô, chú ý đến vẻ đẹp, nét tươi tắn, đôi mắt đen, cùng cử chỉ trang trọng nhưng khiêm tốn. Vị quân vương có ấn tượng tốt về thái độ tôn kính cùng ý thức khi cô trả lời

các câu hỏi của ông. Khi ra về buổi tối hôm ấy, Sa hoàng tỏ ra vui lên và hỏi Matveyev rằng phải chăng ông này đang kiếm cho cô gái trẻ hấp dẫn một người chồng. Matveyev xác nhận là đúng, nhưng thêm rằng vì ông và cả cha của cô gái đều không giàu, tiền hồi môn sẽ không được khá, nên số người thích hợp không nhiều. Sa hoàng tuyên bố ông sẽ giúp kiếm cho cô một người chồng biết nhận ra chân giá trị của cô ngoài của cải.

Không bao lâu sau, Sa hoàng hỏi Matveyev rằng ông này đã tìm ra người nào cho cô gái hay chưa. Matveyev trả lời: "Thưa Ngài, hằng ngày có nhiều trai trẻ đến để gặp cô gái dễ thương này, nhưng chưa có ai nghĩ đến chuyện hôn phối."

Sa hoàng nói: "Được, được, như thế càng hay. Ta đã tìm được một người có lẽ khiến cô sẽ hài lòng. Đây là một người danh giá mà ta quen biết, không thiếu phẩm hạnh và không cần đến hồi môn. Người này thương yêu cô, có ý định cưới cô làm vợ và mang hạnh phúc đến cho cô. Mặc dù người này chưa tỏ lộ ý tình, cô đã quen biết với người này, và nếu ông hỏi cô, ta nghĩ cô sẽ chấp nhận người này."

Matveyev cho biết rằng dĩ nhiên Natalia sẽ chấp nhận bất kỳ người nào "do Hoàng thượng giới thiệu. Tuy nhiên, trước khi cô ấy đồng ý, có lẽ cô muốn biết người này là ai. Đối với hạ thần, điều này thiết tưởng là không quá đáng."

Aleksei tuyên bố: "Được, thế thì, hãy nói cho cô ấy biết người ấy chính là ta, và ta đã quyết định muốn cưới cô."

Ngập tràn cảm xúc sau câu nói ấy, Matveyev vội quỳ thụp xuống chân của Sa hoàng. Ngay lập tức ông đã nhận ra triển vọng chói sáng cùng nguy cơ không thể nào lường hết được trong quyết định của Aleksei. Có cô con

gái nuôi được tấn phong hoang hậu sẽ đảm bảo cho vị thế của riêng ông, người thân và bạn bè của cô sẽ được thăng tiến theo cô; cả bọn họ và ông sẽ thay thế dòng họ Miloslavsky để trở thành một thế lực mới trong triều đình. Nhưng điều này cũng có thể tạo hiểm họa trong mâu thuẫn với dòng họ Miloslavsky cũng như trong sự ganh tỵ của nhiều gia đình *boyar* đầy uy quyền - vốn luôn nghĩ ông là người được Sa hoàng trọng vọng. Nếu vì lý do nào đấy tin tức về ý định này lan ra mà không đi đến cuộc hôn nhân, sự nghiệp của Matveyev sẽ xem như tiêu tan.

Với ý nghĩ như thế Matveyev khẩn cầu nhà vua, dù cho đã có chủ định sẵn, cũng nên làm theo quy tắc truyền thống là mở cuộc tuyển chọn công khai trong số những ứng viên được đưa đến ra mắt ngài. Đây là nghi thức đòi hỏi các cô gái đến tuổi lấy chồng từ mọi miền đất nước Nga tề tựu ở Kremlin để Sa hoàng xem xét. Trên lý thuyết, các cô có thể xuất thân từ bất kỳ giai cấp nào trong xã hội kể cả nông nô, nhưng trong thực tế chuyện thần tiên như thế không bao giờ xảy ra. Chưa có Sa hoàng nước Nga nào để mắt đến một cô gái thuộc hàng nông nô rồi cuối cùng tấn phong cô làm hoàng hậu. Tuy nhiên, việc sơ tuyển cho phép con gái của tầng lớp quý tộc thấp hơn được tham gia, nên Natalia Naryshkina hoàn toàn có đủ tư cách. Khi vào đến cung đình, các cô gái đang sợ hãi sẽ được thị thần khám xét để xác định là còn trong trắng hay không. Những cô vượt qua vòng tuyển chọn này được đưa đến Kremlin để mong đợi nụ cười hoặc cái gật đầu của đấng quân vương đưa cô lên địa vị tôn quý nhất của phụ nữ Nga.

Có triển vọng cao quý thì cũng có hiểm họa nặng nề. Vào thế kỷ này, đã có trường hợp trong đó một cô gái bị ngăn cản làm hoàng hậu. Năm 1647, chính Sa hoàng Aleksei lúc 18 tuổi đã chọn cô Euphemia Vsevolozhska làm vợ. Nhưng khi cô đang thay đồ và trang điểm, một nhóm thị nữ cố tình vặn

xoắn mái tóc cô quá chặt đến nỗi khi gặp Aleksei, cô bị ngất đi. Các thầy thuốc của triều đình bị mua chuộc cho biết cô bị chứng động kinh, thế là cô và những người thân của cô bị đày đi Siberia. Maria Miloslavskaya được chọn làm Hoàng hậu thay cô.

Bây giờ, những mối nguy cơ tương tự đang treo lơ lửng trên số phận cuộc đời của Natalia Naryshkina và Matveyev. Dòng họ Miloslavsky thừa hiểu rằng nếu Natalia được chọn, tầm ảnh hưởng của họ sẽ bị lung lay. Không những đàn ông trong dòng họ - những người đang nắm giữ quyền lực - bị ảnh hưởng, mà phụ nữ cũng thế. Tất cả công chúa - các con gái của Aleksei - đều là người của họ Miloslavsky và họ không hề muốn có một hoàng hậu còn trẻ hơn vài người trong số họ.

Tuy thế Natalia và Matveyev không có chọn lựa nào khác: Aleksei đã quyết định. Triều đình công bố 11/2/1670 là ngày sơ tuyển, và Natalia Naryshkina nhận lệnh phải có mặt. Vào ngày 28/4, Sa hoảng sẽ xem xét các cô gái ứng viên trong vòng hai của cuộc tuyển chọn. Nhưng, không bao lâu sau đợt đầu, có tin đồn rằng Sa hoàng đã chọn Natalia Naryshkina. Sự trả đũa là đương nhiên. Bốn ngày trước vòng hai, có những lá thư nặc danh ở Kremlin tố cáo Matveyev sử dụng bùa mê từ thảo dược để khiến cho Sa hoàng mê mẩn đứa con gái nuôi của ông. Một cuộc điều tra được tiến hành; hôn lễ bị đình hoãn trong 9 tháng. Nhưng người ta không tìm thấy chứng cứ nào. Ngày 1/2/1671, hôn lễ giữa Sa hoàng Aleksei và Natalia Naryshkina được cử hành, trong sự hân hoan của hầu hết người Nga và trong nỗi buồn phiền của dòng họ Miloslavsky.

Ngay từ ngày đầu của cuộc hôn nhân, mọi người đều thấy rõ rằng vị Sa hoàng 42 tuổi yêu mến hết mực cô vợ của mình trẻ đẹp 20 tuổi với mái tóc đen. Cô mang đến cho ông nét tươi tắn, niềm hạnh phúc, sự thoải mái và ý

thức đổi mới. Ông muốn cô ở bên cạnh ông thường xuyên và dẫn cô tháp tùng bất kỳ ông đi đến đâu. Mùa xuân và mùa hạ đầu tiên trong cuộc hôn nhân của họ, đôi vợ chồng mới cưới di chuyển trong hạnh phúc từ lâu đài này sang lâu đài khác xung quanh Moskva.

Trong cung đình, vị Hoàng hậu mới nhanh chóng trở thành một nhân tố cho sự thay đổi. Với cách sông nửa giống Tây Âu tiếp thu trong gia đình Matveyev, Natalia yêu âm nhạc và kịch nghệ. Trước đây, Aleksei đã ra lệnh nghiêm khắc cấm thần dân khiêu vũ, tham gia hoặc theo dõi các trò chơi, ca hát hoặc chơi nhạc khí trong tiệc cưới, hoặc để tầm hồn buông thả trong các buổi biểu diễn kịch nói, tấu hài hoặc ảo thuật. Người vi phạm hai lần đầu sẽ bị phạt đánh roi, vi phạm lần kế tiếp sẽ bị đày ra vùng biên giới. Nhưng khi Aleksei cưới Natalia, một dàn nhạc hòa tấu giúp vui trong tiệc cưới của ông, pha trộn các cung điệu Tây Âu với những bản hợp xướng tiếng Nga tuy chưa được nhuần nhuyễn.

Không bao lâu sau là những buổi trình diễn kịch nghệ dưới sự tài trợ của hoàng gia. Để làm vui lòng cô vợ trẻ của mình, Sa hoàng bảo trợ cho việc sáng tác kịch nói và hạ lệnh xây một nhà hát trong khu Kremlin và một nhà hát khác ở cung điện mùa hè Preobrazhenskoe. Matveyev yêu cầu một giáo sĩ nước ngoài tuyển chọn nhà dàn dựng và nghệ sĩ trình diễn kịch nói. Vào ngày 17/10/1672, vở kịch đầu tiên ra mắt với sự hiện diện của Sa hoàng và Hoàng hậu. Dàn diễn viên gồm có 60 người, tất cả đều là người nước ngoài, trừ vài cậu bé và thanh niên trong cung đình. Vở kịch kéo dài cả ngày; Sa hoàng ngồi xem suốt 10 tiếng đồng hồ liền mà không hề đứng dậy. Không bao lâu, có thêm bốn vở kịch và hai vở múa balê.

Hạnh phúc của Sa hoàng đối với cô vợ mới càng tăng thêm vào mùa thu 1671, khi ông được tin cô đã có thai. Cả hai người đều luôn cầu nguyện

được một đứa con trai. Ngày 30/5/1672, vào lúc 1 giờ sáng, một bé trai khỏe mạnh ra đời, được đặt tên là Pyotr Alekseyevich, có nghĩa Pyotr, con trai của Aleksei".

Cả Moskva đều vui mừng khi quả chuông khổng lồ trên tháp chuông Ivan Đại đế ở quảng trường Kremlin vang rền báo tin Hoàng hậu mới đã sinh hạ hoàng nam. Kỵ binh được phái mang tin mừng đến các thị trấn khác của Nga, và sứ thần đặc mệnh được phái đi Tây Âu. Từ bức tường thành màu trắng của Kremlin, đại bác bắn chào mừng trong ba ngày, trong khi 1.600 nhà thờ trong thành phố gióng chuông liên hồi.

Aleksei cực kỳ vui sướng với đứa con trai, đích thân trù hoạch mọi chi tiết của lễ tạ ơn được tổ chức cho công chúng tại Thánh đường Thăng thiên. Sau đấy, ông thăng cấp cho Kyril Naryshkin (cha đẻ của Natalia) và Matveyev (cha nuôi của Natalia), rồi tự tay tiếp đồ uống và thức ăn cho quan khách.

Khi được 4 tuần tuổi, đứa bé Pyotr được làm phép rửa tội vào ngày 29/6, là ngày lễ Thánh Pyotr theo lịch của Chính Thống giáo. Ngày hôm sau, một bữa tiệc hoàng cung được tổ chức để chiêu đãi những phái đoàn của *boyar*, thương gia và những công dân khác của Moskva và đón nhận quà chúc mừng của họ. Trong một gian phòng riêng ở tầng trên, Hoàng hậu Natalia mở một cuộc tiếp tân riêng biệt để tiếp đón vợ và con gái của các *boyar*, trao cho họ kẹo bánh làm quà khi họ ra về.

Không lâu sau đấy, cậu hoàng con được chuyển vào một khu vực riêng cùng với nhóm thị thần phục vụ. Cậu có một bà vú - "một phụ nữ có tính tình tốt và cơ thể vệ sinh, cho sữa ngọt và bổ dưỡng" - và một nhóm người lùn được huấn luyện đặc biệt để hầu hạ và chơi đùa với con cái của hoàng

gia. Khi Pyotr lên 2, cậu cùng nhóm cận thần, trong số đó có 14 thị nữ, được chuyển vào một gian phòng lộng lẫy.

Một bà mẹ trìu mến, một ông bố hãnh diện và một Matveyev thỏa nguyện thi nhau ban phát quà cho đứa trẻ, và phòng chơi đùa của Pyotr không bao lâu đã tràn ngập đồ chơi. Đặc biệt, Pyotr có ngựa gỗ với yên da cẩn đinh bạc và dây cương trang trí ngọc lục bảo, sách hình họa thếp vàng do 6 nghệ nhân thực hiện, đồ chơi âm nhạc… Nhưng Pyotr thích nhất các món là trò chơi về quân sự. Cậu bé thích đánh các loại chiêng trống. Những loại đồ chơi tượng người lính, pháo đài, gươm đao, giáo mác, súng ống để đầy trên bàn ghế và sàn nhà. Kế bên giường ngủ của mình, Pyotr luôn giữ món đồ chơi quý nhất của cậu, do Matveyev mua từ một người nước ngoài để tặng cậu: mô hình một con tàu.

Thông minh, năng động và ồn ào, Pyotr lớn nhanh. Phần lớn trẻ em biết đi lúc khoảng một tuổi; Pyotr đi được lúc 7 tháng. Vua cha thường dẫn cậu hoàng con đi theo ông đến các vùng quanh Moskva và các cung điện bên ngoài thủ đô. Trong số này là cung điện mùa hè Preobrazhenskoe, nơi Matveyev đã cho xây một nhà hát mùa hè. Nằm dọc Sông Yauza, gần khu Ngoại ô Đức, nơi tĩnh lặng này được Natalia yêu thích nhất.

Nhưng nhà vua thường dẫn cậu đến một kỳ quan kiến trúc trong triều đại của Aleksei: cung điện đồ sộ ở Kolomenskoe, được người Nga cho là kỳ quan thứ tám của thế giới. Nằm trên một khúc quanh của Sông Moskva, tòa nhà được xây hoàn toàn bằng gỗ, thế hiện sự pha trộn đặc biệt của những mái vòm hình củ hành lợp bằng ván gỗ, nóc vải bạt, những tòa tháp hình chóp vút cao, những mái vòm hình móng ngựa… Nhưng đúng 100 năm sau khi hoàn tất, vào năm 1771, Nữ Hoàng đế Ekaterina ra lệnh phá dỡ cung điện này.

Natalia thích cuộc sống ít nghi thức hằng ngày ở các cung điện ngoại ô hơn là trong khu Kremlin. Khó chịu với không khí ngột ngạt trong cỗ xe ngựa dành cho hoàng hậu, Natalia cho vén các tấm rèm lên - ngay cả khi đi ra ngoài công chúng. Và Hoàng hậu thường di chuyển như vậy giữa thủ đô và ngoại ô, ngay cả trong một lễ diễu hành chính thức, trên cỗ xe như thế cùng với chồng và con trai. Aleksei thường tổ chức đón tiếp đại sứ các nước ở Kolomenskoe thay vì trong khu Kremlin, để giúp Hoàng hậu nhìn lén họ được dễ dàng hơn. Năm 1675, đoàn xe ngựa của đại sứ Áo được yêu cầu đi chậm lại khi di chuyển qua cửa sổ nơi Hoàng hậu ngồi, để cô nhìn được rõ hơn. Vị đại sứ cũng có dịp nhìn thoáng qua cậu hoàng con 3 tuổi được mẹ bế trên tay.

Cuối năm ấy, công chúng được nhìn thấy Pyotr thường xuyên hơn. Aleksei đã hạ lệnh chế tạo một số cỗ xe vương giả theo kiểu Tây Âu để triều đình sử dụng. Biết rõ cách làm vui lòng vị vua cha, Matveyev theo đấy ra lệnh đóng một kiêu xe nhỏ để tặng Pyotr, cỗ xe này được chạm trổ bằng vàng, có 4 con ngựa nhỏ kéo với 4 người lùn cưỡi ngựa kế bên và một người lùn cưỡi ngựa theo sau, đã trở thành hình ảnh được yêu mến trong các lễ diễu hành theo nghi thức quốc gia.

Aleksei sống với Natalia Naryshkina được 5 năm. Nhà vua có thêm một đứa con thứ hai, được đặt tên Natalia (lấy tên theo tên mẹ), và một con gái nữa nhưng chết yểu. Kết quả của cuộc hôn nhân thể hiện rõ ràng ở cung đình. Những năm tháng khắc khổ, đầy tính cách tôn giáo của Aleksei trước đây được tiếp nối với cung cách mới: thư giãn hơn, phóng khoáng hơn để tiếp nhận dễ dàng hơn tư tưởng, nghệ thuật và kỹ thuật Tây Âu. Nhưng ảnh hưởng lớn nhất là chính với Aleksei. Cuộc hôn nhân với người vợ trẻ này

làm ông hồi sinh và năng động hơn. Những năm cuối đời ông là thời gian ông được hạnh phúc nhất.

Thình lình, khi Pyotr lên ba tuổi rưỡi, đời sống an bình của cậu bị xáo trộn. Vào tháng 1/1676, Sa hoàng Aleksei, ở tuổi 47 còn khỏe mạnh và năng động, tham dự một buổi lễ hằng năm để ban phước cho Sông Moskva. Đứng trong ngọn gió mùa đông buốt giá suốt buổi lễ kéo dài, nhà vua bị cảm lạnh. Ít ngày sau, giữa một buổi trình diễn kịch nói, Sa hoàng rời khỏi nhà hát Kremlin để đi nghỉ. Lúc đầu, cơn bệnh không có vẻ nghiêm trọng. Tuy thế tình trạng nhà vua càng lúc càng xấu đi. Sau mười ngày, đến ngày 8/3/1676 Sa hoàng Aleksei tạ thế.

Chỉ trong một loáng, thế giới của Pyotr Đại đế đã thay đổi. Từ vị thế là hoàng tử con của bà hoàng được nhà vua sủng ái, bây giờ cậu là con của bà vợ thứ hai của ông vua quá cố. Kế vị ngai vàng là Hoàng Thái tử Fyodor, 15 tuổi, bị khuyết tật, con trai trưởng của Hoàng hậu quá cố Maria Miloslavskaya. Dù cho Fyodor có sức khỏe luôn yếu, vào năm 1674 Aleksei chính thức chỉ định Fyodor là người kế vị. Lúc ấy, có vẻ như đây chỉ là theo nghi thức; sức khỏe Fyodor quá yếu trong khi Aleksei còn tráng kiện nên không mấy ai nghĩ Hoàng Thái tử yếu ớt này sẽ lên kế vị vua cha khỏe mạnh.

Nhưng bây giờ, điều này đã xảy ra: Fyodor lên làm Sa hoàng nước Nga, và cán cân quyền lực từ dòng họ Naryshkin lại nghiêng trở về dòng họ Miloslavsky. Tuy vị vua trẻ đang bị sưng phù cả hai chân đến nỗi phải được bế ra trong lễ đăng quang, nhưng không ai chống đối. Những người trong họ Miloslavsky kéo nhau quay lại triều đình một cách đắc thắng. Bản thân Fyodor không có ác ý gì đối với mẹ kế Natalia cũng như với người em cùng

cha khác mẹ Pyotr, nhưng nhà vua chỉ mới 15 tuổi và không thể cưỡng lại quyền uy của dòng họ Miloslavsky.

Đứng đầu trong dòng họ này lúc đó là người cậu của vua, Ivan Miloslavsky, đang nắm giữ chức vụ Thống đốc Astrakhan đã vội vã trở về để thay thế Matveyev trong chức vụ thủ tướng. Bản thân Matveyev - là người đứng đầu nhóm Naryshkin - cũng trông chờ sẽ nhận một chức vụ hữu danh vô thực để trả đũa việc Ivan Miloslavsky đã bị đẩy đi Astrakhan. Vì thế tuy Hoàng hậu Natalia - từ giờ trở đi sẽ là Hoàng Thái hậu - có buồn phiền nhưng phải chấp nhận khi người cha nuôi bị phái đi nhậm chức Tổng trấn Verkoture, miền tây bắc nước Nga. Nhưng bà bị sốc và kinh hoàng khi nghe Ivan Miloslavsky ra lệnh mới: Matveyev bị bắt giữ, tước hết của cải và đày đi Pustozersk, một thị trấn hẻo lánh gần Bắc Cực. Thật ra, Ivan Miloslavsky còn muốn thi hành biện pháp khắc nghiệt hơn: lên án tử hình Matveyev, viện cớ biển thủ Kho bạc, sử dụng ma thuật và thậm chí âm mưu đầu độc Sa hoàng Aleksei. Ivan Miloslavsky gây áp lực, nhưng Sa hoàng trẻ Fyodor từ chối tuyên án tử hình, nên Ivan Miloslavsky phải bằng lòng với án tù đày của Matveyev.[36]

Mất đi người bảo trợ quyền lực nhất và những người cùng phe đã bị đẩy ra khỏi triều đình, dần dà Natalia và hai đứa con không còn xuất hiện trước công chúng. Lúc đầu, Natalia lo lắng cho sự an nguy của hai con, đặc biệt với Pyotr là nguồn hy vọng của bà trong tương lai. Nhưng thời gian dần trôi, Hoàng Thái hậu an tâm hơn: cuộc sống của một hoàng tử vẫn được xem là thiêng liêng, và Sa hoàng Fyodor luôn đối xử một cách thông cảm và hòa dịu với đứa em cùng cha khác mẹ. Ba mẹ con tiếp tục sống biệt lập ở Kremlin, trong những gian phòng của họ.

Vào thời này, phần lớn dân Nga - ngay cả trong giới tăng lữ - đều mù chữ. Trong giới trung lưu, nền giáo dục thu gọn vào việc tập đọc, tập viết, thêm một ít lịch sử và địa lý. Việc dạy văn phạm, toán học và ngoại ngữ chỉ dành cho học giả tôn giáo để họ có thể hiểu qua thần học. Có hai ngoại lệ: hai người con của Aleksei - Fyodor và người chị Sofia - nhận được nền giáo dục kinh điển qua những học giả thần học đến từ Kyyiv, và có thể nói được hai ngoại ngữ mà dân Nga có học vấn thực thụ vào thế kỷ 17 phải học qua là tiếng Latinh và tiếng Ba Lan.

Việc học của Pyotr Đại đế bắt đầu một cách đơn giản. Khi lên 3 tuổi, lúc vua cha còn sống, cậu bé bắt đầu học chữ cái. Khi cậu lên 5, Sa hoàng Fyodor, anh cùng cha khác mẹ và cũng là cha đỡ đầu, nói với Natalia: "Thưa Lệnh bà, đã đến lúc con trai đỡ đầu của tôi nên bắt đầu những bài học của cậu ấy." Nikita Zotov, một nhân viên đang làm việc ở Cục Thuế, được chọn làm thầy dạy riêng cho hoàng tử. Sa hoàng cấp cho ông này một chỗ ở và thăng ông lên hàng quý tộc hạng thấp, Hoàng Thái hậu ban cho ông hai bộ quần áo mới, còn Giáo chủ cho ông 100 rúp.

Trong buổi học đầu tiên, cả Sa hoàng và Giáo chủ đều hiện diện. Tập vở mới được vẩy nước thánh, Zotov cúi đầu thật thấp chào đứa học trò nhỏ trước khi bắt đầu. Pyotr học đánh vần, rồi tập đọc Thánh Kinh. Pyotr nhớ mãi những đoạn Thánh Kinh dài; 40 năm sau ông vẫn có thể đọc lại nhưng đoạn này. Cậu hoàng con cũng được dạy những bài thánh ca của Nga. Nhiều năm sau, khi du hành khắp đất nước, Pyotr Đại đế thường tham dự những buổi lễ trong các nhà thờ miền dân dã. Ông thường bước lên bục ban hợp xướng và cùng hát vang với họ.

Zotov chỉ được giao nhiệm vụ dạy cho Pyotr biết đọc và biết viết, nhưng dần dà ông nhận thấy cậu học trò của mình muốn tiến xa hơn. Pyotr

luôn muốn ông thầy kể cho cậu nghe những mẩu chuyện về lịch sử nước Nga, những trận đánh, những vị anh hùng. Khi Zotov thuật cho Natalia nghe việc này, bà ra lệnh nhân viên khắc chữ ở Cục Hậu cần soạn những quyển sách tranh màu minh họa những thành phố và cung điện nước ngoài, thuyền hàng hải, vũ khí và những biến cố lịch sử. Zotov đặt các quyển sách này trong phòng của Pyotr, để khi cậu chán những bài học hằng ngày, hai thầy trò có thể xem qua các hình này và cùng thảo luận. Có một quả địa cầu to, cao hơn đầu người, trước đấy được gửi cho Aleksei từ Tây Âu, giờ được mang đến phòng học của Pyotr. Vị trí địa dư của Châu Âu, Châu Phi và bờ biển miền đông Bắc Mỹ được thể hiện khá chính xác, nhưng miền tây nước Mỹ thì sai. Chẳng hạn, California được vẽ tách ra khỏi lục địa.

Trong phòng học, Zotov chiếm trọn cảm tình của cậu học trò. Ông giáo bị phê bình là đã mang đến cho cậu một nền giáo dục cấp thấp, không đủ để chuẩn bị cậu trở thành một Sa hoàng, nhưng vào thời điểm này Pyotr đứng hàng thứ ba trong thứ tự kế vị ngai vàng, sau Fyodor và Ivan. Tuy cậu tiếp thu nền giáo dục ở mức thấp hơn Fyodor và Sofia, nhưng vẫn còn khá hơn nhiều so với trẻ em thuộc giới quý tộc trung bình. Quan trọng hơn, có lẽ đây là nền giáo dục tốt nhất cho Pyotr. Cậu không phải học theo cách từ chương để trở thành một học giả, nhưng cậu có đầu óc phóng khoáng và hiếu kỳ một cách đặc biệt, và Zotov kích thích sự hiếu kỳ ấy; có lẽ không ai có thể làm tốt hơn. Điều kỳ lạ là, khi hoàng tử này đến tuổi thành niên, cậu chủ yếu tự học lấy. Từ những năm đầu tiên, cậu đã chọn lựa cho mình nên học những gì. Khung tri thức của Pyotr Đại đế không phải do cha mẹ, thầy dạy hoặc cố vấn tạo ra, mà chính là do Pyotr tự định hình cho mình.

Cuộc đời thơ ấu của Pyotr Đại đế trải qua bình lặng trong sáu năm (1676-1682) dưới triều đại của Fyodor. Fyodor có vẻ rất giống ông bố -

hiền hòa, vị tha và tương đối thông minh, sau khi đã được những học giả hàng đầu thời ấy giáo dục. Điều không may là bệnh tật thường buộc ông phải nằm để trị vì nước Nga.

Tuy thế Fyodor đã thực hiện một cuộc cải tổ lớn là bãi bỏ chế độ giai cấp, thời đấy giới quý tộc chỉ có thể nhận chức vị hành chính hoặc quân sự tùy theo giai cấp - tạo nên gánh nặng lớn cho hệ thống công quyền. Để minh chứng cho chức vụ của mình, mỗi nhà quý tộc luôn nêu cao lý lịch trong gia phả. Luôn luôn có tranh cãi, và triều đình không thể bổ nhiệm người tài vào chức vụ chủ chốt bởi vì có người khác, viện lý do ở giai cấp cao hơn, không muốn làm việc dưới quyền người ở giai cấp thấp. Hệ thống đề bạt này kéo theo tình trạng bất lực. Vì thế trong thế kỷ 17, để dễ xây dựng lực lượng quân sự, các Sa hoàng đã bắt buộc xóa bỏ tạm thời hệ thống như thế, tuyên bố rằng cấp chỉ huy quân đội trong thời chiến sẽ được bổ nhiệm "không thông qua giai cấp".

Fyodor muốn xóa bỏ vĩnh viễn hệ thống đề bạt theo giai cấp. Ông bổ nhiệm một ủy ban để đề xuất các biện pháp, rồi triệu tập một hội đồng đặc biệt gồm các *boyar* và giới tăng lữ để ông đích thân ra chỉ thị nhằm xây dựng đất nước tốt hơn. Đức Giáo chủ nồng nhiệt hỗ trợ nhà vua. Các *boyar*, vốn đã nghi ngờ và không muốn từ bỏ đặc quyền, miễn cưỡng đồng ý. Fyodor ban lệnh đem nộp cho triều đình mọi hồ sơ gia tộc, lý lịch công vụ và bất cứ thứ gì liên hệ đến giai cấp và địa vị trước đây. Trước sự hiện diện của Sa hoàng, Giáo chủ và hội đồng, các tài liệu này được gói thành bó, rồi cho ném vào đống lửa. Fyodor ra chỉ dụ là kể từ đây, chức vụ sẽ được bổ nhiệm dựa trên tài năng thật sự chứ không phải lý lịch. Đây là nguyên tắc mà sau này Pyotr Đại đế áp dụng để xây dựng nền tảng bộ máy quân sự và hành chính của nước Nga. Điều oái ăm là nhiều *boyar*, khi thấy những đặc

quyền từ thời xa xưa của họ bị thiêu đốt, đã nguyền rủa Fyodor cùng dòng họ Miloslavsky và hy vọng Pyotr sẽ phục hồi địa vị của họ. Ngược lại, Pyotr càng đẩy mạnh công cuộc cải tổ đi xa hơn nữa.

Mặc dù Fyodor đã hai lần kết hôn trong cuộc đời ngắn ngủi của mình, nhưng ông không có con để kế vị ngai vàng khi qua đời. Người vợ đầu qua đời khi sinh nở, tiếp theo vài ngày sau là bé trai của bà. Ông chỉ mới cưới người vợ thứ hai được hai tháng rưỡi thì qua đời.

Từ khi Mikhail Romanov lên ngôi năm 1613 và bắt đầu vương triều, tất cả Sa hoàng đều có con trai trưởng nối ngôi: Aleksei nối ngôi Mikhail, rồi Fyodor tiếp nối Aleksei. Trong mọi trường hợp, Sa hoàng tại vị đều giới thiệu người con trai trưởng cho thần dân và chính thức chỉ định người con này là hoàng thái tử kế vị ngai vàng. Nhưng bây giờ, Fyodor đã qua đời mà không có con trai và cũng không chỉ định ai kế vị.

Chỉ có hai ứng viên kế vị Fyodor: em ruột Ivan 16 tuổi và em cùng cha khác mẹ Pyotr lên 10. Bình thường, đáng lẽ Ivan là người kế vị duy nhất vì lớn tuổi hơn và là con của người vợ cả của cha. Nhưng vị hoàng tử này gần như bị mù, thêm dị tật phải đi khập khiễng và khó khăn về khả năng ăn nói; trong khi Pyotr năng động, khỏe mạnh và cao lớn so với tuổi. Điều quan trọng nhất, các *boyar* biết rằng, bất kỳ hoàng tử nào lên ngôi, quyền hành thật sự sẽ nằm trong tay của người phụ chính. Hiện giờ, đa số họ chống đối Ivan Miloslavsky và thiên về ủng hộ Matveyev, người sẽ có quyền lực dưới Natalia Naryshkina nắm quyền phụ chính trên danh nghĩa nếu Pyotr trở thành Sa hoàng.

Tranh luận nổ ra với câu hỏi của Giáo chủ Joachim: “Ai trong số hai hoàng tử sẽ là Sa hoàng nước Nga?” Vài người ủng hộ phe Miloslavsky, cho rằng vị trí của Ivan là đúng lý nhất; những người khác nêu ý kiến đặt

một Sa hoàng đế trị vì nước Nga trên giường bệnh là việc thiếu thực tế và điên rồ. Cuộc tranh cãi càng thêm sôi nổi; cuối cùng có tiếng nói lớn: "Hãy để nhân dân quyết định!"

Trên lý thuyết, "nhân dân" có nghĩa là Đại hội Quốc gia, bao gồm những nhà quý tộc, thương nhân và dân thành thị từ mọi miền đất nước Nga. Nhưng phải mất nhiều tuần mới có thể triệu tập Đại hội Quốc gia. Vì thế trong lúc này, "nhân dân" tức là quần chúng[37] Moskva tụ tập bên ngoài hoàng cung.

Quả chuông trên tháp Ivan Đại đế gióng lên, rồi Giáo chủ, các giám mục và *boyar* bước ra bậc thềm trên Cầu thang Đỏ trông xuống Quảng trường Đỏ. Nhìn xuống đám đông, Giáo chủ hô lớn để hỏi ý kiến cho biết nên chọn hoàng tử nào. Có nhiều tiếng hô "Pyotr Alekseyevich" và lẻ tẻ vài tiếng hô Tvan Alekseyevich", nhưng dần dần tiếng hô ủng hộ Pyotr trở nên to hơn và lấn áp tiếng hô của phe bên kia. Giáo chủ cảm ơn và ban phép lành cho đám đông. Sự lựa chọn đã có kết quả.

Bên trong hoàng cung, vị Giáo chủ bước đến Pyotr, chính thức thông báo việc Sa hoàng đã băng hà, việc nhân dân đã cất tiếng nói lựa chọn, và kết luận: "Nhân danh cả dân tộc của Đức tin Chính thông, ta xin Người nhận ngôi vị Sa hoàng." Ban đầu, Pyotr tỏ ý từ chối, cho rằng mình còn quá nhỏ và anh mình là người xứng đáng hơn. Giáo chủ vẫn khăng khăng: "Xin Người đừng từ chối lời thỉnh nguyện của chúng tôi." Pyotr im lặng, mặt càng ửng đỏ hơn. Vài phút trôi qua. Dần dà, mọi người hiện diện hiểu rằng sự im lặng của Pyotr có nghĩa là chấp nhận.

Cơn khủng hoảng đã qua. Pyotr trở thành Sa hoàng nước Nga, mẹ cậu sẽ giữ quyền phụ chính và Matveyev sẽ điều hành công việc hằng ngày.

Mọi người hiện diện đều tin như thế". Nhưng họ đã không nghĩ đến Công chúa Sofia.

36. Theo từ điển Bách khoa Wikipedia, vì thấy Fyodor bị khuyết tật và cũng vì muốn củng cố quyền lực, Matveyev mua chuộc một số Cấm vệ để ủng hộ mình rồi triệu tập các *boyar* đến, bảo rằng Fyodor không đủ khả năng lên ngôi và nên tấn phong Pyotr. Nhưng nhiều boyar chống đối, ủng hộ Fyodor, và đày Matveyev đi Pustozersk. Đến khi Fyodor qua đời, Pyotr được tấn phong làm Sa hoàng, chỉ dụ đầu tiên mang tên Pyotr là để triệu ông trở về Moskva. (ND)

37. Gọi là “quần chúng” nhưng vào thời kỳ này, cư dân Moskva thuộc về một giai cấp đặc biệt, cao hơn nông dân và nô dịch. (ND)

3 "NGƯỜI PHỤ NỮ CÓ TRÍ THÔNG MINH TUYỆT DIỆU"

Cung cách của đàn ông Nga đối với phụ nữ Nga không hề có ý niệm về nịnh đầm, lịch sự và ve vãn. Thay vào đấy, phụ nữ bị xem như là đứa trẻ ngu xuẩn, vô dụng, thiếu kiến thức, vô trách nhiệm và sẽ trở nên phóng túng nếu có cơ hội. Ý tưởng khắt khe, vốn cho rằng mọi trẻ gái đều tiềm ẩn tố chất xấu xa, có tầm ảnh hưởng đến sự giáo dục của chúng. Trong gia đình gia giáo, trẻ trai và gái không bao giờ được phép chơi chung với nhau - để ngăn ngừa con trai bị tiêm nhiễm. Khi con trẻ lớn lên, mọi sự tiếp xúc dù ngây thơ giữa trai gái đều bị cấm đoán. Vì thế các thiếu nữ chỉ biết chờ đợi - trong sự thiếu hiểu biết và trinh trắng - cho đến ngày họ được gả chồng.

Phụ nữ thường kết hôn với người họ chưa từng gặp cho đến khi các bên - ông bố chàng trai và cha của chàng trai - có quyết định cuối cùng. Cuộc thương thảo có thể kéo dài, thường liên hệ đến những vấn đề chủ chốt như của hồi môn và việc đảm bảo trinh tiết của cô gái. Nếu sau đấy, chú rể than phiền (dù cho không chính xác) là cô dâu không còn trong trắng, cuộc hôn nhân sẽ bị hủy bỏ và của hồi môn được hoàn trả. Điều này có nghĩa là kiện cáo lôi thôi; kiểm tra kỹ lưỡng trước để biết chắc thì tốt hơn.

Khi mọi việc đã được định đoạt, cô dâu với tâm voan mỏng che khuôn mặt được gọi ra giới thiệu với người chồng tương lai. Ông bố dùng một cây roi nhỏ đánh nhẹ vào lưng con gái và nói: "Con gái của ta, đây là lần cuối cùng con được cha dạy dỗ theo khuôn phép mà con đã sống. Bây giờ con không còn lệ thuộc vào cha nữa, nhưng nên nhớ rằng con không hẳn thoát khỏi sự kèm cặp của cha khi đến với người khác. Nếu con không có tư cách tốt đối với chồng của con, anh ấy sẽ thay cha mà răn dạy con với cây roi này." Rồi người cha của cô dâu trao cây roi cho chú rể, và theo phong tục anh này phải tuyên bố rằng anh "tin là sẽ không cần đến cây roi này". Tuy thế anh vẫn đón nhận cây roi như là món quà của cha vợ, và giắt cây roi vào thắt lưng của mình.

Trước ngày cưới, cô dâu được bà mẹ dẫn đến nhà chú rể. Buổi sáng ngày cưới, với toàn thân được che kín, cô cam kết sẽ chung thủy khi trao đổi nhẫn cưới, rồi quỳ xuống trước chân người chồng, trán chạm lên đôi giày của chồng trong cử chỉ thể hiện ý phục tòng.

Trong đêm động phòng, đôi vợ chồng mới được phép riêng tư bên nhau hai tiếng đồng hồ trong khi quan khách ăn uống bên ngoài. Sau đây, khách mở cửa phòng tân hôn và xúm xít quanh chú rể, hỏi xem anh có thấy vợ mình còn trinh trước khi động phòng hay không. Nếu chú rể xác nhận là đúng, đôi vợ chồng mới được mọi người chúc mừng, được dẫn đến bồn tắm thả dược thảo thơm tho, rồi đi đến bàn tiệc. Nếu chú rể xác nhận ngược lại, mọi người đều bị ảnh hưởng, nhưng chịu ảnh hưởng nặng nề nhất vẫn là cô dâu.

Khi đã kết hôn, người phụ nữ chiếm vị trí gần giống như nô dịch trong gia đình chồng, không có quyền hạn hoặc phúc lợi gì trừ phi được người chồng ban phát. Nhiệm vụ người vợ là chăm sóc nhà cửa của chồng, đảm

bảo tiện nghi thoải mái cho chồng và đẻ cho ông ta những đứa con. Nếu người vợ có đủ kỹ năng, cô có thể làm bà chủ đám gia nhân; nếu không, khi người chồng vắng mặt gia nhân có thể làm mọi việc mà không cần xin phép hoặc thông báo gì cả. Khi người vợ đẻ con, những người kính sợ hoặc mong mỏi ân huệ từ người chồng đến chúc mừng ông ta và tặng ông một món trang sức bằng vàng cho đứa trẻ. Nếu món quà có giá trị, người chồng có lý do để cảm thấy hạnh phúc với một người vợ tuyệt vời.

Nếu người chồng không được hạnh phúc, có nhiều cách để cải thiện tình hình. Trong nhiều trường hợp khi chỉ cần một ít chỉnh sửa, người chồng có thể đánh đập vợ. Quy tắc Quản lý Gia đình từ năm 1556 quy định là "người vợ không tuân phục có thể bị đánh roi, dù không phải trong cơn giận dữ." Cũng nên răn dạy ngay cả người vợ tốt "bằng cách thỉnh thoảng đánh roi, nhưng nên kín đáo, nhẹ nhàng, trong cung cách lịch sự, tránh đấm bằng nắm tay có thể gây bầm giập". Trong tầng lớp hạ lưu, đàn ông Nga đánh vợ chỉ vì lý do nhỏ nhặt nhất. Đôi lúc việc đánh đập trở thành nặng nề đến nỗi người vợ bị tử vong; lúc ấy người đàn ông được tự do cưới người vợ khác. Điều không tránh khỏi là có một số bà vợ quá mức chịu đựng, đánh trả lại và hạ sát người chồng. Con số này là ít ỏi vì một đạo luật mới được ban hành dưới triều đại của Aleksei cho phép trừng phạt nặng nề kẻ phạm tội như thế: người vợ với bản án giết chồng bị chôn sống chỉ với cái đầu nhô lên khỏi mặt đất, và để như thế cho đến chết.

Trong trường hợp ông chồng quá chán ngán người vợ đến mức không còn thiết trừng trị nữa, hoặc muốn cưới người vợ khác, ly dị là giải pháp. Để ly dị vợ, người chồng theo Chính Thống giáo chỉ cần đẩy vợ mình vào sống trong tu viện dù có sự ưng thuận hay không. Cho đến cuối đời, bà vợ sống cùng với các phụ nữ khác theo chế độ nữ tu, có vài người còn trẻ

nhưng bị người thân tham lam muốn tránh chia thừa kế hoặc chi tiền hồi môn, một số khác trốn chạy khỏi người chồng của họ và thấy cuộc đời trong tu viện vẫn đẹp hơn.

Việc cô lập phụ nữ và không cho phép họ kết bạn với nam giới tạo hậu quả tác hại cho đàn ông Nga ở thế kỷ 17. Đời sống gia đình trở nên xơ cứng, đời sống tâm linh bị trì trệ, quanh mình chỉ thấy những tính chất thô thiển nhất, thiếu phụ nữ làm bạn, người đàn ông không tìm thấy thú vui gì khác hơn là rượu chè. Có những ngoại lệ. Trong một số gia đình, phụ nữ thông minh đóng vai trò chủ chốt, dù là giữa bốn bức tường nhà riêng. Trong vài cặp, phụ nữ còn lấn lướt người chồng yếu đuối. Điều oái oăm là, càng ở trong giai cấp thấp trong xã hội, phụ nữ càng có cơ hội được bình đẳng với nam giới. Trong những giai cấp thấp, khi cuộc sống là sự đấu tranh để sinh tồn, người ta không thể xem phụ nữ là vô dụng như con nít, mà cần đến khối óc và sức lực của họ. Họ được xem là bề dưới, nhưng họ sống bên cạnh đàn ông. Họ tắm với đàn ông, hoặc nô đùa với đàn ông trên tuyết, hoàn toàn khỏa thân. Trong những buổi Tối mùa đông, họ cùng ăn uống với đàn ông quanh lò sưởi, ngồi chen chúc nhau, cho phép đức ông nào đấy ngồi bên ôm ấp họ, cười đùa, la thét rồi rốt cuộc cả đám bạn nhậu say xỉn cùng lăn ra ngủ.

Đứng đầu trên nấc thang xã hội của nữ giới là hoàng hậu, vợ của Sa hoàng. Dù được thoải mái hơn những phụ nữ ở giai cấp thấp, cuộc đời của bà vẫn không được tự chủ hơn. Bà công hiến cả thời gian cho gia đình nhà chồng, cho những buổi kinh cầu, những việc làm phước và từ thiện. Bên trong cung điện, bà chỉ đạo công việc gia đình, chăm lo cho tủ áo của mình, của người chồng và các con. Các hoàng hậu thường có tay nghề nữ công thêu thùa, để phục vụ Sa hoàng hoặc giáo hội; bà cũng giám sát công việc

của thợ may. Hoàng hậu có nhiệm vụ bố thí rộng rãi cho người nghèo, làm chủ hôn, và đảm bảo các nữ tỳ quanh bà có của hồi môn khi lấy chồng. Giống như Sa hoàng, hoàng hậu dành nhiều thời giờ trong nhà nguyện, nhưng dù cho có nhiều nhiệm vụ, bà vẫn còn nhiều thời giờ thừa thãi. Để giết thời giờ, bà chơi bài, nghe kể chuyện, xem các thị nữ ca hát và nhảy múa, vui cười với những người lùn giúp bà tiêu khiển.

Hoàn cảnh của các công chúa - chị, em gái và con gái của Sa hoàng - có phần đặc biệt. Có nhiều người không hề gặp gỡ đàn ông tương xứng, đem lòng yêu thương, kết hôn và đẻ con. Địa vị của họ là rào cản. Họ không bao giờ có thể kết hôn với đàn ông Nga ở giai cấp thấp hơn (mặc dù Sa hoàng có thể chọn vợ từ giới thượng lưu, thấp hơn quý tộc), và tôn giáo cấm đoán họ kết hôn với người nước ngoài - theo định nghĩa là kẻ ngoại đạo hoặc dị giáo. Vì thế; từ khi sinh ra họ phải sống trong biệt cung, thường là ở tầng trên cùng dành riêng cho phụ nữ. Nơi đây, họ giết thì giờ qua việc cầu kinh, thêu thùa, nói chuyện phiếm và chán chường. Họ không bao giờ biết gì về thế giới bên ngoài, còn thế giới chỉ biết đến sự hiện diện của họ qua bản bố cáo khi họ được sinh ra hoặc qua đời.

Ngoại trừ thân nhân gần gũi, Giáo chủ và một vài giáo sĩ được chọn lựa, không một người đàn ông nào được nhìn thấy mặt những phụ nữ trong biệt cung. Khi một công chúa bị bệnh, màn cửa được kéo xuống để gian phòng bị tối, che giấu bệnh nhân. Nếu cần đo nhiệt độ hoặc khám cơ thể bệnh nhân, ông thầy thuốc phải thực hiện việc này qua một tấm vải mỏng để tránh bàn tay đàn ông tiếp xúc với làn da trần của người phụ nữ. Vào sáng sớm hoặc chiều tối, các công chúa đi lễ nhà thờ phải bước vội vã qua những hành lang khép kín và cổng ra vào bí mật. Trong thánh đường hoặc nhà nguyện, họ đứng sau những bức tường lụa. Khi rời Kremlin để đi đến một

tu viện, họ ngồi trong xe ngựa kéo loại đặc biệt, che kín mọi phía, xung quanh là tùy tùng cưỡi ngựa để dẹp đường.

Khu biệt cung trong điện Terem dành riêng cho phụ nữ đáng lẽ phải là thế giới của Công chúa Sofia. Sinh năm 1657, cô sông ở đấy thời thơ ấu, là một trong số khoảng chục phụ nữ gồm chị, em gái, cô, dì và con gái của Sa hoàng Aleksei - tất cả đều giam mình sau những khung cửa sổ nhỏ xíu. Dường như không có lý do rõ rệt cho tố chất hiếm hoi và khác thường của Sofia. Cô chỉ là người con thứ ba trong số tám người con gái do Hoàng hậu Maria Miloslavskaya sinh ra và là một trong sáu người con còn sống. Đáng lẽ cô đã nhận nền giáo dục sơ cấp dành cho nữ giới và sông suốt cuộc đời vô danh trong biệt lập - giống như chị em của cô. Nhưng Sofia có sự khác biệt. Cô có trí thông minh, có tham vọng, tính quyết đoán mà anh em trai yếu đuối của cô và chị em gái vô danh của cô hoàn toàn thiếu. Dường như Sofia đã chiếm trọn sức khỏe, sự năng động và mục đích cuộc đời của anh chị em cô.

Từ tuổi nhỏ, Sofia đã biểu hiện là một con người khác thường. Bằng cách nào đấy, cô đã thuyết phục vua cha bỏ qua truyền thống biệt lập phụ nữ hoàng gia và cho phép cô học chung với Fyodor, em trai nhỏ hơn cô 4 tuổi. Cô được học thần học, tiếng Latinh, tiếng Ba Lan và sử học. Cô cũng được biết qua thơ văn, kịch nghệ, ngay cả lên sân khấu trình diễn trong những vở kịch về đề tài tôn giáo.

Sofia được 19 tuổi thì vua cha qua đời và cậu em 15 tuổi trở thành Sa hoàng. Không bao lâu sau lễ đăng quang của Fyodor, vị Công chúa này xuất hiện bên ngoài chốn biệt cung bí ẩn. Dưới triều đại Fyodor, càng ngày cô càng xuất hiện nhiều hơn ở những nơi - thậm chí trong hội đồng các *boyar* - mà từ trước đến giờ không hề có bóng dáng của phụ nữ. Người cậu Ivan

Miloslavsky của cô và thủ tướng - Hoàng thân Vasily Golitsyn - cho phép cô tham dự vào các buổi thảo luận và lấy quyết định, vì thế những nhận thức chính trị của cô trở nên trưởng thành và giúp cô hiểu thêm tố chất của đàn ông. Dần dà, cô nhận ra rằng tri thức và tính quyết đoán của mình không hề thua kém mà thậm chí còn vượt trội những người đàn ông quanh mình; và rằng không có lý do gì, ngoại trừ giới tính và truyền thông, có thể ngăn cô nắm lấy uy quyền tối thượng.

Trong tuần lễ cuối cuộc đời của Fyodor, Sofia luôn ở bên giường bệnh, hành xử như là người an ủi Sa hoàng, lắng nghe Sa hoàng thổ lộ tâm tư, và giúp truyền đạt mệnh lệnh của Sa hoàng. Rồi cô can dự sâu vào những vấn đề quốc gia hệ trọng. Cái chết của Fyodor và việc truyền ngôi cho Pyotr là đứa em bai cùng cha khác mẹ, chứ không phải cho Ivan là em ruột, có tác động nặng nề đối với Sofia. Việc này có nghĩa là dòng họ Naryshkin sẽ trở lại trong khi cô, một công chúa của dòng họ Miloslavsky, sẽ mất vị thế đặc biệt của mình. Chắc chắn cô không còn được tiếp xúc với các đại thần trong triều như Hoàng thân Vasily Golitsyn, người mà cô mến mộ. Tệ hơn nữa, vì cô và vị Phụ chính - Hoàng Thái hậu Natalia - không ưa gì nhau, có khả năng cô sẽ bị tống vào tu viện.

Trong cơn tuyệt vọng, Sofia kiếm tìm giải pháp khác. Cô đi đến Giáo chủ để khiếu nại về quyết định nhanh chóng đưa Pyotr lên ngôi: “Quyết định này là không công bằng. Pyotr còn nhỏ và bốc đồng. Ivan đã trưởng thành, đáng lẽ phải là Sa hoàng.” Joachim đáp là không thể thay đổi quyết định. Sofia nài nỉ: “Nhưng ít nhất nên để cả hai người lên ngôi.” Vị Giáo chủ không nghe theo.

Sofia phải rút lui. Nhưng ít ngày sau, trong tang lễ Fyodor, cô công khai bày tỏ quan điểm của mình. Trong đám đông bước theo sau xe tang đi đến

thánh đường, Natalia đi bên cạnh Pyotr. Bà nghe tiếng xôn xao phía sau, ngoảnh lại và trông thấy Sofia đã gia nhập đám tang, không có chiếc lọng truyền thống để ngăn công chúng nhìn thấy phụ nữ của hoàng gia. Chỉ với một tấm khăn voan che mặt, Sofia đã bước ra thế giới bên ngoài, than khóc và cầu khẩn mọi người thấu hiểu cho nỗi đau khổ của cô. Hành động của Sofia có thể hiểu theo nhiều cách: phá bỏ tục lệ nghìn xưa vốn luôn cách ly các công chúa, thiếu lễ nghi phép tắc; hoặc là can đảm, đáng thương.

Trong khi nghi thức đang diễn ra trong thánh đường, Natalia nắm lấy tay Pyotr bước ra ngoài, có thể được hiểu như hành động trả đũa lại Sofia. Sau đấy, bà giải thích rằng con trai bà bị mệt và đói, ở lại lâu thêm không tốt cho sức khỏe. Nhưng dòng họ Miloslavsky cảm thấy bị xúc phạm vì hành động này. Tình hình càng trở nên nặng nề khi Ivan Naryshkin, người em trai có tính tự phụ của Natalia, hàm ý nói đến cả họ Miloslavsky: "Người chết phải chôn người chết."

Sau khi bước ra khỏi thánh đường, Sofia lại kể lể nỗi đau khổ, giờ pha thêm giận dữ:

> Mọi người đã thấy Sa hoàng Fyodor đột ngột băng hà như thế nào. Những kẻ thù của Ngài đã hạ độc Ngài. Xin hãy thương xót những người mô côi như chúng tôi. Chúng tôi không có cha, không có mẹ. Người anh của chúng tôi, Ivan, đã không được chọn để lên ngôi.

4 CUỘC NỔI LOẠN CỦA CẤM VỆ

Trong nửa đoạn đời đầu của Pyotr Đại đế chìa khóa của quyền lực nước Nga nằm trong tay Cấm vệ, là lực lượng vũ trang chuyên nghiệp đầu tiên của Nga. Cấm vệ có lời tuyên thệ phải bảo vệ "chính phủ" trong cơn khủng hoảng, nhưng khi có tranh chấp họ thường khó quyết định chính phủ hợp pháp thuộc về bên nào. Cấm vệ giống như tập thể của những con thú ngu xuẩn, không nhận rõ ai là người chủ thật sự, nhưng lại sẵn sàng xông đến cắn xé bất cứ ai thách thức vị thế đặc quyền của chúng. Ivan Bạo chúa đã thành lập Cấm vệ nhằm tạo một lực lượng chính quy chuyên nghiệp thay cho các đội quân phong kiến mà Sa hoàng thường phải dựa vào đế chinh chiến. Các đội quân phong kiến bao gồm chủ yếu là nông dân, do những nhà quý tộc vốn cũng là địa chủ cầm đầu, được Sa hoàng triệu tập vào mùa hè và cho về nhà vào mùa thu. Thiếu huấn luyện, thiếu quân trang và quân dụng, lại có tính chất thiếu chuyên nghiệp, các đội quân này kém xa quân đội các nước Châu Âu khác, kém ngay cả Ba Lan và Thụy Điển.

Khi canh gác hoặc diễu hành, Cấm vệ tạo nên hình ảnh lộng lẫy, dễ gây ấn tượng. Mỗi lữ đoàn mặc đồng phục và mang cờ xí với sắc màu rực rỡ

riêng: áo choàng dài màu xam lam, xanh lục hoặc đỏ cam, mũ lông thú cùng màu áo, ghệt nhét vào trong giày cao cổ có mũi cong lên.

Phần lớn Cấm vệ là người Nga giản đơn, sống theo cách xưa cũ, tôn thờ cả Sa hoàng và Giáo chủ, ghét cải tổ, chống đổi mới. Cả sĩ quan và binh lính đều nghi ngờ và bất mãn đối với người nước ngoài được thuê để huấn luyện chiến thuật và vũ khí mới. Cấm vệ thường không hiểu biết gì về chính trị, nhưng khi họ tin rằng đất nước Nga đang rời xa khỏi con đường truyền thống, họ dễ bị thuyết phục là họ có nhiệm vụ phải can thiệp vào việc nước.

Trong thời bình, Cấm vệ không có nhiều việc phải làm. Một vài đội được phái trấn giữ vùng biên giới giáp Ba Lan và sắc tộc Tatar, nhưng phần lớn đóng tại Moskva, ngụ trong những doanh trại gần Kremlin. Vào năm 1682, quân số Cấm vệ lên đến 22.000 - chia ra 22 lữ đoàn, mỗi lữ đoàn có quân số 1.000 - cùng với vợ con tạo thành một khối người đông đúc sống nhàn rỗi trong lòng thủ đô. Họ được Sa hoàng nuông chiều, được cấp nhà ở tiện nghi, lương thực, quân trang và tiền lương. Đáp lại, nhiệm vụ của họ là canh gác khu Kremlin và những cổng ra vào thành phố. Khi Sa hoàng di chuyển trong thành phố, họ dàn thành hàng danh dự hai bên đường; khi Sa hoàng du hành ngoài thành phố, họ là lực lượng hộ tống. Cấm vệ cũng hoạt động như là lực lượng cảnh sát, mang theo roi để can thiệp khi cần. Khi có hỏa hoạn, Cấm vệ trở thành lính chữa cháy.

Dần dà, vì có nhiều thì giờ nhàn rỗi, Cấm vệ làm thêm việc buôn bán. Họ mở hàng quán mà không phải đóng thuế, nên trở thành giàu có. Việc gia nhập Cấm vệ trở nên một đặc quyền hầu như là cha truyền con nối. Khi một người con trai đến tuổi trưởng thành, anh ta được gia nhập lữ đoàn của cha mình. Lẽ tự nhiên là, khi Cấm vệ càng phát đạt nhờ làm ăn buôn bán, họ lại

càng biếng nhác trong nhiệm vụ chính về quân sự. Người có hàng quán đang sinh lợi sẵn sàng hối lộ để né tránh công vụ nhọc nhằn. Sĩ quan có cơ hội lợi dụng nhân lực dưới quyền để sai bảo làm việc nhà, xây cất nhà hoặc làm vườn. Đôi lúc, sĩ quan còn biển thủ tiền lương của binh lính; đơn tố cáo thường bị làm ngơ, người dám tố cáo thường bị trù dập.

Đấy chính là tình trạng vào tháng 5/1682, khi Sa hoàng Fyodor đang hấp hối trên gường bệnh. Một người lính gửi đơn tố cáo lữ đoàn trưởng của anh giữ lại phân nửa tiền lương của binh sĩ và còn bắt thuộc hạ xây một ngôi nhà cho ông ở ngoại ô Moskva. Vị Tư lệnh Cấm vệ, Hoàng thân Yuri Dolgorukov, ra lệnh đánh roi người lính đã tố cáo vì tội không tuân lệnh cấp trên. Nhưng lần này, khi đang bị dẫn đến chỗ nhục hình, người lính đi ngang đồng đội của mình đang đứng xem. Anh hô lên:

> Các anh em, tại sao tố giác tôi? Tôi đã trình đơn tố cáo theo ý của các anh, tôi làm là vì các anh!

Được kêu gọi như thế đám Cấm vệ xông vào để giải thoát đồng đội của họ.

Sự cố khiến cho cả doanh trại của Cấm vệ sôi sục. Binh sĩ của mười bảy lữ đoàn lập tức tố cáo lữ đoàn trưởng của họ gian dối hoặc hà khắc, và đòi hỏi công lý. Chính phủ của Phụ chính Natalia, vốn vừa được thành lập, không thể đối phó với cơn khủng hoảng. Nhiều gia đình *boyar* có thế lực ở Nga đã đứng sau Pyotr và bà mẹ, nhưng không ai biết phải làm thế nào để xoa dịu đám Cấm vệ. Cuối cùng, trong cố gắng tuyệt vọng nhằm ngăn chặn sự thù hằn của binh sĩ, Natalia quyết định hy sinh các lữ đoàn trường. Không có điều tra gì cả, bà ra lệnh bắt giữ các lữ đoàn trưởng, cách chức

họ, tịch thu tài sản của họ để chia cho các binh sĩ đã tố cáo. Hai lữ đoàn trưởng bị đánh roi trước công chúng; 12 người khác bị chính binh sĩ dưới quyền đánh roi trong khi các Cấm vệ khác hô hào "Đánh mạnh thêm" cho đến khi nạn nhân ngất xỉu. Xong xuôi, lính Cấm vệ bảo nhau: "Họ bị trừng phạt đủ rồi. Để cho họ đi."

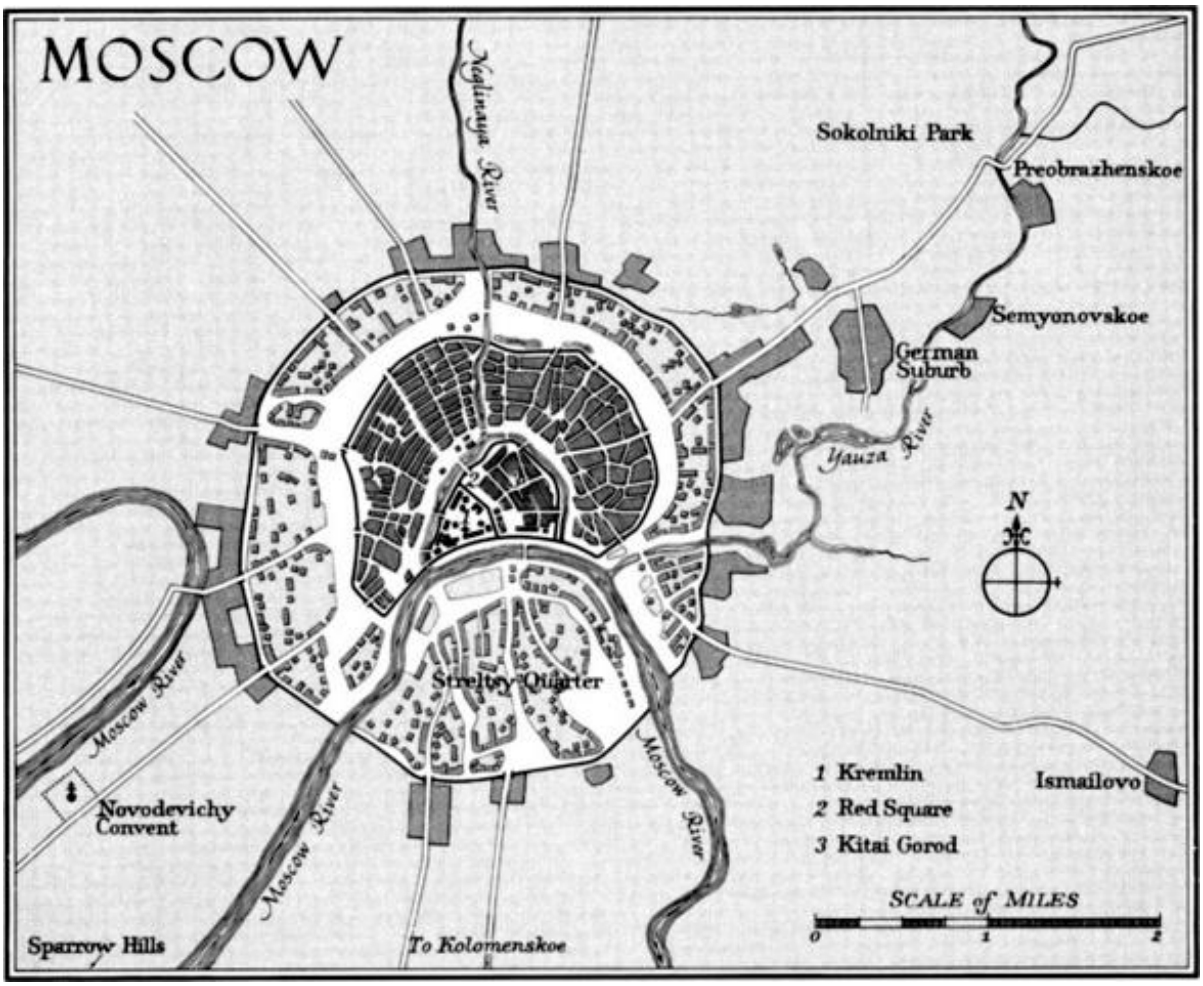

Việc cho phép binh sĩ nổi loạn đánh đập cấp chỉ huy của họ là phương cách liều lĩnh để khôi phục kỷ luật. Trong lúc này, Cấm vệ được xoa dịu nhưng thật ra họ trở nên nguy hiểm hơn: họ nhận ra rằng mình có quyền lực, tự tin mình có quyền và thậm chí có thiên chức trừ khử kẻ thù của đất nước.

Cấm vệ nghĩ rằng họ đã nhận ra kẻ thù là ai: các *boyar* và dòng họ Naryshkin. Những lời đồn đại đã đến tai họ. Họ nghe Sa hoàng bị bác sĩ nước ngoài đầu độc với sự thông đồng của các *boyar* và dòng họ Naryshkin. Chính những kẻ thù ấy đã đưa Pyotr lên ngôi, bỏ qua Ivan vốn là người kế vị ngai vàng hợp pháp. Bây giờ, âm mưu ác độc đã thành công, người nước ngoài sẽ nắm quyền trong quân đội và chính phủ, Chính Thống giáo sẽ bị hạ bệ và chà đạp, và tệ hại nhất là những người trung thành bảo vệ giá trị xưa cũ của Nga, tức là Cấm vệ, sẽ bị trừng phạt một cách thảm khốc.

Đây là những mẩu chuyện nhằm khai thác định kiến truyền thống của Cấm vệ. Và những sự kiện khác được mô tả theo cách thức khơi dậy nhiệm vụ chiến binh của Cấm vệ. Khi nhận chức vụ Phụ chính, Natalia đã thăng cấp hàng loạt thân nhân của bà trong dòng họ Naryshkin, thậm chí nâng người em trai tự kiêu Ivan Naryshkin mới 23 tuổi lên hàng *boyar*. Anh này đã bị thù ghét vì lời phát biểu tại tang lễ của Fyodor. Bây giờ, có lời đồn đại mới: anh ta đã đối xử tàn nhẫn với Sofia và tỏ ý cho rằng vương miện Sa hoàng xứng với anh hơn.

Nhưng các câu chuyện đều có nguồn gốc; các lời đồn đại đều có mục đích. Ai đã có ý đồ khích động Cấm vệ? Có một người: Ivan Miloslavsky, vốn vẫn muốn lật đổ Pyotr, Natalia và dòng họ Naryshkin. Sau khi đã ra đi trong thời gian triều đình chịu ảnh hưởng của dòng họ Naryshkin, ông đã trả đũa bằng cách lưu đày Matveyev; bây giờ Matveyev đang trở về làm cố vấn cho Phụ chính Natalia. Ivan Miloslavsky hiểu rõ số phận mình sẽ ra sao trong tình hình này. Một người khác là Hoàng thân Ivan Khovansky, ồn ào, đầy tham vọng nhưng bất tài. Đã bị cách chức Tổng trấn Pskov, ông được triệu đến yết kiến Sa hoàng Aleksei và nghe mắng mỏ: “Mọi người đều bảo

ông là thằng khờ.” Không hề chấp nhận sự đánh giá này, ông tin rằng mình sẽ có chức vụ cao nếu dòng họ Miloslavsky trở lại, nên ông tích cực ủng hộ dòng họ này.

Điều đáng ngạc nhiên là Hoàng thân Vasily Golitsyn cũng can dự vào âm mưu trên. Tuy có xu hướng đổi mới theo Tây Âu, ông bị cuốn hút theo dòng họ Miloslavsky vì đã làm cho một số người bất mãn. Chính ông đã soạn thảo tổ chức mới của quân đội và đề xuất bãi bỏ chế độ giai cấp, thế là các *boyar* căm ghét ông. Vì lẽ họ ủng hộ Natalia và dòng họ Naryshkin, Golitsyn quay sang ủng hộ dòng họ Miloslavsky.

Cả ba người: Ivan Miloslavsky, Ivan Khovansky và Vasily Golitsyn đều có động lực để khích động; nhưng một khi cuộc nổi loạn thành công, không ai trong số họ có thể trị vì nước Nga. Chỉ một người là thành viên của hoàng gia và có thể nắm quyền Phụ chính nếu Ivan lên ngôi. Chỉ một người có nguy cơ bị giam mình trong biệt cung và bị tước hết ảnh hưởng. Chỉ một người có đủ thông minh và can đảm để âm mưu lật đổ một Sa hoàng đã được chọn. Không ai rõ cô can dự đến mức nào trong âm mưu này; có ý kiến cho rằng, người khác thực hiện mưu đồ nhằm ủng hộ cô mà cô không biết. Nhưng các chứng cứ gián tiếp cho thấy người chủ mưu chính là Sofia.

Trong lúc ấy, Natalia hoàn toàn không hay biết gì và đang nóng lòng chờ Matveyev trở về. Vào ngày Pyotr được chọn làm Sa hoàng, bà đã cử liên lạc viên khẩn cầu ông về gấp. Chuyến trở về của ông biến thành một sự kiện chiến thắng, ở mỗi thị trấn ông đi qua, người ta đều tổ chức lễ tạ ơn và tiệc chiêu đãi người lãnh đạo được phục hồi. Cuối cùng, vào buổi tối 11/5/1682, sau 6 năm đi đày, ông về đến Moskva. Matveyev đã già yếu, nhưng Natalia tin rằng, bằng uy tín đối với các *boyar* và Cấm vệ, không bao lâu ông sẽ có thể tạo dựng trật tự và sự hòa hợp.

Trong ba ngày, tình hình có vẻ như thế. Vào thời gian này, các *boyar*, thương nhân và bạn bè nước ngoài từ Khu Ngoại ô Đức đến đầy nhà của Matveyev để chào đón ông. Các lữ đoàn Cấm vệ cử đại diện đến thăm hỏi ông vì ông là vị tư lệnh có danh giá trước đây của họ. Ngay cả thành viên của dòng họ Miloslavsky cũng đến thăm, ngoại trừ Ivan Miloslavsky không đến, viện lý do bị bệnh. Matveyev chào đón tất cả với dòng lệ chảy dài trên má, trong khi quà biếu chất đầy nhà. Vì mới về và chưa nắm quyền kiểm soát tình hình, Matveyev không lường được mối hiểm họa. Phe Sofia không bao giờ muốn buông tha, và các lữ đoàn Cấm vệ vẫn âm ỉ ngòi lửa phản loạn. Biệt lập trong khu Kremlin và vui mừng trong cảnh sum họp, Natalia và Matveyev không cảm thấy sự căng thẳng đang dâng cao.

Lúc 9 giờ sáng ngày 15/5/1682, ngòi lửa đang âm ỉ đã bùng cháy. Hai kỵ binh thuộc nhóm thuộc hạ thân tín của Sofia phi ngựa vào khu doanh trại Cấm vệ, hô to: "Dòng họ Naryshkin đã ám sát Hoàng tử Ivan! Tiến vào Kremlin! Dòng họ Naryshkin sẽ hãm hại toàn thể hoàng gia! Mang vũ khí! Trừng phạt bọn phản quốc!"

Cả doanh trại Cấm vệ nhốn nháo. Chuông gióng lên gấp rút, trống trận bắt đầu đánh lên. Binh sĩ choàng vào quân phục, vồ lấy vũ khí, vài người cắt ngắn cây thương của họ để dễ dàng cận chiến. Họ vừa đánh trống vừa tiến đến Khu Kremlin. Đi đến đâu, dân chúng hoảng sợ chạy dạt ra đến đấy. Nhóm binh sĩ hô lớn: "Chúng tôi đến Kremlin để giết kẻ phản quốc và sát nhân của gia đình Sa hoàng!"

Trong lúc ấy, mọi cơ quan và cung điện trong Khu Kremlin vẫn hoạt động bình thường. Không ai được biết gì về biến cố đang diễn ra hoặc tai họa sắp ập đến họ. Các cổng vào của bức tường thành đều được mở toang; chỉ có lác đác vài lính canh. Hội đồng *boyar* vừa họp xong, các *boyar* đang

ngồi làm việc trong văn phòng của họ, hoặc đi dạo qua lại, cùng nhau chuyện trò. Matveyev vừa bước ra khỏi phòng họp thì gặp Hoàng thân Fyodor Unisov chạy đến, hào hển báo tin: Cấm vệ đã nổi dậy! Họ đang tiến về Kremlin!

Kinh ngạc và lo lắng, Matveyev trở vào hoàng cung báo tin cho Natalia. Ông ra lệnh cho gọi Giáo chủ đến gấp, đóng các cổng thành Kremlin, lệnh cho Lữ đoàn Cấm vệ Stremyani đang trực chiến hôm ấy tỏa ra canh gác tường thành và sẵn sàng bảo vệ Pyotr, hoàng gia và triều đình.

Ngay khi Matveyev vừa dứt lời, ba liên lạc viên nối tiếp nhau chạy đến, mỗi người mang tin xấu hơn người trước. Người thứ nhất cho biết rằng Cấm vệ đã tiến đến gần bức tường thành Kremlin; người thứ hai, rằng không có thời gian để đóng kịp các cổng; và người thứ ba, rằng tất cả đã quá muộn: Cấm vệ đã xâm nhập Kremlin. Vừa lúc ấy, hàng trăm binh sĩ Cấm vệ tràn qua các cổng thành, chạy lên triền đồi và đi vào Quảng trường Thánh đường phía trước Cung điện Nhiều mặt. Binh sĩ của Lữ đoàn Stremyani tan rã hàng ngũ, gia nhập vào nhóm phản loạn.

Trên ngọn đồi, Cấm vệ tụ tập ở quảng trường nằm giữa ba thánh đường và Tháp chuông Ivan. Chen chúc nhau ở Cầu thang Đỏ (dẫn xuống Quảng trường Đỏ), họ hô to: “Hoàng Thái tử Ivan ở đâu? Đem nộp những người của dòng họ Naryshkin và Matveyev! Xử tử bọn phản quốc!” Bên trong, các *boyar* kinh hãi, vẫn chưa biết rõ lý do cuộc nổi loạn. Các Hoàng thân Mikhail Tcherkassky, Golitsyn và Sheremetyev được cử đi ra để hỏi đám Cấm vệ xem họ muốn gì. Họ nhận được câu trả lời từ những tiếng hô:

> Chúng tôi muốn trừng trị bọn phản quốc! Chúng đã giết Hoàng Thái tử và sẽ giết cả hoàng gia. Đem nộp những người của dòng họ

Naryshkin và những kẻ phản quốc khác!

Hiểu ra rằng cuộc nổi loạn một phần là do hiểu lầm, ba Hoàng thân trở vào thông báo cho Matveyev. Ông này đến gặp Natalia, khuyên bà rằng cách duy nhất để xoa dịu binh sĩ là cho họ thấy Hoàng Thái tử Ivan vẫn còn sống và hoàng gia được đoàn kết. Ông yêu cầu bà dẫn cả Pyotr và Ivan ra trình diện với Cấm vệ.

Natalia run rẩy sợ hãi. Cùng với đứa con 10 tuổi đứng trước đám quân đang hò reo đòi giết dòng họ mình là một nhiệm vụ kinh khủng. Nhưng bà không có chọn lựa nào khác. Một tay dắt Pyotr, tay kia dắt Ivan, bà bước ra khung cửa ở đầu bậc thang Cầu thang Đỏ. Giáo chủ và các *boyar* đứng phía sau bà. Khi đám Cấm vệ phía dưới trông thấy bà cùng hai cậu bé, tiếng la ó tắt dần, tiếng xầm xì hoang mang lấp đầy quảng trường. Natalia cất tiếng:

> Đây là Sa hoàng Pyotr Alekseyevich. Và đây là Hoàng Thái tử Ivan Alekseyevich. Hãy cảm tạ Thượng Đế, cả hai vị đều mạnh khỏe và không hề bị kẻ phản quốc nào hãm hại. Không có kẻ phản quốc trong hoàng cung. Các ngươi đã bị lừa dối.

Tiếng ồn ào nổi lên trong đám Cấm vệ. Lần này, họ đang tranh cãi nhau. Một vài binh sĩ tò mò và gan dạ đi lên các bậc thang hoặc bắc thang leo lên để nhìn ba người được rõ hơn. Họ muốn biết chắc Ivan thật sự còn sống. Họ hỏi cậu bé đang thất thần: “Có phải Ngài thật sự là Ivan Alekseyevich?” Cậu bé lập cập đáp yếu ớt: “Đúng.” Họ hỏi lần nữa: “Có phải Ngài đúng là Ivan?” Hoàng Thái tử đáp: “Đúng, tôi là Ivan.” Chỉ đứng cách nhóm Cấm vệ vài bước, Pyotr không nói lời nào. Mặc dù bàn tay bà mẹ đang run rẩy, cậu bé vẫn đứng thẳng, không tỏ vẻ gì hãi sợ.

Hoang mang tột cùng, nhóm Cấm vệ rút xuống các bậc thềm. Họ thấy rõ ràng họ đã bị lừa dối - Ivan đã không bị ám sát. Đa số nhóm nổi loạn đứng lặng im, nhìn sững ba người đứng bên trên mà không biết phải làm gì.

Natalia nán lại thêm một phút, nhìn xuống rừng gươm giáo trước mặt, rồi dẫn hai đứa trẻ đi vào. Ngay sau đấy, Matveyev tiến ra. Dưới triều Sa hoàng Aleksei, ông đã là Tư lệnh Cấm vệ được yêu mến, và nhiều người trong bọn họ vẫn còn có cảm tình với ông. Bằng một giọng nhẹ nhàng, tự tin, ông nhắc họ về công trạng trung thành của họ trong quá khứ, về tiếng thơm của họ trong nhiệm vụ bảo vệ Sa hoàng, về chiến công của họ ngoài mặt trận. Không có ý kết án họ, có phần buồn bã hơn là tức giận, ông hỏi làm thế nào thanh danh họ có thể bị ô uế qua hành động nổi loạn này, và càng đáng buồn hơn khi vụ việc chỉ là do lời đồn đại. Ông nhấn mạnh là không cần đến họ để bảo vệ hoàng gia vì, như họ đã thấy, hoàng gia đều yên ổn. Ông nhỏ nhẹ khuyên họ giải tán, trở về nhà và xin ân xá về những việc làm hôm nay. Ông hứa là đơn xin ân xá như thế sẽ được chấp thuận, sự việc sẽ được xem như lòng trung quân đặt không đúng chỗ.

Những lời nói tự tin, thân mật như thế tạo ấn tượng sâu sắc. Các binh sĩ đứng gần, vì nghe được rõ hơn, gật đầu tỏ ý tán đồng. Ở phía sau, một số còn tranh cãi, một số hô lên yêu cầu im lặng để họ có thể nghe rõ lời của Matveyev. Dần dần, khi hiểu ra ý nghĩa những lời nói của Matveyev, cả đám đông trở nên im lặng.

Khi Matveyev dứt lời, Giáo chủ cũng lên tiếng ngắn gọn, gọi Cấm vệ là con cái của mình, trách móc họ một cách nhẹ nhàng, yêu cầu họ xin xá tội và giải tán. Những lời lẽ này cũng có tác động làm xoa dịu, và cơn khủng hoảng có vẻ như đã chấm dứt. Cảm thấy tình hình đã ổn thỏa, Matveyev đưa tay chào đám Cấm vệ rồi quay vào hoàng cung để báo tin mừng cho

Hoàng Thái hậu đang khổ sở. Ông đã phạm sai lầm chết người khi bỏ đi như thế.

Ngay khi Matveyev mất hút, Hoàng thân Mikhail Dolgorukov, con trai của Tư lệnh Cấm vệ, xuất hiện ở đầu bậc Cầu thang Đỏ. Cảm thấy nhục nhã vì hành động phản loạn của đám binh sĩ, bây giờ ông nổi cơn giận dữ và tỏ ra ngu xuẩn khi chọn thời điểm này để cố tái lập kỷ luật quân đội. Ông chửi bới đám binh sĩ bằng ngôn từ nặng nề nhất, ra lệnh cho họ trở về nhà; nếu không, ông dọa sẽ sử dụng cực hình.

Ngay lập tức, đám đông đang im lặng lại bùng lên phẫn nộ. Họ nhớ lại mọi lý do khiến họ kéo đến đây: trừng trị dòng họ Naryshkin, diệt trừ các *boyar* đáng ghét như dòng họ Dolgorukov. Họ tràn lên Cầu thang Đỏ, tóm lấy người chi huy của họ, nhấc bổng ông lên và ném ông rơi xuống các ngọn giáo của đồng đội họ đứng phía dưới. Đám đông hô lên: "Chém nó ra thành từng mảnh!" Chỉ trong vòng vài giây, cái thân người quằn quại bị băm vằm, máu túa lên các binh sĩ xung quanh.

Tiếp đấy, đám người vung vũ khí lên, chạy lên Cầu thang Đỏ, tiến vào hoàng cung. Nạn nhân kế tiếp là Matveyev. Ông đang đứng nói chuyện với Natalia trong phòng đại tiệc; bà vẫn còn nắm tay Pyotr và Ivan. Thấy đám Cấm vệ đổ xô đến, bà buông hai đứa trẻ ra, theo bản năng tự phát ôm choàng lấy Matveyev để bảo vệ ông. Đám binh sĩ đẩy hai đứa trẻ qua một bên, giằng lấy Matveyev và đẩy Natalia ra xa. Hoàng thân Tcherkassky xông vào cố cứu thoát Matveyev, nhưng đám binh sĩ xô ông ra. Trước sự chứng kiến của Pyotr và Natalia, họ lôi Matveyev ra đến đầu Cầu thang Đỏ. Ở đây, với tiếng thét cuồng nộ họ nâng bổng ông lên và ném ông xuống những mũi gươm và giáo tua tủa. Chỉ trong vài giây, vị thủ tướng phục vụ

cha của Pyotr, người bảo vệ và người hỗ trợ đắc lực nhất của mẹ Pyotr, bị băm vằm thành từng mảnh.

Sau cái chết của Matveyev, không gì có thể ngăn chặn đám Cấm vệ. Họ chạy qua các hành lang, phòng cư ngụ riêng, giáo đường, nhà bếp và ngay cả các phòng họp kín, hô hào đòi giết dòng họ Naryshkin và các *boyar*. Ai nấy bỏ chạy tán loạn tìm nơi ẩn trú. Giáo chủ chạy vào Thánh đường Thăng thiên. Chỉ có Natalia, Pyotr và Ivan là không trốn lánh, túm tụm nhau ở một góc của phòng đại tiệc.

Nhiều người không thể trốn thoát. Đám Cấm vệ phá đổ các cánh cửa đã khóa, sục sạo dưới gầm giường và phía sau bàn thờ, dùng giáo chọc vào khe tối nơi có thể có người ẩn náu. Bọn họ gí gươm vào cổ những người lùn, bức bách dẫn họ đi tìm người của dòng họ Naryshkin. Đám Cấm vệ dẫn những người được tìm thấy ra đầu Cầu thang Đỏ rồi ném cho rơi xuống lan can hoặc xuống những ngọn giáo đang chĩa lên. Họ bắt được một trong những anh trai của Natalia, nắm lấy tóc ông này kéo lê đến các bậc cầu thang của một giáo đường rồi chém ông thành từng mảnh, ủy viên Hội đồng Cơ mật và Giám đốc Ngoại giao, Ivanov, cùng người con trai Vasily và hai đại tá bị giết ở ngạch cửa giữa phòng đại tiệc và Thánh đường Truyền tin. Vị *boyar* già Romodanovsky bị bắt gần cung điện của Giáo chủ, bị nắm râu lôi ra Quảng trường Thánh đường rồi bị ném lên rừng giáo.

Họ lôi nhiều xác người, hoặc những mảnh vụn của xác người, với những mũi gươm và thương của họ vẫn còn cắm ngập, đến Quảng trường Đỏ rồi ném lên đống tử thi càng lúc càng dâng cao phía trước Giáo đường Sankt-Basil. Cuộc tàn sát cứ thế tiếp tục…

Khi màn đêm buông xuống, đám Cấm vệ bắt đầu mỏi mệt vì chém giết. Họ không có chỗ ngủ trong Khu Kremlin, thế là phần lớn trở về nhà. Tuy

cuộc tàn sát diễn ra khốc liệt, họ chỉ thành công một phần. Trong dòng họ Naryshkin, chỉ có một người anh của Natalia bị giết. Mục tiêu chính của sự thù ghét của họ, người em trai của Natalia tên Ivan, trốn thoát được. Vì thế, Cấm vệ cử người canh gác nghiêm ngặt tại tất cả cổng ra vào của Kremlin và thề sẽ trở lại để tiếp tục truy lùng hôm sau. Bên trong, những người thuộc họ Naryshkin trải qua một đêm kinh hoàng. Người cha và bốn anh em trai của Natalia trú ẩn trong phòng của em gái Pyotr 8 tuổi, cũng có tên Natalia. Họ chưa bị phát hiện, nhưng họ không thể thoát thân.

Vào lúc bình minh, đám Cấm vệ lại tiến vào Kremlin trong tiếng trống để truy tìm Ivan Naryshkin cùng hai bác sĩ nước ngoài bị kết tội đầu độc Sa hoàng Fyodor và những "kẻ phản quốc" khác. Họ tiến vào nhà Giáo chủ. Sục sạo qua các phòng tầng hầm và dưới giường ngủ của ông, họ đe dọa gia nhân và đòi được gặp Giáo chủ. Ông đi ra, ăn vận bộ áo thụng hành lễ đẹp nhất, nói với họ rằng không có kẻ phản quốc trong nhà ông, và nếu muốn giết ai đấy họ cứ giết ông.

Thế là Cấm vệ tiếp tục lùng kiếm khắp hoàng cung, nhưng những người họ Naryshkin vẫn trốn lánh được. Sau hai ngay trốn lánh trong phòng ngủ của em gái Pyotr, người cha của Natalia, Kyril Naryshkin, và ba con trai của ông cùng đứa con trai của Matveyev[38] di chuyển đến tư phòng của Hoàng hậu Martha Apraxima, vợ góa của Sa hoàng Fyodor. Nơi đây, cả nhóm được một bà quản gia già dẫn vào một căn phòng tối dưới mặt đất. Bà quản gia định khóa cánh cửa đi xuống căn phòng, nhưng đứa con trai của Matveyev nói: "Đừng. Nếu bà khóa cánh cửa, bọn Cấm vệ sẽ nghi ngờ, phá cánh cửa ra, tìm thấy và giết chúng tôi." Vì thế nhóm người cố gắng làm cho căn phòng thật tối, ngồi sát vào một góc, để mở cánh cửa. Vừa lúc ấy, một toán Cấm vệ đi qua, đảo mắt nhìn quanh. Vài người nhìn qua cánh cửa,

chọc ngọn giáo vào khoảng tối, nhưng bỏ đi, nói: "Rõ ràng là đồng đội chúng ta đã đi qua đây."

Vào ngày thứ ba, khi đám Cấm vệ trở lại, họ nhất quyết không thể chờ đợi thêm nữa. Những người cầm đầu bọn họ bước lên Cầu thang Đỏ và ra tối hậu thư: Nếu Ivan Naryshkin không đầu hàng lập tức, họ sẽ giết tất cả các *boyar* trong hoàng cung. Họ nói rõ rằng ngay cả hoàng gia cũng có thể bị nguy hiểm.

Sofia nắm lấy quyền kiểm soát. Trước mặt các *boyar* đang kinh hãi, cô đi đến Natalia và cao giọng tuyên bố:

> Em của bà không thể thoát khỏi Cấm vệ. Không có lý nào chúng ta phải chết vì anh ta. Không có lối thoát. Để cứu lấy mạng sống của tất cả chúng ta, bà phải đem giao nộp anh ta.

Đây là thời khắc thảm họa cho Natalia. Bà đã tận mắt nhìn thấy Matveyev bị lôi đi và bị sát hại. Bây giờ, bà bị yêu cầu phải hiến người em trai cho một cái chết khủng khiếp. Dù kinh hoàng khi phải quyết định, Natalia không có chọn lựa nào khác. Bà ra lệnh cho gia nhân dẫn anh này đến. Anh đi đến, và bà dẫn anh vào một nhà nguyện trong hoàng cung, nơi anh nhận lễ rửa tội cuối cùng, chấp nhận quyết định của bà và cái chết sắp đến với thái độ dũng cảm. Trong lúc ấy, các *boyar* bên ngoài hối thúc vì sợ Cấm vệ sẽ thực hiện lời đe dọa.

Theo sau Natalia, Ivan Naryshkin bước đến cánh cửa nơi Cấm vệ đang chờ đợi. Ngay khi anh xuất hiện, đám lính rộ lên tiếng la ó chiến thắng và xông đến. Trước sự chứng kiến của em gái, họ tóm lấy anh, đánh đập anh, rồi lôi anh xuống Cầu thang Đỏ, đưa vào một phòng tra tấn. Trong nhiều

giờ, họ cố buộc anh phải khai đã sát hại Sa hoàng Fyodor và âm mưu chiếm đoạt ngai vàng. Nhưng Ivan Naryshkin vẫn cắn răng không nói một lời.

Sau cùng, Cấm vệ lôi anh và bác sĩ Van Gaden (bị cáo buộc đã đầu độc Fyodor) ra Quảng trường Đỏ, chặt hai người ra từng mảnh rồi giẫm đạp lên những mảnh xương thịt trên bùn đất.

Cuộc tàn sát kết thúc. Đám Cấm vệ tụ tập trước Cầu thang Đỏ một lần cuối. Được thỏa mãn là họ đã trả thù việc "đầu độc" Sa hoàng Fyodor, đập tan am mưu của Ivan Naryshkin và giết tất cả người mà họ cho là phản quốc, họ muốn tuyên bố lòng trung thành. Họ hô lên:

> Chúng tôi giờ đã mãn nguyện. Xin Sa hoàng tùy ý xử lý những kẻ phản quốc khác. Chúng tôi sẵn sàng tuân phục Sa hoàng, Hoàng hậu, Hoàng Thái tử và các Công chúa.

Tình hình trở lại yên ổn nhanh chóng. Cùng ngày, có lệnh cho phép chôn cất các thi thể chồng chất trên Quảng trường Đỏ kể từ ngày đầu của cuộc thảm sát. Một gia nhân trung thành của Matveyev cố gắng thu thập những mảnh vụn thi thể của ông chủ, rửa ráy cho sạch rồi đem đi an táng. Những người còn lại của họ Naryshkin đều thoát nạn và không bị săn đuổi. Cha đẻ của Natalia, Kyril Naryshkin, bị Cấm vệ ép buộc phải cạo đầu đi tu, và bị đưa đến một tu viện cách Moskva gần 650 kilômét về hướng bắc.

Trong thỏa hiệp để chấm dứt vụ việc, Cấm vệ đòi được trả phần lương còn thiếu. Tuy không có uy lực để từ chối, Hội đồng *boyar* không thể ưng thuận: đơn giản là vì không có ngân sách. Một biện pháp dung hòa là bớt khoản tiền còn một nửa. Để cung ứng cho khoản này, triều đình phát mãi tài

sản của Matveyev, Ivan Naryshkin và các *boyar* khác bị giết, nấu chảy nhiều đĩa bạc trong hoàng cung, và thu thêm từ dân chúng một khoản thuế.

Cấm vệ cũng đòi hỏi triều đình ân xá cho tất cả bọn họ và dựng một cột kỷ niệm trên Quảng trường Đỏ để ghi công họ. Tên của các nạn nhân được khắc lên cột, ghi chú là tử tội. Một lần nữa, triều đình không dám từ chối, và cây cột được dựng lên nhanh chóng.

Cuối cùng, trong một động thái không những để tạo hòa hoãn với Cấm vệ nhưng cũng đế lấy lại quyền kiểm soát họ, Cấm vệ được chính thức chỉ định là Cảnh vệ Hoàng cung. Mỗi ngày, hai lữ đoàn được triệu đến Kremlin, được chiêu đãi như là anh hùng trong phòng đại tiệc và các hành lang. Sofia xuất hiện trước mặt họ để tán dương lòng trung thành và sự tận tụy của họ đối với ngai vàng. Để tôn vinh họ, cô còn đi lại giữa họ và ban phát những cốc rượu vodka.

Thế là, Sofia tiến dần đến quyền lực. Bây giờ không còn có sự chống đối nào: Matveyev đã chết, Natalia bị ảnh hưởng nặng nề do thảm kịch bao trùm dòng họ của bà, Pyotr chỉ là một đứa bé lên 10. Tuy thế, Pyotr vẫn là Sa hoàng nước Nga. Khi cậu lớn lên, chắc chắn Sa hoàng này sẽ hành xử quyền uy của mình; dòng họ Naryshkin sẽ khôi phục ảnh hưởng và chiến thắng này của dòng họ Miloslavsky sẽ chỉ là tạm thời. Vì thế, kế hoạch của Sofia cần tiến thêm một bước nữa. Vào ngày 23/5/1682, được thuộc hạ của cô thúc đẩy, Cấm vệ yêu sách một thay đổi về địa vị trên ngai vàng nước Nga. Trong một thỉnh nguyện trình lên Khovansky, người được Sofia cử làm Tư lệnh của họ, Cấm vệ vạch ra rằng có điều bất hợp lệ nào đấy trong việc chọn Pyotr cho chức vụ Sa hoàng; cậu là con của hoàng hậu thứ hai, trong khi Ivan, con của hoàng hậu thứ nhất và lớn tuổi hơn, lại bị gạt sang một bên. Họ không có ý định đề xuất hạ bệ Pyotr; cậu là con của Sa hoàng,

cậu đã được chọn và Giáo chủ đã tuyên cáo chính thức. Thay vào đấy, họ đòi hỏi cả Pyotr và Ivan trị vì như là đồng-Sa hoàng. Họ đe dọa sẽ tấn công Kremlin lần nữa nếu thỉnh nguyện này không được đáp ứng.

Giáo chủ, các giám mục và các *boyar* được triệu tập để xem xét đòi hỏi này. Thật ra, họ không có chọn lựa nào khác: họ không thể chống lại Cấm vệ. Hơn nữa, họ biện luận rằng có hai Sa hoàng có thể là điểm lợi: khi một người tham gia chiến tranh, người kia có thể ở lại để lo việc nước. Họ quyết định chính thức là hai Sa hoàng sẽ trị vì bên nhau. Tuyên cáo nêu tên của Ivan trước, vì thỉnh nguyện của Cấm vệ đòi hỏi Hoàng tử này phải có vị thế cao hơn.

Bản thân Ivan không vui vẻ gì về việc này. Bị khuyết tật trong cả hai khả năng ăn nói và thị giác, anh không thiết tha với việc nước. Anh giải thích với Sofia là anh muốn có cuộc sống tĩnh lặng, nhưng khi bị gây thêm sức ép anh đồng ý rằng anh sẽ xuất hiện cùng với em trai cùng cha khác mẹ trong nghi thức quốc gia, và chỉ thỉnh thoảng làm việc với triều đình. Bên ngoài Kremlin, dân chúng - mà Cấm vệ mượn danh nghĩa để đưa ra đề xuất- cảm thấy ngạc nhiên. Nhiều người bật cười khi nghĩ đến việc Ivan - với những khuyết tật ai nấy đều biết - lại làm Sa hoàng nước Nga.

Có một câu hỏi trọng đại: vì cả hai đều còn nhỏ, ai sẽ đứng ra điều hanh việc nước? Hai ngày sau, Cấm vệ trình thỉnh nguyện cuối cùng: Công chúa Sofia làm Phụ chính. Giáo chủ và các *boyar* chấp thuận nhanh chóng. Cùng ngày, một chỉ dụ được đưa ra cử Công chúa Sofia Alekseyevna thay thế Hoàng Thái hậu Natalia làm Phụ chính.

Thế là, Sofia nắm quyền lãnh đạo nước Nga. Thật ra, cô là sự lựa chọn đúng, dù cô chỉ lấp vào chỗ trống do cô và thuộc hạ của cô tạo ra. Không có ai trong hoàng gia đủ tuổi trưởng thành để điều khiển triều đình, và cô vượt

trội so với các công chúa khác về trình độ học thức, tài năng và sức mạnh quyết đoán. Cô đã chứng tỏ cho thấy cô biết cách khích động và vượt qua cơn lũ của cuộc nổi loạn Cấm vệ. Quân đội, chính phủ và ngay cả dân chúng giờ trông mong đến cô. Sofia chấp nhận, và trong bảy năm kế tiếp người phụ nữ ngoại hạng này điều hành nước Nga.

Đế củng cố nhanh chóng chiến thắng của mình, Sofia lập tức hành động nhằm thế chế hóa cơ cấu quyền lực. Vào ngày 6/7/1682, mười ba ngày sau khi Cấm vệ nổi loạn, lễ tấn phong hai đồng-Sa hoàng được cử hành gấp rút. Sự kiện này không có tiền lệ không những ở Nga mà cả lịch sử của Châu Âu. Chưa từng bao giờ có hai quân vương được đăng quang cùng với nhau để cùng trị vì. Nghi thức bắt đầu lúc 5 giờ sáng, khi Pyotr và Ivan vào một nhà nguyện cho buổi lễ sáng. Rồi hai người được đưa đến phòng đại tiệc để long trọng thăng cấp cho một số phụ tá của Sofia, kể cả Ivan Khovansky và hai người thuộc dòng họ Miloslavsky. Rồi hai cậu con trai, Pyotr 10 tuổi mạnh khỏe đã cao hơn Ivan 16 tuổi đi khập khiễng, được các tu sĩ dẫn đầu, long trọng rước đi xuống Cầu thang Đỏ, hai cậu bé đi bên nhau qua đám đông chen chúc trên Quảng trường Thánh đường để đến cửa chính của Thánh đường Thăng thiên. Nơi đây, Giáo chủ đang đứng chờ sẵn đế chào đón, dang tay cho hai cậu bé hôn. Bên trong ngôi thánh đường sừng sững, ánh sáng tỏa xuống từ các mái vòm cao, thêm ánh sáng lấp lánh từ hàng nghìn mặt kim cương và đá quý của quan khách phản chiếu từ hàng trăm ngọn nến đang lung linh.

Ở giữa thánh đường, dưới bức họa khổng lổ vẽ Jesus đang dang tay chúc phúc, đã đặt sẵn chiếc ngai kép cho Ivan và Pyotr. Trong một thời gian ngắn không thể chế tạo hai chiếc ngai thật giống nhau, vì thế chiếc ngai của Sa hoàng Aleksei được ngăn đôi. Phía sau chiếc ngai là một tấm màn để che

giấu một người nhắc cho hai cậu bé những câu tuyên bố và trả lời trong buổi lễ.

Sau nghi thức hai tân Sa hoàng hôn hình tượng thánh, tuyên bố đức tin Chính Thống giáo và nghe kinh cầu nguyện, chiếc vương miện Monomakh bằng vàng - vốn đã được dùng để đăng quang cho tất cả quân vương của Nga trước đây - được đặt lên đầu Ivan, còn một phiên bản của chiếc vương miện này - được đặc biệt chế tạo cho nghi lễ này - được đặt lên đầu Pyotr.

Đây là lần cuối cùng chiếc vương miện Monomakh được dùng trong lề đăng quang của vương triều Nga. Những hoàng đế và nữ hoàng đế Nga về sau sử dụng loại vương miện lớn hơn. Tuy thế vương miện Monomakh vẫn biểu hiện uy quyền tượng trưng lớn lao, tuy không còn đội trên đầu quân vương nào nhưng vẫn được rước đi trong mọi lễ đăng quang sau nay để thể hiện sự tiếp nối của vương triều.

Sau nghi lễ trong Thánh đường Thăng thiên, hai tân Sa hoàng được đưa đến Thánh đường Arkhangelsk Mikhail để tỏ lòng kính trọng các tiên vương, rồi đến Thánh đường Truyền tin và trở lại phong đại tiệc để chiêu đãi và đón nhận lời chúc mừng.

Cơn sóng gió đã qua. Trong một chuỗi sự kiện kế tiếp nhau nhanh chóng, một Sa hoàng qua đời, một cậu hoàng con lên 10 tuổi được đề cử làm Sa hoàng, rồi cuộc phản loạn bùng nổ khiến cậu và bà mẹ bị lấm máu của chính người trong dòng họ của mình; và rồi, trong nghi thức trang trọng cậu được tấn phong bên cạnh người anh cùng cha khác mẹ yếu đuối, bệnh hoạn. Dù đã được đề cử làm Sa hoàng, xuyên suốt cơn khủng hoảng cậu không có quyền uy gì để can thiệp.

Cuộc nổi loạn của Cấm vệ ảnh hưởng đến cả cuộc đời của Pyotr Đại đế. Tuổi thơ ấu yên bình bị phá vỡ, tâm hồn bị giày xé. Theo thời gian, những tác động lên cá nhân Pyotr cũng gây tác động sâu xa cho cả nước Nga.

Pyotr mang mối căm hận đối với những gì mình đã mục kích: một đội quân điên dại, vô kỷ luật như là trong thời Trung cổ, chạy loạn cuồng khắp Kremlin, lùng sục các chính khách và các nhà quý tộc trong phòng riêng của họ và giết hại họ một cách dã man; cả số phận của Moskva, Kremlin, hoàng gia, ngay cả bản thân Sa hoàng đều tùy thuộc vào đám binh lính ngu dốt muốn tha hay giết tùy ý, không hề có nhân tính. Cuộc nổi loạn đã tạo ra trong Pyotr nỗi ác cảm về Kremlin với những căn phòng tối tăm trong ánh nến lập lòe, đám tu sĩ và *boyar* để râu dài lùm xùm, đám phụ nữ vô dụng bị biệt lập. Nỗi căm ghét của Pyotr còn lan đến Moskva, thủ đô của các Sa hoàng Chính Thống giáo, và đến Giáo hội Chính thống với những tu sĩ ê a kinh cầu mang tư tưởng bảo thủ áp đặt. Pyotr căm ghét nghi lễ xưa cũ của dân Nga vốn đã tung hô ông "chỉ đứng sau Thượng Đế" nhưng lại không thể bảo vệ ông hoặc mẹ ông khi Cấm vệ phản loạn với ông.

Trong thời gian Sofia điều hành việc nước, Pyotr rời xa Moskva, lớn lên nơi thôn dã. Sau này, khi Pyotr trực tiếp trị vì nước Nga, nỗi căm ghét của ông có những hệ lụy đáng kể. Trong nhiều năm, Pyotr không đặt chân lại trên Moskva, và rốt cuộc, ông hạ thấp vị thế của Moskva, thay thế bằng một thủ đô mới trên bờ Biển Baltic. Theo khía cạnh nào đây, cuộc nổi loạn của Cấm vệ đã giúp cho ông quyết tâm tạo dựng nên Sankt-Peterburg.

Nên ghi chú ở đây một trường hợp tương tự ghét bỏ thủ đô của Hoàng đế Louis XIV. Năm 1648, khi Louis (giống như Pyotr năm 1682) lên 10 tuổi, xảy ra cuộc phản loạn của nghị viện và giới quý tộc Pháp, và vị vua cùng bà mẹ bị đám đông Paris vây hãm. Vào đêm tối, với tiếng la thét giận

dữ và tiếng súng nổ vang bên tai, Louis được dẫn đi trốn lánh ở Saint-Germain, nơi cậu bé phải ngủ trên một lớp rơm.

Louis chịu ấn tượng mạnh mẽ và lâu dài vì biến cố này. Từ đó về sau, ông căm ghét Paris và ít khi đặt chân lại trên thành phố này. Ông cho xây Cung điện Versailles, được sử dụng như là thủ đô của nước Pháp, giống như Pyotr trốn lánh Moskva và xây một thủ đô mới, Sankt-Peterburg. Nhưng vì ấn tượng của Pyotr nặng nề hơn, phản ứng của ông cũng sâu xa hơn. Louis xây một cung điện lớn gần Paris để làm nơi trị vì; Pyotr xây nguyên một thành phố ở nơi rất xa.

38. Tác giả không ghi rõ, nhưng có phần chắn chắn đây là Andrei Matveyev (1666-1728), sau này phục vụ Pyotr đại đế rất đắc lực. Trong nguyên tác không ghi người con nào khác của matveyev. (ND)

5 TÌNH TRẠNG LY GIÁO SÂU SẮC

Sofia làm Phụ chính, và chức vụ này bắt đầu với thử thách về thuật cai trị của cô. Sau khi đẩy cô lên nắm quyền, đám Cấm vệ giờ tự tung tự tác một cách kiêu ngạo khắp Moskva, cho rằng bất kỳ đòi hỏi nào của họ cũng sẽ được đáp ứng tức thì. Những thành viên có xu hướng ly giáo của Giáo hội Chính thống - được gọi là những Tín đồ Cựu giáo - tin rằng chiến thắng của Cấm vệ đối với triều đình sẽ khởi đầu cho việc quay về tôn giáo cũ, làm sống lại tập tục Nga truyền thống mà hai thập kỷ trước giáo hội đã lên án và triều đình trấn áp. Cũng như Aleksei và Fyodor, Sofia xem Tín đồ Cựu giáo là những kẻ điên rồ và phản loạn. Tuy thế bởi vì nhiều người trong số cấm vệ - kể cả Hoàng thân Ivan Khovansky, Tư lệnh mới của họ - là những Tín đồ Cựu giáo cuồng nhiệt, hai lực lượng này có thể hợp sức để gây áp lực cho chế độ còn non trẻ.

Sofia đối phó với tình hình bằng sự dũng cảm và khôn khéo. Cô đón tiếp các nhà lãnh đạo của Tín đồ Cựu giáo, ngồi trên ngai mà tranh luận với họ và lớn tiếng yêu cầu họ giữ im lặng khi cô nói. Sau đấy, cô cho triệu vào từng nhóm vài trăm binh sĩ Cấm vệ, mua chuộc họ bằng tiền bạc, lời hứa hẹn, bia rượu mà đích thân cô mời trên một chiếc khay bằng bạc. Sau khi đã tách Cấm vệ ra khỏi giới tăng lữ, Sofia ra lệnh bắt giữ các nhà lãnh đạo của

Tín đồ Cựu giáo. Một người bị tử hình, chín người khác bị đi đày. Trong vòng 9 tuần, Hoàng thân Khovansky bị bắt, bị kết án không tuân lệnh, rồi bị tử hình.[39]

Lần này Sofia đã chiến thắng, nhưng sự đấu tranh giữa một bên là các Tín đồ Cựu giáo còn bên kia là quyền uy ổn định của giáo hội và triều đình vẫn chưa ngã ngũ; không những vẫn sẽ diễn ra suốt chế độ phụ chính của cô và triều đại của Pyotr mà còn kéo dài cho đến ngày cuối của vương triều Nga. Vấn đề bắt nguồn từ những tư tưởng tôn giáo sâu thẳm nhất của người Nga. Lịch sử của Chính Thống giáo và của nước Nga gọi sự kiện này là "Tình trạng Ly giáo Sâu sắc".

Chính Thống giáo, nếu hành xử theo lý tưởng, có vẻ thích hợp với tố chất của người Nga vốn là dân tộc mộ đạo, nhiều tình cảm và khiêm tốn. Họ xem tín ngưỡng mạnh hơn logic và tin rằng cuộc sống được kiểm soát bởi những sức mạnh siêu nhân - dù là sức mạnh của tâm linh, chuyên chế hoặc ngay cả thần bí. Khác với bên Tây Âu có tính thực dụng, người Nga cảm thấy không cần thiết phải chất vấn tại sao những sự việc xảy ra, hoặc làm thế nào khiến cho những sự việc này xảy ra (hoặc không xảy ra) lần nữa. Thiên tai xảy ra và họ chấp nhận; lệnh ban ra và họ tuân hành. Đấy không hẳn là do tính dễ bảo thô thiển. Nó bắt nguồn từ cảm nhận về những nhịp điệu thiên nhiên trong đời sống. Người Nga có tính hay suy tư, bí ẩn và hư ảo. Từ những quan sát và trầm mặc, họ đã đi đến sự thông hiểu về nỗi khổ và cái chết vốn mang đến ý nghĩa cho cuộc sống không khác gì những ý niệm mà Jesus đã xác nhận.

Dưới triều đại của Pyotr, tín đồ Nga thể hiện sự kiên định trong hành vi phức tạp và khắt khe cũng như trong đức tin giản đơn và sâu lắng. Lịch của họ ghi đầy những ngày thánh cần cử hành cầu nguyện, và vô số những lễ

nghi. Họ hành lễ với cách làm dấu thánh giá liên tục trước bàn thờ trong giáo đường và trước những hình tượng thánh treo ở một góc nhà. Trước khi ngủ với phụ nữ, đàn ông tháo cây thánh giá quanh cổ của cô và che lại mọi hình tượng thánh trong nhà. Ngay cả trong mùa đông, một cặp vợ chồng đã làm tình phải tắm rửa rồi mới đi lễ nhà thờ. Trước khi hành sự, kẻ ăn trộm cúi đầu trước hình tượng thánh để xin được tha thứ và che chở. Không có sự thờ ơ hoặc sai lầm trong những việc này, bởi vì hệ lụy còn quan trọng hơn bất kỳ chuyện gì xảy ra trên Trái Đất. Việc thi hành một cách tỉ mỉ những nghi lễ đảm bảo cho đời sống vĩnh cửu.

Trong hai thế kỷ, dưới sự thống trị của Mông cổ, giáo hội trở nên trung tâm điểm của lối sống và xã hội Nga. Tôn giáo bành trướng mạnh khắp xã thôn, vô số tu viện được thành lập, đặc biệt ở những vùng sâu vùng xa miền bắc. Các đại hãn Mông Cổ không ngăn cản những việc này, vì họ không mấy quan tâm đến hoạt động tôn giáo của chư hầu miễn là họ thu được thuế và công vật đầy đủ về cho Hãn quốc Kim trướng. Vào năm 1589, chức Giáo chủ đầu tiên ở Moskva được thành lập, đánh dấu sự thoát ly khỏi ảnh hưởng của Giáo chủ ở Constantinople thuộc Đế quốc Bizantine.

Sau đấy, nước Nga giành được quyền tự chủ - trong vị thế cô lập. Đối mặt với Thụy Điển theo đạo Lutheran ở phía bắc, Ba Lan theo Thiên Chúa giáo ở phía tây, và các sắc tộc Thổ và Tatar theo đạo Hồi ở phía nam, giáo hội Nga đi theo đường lối tự vệ trong tư tưởng bảo thủ bài ngoại. Trong khi Tây Âu trải qua thời kỳ Phục hưng và Phong trào Cải cách, nước Nga và giáo hội Nga vân giữ sự thuần khiết - đóng khung cứng nhắc trong quá khứ trung cổ.

Vào giữa thế kỷ 17 - hai mươi năm trước khi Pyotr sinh ra - tính trì trệ về văn hóa này bắt đầu gây tác động đến xã hội Nga. Mặc cho giáo hội

chông đối, người nước ngoài vẫn đổ xô đến Nga, mang theo kỹ thuật và tư tưởng mới về quân sự, thương mại, công nghệ và khoa học. Điều không tránh khỏi là những nguyên tắc và ý niệm mới cũng được du nhập vào Nga. Giáo hội Nga trở nên nghi kỵ và lo sợ, nên phản ứng lại bằng thái độ thù địch quá khích khiến cho người nước ngoài bắt buộc phải xúi Sa hoàng bảo vệ họ. Tuy thế mối hiềm khích về tri thức vẫn âm ỉ cháy. Không bao lâu, chính bản thân người Nga - kể cả một số trong nội bộ giáo hội - nhìn giáo điều Chính thống bằng cặp mắt nghi ngờ. Nhiều câu hỏi được nêu lên: giáo hội thách thức giáo hội, và giáo hội thách thức Sa hoàng. Tách biệt nhau, mỗi cuộc đấu tranh là điều bất hạnh cho giáo hội; kết hợp nhau, cả hai dẫn đến thảm họa - Tình trạng Ly giáo Sâu sắc - đến nỗi Giáo hội Chính thống Nga sẽ không bao giờ hồi phục.

Theo khía cạnh cá nhân, các cuộc đấu tranh là sự đối đầu ba chiều giữa Sa hoàng Aleksei và hai nhà lãnh đạo tôn giáo khác thường: Giáo chủ Nikon với tinh thần thép thiên về cải tổ và Tổng Giám mục Avvakum với quan điểm bảo thủ cuồng tín. Điều oái oăm ở chỗ Aleksei là Sa hoàng mộ đạo nhất trong số tất cả Sa hoàng; ông chuyển giao nhiều quyền lực cho nhà lãnh đạo giáo hội - Nikon - hơn tất cả các Sa hoàng khác trước đấy hoặc sau này. Tuy thế trước khi ông qua đời, giáo hội Nga đã bị chia rẽ trầm trọng và Nikon đang bị xích trong một nhà tù đá lạnh lẽo. Oái oăm hơn nữa là sự đấu tranh giữa Nikon và Avvakum. Cả hai đều xuất thân binh thường từ vùng rừng phía bắc nước Nga. Cả hai đều thăng tiến nhanh trong giáo hội và trở nên hai người bạn thân. Cả hai đều xác định thiên chức cho mình là giữ cho giáo hội Nga được thuần khiết. Nhưng cả hai bất đồng nhau một cách dữ dội ở quan điểm thế nào là thuần khiết. Và rồi, hầu như cùng một lúc, cả hai

đều xuống dốc sau khi triều đình thiết lập lại uy quyền. Cái chết tìm đến một người trên giàn thiêu; người kia dọc một con đường cô tịch.

Nikon xuất thân từ một gia đình nông dân Nga ở vùng đông bắc. Sau khi đến Moskva để nhận cai quản một tu viện, vị tu sĩ cao gần 2 mét này được vị Sa hoàng trẻ tuổi Aleksei tiếp kiến. Có ấn tượng với sức mạnh tâm linh cùng thế chất của Nikon, Aleksei bắt đầu gặp gỡ ông này thường xuyên mỗi Thứ Sáu. Đến năm 1649, Nikon đảm nhiệm cai quản giáo xứ Novgorod, một trong những giáo xứ lâu đời và có ảnh hưởng mạnh nhất nước Nga. Năm 1652, khi giáo chủ đương chức qua đời, Aleksei mời Nikon tiếp nhiệm chức giáo chủ.

Nikon không chấp nhận cho đến khi vị Sa hoàng 23 tuổi quỳ dưới chân ông, rơi nước mắt khẩn cầu ông. Nikon chấp nhận với hai điều kiện: Aleksei phải thuận theo quyền lãnh đạo của ông, và phải hỗ trợ mọi nỗ lực để cải tổ Giáo hội Chính thống Nga. Ông muốn xóa sạch tệ nạn say rượu và thói hư tật xấu khác của giáo sĩ, thiết lập quyền lãnh đạo Tối cao vượt trên triều đình. Động thái đầu tiên của ông là thay đổi nghi thức mà hàng triệu tín đồ Nga đang thực hiện hằng ngày, phá hủy tất cả sách thánh và tài liệu tôn giáo mà ông cho là sai lạc, sử dụng tài liệu theo giáo điều Hy Lạp.

Việc thay đổi nghi thức tạo nên làn sóng tranh cãi. Tín đồ mộ đạo xem chi tiết nghi thức là quan trọng, như phải cất tiếng hô vinh danh Chúa bao nhiêu lần trong một buổi lễ, hoặc có nên làm dấu thánh giá bằng ba ngón tay (tượng trưng Chúa Ba ngôi) hay hai ngón tay (tượng trưng bản chất vừa phàm tục vừa thần thánh của Jesus), v.v… Khi người ta tin rằng cuộc đời hiện tại chỉ là sự chuẩn bị cho đời sống vĩnh cửu sau này, và rằng việc cứu rỗi cá nhân tùy thuộc vào các hành xử tỉ mỉ của những nghi thức, thế thì việc làm dấu thánh giá bằng ba hoặc hai ngón tay có nghĩa là sự khác biệt

giữa lên thiên đàng hoặc xuống địa ngục. Hơn nữa, giới tăng lữ theo tư tưởng quy tắc cơ bản chất vấn: tại sao phải chấp nhận những lễ nghi và câu từ của giáo hội Hy Lạp thay cho của giáo hội Nga? Vì lẽ Chính Thống giáo. Nga đã trở thành một tín ngưỡng thật sự, tại sao lại phải cúi đầu đi theo người Hy Lạp về nghi lễ, giáo điều hoặc bất kỳ thứ gì khác?

Năm 1655, Nikon phải viện đến sự hỗ trợ từ bên ngoài. Ông mời Macarius, Giáo chủ ở Antioch, đến Moskva. Macarius ủng hộ Nikon một cách mạnh mẽ về những vấn đề nghi lễ và giáo điều mà người Nga đang tranh cãi. Mỗi khi Nikon nêu ra sai lạc trong giáo hội Nga, ông đều kêu gọi Macarius xác nhận, và ông này đều đứng về phía Nikon. Bề ngoài, giới tăng lữ Nga phải chấp nhận, dù trong thâm tâm họ có cám thấy thuyết phục hay không.

Giống như những vị giáo chủ khác, Nikon thích xây dựng thêm cơ sở cho giáo hội. Khi cai quản giáo xứ Novgorod, ông đã lập nên những nhà tu kín và sửa chữa nhiều tu viện khắp địa phận miền bắc. Ở Moskva, sử dụng những vật liệu do Sa hoàng cung ứng, ông cho xây một tòa giáo chủ mới bên trong Kremlin. Tòa nhà gồm bảy gian phòng lớn, nhiều ban công rộng, cửa sổ to cao, những phòng cư ngụ thoải mái, ba nhà nguyện, và một thư viện phong phú chứa đầy sách viết bằng nhiều ngữ văn. Ở một trong những gian phòng, Nikon ngồi ăn trên một bệ nền cao trong khi các tu sĩ cấp dưới ngồi ăn ở những chiếc bàn đặt trên nền thấp hơn. Khung cảnh trông y hệt như lúc Sa hoàng ngồi ăn giữa những cận thần của ông.

Công trình lớn lao nhất của Nikon là tu viện khổng lồ mang tên New Jerusalem ("Jerusalem Mới"), nằm bên bờ Sông Istra, cách Moskva gần 50 kilômét về hướng tây. Nikon dốc tất cả nguồn lực cần thiết để cho xây tu viện này với mái vòm vươn cao gần 60 mét, 27 nhà nguyện, tháp chuông,

những bức tường cao xây bằng gạch, những cánh cổng mạ vàng, cùng hàng chục ngôi dinh thự khác. Nikon đã cho mọi người thấy ảnh hưởng của mình trong kiến trúc cũng như trong những lĩnh vực khác: rằng Moskva đích thực là nơi chôn của "Jerusalem Mới". [40]

Nikon hành xử nghiêm khắc đối với giới tăng lữ lẫn thế tục. Ông đặt ra quy định cho cuộc sống đời thường của dân chúng, như cấm văng tục, đánh bạc, gian dâm, và cả uống rượu. Ông bắt mỗi tín đồ phải dành ra bốn tiếng đồng hồ mỗi ngày trong giáo đường. Ông cử người đi tuần tra thành phố và bắt giam tu sĩ đang có dấu hiệu say rượu. Ông trừng phạt thật nặng tu sĩ phạm pháp. Các tu viện ở vùng Siberia ngày trước trống trải, bây giờ đầy những tu sĩ phạm tội bị ông phái đến.

Trong sáu năm, Nikon hành xử như là vị lãnh đạo thật sự của nước Nga. Cùng với Sa hoàng nước Nga, ông mang danh hiệu "Lãnh tụ Tối cao", hành xử quyền chính trị trong những sự vụ thế tục. Khi Aleksei rời Moskva đế chỉ huy cuộc chiến với Ba Lan, ông cử Nikon làm Phụ chính, truyền lệnh "tất cả sự vụ dù lớn hay nhỏ phái có ý kiến" của Nikon. Lợi dụng quyền hạn này, Nikon làm mọi việc để nâng vị thế Tối cao của giáo hội, vượt lên trên triều đình. Trong khu Kremlin, Nikon tỏ tư thái quyền uy còn hơn cả Sa hoàng; không những giới tăng lữ và thế tục mà thậm chí giai cấp quý tộc cũng phải chịu khuất phục dưới ảnh hưởng của ông.

Trong một thời gian, có vẻ như Nikon nắm mọi quyền hành, trong khi thật ra Sa hoàng vẫn còn có uy lực. Ngày nào mà Sa hoàng còn hậu thuẫn Giáo chủ, không ai có thể làm gì được. Nhưng càng ngày Giáo chủ càng có thêm kẻ thù, và họ luôn khuấy động sự ganh tỵ và nghi ngại của Sa hoàng. Dần dà, giữa Nikon và Aleksei xảy ra rạn nứt.

Cho đến năm 1658, vị thế của Nikon bị giảm sút đáng kể. Sa hoàng bắt đầu phớt lờ ông. Sau một buổi lễ trong Thánh đường Thăng thiên, Nikon ăn vận như một tu sĩ thông thường, rời Moskva và trở về Tu viện New Jerusalem, cho biết ông sẽ không trở lại cho đến khi nào Sa hoàng tái xác nhận sự tin tưởng nơi ông. Nhưng ông đã tính toán sai. Sa hoàng, giờ đã 29 tuổi, thấy vui mà tông khứ vị Giáo chủ hống hách. Sau khi để cho Nikon phải chờ đợi trong hai năm, Sa hoàng triệu tập một công đồng tăng lữ để tố cáo Giáo chủ đã "tự ý từ bỏ ngôi vị Giáo chủ cao quý của đất nước Nga và như thế đã bỏ rơi con chiên, gây nên sự hoang mang và tranh cãi không dứt". Tháng 10/1660, công đồng này tuyên cáo rằng "qua cách hành xử, Giáo chủ đã từ bỏ ngôi vị và do đó thôi làm Giáo chủ". Nikon phản đối quyết định của công đồng, trích dẫn nhiều đoạn Thánh Kinh để phản bác. Sa hoàng Aleksei gửi những lời tố cáo và phản bác đến bốn vị Giáo chủ Chính thống của Jerusalem, Constantinople, Antioch và Alexandria, cầu khẩn họ đến Moskva để "xem xét và xác nhận trường hợp của cựu Giáo chủ Nikon, người đã hành xử thiếu chu toàn trách nhiệm của một giáo chủ". Tháng 12/1666, phiên xử Nikon được tổ chức do hai vị Giáo chủ nước ngoài chủ trì một công đồng gồm 13 thành phố, 9 tổng giám mục, 5 giám mục và 32 lãnh đạo tu viện.

Phiên xử diễn ra trong cung điện giáo chủ mới mà Nikon cho xây ở Kremlin. Nikon bị kết tội hành xử quyền của giáo hội vượt lên trên triều đình, cất chức các giám mục một cách bất hợp pháp và "để cho giáo hội thiếu sự chăn dắt trong chín năm vì đã vượt ra ngoài chức năng một cách hỗn loạn". Nikon tự bào chữa bằng cách biện luận rằng chức vụ của mình rõ ràng là cao hơn nhà lãnh đạo thế tục, vì "thẩm quyền cao nhất của giáo sĩ không được tiếp nhận từ vua và Sa hoàng, mà ngược lại vua và Sa hoàng

nhận nghi lễ tấn phong từ giáo sĩ. Vì thế hiển nhiên là giáo sĩ có quyền lớn hơn vương triều. Sa hoàng phải tuân phục giám mục.” Tuy nhiên, công đồng bác bỏ luận cứ này và tái khẳng định sự cân bằng theo truyền thống của quyền lực giáo hội và triều đình: Sa hoàng có địa vị tối cao trên mọi thần dân của ông kể cả tăng lữ và giáo chủ, chỉ trừ trong những sự vụ giáo điều. Cùng lúc, công đồng xác nhận và ủng hộ những sự cải tổ của Nikon về nghi lễ.

Nikon bị án phải đi đày. Cho đến ngày cuối đời, ông sống như là một tu sĩ bình thường ở một tu viện vùng xa, trong một gian phòng nhỏ. Theo dấu hiệu hành xác sỉ nhục, ông mang một tấm khiên sắt nặng trước ngực, tay chân nối với xích sắt.

Dần dà, Aleksei nguôi giận, gửi thực phẩm cho Nikon và còn tặng quà cho ông nhân ngày Pyotr chào đời. Sau khi Aleksei qua đời, Sa hoàng Fyodor cố gắng thân cận với Nikon. Năm 1681, khi nghe tin Nikon đang tiến gần đến cái chết, Fyodor ban lệnh ân xá một phần cho ông. Sau khi ông qua đời một cách an bình trên một con đường trở về Tu viện New Jerusalem vào tháng 8/1681, Fyodor đã nhận được từ bốn vị giáo chủ miền Đông một bức thư cho phép phục hồi chức vị giáo chủ cho Nikon.

Di sản của Nikon là trái ngược với những gì ông đã hoạch định. Từ đó về sau, không một vị giáo chủ nào có quyền hành như ông, mà ngược lại, giáo hội luôn chịu sự lãnh đạo của triều đình. Người kế nhiệm Nikon, Giáo chủ Joachim, hiểu rõ vai trò của mình khi nói với Sa hoàng: “Thưa đấng Quân vương, tôi không biết gì về đức tin cũ hoặc mới, nhưng bất kỳ Quân vương ban hiệu lệnh gì, tôi sẵn sàng thi hành và tuân phục tuyệt đối.”

Nikon đã bị hạ bệ, nhưng cơn biến động tôn giáo ông mang đến cho nước Nga chỉ mới bắt đầu. Chính những nhà lãnh đạo tôn giáo lúc trước đã

kết án Giáo chủ nâng quyền hạn của giáo hội lên trên quyền hạn quân vương, bây giờ lại ủng hộ những cải tổ mà Nikon đã khởi xướng. Khắp nước Nga, giới tăng lữ cấp thấp và dân thường tỏ ra bất mãn, và có nhiều hành động chống đối. Những người đã được dạy rằng đức tin của họ là thuần khiết, không bị ô uế, thì không chấp nhận những cải tổ mà họ cho rằng do người nước ngoài khởi xướng. Người nước ngoài mang đến Nga những sản phẩm của Quỷ dữ: thuốc lá (bị gọi là "cỏ bị ma ám"), nghệ thuật tượng trưng và nhạc khí.[41] Bây giờ, càng táo tợn hơn, người nước ngoài đang lũng đoạn giáo hội Nga từ bên trong. Có tin đồn Tu viện New Jerusalem của Nikon chứa đầy những người theo Hồi giáo, Thiên Chúa giáo và người Do Thái đang tất bật viết lại sách thánh của Nga.

Hậu quả là cuộc nổi dậy tôn giáo lan tràn của những người không chấp nhận cải tổ được gọi là Tín đồ Cựu giáo. Vì lẽ triều đình hậu thuẫn cải tổ, sự chống đối giáo hội lan sang chống đối triều đình, và Tín đồ Cựu giáo không muốn tuân phục bên nào. Cả sự thuyết phục của giáo hội lẫn sự đàn áp của triều đình đều không làm họ lay chuyển.

Để trốn lánh sự lãnh đạo của những người mà họ cho là kẻ phản Chúa và thoát khỏi sự trừng phạt của triều đình, nguyên cả những làng của Tín đồ Cựu giáo dời đến sinh sống ở vùng Sông Volga, Sông Don, dọc bờ Biển Trắng và bên kia rặng núi Urals. Ở những nơi này, sâu trong rừng hoặc bên bờ sông xa khuất, họ thành lập những cộng đồng mới, chịu đựng mọi gian khổ của cuộc sống tiền phong. Nhiều người không chạy đi xa lắm. Khi bị binh sĩ triều đình truy nã, họ thà chịu chết trên giàn thiêu hơn là từ bỏ nghi lễ và giáo điều do ông cha họ huyền lại. Vài cộng đồng không muốn khắc khoải chờ bị hành quyết, nên tập trung lại với nhau - đàn ông, phụ nữ và trẻ em - trong ngôi nhà thờ họ xây bằng gỗ, chặn các cánh cửa lại và rồi, trong

khi cất lên tiếng kinh cầu theo nghi thức cổ xưa, họ phóng hỏa thiêu rụi khiến cả ngôi nhà thờ đồ ụp xuống đầu họ. Xa trên miền bắc, các tu sĩ của Tu viện Solovetsky thuyết phục doanh trại quân đội địa phương ủng hộ phe của họ, cùng nhau chống lại cuộc vây hãm của quân triều đình trong tám năm, liên tục đẩy lui tất cả lực lượng do Moskva điều đến.

Vị lãnh đạo mạnh mẽ nhất, chói sáng nhất của Tín đồ Cựu giáo là Tổng Giám mục Avvakum. Ông này có tài ăn nói và viết lách sinh động. Người ta đổ xô đến các buổi thuyết giảng của ông, trong đó ông đả kích Nikon một cách mãnh liệt, cho Nikon là người dị giáo và là công cụ của quỷ Satăng. Ông to tiếng đả kích những thay đổi như việc vẽ lại các hình tượng thánh:

> Họ vẽ hình ảnh của Chúa Cứu thế với khuôn mặt đầy đặn, đôi môi đỏ, những ngón tay núng nính, hai chân to béo, khiến cho Người trông giống như một người Đức, bụng phệ, phục phịch, chỉ còn vẽ thiếu thanh gươm đeo bên hông. Tất cả đấy là sáng kiến của tên vô lại Nikon.

Năm 1653, Nikon đẩy người bạn Avvakum đi Siberia. Chín năm sau, khi Nikon thất thế, những người bạn có thế lực của Avvakum thuyết phục Sa hoàng triệu ông về Moskva và phục hồi ông. Khởi đầu, Aleksei luôn tham dự các buổi thuyết giảng của Avvakum. Nhưng Avvakum luôn xúc phạm nhiều người, chẳng hạn, quy định là người đã chấp nhận sự cải tổ của Nikon phải được rửa tội lại. Ông lại bị biếm đi, lần này đến vùng bờ biển Bắc Băng Dương, nhưng ở đây ông vẫn cổ súy mạnh mẽ cho Tín đồ Cựu giáo phải tuân theo đường lối đã được vạch ra, không được thỏa hiệp, sẵn sàng tử vì đạo.

Hành động thách thức cuối cùng của Avvakum quyết định số phận của ông. Ông viết thư gửi Sa hoàng Fyodor, cho biết Chúa đã xuất hiện cho ông thấy và báo rằng người cha quá cố của Fyodor, Sa hoàng Aleksei, bị rơi xuống địa ngục, đang bị hành hạ vì đã chấp nhận những cải tổ của Nikon. Fyodor trả lời bằng cách ra lệnh thiêu sống Avvakum. Bản án được thi hành tháng 4/1682, theo đúng ý nguyện tử vì đạo của ông.

Khắp nước Nga, cái chết của Avvakum nêu gương cho hàng nghìn người noi theo. Trong giai đoạn 1684-1690, 20.000 Tín đồ Cựu giáo tự nguyện theo chân vị lãnh đạo của họ lên giàn thiêu, thà tử vì đạo còn hơn chấp nhận giáo điều của phe phản Chúa. Triều đình của Sofia thể hiện xu hướng phản Chúa, cũng như Aleksei hoặc Fyodor đã thể hiện lúc trước; thật ra, cô còn tỏ ra hà khắc hơn cha hoặc anh mình. Các tổng trấn được lệnh điều động quân đội để hỗ trợ chính quyền thực thi giáo điều theo quy định. Bất kỳ ai không đi lễ nhà thờ đều bị xét hỏi; người bị tình nghi là dị giáo bị tra tấn. Người chứa chấp Tín đồ Cựu giáo bị tịch thu tài sản và bị lưu đày. Tuy thế Tín đồ Cựu giáo vẫn bất chấp tra tấn, lưu đày hoặc án tử hình.

Không phải tất cả Tín đồ Cựu giáo đều cam chịu sự đàn áp. Những người ẩn náu trong các vùng rừng miền bắc tạo dựng cuộc sống theo cách mới, không khác gì tín đồ Tin Lành bất mãn trong cùng thời kỳ này rời bỏ Tây Âu đế thiết lập những khu định cư mới ở New England của nước Mỹ[42]. Tín đồ Cựu giáo thành lập nên những cộng đồng nông nghiệp và ngư nghiệp, đặt nền tảng cho sự trù phú trong tương lai. Một thế hệ sau, dưới triều Pyotr, Tín đồ Cựu giáo được nhìn nhận là những công dân nghiêm túc, chăm chỉ. Pyotr đánh giá cao những đức tính này, và ra lệnh cho thuộc hạ của mình: “Để cho họ yên.”

Về lâu dài, giáo hội và chính nước Nga bị ảnh hưởng nặng nề nhất từ sự ly giáo. Hai phe cải tổ và truyền thống đấu tranh với nhau cho đến khi cả hai đều kiệt quệ. Khi Pyotr lên nắm quyền thực thụ, ông thấy giáo hội trong tình trạng đúng như Nikon đã nhận thấy: thiếu tổ chức, ù lì, cần khai trừ mạnh mẽ sự mục nát, ngu dốt và mê tín. Trong nỗ lực đạt đến các mục tiêu này (và chỉ đến cuối triều đại của minh ông mới đạt được), Pyotr có hai thuận lợi so với Sofia: ông có uy quyền cao hơn, và không phải lệ thuộc vào ai để thông qua những cải tổ của mình. Dù vậy, ông không nỗ lực nhiều. Pyotr không bao giờ can dự vào cách cử hành nghi thức, tổ chức tăng lữ hoặc nội dung giáo điều như Nikon đã làm. Tâm trí của ông vướng bận ở những lĩnh vực khác.

39. Theo Jacob Abbott trong quyển Peter the Great (NXB Harper & Brothers Publishers, New York và London, 1902), Tư lệnh Cấm vệ Khovansky có tham vọng muốn làm tư lệnh tối cao quân đội, và đề nghị Sofia gả em gái Ekaterina cho con trai ông nhằm củng cố quyền lực của mình. Sofia thấy đề nghị này xấc xược và cũng muốn trừ bỏ âm mưu tranh quyền nhưng không dám đối đầu trực tiếp với Khovansky vì e ngại lực lượng Cấm vệ dưới quyền ông. Cô giả vờ ưng thuận đề nghị của Khovansky, rồi mời ông đến dự lễ tôn giáo ở Thánh đường Chúa Ba ngôi. Không hề nghi ngờ, Khovansky đi dự lễ cùng con trai và một toán cận vệ nhỏ. Trên đường, họ bị khoảng 200 kỵ binh của Golitsyn chặn lại, bắt giữ hai cha con rồi kết án phản quốc và hành quyết họ ngay lập tức. (ND)

40. Jerusalem ở nước Do Thái có ý nghĩa thiêng liêng vì là nơi Jesus chào đời. Nikon có ý tỏ rõ Tu viện "Jerusalem Mới" cũng sẽ có ý nghĩa thiêng liêng tương tự. (ND)

41. Trong những cuộc nổi loạn chống người nước ngoài vào năm 1639, một đám đông đốt cháy sáu cỗ xe chở nhạc khí. Định kiến này không có gì mới lạ, và vẫn không thay đổi. Giao hội Chính thống Nga vẫn tin rằng phải vinh danh Chúa bằng tiếng của con người, và không cho phép sử dụng nhạc cụ khi hành lễ. Kết quả là sự thành lập những ca đoàn capella xuất chúng của giáo hội. (TG)

42. Đây là cuộc di cư của những tín đồ Thanh giáo ở Anh, vì sự đàn áp của Giáo hội Anh. (ND)

6 NHỮNG TRÒ CHƠI CỦA PYOTR

Trong những năm Sofia cai trị, có vài bổn phận về nghi lễ phải do hai Sa hoàng Ivan và Pyotr thực hiện. Hai người cần ký tên vào vài công văn quan trọng và họ cần hiện diện trong các buổi chiêu đãi chính thức, lễ hội tôn giáo và lễ tiếp đón đại sứ nước ngoài. Trong những dịp như thế mọi người đều thấy rõ hình ảnh tương phản: Ivan yếu đuối, chậm chạp, cần được nâng đỡ khi đi đứng, giọng nói yếu ớt, không gây ấn tượng tốt gì đặc biệt; trong khi Pyotr khỏe mạnh, sinh động, tươi cười trông dễ mến khiến người ta sẵn sàng cười đùa với ông nêu ông không phải là quân vương. Vào năm 1683, khi Pyotr được 11 tuổi, trong buổi tiếp kiến đại sứ Thụy Điển trình thư ủy nhiệm, bí thư đại sứ nhầm tưởng Pyotr đã được 16 tuổi.

Ivan là một hình ảnh tương phản. Năm 1684, khi Pyotr bị bệnh sởi, một mình Ivan phải tiếp kiến đại sứ Áo. Ông phải cần cận thần hai bên đỡ xốc hai tay ông. Giọng nói ông rất nhỏ, hầu như không ai nghe được. Khi Tướng Patrick Gordon, người Scotland phục vụ triều đình Nga, đến yết kiến, Ivan yếu và mệt đến nỗi trong buổi hội kiến ông không làm gì, mà chỉ chăm chăm nhìn xuống sàn.

Trong suốt giai đoạn phụ chính của Sofia và mặc dù họ chỉ gặp nhau trong dịp nghi lễ, Pyotr có quan hệ rất tốt với Ivan. Lẽ tự nhiên là Sofia và dòng họ Miloslavsky đều lo lắng cho Ivan: Sa hoàng này là trụ cột cho quyền lực của họ. Cuộc sống của ông có thể ngắn ngủi, và nếu ông không có con nối vị, họ không thể tiếp tục hiện diện trong triều đình. Vì thế mặc cho những khuyết tật của Ivan về thị giác, ngôn từ và trí óc, Sofia quyết định Ivan phải kết hôn và cố gắng có con. Ivan chiều theo và cưới Praskovaya Saltykova, cô con gái năng động của một gia đình danh giá. Hai người chỉ thành công một nửa: họ có một cô con gái; có lẽ lần kế tiếp sẽ có con trai.

Đối với dòng họ Naryshkin, những diễn biến trên khiến họ lo lắng. Pyotr vẫn còn quá nhỏ nên chưa thể kết hôn. Trong khi chịu đựng sự cai trị của Sofia, họ chỉ có thể chờ đợi cho đến khi Pyotr trưởng thành.

Việc dòng họ Naryshkin bị đẩy ra khỏi chính trường thật ra tạo cơ hội tốt cho cá nhân Pyotr, vì cậu có nhiều thì giờ được tự do giữa không khí trong lành miền thôn dã, ngoại trừ những nghi lễ thỉnh thoảng đòi hỏi cậu có mặt. Vào thời đầu sau sự nổi loạn của Cấm vệ, Hoàng Thái hậu Natalia sống ở Kremlin với hai con. Nhưng từ khi Sofia nắm quyền chính, không khí càng ngày càng ngột ngạt. Natalia vẫn còn phẫn nộ cay đắng về việc cha nuôi Matveyev và người em trai Ivan Naryshkin bị sát hại; bà không dám tin rằng Sofia sẽ để yên cho bà và hai con. Nhưng nguy cơ có vẻ không lớn lắm; phần lớn thời gian Sofia không để ý gì đến mẹ ghẻ. Natalia được một khoản phụ cấp nhỏ, không đủ chi tiêu, và vị Hoàng Thái hậu phải chịu nhục nhã mà yêu cầu Giáo chủ hoặc những giáo sĩ khác trợ giúp thêm.

Để thoát ra khỏi Kremlin, Natalia đến ngụ ở cung điện Preobrazhenskoe thường xuyên hơn. Ở đây, trên những cánh đồng, khu rừng và bãi sông,

Pyotr có thể quên đi lớp học và chỉ việc chơi đùa. Ở Kremlin, Pyotr có một khoảng sân riêng để cậu chơi trò tập trận giả với trẻ con đồng lứa. Trong thế giới rộng mở của Preobrazhenskoe, Pyotr có cả không gian mênh mông. Và, không giống như những trẻ khác chơi trò chơi chiến tranh, Pyotr có cả kho quân dụng và vũ khí cung cấp mọi thứ cậu cần: đồng phục, yên cương, cờ xí, súng lục, súng nòng dài, ngay cả đại bác - khởi đầu là đại bác giả làm bằng gỗ, nòng lót sắt, đặt trên bánh xe để đám trẻ dắt ngựa kéo đi. Đến sinh nhật thứ 11, tháng 6/1683, Pyotr từ bỏ đại bác gỗ để nhận đại bác thật. Dưới sự giám sát của sĩ quan pháo binh, Pyotr được cho phép bắn đạn thật để ăn mừng sinh nhật. Cậu bé mê bắn đại bác đến nỗi hầu như hằng ngày liên lạc viên được phái đi kho đạn để nhận thuốc súng.

Khi Pyotr lên 14, cậu và bà mẹ đến cư ngụ hẳn ở Preobrazhenskoe, và các trò chơi tập đánh trận biến nơi này thành một doanh trại quân đội hoàn chỉnh. Những "binh sĩ" đầu tiên của Pyotr là đám trẻ được chọn để làm nhiệm vụ chơi đùa với cậu khi cậu lên 5 tuổi. Chúng thuộc các gia đình *boyar* được cắt đặt làm nhiệm vụ của người hầu, quản gia; thật ra họ là bạn hữu của vị Sa hoàng nhỏ tuổi. Pyotr còn kéo về một nhóm người lớn giờ không còn việc làm nhưng vẫn được lĩnh lương: người hầu của cha và anh quá cố đặc biệt là người phụ giúp môn thể thao chim ưng của Aleksei. Ivan quá yếu nên không thể chơi môn này, còn Pyotr không ưa thích nên kéo họ về phụ giúp môn thể thao của cá nhân mình.

Đội ngũ có thêm trai trẻ của những gia đình quý tộc tự ý muốn gia nhập hoặc do các ông cha muốn con mình tiếp cận với Pyotr để gây cảm tình. Con cái của các giai cấp thấp cũng được gia nhập: thư ký, nài ngựa, chăn ngựa…, kể cả nô dịch của gia đình quý tộc. Trong số những người tình nguyện có Aleksandr Danilovich Menshikov, nhỏ hơn Pyotr một tuổi. Dần

dà có 300 thiếu nhi và trai trẻ, sống trong doanh trại, tập luyện như quân đội, sử dụng từ ngữ của quân đội và lĩnh lương theo chế độ quân đội. Pyotr xem họ như là đồng chí của mình, và cuối cùng từ nhóm nhỏ này Pyotr gây dựng nên Lữ đoàn Preobrazhenskoe. Cho đến khi chế độ quân chủ Nga chấm dứt vào năm 1917, đây là lữ đoàn đầu tiên của lực lượng Cảnh vệ Hoàng gia, với vị lữ đoàn trưởng luôn luôn là Hoàng đế nước Nga và với niềm tự hào lớn nhất: là lữ đoàn do Pyotr Đại đế thành lập.

Không bao lâu, mọi doanh trại trong ngôi làng nhỏ bé Preobrazhenskoe được lấp đầy, nhưng đội quân trai trẻ của Pyotr vẫn không ngừng mở rộng. Doanh trại mới được xây dựng ở làng Semyonovsky gần đây; theo thời gian, đội quân này phát triển thành Lữ đoàn Semyonovsky và là lữ đoàn thứ hai của lực lượng Cảnh vệ Hoàng gia. Mỗi lữ đoàn phôi thai có 300 quân, được tổ chức thành bộ binh, kỵ binh và pháo binh - cũng giống như quân đội thực thụ. Cũng có hệ thống quân hàm, với sĩ quan trận địa, đội hậu cần, ban hành chính, ban quân lương, lính thổi kèn, lính đánh trống… Cũng giống như quân đội thực thụ, họ sông dưới chế độ kỷ luật của quân đội và được huấn luyện gian khổ theo phương pháp của quân đội. Họ xây vọng gác và cắt đặt lính canh xung quanh doanh trại. Sau khi được huấn luyện cơ bản, họ hành quân trên quãng đường dài, dựng lều qua đêm, đào công sự và cắt đặt việc tuần tiễu.

Pyotr hăng say lao vào những hoạt động này, tham gia vào mọi lĩnh vực. Thay vì tự phong quân hàm đại tá, cậu nhận cấp thấp nhất là lính đánh trống để có thể chơi thỏa thích loại nhạc cụ này. Dần dà, cậu tự thăng cấp làm lính pháo binh để có thể bắn loại vũ khí tạo tiếng nổ lớn nhất và gây tổn thất cho quân địch nhiều nhất. Trong doanh trại hoặc trên đường hành quân, Pyotr đều không muốn tạo sự phân biệt giữa mình và những người khác. Cậu thực

hiện nhiệm vụ giống như họ, đảm nhiệm ca canh gác cả ban ngày và ban đêm, đào công sự bằng xẻng, ngủ trong cùng loại lều và ăn cùng loại thức ăn. Khi lữ đoàn đi diễu hành, Pyotr đi trong đoàn quân, thân hình cao hơn những người khác, ngoài ra không có gì khác biệt.

Việc Pyotr từ chối quân hàm cấp cao trong trò chơi chiến tranh thời thơ ấu trở nên tính cách đặc biệt suốt đời ông. Sau này, khi đi diễu hành trong một đội quân mới hoặc đi trên chiến hạm trong một hạm đội mới, Pyotr luôn nhận chức vụ chỉ huy cấp thấp. Ông chấp nhận được thăng cấp từ lính đánh trống lên lính pháo binh, đến trung sĩ và rốt cuộc thành cấp tướng, hoặc trong hải quân là chuẩn đô đốc rồi lên phó đô đốc, nhưng chỉ khi ông cảm thấy xứng đáng với khả năng và chiến công của mình. Một phần lý do, lúc khởi đầu, là trong những buổi diễn tập thời bình ông thấy vui hơn, tạo ra nhiều âm thanh hơn khi làm lính đánh trống hoặc pháo binh, thay vì đóng vai thiếu tá hoặc đại tá. Nhưng phần khác, cũng vì ông luôn tin rằng mình nên học tập mọi việc từ dưới lên. Và nếu chính Sa hoàng làm như thế không một nhà quý tộc nào có thể nhận quân hàm chỉ dựa trên giai cấp. Từ bước khởi đầu, Pyotr đã nêu tấm gương như thế, hạ thấp tầm quan trọng của giai cấp, nâng cao vai trò của tài năng, đòi hỏi giới quý tộc hiểu rằng phải nỗ lực mới có chức vụ và danh vọng.

Khi Pyotr càng lớn lên, các trò chơi chiến tranh càng trở nên công phu. Năm 1685, để thực tập việc xây dựng, phòng ngự và tấn công pháo đài, những người lính thiếu niên đã làm việc trong gần một năm để xây một pháo đài nhỏ bằng đất nện và gỗ trên bờ Sông Yauza ở Preobrazhenskoe. Ngay sau khi xây xong, Pyotr dùng cối và đại bác bắn để thử xem có thể đánh sập nó được không. Dần dà, pháo đài được mở rộng thành một thị trấn

nhỏ được phòng thủ kiên cố với vọng gác, bên trong có khu hành chính, tòa án…

Đối với trò chơi phức tạp như thế, Pyotr cần đến tư vấn chuyên nghiệp: các thiếu niên không thể tự mình xây dựng và tấn công pháo đài. Kiến thức kỹ thuật đến từ Khu Ngoại ô Đức. Khởi đầu, người nước ngoài ở đây được mời đến để làm huấn luyện viên ngắn hạn; dần dần càng có thêm người, và thời gian họ lưu lại càng dài hơn. Vào đầu thập kỷ 1690, khi hai toán quân được chính thức chuyển thành hai Lữ đoàn Cảnh vệ Hoàng gia Preobrazhenskoe và Semyonovsky, hầu hết các đại tá, thiếu tá và đại úy là người nước ngoài.

Có ý kiến cho rằng động lực của Pyotr là gây dựng một lực lượng quân sự để sau này lật đổ Sofia. Điều này có vẻ không đúng. Sofia biết tất cả những gì xảy ra ở Preobrazhenskoe và không mảy may lo lắng. Nếu cô cho rằng có nguy cơ, cô hẳn đã ra lệnh chỉ cung cấp vũ khí cho Pyotr. Ngày nào mà 20.000 Cấm vệ còn ủng hộ Sofia thì 600 binh sĩ của Pyotr chẳng có nghĩa lý gì cả. Hơn nữa, Sofia còn biệt phái những lữ đoàn Cấm vệ để tham gia các trò chơi chiến trận của Pyotr.

Trong giai đoạn này, mọi thứ đều thu hút tính hiếu kỳ của Pyotr. Cậu muốn biết quân dụng và chiến cụ vận hành như thế nào, cậu quan sát nghệ nhân thao tác với dụng cụ của họ… Khi lên 12 tuổi, cậu ra lệnh mang đến một bàn làm mộc và học cách sử dụng rìu, đục, búa, đinh. Cậu cũng học các nghề đẽo đá, thuộc da, khắc ngà voi, sắp chữ, in ấn, nghề rèn…

Một hậu quả của tuổi thơ sông tự do ở Preobrazhenskoe là sự giáo dục của Pyotr bị gián đoạn. Khi cậu rời Kremlin, cậu rời xa các thầy giáo đã dạy Fyodor và Sofia, cũng rời xa những truyền thống và tập tục được mang ra dạy bảo cho một Sa hoàng. Nhưng với trí thông minh và tính hiếu kỳ, Pyotr

trốn ra ngoài để học những điều thực tiễn thay vì nhồi nhét lý thuyết. Cậu nhận nền học vấn giữa đồng cỏ, sông suối và rừng núi thay vì trong phòng học; cậu học với súng trường và đại bác thay vì với giấy và bút. Có điểm lợi, nhưng cũng có cái hại nghiêm trọng. Cậu ít đọc sách. Trình độ viết, đánh vần và văn phạm của cậu không bao giờ vượt quá cấp tiểu học. Cậu không được học ngoại ngữ, trừ lõm bõm ít tiếng Hà Lan và Đức cậu nhặt được ở Khu Ngoại ô Đức và sau này khi du hành ra nước ngoài. Cậu không chịu ảnh hưởng của thần học; tri thức của cậu không được triết học mở rộng hoặc thách thức. Giống như mọi trẻ thông minh khác khi chấm dứt việc học lúc lên 10 tuổi và được hoàn toàn tự do trong 7 năm, óc hiếu kỳ dẫn dắt cậu đi theo nhiều hướng, nên tuy không được hướng dẫn cậu vẫn học được nhiều điều. Nhưng cậu không nhận được nền giáo dục quy củ từ môn thấp nhất dần dần tiên lên môn cao nhất để chuẩn bị làm nhà lãnh đạo.

Sự giáo dục của Pyotr, do óc hiếu kỳ và tính bốc đồng thôi thúc, bao gồm cả hữu ích và vô dụng, tạo ra một hướng đi mới cho Sa hoàng này và triều đại của ông. Nhiều thành tựu của ông sau này hẳn đã không xảy ra nếu Pyotr được giáo dục ở Kremlin thay vì chơi đùa ở Preobrazhenskoe; nền giáo dục hàn lâm có thể làm khô cứng cũng như kích thích ý tưởng. Nhưng sau này, Pyotr nhìn nhận và than phiền về sự khiếm khuyết kiến thức chuyên sâu và tinh tế mà không thể tự học được.

Việc sử dụng kính lục phân là một ví dụ điển hình cho sự học hỏi hăng say, tự mày mò của Pyotr. Năm 1687, khi Pyotr lên 15, Hoàng thân Yakov Dolgorukov, lúc chuẩn bị đi Pháp với nhiệm vụ ngoại giao, cho Pyotr biết có lúc ông có một dụng cụ "có thể đo khoảng cách và diện tích mà người đo không phải di chuyển khỏi vị trí đang đứng", nhưng không may bị mất cắp. Pyotr nhờ ông mua dụng cụ này khi đến Pháp. Khi Yakov Dolgorukov trở

về năm sau, câu hỏi đầu tiên của Pyotr là ông có mang về dụng cụ ấy hay không. Thế là ông đưa ra chiếc hộp đựng một kính lục phân[43], nhưng không một ai xung quanh biết cách sử dụng ra sao. Việc tìm kiếm người hướng dẫn lan đến Khu Ngoại ô Đức và truy ra một thương nhân già người Hà Lan tên Franz Timmerman. Ông này cầm lấy cái kính lục phân và nhanh chóng tính toán khoảng cách từ chỗ ông đứng đến một ngôi nhà gần đấy. Một gia nhân được lệnh đếm bước theo khoảng cách và quay lại báo cáo con số gần đúng với kết quả của Timmerman. Pyotr náo nức yêu cầu ông dạy cách sử dụng. Timmerman đồng ý, nhưng cho cậu học trò biết trước nhất cần phải học số học và hình học. Pyotr đã có lần học qua số học, nhưng lâu ngày không dùng giờ đã quên hết, ngay cả làm tính trừ và tính chia cũng không biết. Bây giờ, được thúc đẩy bởi lòng ước ao sử dụng kính lục phân, cậu lao vào một số môn học: số học, hình học và cách tính toán đạn đạo[44]. Càng học, càng có nhiều con đường rộng mở trước mắt cậu. Cậu trở nên thích thú với môn địa dư, học về những biên giới của nước Nga, Châu Âu và Tân Thế giới được vẽ trên quả địa cầu của vua cha quá cố.

Timmerman chỉ là một thầy giáo bất đắc dĩ: ông đã sống ở Nga được 20 năm và không biết đến những công nghệ mới nhất ở Tây Âu. Tuy thế đối với Pyotr, ông vừa là chuyên gia tư vấn vừa là người bạn, và Pyotr luôn giữ ông thầy thường hút ống điếu này bên mình. Timmerman đã nhìn ra thế giới, ông biết cách vận hành của nhiều thứ, ông có thể trả lời ít nhất vài câu hỏi liên tục tuôn ra từ cậu bé cao lớn, luôn luôn tò mò. Cả hai cùng nhau lang thang trong miền quê xung quanh Moskva, thăm viếng các lâu đài, tu viện và sục sạo trong các làng mạc nhỏ.

Một trong những chuyến đi như thế trong tháng 6/1688 dẫn đến những thanh tựu to lớn cho Pyotr và cho nước Nga. Cậu đang lang thang cùng với

Timmerman qua một khu đất của hoàng gia gần ngôi làng Ismailovo. Họ đi đến một nhà kho; Pyotr được cho biết đây là kho chứa vật dụng cũ nát, đã bị khóa cửa lâu năm. Tính hiếu kỳ nổi lên, Pyotr ra lệnh mở cánh cửa, xem xét các món bên trong mà không để ý đến mùi ẩm mốc. Trong ánh sáng lờ mờ, cậu chú ý đến một chiếc thuyền cũ, bằng gỗ đã mục, nằm úp xuống ở một góc nhà kho. Chiếc thuyền dài hơn 6 mét và rộng gần 2 mét. Pyotr đã từng trông thấy loại thuyền cồng kềnh mà người Nga dùng để chuyên chở hàng hóa trên sông rộng; cậu cũng đã từng thấy loại thuyền nhỏ dùng để tiêu khiển ở Preobrazhenskoe. Nhưng các loại thuyền của Nga này chủ yếu dùng trên sông: giống như sà lan, với đáy bằng và đuôi vuông, do người trên thuyên chèo bằng cây dầm hoặc do người hoặc súc vật trên bờ kéo đi băng dây thừng. Chiếc thuyền trước mặt Pyotr có kiểu dáng khác: đáy sâu và cong, có sống dài và đầu nhọn, không thích hợp để lưu thông trên sông.

Pyotr hỏi Timmerman: "Đây là loại thuyền gì thế?"

Ông già người Hà Lan đáp: "Đây là kiểu thuyền Anh quốc."

Pyotr hỏi: "Nó dùng để làm gì? Nó có tốt hơn loại thuyền của nước Nga chúng tôi không?"

Timmerman trả lời: "Nếu có cột buồm và cánh buồm mới, nó sẽ đi không những xuôi chiều gió, mà còn có thể đi ngược gió."

Pyotr ngạc nhiên: "Ngược gió à? Có thể như thế được sao?"

Cậu muốn sử dụng thử chiếc thuyền ngay lập tức. Nhưng Timmerman xem xét các thớ gỗ đã mục nát và nhất quyết cho rằng cần phải sửa chữa trước; trong khi ấy, có thể làm cột buồm và cánh buồm. Bị Pyotr luôn thúc giục phải làm gấp, Timmerman tìm một ông già Hà Lan khác tên là Karsten Brandt, đã được Sa hoàng Aleksei thuê đóng một chiếc thuyên trên Biển

Caspi, hiện đang làm nghề mộc ở Khu Ngoại ô Đức. Ông này thay thế các thanh gỗ mục, trét keo và hắc ín lên mặt đáy, dựng cột buồm, mắc cánh buồm, mắc dây lèo…, rồi đưa chiếc thuyền xuống Sông Yauza. Trước đôi mắt quan sát của Pyotr, Brandt lái thuyền sang phải, sang trái, lợi dụng cơn gió nhẹ để đi không những ngược gió, mà còn ngược dòng nước chảy. Ngập tràn khích động, Pyotr gọi Brandt đi vào bờ để cậu cùng xuống thuyền. Cậu nhảy xuống, điều khiển con thuyền đi ngược gió dưới sự chỉ dẫn của Brandt. Sau đấy, Pyotr sử dụng con thuyền hằng ngày.

Không ai rõ nguồn gốc thật sự của chiếc thuyền nổi danh này, mà Pyotr Đại đế gọi là "Thủy tổ của Hải quân Nga." Pyotr tin rằng đây là thuyền Anh quốc; một truyền thuyết cho rằng nó là con thuyền được Nữ hoàng Elizabeth I của Anh tặng Ivan Bạo chúa. Những người khác nghĩ rằng con thuyền do người Hà Lan đóng dưới triều Aleksei. Điều quan trọng là con thuyền có kiểu dáng Anh.

Ý thức được ý nghĩa quan trọng của chiếc thuyền, Pyotr quyết định phải bảo tồn nó. Năm 1701, nó được mang đến lưu giữ ở Moskva. Năm 1722, khi cuộc chiến với Thụy Điển kết thúc, Pyotr ra lệnh chuyển nó đến Sankt-Peterburg. Nặng 1 tấn rưỡi, nó được kéo qua một số đoạn đường lót gỗ. Pyotr ra lệnh rõ ràng: "Phải cẩn thận tránh làm hư hỏng. Vì lý do này, chỉ đi ban ngày. Dừng lại ban đêm. Khi đường xấu, phải đặc biệt cẩn thận." Ngày 30/5/1723, sinh nhật thứ 51 của Pyotr, chiếc thuyên xuôi dòng Neva tiến ra Vịnh Phần Lan, được một hạm đội "con cháu" tiếp đón. Hiện nay, chiếc thuyền này là hiện vật có giá trị nhất của Bảo tàng Hải quân Nga ở Sankt-Peterburg.

Con sông Yauza quá hẹp, gió thường quá nhẹ, chiếc thuyền hay bị mắc cạn nên Pyotr không thể thực hành thỏa thích. Nơi gần nhất có mặt nước

rộng hơn là Hồ Pleschev, cách Moskva gần 140 kilômét về phía đông bắc. Pyotr là một Sa hoàng nước Nga nên nếu muốn đi đâu xa thì phải có lý do đặc biệt. Lễ hội tháng 6 gần Tu viện Troitsky tạo dịp may cho Pyotr, và cậu xin phép bà mẹ để đi tham dự nghi lễ tôn giáo này. Natalia đồng ý, và khi nghi lễ kết thúc, Pyotr - bây giờ không còn bị ai ràng buộc - đi ngay đến Hồ Pleschev. Theo sự sắp xếp trước, Timmerman và Brandt cùng đi với cậu.

Đứng trên bờ hồ, Pyotr phóng tầm mắt ra xa. Cậu chỉ có thể nhìn thấy lờ mờ bờ hồ bên kia. Ở đây, cậu có thể lái thuyên trong một giờ, hai giờ, mà không cần đổi hướng. Cậu muốn thực tập lái thuyền ngay lập tức, nhưng không có chiếc thuyền nào ở đây, và không thể nào kéo con thuyền kiểu Anh từ Ismailovo đến được. Cậu hỏi Brandt có thể đóng thuyền mới trên bờ hồ này được không.

Người thợ mộc già đáp: "Vâng, chúng ta có thể đóng thuyền ở đây." Ông nhìn quanh bờ hồ và khu rừng rậm rồi nói tiếp: "Nhưng chúng ta cần nhiều thứ."

Pyotr nói một cách phấn khích: "Không hề gì. Ta sẽ có bất kỳ thứ gì ta muốn."

Ý định của Pyotr là phụ giúp vào việc đóng thuyền ở Hồ Pleschev. Điều này có nghĩa không chỉ là một chuyến đi lén chớp nhoáng, mà phải xin phép lưu lại đây trong một thời gian. Cậu trở về và nài nỉ bà mẹ. Natalia chối từ, nhất quyết bắt buộc cậu phải ở tại Moskva ít nhất cho đến ngày ăn mừng lễ Thánh Pyotr (29/6). Pyotr vâng lời, nhưng ngày hôm sau cậu, Brandt và một người Hà Lan khác tên Kort vội vã trở lại Hồ Pleschev.

Họ xây bãi đóng thuyền, lán trại, âu thuyền, rồi đốn cây, cưa gỗ, tẩm thuốc và đục đẽo. Pyotr và những công nhân khác làm việc từ sáng sớm đến

chiều tối dưới sự chỉ huy của hai người Hà Lan, họ đặt ki cho 5 chiếc thuyền - hai tàu khu trục nhỏ và ba thuyền buồm, tất cả đều theo kiểu Hà Lan. Vào tháng 9, khung các con thuyền thành hình, nhưng chưa đi đến hoàn thiện thì Pyotr bắt buộc phải trở lại Moskva trong mùa đông. Cậu đành phải quay về sau khi đã yêu cầu hai người Hà Lan ở lại và làm việc khẩn trương để hoàn tất các con thuyền vào mùa xuân.

Việc khám phá tình cờ chiếc thuyền và những bài học lái thuyền đầu tiên của Pyotr khởi đầu cho hai xu hướng trong cá tính và cuộc đời của ông: lòng đam mê biển và ước muốn học hỏi từ Tây Âu. Ngay sau khi trở thành Sa hoàng có quyền lực, ông bành trướng đất nước về phía bờ biển, khởi đầu hướng về nam đến Biển Đen, rồi hướng về tây bắc đến Biển Baltic. Bị thúc đẩy bởi vị quân vương luôn mơ mộng đến biển một cách lạ kỳ, cả đất nước rộng mênh mông nhưng bị che chắn trong đất liền dần dần lấn ra đến bờ biển. Đây là điều kỳ diệu, tuy nhiên phần nào là tất yếu. Không một cường quốc nào có thể tồn tại và phồn vinh mà không có đường thông ra biển. Điều khác thường là thành tựu xuất phát từ giấc mơ của một thiếu niên.

Khi Pyotr điều khiển thuyền cùng với Brandt trên Sông Yauza, niềm say mê mới của cậu thiêu niên đối với nước pha trộn với lòng ngưỡng mộ đối với phương Tây. Cậu nhận thức rằng mình đang ngồi trên một chiếc thuyền nước ngoài, đang học tập từ người nước ngoài. Những người Hà Lan này đã giúp sửa chữa chiếc thuyền và chỉ dẫn cho cậu cách sử dụng nó, và họ đến từ một nền văn minh có kỹ thuật tiên tiến so với nước Nga. Hà Lan đã có hàng trăm con thuyền và hàng nghìn thủy thủ; vào lúc này Timmerman và Brandt tượng trưng cho tất cả những điều ấy. Họ trở nên những anh hùng đối với Pyotr. Cậu muốn họ ở luôn bên mình để học hỏi nơi họ. Bây giờ, họ là phương Tây. Một ngày nào đấy, cậu sẽ là nước Nga.

Vào cuối năm 1688, Pyotr 16 tuổi rưỡi và không còn là một cậu bé. Dù mang hoàng bào ngự trên ngai vàng hoặc bận áo thô để đào công sự, kéo dây thừng và đóng đinh trong khi trao đổi các đề tài kỹ thuật với thợ mộc và binh lính, về mặt thể chất Pyotr đã trưởng thành. Ở thời đại mà đời sống thường ngắn ngủi và nhiều thế hệ nối tiếp nhau trong thời gian ngắn, đàn ông thường kết hôn khi 16 tuổi rưỡi. Điều này đặc biệt đúng với hoàng tử, vì sinh ra người kế vị là trách nhiệm quan trọng đầu tiên. Nhiệm vụ của Pyotr là rõ ràng: đã đến lúc phải kết hôn và có con trai. Bà mẹ của Pyotr nhận thức rõ điều ấy, và lần này Sofia không chống đối. Đây không phải đơn thuần là vấn đề dòng họ Naryshkin đối kháng dòng họ Miloslavsky; mà là điều cần thiết phải tiếp nối vương triều Romanov. Các công chúa không kết hôn; Sa hoàng Ivan chỉ có con gái.

Natalia còn có những lý do cá nhân khác. Bà bực mình khi thấy con trai càng ngày càng quan tâm đến người nước ngoài; điều này vượt xa những gì bà đã chứng kiến trong không khí tương đôi chịu ảnh hưởng của Tây Âu ở nhà của Matveyev hoặc không khí càng ngày càng phóng khoáng tại triều đình vào những năm cuối đời của Aleksei. Pyotr dành tất cả thì giờ của mình với những người Hà Lan ấy, và họ đối xử với Pyotr như là người học việc chứ không phải như bậc quân vương. Qua họ, anh bắt đầu uống rượu, hút ống điếu và giao tiếp với con gái nước ngoài - những người có lối sống hoàn toàn khác với những cô con gái sống biệt lập trong các gia đình quý tộc Nga. Hơn nữa, Natalia còn lo lắng cho sự an nguy của Pyotr. Bắn đại bác và đi trên thuyền là việc nguy hiểm. Anh vắng nhà trong nhiều ngày, anh đã thoát ra ngoài vòng kiểm soát của bà mẹ, anh đang giao thiệp với những thành phần không thích hợp, anh đang đe dọa chính tính mạng của mình. Một người vợ sẽ thay đổi tất cả. Một cô gái Nga trẻ đẹp, hiền dịu,

giản đơn và thương chồng sẽ làm anh sao nhãng những việc kia và khiến anh làm việc có ý nghĩa hơn là chạy trên cánh đồng hoặc lướt trên sông nước. Một người vợ tốt có thể biến Pyotr từ thiếu niên trở thành đàn ông. Nếu may mắn, cô có thể nhanh chóng biến người đàn ông thành một người cha.

Pyotr chấp nhận ý nguyện của bà mẹ mà không biện luận gì - không phải vì bỗng nhiên anh có ý thức về phận làm con, mà chỉ vì anh không chú ý lắm đến việc này. Anh đồng ý cho triệu tập những cô gái đạt đủ tiêu chuẩn; anh đồng ý cho bà mẹ chọn lựa. Sau khi việc này hoàn tất, anh gặp cô gái, không phàn nàn gì, và qua đấy chấp thuận sự chọn lựa của bà mẹ để anh có một người vợ và nước Nga có một hoàng hậu mới.

Tên cô là Evdokia Lopukhina, lên 20 - lớn hơn Pyotr 3 tuổi. Cô được cho là đẹp, tuy không còn sót lại bức chân dung nào của cô vào thời gian này. Cô có tính rụt rè và hoàn toàn phục tùng, và điều này làm cho mẹ chồng yêu thích. Cô thuộc một gia đình rất bảo thủ, có quan hệ qua hôn nhân với các dòng họ tiếng tăm Golitsyn, Kurakin và Romodanovsky. Cô là tín đồ mộ đạo của Chính Thống giáo, hầu như không có học vấn, không thích những gì thuộc về nước ngoài và đơn giản tin rằng, để làm vui lòng người chồng, cô chỉ việc trở thành nô lệ cho anh. Hôn lễ diễn ra ngày 27/1/1689.

Cuộc hôn nhân thất bại hoàn toàn. Dù về thể chát, Pyotr có khả năng làm cha, nhưng anh vẫn phấn khích với những khám phá mới, vẫn muốn biết đồ vật vận hành như thế nào hơn là con người hành xử như thế nào. Không phải tất cả chàng trai 17 tuổi từ bỏ mọi chuyện họ yêu thích mà ngoan ngoãn lo việc gia đình. Và chắc chắn là Evdokia không có khả năng tạo phép lạ như thế cho Pyotr. Khiêm tốn, theo truyền thống, hầu như là một

đứa trẻ rụt rè, bị choáng ngợp vì vị thế của người chồng, muốn làm vui lòng chồng nhưng không biết phải làm như thế nào, cô có thể là một hoàng hậu gương mẫu của một Sa hoàng nước Nga truyền thống. Cô sẵn sàng làm mọi việc, nhưng tính ngông cuồng, bốc đồng của người chồng khiến cô hoang mang và nam tính ồn ào của anh làm cho cô hãi sợ. Cô sẵn sàng phụ giúp các buổi yên tiệc trong triều đình, nhưng không muốn làm gì trong việc đóng thuyền. Cô càng thêm ác cảm đối với người nước ngoài. Cô đã được dạy bảo rằng họ là người xấu; bây giờ họ đang cướp anh khỏi tay cô. Cô không thể nói chuyện với Pyotr; cô không biết gì về nghề mộc hoặc lắp ráp. Từ lúc đầu, cách chuyện trò của cô làm cho anh chán; không bao lâu, cách tỏ bày tình cảm cũng thế; chẳng bao lâu, anh không thể chịu nổi sự hiện diện của cô. Tuy thế, trong vòng hai năm họ có hai con trai. Người con đầu là Hoàng Thái tử Aleksei, với cái chết bi thương sau này sẽ dằn vặt Pyotr. Đứa con thứ hai là Aleksandr, chết sau khi ra đời được 7 tháng. Khi việc này xảy ra, không đến 3 năm sau ngày kết hôn, Pyotr cảm thấy lạnh nhạt với Evdokia và vô cảm đến mức anh không màng đến việc dự tang lễ cho đứa trẻ.

Ngay cả thời gian trăng mật cũng ngắn ngủi. Vào đầu mùa xuân, chỉ vài tuần sau lễ cưới, Pyotr đã nôn nóng nhìn băng tan trên Sông Yauza. Biết rằng chẳng bao lâu băng cũng sẽ tan trên Hồ Pleschev, anh cố dứt ra khỏi cô vợ, bà mẹ và những nhiệm vụ. Đầu tháng 4/1689, anh vội vã đi đến nơi đóng thuyền, nóng lòng muốn xem Brandt và Kort đã làm đến đâu. Anh thấy băng đang tan, phần lớn các con thuyền đã được hoàn tất, chỉ còn cần vài cuộn dây để buộc cánh buồm. Cùng ngày, anh viết thư cho bà mẹ xin cung cấp dây thừng, nhấn mạnh rằng nếu nhận được dây thừng sớm, anh sẽ có thể trở về sớm.

Natalia hiểu ra sự việc và nổi giận. Bà không cho gửi dây thừng, nhưng ra lệnh Pyotr trở về Moskva lập tức để tham dự một buổi lễ tưởng niệm Sa hoàng Fyodor; sự vắng mặt của anh có thể được xem là dấu hiệu thiếu tôn trọng đôi với người anh quá cố, có thể gây sốc cho mọi người. Khổ sở với ý nghĩ phải rời xa những chiếc thuyền của mình, Pyotr lại gửi thư cho bà mẹ, viện cớ còn công việc phải làm và cho biết đã viết thư giải thích.

Nhưng Natalia vẫn khăng khăng: Pyotr phải quay về. Anh về đến Moskva một ngày trước khi cử hành lễ tưởng niệm, và phải sau đó một tháng Pyotr mới có thể trốn đi Hồ Pleschev. Lần này, anh được biết tin Kort đã qua đời. Làm việc bên cạnh Brandt và công nhân, Pyotr giúp hoàn tất các chiếc thuyền.

Trong mùa xuân này, Pyotr viết năm lá thư cho bà mẹ nhưng không viết lá nào cho cô vợ, và cũng không nhắc đến cô trong thư viết cho mẹ. Natalia phải chấp nhận thực tế. Ở Preobrazhenskoe, nơi cô vợ sống cùng mẹ chồng, căng thẳng đã xảy ra. Natalia nhanh chóng nhận ra những mặt hạn chế của con dâu, chán ghét cô và chấp nhận sự đánh giá của Pyotr. Evdokia vẫn hy vọng hàn gắn tình chồng vợ, viết thư cho Pyotr khẩn thiết xin anh quay về.

Sau đấy, một lần nữa, Pyotr bị ra lệnh phải quay về Moskva để tham dự một nghi lễ công cộng. Một lần nữa, anh phải đành lòng rời xa các con thuyền, nhưng lần này bà mẹ đòi hỏi anh phải ở lại hẳn. Một cuộc khủng hoảng đang diễn ra: các *boyar* thân thiện với Pyotr và bà mẹ đang thách thức Phụ chính Sofia. Sau 7 năm nắm quyền chính đạt nhiều thành tựu, chính quyền của Sofia bắt đầu lung lay. Hai cuộc chinh chiến đã thất bại. Giờ đây, vị Phụ chính, đắm đuối với vị Tư lệnh của đoàn quân chiến bại Vasily Golitsyn, đang cố thuyết phục dân Nga xem người tình của cô như là vị anh hùng. Điều này là quá đáng, và những người ủng hộ Pyotr tin rằng đã

đến hồi kết cục. Nhưng họ cần Pyotr - vốn là biểu tượng cho động cơ của họ - ở kề cận bên mình. Khoác lên bộ hoàng bào, Pyotr có thể dễ dàng trở thành Sa hoàng thực thụ. Mặc bộ đồ thô sơ, làm việc trong xưởng đóng tàu cách Moskva hai ngày đường, anh chỉ có tư cách như Sofia vẫn từng thấy: một thiêu niên kỳ quặc với những thú vui mà cô vừa lấy làm thú vị vừa xem thường.

43. Kính lục phân: dụng cụ dùng trong hàng hải để xác định vị trí của con tàu giữa biển khơi, dựa theo vị trí Mặt Trời hoặc các vì sao. ND)

44. Nhiều trang giấy ghi bài tập và cách giải của Pyotr vẫn được lưu giữ. Những trang đầu tiên ghi các bài toán cộng, trừ, nhân đơn giản; những trang kế tiếp ghi các định luật về kinh tuyến và cách tính đạn đạo của một quả đạn cối. (ND)

7 CHẾ ĐỘ PHỤ CHÍNH CỦA SOFIA

Sofia ở độ tuổi 25 trở thành Phụ chính và khi 32 tuổi bị tước mất quyền hành. Một bức chân dung cho thấy đây là một cô gái với đôi mắt nâu, khuôn mặt tròn, đôi má hồng, tóc vàng xám, cằm dài. Cô mập mạp nhưng vẫn có vẻ đẹp. Bức chân dung này chưa diễn tả đầy đủ. Đây là chân dung của bất kỳ thiếu nữ nào trông dễ chịu, với sắc đẹp khiêm tốn; nhưng không thể hiện gì về năng lực sôi nổi và tính quyết đoán vốn đã giúp Sofia vượt qua cơn sóng gió của cuộc nổi loạn Cấm vệ và rồi cai trị nước Nga trong 7 năm.

Một nhà ngoại giao người Pháp tên De Neuville mô tả Sofia:

> Đầu óc và năng lực của cô ấy không liên hệ đến hình thể dị dạng của cô, vì cô rất béo, đầu to, nhiều lông trên mặt và những khối u trên chân, tuổi đã bốn mươi. Trong khi vóc người cô thấp và thô kệch, đầu óc cô sắc sảo, khôn ngoan, công tâm và đầy những ý tưởng về chính sách.

Tuy nhiên, nếu Sofia thật sự là người xấu xí như thế thì hẳn đã có người khác mô tả theo cách tương tự. De Neuville đến Moskva vào giai đoạn cuối chế độ phụ chính của Sofia khi chính sách của cô là liên minh với Áo để chống Đế quốc Ottoman vốn thân với Pháp. Ông đã nhầm to về tuổi của

Sofia: ông cộng thêm 8 năm. Ít nhất có một điểm là do trí tưởng tượng: chắc chắn là De Neuville không thể nhìn thấy chân của Sofia. Tuy thế, dù là do động lực nào chăng nữa, sự mô tả của ông vẫn có ảnh hưởng khi người ta viết tiểu sử của cô.

Khi Sofia nhận cương vị Phụ chính vào năm 1682, cô nhanh chóng cử người của mình vào các chức vụ. Người cậu Ivan Miloslavsky giữ vai trò cố vấn chủ chốt cho đến khi ông qua đời. Một nhân vật quan trọng khác là Fyodor Shaklovity, Tư lệnh mới của cấm vệ, người được những binh lính tham gia bạo động kính nể và đã lập lại kỷ luật trong các lữ đoàn của Moskva. Ông xuất thân từ gia đình nông dân và vô học, nhưng tận tụy với Sofia và luôn sẵn sàng tuân theo mọi mệnh lệnh của cô. Dần dà, ông leo lên chức vụ bí thư của hội đồng *boyar*, nhưng bị các thành viên trong hội đồng này ghét bỏ vì ông thuộc giai cấp thấp. Để bù đắp cho Shaklovity, Sofia cũng nhận sự cố vấn từ một giáo sĩ trẻ có học thức - Sylvester Medvedev - mà cô quen biết từ lúc sống trong biệt cung dành cho các công chúa. Là một môn đồ của người thầy dạy Sofia - Simeon Polotsky - Medvedev được xem là nhà thần học có trình độ khá nhất của Nga.

Nhân vật nổi bật nhất trong chế độ Phụ chính của Sofia là Hoàng thân Vasily Golitsyn - cố vấn, thủ tướng, cánh tay phải đắc lực của cô, người an ủi cô, và dần dà là người tình của cô. Xuất thân từ một trong những dòng họ quý tộc lâu đời nhất ở Nga, Golitsyn có khiếu thưởng ngoạn và tư tưởng thiên về Tây Âu còn hơn cả Artamon Matveyev. Là một chính khách và tướng lĩnh nhiều kinh nghiệm, người thưởng ngoạn nghệ thuật có trình độ và chính trị gia có tầm nhìn rộng, Golitsyn có lẽ là người Nga văn minh nhất cho đến lúc đó. Sinh năm 1643, ông được giáo dục vượt xa những nhà

quý tộc khác. Từ thời niên thiếu, ông đã học thần học, sử học, các ngoại ngữ Latinh, Hy Lạp và Ba Lan.

Tại Moskva, Golitsyn có lối sống như là một lãnh chúa Tây Âu: cung điện to lớn của ông mang đường nét kiến trúc Tây Âu; nội thất có thêm nhạc cụ, dụng cụ toán học và thiên văn; thư viện gồm sách viết bằng tiếng Latinh, Ba Lan và tiếng Đức; phòng tranh treo chân dung tất cả các Sa hoàng và nhiều vua chúa đương thời của Tây Âu.

Golitsyn thích giao du với người nước ngoài. Ông thường xuyên thăm viếng Khu Ngoại ô Đức, hay dùng bữa tối ở đây với Tướng Patrick Gordon - người Scotland đang nhận nhiệm vụ cố vấn và cộng sự trong nỗ lực cải tổ quân đội của ông. Golitsyn thường đón tiếp những nhà ngoại giao và thương nhân nước ngoài ở nhà riêng. Ngay cả người theo Dòng Tên, mà phần lớn dân Nga xa lánh, cũng được ông đón tiếp. Sau bữa ăn tối, đề tài thảo luận (bằng tiếng Latinh) thường là về vũ khí mới, đạn đạo và chính trường ở Châu Âu.

Golitsyn ngưỡng mộ nước Pháp và vị Hoàng đế đương thời Louis XIV một cách đặc biệt. Với đại sứ Pháp tại Nga, Golitsyn thổ lộ những hy vọng và mơ ước của mình. Ông nói về việc cải tổ sâu rộng thêm trong quân đội, thương mại xuyên qua Siberia, thiết lập mối quan hệ bền vững với phương Tây, cử thanh niên Nga đi du học ở phương Tây, ổn định tiền tệ, tuyên bố tự do tín ngưỡng và ngay cả giải phóng nông nô.

Sofia gặp người đàn ông khác thường này khi cô 24 tuổi, còn ông lúc ấy đã 39. Với đôi mắt xanh, bộ ria mỏng và chòm râu tỉa gọn, áo choàng viền lông thú, giữa các nhà quý tộc Nga trông ông giống như một bá tước bảnh bao vừa đến từ nước Anh. Với trí thông minh, ý thích học hỏi và tham vọng,

lẽ tự nhiên là Sofia nhìn ông như là biểu tượng của lý tưởng, thế là bị ông cuốn hút.

Golitsyn đã có vợ, con cái đã lớn, nhưng không hề gì. Cả quyết và nồng nàn, giờ xông vào đời một cách buông thả, Sofia gạt qua một bên mọi cẩn trọng khi manh động trong quyền lực. Cô sẽ không làm kém hơn trong tình yêu. Hơn thế nữa, cô sẽ kết hợp cả hai. Cô sẽ chia sẻ quyền lực và tình yêu với Golitsyn, và bên nhau họ sẽ cai trị: qua tầm nhìn ông sẽ đề xuất ý tưởng và chính sách; qua uy quyền cô sẽ đảm bảo thực hiện những ý tưởng và chính sách ấy. Khi được tấn phong Phụ chính, cô đã bổ nhiệm ông làm Bộ trưởng Ngoại giao. Hai năm sau, cô đặt ông vào chức vụ Thủ tướng.

Vào những năm đầu, vai trò của Sofia là phức tạp. Trong riêng tư, cô cai trị đất nước, nhưng ở nơi chốn công cộng cô giấu mình sau hai Sa hoàng tượng trưng và chính quyền của Golitsyn. Người ta ít khi được trông thấy cô.

Dưới chế độ Phụ chính của Sofia, Golitsyn lấy làm tự hào là ông đang quản trị "một triều đại dựa trên công lý và sự đồng thuận." Dân chúng Moskva xem ra mãn nguyện; vào ngày lễ hội, từng nhóm đông đi dạo trong công viên và dọc theo bờ sông. Trong giới quý tộc, ảnh hưởng của Ba Lan là rõ nhất; hàng hóa của Ba Lan như găng tay, mũ lông thú và xà bông thơm được ưa chuộng. Sofia tiếp tục cuộc sống tri thức của cô, viết văn xuôi bằng Nga văn và cả sáng tác kịch nói; một vài vở được diễn ở Kremlin.

Vẻ bề ngoài cũng như thực chất của Moskva dần thay đổi. Golitsyn quan tâm đến kiến trúc, và hỏa hoạn đã tàn phá nhiều khoảng rộng để ông thể hiện ý tưởng cải tạo của mình. Mùa thu 1688, Kho bạc không thể trả lương cho chuyên gia nước ngoài vì đã phải cho nạn nhân hỏa hoạn vay tiền để xây lại nhà. Một nghị định đòi hỏi dân chúng phải dùng bùn đất che phủ

mái nhà để giảm thiểu tác hại của hỏa hoạn. Golitsyn kêu gọi dân Nga nên xây dựng bằng đá, và trong giai đoạn đương chức của ông, tất cả tòa nhà mới của chính phủ và một cây cầu bắc ngang Sông Moskva được xây bằng đá.

Nhưng đời sống nghệ thuật, hàng hóa xa xỉ và kiến trúc mới bằng đá không có nghĩa là cải tổ thật sự trong xã hội Nga. Theo thời gian, chế độ đành phải tự hài lòng với việc duy trì trật tự trong nước, và những giấc mơ lớn hơn của Golitsyn vẫn không trở thành hiện thực. Quân đội có vẻ như được cải thiện dưới sự chỉ huy của sĩ quan nước ngoài, nhưng lại thất bại thảm hại khi qua thử thách trong chiến tranh. Việc thành lập những khu định cư ở miền Siberia phải dùng lại vì nguồn lực Nga phải đổ vào chiến tranh với Tatar. Nền thương mại của Nga vẫn nằm trong tay người nước ngoài, còn việc cải thiện đời sống nông nô không bao giờ được bàn bạc bên ngoài nhà riêng của Golitsyn.

Thành tựu lớn nhất của chế độ Phụ chính là về ngoại giao. Ngay từ lúc đầu, Sofia và Golitsyn đã nhất trí với nhau về chính sách hòa dịu với tất cả láng giềng của Nga. Nhiều vùng đất rộng lúc trước của Nga giờ vẫn còn nằm trong tay nước ngoài: Thụy Điển giữ bờ nam của Vịnh Phần Lan, còn Ba Lan chiếm vùng Bạch Nga và Litva. Nhưng Sofia và Golitsyn quyết định không tranh chấp. Thế là, ngay sau khi triều đình của cô đã được vững chắc, Sofia phái sứ thần đi Thụy Điển, Ba Lan, Đan Mạch và Áo, tuyên bố Nga sẵn sàng chấp nhận tình trạng hiện tại bằng cách tái xác nhận mọi hòa ước hiện hữu.[45]

Vua Karl XI của Thụy Điển vui mừng được biết hai Sa hoàng Ivan và Pyotr không muốn đòi lại các tỉnh vùng Baltic mà Sa hoàng Aleksei nhượng cho Thụy Điển qua Hòa ước năm 1661.

Riêng ở Ba Lan, sứ thần Nga đối đầu với tình thế phức tạp hơn. Ba Lan và Nga là hai kẻ thù truyền kiếp, đã chinh chiến với nhau trong hai thế kỷ qua. Cuộc chiến gần nhất kết thúc bằng hòa ước năm 1667, theo đấy lãnh thổ Nga kéo dài phía tây đến Smolensk và vùng Ukraina phía đông của Sông Dniepr, và sau hai năm Nga phải trả lại cho Ba Lan thành phố Kyyiv. Đây là lời hứa mà Nga không thể nào làm tròn. Nhiều năm trôi qua, việc đình chiến được tôn trọng, nhưng Aleksei và sau đây Fyodor cảm thấy họ không thể dứt Kyyiv ra khỏi Nga. Kyyiv mang nhiều ý nghĩa thân thương đối với nước Nga: là một trong những thành phố Nga lâu đời nhất, là thủ phủ của Ukraina, và theo Chính Thống giáo. Trả Kyyiv về cho Ba Lan theo Thiên Chúa giáo là việc lam khó khăn, đau đớn và rốt cuộc là chuyện không thể tưởng tượng được. Vì thế, trong các cuộc đàm phán, Nga cố thoái thác, biện luận và trì hoãn, trong khi Ba Lan khăng khăng không muốn từ bỏ đòi hỏi của họ. Sự việc vẫn dằng dai như thế khi sứ thần hòa bình của Sofia đi đến Ba Lan.

Cùng thời gian, Ba Lan đang đối đầu với một cuộc khủng hoảng mới. Ba Lan và Áo đang có chiến tranh với người Thổ của Đế quốc Ottoman. Năm 1683, một năm sau khi Pyotr lên ngôi, làn sóng của quân Ottoman dâng đến mức cao khi họ vây hãm thủ đô Wien của Áo (Đế quốc La Mã Thần thánh). Vua Jan Sobieski của Ba Lan cầm đầu đoàn quân của người Kitô đến cứu viện và chiến thắng dưới chân tường thành của Wien. Quân Ottoman rút lui dọc Sông Danube, nhưng chiến tranh vẫn tiếp tục, và cả Ba Lan lẫn Áo đều mong Nga trợ giúp. Năm 1685, đến phiên quân Ba Lan bị quân Thổ đánh bại nặng nề. Thế là mùa xuân năm sau, một phái bộ sứ thần đông đảo của Ba Lan gồm 1.000 người và 1.500 ngựa đi đến Moskva để đề nghị mối liên minh giữa Nga và Ba Lan. Golitsyn tiếp đãi họ một cách

trọng thị và hậu hĩnh, điều Cấm vệ hộ tống họ qua đường phố Moskva, còn các nhân vật quý tộc cao nhất của Nga thì mở tiệc khoản đãi. Sau những cuộc đàm phán kéo dài, hai bên đều đạt được mục đích của mình, nhưng cả hai cũng phải trả giá nặng nề.

Ba Lan chính thức nhượng vĩnh viễn Kyyiv cho Nga. Đối với Nga, đối với Sofia, đối với Golitsyn, đây là thắng lợi lớn lao nhất của chế độ Phụ chính. Phái đoàn đàm phán của Nga do Golitsyn đứng đầu được khen thưởng trọng hậu bằng quà, nông nô và đất đai. Bên Nga ăn mừng, nhưng bên Ba Lan, Vua Jan Sobieski rơi nước mắt vì đau khổ. Tuy thế Nga phải trả giá cho chiến thắng: Sofia đã đồng ý tuyên chiến với Đế quốc Ottoman. Lần đầu tiên trong lịch sử, Nga tham gia với một liên minh Tây Âu để chiến đấu chống một kẻ thù chung.

Cần ghi nhận là trận chiến thứ nhất này giữa Nga và Ottoman chỉ để duy trì Kyyiv, chứ không nhằm bành trướng lãnh thổ hoặc để giải phóng người Kitô như trong những trận chiến về sau. Đây là trận chiến mà người Nga phải miễn cưỡng phát động theo quy định của hiệp ước với Ba Lan, nếu muốn giữ Kyyiv cho mình.

Chiến tranh với Ottoman thể hiện một thay đổi đột xuất trong sách lược ngoại giao của Nga. Một hệ lụy của quyết định này vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay. Khi dồn nỗ lực đánh Thổ, Sofia và Golitsyn tạm gác qua một bên những tham vọng vùng Viễn Đông tiếp giáp với Trung Hoa. Đà tiến của Nga về Thái Bình Dương thình lình phải ngừng lại. Cho đến thế kỷ 17, quân đội cũng như thương nhân Nga đã tiến đến Sông Amur và chiếm được một phần châu thổ sông này chạy theo một vòng hình cung quanh Mãn Châu bây giờ. Trong nhiều năm, dưới sức ép của người Hoa, quân bộ tiền phương Nga liên tục kêu cứu Moskva tăng viện cho họ. Nhưng Sofia không

gửi quân tăng viện, mà phái Fyodor Golovin làm sứ thần đi đạt thỏa thuận hòa bình với nhà Mãn Thanh. Hai bên đàm phán ở đồn biên phòng Nga tại Nerchinsk trên thượng lưu Sông Amur. Golovin ở vào thế bất lợi: không những phải chịu dàn hòa như lệnh của Sofia, mà còn bị một lực lượng hùng hậu của Mãn Thanh tấn công. Rốt cuộc, Golovin phải ký Hiệp ước Nerchinsk năm 1689 nhượng nguyên vùng đất lưu vực sông Amur cho Mãn Thanh.

Kế tiếp, người Nga cho rằng Hiệp ước Nerchinsk không phải dựa trên sự bình đẳng, mà là do quân đội Mãn Thanh uy hiếp. Trong giai đoạn 1858-1860, lợi dụng khi triều đình Mãn Thanh suy yếu, Nga chiếm lại gần 1 triệu kilômét vuông.

Đấy là căn nguyên của sự tranh chấp Nga-Trung còn tồn tại đến ngày nay: Nga cho rằng dưới triều Sofia một vùng đất rộng bị chiếm đoạt một cách bất công nên cần đàm phán lại để giải quyết vấn đề. Phía Trung Quốc biện luận Hiệp ước Nerchinsk là hợp pháp, và Nga đã vô cớ chiếm đoạt đất của họ. Hiện giờ, vùng này thuộc quyền kiểm soát của Nga nhưng vẫn được thể hiện trên bản đồ của Trung Quốc.

Riêng về quan hệ giữa Nga và Đế quốc Ottoman, cho đến lúc đó chưa từng có xung đột giữa hai nước. Tuy quân Ottoman phải rút lui, đế quốc này vẫn còn hùng mạnh, đất đai vẫn rộng, vì thế Sofia không dám đối đầu. Trước khi ký kết hiệp ước với Ba Lan, Sofia đã liên tục hỏi ý kiến của Tướng Gordon về tình trạng của quân đội và mối hiểm nguy nếu phải chiến đấu. Vị tướng có kinh nghiệm trận mạc nói ông nghĩ thời điểm này là thuận lợi cho chiến tranh.

Ba Lan không yêu cầu Nga tấn công trực tiếp Ottoman, mà chỉ tấn công một chư hầu của Ottoman: người Tatar ở Crimea. Chọn lựa này là thích hợp

hơn, vì Nga vẫn là nạn nhân lâu đời của Tatar, sắc tộc này luôn tấn công dọc biên giới Nga, tàn phá nhiều làng mạc thị trấn, bắt đi nhiều người đem bán làm nô lệ. Đến cuối thế kỷ 17, nô lệ người Nga được bán đầy các chợ nô lệ ở Ottoman. Nhiều người Nga bị xiềng vào tay chèo của các thuyền galê ở tất cả các bến cảng Địa Trung Hải. Hãn vương Crimea thường tiến cống cho Sultan nhiều trai trẻ nô lệ Nga. Số nô lệ Nga khắp nơi nhiều đến nỗi có câu hỏi chế giễu rằng còn có người Nga nào trên đất Nga hay không.

Có vẻ như Nga không có cách nào ngăn chặn các cuộc tấn công tàn khốc của người Tatar: đường biên giới quá dài, lực lượng quân Nga lại quá mỏng và quá yếu; trong khi người Tatar không hành quân theo đường đi nước bước nhất định nào mà có tính cơ động cao trên lưng ngựa. Rốt cuộc, Sa hoàng nước Nga phải đồng ý trả một khoản tiền hằng năm, là phí bảo vệ mà bên Tatar gọi là triều cống nhưng bên Nga gọi là quà tặng. Nhưng việc này vẫn không thể chấm dứt hết các cuộc tấn công.

Mặc dù Moskva ở khoảng cách xa và triều đình xem các cuộc tấn công chỉ là sự quấy nhiễu, nhưng tình trạng này xúc phạm đến thể diện quốc gia. Bằng cách thỏa hiệp với Ba Lan, Nga cố gắng dập tắt các cuộc tấn công của Tatar ngay tại cội nguồn. Nhưng không phải là dễ. Nếu muốn đánh vào thủ phủ Bakhchisarai của Tatar, Nga phải hành quân gần 2.000 kilômét qua vùng thảo nguyên Ukraina, băng qua Eo đất Perekop rồi đến vùng đất hoang vu Crimea. Nhiều nhà quý tộc bị dự kiến sẽ phải tham gia vào chiến dịch thì tỏ ra thờ ơ. Một số người có ý kiến nếu phải gây chiến tranh để giữ Kyyiv, thì tốt hơn nên gây chuyện với Ba Lan. Những người khác tỏ ra sợ hãi cuộc hành quân gian khổ. Nhiều người chống lại chiến dịch chỉ vì Vasily Golitsyn là người ủng hộ.

Tuy thế, suốt mùa thu và mùa đông 1686, nước Nga ban hành lệnh động viên, thu thêm thuế huy động hàng chục nghìn ngựa, bò và xe goòng. Vasily Golitsyn được cử làm Tư lệnh chiến dịch, tuy ông không phấn khởi về việc này: ông có một ít kinh nghiệm quân sự, nhưng ông xem mình là một chính khách, không phải là chỉ huy chiến trường. Nhưng những người chống đối ông lớn tiếng biện luận rằng người đứng ra khởi xướng đi đánh Tatar phải là người chỉ huy chiến dịch. Golitsyn bị bắt bí, đành phải nhận lời.

Tháng 5/1687, một đoàn quân Nga gồm 100.000 người lên đường, hướng về phía nam xuống Oryol và Pultowa. Golitsyn cho di chuyển thận trọng, e ngại kỵ binh cơ động của Tatar chạy vòng qua đường tiến quân của ông để tấn công từ phía sau. Giữa tháng 6, đoàn quân cắm lều ở hạ lưu Sông Dniepr, khoảng 240 kilômét phía trên Perekop, mà vẫn chưa thấy bóng dáng quân Tatar. Nhưng quân của Golitsyn trông thấy điều tệ hại hơn: khói tỏa dọc chân trời. Quân Tatar đang đốt vùng thảo nguyên để ngựa và bò của quân Nga không có cỏ ăn. Đôi lúc lửa bén gần đến đoàn quân, bao trùm làn khói lên người và súc vật, đe dọa thiêu rụi các xe hậu cần cồng kềnh. Bị tình trạng như thế, quân Nga đi tiếp, và khi đến một điểm cách Perekop gần 100 kilômét, Golitsyn quyết định không thể đi xa hơn. Đoàn quân bắt đầu rút lui.

Trong sức nóng và khói bụi của tháng 7-8, không thể tìm thức ăn cho người và cỏ cho súc vật, đoàn quân lê bước nhọc nhằn. Nhưng Golitsyn báo cao về Moskva rằng Nga đã chiến thắng, rằng vua Tatar vì quá kinh hãi bởi sự tiến công của quân đội Nga nên đã tháo chạy về vùng rừng núi của Crimea.

Golitsyn về đến Moskva ngày 14/9 để được tuyên dương như là anh hùng. Ngày hôm sau, ông được đưa vào yết kiến và hôn bàn tay của Sofia

và của hai Sa hoàng. Sofia ra tuyên cáo chiến thắng và ban thưởng cho Golitsyn thêm đất đai, tiền bạc; riêng binh sĩ được nhận huy hiệu bằng vàng có chân dung của Sofia, Pyotr và Ivan. Sự thật là Golitsyn bị mất 45.000 quân mà không hề trông thấy bóng dáng người lính Tatar nào.

Không phải mất thời gian lâu để các nước đồng minh của Nga nhận ra sự thật này. Phản ứng khinh bỉ và giận dữ nổi lên. Họ có lý vì năm 1687 này, trong khi Nga thất bại và Ba Lan chỉ thành công chút ít thì Áo và Hungary đánh đuổi được quân Ottoman ra khỏi những thị trấn và pháo đài quan trọng. Năm sau, 1688, Nga không mở chiến dịch nào, và tình hình của các nước đồng minh của Nga còn tệ hại hơn. Từng đoàn quân hùng mạnh của người Thổ tập trung tấn công Ba Lan, trong khi Pháp dưới quyền của Louis XIV tấn công Đế quốc Habsburg. Đứng trước tình hình này, cả Vua Ba Lan và Hoàng đế Áo đồng ý chỉ tiếp tục cuộc chiến nếu Nga thi hành nhiệm vụ của mình mà mở lại chiến dịch đánh Crimea.

Đáng lẽ Sofia và Golitsyn đã lấy làm vui mừng mà chấm dứt chiến tranh ngay lập tức, nếu Nga được giữ lại Kyyiv. Nhưng chắc chắn Ba Lan sẽ tiếp tục đòi Kyyiv vì Nga đã không làm tròn lời hứa là đánh Crimea. Điều thứ hai không thể chấp nhận được là nếu những đồng minh của Nga rút lui, một mình nước Nga sẽ đương đầu với Đế quốc Ottoman hùng mạnh. Vì thế dù miễn cưỡng, Sofia và Golitsyn phải tiến hành một chiến dịch nữa. Mùa xuân 1688, quân Tatar tạo thêm một động lực mới cho Nga: tàn phá Ukraina, đe dọa các thành phố Pultowa và Kyyiv, rồi bắt 60.000 người lê lết đi theo kỵ binh của họ.

Bị buộc phải tiếp tục cuộc chiến, Golitsyn tuyên cáo mở chiến dịch thứ hai, cho biết chỉ chấp nhận hòa binh khi cả bờ Biển Đen được nhường cho Nga va Tatar hoàn toàn bị đẩy ra khỏi Crimea. Tuyên bố này là lời nói càn

rỡ đến mức điên rồ, cho thấy vị thế cá nhân của Golitsyn càng lúc càng vô vọng. Bây giờ, nhất thiết ông phải chiến thắng cho được Tatar để trấn áp những kẻ thù của ông ở Moskva. Ông đã bị ám sát hụt. Ngay trước ngày lên đường, ông thấy một quan tài đặt trước cửa nhà mình với một mảnh giấy đe dọa rằng nếu chiến dịch thứ hai không thành công hơn, ông sẽ nằm trong quan tài này.

Đầu tháng 3/1689, đoàn quân gồm 112.000 người và 450 khẩu pháo lên đường. Tháng sau, Golitsyn báo cáo về là tốc độ hành quân bị trở ngại vì tuyết và giá lạnh, rồi tuyết tan gây lụt lội và đường sình lầy. Khi đến Sông Samara, Thủ lĩnh bộ tộc Cossack là Mazeppa dẫn đội kỵ binh gồm 16.000 người đến hợp lực với quân Nga. Một lần nữa, vùng thảo nguyên lại bị đốt, nhưng không nghiêm trọng như trong chiến dịch trước. Trước đấy, Golitsyn đã cử quân đi đốt cỏ khô, nên bây giờ chỉ còn cỏ non mới mọc mà quân Tatar không thể đốt được, nhưng lại là nguồn thức ăn tốt cho súc vật.

Giữa tháng 5/1689, khi quân Nga tiến gần đến Eo đất Perekop, một đạo quân Tatar gồm 10.000 kỵ binh thình lình xuất hiện tấn công trung đoàn của Boris Sheremetyev, nguyên soái tương lai. Bị áp đảo về quân số, trung đoàn này tan vỡ hàng ngũ và tháo chạy. Quân Tatar tiến về phía các xe hậu cần, nhưng Golitsyn chỉ huy đại bác bắn chặn. Ngày kế tiếp, quân Tatar lại đánh úp phía sau, nhưng đại bác Nga cũng cản phá được. Từ ngày ấy, quân Nga luôn bị đe dọa.

Ngày 30/5, quân Nga tiến đến một bức tường thành dài hơn 6 kilômét ngang Eo đất Perekop, phía sau là quân Tatar cùng đại bác, xa nữa là một thành trì nơi đoàn quân chủ chốt của Hãn vương Tatar trấn đóng. Golitsyn không còn tinh thần mở cuộc tấn công: quân sĩ đã mỏi mệt, thiếu nước uống, thiếu thiết bị hãm thành. Thay vào đấy, trong khi đoàn quân mệt lử

đang nghỉ ngơi dưới chân tường thành, Golitsyn cố vận dụng tài ngoại giao của mình để đàm phán. Đòi hỏi của ông nhẹ hơn nhiều so với những gì ông đã tuyên bố ở Moskva: Tatar phải cam kết không tấn công Ukraina và Ba Lan nữa, bãi bỏ yêu sách Nga phải nộp triều cống và trả tự do cho tù binh Nga. Tự tin về sức mạnh của mình, Hãn vương Tatar từ chối hai đòi hỏi đầu, và trả lời đòi hỏi thứ ba rằng tù binh Nga đã được tự do nhưng họ đã theo đạo Hồi. Golitsyn không đạt được thỏa hiệp gì.

Một lần nữa, Golitsyn không muốn tấn công, mà quyết định rút quân. Một lần nữa, báo cáo gửi về Moskva báo tin chiến thắng. Cùng lúc, đoàn quân lê lết về Moskva. Quân Nga mất 35.000 người: 20.000 tử trận, 15.000 làm tù binh; mọi hàng hậu cần đều bị bỏ lại.

Một lần nữa, Sofia ca ngợi vị Tư lệnh chiến dịch như là người chinh phục. Và là người chinh phục không chỉ Tatar, mà còn chinh phục cả cô. Những bức thư của cô gửi cho ông không giống như cách một nữ hoàng chào đón một vị tướng, mà đúng hơn theo cách một phụ nữ khẩn thiết kêu gọi người yêu chồng trở về.

Ngày 8/7, Golitsyn về đến Moskva. Sofia phá bỏ nghi thức khi ấy, ra đón tiếp ông ở cổng thành phố thay vì chờ ông đến yết kiến trong Kremlin, rồi cả hai cùng đi vào Kremlin. Sofia ra lệnh cử hành lễ tạ ơn và mừng chiến thắng ở tất cả nhà thờ trong thủ đô. Hai tuần sau, Golitsyn được thưởng thêm đất đai, một số tiền lớn, cùng cúp vàng, áo choàng vải dệt sợi vàng kim viền lông chồn. Các sĩ quan người Nga và nước ngoài khác cũng được thưởng tiền và hiện vật.

Chỉ có một việc khiến niềm vui trong những lễ ăn mừng bị hụt hẫng: Pyotr không đồng tình. Từ lúc đầu, ông không chấp nhận ý tưởng cho cuộc diễu binh “chiến thắng.” Ông đã từ chối cùng với Ivan và Giáo chủ tiếp đón

“vị anh hùng” trở về Kremlin. Khi Golitsyn đi đến Preobrazhenskoe để diện kiến Pyotr theo nghi thức, Pyotr từ chối tiếp ông. Đây không chỉ là sự sỉ nhục, mà còn là thái độ thách thức. Ngay cả Tướng Gordon cũng nhận ra tình hình căng thẳng giữa hai bên.

Việc phát động chiến dịch thứ hai đã làm dấy lên làn sóng bất mãn trong những thành phần chống đối lại chế độ của Sofia vốn càng ngày càng đông. Golitsyn mất đi sự ủng hộ của họ vì ông đã phá bỏ truyền thống mà thiên về Tây Âu, bây giờ lại trở thành vị tư lệnh bại trận trong cả hai chiến dịch mà họ không ủng hộ. Dĩ nhiên, chiến thắng trong chiến dịch thứ hai có thể khiến sự chống đối dịu đi, nhưng không mất hẳn. Bởi vì, đơn giản là với thời gian dần trôi, một yếu tố mới đã xuất hiện: Pyotr đang trưởng thành.

Nhận thấy rằng chẳng bao lâu vị Sa hoàng trẻ tuổi sẽ sẵn sàng đảm nhận vai trò quan trọng hơn, nhóm quý tộc xung quanh Natalia và Pyotr ở Preobrazhenskoe rà soát lực lượng của họ. Nhóm này gồm nhiều dòng họ quan trọng ở Nga, chưa kể họ Naryshkin của mẹ Pyotr và họ Lopukhin của vợ Pyotr. Chính nhóm quý tộc này đã khăng khăng đòi hỏi Golitsyn làm Tư lệnh chiến dịch lần thứ hai.

Để chống lại kẻ thù của mình, Golitsyn có một đồng minh quan trọng: Fyodor Shaklovity. Ông này là nhân vật cả quyết và tàn nhẫn nhất trong số các cố vấn của Sofia; cảm nghĩ của ông đối với nhóm quý tộc chống đối là rõ ràng: ông ghét họ ngang bằng họ ghét ông. Năm 1687, chính ông đã khích động Cấm vệ làm loạn bằng cách mạt sát các *boyar*. Ông thấy rõ rằng một khi Pyotr trưởng thành, nhóm quý tộc chông đối sẽ trở nên quá mạnh. Ông cho rằng bây giờ là lúc phải diệt nhóm quý tộc này.

Một khi Golitsyn đã lên đường chinh chiến, các *boyar* chống đối bắt đầu hành động. Một người trong dòng họ Naryshkin được thăng lên *boyar*;

Hoàng thân Mikhail Tcherkassky - kẻ thù cũ của Golitsyn - được cử vào một chức vụ quan trọng. Từ vùng thảo nguyên ngoài mặt trận, Golitsyn ai oán biên thư cho Shaklovity:

> … Xin cho tôi biết có những trở ngại hiểm ác nào từ những người ấy [boyar] hay không… Ông hãy trông chừng Tcherkassky, đừng cho hắn chiếm chức vụ ấy, ngay cả nếu ông phải sử dụng ảnh hưởng của Giáo chủ hoặc Công chúa [Sofia] để chống lại hắn.

Thái độ của Pyotr khi khước từ nhìn nhận công trạng người tình của Sofia một cách công khai làm cho cô cảm thấy sốc, giận dữ và lo lắng. Đây là một thách thức trực tiếp đầu tiên đối với vị thế của cô, dấu hiệu rõ rệt đầu tiên cho thấy vị Sa hoàng trẻ tuổi thuộc dòng họ Naryshkin không phải tự động làm mọi việc được bảo phải làm. Mọi người đều thấy hiển nhiên là Pyotr không còn là một đứa trẻ; anh đang lớn lên và sẽ đến một ngày, chức vụ Phụ chính sẽ trở nên thừa thãi. Sofia nhạo báng các trò chơi chiến tranh và đóng thuyền, nhưng những nhà quan sát nước ngoài lại theo dõi sát sao những gì xảy ra ở Preobrazhenskoe, vì triều đình của họ muốn dự báo chính xác tương lai của nước Nga. Sơ khởi, một số người đã thấy rằng sẽ có thay đổi quan trọng một khi Pyotr hành xử uy quyền quân vương.

Sofia đã không làm gì để kiềm chế đứa em cùng cha khác mẹ. Bận rộn với triều đình, nghĩ rằng cậu bé và bà mẹ không phải là mối đe dọa cho mình, cô chỉ việc để yên cho họ. Khi Pyotr yêu cầu cung cấp vũ khí cho đội quân thiếu niên, cô không hạn chế. Lượng vũ khí phân phối là đáng kể, nhưng Sofia không để ý đến. Năm 1689, Pyotr được phép tham dự buổi họp của Hội đồng *boyar*, nhưng cảm thấy chán các cuộc thảo luận và ít khi trở lại. Tuy nhiên, trong thâm tâm, Sofia càng cảm thấy bất an và lo lắng. Sau 7

năm hành xử quyền lực, cô đã quen với vị thế này và không thể tưởng tượng được việc từ bỏ nó. Tuy thế cô thừa hiểu rằng cô là phụ nữ, chức vụ của cô chỉ là tạm thời. Trừ phi bằng một cách nào đấy, vị trí của cô được chính thức thay đổi, nếu không khi các em cô lớn lên, cô sẽ phải bước xuống. Bây giờ, thời điểm ấy đã gần kề. Dĩ nhiên, Ivan không phải là vấn đề. Nhưng Pyotr cũng đã kết hôn và đã có con trai. Đây là một hoàn cảnh đau khổ cho Sofia: nếu không làm gì đấy, việc cô bị chối bỏ là điều không thể tránh khỏi.

Thật ra, Sofia đã có vài động thái để cải thiện vị trí của mình. Ba năm về trước, năm 1686, lúc ký hòa ước với Ba Lan, Sofia đã lợi dụng sự ủng hộ các chính sách của cô để dùng danh hiệu "chuyên chế", là danh hiệu chỉ áp dụng cho các Sa hoàng. Kể từ ngày ấy, danh hiệu này được ghi cùng với tên cô trên mọi công văn và tại những buổi lễ nơi công cộng, đặt cô lên ngang hàng với hai đồng-Sa hoàng Ivan V và Pyotr I. Tất nhiên, mọi người đều biết rằng cô không được ngang hàng, vì cô không được đăng quang như Ivan và Pyotr. Nhưng Sofia hy vọng cô có thể được đăng quang.

Vào mùa hè 1687, cô ra lệnh cho Shaklovity dò hỏi Cấm vệ sẽ ủng hộ cho cô đăng quang hay không nếu Golitsyn thắng trận. Shaklovity đi xa hơn chỉ thị: khuyến khích Cấm vệ thỉnh nguyện lên hai đồng-Sa hoàng cho phép cô chị được đăng quang. Nhưng, với tinh thần bảo thủ, Cấm vệ chống đối. Thế là ý đồ của Sofia đành phải gác lại trong một thời gian.

Nhưng ý đồ vẫn còn, qua một bức chân dung của Sofia cho thấy vị Phụ chính ngồi một mình, đầu đội chiếc vương miện Monomakh[46], tay cầm quả cầu cắm thánh giá và vương trượng - tất cả là biểu tượng của một Sa hoàng, giống y như các bức vẽ của những quân vương nam giới của Nga đã được đăng quang. Thêm nữa, danh hiệu được ghi là "Đại Công tước và Chuyên

chế", và có 4 câu của tu sĩ Sylvester Medvedev ca ngợi và so sánh cô với Nữ hoàng Pulcheria của Byzantine và Nữ hoàng Elizabeth I của nước Anh. Bản sao của bức chân dung được phổ biến ở Moskva và khắp Châu Âu.

Đối với nhóm quý tộc ủng hộ Pyotr và Natalia, việc sử dụng danh hiệu và biểu trưng hoàng gia là dấu hiệu đe dọa không thể chấp nhận được. Họ phỏng đoán cô định đăng quang, cưới Golitsyn và hạ bệ hai đồng-Sa hoàng hoặc chỉ hạ bệ Pyotr theo cách nào đấy. Không ai biết chắc liệu đây đúng là ý định của Sofia hay không. Cô đã đạt được nhiều quyền hành nên có thể cô thật sự mơ xa hơn đến quyền lực tuyệt đôi bên người tình. Tuy nhiên, không có băng cớ gì cho thấy cô định hạ bệ Pyotr; riêng Golitsyn luôn tránh né vấn đề: vẫn còn có một Công nương Golitsyn.

Một nhân vật thuộc phe Sofia không hề giấu giếm ý đồ là Fyodor Shaklovity. Ông liên tục thôi thúc Sofia phải đập tan dòng họ Naryshkin trước khi Pyotr trưởng thành. Hơn thế nữa, ông còn kích động Cấm vệ tìm cách sat hại những người cầm đầu phe của Pyotr và có thể ngay cả Hoàng Thái hậu Natalia. Ông đã thất bại: Sofia không muốn hành động quyết liệt như thế, con Golitsyn muốn tránh xa bạo lực. Tuy thế, sự tận tụy của ông làm cho Sofia động tâm. Trong những tuần lễ dài khi Golitsyn đi xa trong chiến dịch Azov thứ hai, Sofia có thể đã chấp nhận ông là người tình tạm bợ của cô.

Sự đối đầu giữa Pyotr và Sofia về lâu dài là không tránh khỏi, nhưng kết quả tồi tệ của chiến dịch Azov thứ hai thúc đẩy vụ việc đến nhanh hơn. Khi nào mà chính quyền của Sofia thành công thì khó mà thách thức cô, nhưng hai chiến dịch của Golitsyn còn tệ hại hơn thất bại về quân sự: những kẻ thù của Sofia nhận thấy rõ ràng mối quan hệ giữa Phụ chính và viên Tư lệnh chiến dịch.

Bản thân Pyotr không can dự vào hiệp ước với Ba Lan hoặc hai chiến dịch chống Tatar, nhưng anh quan tâm sâu sắc đến những vấn đề quân sự và, cũng như mọi người Nga, nóng lòng muốn chấm dứt những cuộc tấn công của Tatar. Khi Golitsyn trở về sau chiến dịch thứ hai vào tháng 6/1689, Pyotr tỏ ra tức giận và khinh bỉ. Ngày 18/7, một biến cố xảy ra khiên cho mọi người thấy rõ mối bất hòa này. Trong một buổi lễ tôn giáo, Sofia xuất hiện cùng với hai đồng-Sa hoàng ở Thánh đường Thăng thiên, cũng giống như những năm trước. Khi nghi lễ chấm dứt, sau khi một người tùy tùng của anh thầm thì lời nhận xét vào tai, Pyotr tiến đến Sofia và yêu cầu cô bước ra khỏi đoàn diễu hành. Đây là một hành động thách thức công khai: ngăn cản Phụ chính cùng đi với hai Sa hoàng đồng nghĩa với cách chức cô. Sofia hiểu rõ hàm ý, và không tuân theo. Thay vào đấy, cô tự mình cầm lấy tượng thánh của thủ đô và tiếp tục bước trong đoàn diễu hành. Nổi giận và thất vọng, Pyotr lập tức rời đoàn diễu hành và quay về cung điện đồng quê.

Sự căng thẳng giữa hai bên tăng lên, lời đồn đại râm ran khắp nơi, mỗi bên lo sợ bên kia có động thái bất thình lình, mỗi bên đều tin rằng sách lược tốt nhất là thủ thế cho mình. Không bên nào muốn ra tay trước kẻo bị thất thế về tiếng tăm đạo đức. Bề ngoài, Pyotr không có lý do chính đáng nào để tấn công hai người chị và anh cùng cha khác mẹ ở Kremlin. Tương tự, Sofia cũng không thể viện cớ gì để tấn công Pyotr ở Preobrazhenskoe: anh đang là một Sa hoàng được đăng quang. Cho dù Shaklovity kích động Cấm vệ ủng hộ Sofia đế chống lại cuộc tấn công của đội quân chơi đùa của Pyotr, khuyến dụ họ hành quân đến Preobrazhenskoe đế tấn công một Sa hoàng là rất khó.

Hai bên đều không biết chắc thực lực của mình. Sofia có lợi thế về quân số: phần lớn Cấm vệ đều theo cô, cộng thêm các sĩ quan nước ngoài ở Khu

Ngoại ô Đức. Lực lượng của Pyotr nhỏ hơn nhiều: chỉ có hai đội quân chơi đùa gồm 600 người, và có thể được Lữ đoàn Sukharev của Cấm vệ ủng hộ. Tuy thế Sofia có điểm yếu: cô không bao giờ biết chắc Cấm vệ trung thành với mình đến đâu và cô lo sợ quá đáng lực lượng nhỏ của Pyotr. Trong mùa hè này, mỗi khi đi đâu cô đều điều một lực lượng Cam vệ hùng hậu đi theo. Cô ban thưởng cho họ một cách hào phóng và kêu gọi họ đừng bỏ rơi cô, hãy ủng hộ cô…

Trong khi Sofia cố vùng vẫy để duy trì ảnh hưởng của mình, Vasily Golitsyn, người "anh hùng" sau hai cuộc chinh chiến, vẫn giữ im lặng, không muốn can dự vào việc tấn công hoặc chống đối Pyotr. Shaklovity thì cứng rắn hơn. Ông thường gặp gỡ Cấm vệ và công khai tố cáo phe ủng hộ Pyotr; ông không nêu đích danh Pyotr, nhưng nói đến việc thanh trừng những người lãnh đạo nhóm ủng hộ Pyotr và đưa Hoàng Thái hậu Natalia vào tu viện.

Sự căng thẳng ở Moskva càng dâng cao trong tháng 7 và đầu tháng 8. Cả hai phe chờ đợi trong âu lo. Tình hình như một thùng thuốc nổ; bất kỳ tin đồn nào cũng có thể gây tia lửa.

45. Đây là thông lệ ngoại giao vào thời này: khi có một chế độ mới, nếu muốn bày tỏ sự thân thiện, quân vương hoặc phụ chính phái sứ thần đi tái cam kết những hòa ước đã ký kết với Quân vương cũ. (ND)

46. Như Chương 4 cho biết, chiếc vương miện Monomakh được dùng trong lễ đăng quang của mọi quân vương Nga, cho đến lần cuối cùng là đăng quang cho đồng-Sa hoàng Ivan V. Vì thế, việc Sofia cho vẽ bức họa cô đội chiếc vương miện là tỏ rõ ý nghĩa đặc biệt. (ND)

8 SOFIA BỊ HẠ BỆ

Cuộc khủng hoảng bùng nổ vào ngày 17/8/1689. Đầu mùa hè năm đó, trong khi Golitsyn đang đi chinh chiến, Sofia có thói quen đi bộ đến các nhà thờ và tu viện kế cận Moskva để hành lễ. Chiều ngày 17, cô yêu cầu Shaklovity chuẩn bị đoàn Cấm vệ hộ tông cô đến Tu viện Donskoy, cách Kremlin gần 4 kilômét. Vì lý do đã có một án mạng xảy ra gần tu viện, toán quân hộ tống được điều đến Kremlin đông hơn và được trang bị kỹ hơn thường lệ. Một đoàn Cấm vệ đông đảo được trang bị vũ khí đầy đủ đi ngoài đường phố là cảnh tượng khiến ai cũng chú ý. Khi đoàn quân đóng trại trong Kremlin, một lá thư nặc danh được lan truyền trong hoàng cung cảnh báo rằng vào đêm này, lực lượng Preobrazhenskoe của Pyotr sẽ tấn công Kremlin và có ý định giết Sa hoàng Ivan và Phụ chính Sofia. Không ai chịu bỏ thì giờ điều tra thực hư; có thể Shaklovity đã ngụy tạo lá thư ấy. Điều dễ hiểu là Sofia trở nên vô cùng bấn loạn. Để trấn an cô, Shaklovity ra lệnh đóng các cổng ra vào Kremlin và triệu thêm cấm vệ vào canh gác. Một sợi dây thừng nối từ tháp chuông báo động với bên trong cung đình để đảm bảo đánh chuông báo động nhanh chóng, vì người chạy ra tháp chuông có thể bị bắn. Quân thám thính được phái đi dọc con đường đến Preobrazhenskoe để báo cáo bất kỳ hoạt động chuyển quân nào từ doanh trại của Pyotr hướng về Moskva.

Dân chúng Moskva nhìn sự điều động của Cấm vệ trong sự hoảng hốt và kinh hãi. Họ còn nhớ cuộc tắm máu 7 năm về trước, và bây giờ có vẻ như một cuộc nổi loạn mới đang đến gần. Ngay cả Cấm vệ cũng lo lắng. Họ đoán sẽ được lệnh hành quân đến Preobrazhenskoe và, đối với nhiều người, viễn cảnh thật là khó xử. Dù sao chăng nữa, Pyotr là một Sa hoàng mà họ đã tuyên thệ sẽ bảo vệ, cũng như họ đã tuyên thệ sẽ bảo vệ Sa hoàng Ivan và Phụ chính Sofia. Không có gì vui khi lòng trung thành bị pha trộn và lung lay. Điều quan trọng nhất là không ai muốn ở về phe chiến bại.

Cùng lúc ấy, tin tức về sự xáo trộn ở Moskva gây nên bất ổn tại Preobrazhenskoe nhưng không dẫn đến biện pháp đề phòng đặc biệt nào. Vào buổi tối, một thuộc hạ của Pyotr phi ngựa vào thành phố mang theo một công văn thông thường của Sa hoàng Pyotr gửi cho Kremlin. Vì lo lắng và kích động quá đáng, vài lính Cấm vệ hiểu lầm ý định của người này, nên kéo anh xuống ngựa, đánh đập anh và lôi anh vào trong hoàng cung để gặp Shaklovity.

Việc hành hung nhỏ nhoi này gây hậu quả tức thì và không ai lường trước được. Trong những tuần trước để chuẩn bị cho tình huống xấu, bác của Pyotr là Lev Naryshkin và Hoàng thân Boris Golitsyn - em họ của Vasily Golitsyn - đã âm thầm tuyển một nhóm mật báo viên trong hàng ngũ Cấm vệ, do Trung tá Larion Elizarov cầm đầu. Khi thấy việc điều động Cấm vệ, Larion theo dõi sít sao tất cả diễn biến. Khi biết một gia nhân của Pyotr đã bị đánh đập và lôi vào hoàng cung, ông nghĩ rằng Pyotr sẽ bị tấn công. Hai mật báo viên trong nhóm của Larion được phái đi khẩn cấp để báo động cho Pyotr.[47]

Tình hình vẫn yên ắng tại Preobrazhenskoe, rồi sau nửa đêm hai kỵ binh phi vào. Pyotr đang ngủ, nhưng một cận thần xông vào phòng và hô to lên

rằng Sa hoàng phải chạy trốn để bảo tồn tính mạng, Cấm vệ sắp đến. Pyotr nhảy ra khỏi giường và, không kịp mang giầy, theo người hộ vệ leo lên một con ngựa rồi phi đến chỗ trú ẩn tạm thời trong một vườn cây gần đây để chờ người mang trang phục đến. Sau khi đã ăn vận chỉnh tề, Pyotr lại nhảy lên ngựa, được một nhóm nhỏ hộ tống đến Tu viện Troitsky, cách Moskva hơn 70 kilômét về hướng đông bắc. Khi Pyotr đến Tu viện lúc 6 giờ sáng, anh đã quá mệt nên phải nhờ người đỡ xuống ngựa.

Sự kiện kinh khủng trong đêm gây ảnh hưởng thảm hại cho người thanh niên 17 tuổi. Trong 7 năm liền, Pyotr luôn có ác mộng về việc Cấm vệ săn lùng dòng họ Naryshkin. Bị đánh thức bất thình lình với tin tức báo rằng Cấm vệ sắp đến có tác động giống như pha trộn ác mộng với thực tế. Trong Tu viện Troitsky, anh được đưa lên giường, nhưng vì quá mệt mỏi và kích xúc anh khóc òa lên, nói rằng người chị đang lùng giết anh và cả dòng họ anh. Dần dần, vì quá đuối sức anh thiếp đi. Trong khi Pyotr đang ngủ, nhiều người khác cũng đến Troitsky. Trong vòng hai giờ, Natalia và Evdokia đi đến tu viện; cả hai đã được đánh thức rồi được binh lính là bạn chơi đùa của Pyotr hộ tống khẩn cấp rời khỏi Preobrazhenskoe. Sau đấy, Lữ đoàn Sukharev của Cấm vệ ở Moskva cũng đến gia nhập.

Sự kiện Pyotr bị đánh thức và trốn chạy cho thấy quyết định tìm nơi ẩn náu dường như xảy ra bất chợt trong cơn hoảng loạn. Sự thật không phải thế; việc trốn chạy không phải do Pyotr chủ trương. Trong kế hoạch đối đầu với Sofia, Lev Naryshkin và Boris Golitsyn đã chuẩn bị sẵn đường trốn lánh cho Pyotr và cận thần: khi khẩn cấp, cả đoàn sẽ chạy đến Troitsky. Vì thế chuyến đi của Pyotr và việc quy tụ nhanh chóng lực lượng của anh trong tu viện đã được lên kế hoạch cẩn thận từ trước. Tuy nhiên, Pyotr không được thông báo trước về kế hoạch này, nên đã vô cùng hoảng sợ. Sau này,

câu chuyện về một Sa hoàng phải trốn chạy khẩn cấp trong bộ đồ ngủ củng cố lời cáo buộc đối với Sofia. Vô hình trung, Pyotr đã thủ vai trò nạn nhân một cách hoàn hảo.

Thật ra, Pyotr không bị nguy hiểm gì, bởi vì Cấm vệ không hề được ra lệnh hành quân đến Preobrazhenskoe và, khi tin tức về cuộc trốn chạy của Pyotr lan đến Kremlin, không ai hiểu ý nghĩa của vụ việc ra sao. Vào buổi sáng, khi Sofia nghe báo tin, cô cho rằng hành động của Pyotr hàm ý đe dọa cô. Cô nói với Cấm vệ tụ tập quanh cô: "Nếu không có biện pháp đề phòng, họ hẳn đã sát hại tất cả chúng ta." Shaklovity nói một cách khinh miệt: "Để cho anh ấy trốn chạy. Anh ấy rõ ràng đã phát điên."

Tuy nhiên, khi xem xét tình hình, Sofia trở nên lo lắng. Cô thấy rõ hơn Shaklovity là vụ việc có tầm quan trọng. Bị thúc đẩy bởi sự nguy hiểm giả tạo, Pyotr đã có động thái cả quyết. Tu viện Troitsky không phải chỉ là một pháo đài đủ vững chắc để chịu đựng đạn pháo; đây còn là chốn linh thiêng nhất nước Nga, là nơi ẩn náu truyền thống của hoàng gia trong những thời điểm bị nguy hiểm nhất. Bây giờ, nếu phe của Pyotr tạo ra hình ảnh Sa hoàng trốn chạy đến Troitsky để huy động người Nga chống lại kẻ phản loạn, họ sẽ có lợi điếm rất lớn. Không ai có thể khuyến dụ Cấm vệ đi tấn công Troitsky, còn trong ý nghĩ của dân chúng, việc Pyotr trốn chạy có nghĩa là tính mạng của Sa hoàng này bị đe dọa. Sofia nhận ra rằng vị thế của cô đang nghiêng ngả, và nếu hành động thiếu cẩn trọng cô sẽ mất tất cả.

Tu viện Troitsky nổi tiếng nằm trên con đường từ Moskva đi Great Rotov và tiếp nối đến Yaroslavl dọc bờ Sông Volga. Tu viện có bề dày lịch sử từ thế kỷ 14, lúc ấy còn là một nhà thờ và tu viện nhỏ bằng gỗ do một tu sĩ tên Sergius xây lên. Ông này là người cử hành lễ ban phúc cho quân đội Nga trước khi họ lên đường đánh Tatar. Khi quân Nga đại thắng, tu viện trở

thành một chốn linh thiêng cấp quốc gia. Trong thế kỷ 16, tu viện có vị thế đáng nể: những Sa hoàng và nhà quý tộc khi hấp hối hiến tặng của cải để mong được cứu rỗi, nên tu viện chất đầy vàng, bạc, ngọc trai và nữ trang. Bức tường thành khổng lồ, cao 10-15 mét và dày 6 mét, bao bọc tu viện theo chu vi hơn 1,5 kilômét, có thể ngăn chặn bất kỳ cuộc tấn công nào lúc bấy giờ. Trên mặt tường thành và những tháp canh to lớn đặt nhiều đại bác, hướng nòng súng ra ngoài. Trong cuộc chiến 1608-1609, 30.000 quân Ba Lan tấn công Troitsky nhưng không có kết quả: đạn đại bác của họ chỉ dội lại một cách vô hại khỏi mặt tường thành.[48]

Được an toàn trong pháo đài vững chắc này và được nhóm binh lính bạn chơi đùa cùng Cấm vệ trung thành bảo vệ, Pyotr và cận thần hoạch định kế sách phản công. Động thái đầu tiên của họ là cử một liên lạc viên đến gặp Sofia, hỏi tại sao có nhiều binh lính Cấm vệ được điều đến Kremlin ngày hôm trước. Đây là một câu hỏi khó cho Sofia. Khi hai bên vẫn còn tỏ lộ bề ngoài mọi thái độ hòa hoãn, Sofia không thể trả lời rằng cô sợ bị Pyotr tấn công. Cô trả lời với lý do là cần đội Cấm vệ hộ tống cô đi đến Tu viện Donskoy. Câu này nghe ra không ổn: chuyến đi như thế không cần đến cả nghìn binh sĩ hộ tống, và phe của Pyotr càng tin rằng cô có mưu đồ đen tối.[49]

Động thái kế tiếp của Pyotr là ra lệnh Lữ đoàn trưởng của Lữ đoàn Stremyani thiện chiến, Đại tá Ivan Tsykler, đến Troitsky trình diện cùng với 50 binh sĩ. Đối với Sofia, mệnh lệnh này có ý nghĩa nghiêm trọng: Tsykler là một trong những người cầm đầu cuộc nổi loạn năm 1682 và do đó là một trong những người trung thành với cô nhất. Nêu cho phép ông đi va nếu ông bị tra tấn mà khai ra những gì ông biết về âm mưu của Shaklovity, sự rạn nứt giữa cô và Pyotr sẽ không thể hàn gắn được. Tuy thế, cô không có chọn

lựa nào khác. Pyotr là Sa hoàng, đây là một vương lệnh, bất tuân có nghĩa là thách đố công khai. Khi đi đến Troitsky, Tsykler khai ra tất cả mà không cần đến tra tấn. Nhận thấy vị thế của Pyotr đang nổi lên, ông tỏ ý muốn gia nhập phe của Pyotr nếu chỉ cần Sa hoàng này ra lệnh bảo vệ ông.

Từ lúc đầu, Sofia đã nhận ra thế yếu của cô. Nếu lực lượng hai bên phải đánh nhau, chắc chắn Pyotr sẽ thắng; biện pháp duy nhất của cô là hòa giải. Nếu cô có thể thuyết phục Pyotr trở về Moskva, tách anh ra khỏi sự bảo vệ của bức tường thành vững chắc kia, lúc ấy cô có thể đối phó với những cận thần của anh, Pyotr có thể trở về chơi đùa với binh lính và tàu thuyền của anh, và cô vẫn sẽ là Phụ chính. Theo kế sách này, cô phái Hoàng thân Troekurov, có con trai chơi thân với Pyotr, đi thuyết phục Pyotr. Sứ mệnh của Troekurov bị thất bại. Pyotr hiểu rõ lợi điểm khi lưu lại Troitsky, và anh đuổi Troekurov quay về với câu trả lời rằng anh không còn muốn chịu sự sai khiến của một phụ nữ.

Đến lượt Pyotr đi nước cờ kế tiếp. Anh tự tay viết thư cho các lữ đoàn trưởng Cấm vệ, ra lệnh cho họ phải đến trình diện tại Troitsky cùng với 10 binh sĩ của mỗi lữ đoàn. Khi tin này đến Moskva, Sofia phản ứng một cách dữ dội. Cô triệu tập các lữ đoàn trưởng Cấm vệ, cảnh cáo họ không nên can dự vào cuộc tranh chấp giữa hai chị em cô. Khi các lữ đoàn trưởng còn do dự, nói với cô rằng họ nhận vương lệnh từ Sa hoàng mà không dám làm trái, Sofia tuyên bố một cách kiên quyết rằng ai có ý định đi Troitsky sẽ bị chém đầu. Vasily Golitsyn, người vẫn còn nắm quyền chỉ huy quân đội, ra chỉ thị không sĩ quan nước ngoài nào được phép rời Moskva với bất cứ lý do gì. Vì những lời ngăn chặn này, các lữ đoàn trưởng Cấm vệ và sĩ quan nước ngoài vẫn ở lại Moskva.

Ngày hôm sau, Pyotr gia tăng áp lực bằng cách gửi thư đến Sa hoàng Ivan và phụ chính Sofia, thông báo với họ là anh đã ra lệnh cho các lữ đoàn trưởng Cấm vệ đến trình diện tại Troitsky. Anh yêu cầu Sofia, với tư cách Phụ chính, phải đảm bảo mệnh lệnh của anh được thi hành. Sofia phái thầy giáo của Ivan và giáo sĩ nghe xưng tội của Pyotr đi đến Troitsky để trả lời rằng Cấm vệ sẽ đến muộn, và tỏ ý hòa giải. Hai đặc phái viên trở về tay không. Trong lúc này, Shaklovity phái trinh sát đến Troitsky để thăm dò tình hình và nhận định thành phần đi theo Pyotr. Họ trở về báo cáo là lực lượng của Pyotr ngày càng lớn mạnh và tự tin. Thật ra, Shaklovity chỉ cần điểm danh người bên phe mình mỗi buổi sáng sẽ nhận ra rằng mỗi đêm lại có thêm người bỏ trốn đi Troitsky.

Sofia cầu cứu Giáo chủ Joachim đi đến Troitsky và dùng ảnh hưởng của mình để giúp hòa giải với Pyotr. Giáo chủ đồng ý, và khi đến nơi lập tức đứng về phe của Pyotr. Sau đấy, khi có thêm người từ Moskva đi đến Troitsky, họ được Sa hoàng và Giáo chủ đứng bên nhau mà tiếp đón.

Bản thân Joachim không cho là ông đã phản bội. Mặc dù ông chịu sự điều động của Sofia với tư cách Phụ chính, nhưng ông thuộc về một gia đình *boyar* chống đối lại cô. Cá nhân ông có ác cảm với Sofia và Golitsyn vì cung cách thiên Tây Âu của hai người, và ông đã chống lại âm mưu tấn phong cho Sofia. Quan trọng nhất, ông ghê tởm tu sĩ Sylvester Medvedev vì đã can dự vào những giáo vụ mà ông cho là thuộc quyền Giáo chủ.

Việc Giáo chủ ngả theo phe Pyotr là đòn đau cho Sofia. Nhiều người noi gương ông. Nhưng phần lớn Cấm vệ và công dân có thế lực ở Moskva vẫn còn ở trong thành phố, không biết phải làm thế nào, trông chờ thêm dấu hiệu cho thấy bên nào sẽ thắng thế.

Ngày 27/8, Pyotr đi nước cờ kế tiếp. Anh gửi thư với lời lẽ nghiêm khắc, lặp lại lệnh cho các lữ đoàn trưởng Cấm vệ phải lập tức đến trình diện tại Troitsky cùng với 10 binh sĩ của mỗi lữ đoàn. Một vương lệnh tương tự triệu nhiều đại diện nhân dân Moskva. Lần này, ai không tuân lệnh có thể bị tử hình. Các lệnh này có uy lực mạnh mẽ, nên một toán Cấm vệ ô hợp do năm đại tá chỉ huy đi đến trình diện Sa hoàng.

Sofia trở nên tuyệt vọng vì không thể ngăn chặn đoàn người đổ xô đến Troitsky. Trong nô lực cuối cùng nhằm giải quyết cơn khủng hoảng qua hòa giải, cô quyết định thân hành đến Troitsky và giáp mặt Pyotr. Cùng đi với cô là Vasily Golitsyn, Shaklovity và một binh sĩ Cấm vệ. Khi đến một ngôi làng cách tu viện khoảng 13 kilômét, cô gặp Ivan Buturlin, bạn của Pyotr, cùng với một đại đội binh sĩ. Dàn đội quân thành hàng ngang qua con đường, Buturlin yêu cầu vị Phụ chính dừng lại. Anh cho biết Sa hoàng Pyotr từ chối gặp cô, cấm cô đi đến Troitsky, yêu cầu cô quay lại Moskva lập tức. Giận dữ và cảm thấy bị xúc phạm, Sofia tuyên bố sẽ nhất quyết đi đến Troitsky, và ra lệnh Buturlin cùng binh sĩ nhường đường. Đúng lúc ấy, Hoàng thân con Troekurov đi đến với lệnh của Sa hoàng là phải nhất quyết ngăn chặn cô, nếu cần có thể dùng vũ lực.

Vô vọng và nhục nhã, Sofia rút lui. Về đến Moskva trước bình minh ngày 11/9, cô triệu tập nhóm nhỏ những người ủng hộ cô còn ở lại. Giọng của cô trở nên gần như là cuồng loạn, nói rằng cô suýt bị giết, các dòng họ Naryshkin và Lopukhin đang có âm mưu sát hại Sa hoàng Ivan và ngay cả cô… Cô kêu gọi người còn ở lại tuân phục cô, không đi đến Troitsky… [50]

Sau khi đã thành công bước đầu, Pyotr và cận thần của anh tiến thêm một bước. Trong vòng vài giờ sau khi Sofia về đến Moskva, Đại tá Ivan Nechaev từ Troitsky về mang theo thư gửi Sa hoàng Ivan và Phụ chính

Sofia, chính thức tô cáo có một âm mưu hãm hại Sa hoàng Pyotr và tuyên bố những người cầm đầu chủ chốt là Shaklovity và Medvedev - là những kẻ phản quốc, cần phải bị bắt giữ lập tức và giải đến Troitsky để được phán xử.

Những bức thư này tạo nên cú sốc lan khắp hoàng cung. Những nhân viên và sĩ quan đã đứng sau Sofia với hy vọng là cô sẽ thắng hoặc sẽ có hòa giải, giờ hiểu rằng họ có nguy cơ bị tiêu tan sự nghiệp hoặc bị án tử hình. Những binh sĩ Cấm vệ vẫn còn trung thành với Phụ chính càu nhàu rằng họ sẽ không che chở kẻ phản quốc, phải giao nộp người chủ mưu… Sofia ra lệnh Đại tá Nechaev đến trình diện. Giận giữ và run rẩy, cô hỏi: "Tại sao ông dám nhận lãnh nhiệm vụ như thế?" Nechaev trả lời rằng ông không dám cưỡng lại lệnh của Sa hoàng. Trong cơn cuồng nộ, Sofia ra lệnh chém đầu Nechaev. May cho ông, vào lúc này không thể tìm ra đao phủ, và trong cơn náo động kế tiếp mọi người quên bẵng ông.

Bị cô lập, Sofia cố gắng lần cuối để tập hợp những người ủng hộ cô. Bước ra đầu Cầu thang Đỏ, cô nói chuyện với một nhóm Cấm vệ và cư dân trong khu hoàng cung. Cô ngẩng cao đầu, trong một bài phát biểu khá dài tỏ ý thách thức dòng họ Naryshkin và van nài người nghe đừng bỏ rơi cô.

> Kẻ có tâm địa xấu đã tìm mọi cách khiến cho ta và Sa hoàng Ivan tranh chấp với em trai ta. Họ cố tình gây chia rẽ, ghen tỵ và rối ren. Họ đã thuê người vu cáo âm mưu chống lại vị Sa hoàng nhỏ và những người khác. Họ ganh tỵ với thành quả to tát của Fyodor Shaklovity và với công việc ông ấy làm ngày đêm…, vu cáo ông ấy là thủ lĩnh một âm mưu không có thật. Đích thân ta đã đi Troitsky nhằm giải quyết vấn đề và tìm hiểu lý do của lời vu cáo này, nhưng bị đám cố vấn xấu ngăn chặn và ta không thể đi được xa hơn… Tất cả các ngươi đều biết ta đã

> phục vụ tốt trong bảy năm, đã thực hiện một nền hòa bình nổi tiếng và đích thực với Cơ Đốc giáo… Ta tin tưởng mọi người sẽ không mắc mưu kẻ địch… Họ không phải muốn lấy mạng của Fyodor Shaklovity, mà là mạng của ta và Sa hoàng Ivan…

Ba lần trong ngày, Sofia phát biểu như thế trước nhất với Cấm vệ, kế đến với những công dân hàng đầu ở Moskva, sau cùng là với sĩ quan nước ngoài được triệu về từ Khu Ngoại ô Đức. Lời hiệu triệu của cô có hiệu quả; tinh thần của người nghe dường như được yên ổn hơn. Theo lời chị, Sa hoàng Ivan đi xuống đám đông để trao những cốc vodka cho các *boyar*, sĩ quan và bính lính Cấm vệ. Sofia lấy làm hài lòng. Trong động thái rộng lượng, cô cho triệu Đại tá Nechaev đến, ân xá cho ông và trao cho ông một cốc vodka.

Trong lúc này, Hoàng thân Boris Golitsyn, một trong những thủ lĩnh trong phe Pyotr ở Troitsky, cố tranh thủ sự hậu thuẫn của người anh họ Vasily. Boris phái một liên lạc viên yêu cầu Vasily đến Troitsky để xin Pyotr ban ơn. Vasily trả lời bằng cách yêu cầu Boris giúp mình làm trung gian hòa giải giữa hai bên. Boris từ chối, lặp lại đề nghị là Vasily đến Troitsky, hứa rằng ông sẽ được Pyotr tiếp kiến một cách thuận lợi. Theo cách danh dự, Vasily từ chối, nói rằng nhiệm vụ đòi hỏi ông phải ở bên Sofia.[51]

Pyotr đi thêm nước cờ nữa, một lần nữa lại gây áp lực lên Sofia. Ngày 14/9, Sa hoàng Pyotr gửi một bức thư đến Khu Ngoại ô Đức, thông báo cho tất cả tướng lĩnh, sĩ quan về âm mưu phản quốc, nêu tên Shaklovity và Medvedev là hai kẻ chủ mưu, và ra lệnh tất cả sĩ quan nước ngoài đi đến Troitsky, vũ trang đầy đủ, trên lưng ngựa. Những quân nhân nước ngoài này bị rơi vào tình thế tiến thoái lưỡng nan: họ nhận hợp đồng để phục vụ triều

đình, nhưng trong tình hình rối ren như thế này, ai là triều đình? Cố gắng giữ trung lập trong một cuộc cãi vã có tính chất nội bộ gia đình giữa hai chị em, Tướng Gordon, người cầm đầu các sĩ quan nước ngoài, đã tuyên bố rằng nếu không có lệnh của cả hai Sa hoàng, sĩ quan của ông sẽ không làm gì cả. Bây giờ, lệnh của Pyotr bắt buộc ông phải cố xử lý vấn đề.

Cá nhân Gordon bị giằng co: ông mến Pyotr và thường giúp đỡ cậu thanh niên này trong trò chơi với đại bác, nhưng ông thân thiết hơn với Vasily Golitsyn, sau thời gian phụ tá ông này trong việc cải tổ quân đội và trong hai chiến dịch Azov. Vì thế sau khi mở bức thư của Sa hoàng Pyotr và đọc cho tất cả sĩ quan cùng nghe, Gordon quyết định báo cáo cho Golitsyn rõ về vương lệnh và yêu cầu cho ý kiến. Golitsyn đang đau khổ và nói sẽ bàn bạc ngay với Sofia và Ivan. Gordon nhắc nhở Golitsyn rằng dù nhân viên nước ngoài không có lỗi gì, tính mạng của họ vẫn có thể bị đe dọa nếu họ có động thái sai lầm. Golitsyn tỏ ý hiểu và nói ông sẽ có câu trả lời ngay vào buổi tối. Ông yêu cầu Gordon cử con rể đến hoàng cung để nhận câu trả lời của Sofia.

Tuy nhiên, ngay sau khi nhận thấy Golitsyn lưỡng lự, Gordon đã có quyết định cho riêng mình. Nếu người mà Phụ chính hoàn toàn tin tưởng, trụ cột của chính phủ, Tổng Tham mưu trưởng quân đội, không thể ra lệnh, thế thì chế độ ở Moskva hiển nhiên gần đi đến sụp đổ. Gordon bảo các sĩ quan rằng ông quyết định đi Troitsky, bất kể lệnh từ Moskva là như thế nào. Đêm ấy, một đoàn kỵ binh gồm các sĩ quan nước ngoài rời khỏi thành phố và đến tu viện vào lúc bình minh. Pyotr ra tiếp kiến họ và chìa bàn tay cho họ hôn.

Sự ra đi của các sĩ quan nước ngoài đã quyết định tất cả. Nhóm Cấm vệ còn lại ở Moskva nhận ra rằng Pyotr đã thắng. Để tự cứu mình, họ tụ tập

trước hoàng cung đòi hỏi giao Shaklovity cho họ để họ giải đến Troitsky cho Sa hoàng Pyotr. Sofia khước từ, và nhóm Cấm vệ la ó: "Lệnh bà nên giải quyết vụ việc ngay lập tức! Nếu lệnh bà không giao hắn, chúng tôi sẽ gióng chuông báo động!" Sofia hiểu ý nghĩa của việc này: một cuộc nổi loạn khác, với lính Cấm vệ nổi điên sục sạo, hạ sát bất kỳ ai họ cho là phản quốc. Trong tình trạng bạo động này, bất kỳ ai cũng có thể bị giết, kể cả cô. Cô đã thất bại. Cô cho triệu Shaklovity, lúc ấy đang lẩn trốn trong một nhà nguyện hoàng cung, giống như Ivan Naryshkin bảy năm về trước. Rơi nước mắt, cô giao nộp Shaklovity, và đêm ấy ông này bị giải đến Troitsky.

Cuộc khủng hoảng kết thúc, chế độ Phụ chính đã đổ, Pyotr đã thắng. Sau đây là cuộc phục hận. Shaklovity là người gánh đầu tiên. Sau khi bị đánh 15 roi, ông thú tội đã xem xét khả năng hạ sát Pyotr và bà mẹ Natalia, nhưng ông không nhận đã có mưu đồ rõ ràng. Trong lời thú tội, ông nói Vasily Golitsyn hoàn toàn không biết gì và cũng không tham gia vào những hành động của ông.

Vasily Golitsyn lúc này cũng đang có mặt tại Troitsky. Vào buổi sáng sau khi Shaklovity bị giải đến, Golitsyn xuất hiện dưới chân tường thành, xin phép vào yết kiến Sa hoàng Pyotr. Ông bị từ chối, được lệnh phải chờ trong một ngôi làng cho đến khi số phận ông được quyết định. Xử lý ông như thế nào là việc khó khăn cho Pyotr và cận thần. Một mặt, ông đã là Thủ tướng và Tổng Tham mưu trưởng quân đội dưới quyền Sofia, mà cũng là nhân tình của cô. Vì thế phải triệt hạ ông giống như phải triệt hạ những cố vấn thân cận khác của Sofia. Mặt khác, mọi người công nhận ý hướng đúng đắn trong sự nghiệp của ông, dù cho ông không thể thực hiện. Shaklovity đã nói ông không có vai trò gì trong vụ việc. Quan trọng nhất, ông thuộc về một trong những dòng họ danh giá nhất nước Nga, còn người em họ của

ông là Hoàng thân Boris Golitsyn thì đang lo lắng tránh cho dòng họ mang tai tiếng vì tội phản bội.

Khi phải liều để cố cứu Vasily, Boris Golitsyn đã khiến cho Natalia và cận thần của Pyotr nổi giận. Đã có lúc họ muốn kết án ông cùng với Vasily Golitsyn. Đấy là sau khi Shaklovity đã viết bản cung khai dài 9 trang với sự hiện diện của Boris Golitsyn. Sau nửa đêm, Shaklovity viết xong, Boris Golitsyn mang bản cung khai của Shaklovity về phòng dự định trao cho Pyotr lúc trời sáng. Nhưng có người chạy đến đánh thức Sa hoàng, báo cáo rằng Boris Golitsyn đã lấy đi bản cung khai của Shaklovity mang về phòng hầu xóa đi đoạn nào phương hại đến Vasily Golitsyn. Pyotr lập tức phái liên lạc viên đi hỏi Shaklovity đã viết bản cung khai xong chưa. Shaklovity cho biết đã trao bản cung khai cho Boris Golitsyn. May mắn thay, ông này được một người bạn báo cho biết Pyotr còn thức nên ông vội mang bản cung khai đến trao cho Pyotr. Ông giải thích lý do mình không mang đến ngay là vì đêm đã khuya và không muốn làm rộn Sa hoàng. Pyotr chấp nhận lời giải thích và quyết định tha mạng sống cho Vasily Golitsyn, dựa trên lời khai của Shaklovity.

Chín giờ tối hôm ấy, Vasily Golitsyn được triệu vào. Nghĩ rằng sẽ được yết kiến Pyotr, ông đã soạn sẵn một bản báo cáo kể ra công lao của mình đối với đất nước. Nhưng không có buổi yết kiến. Ông phải chịu nhục nhã đứng trong một tiền sảnh đông đúc trong khi một thư ký đứng trên cầu thang đọc bản án của ông. Ông bị kết tội chỉ báo cáo với Sofia mà không báo cáo trực tiếp với hai Sa hoàng, viết tên Sofia trên công văn theo cách thức ngang hàng với Sa hoàng, gây tổn hại cho chính phủ và nhân dân qua sự chỉ huy kém cỏi trong hai chiến dịch Azov. Mặc dù mạng sống được tha, bản án vẫn nặng nề: ông bị mất tước hiệu *boyar*, bị tịch thu tất cả tài sản và

phải đi lưu đày cùng với gia đình ở miền Bắc Cực. Ông lên đường, khốn khổ và nghèo đói. Dọc đường, một hên lạc viên của Sofia mang đến cho ông một gói tiền và hứa sẽ vận động với Sa hoàng Ivan cho ông được ân xá. Đây có lẽ là tin vui cuối cùng mà Vasily Golitsyn nhận được. Không bao lâu, Sofia không thể nào giúp được ai, ngay cả giúp chính mình; và Golitsyn đẹp trai, văn minh bắt đầu chuyên lưu đày 25 năm. Ông được 46 tuổi vào mùa hè 1689 khi Sofia bị lật đổ, và ông trải qua một cuộc sống khốn khổ ở miền Bắc Cực cho đến khi qua đời năm 1714, hưởng thọ 71 tuổi.

Điều oái oăm là một người tiến bộ như thế đối với nước Nga thời ấy, người đáng lẽ có thể phục vụ Pyotr rất đắc lực trong công cuộc hiện đại hóa đất nước, lại đứng vào phe chống đối Pyotr, mất tất cả trong cuộc chuyển biến quyền lực và thế là bị gạt ra khỏi kỷ nguyên Đại Cải tổ để mòn mỏi trong nhà tù. Và cũng là điều oái oăm không kém khi các *boyar* đứng đằng sau Pyotr để chống đối Golitsyn. Bằng cách ủng hộ Pyotr để lật đổ hai nhà cải cách Sofia và Golitsyn, họ tin rằng họ đã trừ khử sự tiêm nhiễm nguy hại của văn hóa phương Tây. Thật ra, họ đã dọn dẹp những chướng ngại vật để giúp một người thiên Tây Âu mạnh mẽ nhất trong lịch sử nước Nga tiến lên địa vị độc tôn.

Số phận của Vasily Golitsyn xem ra khổ sở, nhưng còn nhẹ so với những cận thần khác của Sofia. Mặc dù Pyotr do dự, những thủ lĩnh trong phe của anh - kể cả Giáo chủ - kiên quyết cho rằng cần có biện pháp mạnh. Thế là Shaklovity cùng hai người khác bị tử hình. Ba Cấm vệ bị đánh roi, cắt lưỡi và đày đi Siberia. Sylvester Medvedev trốn thoát khỏi Moskva nhưng bị chặn bắt, bị giải đến Troitsky. Bị tra tấn, ông thú nhận đã thoáng nghe âm mưu sát hại vài cận thần của Pyotr và đã viết các câu ca tụng dưới

chân dung của Sofia, nhưng ông chối việc tham gia vào âm mưu nào chống Pyotr hoặc Giáo chủ. Hai năm sau, ông bị xử tử.

Sau khi trừ khử những người ủng hộ Sofia, vấn đề chủ chốt là xử lý Sofia như thế nào. Cô đơn, không có ai thân thiết kề bên, Sofia chờ nghe tin về số phận của mình. Shaklovity đã không khai gì để cho thấy cô có âm mưu loại Pyotr khỏi ngai vàng, lại càng không có ý định sát hại anh. Chỉ có lời khai nặng nề nhất rằng cô có biết đến ý đồ hãm hại vài người trong phe Pyotr, và rằng cô có tham vọng cùng cai trị với hai em trên cương vị chuyên chế thay vì là Phụ chính. Tuy nhiên, đối với Pyotr như thế là đủ. Anh gửi thư cho Ivan than phiền về Sofia. Anh vạch ra rằng trong lễ đăng quang, Thượng Đế trao vương miện cho hai chứ không phải ba người; việc Sofia mạo danh ngang hàng với hai Sa hoàng là đi ngược lại ý muốn của Thượng Đế và xâm phạm địa vị của hai Sa hoàng. Anh đề nghị cả hai cùng trị vì mà không có sự can dự của "người thứ ba đáng xấu hổ này." Anh yêu cầu Ivan cho phép anh cử đại thần mới mà không cần sự chuẩn y cho từng người và kết luận rằng Ivan vẫn là Sa hoàng thứ nhất - "Tôi sẵn sàng tuân phục Ngài như đã tuân phục cha tôi."

Không có uy lực để khước từ, Ivan đồng ý. Một vương lệnh được ban ra, xóa tên của Sofia trong tất cả công văn. Tiếp theo, đại diện của Pyotr, Hoàng thân Ivan Troekurov, đi đến Kremlin xin Ivan ra lệnh cho Sofia rời Kremlin để vào Tu viện Novodevichiy ở ngoại ô thành phố. Cô không bị bắt buộc phải trở thành nữ tu, được cấp nhà ở tiện nghi; một nhóm gia nhân đông đảo sẽ đi theo cô, cô sẽ sống cuộc đời thoải mái, nhưng có hạn chế là cô không được rời khỏi tu viện và chỉ những người dì và em gái được quyền thăm viếng. Sofia lập tức hiểu rằng chế độ biệt lập như thế dù cho được tiện nghi, có nghĩa là dấu chấm hết cho cuộc đời cô. Quyền lực, hành

động, sự phấn khích, trí tuệ, tình yêu đều bị tước đoạt. Nên cô cưỡng lại, trong một tuần vẫn ở lại Kremlin, nhưng rốt cuộc với sức ép quá lớn, cô được hộ tống theo nghi lễ đi đến tu viện, để sống 15 năm còn lại của đời cô.

Ngày 16/10, Pyotr tiến vào thủ đô, giữa hai hàng lính Cấm vệ quỳ gối xin Sa hoàng xá tội. Anh vào hoàng cung để diện kiến Ivan, rồi trong bộ hoàng bào, ra đứng trước bậc thềm trên Cầu thang Đỏ. Đây là lần đầu tiên vị Sa hoàng trẻ tuổi, với khổ người cao lớn, gương mặt tròn và đôi mắt đậm, là chủ nhân ông của nước Nga.

Thế là Sofia, người phụ nữ đầu tiên trị vì nước Nga, bị lật đổ. Có người đã phóng đại những thanh tựu của cô. Mặt khác, cô không phải là nhà lãnh đạo cuối cùng của xu hướng bảo thủ như một số người phe Pyotr nhận định. Sự thật là Sofia có năng lực và trình độ, nói chung là đã trị vì đạt hiệu quả. Dưới chế độ của cô, nước Nga đang chuyển biến. Hai Sa hoàng Aleksei và Fyodor đã thể chế hóa một số cải tổ trong sách lược của Nga. Sofia không làm chậm lại mà cũng không thúc đẩy nhanh hơn tiến trình này, nhưng cô thật sự tạo điều kiện cho những cải tổ được tiếp nối, dọn đường cho Pyotr đi tiếp. Xét qua tổng thể những gì đã khởi đầu dưới chế độ của Aleksei và tiếp tục dưới các triều Fyodor và Sofia, ngay cả những thay đổi sâu sắc của Pyotr Đại đế có bản chất dường như là sự tiến hóa hơn là cuộc cách mạng.

Sofia là con người khác thường, không phải qua khía cạnh của nhà lãnh đạo, mà vì cô là phụ nữ. Trải qua nhiều thế kỷ, phụ nữ Nga ở tầng thấp của xã hội, như là nô dịch hoặc món nội thất được giấu kỹ trong biệt cung. Sofia tiến ra ánh sáng cuộc đời và nắm bắt quyền hành. Bất luận cô hành xử quyền uy như thế nào, chỉ sự kiện đơn giản là có cơ hội nắm quyền trong thời kỳ này của nước Nga đã đủ để xem cô là một nhân vật lịch sử. Điều không may là, giới tính của cô vừa giúp cô được nổi bật, nhưng cũng là trở

ngại cho cô. Khi cuộc khủng hoảng xảy ra, người Nga vẫn không muốn đứng sau một phụ nữ để chống lại một Sa hoàng.

Cánh cửa tu viện khép kín cuộc đời của Sofia. Nhưng trong thế kỷ tiếp theo, vai trò của phụ nữ trong hoàng cung đã thay đổi. Bơn phụ nữ kế vị Pyotr trên ngai vàng. Từ số phận phụ nữ hoàng gia trong biệt cung đến địa vị nữ hoàng trên ngai vàng là cả một khoảng cách mênh mông. Và phần lớn cuộc hành trình này được chuẩn bị bởi một phụ nữ độc nhất - Phụ chính Sofia.

Ngay cả Pyotr cũng nhìn nhận cô là "một công chúa được trời phú cho thể chất và tính thần hoàn thiện, chỉ tiếc cho tham vọng và khát khao vô bờ để trị vì". Trong 42 năm của triều đại Pyotr, chỉ có một người Nga duy nhất dám đứng lên thách thức địa vị của ông trên ngai vàng: Sofia. Hai lần, vào các năm 1682 và 1689, cô đã huy động lực lượng đế đối đầu với ông. Trong sự thách thức thứ ba và cuối cùng, cuộc nổi dậy của Cấm vệ vào năm 1698, người mà Pyotr e sợ chính là Sofia. Cô đã bị giam lỏng trong tu viện qua 9 năm, nhưng lập tức Pyotr cho rằng cô đứng phía sau cuộc binh biến. Trong ý nghĩ của ông, cô là người duy nhất có đủ sức mạnh tính thần để mơ đến việc lật đổ ông.

Không nên lấy làm ngạc nhiên là Sofia hội đủ những yếu tố ấy - người có thể làm cho Pyotr kinh sợ, người có bản lĩnh thách thức ông và có sức mạnh cá tính để khiến ông âu lo ngay khi cô chỉ ngụ trong tu viện. Dù sao chăng nữa, cô là chị của Pyotr Đại đế.

47. Jacob Abbott (sách đã dẫn, trang 101) tường thuật sự kiện theo cách khác. Theo tác giả này, Sofia thật sự muốn ám sát Pyotr vì cho rằng đó là cách duy nhất để cô tiếp tục giữ quyền lực. Cô đã bày tỏ ý định này

với Tư lệnh Cấm vệ Theodore Thekelavitaw, người thuận lòng theo ngay, và với Hoàng thân Golytsin, người lưỡng lự lúc đầu rồi cuối cùng bị Sofia thuyết phục mà gắng gượng đồng ý. Thekelavitaw điều động 600 quân Cấm vệ đi bắt Pyotr lúc này đang ngụ trong một lâu đài mang tên Obrogensko nằm bên một dòng sông nhỏ cách Moskva vài dặm. Trong khi Thekelavitaw đang ban chỉ thị hành quân cho Cấm vệ, có hai binh sĩ Cấm vệ vì thấy sốc bởi tầm mức quan trọng của âm mưu nên lén đi Obrogensko báo tin. Pyotr triệu tập những người bác và cậu (em của mẹ) bàn bạc. Vì không tin thật sự có âm mưu phản loạn, Pyotr cử một số liên lạc viên đi thăm dò. Trước khi đến Moskva, các liên lạc viên trông thấy đội quân của Thekelavitaw đang tiến về phía họ, nên tìm chỗ ẩn nấp rồi tìm đường quay về báo tin cho Pyotr. Nhóm của Pyotr vì thế có thời gian chạy trốn kịp. Thekelavitaw dẫn quân đến sau, cho lục soát khắp nơi nhưng dĩ nhiên không tìm ra Pyotr. Ông hỏi han quân bảo vệ của Pyotr, được biết Pyotr đã rời đi nhưng họ không biết đi đâu. Thekelavitaw đành phải dẫn quân về báo tin cho Sofia rằng âm mưu đã thất bại. (ND)

48. Hiện nay, tu viện mang tên Zagorsk, là nơi hành lễ của nhiều người đến từ khắp mọi miền nước Nga và cũng là điểm tham quan của đa số khách du lịch khi đến Moskva. Tu viện vẫn còn duy trì những sắc thái mỹ thuật, hoành tráng và thiêng liêng của quá khứ. (TG)

49. Theo Jacob Abbott (sách đã dẫn, trang 101), Pyotr tố cáo Sofia điều quân của Thekelavitaw để ám sát ông. Sofia bác bỏ lời tố cáo, biện hộ rằng binh sĩ dưới quyền Thekelavitaw được điều đến để thay phiên canh gác. Lý do này là gượng gạo vì không ai tin một đội quân đông đảo như thế đi giữa đêm khuya chỉ để thay phiên canh gác. (ND)

50. Theo Jacob Abbott (sách đã dẫn, trang 101), có một lần Sofia xuất hiện trước Cấm vệ cùng với đồng-Sa hoàng Ivan. Ông này đọc một bài phát biểu ngắn hẳn là do Sofia soạn sẵn ép phải đọc, cho biết Pyotr đã đi Tu viện Troisky nhưng vì lý do nào thì ông không rõ. Tuy nhiên, ông nói với Cấm vệ: "Chúng tôi được biết ông ấy [Pyotr] đã triệu tập các người, nhưng chúng tôi cấm các người đi, nếu ai không tuân lệnh này sẽ bị xử tử." (ND)

51. Theo Jacob Abbott (sách đã dẫn, trang 101), Sofia cũng phái một số công chúa lớn tuổi là hai người dì cùng các chị em của cha (cũng là bác và dì của Pyotr) đến Tu viện Troisky giúp thuyết phục Pyotr rằng cô vô tội, rằng những câu chuyện về việc gửi quân đi bắt Pyotr chỉ là do kẻ thù muốn gây mâu thuẫn giữa hai người, rằng Pyotr có thể an toàn trở về Moskva bất cứ lúc nào. Pyotr tiếp các công chúa một cách kính cẩn, lắng nghe họ nói, rồi giãi bày tình cảnh của mình, trưng ra các chứng cứ. Cuối cùng, các công chúa tin rằng Sofia tin rằng quả thực Sofia quả thực có tội như bị kết án, và rơi nước mắt cho biết muốn ở lại Tu viện Troisky để chia sẻ số phận cùng Pyotr. (ND)

9 GORDON, LEFORT VÀ "ĐÁM QUẬY"

Theo cách tính truyền thống, triều đại của Pyotr Đại đế kéo dài 42 năm, bắt đầu từ năm 1682 khi đăng quang ở tuổi lên 10 đến khi qua đời năm 1725 ở tuổi 53. Tuy thế, như ta đã biết, trong 7 năm đầu quyền lực đích thực nằm trong tay cô chị Sofia. Vì vậy, ta có thể nghĩ triều đại của Pyotr bắt đầu vào mùa hè năm 1689 khi lật đổ Phụ chính. Nhưng điều đáng ngạc nhiên là vị Sa hoàng chiến thắng vẫn chưa trị vì thật sự. Trong 5 năm tiếp theo, Sa hoàng Pyotr quay trở về Preobrazhenskoe và Hồ Pleschev, vẫn theo đuổi cuộc sống thiếu quy củ, thiếu trách nhiệm. Tất cả điều anh muốn là được tự do vui thú; anh hoàn toàn dửng dưng với chính sự. Thế thì có thể nói triều đại đích thực của Sa hoàng Pyotr chỉ bắt đầu vào năm 1694, khi anh 22 tuổi.

Trước thời gian này, chính phủ được điều hành bởi một nhóm nhỏ đã từng ủng hộ và dìu dắt anh trong cuộc đối đầu với Phụ chính Sofia. Mẹ của anh, Natalia - giờ 40 tuổi - là người lãnh đạo trên danh nghĩa, nhưng bà không được tự chủ như Sofia và dễ bị người xung quanh chi phối. Giáo chủ Joachim - bảo thủ và thù nghịch với người nước ngoài - đứng bên cạnh bà, quyết tâm diệt trừ mầm bệnh phương Tây đã thâm nhập vào nước Nga dưới chế độ của Sofia và Vasily Golitsyn.

Người bác của Pyotr và anh của Natalia, Lev Naryshkin, nhận chức vụ Bộ trưởng Ngoại giao; trên thực tế là thủ tướng mới. Ông là người dễ mến, có trí thông minh khác thường, lấy làm vui trong cương vị mới khi tổ chức những buổi tiếp tân hoành tráng và yến tiệc lộng lẫy, được dọn ra với đĩa làm bằng vàng và bạc để đãi đại sứ nước ngoài. Trong những cuộc đàm phán với các đại sứ này và trong việc quản lý bộ Ngoại giao của mình, ông được sự trợ giúp đắc lực của một trong số ít nhà ngoại giao chuyên nghiệp Nga: Emilian Ukraintsev.

Tikhon Streshnev, một *boyar* bạn cũ của Sa hoàng Aleksei và người giám hộ ngày xưa của Pyotr, được cử giữ chức Bộ trưởng Nội vụ.

Đại thần thứ ba là Boris Golitsyn, người đã thoát tội khi cố cứu giúp anh họ Vasily Golitsyn.

Vài người thành danh dưới chế độ Sofia - Repnin và Vinius - được giữ chức vụ cũ. Boris Sheremetyev vẫn là Tư lệnh Quân khu miền Nam đối diện với Tatar. Ngoài ra, còn có trên 30 người cả đàn ông và phụ nữ thuộc dòng họ Lopukhin được đưa vào triều đình nhờ có quan hệ với vợ của Pyotr.

Đối với nước Nga, sự thay đổi trong chính phủ có chiều hướng đi xuống. Những đại thần mới không có năng lực và lòng hăng say như người tiền nhiệm. Không có một đạo luật nào được ban hành trong suốt 5 năm giai đoạn này. Không ai làm gì để ngăn chặn sự phá phách của Tatar vùng Ukraina. Mâu thuẫn xảy ra trong triều đình, còn chính phủ thì tham nhũng. Luật pháp và trật tự bị lung lay ở vùng nông thôn. Đất nước Nga nổi lên phong trào bài ngoại. Một nghị định do Giáo chủ Joachim khởi xướng ra lệnh tất cả tín đồ Dòng Tên rời khỏi Nga trong vòng hai tuần. Một nghị định

khác bắt buộc ngăn chặn mọi người nước ngoài ở biên giới để tra hỏi nguyên quán của họ và lý do họ muốn đến Nga. Những câu trả lời của họ được gửi đến Moskva trong khi họ phải chờ đợi ở biên giới cho đến khi chính quyền trung ương cấp phép quá cảnh. Bộ trưởng Bưu điện Andrei Vinius được lệnh mở ra xem tất cả thư từ khi qua biên giới. Giáo chủ còn ra lệnh xóa bỏ tất cả nhà thờ Tin Lành ở Khu Ngoại ô Đức. Việc này chỉ được ngăn chặn khi người nước ngoài trình ra một vương lệnh của Sa hoàng Aleksei cho phép các nhà thờ ấy hoạt động. Vào lúc phong trào bài ngoại lên đến đỉnh điểm, một người nước ngoài bị một đám đông Moskva bắt lấy đem thiêu sống.

Tuy vậy, dù qua bao nỗ lực, có một người Nga mà Giáo chủ không thể sửa đổi: Pyotr, người thích đi đến Khu Ngoại ô Đức và giao du với những người nước ngoài mà chính Giáo chủ lo sợ. Ngày 10/3/1690, Pyotr mời Tướng Gordon đến hoàng cung để dự sinh nhật con trai mình, Hoàng Thái tử Aleksei. Gordon nhận lời mời, nhưng Giáo chủ phản đối kịch liệt sự có mặt của người nước ngoài trong tiệc mừng người kế vị ngai vàng nước Nga. Pyotr giận dữ nhưng rút lời mời. Ngày hôm sau, anh mời Gordon đến dùng bữa Tối tại nhà riêng của mình ngoài ngoại ô, rồi cùng Gordon phi ngựa về Moskva, cùng nhau chuyện trò một cách công khai suốt cuộc hành trình.

Vấn đề tự nó giải quyết một tuần sau, khi Joachim đột ngột qua đời. Ông để lại di chúc khuyên Sa hoàng nên tránh tiếp xúc với người theo Tin Lành hoặc Thiên Chúa giáo, trục xuất họ khỏi Nga; bản thân nên tránh ăn mặc và sống theo cung cách người nước ngoài. Ông còn đòi hỏi Pyotr không được cử người nước ngoài vào chức vụ có thể ra lệnh cho tín đồ Chính Thống giáo. Khi tang lễ cho Joachim đã xong xuôi, Pyotr đáp lại

bằng cách đặt may một bộ trang phục kiểu Đức và, một tuần sau, đến dùng bữa tối với Gordon lần đầu tiên trong Khu Ngoại ô Đức.[52]

Việc chọn lựa tân Giáo chủ xoay quanh cùng những chủ đề mà Joachim đã khai mào: phóng khoáng so với bảo thủ, bài ngoại so với thân phương Tây… Giới tăng lữ có học thức và Pyotr ủng hộ Marcellus, cai quản địa phận Pskov, người đã đi ra nước ngoài và biết vài ngoại ngữ. Nhưng Natalia cùng giới quý tộc và tăng lữ cấp thấp lại ủng hộ Adrian, cai quản địa phận Kazan, có tính bảo thủ hơn. Sau năm tuần lễ tranh cãi, Adrian được chọn chỉ do sự "dốt nát và giản đơn", như Patrick Gordon nhận xét.

Pyotr lấy làm đau nhói vì ý kiến của mình bị khước từ. Bảy năm sau, bằng thái độ phẫn nộ cay đắng ông nhắc lại vụ việc với một vị khách nước ngoài. Vị khách này kể lại:

> Sa hoàng nói với chúng tôi rằng… ông đã chọn một người có học thức, đã đi ra nước ngoài và nói được các tiếng Latinh, Ý và Pháp. [Nhưng] người Nga đã thình nguyện ông đừng bổ nhiệm một người như thế vì ba lý do: thứ nhất, vì ông này nói những ngôn ngữ man di; thứ hai, vì bộ râu của ông này không được to để xứng với một giáo chủ; và thứ ba, vì người đánh xe cho ông này ngồi trên ghế của cỗ xe chứ không phải trên lưng ngựa như thường thấy.

Thật ra, dù cho có ý kiến hoặc nghị định của giáo chủ nào chăng nữa, phương Tây đã bén rễ mạnh mẽ cách Kremlin 5 kilômét. Trên con đường giữa thành phố và Preobrazhenskoe là một thị trấn được gọi là Khu Ngoại ô Đức, với nhà cửa xây theo kiểu Tây Âu, được trang bị nội thất Tây Âu. Khách đến thăm đi dọc những đại lộ rộng rãi với hai hàng cây hai bên - qua

những ngôi nhà gạch hai hoặc ba tầng với cửa sổ rộng kiểu Tây Âu hoặc qua những quảng trường thoáng đãng với vòi phun nước - khó mà tin rằng họ đang ở giữa nước Nga.

Dưới thời Pyotr, khu này tương đối mới. Trước đấy, người nước ngoài có quyền sống bất kỳ nơi nào trong thành phố. Người Nga bảo thủ chống đối việc này, cho rằng thành phố thiêng liêng theo Chính Thống giáo của họ bi ô uế. Đến năm 1652, Sa hoàng Aleksei ra lệnh Cấm người nước ngoài sinh sống hoặc có nhà thờ bên trong tường thành Moskva, nhưng cho phép xây lên Khu Ngoại ô Đức dọc theo Sông Yauza, với những lô đất phân chia tùy theo cấp bậc cho tất cả người nước ngoài: sĩ quan và viên chức, kỹ sư, nghệ sĩ, bác sĩ, dược sĩ, doanh nhân, hiệu trưởng cùng những người khác phục vụ triều đình Nga.

Khởi đầu, phần lớn cư dân là người Đức theo đạo Tin Lành, nhưng từ giữa thế kỷ 17 có thêm nhiều người Hà Lan, Anh và Scotland. Kế tiếp, Sofia và Vasily Golitsin cho phép một số người Pháp lánh nạn ngược đãi ở Pháp đến sinh sống. Vào thời gian Pyotr trưởng thành, Khu Ngoại ô Đức được mở rộng thành một quần cư quốc tế có 3.000 người Tây Âu với nhiều thành phần về chính trị và tôn giáo.

Sống biệt lập trong một khu vực vùng ngoại ô tạo điều kiện thuận lợi cho cư dân duy trì thói quen và truyền thống của Tây Âu. Họ mặc trang phục nước ngoài, đọc sách nước ngoài, có riêng nhà thờ Lutheran và Calvin (người Thiên Chúa giáo không được phép có nhà thờ nhưng linh mục có thể giảng đạo ở nhà riêng), nói ngôn ngữ của họ, và giáo dục con cái của họ. Họ thường xuyên liên lạc bằng thư từ với quê nhà. Họ cũng đều đặn nhận tin tức từ nước ngoài, giúp họ cập nhật những sự việc diễn ra bên ngoài biên giới nước Nga. Tướng Patrick Gordon nhận tài liệu khoa học từ Hội

Hoàng gia ở London. Các bà vợ người Anh nhận những tập thơ cùng với đồ sứ và xà bông thơm. Ở đây cũng có những kịch sĩ, nhạc sĩ và người phiêu lưu giúp tổ chức những buổi kịch nghệ, hòa nhạc, khiêu vũ, picnic, cũng như những cuộc tình và thách nhau đấu tay đôi giúp cư dân vui vẻ và thích thú.

Hiển nhiên là ốc đảo của người nước ngoài này không tránh khỏi ảnh hưởng của biển người Nga xung quanh. Dù Giáo chủ ra lệnh Cấm, những người Nga láng giềng gan dạ, khát khao kiến thức và trò chuyện, tìm cách giao tiếp xã hội với người nước ngoài sống cách họ chỉ vài trăm mét. Qua sự giao tiếp này, những thói quen Tây Âu bắt đầu thâm nhập đời sống Nga. Chẳng bao lâu, những người Nga trước đây hay chế giễu người nước ngoài ăn "cỏ" cũng ăn món rau sông trộn giấm. Thói quen hút thuốc mà Giáo chủ lên án cũng bắt đầu lan tràn.

Sự giao tiếp tạo ảnh hưởng hai chiều, và nhiều người nước ngoài tiếp thu những giá trị Nga. Số phụ nữ nước ngoài quá ít, nên đàn ông nước ngoài cưới phụ nữ Nga, học tiếng Nga và cho phép con cái họ được rửa tội trong nhà thờ Chính Thống giáo. Hôn nhân giữa đàn ông Nga và phụ nữ nước ngoài thì hiếm, nhưng dần thay đổi. Mary Hamilton đã cưới Artamon Matveyev và chăm sóc gia cư nơi Sa hoàng Aleksei gặp gỡ Natalia Naryshkina. Khi đàn ông Nga trở nên Tây Âu hóa, họ không khó khăn gì mà tìm được một người vợ Tây Âu. Con trai của Pyotr, Hoàng Thái tử Aleksei, cưới một người vợ Tây Âu, và từ đấy về sau các Sa hoàng đều cưới một công nương từ Tây Âu.

Từ thuở niên thiếu, Pyotr đã cảm thấy hiếu kỳ về Khu Ngoại ô Đức. Anh đã quen biết hai người Hà Lan giúp anh đóng tàu: Timmerman và Brandt, cùng những sĩ quan nước ngoài giúp giám sát việc xây pháo đài cho

anh tập trận và việc bắn đại bác, nhưng sự tiếp xúc với khu này bị Giáo chủ Joachim hạn chế. Sau cái chết của Joachim, Pyotr đi thăm viếng họ thường xuyên hơn.

Trong Khu Ngoại ô Đức, vị Sa hoàng trẻ tuổi tìm được sự kết hợp say sưa của rượu vang ngon, thảo luận bổ ích, và tình bằng hữu. Khi người Nga tụ tập với nhau vào buổi tối, họ chỉ việc nốc rượu cho đến lúc mọi người say mèm hoặc không còn gì để uống. Người nước ngoài cũng uống rượu, nhưng giữa khói thuốc và tiếng chạm cốc họ còn trò chuyện với nhau về thế giới, vua chúa và chính khách, nhà khoa học và tướng lĩnh. Pyotr cảm thấy phấn khích với những cuộc thảo luận như thế. Trong những buổi tối dài này, anh cũng lắng nghe vô số lời khuyên về nước Nga: tổ chức tập trận cho quân đội thường xuyên hơn, áp dụng kỷ luật nghiêm minh hơn và trả lương thêm cho binh sĩ, chiếm thêm thị trường phương Đông bằng cách chuyển hoạt động thương mại từ Biển Đen bị Ottoman trấn áp lên Biển Caspi và Sông Volga thuộc Nga.

Khi cư dân Khu Ngoại ô Đức thấy được vị quân vương này yêu mến, họ tranh nhau mời anh đến: lễ cưới, lễ rửa tội và những dịp khác ăn mừng trong gia đình. Không một thương gia nào gả con gái hoặc rửa tội cho con trai mà không mời Sa hoàng tham gia. Pyotr thường nhận làm cha đỡ đầu, bế đứa trẻ Lutheran hoặc Thiên Chúa giáo trước bình nước thánh. Anh làm phù rể cho nhiều hôn lễ giữa người nước ngoài, và trong buổi khiêu vũ tiếp theo anh tham gia tích cực.

Trong một xã hội pha trộn sĩ quan Scotland, thương nhân Hà Lan và kỹ sư Đức, lẽ tự nhiên là Pyotr tìm thấy nhiều người với ý tưởng làm anh ngạc nhiên thích thú. Một người là Andrei Vinius, cha là một kỹ sư-thương nhân người Hà Lan, dưới triều đại Sa hoàng Mikhail đã thiết lập cơ xưởng đúc

sắt ở Tula, phía nam Moskva, rồi trở nên giàu có. Mẹ ông là người Nga, đã nuôi dạy ông theo Chính Thống giáo. Ông đã viết một quyển sách về địa dư và nghiên cứu thần thoại Hy Lạp, dạy cho Pyotr học tiếng Hà Lan và Latinh.

Cũng ở Khu Ngoại ô Đức mà Pyotr gặp hai người nước ngoài khác, tương phản về xuất xứ và cung cách, sau này trở nên quan trọng trong cuộc đời của Pyotr Đại đế. Họ là Patrick Gordon, người Scotland chuyên đi đánh thuê; và Francis Lefort, người Thụy Sĩ thích phiêu lưu.

Patrick Gordon sinh năm 1635, thuộc một gia đình tiếng tăm và sùng bái mạnh mẽ Cơ Đốc giáo. Cuộc Nội chiến Anh khiến cho thời tuổi trẻ của ông bị rối rắm. Gia đình ông ủng hộ nhiệt thành hoàng gia, nhưng khi Vua Charles I bị chặt đầu, tài sản gia đình bị tịch thu, ông không thể vào đại học hoặc quân ngũ. Ông đi ra nước ngoài để lập nghiệp ở tuổi 16. Ông được quân đội Thụy Điển tuyển dụng, lập nhiều chiến công, nhưng khi bị Ba Lan bắt làm tù binh, ông không ngần ngại phục vụ Ba Lan. Chạy sang hàng ngũ bên địch là chuyện bình thường đối với lính đánh thuê thời ấy - thỉnh thoảng thay đổi chủ nhân không phải là chuyện đáng xấu hổ. Vài tháng sau, ông bị Thụy Điển bắt, lại đổi chủ, rồi bị Ba Lan bắt, lại đổi chủ. Trước khi lên 25, ông đã đổi chủ 4 lần.

Vào năm 1660, một nhà ngoại giao Nga gặp ông ở Thụy Điển và mời ông phục vụ quân đội Nga trong thời gian 3 năm, khởi đầu với quân hàm thiếu tá. Gordon chấp nhận và rồi, khi đến Moskva, mới biết thời gian quy định trong hợp đồng không có nghĩa lý gì cả: vì là sĩ quan đắc lực, ông không được phép ra đi. Khi ông xin đi, bên Nga dọa sẽ kết án ông làm gián điệp cho Ba Lan và có thể đày ông đi Siberia. Sau thời gian tạm thời chấp nhận sô phận của mình, ông hòa nhập vào cuộc sống Moskva. Nhanh chóng

hiểu ra rằng cơ hội tốt nhất để thăng tiến là cưới một phụ nữ Nga, ông tìm được một người, rồi tạo dựng một gia đình.

Nhiều năm trôi qua, ông đã phục vụ Sa hoàng Aleksei, Sa hoàng Fyodor và Phụ chính Sofia, tham gia vào các trận chiến chống Ba Lan, các sắc tộc Thổ, Tatar và Bashkir. Ông được thăng lên cấp tướng và đã về thăm Anh và Scotland hai lần, sau khi người Nga đảm bảo nhân vật sáng giá này sẽ trở lại bằng cách giữ vợ con ông ở lại Moskva. Năm 1686, Vua James II đích thân yêu cầu Sofia chấm dứt nhiệm vụ của ông ở Nga để ông có thể về nước; Sofia từ chối, và trong một thời gian có thêm lời nói bóng gió về việc tiêu tan sự nghiệp và Siberia. Rồi Vua James II gửi công hàm thông báo muốn bổ nhiệm Gordon làm đại sứ ở Moskva; việc đề cử lại bị từ chối vì ông vẫn còn ở trong quân ngũ và sắp lên đường đi chinh chiến chống Tatar. Thế là, vào năm 1689, ở tuổi 54, được mọi người kính trọng, Gordon trở nên cực kỳ giàu có (lương 1.000 rúp mỗi năm, trong khi lương của giáo sĩ Lutheran chỉ có 60) và là một nhân vật nổi danh ở Khu Ngoại ô Đức.

Lẽ tự nhiên là Gordon - con người dũng cảm, đã đi qua nhiều nước, dày dạn kinh nghiệm chiến trường, trung thành và thận trọng - có thể thu hút Pyotr. Điều đáng ngạc nhiên là chàng thanh niên Pyotr ở tuổi 18 lại thu hút Gordon. Pyotr là Sa hoàng, chắc chắn rồi, nhưng Gordon đã phục vụ những Sa hoàng khác chỉ theo quan hệ bằng hữu. Tuy nhiên, trong con người của Pyotr, vị tướng già tìm thấy một anh học trò tinh thông và ngưỡng mộ ông. Với tư cách huấn luyện viên quân sự bán chính thức, ông dạy cho Pyotr mọi khía cạnh của chiến tranh. Trong 5 năm sau khi Sofia bị lật đổ, Gordon trở thành không chỉ là một tướng lĩnh đánh thuê, mà còn là một người bạn của Pyotr.

Đối với Gordon, tình bạn với Pyotr là yếu tố quyết định. Bây giờ, vừa là bạn thân vừa là cố vấn cho vị quân vương trẻ, ông từ bỏ giấc mơ trở về quê nhà. Thay vào đó, ông chấp nhận sống những năm cuối đời trên đất Nga. Đúng thế: năm 1699 khi vị tướng già từ trần, Pyotr đứng bên cạnh giường và vuốt mắt cho ông.

Năm 1690, không bao lâu sau khi Sofia bị lật đổ, Pyotr trở nên thân thiết với một người nước ngoài khá đặc biệt, Francis Lefort, người Thụy Sĩ, lính đánh thuê nhiệt náo và thích kết giao. Trong nhiều năm sau, Lefort trở thành người đồng hành đắc lực và bạn thân thiết của Pyotr.

Francis Lefort sinh năm 1656, con của một thương nhân giàu có. Tính thích hưởng thụ cuộc đời vui tươi đã nhanh chóng dập tắt mọi ý tưởng về buôn bán như người cha, nên ông gia nhập quân đội Hà Lan để chống Pháp, rồi năm lên 19 đi đến Nga nhưng không tìm được việc làm trong hai năm đầu. Dần dần ông nhận quân hàm đại úy, được Hoàng thân Vasily Golitsyn chú ý, tham gia hai chiến dịch Azov. Khi Gordon dẫn đoàn sĩ quan nước ngoài rời Sofia để gia nhập với Pyotr ở Troitsky, Lefort cũng đi theo. Ít lâu sau khi Sofia bị lật đổ, Lefort được thăng trung tướng năm 34 tuổi.

Pyotr bị mê mẩn bởi con người của thế giới có sức quyến rũ mạnh mẽ. Lefort không được sâu sắc, nhưng đầu óc của ông làm việc nhạy bén và ông thích chuyện trò, hay nói về phương Tây: đời sống, phong cách và công nghệ. Ông tỏ ra nổi bật trong các dạ tiệc và buổi khiêu vũ. Bắt đầu từ 1690, Lefort luôn bên cạnh Pyotr; họ ăn tối với nhau hai hoặc ba lần mỗi tuần và gặp nhau hằng ngày. Càng ngày Lefort càng được yêu mến nhờ tính thẳng thắn, cởi mở và hào phóng. Trong khi Gordon đem đến sự cố vấn chín chắn và tham mưu nhạy cảm, thì Lefort mang lại không khí vui nhộn, tình bằng hữu, sự cảm thông và thấu hiểu. Pyotr được thư giãn với Lefort, và khi Sa

hoàng thình lình giận dữ với người nào hoặc việc nào, la mắng tất cả mọi người xung quanh, chỉ một mình Lefort có thể đi đến, nắm chặt hai tay của Pyotr cho đến khi nhà vua bình tĩnh trở lại.

Lefort được thành công phần lớn là do tính hào phóng. Mặc dù thích xa hoa, ông không bao giờ màng đến chắt chiu cho tương lai - tính chất mà Pyotr yêu thích, nên vị quân vương luôn cung ứng mọi thứ mà Lefort cần đến: trả nợ cho Lefort, cấp cho ông một biệt thự và ngân khoản để sống. Ông được nhanh chóng phong làm đại tướng, đô đốc và đại sứ. Điều quan trọng nhất đối với Pyotr là Lefort thật sự yêu thích cuộc sống ở Nga. Không giống như Gordon, ông không bao giờ mơ đến việc trở về sống luôn ở quê nhà.[53]

Đối với Pyotr, bước vào nhà của Lefort giống như đi vào một thế giới khác. Ở đây, Pyotr tìm được không khí dí dỏm, cuốn hút, hiếu khách, giải trí, thư giãn và thường có phụ nữ hấp dẫn hiện diện. Đôi lúc, đó là những bà vợ đáng kính và những cô con gái xinh xắn của các thương nhân và sĩ quan nước ngoài, ăn vận theo kiểu Tây Âu. Còn thường thì họ là phụ nữ bạo dạn có vai trò đảm bảo các ông không bị buồn phiền; là những cô gái nở nang, rắn chắc, không lấy làm khó chịu với ngôn ngữ thô tục của lính tráng hoặc cử chỉ trìu mến từ bàn tay thô ráp của đàn ông. Pyotr vốn chỉ quen biết phụ nữ hoàng gia khô cứng sống trong biệt cung, giờ cảm thấy vui thích đi vào thế giới này. Qua hướng dẫn của Lefort, chẳng bao lâu Pyotr thấy mình ngồi một cách thỏa nguyện trong bầu khói thuốc lá, một cốc bia trên bàn, một ông píp trên môi và cánh tay quàng qua eo một phụ nữ đang cười khúc khích. Lời quở trách của bà mẹ, câu răn dạy của Giáo chủ, giọt nước mắt của cô vợ - tất cả đều chìm vào quên lãng.

Ít lâu sau, Pyotr chú ý đến một phụ nữ ở đây. Cô người Đức này tên là Anna Mons, con gái một thương nhân. Cô đã qua tay Lefort, nhưng khi thấy Pyotr để ý đến cô gái tóc vàng với tiếng cười dạn dĩ và đôi mắt long lanh, Lefort sẵn sàng nhường cô cho anh. Giai nhân có tính phóng khoáng này chính là người Pyotr mong muốn: cô có thể cụng ly với anh và chia sẻ chuyện tiếu lâm với anh. Anna Mons trở thành người tình của Pyotr.

Anna yêu mến Pyotr chỉ vì có tham vọng. Cô dâng hiến cho vị quân vương để quân vương ban phát ân huệ cho cô: nữ trang, một tòa lâu đài và đất đai. Không màng đến nghi thức, Pyotr cùng cô xuất hiện giữa các *boyar* và ngoại giao đoàn. Dĩ nhiên là Anna mơ tưởng thêm. Cô biết Pyotr không thể chịu đựng sự hiện diện của vợ anh, và với thời gian trôi qua cô càng tin thêm rằng một ngày nào đó cô có thể là hoàng hậu. Pyotr đã nghĩ về việc này, nhưng thấy không cần thiết phải có hôn lễ. Mối quan hệ như thế là đủ, cuối cùng kéo dài 12 năm.

Dĩ nhiên, phần lớn những người Pyotr giao du là người Nga. Vài người là bạn bè từ thời niên thiếu rồi lưu lại Preobrazhenskoe. Những người khác lớn tuổi hơn, có sự nghiệp nổi bật, thuộc dòng họ có tiếng tăm, tìm đến Pyotr dù anh có tính cách hoang toàng, hoặc vì anh là Sa hoàng, hoặc như vị Hoàng thân già Mikhail Tcherkassky, do lòng yêu nước muốn cách ly Sa hoàng khỏi người nước ngoài. Cùng ý hướng tương tự là Hoàng thân Pyotr Prozorovsky, một nhà thông thái lão thành có lối sống khắc khổ; và Fyodor Golovin, nhà ngoại giao có kinh nghiệm nhất của Nga, người đã đàm phán với Trung Hoa đạt Hiệp ước Nerchinsk. Còn Hoàng thân Fyodor Romodanovsky kết thân với vị Sa hoàng trẻ tuổi thì đơn thuần do lòng tận tâm vô bờ. Ông oán ghét Cấm vệ vì họ đã hạ sát cha ông trong cuộc nổi loạn năm 1682. Sau này, khi làm Tổng trấn Moskva và Chỉ huy trưởng

Cảnh sát, ông chỉ huy với bàn tay sắt. Khi Cấm vệ tạo phản lần nữa vào năm 1698, Romodanovsky ra tay trả thù một cách không thương tiếc.

Thoạt đầu, đây là một đám tạp nhạp gồm các chính khách cao tuổi, thanh niên ồn ào và dân phiêu lưu nước ngoài. Dần dà, họ trở thành một nhóm gắn kết nhau, mà họ tự gọi một cách bông đùa là "Đám Quậy" đi theo Pyotr mỗi lần gồm 80-200 người. Họ sống lang thang đây đó, thơ thẩn vùng ngoại ô, bất chợt ghé qua biệt thự của một quý tộc để ăn uống và ngủ qua đêm.[54]

Một buổi tiệc bình thường của "Đám Quậy" bắt đầu lúc giữa trưa và kéo dài đến bình minh ngày hôm sau. Họ ăn uống đơn sơ, nhưng xen kẽ có thêm các trò chơi, các môn thể thao như bóng gỗ, bắn cung và bắn súng, thêm quân nhạc, khiêu vũ và bắn pháo bông. Khi có sự hiện diện của ban quân nhạc thì Pyotr đánh trống. Khi Pyotr buồn ngủ, anh chỉ việc lăn xuống sàn nhà rồi ngáy. Phân nửa thành viên của "Đám Quậy" có thể ngủ trong khi những người còn lại la rống. Đôi lúc, các buổi tụ họp kéo dài 2 hoặc 3 ngày, với nhiều người nằm ngủ bên nhau trên sàn nhà, thỉnh thoảng thức dậy để chè chén rồi lại nằm xuống mà ngủ tiếp.

Điều kiện hiển nhiên để gia nhập "Đám Quậy" là khả năng uống rượu, nhưng đấy là chuyện bình thường đối với người Nga bắt đầu từ thuở xa xưa. Người phương Tây thấy tình trạng say xỉn cùng khắp nước Nga. Dân quê, tu sĩ, nhà quý tộc lẫn Sa hoàng đều tham gia các buổi nhậu. Người Nga không hề bỏ qua cơ hội nâng cốc. Say xỉn là một phần sắc thái của tính hiếu khách Nga. Khi đề nghị nâng cốc mà không ai dám từ chối, cả chủ lẫn khách đều uống trọn từ cốc này đến cốc khác rồi đặt úp cái chén vại đựng rượu trên đầu để chứng tỏ họ đã uống cạn. Nếu khách giã từ đi về nhà mà vẫn còn tỉnh táo thì tiệc rượu xem như đã thất bại.

Cha của Pyotr, Sa hoàng Aleksei, có đủ tính chất Nga ngoài lòng mộ đạo. Ông thích nhìn thấy các *boyar* trong tình trạng bét nhè. Đến phiên các *boyar* lại muốn thấy các đại sứ nước ngoài càng say càng tốt. Dân thường cũng uống nhiều rượu rồi chìm vào cơn say, mong loại bỏ thế giới khổ ải ra khỏi tâm thức càng nhanh càng tốt. Trong quán rượu, cả đàn ông lẫn phụ nữ cầm cố những món quý giá và thậm chí quần áo để tiếp tục uống rượu. Một người phương Tây kể lại:

> Phụ nữ thường là những người đầu tiên trở nên cuồng loạn sau khi đã nốc một lượng lớn rượu, rồi ăn mặc hở hang không hề biết xấu hổ mà xuất hiện khắp đường phố.

Người con của Aleksei và "Đám Quậy" của anh tiếp nối trọn vẹn những truyền thống Nga ấy. Dù họ chỉ uống loại rượu nhẹ như bia hoặc rượu lúa mạch, họ uống nhiều và uống liên tục. Pyotr cũng uống rượu rất nhiều, càng nhiều hơn với sự chiêu đãi của Lefort, về sau, rượu gây tác hại cho cả hai người: Lefort qua đời ở tuổi 43, còn Pyotr ở tuổi 53. Khi còn trẻ, rượu không làm cho Pyotr mất sức, mà dường như còn làm anh thêm khỏe khoắn cho công việc ngày hôm sau. Anh có thể uống rượu suốt đêm với bạn hữu và rồi, khi họ đang ngáy trong con say xỉn, anh thức dậy lúc bình minh để bắt đầu công việc của một thợ mộc hoặc thợ đóng thuyền.

Theo thời gian, Pyotr muốn tổ chức các buổi tiệc được quy củ thay vì bộc phát. Biệt thự của Lefort không đủ chỗ, nên Pyotr cho xây một phòng ăn đủ để tiếp vài trăm khách. Dần dà, phòng này trở nên quá nhỏ, Sa hoàng cho xây một biệt thự yến tiệc đủ rộng để tiếp 1.500 người, có thêm hầm chứa rượu vang. Biệt thự này là một loại câu lạc bộ cho "Đám Quậy".

Các bữa tiệc rượu dần dần có thêm những màn trình diễn hề, hóa trang diễu hành, và hài kịch trong đó mỗi người mang danh hiệu vua chúa, giáo sĩ… khác nhau để làm trò châm chọc các vương triều hoặc giáo hội, đôi lúc trở nên quá trớn.

Trong ý nghĩ của Pyotr, các trò tấu hài không có tính phạm thánh. Chắc chắn là Thượng Đế bao dung nên sẽ không bị xúc phạm vì mấy trò nhỏ nhoi này. Dù sao, các màn kịch vẫn chỉ là trò chơi - chỉ để thư giãn, có thể thô thiển - nhưng "Đám Quậy" không phải là những người có tính nhạy cảm sâu sắc. Họ là con người của hành động, lo xây dựng, lo chiến đấu. Những nguồn vui của họ thể hiện tính chất của họ: họ uống rượu, họ cười đùa, họ la ó, họ ăn mặc trong các kiểu trang phục lạ lùng, nhảy múa, chòng ghẹo lẫn nhau và châm biếm tất cả những gì lướt qua mắt họ - đặc biệt là giáo hội, vốn vẫn chống lại mọi việc họ đang cố gắng thực hiện.

Đối với người Nga đương thời, không chỉ có tinh thần, mà cả thể chất của Pyotr có thể bị nguy hại trong giai đoạn này. Các trò bắn pháo bông càng ngày càng phức tạp và thêm nguy hiểm, có lúc làm chết một *boyar*.

Và còn có trò chơi chiến tranh. Trong mùa đông 1689-1690, Pyotr nôn nóng chờ đợi mùa xuân đến để bắt đầu tập trận với hai trung đoàn lính chơi đùa. Những bữa ăn tối của Sa hoàng cùng với Tướng Gordon luôn được lấp đầy với những cuộc thảo luận về kỹ năng và chiến thuật mới của Tây Âu để mang ra huấn luyện cho binh sĩ. Sự thử thách xảy ra trong một cuộc tập trận vào mùa hè, khi Lữ đoàn Preobrazhenskoe tấn công một căn cứ được phòng thủ vững chắc của Lữ đoàn Semyonovsky. Dù rằng lựu đạn là loại giả làm bằng giấy cứng và đất, khi được ném gần người vẫn có thể gây thương tích. Chính Pyotr cũng bị thương trong một cuộc tập trận sử dụng vũ khí giả.

Suốt mùa hè 1691, các lữ đoàn chuẩn bị cho một cuộc tập trận lớn. Romodanovsky giả làm Vua Pressburg (Hungary) chỉ huy hai lữ đoàn lính chơi đùa chống lại một đội quân Cấm vệ dưới quyền chỉ huy của Hoàng thân Ivan Buturlin giả làm Vua Ba Lan. Trận chiến bắt đầu ngày 6/10 và kéo dài giằng co trong hai ngày, với kết quả là quân "Nga" dưới quyền Romodanovsky chiến thắng. Nhưng Pyotr vẫn chưa hài lòng, nên ra lệnh tập trận lại ngày 9/10, lần này trong gió mạnh, mưa dầm và bùn lầy. Quân của Romodanovsky lại chiến thắng, nhưng có thương vong thật sự. Hoàng thân Ivan Dolgorukov bị trúng đạn rồi tử vong do vết thương bị nhiễm trùng, còn Gordon bị cháy nám trên mặt, phải nằm dưỡng bệnh một tuần.

Trong thời gian này, Pyotr không quên các con tàu của mình. Để đẩy nhanh tiến độ tại Perelavl, năm 1691 hai mươi thợ đóng tàu tại xưởng đóng tàu nổi tiếng Zaandam của Hà Lan nhận hợp đồng làm việc với Brandt. Khi Pyotr trở lại Hồ Pleschev, họ đang đóng hai tàu khu trục nhỏ với 32 đại bác và ba thuyền buồm. Pyotr chỉ lưu lại ba tuần, nhưng năm sau anh đi đến đấy bốn lần, hai lần ở lại hơn một tháng. Anh tham dự vào việc đóng một con tàu chiến từ đầu, làm việc từ bình minh đến sẩm tối, dùng bữa trong xưởng và chỉ đi ngủ khi quá mệt. Quên hết mọi việc khác, anh từ chối quay lại để tiếp kiến đại sứ Ba Tư. Chỉ đến khi hai đại thần của triều đình, ông bác Lev Naryshkin và Boris Golitsyn, đi đến để thuyết phục anh về tầm quan trọng của nghi thức này, anh mới miên cưỡng quay về Moksva. Chỉ sau một tuần, anh trở lại xưởng đóng tàu.

Tháng 8, anh thuyết phục bà mẹ và cô em Natalia đi thăm xưởng đóng tàu và hạm đội của anh. Cô vợ Evdokia đi cùng những phụ nữ khác, và trong một tháng họ ở đây, Pyotr hồ hởi thực tập trên hạm đội gồm 12 chiếc tàu trước sự quan sát của họ. Ngồi trên một ngọn đồi bên bờ hồ, các phụ nữ

có thể thấy Sa hoàng đứng trên boong tàu, khoát tay, chỉ trỏ và ra mệnh lệnh - tất cả đều bí ẩn và náo động đối với nhóm phụ nữ không sống xa khỏi biệt cung.

Pyotr lưu lại Hồ Pleschev cho đến tháng 11. Khi trở về Moskva, anh bị kiết lỵ và phải nằm dưỡng bệnh trong 6 tuần. Cơn bệnh nặng đến nỗi bạn bè và quần thần anh lo sợ: Nếu Pyotr qua đời thì không gì ngăn cản được Sofia trở lại nắm chính quyền, còn họ có thể bị đi đày hoặc thậm chí bị xử tử hình. Nhưng Sa hoàng bình phục vào dịp Giáng sinh. Đến cuối tháng 1, anh lại đến Khu Ngoại ô Đức vào những buổi tối. Gần cuối tháng 2, Lefort tổ chức một dạ tiệc để tiếp đãi Pyotr, và bình minh hôm sau, không ngủ nghê gì cả, Pyotr lại đi đến Hồ Pleschev.

Những chuyến đi của Pyotr đến Hồ Pleschev kéo dài cho đến năm 1693. Sau đấy chỉ là những lần ghé qua ngắn ngủi. Năm 1722, Pyotr thấy các con tàu và nhà xưởng đã bị mục nát. Ông ra lệnh bảo tồn cẩn thận những gì còn lại, và một nhà quý tộc ở địa phương cố gắng thực hiện một thời gian. Trong thế kỷ 19, vào mỗi mùa xuân, tất cả giáo sĩ ở Pereslavl đi trên một sà lan cùng với nhiều người trên những tàu khác, ra giữa hồ để rảy nước thánh tưởng niệm Pyotr Đại đế.

52. Ian Grey (sách đã dẫn, trang 414) cho biết đây là lần đầu tiên một Sa hoàng nước Nga đến dùng bữa ở nhà người nước ngoài. (ND)

53. Theo Jacob Abbott (sách đã dẫn, trang 101), thật ra Lefort (Abbott viết là Le Fort) đã có công với Pyotr trong nhiều việc nghiêm túc. Việc đầu tiên là Lefort nhận xét Cấm vệ mặc quân phục quá bất tiện, nên ông nhờ thợ may của Đại sứ Đan Mạch may hai bộ quân phục của sĩ quan và binh sĩ, rồi ông mặc vào từng bộ cho Pyotr xem. Lúc đầu Pyotr không nhận ra Lefort, sau đó tỏ ra thích thú và xem xét cặn kẽ các chi tiết của hai bộ quân phục. Rồi Pyotr tỏ ý muốn xem một đại đội mặc quân phục như thế biểu diễn các thao tác quân sự. Lefort tuyển lựa trong số những người nước ngoài có hiểu biết về quân sự của Tây Âu, lập thành một đại đội, cho mặc quân phục kiểu Tây Âu rồi trình diễn các thao tác quân sự cho Pyotr xem. Pyotr có ấn tượng mạnh đến nỗi ông gia nhập đại đội như là lính thường, mặc quân phục như họ và tham dự các thao tác quân sự như họ. Từ bước khởi đầu này, quân đội Nga đã bắt đầu thay đổi quân phục và được huấn luyện theo kiểu Tây Âu. Kế tiếp, nhận thấy Pyotr quan tâm đặc biệt đến tàu thuyền, Lefort tập họp một số thợ đóng thuyền người Hà Lan ở Nga rồi chỉ đạo họ đóng một số thuyền buồm và tàu khu trục, với đủ trang bị và khí tài, trên một hồ nước không cách xa Moskva bao nhiêu. Rồi Pyotr tập lái và làm hạm đội trưởng một trong số tàu này. Tất cả việc này xảy ra khi Pyotr 22 tuổi, năm 1694. (ND)

54. Ian Grey (sách đã dẫn, trang 414) cho biết "Đám Quậy" bao gồm nhiều thành phần quốc tịch, tôn giáo, nghề nghiệp và ngôn ngữ khác nhau. Những người nước ngoài nổi tiếng gồm có Gordon, Lefort; Andrei Vinius (giám đốc bưu điện), von Mongden (đại tá trong Lữ đoàn Preobrazhenskoe), Chambers (đại tá trong Lư đoàn Semyonovsky), Adam Weide (thiếu tá trong Lữ đoàn Preobrazhenskoe), Jacob Bruce (sĩ quan công binh và pháo binh),.. (ND)

10 ARKHANGELSK

Đất đai bao la của nước Nga thuở xưa chỉ có một cảng biển duy nhất: Arkhangelsk, thông ra Biển Trắng, chỉ cách Bắc Cực 200 kilômét về phía nam. Cảng bị đóng băng sáu tháng mỗi năm. Tuy thế dù cho bao nhược điểm, đây là cảng biển của nước Nga. Chưa có Sa hoàng nước Nga nào đi đến Arkhangelsk, đơn giản vì chưa có Sa hoàng nào quan tâm đến tàu thuyền. Năm 1720, Pyotr viết:

> Trong vài năm tôi đã thỏa các ước nguyện của mình ở Hồ Pleschev, nhưng cuối cùng nó trở nên quá nhỏ đối với tôi… Thế rồi tôi quyết định đi xem biển, và nhiều lần van nài mẹ tôi cho phép tôi đi Arkhangelsk. Bà ngăn cấm chuyến đi nguy hiểm như thế, nhưng, sau khi thấy tôi mãi khao khát, bà miễn cưỡng cho phép tôi đi.

Tuy nhiên, bà mẹ bắt Pyotr phải hứa rằng anh sẽ không đi tàu trên biển.

Ngày 11/7/1693, Pyotr rời Moskva để đi Arkhangelsk cùng hơn 100 người kể cả Lefort, những người trong "Đám Quậy", 8 ca sĩ, 2 người lùn và 40 Cấm vệ hộ tống. Khoảng cách từ thủ đô là 950 kilômét theo đường chim bay, nhưng đoàn người phải đi 1.600 kilômét theo đường bộ và đường sông. Đoạn đường đầu dài gần 500 kilômét đi theo đường bộ qua Tu viện Troitsky, Pereslavl và Rostov, rồi vượt Sông Volga tại Yaroslavl để đến thị

trấn Vologda. Nơi đây, đoàn người dừng đi trên bộ và xuống những sà lan rộng, đầy màu sắc được chuẩn bị chờ sẵn. Phần còn lại của cuộc hành trình đi xuôi theo Sông Suhona đến điểm hợp lưu với Sông Dvina Bắc, rồi từ đây đi theo Sông Dvina Bắc để đến Arkhangelsk. Các sà lan di chuyển chậm chạp dù là xuôi dòng nước. Vào mùa xuân khi nước dâng cao vì tuyết vừa tan, thuyền bè của Pyotr có thể nổi dễ dàng, nhưng bây giờ là giữa mùa hè, mực nước đã hạ, đôi lúc sà lan chạm đáy sông và phải có sức người hoặc súc vật kéo đi. Sau hai tuần, đoàn người đến Kholmogory, thủ phủ hành chính và nơi đặt giáo khu của vị tổng giám mục phụ trách cai quản miền bắc. Nơi đây, Sa hoàng được chào đón bởi những tiếng chuông nhà thờ ngân vang và những buổi yến tiệc; nhưng anh phải cố dứt ra để sớm tiếp tục đoạn hành trình ngắn cuối cùng. Rốt cuộc, anh trông thấy các tháp canh, nhà kho, bến tàu và những con tàu đang thả neo ở Cảng Arkhangelsk.

Arkhangelsk không phải nằm ngay trên bờ Biển Trắng, mà cách bờ biển gần 50 kilômét, dọc theo một con sông, nên cảng bị đóng băng trong nước ngọt nhanh hơn là trong nước biển mặn. Trong các tháng từ tháng 11 năm trước đến tháng 5 năm sau, nước đóng băng cứng như thép. Nhưng vào đầu mùa xuân, khi băng dọc ven bờ Biển Trắng tan chảy, Arkhangelsk bắt đầu cựa mình. Vào mùa hè, có thể có hàng trăm con tàu nước ngoài được chiến hạm hộ tống để chống hải tặc Pháp, đi đến từ London nước Anh, Amsterdam của Hà Lan, Hamburg và Bremen của Đức… chở đến sợi len và bông, tơ lụa, vàng bạc và nữ trang, rượu vang, thuốc nhuộm…, và mang đi da thú, lúa mì, trứng cá caviar…

Ban ngày thì nhộn nhịp, và người nước ngoài có cuộc sống dễ chịu trong mùa hè. Vào cuối tháng 6, mặt trời chiếu sáng 21 giờ đồng hồ mỗi ngày, nên người ta ngủ ít. Thị trấn được cung cấp đầy đủ cá nước ngọt,

lươn, thịt gà và thịt thú rừng với giá rất rẻ. Tàu đến từ Tây Âu cung cấp phong phú các loại bia Hà Lan, rượu vang và cô-nhắc của Pháp, dù hải quan Nga làm cho giá cả đội lên. Có hai nhà thờ cho người nước ngoài, cùng những dạ hội, picnic…

Đối với một người trai trẻ như Pyotr - vốn vẫn ngưỡng mộ Tây Âu và người phương Tây, lại bị biển thu hút - mọi thứ nơi đây đều mới lạ: mặt biển mở rộng quá chân trời, thủy triều lên xuống hai lần mỗi ngày, mùi nước mặn và hắc ín quanh các cầu tàu, cảnh tượng của,vô số con tàu đại dương với vỏ tàu bằng gỗ sồi đang thả neo, những cột buồm cao tít, những cánh buồm phần phật, khu bến cảng ồn ào với những con thuyền nhỏ qua lại, nhà kho chất đầy hàng hóa, thương nhân, thuyền trưởng và thủy thủ thuộc đủ quốc tịch…

Pyotr có thể quan sát tất cả hoạt động của cảng từ trong một ngôi nhà xây cho anh trên Đảo Moiseev. Ngay ngày đầu tiên, anh đã nóng lòng muốn đi ra biển, quên bẵng lời hứa với bà mẹ. Anh chạy vội ra bến cảng, nơi một thuyền buồm nhỏ mang tên Sankt-Pyotr với 12 khẩu đại bác đang đậu, được đóng cho anh. Anh đi lên tàu, xem xét và sốt ruột trông chờ cơ hội mang chiếc tàu ra thử giữa biển khơi.

Cơ hợi đến khi có một đoàn thuyền Hà Lan và Anh rời cảng. Chiếc Sankt-Pyotr sẽ hộ tống họ qua Biển Trắng đến rìa Bắc Băng Dương. Vào giữa trưa, lần đầu tiên trong lịch sử, một Sa hoàng nước Nga đi trên biển khơi. Nhưng chuyến đi quá ngắn ngủi đối với Pyotr. Khi đến điểm xa nhất về phía cực bắc, nơi Biển Trắng mở rộng ra nhưng vẫn nằm giữa đất liền hai bên, Pyotr phải miễn cưỡng quay lại.

Biết rằng tin tức về chuyến đi biển sẽ về đến Moskva, Pyotr viết thư cho mẹ để bà yên lòng, nhưng không đề cập trực tiếp đến chuyến đi:

… Nhưng tại sao mẹ lại bận tâm vì con? Mẹ đã giao con cho Đức mẹ Đồng trinh. Khi mẹ đã có đấng bảo vệ như thế, tại sao mẹ lại buồn phiền?…

Đây là biện luận khôn ngoan nhưng không lung lay được Natalia. Bà viết thư cho Pyotr, van nài anh nên nhớ lời hứa chỉ ở trên bờ, và thôi thúc anh trở về Moskva. Bà còn kèm theo bức thư của con trai anh lên 3 tuổi, Aleksei, với cùng lời van nài. Pyotr vài lần hồi âm là bà không nên lo lắng.

Thật ra, Pyotr có ý định lưu lại cho đến khi một đoàn tàu Hà Lan đến từ Amsterdam. Trong khi chờ đợi, anh vui hưởng những ngày ở cảng. Anh bước lên nhiều con tàu, hỏi han thuyền trưởng trong nhiều giờ đồng hồ, xem xét cột buồm, dây buồm, kết cấu vỏ tàu. Các thuyền trưởng Hà Lan và Anh mở rộng lòng hiếu khách với vị quân vương trẻ tuổi, mời anh ăn uống với họ trên tàu. Họ nói về những kỳ quan ở Amsterdam, về trung tâm đóng tàu mênh mông ở Zaandam, về lòng can đảm của thủy thủ và binh lính Hà Lan khi chống lại tham vọng của Vua Louis XIV. Không bao lâu, Pyotr đều say mê những gì thuộc về Hà Lan. Khi rảnh rỗi, Pyotr ăn uống, giao lưu rộng rãi với mọi thành phần, mọi quốc tịch. Lại thêm cách anh ăn mặc theo kiểu Hà Lan, Pyotr không có vẻ gì là quân vương của một nước bảo thủ, luôn muốn giữ gìn truyền thống, ngại đổi mới, khinh ghét phương Tây. Sa hoàng còn gây sốc khi đi lễ ở nhà thờ người Do Thái, cũng tỏ ra thành kính như tín đồ Do Thái giáo thực thụ. Giáo dân bắt đầu làm quen với hình ảnh vị Sa hoàng đứng đọc sách thánh hoặc cùng hát với ca đoàn nhà thờ. Ông mến Tổng giám mục ở Kholmogory tên là Afanasy và thích trò chuyện với ông này.

Ngay khi mùa hè sắp kết thúc, Pyotr đã quyết định sẽ trở lại Arkhangelsk vào năm sau, nhưng có những việc anh muốn thay đổi. Anh lấy làm buồn phiền mà thấy rằng, ngoại trừ chiếc tàu chiến của anh, ở cảng biển Nga này không có con tàu Nga nào được điều khiển bởi thủy thủ Nga. Anh tự tay tham gia vào việc đóng một con tàu lớn hơn chiếc Sankt-Pyotr, và ra lệnh nó phải được hoàn tất trong mùa đông. Thêm nữa, vì muốn có một con tàu hải hành của Tây Âu đích thực, anh yêu cầu Lefort và Vinius đặt mua một tàu khu trục ở Amsterdam.

Giữa tháng 9, đoàn tàu Hà Lan đến. Pyotr chào đón đoàn và cùng lúc nói lời giã từ Arkhangelsk với chương trình ăn mừng đồ sộ do Lefort tổ chức. Yên tiệc kéo dài một tuần, với những loạt đại bác từ các pháo đài và tàu chiến đang đậu. Khi họ về đến Moskva giữa tháng 10, tuyết đã rơi trên Arkhangelsk. Bến cảng đóng cửa trong suốt mùa đông.

Cũng mùa đông này, ngày 4/2/1694, sau một cơn bệnh kéo dài chỉ hai ngày, mẹ của Pyotr là Hoàng Thái hậu Natalia đã qua đời ở tuổi 42. Bà đã không được khỏe từ chuyến đi trong một tháng đến Hồ Pleschev năm 1693. Pyotr đang dự một bữa tiệc khi được tin bà mẹ đang yếu dần; anh nhảy dựng lên và vội chạy đến phòng của bà. Anh chỉ mới nói chuyện với bà và nhận sự chúc phúc cuối cùng của bà, thì Giáo chủ xuất hiện và nhiếc móc anh vì đã đến trong khi đang mặc trang phục Tây Âu, như anh vẫn thường mặc. Giáo chủ tuyên bố rằng đấy là điều bất kính và sỉ nhục đôi với Hoàng Thái hậu. Pyotr giận dữ đáp rằng một giáo chủ, với tư cách đứng đầu giáo hội, có những vấn đề trọng đại hơn là xem xét công việc của thợ may. Không muốn kéo dài cuộc tranh luận, Pyotr bỏ đi ra. Khi tin tức đưa đến báo tin bà mẹ đã qua đời, anh đang ở tại Preobrazhenskoe.

Cái chết của Natalia nhấn chìm Pyotr trong cơn đau buồn. Trong nhiều ngày, anh luôn bật lên tiếng khóc khi nói chuyện. Đám tang của vị Hoàng Thái hậu là nghi lễ lộng lẫy cấp quốc gia, nhưng Pyotr từ chối tham dự. Chỉ sau khi bà được chôn cất, anh đi đến mộ của bà để cầu nguyện, một mình.

Ở tuổi 22, cuộc sống diễn ra nhanh và vết thương lành cũng nhanh. Năm ngày sau, Pyotr xuất hiện tại nhà của Lefort. Không có phụ nữ, không có âm nhạc, không có khiêu vũ và không có pháo bông, nhưng Pyotr thật sự nói về thế giới.

Trong gia đình, vị trí tình cảm của bà mẹ được chuyển qua cô em gái, cũng có tên là Natalia. Cô có tính vui vẻ, không hiểu hết về những mục đích của anh nhưng luôn hết lòng hỗ trợ anh. Cô thuộc về thế hệ của anh và tò mò về mọi thứ đến từ nước ngoài. Tuy thế với cái chết của bà Hoàng Thái hậu, tất cả thành viên có thế lực của gia đình Pyotr đã ra đi: cha và mẹ đều qua đời, chị cùng cha khác mẹ bị giam lỏng trong tu viện. Vợ anh, Evdokia, vẫn còn đấy, nhưng dường như anh hoàn toàn không để ý gì đến tâm tư của cô, thậm chí đến sự hiện diện của cô. Ra đi cùng với Hoàng Thái hậu là sợi dây cuối cùng kiềm chế hành động của Pyotr. Anh đã yêu mẹ và cố làm cho bà vui nhưng càng ngày càng thấy thiếu kiên nhẫn. Trong những năm sau này, những nỗ lực của bà nhằm hạn chế sự di chuyển của anh, lòng ham muốn thứ mới lạ và sự giao du với người nước ngoài đã đè nặng lên anh. Bây giờ, anh được tự do sống theo cách mình muốn. Dù chịu ảnh hưởng bởi thời gian sống trong ngôi nhà Âu hóa của Matveyev, lối sống của Natalia trên cơ bản vẫn là của một phụ nữ Nga kiểu cổ. Cái chết của bà đã cắt đứt mối liên hệ cuối cùng của Pyotr với những truyền thống của quá khứ. Chỉ có bà mẹ là người có thể bắt buộc Pyotr phải tham dự nghi lễ tại Kremlin. Hai tháng rưỡi sau khi bà qua đời, Pyotr xuất hiện cùng với Ivan trong buổi

diễu hành Phục sinh tráng lệ, nhưng đây là lần cuối cùng anh tham dự nghi thức tại Kremlin. Sau đấy, không còn ai có đủ uy lực bắt buộc anh phải làm những gì anh không muốn.

Mùa xuân 1694, Pyotr trở lại Arkhangelsk. Lần này, cần đến 22 sà lan để chở đoàn gồm 300 người, có thêm 24 đại bác, 1.000 khẩu súng nòng dài, nhiều thùng thuốc súng, và cũng có thêm nhiều thùng bia. Trong tinh thần phấn khởi vì ý nghĩ được đi trên biển lần nữa, Pyotr thăng quân hàm hải quân cấp cao cho một số cận thần: Fyodor Romodanovsky làm đô đốc, Ivan Buturlin làm phó đô đốc và Patrick Gordon làm chuẩn đô đốc. Trong ba người, chỉ có Gordon đã từng đi thuyền, nhưng là hành khách trên một thuyền băng ngang qua eo biển Manche. Riêng Pyotr tự phong chức đại tá (hạm trưởng), với ý định sẽ điều khiển chiếc tàu khu trục đã đặt mua ở Hà Lan.

Tại Arkhangelsk, chiếc khu trục Hà Lan chưa đến, nhưng chiếc thuyền buồm mới mà Pyotr bắt đầu thi công mùa hè trước đã hoàn tất, đang nằm chờ Pyotr đến hạ thủy. Anh cầm lấy một cây rìu, hạ các khối chêm và vui sướng nhìn con thuyền chuồi xuống nước. Trong khi chờ giăng cột buồm và cánh buồm cho con thuyền mới - được đặt tên là Sankt-Pavel - Pyotr quyết định giết thời giờ bằng cách đi thăm Tu viện Solovetsky nằm trên một hòn đảo giữa Biển Trắng. Đêm 10/6, anh bước lên chiếc Sankt-Pyotr cùng với Tổng Giám mục Afanasy ở Arkhangelsk và một nhóm tùy tùng nhỏ. Ngày hôm sau, giữa Biển Trắng cách Arkhangelsk khoảng 130 kilômét, một cơn bão ập đến. Gió gào thét thổi rách các cánh buồm, sóng đánh nước biển tràn lên boong. Chiếc thuyền chao đảo trên những cuộn sóng khổng lồ, có nguy cơ bị lật. Các thủy thủ, những người đi biển có kinh nghiệm túm tụm nhau mà cầu nguyện. Cho rằng họ sẽ chết, các hành khách làm dấu thánh giá và

chuẩn bị cho số phận. Vị Tổng Giám mục ướt đẫm cả người, cố gắng đi đến từng người trên boong tàu chao đảo để làm Phép thánh Cuối cùng.

Pyotr giữ chắc bánh lái, cũng nhận Phép thánh Cuối cùng nhưng không tuyệt vọng. Mỗi lần con thuyền nhồi lên ngọn sóng và hụp xuống đáy sóng tiếp theo, Pyotr nỗ lực với bánh lái để giữ cho con thuyền đi ngược gió. Sự kiên trì của anh có kết quả. Với người lái thuyền hỗ trợ ở bánh lái, đi ngang những mỏm đá trong khi những con sóng khổng lồ vẫn gầm thét, con thuyền đi vào cảng Vịnh Unskaya. Khoảng giữa trưa ngày 12/6, sau 24 giờ kinh hoàng, con thuyền buồm nhỏ hạ neo trong vùng nước yên lặng của Tu viện Pertominsk. Cả đoàn người đi vào nhà nguyện của tu viện để làm lễ tạ ơn. Pyotr tự tay đẽo một cây thánh giá cao hơn 3 mét và vác trên vai mang đến nơi anh đã đặt chân lên bờ. Cây thánh giá mang hàng chữ Hà Lan: "Thánh giá này do Thuyền trưởng Pyotr làm trong mùa hè 1694." Vài năm sau, Pyotr viện dẫn sự kiện gần như là phép lạ này là lý do phải đi Tây Âu, trong khi kế hoạch bị phản đối mạnh mẽ. Pyotr kể rằng trong cơn bão, ông đã nguyện với Thánh Pyotr, thánh đỡ đầu của ông, rằng nếu thoát chét ông sẽ đi đến ngôi mộ của Thánh Pyotr ở Thành phố Roma của Ý để làm lễ tạ ơn. Do đó, ông phải làm tròn lời nguyện. Trong chuyến đi Tây Âu, Pyotr không thể đến Roma như dự trù vì phải quay về gấp để đối phó với cuộc nổi loạn của Cấm vệ.

Ngoài khơi, cơn bão hoành hành thêm ba ngày. Vào ngày 16/7, gió dịu, Pyotr lại ra khơi đi đến Tu viện Solovetsky nổi tiếng nhất ở miền bắc nước Nga. Anh lưu lại đây ba ngày rồi trở về Arkhangelsk trong nỗi vui mừng của bạn hữu, vì họ đã biết về cơn bão và lo ngại cho sự an nguy của đoàn đi trên chiếc Sankt-Pyotr.

Vài tuần sau chuyến đi thoát chết, chiếc Sankt-Pavel được hoàn tất. Đến ngày 21/7, chiếc khu trục được đặt mua từ Hà Lan về đến nơi, được đặt tên là *Holy Prophecy* (Lời Tiên tri Thiêng liêng). Dưới quyền chỉ huy của Hạm trưởng Jan Flam, người đã có 30 chuyến đi đến Arkhangelsk, đấy là một con tàu chắc chắn với 44 đại bác. Công xưởng cố làm vui lòng Sa hoàng nên đóng nội thất thanh lịch và đẹp đẽ bên trong khoang con tàu.

Pyotr phân khích như điên cuồng, nhảy lên con tàu, leo lên leo xuống hoặc bò qua lại khắp ngóc ngách. Tôi hôm ấy, vị hạm trưởng mới Pyotr của chiếc *Holy Prophecy* mở tiệc chiêu đãi trên con tàu. Ngày hôm sau, ông hồ hởi viết một bức thư cho Vinius:

> Cái mà tôi ao ước bấy lâu đã thành hiện thực. Jan Flam đã đến nơi cùng với bốn mươi bốn đại bác và bốn mươi thủy thủ, trên con tàu của ông ấy. Hãy chúc mừng tất cả chúng tôi! Tôi sẽ viết thêm trong chuyến thư sau, nhưng bây giờ tôi vui sướng quá nên không thể viết dài. Hơn nữa, không thể viết dài được, vì thần Bacchus[55] luôn luôn có sự ưu ái trong những trường hợp như thế này, và với rượu vang của ông ta, ông đã làm mờ mắt những người muốn viết dài.
>
> Hoa tiêu[56] tàu Holy Prophecy

Pyotr say mê với con tàu và say mê tất cả những gì thuộc về nó, kể cả lá cờ Hà Lan phát phới trên con tàu. Anh lập tức quyết định dựa trên cờ của Hà Lan - từ trên xuống dưới là ba màu đỏ, trắng và xanh - để tạo nên lá cờ của hải quân Nga - từ trên xuống dưới là trắng, xanh và đỏ. Lá cờ của hải quân Nga trở thanh quốc kỳ của Nga cho đến khi vương triều chấm dứt vào năm 1917, rồi được phục hồi cho nước Nga hiện giờ.

Trong vòng một tuần, chiếc tàu khu trục mới đã sẵn sàng ra khơi dưới sự điều khiển của hạm trưởng mới. Pyotr đã dàn xếp cho hạm đội nhỏ của ông hộ tống một đoàn thương thuyền nước ngoài rời Nga. Phó đô đốc Ivan Buturlin dẫn đầu trên chiếc Sankt-Pavel, tiếp theo là bốn thương thuyền Hà Lan chở đầy hàng hóa Nga, rồi đến chiếc khu trục mới *Holy Prophecy* với Đô đốc Fyodor Romodanovsky và Sa hoàng cầm bánh lái (tuy có Jan Flam đứng kế bên), theo sau là Chuẩn đô đốc Patrick Gordon trên chiếc Sankt-Pyotr. Hạm đội của Sa hoàng hộ tống đoàn thương thuyền đến nơi Biển Trắng mở rộng ra Bắc Băng Dương. Pyotr định đi xa thêm, nhưng gió to khiến anh được thuyết phục phải trở về. Đại bác được bắn báo hiệu hạm đội hộ tống chuẩn bị quay về, còn các thương thuyền Tây Âu dần khuất dạng nơi chân trời. Ba chiếc thuyền nhỏ của Pyotr trở lại Arkhangelsk. Sa hoàng chủ trì một tiệc rượu, rồi ngày 3/9 miễn cưỡng lên đường trở về Moskva.[57]

Thế là, trong vòng sáu năm kể từ khi Pyotr trông thấy chiếc thuyền kỳ lạ trong một nhà kho, nước Nga đã có một hạm đội vượt đại dương, khởi đi từ cảng của Nga và trở về cảng của Nga, do tướng lĩnh hải quân Nga chỉ huy (Gordon là người nước ngoài nhưng mang quân hàm Nga và lĩnh lương của Nga).

Cùng năm này, tháng 9/1694, Pyotr tổ chức một cuộc tập trận thời bình cuối cùng và lớn nhất bên bờ Sông Moskva, quy tụ 30.000 quân gồm bộ binh, kỵ binh, pháo binh và dãy dài những xe goòng hậu cầu. Đoàn quân được chia ra hai phe: một phe là 6 lữ đoàn Cấm vệ và một số toán kỵ binh - nhận nhiệm vụ tấn công một pháo đài; phe kia là hai Lữ đoàn Cảnh vệ của Pyotr (Preobrazhenskoe và Semyonovsky), thêm hai trung đoàn quân chính quy và một số đại đội dân quân được huy động từ các thị trấn ở xa - nhận nhiệm vụ bảo vệ pháo đài trên.

Trước khi cuộc tập trận diễn ra, Moskva phấn khích xem quang cảnh hai đoàn quân trong đồng phục diễu hành, cùng cờ xí và quân nhạc, đi qua các đường phố thủ đô. Khi Lữ đoàn Preobrazhenskoe đi đến, dân Nga há hốc miệng: đi đầu là Sa hoàng Pyotr trong quân phục của lính pháo binh chính quy. Đối với đám dân chúng trước kia đã từng nhìn thấy những Sa hoàng trong trang phục quân vương lộng lẫy, hình ảnh của Sa hoàng Pyotr là điều khó tin.

Cuộc tập trận được thực hiện một cách hăng hái, do hai bên Cấm vệ và Cảnh vệ muốn tự chứng tỏ trước mặt Sa hoàng. Pyotr đã tính đến cuộc công hãm lâu dài một pháo đài để thực hành tất cả kỹ thuật Tây Âu về đặt mìn và gỡ mìn dưới chân tường thành. Không may là binh sĩ cũng mang theo rượu, thần Bacchus chế ngự trận địa, và nhiều ngày được chấm dứt bằng cảnh chè chén say sưa. Sau một đêm chè chén như thế lực lượng vào vai công hãm vẫn còn say, trở nên liều lĩnh nên quyết định mở cuộc tấn công bất ngờ. Lực lượng vào vai phòng thủ cũng vẫn còn say nên không thể cầm cự được lâu; pháo đài thất thủ nhanh chóng. Pyotr giận dữ vì sự kết thúc quá nhanh. Hôm sau, ông ra lệnh tất cả quân chiến thắng đi ra khỏi pháo đài và tất cả tù binh trở lại, và ra lệnh chỉ tấn công lại sau khi đã đặt mìn đúng cách và chân tường thành đã sụp. Binh sĩ đều tuân lệnh, lần nay phải mất 3 tuần mới có thể khuất phục pháo đài đúng như binh thư chỉ dạy.

Cuộc tập trận kết thúc vào cuối tháng 10, và khi các lữ đoàn trở về doanh trại của họ để nghỉ ngơi trong mùa đông, Pyotr thảo luận với các cố vấn về cách tốt nhất để sử dụng họ trong năm tiếp theo. Có lẽ đã đến lúc chấm dứt trò chơi chiến tranh; có lẽ đã đến lúc huy động quân đội để chống Tatar vì trong thực tế vẫn còn tình trạng chiến tranh: hai bên chưa ký với nhau hòa ước nào.

55. Bacchus là vị thần rượu trong thần thoại Hy Lạp, tương tự như tên Lưu Linh trong cách nói của ta. (ND)

56. Hoa tiêu là chức vụ mà Lefort phong cho Pyotr. Hạm trưởng tàu Holy Prophecy vẫn là Jan Flam. (ND)

57. Việc phong quân hàm các tướng hải quân trước chuyến hải hành lịch sử cho thấy Pyotr muốn tỏ rõ sự ra đời của hải quân Nga dựa trên nội lực của Nga. Điểm đặc biệt khác của hạm đội phôi thai này là chi phí đều do Nga chi trả: hai thuyền được đóng trên đất Nga với phần lớn công sức của người Nga, còn chiếc thứ ba được Nga đặt mua - tức là đều được thành lập với tài nguyên Nga, không phải viện trợ. (ND)

11 AZOV

Pyotr giờ được 22 tuổi. Người lần đầu tiên trông thấy vị Sa hoàng dễ có ấn tượng về vóc dáng: với chiều cao hơn 2 mét, Pyotr vươn cao hơn hẳn so với những người đứng xung quanh, sự khác biệt càng nổi bật vì người thời đó thấp hơn bây giờ. Dù cao lớn, thể hình của Pyotr thanh mảnh: hai vai hẹp một cách khác thường so với chiều cao, đôi tay dài, hai bàn tay thô nhám và luôn chai sần vì công việc nơi làm mộc và xưởng đóng tàu.

Tố chất khác thường của Pyotr, còn đáng kể hơn chiều cao, là nguồn sinh lực vô tận. Ông không thể ở yên một chỗ. Ông đi nhanh nhẹn với bước chân dài khiến người đi cùng phải chạy lúp xúp mới theo kịp. Khi bắt buộc phải làm việc với giấy tờ, ông đi đi lại lại quanh chiếc bàn cao. Ngồi trong bữa tiệc, ông chỉ ăn trong ít phút, rồi bật dậy để đi xem những gì đang xảy ra trong, gian phòng kế bên hoặc đi dạo bên ngoài. Trong buổi khiêu vũ, ông tỏa năng lượng trong những động tác cuồng nhiệt. Sau khi đã hiện diện một lúc ở một nơi chốn, ông muốn rời đi để nhìn qua người khác, xem qua quang cảnh khác. Hình ảnh xác thực nhất của Pyotr Đại đế là luôn luôn tò mò, luôn luôn bồn chồn, luôn luôn di chuyển.

Cùng lúc, một tình trạng rối loạn thể chất xuất hiện. Khi bị xúc động hoặc căng thẳng do áp lực của tình hình hiện tại, khuôn mặt của Pyotr bị nhăn nhó một cách thiếu kiểm soát. Có lúc ông bị co giật bắt đầu từ bên trái

cổ lan lên bên trái khuôn mặt và đôi mắt. Lúc tồi tệ nhất, cánh tay trái của ông cũng lay động, và cơn co giật chỉ chấm dứt khi ông ngã ra bất tỉnh.

Với những mô tả thiếu chuyên nghiệp về triệu chứng, tính chất hoặc lý do chứng bệnh của Pyotr không bao giờ được biết rõ. Rất có thể ông bị chứng động kinh do rối loạn về thần kinh. Lúc bấy giờ và trong sử liệu về sau, một số ức đoán về nguyên nhân được đưa ra. Một trong những nguyên nhân này là nỗi lãnh hoàng đớn đau trong cuộc binh biến năm 1682, khi cậu bé Pyotr lên 10 phải chứng kiến cảnh thảm sát Matveyev và người trong dòng họ Naryshkin, ức đoán khác cho là do việc ông bị đánh thức bất thình lình ở Preobrazhenskoe rồi trốn chạy suốt đêm tối. Vài người nghĩ nguyên do ở việc uống rượu quá nhiều với Lefort và "Đám Quậy" cùng lối sống lang thang, ăn ngủ thiếu điều độ lúc bấy giờ. Lại còn có tin đồn, phát ra từ Khu Ngoại ô Đức đến Tây Âu, rằng Pyotr đã bị Sofia đầu độc để cô này rộng đường chiếm quyền lực. Nguyên nhân hợp lý nhất có lẽ là những cơn sốt diễn ra trong thời gian dài. Pyotr bị cơn sốt như thế trong nhiều tuần tháng 11/1693 và tháng 1/1694, những lúc ấy nhiều người nghĩ ông sẽ chết. Cơn sốt loại này có thể gây viêm não dẫn đến việc một phần não bị tổn thương; sau đó khi có sự kích xúc về tâm lý làm xáo trộn vùng não vị thương tổn thì chứng co giật sẽ xảy ra.

Chứng bệnh này tác động sâu xa đến tố chất tâm lý của Pyotr, giải thích phần nào cho tính bẽn lẽn một cách bất bình thường, đặc biệt đối với người lạ chưa biết rõ về tình trạng của ông. Không có biện pháp chữa trị nào. Khi ông nổi lên cơn co giật mạnh, bạn bè hoặc thị vệ vội vàng dẫn đến một người thân thiết mà sự hiện diện sẽ giúp ông thư giãn. Nếu người này không ở gần hoặc chưa đến kịp, một phụ nữ trẻ nào đấy có thể giúp xoa dịu Sa hoàng. Thị vệ nói lên câu: "Pyotr Alekseyevich, đây là người mà Ngài

muốn nói chuyện", rồi rút lui. Sa hoàng nằm xuống và đặt cái đầu đang co giật lên lòng người phụ nữ, cô sẽ vuốt trán và thái dương ông, nói với ông lời ngọt ngào và trấn an. Pyotr dần dần ngủ thiếp, rồi cơn co giật dịu xuống. Một, hai giờ sau ông tỉnh dậy, trở lại tươi tắn và vui vẻ hơn bao giờ hết.

Mùa đông 1695, một thông báo được đưa ra khiến Moskva ngạc nhiên: nước Nga sẽ mở một chiến dịch quân sự vào mùa hè năm sau để chinh phạt Tatar và nhà bảo hộ của họ, Đế quốc Ottoman. Các sử gia không rõ chính xác do đâu Pyotr đi đến quyết định này. Có giải thích cho rằng ý đinh khởi động chiến tranh bắt nguồn từ tố chất năng nổ sục sôi của Pyotr phải làm gì đấy để phóng thích năng lượng. Nhìn lại quá khứ, đây là bước kế tiếp hợp lý trong một chuỗi hoạt động: con thuyền nhỏ trên Sông Yauza, đội thuyền nhỏ trên Hồ Pleschev, hạm đội nhỏ ngoài khơi Arkhangelsk. Bây giờ, Pyotr mơ đến việc phát triển quân chủng hải quân thật sự thông ra đại dương. Cảng Arkhangelsk chỉ có thể hoạt động 6 tháng mỗi năm. Biển gần nhất là Baltic thì vẫn còn bị Thụy Điển hùng mạnh kiểm soát. Chỉ còn một ngả thông ra biển: Biển Đen, về phía nam.

Hoặc đấy là bước kế tiếp hợp lý trong chuỗi hoạt động khác: đồ chơi người lính thời thơ ấu, trò chơi chiến tranh với thiếu niên, trò chơi chiến tranh với thanh niên, rồi tập trận giả với quân chính quy. Bây giờ, Pyotr đi tìm một thành trì thật để công phá. Azov rất phù hợp cho mục đích này: thành trì của kẻ thù khó chịu.

Chắc chắn hai yếu tố lấn ra biển và thử nghiệm quân đội đóng góp một phần trong quyết định. Nhưng cũng có lý do khác. Nga vẫn còn trong tình trạng chiến tranh với Đế quốc Ottoman. Mỗi mùa hè, kỵ binh Tatar cướp bóc, đốt phá vùng Ukraina, bắt nhiều người Nga đem đi bán làm nô lệ. Năm

1692, 12.000 quân Tatar tiến đến thị trấn Neimerov, đốt rụi tất cả và bắt đi 2.000 người. Năm sau, số người bị bắt lên đến 15.000.

Kể từ khi Sofia bị hạ bệ, Nga không làm gì nhiều nhằm bảo vệ vùng biên giới phía nam, dù các vùng này đã cầu cứu với thủ đô. Sự thờ ơ của Sa hoàng khiến cho Dositheus, Giáo chủ Chính Thống giáo ở Jerusalem, châm chọc. Ông biên thư cho Pyotr:

> Tatar Crimea chỉ là một nhúm người nhỏ nhưng họ khoe khoang rằng họ nhận triều cống của ông. Người Tatar là thần dân của người Thổ, suy ra thì ông cũng là thần dân của người Thổ. Đã nhiều lần ông khoe khoang rằng sẽ làm việc này việc kia, nhưng chỉ có lời nói và thật ra không có việc nào hoàn thành.

Hơn nữa, có lý do thuộc về ngoại giao để mở thêm chiến dịch chống Tatar. Vua Jan Sobieski của Ba Lan, đồng minh của Nga, cho rằng Nga đã không đóng góp gì trong cuộc chiến liên minh chống kẻ thù chung, nên dọa sẽ đạt thỏa ước hòa bình riêng với Ottoman mà không màng gì đến quyền lợi của Nga. Nhà Vua đã than phiền với kiều dân Nga ở Warszawa rằng nếu ông phó mặc quyền lợi của nước Nga thì không ai trách gì được ông vì không ai màng giải thích cho ông biết những quyền lợi của Nga là gì.

Thế thì, chiến dịch Azov có ý nghĩa nhiều hơn là một cuộc tập trận đơn thuần để Sa hoàng học hỏi và vui thú. Ngăn chặn những cuộc tấn công của Tatar và mở chiến dịch quân sự nhằm duy trì mối liên minh với Ba Lan, qua đấy giữ vững Kyyiv, là những áp lực mà triều đình Nga nào cũng phải đáp ứng. Hai yếu tố có tầm chiến lược quốc gia này ăn khớp với những khao khát riêng tư của Pyotr.

Rút kinh nghiệm từ hai chiến dịch thất bại trước, lần này có hai mục tiêu: khuấy phá quân Thổ và trấn áp quân Tatar. Hai mũi gọng kìm sẽ tiến vào hai bên của Eo đất Perekop. Thay vì đi đường bộ qua vùng thảo nguyên, quân Nga sẽ dùng sà lan để đi đường thủy.

Hai cánh quân khác hẳn nhau được thành lập để thực hiện hai mục tiêu khác nhau. Cánh quân phía đông sẽ di chuyển dọc Sông Don để tấn công pháo đài Azov của quân Thổ. Cánh quân này gồm hai Lữ đoàn Cảnh vệ Preobrazhenskoe và Semyonovsky, lực lượng Cấm vệ cũ, cùng pháo binh và kỵ binh do cố vấn nước ngoài huấn luyện. Tất cả gồm 31.000 quân chia ra làm 3 sư đoàn do Lefort, Golovin[58] và Gordon chỉ huy. Để tránh ganh tỵ, không một ai trong ba người được cử quyền tư lệnh cao hơn hai người kia. Pyotr đi theo cánh quân này.

Cánh quân phía tây sẽ di chuyển dọc Sông Dniepr để tấn công quân Thổ ở hai pháo đài chính: Ochakov và Kazikerman cùng ba pháo đài nhỏ hơn. Cánh quân do *boyar* Boris Sheremetyev chỉ huy gồm 120.000 quân, phần lớn là nông dân được động viên theo cách truyền thống mỗi mùa hè. Mục đích của cánh quân này cũng là để ngăn chặn kỵ binh Tatar tấn công cánh quân của Pyotr trước mặt Azov, cắt đứt sự liên lạc giữa Crimea và các tỉnh của Ottoman về phía tây, do đó sẽ ngăn chặn kỵ binh Tatar bắt tay với quân Ottoman ở vùng Balkan.

Sư đoàn của Gordon gồm 10.000 quân lên đường trước vào tháng 3/1695 xuyên thảo nguyên. Lực lượng chính với Pyotr, Lefort và Golovin cùng 21.000 quân lên đường tháng 5/1695 trên sà lan từ Sông Moskva xuống Sông Volga cho đến Tsaritsyn (sau này là Stalingrad, hiện nay là Volgograd). Ở đây, đoàn quân kéo pháo và hàng hậu cần qua Sông Don,

chuyển xuống sà lan khác đi tiếp. Ngày 29/6, lực lượng chính đi đến Azov, bắt tay với sư đoàn của Gordon đang bám dọc chân tường thành.

Thị trấn Azov nằm ở bờ trái của một nhánh Sông Don, cách Biển Azov khoảng 25 kilômét, có bề dày lịch sử từ thế kỷ 5 TCN, được quân Thổ gia cố thành pháo đài năm 1475. Azov đã trở thành vị trí chiến lược, kiểm soát chặt chẽ đương thủy thông xuống Biển Đen và ngăn chặn bất kỳ sự tiến quân nào của Nga xuôi dòng Sông Don. Quân Thổ còn gia cố tòa pháo đài và xây thêm hai tháp canh hai bên bờ sông, cách pháo đài khoảng 1,5 kilômét trên thượng lưu, với dây xích nối hai bên băng qua sông để ngăn ngừa thuyền của quân Cossack đi xuống.

Quân Nga bắn phá pháo đài trong 14 tuần, rồi nhiều vấn nạn xảy ra. Họ không có thiết bị công binh cho việc công hãm thành, hậu cần không thể cung ứng đủ lương thực cho 30.000 quân trong thời gian dài, và đoàn quân nhanh chóng lam trơ trụi vùng đồng cỏ xung quanh Azov vốn đã nghèo nàn. Cấm vệ không tuân hành mệnh lệnh của sĩ quan nước ngoài và thường tỏ ra vô dụng. Gordon mô tả tình hình chung: "Đôi lúc chúng ta hành xử như thể thiếu thái độ nghiêm túc."

Lúc đầu, hai tháp canh của quân Thổ bên ngoài thị trấn ngăn cản sà lan Nga xuôi dòng sông để mang hàng hậu cần đến cho đoàn quân công hãm. Bên Nga phải đổ bộ hàng hậu cần phía trước hai tháp canh Thổ rồi đưa lên xe goòng đi tiếp, và xe goòng thường bị kỵ binh Tatar tấn công bên ngoài chu vi trại quân Nga. Việc chiếm hai tháp canh trở thành mục tiêu hàng đầu, và quân Nga cất tiêng hoan hô khi quân Cossack tràn ngập một trong hai tháp canh; chẳng bao lâu dưới hỏa lực đạn pháo dữ dội của Nga, quân Thổ phải rút lui khỏi tháp canh thứ hai.

Nỗi vui mừng của Pyotr nhanh chóng bị tiêu tán bởi một sự cố lớn do lòng phản trắc. Một lính thủy quân Hà Lan tên là Jacob Jensen, thân cận với Pyotr và thường nghe Pyotr thảo luận với tổng hành dinh, đào ngũ qua quân Thổ, mang theo nhiều thông tin quý giá về tình hình quân Nga kể cả thói quen không thể bỏ của quân Nga là giấc ngủ sau bữa ăn trưa[59]. Ít ngày sau, đúng vào giờ này, một đội quân Thổ hùng hậu xông ra tấn công chiến hào của Nga. Thoạt đầu, nhiều lính Nga còn ngái ngủ bỏ chạy, nhưng Gordon cố huy động những người còn lại để phản công. Sau ba giờ, quân Thổ rút về, gây tổn thất nặng cho quân Nga: 400 tử trận, 600 bị thương, nhiều dụng cụ hãm thành bị hư hỏng.

Vấn nạn lớn nhất là quân Nga không đủ lực lượng để bao vây hoàn toàn pháo đài, nên vẫn còn một khoảng hở gần bờ sông, qua đấy kỵ binh Tatar vẫn kết hợp được với quân trấn giữ Azov. Và quân Nga không có đủ tàu thuyền để kiểm soát con sông. Pyotr chỉ có thể nhìn một cách bất lực khi 20 chiếc thuyền của Thổ đi ngược lên dòng sông, thả neo gần pháo đài để đổ lên quân tiếp ứng và hàng hậu cần.

Trong suốt cuộc công hãm, Pyotr hoạt động cật lực. Theo cương vị lính pháo binh, ông giúp chuyển đạn pháo và bắn phá thành trì Thổ. Theo cương vị Sa hoàng, ông chủ trì hội đồng tướng lĩnh, thảo luận và rà soát phương án tác chiến.

Sự chia rẽ trong cấp chỉ huy càng ngày càng trầm trọng. Cả Lefort và Golovin đều bực bội với Gordon và liên kết với nhau để bác lại ý kiến của ông này dù ông có nhiều kinh nghiệm chiến trường hơn. Pyotr cũng mất kiên nhẫn, cùng với Lefort và Golovin quyết định mở cuộc tấn công nhằm tràn ngập thị trấn địch, nhưng Gordon cho rằng cần phải đào đường hào đến gần tường thành hơn để bảo vệ binh sĩ trước cuộc tấn công. Ý kiên của ông

bị gạt ra một bên, và cuộc tấn công ngày 15/8 thất bại như đã được dự báo. Gordon viết trong nhật ký của mình:

> Đấy là kết quả của cách tiến công không đúng lúc và nóng vội. Trong số 4 trung đoàn, 1.500 binh sĩ tử trận cùng một số sĩ quan. Khoảng 9 giờ sáng, Hoàng thượng gọi tôi cùng những sĩ quan khác đến. Tôi chỉ thấy những đôi mắt tức giận và nét mặt buồn bã.

Mùa thu đang đến gần. Pyotr biết rằng mình không thể để đoàn quân nằm dưới hào suốt mùa đông; quân Nga hoặc phải chiếm lấy thị trấn hoặc rút về. Nhưng một cuộc tấn công cuối cùng cũng thất bại. Ngày 12/10/1695, khi tinh thần binh sĩ đang xuống thấp và thời tiết trở lạnh, Pyotr quyết định rút quân. Tuy nhiên, ông có kế hoạch trở lại năm sau qua việc để lại hai lô cốt cùng 3.000 quân trấn giữ.

Chuyến rút quân là một thảm họa, gây tổn thất nặng hơn cả cuộc công phá suốt mùa hè. Trong 7 tuần lễ, quân Nga lê bước trong những cơn mưa qua thảo nguyên, với kỵ binh Tatar luôn truy kích phía sau. Sông suối gây lũ lụt khiến giao thông đường thủy bằng sà lan trở nên nguy hiểm, cỏ đã bị đốt trong mùa hè và giờ bị úng mục, không có gì cho súc vật ăn, và binh sĩ khó tìm củi khô để nhóm lửa sưởi ấm và nấu thức ăn. Nhà ngoại giao người Áo Pleyer đi theo đoàn quân báo cáo về nước câu chuyện tai ương:

> Một số lượng lớn hàng hậu cần, vốn có thể nuôi một đoàn quân lớn, bị hư hỏng vì mưa lũ hoặc chìm theo sà lan xuống đáy sông… Khó mà cầm được nước mắt khi thấy dọc dài cả vùng thảo nguyên năm trăm dặm [800 kilômét] xác người và ngựa nằm la liệt, một phần thịt bị chó

sói ăn; và nhiều ngôi làng đầy rẫy người bị thương, nhiều người trong số này ngã chết sau đó.

Ngày 2/12, đoàn quân về đến Moskva. Bắt chước hành động lúc trước của Sofia và Golitsyn mà chính ông đã kết án, Pyotr tổ chức cuộc diễu hành chiến thắng khi tiến vào thành phố. Ông đi qua đường phố với một tù binh Thổ duy nhất Không ai bị lừa phỉnh, và có lời chê bai cố vấn quân sự người nước ngoài. Làm thế nào một đội quân Chính Thống giáo có thể chiến thắng nếu được người nước ngoài cầm đầu? Lập luận này được củng cố bởi sự kiện là cánh quân của Sheremetyev - hoàn toàn do sĩ quan Nga chỉ huy - đã thành công đáng kể dọc Sông Dniepr. Cùng với kỵ binh Cossack của Mazeppa, cánh quân của Sheremetyev đã tràn ngập hai pháo đài của quân Thổ, khiến quân Thổ trong hai pháo đài khác cũng phải rút lui. Việc này giúp Nga kiểm soát được một vùng rộng từ Sông Dniepr xuống gần đến Biển Đen.

Nhưng thành công của Sheremetyev không thể cứu vãn thất bại của Pyotr. Đội quân "kiểu phương Tây" bị tổn thất nặng nề. Tuy thế dù cho chiến bại này có gây sốc, Pyotr không nản lòng. Ông vẫn quyết tâm trở lại Azov. Không viện dẫn lý do bào chữa, chấp nhận đã thất bại, ông xắn tay áo chuẩn bị cho chiến dịch thứ hai. Ông bị thất bại vì ba khuyết điểm, sự chia rẽ trong cấp chỉ huy, thiếu lực lượng công binh để xây dựng cơ sở hãm thành, và thiếu sự kiểm soát đường sông.

Khắc phục khuyết điểm thứ nhất là dễ nhất: cử một tư lệnh tối cao. Pyotr khắc phục khuyết điểm thứ hai bằng cách yêu cầu Hoàng đế Áo và Vua Brandenburg tiếp viện lực lượng công binh có kinh nghiệm hãm thành. Yếu tố thứ ba là khó nhất: một hạm đội để kiểm soát đường sông. Nhưng

Pyotr nhất quyết thực hiện và ra lệnh đến tháng 5 - trong thời gian năm tháng ngắn ngủi - phải đóng xong 25 chiến thuyền được vũ trang và 1.300 sà lan đi trên sông. Các chiến thuyền không chỉ là thuyền có đáy cạn để đi trên sông, mà phải đủ lớn để bắn hạ được chiến thuyền Thổ ở cửa Sông Don hoặc ngay cả ngoài Biển Azov.

Lệnh đóng thuyền có vẻ như bất khả thi. Không những thời gian cấp bách đến mức khôi hài, mà còn là giai đoạn xấu nhất trong năm: sông và đường sá bị đóng băng, công nhân không thể làm việc lâu ngoài trời buốt giá, không có xưởng đóng tàu, không có thợ đóng tàu lành nghề, không có bến cảng. Người Nga chỉ biết đóng loại thuyền nhỏ, dài 20 mét, ngang 6 mét, ghép gỗ vào nhau mà không dùng đinh, chỉ để đi trên sông xuôi dòng nước, xong chuyến đi rồi thì phá dỡ thuyền để làm củi. Việc đóng chiến thuyền phức tạp hơn nhiều: cần tay nghề, cần dụng cụ, phải làm theo nhiều quy trình kỹ thuật. Thế mà phải hoàn tất mọi thứ trong năm tháng mùa đông!

Nhưng Pyotr lao vào công việc. Ông chọn xưởng đóng tàu ở thị trấn Voronezh trên thượng lưu Sông Don, gần 400 kilômét phía nam Moskva và 800 kilômét phía bắc bờ biển, xung quanh là rừng để lấy gỗ. Pyotr huy động thợ mộc và thợ đóng tàu ở Arkhangelsk, gom nghệ nhân Nga và người nước ngoài khắp nơi, kêu gọi Venice gửi chuyên gia đóng thuyền galê. Một con thuyền đáy cạn được đặt mua từ Hà Lan và vừa đến Arkhangelsk, được xẻ ra làm nhiều mảnh, chở đến Moskva để dùng làm mẫu.

Trong khi Pyotr đang chìm ngập trong công việc khổng lồ, ngày 8/3/1696, Sa hoàng Ivan đột ngột qua đời ở tuổi 29. Ông đã trải qua phần lớn cuộc đời để phục vụ như là biểu tượng của vương quyền, chủ trì nghi lễ, hoặc bị lôi ra phía trước để dàn hòa trong cơn khủng hoảng. Tuy có sự

tương phản giữa Pyotr khỏe mạnh, sinh động và Ivan yếu ớt, thầm lặng, hai người vẫn duy trì mối quan hệ tuyệt vời với nhau. Bằng cách giữ vương quyền, Ivan đã đảm nhiệm thay cho Pyotr nhiều nhiệm vụ chán ngắt để Pyotr có thời giờ đi bắn đại bác và lái thuyền. Giờ Ivan đã ra đi, Pyotr nhận chăm sóc quả phụ của Ivan - Hoàng hậu Praskovaya - và ba con gái của bà. Cảm kích và biết ơn, Praskovaya đã trung thành với Pyotr trong suốt cuộc đời của bà.

Cái chết của Ivan không có ý nghĩa chính trị nào nhưng chính thức đánh dấu địa vị của Pyotr. Bây giờ, Pyotr là Sa hoàng duy nhất, là người trị vì Tối cao duy nhất của đất nước Nga.

Khi trở lại Voronezh, Pyotr thấy tình trạng tấp nập nhưng hỗn loạn. Hàng núi gỗ đã được cắt và kéo đến công xưởng; vài chục con thuyền đang thành hình. Nhưng vấn nạn thì vô số: thợ chuyên môn chưa đến kịp, thợ không chuyên môn bỏ trốn vì thiếu ăn thiếu mặc, thời tiết gây khó khăn… Pyotr lao vào công việc. Ông ngủ trong một căn nhà gỗ gần công xưởng và thức dậy trước bình minh. Ông triệu người chèo thuyền làm việc trên mọi sông hồ xa nhất để điều khiển thuyền galê. Ông thành lập lực lượng hải quân 4.000 người, gom từ nhiều trung đoàn để phục vụ trên các chiến thuyền.

Trong chiến dịch thứ hai này, sẽ không có đạo quân phía tây, còn đạo quân phía đông được tăng gấp đôi. Cùng với 46.000 quân Nga là 20.000 quân Cossack và 3.000 kỵ binh Kalmuck - để đối đầu với kỵ binh Tatar. Tư lệnh chiến dịch là Aleksei Shein, một *boyar* chín chắn. Đô đốc Tư lệnh Hạm đội la Lefort, dù ông này không phải là sĩ quan hải quân. Lần này, Pyotr nhận quân hàm đại tá hải quân thay vì sĩ quan pháo binh.

Ngày 1/5/1696, Nguyên soái Shein bước lên thuyền galê chỉ huy và cho kéo lên hiệu kỳ lớn bằng vải thêu có gắn phù hiệu của Sa hoàng. Hai ngày sau, hạm đội chính gồm thuyền galê và sà lan nhỏ neo xuôi dòng Sông Don[60]. Pyotr lên đường sau với phân đội gồm 8 thuyền galê khinh tốc. Đến cuối tháng, cả hạm đội bắt tay với hai lô cốt của Nga xây năm trước.

Trận chiến lập tức bắt đầu. Ngày 28/5, quân thám thính Cossack báo có 2 tàu chiến lớn của Thổ đang thả neo ở cửa sông. Pyotr quyết định tấn công. Chín thuyền galê được chọn, chở một trung đoàn thiện chiến nhất của Gordon, có 40 thuyền Cossack nhẹ hơn đi theo, mỗi thuyền chở 20 quân. Không quen thuộc với vùng nước lạ và bị ngược gió, thuyền galê Nga bị mắc cạn buộc phải quay về. Pyotr chuyển qua một thuyền Cossack đi tiếp được vì nhẹ hơn, rồi rốt cuộc thấy không phải chỉ có 2, mà là đến 30 thuyền của Thổ kể cả tàu chiến và sà lan. Pyotr trở về, nhưng quân Cossack ở lại gần quân Thổ. Đêm hôm sau, trong khi thuyền viễn dương của Thổ còn đang chuyển hàng tiếp tế lên bờ, quân Cossack tấn công và bắt được 10 chiếc thuyền nhỏ của Thổ. Các thuyền Thổ còn lại tháo chạy ra biển dù chưa giao hàng xong. Đây là lần cuối cùng thị trấn Azov được chi viện.

Ít ngày sau, Pyotr trở lại cửa sông, dẫn theo cả lực lượng 29 thuyền galê an toàn đi qua pháo đài Azov. Bây giờ, thị trấn Thổ bị cô lập, lực lượng nào muốn tăng viện cho Thổ phải đánh xuyên qua hạm đội của Pyotr. Để củng cố vị trí này, Pyotr ra lệnh cho binh sĩ đổ bộ xây hai pháo đài nhỏ đặt đại bác ở cửa sông. Ngày 14/6, một đội thuyền của Thổ xuất hiện và định cho binh sĩ đổ bộ để tân công hai pháo đài Nga, nhưng các thuyền galê của Pyotr nhanh chóng đẩy họ lui. Hai tuần sau, quân Thổ cố thử lần nữa, nhưng cũng bị thuyền galê đẩy lui.

Trong khi ấy, với đường biển nằm trong tầm kiểm soát của Nga và Azov bị cô lập, quân Nga tiếp tục công hãm pháo đài. May mắn cho họ, quân Thổ trong pháo đài Azov không ngờ quân Nga sẽ trở lại sau thất bại năm trước, nên không sửa chữa gia cố thành lũy của họ và cũng không màng phá bỏ sàn công hãm của Nga hoặc lấp đi chiến hào của Nga xây từ năm trước. Quân Nga chỉ việc đào thêm chút ít đất để gia cố công trình của họ. Với quân số gấp đôi năm trước, quân Nga bây giờ có thể bao vây trọn vẹn Azov.

Sau khi đã bố trí pháo binh, Pyotr kêu gọi Tổng trấn Azov đầu hàng với điều kiện danh dự nhưng bị từ chối, bèn ra lệnh cho pháo binh Nga khai hỏa. Trong những ngày kế tiếp, Pyotr chủ yếu sống trên thuyền galê của ông thả neo ở gần cửa sông Don. Khi nhận được tin chiến sự, em gái Natalia lo sợ cho ông, nên viết thư cầu khẩn anh không nên đến gần tầm đạn của quân địch. Pyotr viết trả lời:

> Không phải là anh đến gần mũi tên hòn đạn, mà chúng nó đến gần anh.
>
> Em hãy ra lệnh cho chúng nó ngừng bắn.

Trong lúc ấy, dưới quyền chỉ huy của Gordon 15.000 quân Nga làm việc cật lực để xây sàn công hãm càng ngày càng nâng cao và càng tiến gần đến tường thành của Thổ, cho đến lúc quân Nga đứng trên sàn công hãm có thể trực tiếp bắn vào bên trong tường thành. Công việc được thêm chất lượng nhờ những kỹ sư Áo có kinh nghiệm hãm thành đến chỉ dẫn.

Quân Cossack khinh bỉ việc đào và vác đất đế xây sàn công hãm, nên không đợi lệnh của cấp chỉ huy, khoảng 2.000 quân Cossack từ trên sàn công hãm xông xuống đường phố của thị trấn Azov. Nếu được quân Nga hỗ

trợ, họ đã có thể thành công. Tuy họ bị đánh bật ra, một nhóm nhỏ cố gắng chiếm lấy một tòa tháp trước khi được tăng viện. Ngày hôm sau, Shein ra lệnh tổng tấn công, nhưng trước khi khởi sự, quân Thổ đã báo hiệu đầu hàng. Khi thấy một phần pháo đài của mình đã bị chọc thủng, Tổng trấn Azov chấp nhận những điều kiện danh dự của Nga. Quân Thổ được phép rút lui với tất cả vũ khí và quân dụng, nhưng Pyotr nhất quyết đòi quân Thổ giao nộp Jacob Jensen, người Hà Lan phản bội ông năm trước. Jensen van xin Tổng trấn Azov, nhưng vẫn bị trói giao cho Nga.

Ngày hôm sau, với cờ xí giương cao, quân Thổ đi ra khỏi Azov giữa những hàng lính Nga để lên thuyền của Thổ đã được phép tiến vào. Shein ngồi trên lưng ngựa nơi thuyền Thổ đang đậu. Viên Tổng trấn cảm ơn Shein đã giữ lời hứa, xếp lại tất cả cờ xí để thể hiện ý tôn trọng, rồi lên thuyền ra khơi.

Azov bây giờ là một thị trấn của Nga, và Pyotr lập tức ra lệnh dỡ bỏ mọi công trình hãm thành. Ông ra lệnh gia cố tường thành và xây thêm lô cốt dưới sự giám sát của kỹ sư Áo. Đường phố được quét dọn, còn nhà thờ Hồi giáo được biến cải thành nhà thờ Chính Thống giáo.

Kế tiếp, Pyotr muốn xây dựng một hạm đội mới cho Sông Don. Azov quá xa trên thượng nguồn, còn cửa sông quá cạn chỗ này và quá sâu chỗ kia.

Trong một tuần, Pyotr đi thuyền dọc bờ Biển Azov, rồi cuối cùng xác định vị trí xây một cảng và một pháo đài trên bờ bắc, gần mũi Taganrog, cách cửa Sông Don gần 50 kilômét Taganrog sẽ trở thành căn cứ hải quân thật sự đầu tiên trong lịch sử nước Nga.

Tin chiến thắng Azov khiến cho Moskva kinh ngạc. Lần đầu tiên kể từ thời Sa hoàng Aleksei, quân đội Nga mới có một chiến thắng quân sự. Vinius viết cho Pyotr:

> Khi lá thư của ngài về đến, … Lev Kyrillovich [Naryshkin, bác của Pyotr] vội phái tôi mang thư này đến cho Giáo chủ. Sau khi đọc thư, Ngài Giáo chủ rơi nước mắt, ra lệnh gióng chuông và rồi, với sự hiện diện của Hoàng hậu và Hoàng Thái từ, làm lễ tạ ơn Trên. Mọi người đều kinh ngạc vì hoàng thượng tỏ ra khiêm tốn, sau chiến thắng vĩ đại như thế không tự khoe khoang… mà chỉ ca ngợi thuộc hạ, dù mọi người đều biết rằng đấy là do kế hoạch của một mình ngài…

Ngày 10/10, Sa hoàng về đến Kolomenskoe để hội cùng đoàn quân trở về thủ đô, với hàng ngũ kéo dài nhiều kilômét. Mười tám kỵ binh dẫn đầu, kế tiếp là cô xe dát vàng với 6 ngựa kéo chở người thầy giáo già của Pyotr, Hoàng thân Nikita Zotov, mặc áo giáp, cầm gươm và mộc. Kế tiếp là 14 kỵ binh nữa, rồi đến cỗ xe dát vàng của Đô đốc Lefort, mặc áo choàng màu đỏ và lai áo cần vàng. Kế tiếp là Golovin và Lev Naryshkin, rồi đến 30 kỵ binh mặc áo giáp bạc. Hai đại đội quân kèn đi trước hiệu kỳ của Sa hoàng, được hộ vệ xung quanh bởi quân Cảnh vệ mang giáo. Phía sau hiệu kỳ là tư lệnh chiến dịch Alexis Shein[61], theo sau là 16 cờ của Thổ tịch thu được, cán cờ dốc ngược, lá cờ kéo lê trên mặt đất. Một biểu hiện cảnh cáo nghiêm khắc tiếp theo sau: một cỗ xe nông dân chở con người phản bội Jensen, hai bên là hai tay đao phủ với xung quanh là những rìu, dao, roi và kìm kẹp để cho thấy số phận của Jensen và những kẻ phản trắc sẽ ra sao.[62]

Dân Nga ra đón chào đoàn quân chiến thắng tự hỏi: trong đoàn diễu hành rực rỡ sắc màu, Sa hoàng ở đâu? Họ hết sức ngạc nhiên khi cuối cùng nhận ra Sa hoàng không phải cưỡi trên một con ngựa trắng hoặc ngồi trong một cỗ xe dát vàng dẫn đầu như theo truyền thống, mà đi bộ cùng với những hạm trưởng khác theo sau Đô đốc Francis Lefort. Ông chỉ được nhận dạng nhờ khổ người vượt cao hơn những người xung quanh; thay vì trang phục Nga ông mặc quân phục như là một hạm trưởng Đức. Vị Sa hoàng đi bộ gần 15 kilômét như thế từ Kolomenskoe xuyên qua các đường phố của thủ đô để về đến Preobrazhenskoe.

Tin chiến thắng của vị Sa hoàng trẻ tuổi vang dội khắp Châu Âu, gây ngạc nhiên pha lẫn thán phục. Vinius gửi thư cho Thị trưởng Witsen của Thành phố Amsterdam, yêu cầu ông này chuyển tín thắng trận đến người anh hùng của Pyotr - Vua William III của Anh quốc. Ở Constantinople, tin xấu đưa về làm dấy lên nỗi âu lo. Đoàn quân Thổ chiến bại trở về bị bắt giữ, ba sĩ quan bị hành hình, còn vị Tổng trấn đã chấp nhận đầu hàng đành phải trốn chạy để cứu lấy mạng sông của mình.

Azov chỉ là bước khởi đầu. Nhiều người Nga đã hy vọng sau chiến thắng vĩ đại, lần đầu tiên sau ba thập kỷ, Pyotr sẽ tự mãn mà êm thấm trị vì như người cha Aleksei và người anh Fyodor đã làm, nhưng chẳng bao lâu họ được biết Pyotr còn có kế hoạch và ý tưởng khác. Pyotr muốn xây dựng tàu chiến đích thực cho hải quân, không phải chỉ là thuyền galê đi trên sông như ông đã cho đóng để đi đánh Azov. Chiếm được Azov, nước Nga chỉ mới tiếp cận Biển Azov nhỏ bé, trong khi quân Thổ vẫn kiểm soát Eo biển Kerch giữa Biển Azov và Biển Đen. Để chiếm lấy eo biển này, Pyotr cần một hạm đội viễn dương.

Ngay sau lễ ăn mừng chiến thắng, Pyotr triệu tập Hội đồng *boyar* đến họp ở Preobrazhenskoe để nghe ông thông báo kế hoạch phát triển Azov và Taganrog cùng việc xây dựng hải quân Nga. Ông ban hành một loạt chỉ dụ sau phiên họp lịch sử này. Triều đình sẽ đưa 3.000 gia đình nông dân và 3.000 lính Cấm vệ cùng với vợ con của họ đến cư ngụ ở Azov nhằm phát triển nơi đây thanh căn cứ quân sự, và đưa 20.000 công nhân Ukraina đến Taganrog để xây dựng cảng hải quân. Xưởng Voronezh hiện có sẽ được mở rộng để đóng tàu chiến, và hạm đội này sẽ theo dòng Sông Don xuống đóng tại cảng hải quân mới. Mọi tầng lớp trong xã hội - giáo hội, địa chủ, thương nhân - phải đóng góp chi phí. Triều đình sẽ đóng 10 tàu chiến lớn. Mỗi địa chủ lớn sẽ đóng một tàu. Mỗi tu viện lớn sẽ đóng một tàu. Tất cả phải hoàn thành trong 18 tháng. Triều đình cung cấp gỗ, địa chủ và giáo hội cung cấp mọi thứ còn lại: dây thừng, buồm, đại bác…[63]

Mệnh lệnh của Sa hoàng được thi hành nghiêm ngặt. Ai không tuân theo sẽ bị tịch thu tài sản. Khi thương nhân ở Moskva và những thành phố khác cho rằng 12 tàu phân bổ cho họ là quá nhiều, kiến nghị xin Sa hoàng giảm xuống, họ nhận câu trả lời: phải đóng 14 tàu! Trong nhiều trường hợp, địa chủ và thương nhân không trực tiếp tham gia đóng tàu. Họ chỉ việc trả cho mọi chi phí và thuê thợ đóng tàu người nước ngoài ở Khu Ngoại ô Đức làm việc cho họ.

Chuyên viên đóng tàu từ Tây Âu đổ xô đến, nhưng chỉ là thành phần nòng cốt. Để đóng một hạm đội theo như trù định cần thêm nhiều thợ đóng tàu, cùng đội ngũ hải quân để điều khiển những tàu này. Ít nhất một số này phải là người Nga. Ngày 22/11/1696, vài tuần sau khi công bố chương trình đóng tàu, Pyotr thông báo triều đình sẽ cử 50 người Nga, phần lớn là trai trẻ trong các gia đình quý tộc, đi Tây Âu để học các ngành hàng hải và đóng

tàu. Chính Pyotr soạn thảo chương trình học tập cho họ: hải đồ, la bàn, thực tập trên thuyền nước ngoài, bắt đầu từ trình độ thủy thủ thông thường và, nếu có thể, học lên thành sĩ quan hải quân. Không ai được trở về Nga nếu không có chứng chỉ do đốc công nước ngoài công nhận đã lành nghề.

Mệnh lệnh của Pyotr rót vào những đôi tai kinh hoàng. Vài người được chọn đã kết hôn - Pyotr Tolstoy, người già nhất, 52 tuổi khi phải đi. Ý nghĩ lo sợ phổ biến là họ sẽ phải dứt bỏ vợ con để rồi bị hư người ở Tây Âu. Bậc cha mẹ sợ con cái bị ảnh hưởng tôn giáo xấu, còn các cô vợ sợ nghệ thuật cám dỗ của phụ nữ phương Tây. Và tất cả phải tự bỏ ra chi phí. Nhưng không có cách nào tránh né; họ phải đi. Không ai về nước trở thành đô đốc lẫy lừng, nhưng những năm học tập nơi đất người không phải là uổng phí. Một số trở thành đại sứ, thượng nghị sĩ, học giả. Và 50 người này chỉ là đợt đầu tiên. Trong những năm tiếp theo, nhiều thanh niên - dân thường cũng như quý tộc - được chọn đi nước ngoài để được huấn luyện trong binh chủng hải quân. Kiến thức họ mang về giúp thay đổi nước Nga.

Chương trình đóng tàu lớn lao cho hạm đội Azov và việc cử thanh niên Nga đi du học không phải là những cú sốc lớn nhất cho nước Nga sau chiến thắng của Pyotr. Hai tuần sau khi cử nhóm đầu tiên đi du học, Bộ Ngoại giao ra một thông báo gây thêm cơn địa chấn: Sa hoàng sẽ cử các Đại sứ Đặc mệnh Toàn quyền: Đại tướng-Đô đốc Francis Lefort, Đại tướng Fyodor Golovin và ủy viên Hội đồng Cơ mật Prokofy Voznitsyn đi viếng thăm chính thức Anh, Đan Mạch, Roma, Hà Lan, Brandenburg và Venice.

"Đại Phái bộ Sứ thần", như sử sách gọi[64], gồm hơn 250 người, sẽ đi vắng khỏi Nga trong 18 tháng. Mục đích của đoàn là tạo cơ hội cho thành viên học hỏi từ phương Tây, tuyển dụng sĩ quan, thủy thủ, kỹ sư và đốc công để đóng và điều khiển hạm đội Nga, và cũng để Tây Âu quan sát và

cho biết ấn tượng của họ về các nhà lãnh đạo Nga có mặt trong chuyến đi. Không bao lâu sau khi ra thông cáo, hai tin đồn gần như là khó tin lan truyền khắp Moskva: chính Sa hoàng nước Nga sẽ đi theo Đại Phái bộ Sứ thần; và ông sẽ không đi với tư cách Sa hoàng mà chỉ là một nhân viên của các đại sứ. Sa hoàng Pyotr, thân người cao hơn 2 mét, có kế hoạch vi hành.

58. Eugene Schuyler trong quyển Peter The Great, NXB Kessinger Publishing (2005), ghi rõ đây là Avtemon Mikhailovich Golovin, không phải Fyodor Alekseyevich Golovin, là nhà ngoại giao kỳ cựu. (ND)

59. Theo Jacob Abbott (sách đã dẫn, trang 101) kể chuyện một sĩ quan pháo binh người nước ngoài, vì bất mãn với cách cư xử của tướng lĩnh Nga, đã lén đóng đinh vào tất cả ổ sung đại bác rồi đến đêm mật báo cho quân Ottoman biết. Sáng này sau, quân Ottoman tiến công. Quân Nga vì không thể khai hỏa các khẩu đại bác nên chịu thiệt hại nặng. Quân Ottoman tịch thu rồi tiêu hủy các khẩu đại bác. Các sự việc kế tiếp giống như trong sách này: năm sau Pyotr quyết đòi giao nộp con người phản bội, rồi ra lệnh hành hạ đau đớn trước khi xử tử người này. (ND)

60. Gordon đi theo đoàn thuyền này, còn Golovin chỉ huy bộ binh theo sau. (ND)

61. Sau chiến dịch, Shein được Sa hoàng thăng lên Đại nguyên soái, là quân hàm cao nhất của Nga. (ND)

62. Ba ngày sau lễ diễu hành, giữa một đám đông dự khan, Jansen bị đánh roi, chịu những nhục hình đau đớn khác rồi bị chặt đầu, sau đó cái đầu bị cắm trên một cây cọc. (ND)

63. Theo Ian Grey (sách đã dẫn, trang 414), chỉ dụ của Sa hoàng không chừa một ai. Vị Giáo chủ có 8.761 gia đình nông nô, theo chỉ tiêu ông này phải cung ứng một chiếc thuyền cho 8.000 gia đình nông nô, riêng 761 gia đình còn lại được cộng vào số các gia đình nô bộc của 2 thành trị, 1 tổng giám mục và 12 tu viện để cung ứng một chiếc thuyền khác. Các cận thần của Pyotr cũng phải làm nhiệm vụ tương tự; Pyotr không gia giảm cho một ai. Hơn nữa, địa chủ vào giáo hội cũng phải chịu chi phí bảo dưỡng tàu thuyền, chiếc nào bị hư hại phải chịu chi phí đóng chiếc mới. (ND)

64. Nga văn:…, phiên âm: Velikoye posolstvo. (ND)

HAI ĐẠI PHÁI BỘ SỨ THẦN

12 ĐẠI PHÁI BỘ SỨ THẦN ĐI TÂY ÂU

Kế hoạch cử đi Đại Phái bộ Sứ thần khiến người Nga hết sức kinh ngạc. Chưa bao giờ có một Sa hoàng nước Nga đi ra nước ngoài trong thời bình; chỉ có vài Sa hoàng đi xuyên qua biên giới trong thời kỳ chiến tranh để công hãm một thành phố hoặc truy đuổi một đội quân. Tại sao Sa hoàng này muốn đi? Và nếu ông muốn đi, tại sao phải giấu tung tích?

Nhiều câu hỏi tương tự được đặt ra ở Tây Âu, không phải vì lo lắng mà do kinh ngạc. Lý do nào mà vị quân vương đang trị vì một đất nước bao la, xa xôi cách trở, nửa Âu nửa Á, lại muốn vi hành, khinh thường nghi lễ và từ chối những vinh dự, chỉ hiếu kỳ muốn tìm hiểu mọi thứ? Khi tin tức về cuộc hành trình lan ra, ức đoán càng thêm phong phú. Nhiều người tin rằng Đại Phái bộ Sứ thần chỉ là cái vỏ bọc để Pyotr đi ra nước ngoài mà vui thú một chút chứ chẳng có mục đích nghiêm túc nào. Một số người khác tin nơi lời giải thích của Pyotr rằng ông định làm tròn lời ước nguyện, lúc đi thuyền suýt bị bão đánh đắm, là đến viếng ngôi mộ của Thánh Pyotr ở Roma.

Có lý do nghiêm túc về mặt ngoại giao cho Đại Phái bộ Sứ thần. Pyotr muốn tái xác nhận liên minh chống Đế quốc Ottoman, và nếu có thể thì

củng cố liên minh này. Ông nghĩ việc chiếm Azov chỉ là bước đầu. Với hạm đội mới, ông hy vọng sẽ đánh xuyên qua được Eo biển Kerch để thông ra Biển Đen. Để làm được điều này, ông cần đồng minh đáng tin cậy. Nga không thể một mình chống lại Ottoman. Liên minh đang bị đe dọa tan rã. Vua Sobieski của Ba Lan, người chống Ottoman mạnh mẽ, đã qua đời tháng 6/1696. Sau cái chết của ông, lòng nhiệt tình chống người Thổ đang lịm tắt ở Ba Lan. Hoàng đế Louis XIV có thể gây chiến tranh với Đế quốc Habsburg, nên có thể muốn hòa hoãn với Ottoman. Để củng cố liên minh, Đại Phái bộ Sứ thần cần thăm viếng thủ đô của các nước đồng minh: Warszawa, Wien và Venice. Họ cũng cần thăm viếng Hà Lan và Anh để tìm sự ủng hộ. Chỉ có Pháp - thân với Ottoman và thù địch với Áo, Hà Lan và Anh - là nên tránh. Đại Phái bộ Sứ thần còn cần tìm nguồn nhân lực, mua vũ khí và trang thiết bị cho hải quân Nga, cũng như những loại thiết bị mà Nga có thể sao chép và sản xuất trong nước.

Nhưng các đại sứ của Pyotr có thể tự thực hiện những mục tiêu nghiêm túc trên. Thế thì, tại sao ông muốn đi? Câu trả lời đơn giản nhất dường như là đúng nhất: Ông muốn học hỏi. Ông đã học được nhiều từ người nước ngoài ở Nga. Họ đã dạy ông tất cả những gì họ biết ở Nga, nhưng còn nhiều điều mới lạ hơn ở Tây Âu, và Lefort luôn thúc giục ông nên đi. Ưu tư dai dẳng của ông là xây dựng lực lượng hải quân hùng mạnh, và ông biết rằng Hà Lan và Anh có chuyên gia đóng tàu giỏi nhất thế giới. Ông muốn đi đến hai nước này vốn có lực lượng hải quân và đội thương thuyền làm chủ thế giới, và đến Venice, nơi có kỹ thuật vượt trội trong ngành đóng thuyền galê.

Người hiểu rõ nhất về động lực của Pyotr chính là ông. Năm 1720, Pyotr viết lời đề tựa cho một tờ báo luật hành hải, kể chuyện về mình nhưng theo ngôi thứ ba:

> Ông ấy dốc toàn tâm vào việc đóng một hạm đội… Ông đã cử nhiều người đi Hà Lan và những nước khác để học cách đóng và quản lý tàu thuyền; và vì vị quân vương không muốn bị thua kém thần dân của ông một cách nhục nhã trong ngành nghề này, ông ấy đã tự đi đến Hà Lan; và ở Amsterdam đã cùng với những người tình nguyện khác dốc sức học hỏi về kiến trúc hải quân…

Về quyết định vi hành - được thực hiện bằng lệnh của ông là kiểm duyệt tất cả thư từ gửi ra nước ngoài để giữ bí mật - chủ yếu là để ông được tự do. Ông nôn nóng muốn đi, nhưng ghét nghi lễ rườm rà nếu đi với tư cách quân vương. Bằng cách cử những đại sứ lỗi lạc, ông đảm bảo phái bộ sẽ được đón tiếp trọng vọng; bằng cách giả vờ không có mặt, ông được tự do né tránh thời giờ vô ích của nghi lễ. Khi trọng thị phái bộ, chủ nhà cũng trọng thị Sa hoàng, nhưng người thanh niên tên Pyotr Mikhailov - tên giả của Sa hoàng - có thể đến và đi đâu tùy ý.

Dù cho mục đích của Pyotr xem chừng hạn hẹp, tác động của chuyến đi này trong 18 tháng sẽ vô cùng rộng lớn. Pyotr trở về Nga với quyết tâm cải tổ đất nước theo đường hướng của Tây Âu. Nước Nga cũ, bị cô lập và khép kín, sẽ vươn ra Tây Au và tự cởi mở với Tây Âu. Ảnh hưởng đi theo vòng tròn: Tây Âu ảnh hưởng đến cá nhân Pyotr, Sa hoàng Pyotr ảnh hưởng mạnh mẽ đến nước Nga, và nước Nga một khi đã hiện đại hóa sẽ có tầm ảnh hưởng mới và mạnh hơn đến Tây Âu. Vì thế đối với cả ba - Pyotr, nước Nga và Tây Âu - Đại Phái bộ Sứ thần là một điểm ngoặt.

Tây Âu mà Pyotr chuẩn bị thăm viếng vào mùa xuân năm 1697 bị một người duy nhất chế ngự: Hoàng đế Louis XIV của Pháp. Tầm ảnh hưởng của ông lan rộng khắp cả Châu Âu theo các lĩnh vực chính trị, ngoại giao và

nền văn minh. Trong cả cuộc đời của Pyotr ngoại trừ 10 năm cuối, Louis là người gây ảnh hưởng mạnh nhất toàn Châu Âu. Nếu muốn tìm hiểu về Tây Âu mà Nga muốn vươn đến thì trước nhất phải xét đến vị quân vương này của Pháp.

Dù là người sinh ra để làm hoàng đế, ảnh hưởng của ông tùy thuộc nhiều hơn vào tố chất của ông - cái bản ngã rộng lớn và lòng tự tin tuyệt đối - chứ không phải do thể chất hoặc địa vị cha truyền con nối. Ông có vóc người thấp ngay cả vào thời ấy - chỉ cao có 1,62 mét. Bệnh đậu mùa lúc ông lên 9 để lại nhiều vết sẹo lõm trên đôi má và cằm ông.

Triều đại của ông kéo dài 72 năm, dài nhất trong lịch sử nước Pháp. Ông sinh năm 1638 và lên ngôi khi mới 4 tuổi. Lúc ấy, mẹ ông làm Phụ chính. Khi lên 9, sau những cuộc nổi loạn khiến ông được dẫn đi ẩn náu khỏi thủ đô Paris, ông cảm thấy bị sỉ nhục và nhất quyết muốn tự chủ, không để ai chi phối như Hồng y Richelieu chi phối cha ông và Hồng y Mazarin chi phối mẹ ông. Cũng từ đây trở về sau, ông có ác cảm với Paris và không bao giờ muốn trở lại thành phố này.

Louis XIV luôn là con người của dã ngoại. Trong những năm đầu, ông cùng với quần thần di chuyển qua lại giữa những cung điện hoàng gia bên ngoài Paris. Năm 1866, ông chọn địa điểm của cung điện cho riêng ông, cách Paris 20 kilômét về hướng tây, rồi ra lệnh thi công. Ông huy động 36.000 công nhân, thêm 6.000 ngựa để chuyên chở vật liệu xây dựng. Thương vong của công nhân khá cao. Hằng đêm, xe goòng đi nhặt xác chết do tai nạn nghề nghiệp. Hàng chục người chết mỗi tuần vì sốt rét. Năm 1682, Điện Versailles hoàn thành, trở thành một cung điện hoàng gia vĩ đại nhất thế giới. Điện Versailles không có thành lũy: vị Hoàng đế đã xây hoàng cung trị vì không được che chắn, giữa đồng trống, để chứng tỏ một đấng

quân vương đủ quyền lực không cần đến hào nước và tường thành để bảo vệ người sống bên trong.[65]

Phía sau mặt tiền dài hơn 300 mét là những gian phòng công cộng, phòng hội đồng, phòng đọc sách, phòng riêng cho hoàng gia, nhà nguyện riêng, không kể những hành lang, cầu thang, tủ âm tường, nhà bếp… Nghệ thuật trang trí là sự tổng hợp những tinh hoa nghệ thuật từ thời đế chế La Mã. Những tấm trần cao và cánh cửa lớn khắp cung điện được trang trí bằng phù điêu hoặc môtíp biểu hiện vị thế quyền uy và độc tôn của chủ nhân công trình này. Những bức tường được phủ bằng vải nhung in hoa văn, được lát bằng đá hoa cương hoặc có treo những tấm thảm thêu, những màn cửa sổ bằng nhung thêu vào mùa đông và bằng lụa in hoa vào mùa hè. Trong phòng ngủ của Louis treo bức họa *Mona Lisa*[66].

Các khu hoa viên quanh Điện Versailles có hàng triệu cây hoa, cây bụi và cây thân gỗ, được sắp đặt một cách chính xác về hình học giữa những đại lộ, thành đất, đường dốc lên xuống, cầu thang, ao, hồ, vòi phun nước. Các vòi phun nước, với 1.500 tia nước bắn lên từ những hồ hình bát giác, khiến cho cả thế giới phải ganh tỵ. Nhà Vua đặc biệt thích hoa tulip; mỗi năm 4 triệu củ tulip được nhập khẩu từ Hà Lan (khi Pháp không có chiến tranh với nước này) để biến cả khu hoa viên thành một vườn rực rỡ sắc màu trong mùa xuân.

Đứng kế bên khung cửa sổ cao của Điện *Galeries des Glaces* (“Sảnh phòng Thủy tinh”), nhà Vua có thể nhìn thấy con kênh *Grand Canal* dài khoảng 2 kilômét, là nơi nhà Vua đi thuyền buồm và hoàng gia được thuyền chèo đưa đi ngoạn cảnh trong khi dàn nhạc của hoàng cung ngồi trên một chiếc bè gần đấy lấp đầy không trung với âm thanh réo rắt.

Versailles trở thành biểu tượng của vị thế giàu có và quyền lực của đế chế hùng mạnh nhất Châu Âu. Trên toàn lục địa, những quân vương khác - kể cả người đang có chiến tranh với Pháp - thể hiện tình thân hữu, lòng ganh tỵ và thách đố họ bằng cách xây cung điện theo mẫu Versailles. Mỗi quân vương đều muốn xây một Versailles cho riêng mình. Ngay cả những đại lộ dài và hoành tráng ở thủ đô Washington DC của Mỹ, được quy hoạch 100 năm sau, cũng do một kiến trúc sư người Pháp thiết kê tổng thể theo mẫu Versailles.

Louis XIV yêu thích Versailles, và khi có khách mời đặc biệt, đích thân ông dẫn họ đi tham quan cung điện và các khu hoa viên. Nhưng cung điện không chỉ là một kiên trúc lộng lẫy để vui thú; nó còn phục vụ mục đích chính trị nghiêm túc. Tư tưởng của nhà Vua dựa trên sự tập trung quyền lực vào tay của quân vương, mà Versailles là một công cụ. Không gian bao la của cung điện tạo thuận lợi cho nhà Vua triệu đến tất cả các nhân vật quý tộc quan trọng của nước Pháp. Bên trong Versailles, khi quyền hành xa khỏi tầm tay, giới quý tộc Pháp trở thành vật tô điểm - chứ không phải đối thủ - của Hoàng đế Pháp.

Louis thích đi săn. Mỗi ngày khi thời tiết tốt, ông đi vào rừng với cây gươm hoặc giáo trên tay, theo sau là bầy chó. Mỗi buổi tối đều có âm nhạc và khiêu vũ. Mỗi tối Thứ Bảy đều có dạ vũ lớn. Những bữa tiệc đều cực kỳ thịnh soạn. Vua Louis ăn gấp đôi người thường. Tuy các cháu của ông được dạy phép ăn uống lịch sự bằng nĩa, nhưng khi chúng được ngồi ăn cùng ông, chúng bị ông cấm dùng nĩa, vì ông tuyên bố "Ta chưa từng trong đời dùng thứ gì để ăn ngoại trừ con dao và các ngón tay của ta."

Đại tiệc chính ở Versailles là đại tiệc của tình yêu. Cung điện bao la với nhiều gian phòng không đánh số để lẻn vào, những hàng cây đan chéo nhau

đế khuất lấp, những bức tượng có thể che giấu người phía sau - tất cả đều có thể tạo không gian cho người ta hành sự. Trong việc này, cũng như trong mọi việc khác, nhà Vua đều là người khởi xướng. Louis XIV vẫn duy trì bổn phận trong hôn nhân, mỗi đêm đều tìm đường trở về giường của Hoàng hậu, đều đặn làm tình với bà mỗi tháng hai lần. Thị thần luôn biết được những trường hợp này khi Hoàng hậu đi xưng tội ngày hôm sau với đôi mắt long lanh một cách đặc biệt. Nhưng Hoàng hậu không đáp ứng đủ cho ông. Louis là người có bản năng mạnh, luôn quan hệ với phụ nữ khi có cơ hội trước mặt. Cung đình có đầy phụ nữ đẹp, phần lớn đã có chồng nhưng vẫn còn có tham vọng, vẫn muốn dễ dãi. Có ba người lần lượt được phong tước Cung phi, nhưng đấy chỉ là phần nổi của tảng băng, dù quan hệ giữa Louis và Phu nhân de Montespan kéo dài 12 năm và sinh ra 7 đứa con.

Mỗi khi Hoàng đế chọn ai thì triều đình đều tôn vinh người ấy. Các nữ công tước đều đứng lên chào khi một người tình mới của ông bước vào gian phòng. Năm 1676, khi Louis cầm quân đánh trận, ông dẫn theo Hoàng hậu, thêm hai quý phi Louise de la Vallièra và Phu nhân de Montespan lúc ấy bụng đã mang thai khá to. Cả ba phụ nữ ngồi chung cỗ xe để đi theo đoàn quân. Lều chiến trường của Louis được làm bằng lụa Trung Hoa và có 6 gian phòng, kể cả 3 phòng ngủ. Đối với Hoàng đế Pháp, chiến tranh không phải lúc nào cũng gian khổ.

Ngay cả trong nước Pháp, không phải ai cũng xem ông là vị quân vương có đức độ, uy nghi. Nhiều người nhận thấy ông thiếu quan tâm đến người khác: ông có thể ra lệnh cho cỗ xe của mình chạy suốt 5 hoặc 6 tiếng đồng hồ dù cho có cung phi hoặc người tình đang mang thai cùng đi, thậm chí còn không muốn dừng lại để người phụ nữ đồng hành giải tỏa cơn bức bách sinh học tự nhiên. Ông không màng gì đến dân thường: những người

cố trình bày về hoàn cảnh nghèo khổ do chiến tranh của ông gây ra đều bị đuổi đi cho khuất mắt ông. Ông có thể nhẫn tâm: khi có tin phong thanh về âm mưu phản loạn, 36 người bị tra tấn và chết thiêu trên giàn hỏa. Trong triều đình vẫn truyền miệng nhau về câu chuyện "Người mang Mặt nạ sắt" mà chỉ nhà Vua biết tung tích, bị giam giữ cô độc suốt đời.

Bên ngoài nước Pháp, không mấy người xem Louis XIV là có lợi cho mình. Đối với người Tin Lành, ông là người Thiên Chúa giáo chuyên chế tàn bạo và hung hăng.

Công cụ cho những cuộc chiến tranh của Hoàng đế Louis XIV là quân đội Pháp, với số quân 150.000 vào thời bình và 400.000 trong thời chiến. Bản thân Louis XIV không có kinh nghiệm chiến trường, nhưng ông là nhà chiến lược và quản lý quân sự tài ba. Kiêm nhiệm chức vụ Bộ trưởng Chiến tranh, nhà vua bàn luận về vĩ mô chiến lược với các tướng lĩnh dày dạn trận mạc của ông, rồi chỉ đạo các hoạt động cung ứng quân nhu, tuyển quân, huấn luyện, tình báo quân đội… Theo thời gian, uy tín của Louis XIV và của nước Pháp dâng cao mỗi năm. Quân đội Pháp trở nên đáng sợ nhất Châu Âu. Vẻ lộng lẫy của cung điện Versailles dấy lên lòng ngưỡng mộ và ganh tỵ của thế giới. Tiếng Pháp trở nên ngôn ngữ phổ cập trong ngoại giao, xã hội và văn học. Dường như bất kỳ việc gì - mọi việc - đều khả thi, nếu dưới văn bản chỉ thị có mang chữ ký cao to, nguệch ngoạc "Louis."

Vào thời của Đại Phái bộ Sứ thần, khoảng cách biệt giữa Nga và Tây Âu dường như còn xa hơn bất kỳ thứ gì có thể đo được, nếu xét theo số thương thuyền hoặc kỹ thuật quân sự. Theo ý nghĩ của người phương Tây, nước Nga có vẻ tối tăm và còn ở trong thời kỳ trung cổ. Họ không biết đến hoặc chê bai kiến trúc huy hoàng, tượng thánh, nhạc nhà thờ và nghệ thuật dân gian của Nga; trong khi - ít nhất đối với người có học thức - Tây Âu ở

thế kỷ 17 được xem dường như là một cộng đồng sáng chói, hiện đại. Những thế giới mới được khám phá không chỉ xuyên đại dương mà còn trong khoa học, âm nhạc, nghệ thuật và văn học. Những công cụ mới nhằm đáp ứng những nhu cầu thực tiễn đang được phát minh. Nhiều thành quả trở nên thiết yếu cho con người ngày nay - kính viễn vọng, kính hiển vi, nhiệt kế, áp suất kế, la bàn, đồng hồ, nến, đèn chiếu sáng công cộng - đều xuất hiện lần đầu tiên trong thời kỳ này.

Các nhà khoa học Tây Âu - không còn bị bắt buộc phải tuân phục sự răn đe của tôn giáo - đang vươn lên, rút kết luận từ sự kiện được quan sát, không thu hẹp kết quả chỉ vì định kiến. Descartes, Boyle và Leeuwenhoek viết báo cáo khoa học về hình học tọa độ - sự tương quan giữa thế tích, áp suất và mật độ của khí, và thế giới lạ kỳ có thể được nhìn qua kính hiển vi phóng đại 300 lần. Những đầu óc có sáng kiến tài ba nhất làm việc trong nhiều lĩnh vực đa dạng; chẳng hạn Gottfied von Leibniz, đã tìm ra tích phân và vi phân, cũng mơ đến những mô hình xã hội và chính phủ hoàn toàn mới; trong nhiều năm ông sẽ theo đuổi Sa hoàng với hy vọng được dùng nước Nga như là phòng thí nghiệm khổng lồ cho ý tưởng của mình.

Đầu óc khoa học vĩ đại nhất trong thời đại này - bao trùm toán học, vật lý, thiên văn học, quang học, hóa học và thực vật học - thuộc về Isaac Newton. Sinh năm 1642, Nghị viên đại diện cho Cambridge, được phong hiệp sĩ năm 1705, ông đã 55 tuổi khi Pyotr đến Anh, 10 năm sau khi công bố công trình vĩ đại nhất của mình: định luật về vạn vật hấp dẫn.

Với cùng đam mê khám phá, người Tây Âu vào thế kỷ 17 đang vượt đại dương để khai phá và tạo dựng những khu dân cư mới. Tây Ban Nha cai trị phần lớn Nam Mỹ và nhiều vùng Bắc Mỹ. Những quần cư của Anh và Bồ Đào Nha đã được thành lập ở Ấn Độ. Quốc kỳ của vài nước Tây Âu đã bay

trên những khu dân cư mới ở Bắc Cực. Thuộc địa của Pháp kéo dài từ Quebec đến Montreal của Canada; người Pháp đã vượt qua Ngũ Đại hồ[67] để đến trung tâm của nước Mỹ. Năm 1672, năm sinh của Pyotr, Jacques Marquette khai phá vùng đất xung quanh Chicago. Năm sau, ông và Cha Louis Jolliet đi xuôi dòng Sông Mississippi cho đến Arkansas. Năm 1686, khi Pyotr đang đi thuyền trên Sông Yauza, vùng hạ lưu con sông vĩ đại được đặt tên Louisiana để tôn vinh Louis XIV.

Những khu định cư của Anh nằm rải rác ven bờ Đại Tây Dương từ Massachusetts đến Georgia thì thu hẹp, có mật độ cư dân đông hơn, và vì thế vững vàng hơn trong những giai đoạn tranh chấp lãnh thổ. Vùng dân cư mới của Hà Lan - ở các bang New York, New Jersey và Delaware - rơi vào tay Anh sau các cuộc hải chiến trong các thập kỷ 1660 và 1670. Vào thời của Đại Phái bộ Sứ thần, New York, Philadelphia và Boston của Mỹ là những thành phố phát triển với dân số mỗi nơi lên đến 30.000.

Nhưng con người trong thế kỷ 17 vẫn phải đấu tranh để sinh tồn. Cuộc sống không những khốn khó mà còn ngắn ngủi. Trong số 5 đứa con của Louis XIV và Hoàng hậu Maria Theresa, chỉ có một sống sót. Hoàng hậu Anne của Anh nỗ lực sinh một người kế vị ngai vàng, sinh nở 16 lần, nhưng không đứa trẻ nào sống quá 10 tuổi. Pyotr Đại đế và Hoàng hậu Ekaterina sinh 12 đứa con, nhưng chỉ có hai công chúa - Anna và Elizaveta - lớn đến tuổi trưởng thành. Ngay cả Hoàng đế Louis XIV trong vòng 14 tháng bị mất đứa con trai duy nhất, đứa cháu nội trưởng và đứa chắt trưởng - tất cả đều có thể là hoàng đế nước Pháp - do bệnh sởi.

Thật ra, suốt thế kỷ 17 dân số của Tây Âu bị giảm. Năm 1648, dân số ước lượng là 118 hiệu; năm 1713 còn khoảng 102 triệu. Nguyên nhân chủ yếu là những trận đại dịch thỉnh thoảng quét qua toàn lục địa. Bệnh dịch

hạch gây tai ương lớn nhất. Ở London năm 1665, 100.000 người chết; chín năm trước đó ở Naples, 130.000 người. Stockholm mất đi một phần ba dân số trong giai đoạn 1710-1711, còn Marseilles mất phân nửa dân số trong các năm 1720-1721. Mất mùa và nạn đói tiếp theo làm hàng trăm nghìn người chết. Một số chết trực tiếp do thiếu ăn, phần lớn chết do bệnh tật vì suy dinh dưỡng khiến họ mất sức đề kháng. Tình trạng vệ sinh yếu kém, thêm bệnh sốt rét, thương hàn và tiêu chảy của trẻ em là những nguyên nhân khác gây tử vong lớn. Bệnh đậu mùa cũng tràn lan. Hoàng đế Louis XIV của Pháp và Vua Karl XII của Thụy Điển đều mang vết sẹo do bệnh đậu mùa. Đến năm 1721 mới có thuốc chủng ngừa đậu mùa.

Số ít ỏi người Nga có dịp đi ra thế giới hiện đại thế kỷ 17 như thế - với tất cả hào quang và tai ương - không khỏi choáng váng, giống như những sinh vật từ trong bóng tối bị dắt ra ngoài ánh nắng. Họ không tin hoặc không chấp nhận những gì họ thấy. Triều đình Nga luôn miễn cưỡng tiếp nhận đại sứ đến nhậm chức ở Moskva. Những sứ quán này "chỉ gây hại cho Nga và lôi kéo Nga đi theo nước khác" - một trong các đại thần của Sa hoàng Aleksei đã giải thích như thế. Và triều đình Nga cũng có thái độ khinh bỉ pha lẫn nghi kỵ trong việc cử đại sứ ra nước ngoài. Sứ thần Nga chỉ lên đường khi có lý do thiết yếu. Dù thế các sứ thần thường không hiểu gì về nước ngoài, biết rất ít về chính trị hoặc văn hóa Tây Âu và chỉ nói được tiếng Nga. Có mặc cảm yếu kém, họ thường bù đắp bằng cách chú trọng đến nghi lễ, chức tước và cách xưng hô. Họ đòi hỏi được chuyển thông điệp của Sa hoàng nước Nga đến chính tay quân vương nước ngoài. Họ còn đòi hỏi khi quân vương nước ngoài tiếp kiến họ phải chính thức vấn an sức khỏe của Sa hoàng, và trong khi vấn an phải đứng dậy và bỏ mũ ra. Đương nhiên là Louis XIV hoặc ngay cả hoàng thân của các công quốc nhỏ

đều không mấy hào hứng với nghi lễ như thế. Khi quân vương của nước chủ nhà bị xúc phạm và đề nghị sứ thần của Nga tuân theo cung cách Tây Âu, sứ thần Nga đáp trả một cách lạnh lùng: "Cung cách của người khác không phải là mẫu mực của chúng tôi."

Ngoài dốt nát và tự kiêu, sứ thần Nga còn cứng nhắc trong hành xử. Khi đàm phán, họ không đồng ý bất kỳ việc gì trừ phi việc ấy đã được dự kiến và chấp nhận trước qua chỉ thị giao cho họ. Khi gặp bất kỳ việc gì mới dù không mấy quan trọng, họ đều xin chỉ thị từ Moskva tuy phải mất nhiều tuần chờ đợi trong khi liên lạc viên phi ngựa về. Vì thế, ít có triều đình nước ngoài nào phấn khởi được tiếp phái bộ Nga, còn quan chức ngoại giao nước chủ nhà có nhiệm vụ tổ chức đón tiếp họ thì nghĩ rằng mình thật vô phúc.

Đấy là trường hợp xảy ra năm 1687, khi Phụ chính Sofia cử Hoàng thân Yakov Dolgorukov[68] dẫn đầu một phái bộ đi Hà Lan, Pháp và Tây Ban Nha. Hà Lan tiếp đãi họ một cách chu đáo, nhưng ở Pháp mọi việc đều rối rắm. Liên lạc viên của Nga, được cử đi Paris trước, từ chối trao công văn cho bất kỳ ai ngoại trừ cho chính tay Hoàng đế Pháp. Vì thế ngay cả Bộ trưởng Ngoại giao Pháp vẫn không thể tiếp nhận công văn từ anh người Nga sắt đá; anh ta phải quay về mà không ai ở Paris được đọc công văn anh mang theo.

Nhưng phái bộ Nga vẫn rời Hà Lan để đi Pháp. Khi đến biên giới Pháp ở Dunkerque, hải quan Pháp niêm phong tất cả hành lý của họ với lý do để cấp cao hơn ở Paris khám xét. Bên Nga hứa sẽ không đụng đến niêm phong, nhưng khi đến ngoại ô Paris họ tháo niêm phong, mở hành lý lấy nhiều món ra bày bán. Việc làm ăn đang tấp nập thì quan chức Pháp đến, lấy làm kinh tởm cho rằng nhân viên ngoại giao Nga đã quên địa vị của mình, hành động như con buôn mà không giữ thế diện cho Sa hoàng của họ.

Vấn đề ở chỗ, các phái bộ ngoại giao Nga không được lĩnh lương, hoặc lương quá thấp. Triều đình chỉ cấp cho họ một số sản phẩm (thường là lông thú được ưa chuộng ở Tây Âu) để họ bán lấy tiền chi dùng khi đi công cán.

Phái bộ Nga được Hoàng đế Pháp tiếp đãi, tình hình đang thuận lợi cho đến lúc nhân viên hải quan Pháp đến nhà họ đòi khám xét hành lý. Bên Nga từ chối, rồi cảnh sát Pháp đến, dẫn theo thợ phá ổ khóa. Phái bộ Nga giận dữ, lớn tiếng lăng mạ, và một đại sứ đã rút dao ra. Vì thế nhân viên Pháp rút lui, trình vụ việc lên Hoàng đế. Louis XIV tức giận ra lệnh phái bộ rời đất Pháp, bảo họ mang về các món quà mà hai Sa hoàng gửi cho ông. Các đại sứ Nga từ chối ra về, đòi được yết kiến Hoàng đế trước. Bên Pháp mang đi mọi đồ nội thất trong ngôi nhà mà phái bộ đang ngụ và cắt tiếp tế thực phẩm. Sau một ngày, bên Nga nhượng bộ, van nài được yết kiến, cho biết nếu mang về quà của hai Sa hoàng họ sẽ bị chém đầu. Lần này, họ ngoan ngoãn cho bên Pháp khám xét hành lý và chịu đàm phán với quan chức Pháp cấp thấp với điều kiện Hoàng đế chịu tiếp họ. Hai ngày sau, Hoàng đế Pháp mời họ đến dùng bữa tối ở Điện Versailles và đích thân dẫn họ tham quan hoa viên. Các đại sứ Nga mê mẩn đến nỗi từ chối ra về, tưởng tượng ra đủ lý do để kéo dài chuyến thăm viếng.

Tuy nhiên, khi về đến Nga, họ lớn tiếng than phiền rằng đã bị đối xử một cách tệ hại. Triều đình Nga cảm thấy tổn thương sau vụ rắc rối ngoại giao này, và đây là một yêu tố khiến cho quan hệ giữa Nga và Pháp xấu đi. Hơn nữa, việc Pháp hỗ trợ Ottoman trong khi Nga đang có chiến tranh với Ottoman đã ảnh hưởng đến quyết định của Pyotr không đi đến Pháp.

Vì thế, khi Đại Phái bộ Sứ thần chuẩn bị rời Nga, không có dự kiến viếng thăm vị quân vương vĩ đại nhất của Tây Âu, và điều đáng tiếc cho cả

lịch sử cùng truyền thuyết là hai quân vương ngoại hạng của thời kỳ này - Pyotr Đại đế và Hoàng đế Louis XIV - đã không gặp nhau.

65. Điện Versailles đã được công nhận là Di sản Văn hóa Thế giới. (ND)

66. Hiện nay bức họa nổi tiếng này được trưng bày trong Viện Bảo tang Louvre ở Pháp. (ND)

67. Anh ngữ: Great Lakes, là 5 hồ nước ngọt lớn nằm giữa Canada và Mỹ. (ND)

68. Chính trong chuyến đi này, Yakov Dolgorukov mang về cho Pyotr 15 tuổi một kính lục phân như đã miêu tả trong Chương 6. (ND)

13 "KHÔNG THỂ NÀO MÔ TẢ ÔNG ẤY"

Sa hoàng nước Nga cử Lefort - giò là Tổng trấn Novgorod và Đô đốc - dẫn đầu Đại Phái bộ Sứ thần với chức vụ Đại sứ thứ nhất. Hai đại sứ kia là người Nga: Fyodor Golovin, Thống đốc Siberia, và Prokofy Voznitsyn, Tổng trấn Bolkhov. Golovin là một trong những nhà ngoại giao chuyên nghiệp đầu tiên của Nga, còn Voznitsyn cũng từng làm sứ thần đi một số nước.

Đi theo ba Đại sứ là 20 nhà quý tộc và 35 "tình nguyện viên" trẻ, được cừ đi học các ngành đóng tàu và hàng hải. Nhiều người trong số này là bạn hữu của Pyotr từ thời tập trận giả ở Preobrazhenskoe, đóng tàu ở Pereslavl, các chuyến đi Arkhangelsk và chiến dịch Azov. Nổi bật nhất là hai người bạn thời tuổi trẻ: Andrei Matveyev (con trai của Artamon Matveyev) và Aleksandr Menshikov. Ngoài ra, còn có người hầu, tu sĩ, thư ký, thông dịch viên, nhạc sĩ, ca sĩ, đầu bếp, người đánh xe ngựa, binh sĩ cảnh vệ… Và đâu đấy trong hàng ngũ là một thanh niên có vóc người thật cao mà người khác chỉ gọi anh là Pyotr Mikhailov. Nếu thành viên nào của đoàn gọi anh theo cách khác, hoặc tiết lộ rằng anh là Sa hoàng, hoặc ngay cả nói rằng Sa hoàng đi cùng đoàn, người ấy sẽ bị tử hình.

Để cai trị nước Nga khi Sa hoàng vắng mặt, Pyotr thành lập một hội đồng phụ chính gồm ba người. Hai người đầu là ông bác Lev Naryshkin và Hoàng thân Boris Golitsyn, hai người lớn tuổi trung thành và đáng tin cậy, đã làm cố vấn cho mẹ ông và lèo lái phe của ông trong cuộc khủng hoảng với Sofia. Người thứ ba là Pyotr Prozorovsky, Giám đốc Kho bạc. Theo danh nghĩa là dưới ba người kia nhưng trên thực tế tương tự như phó vương, là Hoàng thân Fyodor Romodanovsky, Tổng trấn Moskva, chỉ huy bốn lữ đoàn Cảnh vệ, cầm đầu "Đám Quậy". Được giao quyền hạn trong tất cả vụ việc quân sự và dân sự, ông này nhận lệnh phải có biện pháp mạnh nhất để kiên quyết đối phó với mọi âm mưu phản loạn.

Một ngày trước khi lên đường, lúc đang vui vẻ dự tiệc ở tư dinh của Lefort thì Pyotr nhận một tin đáng lo. Ba người bị bắt vì bị kết tội âm mưu sát hại Pyotr: một lữ đoàn trưởng Cấm vệ là đại tá Ivan Tsykler và hai *boyar*. Chứng cớ không rõ ràng. Trong cuộc khủng hoảng lúc trước, Tsykler là một trong những sĩ quan đầu tiên của Sofia đi đến Troitsky để gia nhập phe của Pyotr. Ông đã trông mong được tưởng thưởng; thay vào đấy, ông đang được điều đi Azov. Có thể ông đã công khai thốt ra lời bất mãn. Hai *boyar* kia có tính ăn nói thẳng thắn, nằm trong số những người than phiền cung cách cá nhân và đường hướng trị vì của Pyotr: bỏ rơi Hoàng hậu, giao du với người nước ngoài; hạ thấp vị thế của Sa hoàng khi đi bộ trong cuộc diễu hành mừng chiến thắng Azov, bây giờ đang bỏ rơi nước Nga để đi Tây Âu…

Không may là những lời càu nhàu này đã chạm đến điểm nhạy cảm của Pyotr: Một lần nữa, Cấm vệ lại can dự vào hành động phản loạn.[69] Nỗi ngờ vực và căm ghét của ông sôi sùng sục. Cả ba người bị hành quyết một cách ghê rợn trên Quảng trường Đỏ, bị chặt hai tay, hai chân rồi đến đầu. Nỗi lo

sợ rằng đây có thể là bước đầu trong việc khôi phục dòng họ Miloslavsky đã khiến Pyotr có hành động khủng khiếp. Quan tài của Ivan Miloslavsky, người đã chết 14 năm trước, được đặt trên một xe trượt tuyết cột vào một bầy heo kéo vào Quảng trường Đỏ. Quan tài được mở ra, để máu của ba tử tội vương vãi trên mặt của xác chết.

Năm ngày sau cảnh man rợ ấy, ngày 20/3/1697, Đại Phái bộ Sứ thần lên đường để học hỏi nền văn minh của phương Tây. Trong số hành lý cồng kềnh mang theo là một lượng lớn da chồn Nga dùng để trả cho các chi phí khi không có đủ vàng hoặc bạc.

Vượt qua biên giới, Đại Phái bộ Sứ thần đi đến Tỉnh Livonia của Thụy Điển. Điều không may là Tổng trấn Thành phố Riga của Thụy Điển - Eric Dahlberg - không hề được chuẩn bị để đón tiếp một đoàn nước ngoài đông đảo đến thế, nhất là lại có một khách quý giàu tung tích. Tổng trấn Pskov, thành phố của Nga gần Thụy Điển nhất, có phần lỗi trong vụ này: ông được lệnh thông báo trước cho phía Thụy Điển về phái bộ, nhưng quên nói rõ số lượng khách và sự hiện diện của Sa hoàng đang vi hành.[70] Dahlberg có thư phúc đáp chính thức nói rằng sẽ làm tất cả có thể được "với tình hữu nghị lân bang". Tuy nhiên, ông vạch ra rằng sự đón tiếp cần thiết phải bị hạn chế bởi vì vụ mùa thất bát khiến cho tỉnh của ông đang lâm vào cảnh đói kém. Điều tệ hại hơn nữa là sự liên lạc điều phối chệch choạc giữa hai bên. Dahlberg phái những cỗ xe được kỵ binh hộ tống ra biên giới để đón đoàn Nga theo quy tắc ngoại giao. Vì lẽ những nhân vật quan trọng kể cả Pyotr đã đi trước đoàn chính, họ không được đón tiếp đúng cách như thế. Ngay bên ngoài Riga, khi đoàn xe tiếp đón và đội hộ tống bắt kịp các đại sứ, phía Thụy Điển mở cuộc đón tiếp thứ hai và tổ chức một lễ diễu hành quân sự để bù lại.

Nếu chỉ có thế và nếu Pyotr có thể đi qua Sông Dvina[71] như lịch trình dự kiến, tình hình sẽ ổn. Nhưng đoàn đi vào đầu xuân khi băng vừa tan, nước dâng lên dưới chân tường thành. Không có cầu, và thuyền không thể đi qua những tảng băng trôi. Đoàn phải chờ đợi trong bảy ngày.

Riga, thủ phủ của Livonia, nằm gần thành phố Pskov của Nga nhưng hoàn toàn khác biệt. Pháo đài ở đây có kiến trúc hiện đại, được xây dựng theo kỹ thuật Tây Âu mới nhất để phòng thủ vị trí chiến lược quan trọng của Thụy Điển. Pyotr nhân cơ hội này đi xem xét, đo đạc, ghi chú chi tiết của tòa pháo đài với kết cấu kiên cố hơn nhiều những gì ông đã thấy ở Nga và Azov.

Pyotr xem mình chỉ là người đi tìm tòi học hỏi, nhưng phía Thụy Điển lại cho rằng ông có ý khác. Họ hẳn vẫn còn nhớ cha của ông đã đến tấn công pháo đài này chỉ mới 40 năm trước. Pháo đài mà ông đang xem xét và đo đạc tì mỉ như thế đã được xây lên với mục đích đặc biệt là để bảo vệ thành phố chống lại quân Nga và ngăn chặn Nga tiến ra Biển Baltic. Vì thế, cảnh tượng một người có vóc dáng cao lớn đang đứng trên mặt tường thành cầm trong tay giấy ghi chép, bản phác họa và thước đo là đáng ngờ. Ngoài ra, còn có vấn đề do ông giấu tung tích. Một lính canh Thụy Điển trông thấy anh trai trẻ người nước ngoài đang ghi những chi tiết về pháo đài vào một quyển sổ, nên ra lệnh cho người lạ mặt phải rời đi. Vị Sa hoàng từ chối và vẫn tiếp tục công việc. Người lính Thụy Điển nâng khẩu súng lên, dọa bắn ông. Pyotr giận dữ, xem đấy là cử chỉ thiếu mến khách. Trên cương vị Đại sứ thứ Nhất, Lefort phản đối với Dahlberg. Ông này xin lỗi; bên Nga chấp nhận và yêu cầu bên Thụy Điển không trừng phạt người lính canh.

Tuy thế, mối quan hệ giữa hai bên xấu thêm. Dahlberg ở vào tình thế khó khăn. Đại Phái bộ Sứ thần không viếng thăm chính thức triều đình

Thụy Điển và Sa hoàng không muốn phía Thụy Điển cử hành nghi lễ quá mức. Vì thế Dahlberg chỉ xử sự theo cung cách lịch sự đúng mực dành cho đại sứ của một nước láng giềng. Không có trình diễn ca múa, ảo thuật, yến tiệc, pháo bông - những thứ mà Pyotr ưa thích. Vị chỉ huy Thụy Điển cứng nhắc, lạnh lùng sau đấy rút lui - mà phía Nga cho là ông phớt lờ họ. Hơn nữa, vì đoàn không phải viếng thăm Thụy Điển mà chỉ quá cảnh qua lãnh thổ Thụy Điển, nên thông lệ ngoại giao không bắt buộc Thụy Điển phải chịu chi phí. Phía Nga phải tự bỏ tiền ra lo việc ăn ở, chăm sóc ngựa…, còn phải trả ở mức cao vì đang có nạn đói kém và thương gia Thụy Điển đội giá tính cho khách nước ngoài.

Cuối cùng, sau một tuần, băng tan đủ để đoàn có thể vượt sông. Dahlberg cố tiễn khách một cách trọng thể. Một đoàn tàu mang cờ hoàng gia màu vàng và xanh của Thụy Điển đưa đoàn sang sông trong khi đại bác từ pháo đài bắn tiễn đưa. Nhưng đã quá muộn. Trong ý nghĩ của Pyotr, Riga là một thành phố bủn xỉn, không hiếu khách, gây sỉ nhục. Khi ông đi tiếp, sự khác biệt càng thêm rõ nét. Ở phần lớn những thành phố khác mà Pyotr viếng thăm, quân vương nước chủ nhà nghênh đón và chiêu đãi ông, và dù cho Pyotr nói rõ mình muốn giấu tung tích, các tuyển hầu tước, các vị vua và ngay cả Hoàng đế Áo đều muốn gặp gỡ riêng ông, tổ chức chương trình giúp vui và chi trả tất cả chi phí cho đoàn.

Pyotr bất mãn một cách cay đắng đối với Riga. Ba năm sau, khi tìm lý do để khởi động chiến tranh chống Thụy Điển, Pyotr viện cớ sự đối xử khiếm nhã của Riga. Và 13 năm sau, năm 1710, khi quân Nga bao vây thành phố và bắt đầu tấn công, chính Pyotr có mặt để tự mình bắn ba phát đại bác đầu tiên vào pháo đài. Cuối cùng, Riga bị chiếm và sáp nhập vào Nga trong hơn hai thế kỷ.

Sau khi qua Sông Dvina Tây, phái bộ đến Công quốc Courland, với thủ phủ Mitau cách Riga 50 kilômét về phía nam. Tuy trên danh nghĩa là một công quốc thuộc Ba Lan, Courland trên thực tế được tự trị. Ở đây, không có trục trặc như ở Riga. Sa hoàng vẫn là Sa hoàng; vẫn phải tôn trọng việc giấu tung tích, nhưng ai nấy cần phải biết người nào giàu tung tích. Vì thế mặc dù công quốc của ông còn nghèo, Quận công trị vì Courland là Frederick Casimir đã tiếp đãi phái bộ một cách trọng hậu với yến tiệc, âm nhạc, rồi điều một thuyền buồm để đưa Pyotr đi tiếp bằng đường biển.

Pyotr đi trước bằng thuyền đến Königsberg, thành phố của Công quốc hùng mạnh Brandenburg, và Tuyển hầu tước Friedrich III đích thân đón tiếp ông. Friedrich III có kế hoạch lớn lao nhằm biến công quốc của ông thành một vương quốc, sau này gọi là nước Phổ, và ông sẽ xưng là Vua Friedrich I của nước Phổ. Tước hiệu là do Hoàng đế Habsburg phong, nhưng một phần lãnh thổ được chiếm từ Thụy Điển. Friedrich mong mỏi được Nga ủng hộ để đối trọng với Thụy Điển. Và ở đây, như thế lòng mong mỏi được đáp ứng, chính Sa hoàng đã thân hành đến viếng thăm ông.

Hai quân vương bàn luận về các đề tài vũ khí và hàng hải, rồi Friedrich III dẫn Pyotr đi săn. Trong các cuộc đàm phán, Friedrich III mong muốn tái xác nhận mối liên minh cũ mà Sa hoàng Aleksei đã tạo dựng với Brandenburg để chống lại Thụy Điển, nhưng Pyotr không muốn làm việc gì có thể gây hấn với Thụy Điển, vì vẫn còn trong tình trạng chiến tranh với người Thổ. Cuối cùng, hai vị quân vương đồng ý hỗ trợ lẫn nhau đế chống kẻ thù chung. Friedrich cũng yêu cầu Sa hoàng ủng hộ chiến dịch của ông nhằm đưa ông lên làm vua. Pyotr đồng ý xem đại sứ của Công quốc ở Moskva ngang hàng với đại sứ của Nga ở Brandenburg. Đây là sự ủng hộ

có tính cách mơ hồ, nhưng Friedrich có thể dựa vào đấy khi đưa vấn đề lên Hoàng đế ở Wien.

Dù nôn nóng đi Hà Lan, Pyotr phải lưu lại Königsberg để chờ đến khi tình hình Ba Lan được sáng tỏ. Sau khi Sobieski qua đời, ngai vàng bị bỏ trống, có hai ứng viên: Augustus, Tuyển hầu tước của Saxony và Bourbon Prince de Conti, do Louis XIV đề cử. Nga, Áo và phần lớn các lãnh địa của người Đức chống lại Conti. Một vị vua thân Pháp trên ngai vàng Ba Lan có nghĩa là Ba Lan sẽ chấm dứt cuộc chiến chống Đế quốc Ottoman, tạo liên minh Pháp-Ba Lan và mở rộng ảnh hưởng của Pháp đến Đông Âu. Để ngăn chặn những việc này, Pyotr săn sàng lao vào chiến tranh và đã điều quân Nga đến biên giới với Ba Lan. Trong khi chờ đợi, Pyotr học lý thuyết và thực hành pháo binh dưới sự hướng dẫn của Đại tá Streltner von Stemfeld của quân đội Brandenburg. Pyotr tập bắn nhiều loại đạn và mục tiêu trong khi von Stemfeld sửa chữa và phân tích các lỗi mắc phải. Khi Pyotr ra đi, von Sternield trao cho Pyotr một giấy chứng nhận người mang tên Pyotr Mikhailov đã đạt kiến thức và kỹ năng pháo binh.

Giữa tháng 8, sau khi Pyotr đã lưu lại Königsberg vài tuần, ông vui mừng nhận được tin Tuyển hầu tước Công quốc Saxony đã được bầu làm vua Ba Lan, và quyết định đi Hà Lan. Ông không thể đi đường biển vì một hạm đội của Pháp đang có mặt trên Biển Baltic, nên phải đi đường bộ.

Dọc đường, nhiều người đổ xô đến muốn xem mặt ông, vì tin tức về ông đã được lan truyền rộng rãi sau thời gian dài ông lưu lại Königsberg. Pyotr ra lệnh tiến nhanh qua Berlin để đến Hanover. Nhưng ông không thể thoát khỏi hai phụ nữ vì tò mò muốn gặp ông: Sophia, quả phụ của Tuyển hầu tước Hanover và con gái, Sophia Charlotte, vợ của Tuyển hầu tước Brandenburg. Cô này đang đến thăm bà mẹ ở Hanover khi chồng cô, Tuyển

hầu tước Friedrich III, đang tiếp đãi Pyotr ở Königsberg. Nghe tin Pyotr đã lên đường, cô tức tốc dẫn theo bà mẹ, các anh em và con cái đi vội đến thị trấn Koppenbrügge, rồi cho thị thần đi mời Pyotr đến dùng bữa tối.

Lúc đầu, Pyotr từ chối khi thấy phái đoàn Đức và đám đông dân địa phương đang tập trung ngoài cổng, nhưng vì viên thị thần nài nỉ, Pyotr chấp thuận và tin rằng chỉ có gia đình Sophia Charlotte. Khi gặp hai vị Tuyển hầu tước phu nhân, Pyotr ấp úng, đỏ mặt và không thế nói nên lời. Dù sao, họ cũng là những phụ nữ quý tộc có học thức ở phương Tây đầu tiên mà Pyotr gặp; phụ nữ phương Tây ông gặp ở Nga chỉ là giới trung lưu, vợ và con gái các thương nhân và sĩ quan sống ở Khu Ngoại ô Đức. Nhưng hai Tuyển hầu tước phu nhân này là những nhân vật đặc biệt ngay cả ở Tây Âu. Sophia của Hanover, lúc ấy đã 67 tuổi, sau này được chỉ định kế vị Nữ hoàng Anne của nước Anh, nhưng không may qua đời trước Nữ hoàng. Con trai của bà, George Louis, kế thừa cả hai tước hiệu của bà, sau này trở thành Tuyển hầu tước Hanover kiêm Vua George I nước Anh. Con gái bà, Sophia Charlotte của Brandenburg, lúc ấy 29 tuổi, đã từng được chỉ định làm vợ của cháu nội Louis XIV, nhưng cuộc hôn nhân không thành vì lý do chính trị.

Đối diện với hai phụ nữ tôn quý này, Pyotr chỉ biết lấy hai tay che mặt và thì thầm bằng tiếng Đức: “Tôi không biết nói gì.” Nhận thấy ông đang bối rối, hai phụ nữ mời ông ngồi giữa hai người ở bàn ăn rồi bắt đầu chuyện trò. Chỉ một lúc, ông đã hết xấu hổ và nói năng tự nhiên. Bữa tiệc kéo dài 4 giờ, rồi Sophia Charlotte ra lệnh cho bắt đầu âm nhạc và khiêu vũ. Thoạt đầu Pyotr từ chối khiêu vũ, viện cớ không mang găng tay, nhưng một lần nữa hai phụ nữ làm cho ông đổi ý. Quay vòng với họ, ông cảm nhận những vật lạ dưới làn áo của họ: xương cá voi trong áo nịt ngực. Ông lớn tiếng nói

với các bạn của mình: "Mấy phụ nữ Đức này có xương như quỷ sứ!" Các phụ nữ đều vui thích.

Pyotr thích thú tột độ. Buổi tiệc có không khí vui tươi hơn là ở Khu Ngoại ô Đức, vui hơn cả các buổi ăn nhậu của "Đám Quậy". Ông ra lệnh cho đám người lùn của mình khiêu vũ, đặt những nụ hôn lên trán của Công nương Sophia Dorothea, 10 tuổi, tương lai là mẹ của Friedrich Đại đế. Ông cũng ôm hôn Hoàng tử George, 14 tuổi, sau này là Vua George II của nước Anh.

Suốt buổi tối, hai vị Tuyển hầu tước phu nhân quan sát cặn kẽ Pyotr, thấy ông vượt xa hình ảnh một kẻ thô lậu mà họ nghe qua lời đồn đại. Vị Tuyển hầu tước phu nhân mẹ, có kinh nghiệm phán xét người, cho ý kiến như sau:

> Ông ấy có tinh thần sống động, sự ứng đối nhanh nhẹn và công tâm. Nhưng, với tất cả lợi điểm mà thiên nhiên đã phú cho ông, có thể mong rằng cách cư xử của ông bớt thô kệch… ông rất vui vẻ, nói rất nhiều, và giữa chúng tôi phát triển tình thân hữu tốt đẹp… Đúng là chúng tôi ngồi với nhau trong thời gian lâu, nhưng chúng tôi sẽ lấy làm vui nếu được ngồi lâu hơn mà không hề thấy chán, vì Sa hoàng có tư cách rất vui vẻ và không bao giờ ngừng tiếp chuyện chúng tôi…
>
> Tôi hỏi ông ấy có thích đi săn không, ông đáp cha của ông rất thích, nhưng riêng ông, từ lúc còn trẻ, đã thích đi thuyền và bắn pháo bông. Ông ấy nói với chúng tôi rằng chính ông làm công việc đóng tàu, cho chúng tôi xem hai bàn tay của ông và bảo chúng tôi sờ những chỗ chai sần do công việc gây ra…

… Ông ấy là một người rất khác thường. Không thể nào mô tả ông ấy, hoặc ngay cả cho ý kiến về ông, trừ phi đã gặp ông. Ông có tâm hồn rất tốt và có tình cảm cao thượng một cách đặc biệt… Ông có tính tốt lẫn nết xấu; tố chất của ông đúng như đất nước của ông. Nếu có nền giáo dục tốt hơn, ông sẽ là một người xuất chúng, vì ông có những đức tính vĩ đại và trí thông minh vô bờ theo thiên bẩm.

Pyotr gửi tặng hai vị Tuyển hầu tước phu nhân một số nữ trang làm quà, rồi lập tức ra đi trước; phần lớn phái bộ theo sau. Vì Hà Lan chỉ còn cách vài dặm xuôi dòng Sông Rhine.

69. Theo Jacob Abbott (sách đã dẫn, trang 101), âm mưu của nhóm phản loạn là gây hỏa hoạn cho một số nhà ở Moskva gần cung điện hoàng gia, rồi chờ cho Pyotr ra chỉ huy chữa lửa (như theo thói quen của Pyotr) mà bắt giết ông. Kế tiếp, họ dự định sẽ tôn Sofia làm nữ hoàng, bắt giết tất cả người nước ngoài thân cận với Pyotr, phục hồi những nhân vật bị lưu đày, tái tổ chức Cấm vệ như cũ, và tái lập những chính sách, đường lối xưa cũ. Nhóm phản loạn định ngày hành động là 2/2/1697, nhưng không thành công vì có hai sĩ quan Cấm vệ không đồng tình với âm mưu, đi mật báo với Pyotr lúc ấy đang đến chơi ở nhà Lefort. Pyotr trầm tĩnh nghe tin báo rồi đích thân chỉ huy một toán quân nhỏ đi bắt những người cầm đầu nhóm phản loạn ngay tại nhà riêng của họ. (ND)

70. Theo Ian Grey (sách đã dẫn, trang 414), trước khi gần đi đoàn Nga gửi liên lạc viên thông báo cho Tổng trấn Riga, nhưng không chờ phúc đáp mà đã vội vượt qua biên giới Thụy Điển. Khi còn cách Riga khoảng 8 kilômét, họ mới nhận được thư chào mừng của Dahlberg. Bức thư cũng tỏ ý tiếc đã không được đoàn Nga thông báo sớm hơn. (ND)

71. Đây là Sông Divina Tây chảy qua Riga, còn Sông Dvina Bắc chảy qua Arkhangelsk. (ND)

14 PYOTR TẠI HÀ LAN

Vào nửa cuối thế kỷ 17, Hà Lan đang cực thịnh về quyền lực và uy thế. Với số dân 2 triệu người, chuyên cần, sống chen chúc trên một mảnh đất nhỏ bé, Hà Lan là quốc gia giàu có nhất, đô thị hóa rộng nhất và tập hợp nhiều chủng tộc nhất Châu Âu. Không lấy gì lạ là sự phồn thịnh của vương quốc nhỏ bé này đã khiến cho các nước lân cận ngạc nhiên và ganh tỵ; đôi khi ganh tỵ biến thành tham lam. Trong tình huống như thế người Hà Lan dựa trên vài đặc tính quốc gia của họ để phòng chống. Họ có lòng dũng cảm, kiên cường, đầy mưu lược; và khi họ chiến đấu - lúc đầu chống Tây Ban Nha, kế đến Anh rồi sau cùng Pháp - họ chiến đấu theo cách thực dụng với tính liều mạng anh dũng và sẵn sàng hy sinh. Để bảo vệ nền độc lập và dân chủ, một dân tộc 2 triệu người duy trì đội quân lên đến 120.000 người và hải quân đứng hàng thứ hai trên thế giới.

Giống như nền tự do, sự phồn thịnh của Hà Lan dựa trên tố chất khéo léo và cần cù. Trong mỗi nước Châu Âu vào thời này, đa số dân chúng sống bám lấy mảnh đất của họ, sử dụng phương pháp nuôi trồng thô sơ để kiếm miếng ăn và chỉ còn dư chút đỉnh để cung cấp cho thành thị. Ở Hà Lan, cứ mỗi nông dân có thể nuôi hai người khác, nhờ đạt sản lượng hoa màu cao hơn, thu hoạch nhiều bơ sữa hơn từ đàn bò, nhiều thịt hơn từ đàn heo của họ. Vì thế hơn phân nửa dân số Hà Lan không phải sống nhờ nghề nông, mà tham gia vào các ngành thương mại, công nghiệp và hàng hải.

Thương mại và hàng hải là nguồn gốc tổng sản lượng khổng lổ của Hà Lan. Hai cảng Amsterdam và Rotterdam nằm ở hai cửa của Sông Rhine, là giao điểm của các con kênh và sông quan trọng ở Châu Âu, và của các đại dương trên thế giới. Hầu như mọi thứ xuất ra và nhập vào Châu Âu được vận chuyển lên xuống dọc bờ biển và xuyên biển, đều đi ngang Hà Lan. Thiếc của Anh, lông cừu Tây Ban Nha, sắt Thụy Điển, rượu vang Pháp, lông thú Nga, hương liệu Ấn Độ, gỗ Na Uy, lông cừu của Ireland, đều được vận chuyển đến Hà Lan để qua phân loại, tinh chế, dệt, pha trộn, lựa chọn rồi được xuất ra lại trên các đường hàng hải và đường sông.

Để chuyên chở những hàng hóa này, Hà Lan hầu như nắm độc quyền ngành hàng hải của thế giới. Bốn nghìn tàu hàng hải của Hà Lan - nhiều hơn tất cả đội thương thuyền của các nước còn lại trên thế giới cộng lại - đi khắp đại dương. Các công ty Hà Lan East India (Đông Ấn) thành lập năm 1602 và West India (Tây Ấn) thành lập sau đó đều có văn phòng ở mỗi cảng chính trên thế giới. Những dịch vụ mới hình thành ở Amsterdam để bảo vệ và kích cầu thương mại: bảo hiểm, ngân hàng, thị trường chứng khoán, xưởng in… Tài sản đem lại sự tự tin, sự tự tin đem lại tín dụng, tín dụng đẻ thêm tài sản, để rồi uy thế và tiếng tăm của Hà Lan lan xa thêm. Hà Lan là mẫu mực đích thực của một đất nước thương nghiệp thành công và giàu có, một thiên đường mậu dịch mà tuổi trẻ từ mọi nước Châu Âu theo đạo Tin Lành, đặc biệt là Anh và Scotland, đều muốn đến để học hỏi những kỹ năng xuất chúng về thương mại và tài chính.

Ở Preslavl, ở Arkhangelsk, ở Voronezh, khi trò chuyện với thợ đóng tàu và thuyền trưởng, Pyotr thường nghe nói đến địa danh Zaandam. Cách Amsterdam 16 kilômét về hướng bắc, thành phố này được cho là nơi đóng những con tàu tốt nhất trên cả nước Hà Lan. Có đến 350 con tàu được đóng

mỗi năm trong 50 xưởng đóng tàu tư nhân, với tiến độ và chuyên môn cao đến mức chỉ mất 5 tuần từ lúc khởi công cho đến khi con tàu sẵn sàng ra khơi. Qua nhiều năm, Pyotr đã nung nấu ý muốn được viếng thăm và học nghề đóng tàu ở Zaandam. Bây giờ, ông nói với thuộc hạ rằng mình sẽ lưu lại Zaandam suốt mùa thu và mùa đông để học đóng tàu. Khi đến Sông Rhine ở Emmerich gần biên giới Hà Lan, ông nôn nóng đến mức thuê một con thuyền, để phần lớn phái bộ đi sau, xuôi dòng sông ngang qua Amsterdam mà không dừng lại để nghỉ ngơi.

Sáng sớm Chủ Nhật, ngày 18/8/1697, khi cùng sáu thuộc hạ đang đi thuyền trên một con kênh dẫn đến Zaandam, Pyotr nhận ra một khuôn mặt quen thuộc trên một thuyền chèo đang đi câu lươn. Đấy là Gerrit Kist, thợ rèn người Hà Lan, đã làm việc với Sa hoàng ở Moskva. Quá vui mừng vì gặp người quen, Pyotr cất tiếng chào hỏi. Bị dứt khỏi luồng suy tư và ngước lên trông thấy vị Sa hoàng nước Nga đang ngồi thuyền đi ngang, Kist gần như rơi xuống nước. Lái thuyền vào và nhảy lên bờ, Pyotr phấn khích ôm ông thợ người Hà Lan và bắt ông thề không được tiết lộ Sa hoàng đang hiện diện ở đây. Rồi khi được biết rằng Kist đang sống gần đấy, vị Sa hoàng lập tức tuyên bố sẽ đến ngụ với ông người Hà Lan. Kist từ chối vì nhà ông quá nhỏ và nghèo nàn đối với một quân vương, nên đề nghị vị khách ngụ trong nhà một bà quả phụ sát phía sau nhà của mình. Với khoản tiền 7 florin, bà quả phụ được thuyết phục dời đến ở với cha của bà. Thế là, chỉ trong vài giờ, Pyotr vui mừng thu xếp vào sống trong một ngôi nhà gỗ gồm hai phòng nhỏ, hai cửa sổ, một căn bếp và giường ngủ che màn, thiếu thoáng khí, ngắn đến mức ông không thể duỗi chân được thẳng.[72] Hai người tùy tùng ở cùng với ông; bốn người khác thuê chỗ trọ gần đấy.

Vì đây là ngày Chủ Nhật, các xưởng đóng tàu đều nghỉ, nhưng Pyotr cảm thấy phấn khích tột cùng và không thể ngồi yên mà không làm gì. Ông đi ra ngoài đường phố đầy người đi dạo trong một buổi chiều Chủ Nhật mùa hè. Đám đông đã nghe tin một chiếc thuyền chở người nước ngoài mặc trang phục lạ lùng, nên bắt đầu để ý đến ông. Ông bực bội, nhưng đây chỉ là bắt đầu.

Sáng sớm Thứ Hai, Pyotr vội mua đồ nghề làm mộc rồi đi đến xưởng đóng tàu tư nhân Lynst Rogge để xin việc làm, khai tên là Pyotr Mikhailov. Ông làm việc một cách vui sướng, luôn hỏi han người quản đốc tên gọi của mọi thứ ông trông thấy. Sau giờ làm việc, ông đi thăm viếng những người vợ và cha mẹ của các thợ đóng tàu Hà Lan đang còn làm việc ở Nga, cho họ biết là ông đã làm việc bên cạnh con trai và chồng của họ, và thích chí cho biết: "Tôi cũng là thợ mộc." Ông đến thăm quả phụ của một người thợ mộc Hà Lan đã qua đời ở Nga, mà lúc trước ông đã gửi tặng bà 500 florin. Bà nói với ông rằng bà thường cầu nguyện có cơ hội được nói với Sa hoàng nước Nga món tiền ấy có ý nghĩa đối với bà như thế nào. Cảm động và sung sướng, Pyotr cùng ngồi ăn bữa tối với bà.

Dù Pyotr muốn giấu tung tích, bí mật cũng bốc hơi nhanh chóng. Vào sáng Thứ Hai, Pyotr đã ra lệnh cho tùy tùng của mình ăn vận theo kiểu Hà Lan, nhưng dù vậy, những người Nga này trông không giống người Hà Lan. Chiều cao quá khổ của Pyotr khiến ông không thể che giấu tung tích; đến Thứ Ba mọi người ở Zaandam đã biết rằng có "một nhân vật rất quan trọng" đang ở trong thành phố. Việc này được xác định vào buổi chiều Thứ Ba khi Pyotr đi dọc hè phố và đang ăn những quả mận đựng trong chiếc mũ của mình, lại còn cho mận những đứa trẻ ông gặp. Không có đủ mận để phân phát, nhưng bọn trẻ vẫn bám theo ông. Khi ông muốn xua đuổi bọn

trẻ, chúng lấy đá và bùn ném vào người ông. Pyotr lẩn trốn vào một quán rượu và kêu cầu cứu. Vị Thị trưởng đích thân đến và Pyotr bắt buộc phải nói ra mình là ai. Vị Thị trưởng lập tức ra lệnh cấm dân cư Zaandam quấy rầy "những người khách quý muốn giữ kín tung tích".

Chẳng bao lâu, vị "khách quý" được nhận diện chính xác. Một thợ đóng tàu làm việc ở Nga đã viết thư về nhà cho ông bố rằng Đại Phái bộ Sứ thần đang viếng thăm Hà Lan và có lẽ Sa hoàng cũng đi cùng, vẫn giấu tung tích. Anh này cho bố biết rằng dễ nhận ra Pyotr nhờ chiều cao đặc biệt, đầu và cánh tay trái hay run rẩy, và có một mụn cóc bên gò má bên phải. Ngày Thứ Tư, ông bố vừa đọc bức thư cho mọi người nghe trong hiệu cắt tóc của Pomp thì đúng lúc một người có tầm vóc cao bước vào với nhân dạng chính xác như đã mô tả trong thư người con. Chủ nhân Pomp của hiệu cắt tóc truyền nhanh tin đặc biệt này, cho biết người có chiều cao ấy chính là Sa hoàng nước Nga. Để xác nhận tin của Pomp, dân cư đổ xô đến tìm Kist, người đang chứa chấp vị khách lạ và được biết đã quen biết Sa hoàng khi còn làm việc ở Nga. Vì giữ lời hứa với Pyotr, Kist một mực giấu giếm tông tích của vị Sa hoàng cho đến khi vợ ông cất tiếng: "Thôi đi, tôi không thể chịu đựng được nữa. Đừng nói dối nữa."

Dù bí mật của Pyotr đã bị lộ, ông vẫn muốn giấu hành tung. Ông từ chối lời mời chiêu đãi của các thương nhân hàng đầu của Zaandam, của thị trưởng và hội đồng thành phố. Ông trả lời rằng không có nhân vật quan trọng nào hiện diện; Sa hoàng chưa đến. Khi một thương nhân hàng đầu đến tìm những người tùy tùng của Pyotr để mời đoàn đến ngụ trong một ngôi nhà rộng với vườn cây ăn trái, họ trả lời rằng đoàn không phải thuộc giới quý tộc mà chỉ là gia nhân, và chỗ cư ngụ hiện tại đã đủ rộng.

Tin tức về sự xuất hiện của Sa hoàng nước Nga nhanh chóng được đồn thổi khắp Hà Lan. Nhiều người nhất quyết không tin; họ còn đánh cược với nhau. Hai thương nhân vốn đã gặp Pyotr ở Arkhangelsk vội đi đến Zaandam. Khi nhìn thấy Pyotr trong nhà trọ vào sáng Thứ Năm, họ bước ra, mặt tái nhợt vì kích xúc, cho biết: "Chắc chắn đây là Sa hoàng, nhưng làm thế nào và tại sao ông ấy đang ở đây?" Một người quen biết khác ở Arkhangelsk nói với Pyotr rằng ông cảm thấy lạ lùng khi thấy Sa hoàng trong bộ quần áo công nhân ở Hà Lan. Pyotr chỉ trả lời ngắn gọn: "Ông đã thấy rồi", và không muốn nói thêm gì nữa.

Ngày Thứ Năm, Pyotr mua một chiếc thuyền buồm, tự tay ông lắp cột buồm mới cùng những phụ tùng khác. Khi mặt trời mọc vào sáng hôm sau, ông dong thuyền đi dọc theo Sông Ij. Chiều ấy, ông thấy một đội thuyền lướt đến muốn tháp tùng ông. Để lẩn tránh họ, ông lái thuyền vào và nhảy lên bờ, lại thấy một đám đông bao quanh, chen lấn nhau để nhìn được ông như thể ông là con vật trong vườn thú. Quá tức giận, Pyotr đánh lên đầu một người đứng gần, khiến cho đám đông thốt lên với nạn nhân: "Hoan hô! Anh đã được phong hiệp sĩ!" Đến lúc này, đám người trên bờ và trên các thuyền mỗi lúc mỗi đông, đến nỗi Pyotr phải vào trốn trong một quán rượu cho đến khuya rồi mới trở về Zaandam.

Ngày tiếp theo là Thứ Bảy, Pyotr muốn quan sát một công việc khó khăn là kéo một chiếc tàu to ngang qua mặt đê bằng bánh lăn và tời. Để bảo vệ ông, người ta dựng một hàng rào ngăn cách chỗ ông đứng mà không bị đám đông chen lấn. Nhưng tin tức về sự xuất hiện của Sa hoàng ở đây đã lan rộng thêm, nên có thêm nhiều người đến từ những miền xa như Amsterdam, giẫm đạp lên hàng rào. Khi thấy các khung cửa sổ và mái của những ngôi nhà xung quanh dày đặc những người, Pyotr không muốn đi ra

ngoài. Ngay cả khi vị Thị trưởng đến thuyết phục ông bước ra, ông vẫn từ chối, cứ luôn kêu: "Nhiều người quá! Nhiều người quá!"

Ngày Chủ Nhật, thêm nhiều chiếc thuyền chật ních người từ Amsterdam kéo đến. Đội quân bảo vệ trên các cây cầu của Zaandam được tăng cường gấp đôi, nhưng dân chúng vẫn xô đẩy họ ra. Suốt ngày Pyotr không dám bước ra khỏi nhà. Bị giam hãm bên trong, với nỗi giận dữ và thất vọng sục sôi, Pyotr khẩn cầu hội đồng thành phố đang bối rối phải ra tay giúp đỡ, nhưng họ không thể làm gì được khi làn sóng người càng ập đến đông thêm từng phút. Pyotr đành phải chọn giải pháp cuối cùng là rời Zaandam. Chiếc thuyền của ông được chuyển đến gần nhà trọ. Pyotr phải dùng tất cả sức mạnh chân tay để chen qua giữa rừng người rồi bước lên thuyền. Dù cơn gió buổi sáng đã mạnh lên giống như cơn bão, Pyotr vẫn quyết định ra đi, mặc cho những người chèo thuyền có kinh nghiệm can ngăn. Ba tiếng đồng hồ sau, ông đến Amsterdam, nhưng ở đây cũng có một đám đông chen lấn để được thấy mặt ông. Một lần nữa, vài người lãnh cú đấm từ vị Sa hoàng đang giận dữ. Cuối cùng, ông đi đến một quán trọ đã được đăng ký cho Đại Phái bộ Sứ thần.

Đến đây là chấm dứt giấc mơ thăm viếng Zaandam. Không thể nào làm việc trong một xưởng đóng tàu rộng mở và cũng không thể thong dong đi lại trong thành phố, nên kế hoạch lưu lại vài tháng bị rút lại còn một tuần sống ở đây. Việc học nghề dự kiến ở Zaandam phải chuyển đến Amsterdam.

Vào thời của Pyotr, Amsterdam là cảng biển lớn nhất và thành phố giàu có nhất Châu Âu. Được xây nơi hai con sông Amstel và Ij giao nhau, thành phố vươn lên từ mặt nước. Những cây cừ được đóng xuống đất để tạo nền móng, và nước chảy qua thành phố theo những con kênh đồng tâm - có năm con kênh như thế vào thời của Pyotr. Mỗi kênh có nhiều kênh nhỏ hơn cắt

ngang dọc, nên cả thành phố như là nổi trên mặt nước, gồm 70 hòn đảo được nối với nhau bằng 500 cây cầu uốn cong trên các kênh để thuyền và sà lan đi qua bên dưới. Bức tường thành được xây kế con kênh ngoài cùng, nên con kênh tự nó biến thành một con hào nhân tạo bảo vệ thành phố. Dọc theo mặt thành là những vọng gác kiên cố nhưng chỉ được sử dụng làm mục đích phụ. Trên nóc mỗi vọng gác và rải rác trên nhiều vùng xung quanh, người Hà Lan đặt cối xay gió để bơm nước từ đất liền cho thoát ra biển.

Cấp lãnh đạo của thành phố lấy làm tự hào với Tòa Thị chính xây trên 13.659 cây cừ và được xem như Kỳ quan thứ Tám của thế giới. Hiện nay, đây là hoàng cung. Khắp thành phố là nhà máy bia, đường, giết mổ gia súc, luyện sắt; nhà kho chứa thuốc lá, cà phê, hương liệu; cùng lò làm bánh - mỗi loại đều đóng góp nét kiến trúc và mùi đặc trưng của nó vào vẻ đa dạng.

Nước và tàu thuyền có ở khắp nơi. Rẽ qua bất cứ hướng nào, người ta cũng đều thấy buồm. Dọc theo các con kênh, người đi bộ phải bước qua dây thừng, vòng sắt để buộc tàu, súc gỗ, thùng phuy, mũi neo, ngay cả đại bác. Cả thành phố như là công xưởng đóng tàu. Và bến cảng đầy những tàu thuyền lớn nhỏ khác nhau, từ thuyền đánh cá đến thuyền buồm 3 cột, đến chiến hạm với 80 đại bác - tất cả đều thể hiện nét thiết kế của Hà Lan. Ở đầu phía đông của bến cảng là Công ty Đông Ấn với những cầu tàu và tường dốc của cơ sở đóng tàu.

Chính ở xưởng đóng tàu này, Pyotr đã đến và lưu lại 4 tháng.

Phái bộ Nga được đón tiếp theo nghi lễ hoàng gia tại Cleves gần biên giới, được cấp bốn thuyền buồm lớn và nhiều cỗ xe ngựa kéo để tùy ý sử dụng. Nhưng nhà lãnh đạo của thành phố thấu hiểu tầm quan trọng của phái

bộ này về tiềm năng thương mại với nước Nga trong tương lai, nên trọng thị họ một cách đặc biệt.

Việc tiếp đón gồm những chuyến thăm viếng theo nghi thức đến Tòa Thị chính, Bộ Tư lệnh Hải quân và các bến cảng, trình diễn nhạc kịch và balê, cùng buổi chiêu đãi kết thúc bằng pháo bông. Trong những dịp này, Pyotr có cơ hội trò chuyện với Thị trưởng Amsterdam là Nicholas Witsen. Một trong những đam mê của ông này là tàu thuyền, và ông cho Pyotr xem bộ sưu tập của mình gồm những mô hình tàu thuyền, dụng cụ hải hành và đồ nghề dùng trong việc đóng tàu. Witsen bị cuốn hút vì nước Nga và trong một thời gian dài, cùng với công việc khác, ông đóng vai trò là bộ trưởng không chính thức của Nga ở Amsterdam.

Trong những tháng Pyotr lưu lại Amsterdam, ông và vị Thị trường đàm luận với nhau hằng ngày, và Pyotr nói lại với Witsen vấn đề liên quan đến các đám đông ở Zaandam và Amsterdam. Làm thế nào ông có thể làm việc một cách yên tĩnh để học nghề đóng tàu, trong khi bị bao quanh bởi người tò mò lạ mặt nhìn chằm chằm như thế? Witsen có ngay một để xuất. Pyotr đến làm việc trong những xưởng của Công ty Đông Ấn, được bao bọc xung quanh bằng tường rào và không cho phép người ngoài xâm nhập. Pyotr vui mừng với ý kiến này, và Witsen với vai trò là một trong các giám đốc của công ty đã nhận lời thu xếp. Ngày hôm sau, hội đồng quản trị Công ty biểu quyết để chấp nhận một nhân vật cấp cao muốn giấu tung tích" vào làm việc trong xưởng và dành riêng ngôi nhà của một đốc công nhằm tạo thuận tiện cho ông có thể đến ở và làm việc mà không bị quấy rầy. Hơn nữa, để hỗ trợ ông trong việc học nghề đóng tàu, hội đồng quản trị ra lệnh đặt ki một tàu khu trục mới, để ông và tùy tùng có thể tham gia và quan sát kỹ thuật của Hà Lan ngay từ lúc khởi công.

Tối hôm ấy, trong tiệc chiêu đãi chính thức do Tòa Thị chính tổ chức, Witsen thông báo cho Sa hoàng rõ về quyết định của hội đồng quản trị. Pyotr vui mừng tột độ, và tuy thích ngắm pháo bông, ông cảm thấy khó mà kiên nhẫn. Khi đợt bắn pháo bông chấm dứt, ông đứng bật dậy và tuyên bố muốn đi Zaandam ngay giữa đêm khuya, để mang về đồ lề của mình hầu có thể bắt đầu công việc sáng hôm sau. Cả hai bên Nga và Hà Lan đều không thể ngăn cản ông, và lúc 11 giờ khuya ông bước xuống chiếc thuyền buồm của mình rồi ra đi. Sáng hôm sau ông quay lại, đi ngay đến Công ty Đông Ấn. Mười "tình nguyện viên" Nga kể cả Menshikov cùng đi với Pyotr, trong khi những người còn lại nhận lệnh ông tản ra khắp bến cảng để học các ngành nghề hải hành khác nhau.

Ba tuần lễ đầu là thu thập và chuẩn bị các loại gỗ cùng những vật liệu khác. Để trình bày cho Pyotr thấy chính xác phải làm thế nào, phía Hà Lan bày ra mọi mảnh vật liệu trước khi đặt ki. Khi mỗi mảnh được ghép vào vị trí của nó, con tàu được lắp ráp nhanh chóng, dài 30 mét, được đặt tên Tông đồ Peter và Paul, và Pyotr nhiệt tình làm việc theo mỗi công đoạn lắp đặt.

Hằng ngày, Pyotr đi đến xưởng lúc bình minh, vác trên vai các món đồ nghề giống như những công nhân khác. Ông không cho phép có sự đối xử phân biệt nào giữa ông và họ, cũng nhất quyết không nhận câu xưng hô theo tước hiệu nào. Trong giờ rảnh rỗi, ông thích ngồi trên một súc gỗ, trò chuyện với thủy thủ hoặc thợ đóng tàu hoặc bất cứ ai gọi ông là "Thợ mộc

"Pyotr" hoặc "Anh Pyotr." Ông tảng lờ hoặc quay đi hướng khác khi có ai gọi ông là "Bệ hạ" hoặc "Ngài." Khi có hai nhà quý tộc Anh đến để mong được nhìn thấy Sa hoàng làm việc như một công nhân, người đốc công gọi đến ông: "Thợ mộc Pyotr, sao không đến giúp các bạn?" nhằm để

chỉ ra ai là Pyotr. Không nói một lời, Pyotr bước qua, ghé vai dưới một súc gỗ mà vài người đang cố sức nâng lên để đặt vào đúng vị trí.

Pyotr hài lòng với căn nhà dành riêng cho ông. Vài người tuy tùng sống chung với ông theo cung cách như công nhân bình thường. Lúc đầu, nhà bếp của quán trọ nấu thức ăn cho Pyotr, nhưng ông không thích việc này, mà muốn được hoàn toàn độc lập. Ông không dùng bữa theo giờ nhất định; ông thích ăn bất cứ lúc nào thấy đói. Phía Hà Lan dàn xếp cung cấp cho ông củi và thực phẩm, rồi để ông tự lo liệu. Từ lúc này, tự tay Pyotr nhóm bếp và nấu thức ăn cho mình như một thợ mộc giản đơn.

Nhưng dù ông sống trên đất người, mặc quần áo và thực tập nghề của một công nhân, cả Pyotr hoặc dân Nga không quên đích thực ông là ai hoặc uy quyền của ông lớn lao như thế nào. Các phó vương của ông không muốn hành động khi không có ý kiến của ông, và mỗi chuyến thư mang đến từng bó dày những thư từ xin chỉ thị, xin ân huệ hoặc đưa tín tức. Riêng bản thân Pyotr, trong một xưởng đóng tàu cách thủ đô hơn nghìn kilômét, quan tâm theo dõi triều đình của mình hơn bao giờ. Ông đòi hỏi phải được thông báo từng chi tiết nhỏ của sự vụ quốc gia mà có thời ông đã phớt lờ một cách thanh thản. Ông muốn biết về mọi việc đang xảy ra: Cấm vệ hiện giờ như thế nào? Việc xây hai pháo đài Azov đã đi đến đâu? Bến cảng và các pháo đài ở Taganrog hiện giờ ra sao? Tình hình Ba Lan giờ ra sao? Khi Shein báo cáo về chiến thắng quân Thổ bên ngoài Azov, Pyotr ăn mừng bằng cách tổ chức một buổi chiêu đãi long trọng cho các thương nhân tên tuổi ở Amsterdam, tiếp theo là buổi hòa nhạc, khiêu vũ và bắn pháo bông. Mỗi Thứ Sáu, ông cố gắng trả lời thư từ dù rất mệt mỏi và bận rộn.

Có một lần, Pyotr đã thể hiện uy quyền với hai thuộc hạ, đều là quý tộc đi cùng Đại Phái bộ Sứ thần. Nghe tin hai người này phê phán ông, nói ông

nên hành xử theo đúng cương vị Sa hoàng thay vì tự hạ thấp mình, ông nổi cơn thịnh nộ, ra lệnh xiềng hai người lại trước khi đem họ đi hành quyết. Witsen can thiệp, yêu cầu Pyotr nhớ rằng ông đang ở trên đất Hà Lan, không ai ngoại trừ tòa án Hà Lan có thể thi hành án tử hình. Rốt cuộc, ông miễn cưỡng chấp nhận giải pháp dung hòa, đày hai người đến hai thuộc địa xa xôi nhất của Hà Lan: một người đi Batavia và người kia đi Surinam.

Bên ngoài xưởng đóng tàu, tính hiếu kỳ của Pyotr là vô bờ. Ông muốn chính mắt mình được nhìn thấy mọi thứ. Ông đến các nhà máy chế biến, xưởng cưa, xưởng xe sợi, nhà máy giấy cơ xưởng, viện bảo tàng, vườn thực vật và phòng thí nghiệm. Ở nơi nào ông cũng hỏi "Cái này để làm gì? Nó vận hành như thế nào?". Ông gặp gỡ kiến trúc sư, nhà điêu khắc, kỹ sư… Ở Delft, ông đến gặp Nam tước von Coehorn, chuyên gia xây công sự nổi tiếng, để học kỹ thuật xây pháo đài.

Vài lần ông đến thăm giảng đường và phòng thí nghiệm của Fredrick Ruysch, Giáo sư giải phẫu học nổi danh toàn Châu Âu. Pyotr trở nên chú tâm đến khoa giải phẫu đến nỗi thấy khó mà ra về; ông muốn ở lại và quan sát thêm. Ông dùng bữa tối cùng Ruysch, lắng nghe lời tham mưu của Giáo sư về cách chọn lựa bác sĩ giải phẫu để mời về phục vụ cho lục quân và hải quân Nga. Pyotr bị lôi cuốn vào môn giải phẫu học và sau đấy tự xem mình có trình độ như y sĩ giải phẫu. Dù sao đi nữa, ông có thể hỏi, có mấy ai ở Nga được cơ hội học với Giáo sư Ruysch nổi tiếng?

Những năm về sau, Pyotr luôn mang theo người hai chiếc hộp: một đựng dụng cụ toán học để kiểm tra đề án xây dựng đệ trình lên ông, còn hộp kia đựng dụng cụ giải phẫu. Ông ra lệnh báo cho ông biết ca giải phẫu đáng để ý gần đấy, và khi hiện diện ông thường làm trợ lý và tiếp thu kỹ năng tiểu giải phẫu. Gia nhân của ông khi đau yếu thường giấu ông vì sợ Sa

hoàng sẽ xuất hiện bên giường bệnh với chiếc hộp dụng cụ giải phẫu để ngỏ lời - và thường là bắt họ phải chấp nhận - cho ông làm công việc giải phẫu trên người họ.

Ở Leiden, ông đến thăm Giáo sư Boerhaave nổi danh, phụ trách một vườn thực vật phong phú, cũng là giảng viên môn giải phẫu học, và khi Boerhaave hỏi ngày giờ vị khách muốn đến thăm, Sa hoàng chọn sáu giờ sáng hôm sau. Ông cũng đến xem phòng thí nghiệm giải phẫu học của Boerhaave nơi đặt một xác người. Lúc Pyotr đang say mê xem xét cái xác thì ông nghe tiếng xầm xì lộ vẻ ghê tởm của một người tùy tùng. Trong nỗi kinh hoàng của chuyên gia Hà Lan, ông điên tiết ra lệnh cho người tùy tùng này tiến đến cái xác, cúi xuống và dùng răng cắn rứt một miếng thịt của cái xác.

Ở Delft, ông đến thăm nhà thiên nhiên học nổi tiếng Anton van Leeuwenhoek, người phát minh kính hiển vi[73]. Pyotr hỏi chuyện ông này trong hai giờ đồng hồ và nhìn qua món thiết bị kỳ diệu mà nhờ nó, Leeuwenhoek đã khám phá ra tinh trùng.

Những lúc rảnh rỗi ở Amsterdam, ông thơ thẩn đi bộ trong thanh phố, ngắm nhìn người tất bật qua lại, xe ngựa kéo long cong qua những chiếc cầu, hàng nghìn con thuyền ngược xuôi các con kênh. Ông đi đến khu chợ ngoài trời Botermarket, nơi chất đống hàng hóa đủ loại. Ông thích thu xem nghệ sĩ đường phố biểu diễn, thợ nhổ răng hành nghề bằng dụng cụ khác thường mà ông học hỏi và sau này thí nghiệm với gia nhân. Ông học cách vá quần áo của mình và học cách đóng một đôi dép cho riêng mình từ người thợ đóng giày.

Quan sát sự phồn vinh của Hà Lan, Pyotr tự hỏi làm thế nào dân tộc của mình, với đồng cỏ và rừng bao la, lại sản xuất chỉ đủ nuôi sống họ; trong

khi ở Amsterdam, với những cầu tàu, nhà kho và rừng cột buồm, lại có thể tích lũy của cải nhiều hơn cả đất nước Nga bao la. Pyotr nhận thức một nguyên nhân: thương mại, nền kinh tế dựa trên hải hành, sự làm chủ đội thương thuyền. Ông nhất quyết lao mình vào việc tạo dựng những điều kiện như thế cho nước Nga. Một nguyên nhân khác là sự phóng khoáng về tôn giáo. Vì nền thương mại quốc tế không thể phát triển trong môi trường học thuyết hoặc định kiến tôn giáo hẹp hòi, Hà Lan của đạo Tin Lành đi theo con đường phóng khoáng nhất về tôn giáo thời bây giờ. Chính những giáo dân Calvin trốn lánh khỏi sự đàn áp của Vua James I của Anh năm 1606 được cho tá túc tại Hà Lan, rồi một thập kỷ sau di cư sang Mỹ. Cũng chính giáo dân Tin Lanh trốn lánh khỏi sự đàn áp của Hoàng đế Louis của Pháp được đón tiếp ở Hà Lan. Suốt thế kỷ 17, Hà Lan giữ địa vị là kho tàng tri thức và nghệ thuật cũng như là trung tâm kinh tế cho cả Châu Âu. Cũng vì tư tưởng phóng khoáng về tôn giáo và ý chí bảo vệ sự độc tôn thương mại mà người Hà Lan kiên cường chông lại những mưu đồ lớn lao của nước Pháp Thiên Chúa giáo dưới triều Louis XIV. Óc tò mò của Pyotr bị kích thích từ không khí phóng khoáng về tôn giáo này. Ông đến thăm nhiều nhà thờ Tin Lành ở Hà Lan và hỏi han các giáo sĩ nhiều điều.

Có một lĩnh vực sáng chói của Hà Lan trong thế kỷ 17 không làm cho Pyotr chú ý đến. Đây là trường phái hội họa mới của các bậc thầy Rembrandt, Vermeer, Frans Hals cùng những người đương thời và kế tục. Pyotr mang về nhiều bức họa, nhưng không phải là những kiệt tác hội họa mà sau này Nữ Đại đế Ekaterina II sưu tập. Thay vào đấy, Pyotr sưu tập các hình vẽ tàu thuyền và biển cả.

72. Ngôi nhà này hiện được giữ gìn làm di tích lịch sử, có tên theo tiếng Hà Lan là “Pieterhaus” (nhà của Pyotr). (ND)

73. Từ điển Bách khoa Wikipedia ghi Leeuwenhoek là người cải tiến kính hiển vi, và liệt kê hai người khác được xem là nhà phát minh kính hiển vi: Hans Lippershey (1570-1619) cũng là người làm ra kính viễn vọng đầu tiên, cùng Sacharias Jansen (1585?-1632?). (ND)

15 HOÀNG THÂN CÔNG QUỐC ORANGE

Trong một thế giới luôn xâu xé nhau, Hà Lan phải chiến đấu cật lực để kiến tạo và duy trì tài sản, uy thế của họ. Nước cộng hòa này được khai sinh trong cuộc đấu tranh vào thế kỷ 16 của các tỉnh theo đạo Tin Lành để thoát khỏi kìm kẹp của Vua Tây Ban Nha Philip II. Giành độc lập năm 1559, với kỹ năng và quyết tâm, Hà Lan đã phát triển lực lượng hải quân để đánh bại các đô đốc Tây Ban Nha, kế thừa đường thương mại hàng hải của nước này và đặt nền móng cho đế quốc hải ngoại trong tương lai. Nhưng khi Hà Lan nổi lên, hai nước láng giềng hùng mạnh nhất là Pháp và Anh lại trở nên ganh tỵ và thèm muốn. Ba cuộc chiến hải quân đã xảy ra giữa Anh và Hà Lan. Chính trong cuộc chiến thứ hai mà một hạm đội Anh dưới quyền chỉ huy của em trai nhà vua, Quận công Xứ York (sau này là Vua James II), đã chiếm được cảng New Amsterdam và đặt tên cho một ngôi làng nằm ở mũi hòn đảo Manhattan bên Mỹ theo tên của mình, tức là "New York". Sau đấy, hải quân Hà Lan trả đũa, bắn phá cửa sông Thames rồi tiến đến căn cứ hải quân chính của Anh, đốt cháy bốn chiến hạm và kéo đi chiến hạm Royal Charles, niềm hãnh diện của hải quân Anh. Trong các cuộc chiến này, Hà Lan sử dụng tàu chiến nhỏ để đối đầu với chiến hạm Anh nặng nề, và trở thành quốc gia duy nhất đã từng chiến thắng hải quân Anh.

Trên đất liền, Hà Lan phải chống chọi cuộc xâm lăng của Pháp. Đối với những người xung quanh Hoàng đế Louis XIV ở Điện Versailles, sự thành công của một nước cộng hòa tí hon theo đạo Tin Lành là điều sỉ nhục đối với nước Pháp hùng mạnh, là một tội lỗi đối với tôn giáo của Pháp và, quan trọng nhất, là rào cản kiêm đối thủ đối với nền thương mại của Pháp. Louis XIV, Bộ trưởng Tài chính Colbert và Bộ trưởng Chiến tranh Louvois đều nhất trí với ý định nghiền nát người Hà Lan mới nổi. Năm 1672, với đội quân lớn nhất và thiện chiến nhất trong lịch sử Tây Âu dưới sự chỉ huy trực tiếp của Louis XIV, Pháp tiến quân mạnh mẽ cho đến khi những tháp chuông của Amsterdam hiện ra trong tầm mắt của họ. Hà Lan xem như chấm dứt… hoặc đáng lẽ như thế nếu không có một nhân vật nổi lên, đi vào lịch sử như là một trong những gương mặt xuất chúng nhất trong thế kỷ 17: Hoàng thân Công quốc Orange.

William, Hoàng thân Công quốc Orange, cũng là Tổng đốc Hà Lan và sau này kiêm Vua William III nước Anh, có lẽ là gương mặt chính trị đáng kể nhất mà Pyotr gặp gỡ trong cuộc đời ông. Lúc 21 tuổi, khi đội quân Pháp có vẻ như bách chiến bách thắng đã nuốt chửng phân nửa đất nước Hà Lan, William nhậm chức Tổng đốc Hà Lan kiêm Tổng Tư lệnh Tối cao quân đội và được giao nhiệm vụ đánh đuổi quân xâm lược. Ông đã thành công. Mười lăm năm sau, ở tuổi 36, ông đánh bại cuộc tiến công của Anh.

William có rất ít máu Hà Lan trong người. Ông ngoại ông là Vua Charles I của Anh, mẹ ông là một công chúa Anh, Mary Stuart, người anh của mẹ (bác của ông) là Vua Charles II của Anh, và em trai của mẹ (cậu của ông) là Vua James II của Anh.

William trị vì Công quốc Orange lúc mới chào đời; cha ông qua đời một tuần trước đấy vì bệnh đậu mùa. Năm 1672, năm sinh của Pyotr, đội quân

Pháp gồm 120.000 người tiến đến biên giới Hà Lan. Trông thấy quân Pháp tiến như vũ bão, dân Hà Lan kinh hãi. Chính trong giai đoạn khủng hoảng ấy mà người Hà Lan thình lình quay mặt đi như những đứa trẻ kinh hoàng, hướng về William. Ông phát biểu chương trình hành động của mình một cách thẳng thắn và ảm đạm: "Chúng ta có thể chết trong chiến hào cuối cùng."

Trong vòng một tuần sau khi nắm quyền tư lệnh, dù qua bao nỗ lực, đội quân của ông không thể ngăn chặn bước tiến của Pháp, lúc ấy đã cách Amsterdam gần 35 kilômét. Khi mà quân Pháp chỉ cần mất một ngày là có thể tiến đến thành phố cảng lớn này, William ra lệnh phá hệ thống đê biển.[74] Nước biển tràn vào, lam ngập lụt hoa màu và đồng cỏ, nhấn chìm nhà cửa và hoa viên, dìm chết bò và heo, khiến cho công lao khổ nhọc hàng thế kỷ phút chóc phải tiêu tán. Amsterdam trước ở vào vị trí không thể bảo vệ được, giờ trở thành một hòn đảo. Quân Pháp không có tàu thuyên, chỉ đành đứng từ xa mà ngắm nhìn thành phố họ định chiếm đóng.

Trong nỗi phiền muộn của tổng hành dinh Pháp, mặc dù quân Hà Lan đã bị tổn thất và phân nửa đất nước Hà Lan đã bị chiếm, William không muốn đầu hàng. Tuy không thể thắng được quân Pháp đông hơn, các tiểu đoàn Hà Lan vẫn bám trận địa mà chờ đợi. Quân Pháp hy vọng khi mùa đông đến, họ có thể tiến trên băng mà tấn công Amsterdam. Nhưng mùa đông năm ấy không lạnh lắm, và Louis XIV trở nên bồn chồn, vì ông không bao giờ thích đưa quân Pháp đi hành quân xa xôi. Trong lúc ấy, William mở mặt trận ngoại giao. Với các nước Habsburg, Brandenburg, Hanover, Đan Mạch và Tây Ban Nha, ông vạch ra rằng sức mạnh và tham vọng của Louis XIV không chỉ là mối đe dọa cho Hà Lan, mà còn cho những nước khác.

Các nước đều có ấn tượng với lý luận của ông, càng thêm ấn tượng với cuộc kháng chiến dai dẳng của Hà Lan.

Vào mùa xuân, cuộc chiến mở rộng. Đội quân nhỏ bé của William tấn công đường liên lạc và hậu cần của Pháp, khiến cho Louis XIV lo lắng thêm. Cuối cùng, sau khi tàn phá một cách có hệ thống những thị trấn họ đang chiếm đóng, quân Pháp rút lui. Chiến công này gần như là thành tựu của một người duy nhất, một chính khách mới 21 tuổi mà trong vài tháng đã nổi lên là nhà lãnh đạo quốc gia quan trọng hàng thứ hai ở Tây Âu.

Hòa bình cuối cùng đến vào năm 1678 nhưng William không bao giờ bớt nghi kỵ đối với tham vọng của Louis XIV. Ưu tư hàng đầu của ông là làm thế nào chống lại Pháp. Ông hiểu rằng không một quốc gia nào có thể đơn độc chống chọi Pháp; vì thế cả cuộc đời của ông hướng đến tạo dựng mối liên minh với các nước Châu Âu đủ mạnh để đánh lui tham vọng của Hoàng đế Pháp.

Người anh hùng trẻ tuổi nhanh chóng lớn lên thành một chính khách đầy kinh nghiệm. Ông không phải là nhà chỉ huy quân sự tài ba. Tài năng của William không phải là chiến thắng ở trận tiền - ông thường bị đánh bại - mà ở chỗ sống sót sau mỗi thất bại, ở chỗ bám lấy trận địa, ở chỗ rút lui, chịu đựng gian khổ rồi chuẩn bị cho chiến dịch kế tiếp. Thiên tài của ông nằm ở ngoại giao. Nghiêm khắc, khó thương, sôi sục, bướng bỉnh, nồng nàn - tố chất đích thực của ông là không đầu hàng trở ngại nào, xông qua mọi thứ để đạt đến mục đích của mình. Nhưng chỉ vì Hà Lan không có đủ sức mạnh để cho phép ông lộ rõ tính cách của mình, ông đành phải đè nén cảm xúc của mình, để dung hòa với các đồng minh, để chịu nhượng bộ, để nán lòng mà chờ đợi.

William tin theo chủ thuyết Calvin nhưng ông chấp nhận mọi tôn giáo: đức Giáo hoàng là đồng minh của ông, Hoàng đế Áo theo Thiên Chúa giáo cũng thể; có sĩ quan Thiên Chúa giáo trong đội quân của ông. Mọi định kiến và đối kháng đều được dẹp qua một bên; ông chỉ lo đối đầu với Louis XIV. Tuy nhiên, từ tận đáy lòng, cuộc đời của ông được dẫn dắt một cách kiên định bởi đức tin theo chủ thuyết Calvin về tiền định. Ông tin rằng Thượng Đế đã giao cho ông một sứ mệnh cá nhân: ông sẽ chiến đấu một mất một còn với Louis XIV vì tương lai của Châu Âu. Bằng niềm tín sắt đá, William không nao núng khi các đạo quân của ông thất bại trên chiến trường: mọi việc đều do Thượng Đế sắp đặt trước; thất bại chỉ là cơ hội cho ông tự chứng tỏ, là sự thách đố cho ông tiếp tục sứ mệnh. Mặc dù William có đôi lần hồ nghi và thậm chí chán nản, nhưng ông không bao giờ muốn buông xuôi, mà tin rằng qua cách nào đấy, Thượng Để sẽ cứu vớt ông. Vì thế dù cho lực lượng của ông nhỏ hơn quân Pháp rất nhiều, ông sẵn sàng chấp nhận rủi ro, không giống như Louis XIV. Chính qua một rủi ro ở tầm mức như thế - hầu như là phép lạ thứ hai - vào năm 1688 đã bất ngờ đưa ông lên ngai vàng nước Anh.

Trong nhiều năm, sau khi đã bảo vệ được Hà Lan, mục tiêu ngoại giao của William là kéo người bác (anh của mẹ) có tính đa nghi - Vua Charles II của Anh - đứng về phía Hà Lan để chống lại Pháp. Ông không bao giờ thành công trọn vẹn, nhưng vào năm 1672 nước Anh trở nên trung lập. Năm 1677, để củng cố chính sách của mình, William cưới cô em họ, Công chúa Mary của Anh quốc, cháu gọi Charles II bằng bác, con gái lớn của Quận công James Xứ York[75]. Đây không phải do tình yêu, và họ không có con với nhau. Nhưng Mary sống trọn vẹn với ông và được dân Hà Lan yêu mến. Cô không bao giờ mong sẽ lên ngai vàng nước Anh vì theo thứ tự: trước cô là

người bác Charles II (anh của cha) hiện đang làm vua, rồi đến con trai của bác nếu có, rồi đến cha cô, rồi đến anh em trai cô.

Tuy nhiên, thứ tự trên không được trọn vẹn. Năm 1685, Charles II qua đời sau 25 năm trị vì trên ngai vàng Anh; người em trai là Quận công James Xứ York lên ngôi trở thành Vua James II. Ông này là người chân chất, trực tính, kiêu hãnh và không được tế nhị. Sinh ra theo Tin Lành nhưng sau này chuyển qua Thiên Chúa giáo, James II nhanh chóng thay đổi cán cân quyền lực nghiêng về Thiên Chúa giáo: bổ nhiệm các tổng trấn người Thiên Chúa giáo, Đô đốc Tư lệnh Hạm đội người Thiên Chúa giáo… Người Tin Lành chống đối nhưng tỏ ra nhẫn nhục: James không có con trai, còn hai cô con gái Mary và Anne đều theo Tin Lành. Vì thế, người Anh theo Tin Lành chờ đợi cái chết của James II và sự kế vị của Mary. Ngoài tư cách là chồng của Mary, William của Công quốc Orange cũng còn là cháu trai duy nhất của Vua Charles I và James II, vì thế ông cũng đứng sau dòng nội là Mary (vợ) và Anne (em gái của vợ) theo thứ tự kế vị ngai vàng.

William không ghét bỏ người cậu ruột mà cũng là cha vợ, James II, nhưng rất e sợ sự hiện diện của một vua Anh theo Thiên Chúa giáo, có nghĩa là thân thiện với nước Pháp theo Thiên Chúa giáo để chống người theo Tin Lành ở Anh. Thế nên, ông cũng chờ đợi cái chết của James II. Nhưng ngày 20/6/1688, vợ của James II sinh hạ một con trai[76], thế là vị vua theo Thiên Chúa giáo có một người kế vị theo Thiên Chúa giáo. Diễn biến kế tiếp không phải là vì William tham lam ngai vàng Anh, mà chỉ vì muốn Anh theo về phía Tin Lành.

Bảy nhà lãnh đạo Tin Lành được trọng vọng nhất mời William thay thế cậu ruột mà cũng là cha vợ của ông để lên ngôi vua nước Anh.[77] Được Hạ viện Hà Lan cho phép, William dẫn một đội quân 12.000 người đi trên hạm

đội gồm 200 thuyền buồm và 49 tàu chiến - hầu như toàn bộ hải quân Hà Lan - đi đến Anh. Vua James II điều vị chỉ huy quân sự tài ba nhất mà cũng là người bạn thân của ông, Bá tước John Churchill Marlborough, cầm quân nghênh chiến. Nhưng Marlborough, vốn cũng là người theo đạo Tin Lành, lập tức ngả về phe William. Công chúa Anne, em gái của Mary, cùng với chồng là Hoàng tử George của Đan Mạch cũng ủng hộ William. Mất tinh thần, James II chạy thoát qua Pháp, rồi 13 năm sau qua đời và gửi thây trên đất người.[78]

Mary Stuart ở vào hoàn cảnh đau khổ trong cuộc tranh chấp giữa cha và chồng cô, nhưng vì là người theo Tin Lành và vợ của William, cô ủng hộ William. Cô từ chối một mình kế vị ngai vàng. Nghị viện Anh tấn phong cả hai vợ chồng William và Mary cùng ngự trị trên ngai vàng, trở thành Vua William III và Nữ hoàng Mary II. Đáp lại, hai vị quân vương chuẩn y Đạo luật Nhân quyền cùng những đặc lợi khác, trở thành cốt lõi của hiến pháp Anh hiện giờ.

Điều oái oăm là, dù những biến cố năm 1688 đánh dấu sự thay đổi sâu xa về chính trị và hiến pháp trong lịch sử của Anh, Vua William III không quan tâm lắm. Ông chuẩn y bất kỳ việc gì Nghị viện yêu cầu để tranh thủ sự ủng hộ của họ trong cuộc đấu tranh ở Châu Âu. Ông trao chính sách quốc nội vào tay những người khác trong khi cố kiểm soát chính sách ngoại giao của Anh, phối hớp với chính sách của Hà Lan, ngay cả hợp nhất làm một các hoạt động ngoại giao của Hà Lan và Anh. Chính sách ngoại giao duy nhất của ông đơn giản chỉ là chiến tranh với Pháp; khi chấp nhận William, Anh cũng chấp nhận cuộc chiến của ông.

William không cảm thấy thoải mái ở Anh: ông ghét khí hậu Anh vốn làm cho chứng hen suyễn của ông nặng thêm, và ông ghét người Anh.

Ngược lại, người Anh cũng ghét ông: thiếu hòa đồng với thần dân Anh, khinh rẻ tập tục và truyền thống Anh. Nhưng Mary luôn hết lòng với ông dù cho ông có nhân tình; bà vẫn thay mặt ông cai trị nước Anh khi ông vắng mặt. Khi bà qua đời ở tuổi 32 vì bệnh đậu mùa, William thương tiếc bà thực lòng. Ông tiếp tục là quân vương duy nhất, không có con cái, cô độc, với người kế vị ngai vàng là Công chúa Anne, em gái của Mary.

Điều khiến cho William ghét nước Anh nhất là thái độ ngây thơ, không màng đến quyền lợi dài hạn, không quan tâm đến những gì xảy ra ở lục địa Châu Âu - tóm lại, họ không nhiệt tình ủng hộ ông. Với tư cách là vua nước Anh, ông gắn kết quyền lợi nước Anh với Hà Lan, nhưng không để bên nào chịu thiệt. Ông bắt đầu nói đến "quyền lợi chung của Châu Âu".

Như có thể dự đoán, trong vòng hai năm sau khi William lên ngôi, Anh gây chiến với Pháp. Cuộc chiến chín năm không ngã ngũ, và Hòa ước Ryswick - được soạn thảo ở The Hague năm 1697 (là thời điểm Pyotr thăm viếng Hà Lan) - không thay đổi đường biên giới, nhưng Louis XIV công nhận William là vua của nước Anh. Nền hòa bình ngắn ngủi bị xáo trộn khi Vua Carlos II của Tây Ban Nha, không có người kế vị ngai vàng, để lại đất nước cho cháu nội của Louis XIV, và Hoàng để Pháp xé bỏ hòa ước với William. Lẽ đương nhiên là William không chấp nhận sự hợp nhất về lãnh thổ và quyền lực của Pháp và Tây Ban Nha. Một lần nữa, ông lại nỗ lực một cách không mệt mỏi để tập hợp một liên minh chống Pháp.

Cuộc chiến kế tiếp - mà sau này các sử gia gọi là "Chiến tranh Kế vị Tây Ban Nha" - kéo dài 11 năm và đánh dấu mốc chuyển tiếp giữa hai thế kỷ 17 và 18. Trong giai đoạn trung hạn, mục tiêu của William đã đạt được: đẩy Pháp lui về biên giới của họ, giữ vững nền độc lập của Hà Lan, duy trì đạo Tin Lành ở Châu Âu. Nhưng William không được sống để chứng kiên

những thành quả này. Trước ngày ông định tuyên chiến, con ngựa ông cưỡi bị vấp, ném ông xuống đất. Ông qua đời ngày 19/3/1702, hưởng thọ 50 tuổi.

Pyotr được may mắn vì William tình cờ có mặt tại Hà Lan khi Đại Phái bộ Sứ thần đến. Từ tuổi ấu thơ của Pyotr, William là vị anh hùng Tây Âu mà ông ngưỡng mộ nhất. Trong những buổi tối ở Khu Ngoại ô Đức, Pyotr đã nghe nhiều chuyện về William. Vốn luôn mê say những gì thuộc về Hà Lan, muốn học những bí quyết về hàng hải của Hà Lan, hy vọng Hà Lan ủng hộ trong cuộc chiến chống quân Thổ, Pyotr tha thiết muốn gặp gỡ vị vua mà ông hằng ngưỡng mộ.

Họ hội kiến với nhau lần đầu tiên tại Utrecht; Witsen và Lefort đưa Pyotr đến. Buổi gặp gỡ hoàn toàn trong riêng tư và không nghi lễ - là cách thức hai vị quân vương đều thích. William không đáp ứng lời của Pyotr yêu cầu tham gia liên minh giữa những người Cơ Đốc giáo chống quân Thổ theo Hồi giáo. William còn đang đàm phán hòa bình với Pháp và không muốn tham gia chiến tranh ở miền Đông, kẻo lực lượng của mình bị phân chia và Louis XIV chớp thời cơ ở phương Tây. Dù sao đi nữa, để nghị của Nga không phải được chuyển một cách chính thức từ Sa hoàng đến chính William, mà qua sứ thần Nga đến các nhà lãnh đạo của Hà Lan ở The Hague.

Đại Phái bộ Sứ thần sẽ trình thư ủy nhiệm và phát biểu chính thức với triều đình Hà Lan. Vì Nga không có đại sứ quán thường trực ở nước ngoài, thành phần đông đảo trong phái bộ và nghi lễ đón tiếp họ là những vấn đề rất quan trọng đối với Pyotr. Ông muốn nghi lễ phải thật long trọng và Ryswick là một sân khấu rất thuận lợi. Những chính khách và nhà ngoại giao tiếng tăm nhất của các cường quốc Châu Âu đang có mặt ở đây để tiến

hành hoặc quan sát các cuộc đàm phán hòa bình; bất kỳ chuyện gì xảy ra ở Ryswick sẽ được họ ghi nhận kỹ càng để báo cáo về mọi thủ đô và mọi quân vương ở Châu Âu.

Trong nhiều ngày ở Amsterdam, các đại sứ Nga chuẩn bị kỹ lưỡng cho cuộc triều kiến đến mức rối rắm. Họ đặt mua ba cỗ xe ngựa kéo lộng lẫy, trang phục mới cho họ và cho đoàn tùy tùng. Hai khách sạn ở The Hague đã được đăng ký trước, trữ đầy rượu vang và thức ăn. Pyotr nói với Witsen rằng ông muốn giấu tung tích khi đi cùng phái bộ để quan sát xem họ được đón tiếp như thế nào. Yêu cầu này khiến cho Witsen khó chiều theo, nhưng từ chối càng khó hơn. Dọc con đường từ Amsterdam đến The Hague, Pyotr luôn nhìn thấy những điều mới lạ. Khi đi ngang một cối xay gió, Pyotr hỏi: "Cái này để làm gì? Khi nghe trả lời rằng đây là quạt gió dùng để cắt đá, ông tuyên bố: "Ta muốn xem nó!" cỗ xe dừng lại, nhưng cửa vào quạt gió bị khóa. Ngay cả trong đêm tối, khi đi qua một cây cầu, Pyotr muốn xem xét cách xây dựng và đo kích thước. Cỗ xe dừng lại lần nữa, người ta mang đèn bão đến để soi sáng cho Sa hoàng đo chiều dài và chiều rộng của cây cầu.

Ở The Hague, Pyotr được đưa đến Khách sạn Amsterdam, vào một căn phòng đẹp với chiếc giường lộng lẫy. Ông từ chối, chọn một căn phòng nhỏ ở tầng trên cùng với một chiếc giường đơn giản. Vài phút sau, ông quyết định muốn ở chung với các đại sứ của mình. Lúc ấy là sau nửa đêm, nhưng ông kiên quyết ra lệnh lại thắng ngựa cho cỗ xe để đưa ông đến Khách sạn des Doelens. Ở đây, lại được đưa vào một căn phòng sang trọng mà ông không thích, ông đi tìm chỗ hợp ý hơn. Nhìn thấy một gia nhân của phái bộ đang ngủ trên một tấm da gấu, Pyotr lây chân đẩy anh này, nói: "Này, này, thức dậy!" Anh gia nhân lăn qua một bên, hấm hứ. Pyotr đá anh lần nữa,

thét lên "Nhanh lên, nhanh lên, ta muốn ngủ ở đây!" Lần này, anh gia nhân hiểu ra và nhảy dựng lên. Pyotr thả người lên tâm da gấu ấm áp và ngủ vùi.

Vào ngày các đại sứ Nga được dẫn vào triều kiến, Pyotr ăn vận như là một người sang trọng của triều đình. Witsen đẩy ông vào một căn phòng nhỏ ké bên phòng khánh tiết, từ nơi đây qua một khung cửa sổ nhỏ ông có thể quan sát và nghe tất cả. Rồi ông đứng chờ các đại sứ Nga đến. Ông than phiền: "Họ đến muộn!" Ông càng thiếu kiên nhẫn hơn khi thấy mọi người luôn quay nhìn ông và nghe tiếng thì thầm truyền đi rằng Sa hoàng nước Nga đứng ở phòng bên. Quá khổ sở, ông yêu cầu Witsen ra lệnh cho các thành viên của triều đình Hà Lan quay mặt về phía khác khi ông đi qua. Witsen cho ông biết là mình không thể ra lệnh bởi họ vốn là những nhà lãnh đạo của Hà Lan, nhưng sẽ ngỏ lời yêu cầu. Họ đáp rằng họ phải đứng dậy với sự hiện diện của Sa hoàng và không chấp nhận việc quay lưng về phía Sa hoàng. Khi nghe nói thế, Pyotr che mặt ông trong bộ tóc và bước nhanh lướt qua gian phòng và đi xuống những bậc cầu thang.

Vài phút sau, các đại sứ đến, buổi triều kiến bắt đầu. Lefort có bài phát biểu bằng tiếng Nga được dịch sang tiếng Pháp. Các đại sứ Nga tạo ấn tượng tốt, các bộ trang phục Nga được ngưỡng mộ, và mọi người bàn tán về Sa hoàng nước Nga.

Trong thời gian lưu lại The Hague, Pyotr vẫn giấu tung tích, chỉ tiếp xúc riêng các chính khách Hà Lan nhưng từ chối bất kỳ sự công nhận nào ngoài công cộng. Ông tiếp tục hội đàm riêng với William, nhưng không có tài liệu gì ghi chép nội dũng các cuộc trao đổi này. Cuối cùng, sau khi lấy làm hài lòng về sự đón tiếp dành cho phái bộ Nga, Pyotr giao quyền đàm phán cho các đại sứ để trở về với công việc ở xưởng đóng tàu. Phái bộ Nga chỉ thành công hạn chế. Hà Lan không thiết tha việc gây chiến với Ottoman. Vì đang

bị nợ nần chồng chất sau cuộc chiên tranh với Pháp và cần xây dựng lại hải quân, Hà Lan cũng không thể giúp đóng tàu chiến cho Nga theo như yêu cầu.

Ngày 16/11/1697, chín tuần sau khi đặt ki, vỏ chiếc tàu khu trục đã được hoàn tất, sẵn sàng để hạ thủy. Trong buổi lễ này, Witsen thay mặt cho Thành phố Amsterdam trao tặng con tàu làm món quà biếu cho Sa hoàng nước Nga. Quá cảm động, Sa hoàng ôm hôn ông Thị trưởng, và lập tức đặt tên cho con tàu là *Amsterdam*. Sau đấy, con tàu thẳng tiến đến Arkhangelsk, chở đầy các món trang thiết bị mà Pyotr mua ở Hà Lan. Vui vì con tàu đã hoàn tất, Pyotr còn cảm thấy hãnh diện hơn khi người đốc công trình cho ông tờ giấy chứng nhận người thợ có tên Pyotr Mikhailov đã làm việc tại xưởng đóng tàu trong bốn tháng, là một thợ đóng tàu có năng lực và đã nắm vững khoa học về kiến trúc hải quân.

Tuy thế Pyotr cảm thấy lo lắng về những gì ông đã học ở Hà Lan. Đấy chỉ là khá hơn nghề thợ mộc một chút, áp dụng vào việc ghép nối các mảnh gỗ để tạo nên một con tàu. Pyotr muốn học chuyên sâu hơn đến những bí mật trong khoa thiết kế; trên thực tế, ông muốn đi vào ngành kiến trúc hải quân. Ông muốn có những bản vẽ được soạn thảo một cách khoa học, có toán học kiểm soát, không phải là công việc thủ công tinh vi với búa và rìu. Nhưng ở Hà Lan, việc đóng tàu lại theo kinh nghiệm đã quen tay từ trước. Mỗi xưởng đóng tàu có một thiết kế riêng dựa trên cách tính nhẩm; mỗi thợ đóng tàu làm phần việc đã được chỉ dẫn trước. Như thế, Pyotr không thế mang về Nga những nguyên tắc cơ bản của công nghệ đóng tàu. Để đạt mục tiêu đóng cả nghìn con tàu trên Sông Don cách xa cả nghìn kilômét với lực lượng lao động đa phần thiếu chuyên môn, Pyotr cần đến một phương pháp

thiết kế nào đấy mà người chưa từng đóng tàu bao giờ có thể được chỉ dẫn, thông hiểu và nhân rộng một cách dễ dàng.

Bây giờ, với chiếc tàu khu trục đã được đóng xong, Pyotr quyết định đi Anh để học thêm về ngành đóng tàu. Tháng 11, khi hội đàm với William, Pyotr đã tỏ ý muốn đi Anh. Câu trả lời của William khiến Pyotr vui mừng tột độ: không những đồng ý, nhà vua còn tặng Sa hoàng một thuyền buồm sắp hoàn tất, có hình dáng đẹp nhất và tốc độ nhanh nhất nước Anh thời ấy. Hơn nữa, nhà vua còn phái một hạm đội gồm 5 con tàu để hộ tống chuyến đi đến Anh của Sa hoàng. Pyotr quyết định chỉ cho Menshikov và vài "tình nguyện viên" tháp tùng, những người khác trong phái bộ ở lại để tiếp tục đàm phán với Hà Lan.

Ngày 7/1/1698, sau gần 5 tháng lưu lại Hà Lan, Pyotr và một đoàn tùy tùng nhỏ bước lên soái hạm York của Phó đô đốc Sir David Mitchell, tư lệnh hạm đội, đi viếng thăm Vương quốc Anh.

74. Tuyến phòng thủ Amsterdam dựa trên những đầm lầy, kênh rạch và cửa công, đã được công nhận là Di sản Văn hóa Thế giới. (ND)

75. Vợ ông là con của em trai mẹ ông, vì thế liên hệ giữa hai vợ chồng là "con bác con cậu", nếu là người Việt thì không được lấy nhau. (ND)

76. Người con trai này là James Edwart Stuart (1688-1766), là Hoàng thái tử đáng lẽ được lên làm vua nước Anh, nhưng vì vua cha James II bị truất ngôi, đào thoát qua Pháp mang ông đi theo. Năm 1701, khi James II qua đời, Hoàng đế Louis XIV của Pháp tôn ông làm vua nước Anh theo huyết thống, nhưng cũng trong năm ấy Nghị viện Anh ban hành một đạo luật ngăn chặn người theo Thiên Chúa giáo làm vua nước Anh. Sau năm 1719, ông đến sống ở Roma, nơi ông vẫn được xem là cua Anh cho đến khi qua đời. (ND)

77. Như trên đã ghi, William thuộc dòng ngoại của Hoàng gia Anh nên ông lên làm vua Anh không phải vì huyết thống, mà chủ yếu vì lí do tôn giáo. (ND)

78. Các sử gia phương Tây gọi việc dẫn quân đến Anh để lên ngôi này là cuộc Cách mạng Vinh quang (Anh ngữ: Glorious Revolution). (ND)

16 PYOTR TẠI VƯƠNG QUỐC ANH

Vào thời gian Pyotr vi hành, London và Paris là hai thành phố đông dân nhất Châu Âu. Trên bình diện sức mạnh thương mại, London đứng hàng thứ hai sau Amsterdam, nhung không bao lâu sẽ vượt lên đứng nhất. Tuy nhiên, London có tính chất đặc biệt do vị thế chủ đạo kết hợp so với cả đất nước. Giống như Paris, London là thủ đô; và giống như Amsterdam, nó là cảng lớn nhất, trung tâm của nền thương mại, văn hóa và nghệ thuật của đất nước. Vì thế London kết hợp cả hai ưu thế của Paris và Amsterdam.

London năm 1698 nằm chủ yếu dọc bờ bắc Sông Thames, có vai trò như là đại lộ chính của thành phố nhưng chỉ có một cây cầu duy nhất - cầu London. Con sông rộng gần 230 mét chảy qua giữa hai bờ đầm lầy đầy lau sậy, chen lẫn giữa những vườn cây được cắt tỉa và đồng cỏ xanh tươi - chỉ sau này mới có bờ kè đá. Lúc nào cũng đầy thuyền bè, con sông được dùng làm tuyến giao thông để đi từ đầu này đến đầu kia của thành phố. Vào mùa thu và mùa đông, hơi nước và sương mù từ mặt sông bay lan khắp các đường phố. Bao trùm mọi thứ trong bầu không khí ngột ngạt, độc hại màu nâu do sương mù pha trộn với khói tỏa lên từ hàng nghìn ống khói.

Thành phố London mà Sa hoàng viếng thăm vừa giàu có và sông động, vừa dơ bẩn và nguy hiểm. Những con đường hẹp vương vãi đầy rác rưởi được phóng xuống từ bất kỳ khung cửa sổ nào phía trên. Ngay cả những đại lộ chính cũng tối tăm và thiếu không khí vì các nhà thầu tham lam đã xây tầng trên nhô ra khoảng không gian trên mặt đường. Giao thông ùn tắc khắp nơi. Từng đoàn xe ngựa cày rãnh sâu xuống mặt đường, khiến cho hành khách bên trong bị chao đảo, khi đi đến nơi thì đã hụt hơi thở, buồn nôn và đôi lúc bị bầm giập. Khi hai chiếc xe đi ngược chiều nhau, cuộc cãi vã đáng sợ nổ ra, hai người đánh xe đối đáp nhau bằng danh xưng ác độc và lời chửi rủa thô tục.

London là một thành phố bạo lực với những thú vui thô thiển, dữ dằn, có thể nghiền nát người ngây thơ không được bảo vệ. Đối với phụ nữ, tuổi đồng thuận luyến ái là 12 (và còn được giữ ở mức này cho đến năm 1885). Tội ác đầy rẫy khắp nơi, thậm chí ở vài khu trong thành phô dân chúng không thể ngủ ngon vì những tiếng kêu "Giết người!" phát ra từ đường phố. Việc đánh roi nơi công cộng là cảnh tượng thường thấy, còn các cuộc xử tử thu hút đám đông người dự khán. Vào "Ngày Treo cổ", công nhân, chủ cửa hiệu và người học việc bỏ công ăn việc làm để chen chúc trên đường phố, cười đùa và hy vọng được nhìn thoáng qua gương mặt của tử tội. Phụ nữ và đàn ông giàu có bỏ tiền ra để chiếm chỗ ở các cửa sổ và ban công nhìn xuống con đường dẫn từ Nhà tù Newgat đến Tyburn, nơi thi hành án tử hình, hoặc tốt nhất, là trên các khán đài bằng gỗ được xây lên với mục đích đặc biệt là để đứng nhìn cho rõ. Cách tử hình ghê rợn nhất là dành cho người bị kết án phản quốc. Tử tội bị treo căng ra cho đến khi gần tắt thở vì bị bóp nghẹt, rồi bị mổ bụng, chặt đầu, và thân người bị xẻ ra làm bốn.

Các môn thể thao thường gây đổ máu. Đám đông trả tiền để xem bò rừng hoặc gấu chiến đâu với một đàn chó; răng của con gấu thường đã bị giũa cho cùn, và con gấu chỉ có thể dùng vuốt chống chọi cho đến khi đàn chó xông đến xâu xé. Những trận chọi gà thu hút đông dân cá độ bỏ ra những số tiền lớn cho con gà được huấn luyện theo cách đặc biệt.

Nhưng dù có những bạo lực, London cũng là thành phố với vẻ duyên dáng, đẹp đẽ, và cuộc sống văn minh có vị trí quan trọng. Đây là nơi mà 52 giáo đường của xứ đạo cấp hạt được xây cất trên các khoảng trống do hỏa hoạn gây ra. Những gác chuông cao nhọn, lấp lánh của các giáo đường này in trên nền trời London thành một khung cảnh ngoạn mục đặc biệt, nổi bật nhất là kiến trúc hình vòm khổng lồ của Thánh đường St-Paul. Phải mất 41 năm để xây ngôi thánh đường này, và vào ngày trước khi Pyotr đến, ban hợp xướng đã ra mắt cho những buổi hành lễ công cộng.

Đối với giới trí thức, cuộc sống ở London xoay quanh những quán cà phê, nơi mà người ta có thể thảo luận bất cứ chuyện gì dưới ánh mặt trời. Dần dà, các quán cà phê khác nhau trở nên chuyên biệt hóa để nói chuyện về chính trị, tôn giáo, văn học, khoa học, kinh doanh, hàng hải hoặc nông nghiệp. Sau khi đã chọn cho mình đề tài trò chuyện muốn nghe, khách có thể bước vào, ngồi bên lò sưởi, nhấm nháp cà phê và lắng nghe ý kiến từ mọi trường phái được trình bày qua ngôn từ minh mẫn, có học thức và nồng nàn nhất. Người mồm mép giỏi có thể chia sẻ những dí dỏm của mình, nhà cầm bút có thể chia sẻ trăn trở của họ, chính trị gia có thể dàn xếp sự dung hòa, kẻ cô đơn có thể tìm kiếm niềm ấm cúng giản đơn.

Đấy là London năm 1698. Còn đối với nước Anh, thế kỷ 17 là giai đoạn chuyển tiếp từ một vương quốc hải đảo tương đối nhỏ bé, tầm thường trong thế kỷ 16 của Nữ hoàng Elizabeth I trở thành một cường quốc Châu Âu và

sau đấy là một đế quốc toàn cầu trong các thế kỷ 18 và 19. Sau khi Elizabeth qua đời nam 1603, theo đó là vương triều Tudor, Anh đánh bại hạm đội Vua Philip II của Tây Ban Nha, nên nước này không còn có tham vọng đối với Anh nữa. Nhưng Anh vẫn nằm bên lề chính trường Châu Âu. Việc nối ngôi được giải quyết khi Vua James VI của Scotland, con của Nữ hoàng Mary của Scotland, lên ngôi nước Anh làm Vua James I, bắt đầu một thế kỷ của vương triều Stuart. Trong nửa đầu của thế kỷ, Anh bận bịu với những vấn đề trong nước, cố tháo gỡ những vướng mắc giữa một bên là lương tâm tôn giáo và bên kia là quyền lực của triều đình cùng Nghị viện. Khi cuộc tranh cãi nổ bùng thành chiến tranh, người thứ hai trong vương triều Stuart, Charles I, bị mất đầu. Khi Charles II lên làm vua năm 1660, căng thẳng về tôn giáo vẫn còn sâu sắc. Sau những biến động, nước Anh bị chia rẽ giữa Thiên Chúa giáo và Tin Lành, giữa Giáo hội Anh và người Thanh giáo ly khai.

Tuy thế, quyền lực và tham vọng của Anh đang trên đà đi lên. Giữa thế kỷ 17, Anh đã có ba cuộc chiến tranh trên biển với Hà Lan với kết quả giảm bớt sự thống trị của hải quân Hà Lan. Sau đấy, quân Anh tham gia "Chiến tranh Kế vị Tây Ban Nha" dưới quyền chỉ huy của Quận công John Churchill Marlborough. Họ thắng quân Pháp trong bốn trận đánh lớn, gần như đánh đuổi Louis XIV ra khỏi Versailles khi chính phủ bất ngờ quyết định chấm dứt cuộc chiến. Trong khi Hà Lan đang yếu đi vì gánh nặng chiến tranh, Anh lần hồi bành trướng thế lực hải quân để tạo dựng nên một đế quốc toàn cầu với thuộc địa nằm ở khắp thế giới.

Chuyến viếng thăm của Pyotr diễn ra đúng vào giai đoạn bản lề khi nước Anh chuyển biến thành cường quốc thế giới. Tiềm năng thương mại của Anh không thể sánh được với đất đai màu mỡ của Pháp, nhưng Anh có

một lợi thế rất lớn: đấy là một đảo quốc. Nền an ninh của Anh được đảm bảo không phải bằng hệ thống pháo đài như ở Hà Lan, mà bằng hạm đội. Và tàu chiến tuy có đắt, vẫn còn ít tốn kém hơn lục quân và pháo đài. Louis XIV đã gây dựng hàng chục đạo quân hoành tráng, nhưng để làm việc này ông đã vắt kiệt dân Pháp vì thuế má. Ở Anh, mức thuế do Nghị viện phê chuẩn làm cho dân Anh nghèo thêm nhưng không bị vắt kiệt. Cả Châu Âu đều lấy làm thán phục tính kiên cường của nền kinh tế Anh và mức độ giàu có của Kho bạc Anh. Đây là hệ thống chắc chắn sẽ tạo ấn tượng cho một quân vương đang mong mỏi nâng đất nước ông đi lên từ nền nông nghiệp giản đơn và bước ra thế giới.

H.M.A. York là chiến hạm lớn nhất mà Pyotr đã từng bước lên cho đến lúc này, và trong chuyến đi 24 giờ đến Anh, ông chú tâm quan sát những hoạt động trên con tàu. Mặc dù thời tiết xấu, Sa hoàng luôn đứng trên boong tàu suốt cuộc hải hành, liên tục hỏi han. Khi vào đến cửa sông Thames, Pyotr và Phó đô đốc Mitchell chuyển qua chiếc thuyền buồm Mary được hai tàu khác hộ tống, và đến thả neo gần Cầu London vào sáng ngày 11/1. Nơi đây, Pyotr chuyển qua một chiếc thuyên chèo hoàng gia đế đi đến bến đỗ Strand. Ông được một thị thần Anh đón tiếp với lời chào mừng của Vua William III - Pyotr đáp lời bằng tiếng Hà Lan, và Phó đô đốc Mitchell giúp thông dịch. Pyotr cảm thấy mến mộ Mitchell, nên lời đề nghị đầu tiên của ông với Vua Anh là xin cho Mitchell được tháp tùng và thông dịch cho mình suốt chuyên viếng thăm.

Trong vài ngày đầu, Pyotr ngụ ở số 21 Phố Norfolk. Theo yêu cầu của ông, đấy là một tòa nhà nhỏ và đơn giản, cửa mở trực tiếp ra bờ sông. Hai ngày sau khi Sa hoàng nước Nga đến, Vua nước Anh đến thăm xã giao bằng một cỗ xe nhỏ, không mang dấu hiệu. William III thấy Sa hoàng vẫn còn

mặc áo cộc trong phòng ngủ cùng với bốn người tùy tùng. Hai quân vương bắt đầu chuyện trò, nhưng không bao lâu William cảm thấy khó thở, chứng hen suyễn nổi lên vì căn phòng nhỏ xíu đã bị Pyotr đóng kín theo thói quen ở Nga. William phải yêu cầu mở cửa sổ, rồi ông thở một hơi sâu không khí tươi mát từ bên ngoài ùa vào.

Ngày 23/1, Mitchell và hai cận thần Nga hộ tống Pyotr đi đến Điện Kensington[79] để mở đầu chuyến viếng thăm chính thức Vua William III của Vương quốc Anh. Cuộc hội đàm này kéo dài hơn những lần trước hai người gặp nhau ở Hà Lan và trong căn phòng ở Phố Norfolk. Mặc dù hai người không bao giờ trở nên thân thiết với nhau - có khoảng cách quá lớn giữa một Sa hoang 25 tuổi hồ hởi, thô lỗ và độc đoán so với một vị vua cô đơn, mệt mỏi và u uất - nhưng William cũng chú ý đến Pyotr. Ngoài ấn tượng đối với tính sinh động và tò mò của Sa hoàng, ông không khỏi cảm thấy hãnh diện vì Pyotr tỏ ra ngưỡng mộ đối với cá nhân ông cũng như đối với những chiến công của ông, ông càng thấy vui thêm vì Pyotr có thái độ thù địch với Louis XIV vốn là kẻ đối đầu với ông. Đối với Pyotr, tuổi tác và cung cách của William khiến cho tình thân hữu khó phát triển, nhưng Sa hoàng vẫn tiếp tục tôn trọng người anh hùng gốc Hà Lan của mình.

Sau buổi hội đàm, Pyotr được giới thiệu với Công chúa Anne, lúc ấy 31 tuổi, bốn năm sau sẽ kế vị William III. Ông lấy làm thích thú với thiết bị chỉ hướng gió gắn trong phòng tranh chính của Điện Kensington. Nối với một chong chóng gắn trên nóc, mặt của thiết bị này chỉ gió đang thổi theo hướng nào. Sau này, Pyotr cũng cho gắn một thiết bị như thế trong cung điện mùa hè của mình ở Sankt-Peterburg. Cũng trong buổi gặp gỡ này mà William III đã thuyết phục Pyotr cho phép Sir Godfrey Kneller vẽ chân dung của ông. Hiện nay, bức chân dung của Pyotr Đại đế - mà người đương thời cho rằng

rất giống nhân vật thật - được treo trong phòng tranh của Điện Kensington, cũng là nơi nó được vẽ hơn 300 năm trước.[80]

Tất cả nghi thức của Pyotr ở London gói gọn vào một chuyến viếng thăm Điện Kensington. Thời giờ còn lại, Pyotr đi khắp London như ý muốn, thường là đi bộ ngay cả vào những ngày lộng gió, vẫn muốn giấu tung tích. Cũng giống như khi ở Hà Lan, ông đi thăm viếng cơ xưởng, nhà máy, liên tục hỏi han các vật vận hành như thế nào, lúc nào cũng muốn thu thập bản vẽ và tiêu chí kỹ thuật. Ông mua một đồng hồ bỏ túi và nán lại để học cách tháo ra và lắp lại những bộ phận tinh vi. Ông đến một nhà hát của London nhưng khán giả nhìn đến ông hơn là nhìn về hướng sân khấu khiến cho ông phải lùi về và giấu mặt sau những người tùy tùng.

Nhưng điều thu hút Pyotr mạnh nhất dĩ nhiên là rừng cột buồm của các con tàu đang neo đậu, có ngày lên đến 2.000 tàu. Để được thuận tiện cho việc đi thực tập đóng tàu và tránh đám đông đeo bám, phía Anh đưa Pyotr dời đến ngụ ở Deptford, trong một ngôi nhà sang trọng. Chủ nhà, cây bút nổi tiếng John Evelyn, đã tốn 40 năm để quy hoạch mặt bằng, trồng thảm cỏ chơi bowling, tạo đường đi lát sỏi, trồng những hàng cây… Pyotr hài lòng vì không gian rộng rãi đủ cho cả đoàn, khu vườn để ông thư giãn trong riêng tư, và cánh cổng khu vườn mở thẳng ra bến tàu và con sông.

Không may cho chủ nhà, đoàn Nga đã không màng đến công lao suốt đời của ông trong việc tạo dựng và duy trì khu vườn. Sau khi đoàn Nga ra đi, người ta thấy các cánh cửa và các tấm thảm đã bị lấm bẩn đầy mực và dầu mỡ, gạch lát bị nạy lên, ổ khóa bằng đồng thau bị cạy ra, lớp sơn tường bị trầy trụa và bẩn thỉu, khung cửa sổ bị vỡ, tất cả ghế gỗ đều biến mất - có lẽ đã cho vào lò sưởi. Nệm và ga giường rách bươm giống như bị thú rừng cắn xé. Hai mươi bức họa và chân dung bị rách nát, có lẽ đã được dùng làm

bia tập bắn. Bên ngoài, cả khu vườn bị hủy hại xác xơ, thảm cỏ bị giày đạp thành bãi bùn, các hàng rào cây giập nát vì bị xe cút kít chạy qua. Láng giềng cho biết đoàn Nga đã dùng ba chiếc xe cút kít, mà nước Nga không có, để chơi đùa, với một người ngồi trên xe - đôi khi chính là Sa hoàng - để những người khác đẩy chạy vòng khắp nơi.

Không lấy gì làm lạ là trong giai đoạn đấu tranh về tôn giáo, tinh thần truyền giáo của Tin Lành được đánh thức bởi sự hiện diện của một vị quân vương trẻ có óc tò mò, muốn du nhập công nghệ phương Tây vào vương quốc lạc hậu của mình. Đã muốn du nhập kỹ thuật, tại sao không du nhập giáo điều mới? Có tin đồn đại là vị Sa hoàng không gắn bó lắm với Chính Thống giáo mà lại quan tâm đến đức thì ngoại lai. Liệu có thể thuyết phục ông thay đổi đức tin và qua đấy thuyết phục thần dân của ông? Ít nhất, có thể nào hợp nhất hai giáo hội Anh và Chính thống? Tổng Giám mục Canterbury[81] xem xét khả năng này và Vua William III cũng nghĩ đến. Hai người cử Giám mục địa phận Salisbury là Gilbert Burnet đến diện kiến Sa hoàng nước Nga. Họ gặp nhau vài lần, nhưng Burnet thấy không có hy vọng thuyết phục được Sa hoàng. Pyotr chỉ là người thứ nhất trong số nhiều người Nga có ý tha thiết du nhập công nghệ phương Tây lại bị hiểu lầm là cũng dễ chấp nhận triết lý và ý tưởng phương Tây.

Một thời gian dài sau khi Pyotr trở về Nga, Giám mục Gilbert Bumet đặt bút diễn tả cảm tưởng của mình về vị quân vương Nga:

> Tôi gặp ông ấy thường xuyên… Ông là người rất nóng tính, nhanh nổi giận và có niềm đam mê mãnh liệt… Ông bị chứng co giật toàn thân, đầu của ông dường như cũng chịu ảnh hưởng. Ông không thiếu năng lực, xét qua nền học vấn ít ỏi của ông thì ông có kiến thức khá; sự

thiếu phán xét khi tính khí không ổn định xuất hiện thường xuyên và khá rõ ràng. Dường như ông có thiên bẩm làm một người thợ đóng tàu hơn là một hoàng tử giỏi. Đấy là môn nghiên cứu và thực hành chính của ông khi ông lưu lại đây… Ông quyết tâm khuyến khích việc học tập, khai sáng cho dân mình bằng cách gửi người đi đến những nước khác, đồng thời khuyến dụ người nước ngoài đến sống với họ. Ông vẫn còn lo lắng về những mưu đồ của chị ông. Tính khí ông là sự pha trộn của đam mê và nghiêm khắc, ông có tính cả quyết nhưng không hiểu nhiều về chiến tranh, và dường như không muốn tìm hiểu nhiều về mặt này. Sau khi tôi đã gặp ông và trò chuyện nhiều với ông, tôi không khỏi ngưỡng mộ chiều sâu của thiên lương đã nâng một người có tính khí dữ dội như thế lên địa vị tuyệt đối như thế trên một lãnh thổ rộng lớn như thế.

Mối quan tâm của Pyotr về các sự vụ tôn giáo vượt quá khuôn khổ của Giáo hội Anh. Các lời đồn đại về lòng hiếu kỳ của ông đối với đạo Tin Lành đã khiến nhiều người tìm đến ông hầu mong ông đổi tôn giáo theo họ, hỗ trợ họ, hoặc giúp họ truyền bá Tin Lành trên đất Nga. Pyotr phớt lờ phần lớn những người này. Nhưng ông quan tâm đến giáo phái Quaker, tham dự vài buổi tụ họp của tín đồ Quaker. Cuối cùng, Pyotr tiếp kiến William Penn, người đã được Vua Charles II cấp một nhượng địa ở Mỹ để bù cho món nợ lớn còn thiếu cha ông. Giáo phái Quaker gây ấn tượng dài lâu cho Pyotr. Mười sáu năm sau, khi đi đến Tỉnh Holstein ở Bắc Đức, cùng với Menshikov, Dolgorukov và những cận thần khác, Pyotr tham dự một buổi lễ của tín đồ Quaker. Trong số đoàn Nga, chỉ có Pyotr là hiểu được những lời trao đổi của tín đồ Quaker, và thỉnh thoảng ông thông dịch cho đoàn của

mình. Khi buổi lễ kết thúc, Pyotr phát biểu với các cận thần rằng "bất kỳ ai sống theo chủ thuyết như thế đều sẽ được hạnh phúc". [82]

Cùng thời gian gặp gỡ Giáo hội Anh, Pyotr cũng lo một việc kinh doanh mà ông biết rõ sẽ làm buồn lòng giới tăng lữ Chính thống, vốn vẫn luôn cấm đoán sử dụng thuốc lá mà họ gọi là loại "cỏ chống tín ngưỡng". Năm 1634, Sa hoàng Mikhail, ông nội của Pyotr, cấm sử dụng thuốc lá dưới bất cứ hình thức nào. Hình phạt cho người vi phạm là tử hình, sau đấy giảm xuống là cắt mũi. Tuy thế, làn sóng người nước ngoài đổ xô đến Nga đã khiến thói quen sử dụng thuốc lá lan rộng, và hình phạt ít khi được áp dụng; ngay cả Sa hoàng Aleksei cũng cho phép bán thuốc lá trong thời gian ngắn, biến việc phân phối và buôn bán thuốc lá thành độc quyền của triều đình. Nhưng giáo hội và người Nga bảo thủ vẫn chống đối mạnh mẽ. Pyotr không màng gì đến sự chống đối này; lúc còn là thanh niên ông đã hút ống píp ở Khu Ngoại ô Đức. Trước khi lên đường cùng Đại Phái bộ Sứ thần, ông đã ra chỉ dụ cho phép cả việc mua bán và sử dụng thuốc lá.

Nhờ những vùng thuộc địa ở Mỹ chuyên trồng thuốc lá, người Anh phấn khởi đặc biệt với triển vọng mở thị trường thuốc lá ở Nga. Riêng Pyotr thấy việc dùng thuốc lá theo thói quen của phương Tây một cách rộng rãi sẽ khiến tầm ảnh hưởng của Chính Thống giáo bị lơi lỏng, và còn có yếu tố hấp dẫn khác: tài chính. Lúc này, Đại Phái bộ Sứ thần đang rất cần tiền để trả chi phí khổng lồ cho 250 người, ngay cả khi nước sở tại đã giúp đỡ. Thêm nữa, ở Hà Lan các đại diện của Sa hoàng đang tuyển mộ thủy thủ, công nhân đóng tàu và nhân viên nhiều ngành nghề khác, do vậy phải chi trả các khoản lương ứng trước, chi phí di chuyển… Họ cũng phải mua nhiều vật liệu, phụ tùng và khí tài chất đầy cả 10 con tàu cùng với những người được tuyển dụng. Túi tiền của Đại Phái bộ Sứ thần cứ phải chi ra liên

tục và Moskva thường nhận lệnh phải trả những khoản tiền lớn. Nhưng không bao giờ có đủ.

Đề xuất bên Anh thật hấp dẫn: trả cho Nga một khoản ứng trước lớn để đổi lấy giấy phép xuất thuốc lá qua Nga mà không phải chịu thuế quan và cho bán không hạn chế trên đất Nga. Điều quan trọng nhất đối với Pyotr là bên Anh chịu trả trước bằng tiền mặt cho Pyotr ở London.

Khi không làm việc ở xưởng đóng tàu, Pyotr đi tham quan London và các vùng phụ cận. Ông đến thăm Bệnh viện Hải quân Greenwich và thốt lời khen ngợi kiến trúc của bệnh viện này. Pyotr cảm phục lối sống đạm bạc của William II trong tòa nhà gạch ở Điện Kensington, nhưng khi ngắm qua bệnh viện tráng lệ ông bị thu hút theo cách ngược lại. Sau chuyến đi thăm Bệnh viện Greenwich, khi ngồi ăn tối với vị Vua nước Anh, Pyotr nói: "Nếu tôi có thể đưa đề xuất cho Ngài, thì Ngài nên dời triều đình của mình vào bệnh viện và đưa bệnh nhân vào cung điện của Ngài."

Pyotr đến thăm Đài Thiên văn Greenwich và bàn luận về toán học với các chuyên viên thiên văn hoàng gia. Ông đến thăm Xưởng đúc súng Woolwich và chia sẻ với họ niềm đam mê về đại bác và pháo hoa. Ông đến thăm Tháp London, lúc ấy vừa là kho vũ khí, vừa là vườn thú, bảo tàng và Xưởng Đúc tiền Hoàng gia[83]. Khi đi tham quan những vật trưng bày trong bảo tàng, Pyotr không được cho xem cái rìu mà 50 năm trước, đã được dùng để chặt đầu Vua Charles I. Phía Anh vẫn nhớ rằng cha của Pyotr, Sa hoàng Aleksei, sau khi nghe tin dân Anh chặt đầu đấng quân vương của họ, đã nổi cơn thịnh nộ và xóa bỏ mọi quyền lợi của thương nhân Anh tại Nga. Vì thế phía Anh đã giấu đi cái rìu "vì sợ rằng ông sẽ ném nó xuống Sông Thames."

Đối với Pyotr, điều đáng để ý nhất là Xưởng Đúc tiền Hoàng gia. Thán phục chất lượng của đồng tiền Anh và kỹ thuật tinh xảo, ông trở lại vài lần. Không may cho ông, giám đốc Xưởng Đúc tiền Hoàng gia, Isaac Newton, lúc ấy đang làm việc ở Trường Trinity College, Cambridge. Pyotr có ấn tượng với việc cải tổ hệ thống đồng tiền mà Newton góp phần. Thời bây giờ, người ta có thói quen đưa đồng tiền lên răng cắn một ít lớp bạc ở cạnh, vì thế Anh đã đúc đồng tiền có cạnh răng cưa để giúp đồng tiền được lưu hành lâu dài hơn. Hai năm sau, khi Pyotr cải thiện các đồng tiền Nga hay bị móp méo, ông đã áp dụng kỹ thuật của Anh.

Trong thời gian lưu lại Anh, Pyotr luôn tìm kiếm nhân tài để phục vụ nước Nga. Ông đã phỏng vấn nhiều người và cuối cùng chọn được khoảng 60 người Anh đi theo ông về Nga. Trong số này, có một đốc công đóng tàu, một kỹ sư thủy lợi sau này nhận công tác xây kênh Volga-Don[84], một giáo sư toán học sau này được giao nhiệm vụ mở Trường Toán học và Hải hành ở Moskva. Pyotr cũng viết thư cho một người bạn ở Nga rằng ông đã tuyển mộ hai thợ cắt tóc "để phục vụ những nhu cầu trong tương lai", một ẩn ý có tác động sâu xa đối với những người Nga vốn vẫn hãnh diện về chiều dài bộ râu của họ.

Ngày 2/3, Pyotr càng thêm cảm kích William III khi tiếp nhận món quà hậu hĩ của vua Anh, chiếc thuyền buồm *Royal Transport* (Vận tải Hoàng gia). Ông đi trên thuyền này ngày hôm sau và sử dụng nó mỗi khi có thể thu xếp thời giờ. Thêm nữa, William III ra lệnh thuộc hạ cho Pyotr được tự do xem tất cả những gì ông muốn về hải quân Anh. Đỉnh cao của việc này là Pyotr được mời dự khán cuộc tập trận của hạm đội Anh. Pyotr vô cùng vui sướng và thỏa mãn, cố quan sát và ghi chú tất cả. Đây là ngày trọng đại đối với một người trai trẻ mà chưa đầy 10 năm trước lần đầu tiên mới thấy một

chiếc thuyền buồm. Khi các tàu chiến quay trở về căn cứ, đại bác bắn 21 phát và thủy thủ đoàn hò reo tiễn chào vị quân vương trẻ tuổi lúc ấy đang mơ đến ngày ông sẽ tự tay kéo lá cờ lệnh của mình trên soái hạm của mình.

William III mời Pyotr đến dự khán một phiên họp của Nghị viện Anh. Không muốn bị mọi người nhìn, Pyotr chọn chỗ ngồi gần một cửa số gần hành lang trên cùng. Việc này khiến một người khuyết danh có câu nhận xét lưu hành khắp London: "Hôm nay, tôi đã thấy một cảnh tượng hiếm hoi nhất thế giới: một quân vương ngồi trên ngai và một quân vương khác ngồi trên nóc." Pyotr lắng nghe cuộc tranh luận qua một thông dịch, tuyên bố với tùy tùng rằng, tuy không chấp nhận việc Nghị viện giới hạn quyền lực của quân vương, ông vẫn thấy "điều hay là được nghe thần dân phát biểu một cách trung thực và cởi mở với vua của họ. Đây là điều chúng ta nên học từ người Anh". Trong khi Pyotr đang dự khán, William chính thức phê chuẩn thuế đất dự kiến sẽ thu được 1,5 triệu bảng. Khi Pyotr tỏ ý ngạc nhiên là Nghị viện có thể thu được khoản tiền lớn đến thế chỉ qua một đạo luật, ông được cho biết, năm trước, Nghị viện thông qua một đạo luật để thu khoản ngân sách lớn gấp ba.

Ngày 18/4, Pyotr chào từ giã Vua William III, và ngày 2/5 ông rời nước Anh trên chiếc Royal Transport. Phó đô đốc Mitchell chỉ huy một hạm đội cũng hộ tống chuyến Pyotr trở về Hà Lan.

Đáng tiếc là Pyotr không còn có dịp nào khác nữa để đi trên chiếc Royal Transport tráng lệ này. Tàu dài 30 mét, có 24 đại bác và được trang bị đặc biệt cho xứng với một quân vương. Pyotr chất các loại thiết bị trên chiếc tàu này rồi phái đi về Arkhangelsk rồi từ đấy đi đến sông Volga. Khi Kênh Volga-Don hoàn tất, Pyotr hy vọng có thể đưa con thuyền đến Biển Đen, nhưng không được. Con thuyền trở lại Arkhangelsk, thả neo tại đây trong

15 năm, rồi khi ra Biển Baltic bị chìm trong một cơn dông. Một phiên bản của chiếc Royal Transport được lưu giữ tại Bảo tàng Hải quân ở Sankt-Peterburg.

Pyotr tìm thấy nhiều điều làm cho ông vui thích ở Anh: tính thực tiễn, triều đình và chính phủ làm việc có hiệu năng, những buổi thảo luận về hải quân và pháo binh, diễn tập hải quân… Dù Vua William III không thân thiết với ông, vị vua này đã mở mọi cánh cửa, đã cho Pyotr đi đến bất cứ nơi nào ông muốn ở xưởng đóng tàu, xưởng đúc tiền, đúc súng; đã cho dự khán diễn tập hạm đội, cho phép đoàn Nga được tiếp xúc với mọi người và ghi chú. Pyotr cảm kích và có lòng tôn trọng cao nhất không những đối với thiết kế và kỹ thuật đóng tàu của Anh, mà đối với nước Anh nói chung.

79. Điện Kensington lúc bấy giờ là nơi cư ngụ và làm việc của hoàng gia Anh. (ND)

80. Bức tranh do Pyotr Sir Godfrey Kneller vẽ, được in lại trên bìa sách nguyên bản của Robert K.Massie và nhiều sách khác viết về Pyotr Đại đế. (ND)

81. Tổng Giám mục Canterbury là người đứng đầu Giáo hội Anh, tương tự như Giáo hoàng ở Vatican đứng đầu Thiên Chúa giáo. (ND)

82. Qua những cuộc trao đổi ở Anh, Pyotr thấy có một điều đáng quan tâm là Giáo hội Anh nhìn nhận uy quyền chuyên chế của Vua nước Anh, và giáo điều chịu sự chi phối của Nghị viện Anh. Điều này trái với Giáo hội Chính thống Nga, vốn có tính bảo thủ nên hay chống đối và chỉ trích ông. Pyotr cho rằng như thế là sự cản trở đối với những chương trình cải tổ của mình. Pyotr nhận ra mô hình thích hợp ở Anh, và có lẽ đó ông đã tìm thấy cách cải tổ Giáo hội Chính thống Nga sau này. (ND)

83. Tháp London đã được công nhận là Di sản Văn hóa Thế giới. (ND)

84. Công trình đào kênh nối hai con sông lớn Volga và Don đã được khởi công vào mùa xuân năm 1697, ngay sau khi Pyotr đánh chiếm được Azov, nhằm mở một đường thủy từ Moskva đến Azov. Khởi đầu, công trình này huy động gần 20.000 dân công, dưới sự chỉ huy của Đại tá công binh Brekell người Đức. (ND)

17 LEOPOLD VÀ AUGUSTUS

Pyotr trở về với Đại Phái bộ Sứ thần ở Hà Lan và thấy hàng đống vật liệu, vũ khí, dụng cụ chuyên ngành, trang bị hải quân… đang chờ để được mang về nước. Quan trọng hơn, phái bộ đã tuyển được 640 người Hà Lan, trong số ấy có Chuẩn đô đốc Cornelius Cruys và một số sĩ quan hải quân (cuối cùng, Cruys thuyết phục được 200 sĩ quan hải quân đi theo ông), và thêm thủy thủ, kỹ sư, kỹ thuật viên, thợ đóng tàu, bác sĩ y khoa và chuyên viên các ngành nghề khác. Bên Nga phải thuê 10 chiếc tàu để chuyên chở tất cả về nước.

Ngày 15/5/1698, Đại Phái bộ Sứ thần và Pyotr rời Amsterdam để đến Wien. Khi ghé ngang Dresden, thủ phủ của Công quốc Saxony, Pyotr được tiếp đón nồng hậu. Augustus, vị Tuyển hầu tước của Công quốc Saxony kiêm Vua Augustus II của Ba Lan, lúc này đang ở Ba Lan nhưng đã ra lệnh đối đãi một cách trọng thị Sa hoàng - người mà ông mang ơn một phần vì đã ủng hộ ông lên ngai vàng.

Khi Pyotr đi vào thành phố, ông thấy dân chúng nhìn ông chăm chăm, không những vì thứ bậc mà còn vì chiều cao thân hình của mình. Đã qua nhiều tháng ở Tây Âu, Pyotr càng cảm thấy thêm khó chịu đối với những cái nhìn như thế. Hoàng thân Furstenberg, đại diện của vị Tuyển hầu tước

và là người được cử đón tiếp phái bộ Nga, cố gắng xoa dịu Pyotr. Vì thế, vào buổi tối ngày đầu tiên, Furstenberg đồng ý ngay khi Pyotr yêu cầu được đưa đến hai nơi đặc biệt: Bảo tàng Dresden Kunstkammer và Tòa nhà Green Vault. Sau nửa đêm, Sa hoàng, Hoàng thân và Quản thủ bảo tàng đi vào Kunstkammer. Bảo tàng này đã được thành lập trên 100 năm, trưng bày các hiện vật đặc biệt như đồng hồ, dụng cụ cơ học, dụng cụ hầm mỏ và chế tạo, cùng với sách hiếm, áo giáp quân đội và chân dung các nhà quý tộc…, chính là những thứ làm Pyotr say mê. Ông quyết tâm một ngày nào đấy sẽ thành lập một bảo tàng tương tự cho nước Nga[85]. Tòa nhà Green Vault, "Hầm Xanh", gọi như thế là do màu sơn tường biểu trưng của Saxony, là nơi bí mật sưu tập các loại nữ trang và những món vật quý hiếm khác. Pyotr bị cả hai nơi thu hút, lưu lại xem xét từng món cho đến bình minh.

Hơn 60 kilômét về hướng bắc của thành phố cổ Wien vươn lên hai ngọn đồi; ở hướng đông là Sông Danube chảy về Thành phố Budapest; ở hướng đông là vùng đồng cỏ và cây cối của Rừng Wien. Tuy vậy, cho dù có phong cảnh rực rỡ, Wien không thể sánh với London, Amsterdam, Paris hoặc ngay cả Moskva bởi vì, không giống những thành phố lớn khác của Châu Âu, Wien không phải là thành phố cảng hoặc trung tâm thương mại[86]. Nó chỉ có chức năng duy nhất là thủ phủ của Hoàng tộc Habsburg, là trung tâm hành chính của lãnh thổ rộng lớn trung thành với Hoàng đế Leopold I, trải dài từ Baltic đến Sicily. Thật ra, vào thời của Pyotr, vị Hoàng đế trị vì hai đế quốc. Thứ nhất là Đế quốc La Mã Thần thánh, kết hợp một cách lỏng lẻo những vương quốc độc lập ở Đức và Ý, theo những mối dây liên hệ và truyền thông xưa cũ cả nghìn năm. Đế quốc thứ hai, khá biệt lập và đặc thù, là tập hợp những lãnh địa cũng của dòng họ Habsburg ở Trung Âu gồm Đại Công

quốc Áo, Vương quốc Bohemia, Vương quốc Hungary và các lãnh địa vùng Balkan gần đây được chinh phục từ dân Thổ.[87]

Chính đế quốc thứ nhất đã tạo cho vị Hoàng đế tước hiệu và uy thế lớn lao. Tuy nhiên, tước hiệu chỉ là hư danh, cả đế quốc gần giống như một bình phong. Những người trị vì đích thực là các tước hiệu được cha truyền con nối: tuyển hầu tước, bá tước, lãnh chúa, hoàng thân, quận công… nắm mọi quyền quyết định tôn giáo nào thần dân của họ phải theo, bao nhiêu quân công quốc của họ có quyền huy động, ngay cả quyền quyết định trong thời chiến: về phe với Hoàng đế hoặc chống lại Hoàng đế hoặc giữ trung lập. Khi liên quan đến sách lược trọng đại, họ phớt lờ mối dây liên hệ giữa họ và Hoàng đế. Họ hoặc người đại diện của họ tham gia vào Hội đồng Đế quốc, khởi đầu là cơ quan lập pháp, giờ chỉ có chức năng tham khảo và trang trí.

Hoàng đế phải thông qua Hội đồng Đế quốc để ban hành luật, và những buổi thảo luận không bao giờ đạt sự nhất trí vì tranh cãi kéo dài không dứt. Khi hoàng đế qua đời, Hội đồng này bầu lên người đứng đầu Hoàng tộc Habsburg. Đây là truyền thống, và truyền thống là phần duy nhất của một đế quốc xưa cũ không được phép xóa bỏ.

Dù cho tước hiệu là hư danh, Hoàng đế không phải là vô nghĩa. Sức mạnh của Hoàng tộc Habsburg, ngân sách, quân đội là tập hợp từ các vương quốc dưới quyền cai trị của Hoàng tộc: Áo, Bohemia, Moravia, Silesia, Hungary và những lãnh thổ khác rải rác cùng khắp[88]. Người của Hoàng tộc Habsburg cũng ngự trị trên ngai vàng Tây Ban Nha lúc ấy mở rộng đến Naples và Sicily của Ý hiện giờ. Đế quốc thứ hai này dòm ngó về hướng nam và hướng đông để tìm kiếm rủi ro và cơ hội. Có vị trí như là rào chắn giữa miền tây Châu Âu và vùng Balkan, đế quốc này xem mình có sứ mệnh

thiêng liêng là ngăn chặn bước tiến của Đế quốc Ottoman ở Balkan. Riêng các hoàng thân theo đạo Tin Lành ở miền bắc không quan tâm đến nỗi lo sợ của Hoàng đế hoặc tham vọng ở vùng Balkan; họ xem các vấn đề này là chuyện riêng tư của Hoàng tộc Habsburg, và nếu Hoàng đế có cần họ ủng hộ, ông thường phải bỏ tiền ra mua sự ủng hộ này.

Áo là trung tâm và Wien là con tim của thế giới Habsburg. Đây là một thế giới Thiên Chúa giáo, nặng về truyền thống và nghi lễ rườm rà, được các giáo sĩ Dòng Tên lèo lái - những người chỉ biết tranh luận trong các buổi họp hội đồng chứ không bao giờ biến lời nói thành hành động. Hoặc, bên cạnh quân vương, họ chỉ biết trấn an rằng mọi chuyện đã có Thượng Đế an bài.

Hoàng đế Leopold I của Đế quốc La Mã Thần thánh, Đại Công tước Áo, vua của Bohemia và vua của Hungary, không cho phép người trần nào - ngoại trừ đức Giáo hoàng - ngang hàng với ông. Trong con mắt của Hoàng đế thuộc tộc Habsburg, Hoàng đế Pháp không có tư cách gì khá hơn là một người mới phất lên, có phả hệ lôi thôi và mang tham vọng đáng ghét. Sa hoàng nước Nga lại càng ở vị trí thấp hơn, không hơn gì các hoàng tử phương Đông sống trong lều vải.[89]

Leopold vô cùng tự tin về địa vị của mình. Hoàng tộc Habsburg là đế chế trị vì lâu nhất ở Châu Âu. Trong 300 năm, hoàng tộc này liên tục giữ ngôi của Đế quốc La Mã Thần thánh khởi nguồn từ Charlemagne. Vào thế kỷ 17, Phong trào Cải cách và Chiến tranh Ba mươi năm khiến cho vị thế của Đế quốc đi xuống, nhưng Hoàng đế vẫn là nhà cai trị nổi bật trong thế giới Cơ Đốc. Quyền lực đích thực của ông có thể thua kém Hoàng đế Pháp, nhưng cảm nghĩ vượt trội vẫn còn. Mối ưu tư chính yếu của Leopold là ý thức về địa vị của mình. Ông duy trì một nhóm những sử gia và quản thủ

thư viện chuyên cần nhằm nghiên cứu phả hệ của Hoàng đế liên quan đến vô số những vị anh hùng và vị thánh ngược về thời khai thiên lập địa.

Mặc dù vào năm 1698 Leopold đã trị vì được 40 năm và sẽ ngồi trên ngai vàng thêm 7 năm nữa, ông không phải sinh ra để lên ngôi. Ông là con thứ, khi sinh ra được chuẩn bị công hiến cuộc đời cho giáo hội, nhưng ông lên ngôi khi người anh Ferdinand qua đời. Được bầu làm hoàng đế năm 18 tuổi, Leopold ưa thích những lĩnh vực hiền hòa: thần học, nghệ thuật, nghi lễ triều đình và môn nghiên cứu phả hệ; ông đặc biệt thích âm nhạc và bản thân đã sáng tác nhạc kịch. Ông không phải là chiến binh, tuy trong triều đại của ông đế quốc luôn có chiến tranh. Khi quân Ottoman bao vây và công hãm Wien năm 1683, ông lặng lẽ ra đi, chỉ trở lại khi quân thù đã bị đẩy lui. Leopold có tính khí u uất, hờ hững và ngoan cố. Tuy thế trong tinh thần thờ ơ, bằng cách nào đấy ông thể hiện phẩm giá khắc khổ nhưng không kém oai vệ, một phần là do thái độ của ông đối với chính mình. Ông cho rằng đã là một hoàng đế thì phải ngự trị trên đỉnh cao của nhân loại.

Mọi chi tiết trong đời sống hằng ngày của ông ở triều đình đế quốc được đặt ra để thể hiện địa vị cao cả của ông. Trong các gian phòng và các hanh lang của cung điện có tên là Hofburg, Hoàng đế là đối tượng cho nghi thức chặt chẽ. Mỗi khi Hoàng đế và gia đình ông đi qua, triều thần phải cúi đầu thật thấp và quỳ một gối xuống. Khi tên của ông được thốt ra, ngay cả lúc ông đang ở trong một gian phòng khác, những người nghe được phải thực hiện nghi lễ tương tự. Khi ông dùng bữa một mình, thức ăn đồ uống của ông được chuyển qua 24 bàn tay trước khi được đưa đến bàn ăn hoàng gia. Khi rót rượu cho ông, người phục dịch phải quỳ một gối.

Trung tâm của lễ nghi lố bịch như thế là Điện Hofburg, gồm những kiến trúc lộn xộn được xây dựng qua nhiều thế kỷ, được nối với nhau bằng

những hành lang và cầu thang âm u, những khoảng sân nhỏ bé và lối đi rộng. Trong khối hỗn độn của đá và gạch này, không hề mang tính cân đối và sang của Điện Versailles, vị Hoàng đế và triều đình của ông gồm 2.000 nhà quý tộc và 30.000 thị thần chen chúc nhau trong vô số văn phòng chính phủ, một nhà bảo tàng và ngay cả một bệnh viện. Leopold trị vì từ Hofburg, trừ phi ông thỉnh thoảng đi đến Cung điện Favorits ngoài ngoại ô để săn hươu, hoặc Cung điện Laxenburg cách xa gần 40 kilômét để chơi môn thể thao chim ưng.

Thật ra, sự hỗn độn của triều đình cũng là biểu trưng cho sự hỗn độn của cả đế quốc: không bao giờ có mối kết dính các cơ quan với nhau. Leopold là một quân vương thiếu quyết đoán. Nhút nhát, thiếu nhiệt huyết, không chắc chắn phải quyết định thế nào, ông chỉ biết lắng nghe ý kiến rồi cứ suy đi nghĩ lại về các đề xuất trái ngược nhau của cận thần. Một nhà ngoại giao Pháp mô tả ông như là "một chiếc đồng hồ lúc nào cũng cần phải được lên giây cót." Vào thập kỷ 1690, ông đã thành lập vô số ủy ban, tất cả đều kình chông nhau một cách âm thầm nhưng dữ dội sau lưng ông. Sách lược hình thành chỉ do mặc định.

Trong thâm tâm, Leopold và hai người con kế vị ông - Joseph I và Karl VI - đều không tin rằng nền hành chính hỗn độn là khiếm khuyết cốt lõi của đế quốc họ trị vì. Trải qua gần một thế kỷ, cả ba hoàng đế đều cho rằng việc quản trị hành chính chỉ là thứ yếu so với đức tin vào Thượng Đế và sự ủng hộ của Thiên Chúa giáo. Nếu Thượng Đế hài lòng với họ, Người sẽ phù hộ cho Hoàng tộc này mãi trường tồn và phồn vinh. Đây là cơ sở cho lý thuyết chính trị và phương thức quản trị của họ: ngai vàng và đế quốc đã được Thượng Đế định đoạt.

Dưới triều đại lâu dài của Leopold, dù ông hèn yếu và bộ máy triều đình cứng nhắc, vị thế của đế quốc thực ra lại lên cao. Đấy có thể là do Chúa phù hộ như Leopold vẫn tin tưởng, nhưng trực tiếp hơn, trong những năm gần đây, tương lai và quyền lực của Leopold dựa trên lưỡi gươm sáng loáng của Hoàng thân Eugene Xứ Savoy. Ông là Đại Nguyên soái của Đế quốc La Mã Thần thánh, Tổng Tư lệnh quân đội của đế chế, cùng với Quận công Marlborough của Anh và Vua Karl XII của Thụy Điển là ba nhà cầm quân tài ba nhất trong giai đoạn này ở Châu Âu.

Eugene sinh năm 1663 với hai dòng máu Ý và Pháp. Ông xin vào quân đội Pháp nhưng bị từ chối bởi vì gương mặt và thể hình của ông không cho thấy rõ gốc gác của ông ra sao. Ông được khuyên nên gia nhập hàng giáo sĩ, và Hoàng đế Louis XIV còn công khai gọi ông là "Thầy tu nhỏ". Nước Pháp sẽ phải trả giá đắt cho lời chế nhạo này. Lúc 20 tuổi, Eugene xin gia nhập quân đội của Hoàng đế Áo. Ông thích tích cách nghiêm nghị của triều đình Leopold, còn triều đình này mến ông vì tố chất hăng hái và không phù phiếm - chính những phẩm chất mà người Pháp chê bai ông. Lúc 26 tuổi, ông mang quân hàm tướng kỵ binh; lúc 34 tuổi, ông là tư lệnh quân đội Đế quốc Áo ở Hungary. Nơi đây, ngày 11/9/1697, trong khi Pyotr đang thực tập ở xưởng đóng tàu Amsterdam, Eugene đánh tan một đạo quân của Đế quốc Ottoman đông gấp ba lần quân của ông. Kế tiếp, ông đi chinh chiến ở Bắc Âu, ở Ý và vùng Sông Danube. Ông góp công vào hai chiến thắng lớn của Quận công Marlborough với quyền tư lệnh phó. Thiên tài quân sự của ông bị Marlborough che lấp phần nào, nhưng trong khi Marlborough nổi tiếng là do 10 năm cầm quân trong Chiến tranh Kế vị Tây Ban Nha, Eugene là chiến binh trong 50 năm, trong đó có 30 năm ông nắm quyền tư lệnh.

Đại diện cho vị Hoàng đế oai nghi, các cố vấn, sử gia và nhà nghiên cứu phả hệ tranh cãi với nhau một cách dằng dai về nghi lễ tiếp đón. Dù Nga có lãnh thổ bao la ở phương Đông, Sa hoàng nước Nga không thể được xem là ngang hàng với Hoàng đế Habsburg vốn là người thay mặt Thượng Đế để trị vì một lãnh thổ cũng rộng ở phương Tây. Vấn đề trở nên khúc mắc hơn vì trên danh nghĩa chính thức Sa hoàng không có mặt. Tuy thế đã có thông báo là nên chú ý đến một người cao lớn có tên là Pyotr Mikhailov. Việc hệ trọng như thế cần nhiều thời gian để giải quyết: phải mất bốn ngày mới dàn xếp những chi tiết đón tiếp Đại Phái bộ Sứ thần đến Wien, và phải mất nguyên một tháng đàm phán để đạt thỏa thuận về cung cách Hoàng đế đón tiếp các đại sứ Nga. Các đại thần Áo nhất quyết cho rằng Hoàng đế của họ không thể công khai đón tiếp một Sa hoàng giấu tung tích, nhưng Lefort kiên trì giúp đạt đến thỏa thuận cho một cuộc hội kiến riêng.

Cuộc hội kiến diễn ra trong cung điện mùa hè Favorits bên ngoài thành phố. Đúng theo cách giấu tung tích, Pyotr được dẫn qua một cửa nhỏ của khu vườn, đi lên một cầu thang xoắn. Lefort đã dặn dò kỹ lưỡng nghi thức: hai quân vương sẽ đi vào một phòng khánh tiết dài cùng một lúc qua hai cửa đối diện rồi đi chầm chậm để gặp nhau đúng ở điểm giữa phòng, gần cửa sổ thứ năm. Không may là, khi Pyotr mở cánh cửa và trông thấy Leopold, ông quên mất lời dặn, sải dài bước chân tiến đến, tiếp cận Hoàng đế ở cửa số thứ ba. Cả triều thần Áo há hốc miệng. Nghi lễ không được tôn trọng. Chuyện gì sẽ xảy ra với Pyotr? Chuyện gì sẽ xảy ra với họ? Nhưng khi hai quân vương cùng tiến vào một nơi riêng tư để hội đàm với Lefort làm thông dịch, triều thần đều nhẹ nhõm mà thấy rằng Sa hoàng nước Nga hết mực tỏ lòng kính trọng Hoàng đế của họ. Hai vị quân vương tạo nên sự tương phản: Hoàng đế 58 tuổi người thấp bé, da xanh xao, vẻ mặt ảm đạm;

và Sa hoàng 26 tuổi cao lớn, sinh động, có cử chỉ nhanh nhẹn. Cuộc hội kiến thực ra chỉ là trao đổi những lời chào hỏi và kéo dài 15 phút. Sau đấy, Pyotr đi xuống khu hoa viên cung điện và hào hứng chèo một chiếc thuyền nhỏ vòng quanh một hồ nước.

Trong hai tuần lưu lại Wien, dù quan chức nghi lễ Áo ta thán, Pyotr vẫn giữ tư thái vui vẻ và tôn trọng. Ông đến thăm Hoàng hậu, các công chúa và cố gắng tỏ ra dễ chịu. Ông ôn tồn từ chối số tiền triều đình Áo cung ứng cho chi phí của phái bộ Nga. Ông cho là số tiền này quá cao đối với "ông bạn quý" sau khi đã chịu gánh nặng chiến tranh; ông chỉ nhận một nửa. Các đại thần Áo trước đây đã được thông báo đầy đủ về tư cách[90] của Pyotr ở Moskva cũng như trong chuyến đi Tây Âu, giờ không thể tin rằng con người khiêm tốn trước mặt họ chính là người họ đã từng nghe nói đến. Các đại sứ nước ngoài nói đến "tư cách tinh tế và thanh nhã" của ông. Đại sứ Tây Ban Nha báo cáo về nước:

> Ở đây, ông ấy xem chừng không giống như lời mô tả ở những triều đình khác, mà tỏ ra có văn hóa hơn nhiều, thông minh, với tư cách tuyệt vời và khiêm tốn.

Tính thân thiện một cách đáng ngạc nhiên và sự tò mò của Pyotr đã gây nhiều kỳ vọng cho một thành phần quan trọng ở Wien. Cũng giống như Anh giáo đã muốn dẫn dụ Pyotr theo về giáo lý của họ, bây giờ Thiên Chúa giáo - đặc biệt là Dòng Tên - mong ông quy thuận làm con chiên của họ. Vào ngày Lễ Thánh Pyotr, sau khi đã dự một buổi cầu nguyện do một tu sĩ Chính thống đi theo phái bộ cử hành, Pyotr đến dự lễ ở một nhà thờ Dòng Tên. Rồi ông nghe cha cố giảng: "Chìa khóa sẽ được ban lần thứ hai, cho một Pyotr mới, để ông ấy có thể mở một cánh cửa khác." Không bao lâu

sau đó, Pyotr dự buổi giảng thứ hai, rồi dự bữa ăn trưa với Hồng y địa phận Hungary. Từ cuộc hội kiến này, người ta thấy rõ rằng Pyotr không có ý định thay đổi tôn giáo của mình; lời đồn đại cho rằng ông định đi Roma để được chấp nhận vào giáo hội của Giáo hoàng là sai lạc. Ông định đi Venice chỉ vì muốn học cách đóng thuyền galê. Vị Hồng y mô tả vị khách của mình:

> Sa hoàng… có gương mặt hãnh diện và trang trọng và biểu lộ mọi cảm xúc. Mắt trái của ông, cánh tay trái và chân trái của ông đã bị thương tật do người ta đầu độc khi người anh của ông còn sống, nhưng bây giờ chỉ còn là cái nhìn chăm chăm trong mắt ông và sự chuyển động liên tục của cánh tay và chân… Ông có tính hóm hỉnh nhanh nhạy; cử chỉ có phần lễ độ hơn là man rợ. Chuyến đi đã giúp ông cải thiện nhiều, và rõ ràng có sự khác biệt giữa chuyến đi này và chuyến trước, dù vẫn còn sự thô thiển cố hữu; chủ yếu là qua những mối liên hệ với cận thần của ông, những người mà ông cố kiềm chế. Ông có kiến thức về lịch sử và địa lý, và ông muốn tìm hiểu thêm về hai môn này; nhưng mối quan tâm mạnh mẽ nhất của ông là về biển cả và tàu thuyền, mà chính tay ông làm việc trong những lĩnh vực này.

Trong thời gian thăm viếng của phái bộ Nga, Leopold tổ chức một trong những buổi dạ hội hóa trang nổi tiếng nhất trong triều đình Wien. Khung cảnh giả định là một quán trọ đồng quê, với Hoàng đế và Hoàng hậu là chủ nhân của quán trọ, và triều thần cùng các đại sứ nước ngoài là nông dân trong trang phục của nước họ. Buổi yến tiệc loại bỏ tất cả nghi thức; Hoàng đế và Hoàng hậu ngồi ở bất cứ chỗ nào họ muốn. Khi nâng cốc, Leopold tìm ra một cách thức chúc vị khách tôn quý mà theo chính thức không hiện diện ở đấy. Đứng lên để đối diện với người khách đặc biệt đang che mặt nạ,

Hoàng đế nói: “Tôi tin rằng ông quen biết Sa hoàng. Chúng ta hãy cùng nâng cốc để chúc sức khỏe ông ấy.” Sáng hôm sau, chiếc cốc mà vị Hoàng đế đã dùng để chúc mừng được gửi đến Pyotr làm quà tặng.

Để trả lễ, vào ngày Lễ Thánh Pyotr, phái bộ Nga tổ chức một dạ hội kéo dài suốt đêm cho 1.000 quan khách. Pháo bông tự tay Pyotr đốt, cùng với khiêu vũ, nhậu nhẹt và rượt đuổi nhau khắp khu vườn mùa hè tạo không khí của “Đám Quậy”. Trong buổi yến tiệc chính thức được tổ chức sau khi Hoàng đế đón tiếp phái bộ Nga, cả hai Hoàng hậu Habsburg và Hoàng hậu Nga đều không được chúc sức khỏe. Việc xóa nghi thức này, theo yêu cầu của phía Nga, là dấu hiệu báo trước chuyện sẽ xảy ra cho Evdokia khi Pyotr về nước.

Dù cho bao vẽ thân thiện bề ngoài, chuyến đi của Pyotr đến Wien thất bại về mặt ngoại giao. Phía Nga đã mong Áo tiếp tục cuộc chiến mạnh hơn chống quân Ottoman. Thay vào đấy, Nga phải nỗ lực ngăn chặn Áo chấp nhận đề nghị hòa bình của Ottoman có lợi cho Áo nhưng thiệt cho Nga: các bên tham chiến cam kết tôn trọng tình trạng hiện tại, mỗi bên giữ phần lãnh thổ đã chiếm được. Như thế, Habsburg sẽ được giữ Hungary và vài vùng đất khác. Triển vọng hòa bình như thế quả là hấp dẫn đối với Áo. Hơn nữa, cái bóng của Louis XIV vẫn bao trùm phía Tây. Áo cần thoát ra phía Đông để lo đối phó với Hoàng đế Pháp.

Bên duy nhất không hài lòng với triển vọng hòa bình là Pyotr. Sau khi đã khơi mào chiến tranh với người Thổ, chiếm được pháo đài Azov và lăm le tiến ra Biển Đen, xây dựng hạm đội và đi ra nước ngoài để học cách đóng tàu, thuê thợ đóng tàu, hạm trưởng và thủy thủ để điều hành hạm đội Biển Đen, Pyotr không muốn chấm dứt chiến tranh nếu ít nhất bên Ottoman không chấp nhận cho Nga thông ra Biển Đen.

Pyotr bày tỏ yêu cầu này với phía Áo. Ông mong Hoàng để Áo ép Ottoman nhượng cho Nga pháo đài Kerch nằm ở vị trí không chế eo biển nơi Biển Azov thông ra Biển Đen. Không chiếm được Kerch, hải quân Nga sẽ bị giam hãm trong phạm vi Biển Azov tuy rộng rãi nhưng vô dụng. Bên Áo cho rằng nêu Nga muốn có Kerch thì nên nhanh chóng đánh chiếm vị trí này trước khi ký hòa ước, người Thổ sẽ không nhượng bộ áp lực ở bàn hội nghị, "vì người Thổ không có thói quen bỏ rơi pháo đài mà không qua chiến đấu". ít nhất, Hoàng đế hứa rằng ông sẽ tham khảo với Sa hoàng trước khi ký kết bất cứ hòa ước nào.

Đây là điều tốt nhất mà Nga có thể đạt được, và Pyotr nôn nóng muốn ra đi: Wien không có tàu thuyền, và chặng kế tiếp sẽ là Venice, nơi ông muốn học bí mật của loại thuyền đáy nông có hiệu quả một cách thần kỳ. Ngày 15/7, lúc chuẩn bị lên đường, chuyến thư từ Moskva mang đến tin tức đáng lo của Romodanovsky. Bốn lữ đoàn Cấm vệ, khi được lệnh di chuyển từ Azov đến biên giới Nga-Ba Lan, đã tạo phản và đang tiến về Moskva. Vào lúc Romodanovsky gửi tin, họ chỉ còn cách Moskva 150 kilômét; Shein và Patrick Gordon đã điều quân trung thành đi chặn bước tiến của họ. Thư không nói gì đến lý do hoặc tầm mức của cuộc phản loạn, và không có tin gì về những diễn biên kế tiếp. Thư từ phải mất một tháng mới đến. Pyotr chợt nghĩ ra rằng trong khi ông đang vận bộ quần áo dân quê ở dạ hội hóa trang, Cấm vệ có thể đã chiếm Moskva, người chị cùng cha khác mẹ có thể đã chiếm ngai vàng nước Nga và chính ông có thể đã bị kết án phản quốc.

Lập tức, ông quyết định bãi bỏ chuyến đi Venice, trở về ngay để đối diện với bất cứ điều gì đang chờ đợi ông ở đấy. Hy vọng rằng các phụ chính của mình vẫn còn tại vị, ông viết cho Romodanovsky:

Tôi yêu cầu các ông hãy nghiêm trị; không thể dập tắt ngọn lửa bằng cách nào khác. Mặc dù chúng tôi lấy làm tiếc phải từ bỏ công việc đang thuận lợi, tuy nhiên, vì chuyện này, chúng tôi sẽ trở về với các ông nhanh hơn là các ông nghĩ.

Pyotr cũng quyết định dẫn về hai đại sứ đầu, Lefort và Golovin, để đối phó với tình hình ở Moskva; đại sứ thứ ba, Voznitsyn, sẽ đi Wien như dự kiến để đại diện cho phía Nga tại các cuộc đàm phán sắp tới với người Thổ.

Ngày 19/7, Pyotr rời Wien lên đường đi Ba Lan, khiến cho triều đình Áo vô cùng ngạc nhiên vì họ không biết gì về cuộc binh biến và nghĩ ông sẽ đi Venice. Ông đi ngày và đêm, chỉ dừng lại để dùng bữa và thay đổi ngựa. Ông vừa đến Krakow thì nhận được tin tức mới nhất. Shein đã trấn áp được quân phản loạn, xử tử 130 binh sĩ Cấm vệ và bắt được 1.860 làm tù binh. Pyotr cảm thấy nhẹ nhõm và định quay lại đi Venice như chương trình dự kiến. Nhưng ông đã về được nửa đường, đã vắng mặt một năm rưỡi, và ông muốn làm nhiều việc ở Moskva. Ông tiếp tục hướng về đông nhưng đi chậm lại, ghé ngang Rawa. Ở đây, lần đầu tiên, Sa hoàng gặp một nhân vật khác thường, là người sẽ can dự sâu xa vào các cỗ máy ngoại giao và quân sự của Pyotr và của nước Nga. Đấy là Augustus, Tuyển hầu tước của Công quốc Saxony, nay cũng là Vua Ba Lan nhờ sự ủng hộ của Hoàng đế ở Wien và của Sa hoàng.

Vào thời của Pyotr, Ba Lan là nước yếu nhất trong số những nước lớn ở Châu Âu. Về mặt lãnh thổ và dân số, Ba Lan là ông khổng lồ: biên giới kéo dài từ Siberia sang Ukraina, từ Biển Baltic xuống Carpathian; dân số 8 triệu người (một trong những nước đông dân nhất Châu Âu), nhưng về mặt chinh trị và quân sự lại kém cỏi. Cả vương quốc mênh mông còn tồn tại được chỉ

nhờ các nước láng giềng quá bận rộn hoặc bản thân họ quá yếu nên không thể xâu xé Ba Lan. Trong Đại chiến Bắc Âu sắp bắt đầu và sẽ kéo dài 20 năm, Ba Lan nằm phủ phục với chức năng vô phúc là cung ứng bãi chiến trường cho các lân bang đánh nhau. Ba Lan với dân số 8 triệu nằm bất lực trước sức mạnh quân sự của Thụy Điển với dân số 2 triệu rưỡi.

Một số yêu tố đóng góp vào sự yếu kém của Ba Lan. Yếu tố đầu là thiếu kết nối về sắc tộc hoặc tôn giáo. Chỉ có phân nửa dân số là người Ba Lan đích thực, và chỉ phân nửa số này theo Thiên Chúa giáo. Còn lại là người Litva, Nga, Do Thái và Đức - là hỗn hợp của các tín đồ Tin Lành, Chính thống Nga và đạo Do Thái, thường đối đầu về chính trị và tôn giáo. Người Litva lành chông lẫn nhau và chỉ đoàn kết trong sự thù nghịch với người Ba Lan. Người Do Thái, chiếm tỷ lệ lớn ở thành thị, có ưu thế về thương mại nên khiến cho người Ba Lan e sợ và ganh tỵ. Dân Cossack, vốn trung thành trên danh nghĩa với Thủ lĩnh Mazeppa ở Ukraina và bản thân ông này tuân phục Nga trên danh nghĩa, bất tuân mọi mệnh lệnh của Ba Lan.

Tình trạng chính trị càng rối loạn hơn. Ba Lan là nước cộng hòa có vua được bầu, không phải do cha truyền con nối, vì thế vua chỉ hành xử theo cách mà giới quý tộc cho phép - và thường là họ không cho phép gì cả. Vì thế, quân vương đã trở thành gần như là món trang trí cho nhà nước. Trong thời kỳ mà Pháp đang đi đầu trong việc tập trung quyền lực và lòng trung thành với quân vương, thì Ba Lan đi con đường ngược lại, theo hướng tan rã về chính trị và tình trạng vô chính phủ. Thật sự cầm quyền là những lãnh chúa người Ba Lan và Litva, cai trị từng dải đất rộng mà triều đình trung ương không thể xâm nhập. Riêng dòng họ hùng mạnh cai trị Litva thì dòm ngó ngai vàng, tỏ rõ khinh nhờn tất cả vua Ba Lan.

Chính các nhà quý tộc kiêm địa chủ Ba Lan và Litva vào năm 1572 đã yêu sách là vua phải được bầu lên. Chính họ vào cuối thế kỷ 17 đã nắm giữ mọi tài nguyên của đất nước và xuất khẩu nông sản xuôi dòng Sông Wistla để đưa ra Biển Baltic. Họ nắm giữ toàn bộ quyền lực chính trị qua quyền hạn bầu lên vua Ba Lan và áp đặt một hiệp ước - được ký kết trước lễ đăng quang - quy định những điều kiện cho việc cai trị của nhà vua. Nghị viện Ba Lan đã biểu quyết rằng không thể thông qua luật nào nếu có một nghị viên phủ quyết[91]. Cả nhà vua lẫn Nghị viện đều không có cơ chế nào quy định mức thuế và thu thuế. Không có chính sách ngoại giao theo hệ thống. Một nhà ngoại giao Anh than phiền:

> Đất nước chông chênh này giống như biển cả. Mặt biển thì nổi bọt và dậy sóng… nhưng [khối nước] chỉ di chuyển khi có quyền lực mạnh hơn tác động đến.

Quân đội Ba Lan là hữu danh vô thực. Kỵ binh luôn dũng cảm tuyệt vời và được trang bị lộng lẫy, nhưng không có kỷ luật. Đoàn quân Ba Lan trên chiến trường có thể phình to ra hoặc teo tóp lại bất kỳ lúc nào, vì tùy thuộc vào việc một nhà quý tộc và đội quân của ông ta quyết định gia nhập hoặc rời bỏ hàng ngũ. Chính các nhà quý tộc mới là người quyết định có nên tham gia hay không và khi nào thì tham gia vào chiến dịch. Nếu họ cảm thấy mệt mỏi hoặc chán nản, họ chỉ việc rút lui mà không cần biết sẽ gây nguy hiểm thế nào cho những đội quân khác của Ba Lan. Cũng có lúc vua Ba Lan tham gia cuộc chiến, nhưng nước cộng hòa Ba Lan lại muốn chủ hòa. Chính trong tình hình mù mờ làm hoa cả mắt với một ông vua làm cảnh, một nghị viện bị tê liệt và một quân đội có óc phong kiến cá nhân mà

quốc gia Ba Lan rộng lớn, nhiễu nhương đang nghiêng ngả hướng đến tình trạng vô chính phủ.

Với một hệ thống như thế, hy vọng duy nhất của Ba Lan về sự đoàn kết và ổn định là trông cậy vào một quân vương bằng cách nào đấy vượt lên trên các xáo trộn. Tuy nhiên, việc chọn lựa vua Ba Lan không phải chỉ tùy thuộc vào giới quý tộc trong nước. Vào thời kỳ này, cả Châu Âu đều quan tâm đến việc bầu cử vua Ba Lan dù ông này chỉ có quyền uy giới hạn. Mọi quân vương nước ngoài đều muốn có người thân thiện với mình trên ngai vàng Ba Lan. Pyotr, trên cương vị quân vương của nước láng giềng, đặc biệt quan tâm. Sợ rằng một người thân Pháp có thể đăng quang, Pyotr đã chuẩn bị tấn công Ba Lan nếu cần thiết. Để tạo ảnh hưởng cho cuộc bầu cử hoặc đề phòng trường hợp người thân Pháp đắc cử, Pyotr đã điều quân đến biên giới Nga-Ba Lan (Chính là lệnh điều Cấm vệ từ Azov đến biên giới đã khiến họ phản loạn và bắt buộc Pyotr phải quay về gấp).

Còn phía bên kia, Louis XIV mong muốn một nước Ba Lan thân Pháp nổi lên ngay sau lưng Đế quốc La Mã Thần thánh, ứng cử viên của ông là Hoàng thân de Conti, với nhiều chiến công và tư cách thu hút lòng người đã khiên ông rất được yêu mến trong triều đình Pháp. Nhưng Conti không mặn mà với chức vua Ba Lan, vì không muốn rời xa bạn bè và cuộc sống huy hoàng ở Điện Versailles để đi nhậm chức ở vùng bán khai Tây Âu. Nhưng Louis đã nhất quyết, tung tiền ra để mua phiêu của nhiều nghị viên Ba Lan. Nỗ lực của ông đạt kết quả: Conti được bầu. Ông này đi đến Danzig trên một hạm đội Pháp hùng mạnh do đô đốc nổi tiếng Jean Bart chỉ huy.

Conti đến Ba Lan để rồi thấy rằng kết quả bầu cử đã được thay đổi. Ưng viên bất đắc chí - Tuyển hầu tước Augustus của Saxony - được Sa hoàng Nga và Hoàng đế Áo ủng hộ, phớt lờ kết quả bầu cử của Nghị viện, dẫn đầu

một đoàn quân Saxony hùng mạnh tiến vào Ba Lan. Đến Warszawa trước Conti, Augustus đổi tôn giáo của mình qua Thiên Chúa giáo, thuyết phục Nghị viện thay đổi ý kiến, rồi ngày 15/9/1697 tự đăng quang ngôi vua Ba Lan. Conti lấy làm vui mừng mà trở về Pháp, còn Augustus bắt đầu một triều đại kéo dài 36 năm.

Augustus lên ngôi không đầy một năm khi Pyotr đi ngang qua Ba Lan trên đường trở về Nga. Augustus cũng là Tuyển hầu tước của Saxony, tuy việc hợp nhất giữa Saxony và Ba Lan chỉ thể hiện qua chính cá nhân ông. Hai nước không có đường biên giới chung, mà bị ngăn cách bởi Silesia và Brandenburg. Saxony theo giáo phái Lutheran, còn Ba Lan chủ yếu theo Thiên Chúa giáo. Giống như tất cả vua Ba Lan trước đây, quyền hành của Augustus bị hạn chế, nhưng ông đang nỗ lực cải thiện tình trạng này.

Augustus, lúc ấy 28 tuổi, có thân người cao lớn và sức mạnh đáng kể, là con người đa tình. Ông sưu tập phụ nữ[92], và qua sự thưởng ngoạn bộ sưu tập này được cho là có đến 354 đứa con ngoại hôn. Đam mê nhục dục, ông cũng khoái trò tiếu lâm. Ông tặng Pyotr một chiếc hộp bằng vàng với một lò xo bí mật, được trang trí bằng hai bức vẽ phụ nữ. Bức vẽ trên nắp hộp cho thấy một phụ nữ trong trang phục nghiêm chỉnh, nhưng khi bấm vào lò xo bí mật, nắp hộp bật lên, cho thấy bức vẽ cũng người phụ nữ ấy nhưng trong tình trạng gợi cảm, nóng bỏng sau khi đã chiều theo đòi hỏi của người tình.

Trong con người chất phác, nồng nhiệt và thích hưởng thụ của Augustus, Pyotr tìm thấy một tình thân thương. Họ gặp nhau trong 4 ngày, ăn uống với nhau, dự lễ duyệt binh ban ngày, chè chén ban đêm. Cuộc gặp gỡ này cùng tình bạn vừa chớm giữa Augustus và Pyotr mang lại cho nước Nga những kết quả quan trọng. Sau khi đã nhờ Pyotr đưa mình lên ngôi,

Augustus lợi dụng thêm tình bạn nồng hậu của Sa hoàng để trình bày ý đồ đầy tham vọng: hai bên cùng tấn công Thụy Điển. Vua Karl XI của Thụy Điển đã qua đời, để lại ngai vàng cho con trai mới 15 tuổi. Thời điểm dường như chín muồi để đánh chiếm các tỉnh ven bờ Baltic của Thụy Điển, nhờ đó Ba Lan và Nga có lối thông ra Biển Baltic. Augustus là người tinh ranh và giả dối; chẳng bao lâu ông sẽ đi vào lịch sử là nhà lãnh đạo tráo trở nhất Châu Âu. Chính người như thế đã đề nghị rằng, để đảm bảo thành công, cần hoạch định trong bí mật phương án tác chiến và khởi động bất ngờ.

Pyotr cảm thông với ông bạn mới vì có lý do riêng: ở Wien ông được nghe rằng cuộc chiến với Ottoman sắp kết thúc. Đường xuống Biển Đen vẫn còn bị khóa chặt, thế thì cần mở đường lên Biển Baltic. Với lòng khao khát mở đường hàng hải trực tiếp ra phương Tây và với chiến cụ cùng ý tưởng về tàu thuyền và hải quân ông đã thu thập ở Hà Lan và Anh, lẽ tự nhiên là ông thấy kế hoạch của Augustus nghe ra hấp dẫn. Hơn nữa, các tỉnh mà họ định tấn công một thời đã thuộc về Nga, thế thì bây giờ phải lây lại. Hai mươi lăm năm sau, khi viết phần mở đầu cho lịch sử chính thức của Nga về Đại chiến Bắc Âu, Pyotr Đại để khẳng định rằng ở Rawa, Nga và Ba Lan đã đạt thỏa thuận bước đầu cho việc phối hợp tấn công Thụy Điển.

Đại Phái bộ Sứ thần đã chấm dứt; kế hoạch đi Roma và Venice không thực hiện được vì cuộc nổi loạn của Cấm vệ. Chuyến đi đã giới thiệu người thợ mộc Pyotr Mikhailov với các hoàng thân công quốc, các vị vua và một hoàng đế, và chứng tỏ cho Tây Âu thấy rằng không phải người Nga ăn thịt sống và chỉ mặc da gấu. Những kết quả trọng yếu là gì? Về ý đồ củng cố khối liên minh để chống Ottoman, Đại Phái bộ Sứ thần đã thất bại. Ở mọi nơi đi qua, Pyotr đều cảm nhận cái bóng ảnh hưởng của Louis XIV bao

trùm. Chính vị Hoàng đế Pháp này - chứ không phải Sultan - đã khiến cả Châu Âu phải kiêng dè. Cả nền ngoại giao, tiền bạc, tàu chiến và quân đội của Tây Âu đang được điều động để đối phó với cuộc khủng hoảng sắp đến, khi ngai vàng của Tây Ban Nha bị trống vắng[93]. Nước Nga bị bỏ mặc để tự mình quyết định đánh hoặc đàm phán hòa bình với Ottoman, vì thế không có chọn lựa nào khác hơn là phải hòa hoãn.

Tuy nhiên, theo mục đích thực dụng, Đại Phái bộ Sứ thần thành cộng đáng kể. Họ đã tuyển mộ trên 800 người Tây Âu có năng lực để phục vụ nước Nga. Nhiều người ở lại Nga lâu dài, đóng góp phần quan trọng vào công cuộc hiện đại hóa nước Nga và tên tuổi của họ vĩnh viễn ghi vào lịch sử của triều đại Pyotr.

Quan trọng hơn là ấn tượng sâu sắc và lâu dài mà Tây Âu đã gây cho chính Pyotr. Ông đi Tây Âu để học cách đóng tàu, và đã đạt được mục đích này. Nhưng tính hiếu kỳ đã lôi cuốn ông vào nhiều lĩnh vực mới khác. Ông đã học hỏi từ mọi điều mắt thấy tai nghe - kính hiển vi, áp suất kế, thiết bị chỉ hướng gió, đồng tiền đúc, giải phẫu học, nha khoa, bắn đại bác… Những gì ông đã trông thấy ở các đô thị và bến cảng, những gì ông đã nghe được từ nhà khoa học, nhà sáng chế thương nhân, người buôn bán lẻ, kỹ sư, chủ xưởng in, binh sĩ và thủy thủ, đều tái xác nhận điều ông đã nhận thức từ thời thăm viếng Khu Ngoại ô Đức: về mặt công nghệ nước Nga đi sau Tây Âu cả hàng mấy thập kỷ, có lẽ hàng thế kỷ.

Tự hỏi làm thế nào tình trạng này xảy ra và có thể làm gì để chấn chỉnh, Pyotr đã đi đến kết luận rằng những thành tựu về công nghệ ở Tây Âu là do sự giải phóng đầu óc của con người. Ông nắm bắt được rằng thời kỳ Phục hưng và Phong trào Cải cách đã phá vỡ những trói buộc của giáo hội có từ thời trung cổ và tạo nên môi trường trong đó tranh luận độc lập về triết lý

và khoa học được nảy nở và những cơ sở thương mại đa dạng được triển khai, nhưng không hề ảnh hưởng đến Nga. Ông hiểu rằng những trói buộc như thế vẫn còn hiện hữu trong giáo hội Chính thống ở Nga, được củng cố bằng lối sống và truyền thống dân quê đã tồn tại hàng mấy thế kỷ. Pyotr dứt khoát quyết định phải phá vỡ những trói buộc ấy khi ông về nước.

Nhưng, có điều lạ là Pyotr đã không nắm bắt được - hoặc có lẽ ông không muốn nắm bắt - những hệ lụy về mặt chính trị của cách nhìn mới này về con người. Ông đi phương Tây không phải để học "thuật trị quốc". Dù cho ở các xã hội Tin Lành Tây Âu, ông trông thấy nhan nhản những quyền con người về công dân và chính trị được thể hiện trong các hiến pháp, đạo luật nhân quyền và nghị viện, ông không muốn trở về nhằm san sẻ quyền hành với thần dân của mình. Trái lại, ông trở về không những chỉ với quyết tâm thay đổi đất nước ông, mà còn với niềm tin rằng nếu nước Nga cần được cải tổ, chính ông sẽ là người vừa hướng dẫn vừa thúc đẩy thay đổi. Ông sẽ cố gắng đi đầu; nhưng nếu giáo dục và thuyết phục không đủ mạnh, ông sẽ ra tay lèo lái - và nếu cần sẽ dùng roi vọt - để đất nước đang bị tụt hậu sẽ tiến lên.

85. Kết quả là Bảo tàng Nhân chủng học và Dân tộc học ở Sankt-Peterburg, cũng có tên Kunstkammer, mở cửa cho công chúng từ năm 1714, được xem là một trong những bảo tang lớn nhất thế giới trong lĩnh vực này. Hiện có hơn 1 triệu hiện vật thu thập từ khắp nơi trên thế giới được lưu trữ và trưng bày. (ND)

86. Trung tâm lịch sử Wien đã được công nhận là Di sản Văn hóa Thế giới. (ND)

87. Đại công quốc do đại công tước cai trị, vương quốc do vua cai trị (địa vị thấp hơn hoàng đế và cao hơn đại công tước), lãnh địa là công quốc nhỏ thì thường do công tước đứng đầu, có địa vị thấp hơn cả. (ND)

88. Vào cuối thời kỳ Trung cổ, Đế quốc La Mã Thần thánh bắt đầu là một mớ hỗn tạp khoảng 300 công quốc và vùng lãnh thổ lớn nhỏ. (ND)

89. Ám chỉ con cháu Thành Cát Tư Hãn. (ND)

90. Pyotr có tư cách bị xem là lôi thôi do không màng đến nghi lễ hoặc phép ứng xử, ví dụ: đến bàn ăn thấy chỗ nào trống gần nhất là ngồi vào chứ không để ý đến vị trí cho người cao thấp, khi cảm thấy nóng cứ tự tiện mở ngực áo trước mặt quần thần, thích ăn bốc bằng tay chứ không dùng dao nĩa…(ND)

91. Hơn nữa, các Nghị viện cấp tỉnh có quyền từ chối tuân thủ phán quyết của Nghị viện quốc gia, khiến cho nền chính trị càng thiếu ổn định, hệ thống hành chính dễ bị tê liệt. (ND)

92. Tác giả viết mỉa mai lẫn khôi hài "sưu tập" và "thưởng ngoạn" vì Augustus nổi tiếng là có nhiều bộ sưu tập nghệ thuật quý giá. (ND)

93. Hậu quả là Chiến tranh kế bị Tây Ban Nha, ảnh hưởng rất nhiều đến Nga ngay khi chưa thật sự xảy ra. (ND)

18 "NHỮNG THỨ NÀY LÀM CÁC ÔNG VƯỚNG VÍU"

Bình minh ngày 5/9/1697, Moskva tỉnh giấc nhận được tin Sa hoàng đã về nước. Ông đã trở về đêm trước cùng với Lefort và Fyodor Golovin, ghé qua Kremlin trong chốc lát rồi về ngôi nhà gỗ của mình ở Preobrazhenskoe mà qua đêm với Anna Mons. Vì tin tức lan nhanh khắp thành phố, một nhóm đông các *boyar* và triều thần kéo đến bệ kiến Pyotr để chào đón ông trở về, như một quan sát viên đã nói: "Bằng cách nhanh chóng tỏ thái độ khúm núm, họ muốn chứng tỏ lòng trung thành không gì lay chuyển." Pyotr tiếp họ với tư thái vui mừng hồ hởi. Đối với người quỳ mọp xuống dưới chân ông theo cung cách Nga truyền thống, ông "cúi nâng họ lên và ôm hôn họ, như cách thức giữa bạn bè với nhau".

Chính vào ngày này, sự đón tiếp nồng hậu của họ được đưa vào một cuộc trắc nghiệm. Sau khi đã đi vòng quanh đám đông và trao đổi những cái ôm hôn, thình lình Pyotr lấy ra một lưỡi dao cạo dài của thợ cắt tóc rồi tự tay ông cạo râu của họ. Sa hoàng bắt đầu với Đại Nguyên soái Shein, Tổng Tham mưu trưởng quân đội; ông này vì quá kinh ngạc nên không thể phản ứng gì. Kế đến là Hoàng thân Romodanovsky, dù là một người trung thành, tận tụy chí tình và là bạn ăn nhậu sảng khoái, cũng không thoát. Những người khác cũng lần lượt bị bắt buộc để cho Sa hoàng cạo bộ râu của họ,

cho đến khi tất cả *boyar* hiện diện đều bị cạo nhẵn và không ai còn có thể chỉ trỏ người khác mà cười cợt được nữa. Chỉ có ba người được miễn bị cạo râu do địa vị đặc biệt của họ: Giáo chủ, người ngắm nhìn Sa hoàng làm việc với nỗi kinh hãi; Hoàng thân Mikhail Tcherkassky, vì đã lớn tuổi; và Tikhon Streshnev, được tôn trọng vì là người giám hộ của Hoàng hậu[94].

Trong một loáng, các nhà lãnh đạo chính trị, quân sự và xã hội của Nga được thay đổi về diện mạo. Những khuôn mặt thân quen bao lâu nay đã biến mất. Những gương mặt mới đã xuất hiện, cằm, má, miệng, môi từ bao lâu bị giấu kín, giờ lộ hẳn ra, tạo cho con người diện mạo mới. Hành động của Sa hoàng Pyotr không những tạo phản ứng hài hước, mà còn gây lo âu và khiếp đảm. Đối với đa số người Nga theo Chính Thống giáo, bộ râu dài là biểu tượng cơ bản của đức tin và tự trọng. Giáo sĩ thường từ chối làm phép cho người không có râu; cho họ là đáng xấu hổ, vượt quá giới hạn cho phép của giáo lý. Tuy thế, khi càng ngày càng có nhiều người nước ngoài đến Nga mà không để râu, Sa hoàng Aleksei đã cho phép người Nga được quyền cạo râu nếu họ muốn. Một vài người làm theo, nhưng lại bị Giáo chủ Adrian kết án:

> Thượng Đế không tạo ra con người thiếu chòm râu, chỉ tạo ra chó và mèo như thế. Cạo râu không những là việc điên rồ và ô danh; đấy còn là tội lỗi.

Bản thân không để râu, Pyotr xem bộ râu là không cần thiết, thiếu văn minh và kỳ quặc. Để râu còn khiến cho đất nước làm trò cười cho phương Tây. Đây là một biểu hiện lạc hậu rõ nhất mà ông muốn thay đổi và, theo ý nghĩa tượng trưng, là hủ tục mà ông muốn tự mình tấn công, tự tay cầm con dao. Từ lúc này trở đi, mỗi khi Sa hoàng dự một bữa tiệc hoặc nghi lễ,

người đến dự mang bộ râu đều ra về mặt mũi nhẵn thín. Trong vòng một tuần sau khi trở về nước, ông đến dự buổi tiệc do Đại Nguyên soái Shein khoản đãi và ra lệnh cho một thị thần đi vòng quanh phòng làm nhiệm vụ thợ cạo. Công việc thường khiến nạn nhân khó chịu, bị trầy xước là không tránh khỏi. Nhưng không ai dám kháng cự: Sa hoàng đang đứng đấy để nhéo tai người nào tỏ ra lưỡng lự.

Khởi đầu chỉ là việc thực hiện trong giới thân cận và cho thấy ai muốn được lòng Sa hoàng phải cạo râu, dần dà việc này được luật hóa: mọi người Nga ngoại trừ giới tăng lữ và nông dân đều phải cạo râu; quan quân được lệnh cạo râu bất kỳ người nào họ gặp dù người này có địa vị cao đến đâu. Lúc đầu, những người cố xoay xở để mang râu còn hối lộ quan quân cho họ đi qua, nhưng sau đấy họ lại gặp quan quân khác đòi cạo râu. Chẳng bao lâu, họ thấy rằng mang bộ râu là sự xa xỉ vì tốn quá nhiều tiền.

Rốt cuộc, ai muốn được phép mang râu phải trả một khoản thuế hằng năm. Người trả thuế này được cấp một huy hiệu đeo vòng quanh cổ để chứng minh bộ râu của họ là hợp pháp. Nhiều người sẵn lòng nộp thuế để giữ bộ râu, nhưng không mấy ai dám đứng trước mặt Sa hoàng như thế kẻo gây nên cơn thịnh nộ. Thỉnh thoảng thấy người quanh mình còn mang râu, Pyotr đùa cợt băng cách dùng tay kéo râu của họ ra hoặc cố cạo với một con dao cùn, rứt theo một ít da.[95]

Mặc dù Pyotr lấy làm vui, đa số người Nga cho đấy là hành động gây hấn và sỉ nhục. Nhiều người thà mất đi bất cứ thứ gì khác chứ không muốn bỏ đi bộ râu họ đang mang cả đời, mong rằng sẽ có thể mang bộ râu xuống mồ và hãnh diện là vẫn còn có râu khi qua thế giới bên kia. Họ không thể cưỡng lại: Sa hoàng đã quá quyết tâm. Nhưng họ cố tìm cách chuộc lỗi đối với việc họ đã được dạy bảo là tội lỗi. Một kỹ sư người Anh, người đã được

Pyotr tuyển mộ khi vi hành đến London, mô tả một người thợ mộc Nga già mà ông gặp ở xưởng đóng tàu Voronezh:

> Khoảng thời gian này Sa hoàng đi đến Voronezh nơi tôi đang phục vụ, và nhiều người đàn ông làm việc với tôi vốn đã mang bộ râu cả đời bây giờ phải cạo bỏ. Trong số này là một người thợ mộc Nga già, vừa bước ra khỏi quán cắt tóc… một người thợ rất vững tay nghề mà tôi luôn duy trì tình bằng hữu… Tôi đùa cợt chút ít với ông ấy… nói rằng bây giờ ông trông trẻ ra và hỏi ông định làm gì với bộ râu [đã được cắt đi]… Ông đưa tay vào trong áo, lôi ra bộ râu cho tôi xem; nói với tôi rằng sẽ bảo người bỏ bộ râu vào quan tài khi ông qua đời, để ông có thể kể lại vụ việc với Thánh Nicholas khi qua thế giới bên kia, và rằng những bạn đồng nghiệp của ông cũng đã chuẩn bị như thế.

Khi trở về nước, Pyotr có thái độ vui vẻ và phấn khởi. Ông thấy vui được trở về với bạn hữu của mình và nôn nóng muốn thực hiện những thay đổi nhưng không biết phải bắt đầu từ đâu. Theo tính bốc đồng, ông đi đến một địa điểm này rồi lại vội vã đi đến một địa điểm khác. Ngày thứ hai sau khi trở về Moskva, ông đi kiểm tra quân đội và lập tức phật ý. Nhà ngoại giao Johann Korb người Áo kể lại:

> Khi trông thấy họ [binh sĩ Nga] quá vụng về so với binh sĩ [các nước] khác, ông biểu diễn mọi tư thái và hành động của việc diễn tập, qua dấu hiệu của mình ông dạy cho họ biết làm thế nào họ phải cố cải thiện thân người nặng nề, vụng về của họ. Sau cùng, quá mệt nhọc với đám người vụng về, ông và một nhóm boyar đi ăn bữa tối mà ông đã hẹn trước tại nhà Đại sứ Lefort. Từng loạt đạn pháo hòa với tiếng la thét của đám

người uống rượu, và cuộc vui ở bàn tiệc kéo dài đến khuya. Thế rồi lợi dụng màn đêm, cùng với một vài người thân tín nhất, ông đi đến Kremlin, tìm gặp đứa con trai thân yêu [Hoàng Thái tử Aleksei], hôn cậu bé, để lại nhiều lời hứa thương mến, rồi trở về ngôi nhà gỗ ở Preobrazhenskoe, tránh né Hoàng hậu [Evdokia] mà ông đã có ác cảm từ lâu.

Ít ngày sau, Pyotr tham gia ăn mừng ngày đầu năm - theo lịch của nước Nga xưa cũ là ngày 1/9 - với một yến tiệc lớn ở nhà Đại Nguyên soái Shein. Khách đến dự gồm có một đám đông những *boyar*, quan chức và nhiều giới khác kể cả nhóm thủy thủ của một hạm đội còn phôi thai. Pyotr đặc biệt đề cao các thủy thủ, dành nhiều thời giờ với họ, cắt đôi những quả táo rồi đưa một miếng cho họ và ông ăn miếng còn lại. Ông quàng tay qua một thủy thủ và gọi anh ta "em trai." Họ nâng cốc này rồi lại nâng cốc khác, mỗi lần nâng cốc là đại bác bắn 25 phát đạn chào mừng.

Lại còn có một buổi "giải trí thịnh soạn" diễn ra hai tuần sau khi Sa hoàng trở về. Pyotr đi đến với "nướu sưng lên vì bị đau răng" nhưng vị đại sứ Áo nói rằng chưa bao giờ thấy ông vui vẻ đến thế. Tướng Patrick Gordon đến trình diện Sa hoàng lần đầu tiên từ khi Pyotr trở về, ngỏ lời xin lỗi vì ông đã trở về ngôi nhà đồng quê và không thể quay lại kịp do thời tiết xấu. Vị tướng già hai lần hạ thấp người định quỳ xuống ôm chân Sa hoàng nhưng Pyotr dang tay ra mà ôm lấy ông.

Không bao lâu sau khi Pyotr bắt các *boyar* cạo râu, Pyotr lại đòi hỏi họ phải thay trang phục truyền thống Nga sang kiểu Tây Âu. Vài người đã thay đổi như thế; kiểu Ba Lan đã xuất hiện trong triều đình. Năm 1681, Sa hoàng Fyodor đã bắt quần thần cắt bớt áo ngoài để dễ đi lại. Nhưng hầu hết người

Nga vẫn còn ăn vận theo kiểu cũ: áo thêu, vạt rộng chèn vào trong giày bốt với các ngón cong lên, bên ngoài thêm áo choàng dài bằng nhung hoặc bằng vải satin, vải thêu kim tuyến, với tay áo rất dài và rất rộng. Khi đi ra ngoài, người Nga còn khoác thêm một áo choàng dài, bằng vải nhẹ trong mùa hè, viền lông thú trong mùa đông, với cổ đứng hình vuông và với hai tay còn dài hơn áo trong, thòng xuống đến gót chân.

Pyotr ghét trang phục kiểu truyền thống vì không được tiện lợi. Trong công việc của ông, ăn mặc như thế mà làm việc ở xưởng đóng tàu, điều khiển thuyền, diễu hành trong đoàn quân… luôn làm ông vướng víu, khó đi đứng được linh hoạt. Và ông cũng không thích thiên hạ nhìn mình chằm chằm pha lẫn tò mò, vui thú và khinh thường khi đi trên đường phố ở Tây Âu. Trở về nước, ông nhất quyết thay đổi. Ngày 3/10, khi tổ chức lễ đón tiếp chính thức Đại Phái bộ Sứ thần trở về, Pyotr ra lệnh người tham dự phải mặc trang phục kiểu Tây Âu. Ngay cả Romodanovsky, vốn bảo thủ về cách ăn mặc, cũng phải tuân phục.

Mùa đông năm ấy, trong tiệc mừng khánh thành biệt thự mới của Lefort, Pyotr dùng một chiếc kéo cắt bớt cánh tay áo rộng của các *boyar* xung quanh ông và nói: “Thấy đấy, những thứ này làm các ông vướng víu. Các ông không thể nào được an toàn như thế. Có lúc các ông làm đổ ly rượu, lúc khác các ông đãng trí nhúng nó vào nước xốt.” Ông trả các cánh tay áo đã cắt cho chủ nhân và đề nghị: “Hãy dùng làm ghệt cho giày ủng.”

Năm sau, tháng 1/1700, Pyotr biến sự khuyến khích thành luật. Quan quân đi rảo quanh đường phố, đánh trống và tuyên cáo rằng tất cả giới quý tộc, tất cả nhân viên quan chức và người có tài sản, ở Moskva và các tỉnh, phải từ bỏ loại áo lụng thụng và phải đổi qua kiểu Hungary hoặc kiểu Đức gọn gàng hơn. Năm sau, một chỉ dụ ban hành chi tiết về loại trang phục mà

đàn ông và phụ nữ phải mặc. Chỉ dụ kế tiếp cấm người Nga mang giày ống cao cổ kiểu Nga và dao dài kiểu Nga. Người đi qua các cổng thành phải nộp tiền phạt, trừ nông dân. Kế tiếp, Pyotr ra lệnh lính canh ở các cổng thành bắt người mặc áo truyền thống phải quỳ xuống và xén vạt áo của họ theo đường chạm với mặt đất. Hàng trăm vạt áo bị cắt xén theo cách khôi hài như thế, khởi đầu gây vui đùa trong dân chúng và dần dần xóa bỏ thói quen mặc áo quá dài, đặc biệt là trong vùng gần Moskva và thành thị nơi Sa hoàng đi qua.

Cách thức chuyển đổi thói quen ăn mặc của Pyotr được phụ nữ chấp nhận nhiều hơn đàn ông. Em gái Natalia và chị dâu góa bụa của ông là những phụ nữ đầu tiên nêu gương, tiếp đó nhiều phụ nữ giới quý tộc vội vàng noi theo. Mong muốn theo đúng thời trang, họ đặt mua ở Tây Âu kiểu mẫu các loại áo choàng, giày và mũ đang được dùng ở Điện Versailles.

Theo thời gian, những chỉ dụ kế tiếp mở rộng và chỉnh sửa ý muốn của Pyotr rằng phải mặc các kiểu trang phục mới "để thể hiện sự vinh quang và đoan trang của đất nước và tính chuyên nghiệp của quân đội." Sự chông đối không mạnh như trong việc cạo râu. Giáo sĩ còn có thể nhiếc móc người cạo sạch râu, nhưng giáo hội không đứng lên bảo vệ các kiểu trang phục cổ. Trong vòng năm năm, đại sứ Anh tại Moskva cho biết "trong cả thành phố lớn này không hề thấy có nhân vật quan trọng nào mặc trang phục gì khác hơn là kiểu Đức."

Tuy nhiên, ở vùng nông thôn, sự thay đổi không lan rộng. Nhà quý tộc, quan chức chính quyền hoặc thương nhân có thể đối mặt với Pyotr đành phải ăn mặc theo cách ông mong muốn, nhưng nông dân sống trong vùng sâu vùng xa vẫn theo thời trang cổ xưa. Việc cải tổ về thời trang là ví dụ cho thấy lòng nôn nóng của Pyotr muốn đổi mới theo Tây Âu mà xoa bỏ

thói quen của Nga vốn có lý do chính đáng. Đúng là trang phục kiểu Nga quá lụng thụng khiến cho đi đứng hoặc làm việc đều khó khăn. Nhưng trong mùa đông khắc nghiệt ở Nga, trang phục như thế lại hữu ích. Khi nhiệt độ xuống dưới -20°C hoặc -30°C, người Nga xưa cũ trong bộ áo choàng dài che kín cả chân tay và bộ râu phủ kín cả cằm mặt có thể mãn nguyện nhìn một ông theo Tây Âu mặt nhẵn thín tái nhợt và hai đầu gối phơi ra ngoài khí lạnh liên tục đập vào nhau để cố giữ người được ấm.

Quyết tâm của Pyotr muốn xóa bỏ tất cả dâu vết về thói quen và truyền thống của nước Nga xưa cũ gây hậu quả đen tối cho người vợ của ông, Evdokia. Mùa thu sau chuyến trở về từ Tây Âu đánh dấu sự gãy đổ chung cuộc giữa Sa hoàng 26 tuổi và Hoàng hậu 29 tuổi.

Từ lâu, Pyotr đã muốn chấm dứt cuộc hôn nhân với một phụ nữ mà ông không bao giờ yêu nhưng bị bắt buộc phải cưới. Lúc đầu, người ta thấy rõ rằng ông cố tránh né vợ ông. Cô là con người giản đơn, không có học thức. Cô hãi sợ tính năng nổ của ông và có ác cảm với bạn bè của ông. Là một phụ nữ Chính Thống giáo thuần khiết thành tâm tin rằng người nước ngoài là nguồn gốc của ô uế, cô không chịu được khi phải nhìn thấy chồng mình ăn vận trang phục của họ, sử dụng ngôn ngữ của họ, hành xử thói quen của họ, sống theo ý tưởng của họ.

Khi đi Tây Âu, Pyotr viết thư về yêu cầu người bác Lev Naryshkin khuyến dụ Hoàng hậu trở thành nữ tu. Khi ấy, mọi mối quan hệ trần tục, kể cả hôn nhân, đều sẽ mất hiệu lực. Pyotr lại yêu cầu Romodanovsky can thiệp và dùng ảnh hưởng để thuyết phục Hoàng hậu. Khi trở về Nga, Pyotr giận dữ hỏi Naryshkin và những người khác tại sao không tuân lệnh ông. Họ trả lời rằng chính quân vương phải tự giải quyết vấn đề tế nhị này. Vài ngay sau, Pyotr cho mời Evdokia đến, yêu cầu cô chấp nhận sự chia tay.

Evdokia từ chối, tiên đoán rằng một khi đã vào tu viện cô sẽ không bao giờ gặp mặt đứa con trai nữa (lời tiên đoán trở thành hiện thực sau này). Họ cãi vã với nhau trong bốn giờ đồng hồ nhưng Evdokia vẫn nhất quyết không tự ý từ bỏ cung điện hoặc mối hôn nhân.

Pyotr quyết chí hành động theo cách thức của riêng ông. Trước nhất, ông cách ly đứa con trai Aleksei 8 tuổi rưỡi khỏi mẹ của nó, mang đến cho em gái ông chăm sóc ở Preobrazhenskoe. Sau đấy, một buổi sáng, một cỗ xe đơn giản, không có thị nữ hoặc người hầu, được gửi đến hoàng cung. Evdokia bị bức bách phải lên xe và đi đến Tu viện Pokrovsky ở Suzdal. Ở đây, mười tháng sau, Evdokia bị cạo đầu và bị bắt phải đổi tên để trở thành nữ tu với tên mới là Helena. Sau này cô sẽ tái xuất hiện với cách thức đáng kinh ngạc, nhưng ít nhất trong giai đoạn này Pyotr đã thỏa nguyện: ông được tự do.

Một trong những cải cách khác của Pyotr là về niên lịch. Từ thời cổ xưa, người Nga sử dụng lịch không tính theo năm Jesus ra đời, mà theo năm họ tin rằng thế giới được tạo ra. Theo lịch này, Pyotr trở về từ Tây Âu không phải vào năm 1698, mà là năm 7206. Hơn nữa, người Nga bắt đầu năm mới không phải vào ngày 1/1, mà là ngày 1/9, vì họ tin rằng thế giới được tạo ra khi vụ mùa đã chín, hơn là trong mùa đông khi vạn vật vẫn còn chìm trong tuyết. [96]

Tháng 12/1699, Pyotr ra quy định là năm mới sắp đến sẽ là năm 1700 và bắt đầu ngày 1/1. Trong chỉ dụ, Sa hoàng thẳng thắn giải thích việc thay đổi là cho phù hợp với phương Tây. Để đáp trả những người biện luận rằng Thượng Đế hẳn đã không thể tạo dựng thế giới trong mùa đông giá buốt, Pyotr mời họ "xem bản đồ thế giới, và bằng giọng nói dễ chịu, giải thích cho họ hiểu rằng nước Nga không phải là tất cả của thế giới, và trong khi ở

Nga là mùa đông thì nơi khác là mùa hè.” Để ăn mừng việc thay đổi và tạo ấn tượng về ngày đầu năm, Pyotr ra lệnh cử hành lễ ở tất cả nhà thờ nước Nga vào ngày 1/1. Thêm nữa, ông ra lệnh mọi người trang hoàng nhà cửa trong dịp này, và mọi công dân Moskva phải “biểu lộ niềm hạnh phúc bằng cách lớn tiếng chúc mừng lẫn nhau”.

Pyotr cũng thay đổi tiền tệ của Nga. Lúc trở về từ Tây Âu, ông cảm thấy xấu hổ về hệ thống đồng tiền của Nga: may rủi, thiếu nghiêm túc, lạc hậu. Một lượng lớn tiền là đồng tiền nước ngoài, chủ yếu là Đức và Hà Lan, có đóng thêm chữ “M” để chỉ định “Muscovy”. Đồng tiền thực thụ của Nga là kopek, có chất lượng và kích thước khác nhau rất nhiều, và khi người Nga cần tiền lẻ, họ chỉ việc chặt đồng tiền ra thành vài mảnh nhỏ. Chịu ảnh hưởng từ chuyến thăm viếng Xưởng Đúc tiền Hoàng gia của Anh, Pyotr nhận thức rằng để phát triển thương mại, ông phải có một lượng đồng tiền đầy đủ, được triều đình ban hành và bảo đảm. Vì thế ông ra lệnh sản xuất một lượng lớn đồng tiền có kích thước to hơn, hình thức đẹp hơn, làm bằng đồng để thay thế cho các đồng kopek. Theo sau đáy, ông ban hành những loại đồng tiền bằng bạc và vàng có mệnh giá tính theo đồng rúp, mỗi rúp bằng 100 kopek.

Một ý tưởng khác của nước ngoài được gửi đến Pyotr qua một bức thư nặc danh được tìm thấy nằm trên sàn một văn phòng của triều đình. Thư nặc danh thường tố cáo triều thần, nhưng lá thư này đề xuất Nga sử dụng loại giấy có đóng dấu, để tất cả bản thỏa thuận, hợp đồng, đơn thỉnh nguyện và những loại giấy tờ khác phải được viết trên loại giấy đặc biệt có hình con ó in trên góc trái. Chỉ triều đình được quyền bán loại giấy này, tiền thu được cho vào Kho bạc. Vô cùng sung sướng, Pyotr ban hành chỉ dụ cho thi hành lập tức, và ra lệnh đi tìm người viết bức thư. Đấy là Aleksei Kurbatov, một

gia nhân của Boris Sheremetyev, đã đi theo ông này đến Ý và thấy cách sử dụng loại giấy có đóng dấu của Ý. Pyotr trọng thưởng cho Kurbatov, cử anh vào một chức vụ mới trong triều đình và giao nhiệm vụ cho anh tìm thêm phương thức để tăng mức thu của triều đình.

Chính Pyotr cũng mang về một phương cách Tây Âu để tăng tính hiện đại trong xã hội đồng thời đỡ hao hụt ngân quỹ nhà nước. Cách thức tưởng thưởng theo truyền thống của Sa hoàng là ban tặng những vùng đất rộng hoặc những khoản tiền. Ở Tây Âu, Pyotr đã tìm ra cách thức tiết kiệm hơn để tưởng thưởng. Phỏng theo các loại huân chương ở Tây Âu, Pyotr đặt ra Huân chương Sankt-Andrei, được gọi theo tên thánh bảo trợ nước Nga, để tưởng thưởng cho cấp hiệp sĩ của Nga. Những hiệp sĩ mới được phân biệt bằng một dải băng rộng màu xanh dương nhạt, mang chéo qua ngực, với thánh giá của Thánh Andrei màu đen trên nền men trắng. Người đầu tiên được thưởng Huân chương này là Fyodor Golovin, bạn đồng hành trung thành của Pyotr và đại sứ trong Đại Phái bộ Sứ thần, và bây giờ trên thực tế là thủ tướng tuy không chính thức. Sa hoàng cũng trao tặng Huân chương Sankt-Andrei cho Mazeppa, Thủ lĩnh sắc tộc Cossack, và Boris Sheremetyev, người sẽ kế tiếp Shein làm Tổng Tham mưu trưởng quân đội. Hai mươi lăm năm sau, vào lúc Pyotr qua đời, tổng cộng có 38 nhân vật gồm 24 người Nga và 14 người nước ngoài được trao tặng Huân chương Sankt-Andrei. Từ lúc này cho đến khi chế độ quân chủ của Nga chấm dứt, Huân chương Sankt-Andrei là phần thưởng danh dự cao nhất mà Sa hoàng ban tặng. Vì thế do bản chất của con người, trải qua hai thế kỷ, tướng lĩnh, đô đốc, bộ trưởng và các đại thần khác của triều đình Nga đều xem những mảnh vải, bạc và men ấy có giá trị ngang bằng với hàng nghìn mẫu đất màu mỡ của nước Nga.

94. Trong Chương 9, tác giả nguyên bản ghi Tikhon Streshnev là người giám hộ ngày xưa của Pyotr, có lẽ ông kiêm cả hai việc? (ND)

95. Nông dân không phải trả thuế để râu nếu họ cư ngụ trong làng mạc của mình, nhưng mỗi khi đi vào và ra các thị trấn, họ phải trả khoản phí 1 kopek. (ND)

96. Niên lịch mới mà Pyotr ra lệnh áp dụng là lịch Julian, do Hoàng đế Julian Caesar định ra năm 45 TCN. Pyotr áp dụng lịch này có lẽ là vì chịu ảnh hưởng của Anh quốc lúc bấy giờ cũng áp dụng. Năm 1582, Giáo hoàng Pope Gregory XIII đã quy định niên lịch mới, gọi là lịch Gregorian được áp dụng bây giờ (theo sau lịch Julian khoảng 11 ngày). Tuy nhiên, cáo nước theo Anh giáo và Chính Thống giáo thời đó không chấp nhận lịch do Giáo hoàng Thiên Chúa giáo định. Mãi đến năm 1752 Anh quốc mới đổi qua lịch Gregorian, đến phiên Nga vào năm 1918. (ND)

19 LỬA NUNG VÀ ROI VỌT

Khi đã uống xong các cốc rượu mừng và cắt đi các bộ râu xồm xoàm, nụ cười tắt hẳn trên môi Sa hoàng Pyotr. Ông phải làm một việc nghiêm trọng hơn: đã đến lúc cần giải quyết dứt khoát vấn nạn trường kỳ là Cấm vệ.

Từ ngày Sofia bị truất phế, đội quân danh giá trong lực lượng quân sự của nước Nga cũ này đã bị khinh rẻ có chủ ý. Tại trò chơi đánh trận giả ở Preobrazhenskoe, Cấm vệ luôn phải làm "phe địch" với vai trò luôn là phía bại trận. Gần đây hơn, Cấm vệ bị tổn thất nặng nề trong hai chiến dịch đánh Azov. Họ trở nên bất mãn vì được giao công việc lao động chân tay: đào đất, xây chiến hào, đắp công sự công hãm thành…; họ không thích nhận mệnh lệnh từ sĩ quan nước ngoài; họ càu nhàu khi thấy Sa hoàng quá sốt sắng hỏi han các cố vấn phương Tây bằng thứ ngôn ngữ mà họ không thể hiểu được.

Không may cho Cấm vệ, hai chiến dịch Azov đã cho Sa hoàng thấy rõ tinh thần chiến đấu và kỷ luật của họ yếu kém đến mức nào so với các lữ đoàn của mình, và ông nhất quyết cải tổ quân đội Nga theo cách thức của phương Tây. Sau khi đã chiếm được Azov, Sa hoàng đưa các lữ đoàn của mình về Moskva để ăn mừng chiến thắng và nhận khen thưởng, còn Câm vệ thì ông giữ lại, giao cho họ nhiệm vụ gia cố thành lũy và đóng chốt ở các vị trí vừa chiếm được. Điều này là trái ngược với tiền lệ: từ trước đến giờ,

trong thời bình Cấm vệ trú đóng ở Moskva, là nơi họ bảo vệ Kremlin, sống cùng vợ con, làm ăn buôn bán thêm để làm giàu.

Bây giờ, có một số Cấm vệ đã vắng nhà hai năm - cũng là do chủ ý. Sa hoàng và triều đình của ông chỉ muốn giữ lại ở thủ đô càng ít Cấm vệ càng tốt, và cách tốt nhất để họ rời xa là phái họ đi trú đóng vĩnh viễn ở những tiền đồn vùng biên giới. Vì thế, khi cần tăng cường quân đội Nga dọc biên giới với Ba Lan, triều đình đã điều hơn 2.000 Cấm vệ từ Azov lên. Họ được số Cấm vệ còn lại ở Moskva thay thế, trong khi lực lượng Cảnh vệ Hoàng gia và các đơn vị quân đội tổ chức theo mô hình phương Tây được giữ lại thủ đô để bảo vệ triều đình.

Cấm vệ từ Azov lên đường như lệnh truyền, nhưng cảm thấy bất mãn thêm. Họ tức giận vì phải di chuyển cả nghìn kilômét từ đồn biên giới này đến đồn biên giới khác, càng giận dữ thêm vì không được ghé qua Moskva để thăm gia đình. Dọc đường, có một số Cấm vệ bỏ trốn về Moskva, gửi đơn thỉnh nguyện xin lĩnh tiền lương còn thiếu và yêu cầu được ở lại Moskva. Đơn thỉnh nguyện bị bác, họ nhận lệnh phải quay trở về hàng ngũ lập tức, nếu không sẽ bị xử tội.

Họ trở về với đồng đội và kể lể việc họ đã bị đối xử một cách tệ hại như thế nào. Họ cũng kể lại những tin đồn đã nghe được ở Moskva, nhiều tin liên quan đến Sa hoàng và việc ông vắng mặt lâu ngày để đi Tây Âu. Ngay cả lúc Sa hoàng còn ở trong nước, Cấm vệ đã tức giận khi thấy ông trọng dụng và bổ nhiệm sĩ quan nước ngoài vào các chức vụ cao cấp trong triều đình và quân đội. Bây giờ, họ càng tức giận hơn khi nghe lời đồn đại mới. Họ nghe nói Sa hoàng đã trở thành người Đức, đã từ bỏ Chính Thống giáo; lại còn có tin là Sa hoàng đã chết!

Khi Cấm vệ trao đổi với nhau, những khiếu nại có tính chất cá nhân của họ mở rộng thành ngôn từ phê phán chính trị đối với Sa hoàng: tôn giáo và đất nước đang nguy biến, Sa hoàng không còn xứng đáng là Sa hoàng! Một Sa hoàng nước Nga đúng nghĩa phải ngồi trên ngai vàng ở Kremlin, cách biệt với mọi người, chỉ xuất hiện trong dịp đại lễ, mặc trang phục phủ đầy kim cương và đá quý. Trong khi ấy, cái ông cao lớn Pyotr này lại la ó và chè chén suốt đêm với mấy thợ mộc và người nước ngoài ở Khu Ngoại ô Đức; trong lễ diễu binh mừng chiến thắng hoành tráng lại đi bộ theo sau người nước ngoài mà ông đã phong quân hàm cấp tướng lục quân và đô đốc hải quân! Người như thế không thể là Sa hoàng đích thực! Nếu ông ta thật sự là con của Sa hoàng Aleksei - vì nhiều người không tin như thế - thì ông ta đã bị quỷ ám; và mấy vụ động kinh co giật chứng tỏ ông ta đúng là con của Ác quỷ.

Khi những chuyện như thế nhập vào đầu óc của họ, Cấm vệ nhận thức được nhiệm vụ họ phải làm: truất phế Sa hoàng này - người không phải thật sự là Sa hoàng - và thiết lập lại cung cách, truyền thông xưa cũ.

Chính vào lúc ấy, có chỉ thị đưa đến: Cấm vệ phải phân tán ra thành các đại đội để đến trú đóng ở những đồn xa xôi giữa Moskva và biên giới Ba Lan-Litva, con những kẻ đã đào ngũ trốn về thủ đô sẽ bị bắt và đi đày. Chỉ thị này kích hoạt cho các sự việc về sau. Hơn hai nghìn binh sĩ Cấm vệ quyết định tiến về thủ đô. Ngày 9/6, ngoại giao đoàn nghe tin đồn về việc này. Dân chúng vẫn còn nhớ cuộc bạo loạn 16 năm về trước, nên nhiều người lo đi lánh xa khỏi thủ đô vì e sợ một cuộc chém giết tương tự.

Trong không khí hoảng hốt như thế, triều đình của Sa hoàng họp lại để bàn cách đối phó với hiểm nguy. Không ai biết quân số lực lượng phản loạn là bao nhiêu, hoặc họ còn cách thủ đô bao xa. Các đơn vị quân đội ở thủ đô

được đặt dưới quyền chỉ huy của *boyar* Aleksei Shein, và cũng giống như trong chiến dịch Azov, bên cạnh ông là Đại tướng Patrick Gordon. Shein đồng ý lãnh trách nhiệm đương đầu với Cấm vệ, nhưng ông yêu cầu tất cả thành viên Hội đồng *boyar* đều thống nhất với quyết định dùng biện pháp mạnh và ký tên hoặc đóng dấu của họ vào biên bản buổi họp. Các *boyar* từ chối việc xác nhận, có lẽ nghĩ rằng nếu Cấm vệ thắng, cuộc đời họ sẽ tiêu tan vì chữ ký của họ. Tuy thế, họ đồng ý rằng nhất quyết phải ngăn chặn Cấm vệ tiến vào thủ đô. Cần phải huy động tất cả lực lượng trung thành với triều đình để ngăn chặn họ từ bên ngoài thành phố.

Hai Lữ đoàn Cảnh vệ Hoàng gia Preobrazhenskoe và Semyonovsky nhận lệnh lên đường trong vòng một tiếng đồng hồ. Để ngăn chặn mọi mầm mống phản loạn có thể phát tán đến họ, lệnh truyền ra là kẻ nào từ chối đối đầu với quân tạo phản sẽ bị coi như là tạo phản. Gordon đi giữa hàng quân, kêu gọi và khích lệ họ rằng không có gì vinh quang hơn khi chiến đấu chống lại bọn phản loạn để bảo vệ quân vương và đất nước. Thế là 4.000 quân trung thành lên đường ra khỏi thành phố đi về hướng tây, dẫn đầu là Shein và Gordon. Quan trọng nhất, Đại tá De Grage, sĩ quan pháo binh người Áo, điều động 25 khẩu pháo đi theo.

Cuộc đối đầu xảy ra cách Moskva gần 50 kilômét về hướng tây bắc, gần tu viện nổi tiếng New Jerusalem của Giáo chủ Nikon. Mọi yếu tố đều thuận lợi cho lực lượng trung thành: quân số; bộ chỉ huy, pháo binh, kể cả giờ giấc. Nếu Cấm vệ chỉ cần đến sớm hơn một tiếng đồng hồ, họ đã có thể chiếm tu viện và tổ chức phòng thủ, chống cự lại lực lượng trung thành trong một thời gian dài khiến cho lực lượng này dễ trở nên nhụt chí, qua đấy họ có thể kêu gọi lực lượng này bỏ hàng ngũ mà gia nhập với họ. Sự thật là hai bên giáp mặt nhau ngoài đồng trống.

Có một dòng sông nhỏ chảy gần tu viện. Shein và Gordon bố trí quân dọc bờ đông, chặn đường tiến về Moskva. Chẳng bao lâu, những hàng dài Cấm vệ xuất hiện, và toán tiên phong sửa soạn vượt sông. Để tìm hiểu xem có cơ hội nào chấm dứt cuộc phản loạn một cách êm thấm hay không, Gordon đi xuống bờ sông để nói chuyện với binh sĩ phản loạn. Khi những Cấm vệ đầu tiên bước từ dưới nước lên, ông lấy tư cách là người lính già đế khuyên họ rằng trời đã gần tối và đường về Moskva còn xa, họ nên cắm trại bên kia bờ sông vì bên ấy có nhiều khoảng trông hơn. Họ có thể nghỉ qua đêm, rồi sáng hôm sau sẽ quyết định làm gì tiếp.

Nhóm Cấm vệ đã mỏi mệt và phân vân, không chuẩn bị tinh thần là sẽ chiến đâu trước khi về đến thủ đô, vì thế họ chấp nhận lời khuyên của Gordon mà hạ trại. Trung sĩ Zorin, đại diện cho Cấm vệ, trao cho Gordon một thư thỉnh nguyện chưa viết xong, với nội dung than phiền

> rằng họ đã nhận lệnh đi trấn giữ cả năm trời ở các tiền đồn xa xôi, và khi đến trước Azov, ông người nước ngoài Lefort với mục đích phá hại Chính Thống giáo đã điều cấm vệ Moskva đến bức tường thành không đúng lúc, đưa họ đến nơi chốn hiểm nguy nhất khiến cho nhiều người bị chết; ông ấy đã âm mưu đặt mìn trong chiến hào làm chết hơn 300 người.

Thư thỉnh nguyện tiếp tục với những lời than phiền khác, kể cả việc họ "nghe nói người Đức đang đến Moskva để cạo râu của họ và công khai hút thuốc lá, đi ngược với giáo điều Chính thống".

Trong lúc Gordon đang tiếp xúc với Câm vệ, binh sĩ của Shein lặng lẽ đào công sự bố phòng trên những vị trí cao bên bờ đông và De Grage bố trí

các khẩu đại pháo từ trên cao, hướng nòng súng qua con sông, nhắm đến các vị trí của Cấm vệ ở bờ bên kia.

Bình minh ngày hôm sau, khi đã an tâm thấy vị trí đội quân của mình được củng cố vững chắc theo cách có thể được, Gordon lại đi xuống bờ sông để nói chuyện với Cấm vệ. Lần này, họ đòi hỏi phải đọc các thỉnh nguyện của họ cho đội quân trung thành nghe. Gordon từ chối: nội dung thỉnh nguyện như thế thật ra là lời kêu gọi chống lại Sa hoàng bằng vũ lực và lời kết tội những bạn thân của Sa hoàng, đặc biệt là Lefort. Thay vào đấy, Gordon giải thích về lòng khoan dung của Sa hoàng. Ông kêu gọi Cấm vệ quay bước một cách êm thấm, trở về với nhiệm vụ trấn giữ tiền đồn của họ, bởi vì hành động phản loạn sẽ không mang lại lợi ích gì cả. Ông hứa rằng nếu họ trình thỉnh nguyện một cách ôn hòa kèm với lời cam kết trung thành với Sa hoàng, ông sẽ đảm bảo thư thỉnh nguyện được đáp ứng và những hành động cho đến lúc này sẽ được tha thứ. Gordon đã thất bại. Ông kể: “Tôi đã dùng tất cả ngôn từ hùng biện để thuyết phục, nhưng không thành công.” Phe Cấm vệ trả lời rằng họ chỉ quay lại căn cứ của họ sau khi đã được thăm gia đình và lĩnh phần lương còn thiếu.

Gordon báo cáo sự việc với Shein, rồi đi thuyết phục lần thứ ba với đề nghị sẽ trả lương và ân xá cho họ. Tuy nhiên, đến lúc này phe Cấm vệ đã trở nên mất kiên nhẫn và bồn chồn. Họ cảnh cáo Gordon - chỉ huy cũ của họ và cũng là người nước ngoài - rằng ông nên tránh ra nếu không sẽ ăn đạn. Họ hét lên rằng họ không công nhận ai là người chỉ huy của họ và sẽ không nghe theo mệnh lệnh của ai hết, rằng họ sẽ không quay lại căn cứ, họ phải được nhận vào Moskva, và rằng nếu họ bị cản trở họ sẽ mở đường bằng vũ lực. Giận dữ, Gordon báo cáo với Shein, còn lực lượng trung thành chuẩn bị tác chiến. Dọc bờ sông bên kia, Cấm vệ cũng sắp xếp hàng ngũ,

quỳ xuống xin Thượng Đế phù hộ. Ở hai bên bờ sông, binh sĩ người Nga cùng làm dấu thánh giá để chuẩn bị giao chiến.

Loạt đạn đầu là theo hiệu lệnh của Shein. Với tiếng gầm rít, những cuộn khói bốc lên từ các họng súng đại bác, nhưng không gây tổn thất gì. Đại bác của De Grage chỉ bắn thuốc súng mà không bắn đạn thật; Shein đã hy vọng việc biểu dương hỏa lực như thế có thể khiến Cấm vệ hoảng sợ mà đầu hàng. Thay vào đấy, loạt đại bác đầu tiên có tác dụng ngược lại. Nghe tiếng nổ của đạn pháo nhưng không thấy bên mình bị tổn thất gì, Cấm vệ trở nên bạo dạn thêm vì nghĩ họ có thể mạnh hơn. Thế là, vừa đánh trống vừa giương cao cờ xí, họ kéo nhau vượt sông. Thấy tình hình như thế, Shein và Gordon ra lệnh cho De Grage khai hỏa thật sự. Đại bác lại gầm rít, lần này bắn đạn thật vào hàng ngũ của Cấm vệ. Tiếp tục từng loạt này qua loạt khác, 25 khẩu pháo của De Grage hướng nòng về phía đối diện, đạn pháo thi nhau rơi xuống hàng ngũ quân phản loạn.

Trong vòng một giờ, trận chiến chấm dứt. Trong khi đại bác còn đang nổ, Cấm vệ nằm rạp trên mặt đất, rên la xin đầu hàng. Từ phía quân trung thành, mệnh lệnh truyền sang kêu gọi bên kia buông súng. Cấm vệ lập tức tuân hành, nhưng đạn pháo vẫn rơi trên đầu họ; Gordon nghĩ rằng nếu ra lệnh ngừng pháo kích, Cấm vệ có thể lại trở nên bạo dạn và mở đợt tấn công khác trước khi bị chế ngự hẳn. Theo cách này, đám Cấm vệ kinh hãi và khiếp sợ bị trấn áp thêm đến độ cuối cùng họ không thể làm gì được.

Với cả đoàn Cấm vệ đang bị xiềng xích, Shein không muốn dung thứ. Ông ra lệnh mở cuộc điều tra ngay tại chỗ trong khi đám phản loạn bị xiềng xích trên bãi chiến trường. Ông muốn biết về lý do, kẻ khích động, mục đích. Tất cả binh sĩ Cấm vệ mà ông tra hỏi đều nhìn nhận mình có can dự và đáng tội chết. Nhưng tất cả đều ngậm miệng về mục đích của họ và cũng

không tố cáo ai là người khích động hoặc cầm đầu. Vì thế trên vùng đồng quê xinh tươi gần tu viện New Jerusalem, Shein ra lệnh tra tấn đám Cấm vệ. Lửa nung và roi vọt có hiệu lực; rốt cuộc một binh sĩ chịu cung khai. Nhìn nhận rằng anh và tất cả đồng đội đáng chết, anh khai là nếu cuộc phản loạn thành công, họ định trước nhất sẽ cướp phá rồi thiêu rụi Khu Ngoại ô Đức và tàn sát tất cả cư dân ở đây sau đó kéo vào Moskva, giết bất kỳ ai chống cự, bắt lấy các *boyar*, giết vài người và đày đi những người khác. Tiếp theo, họ sẽ bố cáo với dân chúng rằng Sa hoàng, sau khi ra đi theo lời khuyên hiểm độc của người nước ngoài, đã qua đời ở Tây Âu, và Công chúa Sofia sẽ được mời làm Phụ chính cho đến khi Hoàng Thái tử Aleksei đến tuổi trưởng thành. Để cố vấn và hỗ trợ cho Sofia, Vasily Golitsyn đang bị lưu đày sẽ được mời về.

Có lẽ đây là sự thật, hoặc có lẽ Shein chỉ áp dụng tra tấn để thu được lời cung khai theo ý ông muốn. Dù sao đi nữa, ông cảm thấy hài lòng và, dựa trên lời khai này, ông ra lệnh cho đao phủ thi hành nhiệm vụ. Gordon phản đối lệnh xử tử, không phải để cứu lấy sinh mạng của người bị kết án, mà để muốn khai thác họ thêm sau này. Ông van nài với Shein vì đoán ý Pyotr sẽ muốn đào sâu vào sự thật trong vụ việc. Nhưng Shein là người chỉ huy và nhất quyết cho rằng cần thi hành án tử hình để gây ấn tượng đúng mức với những binh sĩ Cấm vệ khác - và với cả đất nước - để mọi người đều biết số phận của kẻ phản loạn là như thế nào. Kết quả là 130 người bị hành quyết tại chỗ và số còn lại, gần 1.900, bị giải về Moskva trong xiềng xích. Họ bị giam trong tầng hầm của nhiều pháo đài và tu viện khác nhau để chờ Pyotr trở về.

Dọc đường từ Tây Âu về, Pyotr đã được báo cáo về chiến thắng dễ dàng, và được trấn an rằng "không có ai thoát." Tuy thế dù cho cuộc phản

loạn không bao giờ đe dọa ngai vàng và còn bị dập tắt nhanh chóng, Sa hoàng vẫn âu lo. Đúng như Gordon đã đoán, ý nghĩ đầu tiên của ông - sau nỗi âu lo và nhục nhã vì bị quân đội làm phản trong khi ông đang ở nước ngoài - là tự hỏi gốc rễ của cuộc phản loạn đã lan xa đến đâu và nhân vật cấp cao nào đã can dự. Pyotr không nghĩ Cấm vệ tự khởi động. Nhưng ai đã khích động họ? Thay mặt cho ai?

Các *boyar* hoặc quan chức khác đều không thể trả lời thỏa đáng. Họ bảo đảm Cấm vệ vẫn ngoan cố khi bị tra khảo và không chịu cung khai gì. Càng thêm giận dữ và lo lắng, Pyotr ra lệnh giải hàng trăm binh sĩ Cấm vệ đến Preobrazhenskoe. Ông nhất quyết muốn biết liệu có phải dòng họ Miloslavsky đã nổi lên lại hay không. Và nếu đấy không phải là âm mưu hoàn chỉnh nhằm lật đổ ông, ông vẫn muốn dập tắt kẻ gây rối. Kể từ thời thơ ấu của ông, Cấm vệ đã chống đối và đe dọa ông: họ đã tàn sát bạn bè và người thân của ông, họ đã ủng hộ Sofia để chiếm đoạt quyền lực và luôn có âm mưu chống đối ông; chỉ hai tuần trước khi đi Tây Âu, âm mưu của Đại tá Cấm vệ Tsykler đã bị khám phá. Bây giờ, một lần nữa họ đã sử dụng ngôn từ bạo động với bạn bè ông và chính ông, thậm chí còn hành quân đến Moskva với ý định lật đổ chính phủ. Pyotr cảm thấy mệt mỏi với tất cả: những phiền hà cũng như nguy hiểm mà họ gây ra, yêu sách kiêu ngạo để có đặc quyền, để muốn chỉ chiến đấu cho đất nước khi họ thích và ở nơi họ thích - tư cách tồi tệ của người lính chiến như là trong thời trung cổ giữa một thế giới hiện đại. Ông muốn dẹp bỏ bọn họ, một lần cho dứt điểm, bằng cách này hay cách khác.

Điều tra có nghĩa là tra tấn. Tra tấn ở Nga vào thời kỳ Pyotr được áp dụng để đạt ba mục đích: để bắt nghi phạm phải cung khai, để trừng phạt

khi không cần lấy thông tin gì, và để khởi đầu cho việc xử tử. Nói chung, có ba phương pháp tra tấn truyền thống ở Nga: dùi cui, lửa nung và roi vọt.

Dùi cui là một cây gậy có kích thước khoảng ngón tay cái, dùng để đánh người phạm tội nhẹ. Nạn nhân được cho nằm sấp trên mặt đất, lưng bị lột trần, hai tay và hai chân dang ra. Hai người cầm dùi cui đánh cùng lúc trên tâm lưng trần, một người ngồi hoặc quỳ gối trên đầu và hai tay nạn nhân, người kia ngồi hoặc quỳ gối trên hai chân nạn nhân. Đánh bằng dùi cui ít khi làm nạn nhân chết.

Nặng hơn là dùng roi vọt, đấy là một sợi roi làm bằng da cứng, dài khoảng hơn một mét. Mỗi một cú đánh bằng roi rứt một mảnh da trên người nạn nhân, và khi đánh liên tiếp vào cùng một chỗ có thể rứt thịt thấu cho đến xương. Hình phạt thường là 15-25 roi; nhiều hơn nữa có thể giết chết nạn nhân.

Tra tấn bằng lửa là thông thường, có khi kết hợp với hình thức tra tấn khác. Cách đơn giản là cột hai chân và hai tay nạn nhân vào nhau, trói thân người nạn nhân vào một cái cột, và tâm lưng trần của nạn nhân bị nung trên ngọn lửa. Có lúc sau khi bị roi vọt, nạn nhân bị tra tấn tiếp bằng lửa nung.

Việc xử tử ở Nga tương tự như ở nước khác: trên giàn thiêu, hoặc treo cổ, hoặc chém đầu. Nạn nhân bị xử chém có thể bị chém hai tay và hai chân trước. Người làm tiền giả bị xử bằng cách nấu cho nung chảy đồng tiền họ đã làm ra rồi đổ chất lỏng kim khí nóng bỏng vào miệng của họ. Người bị kết tội hiếp dâm thì bị thiến.

Mặc dù việc tra tấn công khai không phải là hiếm ở Châu Âu vào thế kỷ 17, người nước ngoài có cơ hội dự khán đều bị ấn tượng mạnh với thái độ ngoan cố mà các nạn nhân người Nga thể hiện. Họ nhất quyết chống chọi

với mọi đau đớn, không hề khai báo đồng phạm, và khi bị tử hình họ ngoan ngoãn và im lặng đi lên giàn hành quyết.

Tính kiên cường chịu đựng nhục hình không những khiến cho người nước ngoài mà chính Pyotr cũng ngạc nhiên. Điều còn đáng ngạc nhiên hơn, thậm chí cảm động, là có những nạn nhân đã chịu đựng qua tra tấn và sẵn sàng chịu chết mà không hề khai báo, nhưng lại khuất phục nếu sau đấy được đối xử tử tế. Đấy là trường hợp khi Pyotr thấy một nạn nhân quá kiên cường, tiến đến, hôn anh mà nói:

> Ta chắc chắn là anh biết về âm mưu chống lại ta. Anh bị trừng phạt như thế đủ rồi. Bây giờ, hãy khai báo những gì anh biết, theo tình thương anh dành cho quân vương của anh. Và ta thề với Thượng Đế, là đấng đã ban tước hiệu Sa hoàng cho ta, không những sẽ ân xá hoàn toàn cho anh, mà còn phong anh làm đại tá để chứng tỏ lòng khoan dung của ta.

Phương thức kỳ lạ này đã làm cho người tù bị mất hết nhuệ khí, và cảm động đến mức anh ôm vị Sa hoàng trong vòng tay và nói: "Đối với tôi, đây là hình thức tra tấn nặng nhất. Ngài không thể bắt tôi phải nói theo cách nào khác." Anh khai tất cả cho Pyotr nghe, và Pyotr giữ lời hứa, ân xá cho anh và phong anh làm đại tá.

Tra tấn được mọi nước áp dụng cho những tội khác nhau, đặc biệt là tội chống lại quân vương hoặc chống lại đất nước, tức phản quốc. Vì lẽ quân vương chính là đất nước, chống đối quân vương bằng bất kỳ hình thức nào - từ việc ám sát cho đến thốt lời xầm xì nhẹ nhất - cũng thường bị xem là phản quốc và bị trừng phạt theo tội này. Nhưng tội phạm vẫn có thể bị tra

tấn và xử tử nếu họ theo một tôn giáo bị cấm hoặc vì tội móc túi. Nhưng ở toàn Châu Âu, những ai động chạm đến thân thể hoặc danh dự của quân vương đều bị pháp luật xử một cách nghiêm khắc. Không chỉ tội nhân chính trị nhận hình phạt thảm khốc. Người bị kết tội là phù thủy bị thiêu sống trong thời kỳ của Pyotr, và trong một thế kỷ tiếp theo vẫn còn bị treo cổ. Năm 1692, sáu năm trước cuộc nổi loạn của Cấm vệ, hai mươi phụ nữ và hai con chó ở thị trấn Salem, Bang Massachusetts của Mỹ bị treo cổ vì tội danh phù thủy.[97]

Suốt phần lớn thế kỷ 18, đàn ông nước Anh bị xử tử vì tội ăn cắp món tiền nhỏ là 5 đồng shilling, và phụ nữ bị treo cổ vì tội trộm một chiếc khăn tay. Cho đến năm 1881, Hải quân Anh có hình phạt đánh roi, thường dẫn đến cái chết, để trừng phạt binh sĩ vô kỷ luật.

Cần trình bày mọi điều như thế để có cái nhìn bao quát. Tra tấn và xử tử hàng loạt vẫn còn được thi hành trong thời đại ngày nay, cả trong thời chiến lẫn thời bình. Hiện có hơn 60 quốc gia vẫn còn nhân danh nhà nước của họ mà áp dụng tra tấn.

Sa hoàng ra lệnh giải tất cả kẻ phản quốc bị bắt đến Preobrazhenskoe, và dựng lên 14 phòng tra tấn. Sáu ngày mỗi tuần (Chủ Nhật là ngày nghỉ), tuần này qua tuần khác, tất cả 1.714 người bị tra tấn theo cách giống như trên băng chuyền lắp ráp. Nhóm lính Cấm vệ bị tra tấn trong nửa tháng 9 cho đến gần cuối tháng 10. Người đã cung khai một tội bị tra tấn tiếp để hạch hỏi về tội khác. Ngay khi một người khai ra một thông tin, người đã qua tra tấn bị mang ra tra tấn lại để khai thác theo chiều hướng thông tin vừa mới nhận được. Người trở nên quá yếu được giao cho bác sĩ để hồi sức hầu có thể chịu đựng thêm tra tấn.

Thiếu tá Karpakov - một trong những sĩ quan chỉ huy Cấm vệ có liên can mật thiết đến sự tạo phản - sau khi bị đánh roi và lưng bị nung lửa đỏ đã ngất đi. E sợ anh này chết quá sớm, Romodanovsky nhờ bác sĩ riêng của Pyotr ra tay cứu chữa. Sau khi tỉnh lại, Karpakov bị tra tấn thêm. Một sĩ quan Cấm vệ khác sau khi bị tra tấn vớ lấy con dao - mà vị bác sĩ để quên - định tự tử, nhưng tay anh quá yếu và anh lại ngất đi. Anh được cứu chữa rồi lại bị tra tấn tiếp.

Tất cả bạn bè và tùy tùng của Pyotr, ngay cả Zotov - thầy dạy học ngày xưa của Pyotr - đều tham gia cuộc tra tấn này, xem như là dấu hiệu được Sa hoàng tin cậy. Nếu âm mưu có lan rộng và các *boyar* có can dự vào, Pyotr trông cậy vào những người đồng chí này để tìm ra và báo cáo trung thực với ông. Ngay cả Pyotr, sục sôi vì nghi ngờ và giận dữ, cũng thường hiện diện, và đôi khi cầm cây gậy to với cán bằng ngà để tra khảo người bị tình nghi nhiều nhất. Nhưng đám Cấm vệ vẫn kiên cường, khiến đôi lúc ông trở nên điên tiết.

Mặc dù các cuộc tra khảo được thực hiện trong bí mật, nhưng cả Moskva đều biết có chuyện khủng khiếp gì đấy đang xảy ra. Tuy thế Pyotr vẫn muốn che đậy công việc dã man này, nhất là giữ bí mật đối với người nước ngoài, vì ông biết rõ phản ứng ở các triều đình mà ông vừa viếng thăm sẽ là như thế nào một khi tin tức lọt ra ngoài Tây Âu. Nhưng các lời đồn đại phát tán thêm tính hiếu kỳ. Một nhóm nhà ngoại giao Tây Âu cưỡi ngựa đến Preobrazhenskoe để tìm hiểu. Họ phi qua ba gian phòng phát ra những tiếng rên rỉ kinh hoàng, rồi đến gian phòng thứ tư nơi vang ra những tiếng thét còn kinh khủng hơn. Bước vào, họ sững người nhìn thấy Sa hoàng, Lev Naryshkin và Romodanovsky. Khi họ thoái lui, Naryshkin hỏi họ là ai và tại sao đi đến đây. Ông tức giận ra lệnh cho họ đi đến nhà của Romodanovsky

để xem xét vấn đề. Các nhà ngoại giao lên ngựa và từ chối nghe theo lời, bảo nếu ông có muốn nói gì, ông có thể đến sứ quán của họ mà nói. Một toán lính Nga xuất hiện và một sĩ quan Cảnh vệ định lôi một nhà ngoại giao xuống ngựa. Nhưng các vị khách không mời mà đến vội quất ngựa chạy thoát khỏi toán lính đang chạy đến định chặn đường họ.

Cuối cùng, tin tức lan rộng đến mức Giáo chủ thân hành đến tìm gặp Pyotr. Ông cầm hình ảnh Đức Mẹ, với chủ ý nhắc nhở Pyotr về tình nhân đạo đối với tất cả con người hầu xin Sa hoàng khoan dung. Vốn đã bất mãn về sự can thiệp của thần quyền vào sự vụ của vương quyền, Pyotr trả lời vị lãnh đạo tôn giáo với tất cả cảm xúc:

> Ngài đang làm gì ở đây với hình ảnh ấy? Xin ngài hãy quay về ngay và đặt hình ảnh ấy ở nơi mà người ta có thể tôn thờ. Xin hãy nhớ rằng tôi sùng kính Thượng Đế và Đức Mẹ với lòng thành có lẽ còn hơn cả ngài nữa. Nhưng tôi có bổn phận đối với triều đình tôi và bổn phận mà tôi nhận từ Thượng Đế, để bảo vệ thần dân tôi khỏi bị nguy hiểm và để phân xử tội ác dẫn đến sự hủy hoại chung.

Pyotr nói tiếp rằng, trong trường hợp này, ung nhọt đã thâm nhập quá sâu và chỉ có thể bị trừ khử bằng thép và lửa. Ông nói, chỉ có thể cứu nguy cho Moskva không phải qua lòng thương hại, mà qua sự cứng rắn.

Mặc dù có lời khai ấp úng thoát ra giữa tiếng thét hoặc rên rỉ của người nửa tỉnh nửa mê, Pyotr không thể biết nhiều hơn là những gì Shein đã biết: rằng Cấm vệ định chiếm thủ đô, đốt Khu Ngoại ô Đức, giết các *boyar* và mời Sofia lên trị vì. Nếu cô từ chối, họ sẽ tấn phong Hoàng Thái tử 8 tuổi, Aleksei; và lựa chọn cuối cùng là Hoàng thân Vasily Golitsyn, “vì ông ấy

luôn nhân từ với chúng tôi.” Pyotr biết không có đại thần nào trong triều đình hoặc người nào trong giới quý tộc đã can dự, nhưng câu hỏi quan trọng nhất vẫn chưa được trả lời: Có âm mưu nào do nhân vật quan trọng chủ trương nhằm chống lại chính ông và ngai vàng của ông hay không? Và, quan trọng nhất: Liệu Sofia có biết trước hoặc ủng hộ cuộc phản loạn hay không?

Pyotr rất nghi ngờ Sofia và không tin rằng cô vô can. Để kiểm chứng việc này, một số phụ nữ - kể cả vợ của lính Cấm vệ và tất cả thị nữ của Sofia - được triệu đến để lấy lời khai. Hai thị nữ của Sofia bị tra tấn. Một người đã chịu vài roi thì Pyotr bước vào. Ông nhận thấy cô đang có thai; vì lý do này ông tha cho cô khỏi bị tra tấn tiếp, nhưng cả hai thị nữ đều bị án tử hình. Khi bị tra tấn, một lính Cấm vệ khai là có hai bức thư của Sofia đã được gửi đến Cấm vệ, được đọc to lên cho binh sĩ nghe. Những bức thư khác được cho là của Công chúa Martha, em gái của Sofia, báo tin Cấm vệ đang tiến về Moskva.

Pyotr thân hành đi đến Tu viện Novodevichiy để thẩm vấn Sofia. Không có chuyện tra tấn. Ông than vãn với cô về định mệnh đã khiến cho hai người đối kháng nhau, và đe dọa cô với bản án tử hình, nêu ví dụ của hai nữ hoàng Elizabeth I và Mary[98]. Sofia không nhận đã viết các bức thư. Khi ông tỏ ý có khả năng cô muốn nhắc họ rằng họ có thể mời cô trở về nắm chính quyền, thì cô nói thẳng với ông rằng họ không cần lá thư của cô: chắc chắn họ vẫn còn nhớ rằng cô đã cai trị đất nước trong bảy năm. Rốt cuộc, Pyotr không thu được thông tin gì từ Sofia. Ông tha tội chết cho cô, nhưng quyết định cô phải được giám sát một cách chặt chẽ hơn. Cô bị buộc phải trở thành nữ tu vĩnh viễn, với 100 binh lính canh gác và không cho phép ai thăm viếng. Cô sống như thế thêm 6 năm và qua đời năm 1704, hưởng thọ

47 tuổi. Hai em gái của cô được xử vô can, nhưng Martha cũng bị đưa vào tu viện suốt đời.

Nhiều chi tiết về việc hành quyết Cấm vệ được mô tả qua nhật ký của Bí thư Johann Georg Korb cho Công sứ Áo tại Moskva thời bấy giờ, sau đấy được xuất bản[99]. Korb ghi lại mọi điều ông đã thấy và nghe, vì thế sự thật và lời đồn đại có thể pha trộn nhau.

Những án tử hình đầu tiên được thi hành ngày 10/10 ở Preobrazhenskoe bằng cách treo cổ trên giàn xử tội. Các tử tội Cấm vệ, nhiều người không thể đi được, mỗi người cầm một cây nến đang cháy; tất cả đều im lìm từ lúc được đưa đến pháp trường cho đến lúc chết, nét mặt không ra vẻ buồn bã gì, nhưng vợ và con của họ đều than khóc. Vì các đao phủ không thể đáp ứng với số đông tử tội, Pyotr ra lệnh một số sĩ quan quân đội tham gia việc hành quyết. Các đại sứ của Habsburg, Ba Lan và Đan Mạch ngồi trong cỗ xe của họ mà chứng kiến. Đêm ấy, Pyotr đi đến nhà của Tướng Gordon để dùng bữa. Ông ngồi im lìm buồn bã, chỉ nhận xét về thái độ ương ngạnh của những người đã bị xử tử.

Suốt mùa hè và mùa thu, cứ cách vài ngày lại có một đợt hành quyết. Hai trăm lính Cấm vệ bị treo cổ dọc tường thành của thủ đô. Tại mỗi cổng thành có thêm sáu người bị treo cổ, để nhắc nhở cho mọi người qua lại biết hậu quả của tội phản loạn là như thế nào. Ngày 11/10, 114 người bị treo cổ ở Quảng trường Đỏ.

Vài người phải chịu hình phạt nhục nhã. Giáo sĩ trong các lữ đoàn Cấm vệ đã có hành động ủng hộ phản loạn bị xử tội trên giá treo cổ hình cây thánh giá dựng trước Thánh đường Sankt-Basil. Những người phụ trách thi hành án là diễn viên hề trong triều đình ăn vận trang phục giáo sĩ.

Để cho thấy mối liên hệ rõ ràng giữa Cấm vệ và Sofia, 169 lính Cấm vệ bị treo cổ gần Tu viện Novodevichiy, nơi Sofia bị giam thân suốt đời. Ba xác chết, được cho là của ba người cầm đầu, bị treo ngay bên ngoài cửa sổ của phòng Sofia, với một xác tay cầm lá thư đại diện cho Cấm vệ thỉnh nguyện cô lên cầm quyền. Ba xác chết này đong đưa cho đến hết mùa đông, gần sát khung cửa sổ đến nỗi Sofia có thể đưa tay ra là chạm đến được.

Pyotr giảm án cho 500 người dưới 20 tuổi từ tử hình xuống hình phạt khắc dấu trên má và lưu đày. Những người khác bị cắt mũi hoặc tai để suốt đời bị đánh dấu là kẻ phản loạn. Suốt triều đại của Pyotr, người không mũi, không tai hoặc bị khắc dấu lang thang khắp những vùng xa của đất nước.

Trong sự trả thù điên cuồng, Pyotr bắt một số người thân cận ông yêu mến thi hành án tử hình. Những *boyar* đã tham dự buổi họp lên án Cấm vệ được triệu đến Preobrazhenskoe, nhận một chiếc rìu, được lệnh chặt đầu một tử tội trước mặt ông. Nhiều người tay run rẩy, hoặc hạ chiếc rìu không đủ mạnh, không đúng vị trí… khiến nạn nhân đau đớn thêm, mà người hành quyết càng không thể làm xong bổn phận. Hoàng thân Romodanovsky hành quyết 4 tử tội với thái độ mạnh bạo, có lẽ vì cha của ông bị Cấm vệ sát hại trong cuộc nổi loạn năm 1682. Cận thần trẻ Aleksandr Menshikov, được Pyotr sủng ái, tự hào khoe đã xử tử 20 người. Riêng người nước ngoài được Pyotr mời làm nhiệm vụ đều từ chối, lấy lý do là ở nước họ không có thông lệ cho người như họ thi hành án tử hình.

Theo lời kể của Korb, chính Pyotr cũng ra tay hành quyết tử tội. Trong ngày xử tội đầu tiên, Korb đứng bên một thiếu tá người Đức phục vụ trong quân đội Nga. Khi việc hành quyết diễn ra, viên thiếu tá rời Korb để chen qua đám đông tiến đến phía trước, sau đấy trở lại thuật cho Korb nghe là mình đã thấy Sa hoàng chém đầu 5 tử tội. Vào một ngày khác, Korb nghe

tin đồn Sa hoàng cũng đã đích thân hành quyết vài tử tội trước công chúng. Phần lớn các sử gia - phương Tây lẫn Nga, trước Cách mạng lẫn Xô viết - phủ nhận chứng cớ dựa trên lời đồn đại này. Người đã biết qua bản tính bạo lực của Pyotr sẽ dễ dàng tín rằng ông đã thật sự cầm lấy chiếc rìu của tay đao phủ. Đúng là Pyotr có tính khí trở nên hung bạo khi nổi giận, và ông đã điên tiết với đám Cấm vệ vì họ đã vung gươm đe dọa ngai vàng của ông một lần nữa. Theo ông, vấn đề đạo đức nằm ở sự phản loạn, không phải ở hình phạt. Người không muốn thì Sa hoàng thật sự là một tay đao phủ có thể dựa trên thực tế là không có chứng cớ rõ ràng, mà chỉ là sự tường thuật qua lời đồn đại. Một phiên tòa công minh vào thời đại này không chấp nhận bằng chứng như thế.

Nếu sự việc trên còn có điểm hồ nghi, có hai việc khác là rõ ràng: trách nhiệm của Pyotr trong việc tra khảo và hành quyết tập thể, hoặc sự hiện diện của ông trong phòng tra tấn. Đối với chúng ta, hành động của Pyotr có vẻ tàn bạo nhưng đối với Pyotr đây là cần thiết. Ông cảm thấy bất nhẫn, giận dữ vì bị phản bội, và muốn tự mình tìm ra sự thật. Ông không tin tưởng các *boyar*[100] nên không giao cho họ nhiệm vụ điều tra, mà muốn tự ông giải quyết. Hơn nữa, cá tính của Pyotr là không bao giờ do dự tham gia vào công việc ông đang chỉ huy, cho dù đang ở bãi chiến trường, đi trên thuyền hoặc hiện diện trong phòng tra tấn. Ông đã ra lệnh điều tra và dập tắt Cấm vệ; ông sẽ không ngồi trong cung điện để đợi bề tôi báo cáo đã thi hành mệnh lệnh của mình.

Tuy thế, Pyotr không phải là con người thích bạo hành. Ông không lấy làm vui sướng khi nhìn người bị tra tấn; ví dụ, không giống như Ivan Bạo chúa, ông không nhìn một cách bàng quan xem chuyện gì đang xảy ra. Ông tra tấn vì lý do thực dụng: để thu thập thông tin. Ông hành quyết tử tội như

là hình phạt cho kẻ đã phản bội ông. Đối với ông, hành động này là theo lẽ tự nhiên, đi theo truyền thống, ngay cả có tính chất đạo đức. Đại đa số người đương thời với Pyotr vào thế kỷ 17 ở Nga hoặc Tây Âu chấp nhận nguyên tắc này. Thật thế, điều quan trọng ở nước Nga thời này là hiệu quả trong hành động của Pyotr, chứ không phải đạo lý. Việc đập tan lực lượng Cấm vệ khiến cho người Nga tin tưởng vào tính quyết đoán của Pyotr; và bố cáo cho mọi người rõ là ông có quyết tâm sắt đá không tha thứ ai chống lại ông. Từ nay trở đi, dù cho ông mặc trang phục Tây Âu và thưởng ngoạn theo cách Tây Âu, thần dân của ông đều biết rằng họ không có chọn lựa nào khác ngoài việc phải tuân phục ông. Vì lẽ, dưới các lớp vải Tây Âu là một con tim thuần Nga.

Đây là một phần nằm trong kế hoạch của Pyotr. Ông muốn đập tan Cấm vệ không phải để tìm cách trả thù hoặc đơn thuần để vạch trần một âm mưu cá biệt, mà là để tỏ rõ thái độ nhằm khủng bố tinh thần, nhằm thúc ép mọi người phải tuân phục. Bài học của Cấm vệ chìm ngập trong lửa và máu khiến cho chúng ta vào thời đại này phải ghê tởm, nhưng nó giúp củng cố triều đại của Pyotr. Nó cho ông quyền lực để tiến hành cải tổ, để cách mạng hóa xã hội Nga - dù là theo chiều hướng đi lên hoặc đi xuống.

Trong khi 4 lữ đoàn Cấm vệ phản loạn đang bị trừng phạt, số còn lại, kể cả 6 lữ đoàn ở Moskva được điều đi Azov, đã trở nên hiếu động một cách nguy hiểm và đe dọa sẽ hợp lực với dân Cossack mà tiến về thủ đô. Rồi họ được tin đồng đội phản loạn của họ bị trừng phạt, vì thế Cấm vệ trú đóng ở Azov không còn dám manh động.

Dù cho đạt được thành quả bước đầu như thế là do chính sách hà khắc của mình, song ông không còn chịu đựng Cấm vệ được nữa. Đặc biệt là cuộc trấn áp máu lửa vừa qua có thể gây thêm thù hận ở những đơn vị Cấm

vệ còn lại, và đất nước có thể lâm vào cảnh bạo loạn một lần nữa. Trong số hơn 2.000 lính Cấm vệ nổi loạn, gần 1.200 đã bị hành quyết. Vợ con của họ bị đuổi ra khỏi Moskva; dân chúng mọi nơi bị cấm giúp đỡ họ ngoại trừ có thể thuê họ làm gia nhân trong vùng xa thủ đô.

Mùa xuân năm sau, Pyotr giải tán 16 lữ đoàn Cấm vệ còn lại. Nhà cửa và đất đai của họ ở Moskva bị tịch thu; họ bị đày đi Siberia và những vùng xạ để trở thanh nông dân bình thường. Họ bị cấm mang vũ khí, và các tổng trấn địa phương nhận được lệnh là không được tuyển họ vào các lực lượng quân sự. Sau này, khi cần thêm nhân lực để phục vụ cuộc chiến với Thụy Điển, Pyotr thu hồi lệnh cấm này, và vài lữ đoàn được thành lập từ những binh sĩ Cấm vệ cũ dưới sự kiểm soát chặt chẽ. Năm 1708, sau cuộc phản loạn cuối cùng của Cấm vệ trấn đóng ở thị trấn Astrakhan xa xôi, tổ chức của Cấm vệ bị xóa bỏ vĩnh viễn.

Thế là, rốt cuộc Pyotr đã giải quyết được đám lính kiểng Câm vệ kiêm con buôn vốn luôn khuấy động và chi phối thời thơ ấu và tuổi trẻ của ông. Cấm vệ đã bị quét sạch, và bị quét theo nghĩa là lực lượng vũ trang duy nhất đã chống lại ông, là rào cản chính ngăn trở chương trình cải tổ quân đội của ông. Ông thay thế lực lượng này bằng những lữ đoàn Cảnh vệ do chính ông gây dựng nên, một lực lượng hiện đại và có hiệu năng, được huấn luyện theo mô hình phương Tây và được hỗ trợ qua những chính sách của ông.

Điều mỉa mai là cấp chỉ huy Cảnh vệ hầu hết được tuyển mộ từ các gia đình địa chủ, sau này nhanh chóng giữ vai trò chính trị mà Cấm vệ đã mơ ước nhưng không nắm được. Chừng nào mà quân vương có tính quyết đoán như Pyotr thì lực lượng Cảnh vệ còn ngoan ngoãn. Nhưng khi quân vương là phụ nữ (như bốn trường hợp trong vòng một thế kỷ sau khi Pyotr qua

đời) hoặc là một đứa trẻ (như đã xảy ra hai lần), cũng như trong giai đoạn chuyển giao quyền lực khi quân vương hiện tại vừa qua đời và người kế vị chưa chắc chắn, lúc ấy lực lượng Cảnh vệ sẽ chuyên quyền mà định đoạt ai được lên trị vì. Nếu Cấm vệ còn tồn tại, họ hẳn có thể nở nụ cười chế giễu khi thấy thời cuộc biến chuyển như thế.

97. Vào năm 1692, một phiên tòa xử phù thủy dựa theo lời cung khai vì ép cung (kể cả tra tấn) và chứng cứ mơ hồ. Ngoài 25 người chết vì bị treo cổ, tra tấn hoặc do cực khổ, trên 160 người khác cũng bị kết tội phù thủy, phần lớn bị án tù, nhiều người bị tịch thu gia sản và tước quyền công dân. Vụ án làm chấn động nước Mỹ thời kỳ này. Năm 1711, tòa án ra phán quyết hủy tất cả các bản án và cáo trạng. (ND)

98. Năm 1586, có âm mưu ám sát Nữ hoàng Elizabeth I của Anh để đưa Mary, Nữ hoàng của Scotland và cũng là chị họ của Elizabeth I, lên thay thế. Âm mưu bị phát giác, và trong số các chứng cớ có thư của Mary viết ngỏ ý chấp nhận việc ám sát. Mary bị kết án tử hình, và sau thời gian lưỡng lự Elizabeth I đành phải ký quyết định thi hành án. (ND)

99. Korb, Johann Georg, Diary of Austrian Secretary of Legation at the Court of Tsar Peter the Great [Nhật ký của một Bí thư cho Công sứ Áo tại Triều đình của Sa hoàng Pyotr Đại đế], do Bá tước MacDonnell biên dịch. London, Frank Cass & Co., 1968. (ND)

100. Hẳn Pyotr vẫn còn nhớ là các boyar từ chối ký tên vào biên bản buổi họp bàn biện pháp đối phó với Cấm vệ vì không tin tưởng triều đình sẽ thắng, lo cho mạng sống của mình mà không có chính kiến rõ rang. Cũng vì qua các sự kiện khác nhau, giới boyar tỏ ra ích kỷ chứ không ủng hộ Pyotr hết lòng, nên sau này ông bãi bỏ tước hiệu boyar. (ND)

20 Ở GIỮA BẠN HỮU

Trong mùa thu và mùa đông năm ấy, lần đầu tiên nước Nga cảm nhận toàn bộ sức nặng của quyết tâm từ Sa hoàng. Cuộc tra tấn và hành hình Cấm vệ đã biểu hiện một cách khắc nghiệt nhất sự quyết tâm này; ngay khi ngọn lửa nung của đòn tra tấn còn đang cháy, người Nga kinh hoàng và quan sát viên nước ngoài đã nhận ra tố chất chung trong hành động của ông. Các việc tiêu diệt Cấm vệ, cắt râu và cắt vạt áo, thay đổi niên lịch và đồng tiền, giam lỏng Hoàng hậu trong tu viện, chế nhạo nghi thức tôn giáo, đóng tàu ở Voronezh - tất cả là những mảng kết hợp vào một mục đích duy nhất: để phá bỏ cái cũ và tạo dựng nên cái mới, để huy động khôi dân ù lì đi đến lối sống hiện đại hơn, theo cung cách phương Tây.

Mặc dù được mô tả tách biệt nhau, những hành động đánh vào nước Nga cũ diễn ra song hành. Sau một ngày ở phòng tra tấn tại Preobrazhenskoe, khi đêm xuống Pyotr đi đến các buổi yến tiệc, nghi lễ và giải trí. Hầu như mỗi đêm trong mùa thu và mùa đông ấy, Pyotr đều tham dự hoặc một bữa tiệc, hoặc một dạ hội hóa trang, hôn lễ, lễ rửa tội, buổi chiêu đãi đại sứ nước ngoài… Ông làm như thế một phần để xóa đi cơn giận do cuộc nổi loạn, một phần vì ông vui được trở lại Tổ quốc sau 18 tháng vắng mặt.

Trong nhiều dịp, Anna Mons đều có mặt. Cô đã là người tình của ông trước khi ông đi Tây Âu, bây giờ - vì Evdokia không còn ngáng trở - cô gái

vốn tự cho mình là "người bạn trung thành" của Sa hoàng đã bước ra ngoài công chúng. Sự hiện diện của cô cũng như của một số phụ nữ ngày càng đông đã phá vỡ truyền thống của Nga là khi đàn ông tụ họp lại vui vẻ với nhau thì chỉ có các ông mà thôi. Hơn nữa, những dịp như thế còn có các đại sứ nước ngoài. Pyotr cảm thấy vô cùng hài lòng được tiếp cận với văn hóa phương Tây như thế và các đại sứ nước ngoài còn thấu hiểu được những giấc mơ và kỳ vọng của ông chứ không như các *boyar*. Sự hiện diện của họ là điều may mắn cho lịch sử: những báo cáo và nhật ký của họ mô tả một cách sinh động lối sống trong triều đình Pyotr.

Bí thư Johann Georg Korb cho Công sứ Áo có những báo cáo đầy đủ và sinh động nhất. Tuy không hẳn lúc nào cũng đáng tin, nhiều lúc dựa theo lời đồn đại, Korb đã công phu ghi lại tất cả những gì ông thấy cũng như lời đồn đại ông nghe được. Phần lớn chi tiết trong chương này là qua tư liệu của Korb.

Tuy nhiều nghi lễ của triều đình Nga rất tráng lệ, rất rực rỡ và rất công phu - chẳng hạn buổi yến tiệc đãi đại sứ Áo mới nhậm chức có đến 108 món ăn khác nhau - nhưng Pyotr không thể chịu đựng nổi nghi thức như thế. Khi bị bắt buộc phải tham dự, ông tỏ ra vụng về, lúng túng. Mặc bộ hoàng bào đại lễ, đứng trong đại sảnh hoặc ngồi trên ngai vua, lắng nghe lời phát biểu của đại sứ đến trình quốc thư - tất cả đều làm ông vô cùng khó chịu, rồi làm cho hơi thở ông nặng nề, mặt đỏ nhừ, người túa đầy mồ hôi. Theo ông, "đặt ra luật lệ để ngăn cấm vua chúa vui thích trong xã hội nhân quần là dã man và phi nhân tính". Ông chối bỏ luật lệ như thế để có thể tiếp xúc với bất kỳ ai, với bất kỳ hạng người nào mà ông thích. Khi ông muốn ăn, ông không thích nghi lễ thổi lên một hồi kèn như thông lệ. Thay vào đấy, chỉ cần một người hô lớn: "Sa hoàng muốn ăn!". Thế là các món ăn và

thức uống được dọn ra bàn không theo thứ tự gì cả, và ông cứ ăn uống thế nào tùy thích.

Đối với ngoại giao đoàn, những yến tiệc của Pyotr xem ra quá xuề xòa và hỗn loạn. Với sự hiện diện của tướng lĩnh và đại sứ nước ngoài, Sa hoàng có thể vừa ăn uống vừa tranh luận hoặc bàn việc nước với quần thần, ai nấy đều lớn tiếng và múa may, ngay cả cầm một ổ bánh mỳ để đập vào người khác hầu gây chú ý. Đôi lúc, cuộc tranh luận thân mật trở nên nóng bỏng đến nỗi người đang tranh cãi quên mất người đối diện là một quân vương có quyền uy tuyệt đối mà bình thường không ai có thể phát biểu ý kiến đối nghịch.

Pyotr hành xử mọi việc công trong những yến tiệc:

> Ngay sau khi bàn ghế được dọn dẹp là buổi khiêu vũ, và bây giờ là lễ tiễn biệt vị đại sứ Ba Lan. Sa hoàng bất thình lình thoát ra khỏi đám đông náo nhiệt, bước vào gian phòng chứa ly tách kế bên phòng ăn, yêu cầu vị Đại sứ Ba Lan đi theo ông. Cả nhóm thực khách hào hứng đi theo vì muốn biết chuyện gì sắp xảy ra. Họ chưa vào gian phòng được đông đủ thì Sa hoàng đã trao giấy chứng nhận công tác cho Đại sứ Ba Lan rồi bước ra, đụng phải những người còn đang cố chen lấn để bước vào.

Vài đại sứ nước ngoài lây nhiễm cung cách của một số *boyar*, ở gần vị Sa hoàng như là người đồng chí và bạn chơi đùa, họ quên khuấy con người cao lớn mà họ đang tranh luận thật sự là ai. Thế rồi, bất thình lình cuộc tranh luận đi đến ngả rẽ khiến họ nhớ ra sự kiện trọng đại rằng họ đang thách thức một đấng quân vương chuyên chế, người duy nhất quyết định chuyện sống chết của cả một dân tộc.

Tính khí của Pyotr vừa lạ kỳ, vừa khó lường vì thay đổi như chớp. Một phút trước ông còn vui vẻ với bạn hữu của mình vây quanh, cười đùa về dung mạo mới của một người vừa bị cạo râu; thì một phút sau ông có thể chìm vào vẻ u sầu nặng nề hoặc bùng lên một cơn giận dữ. Trong một buổi yến tiệc, ông nổi cơn thịnh nộ vì cho là Tổng Tham mưu trưởng quân đội Shein nhận hối lộ của cấp dưới muốn mua chức tước. Shein chối; Pyotr bước ra bên ngoài hỏi han các binh sĩ đang canh gác và nghe họ kể rằng nhiều đại tá và sĩ quan các trung đoàn đã được cất nhắc không phải do khả năng, mà chỉ vì tiền.

Pyotr bước vào, rút gươm ra vì giận dữ khiến thực khách đều kinh hoàng. Ông hỏi ý kiến Hoàng thân Romodanovsky và Zotov. Khi nghe hai người lên án vị Tổng Tham mưu trưởng, Sa hoàng vung gươm ra chém loạn xạ xung quanh, mạnh ai tự né tránh, nhưng Romodanovsky và Zotov đều bị thương nhẹ. Rồi chỉ một lúc sau khi Lefort nhảy vào can ngăn, ông tươi cười trở lại, ra lệnh cho nhạc nổi lên, và hai phụ nữ được gọi trở lại sau khi đã hãi hùng lẻn chạy ra ngoài. Một lần nữa, một loạt 25 phát đại bác chào mừng việc nâng cốc, và cuộc vui kéo dài đến năm rưỡi sáng.

Ngày hôm sau, những trường hợp do Shein cất nhắc bị hủy bỏ, và Patrick Gordon được giao nhiệm vụ quyết định thăng thưởng sĩ quan.[101]

Trong một buổi tiệc khác khoản đãi 200 nhà quý tộc tại tư dinh của Lefort, nổ ra cuộc cãi vã giữa hai người phụ chính ngày xưa: ông bác Lev Naryshkin của Pyotr và Hoàng thân Boris Golitsyn. Pyotr cảm thấy chán ngán đến nỗi ông lớn tiếng dọa sẽ chấm dứt cuộc cãi vã bằng cách chặt đầu người nào có lỗi hơn. Ông ra lệnh cho Hoàng thân Romodanovsky điều tra vụ việc, và khi Lefort đến để tìm hiểu thì ông đưa nắm đấm đẩy vị tướng này thoái lui.

Vào tháng 10, mặt đất được phủ một lớp tuyết dày, nhưng yến tiệc và nghi thức thi hành án tử hình Cấm vệ vẫn tiếp diễn. Pyotr có cơ hội đi thị sát xưởng đóng tàu Voronezh, rồi trở về tham dự lễ Giáng sinh ngày 13/10, với trò đùa chế giễu bằng cách tổ chức một đám người do một người giả làm Giáo chủ dẫn đi trên 80 xe trượt tuyết chạy vòng quanh thành phố và Khu Ngoại ô Đức, dừng lại trước nhà mỗi gia đình giàu có để hát ca khúc Giáng sinh và nhận tiền thưởng của chủ nhà.

Lễ hội và ăn uống kéo dài đến lễ Hiển linh[102], khi Pyotr không ngồi cùng với Giáo chủ trên ngai theo truyền thống, mà mặc quân phục đại tá cùng với đội quân 12.000 người diễu hành trên mặt sông đã đóng băng cứng để cử hành lễ truyền thống ban phước cho con sông.

Những ngày chè chén lên đỉnh điểm vào trước mùa Chay tịnh, và đám người giả làm một cuộc diễu hành trang nghiêm nhưng bày trò chế giễu, thậm chí đùa cợt với cây thánh giá, khiến cho nhiều đại sứ Tây Âu lây làm sốc với trò phạm thánh như thế. Nhưng Pyotr không thấy lý do gì phải che giấu những trò đùa này. Trong mùa Chay tịnh[103], khi tân đại sứ Brandenburg đến trình thư ủy nhiệm, Sa hoàng yêu cầu ông nán lại để tham dự yến tiệc lộng lẫy với nhiều đại sứ và *boyar* cùng hiện diện. Sau bữa tiệc, một người giả làm Giáo chủ nâng cốc chúc mừng. Người nâng cốc theo quỳ gối và được Giáo chủ giả ban phước bằng hai ông điếu ghép thành hình cây thánh giá. Chỉ có đại sứ Áo lẻn ra ngoài, nói rằng biểu tượng linh thiêng của đức tin Kitô không thể bị đem ra đùa cợt như thế. Trong khi đó, người ta vẫn khiêu vũ ở phòng bên cạnh… Tấm màn được trang trí lộng lẫy kéo ra, quan khách được nhìn thấy Hoàng Thái tử Aleksei cùng Natalia, em gái của Pyotr… được những thị nữ theo hầu xung quanh… Đây là sự kiện khác thường so với cung cách Nga vốn trước giờ vẫn ngăn cấm phụ nữ xuất hiện

trong những cuộc tụ tập của đàn ông và yến tiệc, bởi vì vài phụ nữ không những được ngồi dự tiệc mà còn tham gia khiêu vũ sau đấy.

Các cuộc hành quyết Cấm vệ vẫn diễn ra. Ngày 28/2, 36 người bị hành quyết ở Quảng trường Đỏ và 150 người ở Preobrazhenskoe. Trong đêm ấy, một dạ tiệc linh đình được tổ chức ở Tư dinh của Lefort, tiếp theo là màn bắn pháo bông hoành tráng.

Tuần lễ đầu tháng 3 là bắt đầu mùa Chay tịnh[104], và theo đó, chấm dứt những lễ hội tiệc tùng và hành hình. Bầu không khí yên ắng bao trùm thành phố đến mức Korb nhận xét:

> Bầu không khí tĩnh lặng và khiêm tốn trong tuần lễ này thật là đặc biệt so với tuần lễ trước còn náo nhiệt. Các cửa hiệu lẫn chợ búa đều đóng cửa, tòa án không họp, thẩm phán không có gì để làm… Với chế độ chay tịnh nghiêm túc, họ chỉ ăn bánh mỳ khô và rau quả. Đấy là sự chuyển biến khiến cho người ta khó tin vào mắt mình.

Trong thời Chay tịnh yên ắng, chính quyền cho phép hạ xuống tử thi Cấm vệ (đã bị treo cổ suốt mùa đông). Các tử thi được chất đống hỗn độn trên xe goòng, quần áo rách bươm để lộ da thịt, được chở đi mai táng.

Ngoài công việc trong triều đình, Sa hoàng còn giải quyết vấn nạn người ăn xin đeo bám và cũng thường hành nghề móc túi. Một chỉ dụ ngăn cấm cả hai việc ăn xin và bố thí. Người bố thí bị phạt tiền, còn người ăn xin được đưa vào bệnh viện ở mỗi nhà thờ. Chế độ của các bệnh viện khá khắc nghiệt, như một đại sứ nước ngoài nhận xét:

Chẳng bao lâu, việc này khiến cho đường phố vắng bóng người ăn xin, vì họ thà đi kiếm việc làm còn hơn bị đưa vào trong các bệnh viện.

Moskva cũng bị vấn nạn ăn cướp và giết người, thường xảy ra ban đêm nhưng đôi lúc giữa ban ngày. Trong nỗ lực giảm thiểu loại tội phạm này, Pyotr ra chỉ dụ cấm người say rượu rút gươm, súng hoặc dao ngắn ra, thậm chí để tự vệ hoặc cho dù không thật sự sử dụng. Pyotr đã từng nói là ông không trừng phạt người say gây ẩu đả, nhưng không tha thứ cho người say dùng gươm hoặc súng.

Án tử hình tuy được thi hành đối với kẻ cướp, song việc này không làm giảm số tội phạm. Tính khinh thường luật pháp đã ăn sâu trong thế giới tội ác đến nỗi nỗ lực trấn áp chỉ làm dấy lên thêm làn sóng căm phẫn trong thế giới này. Tương tự, cảnh sát vũ trang đi bắt rượu lậu có thể bị chống trả dữ dội. Thay vì chịu khuất phục hoặc trốn chạy, kẻ làm rượu lậu có thể hăm dọa trả thù một cách khốc liệt hơn nếu bị truy quét lần nữa.

Thật ra, cảnh sát và quân đội được giao nhiệm vụ bảo vệ luật pháp ít khi tuân hành luật pháp. Binh sĩ có thói quen hành hạ tù nhân bằng mọi cách họ có thể tưởng tượng ra, mà không xét đến người hoặc sự việc bị quy kết.

Có một lần vào tháng 4/1699, giá cả thực phẩm ở Moskva tăng vọt. Các cuộc điều tra cho thấy khi nhận lệnh chở xác Cấm vệ ra khỏi thành phố trước khi tuyết tan vào mùa xuân, quân đội đã chiếm lấy xe của nông dân chở nông sản vào thành phố, bắt họ dỡ các hàng nông sản xuống và chất xác chết lên mang đi mai táng, rồi chiếm lấy phần thực phẩm để ăn hoặc đem bán. Do vậy, trong suốt một thời gian nông dân không mang nông sản đến thành phố nữa.

Vào mùa hè, Sa hoàng thường mời đại sứ các nước đến những biệt thự nghỉ mát ở ngoại ô Moskva để thư giãn, chơi thể thao, tranh tài bắn cung… Các đại sứ cũng có dịp xem vườn thú của Sa hoàng với gấu trắng, báo đốm, mèo rừng và nhiều loài thú lạ khác. Sau đấy, họ được mời đến Tu viện New Jerusalem do cựu Giáo chủ Nikon xây lên. Họ thích thú đi xem bức tường thành dày, các gian phòng của giáo sĩ, con suối chảy qua gần đấy giữa khoảng đồng xanh xinh tươi, và chèo thuyền đi lưới cá.

Các đại sứ còn được mời đến biệt điện của Sa hoàng ở Ismailovo. Đấy là vào tháng 7, mùa hè ở Moskva. Họ thấy khu hoa viên được sắp xếp một cách hài hòa, bao bọc bởi hàng cây không trồng dày đặc nhưng có tán lá mát dịu, tạo bóng mát tuyệt vời giữa sức nóng cháy da của mùa hè. Có một ban nhạc tấu lên những cung điệu ngọt ngào hòa với tiếng thầm thì của cây rừng và gió.

101. Chuyện này xảy ra ít lâu sau khi cấm vệ làm phản, nên có ý kiến cho rằng Pyotr tức bục vì Shein đã hành động không hợp lý khi đối phó với đám Cấm vệ này. Shein chỉ tra khảo sơ sài rồi ra lệnh giết nhiều chỉ huy trong nhóm Cấm vệ làm phản nên Pyotr không thể khai thác được thông tin quý giá. (ND)

102. Lễ Hiển linh: ngày lễ (bây giờ là vào ngày 6/1) trong một số giáo hội Kitô để kỷ niệm việc tôn chào Jesus như là Chúa Cứu thế và rửa tội cho Hài đồng Jesus. (ND)

103. Trong mùa Chay tịch, tín đồ các giáo phái Kitô đều phải tiết chế ăn uống, lại càng không nên tổ chức yến tiệc hoặc vui chơi. Khi tường thuật lại những sự kiện này, Korb chỉ rõ Pyotr không màng quan tâm đến giáo điều mà chỉ muốn sống theo sở thích. (ND)

104. Đoạn này chủ yếu nói về dân Nga nên có phần khác những đoạn trước nói về triều đình. (ND)

21 VORONEZH VÀ HẠM ĐỘI MIỀN NAM

Lúc vừa từ Tây Âu trở về, Pyotr đã nôn nóng muốn xem các tàu chiến của mình đang được đóng ở Voronezh. Ngay cả trong lúc bề tôi của ông đang tra tấn Cấm vệ hoặc khi ông và bạn hữu chè chén qua những đêm mùa thu và đông ảm đạm, Sa hoàng vẫn muốn đi trên Sông Don, gặp lại thợ đóng tàu ông đã tuyển mộ ở Tây Âu đang lao vào công việc ở các lán trại dọc bờ sông.

Ông đi thị sát chuyến đầu tiên vào cuối tháng 10. Nhiều *boyar* tháp tùng vì muốn kế cận Sa hoàng hầu lấy lòng ông, nhận thêm bổng lộc. Hoàng thân Tcherkassky, vị cựu thần già không bị cắt râu, ở lại với chức vụ Cảnh sát Trưởng Moskva, nhưng chẳng bao lâu ông thấy nhiệm vụ mình bị chồng chéo. Pyotr có thói quen giao một nhiệm vụ cho nhiều người khác nhau. Trước khi đi, ông cũng nói với Gordon: "Ta giao mọi việc cho ông", và với Romodanovsky: "Trong lúc này, ta chuyển tất cả sự vụ của ta qua lòng trung thành của ông." Đây là nguyên tắc mà Pyotr áp dụng để sắp xếp chính quyền thay mặt ông lúc ông không ở triều đình: Bằng cách chia sẻ quyền hành cho nhiều người và khiến cho mỗi người bị bối rối vì không biết quyền hành của mình đến đâu, tất cả đều ở trong tình trạng bất đồng quan điểm và rối trí. Hệ thống như thế không thể tạo nên một chính quyền có

hiệu năng, nhưng nó ngăn cản một phụ chính duy nhất thử thách quyền lực của ông. Trong khi ông chưa rõ những nguyên nhân khiến cho Cấm vệ nổi loạn thì đây là biện pháp đối phó đầu tiên của Pyotr.

Tại Voronezh, Pyotr nhận ra nhiều vấn nạn. Nhân lực và tài lực vừa thừa vừa thiếu. Trong khi đẩy mạnh tiến độ như Sa hoàng đã ra lệnh, các thợ đóng tàu đã sử dụng gỗ chưa qua xử lý, sẽ bị mục nhanh trong nước. Nhưng cần ghi nhận là việc sử dụng gỗ tươi không chỉ giới hạn ở tàu Nga. Trong hai thế kỷ 17-18, vòng đời của nhiều chiếc tàu Anh chỉ là khoảng 10 năm, vì lý do sử dụng gỗ chưa qua xử lý.

Khi từ Hà Lan đến, Chuẩn đô đốc Cruys kiểm tra các tàu chiến và ra lệnh mang nhiều chiếc lên để đóng lại hoặc gia cố. Các thợ đóng tàu chỉ áp dụng thiết kế của riêng mình mà không có ai hướng dẫn hoặc kiểm soát, sinh ra cãi cọ nhau thường xuyên. Đã nhận lệnh của Pyotr ở London là phải làm việc dưới sự giám sát của người khác, thợ đóng tàu Hà Lan đâm ra chán nản và trì trệ. Tinh thần thợ Nga không được khá hơn. Nhận vương lệnh đi đến Voronezh để học ngành đóng tàu, họ hiểu rằng nếu tỏ ra có triển vọng về năng lực họ sẽ đi học thêm kỹ năng ở Tây Âu. Vì thế nhiều người chỉ làm vừa đủ cho qua ngày giờ, hy vọng bằng cách nào đấy được phép trở về quê nhà.

Vấn nạn tệ hại nhất là đám công nhân không lành nghề. Hàng nghìn người bị huy động - nông dân và nông nô vốn chưa từng trông thấy một con tàu nào lớn hơn sà lan. Họ đến mang theo búa và rìu của riêng mình, đôi lúc dẫn theo cả ngựa, để đốn cây rừng, cắt tỉa nhánh rồi thả gỗ xuôi dòng sông cho đến Voronezh. Điều kiện sống rất đơn sơ, bệnh tật lây lan nhanh chóng gây nhiều thương vong. Nhiều người bỏ trốn, cuối cùng phải xây hàng rào

và đặt lính canh xung quanh lán trại. Mặc dù bề ngoài tỏ ra lạc quan, Pyotr cảm thấy buồn rầu và chán nản vì tiến độ chậm chạp.

Dù cho bao nỗi lo của Pyotr, thiếu thốn mọi loại dụng cụ và mọi việc phải làm thủ công, công tác vẫn tiến triển. Trong suốt mùa đông, không màng đến thời tiết giá lạnh, Pyotr cùng lao động với công nhân. Ông đi rảo khắp xưởng đóng tàu, bước qua những thớt gỗ phủ đầy tuyết, qua những con tàu nằm lặng yên trên bệ đỡ, qua những công nhân đang xúm xít bên ngọn lửa cố giữ cho chân tay và thân người được ấm, qua lò đúc và lò nung nơi những mỏ neo và phụ kiện kim loại đang được đúc thành hình khối. Ông hoạt động không biết mệt mỏi, dốc hết sức lực chỉ huy, khuyến khích, thuyết phục. Công nhân nước ngoài than phiền họ phải làm việc quá nặng nhọc đến nỗi không có thời giờ đi rửa tội ở nhà thờ. Nhưng hạm đội tiếp tục thành hình. Suốt mùa đông, mỗi tuần đều có 5 hoặc 6 tàu được hạ thủy hoặc sẵn sàng chờ hạ thủy khi băng tan.

Không bằng lòng với việc giám sát tổng quát, Pyotr tự tay thiết kế và cùng với công nhân người Nga đóng một chiến hạm với 50 đại bác. Ông tự đặt ki rồi thường xuyên làm việc xây dựng, cùng với các *boyar* đã đi theo ông. Đấy là một con tàu trông oai hùng, có ba cột buồm, dài 40 mét, tạo cho Pyotr niềm vui khi làm việc và nghĩ rằng trong hạm đội tiến ra Biển Đen, sẽ có một chiến hạm do chính tay ông tạo dựng.

Trong chuyến đi thứ hai đến Voronezh vào tháng 3, Sa hoàng nhận một tin gây đau đớn cho cá nhân ông: Francis Lefort qua đời. Cả hai lần khi Pyotr làm việc ở Voronezh, Lefort đều ở lại Moskva. Vào tuổi 43, xem ra ông vẫn còn sức khỏe và tinh thần nồng nhiệt. Với tư cách Đại sứ thứ Nhất của Đại Phái bộ Sứ thần, ông đã trải qua 18 tám tháng liên tục những yến tiệc ở Tây Âu, và vẫn còn khả năng uống rượu trong những lễ hội và giải trí

ồn ào suốt mùa thu và đông ở Moskva. Ông vẫn lộ vẻ vui tươi và phấn khởi khi tiễn Pyotr đi Voronezh.

Nhưng vài ngày trước khi Lefort qua đời, người ta nói đến một chuyện lạ lùng. Một đêm trong khi ông vắng nhà, ngủ với một phụ nữ khác, vợ ông nghe một tiếng động kinh khủng trong phòng ngủ của ông. Biết rằng Lefort đã đi vắng nhưng đoán có thể ông đã thay đổi ý định và vội quay về nhà, bà sai gia nhân đi kiểm tra. Gia nhân trở lại báo không thấy ai trong phòng. Tuy thế tiếng động vẫn tiếp tục. Theo lời bà vợ kể - được Korb thuật lại - ngoài những tiếng rên rỉ cả đêm, sáng hôm sau người ta thấy tất cả bàn ghế đều nằm chỏng chơ.

Sau đấy, Lefort đãi tiệc hai đại sứ Đan Mạch và Brandenburg đang chuẩn bị đi thăm viếng Voronezh theo lời mời của Sa hoàng. Bữa tiệc diễn ra vui vẻ, và hai vị đại sứ lưu lại đến khuya. Đến khi gian phòng trở nên quá nóng bức, Lefort dẫn hai vị khách đi quàng xiên ra ngoài không khí giá lạnh mùa đông để uống rượu tiếp mà không mặc đủ áo ấm. Ngày hôm sau, Lefort bắt đầu run rẩy. Cơn sốt đến nhanh, và ông trở nên mê sảng, kêu gào đòi uống rượu và nghe nhạc. Bà vợ kinh hãi đề nghị mời cha xứ Tin Lành Stumpf đến, nhưng Lefort la lối nói không muốn ai khác đến gần mình. Stumpf vẫn đến. Korb viết:

> Khi vị cha xứ được cho phép vào gặp ông và đang khuyến dụ ông nên chịu phép theo đạo, ông bảo cha xứ "không được nói nhiều." Trong giờ khắc cuối cùng, vợ ông xin ông tha thứ nếu bà có lỗi gì với ông, và nghe câu trả lời: "Tôi không có gì để phiền trách bà; tôi luôn tôn trọng và yêu bà."… Ông thốt lời khen ngợi gia nhân, và nhắn nhủ phải trả đủ tiền lương cho họ.

Ông nằm trên giường bệnh trong một tuần, với một ban nhạc giúp an ủi. Cuối cùng, lúc 3 giờ sáng ông qua đời. Golovin lập tức báo cho Pyotr ở Voronezh.

Khi Pyotr nhận được hung tin, ông buông rơi chiếc búa khỏi tay, ngồi trên một súc gỗ và, giấu mặt trong hai bàn tay, ông khóc. Trong giọng khàn khàn pha lẫn tiêng nấc, ông nói:

> Bây giờ tôi cô đơn một mình, không có người đáng tin cậy. Chỉ có ông ấy là trung thực với tôi. Bây giờ, tôi biết tâm sự cùng ai?

Pyotr lập tức trở về Moskva, và tang lễ được cử hành ngày 21/3. Pyotr đích thân lo sắp xếp: tang lễ cấp nhà nước của vị đại tướng và đô đốc người Thụy Sĩ sẽ trang trọng hơn bất cứ tang lễ nào ở Nga trừ nghi thức dành cho Sa hoàng và Hoàng hậu. Các đại sứ nước ngoài được mời, và các *boyar* được lệnh phải tham dự. Họ được chỉ thị phải tụ họp tại tư dinh của Lefort lúc 8 giờ sáng để đưa linh cữu đến nhà thờ, nhưng nhiều người đến muộn, rồi có thêm chậm trễ nên phải đến giữa trưa đoàn đưa tang mói khởi hành. Trước đấy, bên trong tư dinh, Pyotr đã quan sát thói quen Tây Âu dọn thức ăn nguội cho khách. Các *boyar* ngạc nhiên và vui mừng thấy thức ăn bày ra, và theo Korb mô tả, họ ùa đến "ăn nghiến ngấu các món cá, phó mát, bơ, trứng cá caviar… và nốc rượu vang". Riêng Sheremetyev vì đã có trình độ nhận thức do đi nước ngoài nhiều nên không tham dự vào việc ăn uống.

Korb kể tiếp:

> Lúc chuẩn bị di chuyển quan tài ra khỏi tư dinh của Lefort, vẻ đau đón và thương cảm của Sa hoàng và vài người khác hiện rõ trước mọi

người. Sa hoàng rơi nước mắt, và đặt một nụ hôn cuối cùng lên người đã khuất.

… Sau khi hành lễ ở nhà thờ, linh cữu Lefort được đưa đến nghĩa trang. Trên đường đi, các boyar và những người Nga khác chen lấn lên phía trước, ngạo mạn đi kế sau quan tài trong khi các đại sứ nước ngoài giả vờ không để ý, nhường bước vì lịch sự. Khi đến nghĩa trang, Sa hoàng nhận thấy thứ tự của đoàn đưa tiễn bị xáo trộn, gọi người cháu của Lefort đến hỏi: "Ai làm xáo trộn trật tự? Tại sao những người đi theo sau, bây giờ vượt lên trước?" Khi người cháu vẫn cúi người mà không nói gì, Sa hoàng ra lệnh anh phải trả lời. Và khi người cháu trả lời rằng chính người Nga đã không tôn trọng nghi lễ, Sa hoàng nổi giận nói: "Họ là đồ chó, không phải là boyar của ta."

Trái lại, có lẽ do tính cẩn trọng, Sheremetyev vẫn tiếp tục đi theo sau các đại sứ… Trong nghĩa trang và dọc con đường cái, các khẩu đại bác bắn ba loạt đạn, và mỗi trung đoàn cũng bắn ba loạt súng hỏa mai. Một binh sĩ pháo binh đã ngu xuẩn đứng trước họng đại bác, bị quả đạn bắn bay đầu.

Sa hoang cùng với binh sĩ của ông trở lại tư dinh Lefort và tất cả những người khác đều đi theo ông… Rồi đến khi ông vừa bước ra được một phút, tất cả các boyar vội ra về. Họ vừa bước xuống vài bậc thang thì thấy Sa hoàng trở lại, nên vội vã quay vào. Việc các boyar nóng lòng muốn ra về làm dấy lên nỗi nghi ngờ rằng họ lấy làm vui về cái chết, khiến cho Sa hoàng nổi giận mắng mỏ: "Các người lấy làm vui khi ông ấy qua đời! Quả là chiến thắng vĩ đại của các người vì ông ấy đã chết. Tại sao các người không thể chờ đợi được? Ta nghĩ niềm vui của các

người lớn quá nên các người không thể giữ mãi vẻ bề ngoài bắt buộc này và nét buồn rầu giả tạo trên khuôn mặt các người."

Cái chết của người bạn phương Tây để lại một khoảng trống lớn trong đời sống cá nhân Pyotr. Con người vui tươi gốc Thụy Sĩ đã lèo lái người bạn trẻ và chủ nhân của mình qua những năm đầu tiên, tập cho chàng thanh niên uống rượu, khiêu vũ, bắn cung; tìm cho anh một người tình và tạo ra mọi trò đùa nghịch cho anh vui thú. Ông đã đi theo Sa hoàng trong những cuộc chinh chiến đầu tiên ở Azov. Ông đã thuyết phục Pyotr đi Tây Âu rồi đứng ra dẫn đầu Đại Phái bộ Sứ thần, và chuyến đi dài ngày đã thúc đẩy những nỗ lực của Sa hoàng trong việc mang về cho nước Nga công nghệ và cung cách của Tây Âu. Và rồi, hầu như ngay trước ngày Pyotr đối diện với một thách thức lớn nhất - cuộc chiến 20 năm với Thụy Điển - Lefort qua đời.

Pyotr thấm thìa sự mất mát lớn lao như thế nào. Cả đời ông, xung quanh toàn là người lợi dụng chức vụ và quyền hạn để trục lợi cho riêng mình. Lefort thì khác. Dù cho việc kề cận với Sa hoàng đã tạo cơ hội cho ông làm giàu bằng cách nhũng lạm nếu muốn, Lefort chết trong nghèo túng. Đúng thế: trước khi Pyotr từ Voronezh quay về, gia đình Lefort đã phải cầu xin Hoàng thân Boris Golitsyn cho tiền mua một bộ trang phục để mặc cho Lefort nằm trong quan tài.

Pyotr giữ cháu trai của Lefort, Peter Lefort, phục vụ cho mình. Ông gửi thư yêu cầu con trai duy nhất của Lefort là Henry đến Nga, nói rằng ông mong muốn có một thân nhân gần gũi của người bạn kề bên mình. Trong những năm kết tiếp, có những người khác thế vào vai trò của Lefort. Pyotr lúc nào cũng muốn quanh mình có những người thân cận với quyền lực lớn

lao, tận tâm với Sa hoàng theo cung cách cá nhân, và quyền lực chỉ do sự thân thiết với ông. Trong số những người này, nhân vật nổi bật nhất là Menshikov. Nhưng Pyotr không bao giờ quên được Lefort.

Và rồi, sáu tháng sau, nhu thế để đánh dấu năm cuối cùng của thế kỷ cũ làm cột mốc quan trọng trong đời của Pyotr, ông mất người cố vấn và người bạn phương Tây thứ hai: Patrick Gordon. Người lính già đã đau yếu một thời gian. Lần cuối ông xuất hiện ở nơi công cộng là khi ông có mặt cùng với binh sĩ của ông vào tháng 9/1699, và đến tháng 10 ông về hưu hẳn trên giường bệnh. Gần cuối tháng 11, khi sức khỏe của Gordon tàn tạ, Pyotr thường xuyên đến thăm. Ông đến thăm hai lần vào ngày 29/11 khi Gordon đang hấp hối. Lần thứ hai, một tu sĩ Dòng Tên đã làm xong Phép thánh Cuối cùng định quay trở ra thì Sa hoàng bước vào. Pyotr nói: "Xin Cha cứ ở lại mà làm việc phải làm. Tôi không muốn gây trở ngại." Pyotr hỏi chuyện Gordon, nhưng vị tướng không trả lời. Rồi Pyotr cầm lấy một chiếc gương nhỏ kề sát mũi người bệnh, hy vọng tìm thấy dấu hiệu của hơi thở, nhưng không thấy gì. Sa hoàng nói với vị tu sĩ: "Thưa Cha, tôi nghĩ ông ấy đã chết." Chính tay Pyotr vuốt mắt người chết; đôi mắt ông đẫm lệ khi bước ra.

Tang lễ của Gordon cũng được tổ chức theo nghi thức cấp nhà nước và được tất cả nhân vật quan trọng ở Moskva tham dự. Người Nga tự nguyện đến dự, vì sự tận tâm và công trạng của người lính già đối với ba Sa hoàng đều được mọi người đánh giá cao. Linh cữu được 28 đại tá khiêng đi, còn 20 phụ nữ thuộc dòng dõi cao nhất đi theo quả phụ trong lễ đưa tang. Khi linh cữu được đặt vào gian hầm trong giáo đường, 24 khẩu đại bác bên ngoài bắn tràng đạn vĩnh biệt.[105]

Chẳng bao lâu, Pyotr nhận ra sự mất mát cả về mặt chuyên nghiệp lẫn cá nhân sau cái chết của vị tướng già. Gordon là vị tướng tài ba nhất ở Nga, với kinh nghiệm dày dạn qua nhiều chiến dịch. Trong cuộc chiến sắp đến với Thụy Điển, ông đáng lẽ là tư lệnh và cố vấn đắc lực. Nếu ông còn sống, trận đại bại ở Narva - chỉ 12 tháng sau khi ông qua đời - hẳn sẽ không bao giờ xảy ra. Pyotr cũng cảm thấy mất mát bạn nhậu người Scotland nơi bàn tiệc, nơi mà người lính già trung thành cố làm vui lòng chủ nhân bằng cách nâng hết cốc này đến cốc khác với người chỉ bằng nửa tuổi mình. Vì cả hai lý do này, con người Pyotr đau khổ nói về cái chết của Gordon:

> Đất nước đã mất đi nơi ông một thuộc hạ hăng hái và dũng cảm, người đã dẫn dắt chúng ta qua nhiều tai họa.

Vào mùa xuân, hạm đội đã sẵn sàng, gồm có 86 chiếc tàu đủ kích thước, kể cả 18 chiến hạm viễn dương được trang bị từ 36 đến 46 đại bác mỗi tàu. Ngoài ra, còn có 500 sà lan để chở binh sĩ, quân nhu, vũ khí và đạn dược. Ngày 7/5/1699, hạm đội rời Voronezh xuôi dòng sông. Đô đốc Golovin giữ chức tư lệnh hạm đội trên danh nghĩa, với Chuẩn đô đốc Cruys có quyền chỉ huy thật sự.

Khi đến Azov vào ngày 24/5, Pyotr lên bờ để thị sát các thành lũy mới mà ông biết chắc chắn là cần thiết: mùa xuân năm ấy, một đội quân Tatar đã tiến đến tận Azov, đốt phá và để lại những cánh đồng trơ trọi, làng mạc bị cháy, còn dân chúng hoảng loạn chạy trốn. Hài lòng với những công sự phòng thủ mới, Pyotr đi tiếp đến Taganrog thị sát việc nạo vét và xây dựng một căn cứ hải quân. Khi hạm đội đã tập trung ở đây, Pyotr cho lệnh tập trận để binh sĩ thành thạo việc báo hiệu, bắn đại bác và lái tàu. Cuộc tập

trận tiếp tục đến gần cuối tháng 7, lên đến đỉnh điểm là một trận hải chiến giả theo cách thức Pyotr đã chứng kiến ở Hà Lan.

Hạm đội đã sẵn sàng; bây giờ Pyotr đối diện với vấn đề là sẽ dùng vào việc gì. Pyotr đã khổ nhọc suốt mùa đông xây dựng hạm đội hầu đi chiếm Eo biển Kerch của Ottoman nhằm thông ra Biển Đen. Nhưng tình hình đã thay đổi. Prokofy Voznitsyn đã ở lại Wien để vớt vát cho Nga trong cuộc đàm phán giữa một bên là liên minh Áo, Ba Lan, Venice và Nga; bên kia là Ottoman. Vấn đề nằm ở chỗ, hòa ước có lẽ chỉ công nhận lãnh thổ đã được chiếm giữ thật sự, trong khi Pyotr muốn tiếp tục chiến tranh, ít nhất trong một thời gian. Chính vì muốn tiến hành chiến tranh và chiếm lấy Eo biển Kerch để mở đường ra Biển Đen mà Pyotr đã lao động khổ nhọc suốt mùa đông để xây dựng hạm đội.

Khi bắt đầu đàm phán hòa bình ở Wien, Voznitsyn yêu cầu các nước đồng minh khoan ký hòa ước, mà hãy đợi đến khi Nga hoàn thành các mục tiêu của mình. Nhưng các nước này đều có quyền lợi quan trọng hơn nên muốn ký hòa ước ngay. Riêng Anh thuyết phục Ottoman nên nhân nhượng vì muốn Áo được rảnh tay để cùng đối phó với Pháp. Ottoman đành phải dằn lòng chấp nhận nhường Azov cho Nga, nhưng nhất quyết không nhường lãnh thổ nào chưa bị chiếm, ví dụ như Eo biển Kerch. Voznitsyn bị cô lập trong liên minh, nhưng không thể làm gì được ngoại trừ từ chối ký vào hòa ước. Biết rằng Nga không thể đơn độc tấn công Ottoman, ông đề nghị đình chiến trong hai năm, trong thời gian này Sa hoàng có thể chuẩn bị đầy đủ hơn cho cuộc chiến với Ottoman. Bên Ottoman bằng lòng. Voznitsyn cũng đề xuất với Pyotr là trong thời gian này, Nga cử đặc sứ đi Constantinople để thử đàm phán xem Nga có thể đạt được gì thêm sau khi

đã không đạt được bằng chiến tranh trước đấy, và có lẽ không chắc sẽ đạt được sau này.

Tất cả việc này xảy ra vào mùa đông 1698-1699 trong khi Pyotr đang gây dựng hạm đội ở Voronezh. Bây giờ, với hạm đội đã sẵn sàng ở Taganrog nhưng vì đang có đàm phán mà không thể mang ra chiến đấu, Pyotr làm theo lời khuyên của Voznitsyn: cử Bộ trưởng Ngoại giao Emilian Ukraintsev làm đặc sứ đi Constantinople. Việc này là nhất cử lưỡng tiện vì có cơ hội sử dụng hạm đội để phô trương thanh thế: hộ tống vị đặc sứ cho đến Kerch, từ đấy ông này có thể đi đến thủ đô Ottoman trên chiếc chiến hạm lớn nhất và là niềm hãnh diện của Pyotr.

Ngày 5/8,12 tàu lớn của Nga, tất cả đều được người nước ngoài chỉ huy ngoại trừ một tàu khu trục nhỏ do Sa hoàng dưới chức danh Đại tá Hải quân Pyotr Mikhailov làm hạm trưởng, từ Taganrog tiến ra Eo biển Kerch. Viên tổng trấn Ottoman đóng chốt ở pháo đài, chỉ huy dàn đại bác khống chế eo biển, hoàn toàn bất ngờ. Ông nghe loạt súng đại bác của Pyotr tỏ ý chào hỏi và chạy vội ra xem, thấy một hạm đội ngay trước thềm căn cứ của mình. Pyotr yêu cầu cho phép một chiến hạm Nga duy nhất, chiếc Krepost (Pháo đài) với 46 khẩu đại bác, đi qua eo biển để đưa đặc sứ Nga đến Constantinople. Khởi đầu, viên tổng trấn chuẩn bị đại bác để ứng chiến, nói rằng không nhận được lệnh gì từ thủ đô nước ông. Pyotr đối đáp bằng cách dọa sẽ xông qua bằng vũ lực nếu cần, và các chiến hạm của ông có thêm thuyền nhỏ và sà lan chở binh sĩ đến hợp đoàn. Sau 10 ngày, viên tổng trấn đồng ý nhưng đòi hỏi chiến hạm của Nga phải chịu để cho 4 tàu của Ottoman hộ tống. Sa hoàng rút về, và chiếc Krepost đi qua eo biển Kerch. Khi đã ra Biển Đen, hạm trưởng Van Pamburg người Hà Lan ra lệnh giăng

tất cả các cánh buồm cho no gió và chẳng bao lâu để lại 4 tàu của Ottoman phía sau chân trời.

Đấy là thời khắc lịch sử: Lần đầu tiên, một chiến hạm của Nga, mang cờ hiệu của Sa hoàng, thực hiện một cuộc hải hành đơn độc và tự do trên lãnh hải Ottoman. Vào buổi chiều tà ngày 13/9/1699, khi chiếc tàu tiên đến đầu eo biển Bosphorus, Constantinople kinh ngạc và run rẩy. Vị Hoàng đế phản ứng một cách chững chạc: cử đại diện ra chào hỏi và đưa một tàu nhỏ ra đón phái đoàn vào bờ. Tuy nhiên, đặc sứ Nga từ chối rời khỏi tàu, mà đòi cho phép tàu Nga đi lên Bosphorus để đưa ông đến sát thành phố. Hoàng đế nhượng bộ, và chiếc chiến hạm Nga đi lên, cuối cùng thả neo ngay trước cung điện của Hoàng đế Chưa từng có con tàu Nga nào thả neo ở đây.

Người Thổ chăm chăm nhìn chiếc Krepost, tỏ ra lo lắng không phải chỉ vì dáng vẻ ma còn vì kích thước: họ không hiểu làm thế nào một con tàu lớn đến thế lại được đóng trên Sông Don với nước cạn; nhưng rồi họ an tâm phần nào khi chuyên gia kiến trúc hải quân của họ cho biết con tàu phải có đáy khá bằng và vì thế sẽ không được ổn định khi giao chiến bằng đại bác giữa biển khơi.

Ukraintsev được tiếp đãi một cách trọng thị. Triều đình Ottoman cử quan chức cấp cao đến đón ông ở bến tàu, cung ứng một con ngựa đẹp tuyệt vời cho ông sử dụng, và hộ tống ông đến một biệt thự sang trọng gần bờ biển. Sau đấy, theo lệnh của Pyotr muốn phô trương lực lượng hải quân mới của Nga, chiếc Krepost đón tiếp khách lên tham quan. Hàng trăm con thuyền đi đến cạnh sườn tàu và từng đoàn người đủ thành phần chen chúc lên tàu. Đỉnh điểm là chuyến tham quan của Hoàng đế cùng các hạm trưởng Ottoman đi theo.

Chuyến đi công cán diễn ra êm thấm, tuy nhiên, vị hạm trưởng người Hà Lan bốc đồng Van Pamburg suýt làm tiêu tan sự nghiệp của mình và phá hỏng sứ mạng ngoại giao. Ông tiếp đãi một số bạn hữu người Hà Lan và Pháp trên con tàu và giữ họ lại sau nửa đêm. Rồi khi họ lên bờ, ông quyết định đưa tiễn họ bằng cách cho bắn tất cả 46 khẩu đại bác với thuốc súng nhưng không có quả đạn. Loạt tiếng nổ ngay dưới chân tường thành của hoàng cung làm cho cả thành phố thức giấc, kể cả Hoàng đế, người nghĩ hẳn đấy là ám hiệu cho hạm đội Nga từ ngoài biển tiến vào tấn công thành phố. Sáng hôm sau, quan chức người Thổ còn giận dữ ra lệnh tịch thu chiếc chiến hạm và bắt giữ hạm trưởng, nhưng khi người lính Thổ đầu tiên đặt chân lên tàu, Van Pamburg đe dọa sẽ làm cho cả con tàu nổ tung. Sau đấy, với lời xin lỗi và lời hứa sẽ không lặp lại sự xúc phạm, vụ việc được giải quyết êm xuôi.

Trong lúc này, Ottoman không muốn nhanh chóng thỏa hiệp với Nga. Mãi đến tháng 11, phía Thổ mới chịu mở vòng đàm phán. Ukraintstv phải tham dự 23 buổi họp với phía Thổ, đến tháng 6/1700, mới đi đến dung hòa. Lúc đầu, Pyotr có tính tham lam: ông muốn giữ Azov cùng các pháo đài mà ông đã chiếm, và còn đòi thương thuyền (không phải tàu chiến) được đi ra Biển Đen, Ottoman phải ngăn cấm Crimea tấn công vùng Ukraina của Nga, và xin thôi đòi hỏi Nga nộp triều cống. Cuối cùng, ông còn đòi đặt đại sứ Nga thường trực ở Ottoman, ngang hàng với các đại sứ Anh, Pháp và các cường quốc khác.

Trong nhiều tháng đàm phán, người Thổ vẫn nhùng nhằng trong từng chi tiết nhỏ nhất. Bên Nga thấy Áo, Anh và Pháp không muốn Ottoman và Nga trở nên quá thân thiện với nhau. Ukraintsev báo cáo về cho Sa hoàng:

> Tôi không nhận được sự hỗ trợ nào và thậm chí cũng không có thông tin từ Hoàng đế [Áo] hoặc từ Venice. Các bộ trưởng Anh và Hà Lan về phe với Thổ và có ý thân thiện đối với họ hơn là đối với ngài. Họ ghét ngài và ganh tị với ngài bởi vì ngài đã đóng được tàu và khánh thành hạm đội ở Azov cũng như ở Arkhangelsk.

Hãn vương Crimea cũng muốn ngáng trở tiến trình hòa bình. Ông viết cho Hoàng đế Thổ:

> Sa hoàng đang phá hủy những truyền thống và đức tin cũ của dân ông ấy. Ông ta đang thay đổi tất cả theo các phương pháp Đức và đang gây dựng quân đội và hạm đội hùng mạnh, qua đó làm mọi người phiền hà. Chẳng bao lâu, ông ta sẽ tiêu tán dưới bàn tay của thần dân ông ta.

Người Thổ chỉ khăng khăng ở một điểm mà không cần các đại sứ Tây Âu hoặc Thủ lĩnh Tatar thúc đẩy: Họ nhất quyết khước từ yêu cầu của Sa hoàng cho tàu Nga đi ra Biển Đen. Họ bảo Ukraintsev:

> Chỉ Sultan là người duy nhất cai trị Biển Đen cùng bờ biển xung quanh. Từ thuở xa xưa chưa từng có và cũng sẽ không bao giờ có tàu nước ngoài đi trong lãnh hải này… Ottoman xem Biển Đen giống như nữ đồng trinh còn thanh khiết mà không ai dám xâm phạm, và Hoàng đế có thể cho phép người nước ngoài xâm nhập cấm cung hơn là để cho tàu nước ngoài đi vào Biển Đen.

Cuối cùng, người Thổ trở nên quá cứng rắn. Dù đã thua trận chiến, bây giờ họ chỉ còn có một kẻ thù là Nga, và không ai có thể bắt ép họ phải

nhượng thêm ngoài những gì họ đã mất trong chiến tranh. Pyotr cũng muốn kết thúc đàm phán, vì ông có ý đồ hấp dẫn hơn ở Biển Baltic. Kết quả là Hiệp ước Constantinople - không phải là hòa ước nhưng là thỏa thuận đình chiến trong 30 năm mà không bên nào được quyền đòi hỏi lãnh thổ - để mọi vấn đề bỏ ngỏ, và khi hết hạn nếu không được gia hạn thì chiến tranh có thể tái diễn.

Các điều khoản thể hiện sự dung hòa: Nga được giữ lại Azov và một ít lãnh thổ, nhưng phải phá hủy các pháo đài vùng hạ lưu Sông Dniepr và trả lại vùng đất này cho Ottoman. Sẽ có một dải đất không người ở, phi quân sự, kéo dài qua Ukraina từ đông sang tây, ngăn cách lãnh thổ Crimea của người Tatar khỏi đất Nga. Việc Nga đi qua Kerch để thông ra Biển Đen không thành vì Ottoman quá cứng rắn. Nga mất lãnh thổ đã chiếm nhưng được lợi mặt khác. Ottoman chấp nhận một cách chính thức việc Nga khước từ tiếp tục triều cống cho Hãn quốc Crimea. Hãn vương Devlet Gerey cực lực phản đối, nhưng vô hiệu: việc triều cống bị bãi bỏ và không bao giờ được lập lại, ngay cả 11 năm sau lúc Nga chiến bại ở Pruth. Rốt cuộc, Ukraintsev đạt được sự nhượng bộ mà Pyotr xem là quan trọng: quyền cử đại sứ thường trực tại Constantinople, ngang hàng với Anh, Hà Lan và Pháp, qua đấy Nga được công nhận là một cường quốc Châu Âu. Ukraintsev lưu lại để trở thành đại sứ thường trực đầu tiên cho Sa hoàng tại một cường quốc.

Điều trái khoáy là việc ký hiệp ước đình chiến 30 năm với Thổ đã khiến cho công lao xây dựng hạm đội ở Voronezh trở nên vô nghĩa. Một thời gian lâu trước khi hiệp ước hết hiệu lực, thủy thủ đoàn đã bị giải tán và các con tàu đã mục nát. Dĩ nhiên là vào lúc này, trong tư tưởng của Pyotr hiệp ước chỉ là tạm thời. Dù chủ ý của ông bắt đầu hướng về Đại chiến Bắc Âu với

Thụy Điển, các công cuộc xây dựng hạm đội và căn cứ hải quân miền nam chỉ chậm lại chứ không hề ngừng hẳn. Trong cuộc đời mình, Pyotr không bao giờ từ bỏ ý định tiến ra Biển Đen. Đúng thế: trong sự tức tối và thất vọng của Thổ, xưởng đóng tàu ở Voronezh vẫn tiếp tục hoạt động, những con tàu mới vẫn đi xuống Taganrog và các bức tường thành Azov được xây cao thêm.

Hạm đội miền Nam không bao giờ can dự vào chiến trận, nhưng sau này là yếu tố khiến cho người Thổ không dám ủng hộ Thụy Điển trong chiến tranh với Nga. Khi Karl XII tiến sâu vào đất Nga, ông mong được liên minh với người Thổ. Trong thời gian này, Pyotr khẩn trương tăng cường hạm đội. Hai tháng trước khi Trận Pultowa diễn ra, tháng 5/1709, đích thân Pyotr đi đến Azov và Taganrog để tổ chức diễn tập hạm đội. Vì Hoàng đế Ottoman có ấn tượng với sức mạnh của hải quân Nga, ông cấm Hãn vương Crimea Devlet Gerey về phe với Thụy Điển. Kết quả này đủ biện minh cho nỗ lực xây dựng hạm đội.

105. Patrick Gordon để lại một tập nhật ký giúp tạo nên một nguồn tư liệu quý giá về nước Nga cũ dưới ba triều đại Sa hoàng ông phục vụ. Tập nhật ký này được lưu giữ tại Thư khố Quốc gia Nga. (ND)

BA ĐẠI CHIẾN BẮC ÂU

22 BÀ CHỦ CỦA MIỀN BẮC

Biển Baltic nằm về phía bắc nước Nga, ánh màu xanh sáng khi trời nắng, xám u ám trong sương và mưa, vàng kim sậm trong chiều tà. Dọc bờ bắc là rừng thông, vịnh hẹp[106] đá hoa cương đỏ, bãi sỏi, cùng vô số đảo nhỏ hoặc rất nhỏ. Bờ biển phía nam thoai thoải, cây cối xanh rì dọc theo chiều dài nhiều bãi cát, đụn cát, đất ngập, và bãi bùn. Nhiều bãi cát ngầm chen lẫn với đầm, phá rộng vài chục kilômét và dài gần 100 kilômét. Qua vùng bằng phẳng và ngập nước này, bốn con sông lịch sử cùng liên tục đổ nước ngọt ra Biển Baltic: Neva, Dvina Tây, Wistla và Odra, khiến cho dòng hải lưu chảy ra khỏi Baltic, nước mặn ngoài đại dương khó chảy vào Baltic, vì thế cũng không có thủy triều ở Riga, Stockholm hoặc cửa sông Neva.

Độ mặn thấp khiến nước biển dễ đóng băng. Mùa đông bắt đầu từ tháng 10, lúc sương giá và tuyết bắt đầu xuất hiện. Đến tháng 11, các vịnh đã có một lớp băng mỏng. Kronstadt và Sankt-Peterburg đóng băng vào cuối tháng 11; Reval (Tallinn hiện nay) và Stockholm tháng 12. Vùng nước ngoài khơi Biển Baltic ít khi bị đóng băng, nhưng có nhiều tảng băng trôi và thường có bão nên việc hải hành gặp khó khăn. Phân nửa phía bắc của Vịnh Bothnia đóng băng cứng từ tháng 11 đến tháng 5 năm sau.

Băng tan khi xuân về; một lần nữa Biển Baltic hồi sinh. Vào thời của Pyotr, các đội thương thuyền xuất phát từ Amsterdam và London, lèo lái

giữa luồng tàu rộng khoảng 5 kilômét. Trong mùa hè ngắn ngủi, Biển Baltic đầy những cánh buồm; tàu thuyền ngược xuôi khắp nơi, thả neo trong bến cảng, buộc chặt vào bờ kè, thuyền trưởng đi lên bờ ngồi ăn với doanh nhân, thủy thủ uống rượu trong quán ba và ăn nằm với phụ nữ.

Các thành phố và thị trấn cảng biển vùng Baltic ngày ấy cũng như bây giờ đều mang sắc thái Đức, với đường phố lát đá và dinh thự xây bằng đá kiểu trung cổ. Thị trấn cổ kính Reval nằm giữa một thành trì trung cổ cheo leo trên một vách đá. Riga - thủ phủ của Latvia - thì rộng hơn, mới hơn, nhưng vùng trung tâm cổ bên bờ Sông Dvina Tây là một thế giới của những đường phố lát đá và nhà hàng bia kiểu Đức. Bên ngoài thành phố, một bãi biển cát trắng viền bằng đụn cát và rừng thông chạy dài nhiều kilômét dọc Vịnh Riga.

Vào thời của Pyotr, kiến trúc, ngôn ngữ, tôn giáo và văn hóa của các thị trấn ven Biển Baltic hoàn toàn khác biệt với nước Nga bao la nằm kế bên. Dưới sự cai trị của chế độ những Hiệp sĩ Teuton, sau này là giới quý tộc Đức và Giáo hội Lutheran, sự toàn vẹn về văn hóa và tôn giáo vẫn được duy trì ngay cả sau khi Pyotr đánh chiếm Riga và sáp nhập vùng này vào nước Nga trong hai thế kỷ.

Ở phía bắc là Thụy Điển, đất nước đạt đến đỉnh cao về quyền lực vào thời của Pyotr. Lãnh thổ trải dài gần 1.600 kilômét, gồm có rừng thường xanh, 96.000 hồ, băng và tuyết. Cũng giống như miền bắc nước Nga: mùa hè ngắn và mát, chỉ có 5 tháng là không có sương giá. Băng bắt đầu hình thành vào tháng 11 và tan chảy vào tháng 4 năm sau. Đây là một lãnh thổ lạnh lẽo, đẹp một cách khắc khổ, đã sản sinh một dân tộc chai lì, không biết than vãn.

Trong thế kỷ 17, chỉ có một triệu rưỡi người sống rải rác trên vùng đất rộng này. Phần lớn làm nghề nông, sử dụng lưỡi cày gỗ, tự tạo ra quần áo như họ đã làm từ bao thế kỷ trước. Việc đi lại giữa hai làng kế nhau hoặc từ làng đi thị trấn gần nhất đều chậm chạp và nguy hiểm. Đường sá đều xấu và, giống như ở Nga, dễ đi hơn trong mùa đông bằng xe trượt băng lướt trên mặt sông hồ đông cứng. Giấu mình sau ngọn gió buốt giá, dân quê Thụy Điển trải qua những ngày đông vô tận quanh lò sưởi hoặc trong nhà tắm công cộng - là những cách thức tốt nhất để xua cái lạnh ra khỏi người.

Thụy Điển xuất khẩu chủ yếu sản phẩm quặng mỏ: bạc, đồng và sắt. Phân nửa giá trị xuất khẩu là sắt, vôn thiết yếu cho cả thời bình lẫn thời chiến, phần lớn đi qua thủ đô Stockholm với dân số khoảng 60.000 vào năm 1697. Vào thế kỷ 17, Stockholm là trung tâm thương mại quan trọng, với tàu buôn Hà Lan và Anh chen chúc qua bến cảng, và xưởng đóng tàu, chợ búa cùng ngân hàng mọc lên. Khi đã tích lũy thêm tài sản, các nóc tháp nhà thờ và tấm lợp mái các tòa nhà hành chính được phủ một lớp đồng tỏa ánh sáng màu cam chói lọi lúc có ánh nắng chiếu xuống. Những con tàu ra đi chở theo sắt, quay lại chở đến đồ nội thất bằng gỗ óc chó của Anh, ghế thếp vàng của Pháp, đồ sứ Hà Lan, cùng các hàng hóa khác từ Ý và Đức: thủy tinh, giấy dán tường dát vàng, thảm, chăn màn, và dao nĩa bằng bạc.

Sự phồn thịnh được xây dựng trên đế chế cũng quan trọng như trên sắt và đồng. Thế kỷ 17 là thời hoàng kim của Thụy Điển, với đế quốc trải dài suốt bờ bắc của Biển Baltic và những lãnh thổ thuộc địa quan trọng dọc bờ nam. Lanh thổ đế quốc gồm tất cả Phần Lan và Karelia, Estonia, Ingria và Livonia, tức là bao trùm cả Vịnh Bothnia và Vịnh Phần Lan. Lãnh thổ đế quốc cũng gồm cả Pomerania, các cảng biển Stettin, Stralsund và Wismar

dọc bờ biển của Bắc Đức, hai giáo khu giám mục Bremen và Verden ở phía tây Đan Mạch, cùng phần lớn các hòn đảo trên Biển Baltic.

Thương mại còn quan trọng hơn lãnh thổ. Về khía cạnh này, Thụy Điển được đảm bảo nhờ chiếm được ba trong bốn cửa sông: Neva ở Vịnh Phần Lan, Dvina Tây gần Riga, và Odra ở Stettin[107]; riêng Sông Wistla nằm trên đất Ba Lan.

Sự kiện một triều đình trị vì một triệu rưỡi dân lại chiếm được những lãnh thổ rộng lớn là do thành tựu của những nhà chỉ huy quân sự lỗi lạc và những binh sĩ rắn rỏi. Một trong những chiến binh vĩ đại nhất là Gustavus Adolphus, người đã mở những cuộc hành quân xa xôi đến tận Sông Danube, rồi tử trận khi dẫn đầu kỵ binh tấn công đối phương. Kế vị ông là người con duy nhất mới lên 6 tuổi, sau này trở thành nhân vật huyền thoại: Nữ hoàng Christina. Sau khi đăng quang ở tuổi 18, Christina trị vì trong 10 năm, từ 1644 đến 1654. Niềm đam mê của bà là học hỏi. Bà thức dậy lúc 5 giờ sáng để đọc sách. Những học giả, nhạc sĩ và triết gia nước ngoài - kể cả Descartes - được dẫn dụ đến triều đình qua những lời đồn đại về đầu óc và tính phóng khoáng của bà. Thế rồi, ở tuổi 28 bà bất ngờ thoái vị, viện lý do mình bệnh tật và vai trò quân vương là quá nặng nề đối với phụ nữ. Tuy nhiên, lý do thật sự là bà đã bí mật đổi làm tín đồ Thiên Chúa giáo - là việc bất hợp pháp ở đất nước Thụy Điển theo Tin Lành. Ngai vàng được chuyển giao cho người anh họ của Christina, lên làm Vua Karl X và là ông nội của Karl XII. Còn Christina lập tức dời đến Roma sống tiếp 34 năm còn lại của đời mình, là bạn của bốn giáo hoàng, là nhà bảo trợ cho ngành mỹ thuật và cũng là người tình của Hồng y Azzolini.

Chiến tranh Ba mươi năm tiếp tục sau khi Gustavus Adolphus tử trận rồi kết thúc với Hòa ước Westphalia, theo đó Thụy Điển nhận được nhiều đất

đai kể cả các tỉnh của Đức. Nhờ đó, Thụy Điển nắm quyền kiểm soát cửa biển của các con sông Odra, Weser và Elbe. Việc làm chủ các vùng đất của Đức dẫn đến điều bất thường: một nước Thụy Điển theo Tin Lành lại là thành viên của Đế quốc La Mã Thần thánh theo Thiên Chúa giáo và có chân trong Hội đồng Đế quốc. Quan trọng hơn, những lãnh thổ đã chiếm được có vai trò làm đầu cầu để quân đội Thụy Điển có thể tiến đến bất cứ nơi nào ở Châu Âu. Điều này khiến cho Thụy Điển trở thành một yếu tố quan trọng mà cả Châu Âu đều phải cân nhắc khi tiến hành chiến tranh hoặc kiến tạo hòa bình.

Tóm lại, Thụy Điển là một hiện tượng - một cường quốc, nhưng là cường quốc với những mặt yếu. Không những đế quốc này bị bội thực vì chinh phục, mà còn bị dàn trải. Nó có nhiều lợi điểm: người dân cần cù, binh sĩ có kỷ luật, quân vương chỉ huy chiến trận một cách lỗi lạc. Tuy thế để duy trì địa vị của mình, còn cần có sự sáng suốt. Khi nào mà các quân vương thấu hiểu điều này và hành động một cách khôn khéo, Thụy Điển sẽ vẫn là Bà chủ của miền Bắc.

Mầm mống của Đại chiến Bắc Âu phát xuất từ những lý do lịch sử và kinh tế cũng như lòng khát khao của Pyotr về biển. Nga và Thụy Điển đã đối đầu với nhau trong nhiều thế kỷ để tranh giành vùng ven bờ Vịnh Phần Lan. Thoạt đầu, Karelia và Ingria - nằm phía bắc và nam Sông Neva - là

lãnh thổ xưa cũ của Nga. Sau cái chết của Ivan Bạo chúa, nước Nga lâm vào thời kỳ khủng hoảng khiến cho Thụy Điển có cơ hội chiếm đoạt một dải đất rộng kể cả Novgorod. Đến năm 1616, Thụy Điển trả lại Novgorod cho Nga nhưng vẫn giữ lấy nguyên bờ biển với các pháo đài trấn giữ như Noteborg (bên bờ Hồ Ladoga), Narva và Riga, tiếp tục cô lập Nga khỏi biển cả. Sa hoàng Aleksei đã cố lây lại các vùng đất này, nhưng rồi phải bỏ ý định. Cuộc chiến chống Ba Lan là quan trọng hơn, và Nga không thể cùng lúc chống cả Ba Lan và Thụy Điển. Hòa ước Nga-Thụy Điển năm 1664 tái xác nhận các vùng đất này thuộc Thụy Điển.

Tuy thế, trong ý nghĩ của Pyotr, đấy là những lãnh thổ của Nga, và Nga đang chịu thiệt hại đáng kể về kinh tế khi những vùng đất này nằm trong tay nước ngoài. Hàng hóa của Nga tuôn ra các cửa khẩu Riga, Reval và Narva bị Thụy Điển thu thuế quan nặng nề, làm kho bạc của Thụy Điển đầy thêm.

Chung quy là do đường biển. Pyotr hiểu rằng ông không thể một mình gây chiến với Đế quốc Ottoman; ông cũng nhận ra rằng đường thông ra Biển Đen đã bị khóa chặt. Nhưng ở đây, biên giới Nga chỉ cách bờ Biển Baltic dăm bảy kilômét, vì vậy có thể là đường hàng hải thông trực tiếp đến Hà Lan, Anh và Tây Âu. Ông cảm thấy khó cưỡng lại cơ hội gây chiến với quân vương thiếu niên của Thụy Điển qua liên minh với Ba Lan và Đan Mạch.

Nhưng chiến tranh có thể đã không xảy ra nếu không có người khơi mào: Johann Reinhold von Patkul, nhà yêu nước không tổ quốc. Ông thuộc giới quý tộc gốc Đức của Livonia, hậu duệ của các Hiệp sĩ Teuton - những người đã chiếm giữ Livonia, Estonia và Courland cho đến giữa thế kỷ 16. Sau khi các Hiệp sĩ Teuton bị Ivan Bạo chúa đánh bại, Livonia rơi vào tay Ba Lan. Nhưng người Ba Lan cai trị quá độc đoán, bắt dân thuộc địa phải

nói tiếng Ba Lan, theo luật pháp Ba Lan và đổi đức tin qua Thiên Chúa giáo. Thế nên người Livonia theo Tin Lành tìm kiếm sự bảo hộ của Thụy Điển theo Tin Lành. Vào năm 1660, sau một cuộc tranh đấu lâu dài, Livonia trở thành một tỉnh của Thụy Điển, và theo đó, phải chấp hành hệ thống chính trị của Thụy Điển. Một trong những hệ lụy là chính sách của Vua Thụy Điển Karl XI. Ông này nhất quyết giảm bớt ảnh hưởng của giới quý tộc và nắm lấy quyền chuyên chế tuyệt đối. Một phương cách hiệu quả là thu về cho triều đình vô số đất đai trước đây đã được giao cho giới quý tộc để họ quản lý về mặt hành chính (Giới quý tộc đã xem các phần đất này là để cha truyền con nối). Chính sách thu hồi đất đai này được bắt đầu thi hành một cách gắt gao năm 1680 cho tất cả các tỉnh của Thụy Điển kể cả Livonia. Đây là đòn đau cho giới quý tộc Livonia, vì mới hai năm trước đó Vua Karl XI đã long trọng hứa sẽ không lấy đất của họ. Thế là các nam tước Livonia phản đối lệnh tịch thu đất, và cử phái bộ đến Stockholm để kêu nài.

Patkul là thành viên của phái bộ này. Ông là người khỏe mạnh, đẹp trai, có văn hóa, nói được nhiều thứ tiếng kể cả Hy Lạp và Latinh, mà cũng là một sĩ quan quân đội có kinh nghiệm chiến trường. Ông cũng có tính khí nóng nảy, thường chuyên tâm vào một mục tiêu nhất định, và cứng cỏi. Ông kêu nài với ngôn từ hùng biện. Vua Karl XI cảm động nhưng vẫn không đổi ý, trả lời Patkul rằng "Ông đã trình bày như là một người chân thật đối với quê cha của ông. Tôi cảm ơn ông". Nhưng nhà Vua vân tái khẳng định việc thu đất là "điều cần thiết cho quốc gia" và tuyên bố không thế đối xử Livonia khác biệt với phần còn lại của vương quốc.

Patkul trở về Livonia, thảo một thư thỉnh nguyện với nội dung bị xem là phản loạn và gửi đến Stockholm. Ông bị kết án tử hình vắng mặt, nhưng chạy thoát được và lang thang khắp Châu Âu. Trong sáu năm, ông mơ đến

một liên minh chống Thụy Điển để giành độc lập cho Livonia. Khi Karl XI qua đời và một thiếu niên 15 tuổi lên kế vị, ông nghĩ cơ hội xem chừng đã đến.

Tuy Patkul là người nóng nảy, nhưng lại có đầu óc thực tế. Ông biết rằng để thoát ách Thụy Điển, một công quốc nhỏ sẽ phải chấp nhận sự hỗ trợ và có lẽ cả sự bảo hộ của một cường quốc. Ba Lan dường như là một chọn lựa tốt: một nước cộng hòa, có vua do giới quý tộc bầu lên. Patkul nghĩ rằng với một hệ thống lỏng lẻo như thế giới quý tộc Livonia có cơ may được tự chủ. Hơn nữa, vua mới Augustus II của Ba Lan - đồng thời là Tuyển hầu tước của Công quốc Saxony - là người Đức và như thế có thể mong ông này sẽ thông cảm với giới quý tộc gốc Đức của Livonia.

Tháng 10/1698, Patkul bí mật đến thủ đô Warszawa của Ba Lan để thuyết phục Vua Augustus. Ông đã đến gặp Vua Frederick IV của Đan Mạch và nhận được sự ủng hộ, vì Đan Mạch muốn giành lại đất bị Thụy Điển chiếm và cũng cảm thấy không yên tâm vì quân Thụy Điển đang trấn đóng lãnh địa Holstein-Gottorp sát biên giới phía nam của mình.

Augustus thấy lời đề nghị của Patkul là hấp dẫn, nhất là khi nghe Livonia sẵn sàng công nhận Augustus là vua cha truyền con nối của họ. Augustus đã có tham vọng biến địa vị vua Ba Lan được bầu thành cha truyền con nối. Nếu Livonia thần phục Ba Lan, dòng họ ông có thể làm vua Ba Lan vĩnh viễn. Augustus lo ngại về phản ứng của các nước lớn ở Tây Âu, nhưng nghĩ rằng Áo, Pháp, Hà Lan và Anh "chắc chắn sẽ lên tiếng ồn ào về vấn đề mậu dịch, nhưng có lẽ sẽ không làm gì cả". Để thuyết phục ông thêm, Patkul nói việc chinh phục Livonia sẽ dễ dàng, và còn cung cấp tài liệu trình bày chi tiết cơ cấu phòng thủ của Riga - mục tiêu chính của Augustus.

Nỗ lực của Patkul vượt quá sức tưởng tượng của ông: Đan Mạch và Ba Lan đồng ý hợp lực đánh Thụy Điển. Frederick IV sẽ tiến đánh quân Thụy Điển ở hai tỉnh Schleswig và Holstein. Augustus sẽ dẫn quân Saxony đánh Livonia và bất ngờ chiếm Riga. Vì thế, quân đội Thụy Điển sẽ bị cắt đứt làm ba mảng: Bắc Đức, vùng Baltic và chính quốc. Vì lẽ Vua Thụy Điển chỉ là một thiếu niên, mọi người hy vọng Đế quốc Thụy Điển sẽ sụp đổ nhanh chóng. Cuối cùng, Patkul đề nghị nên mời Pyotr cùng tham gia tấn công Thụy Điển. Mũi tiến công của Nga lên Ingria sẽ phân chia lực lượng của Thụy Điển mỏng thêm. Không ai tin tưởng lắm sức mạnh của quân Nga, nhưng hy vọng số lượng sẽ lấp vào điểm yếu. Patkul đề xuất:

> Bộ binh Nga sẽ hữu ích nhất khi chiến đấu dưới hào và hứng đạn của kẻ địch, trong khi quân của nhà Vua [Augustus] có thể nghỉ ngơi và được sử dụng để bố phòng các đường tiến.

Tức là, Nga sẽ làm bia đỡ đạn cho các đồng minh.

Nhóm âm mưu lo lắng là một khi quân Nga đã tiến vào các tỉnh miền Baltic, có thể khó thuyết phục họ rút lui. Patkul cảnh báo:

> Tuyệt đối cần thiết phải trói hai tay của Sa hoàng sao cho trước mắt chúng ta ông ấy không ăn được miếng thịt đang được nướng cho ta; tức là không cho ông ấy chiếm Livonia, mà chỉ phải lo tấn công Narva…

Patkul lấy tên giả là Kindler và ẩn mình trong một nhóm kỹ sư Công quốc Saxony được Sa hoàng tuyển mộ, tháp tùng Tướng George von Carlowitz, đại diện cho Augustus, đi Moskva để thuyết phục Pyotr và bàn kế hoạch cụ thể. Nhưng tại Moskva, phái đoàn rơi vào tình thế lạ lùng.

Thụy Điển đã nghe phong thanh các nước lập liên minh chống lại mình, vì thế vào mùa hè 1699 cử một phái bộ sứ thần đông đảo đến Moskva để báo tin Vua Karl XII lên ngôi và yêu cầu tái xác nhận các hòa ước hiện hữu giữa hai nước, theo thông lệ mỗi khi có một quân vương mới lên ngôi. Việc Thụy Điển cử đi một phái bộ đông đảo là có ý tỏ lòng trọng vọng để chuộc lỗi cho sự thiếu sót khi họ đón tiếp Sa hoàng không được chu đáo ở Riga năm 1697. Khi phái bộ Thụy Điển đến biên giới Nga giữa tháng 6, bác của Pyotr, Lev Naryshkin, tiếp đón họ một cách trọng thị, nhưng giải thích rằng họ phải chờ Sa hoàng trở về từ Azov.

Pyotr trở về Moskva vào đầu tháng 10 và thấy có hai phái bộ nước ngoài đang chờ ông: phái bộ chính thức của Thụy Điển yêu cầu ông tái xác nhận các hòa ước hiện hữu, và phái bộ bí mật của Carlowitz yêu cầu ông khởi động chiến tranh với Thụy Điển. Từ lúc này, Nga tham dự hai loạt đàm phán song song: giữa Bộ Ngoại giao và Thụy Điển một cách chính thức ở Moskva, giữa Pyotr và Carlowitz một cách bí mật ở Preobrazhenskoe.

Phía Thụy Điển thấy sự hiện diện của Carlowitz và biết có sự thảo luận nào đấy, nhưng nghĩ đấy là một hòa ước. Để tránh gây nghi ngờ, Pyotr tiếp kiến phái bộ Thụy Điển với đủ nghi thức và ký xác nhận các hòa ước cũ. Nhưng để tránh lương tâm bị cắn rứt, ông không hôn cây thánh giá ở buổi lễ ký kết. Khi đại sứ Thụy Điển nhận ra việc bỏ sót nghi thức và khiếu nại, Pyotr trả lời rằng lúc lên ngôi ông đã cất lời thề sẽ tôn trọng tất cả hiệp ước, và theo tập tục của Nga, bây giờ không cần phải lặp lại. Ngày 24/11, phái bộ Thụy Điển yết kiến Sa hoàng lần cuối. Pyotr tỏ ra ân cần và gửi một thư chính thức cho Vua Karl XII xác nhận các hòa ước hiện hữu giữa Thụy Điển và Nga.

Trong cùng thời gian đó, phái bộ của Carlowitz đạt thỏa thuận, nhưng Patkul vẫn ẩn mình. Carlowitz trình cho Sa hoàng một công hàm (có lẽ do Patkul soạn thảo) cho thấy để đổi lấy việc Nga tham chiến, Augustus cam kết ủng hộ cho Nga chiếm lại Ingria và Karelia. Đại sứ Đan Mạch Heins cũng làm chứng cho cam kết này. Thế là, chỉ ba ngày sau khi phái bộ Thụy Điển ra về, Pyotr ký một hiệp ước theo đó Nga cam kết sẽ tấn công Thụy Điển, nếu có thể là vào tháng 4/1700. Sa hoàng đã cẩn thận không nêu ra ngày cụ thể, và có một điều khoản ghi rằng Nga sẽ tấn công chỉ sau khi đã ký với Ottoman một hòa ước hoặc hiệp định đình chiến. Sau khi đã ký hiệp ước, Carlowitz mới giới thiệu Patkul với Sa hoàng nước Nga.[108]

Sau khi đã cam kết tấn công một cường quốc quân sự Tây Âu, bây giờ Pyotr chuyển sang hàng núi công việc để chuẩn bị cho chiến tranh. Sau chuyến đi Tây Âu, Pyotr chỉ chú tâm vào hạm đội. Trong một loáng, ông phải chuyển tâm trí qua đại bác, thuốc súng, xe goòng, ngựa, quân phục và binh sĩ. Trong khi Cấm vệ đã mất tinh thần và chỉ còn lại vài lữ đoàn, quân đội chuyên nghiệp của Pyotr chủ yếu chỉ có 4 Lữ đoàn Cảnh vệ: Preobrazhenskoe, Semyonovsky, Lefort và Butursky. Vì thế nếu Sa hoàng muốn giữ lời hứa đối với Augustus, trong vòng ba tháng ông sẽ phải ban hành lệnh động viên, huấn luyện, trang bị cả một đạo quân, rồi xuất quân.

Pyotr cấp tốc hành động. Một chỉ dụ được ban hành đòi hỏi địa chủ phải đảm bảo cứ 50 nông nô thì gửi một người đi tòng quân, đối với tu viện và các tổ chức tôn giáo thì cứ 25 hộ gửi một người. Pyotr cũng kêu gọi quân tình nguyện trong số những người nhàn cư ở Moskva, với lời hứa hẹn mức lương khá. Tất cả được lệnh tập trung ở Preobrazhenskoe trong hai tháng 12 và 1. Sẽ có 27 trung đoàn bộ binh mới theo mô hình của 4 lữ đoàn Cảnh vệ, mỗi trung đoàn có 2 đến 4 tiểu đoàn. Bây giờ, Pyotr cảm thấy mất mát về

chuyên môn do cái chết của Patrick Gordon. Thiếu vắng vị tướng già, Pyotr phải tự đảm nhận việc huấn luyện, với sự trợ giúp của tướng Tư lệnh Cảnh vệ Avtemon Golovin và Trung tướng Adam Weide. Trong khi ấy, Hoàng thân Nikita Repnin được cử đi tuyển mộ và huấn luyện binh sĩ ở các thị trấn dọc hạ lưu Sông Volga.

Ba người Nga: Avtemon Golovin, Weide và Repnin chỉ huy ba sư đoàn mới, còn tất cả trung đoàn trưởng đều là người nước ngoài - vài người đã qua chinh chiến ở Crimea và Azov, những người khác vừa được tuyển mộ từ Tây Âu. Khó khăn lớn nhất của Pyotr là ở sĩ quan Nga già: nhiều người không hề muốn ra chiến trường. Để thay thế họ, Pyotr huy động nhân viên trong hoàng cung. Cuối cùng, hầu hết thị thần, thị vệ trong triều đình đi làm nghĩa vụ.

Đội quân mới mặc quân phục theo kiểu Đức, được trang bị súng nòng dài và lưỡi lê. Pháo binh, với 300 khẩu do Vua Karl XII tặng để giúp Sa hoàng chiến đấu chống Ottoman, được đặt dưới quyền chỉ huy của Hoàng thân Aleksandr Xứ Imeritia, người đã theo Pyotr đi Hà Lan và học pháo binh ở The Hague.

Suốt mùa xuân năm 1700, Pyotr phải xoay xở giữa cuộc chiến ông muốn chấm dứt và cuộc chiến ông muốn bắt đầu. Những tin đồn đại ở Constantinople khiến cho ông phải đi xuống Voronezh lo đóng thêm tàu để chuẩn bị khả năng tái chiến với Ottoman.

Trong khi ấy, hai đồng minh của Nga đã tấn công Thụy Điển như các bên đã dự tính. Tháng 2/1700, không cất lời tuyên chiến, 14.000 quân Saxony bất ngờ tấn công Livonia và công hãm Riga. Quân Thụy Điển phản công và đánh họ bật ra, sát hại Tướng Carlowitz của Saxony[109]. Pyotr tỏ ra

khinh bỉ đặc biệt với Augustus; ông nói nhà Vua đáng lẽ phải thân chinh đi Livonia thay vì "khuây khỏa với phụ nữ" ở Saxony.

Tháng 3/1700, Frederick IV của Đan Mạch dẫn 16.000 quân xâm lăng lãnh địa của Quận công Holstein-Gottorp phía nam Đan Mạch và công hãm thị trấn Tonning. Bây giờ chính là lúc Pyotr cần tham gia bằng cách đánh lên Ingria. Nhưng ông hoàn toàn bị bó tay vì không nhận được tin tức gì từ Constantinople.

Vào mùa xuân, lời đồn đại về việc Ottoman chuẩn bị gây hấn càng ngày càng râm ran khiến Pyotr nghĩ cần thiết phải tái xác nhận quan hệ tốt với Thụy Điển. Bí mật về thỏa hiệp với Ba Lan và Đan Mạch đã bị lộ ra ngoài, và để trấn an Thụy Điển ông tỏ ra thân thiết với đại sứ Thomas Knipercrona của Thụy Điển tại Moskva, người không hề biết gì về âm mưu ngay trước mũi mình vào mùa thu rồi. Vào ngày trở về từ Voronezh, Sa hoàng đến gặp Knipercrona ở Moskva và, theo cách bông đùa, phủ nhận lá thư của phu nhân đại sứ gửi con gái nói rằng quân Nga sắp tấn công Livonia. Cô con gái đã đến viếng thăm Voronezh và cho Sa hoàng xem lá thư của bà mẹ. Pyotr nói:

> Tôi khó mà trấn an con gái của ông, cô ấy cứ khóc thút thít. Ông không nên nghĩ rằng tôi sẽ khởi động một cuộc chiến phi nghĩa chống Thụy Điển và phá vỡ nền hòa bình vĩnh cửu mà tôi vừa cam kết duy trì.

Knipercrona xin Sa hoàng thứ lỗi cho con gái của mình. Pyotr ôm lấy vị Đại sứ một cách thắm thiết và thế rằng nếu Vua Ba Lan chiếm lấy Riga từ tay Thụy Điển, chính tay mình sẽ giật lại. Hoàn toàn bị chinh phục, vị đại

sứ này báo cáo về Stockholm rằng Sa hoàng không có ý định tấn công Thụy Điển.

Cần ghi nhận rằng thời ấy, cũng giống như bây giờ, đạo lý đóng vai trò phụ thuộc trong chiến tranh và ngoại giao. Phần lớn các quốc gia đều muốn chiếm lấy lãnh thổ một khi nắm bắt được cơ hội. Theo quan điểm của Pyotr, những vùng đất ven biển là lãnh thổ của Nga ngày xưa; bây giờ đơn giản là thời điểm thuận lợi nhất để lấy lại. Tương tự, vào thời ấy không có gì phải xấu hổ khi đàm phán cùng lúc với cả Thụy Điển và Saxony. Những tấn trò như thế vẫn thường xuyên diễn ra ở London, Paris, Wien và Constantinople.

Mùa xuân đi qua, rồi tháng 6, tháng 7, mà vẫn chưa có tin từ Constantinople. Ngày 15/7, Pyotr tiếp kiến một đặc sứ Saxony chuyển lời của Augustus xin ông xuất quân. Sa hoàng nói riêng với ông rằng mình rất khổ tâm, chỉ vì sự trễ nải trong việc ký hiệp định với Ottoman.

Rốt cuộc, ngày 8/8 có tin từ Constantinople. Bản hiệp ước đình chiến có hiệu lực trong 30 năm được ký ngày 3/7, và liên lạc viên của Đại sứ Ukraintsev dù cố gắng đi thật nhanh cũng phải mất 36 ngày để về đến Moskva.

Cuối cùng được tự do, Pyotr hành động nhanh chóng. Vào buổi tối nhận được tin đình chiến, Moskva ăn mừng với màn trình diễn pháo bông vô cùng đặc sắc. Sáng ngày sau, 9/8/1700, chiến tranh với Thụy Điển được tuyên cáo trong cách thức của các Sa hoàng: được đọc từ hoàng cung. Tuyên cáo cho biết:

> Sa hoàng vĩ đại đã chỉ đạo là đối với những hành động sai trái của các vua Thụy Điển, và đặc biệt trong chuyến du hành của Sa hoàng qua

Riga ông đã chịu đựng những điều trở ngại và khó chịu từ phía dân Riga, binh sĩ của Ngài sẽ tiến hành chiến tranh ở các thị trấn Thụy Điển.

Mục đích được tuyên cáo của cuộc chiến tranh là để chiếm lại hai tỉnh Ingria và Karelia mà "theo luật lúc nào cũng thuộc về nước Nga đã bị chiếm trong thời kỳ khủng hoảng". Cùng ngày, Pyotr gửi một thư cho Augustus báo tin về những gì đã xảy ra.

Thế là, Đại chiến Bắc Âu bắt đầu. Trong 20 năm, hai quân vương trẻ tuổi, Pyotr và Karl, chiến đấu với nhau để cuối cùng quyết định số phận của cả hai đế quốc. Trong những năm đầu, 1700 đến 1709, Pyotr ở vào thế phòng thủ trong khi chuẩn bị cho chính mình, cho quân đội và đất nước của ông. Vào giai đoạn này, giữa cơn lốc của chiến tranh, nước Nga vẫn tiếp tục chuyển biến. Những cải tổ được thực hiện không phải từ việc quy hoạch bài bản và thực hiện đúng phương pháp, mà thật ra là những biện pháp theo tình huống nhằm đối phó với một kẻ thù rắp tâm muốn thắng bằng được. Sau Trận Pultowa, Nga lật ngược thế cờ, nhưng hai quân vương vẫn tiếp tục chiến đấu với nhau: một bên bị vướng víu trong những liên minh bất lực, bên kia sục sôi muốn rửa hận và phục hồi đế quốc của mình đang tan rã.

106. Vịnh hẹp (Anh ngữ: fiorf): đặc điểm địa chất đặc biệt dọc bờ biển Bắc Âu, là vịnh có chiều dài ăn sâu vào đất liền nhưng chiều rộng hẹp hơn nhiều, hai bên là bờ dốc đá đi sâu xuống dưới mặt nước. Vịnh hẹp thường cạn nhất ở cửa biển và sâu nhất trong đất liền. Đặc điểm của vịnh hẹp khiến cho những trận hải chiến trong vùng này cũng có tính chất đặc biệt. (ND)

107. Nên kể thêm hai cửa sông nằm dưới sự kiểm soát của Thụy Điển: Elbe và Weser, vì Thụy Điển kiểm soát hai giáo khu giám mục Bremen và Verden ở vùng này. (ND)

108. Pyotr đã phá bỏ truyền thống khi đặt bút ký. Các Sa hoàng Nga trước đây không bao giờ ký vào hiệp ước, mà chỉ có đại sứ Nga ký rồi mang đến cho Sa hoàng. Trước mặt đại sứ nước liên quan, Sa hoàng phê chuẩn bằng cách tuyên thệ với quyển Thánh kinh đặt bên trên bản hiệp ước, và hôn cây thánh giá để tỏ ý sẽ tuân thủ những gì đã ký kết. (ND)

109. Cuộc tấn công Riga diễn tiến như là trò đùa. Gần đến ngày tấn công, vị tướng tư lệnh Fleming trở về Saxony để làm lễ cưới. Patkul giữ chức vụ phó tư lệnh nhưng không biết gì về kế hoạch hành quân nên từ chối ra lệnh tiến quân. Tổng trấn Dahlberg của Riga đã nhận được tin báo về dự định tấn công nên đã ra lệnh củng cố sự phòng thủ. Một tháng sau, Fleming quay lại, tự tin có thể chiếm Riga nhưng thấy sự phòng thủ quá là vững chãi. Ông điều Carlowitz dẫn một toán quân đi đánh một pháo đài nhỏ Dunamunde ở cửa Sông Dvina. Pháo đài đầu hàng, nhưng Carlowitz tử trận. Trong lúc ấy, ở Riga, Fleming thiếu đại bác bắn phá thành trì nên không chịu tấn công. Ông giao quyền chỉ huy lại cho Patkul rồi trở về Ba Lan. (ND)

23 HÃY ĐỂ ĐẠI BÁC QUYẾT ĐỊNH

Đa số quân vương trong thời gian này đều giải quyết mâu thuẫn của họ bằng chiến tranh. Những mâu thuẫn trong vương triều, việc vẽ đường ranh giới, việc làm chủ thành phố, pháo đài, con đường thương mại và thuộc địa, và cuối cùng là số phận của các vương quốc và đế quốc - tất cả đều được giải quyết qua chiến tranh.

Vào thời gian này, quân số, hỏa lực và mức độ tàn phá của mọi đạo quân đều gia tăng nhanh chóng. Khi các bộ trưởng tài chính năng động gia tăng mức thuế để trả lương cho binh sĩ, chiến trường sẽ có thêm người chiến đấu. Đầu thế kỷ 17, một cuộc chiến ở Châu Âu có thể chỉ có 25.000 quân ở cả hai bên. Năm 1644, trong cuộc Nội chiến Anh, Cromwel dẫn 8.000 quân đánh với Vua Karl I có quân số tương đương. Sáu thập kỷ sau, Marlborough dẫn 110.000 quân liên minh chiến đấu với 80.000 quân Pháp. Vào thời kỳ đỉnh điểm của quyền lực, Thụy Điển với dân số 1,5 triệu có quân đội 110.000 người. Pyotr, ngay cả sau khi giải tán Cấm vệ, cuối cùng tạo dựng quân đội Nga hoàn toàn mới với 220.000 người.

Tuy chiến tranh kéo dài đòi hỏi liên tục tuyển quân để bổ sung, phần lớn quân đội vào thời đó là quân chuyên nghiệp. Nhiều người trong số này, cả sĩ quan và binh sĩ, là lính đánh thuê người nước ngoài - một người có thể làm

lính cho bất cứ nước nào anh ta thích miễn là anh không chiến đấu chông lại triều đình của mình. Quân vương vui hưởng hòa bình thường cho nước láng giềng thuê từng trung đoàn. Vì thế, các trung đoàn Thụy Sĩ, Scotland và Ireland phục vụ trong quân đội Pháp; các trung đoàn Đan Mạch và Phổ trong quân đội Hà Lan…

Cá nhân các sĩ quan cũng chiến đấu từ phe này qua phe kia giống như nhân viên ngày nay làm từ công ty này sang công ty khác, và chủ nhân cũ hoặc mới đều không có ác cảm với hành động của họ. Trong một thời gian dài, trước cũng như sau khi Pyotr lên ngôi, phần lớn sĩ quan cao cấp trong quân đội Nga là người nước ngoài. Nếu không có họ, Sa hoàng sẽ xuất chiến với một đội ngũ chỉ hơn đám du thủ du thực một chút.

Lính chuyên nghiệp tiến hành chiến tranh theo thông lệ được các bên công nhận. Có những hoạt động thay đổi theo mùa ít khi bị xáo trộn: hành quân và chiến đâu vào hai mùa hè-thu, nghỉ ngơi và tuyển quân vào hai mùa đông-xuân. Những quy luật này được thi hành một cách đều đặn ở Tây Âu, chủ yếu là do thời tiết, vụ mùa và tình trạng đường sá. Mỗi năm, các đạo quân chờ cho đến mùa xuân làm tan chảy băng tuyết và có đủ cỏ non cho ngựa của kỵ binh và xe hậu cần. Trong hai tháng 5-6, khi bùn đã khô, từng cánh quân dài bắt đầu di chuyển. Tướng lĩnh có thời gian cho đến tháng 10 để chuyển quân, công hãm hoặc khiêu chiến. Tháng 11, khi sương giá bắt đầu xuất hiện, các đạo quân chuyển vào doanh trại trú đông. Suốt 10 năm liên tiếp, Marlborough đều quay về London vào tháng 11 và trở lại cầm quân vào mùa xuân năm sau. Cùng thời gian này, sĩ quan Pháp trở về Paris hoặc Versailles.

Một tập tục của chiến tranh văn minh - đã mất từ lâu - là việc cấp hộ chiếu cho sĩ quan giúp họ quá cảnh qua lãnh thổ thù nghịch để có thể trở về

quê nhà nhanh chóng. Dĩ nhiên là binh sĩ thường không có đặc quyền này: không có chuyện cho họ đi nghỉ phép trong tình trạng chiến tranh. Nếu may mắn, họ được trú đông trong thị trấn. Tuy nhiên, họ thường phải sống chen chúc trong lều trại, chịu đựng giá lạnh, bệnh tật và suy dinh dưỡng. Khi mùa xuân đến, lính mới được tuyển sẽ bổ sung cho quân số hao hụt.

Khi hành quân, một đội quân vào thời kỳ này di chuyển rất chậm ngay cả khi không bị ngăn trở; ít đội quân nào có thể di chuyển hơn 16 kilômét một ngày; trung bình là 8. Cuộc hành quân lịch sử của Marlborough dọc Sông Rhine được xem là "thần tốc" lúc bấy giờ: 400 kilômét trong 5 tuần, tức đều đặn 11 kilômét mỗi ngày. Yếu tố hạn chế thường là do pháo binh. Ngựa phải cố sức kéo các khẩu pháo cồng kềnh, nặng nề nên không thể đi nhanh, và bánh xe của khẩu pháo đi trước thường gây hư hỏng đường sá khiến khẩu pháo kế tiếp càng đi chậm thêm.

Các đoàn quân đi thành hàng dài, kỵ binh đi trước và hai bên để bảo vệ, xe ngựa kéo, xe goòng, rơmooc chở đạn dược… đi theo sau. Đoàn quân thường đi ban ngày, nghỉ ngơi ban đêm. Dựng lều trại mỗi tối cũng tốn sức gần bằng hành quân ban ngày. Đoàn quân phải dựng lều theo hàng ngang dọc, dỡ hàng hậu cần ra, nhóm lửa nấu ăn, mang nước đến cho người và ngựa, tháo yên cương cho ngựa nghỉ ngơi và ăn cỏ. Nêu quân địch ở gần, phải chọn vị trí hợp lý cho mỗi trại, đào đất xây công sự phòng thủ rồi gia cố bằng cọc gỗ. Thế rồi, sau một giấc ngủ mệt mỏi, binh sĩ được đánh thức, trong bóng tối trước bình minh họ phái tháo dỡ mọi thứ, chất vào xe goòng để chuẩn bị cho một ngày hành quân mới.

Tất nhiên là không thể mang theo mọi thứ bằng xe goòng. Một đoàn quân có từ 50.000 đến 100.000 người phải hành quân qua vùng đất màu mỡ để có thể tìm thức ăn cho người và ngựa, hoặc phải nhận thêm tiếp tế qua

đường thủy, ở Tây Âu, các con sông lớn là những đường tiếp vận quan trọng như đường sắt bây giờ. Ở Nga, với các sông chảy theo hướng nam-bắc trong khi cuộc chiến giữa Nga và Thụy Điển diễn ra theo hướng đông-tây, sông không có giá trị nhiều, vì thế quân đội hai bên phải trông cậy thêm vào việc tiếp tế từ hậu phương và tìm nguồn cỏ tại chỗ cho ngựa.

Ở Tây Âu, phần lớn chiến dịch được tiến hành một cách nhàn nhã. Quân tấn công thường thích vây hãm thành trì địch hơn là chiến đấu may rủi giữa đồng trống. Chiến tranh vây hãm được thực hiện một cách tinh vi, hầu như với độ chính xác cao theo toán học. Louis XIV rất chú trọng đến chiến tranh vây hãm, nhất là khi ông có trong tay thiên tài Louis de Vauban, chuyên gia xây công sự vây hãm. Ông này đã giúp vây hãm 50 thị trấn và đều đạt thành công, trong khi những pháo đài của ông là kiểu mẫu cho các bên thời bấy giờ noi theo. Đôi lúc chỉ là đồn quân sự thuần túy, đôi lúc là thị trấn hoặc thành phố được gia cố, pháo đài của Pháp khống chế và bảo vệ biên giới nước Pháp như một mạng lưới đan xen nhau. Thích ứng cẩn thận theo từng địa hình đặc thù, mỗi pháo đài không những là một công trình tối thượng mà còn là một sản phẩm nghệ thuật. Pháo đài thường được xây theo dạng một ngôi sao, với tường thành được xây theo cách có thể chịu đựng đạn đại bác bắn chéo ngang, hoặc ít nhất đạn súng nòng dài bắn thẳng góc. Mỗi góc nhô ra là một công sự hoạt động độc lập, có riêng pháo binh và bộ binh trấn giữ, có riêng cửa ra để xuất chiến khi cần. Xung quanh tường thành là hệ thống mương rãnh, sâu 6 mét, rộng 12 mét, thường được lát đá.

Chính Louis XIV đã khen ngợi chuyên gia của mình: “Một thành trì được Vauban bảo vệ thì xem như luôn đứng vững; một thành trì bị Vauban vây hãm thì xem như bị chiếm đóng.” Sau khi đã điều quân vây một thành trì, Vauban cho đào một hệ thống hào chạy zíc-zắc quanh tường thành địch.

Tính toán các góc cạnh chính xác theo toán học, Vauban định vị trí các con hào sao cho quân phòng thủ khó bắn trúng đội quân đào con hào đang ngày càng tiến đến gần. Cùng lúc, đạn pháo của phe tấn công liên tục rót vào trong thành nhằm dập tắt đại bác phòng ngự, cũng như tạo những lỗ hổng trên bờ công sự của địch. Khi thời điểm tấn công đã đến, phe vây hãm xua bộ binh dưới hệ thông hào tiến lên, dùng vật liệu lấp hào để chạy qua con mương ngoài tường thành rồi xông qua các lỗ hổng trên bờ công sự của địch mà tiến vào.

Tuy nhiên, ít cuộc vây hãm nào đạt đến đỉnh điểm như thế. Trong quy ước ứng xử mà hai phe luôn thi hành nghiêm túc, một khi phe phòng thủ biết rằng thành trì của họ sẽ bị đánh đổ, họ sẽ được đầu hàng trong danh dự, mà cả triều đình của họ và đối thủ đều chấp nhận. Nhưng nếu, trong thời khắc hăng say thiếu suy xét, phe phòng thủ không chịu đầu hàng, phe vây hãm sẽ bắt buộc phải tốn thêm thời gian và nhân mạng để chiếm lấy thành trì địch bằng vũ lực, thì một khi đã bị chiếm, cả thành trì hoặc thị trấn sẽ hứng chịu sự trừng phạt qua hãm hiếp, cướp bóc và đốt phá.

Tuy nghệ thuật của Vauban khó ai bì kịp, các nhà chỉ huy quân sự lỗi lạc nhất thời này - Marlborough, Karl XII, Hoàng thân Eugene - đều thích loại chiến tranh dịch chuyển. Trong số này, chắc chắn nổi bật nhất là John Churchill, Quận công Xứ Marlborough, là tư lệnh liên quân chống Louis XTV trong giai đoạn 1701-1711, người luôn toàn thắng trong các trận chiến mà ông chỉ huy và luôn chiếm được mọi pháo đài mà ông vây hãm. Trong 10 năm, ông đánh bại hết nguyên soái này đến nguyên soái khác của Pháp, và trong khi đang rầm rập tiến qua các pháo đài của Vauban với mục tiêu thẳng đến Versailles, ông bị mất chức vì lý do chính trị. Marlborough là một quân nhân thành công toàn diện. Cùng lúc ông vừa chỉ huy trận tiền, vừa là

tổng tư lệnh quân liên minh, bộ trưởng ngoại giao và thực chất là thủ tướng của Anh. So sánh với cuộc chiến lớn gần đây trong thời đại chúng ta, dường như ông kết hợp các chức năng và nhiệm vụ của Churchill, Eden, Eisenhower và Montgomery[110].

Nhưng tài chỉ huy quân sự của Marlborough luôn có một sự cân bằng nào đấy, một sự pha trộn giữa chiến lược tổng thể và mục đích chiến thuật. Con người táo bạo và hung hăng nhất là Vua Karl XII của Thụy Điển. Đối với kẻ thù của ông và quan sát viên của các triều đình Châu Âu khác phái đến để dò la, dường như Karl khát khao chiến đấu bất kỳ lúc nào và bất cứ may rủi ra sao. Ông toàn tâm toàn lực chú trọng vào việc di chuyển chớp nhoáng và chiến thuật gây sốc. Tính bốc đồng và hăng say tấn công đã khiến ông bị cáo buộc là cẩu thả - ngay cả cuồng tín - và đúng là chiến thuật của ông đã được George S. Patton áp dụng: Liên tục tiến công![111] Nhưng đây không phải là sự tấn công điên cuồng; mà đúng hơn, là cách tấn công kiểu Thụy Điển dựa trên chương trình huấn luyện khắc khổ, chế độ kỷ luật thép, tinh thần cống hiến hết mình, niềm tin chiến thắng, và hệ thống liên lạc xuất sắc. Sĩ quan cấp dưới biết ngay mình phải làm gì nhờ được thông tin qua kèn trống và giao liên; khắc phục bất kỳ điểm yếu nào trong quân mình và khai thác bất kỳ điểm yếu nào trong quân địch. Riêng Karl XII sẵn sàng phá lệ hành quân theo mùa trong năm - khi băng đông cứng thì xe goòng và pháo của ông di chuyển dễ dàng hơn, và binh sĩ của ông đã quen với thời tiết lạnh - vì thế ông sẵn sàng mở chiến dịch vào mùa đông.

Mặc dù các chỉ huy chiến trường luôn lo lắng khi có quân địch ở gần, phần lớn các trận đánh trong hai thế kỷ 17 và 18 chỉ diễn ra khi hai bên cùng chịu giao chiến. Thường khó tìm được địa hình thích hợp và phải khó khăn mới dàn trận xong với vị trí và đội hình của bộ binh, kỵ binh và pháo

binh. Một chỉ huy chiến trường không muốn giao chiến có thể đóng quân ở địa hình nhấp nhô, đứt quãng hoặc nhiều lùm bụi. Khi một tướng lĩnh đã bỏ nhiều thời giờ để dàn trận, nếu phe kia không muốn đánh thì họ chỉ việc rời đi nơi khác. Vì thế, hai đoàn quân có thể khá gần nhau trong nhiều ngày mà không hề có trận chiến nào xảy ra.

Khi hai chỉ huy chiến trường có lý do bắt buộc phải chiến đấu - như lúc tranh giành điểm qua sông hoặc vị trí quan trọng trên một con đường - hai đoàn quân dàn vào vị trí cách nhau 100 đến 200 mét. Nếu có thời giờ, đoàn quân ở vào thế yếu cần phòng thủ - thường là quân Nga khi đối đầu với Karl XII hoặc quân Pháp khi đối diện Marlborough - sẽ dựng thêm hàng rào chông cắm trước vị trí bộ binh để tự bảo vệ phần nào trước sức tấn công của kỵ binh địch. Ở nhiều điểm dọc theo đội hình, sĩ quan pháo binh đặt các khẩu pháo để sẵn sàng bắn các quả đạn 1,5 kilôgam, 3 kilôgam, 4 kilôgam hoặc thậm chí 8 và 12 kilôgam đối với pháo lớn nhất, bay xa 400 đến 550 mét. Một cuộc chiến theo quy ước thường bắt đầu bằng loạt đạn pháo; một cuộc pháo kích dài có thể gây tổn thất, nhưng hiếm khi tạo kết quả quyết đinh đối với đoàn quân có kinh nghiệm. Điều khá lạ lùng là binh sĩ vẫn đứng yên trong hàng ngũ giữa khi đạn pháo gầm rít, xé toạc thành những đường đẫm máu trong hàng ngũ của họ.

Vào thế kỷ 17, Thụy Điển đạt tiến bộ khá nhất về pháo binh chiến trường. Khẩu độ đại pháo được tiêu chuẩn hóa, vì thế mỗi khẩu pháo không phải dùng một loại đạn riêng; với cùng một loại đạn bất kỳ khẩu pháo nào cũng bắn được. Thế rồi, khi mà pháo binh dường như tự nó là tất cả, tướng lĩnh Thụy Điển nhận ra rằng lính pháo binh thường quên yểm trợ bộ binh của họ. Để khắc phục, họ bổ sung hai khẩu pháo hạng nhẹ vào mỗi tiểu đoàn bộ binh để có thể kịp thời bắn thẳng vào kỵ binh địch đang phi đến.

Sau đấy, pháo binh Thụy Điển cũng được biên chế trong hàng ngũ kỵ binh. Lực lượng pháo di động bằng ngựa này có thể tháo yên cương, dàn đại bác bắn vào đội hình kỵ bĩnh địch rồi phóng đi trong vài phút.

Tuy nhiên, sức mạnh có tính chất quyết định là bộ binh: những trận chiến lớn trong thời này được kết thúc khi bộ binh tiến quân hoặc đứng theo hàng ngũ, dùng súng nòng dài bắn vào nhau, dùng giáo đâm vào nhau khi tiến đến gần, và sau cùng dùng lưỡi lê khi cận chiến. Thế kỷ 17 là giai đoạn chuyển biến nhanh chóng về vũ khí và chiến thuật của bộ binh. Trong nhiều thế kỷ, giáo kiểu cổ là vũ khí chủ lực. Từng hàng binh sĩ cầm giáo tiến lên lao vào nhau, và cách thức mà bức tường của những ngọn giáo được điều động để đâm quân địch là yếu tố chủ chốt quyết định kết quả trận đánh.

Nhưng việc phát triển súng khiến cho giáo trở nên lạc hậu. Khi binh sĩ cầm giáo đối diện với quân cầm súng, bên cầm súng chỉ việc đứng cách xa mà tỉa từng người cầm giáo. Vào cuối thế kỷ 17, chỉ có một số ít binh sĩ cầm giáo là còn xuất hiện, nhiệm vụ duy nhất của họ là bảo vệ đội quân cầm súng chống lại kỵ binh địch. Vẫn là một điều kinh hoàng khi kỵ binh phi đến một hàng giáo dài, sắc bén, nhưng khi quân cầm giáo không ở vào vị trí cận chiến, không có ai vô dụng hơn họ. Họ chỉ đứng trong đội hình, tay cầm giáo, chịu đạn pháo bắn phá hoặc đạn súng nòng dài bắn tỉa, trong khi chờ có tên địch nào đấy chạy đến tự đâm mình vào ngọn giáo.

Cách giải quyết là lưỡi lê, để giúp quân cầm súng làm hai nhiệm vụ: họ có thể bắn khi địch còn ở xa và dùng lưỡi lê như là ngọn giáo ngắn khi cận chiến. Lưỡi lê vừa xuất hiện khi Đại chiến Bắc Âu khởi sự.

Vào thế kỷ 17, súng nòng dài được cải thiện đáng kể. Loại súng hỏa mai cũ bắn bằng que diêm có nhược điểm cồng kềnh, nặng 7 kilôgam hoặc hơn,

khó sử dụng vì việc bắn một viên đạn đòi hỏi 22 thao tác khác nhau và dễ trở nên vô dụng trong khí hậu ẩm ướt.

Súng kíp thì nhẹ hơn, chỉ nặng 5 kilôgam, dễ sử dụng hơn vì số thao tác chỉ còn bằng phân nửa. Một binh sĩ thành thạo có thể bắn vài phát mỗi phút. Loại súng này nhanh chóng trở thành vũ khí tiêu chuẩn của bộ binh Tây Âu; chỉ trừ Nga và Ottoman là còn sử dụng loại súng hỏa mai cũ nên bị lâm vào thế yếu.

Được trang bị với loại vũ khí mới này - súng kíp và lưỡi lê - bộ binh trở nên có hiệu năng cao hơn, nguy hiểm hơn, chẳng bao lâu là sức mạnh chủ lực trên chiến trường. Tốc độ bắn nhanh hơn cũng đòi hỏi chiến thuật và đội hình mới để khai thác hỏa lực đã nâng cao. Vì thế vào đầu thế kỷ 18, chiến trường càng trở thành nơi chốn nguy hiểm hơn. Tuy nhiên, dù bộ binh là lực lượng chủ lực, họ vẫn phải lập đội hình để được an toàn, lúc ấy họ có thể gây tổn thất cho kỵ binh địch nào tiến đến quá gần. Nhưng họ phải biết giữ vững đội ngũ khi từng toán kỵ binh địch chạy vòng quanh chỉ chờ dấu hiệu rối loạn của họ là xông đến, làm tan rã hàng ngũ của họ và chà đạp họ trên mặt đất.

Xét về động lực tấn công, Thụy Điển có bộ binh và kỵ binh vào loại hàng đầu Châu Âu. Binh sĩ Thụy Điển được huấn luyện để chỉ lo tấn công mà không màng gì đến hiểm nguy. Nếu quân địch bằng cách nào đấy nắm thế chủ động và tiến đến đội hình Thụy Điển, quân Thụy Điển lập tức xông đến để phản công. Cơ bản của kiểu tấn công Thụy Điển vẫn là "thép lạnh". Cả bộ binh và kỵ binh đều xem nhẹ hỏa lực của súng cá nhân và thích chiến đấu với gươm và lưỡi lê.

Đây là một cảnh tượng kinh hoàng. Chầm chậm, vững bước, lặng lẽ ngoại trừ tiếng trống thúc giục, bộ binh Thụy Điển tiến đến, súng của họ

vẫn im hơi cho đến giây phút cuối cùng. Ở khoảng cách gần, đội hình dãn ra thành một bức tường dài gồm 4 hàng quân, dừng lại, nã một loạt súng rồi xông đến với lưỡi lê cắm trên súng. Phải qua nhiều năm, quân đội của Pyotr mới có thể đứng vững trước cách tấn công dữ dội như thế. Chiến thuật này hình thành từ hai yếu tố tín ngưỡng về định mệnh và huấn luyện. Mỗi chiến binh Thụy Điển được giáo dục để chia sẻ với quân vương niềm tin rằng "Thượng Đế sẽ không để cho ai phải chết trừ phi số phận người ấy đã đến". Điều này đã tạo nên tinh thần quả cảm trầm tĩnh gắn kết với nhiều năm tháng hành quân khiến cho bộ binh Thụy Điển có tính cơ động và gan lì mà không quân đội nước nào bì kịp.

Mặc dù bộ binh là lực lượng mang tính quyết định, song chính kỵ binh là bộ phận gây kịch tính và thường lập công khi xông vào quân địch đang nao núng. Kỵ binh nhẹ được sử dụng để đi tiên phong, trinh sát, cắt cỏ và quấy rối. Nga sử dụng dân Cossack, và Ottoman có dân Tatar cho các mục đích này. Kỵ binh trang bị nặng được tổ chức thành từng đại đội 150 người, mang áo giáp trước ngực và sau lưng, được trang bị gươm và đôi khi súng ngắn để chống lại phục kích. Nhưng kỵ binh có những hạn chế thứ nhất hiển nhiên là địa hình: kỵ binh cần chiến trường bằng phẳng hoặc thoai thoải. Hạn chế thứ hai là sức chịu đựng của ngựa: ngay cả ngựa khỏe cũng chỉ có thể chịu được năm giờ trên chiến trận. Hạn chế khác là sự phát triển của hỏa lực bộ binh, vì thế kỵ binh chỉ được phóng ra vào thời gian đỉnh điểm, khi ấy họ có thể gây cú sốc trong hàng ngũ địch bắt đầu rời rạc, hoặc biến cuộc rút lui của địch thành tháo chạy hỗn loạn. Dù có hạn chế kỵ binh vẫn còn hữu dụng. Vua Karl XII huấn luyện kỵ binh của mình để tấn công theo đội hình khép chặt. Đoàn người ngựa của Thụy Điển phi nước kiệu

tiến đến theo đội hình chữ V, người này sát bên người kế, người sau nối tiếp liền theo người trước, chạy thành ba hàng ngang.

Nhìn từ xa, một trận tấn công của kỵ binh trông dường như đẹp đẽ với màu sắc của quân phục và cờ xí. Nhưng đối với người ở trên chiến trường thì đây là trận tàn sát, là một góc địa ngục: đại bác gầm thét đì đùng, bộ binh cố giữ hàng ngũ và nạp đạn để bắn trong khi những người bị thương đang quằn quại quanh họ; người trên ngựa xông đến hàng quân đứng dưới đất; thân người rơi và ngã xuống; người trên ngựa đâm chém xuống dưới tứ tung với gươm sắc; người đứng dưới hướng lưỡi lê đâm lên ngập vào chân, vào lưng; người tháo chạy, ngựa không còn ai cưỡi, và trên tất cả là làn khói dày đặc… Khi tiếng súng đã ngừng, khói đã tan, mặt đất vương vãi những con người vẫn còn rên la, thở dốc, hoặc nằm im lìm trừng trừng nhìn lên trời xanh với đôi mắt không còn nhận biết được gì.

Đấy là cách thức các quốc gia giải quyết những mâu thuẫn của họ.

110. Những nhân vật được xem là lỗi lạc nhất theo cương vị của mỗi người trong Chiến tranh Thế giới II. Churchill là Thủ tướng Anh, Eden là Ngoại trưởng Anh, Thống tướng Eisenhower là Tư lệnh Tối cao Đồng minh trên chiến trường Châu Âu, Nguyên soái Montgomery là Tư lệnh quân Anh-Canada trên chiến trường Châu Âu. (ND)

111. Patton, khi là Thượng tướng Tư lệnh Đại quân đoàn 3 của Mỹ trên chiến trường Châu Âu trong Chiến tranh Thế giới thứ II, nổi tiếng vì chiến thuật tấn công vũ bão, không ngừng nghỉ, nhất là khi điều các đội hình tăng đánh tổng lực. (ND)

24 KARL XII

Cậu thiếu niên tóc vàng, mắt xanh lên làm Vua Karl XII của Thụy Điển sinh ngày 17/6/1682, gần đúng 10 năm sau ngày sinh của đối thủ nặng ký: Pyotr của nước Nga. Cha của Karl là Karl XI, lên làm vua lúc 5 tuổi. Tất cả có bảy anh em, nhưng chỉ có Karl, người chị Hedwig Sofia lớn hơn một tuổi và em gái Ulrika Eleonora nhỏ hơn sáu tuổi là còn sống. Bốn em trai của Karl chết khi chưa đến 2 tuổi.

Mặc dù Karl có thể chất yếu đuối, tuổi thơ của vị vua tương lai có đầy chất quân sự. Khi ông mới lên 4, dân Stockholm đã quen thấy thân hình nhỏ nhắn của hoàng tử nhỏ cưỡi ngựa theo sau vua cha trong các lễ duyệt binh. Lúc lên 7 cậu bắn được một con chồn, lúc lên 8 cậu hạ ba con nai trong vòng một ngày; lên 10, cậu giết con chó sói đầu tiên; lên 11, con gấu đầu tiên. Khi được 14 tuổi, Karl có thân hình mảnh mai nhưng rắn chắc, cưỡi ngựa rất giỏi, săn bắn xuất sắc, và là một người khao khát tìm học nghệ thuật quân sự.

Sau cái chết của người vợ, Vua Karl XI dành nhiều thời giờ cho con cái. Hoàng Thái tử tiếp nhận nhiều đức tin và cung cách của vua cha. Danh dự và thánh thiện là hai nguyên tắc chỉ đạo của ông: Quân vương phải đặt công lý và danh dự lên trên tất cả; một khi đã nói ra thì phải làm theo lời nói.

Các thầy giáo của Karl thấy học trò của mình có trí thông minh nhạy bén và tiếp thu nhanh. Ông quan tâm đến tiếng Thụy Điển, nhưng học tiếng

Đức khá hơn và sử dụng ngôn ngữ này như tiếng mẹ đẻ. Ông cũng rất giỏi tiếng Latinh, cũng học tiếng Pháp nhưng thích đọc hơn là nói. Trong 15 năm chinh chiến, ông đọc đi đọc lại các tác phẩm của Corneille, Molière và Racine. Ông mê được đi đây đó, và khi còn nhỏ đã ước ao có một người anh để trị vì Thụy Điển trong khi mình đi ngao du thế giới. Ông bị mê hoặc với lịch sử và tiểu sử, đặc biệt là cuộc đời của những nha chinh phục quân sự - Alexander Đại đế, Julius Caesar và vị anh hùng Gustavus Adolphus của Thụy Điển.

Karl thực sự quan tâm đến tôn giáo. Thời niên thiếu, ông dành một giờ mỗi sáng để thảo luận từng chương Thánh Kinh với một giám mục. Giống như Pyotr, ông thấy hấp dẫn với việc áp dụng toán học vào đạn đạo và xây công sự phòng thủ. Trong khi các thầy giáo ngưỡng mộ óc nhạy bén của học trò, họ cũng lo âu về tính khí mạnh mẽ của ông, thường có vẻ như là tính bướng bỉnh. Họ thấy rằng, một khi vị Hoàng Thái tử nghĩ mình là đúng thì không có cách nào lay chuyển ý nghĩ đó.

Sự giáo dục của Karl bị gián đoạn vĩnh viễn khi ông lên 14 tuổi. Ngày 5/4/1697, Vua Karl XI qua đời ở tuổi 42. Theo truyền thống, Hoàng Thái tử Thụy Điển chỉ có thể lên ngôi ở tuổi 18. Vì thế vị vua khi hấp hối đã cử một hội đồng phụ chính trong đó có bà nội của Hoàng Thái tử là Hoàng Thái hậu Hedwig Eleonora. Sau khi vua cha qua đời, Karl dự các phiên họp của Hội đồng Phụ chính và lập tức gây ấn tượng tốt bằng cách đặt những câu hỏi thông minh và, hơn nữa, bằng cách im lặng lắng nghe người lớn tranh luận. Ông cũng khiến mọi người ngạc nhiên vì tư thái trầm tĩnh trong một cơn hỏa hoạn lớn ở hoàng cung khi thi thể vua cha còn nằm phía trong. Trái ngược với vẻ thất thần của bà nội, cậu thiếu niên điềm tĩnh ra mệnh lệnh và đưa linh cữu cha thoát ra ngoài trước khi cả tòa nhà bị cháy thành tro.

Trong vòng 6 tháng, mọi người thấy điều hiển nhiên là Hội đồng Phụ chính không thể làm việc. Các thành viên thường bất đồng ý kiến nên không thể đi đến quyết định, còn Karl vì quá thông minh và quá gắn bó với quyền lực nên không thể bị gạt ra ngoài trong khi những người khác trị vì vương quốc. Vì vẫn còn nhớ di chúc của vị vua quá cố rằng họ sẽ chịu trách nhiệm về hành động của họ cho đến khi vua Karl con đến tuổi trưởng thành, các Phụ chính càng sốt sắng hỏi ý kiến của Karl về mọi chủ đề đang thảo luận. Thế nên, càng ngày những người quanh ông càng muốn chiều lòng ông, và quyền uy của các Phụ chính càng suy giảm. Chính phủ Thụy Điển bị tê liệt. Giải pháp duy nhất là tuyên cáo Hoàng Thái tử đã đến tuổi trưởng thành (tuy lúc ấy mới được 15) và tấn phong ông làm vua của Thụy Điển tháng 11/1697.

Đa số thần dân bị sốc với lễ đăng quang của Karl. Ông lên ngôi để trở thành quân vương duy nhất và độc tôn của Thụy Điển, không bị hội đồng hoặc nghị viện nào kiểm soát, và ông muốn tỏ rõ điều này. Ông từ chối nghi lễ đăng quang theo truyền thống như các vua trước: một người nào đấy cầm vương miện đội lên đầu ông. Thay vào đấy, ông tuyên cáo rằng, vì ông được sinh ra là để lên ngôi chứ không phải được bầu, nghi lễ đăng quang tự nó là vô nghĩa. Các chính khách của Thụy Điển - cả phóng khoáng và bảo thủ - và ngay cả bà nội đều kinh ngạc. Karl bị sức ép nhưng không nhượng bộ về điểm cốt lõi này. Ông chỉ đồng ý cho phép giám mục tôn phong ông để phù hợp với Thánh Kinh ghi rằng quân vương là người của Thượng Đế được xức dầu thánh, nhưng ông nhất mực khẳng định rằng cả buổi lễ phải được gọi là tôn phong, chứ không phải đăng quang. Cậu thiếu niên 15 tuổi cưỡi ngựa đến nhà thờ với vương miện đã đội sẵn trên đầu.

Nhiều người nhìn ra trong buổi lễ những điềm báo trước. Theo mệnh lệnh của vị Vua mới, để tỏ lòng kính trọng hương hồn của Vua cha, mọi người, kể cả ông, phải mặc trang phục màu đen. Một trận mưa tuyết dữ dội phủ dày tạo thành quang cảnh màu trắng tương phản với trang phục đen của những người đi đến nhà thờ. Nhà Vua bị trượt ngã khi lên ngựa với vương miện cầm trên tay, vương miện rơi xuống nhưng một thị thần đón bắt được trước khi nó chạm đất. Trong buổi lễ, vị giám mục đánh rơi chiếc sừng đựng dầu thánh. Karl từ chối cất lời thế theo truyền thống và rồi, vào thời khắc quan trọng, tự đặt chiếc vương miện lên đầu mình.

Nghi lễ lạ lùng như thế được tiếp nối bởi cá tính của vị Vua mới. Giới quý tộc đã mong Karl sẽ nương nhẹ chính sách của vị vua quá cố mà cho họ thêm quyền tự chủ, giờ đau khổ khi thấy quân vương trẻ nhất quyết theo đuổi chính sách hiện hữu. Thành viên của hội đồng chỉ biết lắc đầu khi thấy nhà Vua tự tin, bướng bỉnh, nhất quyết không đổi ý một khi đã quyết định. Trong buổi họp, ông lắng nghe một lúc, rồi đứng dậy và cắt ngang, tuyên bố rằng ông nghe đã đủ rồi, giờ ông đã có quyết định và mọi người được phép ra về. Chính khách Thụy Điển hối hận vì tấn phong vị vua trẻ trước tuổi trưởng thành, nhưng đã muộn. Bây giờ, cả đất nước hùng mạnh nhất Bắc Âu đều phải thần phục uy quyền tuyệt đối của một thiếu niên cứng đầu, ngang ngạnh. Cảm nhận họ có ý thù nghịch, Karl quyết định hạ thấp hội đồng, nếu không xóa bỏ ủy viên hội đồng và bộ trưởng phải chờ đợi ở tiền sảnh hàng giờ rồi nhà Vua mới tiếp kiến họ, và sau khi lắng nghe họ phát biểu một chốc ông cho họ thoái lui. Chỉ sau đấy, họ mới biết rằng nhà Vua đã đi đến quyết định xong xuôi ngay cả đối với sự vụ quan trọng nhất.

Dù phải dành thời giờ cho công vụ, Karl vẫn là một thiếu niên hiếu động, thích hoạt động thể chất mãnh liệt, muốn thử thách thể chất và tinh

thần của mình trong khó khăn. Ông bắt đầu cưỡi ngựa trên đường dài, phi qua chướng ngại vật hoặc thách nhau chạy đua. Một lần trong mùa đông, con ngựa ông cưỡi ngã trên tuyết, nằm đè lên ông. Cũng như mọi lần, ông đã chạy nhanh về phía trước, bỏ đám tùy tùng ở xa phía sau. Khi họ chạy đến, ông đã gần như bị đông lạnh.

Một lần khác, cưỡi ngựa trên mặt hồ đóng băng, khi gần đến bờ bên kia ông thấy một khoảng nước rộng khoảng 5 mét ngăn cách giữa ông và bờ hồ. Dù không biết bơi, ông thúc cho con ngựa nhảy xuống nước giá lạnh và nằm rạp trên lưng nó khi con vật lội vào bờ. Mỗi môn thể thao đều tạo cho ông cảm giác mạnh trong nguy hiểm; càng nguy hiểm ông càng thích.

Karl còn yêu thích trò chơi nguy hiểm hơn: tập trận giả. Cũng giống như Pyotr ở Preobrazhenskoe, Karl chia bạn bè và tùy tùng ra làm hai phe, được trang bị lựu đạn giả tuy không làm chết người nhưng có thể gây thương tích. Trong khi nhà Vua đang tấn công một tường thành, một quả lựu đạn như thế làm cho quần áo ông rách nát và ba người bị thương.

Tiếp theo là tập trận giả với kỵ binh và hải quân. Trong một cuộc tập trận hải quân, vì một lời nói khích mà Karl phóng mình xuống nước dù không biết bơi. Ông quẫy đạp loi ngoi rồi từ từ chìm nghỉm, nhưng được cứu lên kịp thời.

Đối với người lớn, hành động của nhà Vua xem dường khinh suất đến mức nguy hiểm, nhưng thật ra Karl đang thực tập những bài học chiến tranh. Ông muốn tạo cho mình sự cứng cỏi và chống chọi với mệt nhọc. Ông cảm thấy nhục nhã với dấu hiệu của sự yếu đuối.

Người chị của ông - Công chúa Hedwig Sofia - là người bạn thân thiết thời thơ ấu, chứ ông không chơi thân với phụ nữ nào khác. Vì là quân

vương của một nước hùng mạnh ở Bắc Âu, nhiều quân vương khác có ý muốn tạo liên minh qua hôn nhân hoàng gia. Ngay trọng những năm đầu, đã có sáu công chúa được giới thiệu cho ông nhưng không đi đến đâu, và trong một thời gian ông cảm thấy khổ sở nêu có ai nói đến hôn nhân.

Năm 1696, một cuộc hôn nhân khác được chuẩn bị khi Quận công Friedrich IV cua Holstein-Gottorp đến Stockholm để cưới Hedwig Sofia. Em vợ Karl và anh rể Friedrich IV trở nên thân thiết, cùng nhau tổ chức các trò chơi phá phách nguy hiểm. Họ cưỡi ngựa như điên cuồng cho đến khi con vật kiệt sức, sùi bọt mép lăn ra chết. Họ đuổi theo một con thỏ rừng chạy khắp tòa nhà Nghị viện. Họ dùng súng ngắn bắn vỡ các khung cửa kính hoàng cung và ném bàn ghế ra ngoài sân. Họ phi ngựa qua đường phố, tuốt gươm chém đứt mũ và bộ tóc giả của bất cứ ai ở gần… Một lần, Karl phi ngựa cung nhóm người của Quận công chạy thẳng vào gian phòng nơi bà nội ông đang chơi bài, khiến bà ngã ra ngất xỉu vì kinh hãi.

Tính cách điên dại của hai người, mà không ai có đủ uy lực để ngăn chặn, khiến người Thụy Điển nổi giận. Họ kết án vị Quận công muốn làm cho nhà Vua bị thương thậm chí là chết, để có thể lên làm vua Thụy Điển vì là chồng của Công chúa Sofia. Lời đồn đại càng lan rộng khi hai người trai trẻ ngày càng phá phách tợn. Một Chủ Nhật, ba vị giáo sĩ cùng thuyết giảng một để tài, có ý trách móc vị vua thiếu niên. Vốn sùng đạo như vua cha, Karl bị tác động mạnh mẽ bởi những lời trách móc này. Khi vị Quận công đã cưới chị của ông và giã từ, Karl trở nên trầm ngâm hơn và trở lại siêng năng với công vụ.

Nhưng có một trường hợp lặp lại. Mùa hè 1699, Quận công Friedrich IV trở lại, họ tổ chức một buổi rượu chè và bắt một con gấu ép uống rượu vang đến khi con vật say mèm, chạy ra cửa sổ và rơi xuống sân phía dưới

mà chết. Người ta tìm thấy Karl tại hiện trường, quần áo xốc xếch, ăn nói đứt đoạn. Sau khi đã nhận ra những gì mình làm, ông cảm thấy xấu hổ và thề với bà nội rằng mình sẽ không bao giờ uống rượu nữa. Ông giữ lời hứa suốt đời. Ngoại trừ trong hai trường hợp nổi tiếng khi ông bị thương hoặc quá khát nước trên mặt trận, ông không bao giờ chạm đến một giọt rượu mạnh nào. Ông trở nên nổi tiếng cả Châu Âu là vị vua không bao giờ uống loại rượu nào khác hơn là bia pha loãng.

Nhà Vua 18 tuổi đang đi sâu vào rừng để săn gấu thì nhận được tin quân của Augustus II đã xâm lấn Livonia của Thụy Điển mà không có lời tuyên chiến. Ông trầm tĩnh nghe tin báo, mỉm cười, rồi quay qua Đại sứ Pháp và nhẹ nhàng nói: "Chúng tôi sẽ đẩy Augustus lui về vị trí xuất phát." Chuyến săn gấu tiếp tục.

Nhưng khi trở về Stockholm, Karl phát biểu với hội đồng:

> Ta quyết không bao giờ khởi động một cuộc chiến phi nghĩa, nhưng cũng không bao giờ chấm dứt một cuộc chiến có chính nghĩa mà không khuất phục được kẻ thù.

Đây là một lời hứa mà ông theo đuổi suốt đời, vượt trên mọi chính sách thông thường, vượt trên mọi lý do. Vài tuần sau, khi ông nghe tin Vua Frederick IV của Đan Mạch đã tấn công lãnh thổ của Quận công Holstein-Gottorp, ông không ngạc nhiên lắm, nói:

> Điều kỳ lạ là cả hai người anh họ của ta, Frederick và Augustus, đều muốn gây chiến với ta. Được lắm. Nhưng Vua Augustus đã không giữ lời hứa. Thế thì chúng ta có chính nghĩa và Thượng Đế sẽ ban phước

cho chúng ta. Ta dự định xử lý một kẻ thù trước rồi sẽ nói chuyện với kẻ kia.

Lúc này Karl vẫn chưa biết rằng kẻ thù thứ ba, Sa hoàng Pyotr của Nga, cũng đang chuẩn bị tấn công ông.

Không một kẻ thù nào của Karl XII xem nhẹ sức mạnh quân sự của Thụy Điển vốn đã quá nổi tiếng. Nhưng họ cũng nhận ra rằng những nhược điểm của Thụy Điển nằm ở quân vương. Tất cả trách nhiệm và quyền hạn, quân sự lẫn dân sự, bây giờ đều đặt trên đôi vai của vị vua 18 tuổi. Karl đương nhiên là có cố vấn và bộ trưởng, thầy giáo, tướng lĩnh và đô đốc, nhưng ông là vị quân vương chuyên chế; và tư cách của ông - như mọi người đều biết - là sự kết hợp giữa tính thô lỗ đến mức ương bướng và tự ám ảnh đến mức khinh suất. Xem ra đây không phải là sự kết hợp tốt để lãnh đạo một quốc gia chống lại sức tấn công kết hợp của ba kẻ thù hùng mạnh.

Không may cho họ, kẻ thù của Karl không biết và không thể biết tố chất đích thực của ông. Vị vua trẻ không sợ bị thách thức; ông còn sẵn sàng đối đầu với thách thức. Ông đã được chuẩn bị không phải cho chiến tranh đơn thuần, mà cho chiến tranh trên diện rộng, dữ dội; không phải cho một trận chiến chóng vánh và một hòa ước cỏn con, mà cho những giải pháp cuối cùng, toàn diện. Vua cha trước khi chết đã trăn trối nên giữ cho Thụy Điển được hòa bình "trừ phi con bị nắm tóc lôi vào chiến tranh." Ý tưởng về "cuộc chiến phi nghĩa" đã khơi dậy trong lòng Karl quan niệm về đạo đức. Không giống như quân vương khác, ông được chuẩn bị không phải để làm qua loa, để thỏa hiệp, để dùng mánh lới mà qua mặt kẻ địch, để ngày hôm nay chiến đấu và ngày kế khiêu vũ. Ông đã bị Augustus tấn công một cách

phi nghĩa, nên không cần biết phải mất thời gian bao lâu, ông sẽ không bao giờ nghỉ ngơi cho đến khi Augustus bị hất văng khỏi ngai vàng. Qua việc tấn công Karl, ba nước liên minh đã mở trói cho một con thú dữ. Kiêu hãnh, liều lĩnh, bướng bỉnh, tự hào trong thách thức, ganh tỵ với tiếng tăm của Thụy Điển, nóng lòng muốn trắc nghiệm sự can đảm của mình trong trò chơi lớn nhất, Karl lao vào chiến tranh không chỉ với quyết tâm mà còn với niềm hân hoan.

Khi Karl XII nói: "Ta dự định xử lý một kẻ thù trước rồi sẽ nói chuyện với kẻ kia", ông diễn tả ngắn gọn sách lược quân sự của mình. Từ lúc này trở đi, không màng đến chuyện gì đang xảy ra ở đâu đấy trong đế quốc Thụy Điển, nhà Vua luôn tập trung tư tưởng và lực lượng của mình vào một kẻ thù duy nhất. Sau khi đã chiến thắng và triệt hạ tận gốc kẻ thù này, ông mới quay sang kẻ thù khác. Cú đầu tiên của Karl giáng lên kẻ thù gần nhất: Đan Mạch. Ông phớt lờ quân Saxony đang tiến vào Livonia. Ông nghĩ có thể bỏ mặc tỉnh này tự bảo vệ bởi đội quân đóng ở Riga, và hy vọng rằng họ có thể cầm cự cho đến khi quân Thụy Điển kéo đến. Nếu không, cứ để cho quân địch chiếm và ông sẽ rửa hận vào ngày khác. Nhưng không gì có thể ngăn căn ông dốc lực lượng vào kẻ thù ông đã chọn lựa.

Trong chiến dịch chống Đan Mạch, Karl may mắn được hai cường quốc hải quân theo Tin Lành ủng hộ: Anh và Hà Lan dưới quyền cai trị của William III. Vị vua này vẫn chuyên tâm suốt đời vào việc duy trì liên minh chống Louis XIV, nên không muốn có chiến tranh vụn vặt ở Bắc Âu gây phân tán lực lượng. Nêu Louis XIV đặt người của mình lên ngai vàng Tây Ban Nha - qua đấy Pháp có thêm quyền lực - William III muốn Châu Âu phải sẵn sàng đôi phó; vì thế phải dập tắt hoặc ngăn ngừa bất cứ cuộc chiến tranh mới nào kẻo chiến sự lan vào lãnh thổ của người Đức, làm cho liên

minh yếu đi. Do vậy, Anh và Hà Lan cần có hòa bình ở Bắc Âu và đảm bảo tình trạng hiện tại. Khi Vua Frederick của Đan Mạch dẫn quân vào Xứ Holstein-Gottorp, vô hình trung ông đã phá vỡ tình trạng hiện tại. Vì lý do Đan Mạch là nước gây hấn, Anh và Hà Lan ủng hộ Thụy Điển để muốn đánh bại Đan Mạch hầu nhanh chóng lập lại tình trạng cũ.

Để phục vụ mục đích này, một hạm đội hỗn hợp Hà Lan và Anh được điều đến Biển Baltic. Hạm đội này là yếu tố then chốt trong kế hoạch của Thụy Điển. Dù cho có 38 chiến hạm và 12 tàu khu trục, hải quân Thụy Điển vẫn còn kém Đan Mạch và Na Uy, vốn luôn chế nhạo thủy thủ Thụy Điển là "những bàn tay nông dân nhúng vào nước mặn". Có một phần sự thật trong lời chế giễu này khi xét qua phản ứng của Karl đối với biển cả. Tuy có tổ chức tập trận hải quân ở cảng Stockholm, Karl dễ bị say sóng và thường xem hạm đội của mình chỉ đơn thuần là phương tiện chuyên chở binh sĩ từ bờ này sang bờ kia của Biển Baltic. Chắc chắn là ông không muốn chuyển quân qua đường biển trong khi hạm đội Đan Mạch hùng mạnh hơn đang rình rập ngăn chặn. Và ông cũng không muốn tự mình đối đầu với hạm đội Đan Mạch ấy, thế nên ông chờ hạm đội hỗn hợp Hà Lan-Anh đến hỗ trợ cho ông.

Suốt tháng 3 và tháng 4, Thụy Điển liên tục lo chuẩn bị cho hạm đội. Năm nghìn tân binh hải quân được tuyển mộ, nâng quân số lên 16.000 người. Tất cả các tàu buôn ở cảng Stockholm được đăng ký dưới tên Thụy Điển lẫn nước ngoài đều bị trưng dụng. Việc huấn luyện cho lục quân được xúc tiến toàn diện. Các trung đoàn bộ binh và kỵ binh được đưa vào biên chế dựa theo hệ thống hành chính của Thụy Điển đòi hỏi mỗi huyện hoặc thị trấn phải có nhiệm vụ cung ứng tân binh và quân nhu cho từng đơn vị lục quân cụ thể. Quân số được nâng lên 77.000 người. Binh sĩ được trang bị

loại súng trường và lưỡi lê kiểu mới vốn đã được các quân đội Pháp, Anh và Hà Lan sử dụng thành công trên các chiến trường Châu Âu.

Sau những công tác chuẩn bị và huấn luyện, đêm 13/4/1700, Karl giã từ bà nội, chị và em gái. Đây là khoảnh khắc buồn, nhưng nếu mọi người trong cuộc biết tương lai sẽ như thế nào, họ hẳn còn buồn hơn: vị Vua 18 tuổi sẽ vĩnh viễn rời xa những người thân của mình. Dù Karl sẽ sống thêm 18 năm, ông sẽ không bao giờ thấy lại bà nội, chị, em gái, hoặc thủ đô Stockholm.

Vị vua mà các phụ nữ trên giã biệt giờ đây là một thanh niên vừa trưởng thành, có chiều cao 1,75 mét, vai rộng nhưng hông hẹp. Ông đi đứng cứng nhắc và thẳng người, nhưng có thân hình rất mềm dẻo: khi ngồi trên lưng ngựa đang phi nước đại ông có thể cúi xuống nhặt lên một chiếc găng tay nằm trên mặt đất.

Ngày 16/4, Karl bước lên chiếc soái hạm King Karl của Đô đốc Wachtmeister, chỉ huy hạm đội Thụy Điển gồm 38 chiến hạm, để hợp lực với 25 chiến hạm của Anh-Hà Lan. Nhưng hai hạm đội bị ngăn cách nhau bởi một eo biển rộng 5 kilômét do 40 chiến hạm của Đan Mạch trấn giữ.

Chính Karl ra quyết định để giải quyết vấn đề: dẫn hạm đội Thụy Điển đi theo một luồng nước hẹp và cạn nằm kế bờ biển của Thụy Điển. Wachtmeister ngần ngại vì sợ hạm đội thiếu an toàn, nhưng Karl đã cương quyết. Từng chiến hạm Thụy Điển chậm chạp đi qua luồng nước, nhưng 3 chiến hạm lớn nhất bị vỡ, nước tràn vào quá nhiều, phải ở lại. Thế là hạm đội Thụy Điển bắt tay được với hạm đội Anh-Hà Lan; tổng cộng 60 chiến hạm chiếm ưu thế trên mặt biển. Hạm đội Đan Mạch không dám tham chiến và đành để cho Karl thực hiện kế hoạch của Thụy Điển: đổ quân lên Đảo Zealand, nơi đặt thủ đô Copenhagen của Đan Mạch. Vì quân chủ lực Đan

Mạch đang tham chiến ở Holstein-Gottorp, Karl định đánh thần tốc đến Copenhagen để vây hãm và chiếm lấy thủ đô này nếu được, uy hiếp Vua Frederick IV phải nhận điều kiện đầu hàng. Hai đô đốc Hà Lan và Anh không mấy phấn khởi với phương án của Karl, nhưng cũng đồng ý.

Ngày 23/8, một lực lượng bộ binh Thụy Điển 4.000 người đổ bộ lên Đảo Zealand do 5.000 quân Đan Mạch bảo vệ, nhưng phía Thụy Điển được lợi thế nhờ tính cơ động và bất ngờ. Dùng chiến thuật hỏa mù để đánh lạc hướng, dưới hỏa lực yểm trợ của các chiến hạm, lực lượng Thụy Điển đổ bộ lên bờ ở vị trí chỉ có 800 quân Đan Mạch trấn đóng, nhanh chóng tạo một đầu cầu. Karl cũng đi trong nước để lên bờ, thất vọng vì thấy quân địch đã rút lui.

Trong vòng 10 ngày, thêm 10.000 quân kể cả kỵ binh và pháo binh nhanh chóng đổ bộ tiếp. Lực lượng Đan Mạch rút về Copenhagen, và quân Thụy Điển đuổi theo. Đây là tình trạng thảm não mà Vua Đan Mạch đối diện khi vội vã quay về từ chiến trường miền nam: hạm đội của ông mất ưu thế và trở nên vô dụng, thủ đô của ông đang bị bao vây trong khi quân chủ lực của ông đang chiến đấu ở miền nam xa xôi. Vua Frederick IV hiểu rằng mình đã thất bại, nên nhanh chóng nhận điều kiện đầu hàng.

Ngày 18/8/1700, hai bên ký Hòa ước Travendal, theo đó Đan Mạch trả lại cho Thụy Điển vùng Holstein-Gottorp vừa chiếm được và cam kết từ bỏ cuộc chiến chống Thụy Điển. Karl cảm thấy mãn nguyện: ông không muốn xâm chiếm lãnh thổ Đan Mạch, và bây giờ có thể chuyển qua xử lý Augustus. Bên Anh và Hà Lan cũng mãn nguyện: họ đã duy trì được tình trạng hiện tại.

Thế là, chiến dịch đầu tiên của Karl đã thành công chớp nhoáng và hầu như không bị đổ máu. Chỉ trong vòng hai tuần, hai quyết định dũng cảm -

bắt buộc hạm đội Thụy Điển đi vòng qua luồng nước hẹp và đổ bộ quân đánh thần tốc - đã phục hồi lãnh thổ bị chiếm và loại khỏi vòng chiến một kẻ địch. Không phải công lao trong chiến dịch xuất chúng này đều do quân đội Thụy Điển; chính nhờ sự hiện diện của hạm đội hỗn hợp Hà Lan-Anh mà quân Thụy Điển mới đổ bộ được lên Đảo Zealand.

Và thế là Đan Mạch bị loại ra khỏi cuộc chiến. Karl nhận thức rằng, nếu có cơ hội, Vua Frederick IV có thể tham chiến trở lại, nhưng phải còn lâu; Thụy Điển còn có thời gian để thở. Bây giờ, Karl chuẩn bị lao vào kẻ địch thứ hai là Augustus của Ba Lan. Nhưng tình hình đã thay đổi. Thật ra, chiến dịch kế tiếp của Thụy Điển sẽ nhằm vào Pyotr của Nga.

25 NARVA

Mục tiêu của Sa hoàng nước Nga trong việc tấn công Thụy Điển là chiếm lấy hai tỉnh Ingria và Karelia. Ingria là một dải đất tương đối hẹp, dài 120 kilômét dọc bờ nam của Vịnh Phần Lan, từ cửa Sông Neva đến thị trấn Narva; Karelia là vùng đất rộng hơn gồm rừng và hồ giữa vịnh này và Hồ Ladoga cho đến Vyborg. Gộp lại với nhau, hai tỉnh sẽ tạo một cửa ngõ đủ thoáng cho Nga thông ra Biển Baltic.

Narva - một thị trấn và thành trì nằm trong Estonia kế biên giới Ingria - không phải là mục tiêu ban đầu của Pyotr; nó là một phần của lãnh thổ mà Patkul và Augustus đã chỉ định cho Ba Lan. Tuy nhiên, Pyotr thấy rằng cách đảm bảo nhất để chiếm đóng Ingria là kiểm soát thị trấn này. Khi ông nhìn vào bản đồ, dường như việc đánh chiếm Narva không phải là khó khăn: biên giới Nga chỉ cách 30 kilômét về phía nam.

Quyết định của Pyotr làm phiền lòng Patkul và Nam tước Langen, đại diện của Augustus tại Moskva. Họ không muốn Nga thế vào chỗ Thụy Điển ở Livonia, dù cho Nga hiện là đồng minh của họ. Như Langen báo cáo cho Patkul:

> Với sự trợ giúp của đại sứ Đan Mạch, tôi đã làm mọi cách có thể để khuyên ông ấy [Sa hoàng] bãi bỏ ý định. Chúng tôi thấy ông ấy quá ương ngạnh đến nỗi chúng tôi không muốn đụng chạm thêm vào vấn đề

nhạy cảm và đành phải hài lòng về việc Sa hoàng chiến đấu với Thụy Điển với hy vọng sau này Narva sẽ nằm trong tay chúng ta.

Riêng Patkul thì lo lắng sau khi đã chiếm Narva, Pyotr sẽ dẫn quân tiến ra bờ biển Baltic, nuốt chửng cả Livonia mà Augustus không thể ngăn chặn được. Nhưng không ai làm gì được, Sa hoàng đã quyết tâm.

Giữa tháng 9/1700, Tổng trấn Novgorod là Hoàng thân Trubetskoy nhận lệnh hành quân đến Narva với đội tiên phong gồm 8.000 quân. Fyodor Golovin - người đã làm đại sứ, bộ trưởng ngoại giao và đô đốc, giờ được thăng Nguyên soái - nhận quyền tư lệnh đoàn quân chủ lực gồm 3 sư đoàn của Avtemon Golovin, Adam Weide và Nikita Repnin. Tổng cộng có trên 63.000 quân, nhưng rời rạc xa nhau; sư đoàn của Repnin vẫn còn cách xa 1.600 kilômét. Ngày 4/10, trong khi 35.000 quân Nga đang đào hào trước thị trấn thì Pyotr đã đến để thị sát. Ông chỉ chờ đạn pháo và thuốc súng để bắt đầu pháo kích.

Thị trấn Narva được Đan Mạch xây từ thế kỷ 13, đến thời của Pyotr đã có một bến cảng nhộn nhịp nhận xuất một lượng hàng hóa lớn của Nga từ Pskov và Novgorod ra nước ngoài để Thụy Điển thu thuế. Nằm trên bờ tây và giữa một khúc uốn của Sông Narva, nên Narva được bao bọc ba mặt là nước, và vì nằm gần biên giới Nga nên được phòng ngự cẩn thận. Một tường thành cao xây bằng đá bao bọc thị trấn. Phía bên kia cây cầu là Pháo đài Ivangorod, được kết hợp với thị trấn trong một hệ thống phòng thủ duy nhất, liên kết. Lãnh nhiệm vụ bảo vệ thành là 1.300 bộ binh, 200 kỵ binh và 400 dân quân vũ trang.

Dưới sự chỉ huy của Trung tướng Ludwig von Hallart, kỹ sư công binh Saxony do Augustus biệt phái, quân Nga thiết lập công sự vây hãm phía tây

Narva, băng qua một con đường duy nhất mà quân tiếp viện Thụy Điển có thể đi đến. Hệ thống công sự gồm hai lớp tường bằng đất nện nhằm cô lập thị trấn về hướng tây và bảo vệ quân vây hãm từ phía sau - tất cả dài hơn 6 kilômét, cao 3 mét, với một hào sâu 2 mét phía trước.

Việc vây hãm mất thời gian hơn so với dự kiến của Pyotr. Narva chỉ cách biên giới Nga hơn 30 kilômét nhưng lại cách hậu phương tiếp vận của Nga hơn 160 kilômét. Tường thành bằng đất chẳng bao lâu sũng nước, đường sá thường bị lầy lội vì những cơn mưa mùa thu, xe goòng và pháo dễ bị sa lầy. Golovin[112] cố gắng điều quân đi nhanh, trưng dụng xe và ngựa của địa phương, nhưng mãi đến cuối tháng 10 mới tới nơi.

Quân Nga bắt đầu pháo kích ngày 4/11. Cùng lúc, Sheremetyev nhận lệnh dẫn 5.000 kỵ binh phi về hướng tây để do thám sự xuất hiện của quân cứu viện Thụy Điển. Trong hai tuần, cuộc pháo kích của Nga không mấy hữu hiệu: xe đỡ đại bác được đóng quá yếu hoặc bị hư hỏng trong khi di chuyển, vì thế bị vỡ thành từng mảnh chỉ sau ba hoặc bốn phát đạn. Hai đợt tấn công của bộ binh bị đánh bật ra một cách dễ dàng. Ngày 17/11, số đạn pháo chỉ còn đủ dùng trong vài ngày: đại bác phải im tiếng trong khi chờ tiếp tế đạn.

Cùng lúc, có hai tin xấu đưa đến: Vua Augustus II đã ngừng vây hãm Riga và rút về để trú đông, còn Vua Karl XII đã đổ bộ một đạo quân Thụy Điển lên Pemau, cách Narva 240 kilômét về hướng tây nam.[113]

Sau khi đã ký Hòa ước Travendal, quân Thụy Điển nhanh chóng rút khỏi Zealand, vì hạm đội Hà Lan và Anh đang sửa soạn quay về và bộ chỉ huy Thụy Điển không muốn lưu đoàn quân lại. Đúng là Đan Mạch đã dàn hòa, nhưng không ai biết họ sẽ làm gì khi thấy đội quân nhỏ của Thụy Điển

bị cô lập trên một hòn đảo của Đan Mạch. Hơn nữa, Karl muốn chuyển quân cho chiên dịch thứ hai trước mùa đông.

Ngày 24/8/1700, người lính Thụy Điển cuối cùng về đến miền Nam Thụy Điển. Trong những ngày cuối tháng 8 và đầu tháng 9, Karl không muốn nghe bất kỳ lời để nghị dàn hòa nào, mà chỉ dự tính sẽ đi đánh Augustus ở đâu. Nhiều người nghĩ ông sẽ cất quân đi Livonia để giải vây Thành phố Riga và đánh đuổi quân Saxony. Nhưng ông đã nhận được tin quân Nga đang tập trung ở biên giới Ingria, cho thấy ý đồ chiến tranh của Pyotr. Đúng thế: cuối tháng 8, ông đã nhận được thư tuyên chiến của Sa hoàng và tin báo nói rằng quân Nga đã vượt ranh giới và xuất hiện trước pháo đài Narva của Thụy Điển.

Thụy Điển quyết định mở chiến dịch ở Livonia. Hai kẻ thù - Augustus và Pyotr - đang tấn công vùng này; hai pháo đài quan trọng của Thụy Điển - Riga và Narva - đang bị nguy khốn. Vì thế, nhà vua gạt ra khỏi ý nghĩ mọi việc khác để tập trung vào cuộc viễn chinh trước khi mùa đông đến, lúc ấy thuyền không thể đi trên Biển Baltic. Trong một lá thư gửi từ tổng hành dinh Thụy Điển, một sĩ quan viết:

> Nhà Vua nhất quyết thân chinh ở Livonia. Ông từ chối gặp các đại sứ Pháp và Brandenburg kẻo họ mang đến đề xuất hòa bình. Ông muốn chiến đấu với Vua Augustus bằng bất cứ giá nào và cảm thấy bực bội với bất cứ điều gì cỏ thể ngáng trở việc này.

Ngày 1/10, bất chấp mọi lời cảnh báo về những cơn bão mùa thu nguy hiểm trên Biển Baltic, Karl dẫn quân đi Livonia. Dù các tàu đã chật ních, chỉ có đủ chỗ cho 5.000 quân trong khi Karl muốn có đoàn quân đông đảo

hơn nếu có thể được. Vào ngày thứ ba, một cơn bão thổi đến như dự báo, vài chiếc tàu bị đắm, nhiều ngựa của kỵ binh bị què. Bản thân Karl bị say sóng mệt lử.

Ngày 6/10, những gì còn lại của hạm đội tiến vào cảng Pernau ở đầu Vịnh Riga. Vị thị trưởng và hội đồng thành phố ra tận bến tàu đón nhà Vua, và trong khi ông đi bộ qua những con đường lát đá đến khu trú quân, binh sĩ dàn hàng quân danh dự hai bên bắn từng loạt súng trường lên trời chào đón ông. Các tàu được sửa chữa rồi quay về Thụy Điển để chở thêm quân, ngựa và pháo binh. Ở Pernau, Karl được tin Vua Augustus II của Ba Lan đã ngừng chiến dịch và rút về trú đông. Hồi giữa tháng 7, Augustus đã đích thân dẫn 17.000 quân Saxony công hãm Riga, nhưng tin tức về Hòa ước Travendal theo sau sự gãy đổ của đồng minh Đan Mạch vốn một thời hiếu chiến khiến cho ông kinh ngạc và nản lòng. Sau đó, nghe tin quân Thụy Điển đang tiến đến Livonia, Augustus cẩn trọng rút quân về để nghe ngóng tình hình mới.

Karl thất vọng vì ông đã mong được chiến đấu với Augustus; ông quyết chí phải chiến đấu với ai đấy. Và trong hoàn cảnh này, còn có một khả năng. Chỉ cách 240 kilômét, Pyotr của Nga đang công hãm Narva. Karl nhanh chóng đi đến quyết định: nếu quân Saxony không chịu chiến đâu, ông sẽ chiến đấu với Nga để giải vây cho Narva.

Karl tập trung lực lượng sẵn có. Với số quân ông dẫn đến và số đi theo từ Thụy Điển, cộng thêm một số ở Riga bây giờ không còn bị công hãm, ông ước tính đến tháng 11 mình có thể tập trung 7.000 quân bộ binh và 8.000 quân kỵ binh. Trong năm tuần, ông huấn luyện quân đội đến mức nhuần nhuyễn. Cũng trong thời gian này, kỵ binh tuần tiễu của Thụy Điển

thường xuyên giao tranh với kỵ binh của Sheremetyev dọc con đường dẫn đến Narva.

Nhiều người trong đoàn quân Thụy Điển không phấn khởi với chiến dịch mùa đông chống Nga. Đối với nhiều sĩ quan của Karl, việc này là rất nguy hiểm. Họ biện luận rằng Nga chiếm ưu thế về quân số với tỷ lệ 4 trên 1 - vài tin đồn là 8 trên 1; quân Nga sẽ bảo vệ phòng tuyến được gia cố trong khi Thụy Điển sẽ phải tấn công từ ngoài đồng trống; phải mất bảy ngày để hành quân đến Narva theo con đường lầy lội qua ba con đèo mà quân Nga chắc chắn sẽ án ngữ; bệnh tật lây lan trong hàng ngũ quân Thụy Điển; mùa đông đang đến và chưa chuẩn bị gì cho doanh trại trú đông.

Đối với các lý luận này, Karl trả lời đơn giản rằng mọi người đến đây để chiến đấu và kẻ địch đang chờ đợi. Nếu Thụy Điển rút lui và Nga chiếm được Narva, họ sẽ tràn ngập Ingria, Estonia và Livonia, rồi tất cả các tỉnh miền đông Baltic sẽ bị mất. Sự tự tin và hăng hái của nhà Vua đã thuyết phục được sĩ quan và khơi dậy tinh thần của binh sĩ. Mọi người hiểu rằng trách nhiệm về chiến dịch, sự thành công hoặc thất bại, sẽ tùy thuộc hoàn toàn vào vị Vua 18 tuổi.

Bình minh ngày 13/10/1700, không chờ 1.000 quân kỵ dự kiến đến từ Reval, đoàn quân lên đường, tất cả có 10.537 người. Đúng như dự báo, tình trạng thật tồi tệ. Đường sá lầy lội, binh sĩ phải bước đi ban ngày và ngủ ban đêm trên bùn nhão. Kỵ binh Nga đã thiêu rụi đồng cỏ và làng mạc dọc đường, không thể tìm ra cỏ cho ngựa và thức ăn cho người mà chỉ có thể dùng những gì mang theo. Suốt hành trình, mưa mang đến cái lạnh thấu xương. Ban đêm, mưa biến thành tuyết, mặt đất bắt đầu đóng băng. Nhà Vua cùng với binh sĩ ngủ giữa trời, phơi mặt dưới mưa và tuyết.

Dù cho thời tiết xấu, quân Thụy Điển ngạc nhiên nhận thấy hầu như họ không gặp sự kháng cự nào. Họ đã vượt qua hai con đèo mà không thấy quân Nga đóng chốt. Vào ngày thứ tư, đội kỵ binh tiên phong của Thụy Điển phi đến con đèo thứ ba, Pyhäjöggi, nơi con đường chạy dọc theo một dòng suối đi qua một thung lũng sâu với dốc đứng hai bến. Đội quân của Sheremetyev gồm 5.000 kỵ binh đứng bên kia suối, nhưng chiếc cầu bắc qua vẫn còn nguyên.

Đi theo đội tiên phong, Karl được tin báo về sự hiện diện của Sheremetyev. Ông ra lệnh điều 8 đại bác của kỵ binh về phía trước. Rồi ông dẫn đầu một nhóm kỵ binh và bộ binh - tất cả không quá 400 người - xông thẳng xuống thung lũng. Đại bác của kỵ binh, vừa bất ngờ được điều lên và được kỵ binh đang phi đến che khuất khỏi tầm mắt bên Nga, thình lình lộ diện và khai hỏa. Vì kinh ngạc và hoảng sợ bởi loạt đạn pháo trong khi họ không có pháo để đáp lại, quân Nga bỏ chạy, để lại con đèo không ai trấn giữ. Sau đấy, được biết quân Nga rút lui theo kế hoạch chứ không phải tháo chạy, vì Sheremetyev nhận chỉ thị của Pyotr là không được giao chiến với quân chủ lực của Thụy Điển. Nhưng đối với phía Thụy Điển, việc một đội quân nhỏ đang mệt mỏi xông lên tấn công và quân Nga dường như tháo chạy là điều khích lệ. Nếu quân Nga trấn giữ chắc chắn Đèo Pyhäjöggi, quân Thụy Điển hẳn sẽ chịu tổn thất nặng mới qua được. Thay vào đấy, con đường đi đến Narva đã rộng mở.

Tối ấy, quân Thụy Điển cắm trại bên con đèo, mọi người vẫn còn đẫm nước mưa và phủ đầy bùn đất. Bùn lầy dày đến nỗi nhiều binh sĩ phải đứng mà ngủ. Chiều hôm sau, ngày 19/11, đoàn quân thiếu ăn và phải chịu rét lạnh tiến vào ngôi làng Lagena cách Narva 11 kilômét. Không rõ tình hình pháo đài này ra sao, Karl ra lệnh bắn bốn quả pháo theo ám hiệu đã định

trước. Chẳng bao lâu, bốn tiếng nổ của đạn pháo vọng lại từ pháo đài. Narva vẫn còn trong tay Thụy Điển.

Sheremetyev đã nhận chỉ thị đi trinh sát động tĩnh của Thụy Điển nhưng không được giao chiến. Một khi Thụy Điển đã cất quân về hướng đông, ông rút lui theo chỉ thị và đốt cháy đồng cỏ cho đến Đèo Pyhäjöggi. Ở đây, ông tin rằng quân của mình có thể dễ dàng trấn giữ con đèo này và chặn đứng đường tiến của Thụy Điển. Nhưng Pyotr bác bỏ đề nghị của ông vì không biết rõ địa hình ở đây có tầm quan trọng như thế nào. Theo quan điểm của Pyotr, con đèo cách nơi ông khá xa, và ông không muốn chia cắt lực lượng của Nga. Thay vào đấy, ông quyết định gia cố công sự hãm thành ở Narva để chống chọi quân Thụy Điển từ mặt trước đồng thời vẫn tiếp tục công phá Narva từ mặt sau. Trong thập kỷ kế tiếp, Marlborough chiếm từ thị trấn này qua thị trấn khác theo cùng cách thức: bao vây thị trấn rồi gia cố mặt ngoài để đánh bật quân tiếp viện trong khi bóp nghẹt thị trấn hoặc pháo đài từ vòng công sự đồng tâm.

Ngày 17/11/1700, Sheremetyev dẫn đội kỵ binh về doanh trại Nga, báo tin Thụy Điển đã chiếm Đèo Pyhäjöggi và đang đuổi theo bén gót. Pyotr triệu tập bộ chỉ huy để bàn bạc, phân phối thêm đạn dược và tăng cường canh gác, nhưng hai đêm đều trôi qua trong an bình. Thật ra, bên Nga không tin quân Thụy Điển sẽ tấn công ngay khi vừa đến, mà nghĩ rằng phải cần thời gian để Thụy Điển bổ sung lực lượng, trinh sát, giao tranh thăm dò và sắp đặt đội hình, rồi chiến trận mới xảy ra.

Lúc 3 giờ sáng 18/11, Sa hoàng cho triệu Quận công Du Croy, một nhà quý tộc Hà Lan-Tây Ban Nha hiện diện trong hàng ngũ với tư cách quan sát viên cho Vua Augustus II của Ba Lan, và yêu cầu ông nắm quyền chỉ huy. Pyotr và Fyodor Golovin, tư lệnh chiến trường trên danh nghĩa, sẽ đi

Novgorod để thúc đẩy việc điều viện binh và thảo luận với Augustus II về cách thức tiến hành cuộc chiến trong tương lai. Pyotr muốn Augustus II giải thích việc ông này rút khỏi Riga - hành động khiến ông thất vọng và nghi ngờ - và vì lý do này ông dẫn theo Golovin, người kiêm chức Ngoại trưởng.

Có người nói rằng, việc Pyotr rời đoàn quân vào đêm trước ngày xảy ra trận đanh Narva - và để cho vị tướng Du Croy không may gánh trách nhiệm về những gì sắp xảy ra - là một hành động hèn nhát. Cảnh tượng của một Sa hoàng run rẩy trốn chạy trước đà tiến quân của Karl cộng thêm vào câu chuyên Pyotr ngày xưa trốn chạy khỏi Troitsky đã tạo ra hình ảnh của một người sợ nguy hiểm và trở nên hoảng hốt trong thời khắc căng thẳng. Lời kết án này là không công minh, xét về tổng thể và đặc thù trong hoàn cảnh này. Pyotr đã chấp nhận nguy hiểm đến tính mạng nhiều lần, cả trên chiến trường và trên boong tàu, nên lời nhận xét về sự hèn nhát là không có cơ sở.

Câu giải thích đơn giản là: Pyotr muốn đi đến nơi mà ông tin rằng mình có thể làm được việc hơn. Sau khi đã quen với tính toán về tiến độ trong những cuộc hành quân của Nga, Pyotr cho rằng bên Thụy Điển cũng sẽ hành động với sự cẩn trọng tương tự. Không ai có thể tường tượng rằng một đoàn quân mới vừa đến nơi sau cuộc hành trình gian khổ lại tấn công ngay bên địch đông gấp bốn lần và được bảo vệ với hệ thống hào phòng thủ rộng 2 mét và tường đất cao 3 mét cùng 140 khẩu pháo.

Nhân vật vô phúc trong quyết định này là Quận công Du Croy. Được Augustus II cử đến trợ giúp Pyotr, bây giờ bất ngờ Du Croy bị buộc phải nhận trách nhiệm chỉ huy. Có lẽ nếu Pyotr ra quyết định này hai tuần trước, mọi việc có thể tốt hơn, nhưng bây giờ đã quá muộn. Du Croy biện luận rằng ông sẽ gặp khó khăn khi ra lệnh và đảm bảo lệnh được thi hành vì không nói được tiếng Nga và không quen biết với sĩ quan Nga. Và ông

không hài lòng với sự bố trí của quân Nga - hệ thống hào quanh Narva quá dài và lực lượng Nga phân tán quá mỏng dọc theo chiều dài này; một mũi nhọn tấn công của Thụy Điển ở một đoạn có thể chọc thủng phòng tuyến đoạn này trong khi quân ở các đoạn khác đến cứu không kịp.

Tuy thế với sự thuyết phục mạnh mẽ của Sa hoàng, Du Croy nhận lời. Pyotr cho ông quyền hạn tuyệt đối với cả đoàn quân. Lệnh ông viết ra giấy là hoãn giao chiến cho đến khi nhận thêm đạn dược, nhưng phải duy trì việc công hãm và ngăn chặn quân của Karl xông vào thành. Không ai bên Nga có thể lường được những gì sẽ xảy ra.

Lúc 10 giờ sáng ngày 20/11/1700, quân Nga phát hiện tiền quân của Thụy Điển bên ngoài. Du Croy ra thị sát, và thấy bên địch xuất hiện từ một khu rừng. Ông không lo lắm: tấn công vào một phòng tuyến được gia cố như thế này sẽ mất thời gian, và qua kinh nghiệm ông tin rằng bên địch sẽ tiến hành tuần tự theo từng giai đoạn. Tuy thế, khi nhìn qua ông nhòm, ông ngạc nhiên vì quân số ít ỏi bên địch và nghĩ rằng đây chỉ là đội quân tiên phong. Dù thế đáng lẽ ông có thể cử một đoàn quân - khoảng 15.000 người là đủ - xông ra để tấn công Thụy Điển nhằm gây xáo trộn trong hàng ngũ địch và đẩy lui họ, nhưng ông nhận thấy sĩ quan người Nga không muốn ra khỏi công sự phòng thủ để giao chiến. Vì thế ông ra lệnh cho các trung đoàn sẵn sàng ứng chiến tại chỗ.

Trong khi ấy, Karl và Nguyên soái Rehnskiöld - chỉ huy cấp cao của quân Thụy Điển - đang đứng trên vị trí cao hướng ống nhòm nhìn xuống hàng ngũ quân Nga. Bãi chiến trường trải rộng phía dưới, hai bên là Sông Narva chảy thành một vòng cung rộng quanh thị trấn Narva, với Pháo đài Ivangorod ở bên kia sông. Trước mặt quân Thụy Điển là phòng tuyến vây hãm của quân Nga. Một cây cầu bắc ngang con sông ở đầu phía bắc của

phòng tuyến Nga là con đường duy nhất để quân Nga nhận tiếp tế hoặc để rút lui nêu cần. Việc gia cố phòng thủ xem ra có ấn tượng. Dọc theo bức tường đất có những công sự riêng rẽ, nơi đặt đại bác. Quân số Nga trong trại hiển nhiên là vượt trội lực lượng Thụy Điển. Tuy thế rõ ràng là bên Nga không chuẩn bị tấn công ra.

Karl và Rehnskiöld lâm vào tình trạng khó xử; nhiều nhà chỉ huy quân sự có thể xem là vô vọng. Một đoàn quân nhỏ và mệt mỏi thường không cố tấn công một phòng tuyên có quân số gấp bốn lần, nhưng chính vì quân Thụy Điển ở trên vị trí trống trải mà họ buộc phải tấn công. Không thể đứng bất động khi đối diện với quân địch đông như thế và cũng không thế rút lui; chỉ có cách tấn công. Hơn nữa, Karl và Rehnskiöld nhận ra cùng khuyết điểm mà Du Croy đã vạch ra với Pyotr: Quân Nga dàn quá mỏng dọc phòng tuyến. Karl tin tưởng các trung đoàn Thụy Điển có kỷ luật của mình, một khi đã xâm nhập doanh trại Nga, sẽ khai thác tình trạng hỗn loạn mà ông hy vọng sẽ xảy ra. Vì thế, ông ra lệnh cho Rehnskiöld tổ chức tấn công, và vị Nguyên soái lập tức chuẩn bị phương án tác chiến.

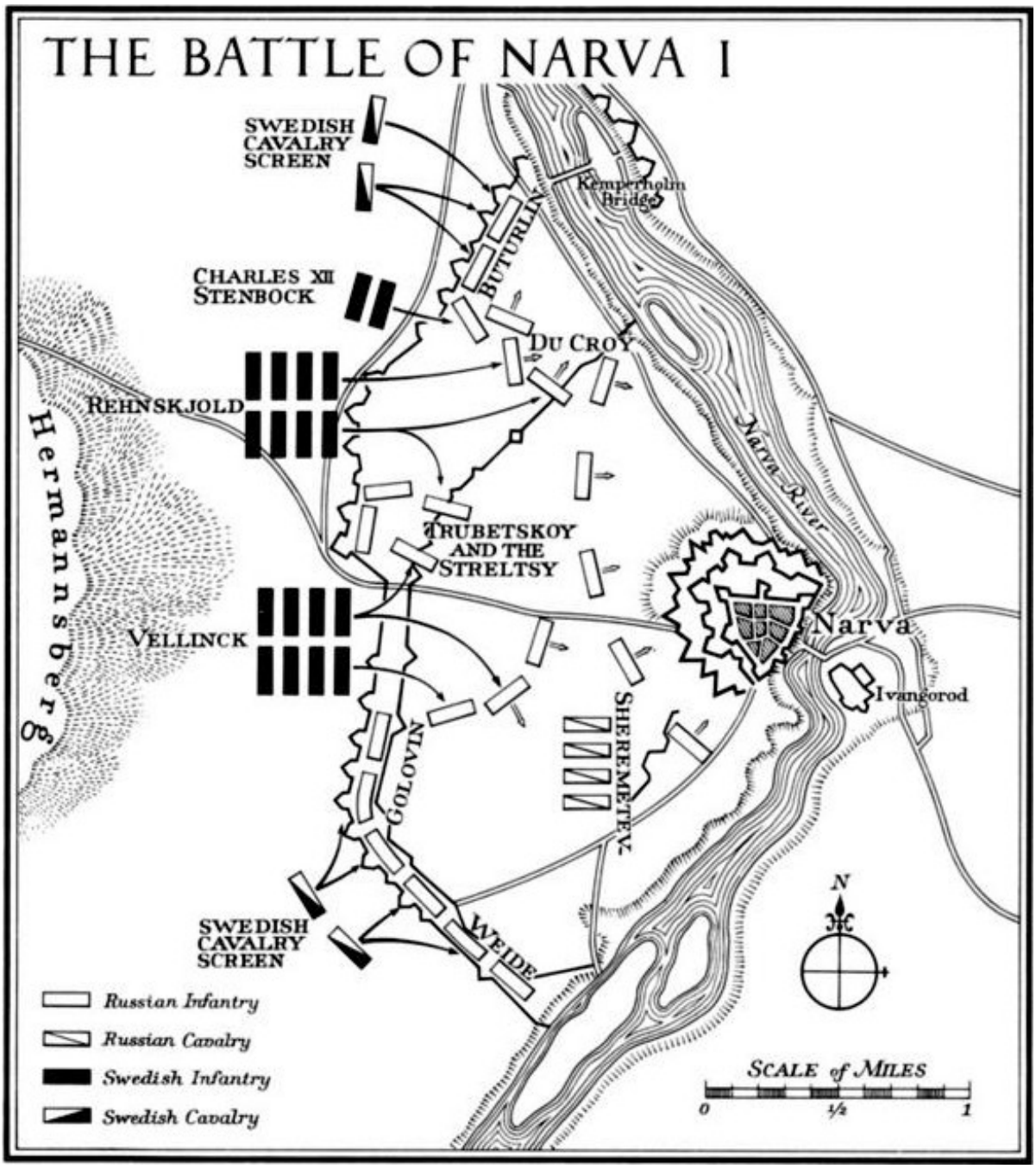

Hai sư đoàn bộ binh Thụy Điển sẽ tấn công vào một điểm ở đoạn giữa phòng tuyến. Đúng như Du Croy đã tiên liệu và e sợ: một khi đã vượt qua bức tường đất, họ sẽ tách ra: một sư đoàn sẽ chuyển về hướng bắc, sư đoàn kia về hướng nam, mỗi sư đoàn bao trùm rồi dồn ép quân Nga về phía bờ sông. Kỵ binh Thụy Điển sẽ dàn quân bên ngoài, bảo vệ hai bên sườn của

bộ binh và chặn đánh binh sĩ Nga thoát ra. Ngay khi đã sẵn sàng, pháo binh Thụy Điển sẽ rót đạn dọc theo đoạn giữa của phòng tuyến Nga trong khi bộ binh tiến lên ở giữa va kỵ binh chạy dãn ra hai bên. Thế là, trong cách thức trầm tĩnh và trật tự, 10.000 quân Thụy Điển chuẩn bị tiến công 40.000 quân Nga được bố phòng chắc chắn.[114]

Từ vị trí quan sát trên mặt thành đất của Nga, Du Croy theo dõi những hoạt động bên địch mà thêm lo lắng. Ông đã nghĩ rằng, theo quy tắc chiến tranh, quân Thụy Điển đáng lẽ phải lo đào công sự và tổ chức doanh trại. Ông càng hoang mang hơn khi thấy vài binh sĩ Thụy Điển đang mang vật liệu lấp hào cho bộ binh vượt qua con hào của Nga. Vị chỉ huy của Pyotr nhận ra rằng, dù cho có vẻ khó tin, quân Thụy Điển chuẩn bị tràn ngập phòng tuyến của ông.

Suốt buổi sáng và cho đến xế trưa, quân Thụy Điển lặng lẽ tiếp tục các bước chuẩn bị. Vào lúc 2 giờ chiều, khi tất cả đã sẵn sàng, cơn mưa dứt hạt, nhiệt độ hạ thấp hơn và một cơn bão mới đang chuyển động trên nền trời xám đen. Thế rồi, ngay khi pháo hiệu vừa bắn lên để ra lệnh tiến quân, một trận bão tuyết ập đến từ phía sau đoàn quân, thổi những lọn tuyết bay dạt về phía phòng tuyến Nga. Vài sĩ quan Thụy Điển tỏ ra lưỡng lự vì nghĩ rằng tốt hơn nên ngừng cuộc tấn công cho đến khi cơn bão đi qua. Karl la lên: "Không! Tuyết thổi sau lưng chúng ta nhưng thổi vào mặt quân địch."

Nhà Vua đã nói đúng. Bị những lọn tuyết bay tới tấp vào mắt, quân Nga khai hỏa súng nòng dài và đại bác, nhưng không biết nhắm vào đâu trong khoảng trắng xóa mịt mù, vì thế phần lớn các loạt đạn tỏ ra vô hại. Âm thầm và thần tốc, quân Thụy Điển tiến đến, và sau bức màn tuyết bất thình lình xuất hiện trước mặt quân Nga. Cách 30 bước trước phòng tuyến, bộ binh Thụy Điển bất ngờ dừng lại, nâng súng nòng dài lên vai, bắn ra một

tràng đạn khiến hàng loạt quân Nga ngã xuống. Ném vật liệu lấp hào xuống phòng tuyến, quân Thụy Điển tràn đến, vung gươm và lưỡi lê nhảy lên đầu quân Nga. Chỉ trong vòng 15 phút, một trận đánh giáp lá cà diễn ra trong phòng tuyến Nga.

Lúc đầu, quân Nga chống trả, nhưng bên Thụy Điển đã tạo một lỗ hổng và qua đó tràn vào thêm. Đúng theo phương án tác chiến, hai sư đoàn Thụy Điển tách ra và ép quân Nga về hai phía đối diện. Cánh quân Thụy Điển phía nam hướng đến lữ đoàn Cấm vệ và dễ dàng đánh tan tác lữ đoàn này, vì thế đã xác định thành kiến của Pyotr về giá trị của Cấm vệ trong việc chiến đấu với quân địch hiện đại. Cánh quân Thụy Điển này tiến xa thêm dọc phòng tuyến Nga và giao chiến tiếp với sư đoàn của Avtemon Golovin. Dù sư trưởng không hiện diện, sư đoàn này lúc đầu vẫn chống trả. Nhưng rồi, từng đợt quân Nga thiếu kinh nghiệm bị tan rã, những người còn lại trở nên hoang mang và thối lui. Kỵ binh của Sheremetyev bố trí phía sau cánh quân này đáng lẽ có thể can thiệp bằng cách xông đến để lấy sức người và ngựa chống lại hoặc thậm chí đẩy lùi bộ binh Thụy Điển. Nhưng kỵ binh Nga, phần lớn là giới quý tộc Nga và dân Cossack thiếu kỷ luật, trở nên hoảng hốt ngay cả trước khi bị tấn công. Nhìn thấy quân Thụy Điển hùng hổ xông đến, kỵ binh Nga quay đầu chạy dọc theo con song, cố tìm đường tẩu thoát. Hàng nghìn người và ngựa mất tích trong những dòng thác nhỏ.

Ở cánh quân Thụy Điển phía bắc, đầu bên phải của phòng tuyến Nga, tình hình cũng thế. Bị tấn công từ phía sau phòng tuyến của mình, quân Nga cố chống trả, lúc đầu tự bảo vệ một cách anh dũng. Thế rồi, khi có sĩ quan Nga gục ngã, binh sĩ Nga trở nên hốt hoảng và tháo chạy. Khi sư đoàn Thụy Điển tiếp tục tiến lên hướng bắc, vượt qua từ công sự này đến công sự khác, càng lúc càng có thêm binh sĩ Nga tháo chạy hoảng loạn, phần lớn về

hướng bờ sông. Chẳng bao lâu, cả một rừng lính bộ binh, lính pháo binh và lính đẩy xe goòng tranh giành nhau để qua một cây cầu duy nhất bắc qua sông. Thình lình, cây cầu bị nứt và oằn xuống dưới sức nặng của quân Nga, khiến vô số người bị rơi xuống dòng nước.

Quân Nga chỉ giữ vững phòng tuyến ở một điểm duy nhất. Ở đầu bắc, gần cây cầu bị sập, sáu tiểu đoàn Nga cộng với hai Lữ đoàn Cảnh vệ Preobrazhenskoe và Semyonovsky bám trụ để chống trả dưới quyền chỉ huy của Buturlin. Núp sau hàng trăm khẩu pháo và xe goòng, họ tạo nên một tiền đồn mới, dùng súng nòng dài và đại bác bắn quân Thụy Điển đang tràn ngập xung quanh.

Ngoại trừ điểm này, quân Nga ở các vị trí khác đều tan vỡ và tháo chạy. Hàng trăm binh sĩ Nga nhảy lên công sự để tránh lưỡi thép của bộ binh Thụy Điển, nhưng bị kỵ binh Thụy Điển đốn ngã hoặc đẩy lui. Tất cả sĩ quan nước ngoài đều thấy tình hình là vô vọng. Một khi binh sĩ Nga bắt đầu la lối với cấp trên của họ, không ai còn có thể chỉ huy họ được nữa. Nhìn thấy những gì đang diễn ra và nghe được lời lẽ hăm dọa của binh sĩ Nga dưới quyền, Du Croy tìm đường đến quân Thụy Điển để xin đầu hàng. Ông cảm thấy an toàn với lính canh tù của Thụy Điển hơn là khi chỉ huy đội quân thiếu kỷ luật và đang hoảng sợ. Ông được đối xử tử tế và được diện kiến Karl.

Khi bắt đầu trận chiến trên bức tường đất, vai trò của Karl phần lớn chỉ là lấy làm vui với chính mình. Gần suốt buổi chiều ông ở bên ngoài bức tường đất, cố ý phơi mình ra chốn hiểm nguy. Một lần, khi cố phi qua một đám người bị thương hoặc nằm hấp hối, ông cùng con ngựa rơi xuống hồ. Ông được cứu lên, nhưng phải bỏ lại con ngựa, thanh gươm và đôi giày cao cổ. Ông leo lên một con ngựa khác nhưng con ngựa này bị trúng đạn chết

ngay sau đó. Một kỵ binh vội nhảy xuống và trao con ngựa của anh ta cho nhà Vua. Karl cười nói: "Ta thấy rằng kẻ thù muốn ta tập cưỡi ngựa."

Khi đêm xuống, nhà Vua xuất hiện bên trong phòng tuyến Nga. Ông nhận thấy dù Du Croy và phần lớn sĩ quan nước ngoài đã đầu hàng và nhiều trung đoàn quân Nga đã tan rã, chiến thắng chưa được đảm bảo. Vẫn còn có 25.000 quân Nga sống sót, trong khi bên Thụy Điển chỉ có hơn 8.000 người. Các tướng lĩnh Nga (Hoàng thân Yakov Dolgorukov, Avtemon Golovin và Ivan Buturlin) đã không bỏ cuộc nhanh như người nước ngoài (Du Croy, Hallart và Langen). Họ đã lui về hàng rào xe goòng ở đầu phía bắc, nơi giao tranh xảy ra dữ dội nhất. Trong lúc ấy, ở đầu phía nam sư đoàn của Thiếu tướng Weide tương đối còn nguyên vẹn vì ít tham gia vào trận chiến. Nếu thình lình sư đoàn này đánh lên phía bắc và các trung đoàn sau hàng rào xe goòng ở đầu phía bắc đánh xuống phía nam, lực lượng nhỏ của Karl sẽ bị kẹp ở giữa.

Vì thế Karl nhất quyết phải chiếm lấy các xe goòng. Ông ra lệnh điều pháo về phía trước để bắn vào họ, nhưng rốt cuộc việc này không còn cần thiết: tinh thần của quân Nga cuối cùng đã tan rã. Tin rằng tình hình đã tuyệt vọng, tướng lĩnh Nga ra điều kiện đầu hàng. Trong thâm tâm, Karl cảm thấy vui mừng. Trong bóng tối, binh sĩ của ông vây xung quanh các xe goòng không thể phân biệt bạn hoặc thù, và đang bắn lầm nhau. Việc quân Nga đầu hàng chấm dứt tình trạng này, và lúc 8 giờ tối, nhà Vua ra lệnh ngừng bắn.

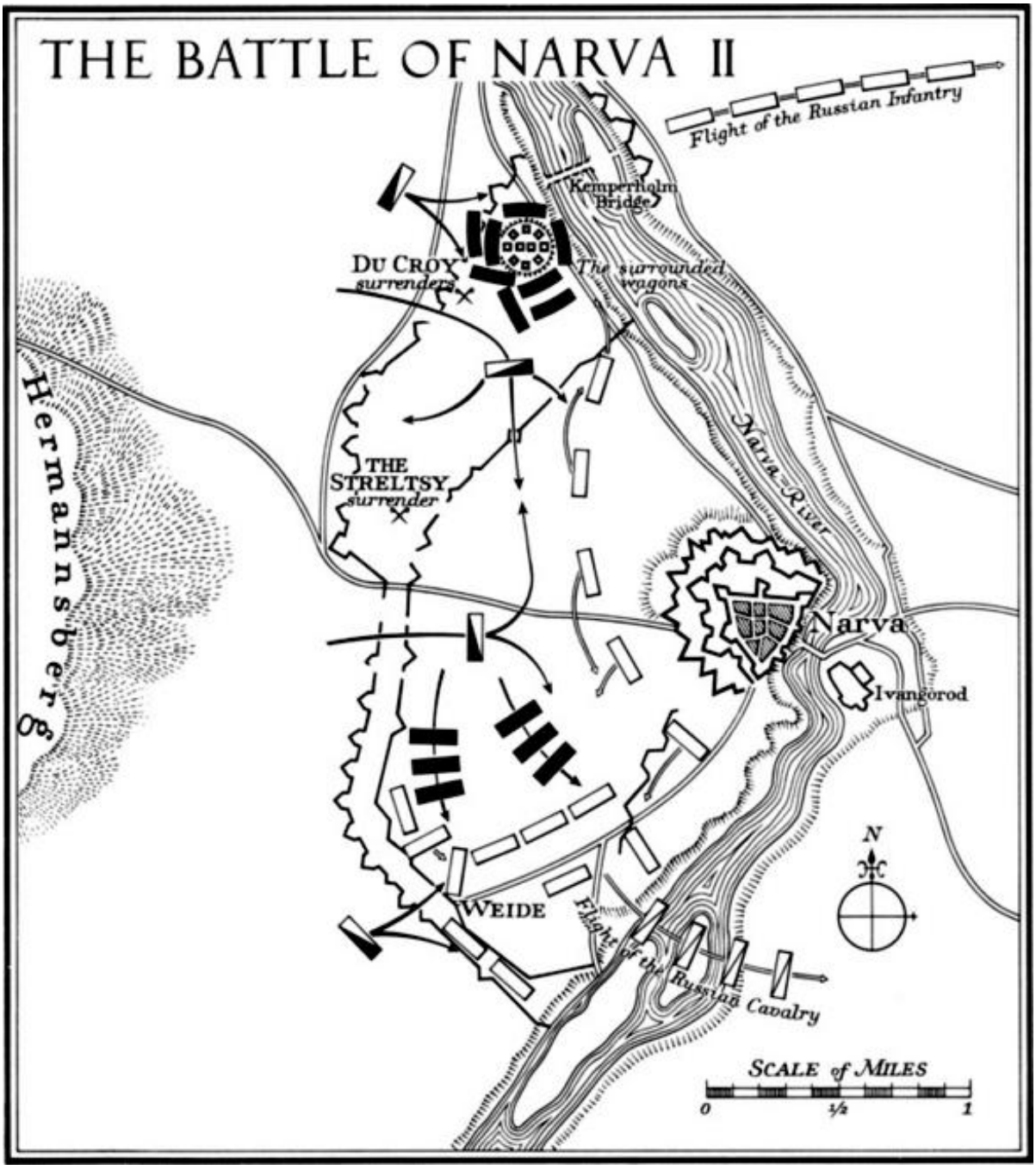

Ngay cả như thế, với số đông quân Nga này, tình hình có thể nguy hiểm cho Thụy Điển. Phần lớn bộ binh đã vô cùng mỏi mệt. Một số binh sĩ đã tìm thấy rượu trong doanh trại Nga, uống vào lúc bụng đói và chẳng bao lâu đã bị say. Hơn nữa, Karl sợ rằng lúc bình minh quân Nga có thể đếm được con số ít ỏi những người đang cầm giữ họ. Nhất thiết phải tống khứ đám

quân bại trận này, Karl ra lệnh cho quân Nga sửa chữa chiếc cầu bắc qua sông. Vẫn còn có nguy hiểm tiềm ẩn từ sư đoàn của Weide, chưa bị đánh bại ở cuối phòng tuyến. Một sĩ quan Thụy Điển viết:

> Nếu Weide có can đảm, ông ấy chắc chắn sẽ đánh bại chúng tôi, vì chúng tôi đã quá mỏi mệt, ăn ngủ không đủ trong những ngày trước, và hơn nữa, tất cả binh sĩ của chúng tôi đã bị say do họ tìm được rượu trong trại Nga mà uống, vì thế các sĩ quan không thể duy trì kỷ luật.

Nhưng mối đe dọa từ Weide bốc hơi nhanh chóng. Khi được tin cánh quân phía bắc đã đầu hàng, ông không còn tinh thần nào mà chiến đấu. Lúc bình minh, thấy mình lạc lõng giữa vòng vây Thụy Điển, ông cũng đầu hàng. Suốt buổi sáng còn lại, binh sĩ tản lạc khắp bãi chiến trường ra đầu hàng Thụy Điển.

Khi trời sáng, cây cầu đã được sửa xong; bại quân Nga bắt đầu rút qua bên kia sông. Karl đứng bên cầu mà thị sát những hàng dài địch quân khi họ bỏ mũ ra chào ông, đặt cờ xí dưới chân ông rồi lê bước về hướng đông, trở về nước Nga. Quân Thụy Điển mất 31 sĩ quan và 646 binh sĩ, 1.205 bị thương. Bên Nga, ít nhất 8.000 tử trận hoặc bị thương, và người bị thương không có mấy hy vọng

Về đến quê nhà qua quãng đường dài đã đóng băng. Mười tướng lĩnh của Nga, kể cả Du Croy, 10 đại tá và 34 sĩ quan cấp thấp hơn bị bắt. Tù binh Nga được đưa về Reval để trú đông, đến mùa xuân năm sau được đưa về sống mỏi mòn ở Thụy Điển, đa số còn lưu lại đây sau nhiều năm.[115]

Quận công Du Croy có số phận kỳ lạ hơn. Được phép lưu lại Reval sau chiến bại, ông biên thư cho Pyotr xin tiền để thanh toán các chi phí. Pyotr

lập tức gửi cho ông 6.000 rúp. Vào mùa xuân 1702, ông qua đời. Khi nghe tin, Pyotr nói:

> Tôi rất lấy làm tiếc cho người già tài ba này. Ông ấy đúng thực là một nhà chỉ huy quân sự có năng lực và kinh nghiệm. Nếu tôi giao quyền chỉ huy cho ông ấy sớm hơn 14 ngày thì tôi hẳn đã không bị chiến bại ở Narva.

Du Croy vẫn còn mắc nợ khi qua đời. Những chủ nợ của ông vin vào một điều luật cổ quy định là người còn mang nợ không thể được chôn cất. Thi thể của ông được đưa vào một vách hầm trong một nhà thờ ở Reval, do khí hậu khô nên không bị rữa mà trở thành một cái xác khô. Sau đấy, nó được lấy ra và đặt trong một lồng kính. Trong gần 200 năm, du khách có thể đến xem xác của Du Croy vẫn còn mang bộ tóc giả và mặc quân phục. Chỉ đến vài năm trước Cách mạng 1917, Du Croy mới được chôn cất.

Chiến lợi phẩm quan trọng cho Thụy Điển là pháo binh, gồm 181 khẩu đại bác và súng cối, 10.000 quả đạn và 397 thùng thuốc súng. Trên thực tế vũ khí tâm đắc của Pyotr bị Karl tịch thu hầu như toàn bộ.

Tin tức về trận chiến Narva gây ấn tượng mạnh toàn Tây Âu. Chi tiết về chiến thắng lẫy lừng và lời ca tụng sôi nổi về vị quân vương trẻ của Thụy Điển lan rộng về hướng tây. Vài nước cảm thấy hài lòng về nỗi nhục nhã của Pyotr và có nhiều lời chế nhạo sự "trốn chạy" của Sa hoàng trong đêm khuya trước khi trận đánh xảy ra.

Mặc dù tài chỉ huy đầy kinh nghiệm của Rehnskiöld góp phần quan trọng, sự thực là nếu không có tính quyết đoán không gì lay chuyển nổi của nhà Vua thì sẽ không có chiến thắng ở Narva. Karl chấp nhận lời xưng tụng

ông là một vị chỉ huy bất khả chiến bại. Ông hồ hởi, ngất ngây với chiến thắng của mình, nói huyên thuyên như một trẻ vị thành niên:

> Không có gì vui khi đánh với bọn Nga, vì họ không đứng lên chiến đấu như đàn ông đích thực mà chỉ lo tháo chạy cho nhanh.

Từ lúc này, chiến tranh trở thành mục tiêu lớn lao trong đời của Karl. Theo ý nghĩa này, Narva vừa là chiến thắng vĩ đại đầu tiên của ông mà cũng là bước đầu tiên đưa đến thân bại danh liệt. Một chiến thắng dễ dàng như thế khiến cho ông nghĩ mình là vô địch. Narva, cộng với chiến công kịch tính trên Đảo Zealand, đã tạo ra huyền thoại về Karl - mà ông chấp nhận - rằng chỉ với một nhúm quân, ông có thể đánh tơi bời cả đoàn quân địch đông đảo. Narva cũng mang đến cho Karl tư tưởng nguy hiểm là xem nhẹ Pyotr và khinh thường nước Nga. Việc chiến thắng quân đội của Pyotr một cách dễ dàng khiến cho ông tin rằng người Nga không ra trò gì khi chiến đấu. Vài năm sau, trong cát bụi mùa hè vùng Ukraina, vị Vua của Thụy Điển sẽ trả một giá đắt cho những giây phút hồ hởi trên chiến trường Narva phủ đầy tuyết.

112. Không rõ là Golovin nào: Fyodor Golovin là tư lệnh cả đoàn quân hay Avtemon Golovin là sư trưởng. (ND)

113. Lúc này, quân Nga ở Riga đang dao động tinh thần; họ chịu thiệt hại nặng mỗi khi quân Thụy Điển trong pháo đài xông ra tấn công. Lại có tin đồn Karl XII sẽ dẫn quân đến. Rồi một trong những sĩ quan được Pyotr mến thích, Đại úy Jan Gummrt, đầu hàng Thụy Điển. Những sự kiện này khiến cho quân Nga càng mất tinh thần. (ND)

114. Các nguồn tin Thụy Điển đương thời cho biết bên Nga có 80.000 đến 100.000 người, nhưng đa số sử gia cho rằng đó là những con số phóng đại, trừ phi cộng thêm vào số dân công hỗ trợ và gia đình binh sĩ. Bên Nga cho rằng chắc chắn có nhiều nhất 40.000 quân Nga tham chiến. (ND)

115. Lange, Hallart và vài người khác được trả tự do năm 1705; cháu của Francis Lefort là Peter Lefort được trả tự do năm 1708; năm sau đến phiên con rể của Patrick Gordon là Alexander Gordon. Thụy Điển cầm giữ những người khác nhiều năm để đòi tiền chuộc cao. Sau năm 1709, khi Nga đã bắt được nhiều tù binh Thụy Điển, hai bên mới bắt đầu trao đổi tù binh, nhưng vị Hoàng thân tài giỏi Yakov Fyodorovich Dolgorukov bị giam giữ 10 năm, mãi đến 1711 mới được trả tự do. (ND)

26 "CHÚNG TA KHÔNG NÊN MẤT TINH THẦN"

Pyotr chưa đi khỏi Narva bao xa thì nhận được báo cáo về chiến bại. Choáng váng vì đại họa ập xuống một cách thần tốc, ông cũng nhận thức được nguy cơ lớn hơn nhiều đang chực chờ trước mắt: Nếu Karl muốn nhân đà chiến thắng này mà đánh thốc tới Moskva thì không gì có thể ngăn chặn ông ta được.

Một trong những tố chất của Pyotr khi đối diện với thảm họa là không tuyệt vọng. Thất bại chỉ thúc đẩy ông tiến về phía trước; chướng ngại chỉ là thách thức để kích thích nỗ lực mới. Không cần biết phải chăng tính kiên cường, bền chí và quyết đoán dựa trên thói bướng bỉnh, kiêu ngạo, lòng yêu nước hoặc sự sáng suốt - ông đã bị một thất bại thảm hại, nhục nhã, nhưng không muốn than thân trách phận. Ông giữ điềm tĩnh và thề sẽ tiếp tục chiến đấu. Hai tuần sau trận chiến, ông viết cho Boris Sheremetyev:

> Chúng ta không nên mất tinh thần vì phận rủi của chúng ta. Ta ra lệnh phải tiếp tục những gì chúng ta đang làm. Chúng ta không thiếu người; các con sông và đầm lầy đã đóng băng. Ta không muốn nghe lý do bào chữa nào cả.

Khoảng thời gian chín năm giữa hai trận đánh ở Narva và Pultowa là giai đoạn mà Pyotr phải làm việc cật lực. Ông không bao giờ biết được thời gian còn lại cho mình là bao nhiêu. Nhiều lúc bị bệnh và nằm dài trên giường vì cơn sốt, bị phiền nhiễu bởi những cuộc nổi loạn của dân Bashkir và Cossack sau lưng mình, ông vẫn dốc hết năng lực ngút ngàn để chuẩn bị cho nước Nga. Ông hành động một cách liều lĩnh, đón bắt bất kỳ thứ gì, vét cạn Kho bạc và vắt kiệt thần dân của mình, phân phát những món trợ cấp to tát cho Augustus II - đồng minh duy nhất còn lại - để ông này tiếp tục chiến đấu.

Và ông luôn luôn bị ám ảnh bởi ý nghĩ rằng một buổi sáng nào đấy, Karl có thể ra lệnh vung những lưỡi lê sáng lóe vô địch về phía nước Nga.

Nhiều năm sau trận chiến Pultowa, Pyotr có cơ hội nhìn lại tất cả những điều này. Lời lẽ trầm tĩnh của ông là ngôn ngữ của một người đang nhìn lại từ đỉnh cao của chiến thắng. Nhưng ông đã đánh giá chính xác về ảnh hưởng của Narva đối với chính ông, với sự phát triển của quân đội Nga và với chính nước Nga:

> Quân đội của chúng ta đã bị Thụy Điển đánh bại - điều này không cần bàn cãi. Nhưng ta nên nhớ quân đội này thuộc loại gì. Chỉ có Lữ đoàn Lefort là đơn vị kỳ cựu. Hai Lữ đoàn Cảnh vệ đã có mặt trong hai cuộc tấn công Azov, nhưng họ chưa từng chiến đấu trên trận tuyến, đặc biệt với quân chính quy. Hơn nữa, còn có nạn đói tệ hại, và đường sá lầy lội khiến việc chuyển hàng hậu cần phải ngừng lại. Tóm lại, đấy như là trò chơi [đối với Thụy Điển]. Thế thì, ta không nên lấy làm lạ rằng những đứa học trò chưa kinh qua thử thách bị đánh bại bởi đoàn quân dày dạn, có kỷ luật và kinh nghiệm như thế. Thế thì, chiến thắng đó [của

> Thụy Điển] thật đúng là một đòn nặng nề cho chúng ta. Có vẻ như nó lấy đi tất cả hy vọng của chúng ta về tương lai, như nó đến từ Thượng Đế. Nhưng bây giờ, khi suy nghĩ đúng đắn, chúng ta nên cho rằng Thượng Đế đã muốn ban phước chứ không phải giận dữ; bởi vì nếu chúng ta đã thắng, chúng ta sẽ biết rất ít về chiến tranh cũng như biết rất ít về quản trị công; vận may có thể mang đến những hệ lụy vô phước… Việc chúng ta phải trải qua chiến bại, hoặc thật ra là ân huệ, càng khiến cho chúng ta trở nên cần cù, chăm chỉ và có thêm kinh nghiệm.

Đoàn quân Nga chiến bại lê bước về Novgorod. Thiếu đại bác, thuốc súng, lều trại, hàng hậu cần và, trong nhiều trường hợp, súng nòng dài, đoàn quân chỉ là một đám ô hợp. Điều may mắn là sư đoàn do Hoàng thân Nikita Repnin tổ chức dọc Sông Volga đã không đến Narva kịp, và Pyotr ra lệnh cho Repnin dẫn sư đoàn này về Novgorod làm nòng cốt để lập lại kỷ luật trong đám bại quân. Ba tuần sau, Repnin báo cáo là 22.967 binh sĩ đã được tổ chức thành những trung đoàn mới. Cộng thêm quân của Repnin, Pyotr có một đoàn quân gồm gần 34.000 người. Thêm nữa, còn có 10.000 quân Cossack đang trên đường từ Ukraina. Pyotr ra lệnh về Moskva cho Hoàng thân Boris Golitsyn thành lập mười trung đoàn kỵ binh mới, mỗi trung đoàn có 1.000 quân.

Pyotr phong *boyar* Boris Sheremetyev làm Tổng Tư lệnh của đoàn quân mới. Lớn hơn Pyotr hai mươi tuổi và là hậu duệ của một trong những dòng họ lâu đời nhất, nhưng từ thời trai trẻ Sheremetyev đã là người chống lại cung cách Nga xưa cũ. Không giống như phần lớn các nhà quý tộc Nga, Sheremetyev đã đi ra nước ngoài và thấy thích thú với các chuyến đi này. Năm 1686, Sofia đã cử ông làm đặc sứ đi gặp Vua Jan Sobieski của Ba Lan

và Hoàng đế Leopold của Áo. Vào năm 1697, ở tuổi 45 ông lại đi ra nước ngoài, lần này với tư cách là dân thường sau khi xin nghi phép 20 tháng để làm một chuyến du khảo. Ông đi Wien, Roma, Venice và Malta; đến yết kiến Hoàng đế Áo, Giáo hoàng, và ở Malta được phong làm Hiệp sĩ Huân chương Thập tự Malta. Khi trở về Nga, ông mang Huân chương này một cách hãnh diện đến nỗi các *boyar* khinh khỉnh hỏi liệu ông đã trở thành "sứ thần của Malta" hay không. Ông chỉ phản ứng một cách trầm tĩnh. Đại sứ Anh Sir Whitworth gọi ông là "người lịch sự nhất cả nước".

Pyotr vui lòng thấy Sheremetyev quan tâm đến Tây Âu, nhưng sử dụng ông này như là một tướng lĩnh thay vì là nhà ngoại giao. Trong hai năm 1695 và 1696, khi Pyotr dẫn quân tấn công Azov, Sheremetyev thực hiện chiến dịch quấy rối nghi binh ở hướng tây, chiếm được các pháo đài của Tatar dọc Sông Dniepr. Khi chỉ huy, Sheremetyev có năng lực nhưng thận trọng. Pyotr có thể tin tưởng vị tướng tuân thủ mệnh lệnh của mình là không bao giờ gây rủi ro cho đội quân trừ phi có ưu thế vượt trội.

Trong khi quân của Sheremetyev đang được tập trung và tái trang bị, Pyotr ra lệnh gấp rút xây các pháo đài ở Novgorod, Pskov và Tu viện Pechersk gần Moskva. Phụ nữ và trẻ em đều được chuẩn bị để chiến đấu cùng với nam giới. Nghi lễ nhà thờ bị bãi bỏ để giáo sĩ có thể tham gia cùng giáo dân đào đất xây dựng hệ thống phòng thủ. Nhà cửa và giáo đường bị dỡ bỏ để lấy mặt bằng xây thành lũy mới. Để nêu gương, chính Sa hoàng tham gia lao động xây những công sự đầu tiên ở Novgorod. Khi ông rời đi, ông giao công việc lại cho Trung tá Shenshin, nhưng ông này nghĩ Sa hoàng đã đi luôn, lập tức ngừng ngay công việc chân tay. Pyotr trở lại và, khi thấy tình trạng này, ra lệnh đánh roi người sĩ quan trước thành lũy và chuyển anh ta đi Smolensk với quân hàm binh sĩ thông thường.

Nhưng Pyotr nhận thức rằng trong tương lai xa, quân đội của ông cần được cải tổ sâu rộng để trở thành đội ngũ chuyên nghiệp dựa trên thời gian phục vụ 25 năm. Tuy thế lần ra mắt đầu tiên của đoàn quân năm 1701 không tạo ấn tượng tốt lắm, theo lời kể của một nhà quan sát người Nga:

> Rất đông người được gọi đi nghĩa vụ nhưng nếu ta xem xét kỹ thì chỉ biết hổ thẹn. Bộ binh được trang bị súng loại xấu và không biết cách sử dụng… Cứ mỗi một lính nước ngoài chết thì có ba, bốn hoặc thậm chí nhiều hơn lính Nga tử trận. Còn về kỵ binh, chúng ta thấy xấu hổ khi nhìn họ chứ chưa nói đến cho người nước ngoài xem. Kỵ binh sử dụng giống ngựa yếu đuối, mang kiếm cùn nhụt, ăn mặc lôi thôi, và không thể sử dụng vũ khí đúng cách. Họ không quan tâm đến việc chống quân thù, mà chỉ nghĩ làm thế nào để trở về nhà. Họ cầu xin Thượng Đế cho họ bị thương nhẹ để không phải quá khổ sở mà vẫn được quân Vương khen thưởng. Khi chiến đấu, họ nấp trong lùm bụi; từng đại đội ẩn mình dưới tán rừng hoặc thung lũng, và tôi thậm chí đã nghe người thuộc giới quý tộc nói: "Cầu xin Thượng Đế cho chúng tôi có thể phục vụ quân vương mà không phải rút gươm ra khỏi vỏ."

Để chấn chỉnh tình trạng này, Pyotr ra lệnh cải tổ toàn diện chương trình huấn luyện, với tiêu chuẩn mới về kỷ luật và chiến thuật dựa theo các mô hình Tây Âu. Phải bắt đầu nỗ lực này với việc soạn thảo tài liệu huấn luyện mới; tài liệu duy nhất lúc đó có ở Nga ghi năm 1647, được chép từ một tài liệu của Đức năm 1615! Pyotr muốn chú trọng đến việc huấn luyện chiến đấu; ông không cần đến những đội ngũ để diễu hành đều nhịp một cách lộng lẫy và "đi như thể khiêu vũ". Ông cũng không màng đến những bộ đồng phục trau chuốt kiểu Tây Âu "trông như những con rối ăn mặc mỹ

miều". Quân đội Nga phải dùng loại vải đơn giản được sản xuất trong nước. Quan trọng nhất là họ phải được trang bị vũ khí hiện đại. Điều may là, khi ở Anh, Pyotr đã mua về từ 30.000 đến 40.000 khẩu súng kíp với lưỡi lê, để làm mẫu chế tạo trong nước. Mức sản xuất ban đầu còn thấp, nhưng lên đến 30.000 khẩu năm 1706 và 40.000 khẩu năm 1711.

Những chiến thuật hiện đại được chú trọng. Binh sĩ được huấn luyện để từng tiểu đội biết cách bắn đồng loạt theo lệnh truyền và biết sử dụng lưỡi lê. Kỵ binh được huấn luyện để biết di chuyển chỉ khi có lệnh, biết cách phi ngựa theo đội hình, tấn công bằng gươm và rút lui có trật tự thay vì chạy khỏi bãi chiến trường như bầy thú hoang. Cuối cùng, Pyotr khổ nhọc để truyền một tinh thần mới cho quân đội: Chiến đấu không phải vì Sa hoàng mà vì "quyền lợi của nước Nga" - theo cách Pyotr tự tay viết ra.

Dù cho muôn vàn khó khăn, đào ngũ thường xuyên, nhiều ganh tỵ và gây gổ giữa các sĩ quan, một quân đội mới chậm chạp thành hình. Vấn nạn trầm trọng nhất về mặt chiến cụ là pháo binh. Hầu hết pháo của quân đội Nga - cả súng cối nặng dùng để hãm thành lẫn đại bác bắn ngoài trận địa - đã bị mất ở Narva; cần phải bắt đầu từ con số không. Bộ trưởng Bưu điện Vinius nhận trách nhiệm với chức vụ Thanh tra Pháo binh, và được trao quyền hành rộng rãi. Pyotr chỉ quan tâm đến hành động. Vị đại thần già thấy rằng không có thời giờ để khai thác quặng và tinh lọc kim khí; cần phải đúc đại bác từ nguyên vật liệu đã có sẵn. Pyotr ra lệnh:

> Trên cả nước, ở các thị trấn chính, ở nhà thờ và tu viện, phải thu gom một số chuông để đúc đại bác và súng cối.

Đây là hành động gần như phạm thánh, vì chuông nhà thờ có ý nghĩa thiêng liêng gần như là chính nhà thờ, mỗi quả chuông có một vai trò thân thương từ nghìn xưa trong đời sống của dân Nga. Tuy thế, vào tháng 6/1701, một phần tư số chuông nhà thờ của nước Nga bị nấu chảy và đúc lại thành đại bác. Vinius bị rắc rối với đám thợ lò đúc: họ uống rượu quá nhiều và ngay cả đòn vọt vẫn không thể bắt họ tăng tiến độ. Nhưng phía sau Vinius lởn vởn cơn thịnh nộ của Sa hoàng, với bức thư:

> Cho họ xem thư này, bảo các thị trưởng rằng nếu vì sự chậm trễ của họ khiến cho các khẩu pháo không sẵn sàng, họ sẽ phải trả giá không những bằng tiền bạc mà còn bằng cái đầu của họ.

Dù qua bao khó khăn trong việc tìm đủ nhân công và hợp kim để pha với sắt, Vinius đã tạo ra phép lạ. Tháng 5/1701, ông gửi 20 khẩu đại bác đến đoàn quân ở Novgorod; chẳng bao lâu gửi thêm 26 khẩu. Đến cuối năm, ông đã sản xuất được hơn 300 khẩu pháo mới cũng như thành lập một trường huấn luyện cho 250 trai trẻ học về nghề đúc súng và ngành pháo binh. Năm 1702, dù đã lớn tuổi, Vinius được cử đến Siberia để tìm thêm mỏ sắt và đồng. Trong giai đoạn 1701-1704, có tới 7 nhà máy luyện kim được dựng lên, sản xuất loại quặng mà Đại sứ Anh báo cáo là "tốt một cách đáng khen, còn tốt hơn quặng của Thụy Điển." số lượng pháo của Nga tiếp tục tăng lên và bắt đầu bắn đến quân Thụy Điển. Đến năm 1705, Đại sứ Anh cho biết đại bác của Nga "đang phục vụ rất đắc lực."

Trong nỗ lực bảo vệ nước Nga, Pyotr kín đáo yêu cầu Hà Lan và Áo giúp làm trung gian hòa giải giữa Thụy Điển và Nga, nhưng không có kết quả. Andrei Matveyev, con trai của cựu đại thần Matveyev, được cử làm đặc

sứ của Pyotr đến Hà Lan. Ở đây, ông thấy Hà Lan và Anh, cùng dưới quyền trị vì của William III, bị cuốn hút vào một vấn đề khác. Trong cùng tháng diễn ra Trận Narva, Vua Carlos II của Tây Ban Nha qua đời, để lại ngai vàng cho Philip Xứ Anjou, cháu nội của Louis XIV; và Tây Âu đang chuẩn bị chiến tranh[116]. Hơn nữa, Hà Lan không muốn làm mất lòng phe nào: họ bị ràng buộc với Thụy Điển qua hòa ước, và vẫn muốn duy trì nền thương mại béo bở với Nga qua Arkhangelsk. Matveyev chỉ có thể mua 15.000 khẩu súng nòng dài để gửi về nước.

Ở Wien, Hoàng thân Pyotr Golitsyn giấu tung tích đi đến và xin yết kiến Hoàng đế. Ông phải chờ trong 7 tuần, cố gắng thương thảo với bất cứ ai chịu nghe ông. Ít người chịu nghe. Ông báo cáo một cách vô vọng cho Golovin ở Nga: "Họ đều muốn lánh mặt tôi và không muốn tiếp chuyện tôi." Chiến bại Narva khiến Nga bị đánh giá thấp đến mức Bá tước Kaunitz, Thứ trưởng Ngoại giao Áo, cười vào mặt Golitsyn, còn hai đại sứ Pháp và Thụy Điển công khai chế giễu ông. Khi cuối cùng được diện kiến Hoàng đế Leopold, ông này tỏ ra lịch sự nhưng bản thân ông cũng đang chuẩn bị chiến tranh. Golitsyn gửi thư van nài Golovin:

> Cần phải tìm mọi cách có thể được để đạt lấy một chiến thắng đối với quân thù… Hoàng thượng tuyệt đối cần thiết để thậm chí có một chiến thắng nhỏ theo đó tên tuổi ông ấy có thể lên cao ở Châu Âu như trước. Lúc đó chúng ta có thể đạt hòa bình, trong khi bây giờ người ta chỉ chế giễu quân đội chúng ta và cách chúng ta tiến hành chiến tranh.

Bị từ chối trong nỗ lực ngoại giao, Sa hoàng cố duy trì tình thân hữu với một đồng minh. Pyotr dàn xếp để gặp Augustus, nhưng ông này đang lo lắng. Dù chưa bị đánh bại, ông đã thấy hai đồng minh Đan Mạch và Nga

đều bị vị vua trẻ của Thụy Điển giáng cho đòn thần tốc và không khoan nhượng. Ông phải suy nghĩ liệu có nên tiếp tục cuộc chiến hay dàn hòa với Thụy Điển.

Pyotr gặp Augustus vào tháng 2/1710. Trong mười ngày hội đàm xen lẫn yến tiệc và lễ hội, hai quân vương tái xác nhận mối liên minh. Pyotr thông báo với Augustus rằng, mặc cho thất bại ở Narva, Nga quyết chí tiếp tục cuộc chiến. Trên vị thế là thành viên duy nhất trong liên minh chưa bị chiến bại, Augustus có thể đặt điều kiện ngặt nghèo với Pyotr. Sa hoàng đồng ý rằng khi phân chia chiến lợi phẩm, Ba Lan sẽ nhận Livonia và Estonia; Nga chỉ giành lấy Ingria. Pyotr cũng hứa sẽ gửi 15.000 đến 20.000 quân bộ binh Nga - được Nga trả lương, trang bị và tiếp vận - để chiến đấu dưới quyền chỉ huy của Saxony ở Livonia. Hơn nữa, ông còn đồng ý trả cho Augustus chiến phí 100.000 rúp mỗi năm, trong vòng ba năm. Đây là một cái giá cao; một lần nữa các tu viện và thương nhân Nga bị đánh thuế thêm. Nhưng việc này là thiết yếu để Nga duy trì một đồng minh chống lại Thụy Điển.

Có những khoảnh khắc nhẹ nhàng trong cuộc hội kiến thượng đỉnh này. Một hôm, Sa hoàng và vị Vua kiêm Tuyển hầu tước bắn đại bác thi với nhau, mọi người nhắm đến mục tiêu đánh dấu trên một cánh đồng trống. Pyotr ngán ngẩm thấy Augustus vốn không có kinh nghiệm gì về pháo binh lại bắn trúng mục tiêu hai lần, trong khi ông không trúng phát nào. Ngày kế là một yến tiệc kéo dài suốt đêm. Đến sáng, Augustus còn say ngủ nhưng Pyotr dậy sớm để đi dự một thánh lễ Thiên Chúa giáo. Mối quan tâm của ông đối với Thiên Chúa giáo khiến cho chủ nhà đề xuất sự hợp nhất giữa hai giáo hội Chính Thống giáo và Thiên Chúa giáo, nhưng Pyotr đáp:

Các bậc chuyên chế chỉ có quyền hạn trên thể xác của thần dân họ. Chúa Cứu thế là đấng chuyên chế của linh hồn họ. Đối với việc hợp nhất như thế, cần có nhân dân thỏa hiệp và việc này nằm trong quyền lực của chỉ Thượng Đế mà thôi.

Trong những tuần lễ sướng thỏa tiếp theo sau Trận Narva, Karl chuẩn bị cho chính động thái mà Pyotr đã e sợ: tiếp nối chiến thắng bằng cách xâm lăng nước Nga. Vài cố vấn của nhà Vua đã tham mưu rằng ông có thể đánh chiếm Moskva một cách dễ dàng, hạ bệ Pyotr, tấn phong Sofia và ký một hòa ước để sáp nhập lãnh thổ mới vào đế quốc của Thụy Điển ở vùng Baltic. Karl thấy viễn tượng này là hấp dẫn. Ít tuần lễ sau Trận Narva, Đại tá Thụy Điển Magnus Stenbock kể lại:

Bây giờ nhà Vua không nghĩ đến việc gì mà chỉ hướng đến chiến tranh. Ông không màng nghe lời khuyên của những người khác, và dường như ông nghĩ rằng Thượng Đế đã thông tin với ông việc ông phải thi hành. Bá tước Piper [Thủ tướng] cảm thấy rất băn khoăn vì nhiều việc lớn lao được quyết định mà không có chuẩn bị gì và nhiều chuyện xảy ra mà tôi không dám ghi chép trên giấy.

Tháng 12, một sĩ quan Cảnh vệ viết thư về Thụy Điển:

Mặc dù thời tiết giá lạnh, hàng hậu cần thiếu hụt và nước tràn vào lều trại, nhà Vua không muốn lui quân để trú đông. Tôi tin rằng nếu ông ấy chỉ còn 800 quân, ông vẫn muốn đem số quân này đi đánh Nga, không cần biết họ sẽ lấy gì mà ăn. Và nếu có một người trong chúng tôi bị

trúng đạn, hẳn ông ấy không màng đến và chẳng bao giờ bận tâm với một tổn thất như thế.

Nhưng, dù cho Karl nóng nảy, ông không thể cất quân đi đánh Nga vào lúc này. Sau khi thắng kẻ thù là con người, quân Thụy Điển đối diện với địch thủ đáng sợ hơn: thiếu ăn và bệnh tật. Quân Nga đã tàn phá Livonia; số lương thực còn lại đã được binh sĩ của Pyotr tiêu thụ hết. Không thể nhận hàng hậu cần từ Thụy Điển trong mùa đông nên ngựa của kỵ binh chẳng bao lâu đã phải nhai vỏ cây. Bị yếu vì kém ăn, các trung đoàn của Karl còn bị bệnh tật hoành hành. Bệnh sốt và kiết lỵ lây lan khắp doanh trại, hàng trăm binh sĩ ngã ra chết. Đến mùa xuân, không đến phân nửa quân số còn đủ sức chiến đấu. Karl đành phải miễn cưỡng cho quân vào trú đông. Riêng nhà Vua vào ngụ trong lâu đài Leis, gần Dorpat. Ông lưu lại nơi đây trong 5 tháng, giết thời giờ bằng nhạc kịch, hội hóa trang, yến tiệc buổi tối và trò chơi đùa trên tuyết. Magnus Stenbock tổ chức một dàn nhạc đại hòa để trình bày tác phẩm do ông soạn.

Khi mùa xuân 1701 đến, Karl vẫn xem xét ý tưởng xâm lăng nước Nga nhưng không còn hào hứng mấy. Ông cảm thấy khinh thường thêm quân đội Nga và nghĩ không đáng chiến đấu với họ. Ông thấy có đánh thắng Pyotr thêm một trận nữa chỉ làm cho Châu Âu phá lên cười, trong khi đánh thắng đạo quân Saxony có kỷ luật của Augustus sẽ làm cho cả lục địa phải thán phục. Lý do thực tế nữa là, Karl nghĩ không nên tiến quân vào Nga trong khi quân đội Saxony còn nguyên vẹn đang hoạt động phía sau ông.

Tháng 6/1701, nhận thêm 10.000 quân đến từ Thụy Điển, Karl có quân sô lên đến 24.000. Để lại một ít quân nhằm đối phó với Nga, Karl dẫn 18.000 quân tiến về hướng nam, dự định vượt Sông Dvina Tây gần Riga để

tiêu diệt 9.000 quân Saxony và 4.000 quân Nga dưới quyền chỉ huy của Tướng Steinau của Saxony. Con sông rộng 600 mét, vì thế cuộc vượt sông trên thực tế là tấn công đổ bộ. Sau khi đốt cỏ và phân thú để tạo làn khói che chắn cho các tàu chở đầy bộ binh và dưới hỏa lực yểm trợ của pháo binh hạng nặng từ các chiến hạm neo trên sông, cuộc tấn công của Thụy Điển đã thành công. Chính Karl dẫn đầu đợt tiên phong của bộ binh, mặc cho các sĩ quan lo lắng cho tính mạng của ông vì ông đã tuyên bố rằng mình chỉ chết vào thời khắc mà Thượng Đế chọn lựa, chứ không chết sớm hơn. Không may cho Karl, kỵ binh Thụy Điển không thể vượt sông, còn quân Saxony rút lui được tuy chịu nhiều tổn thất. Bốn trung đoàn Nga, được Tướng Steinau của Saxony giữ làm quân trừ bị, hoảng hốt tháo chạy mà không tham chiến. Karl càng thêm khinh thường quân đội của Pyotr.

Không bao lâu sau chiến thắng nhỏ nhoi này vào tháng 7/1701, Karl, bây giờ được 19 tuổi, đi đến một quyết định chiến lược khiến cuộc đời của ông và của Pyotr thay đổi một cách sâu xa: tập trung lực lượng để tận diệt Augustus trước khi tiến công nước Nga. Không thể nào tấn công cả hai kẻ thù cùng một lúc, và trong số này Saxony đang hoạt động trong khi Nga đang nằm lì. Hơn nữa, Saxony và ngay cả Ba Lan là những mục tiêu rõ ràng, trong khi đất Nga quá bao la đến nỗi Thụy Điển có thể đánh sâu vào mà vẫn không tìm thấy đầu não của một cơ thể khổng lồ.

Và còn có cảm nghĩ về đạo đức khiến cho Karl bị xúc phạm nặng nề. Augustus - có quan hệ anh em họ, một quân vương Tây Âu có học thức - là một tên vô lại đầy bất trắc, còn tệ hại hơn nhiều so với Pyotr. Ít nhất Pyotr còn tuyên chiến trước khi tấn công, nhưng Augustus chỉ việc kéo quân đến Livonia mà không hề đánh tiếng. Làm thế nào Karl có thể biết chắc ông này sẽ không nuốt lời mà tấn công Thụy Điển lần nữa một khi ông đã dẫn quân

đi đánh Nga? Tóm lại, Karl nói với một người bạn rằng ông xem đấy là điều "xúc phạm đến cá nhân tôi và danh dự của tôi nếu xử lý nhẹ nhàng một người đã hành động theo cách ô nhục và xấu hổ đến thế."

Sau cùng, Karl cảm thấy hoang mang và lo lắng về mối liên hệ giữa Augustus và nước Ba Lan rộng lớn mà vị vua này trị vì một cách chông chênh. Cho đến lúc này, Augustus đã tiến hành cuộc chiến của mình với tư cách là Tuyển hầu tước của Công quốc Saxony. Bây giờ, quân Saxony đã rút lui sâu vào mật khu an toàn ở Ba Lan, và quân của Karl không thể truy đuổi. Đức Hồng y Radiejowski - nhà lãnh đạo tinh thần của Ba Lan - đã nhất mực cho rằng Ba Lan không can dự gì vào cuộc chiến với Thụy Điển mà Vua Augustus đã khởi động nhưng nước này không đồng tình, và vì lý do này Karl không nên đặt chân lên Ba Lan. Karl trả lời Đức Hồng y rằng Augustus đã tự đánh mất quyền làm vua Ba Lan khi khởi động một cuộc chiến mà giới quý tộc không đồng ý. Cách duy nhất mà Ba Lan được hưởng hòa bình là tập hợp Hội đồng, truất phế Augustus rồi bầu lên vua mới. Ông hứa rằng trong khi chờ Hồng y phúc đáp, quân đội Thụy Điển sẽ không xâm phạm biên giới Ba Lan để truy đuổi Augustus.

Karl hy vọng có câu trả lời sớm, nhưng không muốn thúc giục vị Hồng y hoặc Hội đồng. Tuy nhiên nhiều tuần trôi qua, mùa thu đã đến mà vẫn chưa có hồi âm. Rốt cuộc, Karl nhận được lời từ chối: Hội đồng yêu cầu Karl phải tránh ra và để Ba Lan lo chuyện nội bộ; không có bảo đảm gì là Ba Lan sẽ khước từ quân đội Saxony sử dụng lãnh thổ của họ làm căn cứ địa cho chiến dịch năm sau.

Karl giận dữ nhưng không còn thời gian để hành động: đã gần đến mùa đông. Ông lại đưa quân vào trú đông, lần này là trong Công quốc Courland vốn vẫn trung lập nhưng bị bắt buộc phải chi trả chi phí ăn ở cho đoàn quân

không mời mà đến. Vào tháng 11, đoàn quân di chuyển thêm về hướng nam đến Litva.

Chính ở đây, xuất hiện một đặc sứ khác thường của Augustus để mong đem ma lực thuyết phục đặc biệt nhằm quyến rũ Vua Karl XII đạt thỏa hiệp hòa hoãn. Đấy là nữ Bá tước Aurora von Konigsmark, người tình đẹp nhất và nổi tiếng nhất của Augustus. Bà này có mái tóc bạch kim, đôi môi mọng đỏ, đôi mắt yêu kiều, người cao ráo, eo thon; tính tình dí dỏm, hiền lành, có nhiều tài năng. Không khó để nhận ra lý do của Augustus: nếu người đẹp gốc Thụy Điển này làm quen một thời gian với vị vua Thụy Điển hay bẽn lẽn, ngượng ngùng, có lẽ ông sẽ bị khuất phục và mềm lòng. Tuy Karl mới 19 và Aurora đã được 39, sự khác biệt là lợi điểm chứ không phải trở ngại: cái cần thiết cho nhiệm vụ như thế này không chỉ là sắc đẹp mà còn là sự khôn khéo, chín chắn và kinh nghiệm.

Aurora lấy lý do đi thăm viếng nhiều người thân trong số các sĩ quan Thụy Điển trong doanh trại. Vừa lúc mới đến, bà gửi một bức thư đầy lời lẽ tâng bốc vị Vua trẻ tuổi, xin được hân hạnh hôn bàn tay vương giả của ông. Karl nhất quyết từ chối. Không nản lòng, tự tin vào mãnh lực ngoại hình của mình, vị nữ Bá tước ra lệnh cho người đánh xe của bà đi đến một chỗ trên con đường mà nhà Vua cưỡi ngựa qua hằng ngày. Khi Karl đi đến, Aurora xuống xe và quỳ trước chàng kỵ sĩ trên con đường lầy lội. Kinh ngạc, Karl cất mũ chào và cúi mình thấp trên yên ngựa, rồi thúc cho ngựa phóng nước đại. Aurora đã thất bại; Augustus sẽ phải tìm cách khác để đánh lạc hướng hoặc răn đe Karl.

Vài tháng sau, vào mùa xuân 1702, Karl tiến công Ba Lan, hướng đến Warszawa và Krakow, nhất quyết tự thi hành phương án mà người Ba Lan đã khước từ: lật đổ Augustus khỏi ngai vàng Ba Lan. Bên Thụy Điển bị 900

thương vong - kể cả anh rể của Karl, Quận công Friedrich IV Xứ Holstein-Gottorp - để đổi lấy 2.000 quân Saxony thương vong và 2.000 tù binh. Patkul, đại diện của Sa hoàng tại tổng hành dinh của Saxony, phải trốn chạy trên một xe bò của nông dân. Nhưng chiến thắng của Karl không được trọn vẹn: một lần nữa, quân của Augustus đã rút lui để tiếp tục chiến đâu vào một ngày khác.

Thế là, cuộc phiêu lưu của Karl trên đất Ba Lan, bây giờ ám ảnh tâm trí ông, tiếp tục và sẽ kéo dài trong sáu năm nữa. Mặc cho các tỉnh vùng Baltic cầu cứu, Nghị viện Thụy Điển van nài và ngay cả các cố vấn tham mưu, Karl không muốn đi đánh Nga cho đến khi nào ông hoàn toàn rửa hận xong với Augustus. Theo lời của một tướng lĩnh Thụy Điển: "Ông ấy nghĩ rằng trên thế gian này ông thay mặt Thượng Đế để trừng trị tất cả kẻ xảo trá."

Trong thời gian được dễ thở vì Karl bận dẫn quân truy đuổi Augustus qua những khu rừng và đầm lầy của Ba Lan, Nga bắt đầu tạo được những thành tựu nhỏ. Đầu tiên là việc chiến dịch hải quân của Thụy Điển đánh Arkhangelsk không tạo kết quả gì. Kế tiếp là ba chiến công tuy nhỏ nhưng quan trọng của Sheremetyev. Khi Vua Thụy Điển dẫn quân về miền nam đánh đuổi Augustus, Sheremetyev dẫn quân đến đánh Livonia lúc đó đang được 7.000 quân Thụy Điển bảo vệ dưới quyền chỉ huy của Anton von Schlippenbach. Ông này vừa được Karl thăng lên thiếu tướng, nhưng khi xem xét nhiệm vụ phải chống trả toàn quân đội Nga trong một thời gian vô định, vị tướng nói với nhà Vua rằng thay vì được thăng cấp, ông mong có thêm 7.000 quân. Nhà Vua đáp một cách cao ngạo: "Không thể được."

Tháng 1/1702, Sheremetyev có một chiến thắng quan trọng đối với vị tướng không may Schlippenbach. Quân Thụy Điển đã rút vào khu trú đông khi Sheremetyev xuất hiện với 8.000 bộ binh và kỵ binh trong trang phục

mùa đông được 15 khẩu pháo kéo trên xe trượt tuyết bắn yểm trợ. Trong trận chiến kéo dài 4 giờ, bên Nga không những đã đuổi quân Thụy Điển ra khỏi doanh trại mùa đông, mà còn gây 1.000 thương vong theo như Thụy Điển thừa nhận (phía Nga tuyên bố gây thương vong 3.000 và thừa nhận bị tổn thất 1.000). Quan trọng hơn theo ý nghĩa tượng trưng, quân Nga bắt được 350 tù binh Thụy Điển và giải về Moskva.

Khi nhận được tin, Pyotr vô cùng vui sướng và thốt lên: "Cảm ơn Thượng Đế! Rốt cuộc chúng ta đã có thể thắng Thụy Điển." Ông thăng Sheremetyev lên nguyên soái và ban thưởng cho ông này Huân chương Sankt-Andrei cùng chân dung của nhà nguyên soái mới đính bằng kim cương. Các sĩ quan của Sheremetyev cũng được thăng quân hàm, còn mỗi binh sĩ nhận một đồng tiền rúp mới mà Nga vừa đúc được. Ở Moskva, chuông nhà thờ đổ dồn, đại bác bắn chào mừng. Pyotr tổ chức yến tiệc lớn trên Quảng trường Đỏ và ra lệnh bắn pháo bông. Khi tù binh Thụy Điển đến, Pyotr tổ chức đoàn diễu hành để dẫn họ đi vào thành phố. Tinh thần của người Nga, đã xuống thấp từ Trận Narva, bây giờ bắt đầu lên.

Mùa hè kế tiếp, tháng 7/1702, Sheremetyev lại tấn công Schlippenbach ở Livonia. Lần này đội quân 5.000 người của Thụy Điển bị đánh gần như tan tành: 2.500 thương vong, 300 bị bắt cùng với pháo và cờ xí. Bên Nga bị mất 800 người.

Sau trận này, quân cơ động của Schlippenbach không còn xuất hiện; cả vùng Livonia xem như bỏ ngỏ ngoại trừ các căn cứ cố định ở Riga, Pernau và Dorpat. Quân của Sheremetyev, và đặc biệt kỵ binh Kalmuck và Cossack tự do tung hoành khắp nơi, đốt phá làng mạc và thị trấn, bắt đi hàng nghìn dân thường. Thế là, cuộc chiến của Patkul nhằm giải phóng Livonia lại gây đổ nát cho quê hương ông. Vì có quá nhiều dân thường bị bắt về doanh trại

của Nga nên họ bị đem bán làm nô lệ. Sheremetyev biên thư cho Pyotr để xin ý kiến:

> Tôi đã điều dân Cossack và Kalmuck đi các nông trang khác nhau để làm lạc hướng quân địch. Nhưng tôi phải làm gì với những người bị tôi bắt? Nhà tù đang chật ních những người này, chưa tính đến những người được giao cho các sĩ quan. Có mầm mống nguy hiểm vì họ tỏ ra u phiền và giận dữ… Tốn nhiều tiền để nuôi ăn cho họ… Tôi đã chọn ra hàng trăm gia đình người địa phương giỏi nhất làm đồ mộc hoặc có kỹ năng trong các ngành công nghiệp khác - tất cả khoảng 400 người có tay nghề - để gửi đến Azov.

Trong số những người bị bắt có một cô gái 17 tuổi thất học mà Sheremetyev không gửi đi Azov nhưng giữ lại trong nhà ông. Với thời gian, cô gái này sẽ thăng tiến. Martha Skavronskaya, theo nhũ danh của cô, sẽ gia nhập đám gia nhân của Hoàng thân Menshikov, trở thành người tình của Pyotr, rồi người vợ của Sa hoàng, và cuối cùng, chính cô sẽ là quân vương: Nữ Hoàng đế Ekaterina I của nước Nga.

Cùng với những chiến thắng trên bộ, tâm tư của Pyotr không bao giờ rời xa biển, và ông đã có sáng kiến nghĩ ra cách thức để tấn công Thụy Điển trên Biển Baltic bằng cách sử dụng tàu nhỏ đi trên sông hồ. Trong khi Thụy Điển chiếm ưu thế về loại chiến hạm thông thường, Pyotr xây một đội đông đảo loại thuyền nhỏ hơn nhằm áp đảo quân thù bằng số lượng. Ông cho đóng loại thuyền này - do người chèo và chỉ có một cột buồm - trên Hồ Ladoga, hồ lớn nhất Châu Âu, nơi một đội thuyền galê và tàu chiến nhỏ 2 cột buồm của Thụy Điển đồn trú.

Ngày 20/6/1702, nơi đầu cực nam của hồ này, 400 quân Nga đi trên 18 thuyền nhỏ tấn công 3 thuyền galê và 3 tàu chiến nhỏ. Bên Thụy Điển bị thất thế: thuyền của họ đang thả neo và binh sĩ của họ đang lên bờ cướp phá một ngôi làng thì quân Nga tràn đến. Soái hạm của Thụy Điển - một tàu chiến được trang bị 12 đại bác - bị hư hại nên quân Thụy Điển phải rút lui. Ngày 7/9, cùng đội tàu Thụy Điển này bị tấn công, lần này có 30 thuyền Nga tham dự. Bị thuyền của Nga quấy nhiễu như đàn sói, Đô đốc Nummers của Thụy Điển không thể giữ vững vị trí mà phải rút về đầu cực bắc của hồ. Việc này mở đường cho quân Nga tiến công mạnh thêm, dẫn đến chiến thắng quan trọng ở Nöteborg vào mùa thu.

Đồng thời, quân Nga áp dụng cùng chiến thuật trên Hồ Peipus, phía nam Narva. Ngày 31/5/1702, gần 100 thuyền Nga tấn công bốn tàu lớn của Thụy Điển, bị chìm 3 chiếc nhưng cũng khiến cho Thụy Điển phải rút về đầu cực bắc của hồ này. Vào hai ngày 20/6 và 21/7, hai tàu Thụy Điển chuyên dụng chở hàng hậu cần và đạn dược bị các thuyền nhỏ của Nga tấn công. Một chiếc bị mắc cạn, bị bỏ phế sau khi thuyền trưởng ra lệnh vứt tất cả súng xuống nước. Chiếc kia bị quân Nga tràn lên đốt cháy. Kết quả là quân Thụy Điển rút hoàn toàn khỏi Hồ Peipus năm 1702. Năm sau, họ trở lại với lực lượng hùng mạnh hơn, bắn chìm 20 thuyền Nga và giành lại quyền kiểm soát hồ.

Nhưng năm 1704, bên Nga lật ngược tình thế một lần cuối: để đón đầu một hạm đội Thụy Điển đang thả neo trên Sông Embach gần Dorpat, họ dùng dây xích chắn ngang cửa sông và đặt pháo trên bờ, phía sau dây xích là 200 thuyền Nga sẵn sàng chờ đợi tàu Thụy Điển nào có thể thoát qua. Khi 13 tàu Thụy Điển đi xuống con sông, dòng nước cuốn họ va vào dây xích mà không tài nào kiểm soát được, rồi bị pháo Nga bắn tới tấp. Binh sĩ

Thụy Điển đổ bộ lên bờ, cố gắng tiến đánh một khẩu đội pháo Nga và cuối cùng mở đường máu về Dorpat. Nhưng tất cả tàu Thụy Điển đều bị bắn chìm, hải quân Thụy Điển không còn hiện diện ở Hồ Peipus nữa.

Cuối năm 1704 đó, quân Nga chiếm được cả Narva và Dorpat.

Mùa xuân 1702, Nga nhận được tin tình báo cho biết Thụy Điển đang chuẩn bị một cuộc tấn công lớn vào Arkhangelsk trong mùa hè. Pyotr quyết định đi đến Arkhangelsk để đảm bảo cảng biển duy nhất vẫn còn trong tay Nga. Cuối tháng 4, ông dẫn theo Hoàng Thái tử Aleksei cùng 5 lữ đoàn Cảnh vệ gồm tất cả 4.000 người. Khi ông đến, công cuộc phòng thủ đã sẵn sàng, họ bắt đầu chờ đợi. Trong gần 3 tháng, Pyotr lại lao vào việc đóng tàu, hạ thủy hai chiếc và đặt ki cho một tàu chiến có 26 đại bác.

Tháng 8/1702, đoàn thương thuyền Hà Lan và Anh đến theo thông lệ hằng năm, nhưng lần này đông hơn vì tất cả hoạt động xuất nhập khẩu của Nga qua các cảng của Thụy Điển ở Biển Baltic bây giờ được chuyển đến Arkhangelsk. Cùng với hàng hóa, các thương thuyên cũng mang theo tin tức là phía Thụy Điển đã từ bỏ hẳn ý định tấn công Arkhangelsk mùa hè năm ấy. Pyotr lập tức đi về nam. Khi đến bờ bắc của Hồ Ladoga, ông ra lệnh cho Sheremetyev ở Livonia và Pyotr Apraksin ở Ingria hội quân với ông và quân Cảnh vệ nhằm kiểm soát toàn diện hồ này bằng cách chiếm lấy pháo đài Thụy Điển ở Nöteborg, nơi Hồ Ladoga chảy vào Sông Neva.

Nöteborg là một pháo đài kiên cố, khởi đầu được xây vào thế kỷ 14. Bằng cách không chế cửa sông, nó kiểm soát mọi con đường thương mại từ Biển Baltic đi lên Hồ Ladoga và qua hệ thống sông ngòi để vào trong đất liền. Bên nào kiểm soát Nöteborg sẽ kiểm soát con đường thương mại kéo dài đến phương Đông. Khi bị Thụy Điển chiếm vào năm 1611, nó là rào chắn giữa đất Nga và Biển Baltic. Bây giờ, bức tường thành dày và sáu tháp

công sự của nó được trang bị với 142 khẩu đại bác. Đội quân trấn giữ chỉ có 450 người, nhưng dòng nước chày xiết khiến cho tàu thuyền khó tiếp cận ngay cả khi không có đạn pháo rơi lên đầu.

Pyotr cảm thấy phấn khởi với viễn cảnh chiếm được tòa pháo đài. Một khi binh sĩ và đại bác của Nga đã bố trí xong xuôi, số phận của tòa pháo đài hẻo lánh xem như đã bị định đoạt, không trông mong gì được cứu viện. Mặt hồ phủ đầy thuyền nhỏ của Nga chở binh sĩ sẵn sàng mở cuộc tấn công. Quân Nga đặt những ụ súng cối phía sau công sự xây bằng đất dọc hai bên bờ sông - bờ nam chỉ cách mục tiêu tấn công không đầy 300 mét. Đợt hãm thành đầu tiên của đoàn thuyền và binh sĩ leo thang dây bị đẩy lui, nhưng súng cối mở cuộc pháo kích dữ dội, bắn phá bức tường thành. Đến ngày thứ ba, người vợ của một sĩ quan Thụy Điển gửi thư đến doanh trại Nga, yêu cầu cho phép các bà vợ của sĩ quan Thụy Điển được rời khỏi thành. Pyotr đích thân phúc đáp, giải thích với giọng văn galăng pha châm biếm rằng ông ghét cách ly phụ nữ Thụy Điển khỏi người chồng của họ; ông bảo dĩ nhiên họ có thể rời đi với điều kiện là họ dẫn chồng đi theo. Một tuần sau, nghĩa là sau 10 ngày bắn phá, những người còn sống sót trong tòa pháo đài phải chịu đầu hàng.

Pyotr vô cùng vui sướng với việc đội quân mới và những khẩu pháo mới làm từ chuông nhà thờ Nga chiếm được pháo đài quan trọng đầu tiên từ tay Thụy Điển. Ông đón nhận chiếc chìa khóa từ tay vị chỉ huy Thụy Điển đầu hàng rồi gắn nó lên lô cốt phía tây của pháo đài, và đổi tên của pháo đài thành Shlisselburg, từ chữ Đức *schlüssel* có nghĩa là "chìa khóa", cũng có ý nghĩa pháo đài là chìa khóa mở ra Biển Baltic. Aleksandr Menshikov được cử làm Tổng trấn Shlisselburg. Từ đấy về sau, thành Shlisselburg luôn chiếm một chỗ trong tim của Pyotr. Mỗi khi ông hiện diện trong vùng này

vào dịp ngày 22/10, là ngày kỷ niệm chiến thắng, ông đều dẫn khách của mình hoặc có khi cả triều đình đến đây để tổ chức ăn mừng và yên tiệc.[117]

Sự thất thủ của Noteborg-Shlisselburg là thất bại nặng nề cho Thụy Điển vì họ đã mất đi bức tường chặn Nga tiến ra Neva và cả Tỉnh Ingria. Lúc ấy đang chinh chiến ở Ba Lan, Karl XII ý thức được tầm quan trọng khi nhận được tin do Bá tước Piper buồn rầu mang đến. Nhà Vua nhẹ nhàng nói: "Hãy tự an ủi, ông Piper thân yêu. Quân thù sẽ không thể mang nó đi theo." Tuy thế vào những dịp khác, nhà Vua nói một cách cứng rắn rằng bên Nga sẽ phải trả giá cao cho Noteborg.

Mùa xuân năm sau, năm 1703, trong khi Karl vẫn còn ở Ba Lan, Pyotr dứt khoát "không để mất thời giờ mà Thượng Đế đã ban", ra lệnh tấn công trực diện để tạo dựng miền đất Nga trên bờ Biển Baltic. Sheremetyev dẫn một cánh quân từ Shlisselburg đi dọc bờ bắc Sông Neva để tiến ra biển; Pyotr dẫn 60 chiếc thuyền từ Hồ Ladoga xuống. Dòng Neva chỉ dài hơn 70 kilômét, không hẳn là sông mà thật ra là một dòng thác rộng với nước chảy xiết từ Hồ Ladoga đổ ra Vịnh Phần Lan. Dọc đường, họ không gặp sự kháng cự nào đáng kể của Thụy Điển. Ngày 12/5/1703, quân Nga chiếm được một căn cứ nhỏ của Thụy Điển là Nyenskans, cách bờ biển 10 kilômét.

Vào buổi tối, sau khi chiếm được Nyenskans, bên Nga nhận được tin một hạm đội Thụy Điển đang tiến lên trong vịnh. Đô đốc Nummers chỉ huy 9 chiếc tàu xuất hiện ngoài cửa Sông Neva và cho bắn hai phát đại bác để báo tin với đồng đội ở Nyenskans. Bên Nga bắn đại bác đáp lại để đánh lừa. Vẫn chưa chắc chắn, Nummers cử một chiếc thuyền tiến vào sông để dò xét. Chiếc thuyền bị bắt. Ba ngày sau, vẫn còn hoang mang, Nummers lại cử tiếp hai tàu nhỏ đi vào sông để tìm hiểu thực hư. Hai chiếc tàu đi ngược

dòng nước chảy xiết rồi đến thả neo ở Đảo Vasilevsky. Trong khi ấy, Pyotr và Menshikov đưa hai lữ đoàn Cảnh vệ xuống 30 thuyền lớn, xuôi dòng Neva rồi ẩn náu giữa vô số hòn đảo. Bình minh ngày 18/5, quân Nga thình lình xuất hiện, chèo đến tấn công tàu Thụy Điển từ mọi phía. Trận chiến diễn ra khốc liệt: bên Thụy Điển nã đại pháo nhằm bắn các thuyền Nga vây quanh, còn bên Nga đáp trả bằng lựu đạn và súng nòng dài. Rốt cuộc, đội quân của Pyotr đoạt được hai tàu Thụy Điển và bắt số ít binh sĩ còn sống sót làm tù binh. Quân Nga dẫn hai con tàu và tù binh về Nyenskans, bây giờ có tên mới là Sloteburg. Pyotr hồ hởi với trận đánh hải quân đầu tiên mà ông đích thân tham dự, vì thế cả ông và Menshikov được trao tặng Huân chương Sankt-Andrei.

Với chiến thắng này, Pyotr đạt được mục đích - ít nhất là tạm thời - mà theo đó ông đã tuyên chiến. Ông đã chiếm được trọn chiều dài của Sông Neva và lấy lại đường thông ra Biển Baltic. Tỉnh Ingria đã về lại tay Nga. Trong cuộc diễu hành chiến thắng đi về Moskva, có một biểu ngữ vẽ bản đồ của Ingria với câu chú thích: “Chúng ta không lấy đất của người khác, mà nhận thừa kế từ tổ tiên ta.”

Khi chiếm được cái gì, Pyotr củng cố cái ấy ngay lập tức. Ông đã mơ đến việc xây dựng một thành phố bên bờ biển - một cảng mà từ đấy tàu thuyền Nga và hàng hóa Nga sẽ đi ra những đại dương của thế giới. Vì thế ngay khi đã tạo được chân đứng trên bờ Biển Baltic, ông bắt đầu xây dựng thành phố của mình. Đối với nhiều người, đây là việc điên rồ, một việc làm quá sớm, chỉ phí công vô ích. Ông chỉ mới đặt được một ngón chân, lại là một ngón chân không chắc chắn: Karl đang ở phương xa nhưng chưa bao giờ bị đánh bại. Một ngày nào đó, chắc chắn vị vua này sẽ đến giật lại cái

mà Pyotr đã chiếm sau lưng ông ta. Lúc ấy, thành phố này, qua bao kỳ công xây đắp, sẽ chỉ là một thị trấn khác của Thụy Điển trên bờ Biển Baltic.

Pyotr đã quyết định đúng đắn. Quân Thụy Điển quả thực có trở lại, nhưng đều bị đánh lui từ lần này qua lần khác. Qua nhiều thế kỷ, đã có nhiều đoàn quân hùng mạnh - của Karl XII, Napoléon, Hitler - xâm lăng nước Nga, nhưng không ai có thể chiếm lấy thành phố cảng Baltic của Pyotr, tuy quân Đức Quốc xã bao vây thành phố suốt 900 ngày trong Chiến tranh Thế giới II.

Từ ngày Pyotr Đại đế đặt chân lên cửa Sông Neva, vùng đất và thành phố vươn lên nơi đây lúc nào cũng nằm trong tay người Nga.

116. Đó là Chiến tranh Kế vị Tây Ban Nha. (ND)

117. Trong bản kế hoạch công hãm Noterborg, Pyotr ghi chú: “Theo cách này, với ân điển của Thượng Đế, ta sẽ thu hồi pháo đài của ta sau chín mươi hai năm nằm trong tay quân thù.” Sau khi chiếm lại được pháo đài, Pyotr cho đúc một kỷ niệm chương mang dòng chữ “Trong tay quân thù chín mươi năm”. Hiện nay, Shlusselburg mang tên Petrokrepost. (ND)

27 SỰ KHAI SINH CỦA SANKT-PETERBURG

Có lẽ đây là do tình cờ. Lúc đầu, Pyotr đã không có ý nghĩ xây một thành phố - huống hồ lại là thủ đô - trên bờ Sông Neva. Ông muốn trước nhất có một pháo đài nhằm bảo vệ cửa khẩu để tàu buôn giao dịch với Nga có thể tránh đi vòng đến Arkhangelsk. Có lẽ nếu chiếm được Riga trước, ông hẳn đã không bao giờ cho xây Sankt-Peterburg. Riga đang là một cảng sầm uất, là một trung tâm lớn cho nền thương mại Nga, và thời gian bị đóng băng ngắn hơn 6 tuần so với cửa sông Neva. Nhưng mãi đến năm 1710, Riga mới rơi vào tay Pyotr. Sankt-Peterburg là địa điểm đầu tiên Pyotr đặt chân đến bờ Biển Baltic. Ông không muốn chờ đợi; ai biết tương lai sẽ ra sao? Nắm bắt lấy thời cơ, như ông vẫn thường làm thế, ông bắt đầu việc xây dựng.

Sankt-Peterburg có nhiều điểm độc đáo. Những quốc gia khác, trong giai đoạn phôi thai phấn khởi hoặc trong cơn cải cách điên cuồng, đã kiến tạo thủ đô mới trên vùng đất trống của họ: Washington của Mỹ, Ankara của Thổ Nhĩ Kỳ và Brasilia của Brasil chẳng hạn. Nhưng không có quốc gia nào xây dựng một thủ đô mới trong thời kỳ chiến tranh, trên mảnh đất vẫn còn thuộc về một kẻ thù hùng mạnh, chưa bị đánh bại. Hơn nữa, năm 1703 đã là quá muộn trong lịch sử Châu Âu để tạo dựng một thành phố lớn. Vào

lúc này, những thành phố lớn đã mọc lên ngay cả ở các thuộc địa của Châu Âu bên Châu Mỹ: New York đã được 77 năm, Boston 73 năm, Philadelphia 60 năm. Và Sankt-Peterburg, trong 200 năm là thủ đô của đế quốc Nga, nằm xa nhất về phía bắc so với tất cả thành phố lớn trên thế giới.

Khi Pyotr đi xuyên qua rừng và đến cửa sông Neva, ông thấy mình đứng giữa một vùng đầm lầy hoang dã, bằng phẳng, vắng ngắt Ở vùng cửa sông Neva, dòng nước chảy vòng lên hướng bắc theo hình chữ S ngược rồi hướng về phía tây để đổ ra biển, ở đoạn 8 kilômét cuối, con sông chia ra bốn nhánh với nhiều dòng nước nhỏ cắt ngang vùng đầm lầy tạo ra hàng chục hòn đảo bao phủ bằng bụi rậm và rừng cây thấp. Năm 1703, cả vùng bị ngập nước. Vào mùa xuân, sương mù từ tuyết và băng đang tan chảy bao phủ dày đặc. Khi ngọn gió tây nam từ ngoài Vịnh Phần Lan thổi vào, con sông bị ứ nước và nhiều hòn đảo chìm trong biển nước. Ngay cả các thương nhân trong nhiều thế kỷ đi trên Sông Neva để vào đất Nga vẫn chưa hề xây một khu dân cư nào ở đây: vùng đất quá hoang dã, quá ẩm thấp, tóm lại là không thích hợp cho con người đến ở. Trong tiếng Phần Lan, chữ neva có nghĩa là "đầm lầy". Nhưng trong ý nghĩ của Pyotr, con sông chảy xiết rộng hơn Sông Thames ở London trông thật tuyệt vời. Chính trên hòn đảo có tên Zayachy (có nghĩa: con thỏ) nằm giữa dòng sông, Pyotr quyết định xây một pháo đài lớn để bảo vệ vùng cửa sông vừa mới chiếm được.

Việc động thổ xảy ra ngày 16/5/1703, là ngày khai sinh ra Thành phố Sankt-Peterburg. Có một truyền thuyết kể rằng Pyotr mượn khẩu súng hỏa mai của một binh sĩ và dùng lưỡi lê cắm trên đầu súng để cắt lấy hai dải đất trên Đảo Zayachy. Đặt hai dải đất theo hình thập tự, ông nói: "Thị trấn sẽ là ở đây." Binh sĩ Nga đào một con rãnh trong đó Pyotr đặt một chiếc hộp đựng di vật của tông đồ Andrei - vị thánh bảo trợ nước Nga. Chuyện kể

rằng đúng lúc ấy, có một con ó lượn xuống ngang qua đầu Pyotr rồi bay lên phía trên hai ngọn cây đã được buộc vào nhau để tạo nên một cái vòm. Về sau, cái vòm này trở thành vị trí cho cổng chính của tòa pháo đài.

Tòa pháo đài - được đặt tên là "Petropavlovsk" theo hai vị thánh Pyotr và Pavel - chiếm cả hòn đảo. Vì mặt nền hòn đảo chỉ là đầm lầy trũng, cần phải chở đất đến để tôn nền lên khỏi mặt nước. Công nhân Nga không có dụng cụ gì khác hơn là cuốc và xẻng. Không có xe cút kít, họ phải cho đất vào vạt áo hoặc túi vải thô, mang đến đổ để tạo nên thành lũy.

Tuy trải qua bao khó khăn, trong vòng 5 tháng, tòa pháo đài bắt đầu thành hình. Nó có hình lục giác dài với sáu công sự lớn, mỗi công sự được xây dưới sự đôn đốc của một trong những người bạn thân nhất của Sa hoàng và được đặt tên theo họ: Menshikov, Golovin, Zotov, Trubetskoy và Kyril Naryshkin - cha đẻ của Hoàng Thái hậu Natalia. Công sự thứ sáu được chính Pyotr đôn đốc và được đặt theo tên ông. Ban đầu, pháo đài được xây bằng đất nện và gỗ; sau này Pyotr ra lệnh xây lại tường lũy bằng đá, vươn cao hơn mặt nước 10 mét.[118]

Ngay bên ngoài pháo đài là ngôi nhà một tầng, xây bằng gỗ xẻ, nơi Pyotr cư ngụ trong khi công việc đang tiến hành. Được quân đội xây trong vòng ba ngày, nhà dài 17 mét, rộng 6 mét, có ba phòng: phòng ngủ, phòng ăn và phòng làm việc. Không có lò sưởi và ống khói, vì Pyotr định chỉ đến ở trong mùa hè. Điểm đặc biệt của ngôi nhà là do Pyotr cố gắng trang trí loại nhà gỗ súc để trông có vẻ sáng hơn: các cửa sổ rộng, với mắt cáo theo kiểu Hà Lan, ván lợp được đặt theo chiều hướng thích hợp và được sơn màu cho giống ngói, tường gỗ được bào nhẵn rồi kẻ chỉ trắng để trông giống tường gạch. Ngôi nhà cổ xưa nhất của thành phô này vẫn còn được bảo tồn cho đến ngày nay.

Công việc xây pháo đài được tiến hành khẩn trương vì trong những năm này Pyotr không bao giờ biết khi nào quân Thụy Điển sẽ trở lại. Đúng thế: môi mùa hè họ đều trở lại. Năm 1703, trong vòng một tháng sau khi Pyotr chiếm được vùng châu thổ, một đội quân Thụy Điển gồm 4.000 người tiến đến từ hướng bắc và cắm trại trên bờ bắc của Sông Neva.

Ngày 7/7, Pyotr đích thân dẫn đầu sáu trung đoàn - bốn kỵ binh và hai bộ binh, tất cả gồm 7.000 người - đánh lui quân Thụy Điển. Ông luôn ở dưới làn đạn, và Patkul khi tháp tùng ông đã phải nhắc nhở Pyotr cần bảo trọng. Patkul kể:

> Ông ấy cũng có thể chết như bao người khác; một viên đạn có thể làm rối loạn cả đội quân hoặc đưa đất nước vào vòng nguy hiểm.

Cũng trong mùa hè này, Đô đốc Thụy Điển Summers luôn giữ 9 tàu chiến thả neo ở cửa sông Neva, ngăn chặn lối ra vịnh và chờ cơ hội đi vào sông để đánh đuổi quân Nga. Trong lúc này, Pyotr đã trở lại xưởng đóng tàu trên Hồ Ladoga để đốc thúc. Cuối cùng, một số tàu - trong đó có tàu khu trục Standard - xuôi dòng sông xuống đậu bên ngoài pháo đài mới. Vì không muốn thách thức với hạm đội mạnh hơn của Summers, tàu Nga đậu một chỗ để chờ đến mùa đông khi tàu Thụy Điển phải rút về. Khi ấy, Pyotr đi trên chiếc *Standard* tiến ra Vịnh Phần Lan.

Đây là một khoảnh khắc lịch sử: chuyến hải hành đầu tiên của một Sa hoàng nước Nga trên một tàu của Nga trên Biển Baltic. Dù mặt nước đã bắt đầu đóng băng, Pyotr vẫn náo nức muốn khám phá. Khi tàu ra khỏi Sông Neva và đi về hướng tây, ngay trước mặt, chỉ cách cửa sông Neva 25 kilômét, ông thấy một hòn đảo sau này được Nga gọi là Kotlin, là nơi xây

dựng pháo đài và căn cứ hải quân Kronstadt. Đi vòng quanh đảo và đo độ sâu của nước bằng một sợi dây buộc chỉ trong tay, ông thấy vùng nước phía bắc quá cạn, nhưng phía nam là một luồng chạy xuyên suốt đến cửa sông. Để bảo vệ luồng nước này và để xây dựng công sự tiền đồn cho một công trình lớn hơn ông đang xây trên Đảo Kotlin, Pyotr ra lệnh xây một pháo đài giữa con sông, ở rìa luồng nước. Đây là một việc khó khăn: phải cho đá vào rọ, rồi kéo rọ đá đi qua băng cứng và nhấn chìm dưới những đợt sóng. Nhưng vào mùa xuân, một công sự nhỏ được trang bị với 14 khẩu đại bác vươn lên từ mặt nước.

Ngay từ lúc đầu, Pyotr đã muốn chân đứng của Nga trên bờ Biển Baltic sẽ trở thành một cảng thương mại và đồng thời là căn cứ hải quân. Ông ra lệnh liên hệ với các nước để khuyến khích họ sử dụng cảng mới. Con tàu đầu tiên là một tàu hàng Hà Lan, cập cảng vào tháng 11/1703, chỉ 6 tháng sau khi cảng mới nằm trong tay Nga. Nhận được tin con tàu đã đến cửa sông, Pyotr ra đón và đích thân lái con tàu đi lên thượng lưu. Sự ngạc nhiên thú vị của viên thuyền trưởng về thân thế của người lái tàu ngang bằng sự mừng vui của Pyotr khi được biết con tàu chở hàng của người bạn ông ở Zaandam. Viên thuyền trưởng được chiêu đãi và thưởng tiền, con tàu nhận vinh dự được đổi tên thành Sankt-Peterburg và vĩnh viễn được miễn trừ mọi loại thuế quan của Nga.

Chẳng bao lâu, một tàu Hà Lan và một tàu Anh nối gót, để được tưởng thưởng theo cách tương tự. Từ đó trở về sau, Sa hoàng làm mọi cách có thể để khuyến khích tàu nước ngoài sử dụng cảng Sankt-Peterburg. Ông giảm phí qua cảng xuống đến không bằng phân nửa so với phí ghé qua các cảng do Thụy Điển kiểm soát. Ông hứa sẽ đưa hàng hóa sang Anh với giá rất thấp, miễn là phía Anh đến nhận hàng ở Sankt-Peterburg thay vì

Arkhangelsk. Sau này, ông sẽ dùng quyền uy Sa hoàng của mình để chuyển phần lớn lượng sản phẩm vốn xuất ra Bắc Băng Dương qua cảng mới trên Biển Baltic.

Để củng cố sự kiểm soát vùng đất mới, Pyotr cũng nỗ lực đóng thêm tàu trên Hồ Ladoga. Nhưng hồ này có sóng gió to; đã có nhiều tàu bị mắc cạn khi tiến gần đến pháo đài Shlisselburg nơi Hồ Ladoga chảy vào Sông Neva. Pyotr giải quyết vấn đề bằng cách dời xưởng đóng tàu xuống Sankt-Peterburg để không phải di chuyển tàu mới đóng trên Sông Neva. Tháng 11/1704, ông đặt móng cho xưởng đóng tàu mới trong Bộ Tư lệnh Hải quân trên bờ trái của Sông Neva, ngay phía hạ lưu của Pháo đài Petropavlovsk. Lúc đầu, Bộ Tư lệnh Hải quân chỉ là một lán trại nhỏ. Ở khu trung tâm, được dùng làm văn phòng va sau này là tổng hành dinh của hạm đội Nga, vươn lên một tòa tháp cao, trên cùng là một chong chóng gió hình chiếc thuyền. Đến đầu thế kỷ 19, Bộ Tư lệnh Hải quân được xây lại bằng gạch và đá, nhưng khuôn viên hình chữ nhật, tòa tháp và chong chóng gió được giữ lại. Hiện nay, hai tòa tháp của Bộ Tư lệnh Hải quân và Thánh đường Pháo đài, đối diện nhau qua Sông Neva, là hai kiến trúc nổi lên trên nền trời ở đây.

Trong những năm tiếp theo, Thụy Điển nhiều lần tấn công và quấy rối thành phố mới qua đường bộ lẫn đường biển, nhưng đều bị đẩy lui.

Với thời gian trôi qua, tầm nhìn của Pyotr về Sankt-Peterburg trở nên rộng hơn. Ông thấy nó không chỉ là pháo đài kiểm soát cửa Sông Neva, hoặc ngay cả cảng hàng hải và căn cứ hải quân. Ông bắt đầu xem nó như là một thành phố. Đúng lúc này, một kiến trúc sư người Ý - Domenico Trezzini, người đã xây cho Vua Frederick IV của Đan Mạch một cung điện lộng lẫy - có mặt ở Nga. Ông đã ký hợp đồng nhận chức vụ Tổng Quản trị

phụ trách xây dựng tòa nhà và pháo đài. Pyotr nhanh chóng điều ông đến Neva để giám sát tất cả hoạt động thi công ở đây. Trong chín năm, Trezzini để lại dấu ấn ở đây. Trong khi công nhân đang khổ nhọc với phần móng bằng đất nện của tòa pháo đài, Trezzini bắt đầu xây một ngôi nhà thờ nhỏ giữa các bức tường thành. Năm 1713, bắt đầu việc thi công Thánh đường Petropavlovsk với ngọn tháp dát vàng kiểu Đức vươn cao 120 mét, vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay.

Những hoạt động xây dựng không ngừng nghi đòi hỏi nguồn nhân lực kinh khủng. Để đóng cừ xuống vùng đầm lầy, đẵn và kéo gỗ, di chuyển đá, phá rừng, đào bạt đồi, xẻ đường, xây bến cảng và nhà kho, dựng lên lô cốt xây nhà và cơ xưởng, đào kênh, tất cả đều phải huy động sức người. Để cung ứng nguồn nhân công này, Sa hoàng ra chỉ dụ từ năm này qua năm khác triệu thợ mộc, thợ cắt đá, thợ nề, và nhất là công nhân không tay nghề từ nông thôn đến làm việc ở Sankt-Peterburg. Từ mọi miền đất nước, từng dòng người khốn khổ - Cossack, Siberia, Tatar, Phần Lan - đổ về Sankt-Peterburg. Họ được cấp chi phí sinh sống trong sáu tháng, sau đấy nếu còn sống sót thì được phép trở về nhà, để rồi vào mùa hè năm sau dòng người mới đến thay thế. Viên chức địa phương và giới quý tộc được Sa hoàng giao nhiệm vụ tuyển mộ và gửi công nhân phàn nàn rằng hàng trăm làng mạc đang khốn khó vì bị mất nguồn nhân lực giỏi nhất, nhưng Pyotr không muốn nghe.

Điều kiện cực khổ thật là đáng sợ. Công nhân sống trong lều trại chật chội, sơ sài trên nền đất ẩm ướt. Bệnh suy dinh dưỡng, kiết lỵ, sốt rét và những loại bệnh khác đốn ngã họ hàng loạt. Trợ cấp thì thất thường, liên tục có nhiều người bỏ trốn. Không thể biết được con số chính xác số người chết trong khi xây lên thành phố - vào thời của Pyotr được ước đoán là 100.000.

Về sau, con số thấp hơn nhiều, có lẽ từ 25.000 đến 30.000, nhưng ai cũng đồng ý với lời nhận xét rằng "Sankt-Peterburg là thành phố được xây trên những nắm xương tàn."

Cùng với việc huy động sức người, còn cần phải mang vật liệu xây dựng đến. Vùng đầm lầy xung quanh châu thổ Sông Neva không thể cung cấp gỗ cỡ lớn, và không có mỏ đá. Những tảng đá đầu tiên của thành phố là từ việc phá hủy pháo đài và thị trấn Nyenskans của Thụy Điển lúc trước phía thượng lưu. Trong nhiều năm, mỗi xe đẩy, mỗi xe ngựa kéo, mỗi tàu hàng Nga đi đến thành phố được đòi hỏi phải chở một lượng đá theo quy định cùng với hàng hóa thông thường. Một văn phòng: đặc biệt ở mỗi bến cảng và cổng vào có nhiệm vụ tiếp nhận số đá này, nếu không có đá thì không cho phép xe hoặc tàu đi vào. Đôi lúc, khi nhu cầu về đá tăng vọt, cần có nhân viên cấp cao để quyết định mỗi tảng đá sẽ được dùng ở nơi nào.

Để tiết kiệm gỗ hầu dồn cho công tác xây dựng, Pyotr ra lệnh cấm đốn gỗ trong vùng và nấu nước bồn tắm quá một lần mỗi tuần. Năm 1714, khi thấy việc xây dựng Sankt-Peterburg bị chậm trễ vì thiếu đá, Sa hoàng ra chỉ dụ là, cho đến khi có lệnh mới, cấm dùng đá để xây nhà; ai vi phạm sẽ bị tịch thu tài sản và đi đày. Không lâu sau đấy, hiệu lực của chỉ dụ này được mở rộng cho toàn nước Nga. Điều không tránh khỏi xảy ra: thợ nề, thợ xây đá khắp nước Nga mang đồ lề của họ đi đến Sankt-Peterburg để tìm việc làm.

Thành phố cần có người sinh sống nhưng không mấy ai tình nguyện đến sống ở đây. Vì thế, Sa hoàng cũng phải hành xử uy quyền để giải quyết vấn đề này. Tháng 3/1708, Sa hoàng "mời" em gái Natalia, hai người chị cùng cha khác mẹ là Công chúa Maria và Công chúa Fyodosia Alekseyeva, hai Hoàng tẩu[119] Martha và Praskovaya, cùng với hàng trăm nhân vật quý tộc,

nhân viên cấp cao và thương nhân giàu có, đến sống cùng ông ở Sankt-Peterburg; không ai được phép viện bất kỳ lý do tuổi tác, bận rộn hoặc sức yếu để thoái thác. Họ đành phải miễn cưỡng đến. Đã quen với cuộc sống thoải mái trong vùng đồng quê quanh Moskva nơi họ có biệt thự rộng rãi, phẩm vật phong phú và rẻ tiền, bây giờ họ bắt buộc phải xây nhà mới với chi phí cao trên vùng đầm lầy cách xa hàng nghìn kilômét. Họ phải trả giá cắt cổ để mua thực phẩm cách xa hàng trăm kilômét, và nhiều người đã tính ra rằng họ đã phải tiêu tốn hai phần ba gia tài họ có. Ai nấy đều ghét sông biển mà Sa hoàng say mê, chỉ đặt chân xuống thuyền khi bị bắt buộc. Tuy thế họ đến vì không có chọn lựa nào khác.

Đi theo họ là thương nhân và chủ cửa hiệu, những người tìm được nguồn an ủi vì có thể bán hàng hóa của họ với giá cao. Nhiều công nhân thuộc các sắc tộc khác nhau, sau khi đã hoàn tất thời gian lao động bắt buộc, tình nguyện ở lại vì không muốn hoặc không thể đi một quãng đường xa để về nhà. Họ nhận công việc xây dựng các khu gia cư mà Sa hoàng giao cho giới quý tộc thực hiện. Dần dà, hàng nghìn công nhân như thế định cư hẳn ở Sankt-Peterburg và tự xây dựng nhà cửa cho họ. Pyotr khuyến khích việc này bằng cách đến đặt viên đá đầu tiên và uống một ly rượu chúc mừng chủ nhân mới mỗi khi được mời.

Không ai được tự quyết định vị trí hoặc kiểu dáng ngôi nhà của mình. Giới quý tộc và thương nhân được quy định loại vật liệu, kiểu kiến trúc, và vị trí riêng biệt. Do công nhân bị ép buộc lao động còn chủ nhân thì bất mãn nên những ngôi nhà mới hư hỏng nhanh chóng. Tuy vậy, để tạo vẻ bề thế cho thành phố mới, Pyotr ra lệnh tất cả công dân có điều kiện, nếu đã xây nhà một tầng phải thêm tầng thứ hai. Để hỗ trợ họ, ông lệnh cho

Trezzini phân phôi miễn phí bản vẽ các loại nhà khác nhau có thiết kế phù hợp.

Phần lớn nhà dân dụng ở thành phố mới được xây bằng gỗ và hầu như tuần nào cũng đều có đám cháy. Sa hoàng tổ chức hệ thống canh gác thường xuyên để ngăn chặn thiệt hại, mỗi tối cử người quan sát từ những tháp nhà thờ. Tất cả nhân viên công quyền lẫn quân đội phục vụ ở Sankt-Peterburg nhận thêm nhiệm vụ chữa cháy và được trả thêm một khoản vào tiền lương; nhưng nếu không tham gia chữa cháy sẽ bị phạt nặng.

Bản thân Sa hoàng cũng nhận nhiệm vụ và khoản lương tương tự, cũng lao vào nguy hiểm khi tham gia chữa cháy. Mùa đông khi nước bị đóng băng, chỉ có thể dùng búa và rìu để chữa cháy. Nếu có thể chặt đốn nhanh chóng những nhà kế cận và kéo đống gỗ đi thì có thể chặn đứng đám cháy. Mỗi khi Sa hoàng hiện diện, tác dụng hiệu quả thấy rõ. Đại sứ Đan Mạch kể:

> Sa hoàng quyết định nhanh chóng cần phải làm gì, nhảy lên nóc nhà quan sát, xông vào ngay cà chỗ nguy hiểm, kêu gọi cả quý tộc lẫn dân thường nỗ lực tham gia, và chỉ ngừng nghỉ khi đã dập tắt ngọn lửa. Nhưng khi Sa hoàng không có mặt, tình hình khác hẳn: mọi người dửng dưng đựng nhìn ngọn lửa mà không làm gì cả. Có giáo dục hoặc trả thêm tiền lương cho họ cũng vô ích; họ chỉ trông chờ cơ hội để hôi của.

Nguy cơ tiềm ẩn khác là lũ lụt. Sankt-Peterburg được xây lên từ cốt nền chỉ cao hơn mực nước biển một chút, nên mỗi khi nước Sông Neva dâng lên một mét là đủ làm cho thành phố ngập úng. Vào năm 1706, Pyotr biên thư cho Menshikov:

Ngày hôm kia, gió tây-tây nam đẩy nước lên đến mức mà người ta nói chưa bao giờ cao đến thế. Trong nhà tôi, nước lên cao khỏi sàn nhà [hơn nửa mét]; còn trong khu vườn và bên kia đường người ta đi lại thông suốt bằng thuyền. Tuy nhiên, nước lũ không ở lâu - không đến ba tiếng đồng hồ. Kể cũng vui khi thấy người dân, không chỉ dân quê mà còn có cả phụ nữ, ngồi trên nóc nhà và ngọn cây trong cơn lũ. Dù mực nước lên cao nhưng thiệt hại không lớn.

Một cư dân người Anh viết vào tháng 1/1711:

Lúc giữa khuya ngày 9, gió từ hướng tây nam ngoài biển thổi mạnh đến nỗi cả thành phố ngập trong nước. Nhiều người đáng lẽ đã bị bất ngờ và chết đuối nếu không nhờ tiếng chuông đánh thức họ để leo lên nóc nhà. Nhiều nhà cửa và gia súc bị mất mát.

Hầu như mỗi mùa thu, Sông Neva chảy tràn hai bên bờ, các tầng hầm bị ngập, hàng hóa và thực phẩm bị hư hại; ván và xà gỗ trôi khắp nơi, nhiều đến nỗi có lệnh cấm thu nhặt những mảnh gỗ này trước khi chủ nhân có cơ hội thu hồi. Tháng 11/1721, một trận gió tây nam mạnh thổi đến khiến cho nước sông dâng lên, khiến một con tàu buôn hai cột buồm trôi qua các đường phố rồi bị mắc cạn kề bên một ngôi nhà. Vị Đại sứ Pháp báo cáo về Paris:

Thiệt hại không có lời nào kể cho xiết. Không một ngôi nhà nào còn nguyên vẹn. Tổn thất được ước lượng từ hai đến ba triệu rúp. [Nhưng] Sa hoàng vẫn tỏ ra điềm tĩnh.

Ngay cả 15 năm sau khi khởi công, dù đã có cung điện tráng lệ và vườn hoa đẹp đẽ kiểu Pháp, đời sống hằng ngày ở Sankt-Peterburg vẫn như là trong "một doanh trại tạm bợ sống theo cách tay làm hàm nhai" theo lời mô tả của một người nước ngoài. Một trong những vấn nạn là cư dân ở vùng này không thể tự nuôi sống mình. Châu thổ Sông Neva - với những dải nước, rừng và đầm lầy mênh mông - ít khi có vụ mùa tốt, và đôi lúc, trong năm mưa dầm, hoa màu bị úng thối trước khi kịp chín. Tài nguyên thiên nhiên dồi dào giúp con người sống còn; người Nga có thể thu hái dâu đỏ, dâu đen, và nhiều loại nấm mà họ ăn với muối và giấm làm thành món đặc sản. Cũng có thỏ rừng, ngỗng trời và vịt trời. Sông hồ đầy ắp cá, nhưng người nước ngoài thất vọng khi họ không thể mua được cá tươi: người Nga thích ăn cá làm muối hoặc ngâm chua chứ không mang cá tươi đi bán.

Nhưng cho dù khai thác được tài nguyên từ đất, rừng và nước, Sankt-Peterburg sẽ bị chết đói nếu bên ngoài không tiếp tế thêm. Vào mùa hè, hàng nghìn cỗ xe từ nơi xa xôi, kể cả từ Moskva, chở thực phẩm đến Sankt-Peterburg; vào mùa đông, đường tiếp tế sử dụng xe trượt tuyết. Nếu việc tiếp tế chỉ bị chậm trễ một chút, giá cả ở Sankt-Peterburg lập tức tăng vọt, kể cả ở làng mạc lân cận vì trái ngược với những tỉnh khác, thành phố này lại cung ứng thực phẩm cho các vùng phụ cận.

Trong vùng rừng xung quanh Sankt-Peterburg, người ta dễ bị lạc trong chân trời vô tận gồm rừng cây lá kim thưa thớt, bụi rậm và đầm lầy. Vài trang trại nằm trong các khoảnh rừng đã khai hoang nhưng đường đi đến nơi không rõ ràng. Gấu và chó sói lang thang khắp vùng lùm bụi lẫn với cây cối to nhỏ này. Gấu không nguy hiểm lắm, vì chúng có thể tìm đủ thức ăn vào mùa hè và ngủ trong mùa đông. Nhưng chó sói hoạt động suốt năm, trong mùa đông đi theo từng bầy 30 hoặc 40 con. Đấy là khi cơn đói xua

chúng đi vào thành phố để bắt chó, thậm chí tấn công ngựa và người. Năm 1714, hai lính canh đang làm nhiệm vụ trước lò đúc chính của Sankt-Peterburg bị chó sói tấn công; một người bị chó sói xâu xé và ăn thịt ngay tại chỗ, người kia bò lê trốn thoát nhưng sau đấy cũng chết. Năm 1715, một phụ nữ bị chó sói ăn thịt giữa ban ngày, cách dinh thự của Hoàng thân Menshikov không xa.

Đương nhiên là ít có người Nga nào thích cư ngụ ở nơi ẩm ướt, cách trở và nguy hiểm như thế. Trong thời gian trước đây, chiến tranh và dịch bệnh quét qua dân bản địa nói tiếng Phần Lan khiến cho cả vùng trở nên trống vắng. Pyotr cấp đất cho các nhà quý tộc và nhân viên của ông, và họ dẫn cả gia đình - có khi dời cả dân cư đã sống trong vùng đất phong của họ lúc trước - đến định cư ở đây. Số dân giản đơn này - bị rứt ra khỏi vùng đồi và đồng cỏ dễ kiếm sống xung quanh Moskva - gánh nhiều gian khổ nhưng cam chịu.

Không chỉ dân thường có ác cảm với Sankt-Peterburg. Các nhà quý tộc Nga và đại sứ nước ngoài càu nhàu và tự hỏi đến khi nào người tạo dựng nên thành phố sẽ chết yểu trước nó. Công chúa Maria tuyên bố: “Sankt-Peterburg sẽ không thể kéo dài sau thời đại của chúng ta. Ước gì nó sẽ là sa mạc!” Chỉ một số ít người nghĩ khác. Đấy là Menshikov, người cho rằng Sankt-Peterburg sẽ trở nên một Venice thứ hai, và sẽ có ngày người nước ngoài đi đến đây vì hiếu kỳ rồi đâm ra ngưỡng mộ vẻ đẹp của nó.

Người Thụy Điển không hề hiểu được tình cảm gắn bó mãnh liệt của Pyotr đối với Sankt-Peterburg. Quyết tâm của Sa hoàng trong việc nắm giữ thành phố mới này là trở ngại chính cho tất cả nỗ lực dàn xếp hòa bình. Khi Nga ở vào thế yếu, Pyotr sẵn sàng nhân nhượng để trả lại tất cả lãnh thổ ở Livonia và Estonia mà ông đã đánh chiếm, nhưng không bao giờ chịu từ bỏ

Sankt-Peterburg và cửa Sông Neva. Ít người Thụy Điển hiểu ra rằng Sa hoàng nước Nga đã vĩnh viễn cắt lìa đế quốc Thụy Điển ở vùng Baltic, tạo một khoảng hở giữa các tỉnh miền bắc và nam Baltic của Thụy Điển, làm gián đoạn đường thông thương ở châu thổ Sông Neva, báo trước sự mất mát cuối cùng. Phần đông người Thụy Điển lúc ấy cho rằng sự mất mát chỉ là nhỏ nhoi, tạm thời, và nghĩ Pyotr là kẻ khờ dại. Biết rằng sóng gió từ vịnh đẩy nước vào châu thổ Neva và làm úng ngập vùng đầm lầy như thế nào, họ cho rằng gió bão và sóng nước sẽ nhanh chóng tàn phá thành phố còn non trẻ. Khu định cư mới trở thành một đề tài đề chế nhạo. Thái độ của Thụy Điển được thể hiện qua nhà Vua vô cùng tự tin:

> Hãy để Sa hoàng tự làm khổ với việc xây dựng mấy thị trấn mới. Chúng ta sẽ có vinh dự chiếm lấy các thị trấn này.

Pyotr đặt tên thành phố là Sankt-Peterburg theo tên thánh bổn mạng của mình, và nó trở thành biểu tượng huy hoàng của triều đại ông, "thiên đường" của ông, "vườn địa đàng" của ông, "cục cưng" của ông. Thành phố đã trở thành biểu trưng cho tất cả những gì quan trọng trong đời ông: để trốn lánh khỏi kỷ niệm đen tối ngày xưa ở Moskva; để đi đến biển; để có cửa ngõ mở ra công nghệ và văn hóa của Tây Âu. Pyotr yêu mến thiết tha tác phẩm của mình. Ông tìm thấy nguồn vui vô tận qua con sông rộng tuôn chảy ra vịnh, qua những con sóng vỗ đập dưới chân pháo đài, qua ngọn gió mang vị mặn thổi căng các cánh buồm của tàu thuyền ông. Việc xây dựng thành phố đã trở thanh niềm đam mê của ông. Không trở ngại nào có thể ngăn cản việc thực hiện ý tưởng của ông. Ông sẵn sàng dốc hết năng lực của mình, cùng hàng triệu rúp và hàng nghìn mạng sống.

Sau triều đại của Pyotr, các nữ hoàng đế và hoàng đế Nga biến cải khu định cư nguyên thủy xây bằng gỗ và đất nện thành một thành phố sáng chói, với kiến trúc thiên về Tây Âu hơn là Nga, với văn hóa và tư tưởng pha trộn giữa Nga và Tây Âu. Một dãy những cung điện và tòa nhà hành chính màu vàng, lam nhạt, lục nhạt và đỏ, được xây lên dọc bờ kè đá hoa cương dài 5 kilômét bên bờ nam Sông Neva. Với sự hội tụ của gió, nước và mây, 150 cây cầu uốn cong nối 19 hòn đảo với những chóp tháp và mái vòm dát vàng, những cây cột và ngọn đài hình tháp, Sankt-Peterburg sẽ được gọi là "Babylon trên Tuyết" và "Venice miền Bắc".[120]

Thành phố này sẽ trở thành cái nôi của văn học, âm nhạc và kịch nghệ Nga; là trú quán của Pushkin, Gogol và Dostoyevsky[121]; của Borodin, Mussorgsky và Rimsky-Korsakov[122]; của Petipa, Diaghilev, Pavlova và Nijinsky.[123] Trong hai thế kỷ, thành phố này sẽ là chính trường nơi mà các hoàng đế Nga quyết định vận mệnh đất nước của họ trong khi trị vì một đế chế từ thủ đô mà Pyotr đã tạo dựng. Và cũng chính ở thành phố này diễn ra những biến cố cuối cùng dẫn đến việc lật đổ vương triều của Pyotr.

Ngay cả tên của thành phố cũng thay đổi: khi những người theo cách mạng tìm cách tôn vinh người tạo dựng chế độ mới, họ đã quyết định tặng cho Lenin "cái tốt nhất mà chúng tôi có". Trong một thời gian, thành phố mang tên Leningrad. Nhưng nhiều người Nga cảm thấy cái tên này mắc nghẹn trong cổ họng của họ. Đối với họ, nó mãi mãi vẫn gắn liền với "Piter".[124]

118. Để tránh hỏa hoạn, Pyotr quyết định cho xây lại các công trình của Sankt-Peterburg bằng đá, bắt đầu từ Pháo đài Petropavlosk. Ngày 30/05/1706/ ông đặt viên đá đầu tiên bằng cẩm thạch khắc tên mình

cùng ngày tháng khởi công. Việc xây dựng lại tòa pháo đài bằng đá bắt đầu lập tức, nhưng phải đến năm 1740, tức 15 năm sau khi Pyotr Đại đế qua đời, mới được hoàn tất. (ND)

119. Tức là các hoàng hậu của các Sa hoàng quá cố Fyodor III và Ivan V, hai chị dâu của Pyotr. (BT)

120. Babylon là thành phố cổ vĩ đại nằm trên vùng sa mạc ở Iraq hiện nay; Venice là thành phố và cảng biển ở miền bắc nước Ý, với nhiều kênh đào ngang dọc thay cho đường sá, nằm trong vùng nóng ẩm. (ND)

121. Trong đoạn này, tác giả kể tên những nhân vật Nga nổi tiếng thế giới trong từng lĩnh vực của họ. Aleksandr Puskin (1799-1837), tác giả nổi tiếng về thơ và cũng viết kịch, truyện ngắn và truyện dài với tác phẩm Ruslan và Ludmila, Evgeni Onegin…; Nikolai Gogol (1809-1852), nhà viết kịch và sáng tác văn học với Mirgorod…; Fyodor Dostoevsky (1821-1881), nhà văn và nhà tư tưởng với các tác phẩm Tội ác và hình phạt, Anh em nhà Karamazov… (ND)

122. Aleksandr Porfiryevich Borodin (1833-1887) là nhà soạn nhạc với Hoàng tử Igor, Bản Giao hưởng cung Mi thứ…; Mussorgsky (1839-1881), nhà soạn nhạc với vở nhạc kịch Boris Godumov… và Nikolai Rimsky-Korsakov (1844-1908), nhà soạn nhạc và nhạc trưởng. (ND)

123. Marius Petipa (1818-1910], gốc Pháp, là nhà biên đạo múa và sáng tác múa balê; Sergey Diaghilev (1872-1929), nhà sáng tác nhạc kịch và múa balê; Anna Pavlovna Pavlova (1881-1931), nữ vũ công balê; Vaslav Nijinsky (1890-1950), nam vũ công balê. (ND)

124. “Piter” là tên ngắn gọn mà người Nga gọi Thành phố Sankt-Peterburg một cách thân thương. Hiện nay thành phố này được công nhận là Di sản Văn hóa Thế giới. (ND)

28 MENSHIKOV VÀ EKATERINA

Trong những năm đầu của Đại chiến Bắc Âu, hai nhân vật nổi lên rồi trở thành những người thân cận nhất trong đời của Pyotr: Aleksandr Menshikov và Martha Skavronskaya. Có nhiều điểm tương đồng giữa hai người: Cả hai đều nổi lên từ bóng tối; họ đã gặp nhau trước khi cô gặp Pyotr; họ cùng thăng tiến với nhau: ông từ người giữ chuồng ngựa trở thành một hoàng thân nhiều uy quyền, cô từ một người dân quê mồ côi trở thành nữ hoàng, kế vị Pyotr Đại để để trở thành quân vương của đế chế Nga. Cả hai đều qua đời ít lâu sau cái chết của vị Sa hoàng tạo ra tiếng tăm của họ.

Vị Hoàng thân vĩ đại, phó vương đắc lực nhất của đế quốc Nga, đại thần tâm đắc nhất của Pyotr Đại đế người mà Pyotr yêu mến nhất chỉ sau Ekaterina, là người duy nhất có thể tuyệt đối "nói thay Sa hoàng", người trở thành Nguyên soái, Thượng Nghị sĩ thứ Nhất, Hoàng thân của nước Nga và cũng là Hoàng thân của Đế quốc La Mã Thần thánh!

Tên tuổi và sự nghiệp của Aleksandr Danilovich Menshikov gắn kết mật thiết với cuộc đời của Pyotr Đại đế nhưng gốc gác của người phò tá nổi danh lại ẩn chìm trong huyền thoại. Vài người nói cha ông là nông dân người Litva, đã cho ông đi học nghề làm bánh ở Moskva. Chuyện kể rằng

một ngày, Menshikov đang đi dọc đường phố rao bán bánh mình làm thì Lefort trông thấy, ông dừng lại để hỏi chuyện cậu bé, tỏ ra mến thích và đưa cậu vào làm gia nhân cho mình.

Sau đấy, dù thất học nhưng nhờ tính nhanh nhẹn, tươi vui và dạn dĩ mà Menshikov thu hút sự chú ý của Sa hoàng. Ông được chuyển qua làm gia nhân cho Pyotr. Với vị thế này, tuy chức vụ nhỏ nhưng nhờ được kề cận quân vương, Menshikov vận dụng khả năng làm mê hoặc lòng người và những mánh lới khác nhau để dần dà trở nên một trong những người giàu nhất và có quyền lực nhất Châu Âu vào thế kỷ 18. Ông luôn tỏ ra liều lĩnh, đến mức biển thủ quá đáng số tiền được giao cho ông quản lý, và đến mức giúp ông ngăn chặn được cơn cuồng nộ của quân vương.

Theo lời đồn đại, cuối cùng Pyotr đe dọa trả ông về đi bán bánh trên đường phố Moskva. Tối hôm ấy, Menshikov xuất hiện trước mặt Pyotr mang tấm tạp dề và cầm một cái khay đựng bánh đeo qua vai, rao lên: “Bánh nóng! Bánh nóng! Bánh mới làm đây!” Pyotr lắc đầu, phá lên cười và lại tha thứ cho ông.

Chuyện thực sự về ông có lẽ chỉ kém lý thú hơn một chút. Điều gần như chắc chắn là cha của Menshikov là binh sĩ phục vụ Sa hoàng Aleksei rồi trở thành hạ sĩ văn phòng ở Preobrazhenskoe. Gốc gác của gia tộc có lẽ là Litva. Một nhà ngoại giao - người đã giúp Menshikov trở thành Hoàng thân của Đế quốc La Mã Thần thánh - tuyên bố rằng ông là hậu duệ của một gia đình quý tộc ngày xưa. Có lẽ các từ ngữ “quý tộc” và “ngày xưa” được thêm vào để Hoàng đế Habsburg - vốn bảo thủ cứng nhắc - dễ chấp nhận ông hơn, nhưng có bằng chứng cho thấy thân nhân của Menshikov sinh sống ở Minsk, lúc ấy thuộc về Litva.

Ông sinh năm 1673, kém Pyotr một tuổi rưỡi, lúc còn nhỏ phụ giúp trong chuồng ngựa ở Preobrazhenskoe. Hiểu rõ lợi ích của việc kề cận Sa hoàng, ông xin làm binh sĩ trong đại đội thiếu niên. Năm 1693, ông là binh sĩ pháo binh - binh chủng ưa thích nhất của Pyotr - trong Lữ đoàn Preobrazhenskoe. Mang quân hàm trung sĩ, ông đứng kế bên Sa hoàng dưới bức tường thành Azov, và khi Pyotr lập Đại Phái bộ Sứ thần, Menshikov là một trong những người tình nguyện đầu tiên và được chọn. Vào lúc này, ông đang là một trong những thị thần của Sa hoàng. Nhiệm vụ của thị thần là đêm ngày chăm sóc Sa hoàng, thay phiên nhau ngủ trong phòng bên cạnh hoặc, khi Sa hoàng đang vi hành, ngủ ở chân giường Sa hoàng. Menshikov làm việc bên cạnh Pyotr ở xưởng đóng tàu của Amsterdam và Deptford. Trong nghề mộc đóng tàu, ông giỏi ngang với Pyotr, và là người Nga duy nhất có tay nghề chuyên môn thật sự thời bấy giờ. Ông tháp tùng Sa hoàng trong các chuyến viếng thăm cơ xưởng và phòng thí nghiệm Tây Âu, học nói tiếng Hà Lan và Đức, học cách giao tế xã hội. Tuy dễ thích nghi và linh hội nhanh, ông vẫn giữ bản chất Nga và vì thế gần như là mẫu người mà Pyotr muốn tạo dựng cho nước Nga. Ở ông, ít nhất có một người sẵn sàng đoạn tuyệt với tập tục Nga xưa cũ, người không những thông minh và tài giỏi mà còn thực sự thiết tha muốn phục vụ.

Điều không tranh khỏi là việc thăng tiến nhanh khiến người khác xầm xì sau lưng về gốc gác gia tộc không rõ ràng và thiếu học thức. Hoàng thân Boris Kurakin nói: “Theo gốc gác thì Menshikov còn thấp hơn một người Ba Lan, Korb chê bai rằng “cái anh Aleksandr đó nổi lên ở triều đình là nhờ đặc ân của Sa hoàng”, và kể rằng Menshikov sử dụng ảnh hưởng của mình để thu lợi lộc từ các nhà buôn và những người khác cần đến sự giúp đỡ của các ban ngành. Công sứ Sir Whitworth người Anh báo cáo vào năm 1706:

“Tôi được nguồn đáng tin cậy cho hay, Menshikov không biết đọc lẫn biết viết.” Điều này chỉ đúng một phần. Menshikov có học đọc, nhưng luôn nhờ thư ký viết hộ, rồi ông ký tên với bàn tay khó nhọc và run rẩy.[125]

Dù bao lời bàn ra tán vào, ông vẫn tiếp tục đi lên. Ông là con người đặc biệt ở tính khôn khéo, lạc quan, khả năng thông hiểu kỳ lạ, gần như đoán trước được mọi mệnh lệnh và tâm tư cá nhân của Pyotr, cũng như tính nhẫn nhục chịu đựng cơn giận dữ và ngay cả hành vi bạo lực của Sa hoàng. Vài lần ông bị Pyotr đánh đấm, có lúc phải nằm dài trên đất. Vào dịp lễ rửa tội cho đứa con trai của Đại sứ Đan Mạch, Pyotr trông thấy Menshikov vẫn còn mang gươm trên sàn khiêu vũ. Nổi giận với hành vi thiếu phép tắc trước sự hiện diện của người nước ngoài, Pyotr tung nắm đấm vào mặt Menshikov khiến cho ông này chảy máu mũi. Trong những lần như thế Menshikov chấp nhận không chỉ qua nhịn nhục, mà còn bằng tố chất vui vẻ.

Dần dà, khả năng thông hiểu tính khí của Pyotr và sẵn sàng đón nhận bất kỳ thứ gì Pyotr ban - dù cho ân huệ hoặc bạo lực - đã khiến Pyotr thấy không thể thiếu ông được. Ông không còn là thị thần nữa mà đã trở thành một người bạn.

Năm 1700, lúc chiến tranh mới bắt đầu, Menshikov vẫn còn làm việc nhà cho Pyotr - một bức thư của Pyotr gửi cho ông trong năm này cho thấy ông được giao nhiệm vụ quản lý tủ áo của Sa hoàng. Nhưng khi chiến tranh đã xảy ra, Menshikov lao vào trận tuyến, cho thấy cũng tài giỏi về mặt chỉ huy quân sự, ngang bằng những mặt khác. Ông kề cận Pyotr ở Narva và ra đi cùng với Sa hoàng trước khí trận đại bại xảy ra. Trong chiến dịch mà Pyotr thân hành chỉ huy ở Ingria năm 1701, Menshikov tỏ ra là sĩ quan trợ lý xuất chúng. Sau khi công hãm và chiếm được Noteborg (lúc này là Shlisselburg), Menshikov nhận chức tổng trấn pháo đài này. Ông tham gia

vào các cuộc hành quân tiếp theo, rồi trong việc xây dựng Pháo đài Petropavlovsk năm 1703, nhận công tác giám sát thi công một trong sáu công sự mà sau này mang tên ông. Cùng năm đó, ông làm thống đốc các tỉnh Karelia, Ingria và Estonia.

Cũng trong năm 1703, để làm vui lòng Sa hoàng, Pyotr Golitsyn - Đại sứ Nga ở Wien - dàn xếp để Menshikov nhận tước hiệu Bá tước của Hungary.

Năm 1705, Hoàng đế Joseph phong ông làm Hoàng thân của Đế quốc La Mã Thần thánh. Hai năm sau, nhờ chiến công đánh bại quân Thụy Điển ở Kalisz bên Ba Lan, Sa hoàng ban cho ông tước hiệu Hoàng thân Xứ Izhora, với một mảnh đất phong rộng lớn. Chuyện đáng để ý là, chỉ hai tuần sau khi nhận đất phong này, vị Hoàng thân vừa được phong tước ra lệnh kiểm kê số giáo dân và hộ khẩu, tính xem có thể đánh thuế họ bao nhiêu, và ra lệnh trong những buổi lễ tôn giáo ở nhà thờ trong vùng, tên ông phải được nhắc đến cùng tên Sa hoàng.

Quan trọng hơn tước phong hoặc của cải là tình bạn với Pyotr - vì mọi tước phong và của cải đều tùy thuộc vào đây. Cái chết của Lefort năm 1699 khiến cho Sa hoàng không còn người thân cận nào để tâm sự về những tầm nhìn, hy vọng và thất vọng. Menshikov lấp vào chỗ trống, và trong những năm đầu của cuộc chiến, tình bạn với Pyotr nảy nở thân thiết hơn. Ông tháp tùng Sa hoàng mọi nơi và nhúng tay vào mọi việc Sa hoàng ra lệnh. Ông có thể cùng Pyotr chè chén, là người lắng nghe tâm tư của quân vương, là nhà chỉ huy đội kỵ binh của quân vương, là bộ trưởng trong chính phủ của quân vương - trong mọi cương vị ông đều tỏ ra tận tụy và có kỹ năng. Sa hoàng dần dần xưng hô với ông một cách thân mật hơn. Có người cho rằng mối quan hệ giữa hai người trông có vẻ như tình yêu hơn là tình bạn. Thật ra,

không có chứng cứ nào cho thấy có mối quan hệ đồng tính luyến ái giữa Pyotr và Menshikov.

Với sự nghiệp thăng tiến, tiếp tục được ban phát danh dự và tưởng thưởng, kẻ thù của ông càng nhiều. Dưới mắt họ, ông có vẻ xun xoe, nhiều tham vọng và trở nên chuyên quyền khi có quyền lực. Ông có thể tỏ ra khe khắt và tàn nhẫn, không bao giờ quên khi bị chơi xấu. Nhược điểm lớn nhất của ông là thói keo kiệt đôi lúc gần khiến cho ông tuột dốc. Bản thân lớn lên trong cảnh nghèo túng và rồi bị bao quanh với những cơ hội thu tóm của cải, ông nắm bắt bất cứ thứ gì có thể được. Khi ông đã lớn tuổi, tính chất này càng lộ rõ - ít nhất khó che đậy hơn. Vì biết rõ song sử dụng quyền hành để làm giàu thêm và thường trực tiếp biển thủ công quỹ nên vài lần Pyotr cố gắng ngăn chặn. Ông bị đưa ra xét xử trước tòa án, bị cách chức, bị phạt tiền, thậm chí bị Sa hoàng nổi giận đánh đấm. Nhưng lúc nào cũng thế: tình chiến hữu trong 30 năm can dự vào, Pyotr nguôi dận; và Menshikov được phục hồi.

Thực ra, Menshikov không phải chỉ là con người tinh ranh hoặc nịnh nọt để tham lam. Ông tỏ ra là một người bạn mà Pyotr không thể thiếu. Ông đã trở thanh giống như con người của Pyotr: vì ông hiểu quá rõ Sa hoàng sẽ hành động như thế nào trong mỗi tình huống mà mọi người xem mệnh lệnh của ông cũng là vương lệnh của Sa hoàng. Có lần, Pyotr nói:

> Ông ấy hành xử theo ý của mình mà không hỏi ý kiến của ta. Nhưng phần ta chưa hề quyết định việc gì mà không hỏi ý kiến của ông ấy.

Dù là theo chiều hướng gì đi nữa, Menshikov đã giúp Pyotr tạo dựng nên nước Nga mới.

Gốc gác của Martha Skavronskaya còn bí ẩn hơn so với Menshikov. Cuộc đời của cô cho đến lúc gặp Sa hoàng năm 1703 khi lên 19 tuổi chỉ là những ức đoán. Sự kiện có vẻ gần đúng nhất là cô xuất thân từ gia đình của một nông dân Litva, có lẽ theo Thiên Chúa giáo, tên là Samuel Skavronsky. Ông này rời Litva để đến định cư ở Livonia, và Martha ra đời năm 1684 ở làng Ringen, gần Dorpat. Khi cô còn nhỏ, cha cô qua đời vì bệnh dịch hạch và mẹ cô cũng mất không bao lâu sau đó. Martha được nhận vào gia đình giáo sĩ Ernst Gluck của đạo Lutheran ở Marienburg, không hẳn làm gia nhân nhưng cũng phụ giúp công việc trong nhà. Có vẻ cô không được xem là thành viên chính thức của gia đình vì không được học hành gì cả. Khi rời khỏi gia đình này, cô vẫn chưa biết đọc biết viết.

Cô lớn lên thành một thiếu nữ duyên dáng, khỏe mạnh với đôi mắt đen nồng ấm và thân người đầy đặn dễ thu hút người khác. Có người cho rằng bà vợ ông giáo sĩ tỏ ra lo lắng các con trai mới lớn hoặc thậm chí người chồng có thể sa ngã. Vì thế, Martha được khuyên bảo chấp nhận làm vợ một binh sĩ Thụy Điển trong trung đoàn đang trú đông gần đấy. Theo các lời kể lại khác nhau, cô hoặc chỉ đính hôn hoặc thật sự kết hôn với anh kia trong thời gian ngắn ngủi tám ngày mùa hè 1702. Sau đấy, với đà tiến công nhanh chóng của quân Nga, trung đoàn Thụy Điển phải vội vã rút lui khỏi Marienburg; Martha không bao giờ gặp lại hôn phu hoặc người chồng nữa.

Sau khi quân Thụy Điển rút lui, Huyện Dorpat rơi vào tay quân của Sheremetyev. Ông này bắt toàn bộ cư dân ở đây, kể cả gia đình Gluck, làm tù binh. Là con người tiến bộ, Sheremetyev đối xử tử tế với giáo sĩ Gluck và chấp thuận lời thỉnh cầu của Gluck xin làm thông dịch viên cho Sa hoàng, nhưng giữ Martha ở lại làm gia nhân cho ông trong 6 tháng. Vài người đoán rằng có thể cô đã trở thành tình nhân của Sheremetyev. Đây là

chuyện có khả năng xảy ra, nhưng không có dấu hiệu gì cho thấy mối quan hệ như thế giữa một cô gái thất học 17 tuổi và vị Nguyên soái trung niên có văn hóa. Sau này, khi trở thành vợ của Pyotr, cô không mang ác cảm gì với Sheremetyev mà cũng không tỏ ra quý mến ông một cách đặc biệt. Tóm lại, không có chứng cớ gì ngoại trừ vài lời suy đoán rằng sự thật có thể là vị Nữ Hoàng đế tương lai chỉ là một cô hầu trong tư gia của Sheremetyev chứ không là gì khác.

Mối quan hệ giữa Martha và người bảo trợ mới của cô, Menshikov, có phần thân thiết và phức tạp hơn. Ông là đại thần đang lên của Sa hoàng, và khi viếng thăm Sheremetyev, ông trông thấy cô - lúc này đã chấp nhận đức tín Chính Thống giáo và đổi sang tên mói là Ekaterina. Vào mùa thu 1703, ông dẫn cô về Moskva.

Có khả năng là trong thời gian này, cô gái 18 tuổi đã lên giường với vị đại thần 32 tuổi. Dù đúng hay sai, mối quan hệ giữa hai người trở nên gắn bó suốt đời. Họ trở thành hai người có quyền lực nhất toàn nước Nga chỉ sau Sa hoàng, và vì gốc gác không rõ ràng nên cả hai đều hoàn toàn lệ thuộc vào Sa hoàng.

Thật ra, không có dấu hiệu cho thấy Ekaterina là người tình của Menshikov mà có một ít chứng cớ ngược lại. Trong những năm đó, Menshikov có quan hệ mật thiết với một nhóm phụ nữ mang tước hiệu Thị nữ Quý tộc có nhiệm vụ hầu cận phụ nữ hoàng gia. Năm 1694, sau khi mẹ qua đời, cô em sôi nổi của Pyotr là Natalia dời đến ngụ tại Preobrazhenskoe. Công chúa dẫn theo một nhóm nhỏ Thị nữ Quý tộc, trong số này có hai chị em Darya và Barbara của dòng họ Arseneev. Vì là bạn thân của Pyotr, Menshikov được phép gặp gỡ các Thị nữ Quý tộc này.

Chẳng bao lâu sau, ông và Darya Arseneeva nảy sinh tình cảm, thường trao đổi thư từ và quà biếu.

Năm 1703, hai chị em Arseneev đến ngụ trong tư dinh của Menshikov do hai người chị của ông quản lý thay ông. Menshikov cũng dẫn Ekaterina về ở chính tư dinh này. Hầu như không có khả năng ông dây dưa với cô hầu gốc Litva trong khi đang cố chinh phục tình cảm của Darya, một thiếu nữ ở tầng lớp cao hơn mà ông rất yêu mến. Darya sau này trở thành vợ của ông.

Khi Pyotr gặp Ekaterina vào mùa thu 1703, cô là thành viên trong gia đình Menshikov với địa vị mà ta không rõ nhưng hẳn là rõ ràng đối với Pyotr. Cô gái 19 phải có tư thế đủ quan trọng mới được phép đến gần và tiếp chuyện với vị Sa hoàng 31 tuổi. Pyotr cảm thấy mến cô. Mối liên hệ giữa ông và Anna Mons đang dần phai nhạt.[126] Trước mặt ông là một cô gái rắn chắc, mạnh khỏe, hấp dẫn trong tuổi thiếu nữ đang độ xuân sắc. Với đôi mắt đen như nhung, mái tóc đen dày và thân hình nở nang, cô đã khiến cho một nguyên soái và một hoàng thân tương lai phải chú ý, thì việc Sa hoàng chú ý đến cô cũng là điều tự nhiên.

Dù cho quá khứ là như thế nào, từ lúc này Ekaterina trở thành người tình của Pyotr. Để thuận tiện, cô tiếp tục ngụ trong tư dinh của Menshikov ở Moskva, lúc này đã có thêm nhiều phụ nữ cùng ngụ với cô. Ban đầu chỉ có hai người chị của Menshikov là Maria và Anna, nhưng tháng 12/1703 Anna giúp dòng họ Menshikov thăng tiến khi cưới một nhà quý tộc: Aleksei Golovin, em trai của Ngoại trưởng Fyodor Golovin. Thế là bây giờ có thêm hai chị em dòng họ Arseneev, người cô Anisya Tolstoy, thêm Ekaterina.

Pyotr thường đến ngụ ở "gia đình" Menshikov khác thường này, và chẳng bao lâu Darya và Ekaterina cùng đi với nhau để đến với Menshikov và Pyotr ở các thị trấn nơi hai người đóng quân. Bộ tứ này thường gần gũi

với nhau đến nỗi khi Pyotr hoặc Menshikov rời xa, ba người còn lại đều cảm thấy buồn và cô đơn. Mùa đông 1704, Ekaterina sinh hạ một trai, đặt tên là Pyotr (theo tên cha). Tháng 10/1705, thêm một trai là Pavel, và tháng 12/1706 họ có một con gái là Ekaterina (theo tên mẹ).

Mùa xuân 1706, Pyotr liên tục thúc giục Menshikov cưới Darya. Menshikov liên tục hứa sẽ nghe theo, nhưng rồi liên tục trì hoãn. Pyotr thúc giục như thế là từ ý muốn hợp thức hóa tình trạng của hai cặp đang sống chung với nhau. Việc này sẽ làm câm bặt lời xầm xì khắp nước Nga, tuy không câm bặt trọn vẹn ngoại trừ Pyotr cũng cưới Ekaterina. Nhưng ông lưỡng lự vì Evdokia vẫn còn sống. Tuy thế hôn lễ của Menshikov sẽ giúp ích bước đầu - Darya sẽ trở thành một phụ nữ có vị thế cao mà Ekaterina có thể tháp tùng.

Rốt cuộc, tháng 8/1706 Menshikov phải chấp thuận, và Darya trở nên một người vợ cùng chia sẻ cảm nghĩ của ông, gánh nặng của ông, chăm lo cho ông được thoải mái và đi theo ông mọi nơi có thể được trên đường ông làm việc và chinh chiến.

Một khi Menshikov đã kết hôn, Pyotr bắt đầu nghĩ đến việc tương tự. Theo nhiều khía cạnh, việc này có lắm rủi ro hơn là tiện lợi. Người Nga có đầu óc bảo thủ sẽ xem đây là chuyện điên rồ khi Sa hoàng cưới một cô dân quê nước ngoài thất học. Khi đất nước lâm vào cơn khủng hoảng, khi Pyotr đang ép buộc thần dân phải hy sinh cho tổ quốc, điều này liệu có khiến họ bất mãn mà dẫn đến rối loạn? Dần dà, dù cho những biện luận này có mạnh, Pyotr vẫn gác qua một bên vì cảm thấy cần có người phụ nữ khác thường này, và 15 tháng sau, tháng 11/1707, Pyotr kết hôn với Ekaterina. Hôn lễ được cử hành trong nghi thức riêng tư ở Sankt-Peterburg mà không có gì phô trương. Trong một thời gian, ngay cả khi Ekaterina đã sinh cho ông ba,

rồi bốn, rồi năm đứa con, ông vẫn giữ bí mật về hôn lễ này đối với thần dân của mình, thậm chí đối với các bộ trưởng và vài thành viên trong gia tộc.

Ekaterina cảm thấy mãn nguyện với vị thế mới và không đòi hỏi gì hơn, nhưng trong khi cô tiếp tục đẻ thêm những đứa con cho ông, ông vẫn lo lắng cho cô. Tháng 3/1711, trước khi lên đường đi đánh Ottoman, Sa hoàng triệu tập em gái Natalia, chị dâu Praskovaya, và hai con gái của Praskovaya. Giới thiệu họ với Ekaterina, ông cho họ biết Ekaterina là vợ của mình và phải được xem là Hoàng hậu nước Nga. Ông nói ông định kết hôn với Ekaterina một cách công khai càng sớm càng tốt, nhưng nếu ông có chết trước, họ phải chấp nhận Ekaterina là quả phụ chính thức của ông.

Tháng 2/1712, Pyotr giữ lời hứa và kết hôn với Ekaterina lần nữa - lần này với hồi trống và hiệu kèn, có sự tham dự của ngoại giao đoàn, với yến tiệc huy hoàng và chương trình bắn pháo bông để ăn mừng. Trước khi cử hành hôn lễ, Ekaterina đã nhận lễ rửa tội công khai để gia nhập Giáo hội Nga, với Hoàng Thái tử Aleksei nhận làm người đỡ đầu. Từ nay về sau, vị Hoàng hậu được chính thức gọi là Ekaterina Alekseyevna.

Người vợ mới của Pyotr có những tố chất hay đẹp mà ông không hề tìm thấy ở những phụ nữ khác. Cô nồng nàn, vui vẻ, đầy tình cảm, rộng lượng, dễ thích nghi, dễ cảm thấy thoải mái, có sức khỏe tốt và nguồn sinh lực dồi dào. Trong số những người quanh Pyotr, cô và Menshikov có thể theo gần kịp Pyotr về sức làm việc và động lực. Ekaterina có trực giác tự nhiên để nhìn ra ngay sự tâng bốc hoặc dối trá. Lời lẽ của cô - giống như Pyotr giản dị trực tiếp đi vào vấn đề, và thành thực. Trong riêng tư, cô có thể thả mình vào vui đùa và đối xử với Pyotr như là cậu thanh niên trưởng thành; nơi công cộng cô biết tế nhị mà lui vào hậu trường. Cô có đủ trí thông minh và cảm thông để thấu hiểu những gánh nặng cũng như những tâm tính của

Pyotr. Cô luôn hòa nhã, không thấy bị xúc phạm dù cho ông có u sầu hoặc dữ dằn đến đâu.

Cô làm tốt hơn những người khác khi đối phó với cơn co giật của Pyotr. Khi những triệu chứng đầu tiên xuất hiện, người xung quanh sẽ chạy đi cấp báo với Ekaterina, và cô sẽ đi đến lập tức, giữ chặt cho ông nằm xuống, đặt đầu ông kê lên lòng mình, nhẹ nhàng vuốt tóc và hai bên trán ông cho đến khi cơn co giật dịu xuống và ông chìm vào giấc ngủ. Trong khi ông ngủ, cô ngồi yên lặng hàng giờ, ôm lấy đầu ông, nhẹ nhàng vuốt ve khi ông trở mình. Pyotr luôn trở lại tỉnh táo khi thức dậy.

Nhưng ông cần có cô ở nhiều mặt khác hơn là việc chăm sóc. Tố chất trí tuệ và tình cảm của cô giúp cho cô có thể không những xoa dịu ông, chơi đùa với ông, thương yêu ông, mà còn tham dự vào cuộc đời thầm kín của ông, trao đổi với ông về những vấn đề nghiêm túc, bàn bạc về những quan điểm và dự tính của ông, khích lệ những hy vọng và ước nguyện của ông. Không những ông được thoải mái nhờ có cô hiện diện kế bên, mà còn được vui và cảm thấy quân bình khi cô chuyện trò với ông.

Pyotr không bao giờ chú tâm nhiều đến phụ nữ để tìm nhục dục. Ông không có thời giờ đùa giỡn với phụ nữ theo cách sống trong hậu cung, như Louis XIV, và ông quá bận rộn với chiến tranh và chính phủ nên không thể đắm mình vào những chiến dịch chinh phục nữ giới, như Vua Augustus của Saxony-Ba Lan. Sau khi kết hôn với Ekaterina, đôi lúc ông có nhân tình, nhưng họ không mấy đi vào tâm tư ông và không là gì đối với ông. Trong đời ông, Pyotr chỉ quan tâm sâu sắc đến bốn phụ nữ: mẹ, em gái, Anna Mons và Ekaterina. Trong bốn người này, mẹ ông ở vị trí cao nhất, và Ekaterina được kế đến một phần do cô trở thành người mẹ thứ hai của ông. Tình yêu toàn vẹn, không sắc mắc mà cô dành cho ông tương tự như tình

mẹ, luôn luôn kiên định khi cậu bé có hành vi bê bối. Vì lý do này, ông hoàn toàn tin nơi cô. Cũng giống như mẹ ông và phần nào giống Lefort - người đã thương mến ông mà không có lời nào trách móc - cô có thể đến bên ông ngay cả trong thời khắc điên cuồng khó kiểm soát để làm cho ông dịu xuống. Trong vòng tay của cô, ông có thể trải qua những đêm yên bình. Dần dà, càng ngày Ekaterina càng chiếm ngự thêm trong cuộc đời và con tim của Pyotr. Có thể đôi lúc ông không trung thành khi có phụ nữ trẻ đẹp bên mình, nhưng Ekaterina chỉ điềm tĩnh mỉm cười vì an tâm mà biết rõ ông không thể thiếu cô.

Tình bằng hữu và tình yêu - cũng như sức khỏe và sự chịu đựng của Ekaterina - được thể hiện qua 12 đứa con: 6 trai và 6 gái. Mười đứa chết non. Sử gia khổ sở khi đọc qua các tên và ngày, vì Pyotr và Ekaterina đặt cùng một tên vài lần, hy vọng rằng đứa nhỏ mới tên Pyotr hoặc Pavel hoặc Natalia sẽ may mắn hơn đứa trước cùng tên[127]. Hai người con lớn đến tuổi trưởng thành là Anna, sinh năm 1708, sẽ trở thành Nữ Quận công Xứ Holstein-Gottorp và mẹ của Hoàng đế Pyotr III; người kia là Elizaveta, sinh năm 1709, Nữ Hoàng để Nga trong giai đoạn 1740-1762. Mặc dù con trẻ yểu mệnh là chuyện thường xảy ra vào thời này, vẫn không làm nhẹ thương đau của một người mẹ cứ phải chịu mang nặng rồi đẻ đau, ban đầu hy vọng rồi cuối cùng tang tóc.

Theo mọi phương diện, Ekaterina hiện thân cho sự tương phản với đời sống trong biệt cung. Nhờ có sức khỏe của một thôn nữ rắn chắc và ý thiết tha muốn kề cận người chồng, cô thường xuyên di chuyển cùng Pyotr khắp nước Nga, đến Ba Lan, Đức, Đan Mạch và Hà Lan. Cô tháp tùng Pyotr trong hai chiến dịch chống Ottoman và Ba Tư, chịu đựng gian khổ mà không than phiền. Cưỡi ngựa suốt hai, ba ngày, ngủ trong lều hoặc trên nền

đất gần tiếng ầm ì của đại bác, ngay cả khi thấy một người hầu cận trúng đạn - tất cả đều không làm cô sờn lòng.

Cô không phải là người kiểu cách hoặc tinh tế, nhưng là người đồng hành mà Pyotr muốn giữ bên mình ngay cả khi chè chén trong đám bạn bè của ông. Ekaterina thường thân ái chiều theo ông, nhưng cũng có thể tạo ảnh hưởng để ông kiềm chế mà không làm ông nổi giận. Trong một buổi chè chén như thế Ekaterina đến gõ cửa nơi Pyotr và đám bạn khóa kín bên trong và nói: "Đã đến lúc về nhà!" Cánh cửa mở và vị Sa hoàng ngoan ngoãn theo cô ra về.

Nhưng Ekaterina không phải là người khắc khổ hoặc nhiễm nam tính đến nỗi bỏ qua thú vui của phụ nữ. Cô học khiêu vũ và có thể thực hiện những bước phức tạp uyển chuyển, và sau đấy cũng tập cho con gái Elizaveta khiêu vũ. Ekaterina cũng thích trang phục và nữ trang đẹp. Cô có thể làm vợ của chiến binh Pyotr và ngủ trong lều, nhưng sau khi chiến dịch kết thúc, cô lại thích mang nữ trang, vận áo choàng lộng lẫy và sống trong cung điện. Sở thích của Pyotr thì giản đơn; ngôi nhà ông ở càng nhỏ và có trần càng thấp thì ông càng thích. Nhưng ông lại xây cho Ekaterina những cung điện và vườn hoa ở Sankt-Peterburg, ở Peterhof và ở Reval. Ở những nơi này, Pyotr chỉ cần mặc áo dệt bằng sợi bông có viền đơn giản. Còn các thị nữ của Ekaterina lại mặc trang phục bằng lụa hoặc nhung với gấm thêu kim tuyến bằng vàng và bạc, diềm đăng-ten ở tay áo, cúc làm bằng ngọc trai hoặc hồng ngọc.

Dù thích sống trong cảnh tráng lệ, Ekaterina không hề làm ra vẻ mình thuộc dòng dõi cao quý. Một nhà ngoại giao người Đức mô tả Ekaterina vào năm 1717 như sau:

Bà có vóc người cao và khỏe mạnh, nước da rất đậm, có lẽ còn đậm hơn nếu không nhờ son phấn trên khuôn mặt. Tư cách của bà không có gì là khó chịu, và bất kỳ ai nhớ lại gốc gác của bà hẳn đều cho rằng bà có tư cách tốt… Bà có ý muốn làm tốt mọi việc… Có thể công bằng mà nói rằng dù vị Sa hoàng phu nhân này không tỏa hết vẻ thu hút của người phụ nữ, bà vẫn có mọi nét hiền dịu… Trong chuyến viếng thăm Berlin[128], bà đối xử với hoàng hậu rất trịnh trọng, và tỏ cho mọi người hiểu rằng vận may của bà không làm bà quên được sự khác biệt giữa bà và vị hoàng hậu.

Tình cảm giữa Pyotr và Ekaterina ngày càng sâu đậm, và điều này được thể hiện sinh động nhất qua thư từ hai người trao đổi với nhau. Mỗi khi hai người xa nhau, cứ cách 3-4 ngày Pyotr gửi về cho Ekaterina một lá thư, kể về nỗi cô đơn của ông, lo lắng cho sức khỏe của cô và trấn an cô về sức khỏe của mình, chia sẻ với cô khi có tin xấu và bộc lộ niềm vui mừng với tin tốt lành. Ông chỉ có lời phàn nàn là cô không hồi âm cho ông thường xuyên như ý ông mong mỏi. Thư hồi âm của Ekaterina - được đọc cho thư ký viết - chứa đầy tình thân thương lạc quan, nỗi lo ngại cho sức khỏe của Pyotr, và tin tức về các đứa con. Cô không bao giờ than phiền và không bao giờ cho ý kiến về các vấn đề chính trị hoặc tính cách các nhân vật. Lời thư của mỗi bên đều tốt lành, quan tâm và dịu dàng, pha chút giễu cợt về chuyện riêng tư giữa hai người, như thư Ekaterina viết cho Pyotr "Nếu anh hiện diện ở đây, chẳng bao lâu ta sẽ có thêm một đứa Shishenka [tên gọi thân mật một bé trai của hai người]. Hầu như mỗi lá thư đều có kèm theo gói quà nhỏ trái cây, cá mặn, áo mới may hoặc hoàng bào cho Pyotr; hoặc hàu cho Ekaterina mà cô rất thích.

Thư Pyotr gửi từ Warszawa, ngày 24/9/1709:

… Cảm ơn em về các gói quà. Anh gửi cho em chanh tươi. Em chế giễu về những trò tiêu khiển [với phụ nữ khác]; ở đây bọn anh không có phụ nữ nào, vì bọn anh đã già và không phải hạng người như thế. Cho anh gửi lời hỏi thăm Thím [Darya]. Hôn phu cô ấy [Menshikov] đã có buổi hội kiến với Ivashka [nghĩa là say rượu], bị té ngã trên tàu và bây giờ nằm bất lực; mà em nên nói cho Thím biết đừng có hoảng hốt.

Thư Pyotr gửi từ Karlsbad, ngày 19/9/1711:

Nhờ ơn Thượng Đế bọn anh đều khỏe, chỉ có bụng bị trương nước vì bọn anh uống rượu như ngựa uống nước, và không có việc gì để làm… Em đã viết rằng vì phải lo chữa bệnh anh không nên vội về với em. Rõ ràng là em đã tìm được người tốt hơn anh. Làm ơn viết cho anh hay về việc này…

Thư Pyotr gửi từ Greifswald, ngày 08/8/1712:

Anh nghe nói em đang buồn chán và ở đây anh cũng không tránh khỏi điều đó, nhưng em có thể hiểu rằng công việc khiến cho anh không có thời giờ cho sự buồn chán. Anh nghĩ mình không thể thoát ra khỏi nơi này nhanh để về với em… Nhưng xin em hãy cẩn thận đừng đi xa quá 100 yard[129] cách các tiểu đoàn vì có nhiều tàu địch ở Half và nhiều binh sĩ thường đi vào rừng mà em thì phải đi qua những khu rừng này.

Thư Pyotr gửi từ Berlin, ngày 2/10/1712:

Hôm qua anh đã đến đây và đi gặp nhà Vua. Sáng hôm qua ông ấy đến gặp anh và tối qua anh đi gặp Hoàng hậu. Anh gửi em một ít hàu mà anh tìm mua được. Anh không thể mua thêm bởi vì họ nói có bệnh dịch bùng phát ở Hamburg và họ cấm mang bất kỳ thứ hàng hóa nào qua đó.

Thư Pyotr gửi từ Pyrmont, ngày 05/6/1716:

Anh nhận được thư em cùng món quà, và anh nghĩ em có khả năng tiên tri khi chỉ gửi cho anh một chai rượu, vì anh không được phép uống hơn một ly mỗi ngày, nên phần rượu này là đủ cho anh. Em viết rằng em không công nhận anh đã già. Theo cách đó em cố che giấu món quà đầu tiên [đôi mắt kính] để người ta không đoán ra được. Nhưng có thể thấy dễ dàng là giới trẻ không nhìn người qua đôi tròng kính. Anh sẽ gặp lại em ngày gần đây. Nước đang có tác dụng tốt[130], nhưng anh đang cảm thấy buồn chán ở đây.

Thư Ekaterina gửi, ngày 23/11/1716:

Petrushka [tên con trai] đã mọc chiếc răng thứ tư; cảm tạ Thượng Đế nó vẫn khỏe và chúng ta có thể thấy nó lớn lên, vì thế là phần thưởng để bù lại với nỗi đau khổ của chúng ta trước đây về mấy đứa anh của nó.[131]

Hai năm sau, ngày 24/7/1718, Ekaterina viết cho Pyotr về chính đứa con ấy:

Cảm tạ Thượng Đế, em và các con đều khỏe mạnh. Mặc dù trên đường trở về Sankt-Peterburg, Petrushka có phần yếu vì mới mọc thêm răng, nhưng bây giờ nhờ ơn Thượng Đế nó đã khỏe và đã mọc thêm ba răng hàm. Em van anh, người cha bé nhỏ, bảo vệ cho Petrushka, bởi vì nó không tranh cãi với em về anh; có nghĩa là khi em nói Papa đã đi xa thì nó không hài lòng, nhưng khi em nói Papa đang ở đây thì nó rất vui.

Qua các bức thư này, ta có thể tin chắc rằng một người đàn ông - với thời tuổi trẻ bị nhuốm bạo lực, với cuộc sống ngoài công cộng đầy đấu tranh, và với cả gia tộc nhìn thấy thảm kịch khủng khiếp ập lên Hoàng hậu vợ của Aleksei - ít nhất đã có những khoảnh khắc hạnh phúc.

Qua Ekaterina, Pyotr đã tìm thấy một hòn đảo giữa những cơn dông tố.

125. Hàng nghìn thư từ và tài liệu của Menshikov vẫn còn được lưu giữ, đều mang nét chữ của thư ký và chỉ có thư ký là của ông. Có hai ngoại lệ: một tài liệu ông viết “Aleksandr Menshikov đã nhận”, và tài liệu kia “Aleksandr Menshikov đã nhận và cảm ơn”; cả hai dòng chữ đều có nét run rẩy, thô thiển. (ND)

126. Khi cảm thấy Pyotr đang phản bội, Anna cố tình làm cho ông chú ý đến mình bằng cách ve vãn một cách khiêu khích Đại sứ Phổ Keyserling. Vị đại sứ đáp lại nồng nhiệt, ngỏ lời cầu hôn. Pyotr phản ứng bằng cách trục xuất Anna ra khỏi bất động sản ông cung cấp, lấy lại các món quà tặng, giam lỏng cô và bà mẹ trong nhà. Sau đó, ông dịu xuống nên cuộc hôn nhân giữa Anna và Keyserling được tiến hành. Anna sống trong Khu Ngoại ô Đức làm phu nhân đại sứ rồi trở thành quả phụ và qua đời năm 1715. (TG)

127. Danh sách đầy đủ là Pyotr (1704-1707), rồi đến Pavel (1705-1707), Ekaterina (1707-1708), Anna (1708-1728), Elizaveta (1709-1762), Natalia (1713-1715), Margarita (1714-1715), Pyotr (1715-1719), Pavel (1717-1717), Natalia (1718-1725), Pyotr (1723-1723), và Pavel (1724-1724). (TG)

128. Trong thời gian này, Berlin là thủ phổ nước Phổ. (ND)

129. 1 yard = 0,91 mét. (ND)

130. Vào lúc này, Pyotr đang được chữa trị bằng nước khoáng ở Pyrmont, gần Hannover, vì ngã bệnh sau một chầu rượu. (ND)

131. Vào thời gian này, hai người đã mất đi 2 đứa con trai: Pyotr (1704-1707) và Pavel (1705-1707). (ND)

29 BÀN TAY CỦA QUÂN VƯƠNG CHUYÊN CHẾ

Pyotr di chuyển liên tục suốt thời gian trị vì. Trong thời gian chín năm giữa hai trận đánh Narva và Pultowa, Sa hoàng không bao giờ ở một nơi quá ba tháng. Lúc ở Moskva, lúc ở Sankt-Peterburg, lúc ở Voronezh; rồi đi đến Ba Lan, Litva và Livonia, Pyotr luôn di chuyển để thị sát, tổ chức, kêu gọi, phê bình, chỉ huy. Ngay cả ở Sankt-Peterburg mà ông yêu quý, ông cư ngụ trong nhà này qua nhà khác đầu đấy trong thành phố. Ông cảm thấy bứt rứt khi ngụ trong một ngôi nhà trong một tuần. Di chuyển khắp nơi, ông phá mọi tiền lệ trước cặp mắt kinh ngạc của thần dân. Hình ảnh truyền thống của Sa hoàng sống xa cách trong Điện Kremlin hoàn toàn tương phản với vị quân vương cao lớn không để râu, với áo choàng kiểu Đức, mũ ba góc, đôi giày lấm bùn, từ cỗ xe ngựa bước xuống con đường lầy lội của một thị trấn Nga, đòi hỏi bia để giải khát, một chiếc giường để nghỉ đêm, và ngựa khỏe thay thế để đi tiếp sáng hôm sau.

Đi lại trên đường bộ vào thời này vừa thử thách tinh thần vừa hành hạ thể xác. Đường sá của Nga không gì hơn là những lối mòn đầy vết lún sụt giữa đồng cỏ hoặc dưới rừng cây. Xe ngựa vượt sông bằng cầu ọp ẹp hoặc phà thô sơ, hoặc phải chạy qua chỗ nước cạn. Những người mà đoàn xe gặp dọc đường đều nghèo khổ, sợ sệt, đôi khi có thái độ thù hằn. Vào mùa đông,

chó sói lởn vởn xung quanh. Vì đường sá lầy lội và có nhiều ổ gà, xe ngựa phải chạy chậm và thường bị hỏng hóc; trên vài đoạn đường chỉ có thể đi không đến 10 kilômét mỗi ngày.

Ngay cả khi Sa hoàng ra lệnh mỗi nơi dừng chân phải cung cấp ngựa, địa phương khó cung cấp đầy đủ, và mỗi con ngựa chỉ có thể dùng trên đoạn đường không quá 20 kilômét, sau đấy được trả lại cho người chủ trong khi đoàn phải tìm ngựa mới. Trong điều kiện như thế, chuyến đi thường bị chậm trễ trong thời gian dài. Khi đang xây dựng Sankt-Peterburg, Sa hoàng ra lệnh xây một con đường dài 800 kilômét nối giữa thành phố mới và Moskva. Mỗi chuyến đi giữa hai thành phố mất 4-5 tuần.

Thật ra, tình trạng đường sá gồ ghề lồi lõm ở Nga cũng giống như ở các nước khác, chỉ có điều là phải nối liền những miền cách xa nhau qua những vùng hoang dã bao la. Đầu tháng 4/1718, Công sứ Friedrich Weber của Hanover đi từ Moskva đến Sankt-Peterburg:

> Chúng tôi phải đi qua trên 20 đoạn vượt sông mà không có cầu hoặc phà gì cả. Chúng tôi bắt buộc phải tự xây cầu phao theo khả năng của mình, còn dân địa phương khi nhìn thấy kỹ thuật lạ lùng đối với họ thì trốn chạy vào rừng dắt theo cả trẻ em và ngựa. Cả đời tôi chưa từng có chuyến đi nào mệt nhọc đến thế; thậm chí những người đồng hành vốn đã đi nhiều nơi trên thế giới cho biết họ chưa bao giờ cực khổ như vậy.

Vì những khó khăn trên đường bộ, người Nga thích di chuyển trên sông hồ hoặc trên mặt băng. Những con sông lớn ở Nga luôn là những tuyến đường nội thương chủ chốt. Tàu thuyền và sà lan chở nông sản, gỗ trên các sông Volga, Don, Dniepr, Dvina Tây và, sau này, Neva. Người đi và đến từ

Tây Âu thường chọn cách đi đường biển. Trước khi Nga thông ra được Biển Baltic, các đại sứ Nga đi tàu từ Arkhangelsk để đến Tây Âu, thà chịu đựng băng trôi và gió bão trên Bắc Băng Dương còn hơn là khổ nhọc đi trên đường bộ.

Nhưng ở nước Nga dưới thời Pyotr, phương tiện được ưa chuộng nhất là xe trượt tuyết trong mùa đông. Thoạt đầu, sương giá mùa thu làm cho bùn cứng lại và nền đường vững chắc hơn, rồi vào mùa đông tuyết rơi tạo bề mặt trơn láng, nên sử dụng xe trượt tuyết kéo bằng ngựa đi nhanh gấp đôi so với xe bốn bánh do ngựa kéo vào mùa hè, và ngựa cũng đỡ mất sức hơn trên cùng quãng đường. Vì thế trong suốt mùa thu thương nhân Nga tích trữ hàng hóa, chờ cho mùa đông đến để chuyên chở đi. Khi đã có một lớp tuyết phủ mặt đất, hàng hóa được chất lên xe trượt tuyết, và mỗi ngày có hàng nghìn chiếc xe như thế đi đến Moskva, cả ngựa lẫn người đánh xe thở hơi nước trắng xóa đi hòa lẫn với đám đông trong thành phố.

Những con đường chính được cắm cột sơn màu đỏ và trồng cây hai bên. Một người Hà Lan nhận xét:

> Những cột và hàng cây này rất hữu ích bởi vì trong mùa đông khó mà nhận ra đường đi; cả mặt đất đều phủ tuyết trắng xóa.

Theo lệnh của Pyotr, cứ cách khoảng 20 đến 25 kilômét phải xây một quán trọ để tạo chỗ dừng chân cho người đi đường.

Giới quý tộc và nhân vật quan trọng sử dụng loại xe trượt tuyết đóng kín do 2 hoặc 4 thậm chí 6 con ngựa kéo. Trên quãng đường dài, chiếc xe là nơi ăn ngu và khách lữ hành chỉ bước ra khi đến nơi. Weber mô tả cuộc hành trình:

Khách lữ hành không thể nào chịu đựng được thời tiết lạnh buốt ở Nga, nếu không nhờ có xe trượt tuyết tạo thuận lợi. Phần trên của chiếc xe được đóng kín và che chắn tốt nên gió lạnh bên ngoài không vào được. Hai bên là những khung cửa sổ nhỏ và hai hàng kệ để chứa phẩm vật tiêu dùng và sách tiêu khiển cho chuyến đi. Phía trên đầu là một chiếc đèn lồng với nến sáp để thắp sáng vào buổi tối. Bên dưới xe trượt tuyết được lót chăn dạ để giữ ấm cho khách, phần chân của khách có thêm đá ấm hoặc một bình đựng nước ấm để giữ cho xe trượt tuyết được ấm và cũng bảo vệ thùng đựng rượu chống lại băng giá. Dù có những cách dự phòng như thế, loại rượu nặng nhất thường bị đông lạnh và hư hỏng. Trong khu cư ngụ di động này, lữ khách chỉ đi ra ngoài khi cần thiết.

Với loại xe trượt tuyết như thế, và bằng cách thay đổi ngựa thường xuyên, đôi khi Pyotr có thể di chuyển 160 kilômét mỗi ngày.

Ngoài xe ngựa và xe trượt tuyết, Pyotr còn sử dụng sà lan và thuyền để di chuyển trên sông hồ. Có người ước tính ông di chuyển gấp 20 lần so với bất kỳ quân vương nào khác trên thế giới. Nhưng ông không đi vì thích du lịch; thật ra đấy là cách cai trị của ông: luôn muốn thị sát những gì đang xảy ra và xem mệnh lệnh của mình có được thi hành hay không. Cơ thể luôn dằn xóc, đầu va vào thành xe hai bên khi ngủ gật, tay chân xóc qua lại với người ngồi bên cạnh, bánh xe kêu kèn kẹt, người đánh xe la thét - đấy là cuộc đời của Pyotr, từ tuần này sang tuần khác, năm này sang năm khác. Không lạ gì mà mỗi khi có thể, ông đều dùng đường sông. Quả là nhàn hạ khi sà lan hoặc con thuyền lướt đi êm ả, người đứng trên boong ngắm nhìn làng mạc, cánh đồng và khu rừng dần lui về phía sau.

Việc Pyotr di chuyển liên tục khiến cho chính phủ vận hành khó khăn. Sa hoàng ít khi có mặt ở thủ đô. Nhiều chỉ dụ được ông viết bằng tay nguệch ngoạc trên tờ giấy nâu khi đang ngồi trên xe ngựa hoặc trong quán trọ hoặc trong ngôi nhà mà ông nghỉ qua đêm. Mỗi khi ông chuẩn bị chương trình làm việc hành chính nghiêm túc thì hoặc là chiến tranh hoặc là lòng ham muốn đi xem con tàu mới đóng khiến cho ông phải ra đi. Chính phủ ở Moskva trải qua nhiều thay đổi từ lúc này cho đến khi xảy ra trận đánh Pultowa. Giới quý tộc dần dần mất ảnh hưởng; những người thân cận nhất của Sa hoàng - như Menshikov - không hề được phong làm *boyar*. Thật ra những *boyar* như Sheremetyev và Fyodor Golovin thích được gọi là Bá tước. Quan chức chính phủ nhận chức vụ theo cách gọi ở Tây Âu, như bộ trưởng, thứ trưởng và ủy viên hội đồng cơ mật.

Cùng với tên gọi chức vụ, thành phần nhân sự cũng thay đổi. Sau khi Fyodor Golovin - vừa là Nguyên soái kiêm Đô đốc kiêm Ngoại trưởng - qua đời vì bị sốt năm 1706 ở tuổi 55, Sa hoàng cử ba người chia nhau thay thế: Fyodor Apraksin là Đại tướng kiêm Đô đốc, Gavrila Golovkin làm Bộ trưởng Ngoại giao sau trận Pultowa, và Pyotr Shafirov là Thứ trưởng Ngoại giao. Apraksin là người chân chất, hăng hái, rất hãnh diện, không thích bị ai, kể cả Sa hoàng, sỉ nhục. Apraksin phục vụ Pyotr qua nhiều cương vị: đại tướng, tổng trấn, thượng nghị sĩ, nhung ông thích nhất là phục vụ trong hải quân - một điều hiếm thấy trong số quần thần của Pyotr. Ông là đô đốc người Nga đầu tiên và chỉ huy một hạm đội mới trong chiến thắng hải quân quan trọng đầu tiên: Trận hải chiến Hangö.

Golovkin là con người cẩn trọng, biết tính toán hơn, nhưng cũng trung thành phục vụ Pyotr cả đời mình. Trong trận đánh Narva, Golovkin tỏ rõ tính gan dạ mãnh liệt và được thưởng Huân chương Sankt-Andrei. Phần lớn

công văn nhận và gửi đến các nhà ngoại giao Nga đều qua tay ông (tuy Pyotr thường đọc và chỉnh sửa các mệnh lệnh trong công văn gửi đi).

Nhân vật độc đáo nhất trong số ba đại thần là Pyotr Shafirov, xuất thân từ trong bóng tối để trở thành bá tước đầu tiên của Nga vào năm 1710. Kiến thức của ông về các ngôn ngữ Tây Âu, kể cả Latinh, và tài soạn thảo văn kiện ngoại giao giúp ông thăng tiến đều đặn lên đến chức Thứ trưởng Ngoại giao năm 1709, rồi nhận Huân chương Sankt-Andrei năm 1719. Giữa ông và Golovkin có hiềm khích, nhưng vì Pyotr cần cả hai người nên bắt mỗi người vẫn phải giữ chức vụ. Các nhà ngoại giao nước ngoài kính trọng Shafirov, cho rằng tuy ông có tính rất nóng nảy, nhưng có thể luôn tin tưởng vào lời ông nói.

Ngoài ra, tên gọi các cơ quan chính phủ không ngừng thay đổi. có thêm những bộ mới: Hải quân, Pháo binh và Hầm mỏ. Người đứng đầu các cơ quan này bây giờ chính thức được gọi là bộ trưởng, phụ trách công việc hằng ngày, xem xét công văn lúc trước được gửi đến Sa hoàng. Pyotr đã phát hiện ra rằng mỗi khi ông vắng mặt khỏi Moskva, thành viên của Hội đồng *boyar* lúc trước - bây giờ được thay bằng Hội đồng Cơ mật - thường không đến dự họp. Nếu sau này Sa hoàng trách cứ quyết định của Hội đồng, những người này có thể né tránh trách nhiệm bằng cách nói rằng họ đã không có mặt. Vì thế Pyotr ra lệnh ủy viên phải đến họp đúng giờ và tất cả ủy viên có mặt phải ký tên vào quyết định. Liên lạc viên mang công văn này, cùng với biên bản cuộc họp và giấy tờ quan trọng khác, đến trình cho Pyotr, dù cho ông đang ở bất cứ nơi nào.

Để xử lý những hồ sơ này, Sa hoàng luôn dẫn theo một văn phòng thu gọn do Aleksei Makarov đứng đầu với cương vị Bí thư Triều đình. Là con người tài giỏi và khiêm tốn, Makarov đã thăng tiến nhờ chính bản thân từ

một vị trí thấp lên đến chức vụ chủ chốt này. Nhiệm vụ của ông không phải là tham mưu, nhưng là đảm bảo trình lên Sa hoàng mọi công việc theo đúng trình tự và vào đúng thời gian. Vai trò này đòi hỏi sự khôn khéo cao độ và hành xử quyền lực rộng rãi, và Makarov được một người Đức trẻ tuổi làm trợ lý: Andrei Osterman. Anh này là con của một mục sư Lutheran có nhiệm vụ thông dịch cho Sa hoàng. Theo thời gian, vai trò của Osterman càng thêm quan trọng.

Phần lớn công việc của chính phủ Pyotr vào những năm này liên quan đến chiến tranh và thuế khóa. Pyotr luôn đòi hỏi những ngân khoản lớn lao. Năm 1708, trong nỗ lực gia tăng nguồn thu mới, Pyotr lập nên đội ngũ nhân viên "công khố"" (gọi theo tiếng nước ngoài) với nhiệm vụ tìm ra phương cách mới để thu thêm thuế. Đứng đầu nhóm này - nhờ thành công nổi trội nhất - là Aleksei Kurbatov, lúc trước làm gia nô của Sheremetyev đã đề xuất với Sa hoàng việc bán giấy đóng dấu của chính phủ để dùng cho mọi hồ sơ liên quan đến pháp lý. Kurbatov và những đồng nghiệp tài năng nhưng bị ghét bỏ thậm tệ của ông đã quy định hàng loạt loại thuế mới đánh lên nhiều hoạt động trong xã hội: từ khai sinh, kết hôn, khai tử, lập di chúc, cho đến cả ngựa, da ngựa và vòng cổ ngựa, mũ và giày da cao cổ, ngay cả thực phẩm và nước uống. Thuế cho phép người để râu được thi hành triệt để; còn có thêm khoản thuế cho phép mang bộ ria. Tiền đi xe ngựa bị tính thuế mười phần trăm. Có thuế đánh lên nhà cửa ở Moskva, và tổ ong nuôi khắp nước Nga. Có thuế đánh lên giường ngủ, bồn tắm, quán trọ, lò sưởi trong bếp ăn và củi đốt…

Ngân khố cũng được giàu lên nhờ các công ty độc quyền của triều đình kiểm soát tất cả hoạt động sản xuất và phân phối - theo giá cao như thế nào tùy ý - những mặt hàng như rượu, nhựa cây, hắc ín, dầu cá, phấn, pôtát, hạt

súc sắc, bộ quân cờ, bộ bài tây, da lông chồn… Triều đình thu hồi độc quyền đối với vài mặt hàng như sợi lanh và thuốc lá lúc trước giao cho nước ngoài. Triều đình cũng thu tóm những quan tài đóng bằng gỗ sồi - mà dân nhà giàu nằm vào để hướng cõi vĩnh hằng một cách thoải mái - rồi bán lại với giá gấp bốn lần. Mặt hàng độc quyền mang lại lợi nhuận lớn nhất là muối ăn: vào năm 1705 giá bán gấp đôi giá thành sản xuất. Nhiều người dân vùng nông thôn bị bệnh và chết vì không kham nổi giá muối.

Để siết chặt sự kiểm soát hành chính và gia tăng hiệu quả thu thuế, năm 1708 Sa hoàng chia nước Nga ra làm tám tỉnh khổng lồ: Moskva, Sankt-Peterburg, Kyyiv, Arkhangelsk, Kazan, Azov, Smolensk, và Siberia. Ông cử người thân cận làm thống đốc, mỗi thống đốc được giao quyền hành quân sự và hành chính trong tỉnh của họ, đặc biệt là trong việc thu thuế. Điều không may là vài thống đốc cư ngụ ở thủ đô cách xa địa phương họ cai trị, một số người nhận thêm nhiệm vụ khác (Menshikov thường đi chinh chiến), nên hiệu quả cai trị bị hạn chế.

Tuy vậy, các nỗ lực vẫn được xúc tiến. Dù cho thống đốc ra lệnh, nhân viên công khố lập phương án, nhân viên thu thuế vất vả và dân chúng oằn lưng, tiền thuế thu được chỉ có giới hạn. Cần phải thu thêm thuế qua việc phát triển thương mại và công nghiệp. Sau khi đã quan sát cách thức hoạt động có hiệu quả của những công ty thương mại Anh và Hà Lan ở Nga, Pyotr ra lệnh cho các thương nhân Nga lập nên những tổ chức tương tự. Khởi đầu, người Hà Lan lo sợ guồng máy đầy hiệu năng của họ sẽ bị ảnh hưởng, nhưng chẳng bao lâu họ an tâm khi thấy người Nga không biết làm thế nào bắt đầu những công việc phức tạp và khó khăn. Dù cho thần dân của Pyotr có phấn đấu tối đa, tiền thuế và doanh thu của các quốc doanh độc quyền vẫn không thể đáp ứng đủ các nhu cầu.

Nhu cầu về nhân lực lớn lao ngang bằng với nhu cầu về nguồn tiền. Trong chín năm từ trận Narva đến trận Pultowa, Pyotr tuyển trên 300.000 người để sung vào quân đội. Có người bị tử trận hoặc bị thương trên chiến trường, có người bị bệnh mà chết, nhưng tổn thất lớn hơn nhiều là do đào ngũ. Lại có thêm một số lớn nông dân bị bắt đi phục vụ cho các công trình xây dựng đầy tham vọng. Việc xây dựng các pháo đài ở Azov và căn cứ hải quân ở Taganrog đòi hỏi phải huy động 30.000 công nhân mỗi năm. Các xưởng đóng tàu ở Voronezh và công trình Sông Don (không bao giờ hoàn thành) đòi hỏi thêm nhiều nghìn người. Công trình xây dựng Sankt-Peterburg cần nhiều công nhân nhất. Mùa hè năm 1707, Pyotr ra lệnh điều 30.000 nhân công chỉ riêng từ vùng Moskva để đi lao động ở Sankt-Peterburg.

Nhưng cuộc huy động tài lực và nhân lực lớn nhất trong lịch sử nước Nga từ trước đến giai đoạn này khiến cho mọi tầng lớp trong xã hội Nga đều than vãn. Sự bất mãn và than phiền ở Nga thì không thiếu, nhưng dân Nga vẫn luôn có thói quen kết án các *boyar* mỗi khi đất nước lâm vào nguy khốn, chứ không phiền trách Sa hoàng. Chính Pyotr đã khiến cho hình ảnh của Sa hoàng tan biến dưới mắt họ. Bây giờ, người Nga hiểu ra rằng Sa hoàng chính là triều đình, rằng vị quân vương cao lớn, ăn mặc theo kiểu nước ngoài này đang ban hành những mệnh lệnh khiến cho đời sống của họ trở nên khốn khổ. Nông dân càu nhàu, giới quý tộc than phiền - thậm chí mong cho Sa hoàng bị tử trận vì thấy ông cứ mãi đi chinh chiến.

Lời càu nhàu và than phiền như thế không thể phát tán đi xa. Nhân viên mật vụ được phái đi khắp nơi, quan sát và nghe ngóng mọi lời nói không hợp cách. Cảnh sát mật vụ ban đầu nằm trong lực lượng Cấm vệ; khi lực lượng này bị giải tán thì Lữ đoàn Preobrazhenskoe đảm trách. Đến khi Lữ

đoàn này phải ra mặt trận, Sa hoàng lập nên Cục Mật vụ do Fyodor Romodanovsky chỉ huy. Là người cứng rắn và trung thành với Pyotr, Romodanovsky thẳng tay đối phó với bất kỳ dấu hiệu phản phúc nào. Qua mạng lưới nghe ngóng và tố cáo tiếp theo là tra tấn và xử tử, Romodanovsky và Cục Mật vụ dưới quyền ông đã hoàn tất công tác tàn nhẫn: ngay cả dưới sự áp chế của nhân viên thu thuế và tuyển lao động, không hề có trường hợp phản loạn nào - dù là qua lời nói hoặc hành động có thể đe dọa ngai vàng.

Nhưng thành tích trong những năm này không chỉ là tàn bạo. Trong nhiều lĩnh vực, Pyotr đã có nỗ lực nghiêm túc để cải thiện thói quen và điều kiện sống của người Nga. Chính ông đích thân hành động để nâng cao địa vị của phụ nữ Nga, bãi bỏ chế độ khắt khe của biệt cung, cho phép phụ nữ hoàng gia ngồi cùng ăn với đàn ông và tham dự những lễ hội công cộng. Ông cấm bậc cha mẹ ép duyên con cái theo truyền thống mà có khi cô dâu và chú rể không hề được trông thấy mặt nhau trước. Năm 1702, với niềm vui vô bờ của giới trẻ, Sa hoàng ra chỉ dụ rằng tất cả quyết định về hôn nhân phải là tự nguyện, rằng hai bên phải gặp nhau ít nhất sáu tuần trước khi kết hôn, mỗi bên có quyền tự do từ chối bên kia, và việc chú rể vung cây roi trong ngày cưới như là biểu trưng cho quyền hành phải được thay thế bằng nụ hôn thể hiện tình yêu.

Sa hoàng cấm giết trẻ sơ sinh vì lý do dị tật - Moskva vốn có thói quen âm thầm làm đứa bé ngạt thở ngay sau khi sinh ra - và ra lệnh phải ghi chép mọi ca sinh đẻ như vậy để cơ quan chức năng có thể chăm sóc những trẻ như thế. Sa hoàng cấm người bán hàng rong bán các loại thảo dược và dược liệu khác, mà chỉ có các cửa hàng y dược mới được bán. Năm 1706, Sa hoàng thiết lập bệnh viện nhân dân đầu tiên ở Moskva. Để cải thiện tình

trạng an ninh đường phố, tránh những vụ cãi vã do say xin có thể biến thành đâm chém đổ máu, Sa hoàng cấm mang vũ khí. Việc thách đấu tay đôi - là thói quen toàn Châu Âu thời bấy giờ - cũng bị nghiêm cấm. Để chấm dứt tình trạng người ăn xin đeo bám khách qua đường, Sa hoàng ra lệnh người ăn xin chỉ được hiện diện ở nơi phát chẩn, còn người bố thí ngoài đường phố sẽ bị phạt.

Để khuyến khích người nước ngoài đến làm việc ở Nga, Pyotr ra chỉ dụ xóa bỏ tất cả điều luật trước đây giới hạn việc đi lại của công dân nước ngoài qua cửa khẩu biên giới. Mọi người nước ngoài đến làm việc cho nước Nga được đặt dưới sự bảo vệ của Sa hoàng. Không phải luật pháp Nga và tòa án Nga - mà là một tòa án đặc biệt gồm những người nước ngoài áp dụng luật dân sự La Mã - sẽ giải quyết mọi tranh chấp giữa người nước ngoài và người Nga. Thêm nữa, người nước ngoài được đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng.

Dù cho bận bịu vì chiến tranh, Pyotr vẫn quan tâm đến hệ thống giáo dục cho thần dân của mình. Năm 1701, Henry Farquharson và hai người Scotland khác giúp thành lập Trường Toán học và Hải hành, thu nhận 200 sinh viên Nga. Công cuộc đầu tư vào tương lai như thế trở thành mối tranh chấp giữa người tuyển quân và Kurbatov, khi ông này can thiệp để gom họ làm nghề thu thuế cho ông, biện luận rằng gửi họ ra chiến trường gây uổng phí lớn cho công tác đào tạo.

Giáo sĩ Gluck, người đã bảo trợ cho Ekaterina lúc trước, giúp dựng lên Trường Ngôn ngữ cổ và Hiện đại, và cũng giúp đào tạo nhân viên ngoại giao tương lai của Nga trong các môn học Latinh, Ngôn ngữ hiện đại, Địa lý, Chính trị học, Cưỡi ngựa, và Khiêu vũ. Sa hoàng ra lệnh thu thập mang về Moskva để bảo quản tất cả tài liệu ghi chép lịch sử nước Nga. Ông ra

lệnh cho dịch sách vở nước ngoài ra Nga văn một cách trung thực, cho dù nội dung có bất lợi cho Nga. Ông nói, mục đích "không phải là tán dương thần dân của ta, nhưng để giáo dục họ bằng cách cho họ thấy nước ngoài có quan điểm về họ như thế nào".

Năm 1707, Sa hoàng phê chuẩn hệ thống chữ cái mới để in sách Nga văn. Quyển sách đầu tiên được in như thế là về hình học, kế tiếp là về văn phạm Nga, chỉ dân cách khen ngợi, viết thiệp mời và cách đề xuất hôn nhân. Phần lớn các đầu sách kế tiếp là về kỹ thuật, nhưng Sa hoàng cũng ra lệnh in lịch, sách về lịch sử của cuộc chiến Thành Troy, cuộc đời của Alexander Đại đế, về đời sống dân Nga. Sa hoàng không chỉ ra đề tài in sách, mà còn biên tập và viết chú giải. Ông đã viết cho một người dịch sách: "Các đoạn chỉ dẫn cách xây pháo đài còn khó hiểu."

Để giúp thần dân Nga có cơ hội cập nhật thông tin trước thế giới, Sa hoàng ra chỉ dụ thành lập tập san Vedomosti (có nghĩa là "ghi chép") xuất bản ở Moskva. Tất cả cơ quan chính phủ phải đóng góp tin tức, và vì thế vào năm 1703, số báo đầu tiên ra đời, với chủ đề là những biến cố quân sự đã xảy ra ở Nga và các nước láng giềng. Để tạo thêm môi trường giáo dục và nâng cao trình độ văn hóa của dân Nga, Sa hoàng cũng nhờ một người quán lý nhà hát người Đức cùng vợ ông và vài diễn viên đến Moskva để dựng lên một nhà hát nhân dân, dàn dựng vở diễn và đào tạo diễn viên Nga.

Qua những năm này, Pyotr nỗ lực thay đổi ý niệm của người Nga trong việc tôn kính Sa hoàng. Năm 1701, ông ra chỉ dụ rằng thần dân không cần phải quỳ gối hoặc nằm phủ phục trước sự hiện diện của quân vương. Ông bãi bỏ nghi thức đòi hỏi người Nga phải dỡ mũ ra trong mùa đông khi đi ngang hoàng cung dù Sa hoàng hiện diện bên trong hay không. Ông giải thích:

Bớt nghi lễ nhưng thêm hăng hái và thêm trung thành đối với ta và đất nước - đấy là cách bày tỏ lòng kính trọng Sa hoàng.

Đối với một số người, gánh nặng là quá lớn lao và cách giải quyết duy nhất đối với việc thu thuế và bắt đi lao động là bỏ trốn. Có thể đến cả trăm nghìn nông dân trốn lánh nghĩa vụ. Một số người ẩn náu trong rừng hoặc đi lên miền bắc, gia nhập vào các cộng đồng của Tín đồ Cựu giáo. Một số đi về miền nam đến vùng thảo nguyên Ukraina và Volga, lãnh địa của dân Cossack, là vùng ẩn náu lâu đời của dân Nga trốn chạy khỏi sự kiểm soát của triều đình. Họ bỏ lại làng mạc trống vắng, khiến cho các thống đốc và địa chủ lo âu vì phải giải thích tại sao họ không đạt chỉ tiêu giao công nhân mà Sa hoàng đặt ra. Khi Sa hoàng nước Nga ra lệnh trả lại số người này, phản ứng của người Cossack là do dự, rồi tránh né, rồi cuối cùng thách thức.

Cho đến thế kỷ này, những cuộc nổi loạn trong lịch sử nước Nga đều xảy ra ở miền nam. Dưới triều đại của Pyotr, trong những năm nguy hiểm nhất của cuộc chiến với Karl XII có ba cuộc nổi loạn, đều ở miền nam: cuộc nổi loạn ở Astrakhan, sự nổi dậy của sắc tộc Bashkir, và sự nổi dậy của Cossack.

Thị trấn Astrakhan, nơi Sông Volga đổ vào Biển Caspi, âm ỉ mầm mống phản loạn. Đây là nơi lưu đày Cấm vệ bị giải tán, và kỷ niệm cay đắng về những cuộc hành quyết năm 1698 vẫn còn sục sôi trong tim anh em, vợ con của họ. Thương nhân Volga phàn nàn vì thuế khóa cao, nông dân than phiền về phí qua cầu, ngư dân bất mãn về mức hạn chế sản lượng đánh bắt; không ai ủng hộ những cải tổ của Pyotr. Trong thùng thuốc súng này, nhiều lời đồn

đại châm ngòi nổ: người nước ngoài đã giết Sa hoàng nước Nga, người ngồi trên ngai vàng hiện nay là kẻ lừa đảo, có thể là kẻ phản Chúa.

Mùa hè 1705, một tin đồn làm chấn động dân chúng vùng này: Sa hoàng cấm đàn ông kết hôn trong bảy năm để phụ nữ Nga có thể lấy chồng người nước ngoài hiện đang đổ xô đến trên từng chuyến tàu đầy ắp. Để bảo vệ con gái của họ, dân Astrakhan vội vã dàn xếp hôn lễ. Ngày 30/7/1705, khoảng 100 cô gái Nga được gả chồng. Nhiều người đã say rượu sau khi tham gia lễ cưới, cùng với người bàng quan kéo đến tấn công các văn phòng nhà nước, chặt đầu viên thị trưởng rồi lập nên "chính phủ" mới, ra tuyên cáo lý do. Họ phái sứ giả đi đến các thị trấn khác và lãnh thổ Cossack, kêu gọi tín đồ Chính Thống giáo gia nhập hàng ngũ của họ.

Tin tức về cuộc bạo loạn khiến cho Moskva âu lo. Nhận thức được sự cần thiết phải trấn áp trước khi bạo loạn lan xa, Pyotr vội ra lệnh Sheremetyev dẫn vài trung đoàn bộ binh và kỵ binh đến Astrakhan, lệnh cho Streshnev cất giấu ngân khố, tạm thời chặn tất cả thư từ ra khỏi Nga để tin tức về cuộc nổi loạn không đến tai Karl. Đối với bên phản loạn, Pyotr tỏ thái độ khoan hồng. Ông mời "chính phủ" phiến loạn cử đại diện đến Moskva để trình bày thỉnh nguyện với Golovin. Họ đến, và trình bày một cách tha thiết lý do họ phải giết vị thị trưởng, đến nỗi Golovin có ấn tượng mạnh. Golovin báo cáo với Pyotr rằng trông họ là những người trung thực, rằng triều đình cũng có kẻ bất lương, rồi khẩn cầu Sa hoàng rộng lượng với họ. Sa hoàng đồng ý.

Các đại diện trở về Astrakhan với món tiền túi làm lộ phí, cùng lời hứa rằng nếu thị trấn họ chịu thần phục, tất cả công dân đều được ân xá, việc thu thuế sẽ phải chăng hơn. Triều đình cũng ra lệnh cho Sheremetyev tránh gây đổ máu.

Nhưng vào thời này, sự khoan hồng bị xem là nhu nhược, và sự trở về của các đại diện kèm lời hứa hẹn đã không làm cho tình hình trở lại yên ổn mà còn khuyến khích nhóm phản loạn. Cư dân Astrakhan tự chúc mừng: họ đã thách thức Sa hoàng và đã thắng. Khi Sheremetyev gửi liên lạc viên đến cho biết quân của ông sẽ tiến vào thị trấn và ông sẽ không tha thứ nhưng người cầm đầu, ngọn lửa nổi loạn lại bùng lên. Họ ngược đãi anh liên lạc viên và đáp trả bằng lời xúc phạm Sa hoàng và đe dọa năm sau sẽ tiến đánh Khu Ngoại ô Đức.

Nhưng nhóm nổi loạn đã không tự lượng sức mình; không có ai đến gia nhập hang ngũ của họ. Dân Cossack trả lời rằng họ không bị Sa hoàng áp bức. Astrakhan bị cô lập. Thế mà khi quân Sheremetyev tiến vào vẫn bị họ tấn công. Sheremetyev đánh bại họ một cách dễ dàng, kỵ binh của ông chạy giữa những hàng người nằm mọp trên đất xin tha tội. Ông giải những kẻ cầm đầu về Moskva. Vui mừng tột độ, Pyotr tăng lương cho Sheremetyev và ban cho ông một vùng đất lớn.

Cùng năm này, 1705, sắc tộc Bashkir gây rắc rối. Họ theo đạo Hồi, sông giữa Sông Volga và dãy Urals theo cách du canh, chăn nuôi bò, dê cừu, lạc đà trong khi đeo cung tên và cưỡi loại ngựa nhỏ nhưng khỏe. Suốt thế kỷ 17, những người Nga đi tìm miền đất mới đã tiến về phía tây và lập nên thị trấn cùng đất canh tác trên đồng cỏ của dân Bashkir. Đi theo họ là nhân viên thu thuế. Đầu năm 1708, dân Bashkir ra mặt chống đối, đốt phá một số làng mạc người Nga. Mặc dù Karl đang tiến về hướng biên giới phía tây của Nga, Pyotr vẫn điều ba trung đoàn đi đối phó. Dân Bashkir miền tây chịu đầu hàng êm thấm và được ân xá ngoại trừ người cầm đầu; trong khi đó dân Bashkir miền đông tiếp tục đốt phá, nhất là sau khi Pyotr rút quân về để đối

phó với Thụy Điển. Nhưng Sa hoàng huy động được 10.000 người Kalmuck theo Phật giáo để đối đầu và cuối cùng trấn áp được.

May mắn và sự hiện diện của đoàn quân dưới quyền Sheremetyev đã dập tắt được ngọn lửa bạo loạn Astrakhan. Bộ tộc Bashkir đã thiếu đoàn kết và người chỉ huy nên bị trấn áp. Nhưng cuộc nổi loạn nghiêm trọng nhất là do dân Cossack gây ra, dưới quyền chỉ huy của Kondraty Bulavin.

Nguyên nhân trực tiếp là do Pyotr đã truy nã binh sĩ đào ngũ và công nhân hoặc nông nô bỏ trốn khỏi nơi làm việc, tất cả cùng trà trộn với dân Cossack. Cũng giống như miền Viễn Tây của Mỹ, vùng Ukraina đất rộng người thưa là nơi dung thân của kẻ trốn lánh những sự hạn chế hoặc áp bức của xã hội. Ở Nga, nhiều người trong số này trốn lánh pháp luật: Họ là nông nô bị buộc chặt vào mảnh đất của địa chủ theo luật của Sa hoàng; hoặc binh sĩ làm nghĩa vụ trong quân đội của Pyotr; hoặc công nhân phải đi làm việc ở xưởng đóng tàu Voronezh hoặc ở các pháo đài Taganrog và Azov. Ở miền Nam, dân Cossack chứa chấp họ, làm ngơ lời triều đình Nga yêu cầu họ trao trả những người này. Cuối cùng, tháng 9/1707, Hoàng thân Yuri Dolgorukov[132] dẫn 1.200 quân đến Sông Don để thi hành lệnh của Sa hoàng.

Sự xuất hiện của đoàn quân Dolgorukov khiến bộ tộc Cossack sợ hãi. Một Thủ lĩnh bộ tộc, Lukyan Maximov, tiếp đãi Dolgorukov một cách cung kính và tình nguyện giúp truy lùng những kẻ đào tẩu. Nhưng một Thủ lĩnh khác, Kondraty Bulavin, thì làm ngược lại. Vào đêm 9/10/1707, Bulavin tấn công và giết sạch quân Nga kể cả Hoàng thân Yuri. Như thường thấy trong những cuộc nổi loạn của nông dân, Bulavin không có chủ trương chính trị tích cực nào. Ông nói mình nổi loạn không phải chống Sa hoàng, mà chống "những hoàng thân và nhà giàu có, kẻ trục lợi và người nước ngoài". Ông

tuyên bố mình sẽ phóng thích những người lao động ở Azov và Taganrog, rồi mùa xuân tới sẽ tiến đến Voronezh và Moskva.

Trong lúc ấy, Maximov sợ bị Pyotr hỏi tội vì cái chết của Yuri, nên huy động một đội quân Cossack trung thành và đánh bại nhóm của Bulavin. Maximov biên thư cho Pyotr để kể công. Cảm thấy nhẹ nhõm, Pyotr cho rằng cuộc nổi loạn đã kết thúc. Nhưng ông đã lạc quan quá sớm. Bulavin đã chạy thoát khỏi tay Maximov, tập họp một đội quân mới, rồi đến mùa xuân 1708 lại tung hoành trên vùng thảo nguyên Sông Don. Một lần nữa, Maximov truy lùng quân phản loạn với sự tăng cường của một đội quân Nga, nhưng lần này một số người bỏ trốn theo Bulavin; những người còn lại bị đánh thua trong trận chiến ngày 09/4/1708.

Bây giờ, nhóm phản loạn Bulavin tạo nên mối đe dọa nghiêm trọng. Sa hoàng phái Hoàng thân Vasily Vladimirovich Dolgorukov (anh của Yuri Dolgorukov bị Bulavin giết mùa thu trước), dẫn 10.000 bộ binh và kỵ binh với lệnh dập tắt dứt điểm mà không dung thứ kẻ phản loạn. May cho Pyotr là Karl XII đang dưỡng quân ở Minsk trong ba tháng đúng lúc cuộc nổi loạn của Bulavin xảy ra.

Trong một thời gian, Bulavin chiến thắng mọi cánh quân Nga đối đầu. Ông đánh bại Maximov lần nữa và hành quyết ông này. Bulavin dẫn quân tấn công Azov và chiếm một khu ngoại ô trước khi bị quân trú phòng đẩy lui. Quá hứng chí với thắng lợi ban đầu, Bulavin trở nên khinh suất khi chia quân ra làm ba sư đoàn để chống Nga. Ngày 12/5/1708, Vasily Vladimirovich Dolgorukov đánh bại sư đoàn thứ nhất, rồi ngày 1/7 diệt sư đoàn thứ hai. Khi thấy thế trận đã đổi chiều, phần lớn dân Cossack - ngay cả những người đã ủng hộ Bulavin - soạn một bản thỉnh nguyện cam kết trung thành với Sa hoàng nếu ông hứa sẽ ân xá họ. Sau khi Bulavin chịu

thêm một chiến bại, những nhà lãnh đạo sắc tộc quyết định bắt Bulavin đem đi xử tử để lấy lòng Sa hoàng. Bulavin chống cự, giết hai người được phái đến bắt mình, rồi tự sát khi thấy tình hình trở nên tuyệt vọng.

Tháng 11, Dolgorukov truy đuổi những phiến quân còn lại, giết gần 3.000 người Cossack. Cuộc nổi loạn chấm dứt. Pyotr ra lệnh cho Dolgorukov "xử tử những kẻ lãnh đạo phản loạn tệ hại nhất, và án tù khổ sai cho những kẻ cầm đầu khác; trả những dân Cossack còn lại về chỗ ở cũ của họ, và thiêu rụi những khu định cư mới như đã có lệnh lúc trước". Hai trăm người bị treo cổ trên giàn treo dựng trên bè gỗ cho trôi theo dòng Sông Don. Mọi người khi nhìn các bè này trôi qua những thị trấn và làng mạc được cảnh báo rằng bàn tay sắt của quân vương chuyên chế vươn ra khắp nơi.

132. Đừng nhầm với Hoàng thân Yuri Dolgorukov đã bị giết trong cuộc nổi loạn của Cấm vệ năm 1682. (ND)

30 VŨNG LẦY BA LAN

Karl XII va Đại chiến Bắc Âu là mối ưu tư chính yếu của Pyotr trong những năm này. Sau khi đã lập nên thành phố mới ở cửa Sông Neva, năm 1704 Pyotr giành quyền kiểm soát hai thị trấn then chốt của Estonia: Dorpat và Narva. Việc này giúp củng cố chân đứng của Nga ở Ingria và ngăn chặn Thụy Điển tiến về Sankt-Peterburg từ phía tây. Thụy Điển phòng thủ cả hai thị trấn một cách chắc chắn (riêng Narva có 4.500 quân), nhưng vì Karl và quân chủ lực Thụy Điển đang chinh chiến ở Ba Lan, một khi các thị trấn này bị vây hãm, không nơi nào mong có quân tiếp viện.

Tháng 5/1704, quân Nga xuất hiện trước Narva, chiếm giữ chính phòng tuyến nơi họ đã đại bại bốn năm trước. Pyotr đích thân giám sát việc chuyển pháo bằng sà lan từ Sankt-Peterburg, đi sát bờ biển đến nỗi chiến hạm viễn dương của Thụy Điển không thể tiếp cận vùng nước cạn. Trong doanh trại quân Nga ở Narva, Pyotr gặp Nguyên soái George Ogilvie, người Scotland, 61 tuổi, đã phục vụ quân đội Habsburg trong bốn năm và hiện được Patkul thuê để hỗ trợ nước Nga. Pyotr có ấn tượng tốt với Ogilvie đến nỗi đưa ông lên chức vụ chỉ huy quân Nga đang bao vây Narva. Trong quá trình vây hãm, quân Nga bị tổn thất vì đại bác của pháo đài và vì quân Thụy Điển xông ra tấn công, nhưng phe phòng thủ đã nhận ra quyết tâm của kẻ thù.

Để Ogilvie nắm quyền chỉ huy ở Narva, Pyotr đi đến Dorpat, nơi Sheremetyev đang chỉ huy 23.000 quân và 46 khẩu pháo. Sa hoàng nhận ra nhược điểm trong vị trí của quân Sheremetyev: đại bác Nga đang bắn vào những lô cốt vững chắc nhất, gây hao phí đạn dược. Pyotr ngay lập tức đổi hướng bắn vào nơi yếu nhất, vì thế tạo được lỗ hổng. Quân Nga tiến vào thị trấn, và ngày 13/7 phía Thụy Điển đầu hàng trong vòng 5 tuần sau khi công hãm, nhưng chỉ 10 ngày sau khi Sa hoàng đến.

Sự thất thủ Dorpat đánh dấu số phận của Narva. Pyotr vội dẫn quân của Sheremetyev trở lại để tạo nên một đoàn quân gồm 45.000 binh sĩ và 150 khẩu pháo. Ngày 30/7, quân Nga bắt đầu bắn phá dữ dội, tiếp tục trong 10 ngày với 4.600 quả pháo. Khi tường thành của một lô cốt bị xuyên thủng, theo quy tắc chiến tranh Pyotr ra điều kiện rộng lượng cho viên chỉ huy Arvid Horn của Thụy Điển. Horn đã ngu xuẩn mà từ chối, lại còn dùng lời lẽ sỉ nhục Sa hoàng.

Quân Nga tiến công ngày 9/8, và dù phía Thụy Điển chống trả quyết liệt, chỉ trong vòng một giờ Cảnh vệ Preobrazhenskoe đã tiến vào chiếm được một lô cốt. Bây giờ, Horn thấy rằng chống cự chỉ là vô ích, cố tìm cách đầu hàng bằng cách tự đánh lên một loạt trống. Nhưng đã muộn: không ai muốn nghe. Quân Nga tràn ngập khắp các ngả đường, tàn sát đàn ông, đàn bà và trẻ em trong trận tắm máu khủng khiếp.

Hai giờ sau, khi Pyotr tiến vào cùng với Ogilvie, ông thấy đường phố nhầy nhụa máu và xác quân Thụy Điển chất thành từng đống; chỉ có 1.800 quân Thụy Điển sống sót trong tổng số 4.500. Sa hoàng ra lệnh cho một lính kèn chạy khắp nơi thổi lên hiệu lệnh ngừng bắn, nhưng nhiều binh sĩ Nga không muốn dừng tay. Nổi giận, Pyotr tự tay chém một binh sĩ Nga bất tuân. Đi vào tòa nhà hành chính để đối mặt với ủy viên hội đồng thị xã đang

kinh hãi, Pyotr ném thanh gươm vấy máu lên bàn trước mặt họ và khinh bỉ nói: "Đừng sợ. Đây là máu Nga, không phải máu Thụy Điển." Nhưng Sa hoàng vô cùng giận dữ với Horn. Khi vị chỉ huy (có vợ bị giết trong trận đánh) được giải đến, Pyotr muốn biết tại sao ông ta đã không chịu đầu hàng theo quy tắc một khi lô cốt thứ nhất đã bị bắn sập và qua đấy có thể tránh cuộc tàn sát vô ích.[133]

Chiến thắng Narva có tầm quan trọng về tâm lý cũng như chiến lược: không những che chắn cho Sankt-Peterburg ở mặt tây, mà còn chuộc lại nỗi nhục nhã bốn năm trước cũng chính ở Narva. Nó cũng chứng tỏ rằng quân đội của Pyotr không còn là những nông dân ô hợp. Bốn tháng sau, khi Sa hoàng trở về Moskva, đường phố rung chuyển vì bước chân rầm rập của đoàn quân chiến thắng. Sa hoàng dẫn đầu đoàn quân đi diễu hành qua bảy cổng chào, trong khi 45 ngọn cờ và 160 tù binh sĩ quan Thụy Điển theo sau.

Đối với Karl, những chiến thắng của Nga không có ý nghĩa nhiều. Vị Vua tin tưởng rằng khi thời cơ đến, ông sẽ đập tan quân đội của Pyotr một cách dễ dàng và lấy lại tất cả lãnh thổ hiện ở trong tay Nga. Ông bực bội nhiều hơn khi thấy những chiến thắng của chính mình trên đất Ba Lan không mang lại kết quả chính trị rõ ràng. Augustus vẫn tiếp tục chiến đấu và không từ bỏ ngai vàng Ba Lan, còn Nghị viện Ba Lan vẫn không sẵn lòng truất phế vua của họ. Quân Thụy Điển phải chinh chiến kéo dài nhiều năm ở Ba Lan khi hai bên giằng co trên vùng đồng bằng rộng. Đất nước bao la này là quá rộng đối với cả Thụy Điển và Saxony: mỗi bên có không quá 20.000 quân, nên chỉ có thể kiểm soát một vùng nhỏ hẹp.

Dù Karl nản chí về mặt chính trị trong giai đoạn 1702-1706, nhưng ông lập được nhiều chiến công. Ví dụ như mùa thu 1702, ông dẫn 300 quân phi đến cổng thành Krakow, ngồi trên lưng ngựa thét lên: "Mở cổng thành!".

Viên chỉ huy mở hé cánh cổng, ló đầu ra để xem ai đang la hét. Karl lập tức dùng roi ngựa quát vào mặt ông này, rồi quân Thụy Điển phía sau ông tràn vào, và nhóm binh sĩ phòng thủ riu ríu đầu hàng mà không bắn phát nào.

Điều không tránh khỏi là cuộc chiến gây khổ nhọc cho dân Ba Lan. Khi mới dẫn quân đến, Karl hứa chỉ đòi hỏi cung cấp nhu yếu phẩm, nhưng chỉ giữ lời hứa này trong ba tháng. Khi thấy quân Ba Lan vẫn tiếp tục chiến đâu, Karl trả đũa bằng cách đòi hỏi địa phương phải cung ứng mọi thứ cho quân của mình: tiền bạc, giày, thuốc lá, thịt, bánh mỳ… Khi chiến tranh kéo dài, mệnh lệnh của Karl cho tướng lĩnh của ông càng trở nên sắt đá: "Hoặc tận diệt Ba Lan, hoặc bắt buộc họ phải theo ta!"

Năm này sang năm khác, Thụy Điển tiếp tục thắng trên trận tuyến, nhưng thắng lợi cuối cùng vẫn chưa đến. Trong khi ấy, Nga cũng đi từ chiến thắng này đến chiến thắng khác dọc bờ Biển Baltic: chiếm Shlisselburg, kiểm soát toàn chiều dọc Sông Neva, xây dựng thành phố và cảng mới ở Vịnh Phần Lan, tiêu diệt hạm đội Thụy Điển trên Hồ Ladoga và Hồ Peipus, tàn phá vùng sản xuất nông nghiệp của Livonia và bắt giữ toàn bộ thần dân Thụy Điển, hạ các thị trấn Dorpat và Narva.

Chuỗi thành công của Nga đi kèm với chuỗi van nài khẩn thiết từ thần dân của Karl: tiếng kêu cứu khẩn cấp của dân các tỉnh ven bờ Biển Baltic, lời khuyên và van nài của Nghị viện Thụy Điển, lời yêu cầu nhất trí của các tướng lĩnh, ngay cả lời kêu gọi của người chị Hedwig Sofia. Tất cả đều van xin nhà Vua bãi bỏ chiến dịch ở Ba Lan mà đi giải cứu các tỉnh ven bờ Biển Baltic.

Phản ứng của Karl đối với mọi người đều như nhau:

Ngay cả nếu ta có phải lưu lại đây 50 năm, ta sẽ không rời khỏi nước này khi chưa lật đổ được Augustus.

Karl nói với Piper:

Hãy tin rằng ta sẽ cho Augustus nền hòa bình lập tức nếu ta có thể tin lời ông ấy. Nhưng ngay sau khi hòa bình đã được vãn hồi và chúng ta tiến quân đánh Nga, ông ấy sẽ nhận tiền của Nga rồi tấn công sau lưng chúng ta, thế là nhiệm vụ của chúng ta sẽ còn khó khăn hơn là bây giờ.

Năm 1704, Karl đạt thêm thuận lợi trên chiến trường. Ông chiếm được thị trấn pháo đài Thom với 5.000 quân Saxony bên trong. Nhận thấy vị thế Augustus đã yếu kém nhiều, Nghị viện Ba Lan chấp nhận tiền đề của Karl là ngày nào mà Augustus còn ngồi trên ngai vàng Ba Lan thì ngày ấy Ba Lan vẫn mãi là bãi chiến trường. Thế nên vào tháng 2/1704, Nghị viện Ba Lan chính thức quyết định truất phế vua của họ. Karl chọn ứng viên lên ngai vàng là Stanislaus Leszczynski, nhà quý tộc 27 tuổi, có trí thông minh khiêm tốn và trung thành kiên định với Vua Karl XII.

Quá trình bầu cử Stanislaus ngày 2/7/1704 bị gian lận trắng trợn. Quân đội Thụy Điển tập họp Nghị viện và đặt họ ở trong tầm đạn "bảo vệ", ứng viên của Karl được tuyên cáo là Vua Stanislaus I của Ba Lan.

Với việc thay thế Augustus - mục đích duy nhất của Karl khi xâm lăng Ba Lan - cả hai bên Thụy Điển và Ba Lan đều hy vọng rằng rốt cuộc nhà Vua sẽ hướng sự chú ý đến Nga. Nhưng Karl chưa sẵn sàng rời đi. Vì lý do Giáo hoàng chống đối Stanislaus, dọa sẽ khai trừ khỏi giáo hội những ai đã tham gia cuộc bầu cử người được một quân vương Tin Lành bảo trợ, và vì

nhiều nhân vật quan trọng vắng mặt trong cuộc bầu cử, vị tân vương không có vị thế vững vàng. Karl quyết định lưu lại cho đến khi Stanislaus được tấn phong đúng cách.

Hơn một năm sau, ngày 24/9/1705, Stanislaus được tấn phong theo cách thức - giống như khi Nghị viện bầu cử - khiến cho người chống đối có lý do để nghi ngờ tính hợp pháp. Vua mới không được tấn phong ở Krakow - là nơi tấn phong vua Ba Lan theo truyền thống - mà là ở Warszawa, chỉ vì Karl và đoàn quân của ông đóng ở đây. Chiếc vương miện có bề dày lịch sử của Ba Lan vẫn còn nằm trong tay của Augustus, nên vua mới phải đội vương miện mới do Karl bỏ tiền ra thuê làm. Vua Thụy Điển hiện diện theo cách giấu tung tích nhằm không làm phân tán sự chú ý đến đồng minh mới của ông. Nhưng lễ đăng quang vị quân vương bù nhìn này không lừa được ai. Vợ của Stanislaus, giờ là Hoàng hậu Ba Lan, cảm thấy không yên tâm nên vẫn ngụ ở vùng Pomerania của Thụy Điển.

Với một vua mới thân thiện với Thụy Điển trên ngai vàng Ba Lan, Karl tin rằng mình đã hoàn tất mục tiêu thứ hai (sau Đan Mạch). Không bao lâu sau lễ tấn phong, ông và Stanislaus ký thỏa thuận một liên minh giữa Thụy Điển và Ba Lan để chống Nga. Rồi, như thế để giải tỏa tâm tư về nước Nga và xóa đi mặc cảm tội lỗi vì đã gác ngoài tai mọi khẩn cầu của thần dân, thình lình Karl hành động. Ngày 29/12/1705, quân Thụy Điển nhổ trại và tiến nhanh qua cùng đầm lầy phủ tuyết, hướng đến Grodno. Việc này là nằm ngoài dự liệu; Karl đã không lập phương án hoặc tập trung quân cụ và quân nhu để đánh tới Moskva. Và Ba Lan cũng không được vững chãi sau lưng ông khi Augustus vẫn còn rong ruổi trên đồng trống mà không chấp nhận việc mình đã bị truất phế. Vì thế, Karl không dẫn theo toàn bộ đoàn

quân; Rehnskiöld ở lại với 10.000 binh sĩ để trông chừng Saxony. Nhưng với 20.000 quân, Karl dự định mở trận đánh mùa đông.

Rốt cuộc, Sa hoàng nước Nga sẽ được trông thấy tia lấp lánh của những lưỡi lê Thụy Điển và binh sĩ của ông sẽ nếm mùi thép của Thụy Điển.

Sau khi chiếm được Dorpat và Narva trong mùa hè 1704, Pyotr về nghỉ đông ở Moskva, rồi tháng 3 đi Voronezh để làm việc ở xưởng đóng tàu. Tháng 5, ông định đi đến đoàn quân nhưng ngã bệnh và phải tĩnh dưỡng một tháng ở tư dinh Fyodor Golovin. Tháng 6, ông đi đến doanh trại quân Nga ở Polotsk trên bờ Sông Dvina Tây, để từ đây có thể tiến quân đi Livonia, Litva hoặc Ba Lan tùy tình hình đòi hỏi. Đoàn quân gồm có 40.000 bộ binh và 20.000 kỵ binh - tất cả đều được trang bị đầy đủ. Pháo binh được tiêu chuẩn hóa và có cơ số mạnh. Giống như Thụy Điển, Nga đã phát triển loại hình pháo cơ động bắn đạn 1,5 kilôgam, được kéo theo bộ binh và kỵ binh để có thể nhanh chóng bắn yểm trợ.

Vấn đề của đoàn quân nằm ở cấp chỉ huy, khi các tướng lĩnh Nga và nước ngoài luôn mâu thuẫn và ganh tỵ nhau. Mức độ huấn luyện xuất sắc và tính kỷ luật cao của đoàn quân là do công của Ogilvie, giờ là vị nguyên soái thứ hai của quân đội Nga (thứ nhất là Sheremetyev), được lòng binh sĩ nhưng không chiếm được cảm tình của sĩ quan Nga; ông không nói được tiếng Nga và bắt buộc phải trao đổi với sĩ quan Nga qua thông dịch viên. Ông đặc biệt có mâu thuẫn với Sheremetyev, Menshikov và Repnin. Hai người sau ở dưới quyền ông; nhưng Sheremetyev, trên giấy tờ ngang bằng ông, thường cảm thấy sỉ nhục. Pyotr giải quyết vấn đề bằng cách cử Sheremetyev chỉ huy kỵ binh và Ogilvie chỉ huy bộ binh. Sheremetyev than phiền với Pyotr, và được trả lời:

Tôi đã nhận thư ông và qua đó biết ông bực tức, nên tôi lấy làm tiếc bởi vì không cần thiết phải thế; việc này không phải là làm cho ông nhục nhã, mà để tạo cơ cấu tổ chức có hiệu quả. Tuy nhiên, do ông không thấy thoải mái, tôi đã ra lệnh ngừng việc tái tổ chức và quay lại hệ thống cũ trong khi chờ tôi đến.

Kế tiếp, để giải quyết tốt thêm, Pyotr chia cắt đoàn quân, phái Sheremetyev dẫn 8 trung đoàn kỵ binh và 3 trung đoàn bộ binh - tất cả gồm 10.000 quân - hoạt động trong vùng Baltic trong khi Ogilvie lưu lại Litva cùng quân chủ lực. Ngày 16/7, Sheremetyev tấn công lực lượng Thụy Điển ở Livonia do Lewenhaupt chỉ huy, nhưng bị thất bại thảm hại. Pyotr gửi thư trách mắng Sheremetyev, cho rằng chiến bại là do "việc huấn luyện yếu kém của kỵ binh mà ta đã nhắc nhở nhiều lần". Ba ngày sau, ông cảm thấy hối hận, viết một thư khác để vực dậy tinh thần Sheremetyev:

Đừng buồn do vận rủi vừa qua, vì thành công liên tiếp khiến cho nhiều người thân bại danh liệt. Hãy quên đi và cổ khích lệ binh sĩ của ông.

Chính vào lúc này, tin tức về cuộc nổi loạn ở Astrakhan[134] đưa đến, và Sheremetyev phải dẫn kỵ binh của mình vượt 1.600 kilômét để trấn áp. Pyotr phải bãi bỏ mọi phương án tác chiến, ra lệnh cho đoàn quân còn lại vào trú đông ở Grodno, dọc bờ đông của Sông Neman. Mọi người đều nghĩ phải đến mùa xuân Karl XII mới khởi binh.

Điều không may là, dù cho Sheremetyev đã đi xa, tướng lĩnh lại tiếp tục mâu thuẫn với nhau. Trên danh nghĩa, Nguyên soái Ogilvie là tổng tư lệnh, còn Menshikov và Repnin ở dưới quyền ông. Dù Menshikov đã nổi danh

nhờ chiến công ở Neva, ông trở nên ngang ngạnh và bất tuân không phải dựa trên kinh nghiệm chiến trường, mà vì ỷ vào mối quan hệ cá nhân với Sa hoàng. Vì là bạn thân thiết nhất của Pyotr, ông không chấp nhận vị trí cấp dưới. Ông thường nhân danh mối quan hệ với Sa hoàng để phản bác lại Ogilvie có kinh nghiệm hơn ông, bằng cách nói: "Sa hoàng không thích như vậy. Ông ấy sẽ thích làm như thế này. Tôi biết thế." Hơn nữa, Menshikov đã sắp xếp để tất cả thư từ của Ogilvie gửi cho Sa hoàng phải qua tay ông trước. Ông chỉ việc bỏ túi vài bức thư, sau đấy giải thích với Pyotr rằng Nguyên soái chỉ báo cáo tin tức mà Sa hoàng đã biết rồi qua chính Menshikov.

Cơ cấu chỉ huy như thế vốn đã phức tạp, lại thêm hỗn loạn vào tháng 11/1705, khi Augustus gia nhập đoàn quân. Ba Lan bây giờ bị quân của Karl chiếm đóng hoàn toàn, và vị vua bị truất phế phải dùng tên giả và cải trang để đi qua lộ trình dài, ngoằn ngoèo mà đến đây. Tuy thế Pyotr vẫn xem ông này là Vua Ba Lan, và vì tôn trọng địa vị của ông, cử ông làm tư lệnh đội quân ở Grodno. Ogilvie giữ chức vụ chỉ huy cấp cao. Menshikov chỉ huy kỵ binh, còn Repnin và Carl Evald Ronne - cả hai đều là sĩ quan kỵ binh Đức có kinh nghiệm - nhận nhiệm vụ chỉ huy thứ yếu. Đấy là tình trạng chín muồi cho đại họa.

Karl tiến quân nhanh về hướng đông. Quãng đường dài gần 300 kilômét; Karl chỉ mất hai tuần đi trên băng và tuyết, đến ngày 15/1/1706 xuất hiện cùng với toán tiền tiêu trước Grodno. Nhà Vua vượt sông với 600 quân kỵ, nhưng vì thấy pháo đài Nga quá mạnh, ông lui lại, đóng trại cách xa 6 kilômét. Khi đoàn quân Thụy Điển 20.000 người đi đến, Karl cho di chuyển lên phía trên Grodno để có thể tìm thực phẩm và cỏ cho ngựa. Nơi đây, quân Thụy Điển đóng trại chắc chắn để chờ xem quân Nga sẽ làm gì.

Theo như Karl thấy, hoặc là bên địch đi ra giao chiến với ông, hoặc có thể chờ đợi trong pháo đài mà chết đói.

Các chỉ huy Nga họp bàn dưới sự chủ trì của Augustus. Không có chuyện xông ra ngoài tấn công. Dù họ có quân số gần gấp đôi, Pyotr vẫn chưa hề dám mạo hiểm với đoàn quân mà ông đã dày công gây dựng, và nhất quyết cấm Ogilvie ra chiến đấu ngoài đồng trống. Tuy thế, Ogilvie nghĩ lực lượng của mình đủ mạnh để cố thủ và chấp nhận cho Thụy Điển công hãm. Những người khác không đồng ý: nếu Thụy Điển bao vây pháo đài Grodno, đoàn quân sẽ bị cắt đứt khỏi Nga và không thể làm nhiệm vụ bảo vệ biên giới Nga; mặc dù pháo đài kiên cố và có đạn pháo dồi dào, nhưng không có đủ lương thực cho đợt công hãm dài ngày. Họ thúc giục phải rút lui.

Ogilvie sững sờ, chỉ ra quân số và hỏa lực của quân Nga cho mọi người thấy. Nếu họ rút lui, họ sẽ phải bỏ lại pháo vì không thể dùng ngựa kéo pháo trên tuyết. Họ sẽ phải cắm trại giữa đồng trống và nhiều binh sĩ sẽ chết. Chắc chắn phía Thụy Điển sẽ truy kích, như vậy cuộc chiến giữa đồng trống mà Sa hoàng nghiêm cấm sẽ xảy ra. Tệ hại hơn đối với Ogilvie là sự nhục nhã. Một vị tướng chuyên nghiệp, chỉ huy đạo quân đông gấp đôi bên địch, thế mà lại rút khỏi một pháo đài kiên cố với hỏa lực mạnh hơn bên địch. Cả Châu Âu sẽ nói gì?

Bị giằng co giữa các ý kiến đối nghịch nhau và không muốn nhận trách nhiệm cuối cùng, Augustus gửi một thư khẩn đến Pyotr, yêu cầu một "quyết định tức thời, rõ ràng và dứt khoát" của Sa hoàng. Tuy nhiên, trước khi nhận được câu trả lời thì Augustus đã lẻn ra khỏi Grodno. Khi Karl đã rời xa Warszawa, ông thoáng thấy cơ hội để chiếm lại thủ đô của Ba Lan. Ông vội vã lên đường, dẫn theo 4 trung đoàn, hứa với Ogilvie rằng ông sẽ trở lại

trong vòng 3 tuần để mang đến cả quân đội Saxony. Lúc ấy, với lực lượng tổng cộng 60.000 quân, họ có thể đối phó với 20.000 quân của Karl.

Khi nhận tin Karl đang tiến về Grodno, Pyotr đang ở tại Moskva. Còn ngờ vực về tin báo, ông biên thư hỏi Menshikov:

> Anh nhận tin ấy từ ai? Làm thế nào tôi có thể tin được? Trước đây đã có bao nhiêu tin tức như thế?

Tuy thế ông không an tâm và cho biết sẽ rời Moskva ngày 24/1. Ông than phiền về chứng "cảm lạnh khó diễn tả được" và rằng "má bên phải bị sưng to", rồi tiếp:

> Tôi rất tiếc phải rời nơi đây bởi vì đang bận lo thu thuế và làm một số việc cần thiết cho chiến dịch trên Sông Volga. Vì thế, tôi xin anh, nếu có thay đổi gì thì gửi người đến đây để tôi không phải cố lê bước mà không có lý do chính đáng (than ôi! tôi khó mà đi đứng được). Và nếu không có gì thay đổi, tôi mong anh thông báo cho tôi mỗi ngày để nếu có thể tôi sẽ đi gấp hơn.

Quãng đường từ Moskva đến Grodno dài 720 kilômét. Khi ông mới chỉ đi được nửa đường thì nhận tin Menshikov báo rằng Karl đã đến và rằng Sa hoàng không thể đi đến quân Nga. Cảm thấy lo lắng, Pyotr gửi một loạt lệnh mới cho Ogilvie dựa trên sự tăng viện của quân Saxony như được hứa. Nếu quân Saxony quả thực đang đi đến, Pyotr cho phép Ogilvie cố thủ trong Grodno; nhưng nếu không, hoặc nếu Ogilvie không chắc, vị tư lệnh có thể dẫn quân rút về Nga bằng con đường ngắn nhất và nhanh nhất. Pyotr thêm:

Ta giao cho ông quyền tùy nghi suy xét, bởi vì ta không thể ra lệnh từ nơi xa xôi như thế này. Trong khi phần ta đang hồi âm, phần ông đã có biến chuyến mới. Hãy hành xử cẩn trọng việc gì tốt nhất để được an toàn và có lợi. Đừng quên ý kiến đồng chí của ta [Menshikov], người đã khuyên ông nên nghĩ đến sự an nguy của binh sĩ hơn là bất cứ điều gì khác. Đừng để tâm đến đại pháo. Nếu vì đại pháo mà việc rút lui bị khó khăn thì cứ đốt hoặc ném tất cả xuống Sông Neman.

Trong khi ấy, tình hình ở pháo đài Grodno trở nên tồi tệ. Thức ăn cho người và cỏ cho ngựa bị cạn nhanh. Rồi đến ngày 3/2/1706, trên chiến trường Fraustadt ở biên giới Silesia, Rehnskiöld chỉ huy 8.000 quân Thụy Điển đánh bại 30.000 quân hỗn hợp của Saxony, Nga và Ba Lan. Đây là chiến công hiển hách nhất của Rehnskiöld, và khi Karl nhận được tin, ông lập tức thăng hàm Nguyên soái và phong Bá tước cho Rehnskiöld.

Pyotr báo tin cho Golovin với nỗi giận dữ và chán ngán:

Ông Đô đốc: Cả đoàn quân Saxony đã bị Rehnskiöld đánh bại và mất tất cả đại pháo. Tính tráo trở và hèn nhát của người Saxony bây giờ đã hiển nhiên: 30.000 quân bị 8.000 quân đánh bại! Kỵ binh đã bỏ chạy mà không bắn một phát súng nào. Hơn nửa số bộ binh vứt súng đi rồi biến mất, để lại quân ta đơn độc mà ta nghĩ không đến phân nửa sống sót. Chỉ có Trời mới biết chúng ta đau khổ đến mức nào. Chúng ta đã chi tiền [cho Augustus] mà bây giờ chỉ gánh chịu vận rủi… Sự cố thảm khốc này cùng sự phản bội nhà Vua của chính thần dân ông ấy, anh có thể nói cho mọi người biết (nhưng nói nhẹ thôi) vì không thể giữ kín mãi được. Tuy thế, không nên nói ra nhiều chi tiết.

Tin tức về Trận Fraustadt thêm lần nữa cho thấy khả năng chiến đấu vượt trội của Thụy Điển, đồng thời thúc đẩy ý định của Pyotr là rút quân Nga khỏi Grodno. Bây giờ, ông ra lệnh cho vị Nguyên soái của mình rút lui ngay khi có cơ hội, mặc dù, với mùa xuân sắp đến, ông đề nghị chờ cho đến khi băng tan để ngăn cản quân Thụy Điển truy kích. Tuân theo chỉ thị của Sa hoàng, ngày 4/4/1706 quân Nga tống 100 khẩu pháo xuống lòng Sông Neman và rút lui về Kyyiv, vòng qua vùng rừng và đầm lầy Pripet.

Karl vui mừng khi nghe tin quân Nga rút lui, ra lệnh quân Thụy Điển truy kích ngay, nhưng không bắt kịp quân Nga. Karl lưu lại vùng này trong hai tháng, đốt phá thị trấn và làng mạc xung quanh. Cuối cùng, không cảm thấy yên tâm về mặt sau và cũng không chuẩn bị đi chinh chiến xa, vào giữa mùa hè 1706 nhà Vua quay về Tây Âu.

Pyotr vui mừng tột độ khi nghe tin quân Nga được an toàn. Ngày 29/4, từ Sankt-Peterburg ông biên thư cho Menshikov:

> Quả là vui mừng khó tả mà nhận được… [tin báo] lúc đang ở Kronstadt trên chiếc Elephant của phó đô đốc rồi lập tức, để tạ ơn Thượng Đế, chúng tôi bắn ba loạt súng chào mừng từ các tàu và pháo đài. Thượng Đế đã đoái thương lần nữa cho anh và cả quân đội… Bởi vì, dù cho chúng tôi sống trên thiên đường, chúng tôi vẫn nhói đau trong tim. Nơi đây, nhờ ơn Thượng Đế, mọi chuyện đều bình thường và không có gì mới. Chúng tôi sẽ rời nơi đây tháng tới. Hãy tin chắc tôi sẽ đến. Nếu Thượng Đế không gây trở ngại gì, chắc chắn tôi sẽ lên đường cuối tháng này. Sớm hơn thì không được, than ôi! không phải vì tôi đang vui chơi, nhưng các bác sĩ đã bắt tôi phải nghỉ ngơi và dùng thuốc trong hai tuần, sau khi đã rút máu tôi, bắt đầu từ hôm qua. Ngay sau

việc này tôi sẽ đến, vì chính anh đã thấy tôi ở trong tình trạng như thế nào khi chúng ta cách xa khỏi quân đội.

Cuộc rút lui là dấu chấm hết cho Ogilvie. Sự tranh cãi giữa ông và Menshikov càng nặng nề thêm trong hành trình rút lui. Ogilvie chán nản than phiền:

> Tướng kỵ binh [Menshikov] đã không báo cho tôi biết, nhân danh Hoàng thượng mà ra lệnh cả đoàn quân đi đến Bykhov, và hành xử như là nắm lấy quyền tổng tư lệnh. Ông ấy tụ tập quanh mình đoàn hộ vệ bộ binh và kỵ binh với cờ xí và không màng gì đến tôi… Dù tôi đã đi chinh chiến nhiều, không có nơi nào và khi nào mà người ta đối xử với tôi tệ hại như ở đây.

Viện lý do sức khỏe yếu kém, Ogilvie từ chức và xin rời khỏi nước Nga. Pyotr đồng ý và trả toàn bộ tiền lương cho Ogilvie. Viên tướng trở về Saxony, gia nhập quân đội của Augustus với quân hàm nguyên soái trong bốn năm cho đến khi qua đời.

Khi Karl rời Pinks để tiến về Tây Âu thay vì Nga, Pyotr hiểu rằng mối đe dọa của cuộc xâm lăng đã qua, ít nhất là trong thời gian này. Nhưng việc Vua Thụy Điển hành quân đến Grodno là dấu hiệu cảnh báo: Pyotr hiểu ra rằng quân đội của ông, các tướng lĩnh của ông và đất nước của ông đều chưa được chuẩn bị sẵn sàng.

Sau hành động nhanh nhẹn ở Grodno, Karl dự tính nước cờ cuối cùng trong cuộc chiến chống Augustus. Tháng 8/1706, nhà Vua thông báo cho Rehnskiöld rõ là ông quyết định sẽ tấn công Saxony, nhằm quật ngã Augustus ngay trong lãnh địa cha truyền con nối của ông này. Bốn năm

ngược xuôi khắp Ba Lan để truy lùng đối thủ đã cho Karl thấy rõ tình hình là không thể giải quyết Augustus trên đất Ba Lan. Saxony luôn là mật khu để Augustus lui về dưỡng quân, thành lập đoàn quân mới rồi chờ cơ hội để tái xuất hiện ở Ba Lan.

Những trở ngại về ngoại giao - do các cường quốc hải quân chống đối cuộc tấn công - bây giờ đã được tháo gỡ. Những chiến công rực rỡ của Marlborough ở Bavaria và Hà Lan đã đẩy Louis XIV lui về vị trí phòng thủ, nên các cường quốc hải quân không còn e sợ rằng quân Thụy Điển tiến vào trung tâm Đức sẽ làm nghiêng cán cân lực lượng có lợi cho Pháp. Vì thế, khi thấy không có cách nào khác để thúc ép Augustus, ngày 22/8/1706, Karl dẫn quân hướng về Saxony.

Năm ngày sau khi hành quân qua vùng Silesia với tiếng hoan hô của người Silesia theo Tin Lành vang dội bên tai, đoàn quân Thụy Điển đặt chân lên biên giới của Công quốc Tuyển hầu tước Saxony. Đoàn quân gây nên phản ứng gần như là kinh hoàng. Những mẩu chuyện về quân Thụy Điển tàn phá trong Chiến tranh Ba mươi năm được kể lại một cách sống động. Gia đình Augustus trốn chạy theo những hướng khác nhau: vợ ông tìm đến sự bảo vệ của người cha, Bá tước Xứ Bayreuth; đứa con trai 10 tuổi đi Đan Mạch, bà mẹ già của ông đi Hamburg. Kho vàng và nữ trang của nhà nước được cất giấu trong một lâu đài nơi xa xôi. Hội đồng Saxony - cai trị khi Augustus vắng mặt - quyết định không chống cự. Họ đã quá chán với tham vọng của Augustus: Saxony đã hy sinh 36.000 quân, 800 khẩu pháo và một số lớn ngân sách để hỗ trợ Augustus ngự trên ngai vàng Ba Lan. Bây giờ, người Saxony đã mỏi mệt vì chinh chiến và không còn muốn công quốc phải hy sinh cho Augustus.

Trong bối cảnh ấy, các trung đoàn của Karl tiến vào Saxony mà không bị chống đối, rồi chiếm lấy thành phố quan trọng Leipzig và thủ phủ Dresden. Ngày 14/9, Karl đặt tổng hành dinh của mình trong lâu đài Altranstadt gần Leipzig, rồi ra điều kiện Augustus phải từ bỏ hẳn ngai vàng Ba Lan và công nhận Stanislaus là vua thay thế, rút ra khỏi liên minh với Nga, giao nộp mọi người Thụy Điển được Augustus sử dụng hoặc phục vụ trong quân đội Saxony. Để đổi lại, Augustus có thể giữ tước hiệu vua trên danh nghĩa nhưng không được xưng là Vua của Ba Lan. Cuối cùng, quân Thụy Điển sẽ trú đông ở Saxony với tất cả chi phí do Saxony chi trả. Trong khi Augustus vắng mặt, phía Saxony chấp nhận những điều khoản này, và hiệp ước Altranstadt được hai bên ký kết vào ngày 13/10/1706.

Đối với Augustus, không chỉ các điều khoản mà thời gian ký hiệp ước đều bất lợi. Đúng vào thời gian Karl đang đàm phán với Saxony, ông đi theo đội kỵ binh hùng hậu của Menshikov. Sau đây, Augustus nhận mật báo về hiệp ước ở Saxony. Ông giấu kín tin này, nhưng ở vào tình thế khó khăn. Hiệp ước quy định ông phải tách rời khỏi Nga, nhưng ông lại đang ở trong hàng ngũ quân Nga chuẩn bị tấn công một lực lượng của Thụy Điển dưới quyền Đại tá Mardefelt! Để ngăn hai bên đánh nhau, ông bí mật báo tin cho Mardefelt về hiệp ước, và van nài ông này hãy rút lui chứ không nên tham chiến. Ở đây, tư cách xấu xa của Augustus làm hại ông: ông đã trở nên khét tiếng với các trò lừa lọc đến nỗi Mardefelt không tin ông, cho đấy là thêm một cú lừa đảo. Kết quả là, ngày 29/10/1706, trận đánh xảy ra, bên Thụy Điển bị thua nặng. Đối với Pyotr, đấy là một chiến thắng quan trọng: tuy Nga có quân số đông gấp đôi, Thụy Điển đã từng chiến thắng khi chịu tỷ lệ còn lớn hơn. Và đấy cũng là chiến công đầu tiên của Menshikov trên cương vị chỉ huy độc lập. Sa hoàng vô cùng sướng thỏa.

Bị bẽ mặt vì chiến thắng của quân Nga, Augustus cố gắng xoay xở trong vị thế mới giữa Pyotr và Karl. Ông viết thư xin lỗi Karl về trận đánh và viện những lý do tại sao ông không thể ngăn chặn Nga. Trong một động thái cụ thể hơn, ông thuyết phục vị tướng Menshikov vô tình giao cho ông 1.800 tù binh Thụy Điển, rồi lập tức thả họ về Thụy Điển, để họ được tự do mà chiến đấu lại vào năm sau.

Cùng lúc, Augustus cố gắng không làm cho Pyotr nổi giận. Ông nói chuyện riêng với Hoàng thân Vasily Lukich Dolgorukov, Đại sứ Nga tại Ba Lan, rằng ông không có chọn lựa nào khác: Ông không thể rời Saxony để rồi bị quân của Karl đánh cho tơi bời, và ông không thấy cách nào để cứu lấy đất nước ông ngoài việc thoái vị khỏi ngai vàng Ba Lan. Tuy nhiên, ông trấn an Dolgorukov rằng sự lẩn tránh này chỉ là tạm thời, và rằng ngay sau khi quân Thụy Điển rút khỏi Saxony, ông sẽ xé bỏ hòa ước, gây dựng quân đội mới và sẽ chiến đấu lại bên cạnh Pyotr.

Ngày 30/11, Augustus trở về Saxony và đến viếng thăm Karl ở Altranstadt. Ông đích thân xin lỗi về những gì đã xảy ra tại Kalisz, và Karl chấp nhận lời giải thích của ông ta, nhưng nhất quyết đòi hỏi vị vua cũ viết thư chúc mừng Stanislaus đã lên ngôi Ba Lan. Vì hoàn toàn nằm dưới quyền lực của Karl, Augustus đành phải uống liều thuốc đắng này. Và Karl đã kín đáo nhưng trầm tĩnh viết thư về nước: “Lúc này, chính ta là Tuyển hầu tước của Saxony.”

Người bị ảnh hưởng nặng nhất do Hiệp ước Altranstadt không phải Augustus, mà là Patkul. Nhà quý tộc Livonia này, với nỗ lực chống Thụy Điển để gây nên Đại chiến Bắc Âu, là đối tượng mà Karl căm thù đặc biệt. Hiệp ước Altranstadt ghi rằng Augustus phải giao cho Karl mọi “kẻ phản quốc người Thụy Điển đang ẩn náu ở Saxony. Tên của Patkul đứng đầu

danh sách này. Trong chuỗi các sự kiện xảy ra kế tiếp, sự bội phản của Augustus và việc rửa hận của Karl làm cho cả Châu Âu kinh hoàng.

Patkul là con người thích khoe mẽ, có tài năng nhưng tính tình khó chịu đối với mọi người. Khi cuộc chiến khởi sự, ông phục vụ trong quân đội của Augustus, nhưng sau đấy quyết định rời bỏ hàng ngũ vì không chấp nhận "cách nhà Vua đối xử với các đồng minh". Pyotr ngưỡng mộ tài năng của Pakul nên mời ông đến Moskva, phong ông làm ủy viên Hội đồng Cơ mật và mang quân hàm trung tướng. Trong 5 năm kế tiếp, ông phục vụ Sa hoàng một cách không mệt mỏi, nhưng thái độ hống hách khiến ông có nhiều kẻ thù ở Nga. Ông gây gổ với Matveyev ở The Hague và Golitsyn ở Wien. Ngay cả Vasily Lukich Dolgorukov ở Warszawa cuối cùng cũng từ chối liên lạc thư từ với ông.

Điều trái khoáy là, chuỗi sự kiện khiến cho Patkul tiêu tán cuộc đời lại bắt nguồn từ lòng tử tế và cảm thông của ông đối với tình trạng khổ sở của một đội quân Nga. Vào mùa hè 1704, Sa hoàng đã phái Hoàng thân Dmitry Golitsyn dẫn 12.000 quân Nga và Cossack đến hợp lực với Augustus. Khi họ đến, với tư cách ủy viên hội đồng cơ mật và trung tướng, Patkul thay Golitsyn nắm quyền chỉ huy, rồi Augustus ra lệnh cho ông dẫn đội quân vào Saxony. Ở đây, ông thấy không có ai lo cho họ. Trong nhiều tháng họ không nhận được tiền lương, và dù có nhận, thương nhân Saxony không muốn bán hàng cho họ vì cho rằng tiền của Nga không có giá trị. Với cơ thể gầy còm, quân phục tả tơi và thiếu giày vớ, đội quân trở nên thảm thương khiến dân địa phương khi thấy họ đều nhìn chằm chằm. Với tình trạng này, trong mùa đông sắp đến, nhiều người sẽ chết.

Nhưng Patkul làm việc một cách không mệt mỏi để giúp họ. Ông lên án chính phủ Saxony không làm theo lệnh của nhà Vua kiêm Tuyển hầu tước

là phải cấp lương thực và chỗ trú đông cho họ. Ông viết thư cho Pyotr, Golovin và Menshikov, cho biết tình trạng của đoàn quân làm mất thể diện của Sa hoàng. Họ trả lời rằng đoàn quân nên trở về Nga - là điều bất khả thi vì đường về bị quân Thụy Điển đóng chốt. Cuối cùng, Patkul sử dụng uy tín của mình để kiếm ra một số tiền lớn. Vào mùa xuân, ông phát cho họ đồng phục mới, và đến mùa hè bề ngoài của họ được cải thiện đến nỗi người Saxony cho rằng xem họ còn khá hơn quân Đức. Nhưng vẫn không có tiền lương từ Nga, và uy tín của ông đang bị sa sút.

Để giúp họ sống được, cuối cùng Patkul đề nghị cho chính phủ Áo thuê họ một thời gian. Golovin trả lời rằng Sa hoàng sẽ chấp thuận nếu việc này là thật cần thiết. Tháng 12/1705, với sự đồng thuận của các sĩ quan Nga dưới quyền, Patkul ký hợp đồng cho thuê đội quân trong một năm.

Hành động của Patkul làm cho chính phủ Saxony lo lắng, vì sợ rằng cả Vua của họ và Sa hoàng sẽ nổi giận vì họ đã từ chối chăm sóc quân Nga đến lo cho công cuộc chung nhưng giờ không thể sử dụng được. Patkul đã bị thù ghét trong một thời gian dài ở Dresden (Ông không hề cẩn trọng khi viết thư, nên nhiều lời tố cáo các bộ trưởng Saxony yếu kém và tham nhũng đều đến tai người bị tố cáo.). Chính Augustus cũng có ác cảm với ông, cho rằng ông làm thế chỉ vì tư lợi.

Điều tệ hại đã xảy ra: nghĩa cử nhân đạo của Patkul khi ký cho Áo thuê quân Nga lại bị kết án là hành động phản quốc. Dù chính phủ Saxony đã được thông báo việc cho thuê đoàn quân, bất ngờ họ trở mặt và tố cáo Patkul gây phương hại cho Augustus. Họ ra lệnh bắt ông. Lúc này, Patkul sắp kết hôn với một quả phụ giàu có, sau bao nhiêu mệt mỏi vì bị kẹt giữa các thế lực mạnh và chán nản về những tham vọng của mình. Ông đã mua bất động sản ở Thụy Sĩ, dự định từ bỏ chính trị để về đấy dưỡng già.

Từ lễ đính hôn trở về, ông bị Saxony bắt, tống vào nhà giam không có giường ngủ và thức ăn trong năm ngày đầu. Tin ông bị bắt gây chấn động cả Châu Âu: một sứ thần nước ngoài đến phục vụ một quân vương lại bị bắt! Ở Dresden, các đại sứ phản đối mạnh mẽ và rút ra khỏi thủ đô với lý do họ không còn cảm thấy an toàn. Đại sứ của Đế quốc La Mã Thần thánh phản bác lời cáo buộc phản quốc bằng cách tuyên bố rằng chính ông đã nhìn thấy thư của Moskva cho phép Patkul chuyển giao đoàn quân. Hoàng thân Golitsyn, bây giờ trở lại nắm quyền chỉ huy đoàn quân và tuy có mâu thuẫn với Patkul, cũng phản đối việc bắt giữ có ý nghĩa như hành động đối kháng Sa hoàng và đòi phải trả tự do cho Patkul lập tức?[135]

Sợ rằng họ đã đi quá xa, chính phủ Saxony báo cáo với Augustus về hành động của họ. Augustus trả lời rằng ông chấp thuận việc làm của họ, và cũng gửi thư cho Pyotr nói rằng, để bảo vệ quyền lợi chung, hội đồng cơ mật của ông đã buộc phải bắt giữ Patkul.

Pyotr đồng ý với Augustus rằng Patkul đáng lẽ phải chờ nhận thêm mệnh lệnh rõ ràng trước khi ký cho Áo thuê đoàn quân, nhưng ông đòi phải lập tức đưa Patkul đến gặp ông để ông có thể điều tra các cáo buộc. Dù sao đi nữa, Patkul đang phục vụ Nga và đội quân liên hệ là quân Nga. Nhưng Augustus chỉ phúc đáp qua các lời tố cáo và viện có để trì hoãn. Tháng 2/1706, Pyotr gửi thư lần nữa, thúc hối phải trả Patkul về cho ông. Nhưng quân Thụy Điển lúc này đang đóng gần Grodno, và Chính phủ Saxony biết rằng Sa hoàng không thể can thiệp. Patkul vẫn bị giam cầm.

Thế rồi, Karl hành quân thần tốc xâm lăng Saxony, Augustus đầu hàng, và Hiệp ước Altranstadt được ký kết. Việc giao nộp Patkul và những "kẻ phản quốc" Thụy Điển khác là một điều khoản trong Hiệp ước. Augustus bị bắt bí. Sau khi không thể trả tự do cho Patkul, giờ ông buộc phải giao

Patkul cho Karl. Ông gửi đại diện đi gặp Sa hoàng nước Nga để trấn an rằng ông sẽ không bao giờ giao nộp Patkul cho Vua Thụy Điển. Pyotr không tin vào lời hứa này. Lo cho tính mạng của Patkul, ông gửi thư cho Hoàng đế Áo, các Vua của Phổ và Đan Mạch, và Tổng đốc Hà Lan, đề nghị họ can thiệp. Với mỗi người, ông viết nội dung chính yếu:

> Chúng tôi tin rằng Vua Thụy Điển sẽ sẵn lòng chiều theo sự can thiệp của Hoàng thượng và rằng khi làm như thế ông ấy sẽ tạo được tiếng tăm trên cả thế giới của một quân vương nhân từ và không can dự vào một vụ việc trái đạo lý và man dã.

Augustus trì hoãn thực hiện điều khoản trên của Hiệp ước, nhưng Karl vẫn khăng khăng. Rốt cuộc, vào đêm 27/3/1707, Patkul bị giao vào tay Thụy Điển. Ông bị giam ở Altranstadt trong ba tháng, bị buộc vào một sợi lòi tói nặng. Đến tháng 10/1707, ông đứng trước tòa án quân sự của Thụy Điển vốn đã nhận lệnh của Karl là phải xử cho thật nặng. Tòa án ngoan ngoãn tuân theo, xử tội hành hình bằng cách đánh gậy, chặt đầu rồi chặt cơ thể ra làm bốn. Sau cuộc hành hình, đầu của ông bị bêu trên một cây cột dựng bên con đường cái.

133. Vì đã ngoan cố chống trả gây nên cuộc tàn sát vô ích và còn sỉ nhục Sa hoàng, Horn bị giam cầm ở Nga suốt 15 năm, trong khi các tướng lĩnh Thụy Điển khác Pyotr khâm phục đã được trả tự do sớm. (ND)

134. Xem Chương 29. (ND)

135. Ian Grey trong cuốn Peter the Great - Emperor of all Russia (Pyotr Đại đế - Hoàng đế toàn Nga, NXB J.B. Lippincott Company, Philadelphia & New York, 1960) cho biết theo lệnh của Pyotr, ngày 13/1/1706, Feodor Golovin biên thư cho Đại sứ Áo hủy bỏ thỏa thuận thuê đoàn quân, nói rằng Patkul đã hành động vượt quá chỉ thị: "Ông ấy được lệnh chỉ hành động khi thật cần thiết để chuyển đoàn quân cho Hoàng đế [Áo]." Tuy nhiên, theo ngôn từ trong thư ngày 03/10/1705 của Golovin gửi cho Patkul thì Patkul đã diễn dịch ý nghĩa của chỉ thị một cách chân thật và đúng lý. Hơn nữa, Patkul chỉ thương thảo với Đại sứ Áo sau khi thấy rằng không thể dẫn đoàn quân về Nga qua Ba Lan lúc ấy đang bị quân Thụy Điển chiếm đóng, và các sĩ quan Nga dưới quyền ông đều nhìn nhận rằng binh sĩ sẽ chết vì lạnh hoặc đói khát nếu lưu lại Saxony. Patkul biên một lá thư dài cho Pyotr tường trình về các cáo buộc đối với ông và biện minh rằng mình vô tội. Tháng 2/1706, Pyotr nhận được lá thư này và lại biên thư cho Augustus, cho biết mình chưa nhận được hồi âm của hai thư trước, và lại yêu cầu đưa Patkul đến Nga. Phía Saxony vẫn tránh né và lần lữa. Tháng 3 và tháng 8,1706, Pyotr lặp lại yêu cầu như trước nhưng vẫn không có kết quả. (ND)

31 KARL Ở SAXONY

Sự xuất hiện kịch tính của Vua Karl XII và đoàn quân của ông giữa Saxony gây chấn động cả Châu Âu. Trong khi lưu lại Saxony, vị quân vương trẻ tuổi trở nên nổi danh, vì thế càng ngày nỗi tò mò muốn biết thêm về ông càng dâng cao. Mọi người quan sát tỉ mỉ tất cả hành động, thái độ và thói quen của ông; nhiều người đi qua doanh trại của Thụy Điển ở Altranstadt để mong được nhìn thoáng qua vị Vua trẻ tuổi. Trong lòng các quân vương, bộ trưởng và tướng lĩnh, hiếu kỳ pha trộn với lo âu. Ai nấy hiểu rằng ông đến đây để tạo dấu ấn chính thức lật đổ Augustus khỏi ngai vàng Ba Lan, nhưng bây giờ ông đã hoàn tất việc này, kế tiếp sẽ là gì? Đoàn quân dày dạn chinh chiến, chưa hề bị bại của Thụy Điển đang đóng ở Trung Âu, chỉ cách Sông Rhine 200 kilômét. Vị quân vương trẻ này sẽ quay những mũi lưỡi lê vô địch của mình về hướng nào? Suốt hai mùa đông-xuân năm 1707, đại sứ và các sứ thần khác đổ xô đến để tìm câu trả lời từ Vua Thụy Điển.

Có người mang đến lời khẩn cầu hoặc đề xuất cụ thể. Louis XIV đề nghị hợp nhất quân Thụy Điển với quân của Pháp. Việc này có thể giúp nghiêng cán cân, để Pháp và Thụy Điển cùng nhau chia cắt các lãnh thổ của người Đức. Người Tin Lành của Silesia xin Karl lưu lại Saxony bảo hộ cho họ để chống lại Hoàng đế theo Cơ Đốc giáo (Bằng lời đe dọa kéo quân đi đánh Wien, Karl đã giúp người Silesia đạt được quyền mở cửa lại các nhà

thờ Lutheran của họ.). Nhưng trong số khách thăm viếng, người nổi tiếng nhất là John Churchill, Quận công Marlborough, nhân vật trung tâm cả về quân sự và chính trị trong liên minh chống Louis XIV.

Khi Karl mới vào Saxony, vị Quận công đã tỏ ý lo ngại rằng nhà Vua trẻ có thể làm đảo lộn cán cân thăng bằng một cách chông chênh của các nước đang chống lại mưu đồ bá quyền của Louis XIV. Ông gửi thư khuyến cáo cả hai triều đình Anh và Hà Lan rằng:

> Mỗi khi viết thư cho Vua Thụy Điển, cần phải cẩn thận mà không có lời lẽ nào có tính cách đe dọa, vì ông ta sẽ không lấy làm vui.

Marlborough hiểu rằng phải đối xử thật cẩn trọng với vị Vua bốc đồng, và cũng cần một cái mũi thính hơi và thông minh về ngoại giao, nên ông đề xuất chính mình sẽ đi dò xét. Đề xuất của ông được chấp thuận với lòng biết ơn. Ngày 20/4/1707, Marlborough đi đến Altranstadt, và dù đã nổi danh như cồn, ông không phải là quân vương, nên đầu tiên chỉ được gặp Bá tước Piper, là thủ tướng bán chính thức của Thụy Điển. Khi viên tướng người Anh đến nơi, Piper cho người báo là mình đang bận, bắt Marlborough phải ngồi chờ nửa giờ trong cỗ xe, rồi mới đi xuống các bậc thang để đón sứ thần của Nữ hoàng Anne. Marlborough cũng không phải là tay vừa. Khi Bá tước Thụy Điển đang tiến đến, vị Quận công bước xuống xe, đi ngang qua Piper mà không chào hỏi gì cả. Ông đi ít bước, quay lưng về vị Bá tước, bình thản đi tiểu vào một bức tường trong khi Piper phải đứng chờ. Rồi vị Quận công xốc lại áo quần, chào hỏi Piper bằng lời lẽ lịch sự và, sau khi hai bên đã công bằng với nhau, họ cùng tiến vào tòa nhà để hội đàm trong một giờ.

Sáng hôm sau, vị Quận công vào bệ kiến Vua Thụy Điển. Đây là hai nhà chỉ huy quân sự vĩ đại nhất vào thời đó. Marlborough trình bức thư của Nữ hoàng Anne, được viết "không phải từ hoàng cung, mà từ con tim". Marlborough nói thêm:

> Nếu không vì lý do bản thân là phụ nữ, Nữ hoàng đã vượt biển để thăm viếng một quân vương được cả vũ trụ ngưỡng mộ. Tôi [chính Marlborough] càng cảm thấy hân hoan hơn cả Nữ hoàng, và tôi mong có thể phục vụ trong một chiến dịch nào đấy dưới quyền của một vị chỉ huy vĩ đại mà tôi muốn học hỏi về nghệ thuật chiến tranh.

Karl không cảm thấy hài lòng lắm với cách tâng bốc như thế.

Trong hai ngày thăm viếng doanh trại Thụy Điển, Marlborough không chính thức đưa ra đề nghị nào. Ông chỉ muốn tìm hiểu ý định của nhà Vua và cảm nghĩ của đoàn quân. Biết rõ Karl quan tâm đến sự an nguy của dân Đức theo đạo Tin Lành, vị Quận công bày tỏ lời cảm thông sâu sắc nhất của Anh quốc, nhưng cũng nói lên mối lo ngại của Anh về kẻ thù nguy hiểm nhất theo Thiên Chúa giáo: Louis XIV của Pháp. Vị khách kín đáo dò xét quân đội Thụy Điển, nhận ra hỏa lực pháo binh chỉ ở mức tối thiểu và năng lực ngành quân y yếu kém so với lực lượng của ông. Marlborough đã nghe ngóng đủ để đi đến kết luận rằng chắc chắn Thụy Điển sẽ mở chiến dịch đánh Nga. Ông cũng nghe sĩ quan Thụy Điển nói họ nghĩ chiến dịch này sẽ khó khăn và có thể kéo dài hai năm. Ông ra về với tâm trạng nhẹ nhàng và hài lòng: "Tôi nghĩ chuyến đi của tôi đã xóa hẳn tất cả nỗi âu lo của triều đình Pháp về Vua Thụy Điển."

Đến năm 1707, lúc chuẩn bị cho cuộc phiêu lưu quân sự lớn nhất cuộc đời mình, Vua Karl vẫn chưa hề biết đến chiến bại. So với người thanh niên 18 tuổi lúc dẫn hạm đội đi đánh Đan Mạch bảy năm về trước, bây giờ ông thay đổi nhiều: cao 1,75 mét, nét mặt trông già dặn hơn hẳn, đôi mắt xanh đậm hiện vẻ trầm tĩnh và thách thức hơn; môi thường nở nụ cười ra vẻ hiểu biết, tóc cắt ngắn, và vẫn không để râu hoặc ria mép.

Karl không đòi hỏi nhiều cho riêng ông. Ngay cả trên bãi chiến trường, ông không bao giờ mang tấm khiên ngực để che chắn thân mình. Khi hành quân, ông vẫn mặc cùng loại trang phục để ngủ trên một tấm nệm, một lớp rơm hoặc một tấm ván. Sau khi đã cởi giày và đặt thanh gươm kế bên, ông lấy quyển Thánh Kinh bìa mạ vàng mà ông luôn mang theo bên người cho đến khi đánh mất ở Pultowa, cuộn mình trong tấm áo choàng, ông đọc một chút rồi ngủ không quá 5-6 giờ mỗi đêm. Nhà Vua ăn uống đơn giản, thường ăn bằng tay trong im lặng, mỗi bữa không quá 15 phút, và khi di chuyển đường xa ông ăn trên lưng ngựa.

Ngay cả khi đoàn quân đang đóng trại, Karl vẫn muốn có hoạt động tích cực. Ông thường cho gióng yên cương sẵn một con ngựa để khi cần là nhảy lên ngay, phi đi nhiều dặm dù cho mưa hoặc bão. Khi phải gò bó trong một căn phòng, ông cảm thấy bứt rứt, luôn đi qua đi lại. Cách viết của ông thì thô thiển - đầy vết mực nhòe và dấu bôi xóa - và ông thường thích đọc cho người khác viết, đi tới lui, hai bàn tay chắp sau lưng, rồi chớp lấy một cây bút để ký nguệch ngoạc “Karl”.

Dù cho tính hay hiếu động, Karl biết kiên nhẫn lắng nghe, ngồi với nửa nụ cười mỉm, tay đặt lên chuôi kiếm. Nếu đối đáp với ai khi đang ngồi trên lưng ngựa, ông bỏ mũ ra và kẹp bên sườn cho đến khi cuộc đối thoại kết thúc. Cung cách của ông khi đối thoại với thuộc hạ (cả đời ông chỉ đối thoại

với thuộc hạ, ngoại trừ vài dịp hiếm hoi gặp gỡ người nước ngoài) là trầm tĩnh, tự tin và thân thiện nhưng không bao giờ thân mật; luôn có khoảng cách giữa quân vương và bề tôi. Hầu như ông không bao giờ nóng giận, trong sự vụ hằng ngày ông khó từ chối yêu cầu của sĩ quan dưới quyền. Ông thích người quanh mình được vui vẻ và sôi động, rồi ông ngồi một chỗ, nhìn họ và nghe họ với nụ cười mỉm. Ông thích thuộc hạ của mình phải quyết đoán, thẳng thắn và lạc quan, và ông cho phép người bất đồng ý kiến với ông được tự do phát biểu.

Chính trong việc đối đầu với kẻ địch mà Karl trở nên sinh động. Ai thử thách ông sẽ bị ông rút kiếm thép mà đáp trả - luôn luôn với tính cứng răn và không thương xót. Khi bắt đầu trận chiến, nhà Vua tiến về phía trước, thể hiện uy quyền và quyết tâm. Đến lúc này, tất cả tranh luận phải chấm dứt, mọi người phải phục tùng quyết định của nhà Vua. Karl chỉ huy không những qua uy quyền mà còn bằng cách nêu gương. Sĩ quan và binh lính dưới quyền ông đều nhìn thấy tính kỷ luật tự giác, lòng dũng cảm, tinh thần tự nguyện của ông, để không những chia sẻ mà còn vượt lên. Họ không những kính trọng ông là quân vương, mà còn ngưỡng mộ ông như là một người đàn ông và một chiến binh. Họ tin tưởng tuyệt đối vào mệnh lệnh của ông. Họ sẽ tấn công về hướng cây gươm ông đang chỉ đến: nếu ông đòi hỏi, họ sẽ đáp ứng. Sau khi đã chiến thắng hết trận này qua trận khác, tư tưởng cực kỳ tự tin, chắc chắn tuyệt đối đã ngấm sâu trong lòng nhà lãnh đạo và tất cả kẻ thừa hành. Điều này giúp cho ông kiểm soát một cách tuyệt vời mọi tình hình và tạo sự thuận lợi khi chỉ huy, cho phép ông thư giãn và vui với thuộc hạ mà không cần phá bỏ rào cản giữa ông và họ.

Sức mạnh và cũng là nhược điểm của Karl nằm ở ý chí chuyên tâm. Ông cứ mãi bướng bỉnh theo đuổi mục tiêu của mình mà không màng đến

những việc gì khác. Dù cho là theo đuổi một con thỏ rừng, tấn công một quân cờ của đối thủ trên bàn cờ vua hoặc lật đổ một vị vua nước ngoài, ông chú tâm vào mục đích ấy và không xét đến chuyện gì khác cho đến khi đạt được. Cũng giống như một quân vương chỉ huy quân sự khác cùng thời là William III, Karl tin rằng ông thay Thượng Đế mà hành xử để trừng phạt những kẻ đã dấy lên cuộc chiến "phi nghĩa". Hằng ngày ông và đoàn quân đều dự lễ cầu nguyện hai lần. Ngay cả khi hành quân, kèn thổi lên lúc 7 giờ sáng và 4 giờ chiều, cả đoàn quân dừng lại, mọi người bỏ mũ ra, quỳ xuống giữa đồng trống để đọc kinh.

Vì mộ đạo, Karl tin vào định mệnh, cho rằng số phận của mình là để hoàn tất nghĩa vụ đối với Thượng Đế. Ông xông thẳng vào trận tuyến, coi thường nguy hiểm và cái chết. Ông nói:

> Ta chỉ ngã xuống khi bị viên đạn của số phận bắn trúng, và lúc ấy dù có cẩn thận thế nào cũng vô ích.

Nhưng mặc dù Karl không quan tâm đến cái chết của mình, khi xua quân xông vào làn đạn của địch, đấy chỉ là vì ông muốn chiến thắng, không phải vì thích gây chết chóc. Đúng thế: nhà Vua thương xót cái chết của binh sĩ ông trên trận tuyến, và từng có ý nghĩ thách đấu tay đôi với Pyotr để chấm dứt cảnh xương trắng máu đào.

Ngay trong năm này, khi dưỡng quân ở Saxony, Karl vẫn có lối sống giản dị, chuyên tâm vào chiến tranh. Ông sống trong lâu đài Altranstadt theo cách như đang sống trong lều bạt, sẵn sàng chờ chiến đấu. Ông không cho phép chị và em gái mình đến thăm và từ chối ý của bà nội ông muốn

ông trở về thăm nhà dù chỉ một lần, trả lời rằng như thế là nêu gương xấu cho binh sĩ.

Karl tiết chế về mặt tình dục. Ông tuyên bố: "Trong thời gian chiến tranh, ta kết hôn với quân ngũ"; và ông cũng chống sinh hoạt tình dục trong khi chiến tranh còn đang tiếp diễn. Ông cho rằng việc tự tiết chế là cần thiết đối với một người chỉ huy ngoài mặt trận, nhưng nó cũng dấy lên mối nghi hoặc Vua Thụy Điển là người đồng tính luyến ái. Cả đời, ông ít tiếp xúc với phụ nữ. Trong những năm ngoài mặt trận, ông thường thư từ cho chị em và bà nội, nhưng suốt 17 năm xa quê hương ông không hề gặp lại người thân nào, và khi trở về Thụy Điển, bà nội và người chị đã qua đời. Khi nhà Vua gặp phụ nữ qua giao tế xã hội, ông có cử chỉ lịch sự nhưng không nồng ấm. Ông không tìm cách thân cận với phụ nữ và lảng tránh nếu có thể; dường như phụ nữ làm cho ông bối rối.

Karl cố gắng nhào nặn quân đội Thụy Điển theo mẫu mực của mình: một đội ngũ tinh nhuệ gồm những người độc thân chỉ nghĩ đến nhiệm vụ hơn là chạy theo phụ nữ và sự chăm sóc trong hôn nhân. Đàn ông có vợ con khó có đủ can đảm để tiến công trên đồng trống giữa làn đạn và rừng lưỡi lê. Karl ngưỡng mộ và noi theo gương vua cha - Karl XI - đã tiết chế trong những năm Thụy Điển lâm vào chiến tranh.

Theo thời gian, thái độ lãnh đạm của nhà Vua đối với phụ nữ trở nên rõ rệt hơn. Trong thời gian dưỡng quân ở Saxony, nhiều đứa trẻ có cha Thụy Điển ra đời, nhưng không có lời đồn đại nào về vị Vua 25 tuổi. Sau này, khi Karl làm tù binh và cũng là khách không mời của người Thổ trong 5 năm, với những buổi tối rảnh rỗi dành cho kịch Molière và nhạc thính phòng, vẫn không có lời xầm xì nào về phụ nữ. Có lẽ sau khi đã chối từ tình yêu và phụ

nữ trong thời gian quá lâu, cuối cùng ông không còn khả năng nào trong cả hai thứ.

Có thể nói rằng ngọn lửa bùng cháy trong con người của Karl đã đạt đến mức ám ảnh, thiêu rụi tất cả mọi chuyện khác. Ông là chiến binh. Vì Thụy Điển, vì quân đội, ông chọn lối sống khắc khổ. Ông nghĩ phụ nữ làm cho mình sao nhãng nhiệm vụ. Ông không có kinh nghiệm về tình dục; có lẽ ông cảm nhận được quyền lực to lớn của mình mà muốn kiềm chế nó, không dám mang ra thử. Theo phương diện này, Karl XII là người không bình thường. Nhưng ta đã thấy rằng trong nhiều phương diện khác, Vua Thụy Điển cũng không giống những người đàn ông bình thường.

Pyotr biết rằng việc truất phế Vua Augustus và tấn phong Stanislaus lên thay thế là cực kỳ nghiêm trọng đối với nước Nga. Những năm vừa qua đã cho Sa hoàng nước Nga hiểu rằng ông đang đối mặt với một kẻ cuồng tín; rằng Karl đã quyết tâm lật đổ Augustus, và rằng vị Vua Thụy Điển đã hoãn lại việc xâm lăng Nga chỉ nhằm đạt chiến thắng ở Ba Lan. Ông ý thức được rằng cần phải duy trì địa vị của Augustus để bảo vệ Nga, vì thế ông đã rót tiền và đưa quân đến cho Augustus làm Vua Ba Lan. Ngày nào mà chiến tranh còn xảy ra ở Ba Lan thì ngày ấy Nga còn được bình yên.

Khi Augustus bị truất phế, Pyotr tìm người thay thế làm Vua Ba Lan - không phải là bù nhìn, mà là một quân vương tự chủ có thể điều hành đất nước và chỉ huy quân đội trên bãi chiến trường. Ông chọn Hoàng thân Eugene Xứ Savoy, lúc này đang nổi tiếng là vị tướng tài ba nhất. Ông này cảm ơn Sa hoàng nhưng nói quyết định là do Hoàng đế Áo. Rồi ông biên thư cho Hoàng để nói rằng do lòng trung thành với đấng quân vương trong 20 năm qua, ông để tùy Hoàng đế quyết định. Hoàng đế bị giằng co giữa hai bên: ông thấy điểm lợi khi có người trung thành với mình ngồi trên ngai

vàng Ba Lan, nhưng lại không muốn làm phật ý Karl và cũng ngại xảy ra chiến tranh giữa Eugene và Stanislaus với Karl ủng hộ Stanislaus. Vì thế ông lần lữa, báo cho Sa hoàng rõ rằng Eugene đang chuẩn bị tiến hành một chiến dịch quân sự mới nên từ đấy đến mùa đông ông không thể quyết định được gì.

Pyotr không thể chờ đợi. Với quân đội của Karl chuẩn bị tiến công, ông cần lập một vị vua Ba Lan thân Nga lập tức. Ông tiếp xúc với James Sobieski, con trai của vua Ba Lan quá cố Jan Sobieski, nhưng lại bị từ chối. Ông thương lượng với Francis Rakoczy - người Hungary yêu nước đã rời Hungary để chống lại hoàng đế - và Rakoczy chấp nhận ngai vàng nếu Pyotr có thể thuyết phục Nghị viện Ba Lan đồng ý. Nhưng trước khi đi những bước kế tiếp thì mọi ý định đành phải bị bỏ dở. Karl XII đã cất quân khỏi Saxony và đang tiến đến nước Nga.

Việc truất phế Augustus đã loại ra bên thứ hai trong số liên minh ba bên chống Thụy Điển. Bây giờ, bị đơn độc phải đối mặt với Karl, Pyotr tăng cường nỗ lực để dàn hòa với Karl, hoặc nếu không thì tìm kiếm đồng minh khác nhằm giúp cho nước Nga tránh một chiến bại thảm hại mà Tây Âu đều nghĩ sẽ không tránh khỏi.

Trong việc kiếm tìm một trung gian hoặc một đồng minh, Pyotr tiếp xúc cả hai bên trong cuộc chiến rộng lớn khiến chia rẽ Tây Âu. Các nỗ lực của Andrei Matveyev nhằm tiếp xúc Hà Lan, Phổ và Đan Mạch năm 1706 đều thất bại.

Vào tháng 3/1707, Pyotr gửi đề xuất đến Louis XIV, hứa là nếu Pháp giúp hòa giải giữa Nga và Thụy Điển, Nga sẽ cung cấp quân để giúp đánh Anh, Hà Lan và Áo, đồng thời trả một khoản tiền lớn để giữ lại Sankt-Peterburg và Sông Neva. Louis hứa sẽ cố gắng.

Pyotr cũng tiếp xúc với Anh. Hồi năm 1705, khi Đại sứ Sir Charles Whitworth thay mặt Nữ hoàng Anne của Anh quốc đến Moskva, Pyotr đã hy vọng ông này có thể thuyết phục Nữ hoàng làm trung gian ở vùng Baltic. Sir Whitworth có ý thuận theo Pyotr, nhưng không thể thuyết phục được triều đình Anh can thiệp. Vào cuối năm 1706, Pyotr quyết định kêu gọi trực tiếp đến London và ra lệnh cho Matveyev đích thân từ The Hague đi London và yêu cầu Nữ hoàng gây áp lực với Thụy Điển nếu Thụy Điển không dàn hòa với Nga. Pyotr thuận cho Nữ hoàng Anh ra các điều kiện, chỉ mong được giữ Ingria và Sông Neva vốn ngày xưa thuộc Nga. Nếu đàm phán chính thức thất bại, Matveyev được phép dùng tiền bạc để mua chuộc Marlborough và Sydney Godolphin, là hai bộ trưởng hàng đầu của Anh. Pyotr tỏ ra thực tế về điểm này. Ông nói:

> Ta không nghĩ sẽ mua chuộc được Marlborough bởi vì ông ấy quá giàu. Tuy nhiên, ông có thể hứa với ông ấy 200.000[136] hoặc hơn nữa.

Trước khi rời Hà Lan đi Anh, Matveyev hội kiến với Marlborough ở The Hague, và nhận ra rằng mình ít có cơ hội thành công. Tuy thế mỗi bên vẫn đóng tròn vai trò của mình: Matveyev vẫn thi hành nhiệm vụ đi Anh còn Marlborough không những không ngăn cản Matveyev mà còn cho ông này mượn chiếc thuyền buồm của mình mà đi qua Biển Manche.

Matveyev đến Anh tháng 5/1707 và được đón tiếp một cách thân tình, nhưng nhận ra ngay rằng không thể có chuyển biến một sớm một chiều.

Ông báo cáo cho Golovkin - lúc này đã thay Fyodor Golovin làm Bộ trưởng Ngoại giao - rằng tiến trình có thể chậm chạp: “Ở đây không có

quyền hạn chuyên chế"; quyết định của Nữ hoàng phải được Nghị viện chuẩn y.

Matveyev được bệ kiến Nữ hoàng Anne tháng 9/1707. Vị Nữ hoàng nói mình sẵn lòng nhận Nga làm đồng minh nhưng cần có sự đồng ý của các đồng minh hiện tại của Anh: Hà Lan và đế quốc Habsburg. Trong khi chờ đợi, Matveyev vẫn nuôi hy vọng vì Marlborough thông báo cho biết đang dùng ảnh hưởng của mình để thuyết phục các đồng minh của Anh liên kết với Nga.

Tình hình càng bất lợi cho Nga: Karl đã rời Saxony vào tháng 8 để bắt đầu cuộc xâm lăng nước Nga.

Tháng 11/1707, Marlborough trở về Anh. Matveyev vội đến gặp và yêu cầu vị Quận công hãy nói rõ ràng - với tư cách một người thành thực và không hứa hẹn viển vông - liệu Sa hoàng có hy vọng được gì nơi nước Anh hay không. Một lần nữa, Marlborough không cho câu trả lời quyết định.

Qua một trung gian khác - Huyssen, lúc ấy đang làm trung gian cho Nga về các sự vụ ngoại giao ở Tây Âu - có thêm đường hướng khác. Theo lời Huyssen, vị Quận công đã nói mình sẵn lòng dàn xếp cho Anh giúp Nga để đổi lấy món quà của Nga gồm tiền bạc và đất đai cho riêng ông. Khi Golovkin báo cáo việc này, Sa hoàng trả lời:

> Bảo Huyssen rằng nếu Marlborough muốn có một lãnh địa hoàng thân, chúng ta có thể cam kết một trong ba nơi là Kyyiv, Vladimir hoặc Siberia - tùy ông ấy lựa chọn. Và có thể hứa là nếu ông ấy thuyết phục được Nữ hoàng dàn xếp hòa bình giữa chúng ta và Thụy Điển thì ông ấy sẽ được nhận lợi tức suốt đời cho đất phong là 50.000 ducat mỗi năm,

thêm Huân chương Sankt-Andrei, và một viên hồng ngọc lớn bằng bất kỳ viên nào ở Châu Âu.

Cả Matveyev lẫn Huyssen đều không thể tiến xa hơn. Đến tháng 2/1708, khi Karl XII đã dẫn quân vượt Sông Wistla, lời kêu gọi cuối cùng của Matveyev cho liên minh Anh-Nga vẫn không được trả lời.

Karl nhất quyết từ chối xem xét việc đàm phán với Nga. Ông bác bỏ lời đề nghị đàm phán của Pháp, nói rằng mình không tin vào lời nói của Pyotr: việc Pyotr phong tước hiệu Hoàng thân Xứ Ingria cho Menshikov là bằng cớ cho thấy Nga không có ý định trả lại tỉnh này và do đó không quan tâm đến hòa đàm. Khi có đề nghị rằng Pyotr trả tiền bồi thường cho Thụy Điển nhằm giữ lại một phần lãnh thổ nhỏ ven bờ Baltic đã chiếm được, Karl trả lời rằng ông không muốn bán thần dân của ông ở Baltic để lấy tiền Nga. Khi Nga để nghị trả lại tất cả Livonia, Estonia và Ingria ngoại trừ Sankt-Peterburg, Shlisselburg-Nöteborg và Sông Neva nối hai nơi này, Karl đã tuyên bố một cách phẫn nộ:

Ta thà hy sinh người lính Thụy Điển cuối cùng còn hơn là nhượng Nöteborg.

Trong giai đoạn Pyotr đề xuất các điều kiện hòa bình và Karl bác bỏ các đề xuất này, có sự cách biệt giữa đôi bên không thể nào hòa giải được: Sankt-Peterburg. Pyotr có thể từ bỏ mọi thứ miễn là được giữ Sankt-Peterburg để có lối cho Nga thông ra biển. Karl không muốn từ bỏ thứ gì khi chưa đánh gục quân đội Nga. Vì thế, chiến tranh tiếp tục dựa trên danh nghĩa Sankt-Peterburg - lúc này chỉ mới là một số ngôi nhà gỗ, một pháo đài xây bằng đất và một bến cảng thô sơ.

Đúng ra, việc hòa đàm đối với Karl là điều phi lý. Đang ở trên đỉnh vinh quang, với cả Châu Âu đang cầu cạnh, với một quân đội được huấn luyện cực kỳ nhuần nhuyễn và luôn chiến thắng, với chiến lược thần kỳ đã được theo đuổi một cách thành công cho đến thời điểm này, tại sao phải nhượng đất Thụy Điển cho kẻ thù? Đối với Karl, để mất các tỉnh đang nằm ngay sau lưng đoàn quân mà tiên vương hai bên - Vua Karl XI và Sa hoàng Aleksei - đã ký kết chính thức thuộc về Thụy Điển là điều nhục nhã.

Hơn nữa, chiến dịch đánh Nga tạo ra cho Karl một cuộc hành quân mà ông luôn mơ tưởng. Trong suốt những năm chinh chiến ở Ba Lan, ông luôn bị những quyền lực chính trị ở Tây Âu lôi kéo qua lại. Bây giờ, chỉ cần vung gươm một cái ông có thể quyết mọi việc. Và dù có nhiều rủi ro khi hành quân hàng nghìn kilômét vào lãnh thổ Nga, thì cũng có nhiều lợi lộc khi một vị Vua Thụy Điển đứng giữa Kremlin mà áp đặt những điều kiện hòa bình có hiệu lực trong nhiều thế hệ.

Và có lẽ rủi ro sẽ không nhiều. Dưới mắt của Thụy Điển và Tây Âu, quân đội Nga chẳng ra gì cả. Chiến thắng oanh liệt ban đầu của Thụy Điển ở Narva đã ngấm sâu vào tư tưởng của Karl - mà những thành công kế tiếp của Pyotr chưa xóa được - thành kiến cho rằng quân Nga chẳng qua là một đám người ô hợp không thể nào chống lại một đoàn quân có kỷ luật của Tây Âu.

Cuối cùng, trong bản chất của Karl còn có một yếu tố là hành động theo mệnh trời: phải trừng trị Pyotr như đã trừng trị Augustus; Sa hoàng phải thoái vị. Khi Stanislaus thúc đẩy tiến trình hòa bình để dân Ba Lan bớt khổ sở, Karl trả lời: “Sa hoàng chưa đủ nhục nhã để chấp nhận những điều khoản mà ta sẽ áp đặt.” Sau đấy, ông lại trách mắng Augustus thêm:

Ngày nào mà còn có một láng giềng phi chính nghĩa - như Sa hoàng này đã khởi động cuộc chiến mà không có lý do chính đáng - thì ngày đó Ba Lan vẫn chưa được bình yên. Trước nhất tôi cần phải hành quân để lật đổ ông ta.

Karl còn nói đến việc phục hồi chế độ cũ của Nga, xóa bỏ những cải tổ, nhất là giải tán quân đội mới. Ông tuyên bố:

Sẽ phải đập tan sức mạnh của nước Nga vốn đã lên cao nhờ học tập tính kỷ luật quân sự của nước ngoài.

Từ lúc đầu, Karl hiểu rằng chiến dịch đánh Nga sẽ không dễ dàng. Ông sẽ phải hành quân qua những vùng bình nguyên bao la, xâm nhập sâu vào những khu rừng rậm và vượt qua nhiều con sông rộng. Đúng thế: dường như Moskva và con tim của nước Nga được thiên nhiên bảo vệ vững chắc. Đoàn quân sẽ phải vượt qua những con sông lớn: Wistla, Neman, Dniepr, Berezina. Làm việc trên những bản đồ của Ba Lan và Nga, Karl và bộ tham mưu của ông vạch ra những đường tiến quân, nhưng họ vẫn giữ bí mật đến nỗi Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần phụ trách quản lý các bản đồ vẫn không biết họ đã chọn đường nào.

Ưu tiên thứ nhất - mà đa số sĩ quan Thụy Điển dự đoán - là chiếm lại các tỉnh vùng Baltic đã mất về tay Nga, đồng thời chiếm luôn thành phố và bến cảng mới mà Pyotr đang xây dựng, đẩy Nga lui vào trong đất liền. Đây sẽ là đòn nặng nề cho Pyotr, với lòng đam mê tàu thuyền và biển cả mà ai cũng biết. Lợi điểm khác là sườn trái của Karl luôn được bờ biển bảo vệ, có thêm tiếp vận và viện binh theo đường biển. Hơn nữa, còn được thêm quân

Thụy Điển ở vùng Baltic trợ lực: 12.000 quân của Lewenhaupt ở Riga và 14.000 quân của Lybecker ở Phần Lan sẵn sàng tiến công Sankt-Peterburg.

Nhưng cũng có nhiều bất lợi nếu tiến quân theo lối này. Các tỉnh vùng Baltic đã bị tàn phá nặng nề trong 7 năm chiến tranh vừa qua: làng mạc bị đốt cháy, đồng ruộng bị bỏ hoang, thị trấn hoang tàn vì chiến tranh và bệnh tật. Nếu vùng này lại là bãi chiến trường thì sẽ không còn gì. Quan trọng hơn trong cảm nghĩ của ông, Karl nhận thức rằng dù có chiếm lại các tỉnh của Thụy Điển và trương cờ Thụy Điển lên Pháo đài Petropavlovsk, ông vẫn chưa đạt được chiên thắng quyết định. Pyotr vẫn là Sa hoàng nước Nga trị vì ở Moskva. Quân Nga dù có bị đẩy lui, nhưng chỉ là nhất thời. Chẳng chóng thì chầy, vị Sa hoàng năng động sẽ quay lại bờ biển Baltic lần nữa.

Vì thế Karl chọn cách táo bạo hơn: đánh thẳng vào Moskva, con tim của nước Nga. Karl kết luận rằng chỉ có cách đích thân ông hiện diện bên trong Điện Kremlin thì mới có thể đạt được nền hòa bình vĩnh cửu cho Thụy Điển.

Dĩ nhiên là không nên tiết lộ cho phía Nga biết. Để đánh lạc hướng cho Pyotr tin rằng mục tiêu của Karl là Baltic, ông đã lên kế hoạch cho những cuộc hành quân trong vùng này. Một khi quân Thụy Điển tiến về đông qua lãnh thổ Ba Lan và Nga chuyển quân từ bờ Biển Baltic đến Ba Lan và Litva, các đạo quân Thụy Điển ở vùng Baltic sẽ tiến công; quân đội Phần Lan dưới quyền của Lybecker sẽ tiến đánh Shlisselburg, Neva và Sankt-Peterburg. Sau đây, khi chủ lực quân Thụy Điển đã dụ quân Nga ra khỏi lực lượng đối đầu với Lewenhaupt ở Riga, Karl sẽ sử dụng quân của Lewenhaupt làm hộ vệ cho đoàn hậu cần khổng lồ từ Riga tiến về nam để tiếp tế và bắt tay với đại quân trong giai đoạn cuối cùng tiến đến thủ đô của Nga.

Trong lúc ấy, quân Thụy Điển trú đông từ mọi thị trấn và làng mạc ở Saxony được tập họp lại. Hàng nghìn binh sĩ mới được tuyển mộ ở địa phương, người Đức hoặc người Silesia theo Tin Lành tụ tập quanh các điểm tuyển quân đông đúc. Có thêm người tình quyện như thế, đoàn quân lúc đầu vào Saxony với 19.000 người nay đã lên đến 32.000. Còn có thêm 9.000 binh sĩ mới được tuyển từ Thụy Điển, sẵn sàng gia nhập khi chủ lực quân tiến vào Ba Lan. Ở đây, quân của Karl lên đến 41.700 người, gồm có 17.200 bộ binh và 24.500 kỵ binh. Còn có hàng trăm xe goòng được thuê ở địa phương để chuyển vận quân nhu và đạn dược.

Cộng với 26.000 quân dưới quyền Lewenhaupt và Lybecker, tổng cộng lực lượng của Thụy Điển tiến đánh Nga lên đến gần 70.000 quân, được huấn luyện và mài giũa thành một cỗ máy quân sự đáng sợ. Cái gọi là "gươm Karl XII", theo kiểu nhẹ hơn và nhọn hơn, được phát cho binh sĩ để thay thế kiểu gươm cũ mà nhà Vua thừa kế từ vua cha. Phần lớn các tiểu đoàn được trang bị súng nòng dài kiểu mới; kỵ binh Thụy Điển bây giờ cũng mang súng ngắn. Một lượng lớn thuốc súng được chuyển vận theo đoàn quân, nhưng quân đội Thụy Điển vẫn đặt nặng sức mạnh trên thép lạnh.

Thợ may Saxony được huy động để cung ứng quân phục mới. Có thêm những quyển Thánh Kinh và dụng cụ, thuốc men cho quân y được mang đến từ Thụy Điển. Lương thực dồi dào được tồn trữ và phân phối theo những xe goòng của trung đoàn. Binh sĩ Thụy Điển đã quen với khẩu phần đầy đủ kể cả bia và thuốc lá.

Giữa tháng 8, mọi việc đã sẵn sàng. Karl ra lệnh tất cả phụ nữ trước đây đã tìm cách lọt vào doanh trại Thụy Điển giờ phải ra đi, rồi tham dự một buổi lễ cầu nguyện trang trọng. Vào 4 giờ sáng ngày 27/8/1707, Vua Karl

XII của Thụy Điển kéo quân đi, bắt đầu một cuộc phiêu lưu lớn lao nhất trong đời ông. Theo sau ông là một đoàn quân tinh nhuệ nhất mà chưa bao giờ một vị Vua Thụy Điển từng chỉ huy trước đây. Khi các đội quân trong quân phục màu vàng và xanh lam di chuyển dọc các con đường bụi mù của Saxony, họ tạo nên một quanh cảnh hùng tráng. Một nhà quan sát Thụy Điển hồ hởi nói:

> Những binh sĩ quả cảm, rắn rỏi, được huấn luyện kỹ càng và được trang bị tốt như thế này sẽ là bách chiến bách thắng.

Một người Saxony báo cáo:

> Tôi không thể diễn tả hết quân Thụy Điển đã tạo ấn tượng tốt như thế nào: những binh sĩ nở nang, rắn chắc trong quân phục màu vàng và xanh lam. Mọi người Đức đều công nhận không có quân đội nào sánh ngang với họ. Riêng các phụ nữ Liepzig thì rất đau khổ. Họ không chỉ khóc lóc và kêu than, mà còn bất tỉnh và ngã xuống khi từ biệt… Cảnh tương tự diễn ra ở mọi thị trấn khác… Nhiều người [binh sĩ Thụy Điển] - không, phải nói là tất cả - đã bị hư hỏng. Nếu họ được về đến quê nhà, tôi lấy làm tội nghiệp cho những người vợ của họ khi chào đón người chồng mất nết như vậy…

Chặng đầu của cuộc hành quân, qua vùng Silesia theo đạo Tin Lành, có tính chất diễu hành chiến thắng hơn là chiến dịch gian khổ. Cư dân ở đây, vốn đã chịu ơn Karl khi ông can thiệp cho họ mở lại các nhà thờ Tin Lành, giờ đón tiếp ông như là vị cứu tinh của họ. Từng đám đông cùng tham dự những buổi cầu nguyện ngoài trời, chỉ mong được chính mắt nhìn thấy

người anh hùng của họ. Cảnh tượng Karl quỳ gối giữa hàng quân của ông cùng cầu nguyện tạo ấn tượng sâu sắc. Nhiều thanh niên chưa từng được huấn luyện quân sự vẫn muốn gia nhập đoàn quân. Karl đón tiếp họ, ra lệnh cho các sĩ quan tuyên giáo chỉ chọn những bản thánh ca đã được dịch ra tiếng địa phương để ai nấy có thể cùng hát theo.

Cuộc hành quân sẽ là sự thử thách tối đa cho cỗ máy quân sự tuyệt vời của Karl. Dẫn một đoàn quân từ trung tâm Tây Âu đến Moskva theo quãng đương hơn 1.600 kilômét đòi hỏi tính táo bạo ngang với Hannibal hoặc Alexander Đại đế. Ba năm trước, trong cuộc hành quân nổi tiếng từ Sông Rhine đến Bavaria, Marlborough đã di chuyển hơn 400 kilômét. Nhưng binh sĩ của Marlborough đã đi qua những vùng dân cư, dọc theo sông rộng có sà lan chở theo hàng hậu cần, và nếu bị bất lợi có thể dùng đường sông để rút về. Ngược lại, Karl sẽ hành quân trên quãng đường dài gấp bốn lần, qua đồng trống, đàm lầy, rừng rậm và sông rộng - những vùng đều có ít đường giao thông và dân cư thưa thớt. Nếu bị bất lợi, sẽ không có cách nào rút về, ngoại trừ phải đi bộ.

Tuy thế, thái độ của Karl còn hơn cả tự tin - thái độ khinh thường. Ngay cả khi từng cánh quân bộ binh, kỵ binh, đại pháo và hậu cần đang tiến bước trên các nẻo đường ở Saxony, Karl cùng với vỏn vẹn bảy sĩ quan tùy tùng, giấu tung tích mà phi ngựa vào Dresden để gặp kẻ thù cũ, Tuyển hầu tước Augustus. Cuộc thăm viếng của Karl bất thình lình đến nỗi Augustus vẫn còn đang khoác áo mặc trong nhà. Hai vị quân vương ôm hôn nhau, rồi sau khi Augustus khoác lên chiếc áo choàng, họ cùng nhau phi ngựa dọc Sông Elbe.

Đấy là cuộc gặp gỡ thoải mái giữa hai anh em họ, và Karl không để tâm thù ghét người đã mang quân tấn công Thụy Điển sáu năm về trước và

người mà ông luôn muốn lật đổ trong các năm hành quân không mệt mỏi trên đất Ba Lan. Bây giờ, sau khi Augustus đã bị trừng phạt, Karl có thái độ tươi vui. Sau buổi đi chơi, Karl đến xem bảo tàng Green Vault nổi tiếng mà Pyotr đã mê say chín năm trước, và đến thăm mẹ của Augustus, phu nhân góa bụa của Tuyển hầu tước trước. Đây là lần cuối cùng nhà Vua được gặp người dì và anh họ. Thực ra, trong suốt cuộc đời 36 năm của Karl, Augustus là người duy nhất ở cương vị vua mà Karl từng gặp mặt.

Dù cho hai bên vui vẻ với nhau, các sĩ quan Thụy Điển tùy tùng của Karl tỏ ra lo lắng về việc nhà Vua đã khinh suất đi vào thủ đô của một nước thù địch cũ mà chỉ có bảy người đi theo. Karl mỉm cười trấn an họ: "Không có gì nguy hiểm cả. Quân đội chúng ta đang tiến công."

136. Trong nguyên tác không ghi rõ đồng tiền nào. (ND)

32 CON ĐƯỜNG THÊNH THANG ĐẾN MOSKVA

Việc Karl quyết định đánh vào Nga không làm cho Pyotr ngạc nhiên. Karl đã xử lý xong Đan Mạch và Ba Lan; chắc chắn kế đến sẽ là Nga. Từ tháng 1/1707, Sa hoàng đã ra lệnh lập một vành đai tiêu thổ kháng chiến nhằm tạo khó khăn cho quân xâm lăng. Ở vùng tây Ba Lan, nơi quân Thụy Điển sẽ đi qua trước khi vào đất Nga, kỵ binh Cossack và Kalmuck đã nhận lệnh đi tàn phá: đốt cháy các thị trấn Ba Lan, phá dỡ các cây cầu. Thị trấn Rawicz, nơi Karl đóng quân năm 1705, bị san thành bình địa, các giếng nước bị đầu độc bởi xác của những người Ba Lan chống đối.

Phía sau bức tường chắn của vườn không nhà trống, Pyotr làm việc cật lực để mở rộng và cải thiện quân đội. Pyotr phái người đi khắp nơi tuyển mộ bất kỳ người nào có thể chiến đấu, đi đứng hoặc cưỡi ngựa được, kể cả người phụ tế nhà thờ. Hình ảnh tàn bạo của quân Thụy Điển, như việc cắt hai ngón tay của tù binh Nga trước khi trả họ về nước, được mang ra dân chứng để động viên tinh thần quân Nga. Sir Whitworth báo cáo:

> Ông ấy định đưa mỗi người lính [bị Thụy Điển gây tàn phế] vào một trung đoàn để làm nhân chứng sống cho bạn đồng ngũ, cho thấy nếu bị quân địch tàn bạo bắt giữ thì họ sẽ khổ sở ra sao.

Để chuẩn bị cho tình huống xấu nhất, Sa hoàng ra lệnh củng cố thành lũy của Moskva, nhưng cả thành phố vẫn run rẩy với viễn tưởng bị Thụy Điển chiếm đóng. Nhà ngoại giao Pleyer của Áo tại Nga báo cáo:

> Mọi người chỉ nói đến những chuyện khác hơn là chiến đấu hoặc hy sinh. Nhiều thương nhân Nga giàu có viện cớ đi dự hội chợ mà dẫn gia đình đi Arkhangelsk trong khi trước đấy họ vẫn đi một mình. Một số đông thương nhân và nhà tư bản nước ngoài vội rút về Hamburg.
>
> Những người nước ngoài khác yêu cầu được bảo vệ không chỉ vì sợ quân Thụy Điển tham lam hôi của mà còn e người Nga - vốn đã căm giận vì bị thu thuế tận lực - có thể nổi dậy và hung dữ hơn.

Đầu mùa hè 1707, trong khi Moskva đang gia cố phòng thủ và trong khi Karl đang chuẩn bị những bước cuối cùng ở Saxony, Pyotr có mặt ở Warszawa. Thời gian lưu lại hai tháng ở thủ đô của Ba Lan không phải do ông muốn: ông bị liệt giường vì một cơn sốt. Vào cuối tháng 8, nhận được tin Vua Thụy Điển đang tiến đến Nga, Pyotr rời Warszawa, di chuyển qua Ba Lan và Litva, dọc đường dừng lại để kiểm tra các pháo đài và thảo luận với các chỉ huy quân đội.

Hội đồng chiến tranh có Pyotr và Menshikov tham dự để ra sách lược phòng ngự là không khinh suất chống cự Thụy Điển ở Ba Lan, chắc chắn không phải là trận chiến theo kiểu kinh điển giữa đồng trống, vì Pyotr nghĩ bộ binh của mình vẫn chưa sẵn sàng và vẫn không muốn gây rủi ro cho quân đội. Do đó, bộ phận chủ lực của bộ binh ở Ba Lan được rút về và đặt dưới quyền chỉ huy của Sheremetyev gần Minsk.

Tương ứng với sách lược này, quyền tư lệnh quân Nga ở Ba Lan được giao cho Menshikov, người sẽ chỉ huy các trung đoàn kỵ binh để gây rối quân Thụy Điển ở các điểm vượt sông: phía sau Warszawa ở Sông Wistla, Pultusk ở Sông Narew và Sông Grodno ở Neman.

Pyotr đến Sankt-Peterburg ngày 23/10 và lập tức lăn xả vào công việc. Ông đi thị sát việc gia cố thành lũy - kể cả mặt biển và mặt hướng vào đất liền. Ông thường làm việc ở Bộ tư lệnh Hải quân và soạn thảo cả chương trình đóng tàu cho năm sau. Ông liên tục phát mệnh lệnh cho chiến dịch sắp tới và chỉ dẫn về việc tuyển mộ, cung cấp hàng hậu cần cho binh sĩ mới. Cùng lúc, ông cũng dành thời giờ viết thư chia buồn với cha của Hoàng thân Ivan Troekurov đã tử trận, và viết một lá thư thân mật cho Darya Menshikova mong cô nên chăm sóc chồng cô tốt hơn.

Và tuy thế, dù cho đã làm được bao việc, trong mùa thu và mùa đông này Pyotr vẫn lo lắng và chán nản, vì trong khi đang chuẩn bị đối phó với sự xâm lăng của Thụy Điển, ông nhận được tin về cuộc nổi dậy của dân Bashkir và Cossack, và về việc Bulavin tàn sát Yuri Dolgorukov cùng tiểu đoàn của ông này bên Sông Aidar.[137]

Thêm vào những mối lo này, Pyotr không bao giờ được mạnh khỏe hẳn. Ông phải năm trên giường bệnh trong nhiều tuần vì cơn sốt, thường trở nên bực dọc và hay bùng lên giận dữ. Có lần, ông giận dữ đối với Apraksin[138] vì ông này đã không trừng phạt những thống đốc không tuyển đủ quân:

> Ông đã không làm gì cả đối với các thống đốc ấy. Ông đổ lỗi việc này cho các ban ngành ở Moskva, nhưng đó là do ông hoặc là lười biếng hoặc là không muốn làm phật lòng các thống đốc.

Apraksin bị tổn thương nặng nề, và Pyotr nhận ra mình đã thiếu công tâm nên viết trả lời:

> Ông buồn vì tôi đã viết cho ông về chuyện các thống đốc. Nhưng vì Chúa, đừng để bụng, vì thật sự tôi không có ác ý gì với ông, nhưng chỉ vì từ lúc ở đây chỉ một chuyện nhỏ nhất cũng khiến cho tôi xúc động.

Có lẽ vì tâm trạng buồn chán và cô đơn, Pyotr đã nhận ra mình cần đến một người có thể xoa dịu cho ông vào những thời điểm ưu phiền nhất. Tháng 11/1707, ngay khi trở lại Sankt-Peterburg, ông cử hành lễ kết hôn với Ekaterina.

Cuối tháng 11/1707, Pyotr trở về Moskva sau hơn hai năm vắng mặt để dự lễ Giáng sinh và kiểm tra việc bố phòng do 20.000 người làm việc cả ngày lẫn đêm. Đất đã bị đóng băng, và để làm tan băng hầu có thể mới đất đắp thành, người ta phải đốt lửa ngay bên dưới. Trong thời gian lưu lại Moskva, Pyotr cũng làm được nhiều việc: ban chỉ dụ về việc đúc đồng tiền bạc, đến thị sát máy in được đặt mua ở Hà Lan và mới được mang về, tiêu chuẩn hóa lương bổng của đại sứ, gửi thêm thanh niên Nga đi du học, việc giáo dục giới tăng lữ, việc tiêu chuẩn hóa kiểu vải để may mũ và áo ở Moskva. Bận bịu với nhiều việc, Pyotr tỏ ra bị phiền hà khi có những việc nhỏ nhặt được trình lên ông để giải quyết, vì Thượng Đế đã cho Sa hoàng công việc nhiều hơn người khác gấp 20 lần, nhưng không cho thời gian hoặc khả năng gấp 20 lần để giải quyết.

Ngày 6/1/1708, Pyotr rời Moskva để đi đến đoàn quân. Dọc đường đi đến Minsk, ông được tin Menshikov báo rằng Karl đang tiến quân nhanh

qua đất Ba Lan, và ông vội đi đến Grodno. Bốn ngày sau, ông gửi cho Apraksin lệnh đi đến Vilna gấp.

Quân Thụy Điển chia ra làm 6 cánh song song đã vượt biên giới Silesia vào Ba Lan ở Rawicz. Ở đây, bên trong biên giới Ba Lan, nhà Vua và đoàn quân lần đầu tiên nếm mùi những gì được dành cho họ sắp tới. Thị trấn Rawicz đã bị san bằng, xác người nổi đầy các giếng nước và dòng sông; quân Cossack và Kalmuck dưới quyền Menshikov đã tạo ra một tấm thảm vườn không nhà trống phía trước đoàn quân đang tiến về đông. Bầu trời Ba Lan cay nồng mùi khói lửa bốc lên từ làng mạc và ruộng đồng do kỵ binh của Menshikov đã đốt phá. Quân kỵ của Nga tránh giao tranh, giữ khoảng cách với quân Thụy Điển và lui về hướng Warszawa, nơi Menshikov cho đào công sự phòng thủ dọc Sông Wistla.

Được kỵ binh làm hàng rào bảo vệ, quân Thụy Điển nhẩn nha tiến đến Warszawa. Nơi đây, phía tây Warszawa, Karl dẫn quân tiến lên hướng bắc. Đến Posen, đoàn quân dừng lại, Karl cho thiết lập doanh trại bán kiên cố, lưu lại trong hai tháng để chờ viện binh và thời tiết tốt hơn. Karl cấp cho Trung tướng Krassov 5.000 kỵ binh và 3.000 bộ binh đế hỗ trợ ngai vàng còn chông chênh của Stanislaus.

Mùa thu qua đi và mùa đông đến gần. Trong khi quân Thụy Điển vẫn còn bất động và Vua Thụy Điển dường như rơi vào một giai đoạn uể oải khác, quân Nga quanh Warszawa trở nên tự tín hơn. Hẳn là trong mùa đông, quân Thụy Điển sẽ đóng trại để chờ cho đến mùa xuân. Nhung Karl không có ý định như thế. Ông đã không rời căn cứ thoải mái ở Saxony vào cuối mùa hè để chỉ nhằm đi vài dặm rồi đóng trại trong mùa đông. Thật ra, trong khi huấn luyện binh sĩ mới tuyển, Karl chỉ chờ cho dứt các cơn mưa mùa thu để đường sá bớt lầy lội. Khi đường đã đóng băng, nhà Vua sẽ tiến công.

Nhưng không phải hướng về Warszawa. Trong giai đoạn này, Karl tránh cách tấn công trực diện mãnh liệt đã khiến cho ông thành danh. Ông muốn tránh trận đánh lớn khi còn cách mục tiêu quá xa. Chiến lược của ông ở Ba Lan là để cho quân Nga lập phòng tuyến dọc một con sông, rồi dẫn quân về hướng bắc, vượt sông, tiến qua bên sườn của địch quân và khiến cho họ phải rút lui.

Lần đầu tiên là dễ dàng. Vào cuối tháng 11, sau hai tháng chuẩn bị, quân Thụy Điển nhổ trại ở Posen và đi 50 dặm về hướng đông bắc, nơi Sông Wistla chảy cong về hướng tây. Ở đây, dòng sông mở rộng và trống vắng, không hề thấy bóng dáng bộ binh Nga hoặc quân kỵ Cossack giữa đồng trống phủ đầy tuyết. Nhưng quân Thụy Điển chấp nhận điều kiện thiên nhiên. Tuyết tuy dày, nhưng nước sông vẫn chảy. Không thể bắc cầu vì có băng trôi, và Karl phải chờ thêm một tháng. Vào ngày 28/12, lớp băng trên sông dày lên hơn 7 cm. Bằng cách trải rơm và gỗ ván đã tưới nước lên mặt băng, quân Thụy Điển gia cố mặt băng đủ chắc để chịu được sức nặng của xe goòng và đại pháo. Trong bốn ngày, cả đoàn quân vượt qua Sông Wistla. Đại úy James Jefferyes[139], một sĩ quan người Anh trẻ đi cùng bộ binh, ghi lại:

> Họ đã thực hiện được đúng như phương án đề ra mà chỉ có 2 hoặc 3 xe goòng rơi xuống nước.

Thế là, vào ngày đầu năm 1708, quân Thụy Điển đặt chân lên bờ đông của Sông Wistla. Sau khi thấy quân địch đã đi vòng qua cạnh sườn phòng tuyến Warszawa, Menshikov phải rút lui về các vị trí mới dọc Sông Narew ở Pultusk. Khi quân báo cho biết vị trí này được phòng ngự, một lần nữa

Karl lại áp dụng chiến thuật đi vòng lên hướng đông bắc và lướt qua phòng tuyến của Nga.

Lần thứ hai thì có phần khó khăn hơn. Vùng này là những đầm lầy và rừng rậm, dân cư thưa thớt nhưng có ác cảm với mọi người lạ. Đường sá không gì hơn là đường mòn của gia súc và của xe nông dân. Tuy thế, Karl ra lệnh tiến quân. Chuyến đi thật gian khổ: nhiều ngựa chết vì kiệt sức khi kéo các xe goòng và đại pháo trên đường lầy lội, nhiều binh sĩ trong các trung đoàn bộ binh Đức bỏ trốn vì thấy tiền lương không đáng so với gian khổ. Cỏ cho ngựa bị khan hiếm. Để ép buộc nông dân chịu đóng góp số cỏ họ đang cất giấu, quân Thụy Điển dùng thủ đoạn đơn giản nhất, tàn bạo nhất: bắt lấy một đứa trẻ, quân quanh cổ một sợi dây thòng lọng, rồi hỏi người mẹ lần cuối cùng có chịu tiết lộ nơi cất giấu lương thực hay không. Nếu bị cự tuyệt, họ đem treo cổ đứa bé. Cha mẹ đứa bé thường nhượng bộ mà khai báo, dù cho việc này có nghĩa là cả gia đình sẽ chịu đói.

Điều tự nhiên là có một sô dân địa phương chống cự. Phần lớn họ là thợ săn đã sống chung với gấu và chó sói, đã quen dùng vũ khí. Ẩn mình trong bụi rậm, họ bắn tỉa đoàn quân và phục kích binh sĩ đi xa khỏi hàng ngũ. Chiến tranh du kích nhanh chóng đòi hỏi quy luật tàn bạo. Khi một toán quân đang ngủ trong nhà kho, dân địa phương có thể lén khóa bên ngoài rồi đốt nhà kho này. Lúc ấy, nhà Vua ra lệnh treo cổ mười người trong ngôi làng để trừng phạt. Sau khi trung đoàn cuối cùng đã đi qua, cả ngôi làng bị thiêu rụi.

Dù qua bao khó khăn, ngày 22/1/1708 Karl ra khỏi khu rừng ở Kolno. Kỵ binh Nga tiến lên từ phía Nam thấy quân Thụy Điển đã tập họp đông đủ. Họ không có việc gì làm khác hơn là rút lui và báo tin cho Menshikov.

Sau khi đã vượt qua hai con sông bằng chiến thuật tài tình, Karl còn quyết định chọn cách táo bạo hơn để vượt qua Sông Neman. Trước mặt ông là thị trấn pháo đài Grodno của Litva, nơi một đội quân Nga dưới quyền chỉ huy của Ogilvie trấn đóng hai năm trước. Dù cho hướng tiến quân là hướng bắc đến Baltic hoặc là hướng nam đến Moskva, cả Karl và Pyotr đều biết rằng quân Thụy Điển phải đi qua Grodno. Họ cần có đường đi, không thể đi mãi qua rừng và đầm lầy. Vì tầm quan trọng ở đây, quân Nga đang kéo đến Grodno, và Karl quyết định tấn công ngay với hy vọng chiếm được thị trấn trước. Để đại quân ở lại phía sau, nhà Vua phi ngựa tới trước cùng với 600 kỵ binh, Rehnskiöld và Kreutz. Đi đến Grodno vào lúc xế chiều, ông thấy cây cầu bắc qua Sông Neman vẫn còn nguyên, do 2.000 kỵ binh Nga trấn giữ dưới quyền chỉ huy của Thiếu tướng Muhleniels người Đức. Không ngần ngại, Karl mở cuộc tấn công để chiếm lấy cây cầu. Một trận hỗn chiến xảy ra, chính tay nhà Vua giết hai binh sĩ Nga, một bằng súng ngắn, một bằng gươm. Trong ánh chiều mờ tối, phía Nga không biết có bao nhiêu quân Thụy Điển; chẳng bao lâu họ từ bỏ cây cầu và rút vào thị trấn. Karl tiến theo sau, cắm trại qua đêm bên bờ sông dưới chân tường thành, và gửi lệnh cho đại quân gấp rút tiến lên. Ông không biết rằng bên trong bức tường thành, chỉ cách vài trăm mét, là Sa hoàng nước Nga.

Pyotr đã đến Grodno để động viên tinh thần của Menshikov đang hoang mang và tức tối sau hai lần bị Thụy Điển qua mặt mà vòng qua cạnh sườn, và lần này đang chuẩn bị rút lui kẻo bị qua mặt lần nữa. Nhưng Sa hoàng hiểu được tầm quan trọng của phòng tuyến Neman và muốn đảm bảo rằng việc phòng vệ con sông sẽ không bị Thụy Điển vượt qua một cách dễ dàng.

Khi Pyotr và tùy tùng của ông nghe tiếng súng và trận chiến diễn ra trên cây cầu, họ không thể nhận ra có bao nhiêu quân Thụy Điển tham chiến.

Cho rằng cả quân chủ lực Thụy Điển đã đến và cây cầu đang nằm trong tay họ, Pyotr tin rằng Nga không thể giữ vững Grodno. Trước bình minh, ông bước lên cỗ xe của mình cùng với Menshikov, ra lệnh chạy về hướng Vilna và Sankt-Peterburg. Nếu Karl biết được sự hiện diện của Pyotr, chắc chắn nhà Vua sẽ nỗ lực vây bắt con người cao lớn ấy và trong loáng mắt có thể thay đổi cục diện cuộc chiến. Sự thực là, kỵ binh của Karl tiến đến tường thành của Grodno, thấy thị trấn bị bỏ trống bèn tiến vào.

Nhưng tấn kịch không dừng ở đây. Đến giữa ngày, trên đường đi đến Vilna, Pyotr biết được bản chất thực của cuộc công kích của Thụy Điển: rằng chỉ có một nhúm quân kỵ và nhúm quân này đang chiếm đóng thị trấn trong khi quân chủ lực của họ chưa đến kịp, và rằng trong đám này có Karl. Ông quyết định một cú táo bạo: đêm ấy, ông sẽ mở một cuộc tấn công bất ngờ để chiếm lại thị trấn và, nếu may mắn, bắt sống Vua của Thụy Điển, vẫn vị tướng Muhlenfels nhục nhã được phái dẫn 3.000 kỵ binh để tấn công lúc trời tối.

Với sự khinh thường cố hữu đối với quân Nga, đêm ấy Karl ra lệnh kỵ binh tháo yên cương cho ngựa, thay quần áo để nghỉ qua đêm. Một toán 50 kỵ binh, với ngựa còn gióng yên cương, được cắt đặt ngụ trong các ngôi nhà dọc con đường quân Nga đã rút lui. Trong số 50 người này, 15 người còn thức ở một rào cản chắn ngang con đường, nhưng 13 người đã xuống ngựa và quây quần quanh một ngọn lửa để xua đuổi giá lạnh của đêm đông. Chỉ có 2 kỵ binh ngồi trên ngựa là thực sự canh gác cho nhà Vua và đám quân mệt mỏi, giờ đã ngủ say.

Sau nửa đêm, hàng trăm kỵ binh Nga lặng lẽ tiến đến gần thị trấn. Hai lính Thụy Điển nghe được tiếng ngựa phi, và hô to báo động cho toán lính quanh ngọn lửa. Toán lính này lập tức nhảy lên ngựa kịp thời để chặn đón

những lính Nga đầu tiên ở rào cản. Lập tức, 35 kỵ binh kia nhảy lên ngựa đã gióng sẵn yên cương và xông ra chống trả quân Nga. Tuy phía Thụy Điển bị áp đảo về quân số, trong đêm tối mù không ai thấy gì phía trước, còn quân Nga cho rằng lực lượng đang canh giữ lớn hơn thực tế. Phải nhiều phút sau, Karl và Rehnskiöld tiến đến, nhà Vua vẫn còn mang bít tất. Hai người nóng lòng muốn tham gia trận hỗn chiến, nhưng không thể phân biệt ta và địch. Vài phút sau, có thêm quân Thụy Điển kéo đến, và ngay cả trong đêm tối quân Nga vẫn nhận ra đang có thêm viện binh chống đỡ họ, và rồi rốt cuộc họ không muốn kéo dài trận chiến, quay đầu ngựa và chạy ra theo con đường họ đã đến.

Chỉ trong vòng một giờ, Grodno đã yên ắng trở lại. Đây là một đêm may mắn và hồ hởi đối với Karl: ông không ngừng tự hỏi điều gì sẽ xảy ra nếu Muhlenfels áp dụng cùng chiến thuật của ông mà dân 3.000 quân xông thẳng vào thị trấn, chỉ việc phi nhanh qua 2 lính canh và tốp lính ngồi quanh ngọn lửa.

Karl lưu lại Grodno trong ba ngày chỉ với đội quân nhỏ, nhưng Nga không phản công lại thêm lần nào. Sau hai thất bại, Muhleniels bị bắt với tội danh chính thức là đã không phá hủy cây cầu Neman. Khi đại quân Thụy Điển đến, nhà Vua dẫn đầu vài trung đoàn thiện chiến định truy kích Pyotr, nhưng rồi phải bỏ ý định. Binh sĩ của ông đã quá mệt mỏi và quá ít, trong lúc chiến thuật tiêu thổ kháng chiến của Nga đã biến cả vùng đồng nội thành sa mạc mùa đông.

Trong những ngày kế tiếp, quân Nga rút lui hoàn toàn khỏi phòng tuyến Sông Neman, rời bỏ khu trú đông đã được chuẩn bị xong, kéo về một phòng tuyến mới dọc sông Berezina. Karl lại dẫn đầu đoàn quân đuổi theo, nhưng quân Thụy Điển đã kiệt lực và cần nghỉ ngơi. Họ đã vượt qua hơn 500

kilômét suốt gần ba tháng mùa đông. Yếu tố quyết định là thiếu cỏ cho ngựa ăn. Quân Nga đã đốt rụi hoặc nông dân cất giàu kỹ tất cả rơm rạ còn lại sau vụ mùa; nếu bên Thụy Điển muốn duy trì đàn ngựa thì phải dừng chân cho đến mùa xuân có cỏ non mới mọc. Ngày 17/3/1708 Karl ra lệnh lập trại ở Radoshkovichi, phía tây bắc thị trấn Minsk. Ở đây, trong vùng tam giác của Vilna, Grodno và Minsk, quân Thụy Điển đóng trại trú đông.

Chiến dịch Ba Lan chấm dứt với thành quả về quân sự cũng như ngoại giao cho Thụy Điển. Khi nhận tin về cuộc hành quân dễ dàng của Karl khắp Ba Lan, Nữ hoàng Anne của Anh chính thức công nhận Stanislaus là vua kế vị Augustus. Ở Ba Lan, các nhà quý tộc trước giờ không ủng hộ Stanislaus, nay tìm cách chuộc lỗi. Khắp Tây Âu đều cho rằng Pyotr sẽ không có cơ may nhiều. Và trong hàng ngũ quân Thụy Điển, càng có thêm tự tin về chính họ và khinh thường quân Nga. Có thể nói gì về đội quân Nga do chính Sa hoàng chỉ huy đã tháo chạy khỏi một phòng tuyến và một pháo đài khi chỉ có 600 kỵ binh tiến đến?

Giam mình trong khu trú đông gây cho quân Thụy Điển nhiều khó khăn hơn là khi hành quân. Chen chúc trong những gian phòng chật hẹp, thiếu sưởi ấm, thiếu lương thực, nhiều binh sĩ - nhất là lính mới tuyển từ Thụy Điển - bị bệnh kiết lỵ, vài người ngã chết; chính Karl cũng mắc bệnh này trong vài tuần. Bên ngoài, quân Thụy Điển đi lùng sục cỏ khô cho ngựa và thường chạm trán với quân kỵ Nga. Nếu bên này bắt được bên kia, họ sẽ nhốt tù binh vào một túp lều rồi nổi lửa cho cháy rụi.

Suốt những ngày đông, Karl và sĩ quan tham mưu xúm xít quanh các bản đồ. Một ngày, khi nhìn tướng Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần làm việc trên một tấm bản đồ, Karl nhận xét: “Chúng ta đang đi trên con đường thênh thang dẫn đến Moskva.” Để tiếp tế cho đoàn quân, Karl triệu Bá tước

Adam Lewenhaupt đến Radoshkovichi, ra lệnh cho vị chỉ huy Riga vơ vét khắp Livonia tất cả lương thực, thuốc súng, đạn dược cùng với ngựa và xe goòng để vận chuyển, và sẵn sàng cùng với quân dưới quyền hộ tống đoàn xe hậu cần đến điểm hẹn với đại quân.

Đầu tháng 5/1708, doanh trại quân Thụy Điển có nhiều cải thiện. Việc huấn luyện được tăng tốc, đoàn quân giờ là một cỗ máy chiến tranh thuần thục hơn, lương thực đủ dùng cho hành trình sáu tuần. Tinh thần lạc quan lan tỏa cùng khắp. Tâm lý khinh rẻ người Nga càng dâng cao.

Sau trận chiến ở Grodno, Pyotr đi đến Vilna. Trông thấy sức tiến công không ngừng nghỉ của kẻ thù xuyên qua đồng cỏ và sông ngòi của Ba Lan, ông đã bắt đầu cảm thấy tuyệt vọng; và rồi, hầu như khó lý giải được, cơn lốc Thụy Điển dừng lại và bất động trong ba tháng. Tại Vilna, Pyotr kiên nhẫn chờ đợi trong khi ông và thuộc hạ cố tìm hiểu xem Karl sẽ tiến quân theo đường nào. Từ Grodno, quân Thụy Điển có thể tiến theo nhiều hướng. Nếu họ đuổi theo Pyotr đến Vilna, Sa hoàng sẽ biết là kẻ thù của mình định giải phóng các tỉnh miền Baltic và đánh Sankt-Peterburg. Nếu họ tiến về Minsk ở hướng đông, có phần chắc là họ nhắm đến Moskva. Hoặc Karl có thể hợp nhất hai mục tiêu bằng cách tiến về hướng đông bắc qua Hồ Peipus để chiếm Pskov và Novgorod, từ đây ông có thể đánh lên Sankt-Peterburg hoặc đánh xuống Moskva.

Pyotr không thể bỏ qua khả năng nào. Ông ra lệnh quân chủ lực lui về Sông Dniepr, nhưng Nguyên soái Goltz chỉ huy 8.000 kỵ binh đóng chốt ở Borisov bên bờ Sông Berezina để chặn bất kỳ toán quân nào của Thụy Điển muốn vượt sông này. Menshikov được lệnh cho đốn cây mang ra đặt trên mọi ngả đường từ ngã tư đường Grodno dẫn đến để ngăn bước tiến của Thụy Điển.

Vài tuần sau, Sa hoàng ra lệnh tàn phá một vùng rộng lớn để Thụy Điển không thể thu hoạch được gì bất kế họ tiến quân theo hướng nào.

Dọc mọi con đường dẫn từ doanh trại Thụy Điển hướng về bắc, đông hoặc tây, quân Nga tạo một vành đai vườn không nhà trống dài gần 200 kilômét từ Pskov cho đến Smolensk. Trong vành đai này, tất cả nhà cửa, mọi mẩu thức ăn cho người hoặc ngựa phải bị đốt trụi ngay khi Karl tiến quân. Nông dân trong vùng được lệnh thu gom tất cả ngũ cốc hoặc cỏ khô đem đi giấu kỹ, nếu không sẽ bị tử hình. Họ phải chuẩn bị chỗ ẩn náu cho chính họ và gia súc sâu trong rừng, xa khỏi các con đường. Quân thù sẽ phải đi qua một sa mạc.

Thị trấn Dorpat chịu thiệt hại nặng nhất. Bị Pyotr chiếm năm 1704, thị trấn này nằm ngay trên đường tiến quân của Karl nếu ông hướng về Baltic. Pyotr ra lệnh tất cả cư dân phải di tản và đốt phá mọi thứ. Nhưng thảm họa này là điều oái oăm: Karl không tiến về bắc; việc tàn phá Dorpat không phục vụ mục đích gì cả.

Khi Karl đưa quân vào trú đông ở Radoshkovichi, Pyotr lợi dụng thời gian yên ắng để trở về Sankt-Peterburg dự lễ Phục sinh. Một ngày trước khi lên đường, ông lên cơn sốt, nhưng vẫn quyết định đi. Khi đến Sankt-Peterburg vào ngày cuối tháng 3, ông đã kiệt sức. Ngày 8/6, ông gửi thư cho Golovkin:

> Tôi yêu cầu ông làm mọi việc có thể được trong lúc không có tôi. Khi khỏe mạnh tôi không bỏ qua việc gì, nhưng bây giờ Thượng Đế đã thấy tôi mạnh yếu ra sao vì cơn bệnh này, và nếu trong mấy tuần này tôi không có thời gian mà dùng thuốc và nghỉ ngơi, Thượng Đế biết chuyện gì sẽ xảy ra.

Khi Menshikov báo cáo rằng quân Thụy Điển đang bắc những cây cầu với ý đồ hiển nhiên là tiếp tục cuộc tiến quân, ngày 14/4 Pyotr trả lời rằng ông hiểu tình hình là nghiêm trọng. Nhưng ông yêu cầu Menshikov đừng kêu ông đến với đoàn quân khi chưa thật cần thiết, vì ông cần dưỡng bệnh.

137. Xem Chương 29 về những biến cố này. (ND)

138. Trong nguyên tác không ghi rõ, nhưng có phần chắc là Đại tướng-Đô đốc Fyodor Apraksin (kiêm Thống đốc Azov), người nắm quyền chỉ huy cao trong quân đội, chứ không phải boyar Pyotr Apraksin (Thống đốc Kazan) có địa vị thấp hơn. (ND)

139. Jefferyes là sĩ quan quân đội kiêm nhà ngoại giao, sinh tại thủ đô Stockholm của Thụy Điển, đã làm bí thư cho đại sứ Anh tại Thụy Điển. Ông đi theo đoàn quân Thụy Điển với tư cách "quân tình nguyện" để tránh tiếng vì Karl XII không cho phép nhà ngoại giao nước nào đi theo. Nhiệm vụ thật sự của ông là quan sát và báo cáo trung thực cho Anh về cuộc hành quân của Thụy Điển. Sau khi bị bắt trong trận Pultowa, ông được trả tự do để trở về Anh, rồi vào năm 1719 làm đại sứ Anh tại Nga. (TG)

33 GOLOVCHINA VÀ LESNAYA

Mọi điều kiện đã hình thành cho chiến dịch mới. Hai đoàn quân đóng dọc dài đối diện nhau. Đại quân Thụy Điển với Karl đóng giữa Vùng tam giác Grodno-Vilna-Minsk. Ở đây, nhà Vua có 35.000 quân gồm 12 trung đoàn bộ binh và 16 trung đoàn kỵ binh. Cánh quân 12.000 người của Lewenhaupt đã được lệnh đến điểm hẹn với đại quân, còn cánh quân 14.000 người của Lybecker từ Phần Lan đã nhận lệnh di chuyển xuống Sankt-Peterburg. Nếu thành công, lực lượng này có thể chiếm Sankt-Peterburg, nếu không cũng có thể làm nghi binh để cầm chân một số quân của Pyotr. Cuối cùng là 8.000 quân dưới quyền Krassov ở Ba Lan, nếu Ba Lan được yên ổn, cánh quân này có thể đi về đông để tiếp viện cho Karl. Tổng cộng trên toàn mặt trận, Karl có 70.000 quân.

Lực lượng của Pyotr đông hơn nhiều. Quân chủ lực dưới quyền Sheremetyev và Menshikov được giao nhiệm vụ bảo vệ cả Pskov và Moskva, dàn ra trên đường vòng cung rộng từ Polotsk và Vitebsk ở phía bắc xuống đến Mogilev và Bykhov ở phía nam. Bộ binh được rút hẳn về phía sau, trấn giữa Sông Dvina Tây và Sông Dniepr. Trước trận tuyến là kỵ binh dưới quyền Goltz vắt ngang con đường Minsk-Smolensk và tuần tiễu dọc Sông Berezina để ngăn chặn phần nào sức tiến của Thụy Điển. Về phía

nam, một lực lượng khác trấn giữ điểm vượt Sông Berezina của con đường từ Minsk đến Mogilev. Tổng cộng trên đường vòng cung này Pyotr có 26 trung đoàn bộ binh và 36 trung đoàn kỵ binh, tất cả khoảng 57.500 quân. Ngoài ra, Apraksin chỉ huy 24.500 quân trấn giữ Sankt-Peterburg, và Tướng Bauer nắm 16.000 quân đóng ở Dorpat để ngăn chặn Lewenhaupt ở Riga.

Các lực lượng này sẵn sàng đối phó với những động thái khác nhau của Thụy Điển. Nếu Karl tiến đến Pskov và Sankt-Peterburg, Menshikov và Sheremetyev sẽ chuyển quân về hướng bắc để chặn đánh ông; nếu nhà Vua di chuyển về hướng Moskva, họ sẽ tiếp chiến dọc Sông Berezina và Sông Dniepr. Bauer sẽ hành động tùy theo Lewenhaupt: nếu Lewenhaupt đi về phía nam để bắt tay với Vua Thụy Điển, Bauer cũng sẽ tiến về nam để hỗ trợ cho Sheremetyev. Một lực lượng khác gồm 12.000 quân dưới quyền Hoàng thân Mikhail Golitsyn trấn đóng gần Kyyiv để đón đầu địch quân tiến về Ukraina. Hiện thời, quân Thụy Điển có khả năng ít nhất để tiến theo hướng này.

Nga có tổng cộng 110.000 quân so với 70.000 quân của Thụy Điển (thực sự chỉ là 62.000, vì lực lượng của Krassov ở quá xa nên khó có cơ hội tham chiến). Sự khác biệt này không có ý nghĩa nhiều ngoại trừ yếu tố là trong cuộc chiến dằng dai, bên Nga có thể thay thế dễ dàng số thương vong. Ở Narva, tỷ lệ quân số giữa Nga đối với Thụy Điển là 4 trên 1. Trên chiến trường này, tỷ lệ chỉ có 5 trên 3.

Ngày 6/6/1708, cỏ non đã mọc, Karl quyết định di chuyển, họp quân ở Minsk nằm trên con đường cái Warszawa-Smolensk đi Moskva. Sheremetyev và Menshikov đã quyết định lập phòng tuyến dọc Sông Berezina, và Pyotr ủng hộ ý kiến này. Tháng 5, các sư đoàn Nga của Menshikov, Sheremetyev, Hallart, Repnin và Goltz chiếm lấy những vị trí

dọc theo 45 kilômét bờ đông của con sông này. Vì không biết Vua Thụy Điển sẽ đánh đến điểm nào, quân Nga giữ sự linh động, nhưng điểm có khả năng cao nhất là Borisov thì được 8.000 quân dưới quyền Goltz trấn giữ.

Biết được điều ấy, Karl đi bọc theo sườn quân Nga, lần này hướng về phía nam. Ngày 16/6/1708, chín ngày sau khi tiến quân, đoàn quân đi đến Thị trấn Berezina-Sapezhinskaya trên bờ Sông Berezina. Kỵ binh Cossack và Nga rút lui; công binh Thụy Điển bắc hai cây cầu để đoàn quân vượt qua Sông Berezina. Bây giờ, Karl đã đi 80 kilômét cách xa Minsk và rời xa đất Ba Lan-Litva mà ông đã sống và hành quân trong tám năm qua.

THE SWEDISH INVASION
OF RUSSIA, 1708-1709
Vilna
From Riga
West Dvina R.
Polotsk
Smogorny 1708
CHARLES XII
Russian Winter Encampment 1708
Beshenkovshi
Vitebsk
Swedish Winter Camp 1708
Radoshkovichi
LEWENHAUPT
Minsk
Borisov
Smolensk
Dnieper R.
Berezina
Shklov
Gorky
Golovchin
Mogilev
Tatarsk
RUSSIA
Molyatychy
POLAND
Bykhov
Lesnaya
Krichev
Propoisk
Glinka
Kotenistchi
SHEREMETEV
Soz R.
Mglin
Bobovichy
Pochep
Bryansk
MENSHIKOV
Starodub
N
SEVERIA
Dnieper R.
Novgorod Seversky
Desna R.
MAZEPPA
REPNIN
Baturin
Putivl
Kursk
Kiev
UKRAINE
Pryluky
Romny
Swedish Winter Camp 1709
Sumy
Lokhvitsa
Gadyach
Lebedin
SKOROPADSKY COSSACKS
Russian Winter Encampment 1709
UKRAINE
Belgorod
YAKOVLEV
Oposhnya
Budyshi
PETER
Kharkov
CHARLES XII
Poltava
Stary Senzhary
Perevoluchna
Swedish Retreat
To Turkey
Zaporozhe - Sech
BALTIC SEA
St. Petersburg
Moscow
RUSSIA
POLAND
Kiev
Poltava
BLACK SEA
Constantinople
Russian movements
Swedish movements
Russian defenses
SCALE of MILES
0
50
100

Menshikov và Sheremetyev bực tức vì đã bị vượt qua một cách dễ dàng, và họ có thể đoán được phản ứng của Sa hoàng là như thế nào. Ngày 23/6, hai người quyết định bảo vệ vùng phía tây Sông Dniepr cùng các thị trấn Mogilev và Shklov. Họ phát lệnh cho các sư đoàn tụ tập ở vùng bờ tây của Sông Babich, một nhánh của Sông Drut. Họ sẵn sàng tiếp chiến, không phải với bất cứ giá nào, nhưng nhằm gây tổn thất cho quân xâm lăng.

Quân báo cho Karl biết quân Nga đang di chuyển về nam và tụ tập ở phía sau ngôi làng Golovchina trên Sông Babich. Lần này, nhà Vua quyết định không né tránh, mà tiến đến Golovchina. Thời tiết xấu đi, mưa không dứt, quân Nga cắt gỗ mang rải ra trên đường để làm chậm bước tiến của quân Thụy Điển.

Ngày 30/6/1708, đích thân nhà Vua đi đến Golovchina, nằm trước con Sông Babich có nước cạn và nhiều đầm lầy. Ông thấy quân Nga trấn giữ những vị trí phòng thủ chắc chắn kéo dài 10 kilômét dọc theo các đầm lầy của Sông Babich. Phải mất vài ngày bộ phận chủ lực của Thụy Điển mới đến nơi, trong khi bên kia sông quân Nga liên tục có thêm bộ binh và kỵ binh tăng viện. Karl xem xét đội hình để vạch phương án tấn công; các sĩ quan của ông cảm thấy bồn chồn. Con sông có nước cạn, có thể vượt qua dễ dàng, thế thì tại sao không tấn công qua mà xua đuổi đám ô hợp Nga? Karl hiểu rằng việc này không phải là dễ. Quân Nga đào công sự vững chắc để cố thủ phía sau các con hào cắm cọc chướng ngại. Họ được chia ra làm hai đội hình chính: phía bắc là 13 trung đoàn bộ binh và 10 trung đoàn kỵ binh dưới quyền Sheremetyev và Menshikov; phía nam là 9 trung đoàn bộ binh và 3 trung đoàn kỵ binh dưới quyền Repnin. Giữa hai đội hình là một vùng rừng ngập nước qua đó một chi lưu chảy vào Sông Babich. Xa hơn còn có thêm quân Nga: về phía bắc của Sheremetyev là bộ binh và kỵ binh của

Hallart, về phía nam của Repnin là Goltz chỉ huy 10 trung đoàn kỵ binh với 10.000 quân, cộng thêm kỵ binh của các sắc dân Cossack và Kalmuck.

Vì quân Nga đã bị quân Thụy Điển vượt qua bằng cách đi vòng cạnh sườn, lần này họ dàn mỏng ra để tránh bị vượt qua lần nữa; và Karl quyết định lợi dụng nhược điểm này để tạo lợi thế cho mình. Trong khi lực lượng chủ lực đang tập trung đến, ông chỉ huy một đội quân chạy lên xuống dọc bờ sông, đánh nghi binh ở điểm này điểm kia, mục đích là để quân Nga dồn lực lượng ra hai cánh. Theo cách này, lực lượng của Hallart bên Nga trấn quá xa về hướng bắc và không thể giao chiến được.

Nhưng lần này sẽ không có việc đi vòng cạnh sườn. Karl đã nhìn ra điểm yếu nhất trong phòng tuyến của Nga: ở đoạn giao tiếp giữa hai sư đoàn của Sheremetyev và Repnin, trong vùng đầm lấy và chi lưu sông. Nếu Karl tấn công vào đoạn này, khu đầm lầy sẽ ngăn bước tiến của một sư đoàn Nga đến hỗ trợ cho sư đoàn kia. Nhà Vua quyết định đánh vào sư đoàn của Repnin, ở phía nam khu đầm lầy. Trong cuộc tiến công, chính ông sẽ dẫn bộ binh giao chiến với bộ binh của Repnin. Rehnskiöld sẽ dẫn kỵ binh giao chiến với quân kỵ của Goltz.

Ngày 3/7/1708, Karl tụ họp được 20.000 quân, hơn phân nửa tổng số quân viễn chinh. Tối hôm ấy, một làn sương mù bốc lên từ mặt nước bao phủ cả con sông và bờ đối diện, Karl lặng lẽ điều đại pháo đến phía sau bức màn thiên nhiên này. Đến 2 giờ sáng, ông đã đặt 8 khẩu pháo lớn nhất vào các vị trí để bắn trực diện sang bên kia sông. Vào bình minh, vừa lúc những tia mặt trời đầu tiên xuyên qua làn sương mù, đại pháo Thụy Điển thình lình khai hỏa khiến quân Nga bị bất ngờ, và Karl dẫn 7.000 quân vượt sông.

Nước sông lên đến ngực, ở vài chỗ lên đến vai, và tuy hỏa lực của Nga cũng mạnh, nhưng quân Thụy Điển vẫn giơ cao vũ khí lên khỏi đầu, lặng lẽ

và vững vàng tiến bước theo cách đã được huấn luyện từ trước. Ngay khi họ lên được bờ bên kia, đoàn quân dừng lại, chỉnh đốn hàng ngũ. Karl đi qua lại giữa các hàng quân, điềm tĩnh ra chỉ thị, rồi dẫn họ tiến qua khu đầm lầy. Họ tiến một cách khó khăn. Karl ngạc nhiên thấy quân Nga không vỡ tan hàng ngũ trốn chạy, mà trụ vững để bắn trả quân Thụy Điển cách họ 30-40 bước, bắn rồi nạp đạn lại mà bắn tiếp. Tuy nhiên, họ không muốn đánh cận chiến bằng thép lạnh, bởi vì dù họ có bắn, phía Thụy Điển tuy bị tổn thất nhưng vẫn tiến đều.

Quân Thụy Điển cũng dừng lại, nâng súng lên mà bắn trả. Đây là điều khác lạ so với lối đánh thông thường của họ. Jefferyes kể:

> Trận đọ súng diễn ra ác liệt đến nỗi trong cả tiếng đồng hồ chỉ nghe tiếng súng trường của hai bên.

Lúc 7 giờ sáng, Repnin hiểu ra rằng mình đang hứng chịu đợt tấn công tổng lực của Thụy Điển. Đáp lời cầu cứu của ông, 1.200 quân kỵ của Gotlz từ phía nam kéo đến, cố giải vây cho quân Nga bằng cách đánh vào cánh phải của bộ binh Thụy Điển. Rehnskiöld đang đứng quan sát ở bờ sông bên này, thấy thế liền dẫn 600 quân kỵ Thụy Điển đến cứu nguy cho Karl, rồi giao chiến với quân kỵ của Nga trước khi đội quân này tiếp cận bộ binh Thụy Điển. Hai đội kỵ binh giao tranh đẫm máu với nhau khi bên Thụy Điển cố đẩy lui lực lượng đông gấp đôi. Cuối cùng, vì có thêm quân kỵ Thụy Điển đến tiếp ứng, kỵ binh Nga bị buộc phải rút vào các khu rừng.

Trong lúc này, vì quân kỵ Nga không thể xông vào vòng chiến để tấn công bộ binh Thụy Điển, bộ binh Nga vẫn đơn độc gánh chịu mũi tấn công của Karl. Thêm bộ binh Thụy Điển tràn sang, dồn mũi nhọn tấn công vào

một điểm duy nhất trên phòng tuyến của Nga. Lực lượng của Repnin lui về, tập họp lại, chao đảo, rồi rốt cuộc tan rã hàng ngũ. Cánh trái của quân Nga rời bỏ phòng tuyến và đại pháo, chia thành từng đại đội phân tán vào các khu rừng.

Đã là 8 giờ sáng. Mũi tấn công dồn dập của Karl đã đánh bại sư đoàn của Repnin, nhưng sư đoàn của Sheremetyev ở về phía bắc, bên kia khu đầm lầy, vẫn chưa giao chiến. Lúc đầu, nghe tiếng súng và trông thấy quân Thụy Điển tràn qua tấn công Repnin, Sheremetyev đã định điều quân đến ứng cứu, nhưng đúng như Karl đã dự liệu, việc hỗ trợ bị khó khăn, và khi Karl quay qua để chống trả Sheremetyev, ông thấy không còn cần thiết. Vị Nguyên soái Nga luôn nhớ lời Pyotr dặn không được mạo hiểm, thế nên ông lui quân về Mogilev và Sông Dniepr.

Trận đánh Golovchina là cuộc giao tranh thật sự đầu tiên giữa quân Nga và quân Thụy Điển kể từ khi Karl bắt đầu bước viễn chinh từ Saxony gần một năm trước. Theo định nghĩa kinh điển, quân Thụy Điển đã thắng. Họ đã tấn công và chiếm được một vị trí trọng yếu. Kỵ binh Thụy Điển đã đánh một trận tuyệt vời và đẩy lui lực lượng quân kỵ Nga đông hơn. Vua Thụy Điển đã hiện diện giữa bãi chiến trường, nêu gương dũng cảm và không hề hấn gì. Một lần nữa, quân Nga lại rút lui. Con đường dẫn đến Sông Dniepr rộng mở. Tất cả huyền thoại về Thụy Điển vẫn vẹn toàn.

Tuy thế có những yếu tố khiến cho Pyotr được vui. Dù lo âu nhận thấy quân đội của mình bị bắt buộc phải rời bỏ thêm một phòng tuyến dọc sông, ông cảm thấy an ủi là chỉ có một phần ba quân số của Nga thực sự giao chiến, và những trung đoàn này đã hứng chịu mũi tiến công của toàn lực lượng Thụy Điển nổi tiếng do chính nhà Vua cầm đầu. Qua bốn giờ giao chiến, đội quân này không sụp đổ, tuy phải rút lui nhưng có trật tự, tiếp tục

chiến đâu theo mỗi bước đi, và khi cuối cùng rời khỏi trận chiến, họ không phải như đám người ô hợp mà vẫn là những đơn vị có thể tập hợp lại rồi chiến đấu tiếp sau này. Phía Nga mất 997 người và 675 người bị thương, phía Thụy Điển có 267 tử trận và trên 1.000 người bị thương. Nhưng có một sự khác biệt quan trọng: Pyotr có thể thay thế số quân tổn thất, nhưng khi một người lính của Karl ngã xuống, đoàn quân của nhà Vua vĩnh viễn giảm đi một người.

Pyotr ra lệnh mở cuộc điều tra xem trung đoàn nào đã trụ được để chống cự và trung đoàn nào đã tan vỡ hàng ngũ; ông nổi giận đối với một số sĩ quan và ra án trừng phạt. Repnin bị đưa ra tòa án binh và tạm thời bị tước binh quyền. Phía Nga quyết định không cố thủ Mogilev, nhưng lùi về xa hơn đến Gorky dọc con đường dẫn đến Smolensk sau khi quân kỵ Cossack và Kalmuck đã ra sức tiêu thổ kháng chiến. Đoàn quân chiến thắng của Karl sẽ phải tiến qua những vùng đất đã bị thiêu rụi hoàn toàn.

Dù cho Karl được vui thêm một chiến thắng, ông nhận ra có sự thay đổi về phía Nga. Trận đánh Golovchina cho ông thấy quân đội Nga không còn giống như đám người ô hợp đã tháo chạy ở Narva. Nơi đây, với quân số mỗi bên tham chiến gần bằng nhau, quân Nga đã chiến đấu tốt, có lẽ càng ngày càng tốt hơn. Jefferyes nhìn nhận:

> Người Nga đã lĩnh hội tốt bài học và tạo được nhiều tiến bộ về mặt quân sự, và nếu binh sĩ của họ tỏ ra can đảm chỉ bằng phân nửa sĩ quan (vốn phần đông là người nước ngoài) thì có lẽ họ đã gây khó khăn cho bên ta.

Dọc theo con đường dẫn đến Mogilev, quân Thụy Điển tiến giữa những nhà cửa và chuồng trại gia súc đang cháy nghi ngút. Ngày 9/7/1708, họ đến thị trấn Mogilev bên bờ Sông Dniepr, lúc này là biên giới của Nga. Không cần phải bắn phát súng nào, nhà Vua phái quân vượt qua dù đại quân còn ở lại bên bờ tây. Thụy Điển đã vượt qua những con sông lớn. Smolensk cách 160 kilômét về phía đông bắc, và 360 kilômét kế tiếp là Moskva.

Tại Mogilev, Karl phái vài đội quân vượt Sông Dniepr, bắc cầu và rồi không chịu qua sông, khiến cho cả đoàn quân Thụy Điển và quân tuần tiễu của Nga lấy làm ngạc nhiên. Trong suốt một tháng - từ ngày 9/7 đến ngày 5/8/1708 - 35.000 quân của Thụy Điển dừng lại bên bờ tây của Sông Dniepr để chờ lực lượng của Lewenhaupt từ Riga xuống hợp lực. Đại tướng bộ binh, Bá tước Adam Ludwig Lewenhaupt là một người chu đáo, u uất, quá nhạy cảm với những nhận xét về mình, luôn nhìn thấy kẻ đối đầu và âm mưu ở mọi nơi, nhưng dù sao cũng là một vị tướng dũng cảm và có khả năng, luôn muốn chu toàn công việc. Không cần biết quân mình ít đến đâu và quân địch đông đến đâu hoặc bố phòng vững chắc như thế nào, một khi đã nhận lệnh là Lewenhaupt nhất quyết tiến quân vào làn đạn của địch quân. Thảm kịch của ông - và sai lầm của Karl - là ông nhận trọng trách cho một công tác đòi hỏi sáng kiến và linh động, trong khi ông có tính cứng nhắc.

Lewenhaupt là tổng trấn quân sự của Courland và phần còn lại của các tỉnh miền Baltic. Ở pháo đài Riga và vùng phụ cận, ông chỉ huy 12.500 quân. Vào tháng 3, khi ông đến bệ kiến Karl, nhà Vua đã trao cho ông một sứ mệnh không mấy khó khăn: Ông sẽ huy động quân dưới quyền để thu thập hàng hậu cần, tụ họp một đoàn xe, chất đủ lương thực và đạn dược cho quân ông dùng trong ba tháng và cho đoàn quân viễn chinh đủ dùng trong

ba tuần, rồi hộ tống đoàn xe này đi qua vùng Litva để gia nhập đại quân. Đội xe hậu cần của ông sẽ tiếp tế cho cả đoàn quân trong chặng tiến công cuối cùng đến Moskva, trong khi binh sĩ dưới quyền ông sẽ bổ sung đáng kể cho sức mạnh của nhà Vua. Dù quãng đường từ Riga đến Mogilev dài 640 kilômét, dự tính nếu khởi hành đầu tháng 6, ông có thể hoàn tất cuộc hành trình trong hai tháng.

Những tính toán này là sai lầm. Lewenhaupt trở về Riga vào đầu tháng 5, nhưng việc huy động 2.000 xe goòng và 8.000 ngựa kéo tốn nhiều thời gian. Ngày 3/6/1708, khi đoàn quân của Karl chuẩn bị rời khỏi Radoshkovichi, Lewenhaupt nhận lệnh rời Riga để đi đến Sông Berezina, nhưng ông báo cáo rằng ông chỉ có thể ra đi vào cuối tháng. Đúng thế: đến cuối tháng 6, đoàn xe được 7.500 bộ binh và 5.000 kỵ binh hộ tống mới lên đường. Bản thân Lewenhaupt phải ở lại Riga thêm một tháng và chỉ đi đến đoàn quân ngày 29/7. Lúc này, theo kế hoạch thì họ đã phải tiến đến gần đại quân. Thực ra, họ chỉ mới đi được 240 kilômét và vẫn còn ở phía bắc Vilna, trong khi đại quân của Karl đã đến Mogilev, cách xa họ 400 kilômét.

Pyotr thở phào nhẹ nhõm khi nghe tin quân của Levvenhaupt đã rời Livonia và Courland để đi về hướng nam, rời xa vùng Baltic. Điều này có nghĩa hầu như chắc chắn rằng mục tiêu của Karl không phải là Sankt-Peterburg, rằng sẽ không có việc tấn công Neva kết hợp với Lewenhaupt từ phía nam và Lybecker từ phía bắc. Và một khi Lewenhaupt đã ra khỏi vùng Baltic, Apraksin có đủ quân để đương đầu với Lybecker. Theo đó, lực lượng 16.000 quân của Bauer, vốn có nhiệm vụ canh chừng Lewenhaupt - nhận lệnh đi về nam.

Kế hoạch của Karl bây giờ lệ thuộc vào Lewenhaupt. Nhiều người phê phán thậm tệ Lewenhaupt vì sự chậm trễ, nhưng ông không thể kiểm soát

thời tiết. Di chuyển các cỗ xe nặng nề với bánh xe to lớn trên sình lầy gần như là bất khả thi trong mùa mưa, dù cho đoàn quân đã dùng cành cây hoặc gỗ để phủ mặt đường. Binh sĩ của Lewenhaupt còn mang theo cả một cây cầu di động - niềm hãnh diện của công binh dưới quyền ông - được nối với nhau bằng những sợi dây da giờ đã bị sũng nước đến nỗi mỗi đoạn phải cần đến 32 người mang, và chỉ đi được 20 bước rồi phải dừng lại nghỉ ngơi[140]. Trong một tháng, đoàn chỉ đi được 230 kilômét, mỗi ngày đi không đến 8 kilômét. Tháng 7 kéo dài qua tháng 8 rồi tháng 9, mà quân của Lewenhaupt vẫn chậm chạp tiến từng bước.

Hai tháng quý giá trôi qua trong khi Karl mãi chờ đợi - từ 8/7 đến 15/9/1708 vốn là những ngày thích hợp nhất để hành quân. Không phải là quân ông khẩn thiết cần đến hàng hậu cần ngay, nhưng chi vì Karl cảm thấy mình không nên bỏ Lewenhaupt ở lại phía sau quá xa kẻo quân Nga chen vào khoảng trống giữa hai đoàn quân mà chặn đánh đoàn quân nhỏ hơn. Khởi đầu, nhà Vua đã hy vọng quân Lewenhaupt đến bắt tay với quân ông ở Mogilev rồi cùng đại quân vượt sông, và qua các báo cáo, ông tin rằng Lewenhaupt sẽ đến ngày 15/8. Nhưng ngày này đã đến, ông nóng nảy đi tới đi lui mà không thấy bóng dáng Lewenhaupt. Cùng lúc, đoàn quân thụ động đang bồn chồn. Binh sĩ bị thương trong trận Golovchina đã lành lặn, nhưng hàng nghìn con ngựa của đoàn quân đã làm trơ trụi cả vùng đồng cỏ xung quanh Mogilev.

Karl quyết định phải nối tiếp cuộc tiến công: không phải là mũi dùi táo bạo chọc thẳng đến Moskva, nhưng làm cái gì đấy gần Sông Dniepr để có thể khiêu khích quân Nga tham chiến mà vẫn có thể bảo vệ được Levvenhaupt. Ông bắt đầu một số động thái nghi binh, mỗi ngày tiến quân ra những khoảng ngắn, luôn thay đổi phương hướng - thoạt đầu tiến xuống

nam, sau đấy trở về bắc - hy vọng làm cho Sa hoàng hoang mang và chặn đánh được đội quân Nga nào thiếu cảnh giác.

Trong các ngày 5-9/8, cuối cùng thì quân Thụy Điển cũng vượt qua Sông Dniepr, đi theo hướng đông nam tiến về mạn sườn phía nam của vị trí mà Pyotr đã trấn đóng trên con đường Smolensk. Ngày 21/8, quân của Karl tiên đến Cherikov nằm trên Sông Sozh, thấy kỵ binh của Menshikov đã chiếm giữ vị trí dọc bờ sông đối diện và thêm bộ binh của Nga kéo đến gần. Với hai đoàn quân đối kháng tiến đến gần nhau, các toán tuần tiễu của hai bên thường giao tranh với nhau.

Ngày 30/8/1708, một trận đánh diễn ra, nhưng không theo ý muốn của Karl. Ông đã cho quân mình cắm trại dọc một nhánh của dòng suối Chornaya Natopa chạy vòng quanh một khu đầm lầy. Roos, chỉ huy đội hậu vệ, cắm trại ở rìa khu đầm lầy cách đấy 5 kilômét. Khu đầm lầy gây khó khăn nhưng Sa hoàng và các sĩ quan của ông đã nhanh chóng lĩnh hội bài học ở Golovchina là có thể tiến quân qua đầm lầy. Bình minh ngày 30/8, Hoàng thân Mikhail Golitsyn dẫn 9.000 bộ binh và 4.000 kỵ binh đi xuyên qua đầm lầy giữa làn sương mù dày đặc rồi tấn công doanh trại của Roos. Quân Thụy Điển hoàn toàn bị bất ngờ, vì họ chưa bao giờ bị bộ binh Nga tấn công. Trận giáp lá cà xảy ra trong hai giờ đồng hồ, rồi quân tiếp viện của Thụy Điển kéo đến và quân Nga rút lui qua vùng đầm lầy. Khi Karl nghe tiếng súng, ông nghĩ Pyotr muốn đánh một trận lớn, nên ngày hôm sau quân Thụy Điển dàn thành đội hình để chuẩn bị giáp chiến. Nhưng không có cuộc tấn công nào, và khi kỵ binh của Rehnskiöld đi do thám các vị trí của Nga, họ thấy mọi nơi đều trống vắng. Toàn bộ quân Nga đã rút đi, cùng lúc nổi lửa đốt làng mạc và ruộng đồng.

Mặc dù trận đánh này (gần Molyatychy) chỉ là cuộc chạm trán nhỏ và thương vong bên Nga cao trên gấp đôi (700 tử trận và 2.000 bị thương so với bên Thụy Điển có 300 tử trận và 500 bị thương), Pyotr cảm thấy hài lòng. Đây là lần đầu tiên bộ binh Nga đã nắm quyền chủ động, một sư đoàn Thụy Điển bị cô lập và bị tấn công. Quân Nga đã chiến đấu dũng cảm, rồi rời khỏi trận đánh theo ý muốn và rút lui có trật tự. Golitsyn được nhận Huân chương Sankt-Andrei.

Karl tiếp tục tiến chầm chậm về hướng bắc, và ngày 11/9 đi đến Tatarsk trên đường biên giới của Nga, điểm xa nhất theo hướng đông bắc của Nga mà ông có thể đến. Từ đây, con đường dẫn đến Smolensk, nhưng quang cảnh cuối con đường trông thật ảm đạm: ngày và đêm, chân trời rực một màu đỏ. Karl đã từng thấy cảnh đốt phá ở các tỉnh Ba Lan và Litva tiếp giáp với Nga, nhưng ông không tin rằng Pyotr lại thi hành chiến thuật tiêu thổ kháng chiến ngay trên đất Nga. Hình ảnh trước mắt khiến cho Karl phải dừng bước mà suy nghĩ. Dù cho ông có nhất quyết truy kích quân địch như thế nào, ông vẫn không thể bắt kịp họ. Binh sĩ của ông đã xếp theo đội hình để sẵn sàng giao chiến, nhưng chỉ đối diện với vùng đồng hoang vắng. Và mỗi ngày, lượng thực phẩm thu được ở Mogilev lại cạn dần. Thức ăn họ hiện có thật là tồi tệ, và tuy nhà Vua không muốn ăn thứ gì tốt hơn quân sĩ của mình đang ăn, số lính người Đức mới được tuyển và cả một số binh sĩ Thụy Điển dày dạn cũng đang phàn nàn. Họ luôn đi qua mặt đất đã cháy rụi. Luôn có khói bốc lên từ làng mạc và ruộng đồng lơ lửng ở chân trời, đôi lúc dày đặc đến nỗi che khuất cả ánh mặt trời. Luôn có kỵ binh Cossack và Kalmuck lảng vảng để hạ sát không thương tiếc binh sĩ Thụy Điển đi xa khỏi hàng quân.

Chìa khóa của vấn đề nằm trong tay Lewenhaupt. Nếu đại quân Thụy Điển tiếp nhận được hàng hậu cần của vị tướng này, họ đã có thể đánh xuyên qua vùng đồng khô cỏ cháy trước mặt để tiến đến vùng đất màu mỡ quanh Moskva. Ở tổng hành dinh quân Thụy Điển, trong khi nhà Vua và các sĩ quan của ông nhìn về làn khói từ làng mạc bị thiêu rụi qua hướng đông, họ cũng lo lắng ngoái nhìn lên hướng bắc. Lewenhaupt đang ở đâu?

Với từng ngày trôi qua, vấn nạn mà Karl đang đối mặt càng trở nên bức xúc hơn. Đoàn quân đã sẵn sàng để đánh xuyên qua đất Nga nhằm chấm dứt cuộc chiến, nhưng không thể tiến bước mà không có Lewenhaupt vì Sa hoàng đã thiêu rụi tất cả phía trước. Và vì không có đủ thực phẩm, đoàn quân cũng không thể dừng chân ở đây. Có hai phương án: thứ nhất là rút lui về Sông Dniepr và dừng chân chờ Lewenhaupt ở đây. Karl bác bỏ phương án này. Ông ghét ý tưởng rút lui - nó công khai xác nhận là cả cuộc hành quân mùa hè đã thất bại. Dù không rõ chính xác vị trí của Lewenhaupt hiện ở đâu, Karl tin rằng ông này đang tiến đến gần, và rằng dù bị chậm trễ, hai đoàn quân sẽ gặp nhau. Phương án thứ hai thì táo bạo hơn và như thế hợp với tố chất của Karl hơn: di chuyển về phía nam, rời xa khỏi Smolensk và Moskva, nhưng đi vào Tỉnh Severia của Nga. Việc này vẫn duy trì thế tiến công của Thụy Điển và đồng thời giúp đoàn quân tìm được thực phẩm từ vụ mùa mới không bị quân Nga đốt phá. Sau khi đã được tiếp tế ở Severia và được Lewenhaupt bổ sung lực lượng, lúc ấy Karl có thể tiến đến Moskva.

Một khi đã quyết định đi theo phương án này, cần phải hành động êm thấm và nhanh gọn để đảm bảo quân Thụy Điển đi đến Severia trước quân Nga. Karl có lợi thế: quân của ông ở gần hơn và có đường đi ngắn hơn. Nếu tiến nhanh về nam, ông sẽ bỏ xa quân Nga phía sau mà đến trước. Vì thế, một đội tiền phong gồm 2.000 bộ binh và 1.000 kỵ binh - thuộc hàng ngũ

thiện chiến nhất - được cung cấp khẩu phần trong hai tuần để có thể di chuyển nhanh mà không cần dừng lại để kiếm thức ăn. Được đặt dưới sự chỉ huy của Tướng Anders Lagercrona, họ được lệnh chiếm đóng các thị trấn và điểm vượt sông để mở đường cho quân Thụy Điển tiến vào Severia và chặn đường của quân Nga. Lagercrona nắm được kế hoạch tổng quát và hiểu rằng mục tiêu là chiếm lấy thủ phủ Starodub. Khoảng cách giữa Tatarsk và Starodub theo đường chim bay là 200 kilômét. Cùng đêm ấy, ba liên lạc viên được phái đi để báo cho Lewenhaupt biết về sự thay đổi trong kế hoạch và lệnh cho ông đổi hướng để đi đến Starodub. Ba người lên đường vào ba thời điểm khác nhau để đảm bảo ít nhất một người đi được đến nơi.

Sáng ngày 15/9/1708, đoàn quân đi về nam trong cuộc tiến quân định mệnh đối với cuộc đời của Karl XII và của Pyotr cũng như đối với lịch sử của nước Nga. Việc tiến quân vào Moskva phải hoãn lại - rốt cuộc hóa ra là hoãn vĩnh viễn. Quyết định của Karl ở Tatarsk cũng là bước ngoặt trong việc vận hành chiến tranh của Thụy Điển. Trong hai mùa thu và đông vừa qua, Karl đã tiến quân qua phân nửa Châu Âu, đã tài tình đi dọc sườn các phòng tuyến địch để vượt qua các con sông lớn. Thế mà vào mùa hè 1708, kế sách của Karl đã bị xáo trộn một cách tồi tệ: nhà Vua bị bắt buộc phải lệ thuộc vào Lewenhaupt và hàng hậu cần của ông này. Lewenhaupt đã không đến; chiến lược tiến công mùa hè vào Moskva đã bị lỡ cơ hội. Tuy thế vào tháng 9/1708, khi Karl quyết định quay xuống nam, ông vẫn giữ thế chủ động. Đoàn quân của ông vẫn gần như còn nguyên ngoại trừ ít tổn thất. Ông quay xuống Severia với niềm lạc quan và hy vọng rằng dù cho chiến dịch Moskva đã thất bại nhưng đấy chỉ là tạm thời.

Thực ra, Karl đang đứng bên bờ vực của một chuỗi tai họa rồi cuối cùng sẽ khiến ông thân bại danh liệt.[141]

Lewenhaupt gánh chịu hậu quả đầu tiên do quyết định của Karl. Ngày 15/9/1708, lúc Karl cho quân sĩ nhổ trại đi về nam, Lewenhaupt vẫn còn cách Sông Dniepr gần 50 kilômét về hướng tây. Vị trí của Karl lúc ấy là cách sông này gần 100 kilômét về hướng đông. Pyotr lập tức nhận ra cơ hội: khoảng cách gần 150 kilômét khiến cho đoàn xe goòng ở vào vị trí không được bảo vệ. Sa hoàng phái Sheremetyev dẫn đại quân đi về nam để canh chừng Karl, nhưng giữ lại 10 tiểu đoàn bộ binh thiện chiến nhất, kể cả hai Lữ đoàn Cảnh vệ Preobrazhenskoe và Semyonovsky. Cung cấp ngựa cho các bộ binh này và có thêm 10 trung đoàn kỵ binh, Pyotr thành lập một "chiến đoàn không kỵ" gồm 11.625 người do ông đích thân chỉ huy. Với Menshikov đi theo bên cạnh, ông phi thẳng về hướng tây để chặn đánh Levvenhaupt. Dù ông không biết rõ lực lượng của Lewenhaupt, báo cáo gửi về tổng hành dinh Nga ước lượng là 8.000 quân. Thực ra, đấy là 12.500. Để phòng hờ, Pyotr ra lệnh Bauer dẫn 3.000 kỵ binh tiến về tây để hội với ông. Thế là, 14.625 quân Nga di chuyển để chặn đánh 12.500 quân Thụy Điển.

Trong khi ấy, sau ba tháng lăn bánh chậm chạp, đoàn xe goòng của Levvenhaupt tiến đến Sông Dniepr vào ngày 18/9/1708. Nơi đây, Lewenhaupt nhận được lệnh của Vua Thụy Điển do ba liên lạc viên đưa đến, bảo ông phải vượt sông và quay về nam để đến điểm hẹn mới: Starodub. Trong ba ngày, đoàn quân mệt nhọc đẩy các xe goòng vượt qua sông. Khi các đại đội cuối cùng đang vượt qua sông ngày 23/9, Lewenhaupt nhận thấy một lực lượng Nga đang tiến đến gần; kỵ binh Nga trong áo choàng màu đỏ bắt đầu xuất hiện ở các bìa rừng. Lewenhaupt vẫn cố xua đoàn xe vững tiến, hướng đến thị trấn Propoisk trên Sông Sozh. Một khi đã

vượt qua sông này, ông có khả năng bảo toàn lực lượng mà đi đến điểm hẹn với đại quân.

Một cuộc chạy đua bắt đầu. Lewenhaupt nỗ lực đi đến Propoisk, nhưng đường sá lầy lội khiến xe goòng thường bị lún. Sáng ngày 27/9, đội kỵ binh tiên phong của Nga đã đuổi kịp và chạm trán với đội quân hậu vệ của Thụy Điển. Thấy rằng một trận đánh lớn có thể bắt đầu, Lewenhaupt bị giằng co giữa hai phương án: Ông có thể bỏ mặc cho quân hậu vệ lo đối phó với quân Nga càng lâu càng tốt, nếu cần có thể hy sinh họ, trong khi đốc thúc các xe goòng tiến nhanh đến Sozh; hoặc ông có thể dừng cả đoàn quân, bố trí đội hình mà tiếp chiến. Tố chất của ông khiến cho ông chọn phương án thứ hai. Ông ra lệnh cho các xe goòng tiến về phía trước, rồi điều bộ binh và kỵ binh về phía sau, dàn thành đội hình mà chờ quân Nga đến. Họ đứng ở đấy suốt cả buổi sáng và xế chiều ngày 27. Sau đấy, khi thấy rõ là không có cuộc tấn công nào từ quân Nga, Lewenhaupt cho giải tán hàng ngũ rồi dời vài kilômét về phía sau, rồi lại dàn thành đội hình. Binh sĩ của ông đứng trong hàng ngũ như thế cả đêm.

Sáng hôm sau, ngày 28/9/1708, khi vẫn không thấy cuộc tân công nào, quân Thụy Điển lại lùi thêm, chạm trán với kỵ binh Nga chạy xung quanh. Họ đi đến ngôi làng Lesnaya, chỉ cách Propoisk một ngày đường. Bây giờ, thời gian bị mất - gần như cả ngày 27 - trở nên quan trọng. Nếu không bỏ phí ngày này, phần lớn quân của Lewenhaupt đã có thể vượt qua sông ở Sozh mà vào vùng an toàn.

Tuy thế với quân Nga đang đông đúc vây quanh, Lewenhaupt thấy rằng ông không thể tiến đến bờ sông, mà phải giao chiến. Ông phái 3.000 kỵ binh đi trước đến Propoisk để kiểm soát điểm vượt sông, rồi chuẩn bị cho

trận chiến với 9.500 quân. Ông ra lệnh phân chia xe goòng cho các đơn vị: mỗi đại tá giữ 4 xe, mỗi thiếu tá giữ 3 xe, và cứ thế.

Ở bên đối diện, Pyotr ra lệnh cho tất cả binh sĩ xuống ngựa, rồi dàn họ dọc theo bìa một khu rừng với Menshikov chỉ huy cánh trái gồm 8 trung đoàn, chính Pyotr chỉ huy cánh phải gồm hai Lữ đoàn Cảnh vệ Preobrazhenskoe và Semyonovsky và 3 trung đoàn kỵ binh. Lúc 1 giờ chiều ngày 28, trận chiến bắt đầu rồi kéo dài suốt buổi chiều theo như lời kể của Pyotr: "Suốt cả ngày không thể thấy được chiến thắng sẽ thuộc về bên nào." Có một lúc, khi quân sĩ dưới quyền Menshikov núng thế, Pyotr điều Lữ đoàn Semyonovsky đến tiếp ứng, duy trì được chiến tuyến của Nga. Lúc 4 giờ chiều, Bauer tiến đến với 3.000 quân để hỗ trợ phía Nga, nhưng thế trận cân bằng trở lại khi 3.000 kỵ binh Thụy Điển lúc trước đã được phái đi kiểm soát điểm vượt sông, giờ được gọi quay về. Trận chiến kéo dài cho đến khi trời tối, rồi một trận bão tuyết thổi đến - khá bất thường vào đầu thu - khiến đôi bên không còn nhìn thấy nhau và ngừng chiến. Dù hàng ngũ của quân ông không bị vỡ, Lewenhaupt vẫn ra lệnh rút lui và đốt cháy xe goòng. Tất cả hàng hậu cần đã được khổ nhọc kéo từ Riga qua 800 kilômét đường lầy lội đều cháy rụi trong đêm. Đại pháo được tháo ra khỏi xe đẩy, được vùi xuống hố đào hai bên đường để quân Nga không thể sử dụng. Trong ánh sáng bập bùng của xe goòng đang bốc cháy, quân Thụy Điển bị hoang mang, rồi trở nên vô kỷ luật. Binh sĩ cướp bóc xe goòng chở quân dụng và rượu của sĩ quan. Nhiều người bị lạc mất hàng ngũ, đi lang thang trong rừng sâu. Vài kỵ binh nhảy lên ngựa đã được tháo ra khỏi ách của xe goòng phi đến Propoisk để vượt qua sông vào vùng an toàn.

Khi các trung đoàn còn sống sót đi đến Propoisk vào lúc bình minh, họ thấy cây cầu đã bị đốt. Vài xe goòng còn sót lại không thể đưa được qua

sông, nên cũng bị đốt. Vừa lúc ấy, một đoàn kỵ binh Cossack và Kalmuck đuổi theo kịp quân Thụy Điển đang nhốn nháo ở bờ sông và giết thêm 500 quân Thụy Điển.

Buổi sáng hiện rõ thảm họa của Thụy Điển. Cuộc chiến và sự rối loạn trong đêm đã cắt giảm lực lượng của Lewenhaupt còn phân nửa: ông bị mất 6.307 quân, trong số đó có trên 3.000 bị bắt làm tù binh. Những người khác đi lang thang trong rừng một mình hoặc từng nhóm nhỏ; nhiều người chết hoặc rốt cuộc bị bắt. Khoảng 1.000 người tìm đường trở lại Riga. Tất cả quân nhu, thực phẩm, thuốc men, đạn dược mà Karl đang thiếu thốn đều bị mất. Phía Nga có 1.111 tử trận và 2.856 bị thương. Mỗi bên có khoảng 12.000 quân giao chiến; Nga tổn thất khoảng một phần ba, nhưng Thụy Điển mất phân nửa.[142]

Lewenhaupt dẫn những người sống sót giờ cưỡi trên các con ngựa kéo xe goòng - đi đến Severia. Pyotr bận lo tổ chức ăn mừng chiến thắng nên không truy kích, và mười ngày sau Lewenhaupt cuối cùng hội ngộ với Vua Thụy Điển. Nhưng có cả một sự khác biệt giữa những gì đang được mong đợi và những gì thật sự đi đến! Thay vì một đoàn xe goòng khổng lồ chở hàng hậu cần để nuôi sống cả đoàn quân và 12.500 binh sĩ tăng viện, Lewenhaupt mang đến 6.000 người đã kiệt sức, không có đại pháo và hàng hậu cần, lê lết đi vào doanh trại. Các đơn vị kỵ binh được duy trì, nhưng các trung đoàn bộ binh đã quá tan tác nên phải bị giải tán và bổ sung vào các trung đoàn của đại quân đang thiếu hụt quân số.

Khi nhìn thấy đoàn quân chiến bại; doanh trại của Thụy Điển dấy lên nỗi u sầu. Trận chiến Lesnaya đã cho thấy thêm bằng chứng về kỹ thuật tác chiến của quân đội Nga. Hai bên có quân số tương đương nhưng Thụy Điển đã bại trận. Tuy thế Karl vẫn tỏ ra trầm tĩnh với chiến bại này. Ông không

trách móc Lewenhaupt về việc chậm trễ hoặc về chiến bại. Thật ra, nhà Vua nhận ra ông có phần lỗi trong vụ việc: Sau khi đã chờ đợi Lewenhaupt khá lâu, rốt cuộc ông đã không đủ kiên nhẫn mà chờ đợi thêm. Về phía Nga là nỗi vui mừng tột độ. Nga tin rằng lực lượng Thụy Điển có phần đông hơn - vì thế họ không những đã thắng, mà còn thắng số đông. Sau này, Pyotr viết về sự tự tin trong quân đội của mình:

> Chiến thắng này có thể gọi là đầu tiên, vì chúng ta trước đây chưa hề đạt chiến thắng như thế bằng quân chính quy và bằng quân số ít hơn. Thật sự đây là tiền đề cho cả hậu vận tốt đẹp của nước Nga và nó giúp quân ta vững tin hơn, và đấy là Bà Mẹ của Trận Pultowa.

Đối với Pyotr, tất cả kết quả này là do nỗ lực của ông nhằm xây dựng một quân đội chiến đấu có hiệu quả. Ngay cả khi quân mình bị đánh bại, ông muốn tìm hiểu xem họ đã chiến đấu như thế nào dưới làn đạn và họ có rút lui trong trật tự hay không. Từ bãi chiến trường Lesnaya, ông viết thư cho các bạn hữu và cho cả Augustus. Ông gửi bản mô tả và sơ đồ trận chiến về cho Hoàng Thái tử ở Moskva và ra lệnh cho in ra bằng cả tiếng Nga và tiếng Hà Lan: tin tức về chiến thắng này phải được thông báo không những ở Nga mà còn khắp Tây Âu. Sau trận chiến, ông dẫn "chiến đoàn không kỵ" về Smolensk để tổ chức diễu hành trong tiếng đại bác chào mừng, với tù binh Thụy Điển và cờ xí của họ đi theo đoàn quân.

Khi Pyotr còn đang lưu lại Smolensk, ông nhận thêm tin vui từ miền bắc. Trong chiến lược tổng thể của mình, Karl đã lên phương án cho lực lượng 14.000 quân của Lybecker ở Phần Lan đến tiến đánh Sankt-Peterburg. Mặc dù cuộc hành quân chỉ có mục đích nghi binh nhằm dụ quân Nga ra khỏi mũi tiến công chủ lực của Thụy Điển vào Moskva, lẽ tự nhiên

là Karl hy vọng Lybecker cũng có thể thành công trong việc chiếm đóng thành phố mới ở cửa Sông Neva.

Ngày 29/8, Lybecker vượt qua Sông Neva phía thượng nguồn của Sankt-Peterburg. Tuy nhiên, ở đây ông này nhận được tin báo sai lạc do Apraksin gài vào khiến ông tin rằng Sankt-Peterburg được bố phòng quá chắc chắn, nên thay vì tấn công thành phố ông dẫn quân đi một đường vòng về phía nam và tây qua vùng đồng ruộng của Ingria. Một lần nữa, chiến thuật tiêu thổ kháng chiến của Pyotr đạt hiệu quả: chẳng bao lâu quân Thụy Điển cạn lương thực, và họ phải giết ngựa để ăn thịt. Không có đại pháo, Lybecker không thể công hãm các thành phố. Sau khi lang thang khắp Ingria mà không làm được việc gì, cuối cùng ông dẫn quân đến bờ biển gần Narva, nơi có một đội thuyền Thụy Điển có thể tiếp nhận người nhưng không đủ sức chở ngựa. Sáu nghìn con ngựa bị giết hoặc bị cắt gân chân để không cho quân Nga sử dụng, và đoàn thuyền Thụy Điển về đến Vyborg ở Phần Lan. Lực lượng của Lybecker đã đi một vòng quanh thành phố mới của Pyotr mà không đạt được gì, lại còn bị mất 3.000 quân. Ngay cả trong mục đích nghi binh, quân Thụy Điển cũng thất bại: không một binh sĩ Nga nào đang đối mặt với Karl được điều lên phía bắc.

Pyotr lưu lại Smolensk trong ba tuần rồi ra đi để nhập với quân của Sheremetyev. Ông nhận ra tinh thần quân Nga đang dâng cao với tin chiến thắng ở Lesnaya và sự thành công của Apraksin ở Ingria khiến cho tất cả sĩ quan và binh sĩ thêm tự tin.

Chính vào lúc này, vận mệnh của nước Nga, vốn không được tốt trong những năm đầu của cuộc chiến nhưng bây giờ có vẻ đang thuận lợi cho Pyotr, một lần nữa lại xoay chiều. Ngày 27/10/1708, với quân đội của Karl còn đóng sâu trong tỉnh Severia và đang tiến nhanh về hướng Ukraina,

Pyotr nhận được tin khẩn từ Menshikov: Mazeppa, Thủ lĩnh bộ tộc Cossack Ukraina, người từng trung thành với Moskva trong 21 năm, đã phản bội Pyotr mà liên minh với Karl.

140. Đoàn quân của Lewenhaupt còn có 16 khẩu pháo và một đàn bò, khiến cho vận tốc di chuyển càng chậm thêm. (ND)

141. Xem tiếp các Chương sau. (ND)

142. Ian Grey (sách đã dẫn, trang 414) ghi những con số tương tự về quân số tham chiến và thương vong hai bên, và cho biết đó là theo nhật ký của Pyotr. Ian Grey cũng nhận xét rằng Pyotr tỏ rất trung thực khi tường thuật lại các trận đánh và luôn ghi công cho đối phương nếu đó là sự thật, còn những con số do phía Thụy Điển đưa ra trong Đại chiến Bắc Âu thường có tính thiên lệch. Chẳng hạn, trong Trận Lesnaya, các nguồn tin phía Thụy Điển cho rằng Thụy Điển có 6.000 hoặc 8.000 quân trong khi Nga có 30.000 quân - nhưng con số mà Ian Grey cho là đều do trí tưởng tượng. (ND)

34 MAZEPPA

Có thể hiểu rõ bản chất sự phản bội của Mazeppa khi xét qua quyết định của Karl tiến quân về nam. Tướng Anders Lagercrona đã dẫn đội tiên phong gồm 3.000 quân và 6 khẩu pháo để chiếm các điểm vượt sông Sozh và Iput, rồi tiến đến thị trấn pháo đài Mglin và Đèo Pochep. Hai vị trí này có tầm quan trọng chiến lược đối với Karl: Nếu quân đội của ông muốn chiếm Tỉnh Severia và thủ phủ Starodub, nhất thiết phải đóng chốt ở hai nơi này - là cửa ngõ dẫn vào tỉnh - để khóa chặt bước tiến của quân Nga.

Lực lượng của Lagercrona tiến quân với các bản đồ do Tổng cục Hậu cần Thụy Điển vẽ ra. Tuy nhiên, trước khi đến Iput họ đã gặp một con đường rẽ không được thể hiện trên bản đồ nhưng trông có vẻ dễ đi và đi thẳng hơn là đường trên bản đồ, thế nên Lagercrona đi theo con đường này. Nhưng thay vì đi đến Mglin và Pochep, con đường này dẫn ông thẳng đến Starodub. Ông bỏ sót hai cửa ngõ mà ông nhận lệnh phải chiếm giữ, nên hai nơi này vẫn mở toang.

Cùng lúc, Karl đi theo đại quân. Ngày 19/9, ông đi đến Krivchev trên bờ Sông Sozh, đoàn quân đi qua các cây cầu do đội tiên phong của Lagercrona xây rồi rẽ xuống nam đi qua một khu rừng rậm nằm giữa Sozh và Iput. Nhiều người và ngựa ngã ra chết vì quá kiệt sức sau nhiều tuần lễ thiếu ăn. Bệnh kiết lỵ cũng gây nhiều thương vong. Vượt qua khỏi khu

rừng, trong khi đoàn quân hướng đến Mglin, Karl nhận được tin Lagercrona đang đi thẳng về nam, tức là ông này có thể vẫn chưa chiếm được Mglin và Pochep. Nhìn thấy nguy cơ trước mắt, Karl vội vã tập họp một lực lượng tiên phong thứ hai gồm những người khỏe nhất, rồi đích thân dẫn đội quân này đi chiếm hai vị trí kia.

Nhưng sau cuộc hành quân vô cùng khổ nhọc, khi còn cách Mglin 10 kilômét Karl được biết quân Nga đã tràn vào Mglin. Pyotr đã điều một đội quân dưới quyền của Tướng Nikolai Ifland để bảo vệ Tỉnh Severia, và chính đội quân này đã chiếm được Mglin lẫn Pochep. Đội tiên phong của Karl không thể đánh Mglin vì họ không mang theo đại bác. Lagercrona có 6 khẩu pháo, nhưng không thấy Lagercrona ở đâu. Vì thế, sau khi nhận ra không thể chiếm hai cửa ngõ của Tỉnh Severia, Karl cho dừng quân, hơn nữa binh sĩ của ông cũng đã quá đuối nên không thể đi tiếp. Bây giờ, Karl nhận ra rằng sự sơ suất của Lagercrona đã mở ra cơ hội mới để thôn tính Tỉnh Severia, vì ông này đang hướng đến Starodub, là thủ phủ và giao điểm giữa các đường giao thông. Nếu Lagercrona chiếm được Starodub thì còn được lợi hơn là Mglin lẫn Pochep. Karl vội phái liên lạc viên truyền lệnh cho Lagercrona chiếm ngay lấy Starodub.

Thật ra, Lagercrona đã đi đến Starodub, nhưng không chịu đánh chiếm thủ phủ này. Ông cảm thấy bẽ mặt và tức tối vì đã lạc đường mà đi đến chân tường thành sai địa chỉ, nhưng không chịu nghe lời các đại tá dưới quyền khuyên chiếm ngay lấy Starodub. Ông đã nhận lệnh là chiếm lấy Mglin và Pochep rồi sau đó chiếm Starodub, và ông định thực hiện đúng thứ tự này. Mặc dù ông cho đóng quân dưới chân tường thành, ông không cho phép binh sĩ vào trong thành ngay cả để kiếm thức ăn và nước uống, và ngày

hôm sau Ifland dẫn quân Nga vào đóng trong thị trấn. Khi Karl nghe những gì đã xảy ra, nhà Vua buột miệng: "Lagercrona đã điên rồi!"

Karl nhận ra rằng Thụy Điển đang ở trong tình thế nghiêm trọng. Cả ba vị trí Mglin, Pochep và Starodub đều nằm trong tay quân Nga. Khi toàn bộ đoàn quân Thụy Điển tụ tập trước Mglin, Karl thấy rằng họ không còn đủ sức lực để công hãm. Binh sĩ bị đói, đang đào củ và hái dâu rừng ăn dặm vào khẩu phần. Chính ở đây, ngày 7/10/1708, nhà Vua nhận được tin chiến bại của Lewenhaupt, và ngày 11/10 Levvenhaupt dẫn tàn quân vào doanh trại.

Thụy Điển không chiếm được Severia; quân của Sheremetyev đang tràn vào tỉnh này qua đèo Pochep được bỏ ngỏ; kỵ binh Kalmuck đang xông xáo đốt phá khắp nơi. Karl không có cách nào khác hơn là phải tiếp tục tiến về nam. Ngày 11/10, quân Thụy Điển nhổ trại hướng về Sông Desna, là ranh giới giữa Tỉnh Severia của Nga và Ukraina.

Vùng Ukraina màu mỡ với sản lượng ngũ cốc cao và đàn bò đông đúc tạo đủ điều kiện mà quân Thụy Điển đang cần: chỗ trú đông, dưỡng quân, và có thể được tăng viện. Ở đây, nêu Karl có thể thuyết phục Thủ lĩnh Mazeppa của bộ tộc Cossack Ukraina gia nhập, quân Thụy Điển có thể trú đông được an toàn. Ông có thể nhận vào hàng ngũ mình hàng nghìn kỵ binh, có thể được tiếp tê thuốc súng ở Baturin. Karl gửi liên lạc viên tức tốc đến Mazeppa để yêu cầu cho quân Thụy Điển trú đông. Ông nghĩ Mazeppa sẽ nhận lời, vì trong thời gian qua Mazeppa đã chủ động đàm phán bí mật với tướng lĩnh Thụy Điển nhằm tạo liên minh với Karl.

Để có thể nhanh chóng vượt qua Sông Desna đi vào Ukraina, Karl phái Kreutz dẫn một đội tiên phong đi chiếm thị trấn Novgorod-Seversky và cây cầu bắc ngang sông. Kreutz tiến quân ngày và đêm, ngày 22/10 thì đến mục

tiêu, nhưng vẫn quá muộn: quân Nga đã đến trước, và đã phá hủy cây cầu. Đây là lần đầu tiên Nga chiếm thế thượng phong. Họ có tình báo xuất sắc; dường như họ biết Thụy Điển sẽ đi về hướng nào rồi họ đi đến hướng ấy trước. Đây là dấu hiệu dự báo những điều tồi tệ sẽ xảy ra. Nhưng đoàn quân Thụy Điển vẫn tiến bước trong hy vọng và tự tin là sẽ đến "miền đất đầy sữa và mật", là quê hương của Tướng Ivan Mazeppa, Thủ lĩnh bộ tộc Cossack Ukraina.

Suốt hai mùa xuân và hè năm 1708, vị Thủ lĩnh Cossack lâm vào thế tiến thoái lưỡng nan. Là thần dân của Pyotr và bị kẹp giữa các thế lực lớn hơn - Nga phía bắc, Ba Lan phía tây và Tatar phía nam - Mazeppa luôn ấp ủ giấc mơ muôn đời của Cossack là nền độc lập. Ông muốn tránh mọi rủi ro nhưng cũng sẵn lòng nắm bắt tất cả cơ hội. Và bây giờ, với Thụy Điển đang tiến quân và Sa hoàng có vẻ hầu như chắc chắn sẽ thua trận, cơ hội càng lớn hơn là rủi ro. Đối với một Thủ lĩnh Cossack nổi tiếng, đã kinh qua 21 năm cầm đầu đám dân hỗn tạp, đây là thời khắc có tính quyết định trọng đại. Ở tuổi 64, Mazeppa là con người tinh khôn, nhiều tính toán và có mãnh lực thu hút người khác.

Ivan Stepanovich Mazeppa sinh năm 1644, con một nhà quý tộc cấp thấp ở Podolia, phía tây Sông Dniepr lúc ấy nằm trong tay Ba Lan theo Thiên Chúa giáo. Gia đình Mazeppa theo Chính Thống giáo; một thành viên trong gia đình này đã bị Ba Lan thiêu sống nửa thế kỷ trước khi Mazeppa chào đời. Nhưng con đường tiến thủ trong thời gian này là qua các trường Thiên Chúa giáo và triều đình Ba Lan, thế nên Mazeppa theo học ở học viện Dòng Tên dù không bao giờ từ bỏ đức tin Chính Thống giáo.

Khi lớn lên, là một thanh niên đẹp trai và thông minh, ông được nhận làm người giúp việc trong triều đình của Vua Jan Casimir của Ba Lan, nơi

ông thường bị bạn đồng sự Thiên Chúa giáo trêu chọc vì lý do tôn giáo và gốc gác của mình. Một ngày, giận dữ vì bị trêu chọc, ông rút gươm ra. Hành động này trong triều đình là một trọng tội, nhưng xét qua hoàn cảnh nhà Vua giảm tội cho ông. Mazeppa bị phát vãng về quê mẹ ở Volynia. Theo một chuyện kể, ông lọt vào mắt xanh của vợ một nhà quý tộc và bị ông chồng bà này bắt quả tang. Ông bị lột quần áo, thân thể bị trét nhựa đường và cắm lông gà vịt, rồi bị buộc trên lưng một con ngựa cho chạy trong rừng. Khi con vật chạy về đến nhà người chủ của nó, ông đã bị trầy xước đến mức người ta không nhận ra ông là ai. Không thể trở về xã hội Ba Lan sau chuyện nhục nhã này, ông lánh nạn trong bộ tộc Cossack nơi quê nhà mình - là thiên đường cho những kẻ bị ruồng bỏ.

Được vị Thủ lĩnh Cossack thời ấy nhận ra tính thông minh, kiên cường cùng khả năng nói được các thứ tiếng Ba Lan, Latinh, Nga và Đức, ông trở thành trợ lý cho thủ lĩnh này rồi dần dà lên làm chánh văn phòng của bộ tộc Cossack. Khi còn trẻ, ông được cử làm sứ thần tại Nga cho dân Cossack sống bên phần đất Ba Lan, và cũng làm sứ thần đi Constantinople. Trên đường về, ông bị bộ tộc Cossack Zaporozhsky thân Sa hoàng Aleksei bắt, bị đưa về Moskva để thẩm vấn. Người thẩm vấn ông không ai khác là Artamon Matveyev, thủ tướng và bạn của Aleksei. Ông gây ấn tượng nhờ tư tưởng thiên Nga, rồi được diện kiến Sa hoàng Aleksei và được đưa về Ukraina. Dưới chế độ của Sofia, Hoàng thân Vasily Golitsyn tỏ lòng ưu ái Mazeppa, nên khi truất phế Thủ lĩnh Samoyovich đương nhiệm để làm vật tế thần cho thất bại của ông trong chiến dịch Azov, năm 1687 ông chọn Mazeppa lên thay thế.

Nói chung, Mazeppa lãnh đạo một cách khôn khéo: luôn luôn ngả theo phe đang trị vì nước Nga. Tháng 6/1689, được tin Sofia và Pyotr đang tranh

chấp, ông đi Moskva để tỏ ý ủng hộ Sofia và Golitsyn, nhưng khi đến nơi cũng vừa lúc thấy rõ Pyotr đang thắng thế, ông vội đi đến Tu viện Troisky để quy thuận Pyotr. Tư thái của Mazeppa có sức thu hút Pyotr để bỏ qua những lời đồn đại và cáo giác về thủ lĩnh này. Ở Moskva, Mazeppa được xếp hàng đầu trong triều đình, là một trong những người đầu tiên nhận Huân chương Sankt-Andrei[143], và Pyotr cũng dàn xếp với Augustus để trao tặng ông Huân chương Chim ó trắng của Ba Lan.

Dù được Pyotr tin tưởng, song địa vị chính thức của Mazeppa không vững vàng chút nào. Bị giằng co giữa sự bất mãn đối với Sa hoàng và hoàn cảnh lệ thuộc vào Sa hoàng, dân Cossack còn bị chia rẽ giữa một bên là giai cấp tân địa chủ lấp vào khoảng trống của địa chủ Ba Lan đã ra đi, và một bên là người có ác cảm với giai cấp vừa nổi lên đứng ở trên họ. Giai cấp thấp như bộ tộc Cossack Zaporozhsky mong được tự chủ để sống tự do, nhưng giới địa chủ và thương nhân ở Ukraina muốn có sự ổn định để yên ổn làm giàu. Trong khi dân Cossack giản đơn than phiền Thủ lĩnh của họ chỉ là bù nhìn của Sa hoàng, dân Cossack ở đô thị và giai cấp trên trông chờ vào ông và Sa hoàng để duy trì trật tự và sự ổn định.

Do nền giáo dục và lối sống chịu ảnh hưởng Ba Lan, Mazeppa có ý thiên về giới địa chủ mà chính ông cũng là địa chủ. Qua nhiều năm, ông đã thành công trong việc tạo thế cân bằng giữa quyền lợi của Nga và của chính mình. Với địa vị Thủ lĩnh, ông đã tạo dựng được tài sản và uy quyền lớn lao - ông còn muốn chức vụ thủ lĩnh được cha truyền con nối - nhưng trong thâm tâm, Mazeppa có mưu đồ nước đôi. Bề ngoài ông theo chính sách tuân phục Sa hoàng, nhưng lòng vẫn mơ đến nền tự chủ của Ukraina. Việc kết hợp với nước Nga tạo gánh nặng cho Ukraina, nhất là trong những năm chiến tranh: thuế khóa nặng nề, lại thêm pháo đài và quân Nga đồn trú trên

đất Ukraina. Thực phẩm và xe goòng bị trưng dụng một cách độc đoán, được di chuyển khắp vùng thảo nguyên để tiếp tế cho các vị trí đóng quân của Nga. Quan quân triều đình bắt thanh niên địa phương đi làm nghĩa vụ quân sự dù họ muốn hay không. Bộ tộc còn có nhiều lời phản đối rằng người Nga cướp phá nhà cửa, trộm cắp đồ đạc và hãm hiếp phụ nữ Cossack. Mazeppa bị dân Cossack chê trách vì Moskva cứ yêu sách thêm và chiếm đóng thêm đất đai Ukraina. Ông chán ghét vai trò bù nhìn của mình, lại thêm sợ hãi Menshikov, người đã làm nhục ông và theo như tin đồn là muốn lên làm Thủ lĩnh Cossack thay ông. Hơn nữa, Mazeppa có tư tưởng cực kỳ bảo thủ và là tín đồ Chính thống thuần thành, nên không đồng tình với các chính sách thiên Tây Âu của Pyotr. [144]

Tuy nhiên, dù bị giằng co giữa bao thế lực thật sự hoặc tưởng tượng, Mazeppa vẫn bám vào Pyotr. Về lâu dài, nếu ông ủng hộ Sa hoàng thì Sa hoàng cũng ủng hộ ông, và đấy là yếu tố quyết định vận mệnh của một thủ lĩnh Cossack. Vì thế ông đã nhiều lần chứng tỏ sự ủng hộ của mình, như kiềm chế dân Cossack Zaporozhsky trong cuộc nổi loạn của Bulavin. Theo đó, Pyotr càng tin tưởng ông thêm, cho dù thỉnh thoảng nghe tin ông bắt liên lạc với Stanislaus hoặc ngay cả với Karl, Pyotr vẫn cho rằng đấy là do kẻ thù của Mazeppa phao tin đồn nhảm để gây rối.

Những lời cáo giác này là có thật, vì Mazeppa muốn đứng về phe chiến thắng. Nếu Karl đánh vào Moskva và hạ bệ Pyotr, tương lai của dân Cossack và của chính ông sẽ ra sao nếu ông vẫn mãi tuân phục Pyotr? Khi Karl đặt một người khác lên ngai vàng nước Nga giống như đã đặt người khác lên ngôi vua Ba Lan, biết đâu cũng có người thay thế Thủ lĩnh Cossack? Trái lại, nếu Mazeppa kịp thời tuyên bố trung thành với Karl, biết

đâu có khả năng Cossack được tự chủ? Và biết đâu chức vụ thủ lĩnh được cha truyền con nối?

Để tìm hiểu về những khả năng này, Mazeppa bí mật liên lạc với những đối phương của Pyotr trong hơn ba năm. Lúc đầu, khi Stanislaus kêu gọi đến ông thì ông từ chối. Năm 1705, khi một sứ thần Ba Lan đến yết kiến, Mazeppa trói ông này, cho giải đến Pyotr với lời lẽ hoa mỹ:

> Thần, Thủ lĩnh [Cossack] và bề tôi trung thành của Hoàng thượng, qua nghĩa vụ của thần và lòng trung kiên của thần đã được xác định trên Thánh Kinh, như thần đã phục vụ cha và anh của Hoàng thượng, nên bây giờ thần cũng thành tâm phục vụ Hoàng thượng, và đến lúc này thần đã chống lại mọi cám dỗ như một cây cột không thể di chuyển được và như một viên kim cương không thể phá hủy được, thế nên bây giờ thần xin đặt nghĩa vụ thấp hèn của thân dưới chân dâng quân vương.

Ngày nào mà Karl còn ở xa thì ngày ấy lòng trung thành của Mazeppa đối với Pyotr vẫn cứng như kim cương. Nhưng khi đoàn quân bách chiến bách thắng của Karl đang tiến đến, Mazeppa trở nên khích động và bất an. Cũng như ở phần lớn Châu Âu, ông tin rằng Karl có thể đánh bại Pyotr. Tuy thế, nếu ông tuyên bố trung thành với Karl quá sớm, quân Nga có thể tiến xuống Ukraina mà tiêu diệt ông.

Trong mùa xuân 1708, một tấn trò xảy ra khiến cho âm mưu suýt bị phát hiện. Mazeppa là con người đào hoa và cả đời đã nổi tiếng là thích tán tỉnh phụ nữ. Lúc đã 63 tuổi, ông phải lòng đứa con đỡ đầu, một cô gái Cossack xinh đẹp tên là Matrena Kochubey. Cô này đáp lại tình ông mà không đắn đo gì cả. Mazeppa ngỏ lời cầu hôn nhưng cha mẹ cô gái nổi

giận, khiến cho cô trốn đi đến lánh thân ở nhà ông. Mazeppa cho đưa cô trở về với gia đình, nói rằng "mặc dù anh yêu em hơn bất cứ ai khác, nếu có em sống với anh thì đấy sẽ là niềm hạnh phúc vô biên", nhưng không thể được vì giáo hội ngăn cấm và gia đình phản đối. Cha của Matrena giận dữ, cho rằng con gái mình đã thất tiết và làm ô nhục gia đình, nên tìm cách làm hại Mazeppa. Ông nghe rằng vị Thủ lĩnh này đang âm mưu với Thụy Điển và Ba Lan chống lại Pyotr, nên ông phát tán tin tức, khiến cho Pyotr nghe được vào tháng 3/1708. vẫn còn tín nhiệm Mazeppa, Pyotr nổi giận với lời cáo giác của Kochubey mà ông cho là có ác ý và nguy hiểm vì gây hiềm khích ở Ukraina trong khi giặc lấp ló bên ngoài. Ông biên thư cho Mazeppa để trấn an rằng mình không tin lời cáo giác mà nhất quyết xử lý vụ việc. Kochubey bị bắt, bị tra vấn rồi, vì không thể minh chứng lời cáo giác, bị giao cho Mazeppa. Được hoàn toàn nhẹ nhõm - tuy khiến cho cô gái hãi hùng - Mazeppa ra lệnh chặt đầu người cha ngày 14/7/1708.

Chính vào lúc này mà Mazeppa đang đi đến quyết định cuối cùng là về phe với Thụy Điển. Riêng Karl chỉ hứa sẽ không đưa quân vào Ukraina trừ phi bất khả kháng và không sử dụng lãnh thổ Cossack làm bãi chiến trường, nhưng không đả động gì đến quyền tự chủ của người Cossack. Vua Thụy Điển muốn đứng giữa Cossack và Ba Lan, vì Ba Lan còn có ảnh hưởng ở miền tây Ukraina, nên Karl không muốn làm mất lòng một đồng minh khi chiều theo đồng minh kia quá sớm.

Do có thêm lời đồn đại, Pyotr triệu Mazeppa đến để giải trình. Mazeppa viện cớ đang bị bệnh nặng. Để liên lạc viên của Pyotr không nghi ngờ, ông còn giả vờ đang "hấp hối" và cho triệu tu sĩ đến cử hành Phép thánh Cuối cùng. Mục đích ông muốn ở lại là để kéo dài thời gian xem xét tình hình chiến sự. Nếu ông thấy Pyotr có khả năng là người chiến thắng, ông sẽ hủy

bỏ sự cộng tác với Karl. Trong khi chờ đợi, cùng lúc ông gửi hai bức thư: một thư gửi Pyotr cam kết trung thành và xin hỗ trợ chống lại quân xâm lăng Thụy Điển, thư kia gửi Karl tỏ ý quy thuận và xin hỗ trợ chống lại sự áp bức của Sa hoàng.

Quyết định thình lình của Karl trong tháng 9 tiến xuống Ukraina khiến cho Mazeppa bàng hoàng. Vị Thủ lĩnh đã tin - và Karl đã hứa - rằng quân Thụy Điển sẽ đánh thẳng vào Moskva để lật đổ Sa hoàng. Mazeppa bấn loạn vì khi Karl đã vào Ukraina, đã đến lúc ông phải dứt khoát tỏ rõ ngả theo bên nào, và dù cho quyết định ra sao, chiến tranh sẽ diễn ra trên quê hương ông. Hai quân vương đang dẫn đầu hai đoàn quân hùng mạnh cùng tiến về phía ông, và ông đã tuyên bố trung thành với cả hai. Nếu trong thời điểm cuối cùng này ông chọn lầm người, đời ông sẽ tiêu tán.

Trước đấy, vào đầu mùa hè, Pyotr đã ra lệnh cho Mazeppa tổ chức lực lượng Cossack để vượt qua Sông Dniepr đánh tập hậu quân Thụy Điển. Mazeppa đã viện có bị bệnh nặng nên không thể hành quân, và cũng viện lý do không muốn rời xa Ukraina - ông phải giữ chắc Ukraina cho Pyotr. Sa hoàng chấp nhận các lý do này, vì bản thân ông cũng lo Thụy Điển có thể gây ảnh hưởng không tốt lên bộ tộc Cossack luôn thay đổi.

Ngày 13/10/1708, Pyotr lại gọi Mazeppa đến, lần này ở Starodub. Một lần nữa, vị Thủ lĩnh kiếm cớ đang bị bệnh mà thoái thác. Pyotr đồng ý là Mazeppa nên lưu lại Baturin, thủ phủ của Cossack, bởi vì, như ông viết cho Menshikov: “Giá trị lớn lao của ông ấy là ở sự kiểm soát dân của ông, chứ không phải ở chiến trường.”

Nhưng bây giờ có hàng chục nghìn quân mỗi bên đều tiến về nam. Sheremetyev và đại quân Nga cùng tiến song song với Karl, sẵn sàng ngăn chặn đà tiến về phía đông của quân Thụy Điển; xa hơn về phía tây là một

đoàn kỵ binh của Menshikov cũng tiến song song cùng chiều. Vì đoàn kỵ binh này sẽ đi gần đến Baturin và vì Pyotr tin lời nói dối của Mazeppa rằng đang "hấp hối", Sa hoàng ra lệnh cho Menshikov đến gặp Thủ lĩnh và hỏi ý kiến phụ lão Cossack về việc bầu chọn thủ lĩnh mới. Theo lệnh này, Menshikov báo tin cho Mazeppa biết là ông đang đi đến thăm. Khi Mazeppa được biết người mà mình ghét và sợ sẽ đến, ông nghĩ rằng Sa hoàng đã biết ý đồ của mình và rằng Menshikov sẽ đến để giết mình. Mazeppa trở nên bấn loạn.

Khi nhìn lại toàn bộ vụ việc, có lẽ điều khôn ngoan nhất mà Mazeppa nên làm - sau khi đã quyết định ngả theo Karl - là lưu lại Baturin mà chờ cho đến khi Karl dẫn quân đến. Ngay cả khi Menshikov xuất hiện, đoàn kỵ binh của ông này thiếu pháo yểm trợ nên khó làm gì được. Nhưng Mazeppa không biết lực lượng Nga mạnh đến mức nào. Ông chỉ biết rõ về Menshikov và hãi sợ con người này, và càng hãi sợ hơn phản ứng của Pyotr khi biết ông đã phản bội. Nghĩ rằng không thể chơi trò dối trá được nữa, ông cử 3.000 quân trấn giữ Baturin và ra lệnh cho họ không cho phép Menshikov đi vào thị trấn, rồi huy động 2.000 quân khác và dẫn họ chạy về hướng bắc để quy thuận Karl.

Đối với Pyotr, nhờ Menshikov có động thái nhanh nhẹn và quyết đoán mà tình hình được cứu vãn. Vị Hoàng thân đi đến Baturin ngày 26/10 để thấy rằng Thủ lĩnh đã biến mất và những người Cossack còn lại không cho ông dẫn quân vào. Ông cảm thấy ngạc nhiên và nghi hoặc, nên dò hỏi dân chúng quanh vùng và được biết Thủ lĩnh đã dẫn một đoàn kỵ binh đông đảo đi đến điểm vượt qua Sông Desna. Rồi có một nhóm sĩ quan Cossack xác nhận tin báo khi họ yêu cầu Menshikov che chở cho họ để chống lại

Mazeppa, người mà họ nói đã phản bội Sa hoàng mà gia nhập quân Thụy Điển.

Ý thức rằng cần cấp báo ngay cho Pyotr tin tức hệ trọng này, Menshikov để Hoàng thân Golitsyn ở lại với một đội kỵ binh bên ngoài Baturin làm rào cản, rồi phi trở về gặp Sa hoàng lúc này đang đi cùng quân của Sheremetyev. Khi Pyotr nghe tin, ông sững sờ, nhưng không mất tinh thần. Mối nguy hiểm lớn nhát - phải bị ngăn chặn bằng mọi giá - là tin tức Mazeppa đã phản loạn lan đi xa.

Sa hoàng phản ứng một cách mãnh liệt để ngăn chặn phản ứng dây chuyền. Vào đêm nhận được tin Mazeppa đã phản bội, ông lập tức ra lệnh Menshikov dẫn các trung đoàn kỵ binh ngăn chặn sự di chuyển của các bộ tộc Cossack có thể muốn gia nhập quân Thụy Điển. Ngày kế 28/10, ông phát lời hiệu triệu dân Ukraina, thông báo về sự phản loạn của Mazeppa, kêu gọi lòng thành kính đối với Chính Thống giáo của họ, kêu gọi mọi người Cossack ủng hộ một thủ lĩnh mới để đứng đầu họ chống lại quân xâm lược Thụy Điển, và ra các mức thưởng cho người Cossack nếu bắt sống được tù binh Thụy Điển.

Pyotr nhanh chóng vạch phương án đối phó với tình hình quân sự. Rất có thể Karl cũng muốn tiến đến thủ phủ Baturin, nơi tồn trữ nhiều thực phẩm và thuốc súng. Pyotr quyết định phái Menshikov dẫn một lực lượng mạnh - kể cả đại pháo - trở lại chiếm lấy Baturin trước khi quân Thụy Điển và Mazeppa tiến đến. Biết rằng quân Thụy Điển đang chuẩn bị vượt Sông Desna, Pyotr cảm thấy bồn chồn. Trong khi Menshikov đang chuẩn bị đội quân, Sa hoàng luôn hối thúc và đòi hỏi ông này phải cương quyết và không dung thứ.

Cuộc chạy đua đến thủ phủ Baturin bắt đầu.

Trong những ngày cuối tháng 10 này, lúc chuẩn bị vượt Sông Desna, quân Thụy Điển hân hoan chào đón Mazeppa và đám kỵ binh trông lạ lẫm.

Phía Thụy Điển đã mong có nhiều hơn như thế, nhưng được hứa rằng sẽ có thêm một khi họ đến Baturin. Cả sĩ quan và binh sĩ đều phấn khởi với viễn cảnh trú đóng trong một thị trấn đồng minh, có pháo đài bảo vệ, có chỗ nghỉ ngơi, có thực phẩm và thuốc súng dồi dào. Vì thế, cho dù Nga đã chiếm và phá hủy cây cầu Novgorod-Seversky nên quân Thụy Điển phải vượt sông giữa vùng đồng trống trong khi quân Nga dưới quyền Hallart bao quanh, đoàn quân của Karl vẫn cảm thấy phấn khởi. Cuộc vượt sông không phải dễ dàng: Desna là dòng nước chảy xiết, hai bên là bờ vực cao, và đã có những tảng băng trôi vào lúc lập đông.

Ngày 3/11/1708, với Mazeppa bên cạnh, Karl áp dụng chiến thuật tâm đắc của mình. Ông giả tạo ra một cuộc vượt sông ở phía thượng lưu để làm cho quân Nga phân tâm, rồi phóng một mũi dùi tấn công mãnh liệt vào đoạn giữa phòng tuyến của Nga. Buổi chiều ngày ấy, sau khi đã đánh bật một lực lượng Nga quả cảm nhưng ít quân số hơn, Vua Thụy Điển đặt chân lên đất Ukraina. Mục tiêu bây giờ của ông là rõ ràng. Baturin - thủ phủ của người Cossack - nằm về hướng nam, và con đường dẫn đến đấy hoàn toàn rộng mở. Nhưng Karl không hề biết rằng chính vào ngày ông đặt chân lên đất Ukraina, Baturin đã không còn tồn tại.

Menshikov đã thắng trong cuộc chạy đua. Với một lực lượng kỵ binh và bộ binh được cấp thêm ngựa, ông đi đến Baturin ngày 2/11/1708 và thấy dân Cossack đang giằng co giữa lòng trung thành đối với Thủ lĩnh của họ và đối với Sa hoàng. Phản ứng đầu tiên của họ về những yêu sách của Menshikov là để cho họ bầu Thủ lĩnh mới rồi người này sẽ ra lệnh cho họ phải làm gì. Biết rằng quân địch đang đến gần, Menshikov lặp lại yêu sách

cho mình tiến vào thành lập tức. Dân Cossack lại từ chối, nhưng xác nhận rằng họ vẫn còn trung thành với Sa hoàng và sau 3 ngày nữa sẽ cho quân đội của ông vào để họ có thời giờ mà tự do rút đi nơi khác. Menshikov lại bác bỏ, nói rằng nếu binh sĩ trong thành đi ra thì họ sẽ không bị làm hại. Do sức ép phải đi đến quyết định, dân Cossack trở nên cứng rắn và trả lời một cách thách thức: "Tất cả chúng tôi nguyện chết ở đây, nhưng chúng tôi sẽ không cho phép quân đội của Sa hoàng tiến vào."

Bình minh hôm sau, ngày 3/11, quân của Menshikov mở cuộc tấn công, và sau hai giờ chiến đấu, tòa pháo đài đầu hàng (vài nguồn tin nói là do một người Cossack bất mãn mở cửa thành đón quân Nga vào). Sa hoàng đã cho phép Menshikov được tự quyền quyết định phải làm gì đối với thị trấn. Theo những gì ông nhìn thấy, Menshikov không có chọn lựa nào khác. Đại quân Thụy Điển và Mazeppa đang tiến đến; ông không có thời giờ và có quá ít quân nên không thể tổ chức phòng ngự thị trấn; ông cũng không thể để cho Baturin cùng kho thực phẩm và vũ khí lọt vào tay Karl. Vì thế, ông ra lệnh san bằng thị trấn. Quân của ông tàn sát tất cả 7.000 người kể cả binh sĩ và thường dân, trừ 1.000 người cố mở đường máu để thoát ra. Mọi thứ có thể mang theo được phân chia cho quân sĩ, tất cả hàng hóa mà quân Thụy Điển cần đến đều bị phá hủy, và cả thị trấn bị đốt trụi.

Baturin, thành trì lâu đời của dân Cossack, biến mất.

Pyotr tin rằng số phận của Baturin sẽ là một bài học cho những ai mưu đồ phản quốc. Đúng vậy: theo quan điểm của ông, sự phá hủy thị trấn một cách tàn độc đạt hiệu quả. Đây là một cách trừng phạt ác liệt mà dân Cossack thấu hiểu, cho họ thấy uy quyền trừng trị lớn nhất nằm ở đâu. Để hạn chế mầm phản loạn, Pyotr lập tức triệu tập các phụ lão và viên chức của Cossack, chọn Đại tá Skoropadsky, người Cossack ở Starodub, làm thủ lĩnh

thay thế Mazeppa. Ngày kế, Hội đồng Thành phố Kyyiv và hai tổng giám mục đến. Trong nghi thức tôn giáo long trọng, họ khai trừ Mazeppa và tuyên cáo trục xuất ông khỏi giáo hội. Nghi lễ trục xuất tương tự cũng được cử hành ở Moskva và tất cả nhà thờ của Nga và Ukraina, cùng lời tuyên cáo sẽ trừng phạt theo cách tương tự đối với mọi kẻ phản bội Sa hoàng.

Thế là, Pyotr đã dập tắt ngọn lửa nổi loạn của Mazeppa trước khi nó có thể lan ra. Từ đây về sau, thay vì Mazeppa lãnh đạo toàn Ukraina ngả về phía Karl, chỉ có một nhóm nhỏ đi theo ông và đa số còn lại vẫn trung thành với Sa hoàng. Lời hứa của Karl sẽ bảo vệ dân Cossack không có mấy hiệu quả. Dân Ukraina đứng sau lưng Sa hoàng và tân Thủ lĩnh của họ, cất giấu ngựa và đồ tiếp liệu, và bắt giữ các binh sĩ Thụy Điển đi lẻ loi để lãnh thưởng.

Quân Thụy Điển thiếu hụt thực phẩm và thuốc súng một cách trầm trọng, sau khi đã mất đoàn xe goòng của Lewenhaupt và không hưởng được gì ở Baturin. Đi sâu vào lãnh thổ Nga, Karl bây giờ không có cách nào để bổ sung lượng thuốc súng nhỏ nhoi. Tệ hại hơn nữa là Thụy Điển mất cả hy vọng về một cuộc nổi loạn ở Ukraina chống Sa hoàng. Thay vì tìm được nơi dưỡng quân trong vùng đất an toàn, đoàn quân xâm lược giờ bị những đám kỵ binh rình rập để giết chóc và đốt phá họ.

Mazeppa bị ảnh hưởng nặng nề từ các diễn biến. Thay vì gia nhập phe chiến thắng, ông đã chọn lựa theo hướng thân bại danh liệt. Ông đã thấy thủ phủ của ông bị san bằng, tước hiệu của ông bị hủy bỏ, người của ông từ bỏ ông. Ban đầu, ông nói với Karl rằng sự tàn bạo của Menshikov chỉ làm cho dân Cossack nổi giận, nhưng điều này là ảo tưởng, và trong một loáng vị Thủ lĩnh tự hào của Cossack chỉ còn là một ông già chiến bại, không khác gì một kẻ đào tẩu được quân đội Thụy Điển bảo vệ. Karl bây giờ là hy vọng

duy nhất của Mazeppa - nếu vị Vua Thụy Điển chỉ cần có chiến thắng quyết định và truất phế Pyotr, ông sẽ được phục hồi địa vị. Cho đến cuối đời, ông vẫn ở trong doanh trại của Karl. Ông không còn là đồng minh hữu dụng, nhưng Karl vẫn đối xử tốt với ông vì ông đã chấp nhận tất cả rủi ro. Karl cũng ưa thích tính khí hóm hỉnh và hoạt bát của Mazeppa, tuy đã lớn tuổi nhưng vẫn còn sức sống, và nói lưu loát tiếng Latinh như nhà Vua. Trong suốt thời gian còn lại của chiến dịch, sự sắc sảo và hiểu biết tường tận về quê hương mình khiến ông trở thành một cố vấn và hướng dẫn viên hữu ích. Ông và mấy nghìn kỵ binh luôn trung thành với Karl, vì biết rõ những gì sẽ xảy ra với họ nếu rơi vào tay Nga. Nhưng có chứng cứ cho thấy ông không bao giờ từ bỏ mưu đồ. Một sĩ quan đã đi theo Mazeppa trở lại với Pyotr và mang theo lời nhắn là vị Thủ lĩnh đề nghị sẽ mang Karl giao nộp cho Pyotr nếu Sa hoàng đồng ý ân xá và phục hồi địa vị cho ông. Pyotr nhờ người đưa tin mang về câu trả lời một cách thuận lợi, nhưng sau đấy không còn nghe tin tức gì khác.

143. Mazeppa là người thứ hai nhận Huân chương Sankt-Andrei cao quý nhất của Nga. (ND)

144. Theo Jacob Abbott (sách đã dẫn, trang 414), nguyên do nỗi bất mãn của Mazeppa đối với Pyotr là như sau: Một ngày nọ, khi tiếp kiến Mazeppa, Pyotr than phiền về tính cách vô kỷ luật của dân Cossack, và đề nghị Mazeppa phải cải tổ cơ cấu tổ chức và lề luật trong bộ tộc ông này, nhằm đưa họ vào khuôn phép để dễ kiểm soát. Có lẽ những cải tổ mà Pyotr đề cập tương tự với cách ông đã thực hiện với quân đội Nga. Mazeppa chống đối đề nghị đó, nói rằng phương cách như thế sẽ không bao giờ thành công do bản chất của người Cossack muốn sống theo cách hoang dã tự nhiên lâu đời, nên không thể khép họ vào quy chế kỷ luật như trong quân đội. Vốn không bao giờ chấp nhận sự chống đối hoặc đi ngược lại ý mình, Pyotr trở nên giận dữ với Mazeppa, và cũng giống như những trường hợp khác, ông cất cao giọng la lối. Ông gọi Mazeppa là kẻ thù và kẻ phản bội, và dọa sẽ trừng phạt ông này. Sự thật là Pyotr không có ý định làm thế; ngôn từ của ông chỉ bộc phát từ cơn giận dữ. Nhưng Mazeppa cảm thấy bị xúc phạm nặng. Ông vừa bước ra khỏi lều của Sa hoàng vừa bất mãn càu nhàu, tự nhủ sẽ rửa hận. (ND)

35 MÙA ĐÔNG KHẮC NGHIỆT NHẤT TRONG KÝ ỨC

Ngày 11/11/1708, Karl XII và đội tiên phong tiến vào Baturin. Thị trấn vẫn còn ngút khói, không khí nồng nặc mùi xác chết bị cháy không hết Theo lời tham mưu của con người khốn khổ Mazeppa, quân Thụy Điển tiếp tục di chuyển về nam hướng đến Romny, ở một huyện nằm giữa Kyyiv và Kharkov có nhiều đồng cỏ phì nhiêu và cánh đồng ngũ cốc cùng nhiều đàn gia súc. Bây giờ, khi mùa đông sắp đến, các kho vựa chứa đầy bắp, thuốc lá, cừu và bò, bánh mỳ, bia, mật ong, cỏ khô và lúa mạch. Ở đây, rốt cuộc tất cả người và ngựa có thể ăn uống tùy thích. Quân Thụy Điển phân tán thành từng đại đội và trung đội trên một vùng đất rộng bao bọc các thị trấn Romny, Pryluky, Lokhvitsa và Gadyach, cư ngụ trong các ngôi nhà và túp lều tản mác. Dù bị cô lập sâu trong Ukraina, xa cách Thụy Điển và Tây Âu, ở đây họ tin rằng mình được an toàn và có thể nghi ngơi.

Trong lúc ấy, song song với quân Thụy Điển nhưng cách xa dăm bảy kilômét về hướng đông, Pyotr và Sheremetyev cùng với đại quân cũng tiến về nam, luôn luôn chặn đường họ đến Moskva giờ đã cách xa hơn 640 kilômét. Khi quân Thụy Điển sắp xếp để trú đông, Pyotr đưa tổng hành dinh

của mình vào trú đông ở thị trấn Lebedin, phân tán lực lượng Nga thành một đường vòng cung từ tây bắc đến đông nam, trấn giữ các thị trấn Putivl, Sumy và Labedin, án ngữ con đường Kursk-Orel dẫn đến Moskva. Để ngăn chặn Thụy Điển đánh về đông đến Kharkov hoặc về tây đến Kyyiv, Pyotr đặt quân bố phòng trong các thị trấn và làng mạc về phía đông, nam và tây của các doanh trại Thụy Điển. Một trong những thị trấn này có tên là Pultowa.

Các cuộc chạm trán vẫn tiếp diễn, nhưng càng ngày chiến thuật của hai bên càng đảo ngược. Vốn bình thường thích hành quân tấn công trong mùa đông, bây giờ Karl ở vào thế phòng thủ, trong khi quân tuần tiễu của Nga liên tục quấy rối và khiêu khích xung quanh khu vực đóng quân của Thụy Điển. Mục đích của Pyotr không phải là trận đánh toàn diện mà chỉ duy trì sức ép, để đốn tỉa binh sĩ Thụy Điển cô lập, để tiêu hao họ, làm cho họ cùn nhụt và mất tinh thần trước khi mùa xuân đến. Pyotr hiểu rằng thời gian càng kéo dài, ông càng được lợi.

Vì thế Sa hoàng áp dụng chiến thuật mới nhằm làm cho địch quân bị xáo trộn, không được nghỉ ngơi và ít có cơ hội cởi đôi giày bốt ra để mà ngủ êm thấm trên giường. Mùa đông này lạnh hơn bình thường; quân kỵ Nga có thể chạy trên mặt sông suối một cách dễ dàng ở bất cứ nơi nào. Vì tính cơ động mới này, các trung đoàn Thụy Điển thấy khó mà phòng thủ xung quanh các doanh trại của họ. Quân Nga cũng khiến cho bên Thụy Điển mất ổn định bằng một loạt những cuộc tấn công nghi binh. Chiến thuật của Pyotr là phái một lực lượng khá hùng hậu tiến gần doanh trại của Thụy Điển để nhử Karl huy động quân ra ngoài tiếp chiến, rồi bên Nga rút lui. Việc này xảy ra ngày 24/11/1708 ở Smeloye, khi quân của Karl được huy động ở thế sẵn sàng để chiến đấu, nhưng chỉ nhìn thấy quân Nga đang biến

mất trước mắt họ. Vị Vua điên tiết cho phép đám binh sĩ đang nhụt chí cướp phá rồi thiêu rụi thị trấn.

Khi quân Nga càng kiên trì, Karl càng giận dữ, và trong sự nôn nóng muốn đánh một trận lớn để chấm dứt sự quấy nhiễu của quân Nga, ông đã rơi vào cái bẫy do Pyotr giăng ra. Ba trung đoàn Thụy Điển trú đóng cùng với quân Cossack của Mazeppa ở thị trấn Gadyach, khoảng 55 kilômét cách Romny về phía đông. Ngày 7/12, Pyotr điều một lực lượng lớn làm như thế muốn tấn công Gadyach. Cùng lúc, ông phái Hallart dẫn một đội quân khác đi đến Romny để chiếm thị trấn này nếu quân Thụy Điển đi ra để tiếp ứng cho Gadyach. Mục tiêu của ông là buộc Thụy Điển phải rời bỏ doanh trại ấm cúng của họ mà đi ra ngoài đồng không buốt giá, rồi chiếm lấy Romny từ tay họ.

Khi Karl nghe tin quân Nga đang bao vây vùng ngoại ô của Gadyach, bản năng chiến đấu của ông lập tức nổi dậy. Các tướng lĩnh khuyên ông không nên đi mà chỉ để quân trú phòng Gadyach đẩy lui quân Nga, nhưng ông không nghe. Cho dù trời lạnh cắt da, ngày 19/12 Karl ra lệnh cả đoàn quân lên đường. Chính ông đi trước cùng với lực lượng Cảnh vệ, hy vọng sẽ bất ngờ tấn công quân Nga giống như ở Narva. Khi biết Karl đã lên đường, Pyotr ra lệnh quân Nga giữ vững vị trí, chờ cho đến khi đội tiên phong của Thụy Điển chỉ còn cách 800 mét rồi rút về tổng hành dinh của Sa hoàng. Cùng lúc, khi quân Thụy Điển đã đi khỏi, quân của Hallart tràn vào Romny, chiếm lấy một cách dễ dàng đúng như Pyotr đã dự liệu.

Bây giờ, đúng như Pyotr đã hy vọng, với đại quân Thụy Điển trải rộng trên con đường giữa Romny và Gadyach, một kẻ thù còn tệ hại hơn cả Nga ụp xuống Karl và binh sĩ của ông. Trên toàn Châu Âu, mùa đông năm ấy khắc nghiệt nhất trong ký ức. Ở Thụy Điển và Na Uy, nai sừng tấm và tuần

lộc chết cóng trong rừng. Biển Baltic bị bóp nghẹt vì thường đóng băng cứng, và xe goòng chất hàng nặng chạy trên mặt biển từ Đan Mạch thẳng đến Thụy Điển. Các kênh của Venice, châu thổ Sông Tagus ở Bồ Đào Nha, ngay cả Sông Rhone cũng có lớp băng bao phủ. Sông Seine ở Paris đóng băng cứng đến mức ngựa và xe goòng có thể chạy qua được. Ngay cả các vịnh dọc Đại Tây Dương đều đóng băng. Thỏ rừng chết trong hang, sóc và chim chết lạnh rơi từ trên cây xuống đất, gia súc chết cứng trên cánh đồng. Trong Cung điện Versailles, rượu vang dưới hầm đóng băng và trên bàn tiệc phủ một lớp băng mỏng. Trên vùng Ukraina trống không, gió thổi mạnh không có gì che chắn, cái lạnh còn buốt giá hơn. Qua địa ngục giá lạnh này, đoàn quân Thụy Điển với binh phục tả tơi đi giải cứu một thị trấn không còn bị đe dọa gì cả.

Cuộc hành quân không tác dụng còn chịu một số phận thảm thương khác ở Gadyach. Quân Thụy Điển lê bước đến vào buổi tối hy vọng tìm được chỗ nghỉ ngơi ấm áp. Nhưng họ thấy chỉ có một cổng vào duy nhất, và cổng lại quá hẹp, chẳng bao lâu bị ách tắc vì đám đông người, ngựa và xe goòng. Phần lớn binh sĩ phải cắm lều giữa đồng trống bên ngoài thị trấn trong đêm đầu, một số người tiếp tục đến hai hoặc ba đêm. Nỗi thống khổ thật khủng khiếp. Lính canh bị chết cóng ngay nơi đứng canh gác. Nhiều người bị mát sống mũi, vành tai, ngón tay hoặc ngón chân do hoại tử khi bị tê cóng. Từng hàng dài xe trượt tuyết và xe goòng chở người bị lạnh cóng, có người đã chết, từ từ chen chúc bò qua cánh cổng để vào bên trong thị trấn. Một sĩ quan Thụy Điển trẻ viết:

> Thời tiết lạnh không thể tả được. Vài trăm binh sĩ trong trung đoàn bị thương vì bộ phận sinh dục bị cóng lạnh hoặc bị mất bàn chân, bàn tay,

mũi, không kể chín mươi người tê cóng đến chết. Chính mắt tôi thấy những lính kỵ binh ngồi trên lưng ngựa bị chét cóng, tay vẫn còn nắm sợi dây cương chặt đến nỗi phải cắt những ngón tay họ mới đưa họ xuống được.

Bên trong thị trấn, mỗi ngôi nhà trở thành một bệnh viện. Các nạn nhân nằm sắp lớp trên băng ghế gần một ngọn lửa hoặc nằm kê bên nhau trên sàn nhà lót một lớp rơm rạ. Giữa mùi hôi thối của các phần cơ thế bị hoại tử, quân y sĩ ra sức làm việc, cắt đứt một cách thô bạo những chân tay đã bị tê cóng, chất thêm vào đống những ngón tay, bàn tay cùng những bộ phận cơ thể khác vương vãi trên sàn nhà. Trên 3.000 quân Thụy Điển bị chết vì cóng; ít ai thoát khỏi thương tích. Vì thiếu hiểu biết, phần lớn không muốn dùng tuyết để chà xát phần cơ thể bị cóng lạnh như cách người Cossack áp dụng. Chính Karl cũng bị cóng lạnh ở đầu mũi và hai bên má, da mặt ông trắng bệch, nhưng ông vội làm theo lời khuyên của Mazeppa mà hồi sức bằng cách lấy tuyết chà xát lên mặt mình.

Thời tiết trở lạnh đến đỉnh điểm vào ngày Giáng sinh, thường là dịp lễ hội theo lịch giáo hội của Thụy Điển. Trong những ngày này, Karl đi từ trung đoàn này qua trung đoàn khác, kiểm qua binh sĩ túm tụm nhau từng nhóm 20-30 người trong những gian phòng nhỏ. Tất cả nghi lễ tôn giáo đều được hủy bỏ để quân sĩ không phải tụ tập ngoài trời. Thay vào đấy, từng nhóm nhỏ cử hành lễ cầu nguyện đơn giản mỗi buổi sáng và chiều dưới sự dẫn dắt của một binh sĩ. Hai ngày sau Giáng sinh, trời trở lạnh nhất, rồi ấm lên một ít; đến ngày 30/12 binh sĩ bắt đầu đi ra ngoài. Karl tự an ủi rằng nếu thời tiết có khắc nghiệt với quân của mình thì cũng khắc nghiệt như thế với

quân của Pyotr. Thật ra, dù quân Nga cũng khốn khổ, họ được mặc quần áo ấm hơn và chịu tổn thất nhẹ hơn.

Điều kỳ lạ là, dù cho bao khổ sở và tổn thất, Karl vẫn không thể chế ngự nỗi nôn nóng muốn tấn công vốn đã khiến cho đoàn quân bị cuốn đến Gadyach. Ông điên tiết vì Hallart đã chiếm Romny từ tay ông và ông muốn nắm lại thế chủ động. Trên đỉnh một ngọn đồi chỉ cách Gadyach 12 kilômét là một ngôi làng nhỏ được bố phòng của Cossack gọi là Veprik. Karl không thích có một vị trí quân Nga ở gần như thế nên quyết định tiến chiếm. Nhưng Pyotr đã điều 1.000 quân Nga cùng vài trăm quân Cossack đến phòng ngự Veprik, tất cả dưới quyền chỉ huy của một sĩ quan người Anh trong quân đội của Pyotr. Viên sĩ quan năng động này đã gia cố thành trì của ngôi làng bằng cách chất những giỏ đất lên. Mọi mặt tường thành được tưới nước cho đóng băng để địch quân khó bám. Vì được chuẩn bị như thế ngày 7/1/1709 viên sĩ quan người Anh không hề nao núng khi Karl dẫn quân đến và ra lệnh đầu hàng. Khi Karl hăm dọa sẽ treo cổ tất cả quân phòng ngự, vị chỉ huy trầm tĩnh từ chối, và còn chuẩn bị quân của ông để sẵn sàng tiếp chiến. Biết rằng sĩ quan Thụy Điển thường dẫn đầu, ông ra lệnh cho binh sĩ dưới quyền nhắm bắn, đặc biệt những người Thụy Điển nào xông đến trước.

Lực lượng tấn công của Karl có 6 tiểu đoàn bộ binh và 2 trung đoàn kỵ binh đều bị thiếu hụt quân số tất cả gồm 3.000 quân cho một cuộc hãm thành dường như là đơn giản. Karl dự định sử dụng pháo để bắn phá tường thanh rồi xua ba cánh bộ binh qua tường thành mà tràn ngập bên trong ngôi làng. Quân Thụy Điển khởi đầu cuộc tấn công với đầy quyết tâm. Dưới tiếng gầm rú của đại bác, ba cánh quân mang theo thang leo tiến đến chân thành. Nhưng pháo binh đã thất bại. Có quá ít đạn pháo, và việc bắn phá

quá rời rạc. Quân trú phòng có thể trụ vững trên mặt thành mà bắn hạ nhiều binh sĩ Thụy Điển đang vác thang trước khi đến được chân thành. Khi số thang còn lại được đặt đúng vị trí và bộ binh Thụy Điển leo lên, họ thấy mặt thành quá trơn và thang thì quá ngắn. Các tay thiện xạ Nga và Cossack chĩa súng qua mặt thành nhắm bắn những sĩ quan Thụy Điển trước. Các binh sĩ Nga khác ném gỗ, đổ nước sôi và ngay cả cháo nóng xuống quân công hãm.

Dù cho xác của quân Thụy Điển đang chồng chất ở chân thành, Karl không muốn chấp nhận là cái "xó tồi tàn" này lại có thể chống chọi được quân của ông. Một lần nữa, đợt tấn công khác được mở ra, và một lần nữa Thụy Điển bị đánh bật lại với nhiều tổn thất. Rehnskiöld chiến đấu giữa đoàn quân và bị một vết thương mà ông không bao giờ hồi phục hẳn. Nhưng khi màn đêm buông xuống, tòa pháo đài vẫn đứng vững. May mắn cho Karl, vị chỉ huy quân phòng ngự không biết được bên Thụy Điển đã bị tổn thất đến mức nào và, e rằng quân dưới quyền không thể chống trả đợt tấn cống thứ ba, nên đã xin đầu hàng trong danh dự. Karl đồng ý, và đội quân trú phòng 1.500 người đi ra ngoài mang theo 4 khẩu đại pháo để đầu hàng. Nhưng quân của Karl chịu tổn thất nặng: 400 tử trận và 800 bị thương - hơn một phần ba số quân tấn công và là một sự hoang phí với cấp số ngày càng hao hụt của Thụy Điển.

Họ đã chiếm được ngôi làng, nhưng không đạt được lợi ích gì quan trọng.

Trong hai tháng 1-2/1709, quân Thụy Điển lại di chuyển. Karl mở cuộc tấn công nhỏ, hướng về phía đông qua những dòng suối đóng băng và đồng tuyết không dấu chân người. Pyotr theo dõi mà cảm thấy lo lắng: Kharkov - thành phố có vị trí chiến lược quan trọng của vùng đông Ukraina - cách đội tiên phong của Thụy Điển không đầy 160 kilômét. Còn tệ hại hơn nữa theo

cảm nghĩ của Pyotr, Vua Thụy Điển có thể tiến đến các xưởng đóng tàu quý giá ở Voronezh bên Sông Don. Để bảo vệ vị trí này vốn đã tốn nhiều công sức để gây dựng, có thể cần phải chịu hy sinh, thậm chí một trận đánh lớn cũng đáng. Vì thế, khi quân Thụy Điển chuyển động quanh cạnh sườn phía nam quân Nga, Sheremetyev cũng dẫn đại quân đi về nam. Ông luôn bố trí đội hình song song với quân Thụy Điển để che chắn cho các xưởng đóng tàu. Cùng lúc, Menshikov và số lớn kỵ binh luồn xuống phía nam của hướng Thụy Điển tiến quân, che chắn giữa Karl và Sông Vorskla để sẵn sàng ngăn cản quân địch vượt sông.

Ngày 29/1/1709, Karl bất ngờ tấn công Menshikov. Vị Hoàng thân vừa ăn xong bữa tối ở Oposhnya bên bờ Sông Vorskla, thình lình tiếng báo động vang lên, rồi Karl xông đến cùng với 5 trung đoàn kỵ binh. Đấy là chiến thuật tâm đắc của nhà Vua, giống như trận đánh ở cầu Grodno năm trước. Menshikov chạy thoát được, nhưng 7 trung đoàn kỵ binh của ông bị đánh đuổi khỏi thị trấn và bị truy kích cho đến khi quân Thụy Điển phải dừng lại vì gặp tuyết quá dày. Khi Karl ra lệnh thu quân, ông đã gây cho bên Nga 400 thương vong nhưng chỉ có 2 binh sĩ của ông tử trận.

Suốt cuộc tiến công, Karl tàn phá khắp nơi. Ông áp dụng cùng chiến thuật mà Pyotr đã dạy cho ông: tàn phá một hành lang để quân địch phải vất vả nếu muốn vượt qua. Ngày 13/2, Karl đi đến Kolomak nằm trên bờ con sông cùng tên. Đây là điểm mà quân Thụy Điển xâm nhập sâu nhất vào đất Nga theo hướng đông. Tuy nhiên, chính vào lúc này, cuộc tấn công kéo dài một tháng của Karl bị dừng lại vì một yêu tố mới: thời tiết giá lạnh thình lình nhường chỗ cho đợt băng tan. Những cơn mưa như trút nước khiến cho tuyết tan nhanh chóng. Sông suối đều đầy nước, quân Thụy Điển bị dìm

trong bùn lầy, nước và tuyết tan tràn vào giày ống của họ. Cuộc hành quân bị tê liệt; Karl đành phải ra lệnh lui quân.

Vào giữa tháng 3, băng đã tan hết, mặt đất đã khô cứng, người ngựa có thể qua lại được. Quân Thụy Điển với tất cả hàng hậu cần và đa số quân Cossack di chuyển xa hơn về nam để đến những vị trí mới giữa hai con sông Psyol và Vorskla - cả hai đều là nhánh của Sông Dniepr. Nơi đây, các trung đoàn đóng dọc theo phòng tuyến dài hơn 70 kilômét chạy từ bắc xuống nam. Gần đầu phía nam là thị trấn Pultowa, lúc ấy vẫn còn một đội quân Nga hùng hậu trấn giữ. Trong vùng tương đối không có dân cư này, quân Thụy Điển chờ đợi qua tháng 3 và tháng 4. Sau lưng họ về phía bắc, vùng đất của sữa và mật ngọt giờ đã bị thiêu rụi.

Tình hình của đoàn quân Thụy Điển đã đến mức báo động. Số thương vong lên cao do giá lạnh, bệnh sốt và chinh chiến; giày bị mòn, quân phục rách tả tơi. Còn đủ lương thực, nhưng pháo binh chỉ còn 34 đại bác, thuốc súng thì bị ẩm ướt.

Tuy nhiên, Karl nhất quyết không muốn để ý đến những vấn nạn này. Ông vẫn tỏ ra tích cực, vẫn muốn vực dậy tinh thần binh sĩ và khuyến khích tính lạc quan của họ. Một binh sĩ Thụy Điển bị thương vì mất vài ngón chân và cả hai gót chân, đang nằm dưỡng thương trên một chiếc xe goòng, kể lại:

> Tôi thấy Nhà Vua Karl XII ở cách tôi một khoảng cùng với chừng 50 kỵ binh, và vì tôi đang nằm chỉ với một chiếc áo lót… tôi nghĩ không lịch sự mà diện kiến nhà Vua như thế này. Do đó, tôi quay lưng lại và giả vờ đang ngủ. Nhưng nhà Vua tiếp tục tiến đến hàng xe goòng, cuối cùng đến bên tôi và hỏi tôi là ai. Ông đại tá trả lời… Rồi nhà Vua tiến đến người giữ ngựa, hỏi: "Anh ấy đang ngủ phải không?" Người giữ

ngựa trả lời: “Tôi không biết. Mới lúc nãy anh ấy còn thức”… Tôi nghĩ quay lưng về phía ông thì không đúng phép tắc, nên tôi quay lại. Ông hỏi tôi: “Anh thấy thế nào?” Tôi đáp: “Thưa Hoàng thượng, tôi khá đau, vì tôi không thể đứng dậy được trên chân nào cả”… Rồi quay lại đại tá, nhà Vua hỏi: “Bác sĩ nói thế nào?” Đại tá nói: “Ông ấy tin là có thể làm gì đấy cho cái chân.” Nhà Vua hỏi: “Có lẽ anh ấy sẽ lại chạy được chứ?” Đại tá nói: “Anh ấy nên cảm ơn Thượng Đế nếu còn đi được; anh ta không nên nghĩ đến việc chạy.” Và rồi nhà Vua phi ngựa đi, ông nói với đại tá câu gì đấy; sau đó ông này cho tôi biết nhà Vua nói: “Tội nghiệp cậu ta, vì cậu ta còn trẻ như thế.”

Lúc bây giờ, chính Karl XII chỉ mới được 26 tuổi.

Tình hình tồi tệ và vị trí trống trải của quân Thụy Điển khiến Bá tước Piper và các sĩ quan của Karl đi đến một kết luận duy nhất: nhà Vua nên rút khỏi Ukraina, xin Stanislaus và Krassov ở Ba Lan gửi quân tăng viện. Sau đấy, nhà Vua có thể mở lại chiến dịch đánh Nga, tuy nhiều người tự hỏi liệu cứ mãi truy bắt vị Sa hoàng luôn lẩn trốn và tỏ ra nguy hiểm có bao giờ mang đến chiến thắng quyết định hay không.

Karl khăng khăng từ chối bãi bỏ chiến dịch và rút lui, nói rằng làm như thế giống như trốn chạy và chỉ khiến cho Pyotr trở nên táo tợn hơn. Thay vào đấy, ông nói với các sĩ quan của mình đang mất nhuệ khí rằng ông sẽ trụ lại mà đánh tiếp tay đôi với Sa hoàng. Ông nhìn nhận rằng Thụy Điển giờ không còn đủ lực lượng để tiến đến Moskva cho dù có đội quân của Mazeppa. Vì thế, trong khi vẫn trấn giữ vị trí tiền phương, ông đã kêu gọi quân tăng viện.

Vào tháng 12 trước, Karl đã ra lệnh cho Krassov hợp lực với quân Ba Lan của Stanislaus rồi kéo đến Ukraina để tụ hội với đại quân. Hơn nữa, ông hy vọng sẽ lôi kéo được dân Mossack Ukraina về phe mình. Mazeppa đã cam đoan với ông rằng bộ tộc này sẽ tình nguyện gia nhập một khi quân Thụy Điển tiến đến gần để che chở họ chống lại sự trừng phạt của Sa hoàng. Cuối cùng, là giấc mơ lớn nhất: Karl mong sẽ thuyết phục được người Tatar Crimea - và có lẽ cả Đế quốc Ottman - phá vỡ hiệp ước ký năm 1700 và gia nhập với ông. Chỉ huy đoàn quân hỗn hợp hùng mạnh này với quân Thụy Điển là thành phần chủ chốt, ông sẽ đi đánh Moskva. Lúc ấy, với sự hiện diện của ông ở Kremlin, lãnh thổ Nga sẽ bị phân chia cho các bên tham gia - Thụy Điển, Cossack, Tatar và Ottoman. Nhưng chỉ có thể làm được điều này nếu đoàn quân hiện hữu lưu lại để tạo thành lực lượng nòng cốt cho chiến dịch kế tiếp.

Theo Mazeppa, đồng minh ở gần nhất là dân Cossack Zaporozhsky, bộ tộc hoang dã sống trên 13 hòn đảo được phòng ngự phía dưới các ghềnh thác của Sông Dniepr. Họ không tuân phục ai cả mà chỉ nghe theo lệnh của Thủ lĩnh Konstantin Gordeenko. Trong số các bộ tộc Cossack, họ nổi tiếng là những chiến binh dữ dằn nhất. Khi người Tatar và Thổ xâm phạm đồng cỏ thả gia súc và xây pháo đài ven sông để chặn tàu thuyền của họ thì họ đánh người Tatar và Thổ. Nhưng bây giờ quân Nga kéo đến hạn chế sự tự do của họ, họ quay sang chống Nga. Sự hiện diện của quân Thụy Điển càng khiến cho họ cảm thấy an toàn mà chống đối Nga một cách công khai. Vì thế Mazeppa đã thương thảo với Gordeenko.

Ngày 28/3/1709, Gordeenko dẫn 6.000 quân gia nhập Thụy Điển, rồi chứng tỏ lòng trung thành bằng cách tấn công một lực lượng nhỏ của Nga phòng thủ thị trấn Perevoluchna, một giao lộ quan trọng nơi Sông Vorskla

đổ vào Sông Dniepr. Khi đã chiếm được Perevoluchna, dân Cossack Zaporozhsky điều cả đội thuyền của họ từ miền bắc xuống neo dọc bờ sông. Các thuyền này có khả năng chở mỗi chuyến 3.000 người qua sông, đối với Karl đó là phần đóng góp còn quan trọng hơn là có thêm kỵ binh, bởi vì Sông Dniepr khá rộng và nước chảy xiết, không có cầu, và chỉ loại thuyền như thế mới có thể chở quân của Krassov và Stanislaus qua sông khi họ đến đây.

Ngày 30/3, Gordeenko đi đến tổng hành dinh của Karl để chính thức đàm phán các điều kiện với Vua Thụy Điển. Cả ba người: Karl, Mazeppa và Gordeenko cùng ký một hiệp ước, quy định khi đã đánh thắng Nga, Vua Thụy Điển sẽ đảm bảo quyền độc lập của hai nhóm Cossack Ukraina và Zaporozhsky. Karl cũng hứa sẽ rút quân Thụy Điển ra khỏi Ukraina mà không sử dụng vùng này làm bãi chiến trường một khi có đủ điều kiện về quân sự. Đổi lại, hai Thủ lĩnh Cossack cam kết sẽ kêu gọi dân của họ hợp lực với Karl để cùng đánh Nga. Rốt cuộc, họ đã mang đến thêm 15.000 người Cossack không được vũ trang gia nhập doanh trại Thụy Điển, nhưng vì cả Karl lẫn hai Thủ lĩnh không có dư vũ khí, sự hiện diện của họ không đóng góp gì thêm vào tiềm lực chiến đấu của liên minh. Họ cũng không hợp với bản chất khắt khe của Karl vì đã mang theo phụ nữ vào hàng quân, và chẳng bao lâu các doanh trại của Thụy Điển có đầy "phụ nữ hư hỏng và phóng đãng" của dân Cossack Zaporozhsky.

Tệ hại hơn cho Karl là động thái bất ngờ tài ba của Pyotr, xóa sạch lợi thế của liên minh trong vòng hai tuần sau khi ba bên ký kết. Pyotr đã biết rõ mối nguy hiểm nếu Gordeenko phản loạn và không bao giờ tin tưởng Thủ lĩnh này. Theo đấy, ông ra lệnh cho Đại tá Yakovlev dẫn 2.000 quân Nga đi trên sà lan xuôi dòng đến Perevoluchna và Zaporozhe Sech. Trong khi

Gordeenko dẫn lực lượng đến đàm phán với Karl, Yakovlev tấn công Perevoluchna, tiêu diệt quân Cossack còn lại ở đây. Ít tuần sau, ông đến tấn công căn cứ trên đảo của quân Cossack Zaporozhsky, san bằng thị trấn, bắn hạ nhiều người Cossack, bắt một số tù binh rồi xử tử do tội phản quốc.

Chiến thắng này có nhiều hiệu quả quan trọng. Sức mạnh của dân Cossack, một thời được kiêng dè, bị suy giảm. Và cũng giống như trường hợp của Baturin, Sa hoàng đã cho thấy cái giá khủng khiếp phải trả nếu liên minh với kẻ thù của Nga. Việc này khiến cho không những bộ tộc Cossack còn lại phải im hơi lặng tiếng, mà dân sống trong các vùng biên giới phải lấy đó mà làm gương. Sau cùng, chiến thắng có giá trị quân sự đáng kể. Sau khi chiếm được Perevoluchna và Sech, đội quân của Yakovlev đốt tất cả tàu thuyền của Cossack ra tro. Trong một loáng, toàn bộ phương tiện vượt qua Sông Dniepr của Karl bị thiêu hủy.

Ngay cả việc mất tàu thuyền và không có binh sĩ Cossack tăng viện không phải là vấn đề đối với Karl, nếu ông đạt được thỏa thuận liên minh với Hãn vương Devlet Gerey của người Tatar ở Crimea. Trong chín năm, vị Hãn vương phải chịu ép mình vì Hiệp ước 1700 mà Sa hoàng ký với Hoàng để Ottoman, người bảo trợ của Tatar Crimea. Nhưng Devlet vẫn mang mối căm thù đối với Pyotr, và khi quân Thụy Điển có vẻ như sắp chiếm được Moskva, vị Hãn vương này đã khuyến cáo chính phủ Constantinople nên chớp lấy thời cơ. Mùa xuân 1709, Hãn vương phái hai đại tá Tatar đến tổng hành dinh Thụy Điển để đàm phán. Devlet ra điều kiện là Karl cam kết sẽ không dàn hòa với Nga nếu Tatar chưa đạt được tất cả mục tiêu của họ.

Bình thường, Karl không hề muốn xem xét cam kết như thế, nhưng bị giằng co giữa hai yếu tố: lực lượng bị suy yếu của mình và quyết tâm muốn tiêu diệt Pyotr, nên ông chấp nhận đàm phán. Chính vào lúc ấy, tin tức về

cuộc đốt phá thuyền bè Cossack ở Zaporozhe Sech được loan đến. Bị hoang mang, hai đặc sứ Tatar ra về để tham khảo với Hãn vương của họ.

Trong lúc này, cả Karl và Stanislaus đều kêu gọi trực tiếp đến Hoàng để ở Contantinople cho mối liên minh. Luận cứ của họ cũng giống như của Devlet Gerey: Đây là thời điểm thích hợp nhất, với quân Thụy Điển đã vào sâu trong đất Nga, để lật ngược thành quả của Pyotr trong chiến dịch Azov: chiếm lại thị trấn pháo đài Azov, phá hủy căn cứ hải quân ở Taganrog, thiêu rụi hạm đội Nga ở đây, đẩy lùi Sa hoàng sâu vào đất liền và khôi phục lại Biển Đen.

Pyotr đã biết được những mưu đồ này, nên ông đã đối phó theo cả hai mặt trận ngoại giao và quân sự. Năm 1708, đại sứ Nga tại Constantinople - nhà ngoại giao Pyotr Tolstoy nhiều mưu mẹo - làm mọi cách để dân Tatar không manh động trong cuộc xâm lăng của Thụy Điển. Đầu năm 1709, Tolstoy báo cáo về rằng Sultan đã cam kết sẽ tôn trọng hiệp định đình chiến và không cho phép Tatar cử quân. Tuy thế tháng 4 năm đó, có thêm đặc sứ của Tatar đi đến Constantinople để cầu khẩn liên minh với Thụy Điển. Tolstoy áp dụng tất cả mánh lới để ngáng trở mưu đồ này. Ông tung tin thất thiệt về tình trạng của quân Thụy Điển, cho biết hạm đội Nga ở Taganrog đã được tăng cường hùng hậu. Ông hào phóng tung ra vàng - vốn luôn có ảnh hưởng mạnh mẽ trong triều đình của Hoàng đế - để mua chuộc các đại thần và chính khách người Thổ. Tolstoy cũng tung tin đồn thất thiệt rằng Pyotr và Karl đang tiến gần đến một hòa ước. Ông cho biết việc này hầu như đã được quyết định xong xuôi, và sẽ được công bố cùng với tin người chị cùng cha khác mẹ của Pyotr - Natalia - sẽ cưới Karl để trở thành Hoàng hậu Thụy Điển. Chiến dịch hỏa mù của Tolstoy có tác dụng. Giữa tháng 5, Hoàng đế

ra lệnh cấm Hãn vương liên minh với Thụy Điển. Tolstoy được giao một bản sao của bức công lệnh.

Dù cho Tolstoy nghĩ rằng người Thổ sẽ tuân thủ lệnh đình chiến ít nhất trong một thời gian và dù cho quân đội Thụy Điển bị suy yếu và cô lập trên vùng thảo nguyên, Pyotr biết Karl vẫn lên phương án cho một cuộc tấn công. Tuy nhiên, ông cũng hiểu rằng nếu không có viện binh, Karl không còn có khả năng đánh gục Nga, vì thế mục tiêu chính yếu của ông trong mùa đông và xuân 1709 là ngăn chặn quân cứu viện cho Karl. Đầu tháng 10, Pyotr đã phái Goltz dẫn một lực lượng hành quân dọc biên giới Ba Lan để chặn đánh quân cứu viện của Krassov và Stanislaus. Nhưng nguy cơ nghiêm trọng hơn là khả năng người Thổ và Tatar gia nhập quân đội của Karl. Nếu số lớn kỵ binh của Tatar và bộ binh của Thổ tham gia cuộc chiến thì Nga khó chống đỡ. Để ngăn chặn việc này, cần cho Ottoman hiểu rằng chiến tranh với Nga sẽ bị bất lợi, và điểm nhạy cảm nhất đối với Hoàng đế và triều đình của ông là tiềm lực của hải quân Nga. Vì thế Pyotr quyết tâm chuẩn bị cho hạm đội để mùa hè năm ấy tiến ra Biển Đen.

Suốt mùa đông, Pyotr luôn lo lắng về hạm đội của mình. Tháng 1, khi Karl chuẩn bị đợt tấn công về đông, Pyotr sợ rằng nhà Vua sẽ tiến đến đánh phá Voronezh hầu yểm trợ Hoàng đế và chứng tỏ liên minh với Thụy Điển là có lợi như thế nào. Tháng 2, ông ra lệnh Apraksin đi đến Voronezh để chuẩn bị dẫn hạm đội xuôi dòng Sông Don mà tăng cường cho Taganrog. Rồi ông vội đi đến Voronezh, dọc đường gửi đi một loạt chỉ thị. Ông ra lệnh cho Apraksin gửi nghệ nhân làm vườn giỏi đến Voronezh và mang theo nhiều hạt giống cùng cây con. Nghe tin sẽ có nhật thực ngày 11/3/1709, ông ra lệnh các thầy giáo Tây Âu dạy toán ở Moskva tính toán nơi chốn và thời gian quan sát được nhật thực và gửi cho ông một sơ đồ. Ông đọc một bản

thảo của bản dịch ra Nga văn về cách xây thành lũy và gửi trả lại để sửa chữa. Ở Belgorod, ông dừng lại để làm cha đỡ đầu trong lễ rửa tội cho con trai mới sinh của Menshikov. Sa hoàng thấy nhiều chiếc tàu cũ đã bị mục không thể sửa chữa được, nên ra lệnh phá dỡ để gom những phụ kiện có thể sử dụng lại. Một lần nữa, ông cầm lên cây búa để làm công việc của thợ mộc, cũng giúp ông giải tỏa bớt gánh nặng về tinh thần sau một năm chinh chiến.

Tháng 4, lúc băng tan, Pyotr xuôi dòng Sông Don để đi đến Azov và Taganrog, nơi có một hạm đội sẵn sàng ra khơi để diễn tập. Ông bị sốt nên không thể tham dự cuộc diễn tập đầu từ cuối tháng 4 đến đầu tháng 5. Vào lúc này, Tolstoy đã nhận tin Sultan cam kết quân Thổ và quân Tatar sẽ không tham chiến. Hạm đội được duy trì trong tình trạng trực chiến để đảm bảo Hoàng đế giữ lời hứa. Ngày 27/5, Sa hoàng ra đi. Mùa hè đã đến trên thảo nguyên, và đỉnh điểm chiến tranh với Karl đang đến gần.

36 CÁC LỰC LƯỢNG HỘI TỤ

Đầu tháng 4/1709, mùa đông đã qua đi ở Ukraina. Không còn tuyết, bùn đã khô, cỏ bắt đầu mọc, hoa nở đầy trên đồng cỏ và dọc bờ sông. Trong khung cảnh mùa xuân như thế, Karl tỏ ra lạc quan. Ông đang đàm phán với Hãn vương Tatar và Sultan, cùng lúc đang chờ viện binh của Thụy Điển và Ba Lan. Ông tự tin đến nỗi khước từ ngay lời thăm dò hòa hoãn của phía Nga. Một sĩ quan Thụy Điển bị bắt ở Lesnaya được Pyotr phái mang đến đề xuất rằng Sa hoàng "mong mỏi dàn hòa, nhưng không thể được thuyết phục để rời bỏ Sankt-Peterburg." Karl không trả lời.

Trong khi chờ đợi kết quả của các cuộc đàm phán với Thổ và Tatar, Karl chuyển quân xuống hướng nam, đến vị trí mà ông dự kiến viện binh từ Ba Lan và miền nam sẽ tiến đến. Pultowa là một thị trấn nhỏ nhưng quan trọng về thương mại, cách Kyyiv 360 kilômét về hướng đông nam, nằm trên con đường Kharkov. Pháo đài nằm trên hai đỉnh của dốc đứng nhìn xuống một khu đầm lầy rộng của Sông Vorskla, một nhánh quan trọng của Sông Dniepr. Pultowa không phải là pháo đài đúng nghĩa của pháo đài Tây Âu; bức tường thành cao hơn 3 mét đắp bằng đất chỉ có tác dụng ngăn chặn kỵ binh quấy rối của Tatar và Cossack, và hoàn toàn vô dụng khi chống chọi quân đội Tây Âu hiện đại có pháo và công binh. Nếu Karl tiến đến đây vào

mùa thu trước, ông có thể chiếm lấy thị trấn này một cách dễ dàng, nhưng lúc ấy nhà Vua không thích trú đông giữa một vùng rộng như thế. Từ lúc ấy, bên Nga đã gia cố thành lũy, bố trí 91 khẩu pháo và tăng cường quân phòng ngự lên đến 4.182 người, cộng với 2.600 dân quân vũ trang, dưới quyền chỉ huy của Đại tá O. S. Kelin.

Tuy thế, Karl quyết định đánh chiếm thị trấn. Việc sắp xếp kỹ thuật được giao cho Gyllenkrooj, Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần, có chuyên môn về đặt mìn và công hãm. Ông này cảnh báo với nhà Vua rằng còn thiếu một yếu tố quan trọng cho cuộc hãm thành: thuốc súng để nã pháo dồn dập. Cuối cùng, ông tin rằng phải sử dụng bộ binh, và ông nói, trong trường hợp nay:

> Bộ binh của Hoàng thượng sẽ bị tổn thất. Mọi người sẽ nghĩ rằng chính hạ thần đã tham mưu cho Hoàng thượng hãm thành như thế. Nếu bị thất bại, hạ thần xin Ngài đừng trách phạt.

Karl vui vẻ trả lời:

> Không, ông sẽ không bị trách phạt. Ta sẽ tự nhận trách nhiệm.

Ngày 1/5/1709, việc pháo kích bắt đầu. Binh sĩ Thụy Điển đào hào công hãm để dần dần tiến đến tường thành, nhưng công việc của họ chưa có hiệu quả. Pháo Thụy Điển ban đầu nã đạn liên tục, nhưng thình lình nhà Vua ra lệnh ngừng bắn. Gyllenkrooj phản đối, van nài là nếu pháo kích thêm trong vòng 6 giờ, Pultowa sẽ thuộc về nhà Vua. Nhưng Karl đã nhất quyết, và các khẩu pháo im tiếng. Từ đấy, việc pháo kích chi giới hạn trong năm phát mỗi

ngày, không có tác dụng gì ngoại trừ gây phiền toái. Thụy Điển thiếu hụt thuốc súng, nhưng không thiếu hụt đến thế.

Gyllenkrooj và những người khác không hiểu được thái độ kỳ lạ của Karl, hoặc là mục đích của việc hãm thành. Tại sao, lần đầu tiên trong chiến dịch đánh Nga, nhà Vua vốn chuyên đánh ngoài đồng trống lại quyết định đi hãm thành? Và tại sao, một khi đã quyết định công hãm, ông lại cho tiến hành một cách yếu ớt như thế? Nhiều sĩ quan của Karl cũng cảm thấy khó hiểu như Gyllenkrooj, và tin rằng việc hãm thành chỉ nhằm dụ Pyotr dẫn đại quân đến để đánh một trận lớn. Nếu mục đích của Karl là đúng như thế; quân phòng thủ giúp ông được dễ dàng. Thị trấn được bố phòng hiệu quả, đẩy lui các cuộc tấn công, phái quân xông ra ngoài phá hoại công sự vây hãm đã tiến gần tường thành. Chính Karl cũng ngạc nhiên vì sự phòng thủ tích cực: "Chuyện gì vậy? Ta cứ nghĩ bọn Nga đã điên khùng và sẽ phòng ngự theo cách thông thường."

Việc công hãm kéo dài 6 tuần cho đến khi xuất hiện cái nóng của mùa hè ở Ukraina. Karl luôn hiện diện trong hàng quân. Để gây tinh thần cho binh sĩ, ông dời bộ chỉ huy đến một ngôi nhà gần tòa pháo đài đến nỗi tường nhà bị vết đạn lỗ chỗ. Dần dà, các con hào của quân Thụy Điển tiến gần đến tường thành, dù lính thiện xạ của Nga đã bắn tỉa được đặc công và sĩ quan công binh của Thụy Điển đang đốc thúc công việc. Khi cái nóng càng oi bức, thương binh ngã chết vì vết thương của họ bị hoại tử. Thực phẩm trở nên thiếu thốn khi quân Thụy Điển luôn đi cướp cả huyện, vét sạch những làng mạc họ đã vơ vét tuần lễ trước. Chẳng bao lâu, không còn gì để ăn ngoại trừ thịt ngựa và bánh mỳ đen. Thuốc súng cũng thiếu thốn, lượng còn lại đã bị phân hủy do độ ẩm của tuyết tan và mưa. Tiếng một khẩu đại bác khai hỏa không khác gì tiếng vỗ tay. Đạn bắn từ súng nòng dài

chỉ rơi cách không đầy 20 mét. Và vỏ đạn trở nên thiếu thốn đến nỗi quân Thụy Điển phải đi ra bên ngoài các con hào để nhặt nhạnh các vỏ đạn của Nga mà sử dụng lại.

Trong lúc ấy, dọc theo bờ đông của Sông Vorskla, các lực lượng của Nga đang tập trung đến. Menshikov - vị tướng năng nổ nhất của Pyotr - chỉ huy quân dưới quyền từ ngôi làng Krutoy Bereg ở đây, trong khi Sheremetyev dẫn đại quân từ phía đông bắc tiến xuống. Nhiệm vụ của Menshikov là quan sát động thái của quân Thụy Điển bên kia sông và làm bất cứ việc gì có thể được để yểm trợ quân phòng ngự Pultowa. Nhiệm vụ thứ hai không phải dễ. Giữa bờ đông thấp, nơi quân Nga đồn trú và bờ tây vươn cao gần 60 mét đến tường thành của thị trấn, con sông chảy ngoằn ngoèo qua một số đầm lầy mà một đội quân lớn không thể qua được, và đội quân nhỏ cũng gặp khó khăn. Vài lần Nga đã phái quân tăng viện đi thẳng qua Pultowa, ngay cả thử xây một con đường bằng bao cát, nhưng đều thất bại. Việc liên lạc cuối cùng được giải quyết bằng cách đặt thư từ vào một quả đạn rỗng rồi bắn qua lại con sông giữa Menshikov và Đại tá Kelin.

Các cuộc chạm trán dọc con sông vẫn tiếp tục. Các đội kỵ binh của Nga và Thụy Điển chạy dọc theo hai bờ đối diện của con sông, tuần tiễu và trông chừng động thái của bên kia, mỗi bên cố bắt được tù binh của bên kia để khai thác thông tín. Cuối tháng 5, Sheremetyev dẫn một đoàn bộ binh đến Krutoy Bereg. Tuy có quân số áp đảo, nhưng các tướng lĩnh Nga lại không biết phải làm gì. Họ được Đại tá Kelin báo rằng lượng thuốc súng của ông đã xuống thấp đến mức nguy hiểm, công sự hãm thành của Thụy Điển đã đến gần, và ông dự đoán chỉ có thể cầm cự đến cuối tháng 6. Menshikov và Sheremetyev không muốn để mất thị trấn, nhưng không được chuẩn bị để giao chiến toàn diện. Chắc chắn không có gì kịch tính và quyết đoán hơn là

việc dốc toàn quân vượt qua Sông Vorskla tiến thẳng vào giữa đoàn quân Thụy Điển. Tuy thế, biết rằng thời điểm quyết định đã gần kề, Menshikov báo tin cho Pyotr lúc ấy đang trên đường từ Azov đến, thúc ông đến nhanh.

Ngày 4/6/1709, Pyotr đến. Thói quen của ông là bổ nhiệm một trong những tướng lĩnh làm Tổng Tham mưu trưởng và chỉ nhận nhiệm vụ phó tướng, nhưng lần này ông đảm nhiệm chức vụ Tư lệnh Tối cao. Pyotr mang đến 8.000 tân binh vừa được tuyển mộ để bổ sung vào hàng quân bây giờ chuẩn bị đánh lớn. Sự hiện diện của ông cũng nâng tinh thần cho các binh sĩ khi hằng ngày họ đều chạm trán với đối phương ở mọi điểm dọc theo con sông. Ngày 15/6, quân Nga bất ngờ tấn công Stary Senzhary và giải thoát cho 1.000 tù binh Nga bị bắt ở Veprik mùa đông trước, còn kỵ binh Cossack trung thành với Sa hoàng xông vào cướp bóc hàng hậu cần.

Bây giờ, hai đoàn quân hùng mạnh đã tiến gần nhau, mỗi bên do quân vương của họ chỉ huy. Cả hai đều biết rằng đỉnh điểm đã đến gần. Karl bị tù túng trong một không gian càng lúc càng hạn hẹp, nên cuối cùng sẽ tìm cách thoát ra. Pyotr thấu hiểu và chấp nhận điều này. Trong quá khứ, Sa hoàng đã không muốn bị rủi ro trong một trận đánh duy nhất, bây giờ đã cứng cỏi lên mà đối diện với cuộc thử nghiệm cuối cùng. Sách lược của ông đã đạt kết quả. Kẻ thủ đã bị cô lập. Suốt con đường Karl rút lui về Ba Lan, Nguyên soái Goltz nắm một đạo quân hùng hậu nhằm ngăn chặn viện binh tiến đến hoặc chính Karl rút về. Và quân của Pyotr bây giờ ở Vorskla đông gấp đôi quân của Karl.

Trong vòng vài ngày sau khi đến nơi, Pyotr triệu tập tất cả tướng lĩnh và cùng với họ xem xét các yếu tố việc Pultowa thất thủ chỉ còn là vấn đề thời gian. Nếu rơi vào tay Thụy Điển, thị trấn này có thể là trung tâm điểm thu hút các lực lượng mà Karl đang ngóng trông - nhưng Pyotr lại kiêng dè - để

tiếp tay cho Vua Thụy Điển và có thể mở đường cho ông dẫn quân tiến đến Moskva. Tầm quan trọng cao đến nỗi Pyotr và các tướng lĩnh đi đến quyết định lịch sử: để giảm áp lực ở Pultowa và ngăn chặn sự thất thủ của thị trấn này, đại quân Nga sẽ được tung vào. Một trận đánh lớn - được coi là trận quyết định - có thể xảy ra chậm nhất là ngày 29/6/1709 để giải cứu Pultowa. Vào ngày này, Pyotr có thể huy động được tất cả lực lượng; không những dân Cossack Skoropadsky mà còn có 5.000 kỵ binh Kalmuck dưới quyền chỉ huy của Hãn vương Ayuk. Nhưng quân Nga không thể tham chiến nếu còn ở bên bờ đông Sông Vorskla; họ cần phải qua bên bờ tây. Khi đã cùng ở một bên bờ sông với quân Thụy Điển, Pyotr có thể tấn công vào mạn sườn quân địch đang bao vây thị trấn. Ít nhất, nếu trận đánh không xảy ra, với sự hiện diện của quân Nga thì Thụy Điển sẽ giảm bớt sự công hãm Pultowa để lo đối đầu với Pyotr. Thêm nữa, một vị trí bên sườn của Thụy Điển sẽ cho phép Nga sử dụng pháo có hiệu quả hơn, vì các khẩu pháo đặt bên bờ đông đã tỏ ra vô dụng.

Pyotr quyết định mở các cuộc tấn công quây rối phía bắc và nam của Pultowa để đánh lạc hướng Thụy Điển, rồi đại quân sẽ vượt sông ở Petrovka, cách thị trấn 10 kilômét về phía bắc, nơi nước không sâu lắm để kỵ binh có thể chạy qua được. Khi lực lượng này đã tạo một đầu cầu và lập phòng tuyến ở Semenovka cách điểm vượt sông gần 2 kilômét, Pyotr sẽ dẫn đại quân sang sông. Vào đêm 14/6, đội quân đầu tiên tổ chức vượt sông bị đánh lui. Nhưng Sa hoàng đã quyết tâm. Đại tá Kelin ở Pultowa báo cáo rằng ông khó cầm cự được lâu thêm, và Pyotr quyết định phải hành động ngay.

Bên Thụy Điển biết rõ về việc vượt sông ở Petrovka. Trong các đêm 15-16/6, quân Thụy Điển được lệnh túc trực ứng chiến. Chiến thuật của họ là

đợi cho đến khi một phần quân Nga đã sang sông, rồi dùng quân số áp đảo đánh đội tiên phong của địch lùi xuống sông. Karl vẫn chỉ huy quân công hãm Pultowa và quân đóng dọc bờ sông phía nam của thị trấn. Ông định ở đây cho đến khi trận đánh bắt đầu và đã biết chắc không có quân Nga vượt sông phía nam thị trấn; lúc ấy, ông sẽ phi về bắc để tiếp sức với Rehnskiöld ở Petrovka. Nhưng trước khi kế hoạch tác chiến của Thụy Điển được triển khai, tai họa giáng xuống.

Ngày 17/6/1709 là sinh nhật thứ 27 của Karl XII. Trong chín năm viễn chinh, nhà Vua được may mắn trên chiến địa: dù bị một viên đạn ở Narva và gãy chân ở Ba Lan, ông chưa bao giờ bị thương nặng. Bây giờ, vào thời điểm hệ trọng nhất trong cuộc đời chinh chiến của mình, ông không còn được may mắn nữa.

Bình minh hôm ấy, nhà Vua cưỡi ngựa đến phía nam Pultowa để thị sát các vị trí của Thụy Điển và Cossack dọc Sông Vorskla. Ông có lý do: Trận đánh xảy ra phía bắc thị trấn sau khi quân Nga vượt sông sẽ thu hút phần lớn quân Thụy Điển về phía ấy. Karl cần đảm bảo rằng các vị trí phòng ngự phía nam phải đủ mạnh để chống lại cuộc vượt sông ở đây. Bên bờ đối diện, theo chiến thuật nghi binh của Pyotr, một lực lượng kỵ binh Nga đang ra sức quây rối. Một cuộc vượt sông đã bị đẩy lui.

Karl đi đến khoảng 8 giờ sáng cùng với một tiểu đội kỵ binh và phi ngựa dọc bờ nước để thị sát quân sĩ và các vị trí của họ. Một số binh sĩ Nga đã bị đẩy lui còn lưu lại trên một số hòn đảo nằm giữa sông, và họ nhắm bắn đoàn chỉ huy Thụy Điển. Khoảng cách khá gần và một kỵ binh Thụy Điển bị bắn chết ngay trên lưng ngựa. Không hề quan tâm đến sự an nguy cho riêng mình, Karl tiếp tục cuộc thị sát dọc bờ nước. Thế rồi, khi thị sát

đã xong, ông quay đầu ngựa lại, quay lưng về hướng quân địch, và đúng lúc ấy một viên đạn nòng dài của Nga bắn trúng bàn chân trái của ông.

Viên đạn bắn vào gót, đâm thủng giày ông, xuyên qua dọc bàn chân rồi trổ ra ngoài gần ngón chân cái. Bá tước Stanislaus Poniatowski, một nhà quý tộc Ba Lan do Vua Stanislaus phái đến, đang cưỡi ngựa kế bên, nhận thấy nhà Vua đang bị thương, nhưng Karl ra hiệu cho ông phải giữ im lặng. Dù vết thương hẳn phải gây đau nhức dữ dội, nhà Vua tiếp tục cuộc thị sát như thể không có chuyện gì xảy ra. Mãi cho đến 11 giờ sáng, gần ba tiếng đồng hồ sau khi bị trúng đạn, ông mới trở về tổng hành dinh và chuẩn bị xuống ngựa. Lúc này, những người xung quanh đã nhận thấy da ông tái hẳn đi và máu đang nhỏ giọt từ chân trái. Karl cô xuống ngựa nhưng việc này là quá sức đối với ông và ông bất tỉnh.

Lúc này, vết thương đã sưng to đến nỗi phải cắt da giày ra. Bác sĩ quân y thấy vài khúc xương bị vỡ và có những mảnh vụn trong vết thương. Họ ngần ngại cắt sâu để lấy những mảnh xương ra, nhưng Karl đã tỉnh lại và ra lệnh cho họ tiến hành. Suốt cuộc giải phẫu, ông nhìn họ làm việc, nhất quyết trấn áp mọi vẻ đau đớn. Khi bác sĩ cắt đến phần rìa vết thương, nơi bị sưng và dễ bị đau, họ ngần ngừ, nhưng Karl giật lấy con dao giải phẫu mà bình thản cắt lấy phần thịt dư thừa.

Tin tức về việc Karl bị thương lan nhanh khắp các doanh trại của Thụy Điển - một cú sốc cho toàn quân. Khác với sự tin tưởng trước đây, bây giờ họ thấy rằng Vua của họ không phải là người bách chiến bách thắng và vẫn là con người bình thường như ai: súng đạn có thể gây hại cho ông. Karl đã xông pha giữa vô số trận đánh và chưa bao giờ bị hiểm hại như thể Thượng Đế đã che chở cho ông, và khi đã tin như thế binh sĩ cùng xông pha với ông khắp mọi nơi. Karl lập tức nhận ra mối nguy cơ đối với tinh thần chiến đấu.

Khi Bá tước Piper và các tướng lĩnh đi đến trong trạng thái cực kỳ xúc động, nhà Vua điềm tĩnh trấn an họ rằng vết thương chỉ nhẹ, sẽ bình phục nhanh chóng và chẳng bao lâu ông có thể lên ngựa trở lại.

Nhưng vết thương tiếp tục nung mủ thay vì lành lại. Karl lên cơn sốt cao, tình trạng viêm lan thêm, cuối cùng đến đầu gối. Các bác sĩ nghĩ cần phải cưa chân ông nhưng không dám, sợ sẽ gây ảnh hưởng tâm lý nặng nề cho Karl. Trong các ngày 19-21, có vẻ như không còn kịp cưa chân, và Karl ở trong tình trạng mong manh giữa sự sống và cái chết. Trong những ngày này, nhà Vua ra lệnh thị thần ngồi kế giường bệnh kể cho ông nghe các truyện cổ tích thời thơ ấu, những truyện về các vị anh hùng đã đánh thắng quỷ dữ và cưới công chúa xinh đẹp làm vợ.

Bệnh tình của nhà Vua lập tức ảnh hưởng đến tình hình chiến thuật của hai đoàn quân đang chuyển động quanh Pultowa. Ngày 17, sau khi Karl bị bắn nhung trước khi bị cơn sốt hành hạ, ông giao cho Rehnskiöld quyền quyết định đánh quân Nga ở Petrovka hay không. Đội quân của vị Nguyên soái này đã được phân bố vào vị trí, sẵn sàng chờ đợi quân Nga vượt sông. Nhung khi nghe tin Karl bị thương, Rehnskiöld lập tức rời phòng tuyến phía bắc trở về tổng hành dinh để tìm hiểu tình trạng của quân vương và xem Karl có ý kiến nào về phương án tác chiến. Khi Karl giao quyền cho ông, Rehnskiöld tham khảo ý kiến các sĩ quan dưới quyền và quyết định không tấn công phía bắc như phương án đã định. Các sĩ quan và binh sĩ đều dao động mạnh khi nghe tin nhà Vua bị thương.

Vào buổi chiều 17, Pyotr được tín Karl bị thương. Ông đã lưỡng lự khi ra lệnh vượt sông; thật ra ông định cho quân đặt một chân lên bờ tây để thăm dò. Bây giờ, biết được Karl đã bị thương, Pyotr lập tức truyền lệnh cho cả đại quân vượt sông. Ngày 19/6, kỵ binh của Ronne và bộ binh của

Hallart vượt qua Sông Vorskla mà không bị quấy nhiễu và nhanh chóng lập phòng tuyến ở Semenovka. Cùng ngày, đại quân ở Krutoy Bereg nhổ trại và di chuyển theo hướng nam đến Petrovka. Cảnh vệ đi tiên phong, tiếp theo là sư đoàn bộ binh của Menshikov, pháo binh và hậu cần, rồi đến sư đoàn bộ binh của Repnin đi chặn hậu. Trong các ngày 19-21 - trong khi Karl đang nằm như chết - con sông ngập đầy người và ngựa, đại pháo và xe goòng, khi quân Nga di chuyển từ bờ đông sang bờ tây.[145]

Một khi họ đã qua được bờ đối diện là không thể tránh khỏi trận đánh lớn. Giáp mặt nhau quá gần như thế, bị sông suối chắn đường, không bên nào có thể rút lui một cách dễ dàng. Đúng vậy: rút lui trước một lực lượng đối phương như thế là điều hết sức nguy hiểm. Bên bờ tây, quay lưng về bờ sông, quân Nga tiếp tục gia cố tuyến phòng thủ, chuẩn bị cho cuộc tấn công của Thụy Điển mà họ nghĩ chắc chắn sẽ đến. Nhưng không có cuộc tấn công nào cả.

Vào ngày 22/6, phía Thụy Điển ổn định trở lại. Karl vẫn còn đau nặng, nhưng cơn sốt đã qua và tình trạng ông không còn nguy hiểm đến tính mạng. Rehnskiöld đã dàn quân trên một cánh đồng phía tây bắc Pultowa, sẵn sàng cho trận chiến nếu Pyotr muốn. Đích thân Karl xuất hiện trước hàng quân Thụy Điển, nằm trên cáng đặt trên hai con ngựa, để khích lệ tinh thần binh sĩ dưới quyền. Nhưng vì quân Nga lúc này vẫn còn đang tất bật đắp công sự phòng thủ, Pyotr chưa muốn xua quân ra đánh. Sau khi đã thu hút quân Thụy Điển rút bớt khỏi Pultowa, ông đã đạt được mục đích trước mắt: làm giảm sức ép lên thị trấn này. Nhận thấy quân Nga không có ý định tấn công, Karl ra lệnh cho Rehnskiöld giải tán đội hình quân Thụy Điển. Đúng vào lúc này, khi nhà Vua đang nằm trên cáng và binh sĩ của ông xúm

xít xung quanh, tin tức từ Ba Lan và Crimea mà ông nóng lòng chờ đợi được đưa đến.

Tin từ Ba Lan cho biết Stanislaus và Krassov sẽ không đến. Đây là câu chuyện xưa cũ về bản chất mưu đồ, ganh tỵ và lưỡng lự của người Ba Lan. Stanislaus cảm thấy địa vị chông chênh của mình trên ngai vàng và không muốn dẫn quân đi xa khỏi vương quốc chưa ổn định của mình. Ông và Krassov đã cãi vã với nhau, và Krassov đã dẫn toàn bộ đoàn quân dưới quyền trở về Pomerania để huấn luyện tân binh từ Thụy Điển trước khi đi tụ hội với Karl ở Ukraina. Bây giờ, Krassov chỉ có thể đến sớm nhất là vào cuối mùa hè.

Tin báo thứ hai đến từ Hãn vương Devlet Gerey. Ông xác nhận rằng vì Sultan không cho phép ông gia nhập với Thụy Điển để đánh Nga, nên ông không thể điều quân đến; nhưng ông cam kết tình hữu nghị.

Thế là, trong khi đang nằm dưỡng bệnh trên cáng, Karl biết rằng sách lược chờ đợi các nguồn tăng viện ở Pultowa đã sụp đổ. Giấc mơ của ông về một liên minh hùng mạnh tiến công đến Moskva đã vỡ vụn.

Nhà Vua thông báo cho các cô vấn về những tin tức ấy. Mọi người đều buồn rầu. Con người thực tế Piper đề xuất chấm dứt lập tức cả chiến dịch đánh Nga, tháo dỡ công sự hãm thành ở Pultowa và rút quân qua sông Dniepr để trở về Ba Lan, nhờ đó dưỡng bệnh cho chính nhà Vua và dưỡng quân cho tương lai. Ngoài ra, ông còn tham mưu là nên theo đuổi một cách tích cực việc đàm phán ngoại giao với Sa hoàng. Piper vạch ra rằng gần đây Menshikov đã biên thư cho mình đề nghị sẽ đích thân viếng thăm doanh trại Thụy Điển nếu Karl mở một tuyến đường an toàn cho vị Hoàng thân. Piper còn khuyên là ngay cả sau khi đã ký một hòa ước với Nga, lúc nào Karl vẫn

có thể nuốt lời cam kết mà dấy động chiến tranh khi tình thế được thuận lợi. Nhưng Karl khước từ việc rút quân hoặc đàm phán.

Trong khi ấy, tình hình quân Thụy Điển dần dà tồi tệ thêm. Đoàn quân đang chịu sứt mẻ từng ngày; nhiều người tử trận trong các cuộc chạm súng lẻ tẻ mà không có quân bổ sung. Thực phẩm dự trữ xuống đến mức thấp trong khi cả vùng đã bị khai thác kiệt quệ; thuốc súng bị ẩm ướt và không có đủ đạn cho súng trường; quân phục bị rách bươm phải vá chằng chịt, giày bị thủng lộ da chân ra ngoài. Khi biết quân Nga không chịu ra ngoài mà chiến đấu, tinh thần binh sĩ chùng xuống, trong khi cả đoàn quân lâm vào trạng thái lừ đừ, mệt mỏi vì sức nóng mùa hè. Chính bản thân Karl, nằm trên cáng từ ngày này qua ngày khác, cũng cảm thấy chán nản và lo lắng. Biết rằng phải có một động thái gì đấy, nhưng ông thất vọng vì tự mình không làm được việc gì. Sau khi từng niềm hy vọng tiếp nối bị vỡ tan còn vị thế quân Thụy Điển trước Pultowa càng chông chênh hơn, Karl mong mỏi đánh một trận bất ngờ để chấm dứt tất cả vấn nạn của mình. Ông biết một trận đánh là giải pháp duy nhất - một trận đánh để cứu vãn danh dự cho dù kết quả cuối cùng có ra sao chăng nữa. Nếu ông thắng trận thì những niềm hy vọng đã tắt ngóm có thể được hồi sinh. Quân Thổ và Tatar sẽ vui mừng mà gia nhập đoàn quân tiến về Moskva. Và dù cho chiến thắng không được toàn vẹn, ông vân có thể tham gia đàm phán theo chiều hướng thực tế và rút về Ba Lan trong danh dự.

Vì thế Karl quyết định phải đánh một trận. Ông sẽ dốc toàn lực còn lại để phóng về phía đối phương. Ông sẽ tiến công càng sớm càng tốt. Và nêu có thể được, cuộc tiến công sẽ là cú bất ngờ.

Đối với Pyotr, lý do để giao chiến không bức xúc như Thụy Điển. Tình thế của Karl chỉ có thể được cứu vãn nếu nhà Vua khiêu khích cho Nga chịu

giao tranh và ít nhất đạt được chiến thắng tương đối. Mặt khác, Pyotr đã đạt được mục tiêu là giảm áp lực cho Pultowa và cô lập Thụy Điển đến mức không có hy vọng gì được tăng viện. Nga không có lý do cần thiết gì phải giao chiến ngoại trừ lợi dụng quân số áp đảo để buộc Thụy Điển phải tấn công một phòng tuyến vững chắc của Nga. Pyotr chuẩn bị cho tình huống như thế.

Đêm 26/6/1709, quân Nga từ trại Semenovka di chuyển về hướng nam và lập một doanh trại mới gần ngôi làng Yakovtsy, chỉ cách tường thành Pultowa 6 kilômét về phía nam. Ở đây, binh sĩ Nga làm việc cật lực ngày đêm, lập nên một tường thành bằng đất nện hình vuông. Pyotr vẫn còn tôn trọng đối thủ Thụy Điển, nhưng qua động thái này, dù không tấn công, quân ông đang tiến đến gần - mời gọi, xúi giục, gần như bắt buộc một cuộc tấn công vào tường thành và quân trú phòng của ông. Mặt sau của doanh trại mới này dựa vào dốc đứng của bờ Sông Vorskla, nơi lòng sông mở rộng với nhiều đầm lầy khiến cho không một đội quân lớn nào có thể vượt sông. Vì thế, đường rút lui duy nhất cho đoàn quân ở vị trí này là về hướng bắc, trở lại điểm nước cạn Petrovka.

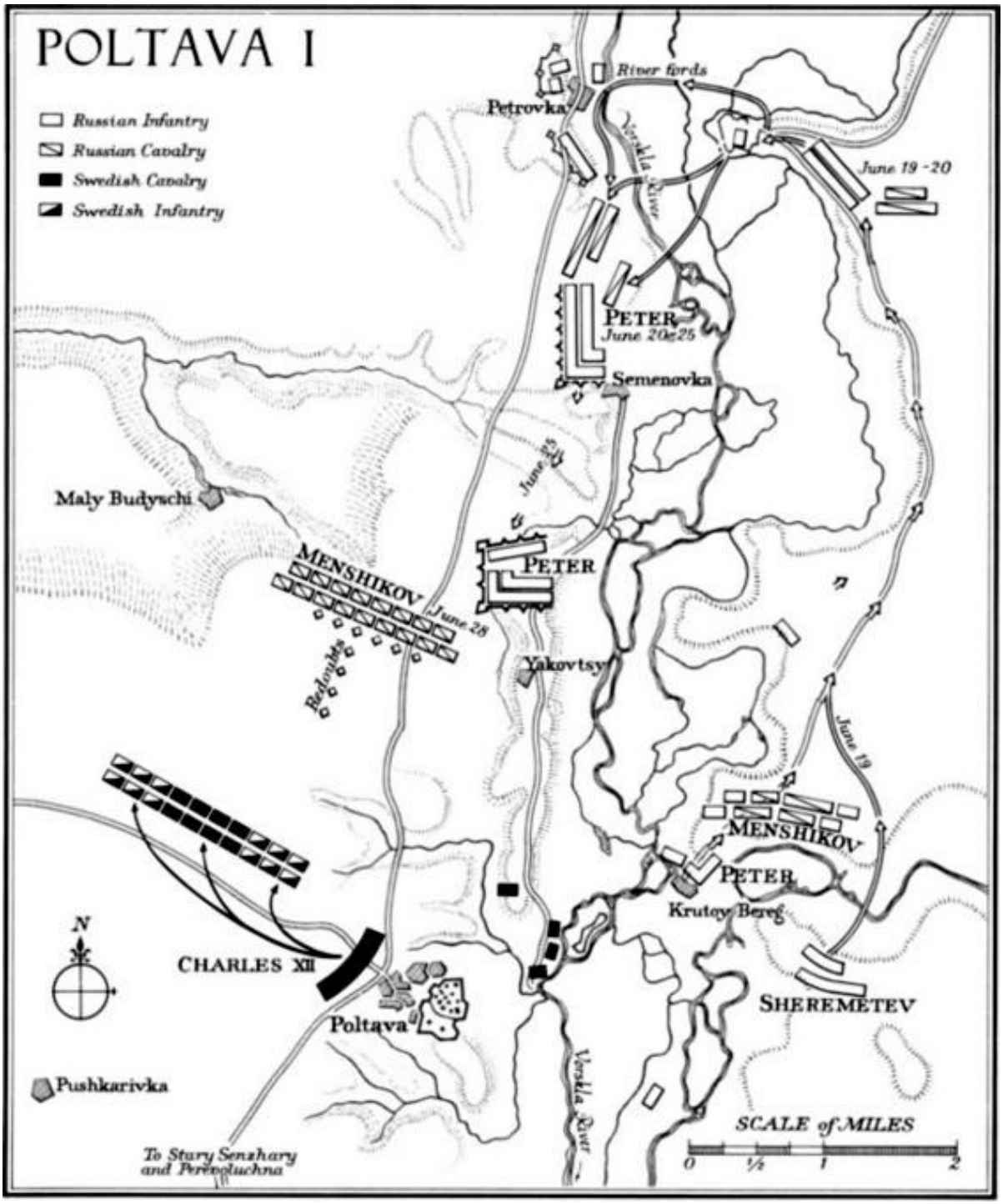

Tuy thế, địa điểm này được chọn lựa một cách hợp lý. Về hướng nam, giữa doanh trại và thị trấn Pultowa là vùng rừng rậm có nhiều vực sâu cắt ngang nên không thích hợp cho đội quân lớn xoay trở. Về hướng bắc, cũng

có rừng rậm khiến cho bộ binh và nhất là kỵ binh khó đi qua. Chỉ có thể tiến đánh từ mặt tây, nơi có một khu đất bằng phẳng và cây cối rải rác. Doanh trại được gia cố cả bốn mặt, nhưng lẽ tự nhiên là mặt tây vững chắc nhất. Ở đây, một con hào sâu 2 mét chạy trước một tường thành bằng đất nện được trang bị 72 khẩu pháo. Sau bức tường thành là 50 tiểu đoàn bộ binh gồm 32.000 quân. Ở vùng đồng trống phía sau tường thành là 17 trung đoàn kỵ binh gồm 10.000 quân.

Nhưng đối với Pyotr, công sự vững chãi và quân số áp đảo vẫn chưa đủ. Sau chín năm nếm mùi tấn công bất ngờ của Thụy Điển, Pyotr có thêm một số biện pháp phòng vệ. Mũi tiến công của Thụy Điển sẽ phải xuất phát theo con đường từ Pultowa đi lên. Cách doanh trại gần 2 kilômét về phía nam, khu đát bằng phẳng thu hẹp lại và con đường đi qua giữa rừng và vực núi phía đông và đầm lầy phía tây. Ngang khoảng giữa này, Pyotr cho đắp 6 tiền đồn nhỏ bằng đất nện, cách nhau bằng đạn đạo của súng nòng dài (khoảng 100 mét). Mỗi tiền đồn có cạnh dài khoảng 30 mét, có 700 quân trú phòng cùng với 1 hay 2 đại bác. Phía sau 6 tiền đồn này, Pyotr bố trí 17 trung đoàn kỵ binh với 13 khẩu pháo ngựa kéo, do Menshikov, Ronne và Bauer chỉ huy. Toàn lực lượng trú phòng trong tiền đồn và kỵ binh này sẽ báo động và tạo phòng tuyến thứ nhất để tiếp chiến bất kỳ mũi tiến công nào của Thụy Điển hướng ra khu đất bằng phẳng.

Ngày 26/6/1709, Pyotr tuyên cáo với toàn quân:

> Hỡi binh sĩ: giờ khắc đã điểm khi số phận của Tổ quốc chúng ta nằm trong tay các người. Nước Nga hoặc sẽ tiêu tán hoặc sẽ hồi sinh trong huy hoàng hơn. Binh sĩ không nên nghĩ mình chiến đấu cho Pyotr, mà cho chế độ của Sa hoàng được nhân dân giao phó cho Pyotr… Phải biết

rằng ông ấy không quý trọng mạng sống của mình, nhưng nên hiểu rằng nước Nga phải trường tồn trong tình hiếu thảo, thanh danh và phồn thịnh.

145. Ian Grey (sách đã dẫn, trang 414) dựa trên nguồn tư liệu được xem là xác thực cho biết không phải vì được tin Karl bị thương Pyotr mới quyết định cho quân vượt sông Vorskla. Thật ra, mãi đến ngày 25/6 Pyotr mới được tin Karl bị thương, lúc ấy quân Nga đã ổn định vị trí sau khi vượt song. Ngoài ra, khi đi thám sát bị trí trại quân Nga, Karl chạm trán với quân Cossack rồi bị thương chứ không phải bị quân Nga bắn. (ND)

37 PULTOWA

Sau buổi cầu kinh, chiều ngày Chủ Nhật 27/6/1709, Karl triệu các tướng lĩnh và đại tá đến bên giường bệnh của mình để truyền lệnh về kế hoạch cho trận đánh ngày hôm sau. Ông tuyên bố rằng Pyotr có quân số đông hơn, nhưng có thể khắc phục điểm này nếu áp dụng chiến thuật táo bạo. Xem như Thụy Điển đã có quân Nga hiện diện nơi mình mong muốn. Quân đội của Pyotr đã co cụm trong một vị trí với con sông và bờ dốc phía sau lung và chỉ có con đường rút lui là điểm nước cạn ở Petoovka. Nếu quân Thụy Điển có thể kiểm soát điểm này, xem như quân Nga bị nhốt vào rọ. Cuối cùng, có khả năng đánh bại Pyoto mà Karl hằng theo đuổi. Và vì Sa hoàng hiện diện toong bãi chiến trường, Thụy Điển có thể được may mắn mà đoạt một chiến lợi phẩm vĩ đại hơn.

Thụy Điển bây giờ chỉ còn hơn phân nửa quân số so với lúc tiến vào đất Nga hai năm trước. Họ chỉ còn 24 tiểu đoàn bộ binh và 17 trung đoàn kỵ binh, tổng cộng 25.000 người, nhưng nhiều người đã giảm sức chiến đấu do chiến thương và hoại tử vì thời tiết khắc nghiệt của mùa đông vừa qua. Lewenhaupt, người sẽ chỉ huy bộ binh, muốn tung toàn bộ lực lượng vào trận chiến, nhưng Karl bác bỏ. Cần phải duy trì 2.000 quân công hãm Pultowa để ngăn chặn quân phòng ngự ra trợ chiến bên Nga. Còn phải cử 2.500 kỵ binh để bảo vệ các xe goòng hậu cần. Thêm một lực lượng gồm 1.500 bộ binh lẫn kỵ binh được phân tán rải rác dọc theo Sông Vorskla phía

dưới thị trấn để hỗ trợ quân Cossack tuần tiễu đề phòng quân Nga vượt sông ở vùng này. Đội quân Cossack gồm 6.000 người dưới quyền Mazeppa và Gordeenko không được phân nhiệm vụ trong cuộc tấn công, nhưng được tách khỏi đại quân Thụy Điển. Nhà Vua thấy rằng tính vô kỷ luật của họ sẽ chỉ làm rối loạn hàng ngũ của binh sĩ Thụy Điển vốn đã được huấn luyện thành thục. Tổng cộng, lực lượng Thụy Điển tung ra để tấn công 42.000 quân Nga chỉ có 19.000 người.

Dù Karl vẫn đi theo đoàn quân, vai trò của ông chỉ có tính chất tượng trưng và động viên. Nhà Vua sẽ đi theo bộ binh, nằm trên chiếc cáng giăng giữa hai con ngựa. Trong trường hợp ngựa trở nên khó điều khiển hoặc bị bắn, một trung đội gồm 24 kỵ binh Cảnh vệ được cắt đặt để tháp tùng nhà Vua và khiêng cáng nếu cần thiết. Vì thế dù cho sự hiện diện của nhà Vua là quan trọng - binh sĩ sẽ biết rằng nhà Vua vẫn ở bên cạnh họ - thực ra Karl không có khả năng làm được việc gì. Nằm trên cáng, ông không thể quan sát được gì ngoại trừ bầu trời và tán cây rừng xung quanh, không có khả năng theo dõi hoặc kiểm soát những động thái của các cánh quân trong một trận đánh lớn.

Khi Karl trở thành một thương binh không thể ngồi trên yên ngựa, cần phải phân chia quyền hành. Chức vụ tư lệnh cả đoàn quân đương nhiên được giao cho Rehnskiöld, có địa vị cao nhất dưới nhà Vua. Ông vừa là người đã huấn luyện quân sự cho Karl và là cận thần có kinh nghiệm chiến trường nhiều nhất và thân tín nhất. Rehnskiöld là nhà tư lệnh kỵ binh xuất chúng, nhưng bây giờ ông là tư lệnh cả đoàn quân - vẫn còn sự hiện diện của nhà Vua. Đây là một vai trò khó khăn, còn khó khăn hơn do cá tính của các tướng lĩnh trong đoàn quân.

Cá tính khó khăn trước nhất là thuộc về chính bản thân Rehnskiöld. Giờ đã 58 tuổi - trên Karl hơn 30 tuổi - ông là con người cứng cỏi, nóng tính, có năng lực lớn, luôn trung thành và tận tụy đối với Karl. Sĩ quan dưới quyền thường than phiền vị Nguyên soái là con người cao ngạo và thô lỗ. Rehnskiöld có thể mắng nhiếc - nhưng có lý do chính đáng. Ở vào tuổi mà phần lớn chiến binh đã về hưu, ông đang chinh chiến trong chín năm không hề ngơi nghỉ. Giống như nhà Vua, ông đi hành quân suốt các mùa hè và mùa thu, luôn trú đông trong doanh trại mà không hề nghĩ đến xin phép về thăm nhà. Ông ngủ ít, ăn uống kém, luôn bị căng thẳng, nên điều dễ hiểu là ông luôn bị bực bội và lo lắng. Ông thiếu ngôn ngữ dịu dàng và nụ cười mà Karl thường dùng khi khiển trách khiến cho kẻ có lỗi biết tự sửa mình để sau đấy làm vui lòng nhà Vua.

Tính cáu kỉnh của Rehnskiöld bị trầm trọng hơn bởi hai người chiến đấu kề bên ông. Ông bất mãn với Piper, vị đại thần dân sự có chức vụ thủ tướng trên mặt trận. Rehnskiöld luôn bực bội vì sự có mặt của Piper trong các buổi họp tổng hành dinh, luôn đưa ra các quan điểm về ngoại giao và những vấn đề không thuộc về quân sự. Hơn nữa, Rehnskiöld hiểu rằng nếu nhà Vua có mệnh hệ gì, Piper sẽ nắm quyền lãnh đạo chính phủ trên mặt trận và sẽ đứng trên vị Nguyên soái.

Nhưng, đặc biệt hơn, Rehnskiöld không ưa thích Lewenhaupt. Người chỉ huy đoàn hậu cần xấu số là con người hay ủ rũ, khó bảo, càng dễ bị tự ái khi bị Rehnskiöld la lối. Trên mặt trận, Lewenhaupt là nhà chỉ huy kiên cường, không bao giờ thiếu can đảm. Sau Karl, ông là vị tư lệnh bộ binh tài ba nhất, cũng như Rehnskiöld là vị tư lệnh kỵ binh tài ba nhất của Thụy Điển. Vì thế điều tự nhiên là Karl cử hai người vào cương vị chỉ huy ở Pultowa. Nhưng nhà Vua đã phạm sai lầm khi không nghĩ đến cá tính xung

khắc của hai người. Khi Karl ra chỉ thị cho Rehnskiöld, ông nghĩ rằng vị Nguyên soái sẽ chuyển lệnh của ông đến Lewenhaupt, là người sẽ chỉ huy bộ binh và có vị trí như là Phó Tổng tư lệnh, người cần được biết tổng thể kế hoạch để có thể thi hành và quyền biến nếu hoàn cảnh thay đổi khi trận chiến diễn ra khốc liệt. Nhưng Rehnskiöld quyết định không trao đổi với Lewenhaupt gì cả, vì ông ghét phải nói chuyện với người cộng sự này. Lewenhaupt có cách nghe mệnh lệnh với vẻ cao ngạo, khinh bỉ, như thể chỉ vì trung thành với Karl mà bị bắt buộc phải nghe cái ông Rehnskiöld ngu xuẩn này. Điều này làm cho vị Nguyên soái điên tiết, vì thế mà, một ngày trước trận đánh Pultowa, ông không màng nói cho Lewenhaupt biết cần phải làm gì.

Tình trạng rối ren dẫn đến sự nguy hiểm chết người trên mặt trận. Nó bắt nguồn từ sự vắng mặt của một nhà cầm quân biết vươn lên trên mọi ganh tỵ, người luôn được tuân hành tuyệt đối. Chính Lewenhaupt nhận ra điều này sau trận đánh:

> Nếu nhờ ân huệ của Thượng Đế mà Karl không bị thương, trận đánh sẽ không có kết cục như thế.

Phương án tác chiến mà Karl và Rehnskiöld vạch ra là mở cuộc tấn công thần tốc trước bình minh khiến cho quân Nga bị bất ngờ, rồi đi nhanh qua các tiền đồn, phó mặc bất kỳ hỏa lực nào mà quân phòng ngự có thể phóng ra. Một khi đã qua khỏi các tiền đồn, quân Thụy Điển sẽ rẽ sang trái và tiến đến khu đất bằng phẳng phía trước doanh trại của đại quân Nga. Bộ binh sẽ tiến dọc bờ tây của đồng bằng đến vị trí tây bắc của quân Nga, trong khi kỵ binh Thụy Điển sẽ quét sạch kỵ binh của Pyotr. Khi đã đi đến vị trí giữa quân Nga và vùng nước cạn ở Petrovka, cả quân Thụy Điển sẽ di

chuyển về bên phải và lập đội hình cho trận đánh lớn. Nếu kế hoạch này thành công, quân Nga sẽ bị ép lưng vào bờ sông dốc đứng và quân Thụy Điển trong tư thế sẵn sàng chiến đấu sẽ chặn đường rút lui ở Petrovka. Nếu quân Nga không muốn giáp chiến, họ cứ việc cố thủ mà cuối cùng chết đói.

Bộ binh của Lewenhaupt tổng cộng có 7.000 quân, được chia ra làm 4 cánh quân - 2 cánh bên trái gồm 10 tiểu đoàn và 2 cánh bên phải gồm 8 tiểu đoàn. Nhà Vua và người khiêng cáng sẽ đi theo cánh quân thứ nhất bên trái, gồm toàn Cảnh vệ. Cánh quân thứ hai bên trái dưới quyền Trung tướng Karl Gustav Roos, còn hai cánh quân bên phải dưới quyền các tướng Bemdt Stackelberg và Axel sparre.

Kỵ binh được chia ra làm 6 cánh quân, tất cả dưới quyền của Kreutz. Trong số 30 khẩu pháo còn sử dụng được, phần lớn sẽ được để lại ở công sự vây hãm và các xe goòng. Đây một phần là do quyết định của Rehnskiöld. Ông có tâm lý thường thấy ở kỵ binh là không thích sử dụng pháo, và tin rằng kéo pháo qua các tiền đồn chỉ làm chậm bước tiến nhanh mà ông đòi hỏi. Hơn nữa, sẽ không có thời giờ để đặt vị trí pháo mà khai hỏa; và cũng vì phần lớn thuốc súng đã bị hư hỏng do thời tiết ẩm ướt trong mùa đông vừa qua. Do vậy, quân Thụy Điển chỉ mang theo 4 khẩu pháo. Rehnskiöld hy vọng kết quả cuối cùng sẽ là do thép lạnh của gươm và lưỡi lê.

Vào lúc 11 giờ trong đêm ngắn mùa hè này, bộ binh Thụy Điển lặng lẽ rời doanh trại và tiến đến các điểm hẹn. Vết thương của Karl được thay bông băng mới, ông mặc bộ quân phục mới với chiếc giày cao cổ mang ở chân phải. Bên cạnh ông là cây gươm đã tuốt ra khỏi vỏ. Khi đến điểm hẹn, ông thấy Rehnskiöld, Piper, Lewenhaupt cùng các tướng lĩnh khác đang thì thầm nói chuyện và chờ đợi. Chỉ có ít ánh trăng mờ, bầu trời đêm tương đối tối so với mùa hè vùng Ukraina.

Lúc nửa đêm, khi trời trở tối nhất, binh sĩ thành lập đội hình. Có vài sự lộn xộn trong bóng tối khi các tiểu đoàn phân định hàng ngũ. Quân phục đều cũ kỹ, bạc màu và mạng vá sau hai năm chinh chiến; không thể nhận ra nhiều người là quân Thụy Điển qua bộ quân phục. Để phân biệt với quân địch, mỗi binh sĩ Thụy Điển cắm một cọng rơm lên mũ, và có mật khẩu bằng tiếng Thụy Điển. Khi đã thành lập được 4 cánh quân, bộ binh được cho phép ngồi nghỉ trong khi chờ kỵ binh đến. Sự chậm trễ này kéo dài hơn bình thường. Lúc trước, các đội kỵ binh được Rehnskiöld chỉ huy một cách nhuần nhuyễn, nhưng giờ ông không đi theo họ sau khi nắm quyền Tổng Tư lệnh, nên việc gióng yên cương cho ngựa ở Pushkarivka và lập đội hình 6 cánh quân kỵ bị chậm trễ.

Trong khi đang chờ đợi, các tướng lĩnh Thụy Điển nghe tiếng động mới ở phòng tuyến Nga cho thấy có nhiều người đang làm việc không cách xa lắm, gần với họ hơn là 6 tiền đồn của Nga. Rõ ràng là quân Nga đang làm việc gì đấy trong vùng đất hoang vu này. Nhưng làm việc gì? Để tìm hiểu, tự Rehnskiöld cưỡi ngựa đến xem xét.

Trong bóng tối mờ mờ, vị Nguyên soái nhận ra một hiện tượng đáng báo động. Trong đêm này, quân Nga đang cật lực đào đất để xây một dãy bốn tiền đồn mới nằm thẳng góc với 6 tiền, đồn trước. Các tiền đồn mới này hướng thẳng theo con đường đi xuống Pultowa về phía doanh trại Thụy Điển, và sẽ phân mũi tấn công của Thụy Điển ra làm hai nhánh hai bên dãy tiền đồn, hướng hỏa lực vào bên sườn quân Thụy Điển đi ngang qua họ. Rehnskiöld nhận thấy hai tiền đồn cuối, gần với ông nhất, chỉ mới hoàn thành một phần.

Cùng lúc, quân Nga cũng nhìn thấy ông và đội kỵ binh tùy tùng. Có một tiếng thét, một tiếng súng, thêm những tiếng súng khác, rồi bên trong phòng

tuyến Nga trống trận nổi lên. Rehnskiöld vội chạy trở về nơi Karl đang nằm trên cáng, và một buổi họp hội đồng chiến tranh được mở ra. Ánh bình minh ló rạng, kỵ binh đã đến, nhưng yếu tố bất ngờ đã mất. Thời gian còn lại rất ít. Rehnskiöld muốn chớp thời cơ mà ra lệnh tấn công như đã dự trù; nếu không sẽ phải bãi bỏ cả phương án tác chiến.

Tuy không thể tự mình thị sát, Karl luôn cổ vũ tấn công. Ông đồng ý, và mệnh lệnh được ban hành nhanh chóng. Các tiểu đoàn bộ binh được chia ra năm cánh quân, với chỉ huy của bốn cánh quân được lệnh nhanh chóng tiến qua các tiền đồn mặc cho hỏa lực của địch, rồi tập họp lại ở khu đất bằng phẳng theo như kế hoạch ban đầu. Cánh quân thứ năm, gồm 4 tiểu đoàn, được lệnh tấn công 4 tiền đồn mới. Vì thế, mũi tiến công tiên phong của Thụy Điển sẽ bị dãy tiền đồn phân làm hai nhánh giống như nước chảy giữa các tảng đá chia làm hai dòng, và đội theo sau phải đánh phá và chiếm giữ các tiền đồn này nếu được.

Khi các tướng lĩnh đang khẩn cấp ra lệnh, bầu trời đêm đã trở thành xám. Bộ binh Thụy Điển vẫn còn đang lập đội hình thì đại pháo Nga trong các tiền đồn phía trước đã khai hỏa, giết chết một đại úy và sáu binh sĩ. Nhất thiết phải tiến quân ngay. Lúc 4 giờ sáng, khi mặt trời vừa ló rạng trên ngọn cây, việc điều quân đã xong, Rehnskiöld ra lệnh tiến quân. Trận đánh Pultowa bắt đầu.

Bộ binh Thụy Điển gồm 7.000 người cắm lưỡi lê lên đầu súng tiến về hướng các tiến đồn của Nga, sau họ là kỵ binh đi chậm để không vượt qua bộ binh. Phần lớn đều không để ý đến các tiền đồn, nhưng khi cánh quân trung tâm tiến đến tiền đồn đầu tiên, quân Thụy Điển tràn lên các công sự bằng đất nện chưa hoàn tất, dùng lưỡi lê chiến đấu giáp lá cà với quân phòng ngự. Tiền đồn này thất thủ nhanh chóng. Tiền đồn thứ hai chịu cùng

số phận. Vài đại đội sau khi đã chiếm được hai tiền đồn đầu tiên gia nhập vào hàng quân tiến qua bên trái, trong khi những người khác chuẩn bị tấn công tiền đồn thứ ba đang bị hai tiểu đoàn dưới quyền Roos công hãm.

Chính trong cuộc tấn công tiền đồn thứ ba và thứ tư mà vấn đề nguy hiểm phát sinh. Quân trú phòng tiền đồn thứ ba chống trả một cách kiên cường, đẩy lui đợt tấn công thứ nhất. Quân Thụy Điển kéo đến thêm, rốt cuộc sáu tiểu đoàn tụ tập trước chướng ngại vật này. Việc này giống như khi đi qua các tiền đồn, áo quần quân Thụy Điển bị móc phải gai mà vướng lại, và một khi đã vướng víu thì họ không thể thoát ra được, cùng lúc tách rời khỏi mục đích ban đầu.

Vấn đề nằm ở chỗ Rehnskiöld đã giữ kín phương án tác chiến chứ không phổ biến cho người dưới quyền. Roos không hề hiểu rằng mục tiêu chính của mình chỉ là cầm chân hỏa lực của các tiền đồn trong khi các cánh quân khác tìm cách vượt qua. Điều ông đáng lẽ phải làm khi bị đánh bật lại là rút lui rồi di chuyển đến điểm hẹn ở khu đất bằng phẳng phía sau các tiền đồn. Thay vào đấy, ông chỉnh đốn hàng ngũ rồi tấn công đợt nữa. Bị đánh bật lần thứ hai, ông kiên quyết điều thêm quân để rồi 6 tiểu đoàn - 2,600 quân - của lực lượng bộ binh quý giá bị vướng vào chướng ngại vật không quan trọng này. Roos chỉ nhìn thấy mục đích duy nhất là chiếm lấy tiền đồn mà không hề biết những gì đang xảy ra đối với đoàn quân còn lại hoặc họ đang ở đâu. Vì thế trong giai đoạn đầu của cuộc tấn công, ông đã phạm lỗi lầm căn bản.

Khi giao tranh đang xảy ra quanh các tiền đồn, hai cánh kỵ binh Nga dưới quyền Menshikov thình lình xông ra từ các tiền đồn để đuổi đánh bộ binh Thụy Điển. Kỵ binh Thụy Điển tiến đến tiếp chiến, và 20.000 quân hai bên hỗn chiến giữa các tiền đồn Nga trong gần một tiếng đồng hồ mà không

bên nào chịu thối lui. Menshikov gửi các cờ xí Thụy Điển tịch thu được đến cho Pyotr và khuyên Sa hoàng nên lập tức điều toàn quân ra ứng chiến dọc theo các tiền đồn. Pyotr vẫn còn e ngại sức mạnh của Thụy Điển và không mấy tin quân của Menshikov có thể chiến đấu giỏi đến thế, nên hai lần ra lệnh cho vị tướng cứng đầu của mình phải rút lui. Rốt cuộc, vị Hoàng thân đành phải tuân hành, chuyển kỵ binh về hướng bắc, giao phần lớn cho Bauer (Ronne đã bị thương nặng) về sườn bên phải (hướng bắc) của doanh trại Nga, còn ông dẫn một cánh quân nhỏ hơn lui về sườn bên trái. Từ bên trong doanh trại, đại pháo Nga bắn ra tạo thành bức màn che chở kỵ binh Nga và ngăn chặn kỵ binh Thụy Điển đuổi theo.

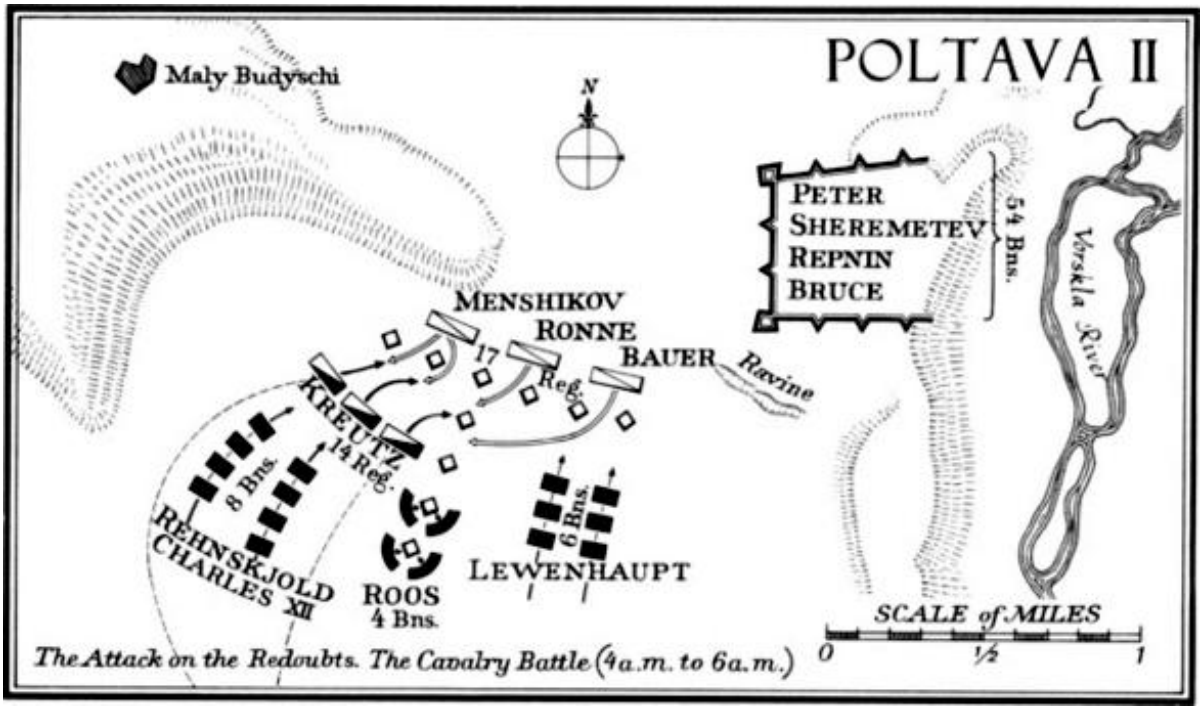

Cùng lúc, việc Rehnskiöld không thông báo kế hoạch tác chiến cho sĩ quan dưới quyền đang tạo nên hoang mang nơi khác. Sáu tiểu đoàn bộ binh bên cánh phải, dưới quyền Lewenhaupt, có mục đích chỉ đi qua các tiền đồn để tụ họp với đại quân ở khu đất bằng phẳng, trở nên rối loạn vì màn khói

và bụi mù do trận giao tranh kỵ binh tạo ra, cùng lúc hứng chịu hỏa lực súng nòng dài và đại bác từ các tiền đồn. Để bảo toàn lực lượng, Lewenhaupt di chuyển đội hình xa hơn về bên phải, tránh xa khỏi màn bụi khói và tầm bắn của Nga. Do việc di chuyển này, ông đã tạo ra một lỗ hổng lớn trong hàng ngũ Thụy Điển. Thật ra, vì không được thông báo và cũng không quan tâm đến mục đích tổng thể của Rehnskiöld, Lewenhaupt chỉ muốn dẫn quân của mình tiến về phía trước để giao chiến với đại quân của địch. Đã quên hoặc không màng đến chỉ thị tổng quát của vị Nguyên soái là nên tiến quân song song, sau khi qua khỏi tiền đồn ông đã dẫn quân đi xa về bên phải vì thấy địa hình bên này có vẻ bằng phẳng hơn. Với mỗi bước đi, ông và sáu tiểu đoàn càng đi xa khỏi đội hình chính. Hơn nữa, ông còn lấy làm vui được lánh xa khỏi Rehnskiöld, người mà ông phàn nàn đã đối xử với ông như là "tôi tớ."

Bây giờ, Lewenhaupt tiến thẳng đến doanh trại chính của Nga được bố phòng vững chãi. Lúc này cả doanh trại đã chuẩn bị sẵn sàng, và khi đội quân của Lewenhaupt tiến đến, đại pháo Nga bắn về phía họ. Nhưng Lewenhaupt, mãn nguyện vì được tác chiến độc lập, không hề sợ hãi mà xua 6 tiểu đoàn tấn công lên theo như sách vở chỉ dạy. Nhưng khi tiến đến tầm đạn súng nòng dài, ông thấy có một khe núi ngăn cản hướng tiến của mình. Không hề nhụt chí, ông điều động quân đi vòng quanh chướng ngại vật này, vẫn phấn khích chuẩn bị cầm đầu 2.400 người đánh vào 30.000 quân Nga.

Trong lúc ấy, bên trái của các tiền đồn và ở về phía xa, chủ lực quân của Thụy Điển chỉ có một trong ba sư đoàn đã tiến theo kế hoạch ban đầu, vì sư đoàn này do chính Rehnskiöld chỉ huy. Họ tiến nhanh qua các tiền đồn, hứng chịu tổn thất nhưng nhanh chóng tập họp lại ở khu đất bằng phẳng.

Đây là điểm hẹn cho toàn lực lượng bộ binh gồm 18 tiểu đoàn để chuẩn bị tiến đánh doanh trại của Nga. Thoạt đầu, các sĩ quan đi với Rehnskiöld tỏ ra hồ hởi: mọi việc đều diễn ra như kế hoạch ban đầu. Sau khi 6 tiểu đoàn cánh trái tiến đến điểm hẹn và di chuyển vào đội hình, các sĩ quan tiến đến chúc mừng nhà Vua.

Không may là, khi Rehnskiöld nhìn quanh để tìm kiếm các cánh quân còn lại, ông không thấy ai cả. Mười hai tiểu đoàn - lực lượng dưới quyền Lewenhaupt và Roos - đã mất tích. Trong chốc lát, vị trí 6 tiểu đoàn của Lewenhaupt được tìm ra: xa về phía trước và ở bên phải, đã hứng chịu hỏa lực quá mạnh và phải đi vòng quanh khe núi ở góc tây nam của doanh trại Nga. Rehnskiöld vội gửi liên lạc viên ra lệnh cho Lewenhaupt lập tức quay về họp lực với đại quân. Khi Lewenhaupt nhận được lệnh, ông nổi giận. Dù chỉ có bộ binh - không hề có khẩu pháo nào - nhưng quân của ông đã tràn ngập hai tiền đồn Nga và đang chuẩn bị tấn công phòng tuyến phía nam của doanh trại lớn với gươm và lưỡi lê. Mặt nam này của phòng tuyến được phòng bị lỏng lẻo, và Lewenhaupt cùng 2.400 quân dự định sử dụng chiến thuật kinh điển của Thụy Điển: xông vào điểm yếu, chọc thủng phòng tuyến rồi đánh dạt ra hai bên, lợi dụng sự hoảng hốt và hoang mang làm đồng minh. Liệu đội quân nhỏ nhoi này có thể làm cho đại quân của Pyotr hoang mang hay không là dấu hỏi lớn. Những binh sĩ Nga này không phải là tân binh như ở Narva, mà là cựu binh có kỷ luật. Hơn nữa, Pyotr đang chuyển quân về phía trước của doanh trại và chuẩn bị giao chiến, đấy là lý do tại sao Lewenhaupt thấy góc tây nam được phòng bị lỏng lẻo. Nếu các chiến binh Thụy Điển hung hăng này thật sự xông vào và đối mặt với quân số gấp 10 lần, họ có thể đạt ít thành công bước đầu, nhưng chẳng bao lâu họ sẽ bị

đè bẹp vì không được yểm trợ. Dù sao chăng nữa, họ được gọi về, và Lewenhaupt đành phải bất mãn mà dẫn họ quay về.

Bây giờ là 6 giờ sáng. Đối với Thụy Điển, họ có một khoảng thời gian yên ắng trong trận đánh. Đại quân - với Rehnskiöld, nhà Vua, kỵ binh và một phần ba của bộ binh - đã di chuyển về hướng tây bắc, ngang qua doanh trại Nga đến một vị trí đã định trước, để từ đây họ có thể tấn công hoặc doanh trại Nga hoặc điểm vượt sông ở Petrovka. Lewenhaupt đang dẫn 6 tiểu đoàn từ tường thành phía nam đến điểm hẹn với Rehnskiöld, lúc ấy Rehnskiöld sẽ có 12 trong số 18 tiểu đoàn bộ binh. Nhưng 6 tiểu đoàn kia đang ở đâu?

Họ vẫn đang còn ở phía nam của 6 tiền đồn nằm vắt ngang mà phần lớn vẫn còn nằm trong tay Nga, và vẫn đang cố chiếm cho được tiền đồn thứ ba và thứ tư trong số 4 tiền đồn nằm thẳng góc phía trước. Nỗ lực thật là dũng cảm nhưng không có giá trị gì nhiều. Mục đích duy nhất khi tấn công các tiền đồn là che chắn cho đại quân đi qua, sau đấy ngừng tấn công và phải đi vội theo đại quân. Nhưng không ai nói điều này cho Trung tướng Roos hiểu, nên vị tướng anh dũng này vẫn cố thực hiện điều mà các sĩ quan Thụy Điển thường phải làm: chiếm lấy vị trí của địch trước mặt.

Cuộc giao tranh ở các tiền đồn không kéo dài lâu. Ba lần Roos xua quân tấn công, ba lần quân của ông bị đánh bật lại. Cuối cùng, khi thương vong đã lên đến 40 phần trăm, ông quyết định rút lui. Ông định gia nhập đại quân, nhung không biết đại quân hiện đang ở đâu. Vì cần có thời gian để chỉnh đốn lại hàng ngũ, ông dẫn quân đi về khu rừng phía đông. Nhiều người bị thương cố bò lết để theo ông.

Trong lúc ấy, Pyotr đang đứng trên bờ thành phía tây và quan sát khu đất bằng phẳng. Ông thấy quân Thụy Điển đã đi qua các tiền đồn và giờ

đang tập trung bên tay phải của ông, về phía tây bắc. Cùng lúc, khi quan sát đường rút lui của Lewenhaupt, ông thấy có một khoảng trông trải dài từ doanh trại của ông đến các tiền đồn đã kháng cự Roos. Lập tức, Sa hoàng truyền lệnh cho Menshikov dẫn một lực lượng hùng hậu - 5 tiểu đoàn bộ binh rút từ doanh trại và 5 trung đoàn kỵ binh dưới quyền ông, tất cả gồm 6.000 quân - đi tìm Roos trong khu rừng, tấn công và tiêu diệt toán quân này. Lực lượng này cũng sẽ tiếp viện cho Pultowa, mà con đường dẫn đến thị trấn này đã được bỏ ngỏ.

Khi toán quân đầu tiên của Menshikov kéo tới, quân của Roos trông nhầm ra là quân Thụy Điển. Ngay trước khi họ nhận ra sự nhầm lẫn thì quân Nga đã tiến đến sát bên. Dưới hỏa lực của Nga, hàng ngũ xơ xác của Roos sụp đổ hoàn toàn. Trong cuộc giáp lá cà dữ dội, phần lớn binh sĩ của ông bị thương vong. Roos thoát được cùng với 400 quân, chạy về hướng nam trong khi kỵ binh của Menshikov đuổi theo bén gót. Gần đến Pultowa, quân Thụy Điển chạy xuống một con hào, nhưng quân Nga cũng theo kịp. Cuối cùng, bị đánh tơi bời, bị Nga truy kích ráo riết bằng quân số áp đảo, Roos không còn cách nào khác hơn là đầu hàng. Khi ông bị giải đi, tiếng đại bác ở hướng tây bắc bắt đầu gầm rú. Loạt đạn đầu tiên của trận đánh lớn đã nổ, nhưng Roos và đội quân của ông sẽ không thể tham chiến. Trước khi Trận Pultowa nổ ra, 6 tiểu đoàn - một phần ba lực lượng bộ binh Thụy Điển - bị tiêu diệt mà không đạt được mục đích gì.

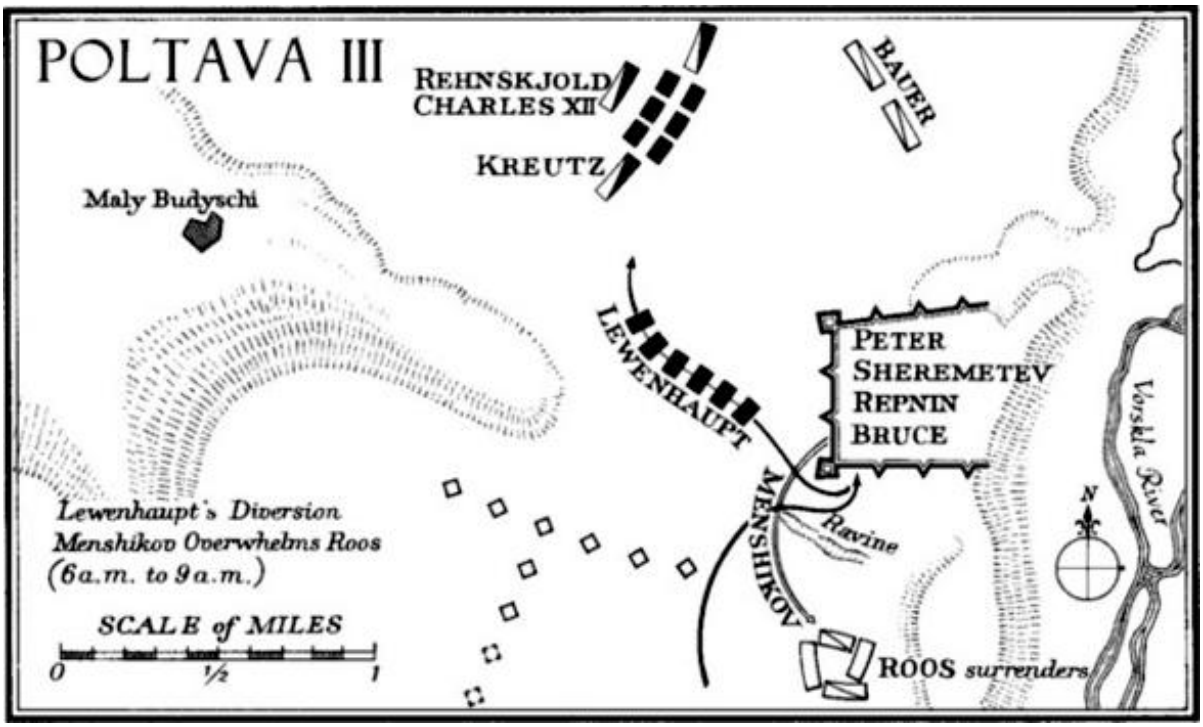

Trách nhiệm về thảm họa này có thể quy cho Roos vì đã giằng co quá lâu với các tiền đồn, hoặc quy cho Rehnskiöld vì đã không tin cậy các sĩ quan dưới quyền mà thông báo cho họ đầy đủ chi tiết trước khi xuất quân. Nhưng lỗi lầm chính ở chỗ bộ óc của quân đội Thụy Điển không còn làm việc nữa. Đầu óc sáng suốt, trầm tĩnh và uy quyền mà mọi người Thụy Điển luôn tuân phục tuyệt đối đã không suy nghĩ được ở Trận đánh Pultowa.

Ngay khi Rehnskiöld phát hiện lực lượng của Roos bị mất tích, ông gửi liên lạc viên quay lại tìm hiểu chuyện gì đã xảy ra. Liên lạc viên trở về báo cáo rằng Roos vẫn còn đang tân công các tiền đồn đầu tiên và gặp khó khăn. Rehnskiöld vội phái 2 trung đoàn kỵ binh và 2 tiểu đoàn bộ binh để tiếp ứng cho Roos. Trong khi ấy, đại quân Thụy Điển chỉ phải chờ đợi. Họ đang đứng trong tầm đạn pháo của Nga, cách góc tây bắc của doanh trại chính không đến 2 kilômét, ở vị trí hoàn toàn trống trải. Điều không tránh khỏi là pháo của Nga hướng nòng về phía họ. Đạn pháo gây thương vong

cho quân Thụy Điển, hai binh sĩ Cảnh vệ đứng gần nhà Vua bị tử thương, một quả đạn rơi trúng một người lãnh nhiệm vụ khiêng cáng trong trường hợp khẩn cấp. Đối với các sĩ quan xung quanh, ngoài những lo lắng và trách nhiệm khác, họ còn thêm lo âu cho sự an toàn của nhà Vua. Dưới tầm đạn pháo này, vài đội bộ binh rút về hướng nam đi vào khu rừng Maly Budyschi để tìm chỗ ẩn náu. Chính ở thời điểm này mà Lewenhaupt và những sĩ quan khác đều tiếc rẻ cho quyết định đã để phần lớn pháo lưu lại doanh trại. Bên Thụy Điển chỉ có 4 khẩu pháo để đáp lại 70 khẩu pháo bắn từ doanh trại chính của Nga.

Một giờ sau, Sparre, người đã dẫn 2 tiểu đoàn bộ binh đi tiếp ứng cho Roos, dẫn quân trở về báo cáo rằng không thể đánh xuyên qua lực lượng Nga đông hơn đang bao vây Roos. Vì thế ông đã theo lệnh mà quay về.

Rehnskiöld giờ ở trong tình trạng càng lúc càng nguy hiểm. Ông đã vượt qua được các tiền đồn; kỵ binh của ông đã đánh đuổi được kỵ binh Nga. Nhưng bây giờ, tình thế bị lật ngược. Cơn lốc ban đầu đã dịu đi, yếu tố bất ngờ đã mất. Trong hai tiếng đồng hồ, đại quân án binh bất động để chờ đợi hai sư đoàn bộ binh đi lang thang của Lewenhaupt và Roos đến điểm hẹn. Quân của Lewenhaupt đã đến, nhưng quân của Roos vẫn còn mất hút. Để lấp vào chỗ trống, Rehnskiöld phái liên lạc viên trở về đội quân Thụy Điển đang công hãm Pultowa, ra lệnh cho quân trừ bị đang bảo vệ xe hậu cần đến tăng viện ngay, mang theo đại pháo. Nhưng các liên lạc viên không thể đi đến nơi. Không có tăng viện cho bộ binh bị sứt mẻ hoặc cho 4 khẩu pháo.

Đã gần 9 giờ sáng, Rehnskiöld phải đi đến quyết định. Đại quân không thể cứ đứng yên mãi ở đây, mà phải hành động. Ông có ba phương án. Ông có thể đánh về phía bắc, tấn công kỵ binh Nga lần nữa, xuyên thủng phòng

tuyến địch rồi chiếm lấy điểm nước cạn Petrovka, giữ chặt ở đây mà chờ cho quân Nga chết đói. Khuyết điểm của phương án này là lực lượng của Thụy Điển không những quá mỏng, bị áp đảo mạnh về quân số, mà còn phải bị phân tán giữa Petrovka và Pultowa không thể tiếp ứng lẫn nhau; nếu Pyotr muốn tấn công, ông có thể chọn một trong hai lực lượng Thụy Điển mà lực lượng kia không thể can thiệp và còn có thể không hay biết gì.

Phương án thứ hai là đi theo kế hoạch ban đầu mà tấn công đại quân của Nga lúc ấy vẫn còn nguyên vẹn đang cố thủ sau các công sự bằng đất nện. Nhưng điều này có nghĩa là đội quân ít ỏi của Thụy Điển phải tiến qua khu đất bằng phẳng thẳng đến các họng súng đại bác đã gây thương vong trong hàng ngũ Thụy Điển. Một khi đã vượt qua được con hào và bức tường thành, quân Thụy Điển sẽ phải đối phó với 30.000 quân Nga trấn giữ phía trong.

Phương án thứ ba là phương án mà Rehnskiöld muốn chọn: rút lui. Lực lượng của ông quá yếu và rủi ro quá cao. Ông định kéo quân trở lại các tiền đồn Nga, tăng viện cho Roos để vượt qua các tiền đồn, rồi khi trở về điểm xuất phát hồi rạng sáng, ông sẽ triệu tập các tiểu đoàn đang canh gác xe goòng hậu cần và đang tuần tiễu dọc bờ sông phía dưới thị trấn. Lúc ấy, với đại quân 24 tiểu đoàn thay vì 12 như bây giờ, ông có thể quyết định sẽ đánh Sa hoàng ở đâu.

Nhưng khi binh sĩ của Rehnskiöld đang chuẩn bị thi hành những mệnh lệnh này, giải tán đội hình chiến đấu mà sắp xếp hàng ngũ để di chuyển, một chuyện đáng kinh ngạc xảy ra: cả đoàn quân Nga dường như chuyển động. Các cổng đều mở toang, các cây cầu được hạ xuống, và bộ binh Nga đang tiến ra rồi lập đội hình để chiến đấu trước mặt doanh trại. Lần đầu tiên

trong cuộc chiến, đại quân Nga đang chuẩn bị giao chiến với đại quân Thụy Điển với sự hiện diện của cả Sa hoàng và Vua Thụy Điển.

Quân Nga di chuyển một cách nhanh nhẹn và trật tự - cho thấy kết quả của công tác huấn luyện và tinh thần kỷ luật bây giờ là tính chất của quân đội Pyotr. Khi việc bố trí kết thúc, hàng chục nghìn người, ngựa xếp dày đặc trong đội ngũ hình cánh cung dài. Bên cánh phải quân Nga là Bauer chỉ huy 18 trung đoàn kỵ binh trong quân phục đỏ và xanh lục. Ở đầu cánh cung đối diện là Menshikov chỉ huy 6 trung đoàn kỵ binh. Ở giữa là các tiểu đoàn bộ binh trong áo choàng màu xanh lục dưới quyền của Sheremetyev và Repnin. Tư lệnh pháo binh, tướng Bruce, đã bố trí các khẩu pháo ở nhiều nơi. Một số pháo được đặt trên bức tường thành đất nện để bắn qua đầu quân Nga, một số khác do pháo thủ được bố trí phía trước bộ binh để chặn đón quân Thụy Điển bằng những loạt đạn bắn thẳng.

Pyotr ngồi trên lưng ngựa cùng với trung đoàn bộ binh Novgorod ở cánh trái. Quân phục của Sa hoàng tương tự như nhiều sĩ quan khác, chỉ khác là có dải lụa màu lam của Huân chương Sankt-Andrei. Quân sĩ bao quanh Pyotr, ba tiểu đoàn kỳ cựu ở Novgorod, mặc áo choàng xám và đội mũ đen. Đây là ý đồ đánh lừa của Sa hoàng. Thông thường, chỉ binh sĩ thiếu kinh nghiệm mới mặc áo choàng xám, nhưng Pyotr đã cho vài tiểu đoàn thiện chiến nhất mặc như thế hy vọng sẽ lừa được quân Thụy Điển mà đổ đến đánh hàng ngũ này.

Vị trí mới của quân Nga khiến cho Rehnskiöld bị thêm vấn đề tiến thoái lưỡng nan. Bộ binh Thụy Điển đã tách khỏi hàng ngũ chiến đấu, lập đội hình chuẩn bị di chuyển về phía nam để tìm kiếm Roos. Nếu ông cho họ di chuyển như thế và nếu Pyotr tấn công, đây sẽ không phải là trận chiến mà là

cuộc tàn sát. Rehnskiöld nhanh chóng ngừng cuộc rút lui, một lần nữa ra lệnh bộ binh sắp xếp lại hàng ngũ để chuẩn bị giao tranh với quân Nga.

Rehnskiöld và Lewenhaupt hội ý nhau rồi đến báo cáo với Karl rằng Pyotr đang mang quân ra ngoài. Karl hỏi: "Liệu có tốt hơn nếu ta tấn công kỵ binh trước và đánh đuổi họ đi?" Rehnskiöld đáp: "Không, chúng ta phải đánh bộ binh." Nhà Vua đang nằm và không thể quan sát trận địa. Ông nói: "Thế thì, ông phải làm theo cách ông nghĩ là tốt nhất."

Lúc 10 giờ sáng, quân Thụy Điển đã dàn thành đội ngũ. Kỵ binh Thụy Điển được đặt ở phía sau bộ binh, không phải ở hai cánh như kỵ binh của Pyotr. Bộ binh của Lewenhaupt giờ chỉ có 12 tiểu đoàn, chưa đến 5.000 quân. Đối diện ông là hai hàng bộ binh Nga, mỗi hàng đều đông hơn quân của ông. Hàng thứ nhất gồm 24 tiểu đoàn với 14.000 quân; hàng thứ hai gồm 18 tiểu đoàn với 10.000 quân (9 tiểu đoàn được giữ trong doanh trại làm lực lượng dự phòng). Sự khác biệt về quân số và hỏa lực khiến cho cuộc đôi đầu gần như là phi lý: 5.000 quân mệt mỏi vì đói khát và bệnh tật, không có pháo, chuẩn bị tấn công 24.000 quân có 70 khẩu pháo. Hy vọng duy nhất của Lewenhaupt là xuyên thủng phòng tuyến địch ở một điểm, tạo tình thế hoang mang rồi dồn lực lượng đông hơn dạt qua hai bên.

Đúng lúc này, mâu thuẫn giữa hai vị tư lệnh chính của Thụy Điển đến hồi chấm dứt. Rehnskiöld phi ngựa đến Lewenhaupt, người sẽ chỉ huy đợt tiến công gần như vô vọng. Cầm lấy tay vị tướng bộ binh, vị Nguyên soái nói: "Bá tước Lewenhaupt, ông phải xuất quân tấn công kẻ địch. Xin ông hãy đảm nhận danh dự phục vụ cho Hoàng thượng." Lewenhaupt hỏi lại có phải Rehnskiöld ra lệnh cho ông tấn công lập tức hay không. Vị Tổng Tư lệnh đáp: "Đúng, ngay lập tức." Lewenhaupt ra hiệu cho quân tiến công.

Lực lượng nhỏ bé một cách thảm thương: 12 tiểu đoàn tiến thành một hàng mỏng, cố gắng dàn rộng đội hình nên tạo ra nhiều khoảng trống.

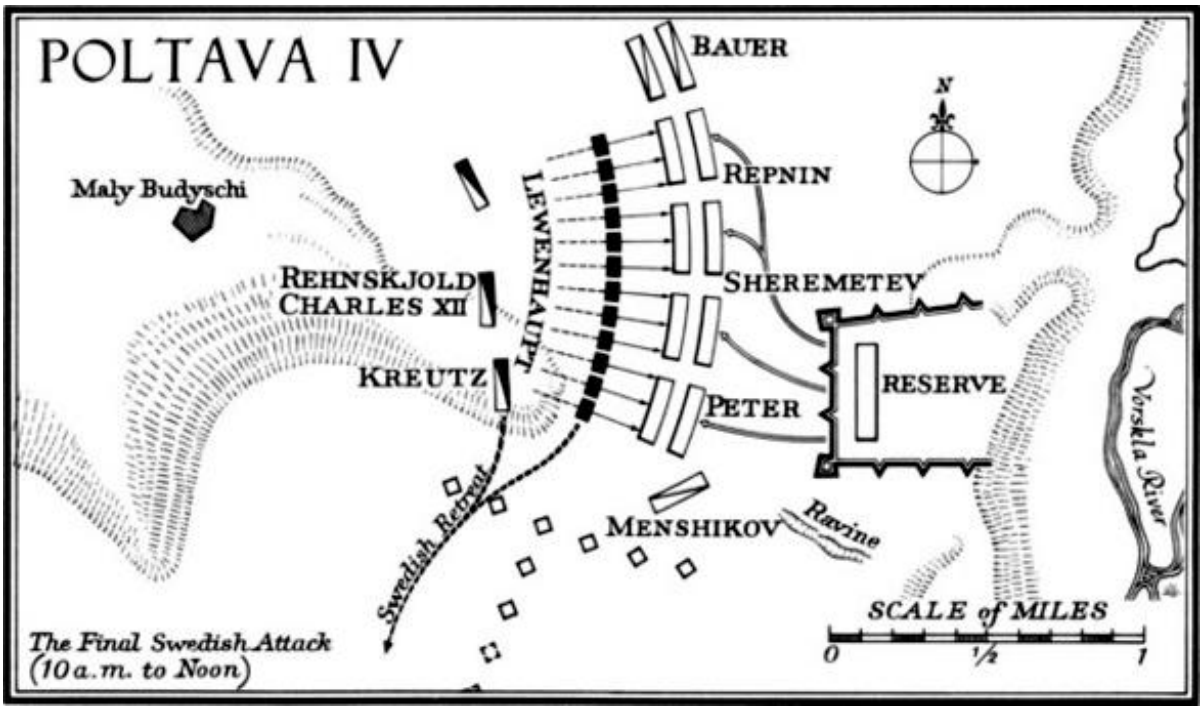

Khi bộ binh Thụy Điển tiến đến, pháo Nga gia tăng cường độ, rót đạn xuống đội hình Thụy Điển, nhưng quân Thụy Điển vẫn tiến bước mà không bắn trả phát nào. Do lực lượng Cảnh vệ dẫn đầu, các tiểu đoàn cánh phải tiến đến tấn công hàng bộ binh đầu tiên của Nga bằng gươm và lưỡi lê. Họ đánh quân Nga trước mặt dạt ra, bắt được các khẩu pháo đã bắn vào họ khi họ tiến đến. Trong vòng ít phút, các khẩu pháo này quay nòng về phía quân Nga giờ bắt đầu thối lui.

Lúc này, sau khi đã đạt được mục tiêu đầu tiên và chọc thủng được một phần phòng tuyến của địch, Lewenhaupt nhìn quanh tìm kỵ binh, đáng lẽ phải tiến nhanh để khai thác thời cơ, nhưng không thấy kỵ binh Thụy Điển nào cả. Thay vào đấy, qua làn khói trên bãi chiến trường, Lewenhaupt thấy các tiểu đoàn cánh trái đang bị khó khăn nghiêm trọng. Ở đây, đại pháo của

Nga, lúc trước đã tập trung yểm trợ cho kỵ binh họ rút về, giờ hạ nòng mà bắn thẳng vào bộ binh Thụy Điển đang tiến đến. Hỏa lực pháo hùng hậu đến nỗi hàng ngũ Thụy Điển bị bắn tan nát; trên phân nửa bị đốn ngã trước khi tiếp cận được bộ binh Nga. Giữa cánh trái đang khốn đốn và cánh phải - đang dồn lên để chuẩn bị tấn công hàng bộ binh Nga thứ hai - là một khoảng hở. Và khi cánh phải Thụy Điển càng tiến lên, khoảng hở càng rộng ra.

Pyotr cũng nhìn thấy những gì đang xảy ra. Ông quan sát thấy quân Thụy Điển đã bị phân ra làm hai cánh: cánh trái đang bị tổn thất nặng vì pháo của ông và không thể đe dọa được gì cánh phải của ông; và cánh phải Thụy Điển vẫn tiếp tục tiến đến, dấn sâu vào đội ngũ quân Nga, gần tiếp cận được với hàng bộ binh Nga thứ hai. Khi ông đang quan sát, khoảng trống càng rộng thêm. Pyotr phái một đội kỵ binh hùng hậu đánh vào khoảng trống này.

Chiến trận xảy ra đúng như Pyotr đã hy vọng và Lewenhaupt đã e sợ. Chính đội hình Thụy Điển mới bị đứt đoạn; chính kỵ binh Nga mới đánh dồn quân địch. Không còn bị kỵ binh Thụy Điển ngăn trở, kỵ binh Nga đánh phủ lên bộ binh Thụy Điển ở cánh phải. Đà tiến công nhanh của Thụy Điển thật ra giúp cho chiến thuật của Pyotr được thành công hơn: họ càng tiến sâu thì càng bị vây chặt hơn trong biển người của Nga. Rốt cuộc, đội tiên phong của Thụy Điển mất đà tấn công, bao mũi nhọn phóng ra đều bị khối quân Nga hóa giải hết.

Kỵ binh Thụy Điển cuối cùng đã đến, nhưng không phải toàn bộ lực lượng cua Rehnskiöld. Chỉ có 50 kỵ binh cầm gươm xuất trận vào giữa hàng ngũ bộ binh Nga, chẳng bao lâu đều bị trúng đạn, bị giáo đâm, hoặc bị kéo xuống khỏi yên ngựa. Bị tràn ngập và áp đảo, quân Thụy Điển cố rút

lui, ban đầu với tính kỷ luật kiên cường, nhưng rồi khi hốt hoảng tràn lan, họ trở nên rối loạn. Sau khi hầu hết sĩ quan của ông bị thương vong, Lewenhaupt chạy tới lui giữa hàng quân đã rệu rã, cố kêu gọi binh sĩ trụ lại mà chiến đấu, nhưng chỉ hoài công. Sau này, ông kể:

> Tôi van nài, dọa nạt, chửi bới… nhưng đều vô vọng. Họ làm như không hề trông thấy hoặc nghe tiếng tôi.

Trong suốt giai đoạn này của trận đánh, vóc người của Pyotr vươn cao hẳn giữa hàng quân của ông. Dù khổ người cao của ông tạo ra đích nhắm rõ ràng, ông không để ý gì đến hiểm nguy và luôn ra sức kêu gọi và động viên quân của mình. Việc ông không bị thương là điều đáng lấy làm ngạc nhiên, vì ông bị bắn ba lần trong trận đánh. Một viên đạn súng nòng dài bắn rơi chiếc mũ của ông, một viên đạn khác ghim vào yên ngựa, còn viên thứ ba bắn trúng ngực ông nhưng chạm vào và dội ra từ một biểu tượng cổ bằng bạc mà ông mang trên sợi dây chuyền vòng quanh cổ.

Trong vòng vài phút, cuộc tấn công của Thụy Điển đã tiêu tan, tuy vài đơn vị rời rạc còn tiếp tục giao chiến. Lực lượng Cảnh vệ Thụy Điển vẫn kiên cường như mọi khi, rồi ngã xuống nơi họ chiến đấu. Từng đại đội Thụy Điển bị bao vây rồi cùng ngã xuống khi quân Nga đổ xô đến, dùng giáo, gươm và lưỡi lê đâm chém và để họ nằm thành từng đống.

Kỵ binh Thụy Điển ở đâu? Một lần nữa, có lẽ vì họ không còn ở dưới sự điều động trực tiếp của vị tư lệnh cũ, Rehnskiöld, giờ đang cố gắng chỉ huy toàn quân. Bên cánh phải của Thụy Điển, kỵ binh bị chậm trễ khi huy động và bộ binh của Lewenhaupt đã tiến công mà kỵ binh chưa sẵn sàng để tiến theo. Rồi khi kỵ binh có thể tiến công thì họ bị trở ngại do địa hình khó

khăn. Bên cánh trái, kỵ binh Thụy Điển được phái ngăn chặn kỵ binh Nga đang quy tụ ở phía bắc. Khi vài trung đoàn kỵ binh cuối cùng phi đến cứu nguy cho bộ binh, họ thấy rằng thay vì cứu quân bạn, họ cần phải tự cứu mình trước: chính họ cũng bị pháo Nga bắn tan tác.

Và thế là, cuộc giao tranh tiếp diễn thêm nửa giờ đồng hồ như thế - vinh quang cho Pyotr, thảm họa cho Karl. Phần lớn bộ binh Thụy Điển xông vào đội hình của Nga đều bị hạ gục. Rehnskiöld nhìn thấy tất cả những gì đang xảy ra, thét lên với Piper: "Mất hết cả rồi!" Rồi ông xông vào giữa trận tuyến, và chẳng bao lâu bị bắt làm tù binh.

Chính Karl cũng ở giữa trận chiến. Nhà Vua cố gắng lớn tiếng hô hào động viên binh sĩ đang rối loạn, nhưng không ai để ý nghe ông. Hỏa lực Nga mãnh liệt đến nỗi "người, ngựa và cành cây đều rơi trên mặt đất."

Trong số 24 người được cắt cử khiêng cáng cho nhà Vua, 21 người bị đốn ngã, riêng chiếc cáng bị rách xác xơ. Trong một khoảnh khắc, không có người khiêng cáng, có vẻ như nhà Vua sẽ bị bắt. Thế rồi, một sĩ quan xuống ngựa và nâng Karl ngồi lên yên. Bông băng trên vết thương ông bị sút, máu rỉ ra. Con ngựa ông đang cưỡi bị bắn, và ông được đưa lên một con ngựa khác. Nhà Vua bám lấy cổ ngựa, phi trở lại hàng quân Thụy Điển với vết thương chảy máu ròng ròng. Ông hỏi Lewenhaupt: "Bây giờ chúng ta phải làm gì?" Vị tướng trả lời: "Không còn làm được gì ngoại trừ thu thập tàn quân lại." Dưới sự che chở của kỵ binh lúc này vẫn còn khá nguyên vẹn, ông điều động những toán bộ binh rút về phía nam qua các tiền đồn Nga đến doanh trại ở Pushkarivka lúc ấy tạm thời vẫn còn an toàn. Khi các toán quân tan tác đã rút về, các trung đoàn dự bị, pháo binh cũng như quân Cossack của Mazeppa và Gordeenko được bố trí phòng ngự xung quanh

doanh trại để chống lại sự truy kích của quân Nga. Lúc giữa trưa, phần lớn tàn quân đã về đến và có thể nghỉ ngơi.

Về hướng bắc, chiến địa đã trở nên yên ắng. Pyotr vui mừng cử hành lễ tạ ơn trên bãi chiến trường rồi dùng bữa tối. Trận Pultowa đã kết thúc.

38 ĐẦU HÀNG BÊN BỜ SÔNG

Bắt đầu trận đánh với 19.000 người, quân đội Thụy Điển bị tổn thất 10.000, gồm 6.901 tử trận và bị thương, 2.760 bị bắt làm tù binh. Trong số sĩ quan, 300 tử trận và 260 bị bắt; số bị bắt gồm cả Nguyên soái Rehnskiöld, Hoàng thân Max Xứ Württemberg, bốn trung tướng và năm đại tá. Bá tước Piper đi bên nhà Vua suốt ngày, cuối cùng bị lẫn lộn trong đám người hỗn loạn, lang thang trên bãi chiến trường cùng với hai thư ký và cuối cùng đi đến cổng thành Pultowa để đầu hàng.

Tổn thất bên Nga tương đối nhẹ - không phải là điều đáng ngạc nhiên vì phần lớn họ chiến đâu từ vị trí phòng ngự trong khi pháo của họ gầm rú trên đầu địch quân. Trong tổng số 42.000 quân, 1.345 chết và 3.290 bị thương. Số thương vong và kết quả đều đảo ngược tất cả các trận đánh trước đấy giữa Pyotr và Karl.

Khi quân Thụy Điển rút về Pushkarivka, quân Nga không đuổi theo. Đỉnh điểm của trận đánh là khi hai bên giáp lá cà, vì thế lúc chấm dứt hàng ngũ hai bên đều bị xáo trộn. Không hoàn toàn tin là mình đã chiến thắng, bên Nga muốn cẩn trọng. Tuy nhiên, quan trọng hơn, là Pyotr muốn tổ chức ăn mừng. Sau nhiều lần nâng cốc, ông cho triệu các tướng lĩnh và đại tá Thụy Điển bị bắt và mời họ ngồi quanh mình. Đây là thời khắc tuyệt vời

trong đời của Pyotr. Chín năm gian khổ và âu lo đã qua; nỗi tuyệt vọng khi nhìn đối thủ liên tục tiến công đã dứt. Tuy thế trong sự phấn khích, Pyotr không tỏ ra hống hách. Ông có thái độ ý tứ - ngay cả tử tế - đối với tù binh, đặc biệt là Rehnskiöld. Khi Bá tước Piper bị giải đến, ông này cũng được mời ngồi kế Sa hoàng. Pyotr luôn nhìn ra xung quanh, chờ đợi bất kỳ lúc nào đấy nhà Vua cũng sẽ bị giải vào. Ông hỏi đi hỏi lại: "Người em Karl của tôi đâu?"

Với vẻ tôn trọng, ông hỏi Rehnskiöld làm thế nào ông này dám dẫn một nhúm quân như thế để xâm lăng một đất nước bao la. Vị tướng trả lời rằng nhà Vua đã ra lệnh như thế và nhiệm vụ đầu tiên của một thuộc hạ trung thành là phải tuân thủ quân vương của mình. Pyotr nói: "Ông là người trung thực, và vì sự trung thành của ông, ta trả lại ông thanh gươm." Rồi khi đại bác trên trường thành bắn thêm một loạt đạn chào mừng, Pyotr đứng dậy, cầm ly rượu và đề nghị chúc mừng những vị thầy của mình trong nghệ thuật chiến tranh. Rehnskiöld hỏi: "Thầy của ngài là những ai?" Pyotr đáp: "Chính là các ông đấy." Vị Nguyên soái châm biếm: "Thế thì, các học trò nên cảm ơn thầy của họ."

Pyotr vẫn nói chuyện một cách hào hứng với các tù binh của minh và ăn mừng chiến thắng cho đến 5 giờ chiều, rồi có người mới nghĩ đến việc truy kích quân Thụy Điển. Lúc ấy, Sa hoàng ra lệnh cho Hoàng thân Mikhail Golitsyn dẫn lực lượng Cảnh vệ và Tướng Bauer dẫn kỵ binh đuổi theo Karl về phía nam. Sáng hôm sau, Menshikov dẫn thêm kỵ binh tham gia cuộc truy kích.

Đêm đó, sau khi tiệc ăn mừng chấm dứt, Pyotr dành thời giờ để viết một thư ngắn cho Ekaterina:

Matushka [Người mẹ bé nhỏ]:

Chào em. Anh cho em hay rằng hôm nay Thượng Đế luôn nhân từ đã ban cho chúng ta một chiến thắng chưa từng có trước đây đối với quân thù. Tóm tắt, cả đoàn quân của đối phương bị đánh vào đầu não, mà em sẽ nhận được chi tiết sau.

Pyotr

T.B. Hãy đến đây để chúc mừng bọn anh.

Thêm 14 thư dài hơn cho Romodanovsky (bây giờ từ Sa hoàng giả được nâng lên làm Hoàng đế giả), Buturlin, Boris, Pyotr Golitsyn, Dmitry Golitsyn, Apraksin, Pyotr Tolstoy, Aleksandr Kikin, Giáo chủ Stephen Yavorsky, cô em Công chúa Natalia, Hoàng Thái tử, và vài người khác. Nội dung các thư này đều giống nhau.

Thư này là để báo tin cho người biết, nhờ ân điển của Thượng Đế và lòng dũng cảm của binh sĩ, chúng ta vừa thu được một thắng lợi toàn diện và không ngờ, với nhiều máu đổ. Đây là những chi tiết của trận đánh.

Sáng nay, kỵ binh và bộ binh của địch tấn công kỵ binh của chúng ta, va sau cuộc chống trả dũng cảm, kỵ binh chúng ta bị tổn thất đáng kể phải thối lui.

Quân địch dàn đội ngũ tác chiến ngay phía đối diện với doanh trại của chúng ta. Ta lập tức kéo bộ binh của chúng ta ra để chống lại quân Thụy Điển, và đặt kỵ binh của chúng ta ở hai cánh.

Thấy thế, quân địch tấn công chúng ta. Quân ta tiến tới để giáp chiến, và chiến đấu với cách khiến cho quân địch bỏ chạy khỏi chiến trường mà không chống cự được bao nhiêu, để lại cho chúng ta một số đại bác và cờ hiệu. Nguyên soái Rehnskiöld, các tướng Schlippenbach, Stackelberg, Hamilton và Roos ở trong số các tù binh, cũng như Bá tước Piper, thủ tướng, các bí thư Imerlin và Cederheilm cùng vài nghìn sĩ quan và binh sĩ.

Trong một thời gian ngắn ta sẽ gửi thêm chi tiết; vào lúc này ta quá bận nên không thể thỏa mãn trọn vẹn lòng hiếu kỳ của mọi người. Tóm tắt, quân thù đã có cùng số phận như Phaeton[146]. Ta không thể cho biết tin tức về nhà Vua, không biết ông ấy ở giữa những người sống sót hoặc đã đi ngủ với cha ông của ông ấy. Ta đã phái Hoàng thân Golitsyn và Bauer với một phần của kỵ binh để truy kích những kẻ đào thoát. Ta chúc mừng mọi người về tin vui này và yêu cầu tất cả thẩm phán và quan chức trên đế quốc của ta xem đây là điềm lành.

Pyotr

Chính với câu phụ chú trong bức thư gửi Apraksin mà Pyotr diễn tả một cách súc tích nỗi sướng thỏa của mình và tầm quan trọng chung cục của Trận Pultowa:

Bây giờ, với ân điển của Thượng Đế, viên đá cuối cùng cho nền móng của Sankt-Peterburg đã được đặt xuống.

Thế là, chỉ trong một buổi sáng, Trận Pultowa đã chấm dứt cuộc xâm lăng của Thụy Điển vào đất Nga và vĩnh viễn thay đổi cục diện chính trị

Châu Âu. Trước ngày này, chính khách ở mỗi quốc gia đều trông chờ đón nhận tin Karl chiến thắng lần nữa, quân Thụy Điển tiến vào Moskva, Sa hoàng được thay thế và có lẽ đã bị giết trong cuộc chiến. Một Sa hoàng mới sẽ được tấn phong và trở nên bù nhìn giống như Stanislaus. Thụy Điển - vốn đã là Bà chủ phương Bắc - sẽ trở thành Nữ hoàng phương Bắc, nắm quyền phán xử mọi việc vùng Bắc và Đông Âu. Nước Nga sẽ bị thu nhỏ lại vì người Thụy Điển, Ba Lan, Cossack, và có lẽ cả Ottoman, Tatar và Trung Hoa chia nhau xâu xé những phần đất béo bở. Sankt-Peterburg sẽ bị xóa khỏi bản đồ, bờ Biển Baltic sẽ bị phong tỏa, và người dân Nga vừa được Pyotr khai sáng sẽ bị chặn lại trên đường cải tổ, bị đưa trở lại vào bóng tối của nước Nga thời xa xưa.

Pultowa là tiếng sấm đầu tiên báo hiệu với thế giới rằng một nước Nga mới đã được khai sinh. Trong những năm về sau, các chính khách Tây Âu - vốn chỉ để tâm đến những sự vụ của Sa hoàng hơn một chút so với Hoàng đế Ba Tư hoặc Đại vương Ấn Độ - biết rằng phải cân nhắc cẩn thận sức mạnh và quyền lợi của nước Nga. Cán cân quyền lực mới - được thiết lập trong buổi sáng này do bộ binh của Sheremetyev, kỵ binh của Menshikov và đại pháo của Bruce dưới đôi mắt của vị quân vương cao 2 mét - sẽ được tiếp nối và phát triển suốt các thế kỷ 18,19 và 20.

Quân đội Thụy Điển đã chiến bại nhưng chưa đầu hàng. Tổng số tàn quân tập họp ở Pushkarivka lên đến 15.000 người Thụy Điển và 6.000 người Cossack. Nhiều người bị vết thương mới, những người khác còn mang thương tật từ các trận đánh trước hoặc bị hoại tử trong mùa đông vừa qua. Một số ít là bộ binh; phần lớn sống sót là kỵ binh. Lewenhaupt bây giờ là tướng lĩnh có quân hàm cao nhất, và vị Vua bị thương sẽ phải trông cậy nơi ông.

Cần phải làm gì là điều khá rõ ràng. Quân Thụy Điển phải rút lui trước khi phía Nga nhận thức được tầm mức chiến thắng của họ và truy kích. Và đi đâu cũng là điều khá rõ ràng. Phía bắc, tây và đông là những đơn vị trong đoàn quân chiến thắng của Pyotr. Chỉ có đường về nam là còn rộng mở. Đây là đường đi đến lãnh thổ của Tatar, nơi họ có thể ẩn náu dưới sự che chở của Devlet Gerey. Karl có đủ thực tế để biết rằng sẽ được tiếp đón theo cách khác hơn lúc trước, nhưng ông hy vọng vị Hãn vương sẽ cho ông nương náu trong một thời gian để đoàn quân chiến bại nghỉ ngơi và hồi phục trước khi đi một quãng đường dài qua biên giới Tatar và Ottoman để về Ba Lan.

Vì thế, Karl quyết định đi về Perevoluchna cách xa gần 130 kilômét. Dọc đường có vài thị trấn của Cossack có thể tiếp tế lương thực cho đoàn quân. Lệnh di chuyển được ban ra buổi xế chiều ngày hôm đó. Đoàn quân rút lui có trật tự khỏi Pushkarivka, với pháo và xe goòng đi trước. Xe goòng nặng bị đốt rụi, ngựa kéo được giao cho kỵ binh sử dụng. Đây không phải là cuộc chạy trốn hỗn loạn, mà là đoàn quân có kỷ luật tuy bị chiến bại nhưng vẫn có thể tổ chức cách rút lui có hệ thống, vẫn còn nhiều nghìn binh sĩ nếu cần có thể tham gia một trận đánh đáng nể.

Tuy thế, tất cả sĩ quan và binh sĩ đều bị kiệt sức. Đêm trước họ không được ngủ - chỉ 18 giờ đồng hồ trước họ tập họp lại để chuẩn bị đánh các tiền đồn. Vào buổi tối, binh sĩ nhắm mắt bước lê theo sĩ quan của họ, được thôi thúc chỉ bởi ý nghĩ phải rời đi. Bệnh tình của Karl trở nên nặng hơn. Mệt nhọc vì thiếu ngủ, yếu đi vì vết thương sưng tây, bị sốc vì chiến bại, những điều vô định trong tương lai, và cái nóng nung người, ông ngủ thiếp đi trong xe goòng. Khi tỉnh dậy thì đoàn quân đã lên đường, đầu óc ông sánh đặc, không thể nhận biết những gì đang xảy ra. Ông hỏi tin tức về

Piper và Rehnskiöld, và khi được biết họ không có mặt ở đây, ông nói: "Được, được, hãy làm theo ý các ngươi."

Ngày kế, 29/6, thời tiết càng trở nên nóng bức. E sợ quân Nga đang đuổi theo, đoàn quân đi qua ba chỗ nước cạn của Sông Vorskla mà không nghĩ đến việc vượt sông. Đi tiếp thì dễ hơn là dừng lại để tổ chức vượt sông. Lúc 4 giờ sáng 30/6, Kreutz bắt kịp đại quân và báo rằng quân Nga đã bắt đầu truy kích; không chỉ Cossack, mà quân chính quy Nga cũng đang đuổi theo họ.

Trong hai ngày, đoàn quân lê bước đến nơi Sông Vorskla đổ vào Sông Dniepr. Buổi tối ngày 29, đội pháo binh, những xe goòng còn lại và khối người bắt đầu đến Perevoluchna, điểm hợp lưu của hai con sông. Không có chỗ nước cạn để vượt sông, và khi binh sĩ nhìn ra con sông rộng Dniepr, họ bắt đầu hoảng hốt. Thị trấn và hàng trăm tàu thuyền do dân Cossack Zaporozhsky tập trung đến đã bị quân Nga đốt rụi vào tháng 4. Hiển nhiên là số thuyền ít ỏi còn lại chỉ có thể chở một nhóm nhỏ sang sông. Đoàn quân có thể quay ngược trở lại để đi qua chỗ nước cạn, nhưng quân Nga đang đến gần nơi ấy. Hai con sông chắn ngang các hướng nam, đông và tây. Quân Thụy Điển không còn đường thoát.

Đây là thời khắc quyết định: chỉ một số ít người có thể sang sông. Ai sẽ đi? Lewenhaupt và Kreutz cùng quỳ xuống van xin nhà Vua nên thừa cơ hội này mà thoát thân. Lúc đầu Karl từ chối, muốn ở lại cùng đoàn quân và chia sẻ số phận của họ. Rồi khi cơn đau và mỏi mệt bao trùm lấy ông, nhà Vua đồng ý. Sau này, có người nói Karl bỏ rơi quân đội của ông để một mình thoát thân, biết rằng những người - vốn đã đi theo ông một cách anh dũng - khi bị bỏ ở lại sẽ đối diện với cái chết hoặc cảnh giam cầm. Nhưng quyết định của Karl dựa trên lý luận hợp pháp. Ông đang bị thương. Phần lớn

binh sĩ đi theo ông là kỵ binh và có thể thoát thân nhanh, nhưng Karl nằm trong một xe goòng chỉ gây thêm bận tâm và vướng víu. Và Karl là Vua của Thụy Điển. Nếu ông bị bắt, Sa hoàng có thể làm nhục ông bằng cách dắt ông đi diễu hành qua đường phố. Điều chắc chắn hơn, khi ở trong tay Nga, ông sẽ là gánh nặng khổng lồ trong bất cứ cuộc đàm phán nào với Nga. Để xin cho ông được tự do, Thụy Điển sẽ phải trả một giá rất đắt.

Có những lý do khác khiến Karl nên thoát thân. Nếu ông đi cùng đoàn quân đến được Crimea, ông sẽ bị cắt đứt khỏi quê hương, không thể làm gì được với những biến cố đương thời. Hơn nữa, ông biết cả Tây Âu sẽ vang dội tín tức về chiến thắng của Pyotr. Ông muốn đi đến một nơi thuận lợi để có thể bác bỏ lời lẽ sai lạc của Pyotr và trình bày quan điểm của Thụy Điển. Nếu đi đến được Ottoman, ông có thể thuyết phục người Thổ lập liên minh với ông, cung ứng một đoàn quân mới để ông tiếp tục cuộc chiến. Sau cùng, ông còn có trách nhiệm đối với những người Cossack đi theo, Mazeppa và Gordeenko. Nếu ông bị bắt, họ có thể bị kết án phản quốc và hành quyết. Để các đồng minh này rơi vào tay Nga sẽ là vết nhơ cho danh dự của Thụy Điển.

Vì các lý do như trên, nhà Vua quyết định sẽ đi cùng một số thương binh đến Ottoman, xin ẩn náu, chờ cho bình phục và chờ đoàn quân còn lại đến gia nhập. Riêng đoàn quân sẽ đi đến điểm nước cạn phía bắc để vượt Sông Vorskla, rồi đến điểm hẹn ở Ochakov trên bờ Biển Đen. Sau khi đoàn tụ, tất cả sẽ cùng về Ba Lan.

Đêm ấy, Karl được mang qua sông trên một chiếc cáng, cỗ xe của ông cũng được mang theo, cột giữa hai con thuyền. Suốt đêm ấy, những con thuyên đánh cá nhỏ chèo qua lại, đưa 80 Cảnh vệ, 700 kỵ binh và 200 bộ binh cùng nhân viên chính phủ. Nhiều người Cossack bơi lội giỏi nên bám

vào thuyền mà qua sông. Thuyền cũng giúp mang qua một phần kho báu của quân đội và hai thùng những đồng tiền vàng của Mazeppa mang theo từ Baturin. Tất cả có khoảng 900 người Thụy Điển và 2.000 người Cossack qua được sông.

Lewenhaupt nhận quyền chỉ huy đoàn quân ở lại. Ông đã tự nguyện ở lại để chia sẻ số phận của binh sĩ dưới quyền. Ông và Kreutz đã thảo luận với Karl về con đường đoàn quân sẽ đi và điểm hẹn ở Ochakov. Lewenhaupt đã hứa với nhà Vua rằng nếu quân Nga đuổi theo, ông sẽ chiến đấu. Hai người hiểu lầm nhau về việc này. Karl nghĩ rằng Lewenhaupt đã hứa là không đặt điều kiện nào, nhưng Lewenhaupt nói ông có ý là chỉ có thể chiến đấu sau khi dân quân ra khỏi Perevoluchna. Dù thế nào đi nữa, chỉ hai người này có thể diễn dịch sự thật ra sao. Riêng Karl đã không truyền đạt cho người khác biết về quyết định của mình. Một lần nữa, việc này giống như câu chuyện của Roos và các tiền đồn ở Pultowa. Khi không được thông báo về phương án tổng thể, các sĩ quan và đoàn quân không thể làm được gì.

Mục tiêu trước nhất của Lewenhaupt là đi ra khỏi Perevoluchna, quay về hướng bắc để đến điểm nước cạn trên Sông Vorskla. Nhưng đoàn quân đã quá mệt; nhiều người còn kiệt sức sau khi đã giúp đưa nhà Vua và đoàn người qua sông. Lewenhaupt cho phép họ nghỉ ngơi và chuẩn bị khởi hành lúc trời sáng.

Trong đêm, họ chuẩn bị để di chuyển nhẹ và nhanh. Tiền bạc được chia đều; mỗi người từ bây giờ đều phải tự lo. Đạn dược và lương thực cũng được phân chia, mỗi người chỉ mang theo đủ cơ số trên lưng ngựa; phần còn lại phải bỏ đi. Cũng phải bỏ tất cả xe goòng và pháo gây vướng víu. Tinh thần đoàn quân xuống thấp; kỷ luật bị lơ là. Mọi người thấy rõ rằng

con đường an toàn là vượt qua Sông Dniepr, và ủ rũ khi nghĩ đến việc sáng hôm sau phải quay trở về hướng bắc. Levvenhaupt cũng mệt mỏi, càng mất sức hơn vì bị tiêu chảy.

Bình minh sáng hôm sau, ngày 1/7, đoàn quân chuẩn bị di chuyển. Lúc 8 giờ sáng, khi họ sắp lên đường, 8.000 kỵ binh Nga và 2.000 Cossack dưới quyền Menshikov xuất hiện ở vùng đất trên cao. Vị Hoàng thân phái một tùy viên và một lính kèn đến để đưa điều kiện đầu hàng theo thông lệ. Levvenhaupt tham khảo với các đại tá. Họ hỏi mệnh lệnh cuối cùng của nhà Vua là như thế nào. Levvenhaupt không cho biết chi tiết về việc đi đến điểm hẹn Ochakov, mà chỉ nói Karl yêu cầu "tự chống trả càng lâu càng tốt". Các đại tá hỏi ý kiến binh sĩ dưới quyền. Binh sĩ cũng không dám nhận trách nhiệm, nên trả lời: "Chúng tôi sẽ chiến đấu nếu người khác cũng chiến đấu."

Càng thảo luận, ý định đầu hàng càng mạnh hơn. Dù quân Thụy Điển và Cossack đông gấp ba lần quân Nga, họ là quân chiến bại. Nhà Vua đã thoát thân, còn họ bị cô lập, đang phải đối diện với cuộc di chuyển trên quãng đường xa mà không biết sẽ đi về đâu. Nhiều người muốn chấm dứt chín năm chinh chiến. Một số sĩ quan hy vọng họ sẽ được nhanh chóng đưa về Thụy Điển để trao đổi với tù binh Nga. Tinh thần chủ bại tràn lan, có lẽ thêm yếu tố tâm lý vì họ ở dưới thấp gần bờ nước và quân Nga ở trên cao đang nhìn xuống. Cuối cùng là ảnh hưởng từ Pultowa. Huyền thoại về tính bách chiến bách thắng đã vỡ vụn. Quân Thụy Điển chỉ còn là những con người mỏi mệt và sợ hãi.

Lúc 11 giờ ngày 1/7, Lewenhaupt mang 14.288 người và 34 khẩu pháo ra đầu hàng mà không chống cự gì cả. Cộng với 2.871 bị bắt ở Pultowa, Pyotr bây giờ cầm giữ trên 17.000 tù binh Thụy Điển.

Quân Thụy Điển trở thành tù binh chiến tranh, nhưng 5.000 quân Cossack không được may mắn như thế: Menshikov không dành cho họ điều kiện nào cả. Nhiều người chỉ việc nhảy lên lưng ngựa và phóng đi, số còn lại bị tàn sát hoặc bắt giữ. Thi thể bị băm vằm của họ bị treo lên giàn xử giảo để biểu hiện số phận của kẻ phản quốc.

Trong lúc này, ở bờ Sông Dniepr bên kia, Mazeppa tổ chức cuộc thoát thân qua vùng thảo nguyên với cỏ mọc cao, nằm giữa Sông Dniepr và Sông Bug. Nơi này không có dân cư, để tạo vùng đệm giữa Nga và Đế quốc Ottoman. Không có cây cao, không có nhà cửa, không có nương rẫy - không có gì ngoại trừ cỏ mọc cao quá đầu người. Nguồn thực phẩm thì ít, còn nước uống chỉ có từ những con suối nhỏ, bị đục vì chảy ra từ đồng cỏ. Trời nóng đến nỗi đoàn người phải dừng lại nhiều tiếng đồng hồ lúc giữa trưa.

Ngày 7/7, quân Thụy Điển đi đến bờ đông của Sông Bug và có thể nhìn thấy mật khu an toàn phía bên kia bờ. Ở đây có thêm một trở ngại. Trong hai ngày, họ phải chờ đợi để thương lượng giá thuê thuyền và việc nương náu với đại diện của Hoàng đế viên Tổng trấn Ochakov. Rốt cuộc, sau khi chịu chi hối lộ, họ được cấp thuyền nhưng vẫn không đủ. Vào ngày thứ ba, vẫn còn có 300 quân Thụy Điển và 300 quân Cossack chưa qua sông.

Ngay khi Lewenhaupt đầu hàng, Menshikov phái Volkonsky dẫn 6.000 người vượt Sông Dniepr để đuổi bắt Vua Thụy Điển và Mazeppa. Họ đuổi theo kịp 600 người vẫn còn đang chờ sang Sông Bug. Quân Nga tấn công, và 300 quân Thụy Điển đầu hàng. Quân Cossack biết họ sẽ không được khoan hồng, nên chiến đấu đến người cuối cùng. Từ bên kia bờ sông, Karl bất lực nhìn trận chiến vô vọng.

Sự tàn sát này là trận đánh cuối cùng trong cuộc xâm lăng của Thụy Điển vào nước Nga. Trong 23 tháng kể từ lúc Karl rời khỏi Saxony, một đoàn quân vĩ đại bị tiêu diệt. Bây giờ, Vua Thụy Điển cùng với 600 tàn quân đi vào Đế quốc Ottoman, ở rìa ngoài của Châu Âu.

146. Trong thần thoại Hy Lạp, Paeton là con trai của thần Mặt Trời Helios, cố lái một cỗ xe mặt trời của người cha để định đốt cháy cả Trái Đất, nhưng vị thần chúa tể Zeus phóng tia sét đánh ngã anh. (ND)

39 THÀNH QUẢ TỪ TRẬN PULTOWA

Đối với Pyotr, chiến thắng Pultowa có tầm mức lớn lao đến nỗi một thời gian sau bữa tiệc mừng chiến thắng, ông vẫn còn trong trạng thái phấn khích. Hầu như khó tưởng tượng được rằng mối hiểm họa đã đe dọa nước Nga trong thời gian dài đến thế lại thình lình biến mất như thể đất Ukraina mở ra và nuốt chửng nó. Hai ngày sau trận đánh, Sa hoàng cùng với tướng lĩnh tiến vào Pultowa. Ông thấy thị trấn trong tình trạng hoang tàn sau hai tháng bị công hãm, tường thành thủng lỗ chỗ, 4.000 quân trú phòng kiệt lực và đói kém. Cùng với Đại tá Kelin - người kiên cường chỉ huy thị trấn - bên cạnh, Pyotr làm lễ tạ ơn và cử hành lễ thánh bổn mạng.

Khi Menshikov trở về trong chiến thắng sau khi quân Thụy Điển đầu hàng ở Perevoluchna, Pyotr bắt đầu ban thưởng. Menshikov được thăng quân hàm nguyên soái; Sheremetyev, đã là nguyên soái, nhận nhiều đất làm phần thưởng. Tất cả tướng lĩnh Nga đều được thăng cấp hoặc được thưởng đất, và mỗi người đều được tặng một chân dung của Sa hoàng cẩn kim cương. Bản thân Pyotr, lúc này vẫn mang quân hàm đại tá lục quân và đại tá hải quân, cũng tự cho phép mình được thăng cấp: bây giờ ông là trung tướng lục quân và chuẩn đô đốc hải quân.

Lúc ban thưởng và thăng cấp như thế, nghi lễ với Romodanovsky vẫn tiếp tục. Pyotr lên tiếng cảm tạ vị Hoàng đế giả:

Kính bẩm Hoàng thượng,

Lá thư của Hoàng thượng và chỉ dụ cho Nguyên soái và Hiệp sĩ [Huân chương Sankt-Andrei] Sheremetyev nhân danh Ngài phong thần làm chuẩn đô đốc hải quân và trung tướng lục quân đã được thông báo đến thần. Thần đã không xứng đáng đến thế, nhưng chỉ do Ngài đã độ lượng mà ban phát cho thần. Vì vậy thần câu xin Thượng Đế cho thần sức mạnh để phục vụ danh dự như thế trong tương lai.

Pyotr

Khắp nước Nga đều ăn mừng; ở Moskva người dân khóc vì vui sướng. Chiến thắng Pultowa có nghĩa là không còn ách xâm lăng đe dọa; và mọi người tin rằng sẽ không còn bị thu thuế nặng nề; những người chồng, cha, con trai và anh trai không còn phải xa nhà quá lâu. Lễ mừng công chính thức ở thủ đô được hoãn lại để chờ Sa hoàng trở về, nhưng trong lúc này Hoàng Thái tử Aleksei 19 tuổi thay mặt vua cha mở tiệc khoản đãi thịnh soạn để tiếp tất cả đại sứ nước ngoài tại Preobrazhenskoe. Em gái của Pyotr, Công chúa Natalia, mở yến tiệc đón tiếp phụ nữ có địa vị quan trọng ở thủ đô. Trên đường phố nhiều bàn tiệc chất đầy bia, bánh mỳ và thịt được đặt ra để mọi người cùng chúng vui. Suốt một tuần, chuông nhà thờ gióng liên hồi từ sáng đến tối, còn đại bác trên tường thành Kremlin bắn những loạt chào mừng.

Ngày 13/7, đoàn quân ở Pultowa đã chấm dứt việc ăn mừng. Thi thể của binh sĩ Nga và Thụy Điển được thu thập và an táng riêng rẽ trong những mồ

tập thể trên bãi chiến trường. Cả một vùng quanh thị trấn bị cạn kiệt vì phải nuôi quân (Tám ngày sau trận đánh, 12.000 kỵ binh Kalmuck đến để tăng viện cho quân Nga. Tuy đến quá muộn, họ cũng phải được nuôi ăn.). Ngoài ra, khi quân đội Thụy Điển bị đánh tan và vị Vua của họ đang đào tẩu, đây là thời gian để gặt hái thành quả. Hai vùng luôn chống đối Sa hoàng bây giờ bị bỏ ngỏ: Baltic và Ba Lan.

Trong các buổi họp của hội đồng chiến tranh các ngày 14-16 tháng 7, quân Nga được chia ra hai đạo. Sheremetyev dẫn tất cả bộ binh và một phần kỵ binh theo hướng bắc đến Baltic để đánh chiếm pháo đài cảng Riga-Menshikov dân phần lớn kỵ binh theo hướng đông đến Ba Lan để cùng với Goltz đánh quân Thụy Điển dưới quyền Krassov và người Ba Lan đã ủng hộ Vua Stanislaus.

Riêng Pyotr từ Pultowa đi đến Kyyiv, thủ phủ của Ukraina. Ở đây, ông dự một buổi lễ tạ ơn và nghe giáo sĩ cai quản địa phận Feofan Prokopovich cho một bài thuyết giảng hùng hồn, ca tụng Sa hoàng và nước Nga khiến cho Pyotr rất lấy làm hài lòng, đến nỗi ông nhắm đến vị giáo sĩ này cho chức vụ cao hơn. Sau này, Prokopovich sẽ trở thành một nhân tố quan trọng trong chương trình cải cách giáo hội của Sa hoàng.

Pyotr không định lưu lại Kyyiv, nhưng ngày 06/8 ông biên thư cho Menshikov cho biết mình ngã bệnh:

> Vì những tội lỗi của mình, tôi lên cơn bạo bệnh. Đấy đúng là cơn bệnh theo lời nguyền, vì tuy bây giờ không có chúng run rẩy và sốt nhưng vì bị buồn nôn và đau nhức, bất ngờ tôi phải nằm dưỡng bệnh, vì quá yếu nên tôi nghĩ phải đến ngày 10 hoặc lễ Thăng thiên tôi mới có thể rời khỏi nơi đây.

Pyotr muốn cả thế giới biết về chiến thắng của ông. Từ tổng hành dinh ở Pultowa, Sa hoàng gửi thư đến các đại sứ ở thủ đô, cung cấp những chi tiết của trận đánh. Sa hoàng cũng ra lệnh cho Menshikov viết một bức thư đặc biệt do một liên lạc viên cấp tốc mang đến cho Quận công Marlborough. Vốn vẫn nghe về chuỗi chiến thắng dồn dập của Thụy Điển, bây giờ Tây Âu tới tấp nhận được thư từ của Nga mô tả "chiến thắng trọn vẹn" của Sa hoàng và "thất bại thảm hại" của Karl XII. Từ vùng Flanders nơi ông nhận được tin sơ khởi trước khi thư của Menshikov đến nơi, Marlborough biên thư cho Godolphin ở London:

> Chúng tôi chưa nhận được tin xác nhận về trận đánh giữa Thụy Điển và Nga, nhưng nếu đúng là Thụy Điển bị đánh bại hoàn toàn như tin báo [sơ khởi], quả là suy nghĩ u uẩn khi sau những thành công suốt mười năm, chỉ trong hai tiếng đồng hồ ông ấy [Karl XII] xử lý sai lầm và thất bại, đã làm cho chính ông ấy và đất nước ông ấy bị hủy hoại.

Ngày 26/8, bức thư của Menshikov đi đến, rồi Marlborough biên thư cho vợ ông, Nữ Quận công Sarah:

> Chiều nay anh nhận được một bức thư của Hoàng thân Menshikov, người thân tín và tướng của Sa hoàng, về chiến thắng toàn diện đối với Thụy Điển. Điều không may là nếu nhà Vua đã được tham mưu đúng đắn vào mùa hè rằng nên kiến tạo hòa bình, ông ấy hẳn đã gây ảnh hưởng đến hòa bình giữa nước Pháp và các Đồng minh, và hẳn đã tạo hạnh phúc cho vương quốc ông ấy; trong khi bây giờ ông ấy hoàn toàn lệ thuộc vào quyền lực của các quốc gia láng giềng.

Khi tin tức lan khắp lục địa, quan điểm của Tây Âu, lúc trước vẫn thù nghịch và ngay cả khinh thường Pyotr và nước Nga, bây giờ thay đổi. Nhà triết học Leibniz - người sau Trận Narva đã tuyên bố mong mỏi được thấy Karl thông trị nước Nga cho đến Sông Amur - bây giờ nói rằng việc quân đội Thụy Điển bị tiêu diệt là một trong những bước ngoặc vinh quang nhất của lịch sử:

> Đối với tôi, người thiên về cái tốt cho loài người, tôi rất lấy làm vui mà thấy một đế quốc vĩ đại như thế đã tự đứng vững theo cách thức có lẽ phải và quy củ, và trên phương diện này tôi xem vị Sa hoàng là nhân vật mà Thượng Đế đã ủy thác cho những thành tựu vĩ đại. Ông ấy đã thành công trong việc gây dựng đội quân giỏi… ông ấy cũng sẽ thành công trong những quan hệ ngoại giao, và tôi sẽ lấy làm say mê nếu có thể hỗ trợ ông ấy làm cho khoa học phát triển trên đất nước ông. Tôi cho rằng trong lĩnh vực này bản thân ông ấy có thể làm tốt hơn là tất cả những quân vương khác đã làm.

Bỗng dưng Leibniz trở thành, một suối nguồn sôi sục đầy ý tưởng và đề xuất cho vị bảo trợ mới có tiềm năng này. Khi đề nghị mình bỏ công sức hỗ trợ, ông nhấn mạnh mình sẵn sàng vạch ra những kế hoạch cho một viện hàn lâm khoa học, cho những viện bảo tàng và đại học, thậm chí cho việc thiết kế những tấm huân chương để vinh danh Pultowa.

Khi vội vàng chuyển hướng theo tầm ảnh hưởng mới của Sa hoàng, Leibniz đang làm việc mà toàn Châu Âu sẽ làm. Nền ngoại giao được chuyển hướng một cách nhanh chóng. Nhiều đề nghị liên minh mới và hòa ước được liên tục gửi đến Sa hoàng. Vua của Phổ và Tuyển hầu tước của

Hanover đều bắn tin mong mỏi thiết lập quan hệ với Nga. Vasily Lukich Dolgorukov, đại sứ Nga tại Đan Mạch, được thông báo rằng Louis XIV sẽ lấy làm vui được liên minh với Sa hoàng: Pháp để nghị sẽ đảm bảo những vùng đất Nga đã chiếm được ở Baltic hầu làm suy yếu nền thương mại của Anh và Hà Lan. Với Karl đã thất trận, những kẻ thù của Thụy Điển vội quay trở lại hàng ngũ. Vua Frederick IV của Đan Mạch đề xuất với Dolgorukov một liên minh Đan Mạch-Nga mới để cùng chống Thụy Điển. Đây là điều vui mừng và oái oăm đối với Dolgorukov, người đã đàm phán trong nhiều tháng cho liên minh như thế nhưng thất bại. Sa hoàng đồng ý, và quân Đan Mạch tiến hành xâm lăng miền nam Thụy Điển trong khi Dolgorukov lấy làm mãn nguyện mà quan sát cuộc đổ bộ từ một chiếc tàu trong hạm đội của đoàn quân tấn công.

Tác động quan trọng nhất của chiến thắng Pultowa là những biến cố ở Ba Lan. Ngay khi nhận được tin, Augustus của Xứ Saxony tuyên cáo xé bỏ Hòa ước Altranstadt, theo đó ông phải từ bỏ ngai vàng Ba Lan, rồi dẫn 14.000 quân trở lại Ba Lan, triệu tập người ủng hộ ông để tái lập mối liên minh. Các yếu nhân Ba Lan đón chào Augustus trở lại, không còn quân đội của Karl hiện diện để bắt buộc họ phải chấp nhận Stanislaus, vì ông này đã trốn chạy đến Thụy Điển rồi đi đến doanh trại của Karl ở Đế quốc Ottoman.

Cuối tháng 9, sau khi đã vượt qua cơn bệnh ở Kyyiv, Pyotr bắt đầu cuộc hành trình dài trong ba tháng từ thủ phủ Ukraina qua Warszawa, Đông Phổ, Riga, Sankt-Peterburg và cuối cùng trở về Moskva.

Đầu tháng 10, sau khi ghé qua Warszawa, Pyotr đi thuyền theo Sông Wistla gặp Augustus trên sà lan hoàng gia của ông này gần Thom. Augustus cảm thấy bứt rứt; cả hai quân vương đã không gặp nhau kể từ khi ông ta ký hiệp ước với Karl và để cho nước Nga một mình đương đầu với Thụy Điển.

Nhưng Sa hoàng tỏ ra rộng lượng và vui vẻ, bảo Augustus nên quên đi quá khứ; ông hiểu rằng Augustus phải làm như thế chỉ vì bị bắt buộc. Tuy thế Pyotr vẫn muốn chơi khăm một cú về tính giả dối của Augustus. Pyotr nói: "Tôi luôn mang đoản kiếm mà anh tặng tôi, nhưng hình như anh không màng đến thanh gươm tôi tặng anh, vì không thấy anh đeo nó." Augustus trả lời rằng ông vẫn quý món quà của Pyotr, nhưng khi vội vã rời Dresden ông đã bỏ quên. Pyotr nói: "À, thế thì để tôi tặng anh thanh gươm khác." Rồi ông trao cho Augustus chính thanh gươm ông đã tặng lúc trước, vốn được tìm thấy trong hành lý của Karl ở Pultowa.

Đây là sự trả đũa đúng mức. Ngày 9/10/1709, Pyotr và Augustus ký một hiệp ước liên minh mới, theo đó một lần nữa Sa hoàng hứa sẽ hỗ trợ Augustus lên ngai vàng Ba Lan, trong khi một lần nữa Augustus cam kết sẽ chống Thụy Điển và mọi kẻ thù của Nga. Cả hai đồng ý rằng mục đích không phải là tiêu diệt Thụy Điển, mà chỉ để đẩy Karl quay về Thụy Điển và làm cho ông này yếu đi để không còn có thể tấn công các nước láng giềng nữa. Riêng lợi ích của Nga đã hình thành một phần trước khi ký hiệp ước. Vào cuối tháng 10, quân của Menshikov đã chiếm phần lớn Ba Lan hầu như không phải tốn công gì cả. Tướng Krassov của Thụy Điển đã thấy lực lượng ít ỏi của mình không thể chống lại quân Nga nên đã rút về bờ Biển Baltic, đưa quân vào ẩn trú trong các pháo đài Stettin và Stralsund của miền Pomerania thuộc Thụy Điển. Stanislaus cũng đi theo làm người tỵ nạn.

Từ Thorn, Pyotr đi thuyền xuôi dòng Sông Wistla đến Marienwerder để gặp Vua Friedrich I của Phổ, người đã lo ngại sự nổi dậy của quyền lực Nga mới ở Châu Âu nhưng cũng muốn chiếm phần trong lãnh thổ Thụy Điển ở Đức. Pyotr hiểu rằng ông này chỉ muốn giành chiến lợi phẩm mà không

tham chiến, nên tỏ ra lạnh nhạt. Tuy thế, cuộc gặp gỡ cũng thành công: hai bên ký hiệp ước phòng thủ, và Menshikov - ngươi hiện diện trong buổi hội đàm - được tặng huân chương cao quý của Phổ.

Trong cuộc gặp gỡ với Vua Friedrich I của Phổ, Pyotr cũng dàn xếp một cuộc hôn nhân. Đây là cuộc hôn nhân ngoại tộc thứ hai mà Pyotr dàn xếp, và cả hai thể hiện sự thay đổi sâu xa trong chính sách ngoại giao của Nga. Theo truyền thống, hoàng tử Nga chỉ cưới phụ nữ Nga để tránh bị pha trộn huyết thống của hoàng gia với người không phải theo Chính Thống giáo. Từ lúc vi hành Đại Phái bộ Sứ thần, Pyotr đã muốn thay đổi điều này, nhưng không quân vương nước ngoài nào thấy lợi lộc gì khi gả công chúa của họ cho vương triều Nga vốn không được xem là quan trọng trên chính trường Châu Âu. Từ năm 1707, Pyotr đã thuyết phục Công tước Wolfenbüttel cho phép con gái Charlotte của ông này kết hôn với Hoàng Thái tử Aleksei. Việc thương thảo vẫn kéo dài, vì vị Quận công không thấy phải vội vã gả con gái cho con trai của một Sa hoàng sắp bị Vua Thụy Điển truất phế. Những trở ngại thình lình được xóa bỏ sau Trận Pultowa; mối quan hệ với Moskva bây giờ có vẻ hấp dẫn. Ngay cả trước khí Công tước Wolfenbüttel có thể báo tin ông đã đổi ý, một sứ thần từ Wien mang đến để nghị của Hoàng đế gả em gái của ông này - nữ Đại công tước Magdalena - cho Hoàng Thái tử. Nhưng Pyotr tiếp tục thương thảo với vị Quận công, và sau đấy một hợp đồng hôn nhân được soạn thảo.

Cuộc hôn nhân ngoại tộc thứ hai mà Pyotr dàn xếp là giữa cháu gái của ông - Anna, con của Sa hoàng Ivan V - và Quận công trẻ Friedrich Wilhelm của Công quốc Courland, cháu của Vua Phổ Friedrich I. Theo sự dàn xếp này, Pyotr đồng ý rút quân Nga ở Courland về nước và cho phép Courland giữ vị thế trung lập trong những cuộc chiến tranh trong tương lai. Friedrich

I lấy làm vui vì có một vùng đệm giữa ông và nước Nga. Đối với Pyotr, cuộc hôn nhân của Anna có tầm quan trọng: đây là dấu hiệu Tây Âu đã công nhận vị thế mới của nước Nga. Cuộc hôn nhân của Anna được ăn mừng một năm sau ở Sankt-Peterburg. Không may là chú rể 21 tuổi vì uống rượu quá nhiều khi ăn mừng mà sinh bệnh và chết trên đường về nước. Anna vẫn là Nữ Quận công Xứ Courland rồi trở thành Nữ Hoàng đế nước Nga năm 1730.

Pyotr rời miền Đông Phổ để đến thị sát quân của Sheremetyev, lúc ấy đã xây xong công sự hãm thành Riga nhưng hoãn việc pháo kích trong khi chờ Sa hoàng đến. Ngày 9/11, Pyotr đến, và ngày 13/11 đích thân ông bắn ba quả đạn súng cối. Hành động này khiến cho ông nguôi ngoai mối căm hận đã bị ngược đãi khi ông đi qua thành phố này 13 năm trước lúc khởi đầu Đại Phái bộ Sứ thần. Nhưng Riga chống trả dữ dội, và trước khi rời đi Pyotr chỉ thị Sheremetyev không nên để quân sĩ ở dưới hào trong mùa đông, mà nên cho họ vào trong khu trú đông.

Từ Riga, Pyotr đi Sankt-Peterburg, "thiên đường" của ông giờ đã được vững chắc. Ông không lưu lại lâu, chỉ đủ thời gian để ra chỉ dụ xây một nhà thờ mới tôn vinh Thánh Samson vì Trận Pultowa xảy ra vào ngày của vị thánh này, để đặt ki cho một chiến hạm mới đặt tên là Pultowa, và để hướng dẫn việc thiết kế và làm đẹp các công viên. Rồi ông trở về Moskva ăn mừng chiến thắng. Đến ngày 18/12, khi mọi việc chuẩn bị đã xong xuôi, Pyotr được tin Ekaterina đã hạ sinh một bé gái. Ông lập tức ra lệnh hoãn cuộc diễu hành và cùng với vài cận thần đến thăm con gái, được đặt tên là Elizaveta, sau này là Nữ Hoàng đế Elizaveta của Nga.

Ngày 20/12/1709, lễ mừng chiến thắng ở Moskva bắt đầu. Các đội kỵ binh và pháo do ngựa kéo, tiếp theo là lực lượng Cảnh vệ diễu hành qua

dưới các cổng chào kiểu La Mã. Kế đến là Sa hoàng, cầm gươm rút ra khỏi vỏ, cưỡi một con ngựa Anh do Augustus tặng, mặc cùng bộ quân phục đại tá ông đã mặc ở Pultowa. Khi ông đi qua, phụ nữ rắc hoa dưới chân ông. Tiếp theo sau là 300 lá cờ chiến trận của Thụy Điển, bị dốc ngược và kéo lê trên mặt đường, rồi đến các tù binh cấp tướng đi thành hàng dài do Nguyên soái Rehnskiöld và Bá tước Piper dẫn đầu, cuối cùng là binh sĩ Thụy Điển - trên 17.000 người - đi qua đường phố Moskva phủ tuyết. Ngày kế, Sa hoàng dự lễ tạ ơn ở Thánh đường Thăng thiên, đứng giữa đám đông người chen lấn nhau để được gần ông.

Hai ngày sau, buổi lễ chính thức công bố chiến thắng và tưởng thưởng được cử hành với Romodanovsky ngồi trên ngai vàng. Từng người một bước đến ngai vàng và báo cáo công trạng của họ: hai nguyên soái Sheremetyev và Menshikov, kế tiếp là Pyotr đã được thăng quân hàm từ đại tá lên trung tướng. Sheremetyev được ghi công cho chiến thắng ở Pultowa, Menshikov cho việc bắt được tù binh ở Perevoluchna, và Pyotr chỉ được ghi công cho chiến thắng ở Lesnaya. Sau khi lắng nghe báo cáo, Romodanovsky trịnh trọng cảm ơn họ và tái xác nhận những việc thăng thưởng đã công bố trước đây.

Khi Rehnskiöld, Piper và những tướng lĩnh Thụy Điển khác được triệu vào, họ kinh ngạc thấy trên ngai vàng là một người lạ mặt, không phải là con người cao lớn mà họ đã gặp ở bữa tiệc sau trận đánh. Những tấm màn ở một bên gian phòng được kéo lên, mở ra những bàn tiệc với vật dụng ăn uống làm bằng bạc. Mọi người ngồi vào bàn mà không phân biệt giai cấp. Romodanovsky ngồi trên bục cao, xung quanh là hai vị Nguyên soái Sheremetyev và Menshikov, Bộ trưởng Ngoại giao Golovkin và Sa hoàng.

Các tướng lĩnh Thụy Điển ngồi vào một bàn riêng. Mỗi lần có đề nghị nâng cốc, trưởng ban nghi lễ đứng phía sau ghế Pyotr bắn một phát súng lục hướng ra ngoài cửa sổ để báo hiệu cho lính pháo binh bên ngoài. Một phút sau, khi nâng cốc, các bức tường rung chuyển vì loạt đại bác. Cuối buổi yến tiệc là màn trình diễn pháo bông mà đại sứ Đan Mạch mô tả là hoành tráng hơn là những gì ông chứng kiến ở London.[147]

Các tù binh Thụy Điển rốt cuộc đã đến đích của họ, Moskva, không phải trên cương vị người chinh phục mà là một phần của lễ diễu hành do Sa hoàng dẫn đầu. Tướng lĩnh cấp cao được đối xử tử tế; vài người được trở về Stockholm để mang theo những đề nghị hòa bình và trao đổi tù binh của Sa hoàng. Vị Hoàng thân trẻ Max của Württemberg được trả tự do không điều kiện, nhưng trên đường về qua đời vì sốt; Sa hoàng cho cử hành tang lễ theo nghi thức quân đội rồi cho mang xác của ông về cho bà mẹ ở Stuttgart. Những sĩ quan Thụy Điển muốn gia nhập quân đội Nga đều được Sa hoàng chấp nhận. Sau khi họ đã cất lời thề giữ lòng trung thành, ông phong cho họ cùng quân hàm như họ đã mang trong quân đội Thụy Điển và cho họ quyền chỉ huy các đại đội, tiểu đoàn và trung đoàn quân Nga. Không ai bị bắt buộc phải chiến đấu chống lại vua hoặc đồng đội cũ của họ. Thay vào đấy, họ được điều đi trấn ở các đồn biên phòng miền nam hoặc miền đông, nơi họ đi tuần tiễu để chống lại sự xâm nhập của các sắc dân Tatar Kuban, Kazak hoặc Châu Á.

Số còn lại bị giữ làm tù binh trên mọi miền nước Nga. Thoạt đầu, họ được tự do đi lại, nhưng người được về thăm nhà không bao giờ trở lại, và một số gia nhập quân đội Nga sử dụng quân hàm Nga của họ để trốn thoát. Sau sự lạm dụng này, những người còn lại bị hạn chế nghiêm ngặt.

Qua nhiều năm, sĩ quan Thụy Điển thường bị thiếu thốn, vì không có tiền. Binh sĩ nhận khoản chu cấp nhỏ của chính phủ quê nhà, nhưng sĩ quan không được gì. Trong số 2.000 sĩ quan, chỉ có 200 được gia đình họ gửi tiền; những người khác phải học một nghề để kiếm sống. Dần dà, những cựu chiến binh này vốn chỉ biết đánh trận đã phát huy được nhiều tài năng một cách đáng kinh ngạc. Ở vùng Siberia, 1.000 sĩ quan Thụy Điển trở thành thợ trong các việc sơn, tiện, mộc, cắt may, làm kim hoàn, làm giày, chế tạo bài tây, đồ nữ trang, hộp đựng thuốc lá… Có người lập nên trường học để dạy con em bạn tù (một số người gọi vợ qua sống chung với họ, một số khác cưới vợ Nga). Con cái của họ được giáo dục tốt hơn phần lớn con cái người Nga, học các môn toán, Latinh, Đức ngữ, Pháp ngữ cũng như tiếng Thụy Điển. Dần dà, các gia đình Nga kề cận gửi con em của họ đến trường của thầy giáo Thụy Điển. Vài sĩ quan đổi qua Chính Thống giáo, những người khác vẫn giữ đạo Tin Lành và xây nhà thờ cho riêng họ giữa vùng hoang dã. Dù Siberia là vùng khổ cực và buồn tẻ, vị thống đốc Nga, Hoàng thân Matvey Gagarin, nổi danh vì tính rộng lượng, và sĩ quan Thụy Điển ca ngợi tính cách hòa nhã và tha thứ của ông. Về sau, trong tiến trình Tây Âu hóa bộ máy công quyền, Pyotr cần đến những viên chức hành chính có kỹ năng. Một số sĩ quan Thụy Điển được nhận chức vụ ở Sankt-Peterburg để làm việc trong các trường quân sự mới được thành lập, cũng như Bộ Tư lệnh Hải quân, Tư pháp, Tài chính và Hầm mỏ.

Số binh sĩ Thụy Điển - trên 15.000 người - bị đối xử ngặt nghèo hơn. Họ cũng có cơ hội phục vụ trong quân đội Nga, nhưng nhiều người từ chối và bị đưa đi làm lao động. Họ làm việc trong hầm mỏ vùng Urals, bến cảng hoặc xây pháo đài ở Sankt-Peterburg. Sổ sách ghi chép đầy đủ nơi sinh sống của sĩ quan, nhưng không có sổ sách nào ghi chép binh lính. Nhiều

người sống ở thị trấn hoặc đất phong của giới quý tộc, rồi kết hôn và nhập vào cuộc sống trong giáo hội Nga và xã hội Nga. Khi hòa bình rốt cuộc được lập lại năm 1721 - mười hai năm sau Trận Poltowa - tù binh Thụy Điển được phép hồi hương, nhưng chỉ có 5.000 trong số hơn 40.000 quân của Karl trở về quê nhà.

Mùa xuân 1710, Pyotr gặt hái thành quả quân sự của chiến thắng Pultowa. Không còn bị quân Thụy Điển ngáng trở, quân Nga tung hoành khắp các tỉnh vùng Baltic của Thụy Điển. Trong khi Sheremetyev chỉ huy 30.000 quân công hãm Riga, Pyotr phái Đại tướng kiêm Đô đốc Fyodor Apraksin - vừa được phong Bá tước và ủy viên Hội đồng Cơ mật - dẫn 18.000 quân công phá Vyborg ở miền bắc. Thị trấn này là một pháo đài quan trọng và là điểm tập kết cho quân Thụy Điển để đe dọa Sankt-Peterburg. Năm 1706, quân Nga đã tấn công Vyborg từ đường bộ nhưng thất bại. Bây giờ, có yếu tố thuận lợi hơn cho Pyotr. Hạm đội Baltic của Nga ngày một lớn mạnh, gồm có khu trục hạm và thuyền galê; loại sau di chuyển bằng sự kết hợp của người chèo và buồm, thích hợp cho vùng nước nhiều đá ngầm của bờ biển Phần Lan, có thể vận chuyển cả hàng hậu cần lẫn binh sĩ và lẩn tránh chiến hạm Thụy Điển vốn chỉ có thể hoạt động ở vùng nước sâu.

Vào tháng 4/1710, ngay khi băng tan ở Neva, hạm đội Nga từ Kronstadt tiến ra dưới sự chỉ huy của Phó đô đốc Cruys và Pyotr - trong quân hàm mới Chuẩn đô đốc - phụ tá cho Cruys. Hạm đội đi đến Vyborg tiếp tế và tăng viện cho quân của Apraksin lúc này đang thiếu ăn, tăng quân số lên 23.000 người. Sau khi xem xét kế hoạch công hãm và chỉ thị cho Apraksin phải chiếm lấy thị trấn bằng bất cứ giá nào, Pyotr trở về Sankt-Peterburg

trên một chiếc tàu nhỏ, thoát khỏi sự săn đuổi của một chiến hạm Thụy Điển trong đường tơ kẽ tóc.

Suốt tháng sau, ở Sankt-Peterburg, Pyotr lại ngã bệnh. Vào đầu tháng 6, được tin cuộc vây hãm Vyborg sắp thành công, ông biên thư cho Apraksin:

> Tôi nghe ông sẽ mở cuộc tấn công ngày hôm nay. Mong Thượng Đế phù hộ cho ông nếu việc này đã xảy ra. Nhưng nếu chưa định thực hiện hôm nay, thì hoãn đến Chủ Nhật hoặc Thứ Hai để chờ tôi đến, vì hôm nay là ngày cuối cùng tôi dùng thuốc và ngày mai tôi sẽ được tự do.

Ngày 13/6/1710, thị trấn Vyborg với 154 sĩ quan và 3.726 quân trú phòng Thụy Điển rơi vào tay Apraksin. Pyotr đến vừa kịp lúc để chứng kiến việc đầu hàng. Sau đấy, việc càn quét và chiếm đóng cả Eo đất Karelia đã tạo nên một vùng đệm sâu 160 kilômét cho Sankt-Peterburg, có nghĩa là "thiên đường thiêng liêng" của Pyotr không còn sợ bị Thụy Điển tấn công bất ngờ từ phía bắc. Cảm thấy nhẹ nhõm và vui mừng, Pyotr biên thư cho Sheremetyev: "Qua việc chiếm thị trấn này, rốt cuộc Sankt-Peterburg được an toàn." Ông viết cho Ekaterina: "Bây giờ, với Thượng Đế phù hộ, đây là vùng đệm chắc chắn cho Sankt-Peterburg."[148]

Kế tiếp, tất cả thành trì của Thụy Điển dọc bờ nam của Biển Baltic đều đầu hàng trong mùa hè 1710. Ngày 10/7, Thành phố Riga rộng lớn với 4.500 quân trú phòng rơi vào tay Sheremetyev sau cuộc công hãm kéo dài 8 tháng. Thành phố này đã bị 8.000 đạn pháo bắn phá và quân trú phòng bị tổn hại do đói kém và bệnh tật mà Pyotr gọi là "cơn cuồng nộ của Thượng Đế".

Mặc dù Pyotr đã ký hiệp ước với Augustus quy định Livonia và Riga thuộc về Ba Lan, bây giờ ông cho rằng Nga đã đổ máu để chiếm lấy tình và thành phố này trong giai đoạn Augustus không còn là vua của Ba Lan và đồng minh của Nga, vì thế các lãnh thổ này phải thuộc về Nga. Sa hoàng trở thành một chủ nhân ông rộng lượng. Tuy giới quý tộc và thương nhân vùng Baltic phải cất lời thề trung thành với Nga, họ vẫn được giữ tất cả đặc quyền, truyền thống và quyền miễn trừ. Các nhà thờ vẫn là của giáo phái Lutheran; tiếng Đức vẫn là ngôn ngữ hành chính của tỉnh. Trong nhiều năm, vấn đề chủ chốt là làm sao sinh tồn - vì chiến tranh đã biến vùng đất này thành gần như sa mạc - nhưng giới quý tộc và người có địa vị cao không thấy phiền hà khi chủ nhân ông của họ được đổi từ Thụy Điển sang Nga.

Ba tháng sau khi Riga thất thủ, Reval - thành quả cuối cùng của Pultowa - cũng đầu hàng. Pyotr vui mừng tột độ:

> Thị trấn cuối cùng đã đầu hàng; Livonia và Estonia hoàn toàn vắng bóng quân thù. Nói tóm lại, quân thù bây giờ không có một tấc đất nào trên bờ trái của Biển Baltic. Bây giờ là tùy chúng ta phải cầu xin Thượng Đế cho nền hòa bình ổn định.

147. Sau Trận Pultowa, tháng 2/1710 đại sứ Anh Sir Charles Whitworth xin bệ kiến Sa hoàng để trình lời xin lỗi chính thức của Nữ hoàng Anh về việc làm nhục Andrei Matveyev trong chuyến đi Anh tháng 7/1708 làm đặc sứ của Sa hoàng. Lúc ấy, nhân viên thi hành án Anh bắt giữ Matveyev vì cho rằng ông thiếu nợ 50 bảng Anh, và đòi ông nộp khoản tiền này mới thả ông ra. Ông báo cáo với Bộ Ngoại giao Nga rằng mình bị đối xử tệ hại về lời ăn tiếng nói lẫn thể xác, và người Anh "không hề tôn trọng luật pháp thông thường gì cả". Pyotr

tỏ ra rất tức giận. Dù sau đấy Nghị viện và Nữ hoàng Anh xin lỗi, Matveyev vẫn phản đối dữ dội, và ngoại giao đoàn ở Anh cũng lên tiếng, đến nỗi Nghị viện Anh biểu quyết Luật Bảo vệ Đặc quyền Đại sứ (21/4/1709). Đây là luật đầu tiên trên thế giới bảo đảm quyền đặc miễn ngoại giao. Pyotr ra lệnh bỏ qua vụ việc. Nếu Nga không thắng trận Pultowa thì có lẽ vụ việc đã dừng lại ở đây. Nhưng Đại sứ Anh đến đệ trình bức thư xin lỗi chính thức của Nữ hoàng Anh, cùng với bản sao sơn son thiếp vàng của bộ luật nêu trên. (ND)

148. Qua nhiều năm, người Nga cố tiếp tục bảo vệ Sankt-Peterburg. Trong 109 năm, khi Phần Lan còn là Đại công quốc trong Đế quốc Nga thì không có mối đe dọa nào, nhưng vào năm 1918 Phần Lan được độc lập cùng với Vyborg và Karelia được sáp nhập vào Phần lan. Vì thánh phố (lúc này có tên Leningrad) chỉ cách biên giới Phần Lan hơn 30 kilômét, Chính phủ Liên Xô không muốn thiếu vùng đệm cần thiết trong sách lược của Pyotr, nên vào năm 1939 tấn công Phần Lan chủ yếu để lấy lại vùng đệm này. Kết quả là Phần Lan nhượng lại vùng đệm Vyborg và Karelia cho Liên Xô theo đường ranh giới gần đúng với vị trí dưới thời Pyotr. Trong Chiến tranh Thế giới II, vùng đệm này giúp bảo vệ Leningrad chống lại cuộc vây hãm của Đức Quốc xã kéo dài 900 ngày. (TG)

BỐN TRÊN CHÍNH TRƯỜNG CHÂU ÂU

40 THẾ GIỚI CỦA SULTAN

Pyotr được may mắn một cách diệu kỳ là trong thời gian ông trị vì, nước Nga không bao giờ phải chiến đấu với hai kẻ thù cùng một lúc. Ba Lan - kẻ thù truyền kiếp của Nga - trở thành đồng minh qua Hiệp ước 1686. Chiến tranh với Đế quốc Ottoman - do hai chiến dịch Azov của Pyotr khơi dậy - tạm dừng qua Hiệp ước 1700, sau đấy Nga có thể hợp lực với Ba Lan và Đan Mạch chống Thụy Điển. Qua những năm lao đao trước khi xảy ra Trận Pultowa, trong khi Thụy Điển có vẻ bách chiến bách thắng và một liên minh Ottoman-Thụy Điển có thể khép lại số phận của nước Nga, Sultan vẫn duy trì tình trạng hòa bình với Nga. Chỉ sau Trận Pultowa, Ottoman mới chậm chạp quyết định khiêu chiến với Nga. Chính vào lúc ấy, vì thái độ khinh địch của Pyotr và sự phản bội của một đồng minh mới ở vùng Balkan, một chiến dịch gần đi đến hậu quả thảm khốc cho nước Nga.

Đế quốc Ottoman trải dài qua ba lục địa, với mỗi tấc đất đều được chinh phục qua lưỡi gươm: toàn bộ đông nam Châu Âu, cả bờ biển bắc Châu Phi cho đến Morocco. Gần 30 quốc gia hiện nay đã được thành lập từ lãnh thổ của Đế quốc Ottoman[149]. Trên vùng đất bao la này, khoảng 25 triệu dân sinh sống - một con số khổng lồ vào thời đó, gần bằng gấp đôi bất cứ nước nào ở Châu Âu ngoại trừ Pháp. Cư dân Ottoman phần đông theo đạo Hồi; sắc tộc chính là người Thổ Ottoman, kế đến là Ả Rập, Kurd, Tatar Crimea,

Bosnian, Albani… Sultan cũng trị vì hàng triệu dân theo Cơ Đốc giáo: Hy Lạp, Serb, Hungary, Bulgaria…

Vì thế mà sợi dây chính trị nối kết những sắc tộc và tôn giáo khác nhau cần thiết phải linh động và lỏng lẻo. Sultan trị vì từ thủ đô Constantinople, nhưng bộ máy hành chính địa phương nằm trong tay những tiểu vương, hoàng thân, hãn vương…; có địa phương được tự trị mọi việc ngoại trừ danh nghĩa vẫn là chư hầu. Sultan chọn lựa những hoàng thân Cơ Đốc giáo vùng Balkan, nhưng một khi đã lên nắm quyền, lòng trung thành của họ chỉ thể hiện qua việc nộp triều cống. Mỗi năm, từng đoàn xe goòng tải đến Constantinople vàng bạc và những loại tiền thuế. Hãn vương Tatar của Crimea cai trị từ thủ phủ Bakhchisarai như là vị lãnh chúa độc tôn, chỉ có nhiệm vụ cung ứng 20.000-30.000 kỵ binh mỗi khi Sultan có chiến tranh.

Đế quốc Ottoman cực thịnh trong thế kỷ 16 dưới triều đại của Sultan Suleiman (1520-1566). Đây là thời kỳ hoàng kim của thủ đô trù phú Constantinople, khi hàng chục nhà nguyện bề thế rực rỡ được xây dựng và nhiều cung điện giải trí mọc lên ven bờ Eo biển Bosphorus và Biển Marmara. Bản thân Suleiman là người bảo trợ văn học, nghệ thuật và khoa học; ông yêu thích âm nhạc, thi ca và triết học. Quân đội Ottoman đã tiến đến Nam Tư cũ và Áo hiện giờ, để lại những nhà nguyện Hồi giáo rải rác khắp những sườn đồi và thung lũng vùng Balkan. Nổi giận vì những biểu hiện của đạo Hồi này, các vương quốc theo Cơ Đốc giáo ở Tây Âu xem người Thổ là kẻ xâm lược Hy Lạp và những sắc dân Cơ Đốc giáo khác. Nhưng Ottoman rộng lượng hơn, chấp nhận tôn giáo khác với đạo Hồi. Sultan chính thức công nhận Giáo hội Hy Lạp và giáo khu của giáo chủ và các tổng giám mục, cho phép các giáo đường Chính thống được duy trì tài sản của họ. Người Thổ cai trị qua định chế địa phương, và để đổi lại cho

tiền triều cống, các tỉnh Cơ Đốc giáo được phép duy trì hệ thống hành chính, thứ bậc và giai cấp.

Một điều lạ là người Thổ đánh giá cao thần dân Cơ Đốc giáo, tuyển họ vào biên chế triều đình trung ương và lực lượng Vệ binh của Sultan. Trong các tỉnh vùng Balkan, việc đổi qua đạo Hồi là chìa khóa để lớp trẻ thăng tiến. Ban đầu họ bị buộc phải theo học trường đạo Hồi, hấp thụ nền giáo dục nhằm xóa bỏ tất cả ký ức về cha mẹ, anh chị em, về mọi dấu vết của Cơ Đốc giáo. Lòng trung thành của họ chỉ cần đặt ở Kinh Koran và Sultan và họ trở thành giáo dân đạo Hồi can đảm, trung kiên, tham gia vào bất cứ lĩnh vực nào. Người thông minh nhất có thể làm thị thần trong hoàng cung hoặc học việc trong triều đình, rồi có thể leo lên chức vụ cao nhất trong bộ máy hành chính của đế chế. Nhiều người xuất chúng đi theo con đường như thế, và đế quốc Ottoman hùng mạnh thường do những nhà hành chính công gốc Cơ Đốc điều hành.

Nhưng phần lớn những trẻ này gia nhập Vệ binh. Họ sống suốt đời trong doanh trại, bị cấm kết hôn, để cống hiến hết mình cho Sultan. Về địa vị, Vệ binh là một loại hình nô lệ: doanh trại là nhà, Kinh Koran là đức tin, vị Sultan là chủ nhân, chiến đấu là nghề nghiệp. Trong những thế kỷ đầu, Vệ binh giống như giáo dân khoác áo chiến binh, tuyên thệ để chống lại kẻ thù của Thánh Allah và của Sultan. Họ cung ứng cho quân đội Ottoman một lực lượng lục quân được huấn luyện chu đáo, tận tụy và thiện chiến hơn bất kỳ quân đội nào khác ở Châu Âu cho đến khi quân đội mới của Pháp ra đời dưới triều Louis XIV.

Một đại đội Vệ binh tạo quang cảnh rực rỡ. Họ mang mũ màu đỏ thêu chỉ vàng, áo trắng, quần ống rộng, giày cao cổ màu vàng. Vệ binh bảo vệ Sultan được phân biệt qua giày cao cổ màu đỏ. Trong thời bình họ chỉ được

phép mang đại đao, nhưng khi ra trận mỗi vệ binh được chọn vũ khí mà mình ưa thích: giáo, gươm, và sau này là súng hỏa mai.

Vào năm 1653, lực lượng Vệ binh lên đến hơn 50.000 người. Trải qua nhiều thế kỷ, vệ binh già được phép nghỉ hưu, cưới vợ và gây dựng gia đình. Các gia đình Hồi giáo cũng như Cơ Đốc giáo đều muốn xin cho con trai mình được gia nhập Vệ binh, và theo thời gian đặc quyền này được thu hẹp cho con cái hoặc thân nhân của cựu Vệ binh. Lực lượng Vệ binh trở thành một giai cấp sinh ra đã được tự do, có đặc quyền, cha truyền con nối. Trong thời bình, họ lo làm ăn buôn bán, cũng giống như Cấm vệ ở Nga. Rốt cuộc, cũng giống như những lực lượng bảo vệ hoàng gia ở nhiều nước, họ trở thành nguy hiểm cho quân vương còn tệ hại hơn là kẻ thù của ông. Tể tướng, thậm chí Hoàng đế, lên voi xuống chó tùy thuộc vào quyết định bất chợt của Vệ binh cho đến năm 1826, khi lực lượng này bị giải tán.

Nhìn từ biển vào, Constantinople trông giống như một vườn hoa bao la. Vươn lên từ vùng nước xanh của Eo biển Bosphorus và Biển Marmara, với những mái vòm và tháp chen lẫn giữa những cây tùng bách màu xanh đậm và cây ăn trái đang trổ hoa, đấy là một trong những thành phố đẹp nhất thế giới. Hiện giờ có tên là Istanbul, thành phố vẫn còn sinh động nhưng không còn là thủ đô; chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ đã dời đến thành phố Ankara hiện đại nhưng cư dân có cuộc sống khổ hạnh. Nhưng trong thế kỷ 17, Constantinople là thủ phủ, trung tâm điểm về quân sự, hành chính, thương mại và văn hóa của Đế quốc Ottoman hùng mạnh. Với dân sô 700.000 - đông hơn bất cứ thành phố nào khác ở Châu Au - pha trộn nhiều sắc tộc và tôn giáo, thành phố có đầy giáo đường đạo Hôi, trường cao đẳng, thư viện, bệnh viện và nhà tắm công cộng. Hàng quán và nhà kho đầy ắp tất cả chủng loại hàng hóa từ mọi miền trên thế giới.

Hoàng cung nằm trên vùng đất cao, trong bức tường thành với hàng chục dinh thự, những vườn hoa với vòi phun nước và những đại lộ dài hai bên được trồng tùng bách, hoa hồng và tulip. Đây là thành phố trong một thành phố, nhưng chỉ để cho một người duy nhất vui hưởng; 5.000 gia nhân làm việc ở đây để phục vụ tất cả nhu cầu của Sultan@. Bàn ăn của Hoàng đế được phục vụ bởi các quan có chức danh riêng biệt hẳn hoi như: Phục vụ Khăn ăn, Phục vụ Khay, Phục vụ Trái cây, Phục vụ Đồ chua, Thủ lĩnh Pha Cà phê, Phục vụ Nước… Cũng có Thủ lĩnh Xếp Khăn đội đầu và Trợ lý Xếp Khăn đội đầu, Thủ lĩnh đội Giặt giũ và Tắm… Còn có những chức vụ cho các công việc châm ông điếu, mở cửa, làm vườn..; thậm chí còn có đoàn người lùn và người câm để Hoàng đế sai khiến làm liên lạc viên, đặc biệt người câm tỏ ra hữu dụng khi hầu Sultan trong những cuộc trao đổi mật.

Dù cho thần dân không thể trông thấy gì bên trong, cung điện chỉ là vỏ ngoài của cấm thành[150], là một thế giới càng được canh phòng cẩn mật hơn. Cấm thành chỉ dành riêng cho Sultan, khách đặc biệt của Sultan, phụ nữ cùng thái giám. Chỉ có một hành lang duy nhất dẫn từ vòng hoàng cung bên ngoài đến cấm thành, đi qua bốn cánh cửa được khóa kín. Mỗi cánh cửa được thái giám canh giữ ngày đêm, mỗi thái giám giữ một chìa khóa chỉ để mở canh cửa họ nhận trách nhiệm. Trong những gian phòng nơi Sultan muốn tiếp kiến cận thần trong vòng kín đáo, có vòi phun nước để tiếng nước chảy ngăn chặn việc nghe lén.

Cấm thành là một thế giới khép kín của những màn che đậy, lời đồn đại, mưu đồ và - bất kỳ lúc nào Sultan muốn - tình dục. Nhưng đây cũng là một thế giới được điều hành chặt chẽ qua nghi thức và giai bậc. Cho đến triều đại Suleiman, các Sultan đều kết hôn; đạo Hồi cho phép họ cưới bốn người

vợ. Nhưng vợ của Suleiman, một phụ nữ Nga tóc đỏ tên Roxelana, đã can thiệp quá sâu vào sự vụ đế chế khiến cho từ lúc này trở về sau, Sultan không kết hôn. Vì thế mẹ của Sultan là bà chủ của cấm cung. Người Thổ tin rằng bất luận người đàn ông có bao nhiêu vợ, ông chỉ có một người mẹ, là người có vị thế đặc biệt trong cuộc đời ông ta. Đôi lúc, khi Sultan còn nhỏ hoặc yếu đuôi, mẹ của Hoàng đế ban hành vương lệnh dưới danh nghĩa của ông. Dưới quyền mẹ của Sultan là mẹ của Hoàng Thái tử (sẽ kế vị ngai vàng) nếu có, rồi đến mẹ của những hoàng tử khác, cuối cùng là cung nữ. Trên thực tế, tất cả phụ nữ ở đây đều là nô lệ, và vì phụ nữ Hồi giáo không thể làm nô lệ, cấm cung chứa toàn người nước ngoài: họ đến từ Nga, Venice, Hy Lạp… Một khi đã bước qua cánh cửa cấm cung, người phụ nữ sẽ cư ngụ ở đây suốt đời. Không có ngoại lệ.

Phụ nữ được đưa vào cấm cung ở tuổi 10 hoặc 11, được cung nữ già có kinh nghiệm dạy bảo nghệ thuật quyến rũ của nữ giới. Sau đấy, người cung nữ chỉ chờ đợi giây phút khi Sultan ném chiếc khăn tay dưới chân cô, và cô được "ghé mắt". Không phải tất cả cung nữ mà Hoàng đế "ghé mắt" đều được triệu đến và được chăn gối với Sultan nhưng nếu đã qua việc này, họ sẽ được vào khu ăn ở riêng biệt, có thị nữ hầu hạ, có nữ trang, quần áo đẹp và tiền chu cấp. Vì tất cả phụ nữ trong cung cấm đều hoàn toàn tùy thuộc vào việc Sultan được vui lòng hay không, tất cả đều trông chờ cơ hội được kề cận Sultan và khi ấy đều ra sức làm cho Sultan được vui. Thế là có vài Sultan trở nên điên loạn thật sự sau nhiều đêm ngày tận hưởng hoan lạc do cả nhóm phụ nữ lúc nào cũng sôi nổi, nồng nàn phục vụ tận tình.

Không một đàn ông nào ngoại trừ Sultan được đi vào cấm cung. Đảm bảo tuân thủ việc này là nhiệm vụ của thái giám. Thoạt đầu họ là dân Châu Âu, nhưng từ thế kỷ 17 trở đi, 200 thái giám bảo vệ cấm cung là dân da đen.

Phần lớn họ được mua từ những chợ nô lệ vùng thượng lưu Sông Nile và bị thiến ở Aswan sau khi xuôi dòng sông. Vì đạo Hồi cấm việc thiến, công việc này do một sắc dân theo Cơ Đốc giáo phụ trách. Những đứa trẻ bị thiến này được các tổng trấn và tiểu vương ở Ai Cập dâng tặng cho Sultan.

Trên lý thuyết, thái giám là nô lệ và là nô dịch cho những nô lệ khác phục vụ phụ nữ trong cấm cung. Nhưng thái giám thường có quyền lực do được thân cận với Sultan. Sự liên minh giữa phụ nữ trong cấm cung và thái giám có thể gây ảnh hưởng mạnh đối với việc ban ân huệ và chức tước trong triều đình. Dần dà, người chỉ huy thái giám thường nắm vai trò quan trọng trong những sự vụ của đế chế trở thành người chuyên chế trong cả hoàng cung, đôi lúc chiếm vị trí thứ ba trong nấc thang quyền lực, chỉ đứng dưới Sultan và tể tướng. Chỉ huy thái giám thường sống trong cảnh giàu sang, có nhiều đặc quyền và nhiều người hầu hạ.

Trong hậu cung cũng như ở bất cứ nơi nào trên lãnh thổ đế quốc, Sultan được đối đãi gần như Thượng Đế. Phụ nữ không được đến gần ông nếu không có lệnh triệu vời. Khi ông đi đến, mọi người phải lánh mặt khỏi nơi ông sắp đi qua; có Sultan còn mang dép với đế làm bằng bạc để gây tiếng động báo trước. Khi có vũ nhạc giúp vui cho Sultan, nhạc công triều đình bị bịt mắt để tránh cho phụ nữ hoàng gia xao xuyến vì tia nhìn của họ.

Trong cấm thành có phòng khách, nơi Sultan thỉnh thoảng đón tiếp đại sứ nước ngoài. Vào những dịp này, ông ngồi trên một chiếc ngai bằng cẩm thạch, mặc bộ hoàng bào dệt bằng vải sợi vàng viền da lông chồn Nga, đội khăn trắng có gắn chùm lông trắng đen và một hạt cẩm thạch lớn. Lúc nào ông cũng ngồi ở vị trí sao cho người ngoại đạo chỉ nhìn thấy khuôn mặt trông nghiêng, không được phép nhìn trực diện để thấy toàn bộ gương mặt của ông.

Xuyên suốt lịch sử của họ, Đế quốc Ottoman luôn ở trong tình trạng chiến tranh. Khi Sultan có tính khí mạnh mẽ và thông minh, đế chế cường thịnh lên. Khi ông yếu đuối, đế quốc suy thoái. Điều dễ nhận thấy là cuộc đời trong cấm thành - xung quanh là phụ nữ đầy sinh lực nồng nàn và thái giám đầy mưu đồ - dễ làm cho Sultan suy nhược. Một tình huống thứ hai trong lịch sử của đế chế cũng khiến cho Sultan trở thành con người kém cỏi. Điều oái oăm là việc này bắt đầu bằng hành động nhân từ. Cho đến thế kỷ 16, truyền thống ở Ottoman là hoàng thái tử khi lên ngôi kế vị ra lệnh thắt cổ tất cả anh em trai còn lại, để triệt hạ tất cả âm mưu soán ngôi. Sultan Mehmet III thắt cổ tất cả 19 em trai và hạ sát luôn bảy bà vương phi của vua cha lúc ấy đang mang thai, để tận diệt mầm mống phản loạn.

Tuy nhiên, đến năm 1603, Sultan Ahmed I lên ngôi mới chấm dứt truyền thống khủng khiếp này khi không muốn giết người em nào. Thay vào đấy, ông cách ly họ trong một khu riêng biệt, nơi họ không liên lạc được gì với thế giới bên ngoài. Từ lúc này trở đi, tất cả hoàng tử Ottoman đều sống mỏi mòn trong khu biệt lập, bên cạnh chỉ có thái giám và cung phi đã quá tuổi sinh nở để ngăn ngừa họ có hậu duệ hòng làm phản. Nếu có một bé trai ra đời do sơ suất, đứa bé này không được phép làm xáo trộn thứ tự truyền ngôi, nên phải bị xử tử. Vì thế, khi một Sultan qua đời hoặc bị truất phế mà không có con trai kế vị, một hoàng tử sống trong khu biệt lập có thể được triệu đến để được tấn phong. Trong số những hoàng tử ngu dốt và thụ động này, hiếm khi triều đình tìm được người có đủ sự phát triển trí tuệ hoặc kiến thức về chính trị để trị vì đế chế.

Trong mọi lúc, và đặc biệt khi Sultan thiếu năng lực, tể tướng là người thật sự điều hành đế chế, quản lý tất cả sự vụ hành chính và quân sự - tất cả sự vụ ngoại trừ hoàng cung. Trên lý thuyết, tể tướng là bề tôi của Sultan.

Chiếc nhẫn mang con dấu của đế quốc mà tể tướng nhận từ tay Sultan là biểu tượng của việc bổ nhiệm; khi Sultan thu hồi chiếc nhẫn này có nghĩa là tể tướng bị bãi nhiệm. Nhưng trên thực tế tể tướng cai trị đế quốc. Trong thời bình, ông nắm quyền cao nhất tương đương với thủ tướng kiêm chánh án tòa án tối cao thời hiện đại. Trong thời chiến, ông còn là tổng tư lệnh quân đội, kế dưới ông là tư lệnh vệ binh và tư lệnh hải quân. Ông chủ tọa hội đồng nội các trong một gian phòng rộng có mái vòm, với những thành viên hội đồng ngồi trên các băng ghế bao quanh, ông ngồi ở giữa, mặc chiếc áo bào bằng hàng satin trắng và đầu bịt khăn dát vàng.

Tể tướng có quyền lực cực kỳ rộng lớn - có khi đủ mạnh để mưu đồ lật đổ Sultan - nhưng cũng có nhiều rủi ro và ít khi hứa hẹn một cái chết êm thấm. Khi bại trận, tể tướng bị quy trách nhiệm và tiếp theo đấy là bị cách chức, đi đày hoặc không hiếm khi bị thắt cổ. Giữa những năm 1682-1702, có 12 tể tướng đến và đi. Tuy thế, vào đầu thế kỷ 17, chính các tể tướng góp công cứu nguy cho đế chế trong khi Sultan vui hưởng lạc thú trong hậu cung. Bên ngoài, quyền lực của Ottoman suy giảm trầm trọng đến nỗi tàu thuyền của Venice và Cossack quậy phá thường xuyên. Đế quốc được cứu nguy do tài năng của một đại gia đình tể tướng gồm cha, con trai và em rể.

Năm 1656, khi đế chế gần sụp đổ, hậu cung đành phải cử một người Albani 71 tuổi, Memmed Korpulu, làm tể tướng. Ông này ra lệnh xử tử 50.000 đến 60.000 người để bài trừ tham nhũng. Năm năm sau, lúc ông qua đời, tình hình có phần ổn định. Dưới quyền tể tướng con trai Ahmed Korpulu của ông và sau đấy người em rể Kara Mustapha, uy quyền của Ottoman được hồi phục. Các hạm đội và bộ binh của Áo, Venice và Ba Lan bị đẩy lui. Năm 1683, đáp lời kêu gọi của Hungary chống Hoàng đế Leopold, Tể tướng Kara Mustapha đích thân dẫn 200.000 quân ngược dòng

Sông Danube, và lần thứ hai trong lịch sử, quân Ottoman tiến đến chân tường thành của Wien. Suốt mùa hè 1683, Châu Âu nghe ngóng trong âu lo. Nhiều trung đoàn của các lãnh thổ người Đức được huy động dưới cờ của Hoàng đế Hapsburg để chống lại người Thổ. Ngay cả Louis XIV, bình thường là kẻ thù của Hapsburg và bí mật liên minh với Ottoman, vẫn phải đến giải cứu một thành phố nguy nga theo đạo Cơ Đốc. Đến tháng 9/1683, quân liên minh các nước Tây Âu đánh đuổi người Thổ chạy xuống Sông Danube. Sultan ra lệnh thắt cổ Tể tướng Kara Mustapha.

Trong những năm kế tiếp, quân Ottoman đại bại do sức tiến công từ Wien. Quân Venice công hãm Athens, nhưng không may là trong đợt pháo kích của họ, một quả đạn rơi trúng ngôi đền Parthenon[151] được xây vào thế kỷ 5 TCN, lúc ấy được quân Ottoman dùng làm kho thuốc súng. Ngày 26/9/1687, ngôi đền còn khá nguyên vẹn bị nổ tung, để lại tình trạng như ngày nay.

Năm 1703, lúc Pyotr lâm vào cuộc chiến với Thụy Điển, Sultan Mustapha II bị lực lượng Vệ binh truất phế, người em trai 32 tuổi đang sống trong khu biệt lập được tấn phong làm Sultan Ahmed III và cai trị trong 27 năm tiếp theo. Là người thiên về mỹ học, thích thi ca, kịch nghệ, chuyên vẽ hoa, đam mê về kiến trúc, Sultan ra lệnh xây hàng loạt giáo đường Hồi giáo để làm vui lòng thần dân và công viên để làm ông vui lòng. Ông cho xây một loạt những nhà nghênh phong dọc Eo biển Bosphorus, vài nhà theo kiểu Trung Hoa, vài nhà khác kiểu Pháp, nơi ông ngồi dưới bóng râm cùng với cung tần mỹ nữ mà nghe ngâm thơ. Ahmed cũng thích kịch nghệ; vào mùa đông ông tổ chức trình diễn nghệ thuật kịch bóng[152] của Trung Hoa, vào mùa hè là những màn đánh trận giả quy mô hoặc đốt pháo bông. Buổi tối, trong khu hoa viên treo đầy đèn lồng hoặc ngập tràn ánh trăng, vị Sultan

cùng quần thần đi dạo mát, theo sau là ban nhạc, cẩn thận bước qua hàng trăm con rùa, với đèn nến lập lòe cắm trên lưng, bò dọc ngang giữa những luống hoa tu-líp.

Trong môi trường khép kín đầy hương hoa như thế Ahmed III sống cùng thời với triều đại sôi động đầy sóng gió của Pyotr Đại đế. Dù triều đại của ông kéo dài hơn, cách kết thúc của nó mang nét đặc trưng Ottoman. Năm 1730, 5 năm sau khi Pyotr qua đời, Ottoman lại lâm vào cơn xáo trộn. Ahmed nghĩ nên xoa dịu dân chúng bằng cách ra lệnh thắt cổ tể tướng, cũng là em rể của ông, rồi đem xác giao cho đám nổi loạn. Việc này chỉ trì hoãn tạm thời số phận của ông. Không lâu sau đấy, ông bị truất phế và người cháu kế vị hạ lệnh đầu độc ông.

149. Gồm có: Thổ Nhĩ Kỳ, Hy Lạp, Bulgaria, Romania, Nam Tư (sau này phân làm 6 nước độc lập), Hungary, Albani, Syri, Lebanon, Jordan, Do Thái, Aden, Kuwait, Ai Cập, Sudan, Libya, Iraq, Yemen, Tunisi, Algeri, Cyprus, Armenia, Georgia, và một phần nước Nga. (Cập nhật thông tin trong nguyên tác - ND)

150. Ở đây, có sự tương đồng giữa các ngôn ngữ Ả rập, Anh, Hoa và Việt. Tiếng Ả rập “harim” có nghĩa là cấm đoán, biến thể trong Anh ngữ là “harem” để chỉ nơi cung cấm. Các triều đình phong kiến Trung Hoa và Việt Nam đều có cấm thành. (ND)

151. Ngôi đền được xây để thờ nữ thần Hy Lạp Parthenos, tượng trưng cho sự khôn ngoan, được xem là một kiệt tác kiến trúc Hy Lạp cổ đại, hiện giờ chỉ là phế tích với mặt nền và vài hàng cột. (ND)

152. Loại hình trình diễn trên một tấm màn bằng vải trắng, sát phía sau tấm màn là những hình cắt của người, ngựa… có người diễn trò cầm tạo cử động, có một ngọn đèn phía sau nữa chiếu lên, khan giả phía trước màn chỉ thấy những hình ảnh cử động do bóng đen in trên tấm màn. (ND)

41 NGƯỜI GIẢI PHÓNG VÙNG BALKAN

Vào nửa cuối thế kỷ 17, một mối hiểm họa mới và khá bất ngờ từ phương bắc đe dọa Đế quốc Ottoman: Nước Nga đang mạnh lên. Từ trước đến lúc này, người Thổ nhìn Nga với cặp mắt khinh miệt; không cần đến chính họ, mà là dân Tatar ở Crimea cũng đủ đối phó với Nga. Thật vậy: chính Crimea vốn là chư hầu của Ottoman tiếp nhận tiền triều cống của Nga. Đối với Hãn vương Crimea, nước Nga là nguồn cung ứng nô lệ và gia súc khi hằng năm họ đến cướp bóc vùng Ukraina và miền nam Nga.

Việc Đế quốc Ottoman không màng đến nước Nga là do Nga phải chống chọi với những kẻ thù khác. Vào năm 1667, một sự thay đổi bất lợi cho Ottoman đã xảy ra: Nga và Ba Lan giải quyết tạm thời những mâu thuẫn giữa họ để hợp lực chống Ottoman. Đến năm 1668, vì muốn đánh Đế quốc Ottoman, Vua Jan Sobieski của Ba Lan giao trả tạm thời (nhưng rốt cuộc là vĩnh viễn) Thành phố Kyyiv cho chế độ Sofia để đổi lấy việc Nga liên minh với Ba Lan, Áo và Venice cùng chống Ottoman.

Bị các nước đồng minh thúc ép, Nga cuối cùng phải có hành động quân sự. Hai chiến dịch đánh Crimea vào các năm 1677 và 1689, do Vasily Golitsyn chỉ huy, đều thất bại. Constantinople càng nhìn thấy rõ tình trạng

quân sự yếu ớt của Nga, trong khi chiến bại của Golitsyn dẫn đến sự chuyên giao quyền lực từ Phụ chính Sofia sang đồng-Sa hoàng Pyotr. Từ lúc ấy trở đi, trong khi vị đồng-Sa hoàng trẻ tuổi đang tập trận, đóng tàu và đi kinh lý Arkhangelsk, mối liên hệ giữa Nga và Ottoman vẫn yên ắng. Theo công pháp quốc tế hai nước vẫn còn trong tình trạng chiến tranh, nhưng thực tế không đánh nhau.

Khi Pyotr lớn lên, ông tìm ra trong liên minh chống Ottoman và cuộc chiến chưa kết thúc một cơ hội để thực hiện giấc mộng cá nhân: tiến về phía nam và đưa hạm đội ra Biển Đen. Hai chiến dịch năm 1695 và 1696 ở Azov không phải để đánh Tatar, mà đánh một pháo đài Thổ do quân Thổ phòng ngự. Chiến tích của Pyotr khiến cho triều đình Sultan lo ngại: chiến hạm Nga dường như nguy hiểm hơn bộ binh Nga.

Bấy giờ, Sa hoàng đang tập trung hạm đội ở Taganrog và Azov, nhưng theo nhãn quan của Ottoman, may mắn là các pháo đài của Ottoman vẫn còn chế ngự được Eo biển Kerch để ngăn hạm đội Nga tiến ra Biển Đen mà Ottoman vẫn xem như "ao nhà" của họ.

Với mục đích khơi lại cuộc chiến, củng cố mối liên minh và có thể tìm thêm liên minh mới mà Pyotr tổ chức Đại Phái bộ Sứ thần vào năm 1697. Như ta đã thấy, ông bị thất bại trong mục đích này, và một khi các đồng minh của ông ký với Ottoman Hòa ước Carlowitz, nước Nga bị xem như nước nhược tiểu, bị bỏ mặc để tự tìm kiếm hòa bình với Ottoman. Sa hoàng không bao giờ tha thứ Áo vì đã không màng gì đến ông ở Carlowitz.

Chiến thắng đầu tiên của Nga đối với Ottoman tại Azov cho thấy ít nhất Nga đã có uy thế- dù cho tạm thời và trong phạm vi nhỏ so với một cường quốc mà Nga vẫn kiêng dè. Điều may mắn cho Nga là dưới triều đại của Pyotr, không có hoàng đế hoặc tể tướng Ottoman nào tài giỏi như trong quá

khứ. Đế quốc Ottoman có vẻ như uể oải, nhưng vẫn còn lãnh thổ khổng lồ, vẫn còn có tài nguyên vô tận, và khi bị khiêu khích có thể dùng sức mạnh mà đè bẹp láng giềng.

Đấy là ông khổng lồ ù lì nhưng vẫn còn năng lực tiềm tàng mà Pyotr muốn thách thức khi mang quân vào vùng Balkan năm 1711.

Cho đến năm 1710, hiệp ước đình chiến 30 năm với Ottoman mà Nga ký trước khi tham gia Đại chiến Bắc Âu đã kéo dài được 10 năm; ngay trong lúc Nga đang nguy khốn việc đình chiến vẫn được tôn trọng. Đây là nhờ công của Pyotr Tolstoy, đại sứ thường trực đầu tiên của Nga ở Constantinople, người có tố chất mạnh mẽ, kiên trì và tự tin.

Tolstoy cần đến những đặc điểm trên cộng thêm may mắn. Sinh năm 1645, khởi đầu ông theo phe dòng họ Miloslavsky và nhiệt tình ủng hộ Phụ chính Sofia, nhưng ngả về phe Pyotr ngay trước khi cuộc đối đầu giữa Sofia và Pyotr kết thúc năm 1689. Vì không tin tưởng lắm nơi người vừa bỏ hàng ngũ đối đầu, Pyotr điều Tolstoy đi nhậm chức ở Tỉnh Ustiug xa xôi ở miền bắc. Ở đây, với tư cách tổng trấn, Tolstoy tiếp đãi Sa hoàng trong các chuyến kinh lý Arkhangelsk năm 1693 và 1694. Tolstoy tạo ấn tượng tốt, càng tốt thêm khi tham gia Chiến dịch Azov.

Cuối cùng, năm 1696, ông được Sa hoàng trọng vọng khi đi học đóng tàu và hải hành ở Venice dù ở tuổi 52 và đã có vợ con. Ông học đạt kết quả, nhưng quan trọng hơn, là đã học được tiếng Ý và hiểu được điều gì đấy về đời sống và văn hóa phương Tây - đều có ích trong đời làm ngoại giao sau này. Khôn khéo, trầm tĩnh và biết nắm thời cơ, Tolstoy trở thành nhân vật rất đắc dụng cho Sa hoàng. Nhận ra tài năng của ông, Pyotr giao phó cho ông hai nhiệm vụ khó khăn: làm đại sứ ở Constantinople và dẫn dụ Hoàng Thái tử Aleksei từ nước ngoài trở về Nga. Để tưởng thưởng công lao, Sa

hoàng phong bá tước cho ông, nhưng không bao giờ quên rằng trước đây ông đã ở trong phe chống đối. Một lần, khi ý nghĩ này len lỏi vào đầu óc, Pyotr dùng hai bàn tay khỏe mạnh của mình ôm lấy đầu ông và nói: "Này, đầu ơi là đầu! Mi không thể còn ở trên đôi vai của mi nếu không nhờ mi đã thông thái như thế"

Tố chất và kinh nghiệm của Tolstoy khiến ông rất thích hợp trong vai trò đại sứ của Nga tại triều đình Ottoman. Khi nhậm chức năm 1701, Tolstoy được lệnh phải duy trì sự đình chiến giữa Nga và Ottoman, thu thập thông tin về những quan hệ ngoại giao và nội tình chính trị của Ottoman, đánh giá những nhân vật đang cầm quyền và có triển vọng sẽ lên cầm quyền, tìm hiểu chiến thuật quân sự của Ottoman và sức mạnh của những pháo đài Ottoman ở Biển Đen. Đấy là những nhiệm vụ đầy thách thức, nhất là khi Ottoman không muốn có Đại sứ Nga ở Constantinople. Những nước khác cử đại sứ đến Constantinople là vì quan hệ thương mại, nhưng không có thương mại giữa Nga và Ottoman, vì thế triều đình Ottoman càng nghi ngại sự hiện diện của Tolstoy.

Thoạt đầu, Tolstoy gần như bị Ottoman quản thúc tại gia. Như ông báo cáo với Sa hoàng:

> Họ không thích tôi bởi vì kẻ thù trong nước họ, người Hy Lạp, có cùng tôn giáo với chúng ta. Người Thổ có ý nghĩ là khi sống cùng những người Hy Lạp đó, tôi sẽ sách động những người ấy đúng lên chống đối, và vì thế người Hy Lạp bị cấm giao du với tôi. Những người Cơ Đốc sợ hãi đến nỗi thậm chí không ai dám đi ngang qua tư dinh của tôi… Không có gì làm cho họ khiếp đảm bằng hạm đội của Hoàng thượng. Có lời đồn đại rằng bảy mươi tàu cỡ lớn đã dược đóng ở

Arkhangelsk, và họ nghĩ rằng khi cần thiết những chiếc tàu này sẽ đi vòng qua Bắc Băng Dương vào Địa Trung Hải và tiến thẳng đến Constantinople.

Dần dà, dù qua bao khó khăn, Tolstoy vẫn thiết lập được một mạng lưới tình báo, một phần dựa trên tổ chức của Giáo hội Chính thống ở Ottoman, một phần nhờ vả nơi Hà Lan vốn có nhiều kinh nghiệm về mê cung chính trị của Ottoman. Trong thời gian Tolstoy làm đại sứ, mê cung này thật sự phức tạp. Tể tướng thay nhau đến rồi đi, vài người tỏ ra dễ chịu đối với Tolstoy hơn người khác, nhưng vị thế của ông không bao giờ được thoải mái. Vào năm 1702, Tể tướng Daltaban Mustapha nhậm chức, quyết chí ủng hộ Hãn vương Tatar nhằm dấy lại chiến tranh với Nga. Bằng cách hôi lộ hào phóng, Tolstoy tố cáo mưu đồ của Tể tướng với mẹ của Hoàng đế, kết quả là Daltaban bị hạ bệ và bị chặt đầu. Vị Tể tướng tiếp nhiệm đối xử với Tolstoy thận trọng hơn, nhưng vẫn có hai Vệ binh canh gác tư dinh và theo dõi mọi hành động của ông.

Đến năm 1703, khi Hoàng đế Mustapha II được thay thế bởi Ahmed III, ban đầu Tolstoy được tự do đi lại, nhưng khi có tể tướng mới ông lại bị hạn chế. Ông báo cáo về Moskva:

> Tể tướng mới rất có ác cảm với tôi; tình trạng khổ sở của tôi, những vấn nạn và nỗi sợ hãi của tôi càng tồi tệ hơn lúc trước. Một lần nữa, không ai dám đến gặp tôi và tôi không thể đi đâu được. Phải khó khăn lắm tôi mới gửi được bức thư này. Đây là tể tướng thứ sáu trong nhiệm kỳ của tôi, và là người tệ nhất trong số họ.

Một phần sự ngược đãi đối với Tolstoy là do sự ngược đãi của Nga đối với Đại sứ Ottoman ở Moskva. Được phái đến để thông báo việc Sultan Ahmed III mới lên ngôi, Đại sứ Ottoman được tiếp đãi lịch sự, nhưng bị buộc phải chờ đợi trong một thời gian dài trước khi có thể diện kiên Sa hoàng. Việc trì hoãn là cố ý: Pyotr muốn có thời gian để tạo ấn tượng cho Đại sứ Ottoman về sức mạnh của Nga. Hơn nữa, Pyotr còn ngăn cản vị đại sứ đi xem hai nơi mà ông này muốn xem nhất: căn cứ hạm đội Nga ở Biển Azov, và công xưởng đóng tàu tại Voronezh.

Những việc này đã bị trả đũa bằng việc đối xử lại Tolstoy ở Ottoman khi đại sứ của hoàng đế báo cáo về nước than phiền sự đối xử của Nga. Tolstoy nói:

> Ông ấy [Đại sứ Ottoman] đã viết gì thì tôi không biết, nhung họ ngược đãi tôi theo cách kinh khiếp, nhốt cả chúng tôi [phái bộ Nga] vào nhà tôi và không cho ai ra vào. Có vài ngày chúng tôi không có thực phẩm vì không ai được phép đi ra ngoài để mua bánh mỳ, phải khó khăn lắm tôi mới cho nhiều quà cáp để được phép cử một người ra ngoài mua lương thực.

Tolstoy cũng lo rằng một nhân viên trong đại sứ quán của ông chuyển sang đạo Hồi và rồi phản bội lại nhiệm vụ tình báo. Rốt cuộc, việc này đã xảy ra, và ông báo cáo về Moskva cách phản ứng cấp tốc:

> Tôi rất làm lo sợ đối với những phụ tá của tôi. Sau khi tôi đã sống ở đây được ba năm, họ đã quen thân với người Thổ và học tiếng Thổ. Bởi vì chúng tôi đang chịu khổ sở, tôi e họ trở nên mất kiên nhẫn vì bị nhốt và bị lung lay về đức tin… Nếu có ai là Judas, hắn sẽ gây nhiều tổn hại

vì người của tôi đã thấy tôi giao du thân mật với tín đồ Cơ Đốc nào và ai phục vụ Sa hoàng… và nếu có người phản bội báo cho Thổ biết ai đang làm việc cho Sa hoàng thì không chỉ những người bạn của ta gánh chịu, mà còn gây tổn hại cho tất cả người Cơ Đốc… Tôi đã biết được một chuyện. Một thư ký trẻ tên Timothy chơi thân với người Thổ, có ý nghĩ chuyển qua đức tin Mohammed. Thượng Đế đã phù hộ cho tôi biết được. Tôi kín đáo gọi anh ta đến và hỏi chuyện; anh ta thẳng thắn nói muốn theo đạo Hồi. Rồi tôi nhốt anh ta trong phòng ngủ của anh; trong đêm anh ta uống một ly rượu và chết nhanh chóng. Thế là Thượng Đế đã cứu rỗi anh ta khỏi tính độc ác như thế.

Theo thời gian trôi, Tolstoy còn có thêm những khó khăn khác. Có lúc tiền lương của ông bị chậm trễ; để sinh sống ông phải bán những món quà tặng ông nhận được trước đây. Ông viết thư cho Sa hoàng cầu khẩn được nhận tiền lương, xin phép từ chức và trở về nước. Pyotr trả lời từ chối, cho biết nhiệm vụ của Tolstoy ở Ottoman là thiết yếu. Vị đại sứ già cố trụ lại, lo hối lộ hoặc mưu đồ theo khả năng giỏi nhất của mình.

Trong cuộc nổi loạn của bộ tộc Cossack dưới quyền Bulavin trên bờ Sông Don và cuộc xâm lăng của Thụy Điển, Pyotr e sợ Ottoman có thể thừa cơ chiếm lại Azov. Ông muốn xoa dịu Ottoman nên ra lệnh đảm bảo rằng không có tù binh Thổ hoặc Tatar nào còn đang bị giữ trên đất Nga. Tolstoy không đồng ý với sách lược này. Ông cho rằng nên tỏ ra cứng rắn - kể cả đe dọa - để người Thổ kiêng dè. Những việc xảy ra kế tiếp chứng minh ông đã đúng. Vào mùa xuân-hè năm 1709, trước khi Trận Pultowa diễn ra, không những Ottoman giữ trung lập, mà tin đồn chiến tranh với Nga và sự xuất

hiện của hạm đội Nga ở Bosphorus còn gây hoảng loạn trên đường phố Constantinople.

Vì thế, trong tám năm khó khăn, Tolstoy đã thành công trong việc củng cố quyền lợi của Nga và duy trì không khí hòa hoãn giữa Nga và Ottoman. Thế rồi, năm 1709, Karl XII đến tỵ nạn ở Ottoman. Sau đấy, bốn lần trong vòng ba năm, Hoàng đế tuyên chiến với Nga.

Khi Karl XII sang Sông Bug và tiến vào lãnh thổ của Đế quốc Ottoman, ông trở thành khách của Sultan. Nhà Vua và vị Thủ lĩnh Mazeppa của Cossack đã tìm nơi ẩn náu trên lãnh địa của Sultan. Theo đạo Hồi, việc này bắt buộc Ahmed III phải có nghĩa vụ chấp nhận và bảo vệ họ. Sự bắt buộc này được cảm nhận sâu sắc đến nỗi khi Sultan nghe tin vị tổng trấn địa phương nhùng nhằng khiến cho có thêm nhiều kỵ binh Cossack bị quân Nga truy kích sát hại, ông đã định gửi cho tổng trấn một dải lụa để tự xử.

Một khi biết được Vua Thụy Điển đã vào lãnh thổ của mình, Sultan nhanh chóng khắc phục lỗi lầm của địa phương. Trong vòng ít ngày, vị Tổng trấn Thành phố Bender tên Yusuf Pasha chính thức đến tiếp đón đoàn cùng xe goòng chở hàng tiếp liệu đặc biệt. Chẳng bao lâu, đoàn quân Thụy Điển đang đói khát được chiêu đãi dưa hấu, thịt cừu và cà phê tuyệt vời của người Thổ. Yusuf Pasha còn mang đến đề nghị của Sultan - pha một chút ra lệnh - rằng đoàn khách đến ngụ tại Bender, 240 kilômét về hướng tây nam. Ở đây, đoàn người sống trong hàng lều đẹp đẽ kiểu Thổ dựng trên một đồng cỏ dọc theo Sông Dniester. Nằm giữa miền thôn dã dễ chịu này, hiện nay có tên Bessarabia, vị Vua Thụy Điển hiếu động phải sống trong ba năm.

Lúc vừa mới đến, Karl nghĩ tương lai sẽ ổn thỏa. Ông định trở về Ba Lan để chỉ huy quân của Krassov và Stanislaus ngay khi vết thương lành lặn. Ở Ba Lan, ông cũng hy vọng sẽ kết hợp với quân của Lewenhaupt mà

ông đã để lại ở Perevoluchna. Hơn nữa, ông đã ra lệnh cho Hội đồng Phụ chính tuyển thêm quân gửi ra chiến trường. Nhưng thiên nhiên và chính trị đã cản trở ông. Vết thương lành quá chậm; phải mất 6 tuần nhà Vua mới có thể lên ngựa trở lại. Trong thời gian dưỡng thương này, ông được biết người chị Hedwig Sofia, Nữ Quận công góa bụa Xứ Holstein, đã qua đời ở Stockholm vì bệnh sởi. Trong nhiều ngày, nhà Vua không ngừng than khóc.

Một tin buồn khác đến kế tiếp: Mazeppa - vị cựu Thủ lĩnh Cossack cao tuổi đã ngả theo phe Karl trước Trận Pultowa - qua đời ngày 22/9/1709. Karl luôn gắn bó với ông: khi Pyotr đề nghị sẽ trả tự do cho Bá tước Piper nếu Karl giao nộp Mazeppa, nhà Vua đã từ chối. Bây giờ, ông phải chống nạng tham dự lễ tang Mazeppa.

Nhiều tin xấu đưa đến tiếp nối: Lewenhaupt đầu hàng, quân Nga đang tấn công tràn lan ở Ba Lan, Stanislaus và Krassov rút lui, Augustus xé bỏ Hòa ước Altranstadt và xâm lăng Ba Lan để đòi lại ngai vàng, Đan Mạch tham chiến trở lại và tiến đánh Thụy Điển. Cùng lúc, quân Nga chiếm được tất cả thành trì của Thụy Điển dọc bờ nam Biển Baltic. Tại sao Karl không trở về Thụy Điển để nắm quyền chủ động? Chuyện trở về không phải là dễ dàng. Bender cách Stockholm gần 2.000 kilômét. Đường đi xuyên qua Ba Lan lúc này đang bị Pyotr và Stanislaus ngăn chặn. Một trận dịch hạch khiến cho Áo đóng tất cả cửa khẩu biên giới. Louis XIV đề nghị gửi thuyền đón Karl để cùng Pháp đánh Anh, Hà Lan và Áo, nhưng Karl e ngại hải tặc. Và nếu ông phải đi qua đất Pháp - hoặc ngay cả Anh và Hà Lan - cái giá phải trả là bao nhiêu? Hầu như chắc chắn là ông phải chọn lựa theo một phe nào đấy trong Chiến tranh Kế vị Tây Ban Nha.

Một khi nỗi thất vọng không thể trở về Ba Lan được nguôi ngoai, Karl thật sự muốn lưu lại Ottoman: ông đã thấy cơ hội mới. Nếu ông có thể kích

động Hoàng đế tuyên chiến với Nga và hợp tác với ông, Pyotr có thể bị đánh bại và Thụy Điển có thể lấy lại những gì đã mất. Bắt đầu mùa thu 1709, điệp viên của Karl lao vào nền chính trị âm u ở Constantinople, cố gắng phá hoại công sức của Tolstoy.

Nhiệm vụ của họ không phải dễ dàng. Người Thổ không muốn chiến đấu. Trận đánh Pultowa đã gây ấn tượng mạnh cho họ: Sẽ mất thời gian bao lâu trước khi hạm đội của Nga xuất hiện ở Eo biển Bosphorus? Đối diện với nguy cơ này, nhiều cố vấn của Hoàng đế sẽ vui lòng làm theo đòi hỏi của Pyotr: trục xuất vị Vua Thụy Điển chuyên gây rối ra khỏi đế quốc. Một tài liệu đương thời của Thổ ghi:

> Vua Thụy Điển đã ngã xuống như là gánh nặng trên đôi vai của Nội các cao thượng.

Mặt khác, cũng có những phe nhóm ở Ottoman muốn gây chiến với Nga. Người nổi bật trong nhóm này là Hãn vương Devlet Gerey của Crimea, đã bị cắt mất quyền nhận triều cống sau Hiệp ước 1700. Ông muốn dẫn kỵ binh đánh phá miền Ukraina như trước để chiếm đoạt chiến lợi phẩm và tù binh đem bán làm nô lệ. Thêm nữa, điệp viên của Karl đã tiếp cận được với bà mẹ của Hoàng đế vốn có ấn tượng tốt đối với Karl.

Kế hoạch của Karl cần một yếu tố khác: muốn có tiếng nói mạnh, ông cần có quân Thụy Điển mới để chỉ huy. Thế nên, ông thúc giục Hội đồng Phụ chính ở quê nhà phải gửi quân gấp.

Tại Stockholm, Hội đồng Phụ chính ngạc nhiên - thậm chí kinh hoàng - vì chỉ thị này. Vào tháng 11/1709, sau Trận Pultowa, Đan Mạch đã trở nên bạo dạn hơn, xé bỏ hòa ước mà tấn công Thụy Điển. Đang phải đối diện với

nguy cơ quê nhà bị xâm lăng và chi phí khổng lồ phải bỏ ra cho cuộc chiến hải ngoại xem như đã bị thua, chỉ thị của nhà Vua có vẻ như điên rồ. Họ trả lời nhà Vua rằng không thể gửi quân đi được.

Điều trớ trêu là rốt cuộc, các đại diện của Châu Âu đã thành công ở Ottoman theo ý Karl mong muốn trong khi ông thất bại ở Thụy Điển. Ottoman được thuyết phục gây chiến, nhưng Karl không có quân đội mới. Dù cho ông vẫn là nhà chỉ huy quân sự tài ba nhất trong đế quốc và tướng lĩnh Ottoman vẫn tôn sùng ông, Karl không phải là đồng minh chính thức của Ottoman và không có nhiệm vụ cụ thể nào trong chiến dịch sắp đến. Vì thế, cơ hội cuối cùng - và có lẽ cơ hội tốt nhất - để đánh bại Pyotr tan thành mây khói.

Không chỉ người Ottoman lo ngại về sự có mặt của Karl XII ở Ottoman. Ngay từ khi Karl đến đây, Pyotr đã đòi hỏi Karl phải đầu hàng hoặc bị trục xuất. Nhiều tháng trôi qua, tiếng nói của ông càng thêm kiên quyết, và bị phe chủ chiến Thổ khai thác. Yêu cầu của Sa hoàng rằng Hoàng đế trả lời hạn chót là ngày 10/10/1710 bị xem là xúc phạm. Việc này - cộng với sự thuyết phục của Hãn vương, Thụy Điển, Pháp và mẹ của Hoàng đế - làm nghiêng cán cân.

Ngày 21/11, Ottoman long trọng tuyên chiến với Nga. Tolstoy là người đầu tiên bị ảnh hưởng. Theo luật Ottoman, đại sứ không được hưởng đặc quyền trong thời chiến, thế nên Tolstoy bị bắt, bị lột phân nửa quần áo, đưa lên một con ngựa già đi diễu qua đường phố rồi bị giam vào ngục.

Cùng với việc tuyên chiến là vị Tể tướng mới - Mehemet Baltadji - được bổ nhiệm với mục đích đặc biệt là tiến hành chiến tranh chống Nga. Việc bổ nhiệm ông gây ngạc nhiên, vì ông được cho là một ông già thiếu thông minh, ngớ ngẩn và chưa từng là chiến binh. Nhưng ông vẫn quyết

định mở chiến dịch tấn công. Kế hoạch là mùa đông năm đó, một đội quân, cơ động Tatar từ Crimea sẽ đánh Cossack ở phía bắc để thu hoạch nguồn lợi nô lệ và gia súc mà họ đã bị mất trong vòng 10 năm qua. Vào mùa xuân, đại quân Ottoman sẽ tiến công. Pháo và hàng hậu cần sẽ di chuyển bằng đường biển để kết hợp với lục quân. Lúc ấy, kỵ binh Tatar sẽ kết hợp để hình thành một đoàn quân 200.000 người.

Tháng 1/1711, Tatar tàn phá vùng đất nằm giữa trung lưu Sông Dniepr và thượng lưu Sông Don. Thủ lĩnh mới của Cossack tên Skoropadsky trung thành với Pyotr chống trả mãnh liệt, khiến cho Tatar phải rút lui mà không thể tạo ra thế nghi binh theo kế hoạch của vị Tể tướng. Cuối tháng 2, vệ binh Ottoman thiện chiến gồm 20.000 người tiến về hướng bắc. Họ di chuyển chậm chạp, chỉ đến Sông Danube vào tháng 6. Ở đây, pháo từ tàu được chuyển lên, đặt trên xe kéo rồi cả đoàn quân vượt sông qua bờ đông.

Trong khi quân Ottoman đang tập trung bên bờ Sông Danube, Tể tướng nhờ Poniatowski - người đại diện cho Karl XII tại triều đình Hoàng đế - đi Bender để chuyển lời mời Karl XII tham gia chiến dịch với tư cách là khách của Tể tướng. Lúc đầu, nhà Vua muốn nhận lời, nhưng rồi từ chối. Với tư cách quân vương, ông không thể tham gia vào đoàn quân mà ông không chỉ huy - đặc biệt khi vị chỉ huy có vị trí thấp hơn ông. Sau này mới thấy quyết định này là sai lầm hết sức tai hại.

Cuộc chiến năm 1711 - dẫn đến chiến dịch Pruth - không phải do Pyotr mong muốn; chính Karl đã kích động nên. Tuy thế một khi chiến tranh đã xảy ra, Pyotr vốn vẫn còn hồ hởi với chiến công ở Pultowa chấp nhận thử thách với lòng tự tin và tiến hành những bước chuẩn bị. Mười trung đoàn bộ binh ở Ba Lan được điều đến biên giới Ottoman. Sheremetyev dẫn 22 trung

đoàn bộ binh từ vùng Baltic xuống Ukraina. Một loại thuế nặng mới được đặt ra để hỗ trợ cuộc chiến.

Ngày 25/2/1711, một buổi lễ long trọng được cử hành ở Kremlin. Hai Lữ đoàn Cảnh vệ Preobrazhenskoe và Semyonovsky đứng trong hàng ngũ trước Quảng trường Thánh đường đối diện Thánh đường Thăng thiên, những lá cờ đỏ của họ mang dấu thánh giá với dòng chữ: "Qua dấu hiệu này, ta sẽ chinh phục." Bên trong Thánh đường, Pyotr long trọng tuyên bố cuộc thánh chiến "chống lại kẻ thù của Chúa". Sa hoàng định sẽ thân chinh, và ngày 6/3 ông cùng với Ekaterina rời Moskva. Nhưng rồi ông trở bệnh, những lá thư ông viết lúc này chứa đầy tâm tư chán nản. Khi Apraksin, người được giao quyền chỉ huy cả vùng hạ lưu Sông Don, kể cả Azov và Taganrog, viết thư xin chỉ thị về việc đặt bộ tư lệnh của ông, Sa hoàng trả lời:

> Hãy làm theo cách tiện lợi cho ông, vì cả nước đều trông cậy nơi ông. Ta không thể nào quyết định bởi vì ta đang ở quá xa và đang chán nản, thấy khó mà sống nổi do bệnh tật, và những sự vụ đều thay đổi từ ngày này sang ngày khác.

Lần này, Pyotr bị bệnh nặng. Ông viết thư cho Menshikov nói rằng mình bị cơn động kinh kéo dài cả một ngày rưỡi và chưa từng lâm bệnh như thế trong đời. Sau vài tuần, ông bắt đầu thấy khỏe hơn. Rồi ông cùng Ekaterina đi đến Yavorov để ký hôn ước giữa Hoàng Thái tử Aleksei và Công nương Charlotte của Wolfenbüttel. Ở Yavorov, Pyotr vui vẻ thấy Ekaterina được đón tiếp trọng thị và được giới quý tộc Ba Lan gọi bằng "Lệnh Bà". Ekaterina cũng cảm thấy rất vui. Bà nói mình nôn nóng được gặp và ôm hôn vợ tương lai của con ghẻ, Charlotte. Trong khi bà đang tiếp

chuyện Đại sứ Schleinitz của Quận công Wolfenbüttel, Pyotr đang xem xét vài thiết bị toán học ở góc khác trong gian phòng. Khi ông nghe Ekaterina nói chuyện về Aleksei, ông đặt các thiết bị toán học xuống bàn và bước đến, nhưng không chen vào câu chuyện giữa hai người. Schleinitz kể lại trong bức thư gửi Quận công:

> Tôi đã được cảnh báo rằng vì Sa hoàng không quen biết tôi lắm, theo lễ nghi thì tôi phải ngỏ lời với ông trước. Vì thế, tôi nói với ông ấy là Hoàng hậu đã hỏi tôi liệu Hoàng Thái tử có thương yêu Công nương lắm không. Tôi đáp rằng tôi tin chắc Hoàng Thái tử nóng lòng chờ sự đồng ý của người cha để được hạnh phúc trọn vẹn. Sa hoàng đáp lời qua người thông dịch: "Tôi không muốn trì hoãn hạnh phúc của con trai tôi, nhưng cùng lúc tôi cũng không thật lòng muốn mình kém hạnh phúc. Anh ấy là con trai duy nhất của tôi và tôi mong mỏi sau chiến dịch [đánh Ottoman] sẽ có niềm vui được đích thân hiện diện trong lễ cưới của anh ấy. Lễ cưới sẽ được cử hành ở Brunswick. Ông ấy nói rằng mình không thể tự chủ mọi việc, bởi vì ông ấy phải đương đầu với một kẻ thù hùng mạnh và di chuyển nhanh nhẹn, nhưng ông ấy sẽ cố gắng và dàn xếp để xuống tàu ở Carlsbad vào mùa thu rồi đi đến Wolfenbüttel."

Ba ngày sau, hợp đồng hôn nhân được gửi đến, được Quận công Wolfenbüttel ký vào mà không thay đổi gì cả. Pyotr cho triệu Đại sứ Schleinitz đến và chào đón ông này bằng tiếng Đức: "Tôi có tin rất vui muốn báo cho ông biết." Ông cho xem bản hợp đồng. Khi Wolfenbüttel chúc mừng và hôn bàn tay Sa hoàng, Pyotr đặt ba nụ hôn lên trán và má ông, rồi ra lệnh mở chai rượu vang mà ông thích và mang theo. Hai người

cụng ly, rồi Pyotr nói một cách sôi nổi về người con trai của ông, quân đội và chiến dịch đánh Ottoman sắp đến. Sau đó, Schleinitz hài lòng báo tin cho Quận công:

> Tôi không thể nào diễn tả hết với Ngài về sự phán xét chín chắn ra sao và sự khiêm tốn ra sao khi Sa hoàng đề cập đến mọi chuyện.

Pyotr tự tin có thể kết thúc nhanh chóng chiến dịch chống Ottoman để trở về dự hôn lễ của con trai, như ông cũng nói với Augustus. Vị Tuyển hầu tước Saxony này đã trở lại Warszawa, trong khi địch thủ của ông, Stanislaus đã chạy trốn cùng với quân Thụy Điển về Pomerania. Augustus dự định truy kích những kẻ thù này và vây hãm cảng Stralsund của Thụy Điển bên bờ Baltic. Để hỗ trợ, Pyotr cam kết giúp 100.000 rúp và đặt 12.000 quân Nga dưới quyền chỉ huy của Augustus.

Trong chiến dịch Ottoman, kế hoạch của Pyotr trở thành táo bạo đến mức khinh suất: tiên đến hạ lưu Sông Danube, vượt sông nơi cửa sông đổ ra Biển Đen rồi tiến về hướng tây nam để đánh thành phố thứ hai của Ottoman, Adrianople, và đánh ngay cả thủ phủ Constantinople. Đoàn quân không lớn - chỉ có 40.000 bộ binh và 14.000 kỵ binh - so với đoàn quân đông đảo mà Sultan điều ra trận địa. Nhưng Pyotr nghĩ rằng khi tiến vào các tỉnh theo Cơ Đốc giáo dọc biên giới Nga, ông sẽ được chào đón như là người giải phóng và sẽ được tăng cường thêm 30.000 quân Walachia và 10.000 quân Moldavia, nâng tổng số đoàn quân lên 94.000 người.

Kế hoạch tấn công một phần là nhằm không cho chiến tranh xâm phạm đến Ukraina vốn đã bị tàn phá trong cuộc chiến với Thụy Điển và sự phản loạn của Mazeppa và hiện giờ đang tĩnh lặng - ít nhất là trong tương lai gần.

Nếu quân Ottoman đi đến vùng thảo nguyên Ukraina, ai biết được dân Cossack sẽ ngả về phe nào? Vì thế cần xúi giục sự phản loạn trong những chư hầu của Ottoman, hơn là để Ottoman khích động chư hầu của Nga.

Việc Pyotr trông cậy các tỉnh Cơ Đốc giáo sẽ tăng viện không phải là vô căn cứ. Suốt thời gian trị vì, ông liên tục nhận được lời kêu gọi của những sắc dân theo Chính Thống giáo vùng Balkan: Serb, Montenegro, Bulgari, Walachia và Moldavia. Việc ông chiếm được Azov đã khuyến khích họ mơ được giải phóng, nên họ phóng đại lời hứa hẹn. Họ đã cam kết rằng một khi quân Nga tiến vào, quân đội địa phương sẽ hợp tác, hàng hậu cần sẽ phong phú, và tất cả các sắc tộc sẽ nổi dậy. Trong thời gian 1704-1710, bốn nhà lãnh đạo Serb đã đến Moskva để khẩn cầu Nga có hành động.

Trước Trận Pultowa, vì không muốn Ottoman vi phạm hiệp ước đình chiến 1700, Pyotr chỉ kín đáo trả lời các yêu cầu này. Tuy nhiên, sau Trận Pultowa, Tolstoy và điệp viên thân Nga ở Ottoman bắt đầu chuẩn bị nền móng cho sự nổi dậy. Trong buổi lễ ở Kremlin trước khi rời Moskva, Pyotr phát lời công bố tự cho mình là người giải phóng dân Cơ Đốc giáo vùng Balkan. Ông kêu gọi tất cả họ, Cơ Đốc cũng như Chính thống, vùng lên chống lại Ottoman.

42 NĂM MƯƠI ROI BÊN SÔNG PRUTH

Chìa khóa cho sự thành công của Pyotr nằm ở hai công quốc Cơ Đốc giáo: Walachia và Moldavia. Hai vùng này hiện nay thuộc miền đông nam Liên Xô và phần lớn Romania. Trong các thế kỷ 15-16, vì muốn được ổn định họ thần phục Ottoman, được giữ quyền tự trị nội bộ nhưng đồng ý hằng năm nộp triều cống.

Tuy nhiên, dần dà Ottoman giành quyền tự cử người đến cai trị mà phớt lờ các hoàng thân địa phương. Vì muốn duy trì chức vụ trị vì theo cha truyền con nối, hai công quốc tìm sự bảo hộ nơi khác. Dưới triều đại Sa hoàng Aleksei đã có những cuộc tiếp xúc sơ khởi ở Moskva về việc Nga sẽ nắm quyền bảo hộ, nhưng Sa hoàng quá bận rộn với Ba Lan nên không thể giúp họ.

Năm 1711, Walachia là công quốc lớn hơn và giàu có hơn, do Hoàng thân Constantine Brancovo trị vì - là con người quỷ quyệt và bất nhất. Trong con mắt của Hoàng đế Brancovo quá giàu và quá mạnh so với thủ lĩnh một chư hầu, thế nên bị xem là cần thay thế khi có thời cơ. Bản thân Brancovo biết vậy, nên sau Trận Pultowa tin rằng Pyotr có vị thế đang lên, ông bí mật hiệp ước với Pyotr. Nếu Nga gây chiến tranh với Ottoman, Walachia sẽ về phe Nga, cung ứng 30.000 quân và hàng hậu cần, nhưng

Nga phải chi trả cho hàng hậu cần. Để đổi lại, Pyotr hứa đảm bảo quyền độc lập của Walachia và công nhận quyền cha truyền con nối của Brancovo. Ông cũng trao tặng Huân chương Sankt-Andrei cho Brancovo.

Moldavia thì yếu hơn và nghèo hơn Walachia, và người trị vì được thay đổi liên tục. Người đương thời là Demetrius Kantemir, vào năm 1711 chỉ mới cầm quyền không đến một năm, được Hoàng đế cử lên với sự ngầm hiểu rằng ông sẽ giúp lật đổ Brancovo, sau đấy sẽ cai trị cả Walachia lẫn Moldavia. Nhưng ông cũng đánh hơi được vị thế đang lên của Pyotr, nên tháng 4/1711 ông ký hiệp ước với Nga, đồng ý hợp tác với Nga và cung ứng 10.000 quân. Để đổi lại, Moldavia được quyền độc lập dưới sự bảo hộ của Nga nhưng không phải nộp triều cống. Dòng họ Kantemir cũng sẽ được cha truyền con nối.

Chính vì lời hứa hợp tác của hai hoàng thân đầy tham vọng - cả hai đều ghét nhau - mà Pyotr khởi động chiến dịch đánh Ottoman.

Quyết định của Kantemir được hoan nghênh ở Moldavia, được giới quý tộc ủng hộ. Họ bảo ông:

> Ông đã làm việc đúng lý khi mời người Nga đến giải thoát chúng ta khỏi ách của người Thổ. Nếu chúng tôi biết ông có dự định đi gặp người Thổ thì chúng tôi nhất quyết sẽ bỏ rơi ông và đầu hàng Sa hoàng Pyotr.

Nhưng Kantemir biết Ottoman cũng đang tiến quân; họ sẽ phác giác công quốc của ông đã theo phe Pyotr. Vì thế ông gửi liên lạc viên thúc giục Sheremetyev tiến quân cho nhanh. Nếu đại quân không thể tiến nhanh hơn, ông khẩn cầu đội tiên phong 4.000 quân Nga đến che chở cho ông. Sheremetyev cũng nhận lệnh Pyotr phải tiến nhanh, và ngày 15/5/1711 vượt

Sông Dniepr để bảo vệ các công quốc và thúc đẩy các dân tộc Serb và Bulgari nổi dậy.

Để đảm bảo dân Moldavia ủng hộ quân Nga, Sheremetyev mang theo bản hiệu triệu của Sa hoàng gửi người Cơ Đốc ở Balkan để cùng ông chống lại Ottoman.

> Các người đã biết người Thổ chà đạp đức tin của chúng ta xuống bùn nhơ như thế nào, đã bội bạc mà chiếm lấy những nơi chốn thiêng liêng, đã tàn phá và triệt hạ nhiều nhà thờ và chủng viện, đã thi hành nhiều trò lừa dối và đã gây ra đau khổ như thế nào, và bao nhiêu cô nhi quả phụ họ đã bắt đi rồi phân tán như chó sói đối với đàn cừu. Bây giờ ta đến hỗ trợ các người. Nếu con tim các người mong mỏi thì đừng xa lánh đế quốc vĩ đại của ta, vì đây là lẽ phải. Đừng để người Thổ lừa phỉnh các người, và đừng chối bỏ tiếng nói của ta. Hãy xóa đi nỗi sợ hãi và chiến đấu vì đức tin, vì giáo hội, theo đó chúng ta sẽ đổ giọt máu cuối cùng.

Pyotr cũng ban lệnh cho vị Nguyên soái về tư cách của quân Nga trong khi tiến quân qua Moldavia: phải tôn trọng những tập tục địa phương, trả tiền cho mọi thứ họ nhận từ người Cơ Đốc; bất kỳ hành vi cướp bóc nào sẽ bị trừng trị bằng án tử hình. Một khi Kantemir đã tuyên bố theo Nga và những binh sĩ Nga đầu tiên xuất hiện, người Moldavia nổi lên chống Thổ. Nhiều người bị giết; những người khác bị mất mất bò, cừu, trang phục, bạc và nữ trang.

Khởi đầu, kế hoạch của Pyotr là cho Sheremetyev tiến quân về hướng nam dọc bờ đông của Sông Pruth thẳng đến điểm hợp lưu với Sông Danube để chặn đường tiến của Ottoman. Tuy nhiên, ngày 30/5, khi Sheremetyev đi

đến Sông Dniester gần Soroka (hai tuần muộn hơn kế hoạch của Pyotr), Kantemir khẩn cầu ông đi thẳng đến thủ phủ Jassy của Moldavia. Sheremetyev chiều lòng, và ngày 5/6 quân của ông đóng trại gần Jassy bên bờ tây Sông Pruth. Sheremetyev biện luận cho việc trái lệnh của Sa hoàng là vì đoàn quân đã bị tổn hại sau khi vượt qua vùng thảo nguyên: ngựa không có đủ cỏ vì quân Tatar đã đốt thảo nguyên, thế nên bây giờ cần được bổ sung. Hơn nữa, Sheremetyev nhận ra rằng có lẽ ông đến quá muộn nên không còn có thể ngăn chặn quân Ottoman vượt Sông Danube; bằng cách vượt Sông Pruth, ông có thể ở vị trí tốt hơn để bảo vệ Moldavia.

Pyotr đi đến Soroka phía sau Sheremetyev, tức giận vì Sheremetyev cãi lệnh ông, cho rằng vị tướng già đã để cho quân Ottoman vượt lên trước. Tuy thế một khi Sheremetyev đã thay đổi kế hoạch ban đầu, Pyotr phải đi theo con đường mới. Quân của Pyotr mệt lử khi đến Pruth vào ngày 24/6. Để đoàn quân dừng lại ở đây, Pyotr phóng đi trước, vượt con sông rồi đi vào Jassy để hội kiến với Kantemir. Ông được tiếp đãi một cách trọng thị qua nghi thức lộng lẫy và tiệc chiêu đãi thịnh soạn.

Trong khi lưu lại Jassy, Pyotr cũng tiếp hai đặc sứ của Sultan bày tỏ hòa hoãn, cho thấy Tể tướng và Hoàng đế đều không thật tâm muốn chiến đấu để khiến cho Nga dẫn hạm đội ra Biển Đen. Pyotr khước từ đề nghị hòa hoãn. Đã dẫn đoàn quân Nga đến nơi, lại được hai công quốc Moldavia và Walachia hứa hẹn sẽ hỗ trợ, Sa hoàng cảm thấy tự tin sẽ chiến thắng. Trong tinh thần hồ hởi, Pyotr đưa Kantemir đến thăm doanh trại quân Nga ở Pruth. Nơi đây, cùng với Ekaterina và quan khách, ông cử hành lễ kỷ niệm tròn 2 năm chiến thắng Pultowa, nhờ đây ông mới có thể dẫn quân đi đánh Ottoman.

Ngay cả khi Pyotr đang ăn mừng, tình hình đoàn quân Nga trở nên tồi tệ. Tể tướng Ottoman đã vượt Sông Danube, và khi được tin Pyotr khước từ, tiến quân về hướng bắc với 200.000 người. Hơn nữa, Pyotr không có tin tức gì từ Walachia vốn về lâu dài có tầm quan trọng hơn Moldavia. Mọi việc ở Walachia đều tùy thuộc vào Brancovo: ông này phải giương cao ngọn cờ công khai ủng hộ Pyotr thì giới quý tộc và dân thường mới đáp ứng lời kêu gọi của Pyotr mà nổi dậy chống Ottoman. Nhưng Brancovo đang sợ hãi và vì thế tỏ ra e dè. Biết rằng một đoàn quân Ottoman hùng hậu đang tiến đến và số phận của mình sẽ ra sao nếu Ottoman thắng nhưng ông lại ngả về phe chiến bại, vì thế ông không công bố việc ủng hộ Pyotr. Giới quý tộc cũng đồng ý.

Khi vị Tể tướng đã vượt Sông Danube, Brancovo lấy quyết định chọn lựa. Ngay khi Tể tướng ra lệnh bắt giữ ông vì đã được tin âm mưu bội phản, thình lình Brancovo đổi ý. Viện cớ lá thư của Pyotr đã xúc phạm mình, Brancovo tuyên bố không còn bị hiệp ước bí mật với Sa hoàng ràng buộc, và chuyển giao cho quân Ottoman tất cả hàng hậu cần mà ông đã chuẩn bị cho quân Nga mua bằng tiền Nga. Sự phản bội này gây hậu quả lập tức và nặng nề cho chiến dịch của Nga. Moldavia không thể bù đắp được số hàng hậu cần bị mất.

Tuy vậy, Pyotr không chịu từ bỏ chiến dịch. Ông nhận tin báo rằng một kho hàng hậu cần lớn đang nằm ở điểm hợp lưu hai sông Pruth và Danube mà không được canh giữ. Vì đại quân Ottoman đã tiến lên bắc, Sa hoàng

quyết định di chuyển về nam, chiếm lấy kho hàng và cắt quân Ottoman ra làm hai. Ngày 27/1/1711, toàn thể 12.000 kỵ binh dưới quyền Ronne lên đường; ba ngày sau, ba sư đoàn do Tướng Janus, Sa hoàng và Repnin lần lượt chỉ huy vượt Sông Pruth và đi về nam.

Janus là người đầu tiên chạm trán với quân Ottoman. Ngày 8/7, khi sư đoàn của ông tiến về nam bên bờ tây Sông Pruth và quân Ottoman tiến về bắc bên bờ đôi diện, đội tiền phương của hai đoàn quân trông thấy nhau. Cả hai bên đều kinh ngạc khi ở gần nhau như thế. Khi vị Tể tướng nhận tin báo, ông sợ hãi và có ý muốn rút lui. Hãn vương Devlet Gerey, Poniatowski và Tư lệnh Vệ binh đều cố trấn an ông, và ngày hôm sau quân Ottoman tiếp tục tiến về bắc. Công binh Ottoman nhanh chóng bắc cầu để đoàn quân vượt qua bờ tây. Khi nghe quân Ottoman đang vượt sông tiến qua phía mình, Pyotr lập tức truyền lệnh cho Janus rút về với đại quân.

Pyotr đang trấn giữ vị trí phía sau một khu đầm lầy nằm ở hướng nam Stanilesti, và sư đoàn mệt mỏi của Janus cũng rút về đây. Họ không được nghỉ ngơi nhiều. Ngày hôm sau, Chủ Nhật, quân Ottoman đuổi kịp, mở nhiều đợt tấn công. Quân Moldavia của Kantemir và quân Nga đều giữ vững phòng tuyến. Nhưng sư đoàn của Repnin không thể về tiếp ứng vì bị kỵ binh Ottoman ngăn chặn ở Stanilesti.

Tối hôm ấy, sau một ngày bị Ottoman tấn công mãnh liệt, thiếu vắng sư đoàn của Repnin và cạn hàng hậu cần, quân Nga quyết định chuyện chẳng đặng đừng: rút lui. Họ bắt đầu di chuyển trong đêm và kéo dài đến sáng hôm sau về hướng sư đoàn của Repnin ở Stanilesti. Cuộc rút lui là cơn ác mộng. Quân Ottoman đuổi theo bén gót, liên tục tấn công quân đoạn hậu của Nga. Kỵ binh Tatar phi qua lại giữa đoàn xe goòng Nga, và phần lớn số hàng hậu cần bị mất. Bộ binh Nga kiệt sức và khát khô cổ. Từng đại đội và

tiểu đoàn tiến đến bờ sông, đổi phiên nhau lấy nước và chống cự với kỵ binh Ottoman. Chỉ đến chiều ngày Thứ Hai 9/7/1711, tất cả bộ binh mới tập trung lại ở Stanilesti, trên một đồi đất, rồi đào công sự để chống lại kỵ binh Ottoman đông đúc xung quanh.

Trước khi trời tối, bộ binh Ottoman tiến đến, và với sự hiện diện của Tể tướng, lực lượng Vệ binh thiện chiến mở cuộc tổng tấn công vào phòng tuyến Nga chỉ được gia cố sơ sài. Quân Nga vẫn giữ kỷ luật mà chống trả quyết liệt. Sau khi đợt tấn công đầu bị đẩy lui, quân Thổ lui về và đào công sự bao vây toàn bộ doanh trại Nga. Pháo binh Ottoman kéo đến, lúc nửa đêm dàn 300 khẩu pháo thành hình vòng cung, chĩa nòng vào doanh trại Nga. Hàng nghìn kỵ binh Tatar, cùng với quân Ba Lan và Cossack do Karl cung cấp, tuần tiễu dọc bờ sông đối diện. Sa hoàng và đoàn quân của ông hoàn toàn bị bao vây, không có đường thoát.

Sức mạnh của Ottoman lấn áp tuyệt đôi: 120.000 bộ binh và 80.000 kỵ binh so với 38.000 bộ binh của Pyotr, trong khi kỵ binh Nga dưới quyền Ronne ở xa về phía nam. Quân Nga bị ép quay lưng vào bờ sông và có thể bị 300 khẩu pháo bắn tan tác. Hơn nữa, họ đã kiệt lực vì đói và sức nóng đến nỗi nhiều binh sĩ không còn sức để chiến đấu. Ngay cả việc lấy nước từ sông lên cũng khó khăn vì kỵ binh Tatar bên bờ đôi diện chỉ chực bắn qua. Công sự phòng thủ bằng đất nện của Nga không được chắc chắn, có nguyên một đoạn chỉ là xác ngựa chết chát lên cùng với bờ chông yếu ớt. Giữa doanh trại, một cái hố cạn đã được đào cho Ekaterina cùng các thị nữ của mình trú ẩn, xung quanh là xe goòng, không đủ sức chịu đạn pháo. Bên trong hố Ekaterina tỏ ra bình tĩnh, nhưng những phụ nữ xung quanh đều than khóc.

Tình trạng của Pyotr là hoàn toàn tuyệt vọng. Đêm ấy, ông có thể nhìn quanh và thấy hàng nghìn đống lửa trại của đoàn quân Ottoman khổng lồ cháy lấp lánh trên những sườn đồi thấp ở hai bên bờ sông kéo dài đến hết tầm mắt. Sáng ngày sau, khi quân Ottoman tấn công, số phận của ông sẽ chấm dứt. Sa hoàng nước Nga, người chiến thắng ở Pultowa, sẽ bị đè bẹp va có lẽ sẽ bị nhốt vào trong một cái lồng được kéo qua đường phố của Constantinople. Thành quả hai mươi năm cật lực xây dựng đất nước bị tan tành trong một ngày. Có thể đi đến kết cục như thế không? Tại sao không? Không phải chính kẻ thù Karl của ông cũng đã thất bại theo cách tương tự đấy sao? Và vì cùng một lý do: quá tự kiêu, quá tin tưởng vào vận mệnh của mình, xâm nhập quá sâu vào lãnh thổ của địch.

Thật ra, tình thế còn tệ hại hơn Karl ở Perevoluchna. Lúc ấy, quân Nga bao vây không đông hơn quân Thụy Điển, và Karl còn có đường thoát. Nhưng ở đây Ottoman chiếm mọi ưu thế: họ có thể đánh tan quân Nga, bắt Hoàng hậu của Nga, và quan trọng nhất: Sa hoàng nước Nga. Liệu Nga sẽ phải từ bỏ những gì, phải hy sinh lớn lao như thế nào về lãnh thổ hoặc vàng bạc để chuộc tự do cho ông?

Có chuyện kể rằng đêm ấy, Sa hoàng hỏi Neculce, vị tư lệnh quân Moldavia, liệu có thể hộ tống mình và Ekaterina đến biên giới Hungary được không. Neculce từ chối vì biết rằng dù cho bằng cách nào đây ông thoát khỏi vòng vây, thì cũng không thể thoát khỏi kỵ binh Tatar lúc này đang tràn ngập Moldavia. Một số người nói lời yêu cầu này chứng tỏ sự hèn nhát của Pyotr. Nhưng khi đã thất trận và quận đội đang chuẩn bị đầu hàng, người lãnh tụ phải nghĩ đến cách cứu vớt đất nước. Pyotr biết rằng vào lúc ấy ông chính là nước Nga. Ông biết nước Nga sẽ bị bất lợi như thế nào nếu ông bị bắt làm tù binh cùng với đoàn quân mà ông đã nhọc công gây dựng.

Nếu quân đội bị mất vẫn có thể gây dựng lại, nhưng nếu ông bị mất thì không gì có thể bù đắp được.

Ngày kế, Thứ Ba 10/7/1711, pháo Ottoman khai hỏa và quân Nga chuẩn bị đáp trả lần cuối cùng - nhưng đợt tấn công của Vệ binh không xảy ra. Trong một động thái tuyệt vọng, Pyotr ra lệnh cho quân Nga xông ra tấn công, gây tổn thất nặng cho Ottoman trước khi phải lui về. Nga bắt được tù binh Ottoman, và qua họ Pyotr được biết lực lượng Vệ binh đã bị tổn thất nặng ngày hôm trước nên không muốn mở cuộc tổng tấn công vào phòng tuyến của Nga. Ít nhất việc này tạo cho Pyotr cơ hội để đàm phán điều kiện đầu hàng.

Pyotr hỏi ý Sheremetyev và Thứ trưởng Ngoại giao Shafirov để gửi đặc sứ đi gặp Tể tướng Ottoman thăm dò điều kiện đầu hàng. Đã thấy rõ tình hình quân sự, Sheremetyev thẳng thừng trả lời rằng tất cả đề xuất đều là lố bịch. Tại sao bên Ottoman chấp nhận điều gì khác ngoài việc đầu hàng? Mèo đâu có đàm phán với chuột! Nhưng Ekaterina cũng tham dự buổi họp, và cô khuyên chồng nên xúc tiến. Sheremetyev được lệnh soạn thảo bản nghị hòa mang tên ông với tư cách là tư lệnh quân Nga.

Trong khi bên Nga soạn thảo đề xuất đàm phán, Pyotr xem xét những viễn cảnh cho ông mà lòng nặng trĩu. Thấy rằng Karl hiện là khách và đồng minh của Ottoman, ông biết phải giải quyết những tranh chấp giữa Nga với Thụy Điển cũng như giữa Nga với Ottoman. Ông biết phải nhượng bộ nhiều. Ông nghĩ sẽ phải tháo dỡ pháo đài Azov, căn cứ hải quân Taganrog và trả lại tất cả những gì đã thu được từ Ottoman trong hơn 20 năm qua (dù đề xuất đầu tiên không ghi việc này). Đối với Thụy Điển, ông sẽ phải trả lại Livonia, Estonia, Karelia - tất cả lãnh thổ ông đã chiếm từ Thụy Điển ngoại trừ thành phố thân yêu Sankt-Peterburg. Nếu như thế vẫn chưa đủ, ông sẽ

phải cho thêm thành phố cổ Pskov của Nga và những lãnh thổ khác. Hơn nữa, ông còn phái sẵn sàng cho phép Karl XII trở về Thụy Điển, công nhận Stanislaus là Vua Ba Lan và cam kết ngừng can dự vào nội bộ Ba Lan. Để dẫn dụ vị Tể tướng, ông sẽ phải chi hối lộ nặng: ông hứa biếu Tể tướng 150.000 rúp.

Vào buổi chiều, đề xuất đàm phán được soạn xong. Shafirov được phái cùng với một lính thổi kèn cầm cờ trắng đi diện kiến vị Tể tướng.

Bên Nga không biết rằng chính vị Tể tướng đang lừng khừng cảm thấy nhẹ nhõm khi Shafirov đi đến. Trong ngôi lều bằng lụa được chia ra làm nhiều phòng, ông già Baltadji đang hoang mang và bối rối tột độ. Lực lượng tinh nhuệ nhất của ông là Vệ binh thì đang càu nhàu vì sẽ phải tấn công đợt nữa. Mở thêm đợt tấn công dù cho doanh trại Nga đã yếu sẽ chịu thêm tổn thất trong khi có tin đồn quân Áo đang chuẩn bị cho cuộc chiến mới. Hơn nữa, vị Tể tướng nhận được tin mà Pyotr chưa biết: kỵ binh Nga dưới quyền Ronne đã chiếm được nhiều hàng hậu cần và đốt vài kho thuốc súng của Ottoman. Poniatowski và Hãn vương kề cận bên ông mãi thúc giục ông tấn công một lần cuối để dứt điểm trận đánh, cuộc chiến và Sa hoàng. Ông sắp phải miễn cưỡng thuận theo và chuẩn bị phát lệnh tiến công thì Shafirov đi đến. Thư của Sheremetyev giải thích rằng chiến tranh không phục vụ lợi ích cho bên nào, chỉ vì người ngoài khơi dậy nên mới xảy ra. Vì thế hai bên nên chấm dứt cảnh máu đổ đầu rơi mà xem xét những điều kiện hòa bình.

Vị Tể tướng nhìn ra bàn tay cứu rỗi của đấng Allah. Ông có thể trở thành người chiến thắng và vị anh hùng mà không phải chịu thêm rủi ro. Mặc cho sự phản đối khổ sở của Poniatowski và Hãn vương, ông ra lệnh

ngừng pháo kích và vui mừng ngồi xuống thương thuyết với đặc sứ Nga. Cuộc đàm phán tiếp diễn suốt đêm.

Sáng hôm sau, Shafirov báo cáo về rằng tuy Tể tướng mong muốn hòa bình, việc đàm phán vẫn còn giằng co. Pyotr nóng nảy hối thúc đặc sứ của mình chấp nhận bất cứ điều gì "ngoại trừ bị làm nô lệ", nhưng phải có thỏa thuận nhanh chóng. Binh sĩ Nga đang đói khát, và nếu không đạt thỏa thuận hòa bình, ông sẽ gom toàn lực để tấn công.

Bị đe dọa phải tái chiến, Baltadji đưa điều kiện cụ thể. Đối với Ottoman, đấy là nội dung Pyotr đã chuẩn bị tinh thần: Nga phải trả lại những gì chiếm được trong chiến dịch Azov năm 1696 và những gì nhận được từ hiệp ước 1700: trả lại Azov và Taganrog, giải tán hạm đội Biển Đen, phá bỏ các pháo đài hạ lưu Sông Dniepr. Quân Nga phải rút khỏi Ba Lan, và Nga mất quyền đặt đại sứ thường trực ở Constantinople. Đối với Thụy Điển, phải cho Vua Karl XII đường an toàn để về nước, và Nga phải tiến đến thỏa hiệp hòa bình với Thụy Điển "nếu có thể đạt sự nhất trí." Để đáp lại, quân Ottoman sẽ cho phép quân Nga rút lui an toàn về nước.

Pyotr kinh ngạc khi nghe qua các điều khoản này: không phải nhẹ - ông sẽ bị mất tất cả ở miền Nam - nhưng còn nhẹ hơn những gì ông đã e sợ. Các điều khoản không nói gì đến Thụy Điển và vùng Baltic ngoại trừ Karl phải trở về nước và Pyotr phải cố gắng đạt hòa bình. Trong tình thế này, đấy là sự cứu rỗi. Bên Ottoman còn thêm một yêu sách: Shafirov và Đại tá Mikhail Sheremetyev, con trai của vị Nguyên soái, phải ở lại Ottoman làm con tin cho đến khi Nga thi hành xong các cam kết trả lại Azov và các lãnh thổ khác.

Pyotr nôn nóng ký kết hiệp ước trước khi vị Tể tướng đổi ý. Shafirov dẫn con trai Sheremetyev lập tức trở lại doanh trại Ottoman, và hiệp ước

được ký kết ngày 12/7/1711. Hôm sau, quân Nga bắt đầu di chuyển và được phép mang vũ khí. Tuy nhiên, trước khi Pyotr và đoàn quân có thể ra về, họ phải trải qua một cơn khủng hoảng có thể gây đại họa.

Trong cuộc đàm phán giữa Baltadji và Shafirov, Poniatowski cố hết sức để gây trì hoãn: ông thấy Pyotr đã chui vào rọ và sẽ sẵn sàng chấp nhận bất kỳ điều kiện gì mà Tể tướng đưa ra. Nếu Tể tướng chịu lắng nghe, Thụy Điển có thể lấy lại tất cả những gì đã mất - có thể còn hơn thế nữa. Vì thế ngay khi Shafirov bước vào lều của Tể tướng, Poniatowski vội viết báo cáo cho Karl, giao cho một liên lạc viên phi ngựa hỏa tốc mang về Bender.

Poniatowski viết bức thư vào giữa trưa 11/7. Liên lạc viên đi đến Bender vào buổi tối 12/7. Karl phản ứng lập tức. Lúc 10 giờ tối, ông phóng ngựa đi Pruth trên quãng đường 80 kilômét. Ba giờ chiều 13/7, sau cuộc hành trình trên lưng ngựa mười bảy giờ đồng hồ, Karl thình lình xuất hiện bên ngoài doanh trại của Tể tướng. Ông phi ngựa qua các hàng quân và nhìn xuống các công sự tồi tàn của quân Nga. Trước mặt ông, đội quân Nga cuối cùng đang đi ra, được kỵ binh Tatar hộ tống. Nhà Vua đã trông thấy mọi chuyện: tình trạng yếu kém của phòng tuyến Nga, vị trí áp đảo của đại pháo Ottoman khiến cho không cần phải tấn công, mà chỉ cần chờ vài ngày thì quân Nga đói khát sẽ phải chịu làm tù binh.

Không ai hiểu hết nỗi niềm của Karl - khi quan sát toàn bộ quang cảnh trước mặt ông - tiếc nuối đến thế nào về quyết định đã không đi theo quân Ottoman. Nếu ông hiện diện từ lúc đầu để góp thêm tiếng nói cho Hãn vương Tatar (người đã khóc vì tuyệt vọng khi Tể tướng ký bản hiệp ước), kết quả hẳn sẽ khác đi. Ông lầm lì cưỡi ngựa giữa những binh sĩ Thổ đến lều của Tể tướng. Với Poniatowski và một thông dịch viên đi cùng, ông xông vào một cách thô bạo, vẫn mang cựa giày và đôi ủng lấm bùn đất, thả

người lên nệm ghế gần lá cờ thiêng liêng của Mohammed. Khi vị Tể tướng cùng với Hãn vương và một số sĩ quan đi vào, Karl yêu cầu mọi người ra ngoài để ông có thể nói chuyện riêng với Tể tướng. Cố gắng trấn áp cảm xúc, Karl hỏi tại sao Tể tướng cho phép quân Nga rút về. Baltadji điềm tĩnh trả lời:

> Nếu không kiến tạo hòa bình đối với kẻ thù đã van xin là trái với luật của Thánh Mohammed.

Karl hỏi liệu Hoàng đế sẽ thỏa mãn với chiến thắng hạn chế như vậy hay không. Baltadji trả lời:

> Tôi nắm quyền chỉ huy quân đội, và tôi có quyền hòa hoãn khi cần.

Đến lúc này, không thể kiềm chế nỗi thất vọng, Karl đứng lên và khẩn cầu lần cuối. Vì ông không phải là một bên ký hiệp ước, liệu Tể tướng có thể cấp cho ông một đạo quân Ottoman và vài khẩu pháo để ông truy kích quân Nga và đạt thêm thỏa thuận được không? Baltadji từ chối, giải thích rằng người Cơ Đốc giáo không thể chỉ huy quân đội Hồi giáo.

Karl thất bại. Từ lúc này, ông và Baltadji trở thành kẻ thù, và mỗi người hành động cật lực để hạ người kia. Tể tướng ngừng chu cấp cho nhóm Thụy Điển, cấm thương nhân bán hàng cho họ và ngăn chặn thư từ của Karl. Karl trả đũa bằng cách than phiền với Hoàng đế một cách cay đắng. Ông cho điệp viên của mình phao tin đồn ở Constantinople rằng Tể tướng để cho Sa hoàng và quân Nga thoát thân là vì ông này đã nhận khoản hối lộ lớn.

Câu chuyện cũng được lan truyền ở Nga. Có một chuyện kể rằng Ekaterina - người nói chồng cô không được biết, người nói Pyotr ngầm

đồng ý - đã ra lệnh cho Shafirov hứa sẽ trả cho Tể tướng một khoản tiền lớn kể cả nữ trang của cô để đổi lấy sự tự do của Pyotr.

Câu chuyện có vẻ phóng đại. Baltadji được hứa 150.000 rúp, là một khoản tiền lớn, nhưng dường như đây không phải là lý do duy nhất để chấp nhận hòa bình với những điều kiện dễ dãi như thế. Ông có những lý do khác: Ông không phải là chiến binh, đội quân của ông không hăng hái chiến đấu, ông lo ngại chiến tranh với Áo và vui mừng khi chấm dứt chiến tranh với Nga, ông có ác cảm với Hãn vương Devlet Gerey vốn mãi thù ghét Nga và muốn chơi khăm ông này một mẻ.

Hơn nữa, chắc chắn ông biết liên lạc viên đã được phái đi để thông báo cho Karl XII và bất kỳ giây phút nào vị Vua Thụy Điển có thể phi ngựa vào doanh trại ông mà đòi hỏi phải tận diệt Nga. Nếu Karl đến và Pyotr bị bắt, ông sẽ ở vào hoàn cảnh phức tạp khi có hai quân vương vĩ đại của Châu Âu, cả hai đều là "khách" của ông. Không thể kể hết những hệ lụy về chính trị. Và theo quan điểm của Ottoman, Baltadji đã hoàn tất mọi mục tiêu: ông đã lấy lại cho Hoàng để tất cả lãnh thổ mà Nga đã chiếm. Liệu có thể đòi hỏi gì hơn từ một hiệp ước?

Không gì có thể an ủi được Karl. Một cơ hội duy nhất - khi đoàn quân đông áp đảo có thể tiêu diệt một kẻ thù hầu như đã tê liệt - đã qua đi. Từ nay về sau, dù cho Karl nỗ lực khơi dậy thêm ba cuộc chiến ngắn ngủi giữa Nga và Ottoman, cơ hội như thế không bao giờ có nữa. Pultowa vẫn có tính chất quyết định trong cuộc chiến của Pyotr chống lại Karl; Trận Pruth không thay đổi gì cả.

Vị Tể tướng đã thắng Trận Pruth, nhưng không ai - đặc biệt là Hoàng đế - cảm ơn ông. Cả Pyotr và Karl đều mất mát, riêng Karl mất mát nặng nề nhất vì không được gì trong khi đáng lẽ được tất cả. Hai đồng minh của

Pyotr, hai hoàng thân của Moldavia và Walachia, cũng mất mát: người mất đất, người mất đầu.

Một trong các điều khoản của hòa ước là giao nộp Hoàng thân Kantemir của Moldavia. Ông này ẩn náu dưới đống hành lý trong một xe goòng của Ekaterina, và chỉ có 3 tùy tùng của ông biết ông ở đâu. Vì thế Shafirov có thể thành thực nói với Tể tướng là không thể đem giao nộp Kantemir, bởi vì từ ngày đầu của trận đánh không ai thấy ông ấy ở đâu. Vị Tể tướng gạt vụ việc qua một bên, tuyên bố một cách khinh miệt:

> Ta đừng nói gì về chuyện này nữa. Hai đế quốc vĩ đại không nên kéo dài chiến tranh chỉ vì một kẻ hèn nhát.

Kantemir trốn thoát theo quân Nga, về đón vợ con rồi cùng với 24 nhà quý tộc hàng đầu của Moldavia trở lại quân Nga. Pyotr ban cho ông tước vị hoàng thân Nga và một mảnh đất rộng gần Kharkov. Con trai ông về sau làm đại sứ cho Nga ở Anh và Pháp. Công quốc của Kantemir không được may mắn như ông: Baltadji cho phép dân Tatar tự do tàn phá những thị trấn và làng mạc Moldavia bằng gươm giáo và lửa khói.

Số phận Hoàng thân Branco vo của Walachia - người trước tiên phản bội Hoàng đế và sau day phản bội Sa hoàng - chịu cảnh ngặt nghèo: người Thổ không bao giờ tin ông nữa. Dù đã được cảnh báo là đã bị thất sủng và bản thân ông đã gửi đi Tây Âu những khoản tiền lớn để chuẩn bị cho chuyến lưu vong thoải mái, ông vẫn chần chừ việc lên đường. Mùa xuân 1714, ông bị bắt và bị giải về Constantinople. Đến sinh nhật lần thứ 60, ông bị chém đầu cùng với hai người con trai.

Hiệp ước ký bên bờ Sông Pruth chấm dứt chiến tranh, nhưng chưa mang đến hòa bình. Vốn vẫn đau lòng khi nghĩ đến việc giao trả Azov và Taganrog, Pyotr cố trì hoãn cho đến lúc Karl đi ra khỏi Ottoman. Nhưng Karl không chịu ra đi. Pyotr tiếp tục trì hoãn, báo cho Apraksin khoan phá hủy pháo đài Azov mà phải đợi lệnh cụ thể. Khi bị thêm áp lực, Shafirov hứa với Ottoman sẽ giao trả Azov trong vòng hai tháng, và Pyotr lệnh cho Apraksin là chỉ phá phần tường thành nhưng tránh làm hư nền móng, phải giữ lại sơ đồ để sau này nếu có cơ hội sẽ xây lại nhanh chóng.

Tháng 11/1711, 5 tháng sau khi ký Hiệp ước đình chiến Pruth, bên Nga vẫn chưa giao trả Azov và Taganrog. Điệp viên của Karl lợi dụng sự kiện này mà tìm cách hãm hại Baltadji: tung thêm tin đồn là Tể tướng Baltadji để cho Sa hoàng thoát thân vì đã tiếp nhận cả xe goòng chất đầy vàng của Nga. Ông này mất chức; người thay thế ông là Tư lệnh Vệ binh Yusuf Pasha, viện cớ Nga không giao trả Azov và Taganrog để phát động cuộc chiến tranh mới với Nga. Shafirov, Tolstoy và con trai Sheremetyev lại bị giam vào ngục. Tolstoy lại xin về nước. Ông đã làm việc tại Ottoman trong 10 năm đau khổ, và bây giờ Shafirov, cấp trên của ông, đảm trách việc đàm phán với Ottoman. Lần này Pyotr đồng ý nhưng Ottoman không chịu, báo cho vị đại sứ già biết ông phải chờ cho đến khi ký kết hòa ước rồi sẽ về nước cùng với Shafirov.

Cuộc chiến mới không có trận đánh nào, và chấm dứt trong yên ả vào tháng 4/1712 khi Pyotr rốt cuộc chịu giao trả Azov và Taganrog. Apraksin gây cảm tình tốt với vị tổng trấn Ottoman đến tiếp quản: ông bán cho Ottoman tất cả súng, thuốc súng, hàng hậu cần và bốn chiếc tàu của Nga với giá đáng kể, dù một hạm trưởng cho biết các tàu này sẽ "tan thành mảnh vụn ngay khi gặp cơn bão đầu tiên".

Nhưng sự hòa hoãn này bị tiêu tán khi Tể tướng Yusuf Pasha bị mất chức, và người thay thế là Suleiman Pasha lắng nghe lời than vãn không ngừng của Karl rằng Nga vẫn chưa chịu rút ra khỏi Ba Lan. Ngày 10/12/1712, người Thổ tuyên chiến lần thứ ba với Nga để thúc ép việc thực thi điều khoản này. Một lần nữa, với sự hỗ trợ của các đại sứ Anh và Hà Lan, Shafirov thành công trong việc dàn xếp êm thấm trước khi chiến trận nổ ra.

Tháng 4/1713, Ahmed III động viên quân đội, tuyên chiến với Nga lần thứ tư, và với Poniatowski kế bên, thúc giục đưa những điều kiện ngặt nghèo hơn cho Nga: phải nhượng cả vùng Ukraina cho Ottoman, trả lại cho Thụy Điển tất cả lãnh thổ đã chiếm từ nước này kể cả Sankt-Peterburg. Pyotr đáp ứng bằng cách khước từ phái tân đại sứ có đủ quyền hạn để thương thảo.

Cùng với thời gian, Sultan mất nhuệ khí chiến tranh. Ông bắt đầu nghĩ chiến tranh với Nga là thiếu khôn ngoan, và nhận ra Karl là nguyên nhân của tất cả khó khăn cho mình. Ông ra lệnh Tổng trấn Bender gây áp lực cho Vua Karl rời khỏi Đế quốc Ottoman. Việc đàm phán với Nga tiếp tục trong khi tể tướng đến rồi đi - Suleiman Pasha xuống chức, lên thay là Ibrahim Pasha rồi đến phiên Damad Ali Pasha, con rể được ưu ái của Hoàng đế.

Rốt cuộc, ngày 18/10/1713, cuộc chiến thứ tư trong vòng ba năm chấm dứt khi Hoàng đế phê chuẩn Hòa ước Adrianople. Nhưng Shafirov, Tolstoy và Mikhail Sheremetyev vẫn bị giam trong ngục, cho đến khi vạch ra đường biên giới Nga-Thổ. Tháng 12/1714, các nhà ngoại giao được trả về nước. Người trai trẻ Mikhail Sheremetyev không thể chịu đựng nổi những tháng ngày khổ sở trong ngục tù; anh lên cơn điên và chết trên đường về. Shafirov và Tolstoy tiếp tục giữ những vị trí chủ chốt dưới triều của Pyotr Đại đế.

Khi xem xét lại thảm họa ở Pruth, Pyotr không khó khăn nhận ra sai lầm của mình. Ông đã từ bỏ chiến lược thận trọng thường thấy lúc trước từng được áp dụng thành công với Karl XII. Thay vào đấy, ông đã thủ vai của Karl mà hung hăng dẫn quân vào Ottoman, dựa vào lời hứa hỗ trợ và tiếp viện của một đồng minh không đáng tin cậy. Ông đã nghe thông tin sai lạc về sức mạnh của quân Ottoman, và đã tính toán nhầm lẫn về tốc độ hành quân của vị Tể tướng. Ông tiếp tục tiến quân ngay cả khi được biết quân Ottoman đã vượt Sông Danube và đang tiến về bắc.

Sau này, ông giải thích rằng mình buộc phải tiếp tục "để không làm thất vọng tín đồ Cơ Đốc đã van nài ta giúp đỡ". Thật ra, những tín đồ Cơ Đốc quan trọng nhất cho chiến dịch của ông - người Walachia - đã phản bội ông.

Tuy bị thất bại, cuộc hành quân của Pyotr đến Sông Pruth biểu hiện một giai đoạn mới trong lịch sử nước Nga. Một Sa hoàng đã tấn công vùng Balkan; bộ binh Nga đã tiến đến cách Sông Danube 60 kilômét; kỵ binh Nga đã tắm ngựa của họ trên Sông Danube cách Kyyiv 800 kilômét về hướng tây nam. Một điềm báo trước khác là lời hiệu triệu của Pyotr kêu gọi người Cơ Đốc vùng Balkan nổi dậy chống Ottoman và chào mừng quân giải phóng Nga. Sự kiện này là một hạt mầm mạnh mẽ mà sau này sẽ bén rễ và vươn lên ý tưởng là Nga có thể hành xử như là chủ nhân ông theo Chính Thống giáo của dân miền Balkan.

Chiến bại ở Sông Pruth và hòa ước cuối cùng với Sultan chấm dứt hẳn tham vọng của Pyotr ở miền nam. Với việc hạ lá cờ Nga và phá hủy các pháo đài ở Azov và Taganrog, giấc mơ thời tuổi trẻ và công lao trong 16 năm của ông bị phá sản. Pyotr nói về Azov như sau:

> Thượng Đế đẩy tôi ra khỏi nơi chốn ấy giống như đã đẩy Adam ra khỏi thiên đường.

Trong đời còn lại của Pyotr, sẽ không có Hạm đội Biển Đen nữa. Chỉ cho đến triều đại của Nữ Đại đế Ekaterina II, Nga mới chiếm được Crimea, đi xuống Sông Don, xông qua Eo biển Kerch mà hoàn tất việc Pyotr chỉ mới bắt đầu.[153]

Điều đơn giản là nước Nga chưa đủ mạnh để Pyotr hoàn tất cùng một lúc những gì ông muốn. Ông vẫn còn trong tình trạng chiến tranh với Thụy Điển, ông đang xây dựng Sankt-Peterburg, và qua những cải tổ và tái cơ cấu ông đang biến đổi nước Nga lạc hậu thành một nước tiến bộ về mặt kỹ thuật. Trong nhiệm vụ này, vùng Baltic và Sankt-Peterburg quan trọng hơn là Biển Đen và Azov. Nếu Pyotr chọn lựa theo cách khác: dồn tất cả năng lực và tiền bạc vào vùng Ukraina, rút lục quân và hải quân từ Ba Lan và Baltic xuống đánh Ottoman, thì có lẽ trong đời ông đã có một hạm đội Nga tiến ra được Biển Đen. Nhưng ông chọn cách khác. Phía nam bị bỏ qua để lo cho phía tây, và Biển Baltic có tầm ưu tiên hơn Biển Đen. Chiều hướng cuối cùng của nước Nga dưới triều Pyotr Đại để là vươn đến Tây Âu, không phải đến Đế quốc Ottoman.

Chính Pyotr tỏ ra thẳng thắn về những mất mát và hệ lụy hiển nhiên. Ông viết cho Apraksin:

> Dù chúng ta đau đớn khi thấy bị mất những lãnh thổ nơi đã bỏ ra nhiều công sức và tiền bạc, nhưng ta hy vọng rằng qua sự mất mát này chúng ta sẽ củng cố mạnh mẽ ở mặt kia [vùng Baltic], đấy là lợi điểm còn lớn lao hơn nhiều.

Sau này, Pyotr còn đánh giá một cách súc tích hơn về chuyện đã xảy đến với ông bên bờ Sông Pruth:

> "Vận may" của tôi là chỉ phải nhận năm mươi roi khi mà tôi đáng phải chịu một trăm roi.

153. Sau cuộc chiến với Ottoman 1787-1792, lãnh thổ Nga mở rộng đến ven bờ Biển Đen. (ND)

43 CHIẾN DỊCH Ở ĐỨC VÀ FRIEDRICH WILHELM I

Bỏ Pruth lại phía sau, Pyotr cùng Ekaterina đi Ba Lan. Mục đích của Pyotr là nhằm nhân đà Trận Pultowa mà tiếp tục cuộc chiến với Thụy Điển. Bước đầu là trấn an các đồng minh - Ba Lan và Đan Mạch - rằng chiến bại ở Pruth không làm ông nản lòng trong việc thúc ép Karl XII phải đi đến thỏa ước hòa bình. Mục đích khác là đi chữa bệnh ở Karlsbad và chứng kiến hôn lễ giữa con trai Aleksei và Công chúa Charlotte của Wolfenbüttel. Tất cả những việc này và việc đi lại trên đất Ba Lan qua Đức đều không thể thực hiện được trước Trận Pultowa vì quân Thụy Điển làm chủ Ba Lan. Bây giờ và mãi về sau trong đời ông, Pyotr được tự do và an toàn di chuyển qua những công quốc của người Đức.

Pyotr cần nghỉ ngơi và hồi sức sau cơn bệnh, nỗi chán nản và chiến dịch quân sự nhọc nhằn trong mùa hè thảm hại ở vùng Balkan. Ngay cả khi ông đi thuyền trên Sông Wistla đến Warszawa rồi đến Thorn nơi ông chia tay Ekaterina, ông vẫn bị bệnh. Ở Posen, ông lên cơn đau bụng quặn dữ dội và phải nằm liệt trong hai ngày.

Khi khỏi bệnh, Pyotr đi đến Dresden và Karlsbad để dùng nước suối. Đây là quy trình chữa bệnh chán ngán: phải uống nhiều nước suối chứa khoáng, được cho là thanh lọc cơ thể nhưng có khi gây phản ứng phụ. Đại

sứ Sir Charles Whitworth tháp tùng Pyotr trung thực báo cáo về London rằng Sa hoàng bị bệnh tiêu chảy nặng. Pyotr cảm thấy buồn chán ngay từ lúc đầu, và than phiền với Ekaterina:

> Katerinushka, em yêu, em khỏe không? Bọn anh đến đây bình yên, nhờ ơn Thượng Đế, và ngày mai bắt đầu lo chữa bệnh. Chốn này vui đến nỗi em có thể gọi đó là một nhà tù danh dự, bởi vì nó nằm giữa những ngọn núi cao đến nỗi người ta khó nhìn thấy Mặt Trời. Tệ hơn nữa, không có bia ngon. Tuy nhiên, bọn anh mong Thượng Đế sẽ cho bọn anh sức khỏe qua nước suối. Theo đây anh gửi cho em một món quà, một chiếc đồng hồ kiểu mới… Anh không thể viết thêm vì đang vội, do anh chỉ mới đến Dresden được một ngày.

Từ Karlsbad, Pyotr quay lại Dresden rồi lưu lại đây một tuần, chơi quần vợt, và hai lần đi đến một nhà máy giấy để tự tay làm ra những tâm giấy. Ông đến gặp Johann Melchior Dinglinger, thợ kim hoàn cho triều đình, người đã làm ra những bộ nữ trang bằng đá quý và men nổi tiếng khắp Châu Âu (Một năm sau, khi thăm viếng Dresden lần nữa, Pyotr nhất quyết đòi sống một tuần trong nhà của Dinglinger.). Ông trao đổi trong ba tiếng đồng hồ với Andrew Gartner, nhà toán học và cơ khí của triều đình, nổi tiếng nhờ những phát minh. Pyotr đặc biệt quan tâm đến một loại máy giúp mang người hoặc đồ vật từ tầng này qua tầng kia của một tòa nhà: tóm lại, đấy là một loại thang máy. Cảm động vì chuyến gặp gỡ, Sa hoàng biếu Gartner lông chồn, đề nghị ông may áo ấm mặc trong mùa đông.

Ngày 13/10, Pyotr đến Torgau, lâu đài của Hoàng hậu Ba Lan, nơi sẽ tổ chức hôn lễ cho con trai ông. Địa điểm này được chọn thay vì Dresden để hôn lê có tính chất riêng tư, không cần phải mời Vua Phổ, Tuyển hầu tước

Hanover và những hoàng thân Đức khác, vì thế tránh nghi lễ ngoại giao và tiết kiệm chi phí cho cha của cô dâu, Công tước Wolfenbüttel. Hôn lễ được cử hành vào ngày 14/10/1711 trong đại sảnh của cung điện. Để tăng ánh sáng tạo khung cảnh tráng lệ, các cửa sổ được che lại, nhiều tấm gương được treo dọc các bức tường nhằm phản chiếu ánh sáng của hàng nghìn ngọn nến. Nghi thức Chính Thống giáo được cử hành bằng tiếng Nga, ngoại trừ cô dâu - vốn đã chuyển đức tín từ Lutheran sang Chính Thống giáo để trở thành vợ của Sa hoàng tương lai - sử dụng tiếng Latinh. Sau lễ cưới là yến tiệc rồi buổi khiêu vũ. Theo lời tường thuật đương thời:

> Đức Sa hoàng ngỏ lời chúc phúc của người cha theo cung cách cảm động nhất cho đôi vợ chồng mới, và đích thân ông dẫn hai người vào loan phòng.

Đêm ấy, trước khi đi nghỉ Pyotr biên thư cho Menshikov:

> Tôi không có nhiều thời giờ do hôn lễ của con trai tôi được cử hành thành công hôm nay, nhờ ơn Thượng Đế, với nhiều người quyền quý hiện diện. Hôn lê diễn ra trong tư dinh của Hoàng hậu Ba Lan và dưa hấu ông gửi đến được phục vụ trên bàn tiệc, là món đặc sản tuyệt vời ở đây.

Ở Torgau, rốt cuộc Pyotr gặp gỡ nhà triết học và toán học nổi tiếng, Gottfied von Leibniz, người đã trông chờ cơ hội mang đến cho Sa hoàng ý tưởng mới về những định chế văn hóa và giáo dục. Khi được diện kiến Sa hoàng, Leibniz ít nhất đạt được một phần thành công. Pyotr không muốn giao cả tương lai văn hóa và giáo dục nước Nga cho ông này, nhưng năm

sau cử ông làm Cố vấn Tư pháp và yêu cầu ông soạn một danh sách những cải tổ giáo dục, luật pháp và hành chính. Như Leibniz tường thuật buổi diện kiến sắp đến, ở Karlsbad năm 1712, cho nữ Tuyển hầu tước Sophia:

> Tôi thấy Hoàng thượng sắp chữa khỏi bệnh. Tuy thế ông muốn lưu lại thêm ít ngày, do năm rồi ông không được khỏe vì phải ra đi ngay sau khi chữa bệnh… Ngài Tuyển hầu tước hẳn sẽ thấy điều khác thường là tôi giống như Solon của nước Nga, tuy có khoảng cách. Đấy là nói Sa hoàng, qua Bộ trưởng Ngoại giao Golovkin, đã bảo tôi giúp cải tổ luật pháp và soạn thảo vài quy định cho ngành tư pháp. Vì tôi cho rằng luật tốt nhất là phải ngắn nhất, giống như Mười điều Giáo lệnh hoặc Mười hai Bảng Luật, và vì đây thuộc một trong những lĩnh vực mà tôi đã nghiên cứu trước đây, nên tôi sẽ không mất nhiều thời giờ.

Công tước Wolfenbüttel trêu đùa "Solon mới" rằng ông này có thể chỉ được chi trả chút ít - ngoài Huân chương Sankt-Andrei - cho công lao phục vụ Sa hoàng. Leibniz trả lời:

> Tôi rất lấy làm vui đã làm cho Ngài cười cợt về việc tôi trở thành Solon của nước Nga. Nhưng một Solon của Nga không cần đến tri thức của người Hy Lạp và có thể sống với ít [thù lao] hơn. Tôi sẽ rất thích Huân chương Sankt-Andrei nếu nó được làm bằng kim cương, nhưng không được ban thưởng ở Hanover mà chỉ bởi Sa hoàng. Tuy thế, khoản tiền thù lao 50 ducat là hoàn toàn chấp nhận được.

Cuối tháng 12/1711, Pyotr trở về Sankt-Peterburg sau khi đã đi vắng gần một năm, lao vào những sự vụ hành chính trong nước. Ông ra lệnh mở

rộng thương mại với Ba Tư, thành lập một công ty thương mại để giao thương với Trung Hoa, và Thượng viện Nga mới được thành lập ở Moskva phải chuyển đến Sankt-Peterburg vào tháng 4/1712. Tháng 5, ông đặt viên đá đầu tiên cho Thánh đường Petropavlovsk mà Trezzini sẽ xây dựng trong khuôn viên pháo đài cùng tên.

Mùa xuân năm ấy là khoảng thời gian lo âu cho Pyotr: ông vẫn chưa ra lệnh cho quân Nga rút khỏi Azov và Taganrog, còn Ottoman đã tuyên chiến lần thứ hai. Nhưng kế tiếp ông được an tâm qua một giấc mơ kỳ lạ mà Whitworth báo cáo trung thực về London:

> Vài đêm trước Sa hoàng có một giấc mơ: ông thấy đủ loại thú dữ đang cắn xé nhau, trong đám thú ấy có một con hổ dữ tợn nhe nanh xông đến ông và dồn ông vào thế khiến ông không thể tự vệ hoặc chạy thoát. Nhưng có một tiếng nói mà ông không biết từ đâu vọng đến, bảo ông vài lần là không nên sợ hãi, rồi con hổ thình lình dừng lại mà không có hành động gì thêm [để làm hại ông]. Rồi có bốn người mặc trang phục trắng, tiến đến giữa bầy thú dữ, bầy thú lập tức dừng lại và tất cả tản mác ra trong yên bình. Giấc mơ tạo ấn tượng mạnh cho ông [Sa hoàng] khiến ông ghi lại trong sổ tay. Tôi thấy giấc mơ đã giúp cho ông được tự tin hơn.

Ngày 19/2/1712, Pyotr chính thức cử hành hôn lễ với Ekaterina. Nghi lễ được cử hành trong nhà nguyện riêng của Hoàng thân Menshikov, có mục đích xác nhận vị thế của Ekaterina là vợ chính thức của Sa hoàng, và cũng để đáp lại lời những người cho rằng hôn lễ cử hành tháng 11/1707 không đúng nghi thức cho Sa hoàng và Hoàng hậu. Đấy cũng là thể hiện lòng cảm kích của Pyotr đối với người phụ nữ trầm tĩnh, cống hiến hết mình với lòng

can đảm cứng cỏi trong chiến dịch Sông Pruth, đã giúp ông vượt qua khoảng thời gian thảm khốc. Trong buổi lễ, Pyotr vận bộ quân phục Chuẩn đô đốc, với Phó đô đốc Cruys làm người bảo trợ và những sĩ quan hải quân khác làm người chứng. Trở về tư dinh của mình bằng xe trượt tuyết giữa hai hàng quân danh dự thổi kèn và đánh trống, Pyotr dừng chiếc xe ngoài ngạch cửa, đi vào bên trong để treo món quà cưới cho Ekaterina phía trên bàn ăn. Đó là bộ đèn chùm 6 ngọn bằng ngà voi và gỗ mun do tự tay ông làm trong hai tuần. Whitworth kể lại rằng tối hôm ấy

> những người tham dự đều tuyệt vời, bữa tối hoành tráng, rượu rất ngon, không ép khách phải uống quá nhiều. Kết thúc buổi tối là khiêu vũ và màn đốt pháo bông.

Pyotr rất vui, có lúc tâm sự với Whitworth và đại sứ Đan Mạch rằng đấy là "một hôn lễ đạt thành quả, vì họ đã có với nhau năm đứa con".

Hai năm sau, Pyotr tôn vinh Ekaterina thêm bằng cách đặt ra Huân chương Sankt-Ekaterina, theo tên thánh bổn mạng của cô. Pyotr tuyên bố huân chương này kỷ niệm vai trò của vợ ông trong chiến dịch Sông Pruth mà cô đã hành xử "không phải như một phụ nữ, mà như một người đàn ông".

Đầu năm 1711, ngay cả trước chiến dịch Sông Pruth, Pyotr đã có ý dàn hòa với Thụy Điển. Ông đã hoàn tất các mục tiêu trong cuộc chiến: Vyborg và Tỉnh Karelia làm "vùng đệm" phía bắc cho Sankt-Peterburg, Ingria và Livonia về phía nam giúp củng cố thêm, và các cảng biển Riga, Reval cùng Sankt-Peterburg giúp Nga thông ra Tây Âu. Pyotr không còn muốn gì thêm, và ông thành thật mong mỏi hòa bình.

Hội đồng Phụ chính và dân Thụy Điển cũng mong mỏi hòa bình. Thụy Điển đã bị chiến bại, cuộc chiến gây quá tổn kém và nếu tiếp tục sẽ càng bất lợi. Mùa hè 1709 khi Trận Pultowa xảy ra, vụ mùa của Thụy Điển bị yếu kém. Mùa thu năm đó, Đan Mạch trở lại tham gia cuộc chiến. Trong giai đoạn 1710-1711, bệnh dịch hạch quét qua Thụy Điển; Stockholm mất một phần ba dân số. Bây giờ, vào cuối năm 1711, khi Sa hoàng tự do di chuyển khắp các lãnh thổ của người Đức để đi gặp những vua chúa và hoàng thân hoặc xuống tàu đi biển, Thụy Điển đã kiệt lực: không có đồng minh, trong khi phải chống lại cả Nga, Đan Mạch, Saxony và Ba Lan, rồi không bao lâu còn phải chống thêm Hanover và Phổ.

Nếu lý lẽ thôi thúc hòa bình, tại sao hòa bình không đến? Chủ yếu là do Vua Thụy Điển ngăn cấm. Đối với Karl, Pultowa chỉ là thất bại tạm thời. Thụy Điển có thể gây dựng đoàn quân mới để thay thế tổn thất ở Ukraina. Ông có thể thuyết phục Sultan và quân Thổ hợp lực với ông để đánh Moskva. Không có việc ký hòa ước nếu còn có một tấc đất Thụy Điển trong tay Nga; mọi thứ phải được giao trả cho Thụy Điển, kể cả Sankt-Peterburg. Vì Sa hoàng không muốn giao thành phố này, Thụy Điển sẽ phải đánh chiếm bằng lưỡi gươm. Và Sa hoàng cũng khăng khăng muốn giữ Sankt-Peterburg. Thế là tình trạng chiến tranh vẫn tiếp tục.

Trong giai đoạn 1711-1712, liên minh Nga chủ yếu hướng về những lãnh thổ Thụy Điển ở Bắc Đức: Pomerania với các cảng biển Stralsund, Stettin và Wismar, cùng các cảng nội địa Bremen và Verden trên Sông Weser - là những đầu cầu của quân đội Thụy Điển ở lục địa Châu Âu. Vì thế, việc chiếm hữu những lãnh thổ này là điểm lợi cho các nước quanh vùng - Đan Mạch, Phổ và Hanover - rốt cuộc đều là đồng minh của Nga.

Cuộc tấn công vùng Pomerania ở bắc Berlin bắt đầu vào mùa hè 1711. Ngay cả khi Pyotr, Ekaterina, Sheremetyev và đoàn quân chủ lực của Nga tiến về hướng nam đến Sông Pruth, một đoàn quân Nga khác gồm 12.000 người tiến về hướng tây qua Ba Lan. Đây là nỗ lực cho cả liên minh: giữa tháng 8, 12.000 quân Nga, 6.000 quân Saxony và 6.000 quân Ba Lan đi qua Phổ, chỉ cách Berlin dăm ba kilômét. Thêm một đoàn quân Đan Mạch, và quân đội đa quốc gia cùng đến vây hãm Stralsund và Wismar. Điều không may là, vì các tư lệnh không nhất trí nhau và thiếu đại pháo, họ không đạt được gì. Mùa thu đến, việc công hãm bị bỏ dỡ, và đoàn quân vào trú đông trong vùng Pomerania.

Mùa xuân 1712, họ trở lại công hãm Stettin, và một lần nữa không có kết quả với cùng những lý do chỉ huy rối rắm và thiếu pháo. Đoàn quân Nga, bây giờ dưới quyền Menshikov, nhắm đến mục tiêu là cảng pháo đài nhưng không thể tổ chức cuộc công hãm có hiệu quả. Vua Frederick IV của Đan Mạch hứa sẽ gửi pháo, nhưng lại sử dụng pháo đi bắn phá Bremen và Verden đối diện bán đảo Đan Mạch - món mồi béo bở hon đối với ông. Đan Mạch chống chế với Menshikov rằng Ba Lan có nhiệm vụ cung ứng pháo.

Đây là tình hình mà Pyotr nhận thấy khi cùng Ekaterina đi đến Stettin tháng 6/1712. Sa hoàng cảm thấy hết sức thất vọng. Ông viết thư tâm sự với Menshikov:

> Tôi thấy mình rất vô phúc đã đi đến đây. Thượng Đế nhìn thấy tâm ý tốt của tôi và việc làm lôi thôi của những người khác. Ban đêm tôi không ngủ được vì nghĩ đến cách đối xử họ dành cho mình.

Rồi Sa hoàng gửi thư đến Vua Frederick IV của Đan Mạch, than phiền là thêm một mùa hè nữa đã trôi qua trong lãng phí. Nhưng dù tức giận ông chỉ có thể than phiền. Hạm đội Đan Mạch là phần thiết yếu; các đồng minh khác không có đủ lực lượng hải quân để đối phó với hải quân Thụy Điển và chặn đường tăng viện của quân Thụy Điển. Tuy thế, ngôn từ của Pyotr vẫn cay đắng:

> Tôi nghĩ nhà Vua hẳn biết rằng tôi đã không chỉ cung ứng đúng số quân năm rồi thỏa thuận… với Vua Ba Lan, mà là số quân gấp ba lần, và hơn thế nữa, đích thân tôi đã đến đây, không màng đến sức khỏe của mình do sự mệt nhọc thường xuyên và chặng đường dài. Nhưng khi đến đây tôi thấy đoàn quân bất động, bởi vì đại pháo mà ngài hứa đã không đến, và khi tôi hỏi Phó đô đốc Segestet của ngài về việc này, ông ấy trả lời rằng phải có lệnh cụ thể của ngài. Tôi hoàn toàn cảm thấy khó hiểu tại sao có những thay đổi này và tại sao thời giờ thuận lợi như thế bị lãng phí, mà từ đó ngoài việc tốn kém tiền bạc và phương hại đến quyền lợi chung, chúng ta còn khiến cho kẻ địch chế nhạo. Tôi vẫn luôn sẵn sàng hỗ trợ những đồng minh của chúng ta bằng mọi cách mà quyền lợi chung đòi hỏi. Nếu ngài không thuận theo yêu cầu của tôi [gửi đại pháo], tôi có thể chứng minh với ngài và cả thế giới rằng chiến dịch này đã thất bại không phải do tôi, và vì thế không nên trách cứ tôi nếu, vì không thể làm được gì ở đây, tôi rút binh sĩ của tôi về, bởi vì theo chi phí các thứ ở đây, đó là sự uổng phí về tiền bạc, và tôi không thể chịu được bị mất danh dự đối với kẻ thù.

Lá thư của Sa hoàng không đem lại hiệu quả gì; đại pháo của Đan Mạch chỉ bắn phá ở Bremen chứ không phải ở Stettin. Trong nỗi thất vọng như

thế, cuối tháng 9/1712 Pyotr rời đoàn quân để trở lại Karlsbad trong mùa thu thứ ba liên tiếp. Trên đường đi, ông ghé thăm mộ của Martin Luther và ngôi nhà nơi Luther cư ngụ lúc còn sống.

Pyotr đi ngang Berlin và thăm viếng vị Vua Friedrich I già nua của Phổ cùng con trai, Hoàng Thái tử Friedrich Wilhelm. Bên Phổ được biết khi ghé qua Dresden, Vua Augustus tỏ ý tiếp đãi nhưng Pyotr không nhận gì cả, qua đêm trong một ngôi nhà của tư nhân. Trong hoàng cung Phổ cũng thế: Pyotr nhìn qua những gian phòng nơi Vua Đan Mạch đã ngụ, tỏ ý tán thưởng, nhưng không muốn vào ở nơi đây. Bên Phổ còn ghi lại từng chi tiết về Pyotr, như: "Ông ấy không ợ hơi, không đánh rắm, mà cũng không xỉa răng."

Năm tháng sau, trên đường về Nga, Pyotr lại ghé qua Berlin. Lúc này Vua Friedrich I đã qua đời và Vua Friedrich Wilhelm I 25 tuổi lên ngôi. Pyotr nhận xét khả năng vị vua mới gia nhập liên minh chống Thụy Điển:

> Tôi không thể đánh giá hành động của ông ấy sẽ như thế nào. Thứ nhất, bởi vì ông ấy không có tiền, và thứ hai, vẫn có nhiều người ủng hộ Thụy Điển. Bản thân nhà Vua không giỏi về những sự vụ chính trị và khi ông hỏi ý kiến các Bộ trưởng, họ đều muốn giúp Thụy Điển bằng mọi cách…

Triều đại của Pyotr Đại đế và sự vươn mình của Nga chứng kiến sự xuất hiện của một quốc gia mói với quân đội có kỷ luật ở Bắc Đức: nước Phổ. Tiền thân của Phổ là công quốc Brandenburg do Tuyển hầu tước trị vì, theo dòng họ Hohenzollern bắt nguồn từ các Hiệp sĩ Teuton. Vào thời của Pyotr, thủ phủ Berlin của vương quốc này chỉ có 25.000 người. Thần dân của

vương quốc theo đạo Tin Lành, có tính cần kiệm, làm việc có hiệu năng, có óc tổ chức tốt, tinh thần hy sinh và niềm tin rằng nghĩa vụ là trên hết.

Điểm yếu của Phổ là về địa lý. Do kết quả của những cuộc hôn nhân và thừa kế trong quá khứ, lãnh thổ của vương quốc bị tách rời nhau khắp vùng đồng bằng Bắc Âu. Lãnh thổ xa nhất về phía tây là Công quốc Cleves, nằm dọc bờ Sông Rhine; xa nhất về phía đông là Công quốc Đông Phổ, nằm bên bờ Sông Neman, cách Cleves khoảng 800 kilômét. Hòa ước Westphalia năm 1648, nhằm chấm dứt Chiến tranh Ba mươi năm, đã khiến cho Công quốc Brandenburg rơi vào tình trạng ảm đạm. Brandenburg không có đường đi ra biển, thiếu tài nguyên thiên nhiên, và đất không được màu mỡ. Lãnh thổ công quốc luôn bị quân Tin Lành và Thiên Chúa giáo tàn phá và giết chóc.

Tuy nhiên, năm 1640 vương triều Hohenzollern - trị vì Brandenburg từ năm 1417 - sản sinh một nhà lãnh đạo kiệt xuất: Tuyển hầu tước Friedrich Wilhelm. Dù lãnh thổ bị phân tán và nghèo khó, ông này đã mơ đến một vương quốc độc lập, đoàn kết và hùng mạnh. Friedrich Wilhelm - sau này được tôn vinh là Đại Tuyển hầu tước - tạo dựng một guồng máy đưa Phổ lên hàng đầu ở Châu Âu. Ông tổ chức một chính phủ tập trung có hiệu năng, có kỷ luật, thêm hệ thông bưu điện và biểu thuế lũy tiến. Đến năm 1688, sau 48 năm trị vì, vị Đại Tuyển hầu tước đã gây dựng quân đội chính quy với 30.000 người trong tổng số dân chỉ có một triệu.

Những hậu duệ của ông gây dựng tiếp trên nền móng ông đã đặt ra. Đến năm 1701, uy thế của Phổ đã lên đến mức Friedrich III, con của Friedrich Wilhelm, không tự mãn với tước hiệu Tuyển hầu tước. Ông muốn trở thành vua. Người có quyền ban tước hiệu này là Hoàng đế ở Wien thì ban đầu lưỡng lự: nếu phong Friedrich làm vua thì các Tuyển hầu tước của Hanover,

Bavaria và Saxony cũng sẽ muốn làm vua. Nhưng Hoàng đế không có chọn lựa khác. Ông sắp tham gia cuộc chiến với Pháp (Chiến tranh Kế vị Tây Ban Nha) mà ông biết sẽ giằng co, ông rất cần những trung đoàn của Phổ mà Friedrich sẵn lòng cho mượn - nếu ông này được làm vua. Hoàng đế phải thuận theo, và ngày 18/1/1701, Friedrich tự đội lên đầu chiếc vương miện để trở thành Vua Friedrich I của nước Phổ.

Năm 1713, Vua Friedrich Wilhelm I lên kế vị ở tuổi 25, là một người bạn cũng như đồng minh của Pyotr. Tính cương nghị còn hơn cả người cha và ông nội, vị vua này đặt ra mục tiêu của Phổ là trở thành một cường quốc quân sự. Mọi việc đều theo chiều hướng này: nền kinh tế đủ mạnh để nuôi sống một đội quân hùng hậu, bộ máy hành chính có hiệu năng để tận thu thuế hầu trả đủ lương cho binh sĩ, một hệ thông giáo dục xuất chúng nhằm tạo ra binh sĩ có trình độ. Trái ngược với nước Pháp lo đổ tiền của vào những công trình kiến trúc vĩ đại, Phổ lo xây dựng chỉ với mục đích quân sự: nhà máy làm thuốc súng, lò đúc đại bác, kho vũ khí, doanh trại quân đội. Mục tiêu của vị Vua Phổ là quân đội chuyên nghiệp gồm 80.000 người.

Tuy thế, dù có lực lượng quân sự đang mạnh lên, Phổ vẫn giữ chính sách ngoại giao cẩn trọng. Giống như vua cha, Friedrich Wilhelm I cũng khát khao lãnh thổ và cảng biển mới, nhưng ông không vội tiến đến để chiếm đoạt. Quân Phổ luôn chinh chiến qua hợp đồng; nước Phổ không bao giờ chính thức tham dự cuộc chiên nào. Phổ tỏ ra đặc biệt cẩn trọng trong quan hệ với các phe trong Đại chiến Bắc Âu đang diễn ra xung quanh biên giới của mình. Trong những năm Karl XII hành quân qua lại trên đất Ba Lan, Phổ vẫn giữ trung lập. Chỉ sau Trận Pultowa, Phổ mới tuyên chiến nhằm chia phần chiến lợi phẩm.

Trong đời sông cá nhân, Friedrich Wilhelm I là con người lạ kỳ và bất hạnh. Lập dị, không kiểu cách, có kỷ luật tự giác, ông ghét bất kỳ thứ gì mà vua cha đã yêu thích, đặc biệt bất cứ thứ gì thuộc về Pháp. Ông khinh rẻ người Pháp, tiếng Pháp, văn hóa Pháp, ngay cả thức ăn Pháp. Theo bề ngoài, ông là vị quân vương Tin Lành giản đơn, một người chồng chung thủy, một người cha tẻ nhạt. Ông xóa bỏ mọi thứ xa hoa phù phiếm trong triều đình, bán đi phần lớn nội thất và nữ trang của vua cha, sa thải phần lớn thị thần trong cung.

Điều làm hỏng bức tranh gia đình là tính khí bạo lực của Friedrich Wilhelm. Bất thình lình, ông có thể la mắng con cái hoặc bất cứ ai đang ở gần. Chỉ vì một câu nhận xét hoặc cái nhìn nhỏ nhoi nào đấy, ông có thể vung cây gậy lên mà đánh đập kẻ phạm lỗi, đôi lúc làm gãy mũi hoặc răng của họ. Khi ông nổi cơn như thế ngoài đường phố Berlin, nạn nhân không thể làm gì được: chống cự hoặc đánh trả lại quân vương là tội tử hình. Lý do có lẽ là một chứng bệnh[154] do di truyền từ Nữ hoàng Mary của Scotland truyền qua Vua George III. Vì một sự rối loạn biến dưỡng gây các triệu chứng gút, nhức đầu, u nhọt, trĩ và đau dữ dội vùng bụng, cơn bệnh khiến cho nhà Vua khổ sở và mất tinh thần. Ông trở nên béo phì, hai mắt lồi ra, da sáng bóng như ngà voi.

Mối ám ảnh nổi tiếng của nhà Vua - mà toàn Châu Âu đều biết - là việc ông thu thập người cao quá khổ, gồm có 1.200 người, được tổ chức làm hai tiểu đoàn. Những người này đều cao ít nhất 1,8 mét; một số cao 2,1 mét. Ông cho họ mặc đồng phục, mang súng hỏa mai và dao găm, và chơi đùa với họ như thể con nít chơi với các món đồ chơi khổng lồ. Ông bỏ ra chi phí cao cho nhóm người này. Họ được mua hoặc thuê từ khắp Châu Âu, hoặc bị bắt cóc nêu từ chối. Cuối cùng, giá mua quá cao khiến cho Friedrich

Wilhelm nghĩ đến việc nhân giống. Mỗi đàn ông cao lớn trong vương quốc ông bị ép buộc cưới một phụ nữ cao lớn. Khuyết điểm là nhà Vua phải đợi 15 đến 20 năm mới có sản phẩm, và thường chỉ là người có chiều cao bình thường. Cách dễ nhất để thu thập người cao quá khổ là nhận họ như món quà. Đại sứ nước ngoài tham mưu cho triều đình của họ rằng cách thu phục cảm tình của Vua Phổ là tặng ông người cao quá khổ làm quà biếu. Pyotr mỗi năm đều gửi tặng 50 người cao quá khổ. Một lần, Pyotr thu hồi vài người cao quá khổ Nga đã làm quà cho Friedrich Wilhelm và thay thế bằng người có chiều cao kém hơn. Nhà Vua bực tức đến nỗi không muốn tiếp chuyện đại sứ Nga, cho rằng mình đã bị xúc phạm nặng nề.

Lẽ tự nhiên là nhà Vua không muốn gây rủi ro ngoài chiến trường cho những người cao quá khổ mà ông yêu thích. Đáp lại, họ giúp vui cho ông lúc ông đau yếu hoặc buồn chán, khi cả hai tiểu đoàn mang kèn trống và con vật biểu tượng, một con gấu khổng lồ, diễu hành qua phòng ngủ của ông cho ông lên tinh thần.

Điều dễ hiểu là vợ của Friedrich Wilhelm, Hoàng hậu Sophia Dorothea, không được hạnh phúc với con người quái dị này. Bà muốn cuộc sống tráng lệ hơn, có thêm thị thần, thêm nữ trang, thêm dạ hội. Đặc biệt là sau khi cha bà lên làm vua nước Anh và có vị thế ngang hàng với Hoàng đế ở Wien, bà khinh thường hoàng tộc Hohenzollern và triều đình nhỏ bé khắc khổ ở Berlin. Tuy thế bà sinh cho ông 14 đứa con và che giấu chúng trong những phòng riêng của mình khi người cha điên cuồng cầm roi săn lùng chúng khắp cung điện.

Hai đứa con đầu của hai người đều có tên Friedrich và đều chết yểu. Đứa thứ ba, cũng có tên Friedrich, lớn lên cùng với 9 em trai và gái. Hoàng Thái tử này có tính tế nhị, lịch sự, yêu tất cả thứ gì thuộc về Pháp - ngôn

ngữ, trang phục, thậm chí kiểu tóc - và có miệng lưỡi lanh lợi đến mức có thể bắt bẻ vua cha khi tranh luận. Tuy có tính khí nhạy cảm, Hoàng Thái tử được dạy dỗ để trở thành một chiến binh, kế vị cai trị một cường quốc quân sự. Khi Hoàng Thái tử còn bé, vua cha cho nắm giữ một lữ đoàn tập trận giả gồm 131 thiếu niên để cậu hoàng tùy ý sai khiến và vui đùa. Khi 14 tuổi, cậu bé được phong quân hàm thiếu tá chỉ huy đoàn Vệ binh Potsdam gồm những người cao quá khổ, và trong những lễ diễu bĩnh khi cậu chỉ huy những người cao quá khổ này, họ vươn cao hẳn khỏi đầu cậu.

Quan hệ giữa hai cha con tồi tệ dần. Nhà Vua - thường ngồi trên xe đẩy với tâm trạng đau khổ - đối xử với con trai một cách khinh miệt. Cùng lúc, nhận thức được hành vi của mình, nhà Vua bảo con trai: “Nếu cha ta đối xử với ta như cha đối xử với con thì hẳn cha không chịu đựng được. Hẳn cha đã tự tử hoặc bỏ trốn.”

Đến năm 1730, ở tuổi 18, Friedrich bỏ trốn. Cậu bị bắt lại, và vua cha đối xử với đứa con trai đồng phạm tên Von Katte - con của một vị tướng - như là kẻ đào ngũ. Hai người bị giam vào ngục. Một buổi sáng, Hoàng Thái tử thức dậy thấy Von Katte bị dẫn ra ngoài sân nhà ngục và bị chém đầu.

Năm 1740, Vua Friedrich Wilhelm I qua đời, và Hoàng Thái tử Friedrich lên ngôi ở tuổi 28. Chỉ trong vòng vài tháng, vị vua trẻ đã điều khiển đoàn quân - mà ông nội và người cha đã dày công gây dựng - đi đánh trận. Trong sự ngỡ ngàng của Châu Âu, ông xâm chiếm Silesia, gây hấn với Đế quốc của dòng họ Habsburg. Đấy là chiến dịch đầu tiên trong những chiến dịch xuất chúng khiến cho ông sau này được tôn vinh là Friedrich Đại đế.

Mùa thu 1712, điều khó tin nhưng có thật là Karl XII đang chuẩn bị đợt tấn công trên lục địa Châu Âu, trong khi quân đội Nga đang bị sa lầy trước

Stettin và Sa hoàng bôn ba giữa Dresden, Karlsbad và Berlin. Karl XII đã ra lệnh chính quốc Thụy Điển thành lập một đoàn quân mới. Nhiệm vụ của đoàn quân này là đi qua Ba Lan để tụ họp với ông và quân Ottoman nhằm theo đuổi giấc mộng của ông là xâm chiếm Nga. Người Thụy Điển đang đói khổ tỏ ra chán ngán khi nghe mệnh lệnh này. Một sĩ quan Thụy Điển viết:

> Xin nói cho nhà Vua rằng Thụy Điển không thể gửi thêm quân đến Đức nếu muốn bảo vệ đất nước chống Đan Mạch và đặc biệt chống Sa hoàng, người đã chiếm được các tỉnh vùng Baltic và một vùng của Phần Lan, và bây giờ đang đe dọa xâm làng Thụy Điển rồi đốt phá Stockholm thành tro. Thụy Điển có tính nhẫn nại nhưng không muốn trở thành [phần đất] của Nga.

Tuy thế, lệnh của nhà Vua vẫn được thi hành tuy trải qua nhiều khó khăn: một đoàn quân mới được thành lập. Thụy Điển điều Nguyên soái Magnus Stenbock dẫn 18.000 quân cơ động đổ bộ lên Pomerania, nhưng bị tổn thất nặng khi một hạm đội Đan Mạch đánh chìm 30 tàu Thụy Điển chở đầy lương thực và đạn dược. Tuy thế, các nước liên minh vẫn lo lắng về sự hiện diện của quân Thụy Điển, và đặt ưu tiên hàng đầu là đối phó với đoàn quân này. Pyotr lúc ấy đang bị bệnh, vì thế ông viết thư khẩn cầu Vua Frederick IV của Đan Mạch thân chinh để đối phó, và ra lệnh cho Menshikov lập tức tiến quân.

Đối mặt với những lực lượng đang tụ hội của Đan Mạch, Saxony và Nga, Stenbock quyết định tấn công Đan Mạch trước khi quân Saxony và Nga kéo đến. Hành quân qua một trận bão tuyết ngày 20/12/1712, ông tấn công 15.000 quân Đan Mạch trong doanh trại của họ ở Gadebusch và đánh bại họ. Nhưng quân số ông chỉ còn 12.000, và chẳng bao lâu ông bị 36.000

quân Saxony, Nga và Đan Mạch đuổi đánh, vẫn còn đang chờ đợi hàng hậu cần và quân tăng viện từ Thụy Điển, ông nhìn thấy băng tan ở các cảng vùng Baltic và nhận ra rằng chính quốc không thể cứu viện được. Ông dẫn đoàn quân để trốn lánh ở Hamburg và Bremen. Ông yêu sách thị trấn Altona gần Hamburg phải cung cấp tiền bạc cho đoàn quân, và khi họ cung cấp không đủ, binh sĩ dưới quyền ông đốt trụi thị trấn, chỉ có 30 căn nhà là còn đứng vững. Hai ngày sau, quân Thụy Điển trở lại đốt cháy 25 trong số 30 căn nhà ấy. Khi dẫn quân truy kích đến Altona 8 ngày sau, Pyotr bị sốc vì nhìn thấy cư dân sống giữa cảnh hoang tàn mà không có chỗ trú thân, và ông cung cấp tiền bạc cho họ. Quân của Stenbock cuối cùng đi đến pháo đài Tonning trên bờ Biển Bắc, rồi bị quân liên minh vây hãm. Bốn tháng sau, tháng 5/1713, Stenbock đầu hàng và bị bắt làm tù binh.

Ngày 25/1/1713, vì không có hành động quân sự nào trong mùa đông, Sa hoàng giao quyền chỉ huy quân Nga cho Menshikov, rời Tonning đi đến Hanover để gặp Tuyển hầu tước George Louis, người chẳng bao lâu lên làm Vua George I của Anh sau cái chết của Nữ hoàng Anne. Pyotr muốn thuyết phục Hanover tham gia cuộc chiến chống Thụy Điển và, qua Tuyển hầu tước, xác định thái độ của Anh. Sau chuyến viếng thăm, Pyotr biên thư cho Ekaterina:

> Vị Tuyển hầu tước có thái độ dường như rất thuận lợi và cho anh nhiều lời khuyên, nhưng không muốn tích cực làm chuyện gì.

Sa hoàng trở về Sankt-Peterburg, và bốn tháng sau, tháng 5/1713, Stenbock đầu hàng ở Tonning. Menshikov dẫn quân Nga quay lại Pomerania, dọc đường đe dọa Hamburg và thu được một khoản tiền "đóng

góp" lớn của thành phố này vì đã làm ăn với Thụy Điển hưởng nhiều lợi lộc. Pyotr vui thích với hành động và biên thư cho Menshikov:

> Cảm ơn ông về khoản tiền đã thu được ở Hamburg theo cách thức đúng đắn và không mất thời gian. Chuyển phần lớn đến Kurakin [đại sứ Nga tại Hà Lan]. Khoản tiền này rất cần thiết để mua thêm tàu.

Từ Hamburg, Menshikov dẫn quân công hãm Stettin. Lần này, nhờ có đại pháo của Saxony, Stettin thất thủ vào ngày 19/9/1713. Theo thỏa thuận trước, Stettin được giao cho Vua Friedrich Wilhelm I của Phổ, dù nước này chưa bắn phát đạn nào.

Bây giờ, lãnh thổ của đế quốc Thụy Điển trên bờ nam Biển Baltic chỉ còn có hai cảng biển Stralsund và Wismar.

154. Anh ngữ: porphyria, chứng bệnh hiếm hoi do việc cơ thể tích tụ và thải ra (thay vì sử dụng) hợp chất porphyrin, là sắc tố kết hợp với sắt để góp phần tạo nên hemoglobin (huyết cầu tố) có nhiệm vụ tải oxygen. Bệnh này ảnh hưởng đến các hệ tiêu hóa, thần kinh và tuần hoàn, gây nên rối loạn tinh thần, co giật, cao huyết áp, da trắng bệch…(ND)

44 BỜ BIỂN PHẦN LAN

Ngày 22/3/1713, Pyotr trở về Sankt-Peterburg, nhưng chỉ lưu lại thành phố thân yêu của ông được một tháng. Tháng 4/1713, Shafirov ở Ottoman báo cho Pyotr biết dù quân Tatar đang phá phách vùng Ukraina, quân Thổ không có ý định tiến hành chiến tranh. Vì thế, Sa hoàng có thể dốc tâm vào việc chuẩn bị hạm đội và lục quân để chinh phục bờ bắc Biển Baltic.

Trong khi quân của Stenbock xem như chắc chắn sẽ đầu hàng ở Tonning, Pyotr hướng đến đầu đối diện của Biển Baltic, nhất quyết đuổi Thụy Điển ra khỏi Phần Lan. Ông không có ý định lấy hẳn tỉnh này, nhưng sẽ chiếm một ít lãnh thổ để mang ra mặc cả trong cuộc đàm phán hòa bình về sau. Chẳng hạn, ông có thể trả lại Phần Lan để giữ lại vĩnh viễn Ingria và Karelia. Có một lợi điểm khác trong chiến dịch Phần Lan: Pyotr được tự do hành động, không bị các đồng minh ngáng trở. Sau những sự trì trệ đáng chán ở Pomerania trong việc cung ứng pháo và những lời van nài các vua chúa phải giữ lời hứa, bây giờ thật là toại chí cho Pyotr khi mở một chiến dịch theo cách thức và ở nơi chốn tùy thích.

Thật ra, Pyotr đã không đợi đến mùa xuân mới quyết định khởi động chiến dịch. Tháng 11 năm trước, ông đã ra lệnh cho Apraksin chuẩn bị quân đội và tàu để tiến lên Phần Lan. Ông biết rằng Tỉnh Phần Lan cung ứng thịt

và gỗ cho Thụy Điển, thế nên nếu Nga chiếm dù chỉ một phần đất của Phần Lan thì Thụy Điển sẽ phải chấp nhận thua cuộc.

Chiến dịch Phần Lan mùa hè này và chiến dịch kế tiếp sẽ nhanh gọn và tương đối ít đổ máu. Kết quả tuyệt vời này hầu như hoàn toàn là do hạm đội mới của Nga trên Biển Baltic.

Có sự thay đổi sâu xa về thiết kế tàu chiến và chiến thuật hải quân dưới triều đại của Pyotr. Trong thập niên 1690, cụm từ "tàu trong hàng" xuất hiện lần đầu tiên khi tình trạng hỗn chiến giữa các tàu được thay thế bằng chiến thuật "theo hàng" - hai hàng chiến hạm di chuyển song song với nhau và dùng đại pháo bắn vào nhau. Chiến thuật "theo hàng" đòi hỏi chiến hạm phải đủ mạnh để chiến đấu, không thể nhỏ như là loại tàu khu trục hoặc tàu tuần tra, phải có cấu trúc vững chắc, có từ 50 đại bác trở lên. Riêng thủy thủ đoàn phải được huấn luyện nhuần nhuyễn về hải hành và đạn đạo. Hải quân Anh vượt trội về mọi điểm này.

Chiến hạm "theo hàng" cỡ trung bình được trang bị từ 60 đến 80 đại bác đặt hai bên hông, trên hai hoặc ba boong tàu, chia ra hai cụm ở đầu tàu và đuôi tàu. Vài loại còn lớn hơn, cỡ khổng lồ có đến 90-100 đại bác, với thủy thủ đoàn lên đến 800 kể cả những tay súng thiện xạ có nhiệm vụ nhắm bắn sĩ quan và pháo thủ trên tàu địch.

Ngoài thiệt hại do đạn pháo bên địch gây ra, chiến hạm còn bị hạn chế do vật liệu bị lão hóa hoặc do thời tiết. Phải đưa chiến hạm về cảng khi cần đại tu, và việc trang bị cho cảng sửa chữa tàu là yếu tố quan trọng của hải quân.

Vào mùa đông - đặc biệt trên vùng Biển Baltic nơi tàu thuyền không thể hoạt động khi mặt nước đóng băng - các hạm đội vào trú đông. Mọi phụ

tùng và đại pháo của tàu được tháo ra, xếp thành hàng hoặc chất đống trên bến cảng. Vào mùa xuân, vỏ tàu được cạo sạch, những vết nứt được bịt trét, rồi phụ tùng và đại pháo được gắn lên; vỏ tàu trở lại thành một chiến hạm.

So với Hải quân Hoàng gia Anh có 100 chiến hạm, các nước vùng Biển Baltic có hạm đội nhỏ hơn, chỉ dùng để chiến đấu với nhau trong vùng biển hạn hẹp này. Đan Mạch gần như là một đảo quốc, với thủ đô Copenhagen hướng ra mặt biển. Đế quốc Thụy Điển khi Karl XII lên ngôi cũng là quốc gia hàng hải, sống dựa trên mạng đường biển để vận chuyển quân đội và hàng hóa giữa Thụy Điển, Phần Lan, Estonia, Livonia và Bắc Đức. Từ căn cứ hải quân Karlskrona đặt ở vị trí chiến lược, Thụy Điển có thể kiểm soát phần lớn mặt biển Baltic. Ngay cả sau khi Trận Pultowa đã đánh bại lục quân Thụy Điển bách chiến bách thắng, Thụy Điển vẫn còn có lực lượng hải quân đáng nể. Năm 1710, một năm sau Trận Pultowa, Thụy Điển có 41 chiến hạm, Đan Mạch có 41 chiếc, nhưng Nga chưa có chiếc nào. Đô đốc Thụy Điển Wachtmeister lo tập trung vào việc đối phó với Đan Mạch, nhưng các phân đội của Thụy Điển vân còn ngang dọc Vịnh Phần Lan và ngoài khơi bờ biển Livonia.

Hạm đội Thụy Điển không thể làm được gì nhiều để đối đầu với Nga. Họ có thể chuyên chở hàng hậu cần và quân tăng viện, nhưng một khi chiến trận xảy ra trên đất liền, chiến hạm không làm được gì. Trong khi quân Nga đang công hãm Riga, cả hạm đội Thụy Điển tập trung ngoài cửa Sông Dvina Tây nhưng không giúp gì được cho việc phòng thủ thị trấn; rốt cuộc Riga phải đầu hàng.

Tuy nhiên, trong giai đoạn cuối của Đại chiến Bắc Âu, hải quân chiếm vai trò ngày càng quan trọng. Pyotr nhận ra rằng cách duy nhất bắt buộc Thụy Điển chấp nhận hòa bình là vượt qua Biển Baltic để uy hiếp chính

quốc Thụy Điển. Một hải trình như thế là dọc theo bờ biển Phần Lan, vượt qua Vịnh Bothnia để đổ bộ lên Đảo Åland, rồi từ đây tiến qua Stockholm. Pyotr đã chọn hải trình này trong hai mùa hè 1713 và 1714.

Pyotr đáng lẽ đã nghiêng về ý tưởng gây dựng một hạm đội viễn dương gồm 50 chiến hạm lớn để dẫn đầu chiến dịch. Nhưng việc đóng hạm đội này là công trình to tát. Dù đã tuyển mộ thợ đóng tàu, đô đốc, sĩ quan và thủy thủ đoàn từ nước ngoài, công việc vẫn tiến triển chậm chạp. Công tác to lớn ở Voronezh, Azov và Taganrog giờ đã trở thành công cốc; việc gây dựng hạm đội Baltic phải khởi lại từ đầu.

Dần dà trong những năm 1710-1711, một số tàu được hoàn tất nhưng không đủ để đối đầu với hạm đội Thụy Điển nhằm kiểm soát phần trên của Biển Baltic. Hơn nữa, khi Pyotr đã có trong tay một ít chiến hạm, ông muốn bảo toàn hạm đội. Theo đấy, ông ra lệnh cho các đô đốc nhất quyết không giao chiến với hải quân Thụy Điển trừ phi chiếm vị thế áp đảo. Vì thế trong phần lớn chiến dịch, chiến hạm Nga vẫn thả neo ở căn cứ.

Dù Pyotr tiếp tục cho đóng chiến hạm ở Nga và mua thêm từ Hà Lan và Anh, chiến công hiển hách của ông trong những trận hải chiến trong hai năm 1713 và 1714 trên Vịnh Phần Lan là do việc sử dụng loại thuyền trước giờ chưa từng xuất hiện trên Biển Baltic: thuyền galê. Loại thuyền này thường dài khoảng 25-30 mét, có một cột buồm và một cánh buồm, nhưng có nhiều người chèo bằng dầm. Vì thế thuyền galê kết hợp sức gió và sức người chèo, có thể di chuyển ngược chiều gió hoặc khi gió lặng. Qua nhiều thế kỷ, thuyền galê được sử dụng ở những vùng nước kín của Biển Địa Trung Hải nơi gió hay thổi bất thường. Ngay cả trong thế kỷ 18, chiến thuật hải quân truyền thống sử dụng thuyền galê của những hoàng đế Ba Tư và La Mã vẫn tồn tại. Có thể thêm một vài khẩu pháo nhỏ, nhưng thuyền galê

quá nhỏ và thiếu ổn định nên không thích hợp để mang đại bác lớn. Vì thế chiến thuật của thuyền galê vẫn giống như thời cổ đại là chèo đến áp sát tàu của địch, cho bộ binh tràn qua đánh giáp lá cà trên những boong tàu chật chội và trơn trượt.

Vào thời cửa Pyotr, hải quân Ottoman sử dụng chủ yếu thuyền galê. Được sĩ quan Hy Lạp chỉ huy và sức nô lệ chèo bằng dầm, các thuyền này có kích thước khổng lồ, loại lớn nhất có thể chở 2.000 người chia ra làm hai boong chở người chèo và mười đại đội binh sĩ. Để chống lại Ottoman trên các vùng biển kín, Venice cũng dùng thuyền galê, và chính Pyotr đã gửi nhiều thanh niên Nga đi học cách đóng thuyền galê ở Venice. Pháp có 40 thuyền galê ở Địa Trung Hải, bắt tử tội làm nhiệm vụ chèo thuyền suốt đời thay vì chịu án tử hình. Riêng Anh quốc vốn xung quanh là biển thường dậy sóng to nên không sử dụng thuyền galê.

Pyotr luôn chú tâm đến thuyền galê. Loại thuyền này có thể được đóng nhanh chóng, sử dụng gỗ thông thay vì gỗ cứng, có thể bố trí người chèo ít kinh nghiệm, hoặc binh sĩ chèo thuyền có thể kiêm nhiệm chức năng chiến đấu. Thuyền galê cỡ lớn của Nga có thể chở 300 người và 5 khẩu pháo; cỡ nhỏ nhất chở 150 người và 3 khẩu pháo. Vì lý do bờ biển Phần Lan có nhiều đảo đá lởm chởm và vịnh hẹp, Pyotr có thể vô hiệu hóa hạm đội Thụy Điển bằng cách nhường hẳn vùng nước sâu cho họ trong khi đội thuyền galê của mình bám sát bờ biển. Chiến hạm Thụy Điển nào muốn đến giao chiến sẽ bị mắc cạn hoặc rò nước trên đá ngầm, hoặc bị bất động khi gió lặng mặc cho thuyền galê của Nga chèo đến tấn công.

Việc xuất hiện của hạm đội galê Nga trên Biển Baltic gây nhức nhối cho đối thủ: vì đã kiệt quệ về tài chính, Thụy Điển không thể vừa duy trì chiến hạm để đối phó với Đan Mạch vừa đóng thêm thuyền galê để chống chọi

với Nga. Vì thế các đô đốc và hạm trưởng Thụy Điển đành bất lực nhìn đội thuyền của Pyotr di chuyển ven bờ mà đánh phá Phần Lan.

Tư lệnh chiến dịch là Đại tướng kiêm Đô đốc Fyodor Apraksin, cũng phụ trách chỉ huy các đội thuyền galê. Phó đô đốc Cornelius Cruys, tư lệnh đầu tiên của Hạm đội Baltic, thường đi trên một chiến hạm, trong khi Pyotr bắt mọi người gọi mình là "Chuẩn đô đốc Pyotr Alekseyevich", thường qua lại giữa các đội tàu chiến và thuyền galê. Apraksin gây ấn tượng tốt đối với sĩ quan nước ngoài qua kỹ năng và tài chỉ huy của ông. Một trong những hạm trưởng người Anh mô tả ông như sau:

> Người góa vợ đã lâu, không gây tranh cãi gì, tuy nhiên có thể thấy sự cần kiệm, ngăn nắp và trang nghiêm nơi nhà cửa, vườn hoa, gia nhân và trang phục của ông. Mọi người đều công nhận ông có tính khí tốt; nhưng ông thích để cho thuộc hạ tự xử sự theo cấp bậc của họ.

Trên mặt đất và mặt biển, Apraksin luôn giữ mối quan hệ với Pyotr dựa trên sự pha trộn giữa phẩm giá và cẩn trọng. Trong triều đình, một khi đã xác định điều gì là đúng, ông vẫn tiếp tục biện luận chống lại Sa hoàng cho đến khi quân vương cất tiếng đe dọa ông mới thôi. Nhưng trên mặt biển, Apraksin không muốn nhân nhượng Pyotr. Ông chưa từng đi ra nước ngoài và không được huấn luyện về hải hành và chiên thuật hải quân. Tuy nhiên ông không chịu nhượng bộ ngay cả khi Sa hoàng, trong tư cách sĩ quan hải quân ở cấp thấp hơn, vì có ý kiến khác biệt mà vạch ra rằng ông chưa từng trông thấy hải quân nước ngoài. Bá tước Apraksin sẽ lập tức phản bác đến mức trêu tức Sa hoàng; tuy sau cùng ông thưa bẩm với Pyotr:

Trong khi với tư cách Đô đốc mà biện luận với Hoàng thượng về sự hiểu biết của một tư lệnh hạm đội thì tôi không bao giờ nhân nhượng; nhưng nếu Ngài lấy tư cách Sa hoàng để sai khiến thì tôi biết nhiệm vụ của mình.

Mùa xuân 1713, đội thuyền galê đã sẵn sàng. Cuối tháng 4, Pyotr đi cùng 93 thuyền galê và 110 thuyền lớn khác, tất cả chở theo 16.000 quân. Apraksin chỉ huy toàn hạm đội; Pyotr chỉ huy đội tiên phong. Chiến dịch đạt thành công trọn vẹn. Với đội thuyền galê đổ bộ binh sĩ từ điểm này sang điểm khác, quân Nga tuần tự tiến công dọc bờ biển Phần Lan hướng về phía tây. Đây là ví dụ kinh điển cho chiến thuật thủy-bộ: Mỗi khi Tướng Thụy Điển Lybecker dàn lực lượng của ông ở một vị trí phòng thủ cẩn mật nào đấy, thuyền galê Nga chỉ việc đi vòng qua ông, chèo vào một bên cảng ở nơi khác rồi đổ lên đội quân còn sung sức vì không phải đi bộ, cùng với pháo và hàng hậu cần. Lybecker không thể làm gì khác hơn là phải rút lui.

Đầu tháng 5, hàng chục tàu Nga chở đầy binh sĩ xuất hiện ngoài khơi Helsingfors (hiện nay là Helsinki, thủ đô của Phần Lan). Đối mặt với hàng nghìn quân Nga thình lình tiến vào từ ngoài biển, quân trú phòng chỉ có thể đốt rụi hàng hậu cần của họ mà rút lui. Pyotr lập tức dân quân đến đánh cảng Borga gần đấy, và Lybecker cũng rút lui. Lybecker không hề được lòng người ở Thụy Điển nhưng từ trước đến giờ Hội đồng Phụ chính không dám cách chức ông vì ông được đích thân nhà Vua bổ nhiệm. Tuy nhiên, lúc này có tiếng tranh cãi rằng "Vấn đề là chúng ta nên loại bỏ Lybecker hoặc loại bỏ Phần Lan."

Đến tháng 9/1713, lực lượng thủy-bộ Nga đã tiến đến Thành phố Abo ven biển tây nam Phần Lan. Lybecker bị triệu hồi, thay thế ông là Tướng

Karl Armfelt người Phần Lan. Ngày 06/10, quân của Armfelt trấn giữ một con đèo hẹp gần Tammerfors. Quân Nga đến tấn công, thắng lớn và đuổi họ ra khỏi con đèo. Từ lúc này, chỉ có một đoàn quân Thụy Điển nhỏ lưu lại phía bắc Abo, nhưng tất cả viên chức dân sự Thụy Điển, tất cả hồ sơ và thư viện của chính quyền tỉnh được đưa về Stockholm. Vì thế chỉ trong một mùa hè, quân Nga đã chinh phục toàn miền nam Phần Lan mà không cần có đồng minh nào hỗ trợ.

Nhưng trên mặt biển, Thụy Điển vẫn giữ ưu thế: chiến hạm của họ có thể trụ lại và sẵn sàng sử dụng đại pháo bắn tan tác thuyền galê của Nga. Thuyền galê chỉ có cơ hội nếu dụ chiến hạm Thụy Điển vào gần bờ rồi xông ra đánh khi lặng gió. Đây là trường hợp mà Pyotr lợi dụng trong trận hải chiến Hangö vào tháng 8/1714.

Khi chuẩn bị cho chiến dịch hải quân năm 1714, Pyotr đã gia tăng gần gấp đôi hạm đội Baltic. Đến tháng 5, 20 tàu chiến và gần 200 thuyền galê đã sẵn sàng. Ngày 22/6/1714, 100 thuyền galê dưới quyền chỉ huy của người Venice và Hy Lạp có kinh nghiệm ở Biển Địa Trung Hải chèo đi Phần Lan với Apraksin làm tư lệnh và Pyotr làm tư lệnh phó. Trong nhiều tuần, hạm đội Nga không dám tiến quá Mũi Hangö để tránh chạm trán với hạm đội Thụy Điển gồm 16 chiến hạm, 5 tàu khu trục và một số thuyền nhỏ hơn dưới quyền chỉ huy của Đô đốc Wattrang, lãnh nhiệm vụ ngăn chặn sự xâm nhập đến Đảo Åland và bờ biển Thụy Điển.

Trong nhiều tuần, hai bên đều ở vào thế bế tắc. Wattrang không muốn giao chiến gần bờ, còn thuyền galê của Nga không muốn hứng chịu đạn pháo của Wattrang ngoài khơi, thế nên neo lại cách Hangö 10 kilômét về hướng đông. Cuối cùng, ngày 4/8, chiến hạm của Wattrang tiến đến, và khi thấy đông đảo thuyền Nga liền trở ra ngoài khơi. Thuyền galê của Nga vội

đuổi theo, hy vọng bắt kịp vài chiến hạm địch khi gió ngừng thổi. Nhưng phần lớn chiến hạm Thụy Điển chạy thoát được.

Sáng hôm sau, điều mà Pyotr chờ đợi cuối cùng đã đến: gió ngừng thổi, biển lặng, và trên mặt nước phẳng lì như gương là một phân đội chiến hạm Thụy Điển dưới quyền của Chuẩn đô đốc Nils Ehrenskiöld. Lúc bình minh, 20 thuyền galê Nga vội rời vùng biển cạn dọc bờ, tiến đến đội chiến hạm Thụy Điển đang bất động. Tối hôm ấy, lực lượng của Apraksin gồm trên 60 thuyền galê luồn vào giữa hạm đội Thụy Điển và bờ biển rồi tiến ra khơi giữa hai phân đội của Wattrang và Ehrenskiöld. Để ẩn náu, Ehrenskiöld rút phấn đội của mình vào một vịnh hẹp, các chiến hạm nối đuôi nhau dàn thành hàng ngang từ bờ này sang bờ kia. Ngày hôm sau, với chiến hạm Thụy Điển bị cô lập, Apraksin sẵn sàng tấn công. Đầu tiên, ông phái người lên soái hạm của Thụy Điển để ra điều kiện cho Ehrenskiöld đầu hàng trong danh dự. Ehrenskiöld từ chối, và cuộc chiến bắt đầu.

Đây là cuộc chiến kỳ lạ giữa loại tàu chiến cổ xưa và loại hiện đại. Thụy Điển vượt trội về hỏa lực đại pháo và kinh nghiệm chiến trường của thủy thủ đoàn, nhưng Nga chiếm ưu thế về số lượng tàu và quân số. Thuyền galê có tính cơ động hơn, trên boong đầy lính bộ binh, đổ xô đến, lúc đầu hứng chịu tổn thất vì đạn pháo, áp sát rồi đổ quân qua chiến hạm Thụy Điển. Thật ra, Apraksin chỉ huy giống như tướng lục quân hơn là đô đốc hải quân. Hai giờ chiều 6/8/1714, ông phát động đợt đầu tiên gồm 35 thuyền galê. Bên Thụy Điển chờ cho họ đến gần rồi khai hỏa đạn pháo khiến cho thuyền Nga phải lui về. Đợt tấn công thứ hai gồm 85 thuyền galê cũng bị đẩy lui. Rồi Apraksin ra lệnh toàn hạm đội 95 thuyên Nga đánh tổng lực vào bên trái hàng chiến hạm nối đuôi nhau của Thụy Điển; quân Nga tràn lên, một chiến hạm Thụy Điển bị lật vì lượng người quá lớn trên boong. Khi hàng chiến

hạm Thụy Điển đã bị một lỗ hổng, thuyền Nga chèo qua rồi rẽ qua tấn công hai bên, lần lượt đánh hạ từ chiến hạm này qua chiến hạm khác. Cuộc chiến kéo dài ba giờ đồng hồ với tổn thất nặng cho mỗi bên. Rốt cuộc, hạm đội Thụy Điển bị khuất phục, 361 người tử trận và trên 900 bị bắt làm tù binh. Ehrenskiöld cũng bị bắt, cùng với soái hạm của ông và 9 thuyền nhỏ khác.

Có tin tức khác nhau về vị trí của Pyotr trong trận đánh. Có người nói ông chỉ huy phân đội thuyền galê đầu; người khác nói ông đứng thị sát trên bờ. Hangö là trận thắng đầu tiên của hải quân Nga. Pyotr luôn xem đây là sự kiện đã minh chứng cho những năm gian khổ gây dựng nên hạm đội, và là chiến thắng có tầm quan trọng ngang với Trận Pultowa.

Vui mừng tột độ, Pyotr muốn ăn mừng chiến thắng một cách long trọng. Ngày 20/9/1714, ông dẫn chiếc soái hạm và sáu tàu khác của Thụy Điển ngược dòng Sông Neva trong khi đại bác bắn 150 phát chào mừng. Đoàn tàu thả neo gần Pháo đài Petropavlovsk, hai bên Nga và Thụy Điển cùng bước lên bờ để tham dự diễu hành. Lữ đoàn Preobrazhenskoe dẫn đầu, kế tiếp là 200 sĩ quan và thủy thủ Thụy Điển, soái kỳ của chuẩn đô đốc cùng Chuẩn đô đốc Ehrenskiöld, được mặc một bộ đồ mới do Sa hoàng ban tặng. Pyotr mặc quân phục chuẩn đô đốc hải quân Nga. Đoàn diễu hành tiến vào bên trong Pháo đài Petropavlovsk, được Romodanovsky đóng vai Sa hoàng ngồi trên ngai vàng đón tiếp, xung quanh là Thượng viện. Romodanovsky triệu vị Chuẩn đô đốc Nga cao lớn đến và đón nhận bản báo cáo trận hải chiến. Một người đọc to lên bản báo cáo này, rồi vị Sa hoàng giả và các thượng nghị sĩ hỏi han Pyotr về ít chi tiết. Sau khi bàn luận, họ nhất trí tuyên bố rằng xét qua công trạng, thăng quân hàm cho vị Chuẩn đô đốc lên Phó đô đốc, và mọi người cất tiêng hô "Chúc sức khỏe Phó đô đốc."

Trong diễn từ cảm ơn, Pyotr nhắc cho mọi người:

Hỡi Bạn hữu và Chiến hữu: hai mươi năm trước, có ai trong số các người dám nghĩ đến việc chúng ta sẽ tràn ngập Biển Baltic với tàu do chúng ta đóng hoặc sống trên thành phố này xây trên đất chiếm lại từ kẻ địch của chúng ta?

Khi nghi lễ kết thúc, Pyotr bước lên chiếc tàu của mình và tự tay kéo lên hiệu kỳ phó đô đốc. Tối hôm ấy, dinh thự của Menshikov tổ chức yên tiệc đãi cả hai bên Nga và Thụy Điển. Pyotr đứng dậy, quay nhìn về phía quần thần Nga và ca ngợi Chuẩn đô đốc Ehrenskiöld:

Ở đây là một bề tôi dũng cảm và trung thành với quân vương của ông, người xứng đáng nhận phần thưởng cao quý nhất từ chủ nhân của ông, người sẽ luôn được ta che chở khi nào còn ở bên ta, dù đã giết nhiều binh sĩ Nga anh dũng.

Và ông quay qua nói trực tiếp với Ehrenskiöld:

Ta ân xá cho ông, và ông có thể tin nơi lòng thành của ta.

Ehrenskiöld cảm ơn Sa hoàng và đáp lại:

Tôi cảm thấy an ủi nhiều khi làm tù binh của Ngài, được đối xử tử tế bởi một tướng lĩnh hải quân vĩ đại như thế và bây giờ xứng đáng là một phó đô đốc.

Sau đấy, khi tiếp chuyện các nhà ngoại giao nước ngoài hiện diện, Ehrenskiöld tuyên bố quân Nga thật sự đã chiến đấu với kỹ năng, và kinh

nghiệm cá nhân của ông cho thấy Sa hoàng có khả năng biến thần dân của mình thành chiến binh và thủy thủ giỏi.[155]

Chiến thắng Hangö[156] đánh đuổi hạm đội Thụy Điển ra khỏi không những Vịnh Phần Lan mà còn bờ đông của Vịnh Bothnia. Đô đốc Wattrang bây giờ rút lui khỏi phần trên Biển Baltic, không dám mạo hiểm cho chiến hạm giao chiến với thuyền galê của Nga nữa. Vì thế hải quân Nga rộng đường tiến về hướng tây.

Tháng 9/1714, một hạm đội 60 thuyền galê đổ 16.000 quân lên đảo Åland, rồi tiến lên Vịnh Bothnia, đốt phá thị trấn Umean của Thụy Điển.

Sự thành công của chiến dịch Phần Lan thúc đẩy Pyotr gia tăng chương trình đóng tàu. Gần đến cuối triều đại của ông, hạm đội Baltic gồm có 34 chiến hạm (nhiều chiếc được trang bị 60 đến 80 đại pháo), 15 tàu khu trục, 800 thuyền galê và thuyền nhỏ hơn, với 28.000 thủy thủ. Đây là một thành tựu vĩ đại. Tuy hạm đội Nga vẫn còn nhỏ hơn hải quân Anh, Nga đã khởi đầu mà không có thợ đóng tàu, sĩ quan hải quân, nhân viên hải hành hoặc thủy thủ. Gần cuối cuộc đời của Pyotr, vài chiến hạm Nga có chất lượng tương đương với những chiến hạm tốt nhất của Anh.[157]

Nhược điểm duy nhất mà Pyotr không thể khắc phục là dân Nga không thích đi biển. Sĩ quan hải quân nước ngoài - Hy Lạp, Venice, Đan Mạch và Hà Lan - tiếp tục chỉ huy các tàu của Nga. Giới quý tộc Nga vẫn có ác cảm với biển và bất mãn nặng nề nhất khi phải phục vụ binh chủng hải quân. Với lòng đam mê sóng biển xanh và không khí mặn vì muối biển, Pyotr vẫn là con người độc đáo trong số những người Nga đương thời.

155. Sau đó, Ehrenskiöld được trả tự do. Trước khi về nước, ông được diện kiến Pyotr, và được Pyotr trao tặng bức chân dung của Sa hoàng cẩn kim cương. Sa hoàng cũng nhờ ông trao một lá thư gửi Karl XII cho biết mình tôn trọng Ehrenskiöld như là một tướng lĩnh dũng cảm và có kỹ năng. (ND)

156. Qua mọi thời kỳ, hải quân Nga đều xem trọng chiến thắng Hangö, và truyền thống của Hải quân Nga là thời nào cũng có một chiếc tàu mang tên "Gangut", là tên Nga của "Hangö". (ND)

157. Pyotr cũng quan tâm đến việc trồng rừng, với mục đích chính là tạo nguồn cung ứng gỗ đầy đủ cho chương trình đóng tàu dài hạn của Nga. Ông đã phái chuyên viên đi điều tra trữ lượng gỗ ở nhiều khu rừng, và cá nhân ông cũng giành nhiều thời giờ làm gương mà trồng cây gây rừng xung quanh Sankt-Peterburg. (ND)

45 BIẾN CỐ NÁO ĐỘNG

Cảm thấy thất vọng một cách cay đắng khi không thể ngăn chặn sự hòa hoãn giữa Ottoman và Nga, Karl XII luôn náo động để phá hoại tiến trình hòa hoãn này, nhưng không thành công. Ba cuộc "chiến tranh" ngắn ngủi giữa Nga và Ottoman đã diễn ra cách nhau 1 đến 2 năm là do Karl xúi giục, dù một phần cũng là do Pyotr lưỡng lự trong việc giao trả Azov và rút quân khỏi Ba Lan.

Một cơ hội đầy hứa hẹn xảy ra vào tháng 10/1712 trong cuộc chiến thứ ba. Lúc ấy, một đoàn quân Ottoman khổng lồ được huy động ở Adrianople do Hoàng đế đích thân chỉ huy. Trong kế hoạch hành động chung, Ahmed III đồng ý phái một toán quân Thổ hùng hậu hộ tống Karl XII đi đến Ba Lan để nhà Vua hội ngộ với một lực lượng viễn chinh Thụy Điển mới do Stenbock đưa đến. Nhưng khi đổ bộ lên đất Đức, Stenbock di chuyển về hướng tây thay vì hướng nam, và cuối cùng bị bắt ở pháo đài Tonning. Karl vẫn là vị vua mà không có quân đội. Hoàng đế Thổ không chắc chắn một mình có thể đánh được Nga, nên quyết định dàn hòa và trở về cấm thành.

Thế là, tính đến mùa đông 1713, Karl đã lưu lại Ottoman trong ba năm rưỡi. Ngoại trừ lòng hiếu khách của người theo đạo Hồi, phần lớn triều thần Ottoman đều chán ngán Karl, xem ông này là gánh nặng. Sultan muốn đạt nền hòa bình vĩnh cửu với Nga, nhưng các mưu đồ của Karl cứ ngăn cản

việc này. Phía Thổ quyết định cần tạo điều kiện cho ông về nước bằng cách này hay cách khác.

Riêng Hãn vương Devlet Gerey của Tatar từ lòng ngưỡng mộ chuyển qua nỗi cay đắng khi Karl từ chối tham gia Ottoman để đánh Nga ở Sông Pruth (xem Chương 42), vì thế ông sắp đặt một âm mưu. Ông liên hệ với Vua Augustus của Ba Lan để định giả vờ giúp hộ tống Karl về nước rồi bắt cóc Karl mà giao cho Ba Lan. Một khi đã lên đường, đội kỵ binh hộ tống sẽ được dần dần giảm bớt với những lý do khác nhau. Khi đã qua biên giới Ba Lan, đoàn người sẽ bị một lực lượng hùng hậu của Ba Lan đón đường, và đội kỵ binh vì quá yếu nên sẽ đầu hàng, giao Karl cho Ba Lan. Do đó, hai bên cùng có lợi: người Thổ sẽ rảnh nợ, còn Augustus sẽ tóm được Karl.

Tuy nhiên, lần này Karl gặp vận may. Điệp viên của Karl giả dạng làm người Tatar khám phá âm mưu này, mang các thư từ trao đổi giữa Hãn vương và Augustus báo cáo cho Karl ở Bender. Karl được biết cả Hãn vương và Tổng trấn Bender cùng tham gia vào âm mưu; còn theo ông có thể xác định thì Sultan không can dự. Karl muốn thông báo cho Hoàng đế nhưng tất cả đường liên lạc đã bị cắt.

Thật ra, Sultan cũng muốn Karl ra đi, thế nên ông sắp đặt một giải pháp theo cách khác. Ngày 18/1/1713, ông ra lệnh bắt cóc Vua Thụy Điển - bằng vũ lực nếu cần nhưng không được làm hại - và mang ông này lên một chiếc tàu của Pháp. Ahmed III không tin rằng sẽ cần đến vũ lực. Ông không biết gì về âm mưu của Hãn vương, và dĩ nhiên không biết rằng Karl đã khám phá ra âm mưu này. Từ những mưu đồ đan chéo nhau, những hiểu biết giới hạn và ngộ nhận đã mang đến biến cố náo động.

Doanh trại quân Thụy Điển ở Bender đã có nhiều thay đổi sau ba năm rưỡi họ trú đóng ở đây. Phòng ốc vững chãi đã thay thế lều bạt, xây theo

từng hàng như là doanh trại quân đội, với cửa sổ kính cho sĩ quan và cửa sổ phủ da cho binh sĩ. Nhà Vua ngụ trong một ngôi nhà mới xây bằng gạch rộng rãi, có đồ nội thất đẹp, cùng với một nhà hành chính, khu sĩ quan và một chuồng ngựa tạo thành một khu vực được phòng thủ khá vững chắc ở giữa khuôn viên. Từ ban công tầng trên, Karl có thể nhìn bao quát cả doanh trại Thụy Điển và những quán cà phê cùng cửa hiệu xung quanh bán thức ăn, rượu và thuốc lá cho đoàn quân. Doanh trại giống như một hòn đảo Thụy Điển ở giữa một đại dương Thổ. Nhưng đấy không phải là đại dương thù nghịch. Trung đoàn Vệ binh được cắt cử bảo vệ nhà Vua vẫn ngưỡng mộ ông, tự hỏi: "Nếu được một vị vua như thế lãnh đạo, có việc gì mà chúng ta không làm được?"

Dù có ý nghĩ thân thiện như thế khi lệnh của Hoàng đế được mang đến vào tháng 1/1713, không khí xung quanh trại quân Thụy Điển trở nên căng thẳng. Hàng nghìn quân Tatar phi đến hợp lực cùng Vệ binh Thổ. Để đối mặt với đội quân này, Karl có không đến 1.000 quân Thụy Điển nhưng không có đồng minh: quân Ba Lan và Cossack đã lặng lẽ bị điều đi và đặt dưới sự bảo hộ của Ottoman. Nhưng không sờn lòng, nhà Vua chuẩn bị các bước để đối kháng, ra lệnh cho thuộc hạ tích trữ hàng hậu cần đủ dùng trong 6 tuần. Để trấn an tinh thần binh sĩ Thụy Điển, ngày nọ Karl đơn độc cưỡi ngựa qua hàng quân của Tatar dày đặc.

Ngày 29/1, Karl nhận tin báo là sẽ có cuộc tấn công vào ngày hôm sau. Binh sĩ của ông đã lập một phòng tuyến bao quanh doanh trại, nhưng không thể đào lấy đất lúc này đang bị đóng băng. Thay vào đấy, họ chồng chất xe goòng, bàn ghế rồi dùng phân thú đắp lên. Những gì xảy ra ngày hôm sau là một trong những biến cố quân sự lạ kỳ nhất trong lịch sử Châu Âu. Khi tin tức lan khắp Châu Âu, người ta lắc đầu cảm thấy khó hiểu, nhưng dĩ nhiên

lúc ấy họ chưa biết rằng Karl chỉ có ý định chống cự nhằm phá vỡ âm mưu bắt cóc ông đưa về Ba Lan. Vì không thể thông báo cho Sultan, Karl hy vọng bằng cách chống trả để buộc Vệ binh Thổ thối lui rồi phải xin chỉ thị của Hoàng đế.

Vụ náo động bắt đầu ngày Thứ Bảy, 31/1/1713, khi đại bác Ottoman bắn một loạt vào pháo đài mỏng manh của Thụy Điển, nhưng chỉ gây tổn thất nhẹ vì đạn pháo không được nạp đủ thuốc súng.

Hàng nghìn quân Thổ và Tatar tập họp. Một báo cáo phía Thụy Điển viết:

> Cả đoàn quân Tatar tiến về phía hào của chúng tôi và dừng lại cách ba, bốn bước, tạo cảnh tượng rất kinh hoàng. Lúc 10 giờ, có thêm vài nghìn kỵ binh rồi vài nghìn Vệ binh từ Bender đến. Họ xếp thành hàng ngũ như thể sẵn sàng tấn công chúng tôi.

Cuộc tấn công đã được chuẩn bị xong xuôi nhưng vì lý do nào đấy không xảy ra. Theo một nguồn tin, lính Thổ tỏ ra lưỡng lự tân công nhà Vua Thụy Điển - người mà họ ngưỡng mộ, và đòi cho xem chỉ dụ của Hoàng đế ra lệnh tiến công. Một nguồn khác kể rằng 50 hoặc 60 Vệ binh chỉ cầm gậy trắng bước vào doanh trại Thụy Điển và khẩn cầu Karl thuận nạp mình cho họ, thề rằng sẽ không động đến một sợi tóc của ông. Karl từ chối, và người ta nghe ông kể "Nếu họ không đi ra, ta sẽ đốt râu họ". Có chuyện kể rằng ngay trước khi cuộc tấn công xảy ra, có hai cầu vồng chồng lên nhau xuất hiện phía trên ngôi nhà của Karl. Quân Thổ lấy làm kinh ngạc, không muốn tấn công, nói rằng Đấng Allah đang bảo vệ nhà Vua. Lý do gần đúng là vị Tổng trấn và Hãn vương chỉ muốn phô trương thanh thế để ép Karl thuận

theo họ mà không cần đến bạo động. Kết quả là quân Thổ vẫn bất động, rồi đại bác ngừng bắn và cuối cùng hàng quân giải tán.

Sáng hôm sau, ngày 01/2, tinh thần binh sĩ Thụy Điển bị khủng hoảng khi trông thấy đội quân hùng hậu vây quanh, không hiểu rằng đây chỉ là trò biểu dương lực lượng, vì thế một số binh sĩ và sĩ quan cấp thấp lẻn ra ngoài xin đầu hàng. Karl ra lệnh thổi kèn đánh trống để cổ vũ tinh thần quân đội, và truyền hiệu lệnh cùng lời hứa hẹn:

> Hoàng thượng trấn an từ cấp cao nhất đến cấp thấp nhất rằng những ai ở lại bên Ngài thêm hai tiếng đồng hồ và không đào ngũ sẽ được trọng thưởng. Nhưng những ai đào ngũ thì ông sẽ không bao giờ muốn thấy mặt họ nữa.

Vì ngày này là Chủ Nhật, nhà Vua tham dự nghi lễ tôn giáo trong ngôi nhà của ông, đang lắng nghe bài giảng thì bầu không khí thình lình vang dội tiếng đại bác. Sĩ quan Thụy Điển vội chạy lên tầng trên tòa nhà, trông thấy đoàn quân Thổ và Tatar, gươm lăm lăm trong tay, đang chạy về phía doanh trại của họ, hô lớn "Allah! Allah!". Họ chạy về trại binh sĩ, ra lệnh "Đừng bắn!. Đừng bắn!" Chỉ một vài binh sĩ khai hỏa súng nòng dài, nhưng phần lớn tuân lệnh mà đầu hàng nhanh chóng. Đấy là động thái không giống với tính cách Thụy Điển chút nào, cho thấy vị Vua muốn tránh đổ máu.

Phía bên kia, cap chỉ huy Thổ và Tatar hình như cũng ra hiệu lệnh tương tự. Dù có nhiều mũi tên bắn vào, phần lớn không trúng ai. Đạn pháo vẫn không được nạp đủ thuốc súng, vì thế không gây tổn thất gì.

Tuy thế dù cho hai bên không muốn thật sự đánh nhau, sự can dự của đại pháo, súng nòng dài và gươm giáo khiến cho họ khó kiểm soát được

tình hình. Chẳng bao lâu, không khí trở nên căng thẳng và máu bắt đầu đổ. Trong khi bên Thụy Điển không muốn chống cự, quân Thổ tràn vào ngôi nhà của Karl để hôi của, khiến cho Karl không thể chịu được sự si nhục này. Một tay cầm gươm, một tay cầm súng lục, nhà Vua mở cửa chạy vào tiền sảnh, theo sau là một nhóm quân Thụy Điển. Từng loạt đạn súng lục nổ, căn phòng đầy khói súng. Qua làn khói mù mịt, hai bên ngạt thở và ho sặc sụa, bắt đầu cận chiến. Cũng như trong tất cả trận chiến khác, quân Thụy Điển tỏ ra dũng cảm, hơn nữa trong ngôi nhà này quân số hai bên tương đương nhau.

Đúng lúc này, một cận vệ của Karl tên là Axel Roos nhìn quanh tìm kiếm nhà Vua, nhưng không thấy ông đâu. Anh chạy xuyên qua ngôi nhà và thấy Karl trong phòng trợ lý đứng giữa ba lính Thổ, đưa hai tay lên, thanh gươm trong tay phải… Tôi bắn hạ tên lính Thổ đang quay lưng vào tường… Hoàng thượng hạ thanh gươm xuống đâm vào tên lính Thổ thứ hai còn tôi nhanh chóng bắn chết tên lính Thổ thứ ba.

Khi Karl và Roos bước qua các thi thể, mặt nhà Vua vấy máu từ mũi, má và vành tai nơi đạn bay sượt qua. Bàn tay trái ông bị vết đứt nặng giữa ngón cái và ngón trỏ khi ông cô chống lại một thanh gươm Thổ bằng cách giơ tay không nắm lấy lưỡi gươm. Nhà Vua và Roos gia nhập những người đã đánh bật quân Thổ khỏi ngôi nhà và đang bắn theo họ từ các cửa sổ.

Quân Thổ huy động đại bác bắn thẳng vào, nhưng bức tường dày chống đỡ được. Karl thân hành đi tới lui phân phối đạn dược cho binh sĩ của mình.

Lúc này, trời bắt đầu sẩm tối. Bên Thổ nhận ra sự phi lý khi cố huy động 12.000 quần tấn công một ngôi nhà không có đến 100 quân phòng ngự, nhất là khi có lệnh không được sát hại số quân này. Họ quyết định dùng cách thức khác để bức bách. Quân Tatar cột rơm cháy vào mũi tên rồi

bắn vào, cùng lúc Vệ binh mang cỏ khô chất quanh ngôi nhà của Karl rồi nổi lửa đốt. Khi quân Thụy Điển cố dùng các thanh sắt hất đi các bó lửa, quân Tatar bắn tên khá chính xác để bức bách họ thối lui. Trong vòng ít phút, ngọn lửa táp lên mái nhà. Karl xua binh sĩ của mình lên chữa cháy, dùng gươm cố chặt đứt phần mái đang cháy để ngăn ngọn lửa lan xa, nhưng vô hiệu. Các thanh đà cháy rừng rực khiến cho nhà Vua và binh sĩ của ông phải cởi áo choàng che lấy đầu tránh sức nóng rồi theo cầu thang rút xuống. Ở tầng trệt, toán quân kiệt lực mang rượu ra uống, và nhà Vua được khuyên nên uống một ít rượu vang. Đây là lần đầu tiên trong 13 năm chinh chiến, Karl nếm rượu.

Đám cháy phía trên vẫn lan rộng, rồi rốt cuộc toàn bộ mái nhà đổ sụp xuống, cả phần trên ngôi nhà là biển lửa. Vài người khuyên nhà Vua nên đầu hàng vì không được lợi gì nếu bị thiêu sống, nhưng có lẽ vì thêm hăng hái sau vài ngụm rượu vang, ông nhất quyết không nghe theo.

Nhưng rõ ràng họ không thể ở mãi trong ngôi nhà. Karl thuận theo lời khuyên nên chạy đến tòa nhà hành chính lúc ấy vẫn còn nguyên vẹn, cách họ 50 bước, để chống cự ở đấy. Quân Thổ đang đứng nhìn, tự hỏi vị Vua còn sống hay đã chết, và thình lình thấy ông, tay cầm gươm và tay cầm súng lục, dẫn đầu toán quân chạy ra. Quân Thổ xông đến. Hai bên bắt đầu chạy đua. Không may cho Karl, ông bị vấp ngã khi vừa đến góc tòa nhà.

Trước khi ông có thể đứng dậy, quân Thổ đã ập đến. Một trong những người chạy theo ông, Trung úy Aberg, nhào xuống nằm đè lên nhà Vua để che chắn cho ông. Aberg bị một nhát gươm chém vào đầu và được kéo ra, bị chảy máu. Rồi quân Thổ nhào đến cố giằng lấy thanh gươm của ông, khiến cho một xương chân ông bị gãy. Không hay biết gì về thương tích này, họ cố giật lấy áo choàng của ông để làm bằng chứng lãnh thưởng.

Dù bị đau ở vết thương chân, Karl vẫn đứng lên được, toán quân Thụy Điển phía sau thấy ông đã chịu thua, cũng xin đầu hàng lập tức. Họ bị cướp đồng hồ, tiền bạc và những cúc áo bằng bạc trên áo choàng đang mặc. Karl đang bị thương chảy máu, nhưng vẫn giữ tư thái điềm tĩnh, hầu như vô tư. Ông đã làm mọi việc có thể làm được, và đã chống cự được không phải trong hai mà là tám tiếng đồng hồ. Ông được đưa đến tư dinh Tổng trấn Bender. Khi ông bước vào, trang phục đã xác xơ, người nhuộm máu, mặt dính đầy máu và bùn đất, nhưng vẫn giữ vẻ trầm lặng. Vị Tổng trấn tiếp đãi ông một cách lịch sự, ngỏ ý xin lỗi về sự hiểu lầm khiến cho trận đánh nổ ra.

Ngày hôm sau, Karl và đoàn tùy tùng được hộ tống đến Adrianople. Vài người trông thấy tình cảnh mà thương hại Karl, nhưng ông cảm thấy vui vì đã hoàn thành mục đích của mình: Sau một cuộc chiến như thế Hãn vương và Vệ binh sẽ không giải ông đi Ba Lan.

Điều trớ trêu là một ngày sau khi cuộc náo động xảy ra, lệnh mới của Hoàng đế hủy bỏ lệnh cũ cho phép dùng vũ lực vừa được chuyển đến. Một đại diện của Hoàng để đến gặp Karl, cho biết Hoàng để không hề có ý đồ xấu nào.

Ở Adrianople, Karl được đối đãi trong vinh dự và vào cư ngụ trong lâu đài Timurtash với công viên và cây cảnh đẹp đẽ. Cả Hãn vương và Tư lệnh Vệ binh bị mất chức vì cuộc náo động. Ba tháng sau, đế quốc Ottoman khởi động cuộc chiến thứ tư ngắn ngủi với Nga. Xét theo mọi khía cạnh, hành động của Karl đã là một thành công tạm thời.

Cuộc náo động gây xúc cảm mạnh trên toàn Châu Âu. Một số người xem đó là hành động anh hùng của Karl: Giống như một vị anh hùng trong

truyền thuyết, nhà Vua đã đích thân chiến đấu chống lại lực lượng vượt trội. Nhưng nhiều người cho rằng đó là sự điên rồ. Làm thế nào nhà Vua lại xúc phạm đến lòng hiếu khách của Sultan? Đấy là cảm nghĩ của Pyotr khi ông được báo tin:

> Bây giờ tôi nhận ra rằng Thượng Đế đã bỏ rơi em trai Karl của tôi, vì cậu ấy đã chủ động tấn công và làm tổn thương người bạn và đồng minh duy nhất của cậu ấy.

Thật ra, đó có phải một câu chuyện anh hùng hay không? Theo bề ngoài, chỉ 100 quân Thụy Điển với vũ khí hạng nhẹ đã chống chọi với 12.000 quân Ottoman có đại bác. Có những lời đồn râm ran ở Tây Âu cho là người Thổ chết hàng loạt, xác chất đống trước nhà của Karl. Thật ra, phía Ottoman có 40 người chết, trong khi bên Thụy Điển mất 12. Ngay cả tổn thất như thế là không cần thiết, vì Vệ binh Ottoman đã cố kiềm chế. Nếu quân Thổ không xông vào hôi của, có lẽ sẽ không có thương vong. Sự thật là một cuộc phô trương thanh thế đã biến thành đổ máu vì ý đồ chính trị: Vua Thụy Điển không muốn bị trục xuất rồi sẽ bị bắt. Đấy cũng là cuộc chơi mà ông thích: ông đã không chỉ huy trận chiến nào trong ba năm rưỡi, ông bị nhục nhã ở Sông Pruth, và ở đây ít nhất ông có thể vung thanh gươm lên.

Trong 20 tháng tiếp theo, Karl lưu lại Ottoman. Phải mất 10 tháng xương gãy ở chân mới lành để ông có thể đi đứng bình thường. Trong thời gian này, nhiều sự kiện ở Châu Âu nhanh chóng xảy ra. Tháng 4/1713, Hòa ước Utrecht được ký kết để kết thúc 12 năm Chiến tranh Kế vị Tây Ban Nha. Không bên nào thắng. Cháu nội của Hoàng đế Louis XIV, Philip de Bourbon, ở trên ngai vàng Tây Ban Nha như Hoàng để Pháp mong muốn.

Người thứ hai tranh chấp ngai vàng Tây Ban Nha thì lên làm Hoàng đế Karl VI của Đế quốc La Mã Thần thánh sau khi người anh qua đời năm 1711.

Rốt cuộc, Nga và Ottoman cũng thiết lập nền hòa bình lâu dài. Pyotr chịu từ bỏ Azov và rút quân Nga khỏi Ba Lan. Bên Ottoman mong mỏi có hòa bình vì chiến tranh ở Tây Âu đã chấm dứt khiến cho quân Áo rảnh tay và có khả năng tấn công Ottoman lần nữa, vì thế Sultan muốn chuẩn bị sẵn sàng để đối phó. Ngày 15/6/1713, Hòa ước Adrianople được ký kết, xác định nền hòa bình trong 25 năm.

Chính hòa ước này khiến cho Karl XII không thể lưu lại Đế quốc Ottoman lâu hơn nữa. Sau 4 năm che chở ông, người Thổ đã dàn hòa với những địch thủ của ông. Với hòa bình đã vãn hồi, con đường xuyên Châu Âu đã rộng mở, tuy Karl không thể đi qua Ba Lan vì kẻ thù của ông - Augustus - đang trị vì, nhưng ông có thể đi qua ngả Áo và Đức. Tân Hoàng đế của Áo - Karl VI - thật sự muốn Karl trở về Bắc Đức. Lãnh thổ này của Thụy Điển trong Đế quốc La Mã Thần thánh đang bị các công quốc người Đức đe dọa nuốt chửng, và vị Hoàng đế muốn giữ nguyên hiện trạng và thế quân bình. Vì thế Hoàng đế đồng ý cho Vua Karl XII đi qua lãnh thổ mình và ông sẽ tiếp đón theo nghi lễ chính thức ở Wien. Tuy nhiên, Karl XII từ chối, tỏ ý muốn được phép đi qua Áo mà không có nghi lễ đón tiếp nào, nếu không ông sẽ chấp nhận lời mời của Louis XIV mà trở về nước trên một chiếc tàu của Pháp. Hoàng đế Karl VI chấp thuận. Cuối mùa hè 1714, Karl XII bắt đầu tập dượt cưỡi ngựa để chuẩn bị cho nhiều ngày dài ngồi trên yên.

Karl XII quyết định giấu tung tích trong chuyến trở về. Ngày 20/9/1714, ông lên đường cùng với 130 quân Thụy Điển và một số chủ nợ đi theo với hy vọng sẽ được ông thanh toán đầy đủ khi đã về nước. Có thêm quân Thụy

Điển từ Bender kéo đến điểm hẹn tại biên giới Ottoman-Áo. Đoàn giờ lên đến 1.200 người, với xe goòng và 2.000 ngựa, dễ khiến cả bạn lẫn thù chủ ý. Karl muốn tránh phía bạn tiếp đón cũng như phía Saxony, Ba Lan hoặc Nga bắt cóc, thế nên quyết định tách ra đi trước.

Ngoài yếu tố di chuyển nhanh, Karl cũng cần cải trang. Vì cả Châu Âu đều biết đến những thói quen khổ hạnh của ông, một tùy tùng trong đoàn ông bông đùa rằng Karl có thể cải trang thành công nếu ông mang một bộ tóc giả uốn quăn, qua đêm trong khách sạn sang nhất, uống rượu bét nhè, tán tỉnh mọi cô gái rồi đi ngủ đến giữa trưa mới dậy. Karl không làm quá mức như thế nhưng ông cũng để bộ ria, đội bộ tóc giả màu đen, thay trang phục, mang hộ chiếu với tên giả. Thêm hai cận thần, cả ba người giả làm nhóm tiền trạm cho đoàn của Vua Thụy Điển theo sau, vì có người hóa trang làm Karl bằng cách mặc bộ trang phục và mang thanh kiếm của ông trong đoàn. Dọc đường, một cận thần rơi lại phía sau, cuối cùng thật sự chỉ có Karl cùng với một người phi ngựa xuyên Châu Âu.

Ông không dừng lại nghỉ nơi nào quá một giờ, ít khi qua đêm trong quán trọ mà thích ngủ ban đêm bằng cách giả làm hành khách đi trên một xe đưa thư tốc hành, cuộn mình trên lớp rơm lót sàn của chiếc xe luôn dằn xóc. Đến đêm 10/11, lính canh ở Stralsund nghe tiếng đập cổng khẩn trương, mở cổng ra và thấy một người với một chiếc mũ rộng vành đội trên một bộ tóc giả màu đen. Dần dần, có thêm sĩ quan cấp cao được gọi đến, cho đến 4 giờ sáng viên Tổng trấn Stralsund càu nhàu bước ra khỏi giường ngủ để đi đến rồi xác nhận một chuyện đáng kinh ngạc: Sau 15 năm đi vắng, Vua Thụy Điển đã trở về lãnh thổ thuộc Thụy Điển.

Chuyến đi tạo nên một chuyện thần kỳ. Trong vòng không đến 14 ngày, nhà Vua đã di chuyển gần 2.100 kilômét, tức 160 kilômét mỗi ngày. Ông đã

đi khoảng 650 kilômét, còn lại là cưỡi ngựa[158]. Riêng đoạn đường từ Wien đen Stralsund dài trên 1.200 kilômét, nhờ có ánh trăng soi chỉ mất có 6 ngày, tức 200 kilômét mỗi ngày. Suốt cuộc hành trình, nhà Vua không thay đổi trang phục và giày bốt; khi ông đến Stralsund người ta phải cắt giày bốt để tháo ra khỏi chân ông.

Cuộc hành trình trở nên nổi tiếng khắp Châu Âu. Tại Thụy Điển, mọi người nhận tin đều vui sướng tột độ; các nhà thờ cử hành lễ tạ ơn. Nhưng tin này gây âu lo cho tất cả đối thù của Karl: Pyotr của Nga, Augustus của Saxony, Frederick IV của Đan Mạch, và cả những người đã ùa vào chia chiến lợi phẩm: George Louis của Hanover và Friedrich Wilhelm I của Phổ.

Nhưng trái với mọi dự đoán là Karl sẽ lên tàu về chính quốc ngay, ông tuyên bố sẽ lưu lại Stralsund, là tiền đồn cuối cùng của Thụy Điển trên lục địa Châu Âu. Quyết định này có phần hợp lý. Chắc chắn Stralsund sẽ bị các kẻ thù của Thụy Điển hợp lực tấn công. Nếu nhà Vua cố thủ nơi này, ông có thể phân tán lực lượng kẻ thù ở Baltic. Hơn nữa, ông sẽ có một cơ hội khác để chỉ huy chiến trận.

Karl ra lệnh gửi quân và pháo tăng viện. Hội đồng Phụ chính không thể cưỡng lệnh của nhà Vua giờ đã đặt chân lên lãnh thổ thuộc Thụy Điển, thế nên gửi đến 14.000 quân. Đúng như Karl dự đoán, vào mùa hè 1715 liên quân Phổ-Đan Mạch-Saxony gồm 55.000 người tấn công Stralsund.

Đường tiếp tế cho thị trấn là qua biển Baltic. Nếu hải quân Thụy Điển tải đến đủ quân nhu và đạn dược, Karl có thể cầm cự đến mùa thu. Nhưng hải quân Đan Mạch xuất hiện giao chiến với hải quân Thụy Điển, rồi có 8 chiến hạm lớn của Anh trợ lực, khiến hạm đội Thụy Điển phải rút về, và đô đốc tư lệnh hạm đội sau đấy viện cớ thời tiết xấu nên giữ hạm đội ở luôn tại căn cứ.

Khi đường biển bị cắt đứt, việc thất thủ Stralsund là không tránh khỏi. Đích thân Karl chỉ huy 2.800 quân tấn công và cố đẩy lui một cánh quân Đan Mạch và Phổ gồm 14.000 người. Chính ông bị đẩy lui, trúng một mảnh đạn súng nòng dài nhưng chỉ bị thương nhẹ. Quân Thụy Điển bị công hãm suốt mùa thu, với Karl luôn xông pha trước lửa đạn cả ở trên bộ và trên mặt biển. Một lần, Karl điều một chiếc thuyền chèo với một người đốc công đóng tàu tên Schmidt đi thám thính vị trí của đối phương. Khi nằm trong tầm đạn của quân Phổ, chiếc thuyền bị bao phủ trong làn khói của hỏa lực đối phương. Schmidt cố nằm rạp xuống, nhưng Karl lại đứng dậy, đưa tay vẫy về phía quân địch. Ông không bị bắn, và sau khi xem xét xong xuôi, ông ra lệnh quay về. Không cảm thấy tự hào về hành động của mình, Schmidt cố phân trần với nhà Vua:

> Thưa Hoàng thượng, tôi không phải là lái tàu mà chỉ là người đóng thuyền, với nhiệm vụ ban ngày là đóng nên những con thuyền và nhiệm vụ ban đêm là sản sinh những đứa con.

Karl vui vẻ trả lời rằng công việc của ông ta ngày hôm ấy đã không làm cho ông mất đi chức năng của nhiệm vụ nào.

Cuối cùng, ngày 22/12/1715, Stralsund đầu hàng.

Trước đấy, Karl đã rời đi trên một chiếc thuyền nhỏ, rồi được một tàu chiến Thụy Điển đưa về chính quốc. Trong 12 tiếng đồng hồ, các thủy thủ cố chèo lái chiếc thuyền giữa những tảng băng trên vùng biển mùa đông để đi đến một chiếc tàu đang chờ đợi ngoài khơi chở nhà Vua trở về Thụy Điển.

Hai ngày sau, lúc bốn giờ sáng ngày 24/12/1715, sau 15 năm và 3 tháng vắng bóng, giữa cơn mưa tối tăm và lạnh lẽo, nhà Vua Thụy Điển đặt chân trở lại đất nước mình.

158. Karl hẳn đã bỏ tiền ra mua ngựa mới để thay đổi mà cưỡi từng chặng đường ngắn nhằm duy trì tốc độ. (ND)

46 VENICE CỦA MIỀN BẮC

Có một truyền thuyết cho rằng Thành phố Sankt-Peterburg được xây hoàn thiện trên thiên đường rồi được đưa nguyên cả mảng hạ xuống những đầm lầy của Sông Neva. Chỉ điều này mới giải thích tại sao một thành phố lộng lẫy như thế lại trụ vững trên vùng đầm lầy u ám. Sự thật mang ít phép lạ hơn: đây là trái tim sắt đá của duy nhất một con người, kỹ năng của hàng trăm kiến trúc sư và nghệ nhân nước ngoài, và lao động của hàng trăm nghìn công nhân Nga đã tạo nên một thành phố mà nhiều người ca tụng là "Venice của miền Bắc" và "Babylon trên tuyết".

Việc xây dựng Sankt-Peterburg được tiến hành cật lực sau chiến thắng Pultowa năm 1709, rồi tăng tốc thêm năm sau tiếp theo việc Nga chiếm được Riga và Vyborg. Từ lúc này trở đi, dù Sa hoàng vắng mặt khỏi thành phố nhiều lần, mỗi lần vài tháng hay cả năm, việc xây dựng không bao giờ ngừng nghỉ. Bất kỳ ông đi đâu, công văn của ông đều tràn ngập những câu hỏi và vương lệnh liên quan đến việc xây bờ kè, cung điện và dinh thự, đào kênh, thiết kế và trồng cây xanh thảm cỏ ở những công viên. Năm 1712, dù không có tuyên cáo chính thức, Sankt-Peterburg trở thành thủ đô mới của nước Nga. Chính quyền làm việc quanh Sa hoàng, và Sa hoàng yêu mến Sankt-Peterburg. Vì thế, các cơ quan chính phủ ở Moskva chuyển đến Sankt-Peterburg, và chẳng bao lâu cả chính phủ tọa lạc ở thành phố mới.

Trong thập kỷ đầu từ khi tạo dựng, Sankt-Peterburg phát triển một cách nhanh chóng. Tháng 4/1714, Pyotr ra lệnh kiểm kê và đếm được 24.500 tòa nhà lớn nhỏ. Con số này chắc chắn là quá cao. Tuy vậy, Sankt-Peterburg gây ấn tượng không phải qua số lượng mà là chất lượng của các công trình. Kiến trúc sư từ nhiều nước đã đến làm việc và để lại dấu ấn của họ. Trezzini, vị Kiến trúc sư Trưởng đầu tiên, làm việc ở Nga trong gần 10 năm. Tiếp nối ông vào năm 1713 (dù Trezzini vẫn còn ở lại và tiếp tục xây dinh thự) là người Đức Andreas Schluter, dẫn theo một sô kỹ thuật viên và kiến trúc sư.

Vào năm 1714, thành phố chủ yếu vẫn là Đảo Petrogradskiy, phía đông Pháo đài Petoopavlovsk. Trung tâm ở đây là Quảng trường Chúa Ba ngôi, đối diện với bờ kè sông nơi có ngôi nhà gỗ nguyên thủy của Pyotr. Xung quanh quảng trường là Thánh đường Chúa Ba ngôi bằng gỗ được xây năm 1710, trụ sở Bộ Ngoại giao, Xưởng in Nhà nước, bệnh viện đầu tiên của thành phố, và dinh thự bằng đá của Bộ trưởng Ngoại giao Golovkin, Thứ trưởng Ngoại giao Shafirov, Hoàng thân. Ivan Buturlin, Nikita Zotov (bây giờ được phong Bá tước) và Hoàng thân Matvey Gagarin, Thống đốc Siberia.[159]

Gần Quảng trường Chúa Ba ngôi là khu chợ với hàng trăm gian hàng của thương nhân đến từ hàng chục quốc gia. Họ đều trả cho Sa hoàng tiền thuê gian hàng, và Sa hoàng giữ cho họ được độc quyền bằng cách cấm buôn bán ở những nơi khác trong thành phố. Trong những con đường nhỏ là khu chợ trời bán hàng hóa đã sử dụng. Giữa khối người đông đúc, chen lấn nhau quanh các sạp hàng, dân móc túi tha hồ làm ăn. Đại sứ Weber kể: “Đám đông dày đặc đến nỗi người ta phải để ý giữ gìn túi tiền, thanh gươm và khăn tay. Tốt nhất là nên cầm tất cả trong một tay. Có lần tôi thấy một sĩ

quan Nga bị giật mất bộ tóc giả và một phụ nữ đứng đắn mất chiếc mũ.” Kỵ binh Tatar phóng nhanh qua, giật đi cả bộ tóc giả và chiếc mũ rồi rao bán hai món cách đó không xa nơi hai người đầu trần có thể trông thấy, giữa tiếng cười của đám đông.

Một khi chiến thắng Pultowa đã triệt tiêu mối đe dọa của Thụy Điển, thành phố phát triển ra những đảo khác và về phía đất liền, về phía hạ lưu, trên bờ bắc của Sông Neva, là Vasilyevskiy, hòn đảo lớn nhất vùng này, mà phần lớn diện tích được Sa hoàng ban cho Hoàng thân Menshikov, Thống đốc của Sankt-Peterburg. Năm 1713, Menshikov cho xây ngôi dinh thự đồ sộ của mình do kiến trúc sư Gottfried Schadel người Đức thiết kế dọc bờ sông, gồm 3 tầng và được trang hoàng với nội thất lộng lẫy. Khu tiền sảnh bao la của dinh thự được dành cho những buổi tiếp tân, giải trí, hôn lễ, khiêu vũ…[160] Pyotr ít khi sử dụng dinh thự này, cũng như trước đây ít khi sử dụng dinh thự rộng lớn của Francis Lefort do ông cấp kinh phí. Thay vào đấy, ông thích cư ngụ trong những ngôi nhà nhỏ, giản đơn, không có phòng nào đủ rộng để tiếp đón đông người.

Phía sau dinh thự của Menshikov là ngôi giáo đường dành riêng cho ông, với một khu vườn cây canh và khu chăn nuôi gia súc. Vì nằm ở bờ bắc của con sông, khu vườn nhìn ra hướng nam và được một hàng rào chắn gió nên có thể sản xuất trái cây, kể cả dưa hấu. Phần đất còn lại của hòn đảo có vài ngôi nhà gỗ, đồng cỏ cho ngựa và bò, nhưng phần lớn diện tích vẫn còn rừng cây và lùm bụi.

Trọng tâm của thành phố luôn luôn là Sông Neva, với dòng nước lạnh chảy từ Hồ Ladoga xuống qua tòa pháo đài, qua dinh thự của Menshikov và đổ ra Vịnh Phần Lan. Lúc đầu, dòng nước chảy xiết, áp lực của băng đóng trên mặt vào mùa đông và những tảng băng trôi vào mùa xuân khiến cho

việc xây cầu trở nên khó khăn. Pyotr còn muốn thần dân của mình tập lái thuyền, thế nên ông bắt buộc mọi người qua lại Sông Neva bằng thuyền. Đối với người không thể sắm thuyền, họ có thể sử dụng phà của triều đình, nhưng người điều khiển phà (đa số là nông dân) thường không thể lèo lái trong dòng nước chảy xiết và gió mạnh. Đối với dân chúng, việc vượt sông vẫn trắc trở: nếu có một cơn bão, họ có thể bị lưu lại nhiều ngày trên một bờ sông. Vào mùa đông, họ có thể đi trên mặt băng, nhưng vào mùa hè khi có bão, mùa thu khi nước bắt đầu đóng băng hoặc mùa xuân khi băng đang tan, dân chúng sông trên những hòn đảo bị cô lập.

Vì sự cô lập này, các tòa nhà chính phủ và dân dụng mọc lên dọc bờ nam của con sông, tức là đất liền. Tòa nhà lớn nhất là dinh thự 30 phòng của Đại tướng-Đô đốc Apraksin, nằm gần Bộ Tư lệnh Hải quân, ở góc của một vị trí mà hiện nay là Cung điện Mùa Đông 1.100 phòng xây cho Nữ Hoàng đế Elizaveta. Ngược lên thượng nguồn trên bờ nam là các ngôi nhà của Tổng Kiểm sát Yaguzhinsky, Phó đô đốc Cruys và Cung điện Mùa Đông của Pyotr, nằm trên khu đất hiện nay có cung điện nhỏ Hermitage của Ekaterina Nữ Đại đế. Cung điện của Pyotr được xây bằng gỗ, có hai tầng, nhìn chung không khác gì những tòa dinh thự nằm dọc bờ sông. Cung điện Mùa Đông thứ nhất được dỡ bỏ năm 1721 để xây lại bằng đá, rồi đến phiên cung điện này cũng biến mất. Hiện giờ là Cung điện Mùa Đông thứ năm, kế tiếp biến thành Bảo tàng Nghệ thuật Hermitage (Ẩn cư)[161], trở thành trung tâm của Sankt-Peterburg.

Vào năm 1710, cách Bộ Tư lệnh Hải quân 1,5 kilômét về phía thượng nguồn, nơi Sông Fontanka đổ vào Neva, kiến trúc sư người Ý Domenico Trezzini bắt đầu xây Cung điện Mùa Hè. Pyotr và Ekaterina cùng sống ở đây; 7 gian phòng tầng dưới dành cho Pyotr thể hiện sự giản đơn và thực

dụng của ông, 7 gian phòng tầng trên của Ekaterina cho thấy ý thích sống trong xa hoa và lộng lẫy của bà. Chẳng hạn, các bức tường trong phòng làm việc và tiếp tân của Pyotr được bao phủ bằng hàng trăm mảnh ngói xanh Hà Lan, mỗi mảnh được vẽ tàu thuyền hoặc cảnh hải hành hoặc cảnh đồng quê. Trên bàn làm việc của Sa hoàng là chiếc đồng hồ được trang trí dùng trên tàu và một địa bàn làm bằng đồng và bạc chạm trổ do Vua George I của Anh tặng. Phòng đặc biệt nhất trên tầng của Pyotr là phòng đặt máy tiện để ông sử dụng trong thời gian rảnh rỗi. Trên bức tường của phòng này là một thiết bị đặc biệt gồm ba mặt kim, mỗi mặt có đường kính 1 mét, để chỉ giờ, được nối với chong chóng gió trên nóc nhà để chỉ hướng và vận tốc gió.

Phòng ăn của Pyotr chỉ vừa đủ rộng cho gia đình và vài vị khách; mọi cuộc chiêu đãi công cộng đều được tổ chức ở dinh thự của Menshikov. Quan trọng nhất là một cửa sổ thông trực tiếp từ nhà bếp đến phòng ăn; Pyotr thích dùng thức ăn nóng và ghét ngồi ăn trong dinh thự to lớn khiến cho thức ăn bị nguội khi chuyển theo đường dài từ nhà bếp đến bàn ăn.

Ở tầng trên, Ekaterina có phòng tiếp tân, phòng ngai vàng, phòng khiêu vũ, một phòng ngủ, một phòng cho trẻ em và nhà bếp riêng cho bà. Hiện giờ, cung điện nhỏ này được phục hồi rất tốt, chứa những hiện vật nguyên thủy hoặc cùng thời, được trang trí với vô số chân dung của gia đình Pyotr cùng các cận thần, là nơi mà người ta có thể cảm thấy một cách gần gũi nhất sự hiện diện của chính Pyotr - cũng giống như ở Peterhof.[162]

Năm 1716, một kiến trúc sư người Pháp đi đến Sankt-Peterburg và để lại dấu ấn vĩnh cửu cho "thiên đường" của Pyotr: Alexandre Jean Baptiste LeBlond. Là môn đồ của Le Notre, nhà thiết kế vườn cây cảnh cho Cung điện Versailles, tuy chỉ mới 37 tuổi nhưng LeBlond đã trở nên nổi tiếng ở Pháp do những công trình kiên trúc của ông ở Paris và những quyển sách

ông viết về kiến trúc và thiết kế vườn cây cảnh. Tháng 4/1716, ông ký hợp đồng nhận chức vụ Kiến trúc sư Trưởng trong 5 năm. Pyotr rất phấn khởi sau khi tiếp chuyện với ông, bàn về những kế hoạch và kỳ vọng của mình đối với thành phố mới. Pyotr hồ hởi biên thư cho Menshikov:

> Hãy chào đón LeBlond với thái độ thân thiện và tôn trọng hợp đồng của ông ấy, vì ông là người giỏi hơn cả người giỏi nhất và đúng là con người phi thường, vì tôi nhìn là biết ngay. Hơn nữa, ông ấy còn là một người hăng say và thông minh và được trọng vọng trong các công xưởng ở Pháp, vì thế qua ông chúng ta có thể tuyển dụng bất cứ ai ta muốn. Vì thế, phải báo cho tất cả kiến trúc sư của chúng ta rằng họ phải trình tất cả đề án xây dựng cho ông ấy phê duyệt, và nếu còn thời gian phải thực hiện chỉ thị của ông ấy mà sửa chữa đề án cũ.

Với chức vụ Kiến trúc sư Trưởng, hợp đồng cao giá và lời khen ngợi nồng nhiệt của Sa hoàng, LeBlond đến Nga với ý định nhận lãnh trách nhiệm. Ông còn dẫn theo một số nhân viên kỹ thuật đồ họa, kỹ sư, nhà điêu khắc, thợ nề, thợ gạch, thợ mộc, thợ làm khóa, và làm vườn. Ông lập tức thiết lập Sở Xây dựng có chức năng phê duyệt tất cả thiết kế kiến trúc, rồi soạn thảo kế hoạch tổng thể cho việc phát triển thành phố trong những năm kế tiếp.

Tham vọng lớn nhất là tạo dựng một thành phố giữa những con kênh dựa theo mô hình của Amsterdam, gồm những đường phố chạy song song trên nền cao, và những con kênh cắt ngang qua vùng đầm lầy trũng. Quyền hạn của LeBlond va chạm với Menshikov, vừa là thông đốc của thành phố vừa là chủ nhân phần lớn đất trên đảo Vasilyevskiy. Menshikov không dám chống đối trực tiếp kế hoạch mà Sa hoàng đã duyệt, nhưng khi Sa hoàng đi

vắng trong nhiều tháng ông vẫn nắm quyền chỉ huy toàn thành phố về tất cả hoạt động kể cả xây dựng. Menshikov trả đũa theo cách đặc thù của mình. Những con kênh được đào, nhưng hẹp hơn là LeBlond thiết kế: hai thuyền không thể đi ngược chiều nhau, và bùn bắt đầu bồi lấp. Khi Pyotr trở về và thấy tình trạng này, ông ngạc nhiên và bực tức. LeBlond biết không nên đối đầu trực tiếp với Menshikov, nên vẫn giữ im lặng. Pyotr hỏi LeBlond: "Liệu có thể làm gì để thực hiện kế hoạch của ta?"

Vị Kiến trúc sư Trưởng nhún vai: "Thưa Ngài, chỉ có thể dỡ bỏ. Phải phá bỏ hết những gì đã xây lên và đào lại các con kênh." Việc này là quá sức ngay cả đối với Sa hoàng, và kế hoạch bị hủy bỏ, tuy thỉnh thoảng ông đi đến Đảo Vasilyevskiy ngắm nhìn các con kênh mà rầu rĩ trong im lặng. Tuy nhiên, bên bờ nam, LeBlond xây dựng Đại lộ Nevsky, cắt ngang 4 kilômét khu đầm lầy và lùm bụi. Đại lộ này được thi công bởi tù binh Thụy Điển - những người cũng được lệnh dọn dẹp sạch sẽ mỗi Thứ Bảy - để trở thành một con đường nổi tiếng nhất nước Nga.

LeBlond cũng đóng góp công lao đáng kể vào một công trình ở Sankt-Peterburg: Công viên Mùa Hè. Ngay cả trước chiến thắng Pultowa, Sa hoàng đã bắt đầu cho xây công viên trải rộng 15 hécta phía sau Cung điện Mùa Hè - nơi hợp lưu của Sông Neva và Kênh Fontanka. Dù đang chinh chiến chống lại Thụy Điển, Sa hoàng vẫn liên tục ra chỉ thị về việc xây dựng công viên này. Nhiều giống cây cho bóng mát và hoa cảnh được nhập về từ khắp Châu Âu để trồng ở đây.

Sự đóng góp chủ yếu của LeBlond là về nước. Ông đã viết "Vòi phun và nước là linh hồn của một công viên, là phần trang trí quan trọng." Ông cho bơm nước từ Kênh Fontanka lên một thủy đài cao rồi phân phối đến 50 vòi phun nước khắp khu công viên qua những hang động và ghềnh thác

nhân tạo, và qua miệng của những tượng điêu khắc cá heo và ngựa. Cá cảnh và ngay cả hải cẩu bơi lội trong những hồ nước dưới các vòi này. Gần đấy, chim chóc quý hiếm hót trong những lồng có hình dáng đền thờ, có cả khi, nhím, chồn…

Áp dụng những bài học của bậc thầy Le Notre, LeBlond thiết kế một vườn hoa thuần kiểu Pháp, với thềm hoa, cây cảnh và đường sỏi chạy viền, cây và lùm bụi được cắt tỉa theo hình cầu, hình lập phương và hình nón… Còn có thêm 60 tác phẩm điêu khắc kiểu Ý bằng đá hoa cương đặt rải rác, môi tác phẩm mang tên những nhân vật trong truyện cổ tích của Aesop.[163]

Những khi hiện diện ở Sankt-Peterburg, Pyotr thường đến chơi ở Công viên Mùa Hè, ngồi uống bia với bạn bè trong khi Ekaterina đi dạo cùng với những mệnh phụ phu nhân. Trận lụt năm 1777 gây thiệt hại nặng cho Công viên, và Nữ Đại đế Ekaterina cho tái tạo theo trường phái của Anh, để cho cây cỏ mọc tự nhiên hơn, và không cho xây lại các vòi phun nước. Nhưng Công viên vẫn giữ nét thu hút. Cho đến ngày nay, Công viên Mùa Hè vẫn sống lại mỗi mùa xuân và trông vẫn tốt tươi với cành lá mới đâm chồi.

Menshikov càng ngày càng ghen tỵ với LeBlond. Năm 1717, ông báo cáo với Sa hoàng rằng LeBlond đang cho chặt đốn những loại cây ở Công viên Mùa Hè mà Sa hoàng rất yêu thích. Thật ra, LeBlond chỉ cho tỉa bớt vài nhánh cây để làm tăng vẻ đẹp của công viên theo kiểu Pháp. Khi Pyotr trở về và đối mặt với LeBlond, ông nổi cơn giận dữ, dùng cây gậy đập ông này bị thương và lên cơn sốt. Rồi Pyotr đi đến Công viên và sau khi nhận thấy sự thật, ông vội gửi lời xin lỗi đến LeBlond và chỉ thị chăm sóc đặc biệt cho ông này. Sau đấy, khi Sa hoàng gặp Menshikov, ông nắm lấy cổ áo vị đại thần và nạt lớn: Chỉ có mi, tên khôn kiếp, đã khiến cho LeBlond bị bệnh!”

LeBlond bình phục, nhưng tháng 2/1719, ông qua đời vì bệnh đậu mùa ở tuổi 38, sau khi làm việc cho nước Nga chỉ được 30 tháng. Nêu ông sống được lâu hơn, dựa trên ân huệ và quyền lực của Sa hoàng hẳn ông đã mang đến cho Sankt-Peterburg nhiều sắc thái Pháp hơn. Thật ra, trước khi qua đời, LeBlond đã để lại một ví dụ thế nào là công trình kiến trúc đặc trưng kiểu Pháp. Ông đã chọn vị trí và soạn thảo bản vẽ cùng sơ đồ mặt bằng cho dinh thự mùa hè Peterhof.

Peterhof được khai sinh một thời gian lâu trước khi LeBlond đến nước Nga. Năm 1703, chỉ vài tháng sau khi đánh chiếm châu thổ Sông Neva, Pyotr đã đi thuyền đến Đảo Kotlin, rồi cho xây một pháo đài ở đây để bảo vệ mặt biển của Sankt-Peterburg. Mùa dông bão khiến hành trình từ thành phố ra đây bị khó khăn, ông cho xây một ngôi nhà nghỉ gồm 2 phòng để trú ngụ mà không phải đi về thường xuyên. Ngôi nhà nghỉ này là cốt lõi ban đầu của Peterhof.

Dần dà, với chiến thắng Pultowa và sự hiện diện của LeBlond, Pyotr muốn mở rộng ngôi nhà nghỉ thành một Versailles-bên-bờ-biển: Peterhof.

Cung điện to lớn do LeBlond xây gồm hai tầng, được thiết kế và trang trí một cách lộng lẫy, mở ra một khu hoa viên kiểu Pháp phía sau. Nhưng cung điện này vẫn còn nhỏ hơn và không trau chuốt như Versailles, vẻ huy hoàng của Peterhof - kiệt tác của LeBlond - là do việc sử dụng nước. Nước phun lên trời cao; nước bắn ra từ những tượng người, thần tiên, ngựa, cá và những sinh vật lạ kỳ mà người hoặc thần tiên chưa hề thấy; nước chảy thành màng mỏng như gương xuống những bậc thềm cẩm thạch; nước chảy sâu dưới những hồ và kênh nhỏ. Nước cung cấp cho khu vườn này không chỉ từ vịnh, mà còn qua những ống dẫn từ một nguồn trên cao cách đấy hơn 20 kilômét.

LeBlond còn xây lên ba nhà thủy tạ lưu lại cho đến bây giờ - Hermitage, Marly và Mon Plaisir. Hermitage là một cấu trúc nhỏ nhưng sang trọng, bao bọc xung quanh là hồ nước có chiếc cầu bắc qua (và có thể rút lên được) dẫn đến cánh cửa duy nhất. Có hai tầng, tầng dưới là nhà bếp và văn phòng, tầng trên chỉ là một phòng, thoáng đãng với những cửa sổ cao mở ra ban công. Phòng này chỉ dùng làm phòng ăn riêng tư. Giữa phòng là một chiếc bàn rất rộng hình trái xoan cho 12 thực khách, có gắn một bộ phận cơ khí kiểu Pháp: Khi dùng xong một món ăn, chủ nhân rung chuông phần giữa của chiếc bàn được hạ xuống tầng dưới, tô đĩa cũ được lấy đi và món ăn mới được dọn lên, rồi mặt bàn được đưa lên vị trí cũ. Theo cách này, gia nhân không cần hiện diện gần bàn ăn.

Marly được gọi theo tên nhà nghỉ của Louis XIV, nhưng đại sứ Pháp báo cáo về Paris là "không hề giống nhà nghỉ của Hoàng thượng". Marly của Pyotr chỉ là một ngôi nhà đơn giản kiểu Hà Lan với những gian phòng tường áp gỗ sồi và gạch Hà Lan, được xây kế bên một hồ nước tĩnh lặng.

Đặc biệt nhất là nhà thủy tạ mang tên Mon Plaisir. Đây là tòa nhà gạch đỏ một tầng kiểu Hà Lan, được xây kế bờ biển. Qua những cửa số cao kiểu Pháp, từ mọi gian phòng của tòa nhà, người ta có thể bước xuống sân hiên chỉ cách mặt nước biển vài mét. Một bên của tiền phòng trung tâm là phòng làm việc của Pyotr; phòng ngủ nhỏ của Pyotr ở kế bên, và khi nằm trên giường ông có thể ngắm nhìn ra biển. Bên kia của tiền phòng trung tâm là nhà bếp, chỉ cách phòng ăn một bước. Một gian phòng kỳ lạ là Phòng Trung Hoa, có kích thước nhỏ nhưng toàn bộ được trang trí lộng lẫy bằng sơn mài màu đỏ và đen, mặt trước mở ra biển, mặt sau nhìn ra khu hoa viên với hoa tulip và vòi phun nước. Pyotr yêu mến tòa nhà nhỏ này và thích cư ngụ ở đây ngay cả khi Ekaterina ngụ trong Đại Cung điện. Ở đây, ông có thể

ngắm nhìn biển hoặc nằm trên chiếc giường đặt gần cửa sổ mà nghe tiếng sóng biển. Trong những năm cuối đời, vị quân vương hiếu động tìm được sự yên tĩnh trong tâm hồn ở Mon Plaisir.

Hiện giờ, Mon Plaisir vẫn còn duy trì mọi sắc thái như lúc Pyotr sống ở đây. Không hẳn tất cả đồ nội thất, trang trí và vật dụng đúng là kỷ vật của Pyotr[164], nhưng thật sự có nguồn gốc từ thời Pyotr.

159. Nguyên soái Sheremetyev cũng có một dinh thự ở Sankt-Peterburg, bây giờ được dùng làm Viện Bảo tàng Nhạc cụ. (ND)

160. Hiện nay, dinh thự của Menshikov được biến cải làm một thành phần của quần thể Bảo tàng Ẩn cư Quốc gia. (ND)

161. Cung điện Mùa Đông hiện giờ được xây dựng trong khoảng thời gian 1754-1762. Sự khởi đầu của Bảo tàng Hermitage là bộ sưu tập quý giá gồm khoảng 250 bức họa nổi tiếng khắp châu Âu do Ekaterina Nữ Đại đế mua về. Bà gọi bộ sưu tập này "nơi ẩn cư của tôi", vì rất ít người được bà cho phép vào thưởng ngoạn. (ND)

162. Cung điện Mùa Hè bây giờ là viện bảo tàng, mặt ngoài với những hoa văn chạm nổi vẫn còn được duy trì theo trình trạng nguyên thủy. (ND)

163. Aesop: nhà thơ ngụ ngôn Hy Lạp cổ đại (thế kỷ 6 TCN). (BT)

164. Quân đội Đức Quốc xã chiếm đóng khu dinh thự Peterhof trong thời gian 1941-1944, phá hủy nhiều đồ vật, kết cấu của quần thể kiến trúc này. Sau đó, nhiều công trình phải tái tạo. (ND)

47 NHỮNG BÁO CÁO CỦA MỘT ĐẠI SỨ

Khi Sa hoàng ra lệnh triều đình, chính phủ và các nhà quý tộc Nga ở Moskva dời đến Sankt-Peterburg, ngoại giao đoàn cũng phải đi theo. Nhiều nhà ngoại giao viết lại những điều tai nghe mắt thấy của họ, trong số đó có Whitworth của Anh, Campredon của Pháp, Juel của Đan Mạch và Bergholz của Holstein. Nhưng đặc biệt phong phú nhất là ghi chép của Đại sứ Friedrich Christian Weber của Hanover, bổ sung cho những báo cáo về triều đình Nga ở Moskva 20 năm trước của Johann Korb làm Bí thư cho Công sứ Áo. Weber đến Nga năm 1714 và trải qua 7 năm ở Sankt-Peterburg rồi trở về quê hương và cho xuất bản tập hồi ký dài của mình.[165] Ông là người có tư cách tốt, đầu óc tương đối phóng khoáng. Ông mến phục Pyotr và quan tâm sâu sắc - tuy không phải đồng ý với tất cả - những gì ông nhìn thấy.

Weber kinh qua nhiều sự cố thách thức tính kiên nhẫn của một đại sứ. Trong buổi lễ tiếp kiến chính thức đầu tiên, dù được Đô đốc Apraksin đích danh mời đến, ông vẫn bị lính canh ngăn và nhục mạ, chỉ được cho vào nhờ một người bạn can thiệp. Ông lĩnh hội bài học đầu tiên về cuộc sống ở Nga:

> Nếu muốn tránh bị ngược đãi như thế, từ trang phục bình thường tuy sạch sẽ tôi phải đổi qua loại trang phục thêu chỉ vàng và bạc, rồi có vài

người tùy tùng đi trước và hô to "Tránh ra!". Chẳng bao lâu người ta khiến cho tôi thấy là mình còn phải học nhiều thứ. Trong một bữa ăn tối, sau khi đã uống một chục cốc rượu vang Hungary, tôi được Phó vương Romodanovsky trao một cốc cognac lớn và vì bị ép phải cạn trong hai ngụm, chẳng bao lâu tôi mất tri giác, dù tôi vẫn còn nhận ra rằng những vị khách khác đang nằm lăn ra sàn không thể biết là tôi có tửu lượng kém.

Trong những ngày đầu tiên, Weber còn kinh qua những sự căng thẳng khác:

Theo thói quen của mọi quốc gia có phép tắc, tôi chủ động đến ra mắt một số nhà quý tộc cấp cao Nga để tạo mối quen biết với họ. Vì không phải là thói quen cần thông báo trước… tôi phải đứng chờ ngoài trời lạnh giá cho đến khi vị quý tộc đi ra. Sau khi tôi chào hỏi, ông hỏi tôi có gì để thảo luận không. Tôi nói không thì ông xua đuổi tôi, đáp: "Tôi cũng không có gì phải nói." Lần thứ hai tôi đến ra mắt một người Nga khác. Nhưng ngay sau khi nghe tôi nói về đất nước của mình, ông cắt ngang và nói: "Tôi không biết gì về đất nước của ông. Ông có thể ra về và xin phép [đến làm việc với] những người như ông được chỉ đạo." Việc này khiến cho tôi không còn muốn viếng thăm ai trừ phi được mời đến làm việc với các bộ trưởng mỗi khi có công vụ, và những người này tỏ ra rất lịch sự với tôi. Một tuần sau, tôi gặp lại hai người vô lễ ấy ở triều đình. Khi họ thấy Sa hoàng thảo luận sâu rộng và đối xử tốt với tôi và còn chỉ định Đô đốc Apraksin tiếp đãi tôi tử tế thì cả hai người đến gặp tôi, với cung cách rất kém cỏi và đáng khinh xin tôi thứ lỗi cho việc sai trái của họ, gần như muốn quỳ xuống, và mời tôi dùng rượu.

Trong khi Pyotr đi vắng vì bận bịu với hạm đội, em gái ông, Công chúa Natalia, mở một yến tiệc. Weber có thêm một cơ hội để quan sát lối sống của người Nga:

> Tất cả những vẻ đẹp của Sankt-Peterburg đều xuất hiện trong buổi yến tiệc này; thời trang Pháp đã có mặt nhung có vẻ như không vừa vặn lắm với họ… hàm răng của họ chứng tỏ rằng họ vẫn chưa dứt bỏ được ý niệm ăn sâu trong đầu óc của người Nga xưa cũ, là chỉ người da đen và khỉ mới có răng trắng.

Tập tục nhuộm đen răng nhanh chóng mất đi, và đến năm 1721, Weber cho biết thói quen đó cùng những lập tục khác

> đã được xóa bỏ đến nỗi một người khách lạ tham dự một buổi tụ họp trang trọng ở Sankt-Peterburg khó mà tin rằng mình đang ở nước Nga, nhưng lại nghĩ mình đang ở giữa London hay Paris.

Trong số các đại sứ đồng sự ở Sankt-Peterburg, Weber đặc biệt chú ý đến những người đại diện cho các Hãn vương Kalmuck và Uzbek. Weber kể lại:

> Tôi được vinh hạnh gặp đại sứ của Hãn vương Kalmuck tại Bộ Ngoại giao. Ông ấy có dáng vẻ đáng sợ và dữ tợn. Đầu ông ấy được cạo trọc ngoại trừ một lọn tóc để thõng từ đỉnh đầu xuống cổ theo thói quen của hãn quốc. Ông ấy đến để trình một cuộn giấy của hãn vương, là chư hầu của Sa hoàng. Rồi ông quỳ xuống, lẩm bẩm một hồi lâu. Qua lời thông dịch cho Ngoại trưởng Golovkin, được biết ông ấy đã có câu trả lời

ngắn gọn: rằng mọi việc đều bình thường. Khi nghi lễ kết thúc, ông ấy lại có dáng vẻ dữ tợn như trước.

Cuối năm ấy, một đại sứ khác đến từ Hãn quốc Kalmuck với một sứ mệnh kỳ lạ. Trước đó, Hoàng thân Menshikov đã

tặng cho Hãn vương một cỗ xe ngựa kéo sang trọng kiểu Anh. Bây giờ, một bánh xe bị gãy, ông đại sứ này được phái đến để xin Hoàng thân cấp một bánh xe khác. Ông đại sứ kể cho chúng tôi nghe rằng Hãn vương ông đã tiếp kiến nhà đại diện của các lãnh thổ láng giềng trong cỗ xe ấy, và cũng đã nhiều lần dùng bữa trong cỗ xe ấy.

Ngày 17/5/1714, một đại sứ của Hãn quốc Uzbek đến Sankt-Peterburg. Trong số những sứ mệnh của ông đại sứ là về việc Hãn vương của ông

mời các đoàn xe của Sa hoàng mỗi năm đến Trung Hoa đi theo tuyến đường mới, có lợi điểm rất lớn, vì thời bấy giờ các đoàn xe phải trải qua nhiều khổ nhọc mới đến được Bắc Kinh, đi qua vùng Siberia, vượt qua những con sông ngoằn ngoèo và dậy sóng, không có đường sá rõ ràng, thay vào đó họ có thể đi qua lãnh thổ của Hãn vương trong vòng bốn tháng.

Sau đó, ông đại sứ đặt dưới chân Sa hoàng nhiều loại tơ lụa, hàng hóa của Trung Hoa và Ba Tư cùng các loại lông thú quý hiếm, thêm rằng ông còn để lại Moskva vài con ngựa Ba Tư và thú hoang dã, tỏ ý lấy làm tiếc rằng một con báo và một con khỉ đã chết trên đường đi. Trong bài phát biểu, ông luôn gọi Sa hoàng là Hoàng đế Anh minh, đối với họ

là tước vị cao nhất… Ông đại sứ để bộ râu dài và trên khăn quấn đầu cắm một chiếc lông chim đà điểu, mà ông nói chỉ có các hoàng thân và lãnh chúa cấp cao nhất mới được phép mang trong hãn quốc của ông.

Weber mô tả lễ Phục sinh, là lễ tôn giáo lớn nhất ở Nga.

Lễ Phục sinh được ăn mùng với vẻ háng lệ đặc biệt, để bù cho việc kiêng khem khắc nghiệt mà người Nga phải ép mình tuân thủ trong mùa Chay tịnh. Sự vui đùa, hoặc điên rồ thì đúng hơn, thì khó mà diễn tả hết. Họ cho rằng người nào chưa uống đủ ít nhất một chục cốc rượu thì chưa tận tình với lễ Phục sinh. Các ca đoàn ở nhà thờ cũng quá mức như bất cứ ai khác, và không lạ gì khi thấy hai nhóm bọn họ đánh đấm nhau nơi công cộng đến nỗi có vài người chết. Nghi lễ đặc biệt nhất là người Nga cả nam lẫn nữ cầm những quả trúng được tô điểm và trao đổi những Nụ hôn Hòa bình, một người nói "Chúa đã phục sinh" và người kia đáp "Đúng là Chúa đã phục sinh", rồi họ tặng nhau quả trúng và từ biệt nhau. Vì có nghi lễ này, nhiều người, đặc biệt là người nước ngoài, vì vui thích được hôn phụ nữ, cầm những quả trứng đi lên đi xuống cả ngày.

Vào thời Pyotr, người lùn và người cao quá khổ có giá trị lớn khắp Châu Âu, được nuôi để làm cảnh và giải trí trong triều đình và tư gia quý tộc. Vua Friedrich Wilhelm I của nước Phổ thu thập phần lớn người cao quá khổ ở Châu Âu; riêng Pyotr nuôi Nicholas Bourgeois, người cao gần 2,2 mét mà ông tìm ở Calais. Trong nhiều năm, Nicholas hầu bàn ăn cho Pyotr, và đến năm 1720 Sa hoàng cưới cho ông một phụ nữ cao quá khổ người

Phần Lan với hy vọng họ sẽ đẻ con cũng cao quá khổ. Pyotr phải thất vọng: hai người không có con cái.

Người lùn thì được phân bố đồng đều hơn. Mỗi công chúa Tây Ban Nha đều có người lùn theo hầu nhằm giúp tôn vinh bất kỳ vẻ đẹp nào của chủ nhân. Ở Wien, Hoàng đế Karl VI giữ một người lùn nổi tiếng người Do Thái tên Jacob Ris làm cố vấn không chính thức trong triều đình Đế chế. Thường hơn, người lùn được nuôi như là thú cưng để làm trò giải trí còn vui hơn là con vẹt biết nói hoặc con chó đứng trên hai chân sau. Ở Nga, người lùn đặc biệt có giá. Những nhà giàu có và quý tộc Nga đều thích nuôi người lùn, xem việc này là biểu tượng của vị thế. Người lùn được chăm sóc đặc biệt, và người lùn trong giới nông nô thường được trả lại quyền tự do. Chủ nhân Nga thường cho người lùn kết hôn với nhau với hy vọng tăng thêm số người lùn.

Pyotr rất mến thích người lùn. Lúc còn nhỏ, cậu bé Pyotr đi đến nhà thờ hành lễ giữa hai hàng người lùn đi hai bên. Khi làm Sa hoàng, ông nuôi một số đông người lùn trong cung điện để họ làm trò giải trí cho triều đình và quan khách, và cũng tham gia vào một số lễ hội đặc biệt. Sa hoàng thường cho tổ chức trọng thể những hôn lễ và tang lễ của người lùn theo đúng những nghi thức trong triều đình.

Hồi ký của Weber cũng mô tả xã hội và người dân Nga. Ông cảm phục tính chịu đựng trầm lặng của dân thường Nga, nhưng cũng cảm thấy kinh hoàng đối với những "tập tục hoang dã". Ông kể về phong tục tắm hơi với cảm tưởng kinh ngạc pha lẫn khâm phục, tuy không nhìn ra vấn đề là nhiều người Tây Âu không giữ cơ thể sạch sẽ như người Nga vì có thể sống nhiều tuần hoặc nhiều tháng mà không tắm rửa.

Người Nga xem việc tắm rủa là liệu pháp phổ thông trị bất kỳ chứng bệnh nào. Họ chọn một trong bốn cách tắm mà họ thấy thích hợp nhất cho thể trạng của mình.

Một số người ngồi khỏa thân trên một con thuyền, sau khi đã chèo tận lực cho đổ mồ hôi đầm đìa, họ nhào xuống sông bơi lội một lúc rồi lên bờ, phơi mình dưới ánh nắng cho khô hoặc dùng quần áo lau. Một số người nhảy xuống sông nước lạnh rồi sau đó lên bờ nằm cạnh ngọn lửa, dùng dầu hoặc mỡ chà xát khắp cơ thể, rồi xoay trở quanh ngọn lửa cho đến khi da phồng rộp, mà họ cho rằng như thế giúp cho chân tay được mềm dịu.

Cách thứ ba là thông dụng nhất: dùng phòng tắm hơi được xây dựng dọc sông suối nhỏ. Những ai muốn tắm thì trút bỏ mọi mảnh y phục rồi chạy vào phòng tắm. Sau khi đã đổ nhiều mồ hôi và tắm bàng nước lạnh, họ đi ra ngoài để phơi nắng, chạy lên xuống giữa lùm bụi với nhau. Quả là đáng kinh ngạc khi thấy không những đàn ông mà cả phụ nữ đã lập gia đình hoặc còn độc thân… đều hoàn toàn khỏa thân chạy với nhau ngoài trời như thế từng đoàn bốn mươi đến năm mươi người mà không ngượng ngùng gì cả, cũng không lẩn tránh người lạ đang đi gần đó mà còn cười cợt với họ… Đàn ông và phụ nữ Nga tắm theo cách này ít nhất hai lần mỗi tuần cả mùa đông và mùa hè; họ trả mỗi lần 1 kopek vì các nhà tắm thuộc về Sa hoàng. Những người có phòng tắm hơi trong nhà thì hằng năm phải trả một món thuế nào đấy. Việc tắm rủa mang lại cho kho bạc của Sa hoàng khoản thu đáng kể.

Cách tắm thứ tư là liệu pháp mạnh nhất cho người bị bệnh tật nặng nhất. Họ đốt một lò lửa như bình thường, rồi khi lửa bót nóng (nhưng vẫn còn rất nóng mà tôi không thể đặt tay dưới đáy quá 15 giây), chừng

năm hoặc sáu người Nga bước vào rồi nằm duỗi dài thân người, còn người bên ngoài đóng chặt các lỗ thông hơi khiến những người bên trong rất khó thở. Khi người bên trong không chịu đựng được nữa, họ cất tiếng gọi, được mở cửa cho ra ngoài hít thở khí trời rồi lại chui vào. Họ ra vào nhiều lần như thế cho đến khi cơ thể gần như bị nướng rồi đi ra, da đỏ rực như được phủ mảnh vải đỏ. Rồi họ nhảy xuống nước hoặc tốt nhất là trong mùa đông nằm dưới lớp tuyết bao phủ khắp mình, chỉ có mũi và hai mắt lộ ra ngoài. Họ nằm như thế trong hai đến ba giờ tùy theo cơn bệnh của mình; họ xem đó là liệu pháp rất hay để hồi phục.

Weber cũng mô tả những môn thể thao và trò giải trí của dân Nga. Môn thể thao được ưa chuộng là sau một chầu rượu, đàn ông chia ra hai phe mà đấu quyền hoặc đánh võ tự do với nhau ngoài trời, vừa cười đùa vừa la thét. Người nước ngoài dễ bị kinh hoàng với cảnh tượng thương vong và đổ máu sau những trận đấu như thế.

Thời tiết ở Sankt-Peterburg rất nóng vào mùa hè, và nhiều người Nga tìm giải pháp qua bia rượu. Nhưng chỉ cần một chuyến viếng thăm ở quán bia là đủ để người nước ngoài không dám bén mảng lần thứ hai. Weber mô tả cảnh tượng:

Bia được trữ trong một bồn lớn không đậy nắp, bợm nhậu ngồi xúm xít xung quanh, đưa miệng vào thành bồn, dùng một chiếc gáo to để múc bia mà uống. Phần bia nào không chảy vào miệng họ thì chảy dọc theo râu tóc trở lại vào bồn. Người không sẵn tiền có thể cầm cố áo choàng lông thú, áo sơ mi, hoặc đôi vớ, cho đến ngày lĩnh lương. Những món vật cầm cố nhơ bẩn này được treo quanh thành bồn chứa

bia, và không ai phàn nàn nếu có vài món rơi vào trong bồn và trôi nổi trong đó.

Trong khi thần dân của ông đánh đấm nhau ngoài trời hoặc bét nhè với bia, sở thích của Pyotr vào mùa hè là đi thuyền trên Vịnh Phần Lan. Đôi lúc, khi đi đến Kronstadt hoặc Peterhof, Sa hoàng thường mời đại sứ nước ngoài đi theo. Weber kể lại một trong những chuyến đi như thế cho thấy hình ảnh sinh động trải qua trong ngày cuối tuần như thế nào khi làm khách của Pyotr Đại đế.

Ngày 9/1/1715, Sa hoàng đi đến Kronstadt, chúng tôi tháp tùng trên một thuyền galê, nhưng vì có một cơn bão nên chúng tôi phải ở trên con thuyền neo lại trong hai ngày hai đêm mà không có đèn đuốc và giường ngủ, thức ăn và đồ uống thì thiếu thốn. Khi cuối cùng đến được Kronstadt, Sa hoàng mời chúng tôi đến biệt thự của ông ở Peterhof. Chúng tôi đi trong cơn gió mạnh, rồi trong bữa tiệc dùng nhiều rượu vang Hungary để làm ấm người, dù Hoàng thượng chỉ uống ít, đến nỗi khi mãn tiệc chúng tôi khó đứng vững, và khi mỗi người chúng tôi được Sa hoàng mời một bát rượu to thì chúng tôi mất hết tri giác. Trong tình trạng đó họ dẫn chúng tôi đi nhiều nơi khác nhau, vài người ra vườn hoa, vài người vào rừng, trong khi những người còn lại nằm rải rác đây đó.

Đến bốn giờ chiều, họ đánh thức chúng tôi dậy và lại mời chúng tôi vào biệt thự mùa hè, nơi Sa hoàng phân phát cho mỗi người một cây rìu và bảo chủng tôi đi theo ông. Ông dẫn chúng tôi vào một khu rừng non, chỉ các cây phải đốn để tạo một lối đi mới thẳng ra bờ biển dài khoảng một trăm bước, rồi bảo chúng tôi đốn cây. Chính Sa hoàng cũng bắt đầu

công việc tại chỗ (có bảy người trong chúng tôi ngoài Sa hoàng), và dù chúng tôi không quen với công việc này nhất là khi chưa tỉnh táo hẳn sau cơn say, chúng tôi vẫn làm việc một cách can đảm và chăm chỉ, nên sau ba tiếng đồng hồ lối đi được mở và hơi men rượu vang hoàn toàn tan biến… Sau khi nhận được lời cảm ơn, sau bữa ăn tối chúng tôi được trả công bằng một chầu nhậu nữa, với rượu mạnh đến nỗi người ta dẫn chúng tôi đến giường nghỉ mà chúng tôi không hay biết gì cả.

Chúng tôi ngủ chưa đến một tiếng rưỡi đồng hồ thì đến nửa đêm Sa hoàng cho người đến dựng chúng tôi ra khỏi giường và, mặc cho chúng tôi muốn hay không, kéo chúng tôi đến phòng ngủ của một hoàng thân, đang ngủ ở đấy với vợ ông, rồi kế bên giường họ chúng tôi được tiếp đãi rượu vang và vodka một cách nồng hậu đến nỗi chúng tôi không thể nhớ mình ra về bằng cách nào.

Đến tám giờ sáng chúng tôi được mời đến cung điện để dùng điểm tâm, nhưng thay vì có cà phê hoặc trà như mong muốn thì lại có một ly vodka đầy. Sau đó chúng tôi được đưa đến chân một ngọn đồi và phải leo lên lưng tám con ngựa đồng quê nhỏ trông khốn khổ mà không cỏ yên cương gì cả, cưỡi đi trong vòng một giờ trong khi hai vợ chồng Sa hoàng đứng tựa cửa sổ nhìn ra. Một người Nga danh giá nào đấy dẫn đầu, và chúng tôi dùng roi hoặc gậy theo cách có thể được để thúc cho chú ngựa chạy lên triền đồi. Sau khi giải khát với cả vại nước, chúng tôi có chầu nhậu thứ tư vào bữa trưa.

Vì gió mạnh, chúng tôi được đưa xuống chiếc tàu của Sa hoàng có mái che, Hoàng hậu cùng thị nữ chiếm căn buồng của tàu, còn Sa hoàng đứng cùng chúng tôi trên khoang trần và trấn an chúng tôi rằng dù có gió to chúng tôi sẽ đến Kronstadt trong vòng bốn giờ. Nhưng sau khi

thuyền lái qua lái lại, chúng tôi bị một cơn dông mạnh đến nỗi Sa hoàng không còn giễu cợt nữa mà tự tay cầm lấy bánh lái, và trong cơn nguy hiểm ấy tỏ lộ không những kỹ năng lái tàu mà thêm sức mạnh thể chất khác thường cùng ý chí vững vàng. Hoàng hậu được ngồi trên ghế cao trong căn buồng lúc đó đã ngập nước, các đợt sống ập qua con tàu và mưa rơi dữ dội, trong tình hình nguy hiểm như thế bà vẫn cho thấy lòng can đảm và quyết tâm.

Chúng tôi đều phó mặc mình cho Thượng Đế và tự an ủi rằng sẽ chết đuối cùng những nhân vật cao quý như thế. Mọi ảnh hưởng của cơn say đều tan biến, và chúng tôi có đầy ý nghĩ hối lỗi. Bốn chiếc tàu nhỏ hơn chở thị thần của Hoàng hậu và gia nhân của chúng tôi bị nhồi lắc giữa những ngọn sóng và bị đánh dạt vào bờ. Tàu chúng tôi thì vững chắc hơn và được thủy thủ nhiều kinh nghiệm chèo lái, nên sau bảy tiếng đồng hồ đi đến cảng Kronstadt. Sa hoàng nói câu từ giã: "Chúc quý vị ngủ ngon. Trò đùa chỉ đến thế thôi."

Sáng hôm sau, Sa hoàng lên cơn sốt. Về phần chúng tôi, bị ướt đẫm toàn thân sau nhiều tiếng đồng hồ ngồi trong nước ngập đến nửa thân người, vội vã đi lên bờ hòn đảo. Nhưng không thể tìm ra trang phục hoặc giường gối, hành lý của chúng tôi bị thất lạc. Chúng tôi phải đốt lửa, người trần trụi quấn trong tấm vải bạt xe trượt tuyết mượn của người dân. Chúng tôi qua đêm như thế, suy tư về những nỗi thống khổ và bất định của cuộc đời.

Đến ngày 16 tháng 7, Sa hoàng ra khơi với hạm đội của ông mà chúng tôi không có cơ may chứng kiến, vì tất cả chúng tôi đều lên cơn sốt và bị các chứng bệnh khác.

165. Weber, Friedrich, The present state of Russia [Tình trạng hiện tại của nước Nga]. London, W. Taylor, 1723. (ND)

48 CHUYẾN ĐI THỨ HAI ĐẾN TÂY ÂU

Chuyến đi lịch sử thứ hai của Pyotr đến Tây Âu, trong thời gian 1716-1717, diễn ra sau chuyến đi của Đại Phái bộ Sứ thần vào năm 1697-1698 mười chín năm.

Chàng thanh niên hiếu kỳ và hăng say của nước Nga cũ ngày xưa từng phải vi hành, giờ đây là một quân vương chiến thắng hùng mạnh ở tuổi 44, lan tỏa tầm ảnh hưởng ở mọi nơi ông đi qua. Bây giờ, ông là hình ảnh quen thuộc ở nhiều miền ông đi đến. Nhưng ông chưa bao giờ đi đến nước Pháp: Hoàng đế Louis XIV là người bạn của Thụy Điển; chỉ sau khi ông này qua đời năm 1715, Pyotr mới có ý định đi thăm nước Pháp. Điều mỉa mai là chuyến đi đáng nhớ của Pyotr đến Paris không nằm trong kế hoạch ban đầu. Chuyến đi này có 3 mục đích: cải thiện sức khỏe, dự một hôn lễ hoàng gia, và tính sổ với Karl để chấm dứt cuộc chiến với Thụy Điển.

Các bác sĩ của Pyotr đã luôn van nài ông nên đi. Đã từ vài năm qua, họ lo cho sức khỏe của ông. Ngoài chứng động kinh, ông thường có những cơn sốt - đôi lúc là do uống rượu thái quá, đôi lúc do kiệt sức vì di chuyển quá nhiều và âu lo - khiến ông phải nằm trên giường bệnh trong nhiều tuần. Tháng 11/1715, sau một chầu rượu, Pyotr ngã bệnh nặng đến nỗi được nhận Phép thánh Cuối cùng, nhưng sau 3 tuần ông hồi phục. Khi ông đang bị

bệnh, một bác sĩ của Pyotr đi đến Đức và Hà Lan để tham khảo, và trở về với lời đề xuất là Sa hoàng nên đi Pyrmont gần Hanover, nơi có nguồn nước khoáng có công hiệu chữa lành bệnh.

Pyotr cũng sẽ tham dự hôn lễ của cháu gái Ekaterina gọi ông bằng chú, con của người anh cùng cha khác mẹ, Sa hoàng Ivan V. Quả phụ của Ivan - Hoàng tẩu Praskovaya - luôn tuân phục Pyotr và đã cho phép dàn xếp hôn nhân cho hai cô con gái - Anna và Ekaterina - nhằm tăng cường mối hữu nghị với Đức. Công chúa em Anna đã cưới Quận công của Công quốc Courland năm 1709 nhưng trở thành quả phụ 2 tháng sau đây. Bây giờ, Công chúa chị Ekaterina, ở tuổi 24, sẽ cưới Quận công của Công quốc Mecklenburg nằm giữa Pomerania và Brandenburg.

Mục đích thứ ba của Pyotr là gặp gỡ các đồng minh: Vua Frederick IV của Đan Mạch, Vua Friedrich Wilhelm I của Phổ, Tuyển hầu tước George Louis của Hanover và từ tháng 9/1714 kiêm nhiệm Vua George I của Anh. Đại sứ Nga tại Đan Mạch - Vasily Lukich Dolgorukov - đã thúc giục Vua Frederick IV liên minh cùng Sa hoàng tấn công Tỉnh Scania của Thụy Điển, chỉ cách bờ biển Zealand 5 kilômét. Frederick đang lưỡng lự, nên Pyotr tin rằng phải đích thân đi thì mới thuyết phục được Đan Mạch tham gia bước duy nhất hầu bắt buộc Karl XII chấm dứt chiến tranh.

Ngày 24/1/1716, phái đoàn rời Sankt-Peterburg. Các nhân vật cấp cao của Bộ Ngoại giao: Ngoại trưởng Golovkin, Thứ trưởng Shafirov và nhà ngoại giao lão thành Tolstoy tháp tùng, cùng với hai nhân vật mới nổi: Osterman và Yaguzhinsky. Hoàng hậu Ekaterina đi theo để chăm sóc sức khỏe cho ông, để lại đứa con trai Pyotr Petrovich mới 3 tháng tuổi, hai con gái Anna lên 8 và Ekaterina lên 7 cho Hoàng tẩu quả phụ Praskovaya chăm

sóc. Đổi lại Praskovaya giao con gái bà, cô dâu tương lai Công chúa Ekaterina, cho Pyotr chăm sóc.

Ngày 18/2, Chủ Nhật, phái đoàn đến Danzig, vừa kịp lúc để tham dự lễ nhà thờ, có Thị trưởng tháp tùng. Trong khi hành lễ, cảm thấy gió thổi lạnh nên Pyotr nhấc bộ tóc giả của vị Thị trưởng rồi đội lên đầu mình. Khi hành lễ xong, ông trả lại bộ tóc giả với lời cảm ơn. Sau đó vị Thị trưởng kinh ngạc được giải thích rằng thói quen của Pyotr là khi cảm thấy lạnh đầu thì mượn bộ tóc giả của người Nga ngồi kế bên; trong trường hợp này bộ tóc giả của Thị trưởng là tiện lợi nhất.

Tuy các bên đều đến dự hôn lễ, những điều khoản dàn xếp chưa được xác nhận rõ ràng. Quận công Karl Leopold của Mecklenburg là người hèn yếu và cần có quốc gia hùng mạnh để bảo trợ. Ông đã xin cưới một trong hai cô con gái của Sa hoàng Ivan V mà không cần biết nên chọn ai. Ông gửi một chiếc nhẫn đính hôn và một bức thư cầu hôn nhưng tên người nhận bức thư được để trống. Bên Nga chọn Công chúa Ekaterina để gả cho ông.

Hôn lê giữa Công chúa Ekaterina và Quận công Karl Leopold của Mecklenburg được cử hành ngày 8/4/1716, với Pyotr và Vua Augustus cùng hiện diện. Lúc 2 giờ, cỗ xe của Sa hoàng đưa Karl Leopold và thủ tướng của ông - Bá tước Eichholtz - đến nhà của Pyotr. Trước một đám đông tụ tập trên quảng trường trước ngôi nhà, vị Quận công bước xuống xe, và bộ tóc giả của ông vướng vào một chiếc đinh. Đầu trần trụi, ông đứng trước đám đông trong khi Eichholtz cô gỡ bộ tóc giả ra khỏi chiếc đinh. Rồi, cùng với cô dâu người Nga, cả đoàn đi qua các con đường đến một nhà nguyện nhỏ thuộc Chính Thống giáo mà Sa hoàng đã cho xây để phục vụ nghi lễ. Buổi lễ theo Chính Thống giáo do một giám mục người Nga cử hành kéo

dài 2 tiếng đồng hồ, trong khi Pyotr di chuyển khắp cùng giữa những người dự khán và ca đoàn, cùng góp lời cầu nguyện và cùng cất tiếng hát chung.

Vào buổi tối, có màn bắn pháo bông trên quảng trường trước ngôi nhà Quận công đang ngụ. Pyotr dẫn Augustus và chú rể đi qua đám đông, đích thân ông bắn các hỏa tiễn. Màn bắn pháo bông kéo dài đến nỗi lúc 1 giờ sáng Eichholtz phải nhắc nhở chú rể rằng cô dâu đã đi nghỉ 3 tiếng đồng hồ rồi. Karl Leopold ra về, nhưng đến lúc này Eichholtz vẫn còn lo. Phòng tân hôn đã được trang trí bằng nhiều món sơn mài, kể cả chiếc giường cũng làm bằng sơn mài. Quận công không thích mùi nặng của sơn mài, và Eichholtz e rằng chú rể không ngủ được trên chiếc giường ấy, nhưng Quận công cũng chịu đựng được. Ngày hôm sau, đôi vợ chồng mới cưới cùng toàn thể quan khách dùng bữa tối với vị Sa hoàng hạnh phúc. Tuy nhiên, không khí vui vẻ chấm dứt khi quan chức hai bên cãi vã nhau về việc trao đổi quà kỷ niệm. Quận công đã trao cho các bộ trưởng Nga những món quà sang trọng, nhưng phía Mecklenburg không nhận được gì. Tệ hơn nữa, Tolstoy - đã quen với việc trao đổi những viên ngọc quý ở Constantinople - than phiền là chiếc nhẫn ông nhận được có giá trị thấp hơn các chiếc nhẫn tặng cho Golovkin và Shafirov. Osterman - nhà ngoại giao cấp thấp trong đoàn Nga - cố làm Tolstoy nguôi ngoai bằng cách trao cho ông chiếc nhẫn nhỏ mà anh được tặng, nhưng Tolstoy vẫn tiếp tục than phiền rằng mình bị xúc phạm.

Pyotr buồn phiền mà thấy rằng hôn lễ này đã gây nhiều rắc rối nghiêm trọng trong số các đồng minh của nước Nga, đặc biệt là Hanover đã cùng với Phổ gia nhập liên minh Nga-Đan Mạch-Ba Lan. Tuy mục đích chung là đánh đuổi Thụy Điển ra khỏi lục địa Châu Âu rồi chia nhau các lãnh thổ của Thụy Điển trong Đế quốc La Mã Thần thánh, các đồng minh của Nga càng ngày càng lo ngại thêm khi thấy thay vào Thụy Điển là một nước Nga còn

hùng mạnh hơn. Nhưng sự rạn nứt chỉ là ngấm ngầm. Tháng 7/1715, Đan Mạch và Phổ còn yêu cầu Nga hợp lực để đánh Stralsund. Quân của Sheremetyev đang đóng ở tây Ba Lan có thể được huy động dễ dàng, nhưng Đại sứ Nga Grigory Dolgorukov tại Warszawa viện cớ tình hình ở Ba Lan còn lung lay nên không muốn Sheremetyev dẫn quân đến trợ lực. Vì thế Stralsund bị đánh chiếm mà không có sự tham dự của một binh sĩ Nga nào. Pyotr giận dữ đối với Dolgorukov:

> Ta thật sự kinh ngạc thấy ông đã mất trí khôn trong tuổi già để bị những kẻ lừa lọc ấy dẫn dắt và thế là giữ quân đội ở lại Ba Lan.

Đúng như Pyotr đã e sợ: vài tháng sau, khi liên quân tiến đánh Wismar - pháo đài cuối cùng của Thụy Điển trên lục địa Châu Âu - họ cố tình phớt lờ Nga. Pyotr đã hứa sẽ giao Wismar cho Quận công Karl Leopold để làm quà cưới, nhưng Đan Mạch và Phổ đã chia nhau chiến lợi phẩm này. Khi Hoàng thân Repnin dẫn 4 trung đoàn bộ binh và 5 trung đoàn kỵ binh đến, ông được yêu cầu rời đi. Một cuộc cãi vã xảy ra; các tư lệnh Nga và Phổ gần đi đến đánh đấm nhau, nhưng quân Nga chịu rút lui. Khi Pyotr nhận được tin, ông cảm thây buồn phiền nhưng cố giữ bình tĩnh, vì ông cần đồng minh trợ lực trong việc tấn công Thụy Điển trên đường biển.

Ít lâu sau, tình hình trầm trọng thêm. Một đội quân Phổ đi ngang Mecklenburg bị lực lượng Nga mạnh hơn chặn lại và dẫn đi ra biên giới. Vua Friedrich Wilhelm I của Phổ nổi giận cho rằng quân đội của mình bị đối xử "như thể họ là kẻ thù". Ông hủy bỏ cuộc họp với Sa hoàng và đe dọa rút khỏi liên minh. Ông cáu kỉnh nói: "Sa hoàng phải cho tôi hoàn toàn thỏa mãn, nếu không tôi sẽ tập trung quân đội của tôi hiện vẫn còn hùng mạnh." Nhưng ông nguôi giận nhanh chóng: nỗi phiền hà và nghi ngờ của ông đối

với Hanover còn nặng hơn sự e sợ đối với Nga. Sau đây, ông đồng ý hội kiến với Pyotr và bằng lòng chuyển giao Wismar cho Quận công của Mecklenburg. Đầu tiên, ông đòi hỏi phải phá dỡ các công sự, vì ông nói trao tòa pháo đài nguyên vẹn cho Karl Leopold "giống như đặt một con dao sắc vào tay một đứa trẻ".

Một trong những lý do Friedrich Wilhelm I muốn giao Wismar cho Quận công của Mecklenburg là nhằm chọc tức Hanover, và ông đã thành công. Hanover có ác cảm và nghi ngại thấm sâu hơn đối với Pyotr và đối với sự hiện diện của Nga ở vùng Bắc Đức, một phần là do cá nhân. Bernstorff - một bộ trưởng hàng đầu của Vua George I - có ác cảm nặng với Quận công Karl Leopold của Mecklenburg. Là cánh tay phải của Vua George, ông có dịp tỉ tê với nhà Vua về những ý kiến thiên vị của mình. Tại sao Sa hoàng muốn lập quan hệ gắn bó như thế với một công quốc nằm sâu trong vùng Bắc Đức? Tại sao có 10 trung đoàn quân Nga đóng thường trực ở đây? Có phải khi giao Wismar cho Mecklenburg, Sa hoàng muốn thiết lập một căn cứ Nga ở vùng tây Baltic? Nếu có thêm quân Nga đến để đánh Thụy Điển, ai biết họ sẽ làm gì khác trên đất Bắc Đức? George I chú ý lắng nghe tất cả lý lẽ này, vì bản thân ông cũng nghi ngại ảnh hưởng ngày càng lớn mạnh của Nga và viễn cảnh có một đoàn quân Nga hùng mạnh đóng kế bên Hanover.

Nếu Pyotr được thông tin đầy đủ và được tham mưu đúng cách về những nghi ngại của Hanover, ông đã có thể hành động khôn khéo hơn đôi với Mecklenburg. Nhưng ông đã đến Danzig và hôn lễ đã cử hành, vì thế dù mong mỏi lập liên minh với Hanover và Anh quốc, ông không thể nuốt lời hứa với Mecklenburg.

Sau ba tuần ở Pyrmont uống nước khoáng để chữa bệnh, Pyotr trở lại Mecklenburg, nơi Ekaterina, Quận công Karl Leopold và cô dâu của anh đang chờ ông. Trong thời gian giữa mùa hè lưu lại Mecklenburg, Pyotr thích ngồi ăn trong khu vườn của dinh thự Quận công, nhìn ra một hồ nước. Karl Leopold muốn tạo khung cảnh long trọng phù hợp với địa vị của Sa hoàng, nên phái đội cận vệ của Công quốc, tất cả đều để ria mép dài, tuốt gươm đứng hầu quanh bàn ăn. Vốn bản thân muốn thư giãn khi ăn uống, Pyotr thấy nghi lễ này là kỳ quặc và liên tục yêu cầu giải tán đội cận vệ. Cuối cùng, một buổi tối ông nói với chủ nhân (cũng là cháu rể) rằng ông thấy thoải mái hơn nếu đội cận vệ bỏ gươm xuống và dùng bộ ria mép dài đánh đuổi những con nhặng bay xung quanh bàn ăn.

Dù cho có nghi kỵ và bất mãn trong liên minh, Pyotr vẫn tiến hành kế hoạch tiến công Thụy Điển trong mùa hè 1716. "Người em Karl" cứng đầu vẫn chưa tỏ dấu hiệu dàn hòa. Ngược lại, sau khi tháo chạy từ Stralsund cuối năm 1715, Karl XII đã trở về Thụy Điển tất bật tạo dựng một đoàn quân mới, rồi chuẩn bị đi đánh Đan Mạch. Vì một cơn dông làm mặt băng bị vỡ, ông chuyển hướng đi đánh miền nam Na Uy, lúc này còn là một tỉnh của Đan Mạch. Ông chiếm được Thành phố Kristiania (hiện nay là thủ đô Oslo của Na Uy), nhưng phải rút quân về vì thiếu hàng hậu cần.

Đối với Pyotr, hành động hiếu chiến của Karl cho thấy cách duy nhất để chấm dứt chiến tranh là tấn công Thụy Điển và đánh hạ Karl XII ngay tại chính quốc. Để làm được việc đó, Nga cần có đồng minh. Dù cho có vị thế vững mạnh trên vùng Baltic, Pyotr không muốn gây rủi ro cho hải quân Nga khi đổ bộ tổng lực, vì hải quân Thụy Điển vẫn còn quá mạnh. Vì thế, vào mùa xuân 1716, khi các đội thuyền galê của Nga chuyển đến Danzig rồi

Rostock, ông đi hội kiến với Vua Frederick IV của Đan Mạch để lập kế hoạch hành quân hỗn hợp.

Liên quân Nga-Đan Mạch sẽ tiến đánh Scania, tỉnh cực nam của Thụy Điển, trong khi một đoàn quân Nga sẽ đổ bộ lên bờ biển miền đông của Thụy Điển, vì thế Karl XII buộc phải chống đỡ trên hai mặt trận. Cả hai mũi tiến công sẽ được các hạm đội Nga và Đan Mạch yểm trợ, dưới quyền tổng chỉ huy của Đô đốc Đan Mạch Gyldenlove.

Anh quốc cũng gửi một hạm đội mạnh tham dự, tuy Pyotr và Frederick IV đều không chắc họ sẽ thật sự giao tranh khi hải chiến xảy ra.

Pyotr đồng ý huy động 40.000 quân Nga kể cả bộ binh và kỵ binh, cùng toàn bộ hạm đội chiến hạm và thuyền galê.

Phía Đan Mạch cung ứng 30.000 quân, phần lớn pháo binh và đạn dược cho cả đoàn quân, và toàn bộ hải quân Đan Mạch. Để chuyên chở số lượng khổng lồ người và ngựa, Frederick IV cũng đồng ý chỉ huy đội thương thuyền Đan Mạch trong cả mùa hè.

Friedrich Wilhelm I của Phổ từ chối tham chiến, nhưng đồng ý cung cấp 20 thuyền vận chuyển bộ binh Nga từ Rostock đến Copenhagen - điểm xuất phát cho chiến dịch đánh Scania.

Một phần của kế hoạch, nhằm thỏa mãn tính tự ái của cả Frederick và Pyotr nhưng xem ra thiếu khôn ngoan: mỗi quân vương thay nhau làm tư lệnh tối cao đoàn quân trong một tuần.

Sau ba tuần ở Mecklenburg, Pyotr đi đến Rostock nơi quân Nga đang tụ họp, rồi đi Copenhagen ngày 6/7/1716 với một đội 48 thuyền galê. Ông được chào đón một cách long trọng, nhưng rồi phải chờ đợi trong khi tháng 7 dần trôi qua. Vấn đề chính ở chỗ hạm đội Đan Mạch cần thiết cho cuộc

tiến công phải đi tuần tiễu bờ biển Na Uy, bám sát quân Thụy Điển trên đường rút lui về nước sau khi chiếm Kristiania. Mãi đến ngày 7/8, hạm đội này mới về đến Copenhagen, nhưng tàu vận chuyển quân sĩ chưa sẵn sàng. Trong lúc này, Đô đốc Norris của Anh dẫn 19 chiến hạm đến. Ông đề nghị đưa hạm đội tuần tiễu trên Biển Baltic. Vì lẽ cả Norris và Đô đốc Đan Mạch Gyldenlove không muốn ở dưới quyền của ai, Sa hoàng được chỉ định làm tổng tư lệnh hạm đội.

Ngày 16/8, Pyotr kéo hiệu kỳ của mình trên chiến hạm Ingria được dùng làm soái hạm và phát hiệu lệnh cho hạm đội nhổ neo. Các nước đồng minh tạo thành một hạm đội khổng lồ: 69 chiến hạm - gồm 19 của Anh, 6 của Hà Lan, 23 Đan Mạch, và 21 Nga - và có thêm 400 tàu vận chuyển. Tất cả dưới quyền chỉ huy tối cao của Pyotr, con người tự mày mò học hỏi ngành hải quân của một quốc gia 20 năm trước không có một tàu đi biển nào.

Tuy vậy, hạm đội hùng mạnh này không đạt kết quả gì nhiều. Hạm đội Thụy Điển gồm 21 chiến hạm vẫn lưu lại Karlskrona. Đô đốc Norris của Anh muốn hạm đội phía liên minh lướt qua làn đạn đại bác từ các pháo đài để tiêu diệt các chiến hạm Thụy Điển đang thả neo, nhưng đô đốc của Đan Mạch từ chối, một phần do ganh tỵ, một phần do chính phủ ông bí mật ra lệnh không được đưa hạm đội mình vào chỗ bất trắc.

Pyotr cảm thấy bất mãn, thế nên ông dẫn 2 tàu khu trục và 2 thuyền galê đi tham thính. Ông thấy Karl đã không bỏ phí thời giờ để phòng bị khi liên minh chậm trễ trong việc tiến công: thuyền của ông và một chiếc khác bị đạn pháo Thụy Điển bắn trúng. Một đội quân Cossack từ thuyền galê đổ bộ lên và bắt sống vài tù binh Thụy Điển, qua đấy họ được biết Vua Thụy Điển có đoàn quân gồm 20.000 người.

Karl đã tạo ra phép mầu: ông chia quân ra trấn giữ và củng cố những pháo đài dọc bờ biển Scania. Ở những thị trấn phía trong, bộ binh và kỵ binh trừ bị được tụ họp, sẵn sàng phản công lại đầu cầu của địch. Một lực lượng pháo binh dự phòng được đặt ở Karlskrona, sẵn sàng đợi lệnh của nhà Vua. Karl chỉ có 22.000 quân - 12.000 kỵ binh và 10.000 bộ binh - nhưng ông biết phía liên minh không thể tập trung tất cả vào một lúc, nên ông hy vọng có thể đánh tan quân tiên phong trước khi lực lượng chủ lực tiến đến. Nếu bị đánh lui, ông có thể áp dụng chiến thuật tiêu thổ kháng chiến của Nga mà chống cự.

Ở Zealand, việc chuẩn bị cho cuộc tiến công được tiến hành vào đầu tháng 9. Tất cả gồm có 51.000 quân: 29.000 quân Nga và 22.000 quân Đan Mạch. Ngày đổ bộ được định là 21/9. Nhưng ngày 17/9, thình lình Pyotr tuyên bố bãi bỏ cuộc tiến công. Ông cho rằng đã quá muộn, phải hoãn đến năm sau. Cả Vua George I của Anh và Vua Frederick IV của Đan Mạch cùng triều thần, đô đốc và tướng lĩnh của họ đều kinh ngạc. Frederick IV cho biết trì hoãn có nghĩa là bãi bỏ hẳn, vì Pyotr không thể chỉ huy đội thuyền vận tải của Đan Mạch trong hai năm liền.

Nhưng Pyotr vẫn kiên quyết. Ông biện luận rằng liên minh đã bỏ phí cả mùa hè vì chần chừ, và bây giờ khi mùa thu đã đến, chiến dịch sẽ bị nguy hiểm. Ông hiểu rằng Karl sẽ nghiền nát đội quân đổ bộ đầu tiên; nếu phải đối phó với đợt tấn công này và lập một đầu cầu để chiếm giữ suốt mùa đông sẽ phải cho đổ bộ một đoàn quân đông đảo và chiếm được ít nhất 2 thị trấn. Nếu thất bại, quân Nga sẽ trú đóng ở đâu trong suốt mùa đông? Bên Đan Mạch trả lời rằng quân Nga có thể đào công sự ngoài trời. Pyotr trả lời rằng việc này sẽ gây thương vong nặng hơn là chiến đấu. Và làm thế nào quân Nga có thể tìm được lương thực cho người và ngựa?

Bên Đan Mạch cho rằng có thể vận chuyên hàng hậu cần qua các đảo của Đan Mạch. Pyotr trả lời:

> Quân sĩ không thể được no bụng với những lời hứa hão huyền, họ cần có kho quân nhu đầy đủ.

Hơn nữa, ông hỏi, làm thế nào quân liên minh có thể ngăn chặn Karl thực hiện tiêu thổ kháng chiến khi rút lên hướng bắc? Làm thế nào có thể bắt ông ta phải trụ lại mà đánh? Liệu quân liên minh có bị tiêu hao trên đất địch giữa mùa đông buốt giá, giống như quân Thụy Điển đã bị tiêu hao trên đất Nga? Thay vì đánh gục Thụy Điển, quân liên minh sẽ bị gục ngã? Pyotr thấu hiểu và tôn trọng Karl.

> Tôi biết chiến thuật của ông ấy. Ông ấy sẽ không cho chúng ta có thời giờ ngơi nghỉ, và quân đội của chúng ta sẽ suy yếu.

Không, ông nhất quyết lặp lại, vì lý do thời tiết và sức mạnh của quân Thụy Điển, phải hoãn cuộc tiến công cho đến mùa xuân năm sau.

Quyết định của Pyotr tạo sóng gió về mặt ngoại giao. Việc hoãn lại cuộc tấn công dường như củng cố mối nghi ngờ tệ hại nhất của các đồng minh của Nga: Pyotr đã mang 29.000 quân đến không phải để tấn công Thụy Điển mà để chiếm đóng Đan Mạch, tiếp quản Wismar và lèo lái nền chính trị các nước vùng Bắc Đức. Vua Frederick IV của Đan Mạch lo lắng khi thấy đoàn quân Nga cắm trại ở vùng ngoại ô của thủ đô nước ông; ông cũng giận dữ vì quyết định thình lình của Pyotr đã khiến cho ông mất cơ hội đánh bại Thụy Điển. Bên Anh lo lắng việc lục quân và hạm đội Nga trấn đóng tại

cửa ngõ ra vào Biển Baltic có thể gây phương hại đến nền thương mại của Anh ở đây.

Thật ra, mọi nghi ngờ của các đồng minh đều không có căn cứ. Chủ đích của Pyotr vẫn là tấn công Thụy Điển để chấm dứt chiến tranh. Khi việc tấn công có phần bất trắc, ông lập tức hoãn lại nhưng lên kế hoạch khác để thực hiện mục đích của mình. Ngay vào ngày 13/10, Sa hoàng gửi công văn cho Thượng viện ở Sankt-Peterburg giải thích những việc mình đã làm và tuyên bố rằng khả năng duy nhất còn lại là tấn công chính quốc Thụy Điển theo hướng khác: xuất phát từ Đảo Åland qua Vịnh Bothnia. Ông ra lệnh chuẩn bị cho cuộc tấn công này. Mối nghi ngờ về "mưu đồ" của Nga tan biến khi cả lục quân và hạm đội Nga đều rút về. Ngày 15/10, Pyotr và Ekaterina cũng rời thủ đô Đan Mạch, nhẩn nha di chuyển qua Holstein để gặp Vua Friedrich Wilhelm I của Phổ ở Havelsberg.

Friedrich Wilhelm I có ác cảm với Hanover cho dù cả mẹ ông và vợ ông đều là các công nương của Hanover. Khi Bemstorff cáo buộc Pyotr muốn chiếm Lubeck, Hamburg và Wismar, Friedrich Wilhelm I bênh vực cho Pyotr. Ông vạch rõ:

> Sa hoàng đã cam kết rằng ông ấy sẽ không chiếm lấy cái gì cho đế quốc ông ấy. Hơn nữa, một phần quân kỵ binh của ông ấy đang tiến về Ba Lan, và ông ấy không thể nào chiếm lấy ba thành phố đó trong khi ông không có pháo.

Không lạ gì mà cuộc gặp gỡ giữa Sa hoàng và nhà Vua diễn ra tốt đẹp. Để kỷ niệm cho tình hữu nghị, hai quân vương trao đổi quà: Pyotr hứa sẽ

gửi thêm người Nga cao quá khổ, còn Friedrich Wilhelm I tặng Sa hoàng một chiếc thuyền buồm và một chiếc tủ vô giá làm bằng hổ phách.

Mùa đông đã đến trên Bắc Âu. Ekaterina đang mang thai nhiều tháng, và chuyến đi đường dài về Sankt-Peterburg sẽ không dễ dàng. Vì thế, Pyotr quyết định không trở về Nga trong mùa đông, mà đi về hướng tây để trải qua những tháng lạnh nhất ở Amsterdam vốn đã 18 năm ông chưa quay lại. Để Ekaterina chầm chậm đi theo sau, ông đi trước qua Hamburg, Bremen, Amersfoort và Utrecht rồi đến Amsterdam ngày 06/12. Ngay cả trên những con đường chính, tình trạng vẫn còn sơ khai. Pyotr biên thư cảnh báo Ekaterina:

> Anh xác nhận những gì đã viết cho em lúc trước, đừng đi theo đường anh đã đi vì đường xấu không thể tả được. Đừng dẫn theo nhiều người, vì sinh hoạt ở Hà Lan đã trở nên đắt đỏ. Còn về cả đoàn nhà thờ, nếu họ chưa lên đường thì cho đi phân nửa cũng đủ. Để những người khác ở lại Mecklenburg. Những người anh gặp ở đây đều thông cảm với em về chuyến đi này. Nếu em chịu đựng được thì nên ở lại nơi em đã đến, bởi vì đường xấu có thể nguy hiểm cho em. Tuy nhiên, cứ làm theo ý em muốn; không nên nghĩ rằng anh không muốn em đến, vì em hẳn biết là anh muốn. Đi đến đây còn tốt hơn là bị cô đơn buồn bã.

Ekaterina lên đường, nhưng sau quãng đường khó khăn bà buộc phải dừng lại ở Wesel, gần biên giới Hà Lan. Nơi đây, ngày 2/1/1717, Ekaterina sinh hạ một con trai, đặt tên là Pavel. Khi nằm trên giường bệnh vì cơn sốt, Pyotr nhận được tin mừng, nhưng chỉ sau một ngày hạnh phúc, ông nhận tin gây sốc: bé trai đã chết và Ekaterina đang rất yếu. Dường như cái chết của đứa con trai khiến cho bệnh tình Pyotr nặng thêm, và ông phải nằm tĩnh

dưỡng thêm một tháng. Vì cơn bệnh này, ông không thể gặp gỡ Tuyển hầu tước của Hanover và cũng là vua nước Anh. Khi George I đi ngang qua Hà Lan để xuống tàu đi Anh, Sa hoàng cử Tolstoy và Kurakin đến diện kiến ông, nhưng họ không được tiếp kiến. Sau đó, George I xin lỗi, nói rằng ông đã xuống tàu và phải đi theo con nước triều.

Khi đã bình phục, Pyotr lấy làm vui thích ở Hà Lan. Ekaterina đã đến cùng ông, và ông dành thời gian đi thăm lại và cho bà thấy những nơi ông đã đến khi còn trẻ. Ông cùng Ekaterina trở lại Zaandam và nhìn lại bến tàu của Công ty Đông Ấn nơi ông đã đóng một chiếc tàu khu trục. Ông đi đến Utrecht, The Hague, Leiden và Rotterdam. Mùa xuân 1717, Pyotr sẵn sàng thăm viếng Paris và tận mắt ngắm nhìn thành phố nổi tiếng khắp thế giới do nền văn hóa, xã hội lịch lãm và kiến trúc huy hoàng.

49 "HOÀNG ĐẾ LÀ CON NGƯỜI ĐỒ SỘ…"

Nước Pháp mà Sa hoàng thăm viếng vào năm 1717 đang đi xuống. Hoàng đế Louis XIV đã qua đời năm 1715 sau khi trị vì 72 năm, thọ 77 tuổi. Trong 35 năm cuối, triều đại của ông kéo dài song song với vương triều của Pyotr. Nhưng Louis và Pyotr thuộc hai thế hệ khác nhau: khi ảnh hưởng của Pyotr và sức mạnh của Nga đang lên, ánh hào quang của Louis tàn lụi dần.

Những năm cuối của Louis xảy ra nhiều thảm họa. Người con chính thức độc nhất - người kế vị ngai vàng - qua đời năm 1711. Quận công de Bourgogne, hiện thân cho niềm hy vọng của nước Pháp trong tương lai, qua đời vì bệnh sởi ở tuổi 30. Đứa con trai trưởng của ông này, cháu nội của Louis XIV, cũng chết vì bệnh sởi ít ngày sau.

Chỉ còn có một đứa trẻ thuộc dòng dõi kế vị ngai vàng trực tiếp, mới lên 2, là cháu gọi Louis XIV bằng ông cố. Đứa trẻ này cũng mắc bệnh sởi, nhưng thoát chết nhờ người bảo mẫu nhốt kín và không cho phép các bác sĩ sờ đến cậu với hai bàn tay mang những bọc mọng nước. Cậu hoàng con này sống sót để trị vì nước Pháp 59 năm dưới đế hiệu Louis XV.

Trên giường bệnh, Louis XIV triệu đứa chắt lên 5 đến. Hai cụ cháu trong hoàng tộc Bourbons này trị vì nước Pháp tổng cộng 131 năm. Louis

nói lời trăng trối:

> Cháu ạ, một ngày cháu sẽ là vị vua vĩ đại. Đừng bắt chước tính hiếu chiến của ta. Hãy luôn hành xử dựa theo Thượng Đế và khiến cho thần dân phải trọng vọng Người. Ta đau lòng mà thấy đã để cho thần dân trong tình trạng như thế.

Sau khi Louis XIV qua đời, Điện Versailles nhanh chóng bị bỏ phế; nhiều đồ nội thất và trang trí bị mang đi. Vị tân Hoàng đế sống trong Điện Tuileries ở Paris.

Quyền hành cai trị nước Pháp được giao cho Phụ chính Philippe d'Orleans, có thứ tự kế vị ngai vàng ngay sau Hoàng đế. Vào năm 1717, Philippe được 42 tuổi, người nhỏ nhắn nhưng chắc nịch, và lắm nhân tình: phụ nữ quý tộc, ca sĩ nhà hát, gái ngoài đường phố. Đặc biệt ông thích gái bán dâm trẻ và thích hưởng thụ những cô gái trẻ ngay khi họ vừa đến Paris. Ông không hề bận tâm việc người phụ nữ đẹp hay xấu. Mẹ ông xác nhận: "Ông ấy thích phụ nữ trẻ. Miễn là họ hiền dịu, giản đơn, ăn uống tự nhiên, ngoài ra ông ấy không để ý đến ngoại hình của họ." Một lần, khi bà nói về điểm cuối cùng, ông thân mật trả lời: "Không hề gì, Mẹ ạ, trong đêm con mèo nào cũng đen cả."[166]

Những bữa ăn tối của vị Phụ chính trong cung điện hoàng gia là đầu đề đàm tiếu khắp cả nước Pháp. Phía sau những khung cửa đóng kín, ông và bạn bè nằm trên ghế dài, cùng ăn uống với những phụ nữ từ nhà hát kịch nghệ mặc trang phục mỏng dính rồi sau đấy nhảy múa khỏa thân. Không những phó mặc nghi thức, ông còn thích gây sốc cho nghi thức. Ngôn từ của ông tại bàn ăn thô lỗ đến mức bà vợ ông không dám mời ai đến dùng

bữa. Ông còn khinh rẻ tôn giáo, có lúc mang tác phẩm của Rabelais[167] đến một buổi cầu kinh và đọc lên giữa khi hành lễ. Vợ ông là con của Louis XIV và Phu nhân de Montespan, sinh cho ông 8 đứa con, thường ở lì trong gian phòng đóng kín của bà vì chứng hay đau đầu.

Trong những tình huống như thế, nhiều người Pháp lo ngại cho sinh mạng của vị Hoàng đế nhỏ tuổi Louis XV. Nếu cậu bé này có mệnh hệ nào, ông sẽ là hoàng đế. Thật ra, những lo sợ này không có căn cứ. Dù cho bao thói xấu, ông vẫn có nhiều nét tốt. Ông vẫn có nhân tính và lòng trắc ẩn, không mang tham vọng nào cho riêng cá nhân. Ông có tố chất thu hút lòng người; khi muốn ông vẫn thể hiện tư cách hòa nhã và hùng biện. Ông say mê khoa học và mỹ thuật. Phòng riêng của ông treo nhiều tranh của hai danh họa Titian và Van Dyck. Ông sáng tác nhạc thính phòng cho đến bây giờ vẫn còn được trình diễn. Ông hoàn toàn tận tụy với cậu bé dưới quyền bảo hộ của mình, và chỉ muốn bảo vệ ngai vàng cho đến ngày vị Hoàng đế trưởng thành. Ông bắt đầu làm việc lúc 6 giờ sáng cho dù đêm trước ông có vui đùa thế nào chăng nữa. Philippe thấy rõ tình trạng nghèo khó mà Louis XIV đã để lại cho nước Pháp. Trong 8 năm ông nắm quyền phụ chính, ngoại trừ vài cuộc đụng chạm nhỏ với Tây Ban Nha, binh sĩ Pháp vẫn ở yên trong doanh trại cua họ. Chính sách ngoại giao của ông dựa trên sự hòa hoãn. Dù cho nhiều người khắp Châu Âu cảm thấy khó tin, nền tảng của chính sách mới của Pháp là quan hệ hữu nghị với nước Anh.

Một thời gian ngắn trước chuyến thăm viếng Paris của Pyotr, Tây Âu trải qua nhiều biến chuyển. Chính phủ Anh thay đổi, Marlborough mất quyền hành, chiến dịch của liên quân Anh-Hà Lan đánh Pháp không đạt kết quả. Chinh phủ mới lên mong muốn hòa bình, và vị Hoàng đế Louis XIV già nua nhanh chóng chấp nhận. Hòa ước Utrecht được ký kết năm 1713, và

Chiến tranh Kế vị Tây Ban Nha - vốn liên quan đến mọi vương quốc và đế quốc ở Tây Âu - chấm dứt. Chẳng bao lâu sau đấy, Louis XIV qua đời, rồi đến lượt Nữ hoàng Anne của Anh cũng qua đời mà không có người kế vị trực tiếp; tất cả 16 đứa con của bà đều chết khi còn non trẻ. Để đảm bảo người Tin Lành kế vị, Tuyển hầu tước của Hanover được tân phong làm Vua George I trong khi vẫn kiêm nhiệm trị vì Hanover.

Kết hợp lại, những biến chuyên này tạo nên bối cảnh ngoại giao hoàn toàn mới ở Tây Âu. Khi đã hòa hoãn với nhau, các nước Tây Âu có thể nhìn đến cuộc Đại chiến Bắc Âu mà trước giờ họ không để ý đến. Anh quốc lo lắng thanh thế đang lên của Nga ở vùng Baltic có thể ảnh hưởng xấu đến nền thương mại của mình trong vùng này, thế nên hạm đội hùng mạnh của Anh bắt đầu xuất hiện ở đây. Hanover cũng có thái độ thù địch đối với Pyotr vì e ngại sự hiện diện của quân đội Nga ở vùng Bắc Đức. Ba lần vị Vua Anh quốc kiêm Tuyển hầu tước của Hanover từ chối gặp gỡ Pyotr, đòi hỏi trước nhất Nga phải rút tất cả quân về.

Cùng lúc, chính sách ngoại giao của Pháp cũng thay đổi một cách sâu xa. Chế độ phụ chính của Philippe tìm cách thân thiện với Anh thay vì đối đầu. Trong nhiều năm, Louis XIV đã hỗ trợ cho Thụy Điển và lợi dụng nước này làm đối trọng để khiến cho Hoàng đế Áo bị bận rộn ở Đức. Bây giờ, khi Thụy Điển đã bị xua đuổi hoàn toàn khỏi Đức và với vị thế của Hoàng đế Habsburg đang lên mạnh, Pháp cần có một đồng minh mới ở phía Đông. Nước Nga, sau khi đã nổi lên trong thập kỷ qua, lẽ tự nhiên là một khả năng. Pháp bắt đầu thăm dò và bắn tin cho Nga qua các kênh ngoại giao. Và Pyotr chăm chú lắng nghe. Một liên minh giữa Nga và Pháp sẽ tạo thế quân bình trong mối quan hệ khó khăn với Hanover và Anh quốc. Hơn nữa, Pyotr thấy sự hỗ trợ của Pháp có thể giúp chấm dứt chiến tranh với

Thụy Điển. Pháp vẫn còn chi trả tiền viện trợ hằng tháng cho Thụy Điển; nếu việc này bị cắt đứt và Pháp không còn ủng hộ Thụy Điển về mặt ngoại giao, Pyotr nghĩ rằng rốt cuộc ông có thể thuyết phục Karl XII dàn hòa.

Pyotr có đề xuất táo bạo với Pháp: Pháp nên liên minh với Nga thay vì với Thụy Điển. Thêm nữa, Pyotr nói rằng ông có thể mang Phổ và Ba Lan gia nhập liên minh. Ông trấn an là liên minh mới sẽ không đe dọa đến mối liên minh giữa Pháp với Anh và Hà Lan. Cụ thể, ông đề nghị rằng, để đổi cho việc Nga đảm bảo Hòa ước Utrecht, Pháp ngừng viện trợ cho Thụy Điển, thay vào đó trả cho Nga 25.000 crown mỗi tháng trong suốt Đại chiến Châu Âu mà - với nước đứng sau lưng ông - sẽ kết thúc nhanh. Ông còn đề nghị hôn nhân giữa con gái Elizaveta 8 tuổi của mình với Hoàng đế Louis XV 7 tuổi của Pháp.

Vị Phụ chính nước Pháp cảm thấy hấp dẫn đối với những đề xuất của Sa hoàng, nhưng Linh mục Guillaume Dubois - người nắm quyền ngoại giao Pháp - lại chống đối. Ông đã gây dựng mối liên minh mới với Anh quốc, và ông e sợ thỏa thuận với Nga sẽ biến công của ông thành công cốc. Ông viết cho Phụ chính: "Nếu ông thỏa hiệp với Sa hoàng mà đuổi người Anh và Hà Lan khỏi Biển Baltic, hai nước này sẽ mãi ghê tởm ông." Hơn nữa, Dubois cảnh báo rằng Pháp có thể hy sinh Anh và Hà Lan mà chỉ đánh đổi lấy mối quan hệ ngắn hạn với Nga. Ông vạch rõ: "Sa hoàng bị những chứng bệnh kính niên, và con trai ông ấy không ủng hộ ông ấy gì cả."

Pyotr quyết định đi Paris vì cảm thấy phấn khích về những đề xuất của mình và nghĩ sẽ đạt kết quả thuận lợi hơn nếu đích thân gặp gỡ vị Phụ chính. Hơn nữa, ông đã đi Amsterdam, London, Berlin và Wien, nhưng chưa từng đến Paris.

Không có chuyện từ chối khách đến thăm, tuy vị Phụ chính và cận thần của ông có nghi ngại. Theo thông lệ ngoại giao, nước chủ nhà trả những chi phí cho đoàn khách, và phí tổn sẽ khổng lồ cho Sa hoàng cùng đoàn tùy tùng. Hơn nữa, Pyotr đã nổi danh là quân vương bốc đồng, nhạy cảm với sự sỉ nhục, dễ nổi nóng, và những người trong đoàn ông được biết cũng có tính tình tương tự. Dù sao chăng nữa, vị Phụ chính đã sẵn sàng; Sa hoàng sẽ được tiếp đón như là một quân vương quan trọng của Châu Âu.

Một đoàn gồm những xe ngựa kéo để chở người, xe goòng để chở hành lý và thị thần hoàng gia dưới quyền chỉ huy của Sir de Liboy, phục vụ trong hoàng cung, được phái đến Calais để hộ tống đoàn Nga đến Paris. Cùng lúc, cung điện của mẹ Louis XIV - Công nương Anne của Áo - trong Điện Louvre được chuẩn bị để đón khách. Vốn biết tính Pyotr, Kurakin cho biết ông chủ anh thích ở trong một phòng nhỏ, được riêng tư hơn. Vì thế, phía pháp chuẩn bị một phòng đặc biệt trong Khách sạn Lesdiguières, trang bị với nội thất của hoàng gia. Có thêm đầu bếp, gia nhân và 50 binh sĩ cận vệ được phái phục vụ Sa hoàng.

Trong lúc ấy, Pyotr và đoàn tùy tùng gồm 61 người kể cả Golovkin, Shafirov, Pyotr Tolstoy, Vasily Vladimirovich Dolgorukov, Buturlin, Osterman và Yaguzhinsky, di chuyển một cách chậm chạp. Pyotr có thói quen dừng lại dọc những thị trấn, xem xét những điều mới lạ, nghiên cứu lối sống của dân chúng địa phương. Dù theo chính thức ông lại giấu tung tích để giảm thiểu thời giờ cho nghi lễ, ông vẫn thích nghe chuông nhà thờ đổ và đại bác bắn chào mừng khi ông đi qua. Ekaterina đi theo ông cho đến Rotterdam rồi trở về The Hague chờ ông, vì như thế ông nghĩ đỡ phải mất thêm thời giờ nghi lễ cho bà.

Từ Rotterdam, Pyotr đi thuyền đến Antwerp rồi đến Brussels. Từ đây, ông đi qua Ghent, Bruges, Ostend, Dunquerque và Calais rồi nghỉ lại ở đây trong 9 ngày cho mùa Chay tịnh và lễ Phục sinh.

Quan thị thần Liboy của Hoàng để Pháp ra đón tiếp đoàn ở Calais. Kinh nghiệm đầu tiên của ông này đối với tính cách Nga làm cho ông khổ sở. Đoàn khách than phiền về các cỗ xe phía Pháp dành cho họ sử dụng, và họ tiêu pha thoải mái với tất cả chi phí do Pháp đài thọ. Liboy nhận lệnh báo cáo những thói quen của đoàn khách, tìm hiểu mục đích cụ thể của họ. Ông thấy không thể nào hiểu nổi Pyotr, con người dường như chỉ muốn vui đùa với những chuyện tầm phào mà không làm việc gì nghiêm túc. Ông báo cáo:

> Nơi con người của Sa hoàng, ta có thể nhận ra cái mầm của đức tính, nhưng vẫn còn hoang sơ và pha trộn với khuyết điểm. Tôi tin rằng ông thiếu tính nhất quán, và ông không đạt đến mức mà người ta có thể rút ra kết luận về ông…
>
> … Tôi không thấy phái đoàn có buổi làm việc nghiêm túc nào, trừ lúc họ bàn luận với nhau khi chè chén; chỉ một mình Sa hoàng quyết định nhanh chóng sự việc được trình lên… Tính khí của ông thay đổi đa dạng trong những dịp vui đùa, ông hoạt động rất nhanh nhẹn, thiếu kiên nhẫn, và rất khó chiều chuộng cho vui lòng…

Ngày 4/5/1717, Pyotr rời Calais để lên đường đi Paris, và đúng theo bản chất của ông, không muốn đi theo lộ trình đã vạch ra. Ông lẩn tránh nghi thức tiếp đón dọc đường, chấp nhận ngồi trên cỗ xe phía Pháp dành cho ông nhưng không muốn quan chức Pháp ngồi cùng.

Giữa trưa ngày 7/5, tại Beaumonth-sur-Oise, cách Paris 40 kilômét về hướng đông bắc, Thống chế de Tessé tiếp đón đoàn cùng với đội xe hoàng gia và toán kỵ binh cận vệ. Tessé đứng kế bên cỗ xe dành cho Sa hoàng, cúi đầu chào thật thấp khi Pyotr bước ra. Pyotr lấy làm thích cỗ xe của vị Thông chế và rồi muốn đi trên cỗ xe này. Nhưng ông không cho Tessé ngồi cùng mà thích cho ba người Nga ngồi với ông. Vốn đã nhận nhiệm vụ làm vui lòng khách, Tessé đành phải đi trên một cỗ xe khác.

Đoàn đến Điện Louvre lúc 9 giờ tôi. Pyotr đi qua cung điện của vị Hoàng hậu quá cố đã được chuẩn bị cho ông. Đúng như Kurakin đã dự đoán, ông thấy nơi này quá xa xỉ và chiếu đèn quá sáng. Ông nhìn qua bàn ăn bày đầy ắp mọi món ngon vật lạ cho đoàn 60 người, nhưng chỉ ăn uống qua loa một ít rồi trở ra cỗ xe, dẫn cả đoàn đi đến ngụ ở Khách sạn Lesdiguières. Ông thích nơi này hơn, nhưng vẫn thấy những phòng dành cho ông quá rộng và quá xa xỉ. Ông ra lệnh tùy tùng chuẩn bị giường ngủ cho ông trong một gian phòng nhỏ dùng để thay đổi trang phục.

Ngày kế vị Phụ chính Philippe d'Orleans đi đến để chính thức tiếp đón phái đoàn. Khi vị Phụ chính đi vào phòng khánh tiết, Pyotr từ phòng riêng của mình bước ra, ôm hôn Philippe rồi lại bước vào phòng riêng, để cho Philippe và thông dịch viên Kurakin phải bước theo. Phía Pháp quan sát tất cả động thái về nghi lễ, cảm thấy bị xúc phạm với cách cư xử của Pyotr khi đi trước chủ nhà, mà họ cho là "ra vẻ trịch thượng" và "không hề có tư cách văn minh nào".

Trong phòng riêng của Pyotr, hai chiếc ghế bành đã được đặt sẵn đối diện nhau, hai người ngồi xuống, Kurakin đứng kế bên. Trong gần một tiếng đồng hồ, hai người trao đổi những câu chào hỏi vui vẻ. Rồi Sa hoàng lại đi ra ngoài, và vị Phụ chính lại bước theo ông. Trong phòng khánh tiết,

Pyotr cúi đầu chào (mà phía Pháp mô tả là theo cách kỳ quặc), rồi để mặc cho Philippe đứng ở chính nơi khi ông bước vào gặp Sa hoàng.

Thời gian còn lại của ngày hôm ấy và ngày kế tiếp (Chủ Nhật), Pyotr giam mình trong Khách sạn Lesdiguières. Dù nôn nóng muốn đi ra nhìn thấy Paris, ông đành phải tuân thủ lễ nghi cho đến lúc Hoàng đế chính thức đến gặp ông. Như ông viết cho Ekaterina:

> Trong hai hoặc ba ngày, anh phải ở trong nhà để đón khách và tham gia những nghi lễ khác, vì thế anh chưa nhìn thấy gì cả [bên ngoài].
>
> Nhưng ngày mai hoặc ngày mốt anh sẽ đi tham quan. Theo những gì anh thấy dọc đường, dân thường rất cực khổ.
>
> T.B. Anh vừa nhận được thư em đầy lời đùa cợt. Em bảo anh sẽ đi tìm một phụ nữ, nhưng chuyện này không hợp với tuổi già của anh.

Ngày Thứ Hai, Hoàng đế Louis XV đi đến để đón chào đoàn khách. Trong nỗi kinh ngạc của đoàn Pháp, khi cậu hoàng 7 tuổi vừa bước xuống cỗ xe, Sa hoàng nhấc bổng cậu bé lên cho mặt hai người ngang nhau, ôm lấy cậu và hôn cậu. Louis không hề chuẩn bị cho việc này, nhưng không tỏ vẻ sợ hãi. Sau khi đã qua cú sốc, đoàn Pháp cảm động vì thái độ âu yếm của Pyotr đối với cậu Hoàng đế con, vẫn giữ tư cách giữa hai người cùng đẳng cấp nhưng cùng lúc cho thấy sự cách biệt về tuổi tác. Sau khi ôm hôn Louis lần nữa, Pyotr đặt cậu bé xuống rồi đưa cậu vào gian phòng tiếp tân. Ở đây, Louis phát biểu ngắn gọn ngôn từ tiếp đãi đầy những lời khen tặng đã học thuộc từ trước. Công tước du Maine và Nguyên soái de Villeroy bên đoàn Pháp phát biểu thêm ít câu chào đón đoàn khách. Sau 15 phút, Pyotr đứng dậy, dắt Louis đi ra cỗ xe của Hoàng đế.

Ngày hôm sau, Pyotr đi đến Điện Tuileries để đáp lễ. Khoảng sân ngoài đầy những đại đội cận vệ dàn hàng chào đón. Khi cỗ xe của Sa hoàng vừa đến, binh sĩ Pháp đánh lên một hồi trống. Nhìn thấy cậu bé Louis đang đứng chờ cỗ xe của ông, ông nhảy xuống, bế cậu lên rồi đi lên các bậc cầu thang để cùng nhau hội đàm chỉ trong vòng 15 phút.

Sau khi đã thực hiện mọi thủ tục, Sa hoàng được tự do để đi ra ngoài thăm viếng Thành phố Paris.

166. Tương tự như cách ta nói: Tắt đèn, nhà ngói cũng như nhà tranh. (ND)

167. Nhà văn Francois Rabelais (1494?1553) người Pháp viết nên những tác phẩm có tính châm biếm hoặc nhục dục. (ND)

50 VỊ KHÁCH ĐẾN THĂM PARIS

Giống như hiện tại, Paris là thủ đô và cũng là trung tâm của mọi sinh hoạt của nước Pháp. Nhưng Paris với 500.000 dân chỉ là thành phố đông dân thứ ba ở Châu Âu; Amsterdam có 600.000 dân và London 750.000. Xét về tương quan tổng dân số, Paris cũng có tỷ lệ nhỏ hơn: cứ 100 người Hà Lan thì 20 sống ở Amsterdam, cứ 100 người Anh thì 10 sống ở London, nhưng trong 100 người Pháp chỉ có 2 người sống ở Paris.

Sông Seine là trái tim của Paris, lúc này chưa có những bến cầu đá. Dọc hai bờ đục ngầu vì bùn, phụ nữ tắm rửa và giặt giũ mà không màng đến mùi hôi thối của nước thải từ những lò giết mổ gia súc và xưởng thuộc da xả trực tiếp vào sông, chảy qua dưới 5 cầu bắc ngang sông. Hai cầu mới nhất là Font Royal (Cầu Hoàng gia) và Font Neuf (Cầu Mới) thì có thành cầu mở ra khoảng không; ba cầu kia có những tòa nhà bốn và năm tầng được xây dọc hai bên. Những đại lộ rộng với cây cao bóng mát chưa có trong thời gian này; thành phố chỉ có những con đường hẹp và những tòa nhà bốn hoặc năm tầng với mái dốc. Hai tháp chuông của Thánh đường Notre Dame (Đức Bà) vươn lên cao, nhưng quang cảnh mặt tiền sau này nổi tiếng thế

giới thì chưa có vì quảng trường phía trước vẫn còn nhiều đường hẻm và đầy nhà cửa.

Louis XIV đã bắt đầu công cuộc chỉnh trang thành phố. Vào những năm đầu của triều đại mình, ông ra lệnh dỡ bỏ những tường thành bảo vệ, thay vào đấy xây đại lộ và trồng cây hai bên lê. Trong số những quảng trường, lúc đầu chỉ có Place (Quảng trường) des Vosges, dần dần có thêm Place des Victoires, Place Vendôme, thêm khuôn viên nhà thờ và khu đi dạo Invalides mênh mông.

Mỗi khu vực của thành phố có sắc thái riêng biệt. Khu Marais thu hút giới quý tộc và giới thượng lưu. Các nhà tài chính giàu có xây nhà ở đầu kia của thành phố, xung quanh Place Vendôme. Người nước ngoài và ngoại giao đoàn thích khu vực quanh St. Germain des Prés, nơi đường sá rộng hơn và không khí được cho là trong lành hơn. Du khách cũng được khuyên là những khách sạn tốt nhất nằm gần St. Germain des Prés, nhưng họ có thể thuê phòng tại nhiều nhà riêng; thậm chí giới quý tộc cấp cao cũng cho thuê tầng trên cùng của nhà họ. Lúc ấy cũng như bây giờ, khu Latinh Quartier được sinh viên yêu thích.

Vào ban ngày, đường sá đều đông đúc. Người đi bộ luôn bị rủi ro vì ngựa và những loại xe cố tìm cách lách qua những con đường dày đặc người. Âm thanh nhức óc phát ra từ bánh xe vành sắt và từ tiếng người la thét. Mùi hôi thối xông lên từ phân người ném ra qua cửa sổ, những đống phân thú, và từ những lò giết mổ. Mỗi ngày người ta rải rơm rạ lên mặt đường để giảm tiếng ồn, giúp bánh xe bớt trơn trượt và cải thiện vệ sinh. Rơm rạ cũ được quét dọn rồi đổ xuống sông. Những người không muốn đi bộ do sợ nguy hiểm có thể thuê xe ngựa theo ngày hoặc theo tháng, hoặc loại xe nhỏ do hai người kéo. Dân móc túi lảng vảng trước những khách sạn

sang trọng, sẵn sàng ra tay với người nước ngoài thiếu cảnh giác. Đàn ông có thể tìm được phụ nữ một cách dễ dàng. Diễn viên kịch nghệ và tấu hài dành cho giới thượng lưu, nhưng đường sá đầy gái mại dâm đứng đường. Tuy nhiên, khách nước ngoài được cảnh báo về nguy cơ đối với sức khỏe - ngay cả sinh mạng - của họ.

Buổi tối cho đến nửa đêm, đường phố tương đối an toàn. Paris vào năm 1717 là thành phố được thắp sáng tốt nhất Châu Âu với 6.500 ngọn đèn nến dọc lề đường. Được thay đổi và đốt lên mỗi tối, những ngọn đèn nến tỏa ánh sáng lung linh trên đường. Nhưng đến nửa khuya, nến tàn, thành phố chìm trong màn đêm, và những người muốn còn nhìn thấy ánh bình minh thì không nên đi ra đường.

Những nhà hát kịch nghệ và tấu hài luôn đông người. Molière vẫn còn được yêu thích, nhưng người ta cũng muốn xem Racine, Corneille và thời thượng nhất là Marivaux.[168] Sau giờ trình diễn, những quán cà phê còn mở cửa cho đến 10 hoặc 11 giờ. Nhiều người có thú vui đi dạo trong những công viên.

Thời ấy cũng như hiện nay, công viên nổi tiếng nhất ở Paris là Jardin des Tuileries, ở đây, vào buổi chiều và tối, người ta có thể gặp những nhân vật cao cấp của đế quốc - có thể là vị Phụ chính - đang tản bộ. Quá Tuileries là Đại lộ Champs-Elisées với hàng cây đối xứng hai bên. Ở đây, người ta tập cưỡi ngựa, còn người ngồi trong cỗ xe mở cửa sổ để đón không khí trong lành. Xa hơn về phía tây là khu rừng công viên Boulogne có nhiều nai mà người ta hay xua chó đi săn, nhưng cũng có nhiều người đến để thư giãn trên thảm cỏ. Khu rừng cũng là nơi hẹn hò của những cặp tình nhân bên nhau trong những cỗ xe buông kín rèm, người đánh xe ngồi bất động bên ngoài, ngựa nhẩn nha gặm cỏ.

Khi cậu Hoàng đế con rời Điện Versailles và trở lại Paris, quần thần cũng theo nhau về, sửa sang lại dinh thự của họ trong khu Marais hoặc Saint-Germain. Khách sạn Lesdiguières, nơi Pyotr cư ngụ 6 tuần trong khi thăm viếng Paris, là một trong những tòa nhà lớn nhất của khu Marais. Khách sạn này đã bị phá dỡ, giờ chỉ còn lại một tấm bảng trên tường nhà số 10 Rue de la Ceisaie để tưởng niệm chuyến viếng thăm của Pyotr.

Ngục Bastille vươn lên kế bên khách sạn này, và tám tháp canh màu xám xây bằng đá vươn cao từ bức tường của sân vườn. Khi đi dạo, Pyotr chỉ cần ngước mắt là thấy ngay tòa nhà huyền thoại. Đám đông Paris phá ngục ngày 14/7/1789, và những người làm lễ kỷ niệm ngày lịch sử này hằng năm về sau đều tưởng tượng Bastille là ngục tù tàn bạo của chế độ áp bức. Sự thật không phải vậy. Bastille là nhà ngục sang trọng nhất từ trước đến nay, nơi tù nhân không bị ngược đãi. Ngoại trừ vài trường hợp hiếm hoi, đây là nơi giam giữ tù nhân thuộc giới thượng lưu hoặc quý tộc, được đối xử tùy theo thứ bậc của mỗi người. Hoàng đế có thể giam quan chức đối lập ở đây cho đến khi họ thay đổi chính kiến. Những ông bố có thể nhờ cải hóa trong vài tháng quý tử bất trị của họ. Phòng giam được bài trí, sưởi ấm và soi sáng tùy khả năng và ý thích của tù nhân. Họ cũng có thể mang gia nhân vào và tổ chức tiệc chiêu đãi người ngoài. Tù nhân không bị bắt buộc phải làm gì cả. Họ có thể chơi đàn ghita, đọc thơ văn, tập thể dục trong khu vườn của quản giáo, hoặc lo sắp đặt thực đơn cho buổi chiêu đãi mà họ tổ chức.

Nhiều người nổi tiếng đã kinh qua ở đây. Con người bí ẩn nhất là Người mang Mặt nạ sắt, được nhà văn Alexandre Dumas thêu dệt là em sinh đôi của Louis XIV. Giống như nhiều câu chuyện khác ở Bastille, phần lớn chi tiết về nhân vật này là do tưởng tượng. Tấm mặt nạ nổi tiếng không phải bằng sắt mà bằng lụa, và ngay cả giám đốc trại giam cũng không được vén

mặt nạ này lên. Tù nhân bí ẩn này được đối xử và chăm sóc tử tế cho đến khi qua đời năm 1703 mà vẫn không ai biết đích xác tung tích, vì thế tạo đề tài cho nhiều truyền thuyết.

Trong thời gian Pyotr lưu lại Paris, một người Pháp nổi tiếng khác, 23 tuổi, đang bị giam trong Bastille. Có thể cậu thanh niên này có cơ hội trông thấy Sa hoàng đang đứng trong vườn hoa của Khách sạn Lesdiguières. Bốn mươi năm sau, dưới bút hiệu Voltaire, tù nhân này viết nên quyển sách *Lịch sử của Đế quốc Nga dưới triều Pyotr Đại đế.*

Sau khi đã qua các nghi lễ, Pyotr yêu cầu vị Phụ chính bỏ qua tất cả nghi thức để ông có thể đi tham quan bất kỳ nơi nào tùy thích. Vị Phụ chính đồng ý với điều kiện phải có Nguyên soái Tessé hoặc một quan chức triều đình Pháp đi theo cùng với 8 cảnh vệ hoàng gia.

Pyotr thức dậy lúc 4 giờ sáng ngày 12/5/1717 và đi bộ dọc Phố St. Antoine để bắt đầu buổi tham quan. Ông đi qua nhiều nơi: Place Royale, Place des Victoires, Place Vendôme, đài thiên văn, vườn sưu tập thực vật, những cơ xưởng thủ công, xem xét mọi thứ và hỏi han mọi điều. Một buổi sáng lúc 6 giờ, ông có mặt tại Bảo tàng Louvre để xem xét mô hình mẫu những tòa pháo đài cho sự phòng thủ của nước Pháp. Lúc bây giờ, các mô hình này là bí mật quốc gia, được canh phòng cẩn mật. Năm 1777, chúng được chuyển đến Điện Tuileries để khách thăm viếng tham quan tự do.

Ít ngày sau, Pyotr thăm viếng bệnh viện và doanh trại quân đội ở Tuileries. Ông nếm thức ăn của bĩnh sĩ, nâng ly chúc sức khỏe họ, vỗ lưng họ để tỏ lòng trìu mến. Ông gặp Hoàng thân Rakoczy, nhà lãnh đạo Hungary đã chống lại Hoàng đế Habsburg và là người ông đã đề xuất làm Vua của Ba Lan. Ông dành nguyên một ngày với Thống chế d'Estrees để trao đổi về Hải quân Pháp rồi ăn tối với ông này. Ông dành trọn một buổi

sáng ở xưởng đúc tiền, quan sát việc đúc một đồng tiền vàng. Khi đồng tiền còn nóng hổi được đặt vào tay ông, ông ngạc nhiên thấy trên mặt đồng tiền là chân dung của mình với dòng chữ "Petrus Alexievitz, Sa hoàng, Quân vương Nước Nga". Ông được tiếp đón một cách trọng thể tại Đại học Sorbonne. Ông cũng đến thăm Viện Hàn lâm Khoa học; và ngày 22/12/1717, sáu tháng sau khi rời Paris, ông được chính thức phong Viện sĩ Viện Hàn lâm này.

Những buổi tham quan của Pyotr diễn ra cấp tập. Nguyên soái Tessé và 8 cảnh vệ phải nỗ lực nhiều mới đi theo kịp ông, và thường là không theo kịp. Tính tò mò và hăng hái của Pyotr, cộng với sự coi thường nghi thức, khiến phía Pháp kinh ngạc. Mọi hành động đều là do ngẫu hứng. Ông muốn được tự do đi từ chỗ này đến chỗ khác mà không theo nghi thức nào; vì thế ông thường thuê một cỗ xe thông thường thay vì chờ cỗ xe hoàng gia dành riêng cho ông đến rước. Sa hoàng chỉ cần bước ra và ngoắc một cỗ xe gần đấy rồi nhảy lên. Đôi lần ông đã thoát khỏi sự đeo bám của Tessé và cảnh vệ theo cách như thế.

Pyotr có mối liên hệ cực tốt với vị Nhiếp chính, một phần do Philippe cảm thấy thú vị khi làm vùi lòng Sa hoàng. Một lần, hai người đi xem nhạc kịch, ngồi riêng với nhau ở hàng trên cùng, giữa cặp mắt của bao người. Trong buổi diễn, Pyotr khát nước và yêu cầu một cốc bia. Người ta mang đến một cốc bia to đặt trên một cái đĩa, vị Nhiếp chính đứng dậy, tự tay trao cho Sa hoàng. Pyotr tiếp nhận với một nụ cười và cái gật đầu, uống bia rồi đặt chiếc cốc trên cái đĩa. Philippe vẫn còn đứng, đặt một khăn lau trên cái đĩa đưa đến cho Sa hoàng. Pyotr vẫn ngồi yên vị, cầm chiếc khăn mà lau rồi đặt lại trên cái đĩa. Suốt buổi diễn, vị Phụ chính hành xử như là một gia nhân cho Sa hoàng, và khán giả nhìn quang cảnh mà kinh ngạc.

Ở mọi nơi, Sa hoàng đều được tiếp đón một cách trọng vọng. Phần lớn thành viên của hoàng gia và các nhà quý tộc cao cấp đều lấy làm phấn khích được gặp gỡ ông. Trong số những người này là bà mẹ của vị Phụ chính, "Madame", một phụ nữ Đức ở tuổi 65. Bà tiếp Sa hoàng ở Cung điện Hoàng gia, và thấy mến ông. Bà viết kể lại:

> Đã tiếp kiến người anh hùng của tôi, Sa hoàng. Tôi thấy ông ấy có tư cách rất tốt… và mến ông ấy không kém. Ông có khả năng suy xét chín chắn. Ông nói tiếng Đức không giỏi, nhưng vẫn cố gắng diễn tả ý tưởng mà không bị khó khăn và vẫn nói năng thoải mái. Ông lễ độ với mọi người; ai cũng mến ông.

Không chịu kém bà nội, cô con gái của Phụ chính, Nữ Công tước de Berri mời ông đến thăm. Ông nhận lời, đi đến Điện Luxembourg và sau đấy đi dạo trong Công viên Luxembourg. Nhưng có tranh cãi về nghi lễ khiến cho ông không thể gặp gỡ những mệnh phụ phu nhân khác. Vài Hoàng tử của triều đình không muốn đến gặp Pyotr vì ông không hứa sẽ trả lễ mà đi gặp các bà vợ của họ. Pyotr thấy việc này là nhỏ nhặt và vô lý, nên từ chối. Ông chỉ muốn gặp gỡ người mà ông thấy xứng đáng, không phải chỉ vì họ có dòng máu của vương triều.

Ngày 24/5, hai tuần sau chuyến thăm viếng đầu tiên ở Tuileries, Pyotr trở lại thăm viếng Hoàng đế. Ông đi đến sớm trước khi cậu Hoàng đế con thức dậy, vì thế Nguyên soái de Villeroy dẫn ông đi xem bộ sưu tập trang sức hoàng gia. Ông chưa từng thấy những món trang sức với số lượng và vẻ đẹp đến như thế tuy ông nói với Villeroy rằng ông không quan tâm lắm đến những vật dụng cho dù đẹp đẽ hoặc đắt giá đến thế nào, vì không có công

năng thực dụng. Rồi ông được đưa đến gặp Hoàng đế lúc này đang ở trong gian phòng của Villeroy. Việc này là do chủ định để cuộc gặp gỡ ra vẻ như là do tình cờ. Tư cách có phép tắc của cậu Hoàng để con khiến cho Sa hoàng cảm thấy vui, và ông cũng đổi lại bằng tình thân ái pha trộn với sự kính trọng.

Villeroy có cùng tình cảm mến mộ khi viết:

> Tôi không thể diễn tả hết phẩm cách, sự trọng đãi và lễ độ mà Hoàng để thể hiện khi gặp gỡ Sa hoàng. Nhưng tôi cũng phải nói rằng vị Sa hoàng này, bị người ta cho là thô lỗ, thật ra không phải như thế chút nào. Ông tỏ lộ tư cách cao quý và rộng lượng mà trước đấy chúng ta không ngờ tới.

Buổi tối hôm ấy, Pyotr đi đến Điện Versailles mà phía Pháp đã chuẩn bị làm nơi cư ngụ cho đoàn Nga. Những người tùy tùng Nga, được thu xếp ngụ trong những gian phòng kế cận, đã dẫn từ Paris về một số cô gái trẻ, khiến cho phía chủ nhà cảm thấy vô cùng phật ý khi thấy nơi chốn trang nghiêm như thế bị nhơ nhuốc.

Buổi sáng hôm sau, Sa hoàng thức dậy sớm đi dạo trong vườn hoa chờ người hướng dẫn của triều đình Pháp đến, rồi ông đi xem xét các nơi trong Điện Versailles. Ngày kế Tessé đưa ông đến Thánh đường Notre Dame để ông tham dự một thánh lễ.

Sa hoàng được mời tham dự chuyến đi săn ở rừng Fontainebleau. Đối với người Pháp, đấy là môn thể thao ngoài trời quý phái. Họ phóng ngựa như điên cuồng theo đàn chó và tiếng kèn, tay cầm gươm hoặc giáo, cho đến lúc hươu hoặc chó sói hoặc heo rừng bị bao vây và đâm chém loạn xạ.

Pyotr không hề thích cách đi săn như thế và giận dữ trở về, càu nhàu là môn thể thao này có quá nhiều bạo lực. Ông từ chối dùng bữa tối với chủ nhà, chỉ ngồi ăn với 3 người tùy tùng Nga.

Sa hoàng đi thăm viếng Hoàng hậu quả phụ của Louis XIV - Madame de Maintenon - ở tu viện mà bà thiết lập. Mọi người đều ngạc nhiên khi nghe ông yêu cầu cho thăm bà. Ông giải thích: "Bà ấy có nhiều phẩm chất. Bà đã phục vụ đắc lực Hoàng đế và đất nước." Lẽ tự nhiên là bà quả phụ cảm thấy vô cùng vui sướng được tiếp đón người mà cả Paris đang nói đến.

Sau 6 tuần ở Paris, đã đến lúc hai bên chia tay nhau. Sa hoàng trở lại Tuileries lần thứ ba để từ giã Hoàng để theo tư cách bán chính thức như ông muốn. Nói chung, hai bên đều hài lòng với chuyến viếng thăm của Sa hoàng.

Saint-Simon, người đã chứng kiến Louis XIV đăng quang, diễn tả cảm tưởng của mình về vị Sa hoàng:

> Đây là một quân vương khiến cho người ta phải ngưỡng mộ vì tính hiếu kỳ cùng cực trong mọi việc có ảnh hưởng đến quan điểm của ông về chính quyền, thương mại, giáo dục, v.v… Mối quan tâm của ông bao trùm tất cả chi tiết có giá trị thực tiễn, và ông không tỏ ra khinh thường điều gì. Trí thông minh của ông là đáng kể nhất; trong sự đánh giá cao đối với chân giá trị, ông cho thấy tư cách tiếp nhận tốt và sự thông hiểu sinh động nhất, về tố chất, ông cho thấy sự pha trộn lạ thường: vừa có tính cao cả nhất của bậc đế vương, vừa hãnh diện nhất, kiên định nhất; tuy thế, một khi được chấp nhận ở vị thế cao, thái độ của ông hoàn toàn hòa nhã và đầy vẻ tử tế đúng đắn. Ở mọi nơi mọi lúc, ông đều ra vẻ là bậc chủ nhân, nhưng với mức độ thân mật tùy theo giai cấp của mỗi

người. Ông có cách tiếp cận thân thiện mà người ta cho là vì thoải mái, nhưng ông vẫn còn chịu ảnh hưởng mạnh bởi quá khứ của xứ sở ông. Vì thế, thái độ của ông là bất chợt, thậm chí mạnh bạo; khó đoán trước những gì ông ước muốn, ông không chấp nhận sự trì hoãn và chống đối. Cách thức ông ăn uống là thô kệch, và cách thức của tùy tùng ông còn kém trang nhã hơn. ông nhất quyết muốn được tự do và độc lập trong mọi việc làm hoặc xem xét…

Người ta có thể mô tả không hết lời con người vĩ đại này với tố chất đáng kể và những tài năng đa dạng lạ thường. Những đặc tính này làm cho ông trở thành một quân vương đáng được ngưỡng mộ sâu sắc trong nhiều năm dài, dù có những khiếm khuyết lớn trong nền giáo dục của ông và dù xứ sở ông thiếu văn hóa và văn minh. Ở mọi nơi trên đất Pháp, ông được nổi tiếng như thế, nơi ngượi ta xem ông đúng là phi thường.

Ngày 20/6/1717, Pyotr âm thầm rời Paris mà không có sự hộ tống. Ông ghé qua Rheims, đi thăm ngôi thánh đường nổi tiếng ở đây và được cho xem quyển Thánh Kinh mà trong nhiều thế kỷ các hoàng đế Pháp đã đặt tay lên để tuyên thệ trong lễ đăng quang. Các linh mục Pháp hiện diện tỏ ra kinh ngạc khi thấy Pyotr đọc được những dòng chữ bí hiểm trên quyển kinh. Văn tự này rất có thể là loại chữ Slavonic cổ; quyển kinh được mang đến bởi Công chúa Anna Yaroslavna Xứ Kyyiv, người kết hôn với Hoàng đế Louis I và trở thành Hoàng hậu nước Pháp. Anna có thể viết tên cô trên hồ sơ kết hôn, trong khi Louis I chỉ có thể nguệch ngoạc một chữ X.

Tuy Pyotr để Shatirov, Vasily Vladimirovich Dolgorukov và Tolstoy ở lại Paris để đàm phán với phía Pháp, chuyến viếng thăm không tạo thành quả ngoại giao ngoài hiệp ước hữu nghị không có ý nghĩa. Vị Phụ chính

quan tâm đến mối liên minh giữa Pháp và Nga, nhưng Linh mục Dubois vẫn quyết liệt chống đối. Lúc này, mâu thuẫn giữa Vua George I của Anh và Pyotr của Nga đã quá nặng nề, thế nên Pháp không thể ký hòa ước với cả hai; còn Dubois thì muốn chọn Anh hơn là Nga. Sau này, Tessé nhìn nhận:

> Chính phủ chỉ muốn làm vui lòng Sa hoàng trong thời gian ông ấy thăm viếng chứ không muốn đi đến thỏa hiệp gì cả.

Vì không thế có liên minh, mối lương duyên được trù định giữa con gái Elizaveta 8 tuổi của Pyotr và Louis XV 7 tuổi không thành. Elizaveta ở lại để trị vì Nga trong 20 năm, còn Louis XV cuối cùng cưới con gái của Stanislaus, vua bù nhìn của Ba Lan.

Khi di chuyển qua vùng đồng quê nước Pháp cũng như khi trên đường đến Paris, Pyotr có nhận xét về sự nghèo khổ của dân quê Pháp. Ông lấy làm ngạc nhiên vì sự khác biệt giữa thủ đô phồn hoa và tình trạng bên ngoài, và ông nói với tùy tùng rằng ông tự hỏi hệ thống công quyền như thế sẽ tồn tại bao lâu.

Từ Rheims, Pyotr đi thuyền trên Sông Meuse đến Namur, Liège rồi đến khu du lịch nghỉ dưỡng Spa. Vùng này hiện nay thuộc Bỉ, lúc ấy nằm giữa Hà Lan và Đế quốc Habsburg, và dọc đường những quan chức Hà Lan và Đế quốc thi nhau tiếp đãi ông. Pyotr lưu lại Spa uống nước khoáng và dưỡng bệnh trong năm tuần. Trong thời gian ở đây, ông ngồi cho họa sĩ người Hà Lan tên Karl Moor vẽ chân dung. Pyotr ưa thích nhất chân dung này và chân dung do Kneller vẽ gần hai thập kỷ trước.

Ngày 25/7/1717, Sa hoàng ngồi thuyền xuôi dòng Sông Meuse (trên đất Hà Lan có tên Maas), và đoàn tụ với Ekaterina ở Amsterdam ngày 2/8. Ông

lưu lại Hà Lan trong một tháng, rồi ngược dòng Sông Rhine đến Nimwegen, Cleves và Wesel để đến Berlin, thủ đô nước Phổ.

Tháng 10, Sa hoàng trở về Sankt-Peterburg. Ở đây, ông phải đối diện với đỉnh điểm của một thảm kịch cá nhân và chính trị sẽ gây hậu quả sâu xa hơn bất kỳ thảm kịch nào khác trong triều đại của ông.

168. Những nhà viết kịch nổi tiếng của Pháp đương thời, tác giả những vở kịch kinh điển: Molière, tên thật là Jean-Baptiste Poquelin (1622-1673), Jean-Baptiste Racine (1639-1699), Pierre Corneille (1606-1684), và Pierre Carlet de Chamblain de Marivaux (1688-1763). (ND)

51 VIỆC GIÁO DỤC CHO NGƯỜI KẾ VỊ

Ngày 11/10/1717, hai công chúa Anna lên 9 và Elizaveta lên 8 đứng trước thềm cung điện đón vua cha trở về. Hoàng Thái tử đón chào ông ở gian phòng của mình. Nhưng niềm vui của người cha gặp lại những đứa con bị dập tắt nhanh chóng. Trong khi ông đi vắng, chính phủ Nga vận hành một cách tồi tệ. Hệ thống công quyền mà ông khổ công gây dựng bị sa lầy do sự quản trị kém cỏi, ghen tỵ và tham nhũng. Những đại thần trong cương vị những nhà lãnh đạo chính phủ cãi vã nhau như trẻ con, đổ lỗi cho nhau về những yếu kém chính trị và tài chính.

Pyotr lao vào đám hỗn mang này và cố lập lại trật tự. Mỗi buổi sáng, lúc 6 giờ, ông triệu tập Thượng viện và ngồi nghe những lời tố cáo và bào chữa của các bên. Rốt cuộc, nhận ra rằng những lời tố cáo bao quát quá rộng và tình trạng tham nhũng quá nặng nề, ông thành lập tòa án đặc biệt với những ủy ban khác nhau, mỗi ủy ban gồm ba sĩ quan Cảnh vệ cấp thiếu tá, đại úy và trung úy, để xem xét vụ việc và ra phán quyết Đại sứ Weber viết:

> Thế là các thành viên của Thượng viện đáng kính, kể cả trường tộc của những dòng họ lớn nhất trong nước, phải ra trước sĩ quan cấp thấp để trả lời những cáo buộc về khuyết điểm của họ.

Nhưng những phiên tòa này chỉ là bước khởi đầu cho vấn đề khác nghiêm trọng hơn, đe dọa cả tương lai nước Nga. Bởi vì lúc này, Pyotr bắt buộc phải có quyết định cuối cùng đối với trường hợp cua con trai ông, Hoàng Thái tử Aleksei.

Aleksei sinh tháng 2/1690, không lâu sau khi Pyotr cưới Evdokia. Lúc Aleksei chào đời, Pyotr cảm thấy cực kỳ hãnh diện, tổ chức tiệc chiêu đãi và bắn pháo bông ăn mừng. Nhưng với thời gian dần trôi, người cha ít có dịp gần gũi con trai. Bận bịu với việc đóng tàu, với Lefort và người tình Anna Mons, với hai chiến dịch đánh Azov và Đại Phái bộ Sứ thần, Pyotr để mặc Aleksei sống với Evdokia. Đi thăm con có nghĩa là phải gặp mẹ, người mà ông khinh bỉ, thế nên rốt cuộc Pyotr muốn lánh xa cả hai. Lẽ tự nhiên là Aleksei cảm thấy có sự ngăn cách giữa cha mẹ và hiểu rằng trong ý nghĩ của người cha, đứa con trai cũng giống như mẹ nó. Vì thế trong thời tuổi nhỏ, Aleksei xem Pyotr là người có ác cảm với mình, có lẽ là mối đe dọa, hoặc thậm chí là kẻ thù. Lớn lên trong sự nuôi nấng của mẹ, đứa trẻ theo phe mẹ và có lối sống như mẹ.

Thế rồi, khi Aleksei lên 8, thình lình Pyotr đảo lộn cuộc đời của cậu: ông đưa Evdokia vào sống trong tu viện. Aleksei được gửi cho người cô Natalia nuôi nấng. Việc giáo dục cậu bé được giao cho Martin Neugebauer, người Đức. Ông này có tư cách Đức - quy củ và trực tính - và chẳng bao lâu trở nên mâu thuẫn với tố chất Nga mà ông cho là thiếu văn hóa và thô lỗ. Ông bị sa thải.

Tiến sĩ luật người Đức tên là Heinrich von Huyssen được cử làm gia sư cho Sa hoàng tương lai. Ông soạn chương trình học cho Aleksei và được Pyotr chấp thuận. Aleksei học tiếng Pháp, tiếng Đức, tiếng Latinh, toán học, lịch sử và địa lý. Cậu phải đọc báo nước ngoài và tiếp tục học Thánh Kinh.

Vào giờ rảnh rỗi, cậu phải xem bản đồ và quả địa cầu, thực tập với công cụ toán học, tập khiêu vũ, cưỡi ngựa và chơi thể thao. Aleksei có óc thông minh và tiến bộ khá. Huyssen báo cáo là Hoàng Thái tử có năng lực, óc phán đoán, cầu tiến; cũng có xu hướng hiếu thảo, công tâm, chính trực và đạo đức.

Trong thời gian này, Menshikov được cử làm người bảo hộ chính thức cho Aleksei. Nhiệm vụ của ông này là quản lý tổng quát các mặt giáo dục, tài chính và huấn luyện những kỹ năng cho người kế vị ngai vàng. Đối với nhiều người, nhân vật thân cận với Pyotr nhưng thất học này dường như không thích hợp cho nhiệm vụ lèo lái người kế vị ngai vàng. Nhưng chính vì mối liên hệ thân thiết mà Pyotr chọn Menshikov. Ông chán ghét thành quả của những năm tháng đứa con trai hưởng được từ người mẹ, và ông không tin tưởng mấy thầy giáo người nước ngoài. Ông muốn cử người thân cận với ông, suy nghĩ giống ông, người mà ông hoàn toàn tin cậy, để giám sát việc giáo dục đứa con trai. Nhưng cũng như Pyotr, Menshikov hay đi chinh chiến và chỉ có thể thực hiện nhiệm vụ đối với Aleksei từ xa. Dần dà, giữa người bảo hộ và cậu thanh niên nảy sinh mâu thuẫn. Dĩ nhiên, cội rễ của vấn đề là Pyotr chứ không phải Menshikov - người chỉ thể hiện thái độ và ý muốn của chủ nhân mình. Còn thái độ của Pyotr thì thiếu nhất quán một cách lạ lùng: từ một khoảnh khắc hãnh diện đổi sang thời gian dài lãnh đạm. Rồi thình lình ông đòi hỏi đứa con trai phải tham gia với ông trên chiến trường.

Giống như nhiều người cha thành công đã được thiên hạ kính trọng và ngưỡng mộ, Pyotr cố gò ép đứa con theo khuôn khổ của mình. Điều không may là một người cha như Pyotr, với ý chí mạnh về nghĩa vụ muốn truyền

đạt cho đứa con ý niệm về mục đích cuộc đời, có thể tạo sức ép nặng nề mà tố chất yếu ớt không kham nổi.

Sự hiện diện của Aleksei ở những vùng chiến sự cho thấy việc giáo dục cho cậu bé bị gián đoạn vì chiến tranh. Rồi có lúc vị gia sư Huyssen được phái đi làm nhiệm vụ ngoại giao trong 3 năm. Trong thời gian này, khi người cha, người bảo hộ và gia sư đều đi vắng, không có ai để ý đến Hoàng Thái từ.

Điều lạ kỳ là người kế vị Sa hoàng lại được nuôi nấng theo cách như thế. Pyotr đã nhận thức rõ là mình thiếu nền giáo dục căn bản và suốt đời phải nỗ lực để bù đắp, thế nên đáng lẽ ông phải quan tâm đến việc giáo dục cho đứa con trai để chuẩn bị cho cậu tiếp nối sự nghiệp của mình. Thay vào đấy, ông chỉ muốn con trai được huấn luyện để đi đánh trận. Người thanh niên không mấy hào hứng với lĩnh vực này. Khi nhận lệnh tổ chức phòng thủ Moskva, cậu phát biểu cảm nghĩ: "Nếu quân đội của Sa hoàng không thể ngăn chặn quân Thụy Điển, Moskva không thể chống cự được." Pyotr nổi giận khi nghe qua câu nói này, tuy sau đấy nguôi ngoai vì thấy việc phòng bị được thực hiện.

Điều không may là dù nỗ lực theo cách nào đi nữa, Pyotr không thể khiến Aleksei chú tâm đến kỹ năng chiến tranh. Khi nhận nhiệm vụ quân sự, Aleksei thường lơ là hoặc thiếu năng lực. Dần dà, vì nản chí, chán ghét và cũng vì bị cuốn hút trong chiến trận, Pyotr không còn muốn quan tâm đến con trai nữa. Việc này khiến cho Hoàng Thái tử được vui. Anh yêu thích Moskva. Tại thủ đô cũ ngày càng bị Pyotr bỏ phế để dốc tâm lo cho Sankt-Peterburg, Aleksei được kề cận với những người bảo thủ chỉ thích đường lối xưa cũ và e sợ những cải tổ của Sa hoàng. Những người này thuộc dòng họ của Sofia (chị cùng cha khác mẹ của Pyotr), của mẹ, của

những gia đình quý tộc thời xưa; và nhất là giới tăng lữ Chính thống bảo thủ. Họ đều xem những hành động của Pyotr là phản Chúa, và mong mỏi Aleksei sẽ tái lập đường lối và thể chế của nước Nga xưa cũ.

Sau Trận Pultowa mà Aleksei không tham dự, Pyotr có hai quyết định đối với con trai: phải có sự giáo dục theo phương Tây và có một người vợ Tây Âu. Cả hai việc sẽ giúp kéo Aleksei ra khỏi quỹ đạo của những người Nga bảo thủ. Aleksei được gửi đến thủ phủ Dresden của Saxony để nhận nền học vấn dưới sự bảo trợ của gia đình Augustus.

Việc hôn nhân của Aleksei cũng liên hệ đến Saxony. Đã từ lâu, Pyotr quyết định liên minh với một hoàng tộc Đức có nhiều ảnh hưởng bằng cách xin cưới cho con trai một công chúa Đức, và sau thời gian thương lượng ông đã chọn Công chúa Charlotte của Wolfenbüttel. Gia đình cô này có mối quan hệ tốt, riêng chị Elizabeth của cô cưới Đại công tước Karl của Áo, lúc ấy có tư cách lên ngôi vua Tây Ban Nha nhưng sau cùng trở thành Hoàng đế Áo. Charlotte 16 tuổi, có vóc người cao, tính tình hiền hòa, được dạy dỗ theo những phong cách và truyền thống Tây Âu. Đấy là điều Pyotr muốn tìm cho con trai mình. Ông hy vọng khi đặt Aleksei trong mối quan hệ thân cận với một công chúa phong nhã, ông có thể gột rửa chất thô thiển do Aleksei chịu ảnh hưởng từ những người Nga quanh anh.

Hôn lễ phải hoãn lại chờ Pyotr thu xếp thời giờ để chủ trì. Trong khi ấy, Aleksei tiếp tục việc học hành ở Dresden, theo phương cách Tây Âu như Pyotr mong muốn. Anh học khiêu vũ, đánh kiếm, hội họa, cùng tiếng Đức và Pháp. Anh mua sách ở những hiệu bán sách cũ, và cũng mua một số hàng chạm trổ và huy chương cũ để mang về Nga. Tuy nhiên, Sa hoàng hẳn sẽ không vui nếu biết được đứa con trai đang bỏ nhiều thời giờ đọc những

sách về lịch sử giáo hội, các mối tương quan giữa vương quyền và giáo quyền, và lịch sử những tranh cãi giữa giáo hội và triều đình.

Mùa đông 1710, Aleksei đi đến Dresden rồi gặp gỡ Charlotte ở Karlsbad. Hai người đều hiểu mục đích của cuộc gặp gỡ, nên không cảm thấy xung khắc nhau. Aleksei sẵn lòng làm theo ý của Pyotr, còn Charlotte cũng thấy mến Hoàng Thái tử nước Nga.

Hôn lễ giữa Aleksei và Charlotte được cử hành ngày 14/10/1711. Bốn ngày sau Aleksei nhận lệnh đi đến Thorn để tham gia chiến dịch đánh Thụy Điển ở Pomerania, và 6 tuần sau, Charlotte đi theo.

Trong 6 tháng đầu, Aleksei sống tận tình với vợ, và Charlotte cho mọi người biết là cô hạnh phúc. Nhưng cuộc sống trong hoàng gia có nhiều bất trắc. Khi Menshikov đến thăm họ vào tháng 4, ông bị sốc khi thấy hai người trong cảnh nghèo khó. Ông vội biên thư báo cho Pyotr rằng Charlotte khóc lóc vì chuyện tiền bạc, và ông đã xuất quỹ quân đội cho hai người mượn 5.000 rúp. Cũng giống nhiều người vợ trẻ, Charlotte lo lắng cho mối quan hệ giữa hai cha con Pyotr. Một lần, với hy vọng được giúp đỡ, cô biên thư cho Ekaterina nhờ bà che chở và ủng hộ Aleksei khi nói chuyện với Pyotr.

Tháng 10/1712, một năm sau khi kết hôn với phần lớn thời gian Aleksei đi vắng vì tham gia công tác quân sự, thình lình Pyotr ra lệnh cho Charlotte đi đến sống ở Sankt-Peterburg trong khi chờ Aleksei trở về. Cô gái 17 tuổi đã nghe nhiều chuyện đáng sợ về nước Nga, nên không muốn đi Nga mà không có chồng đi theo để giới thiệu và bảo vệ cô. Vì thế cô bỏ trốn về quê nhà Wolfenbüttel.

Aleksei không có phản ứng gì, nhưng Pyotr không bỏ qua. Ông viết thư chỉ trích thái độ của con dâu, rồi tìm cách dàn hòa. Charlotte xin ông tha thứ. Ông đến thăm cô, chấp nhận tha thứ, rồi cho cô một số tiền. Cô bằng lòng đi Sankt-Peterburg.

Charlotte đi đến Sankt-Peterburg vào mùa xuân 1713, và Aleksei trở về vào cuối mùa thu năm ấy. Đôi vợ chồng lúc đầu vẫn hòa thuận với nhau, rồi chẳng bao lâu có vấn đề. Aleksei lại sa vào tật nghiện rượu và đối xử tệ hại với vợ trước mặt thị thần. Có lúc Aleksei dàn hòa, nhưng rồi chứng nào tật nấy.

Sau một buổi uống rượu phóng túng, Aleksei ngã bệnh. Bác sĩ chẩn đoán anh bị bệnh lao và khuyên anh đi điều trị ở Karlsbad. Charlotte lúc này đã có thai được 8 tháng, và chỉ biết được tin khi Aleksei giã từ trước lúc lên đường. Trong 6 tháng Aleksei đi khỏi, cô không nhận được tin tức của anh - thậm chí một lá thư cũng không có. Ngày 12/7/1714, cô sinh hạ một con gái, đặt tên là Natalia, nhưng Aleksei không có phản ứng gì về tin này.

Giữa tháng 12/1714, Aleksei trở về Sankt-Peterburg. Lúc đầu, anh đối xử ôn hòa với cô và lấy làm vui với đứa bé. Sau đấy, Charlotte than phiền là anh trở lại con người như trước và cô ít được thấy anh. Lý do là Afrosina, một cô gái Phần Lan bị bắt trong chiến tranh và bị sung làm gia nhân trong nhà người thầy của Aleksei, Viazemsky. Aleksei say mê cô này và công nhiên mang cô về làm nhân tình.

Aleksei đối xử với Charlotte ngày càng tệ hại. Anh không còn để ý gì đến cô, luôn trốn lánh cô, tuy cùng chung một nhà nhưng ngụ trong gian phòng cánh phải với Afrosina, còn Charlotte và đứa con ở trong gian phòng cánh trái. Anh chỉ đến với vợ một lần mỗi tuần, ngủ với cô để mong có một

đứa con trai hầu đảm bảo có người kế vị ngai vàng của anh. Anh không chu cấp tiến bạc cho vợ, và để ngôi nhà trong tình trạng tồi tàn khiến cho nước mưa dột vào phòng ngủ của Charlotte. Khi Pyotr hay tin, ông nổi giận và khinh bỉ, trách mắng người con vì đã bỏ bê vợ con. Aleksei cho rằng Charlotte đã nói xấu anh với người cha (tuy không đúng), và quan hệ giữa hai vợ chồng càng xấu thêm. Trong suốt thời gian này, Charlotte âm thầm chịu đựng và than khóc, không có ai thân thiết bên cạnh ngoại trừ một thị nữ người Đức.

Theo thời gian, sức khỏe của Aleksei ngày càng đi xuống. Hầu như lúc nào anh cũng say xin. Tuy vậy, vẫn có vài thời khắc hạnh phúc. Aleksei yêu mến đứa con gái, và mọi dấu hiệu ngọt ngào với đứa con đều làm ấm lòng người vợ. Ngày 12/10/1715, nỗ lực của Aleksei đối với Charlotte có kết quả: một bé trai ra đời, đặt tên là Pyotr (theo tên ông nội). Nhưng việc sinh đẻ này là nhiệm vụ cuối cùng mà công nương gốc người Đức bất hạnh thực hiện cho nước Nga và người chồng. Đau yếu vì mang thai và buồn khổ, cô đã ngã bệnh trước khi sinh hạ đứa bé.

Bốn ngày sau, cô lên cơn sốt. Biết rằng mình sẽ qua đời, cô xin được gặp Sa hoàng. Ekaterina không thể đến, nhưng tuy đang bệnh Pyotr đến với cô trên một xe đẩy. Cô tiếp đón ông với đầy cảm xúc và xin ông chăm sóc cho hai cháu nội của ông. Rồi cô trìu mến ôm hai con và giao chúng cho ông. Pyotr ôm lấy hai đứa trẻ và dẫn chúng về phòng ông. Cô qua đời ngày 21/10 ở tuổi 21, sau một cuộc hôn nhân bất hạnh kéo dài bốn năm rưỡi.

Charlotte không được thương tiếc lâu. Một ngày sau tang lễ của cô, Hoàng hậu Ekaterina sinh một trai. Vì thế trong vòng một tuần, Pyotr có thêm hai người có thể kế vị ngai vàng: cháu nội Pyotr Alekseyevich, và con trai Pyotr Petrovich. Với sự ra đời của đứa con trai nhỏ, niềm vui của Pyotr

lập tức trấn áp nỗi thương tiếc đối với sự mất mát người con dâu. Ngày 6/11, đứa con trai nhỏ của Pyotr được làm phép rửa tội, tiếp theo là tiệc chiêu đãi và bắn pháo bông.

Trong không khí vui mừng, không ai nhớ đến cái chết của Công nương Charlotte và sự ra đời của đứa con trai. Nhưng về sau, hương hồn của công nương người Đức sẽ cảm thấy an ủi. Đứa con trai được yêu mến hết mực - Pyotr Petrovich của Hoàng hậu Ekaterina - chỉ sống được ba năm rưỡi[169], trong khi đứa con Pyotr Alekseyevich của Công nương Charlotte sẽ là Hoàng đế Pyotr II của nước Nga.

169. Vào tháng 4/1719, chỉ sau vai ngày tiễn đưa linh cữu Sheremetyev đến Tu viện Nevsky, Pyotr lại tiễn đưa linh cữu con trai Pyotr Petrovich đến cùng tu viện. (ND)

52 TỐI HẬU THƯ CỦA NGƯỜI CHA

Mùa thu 1715, khi đứa con trai sinh ra và người vợ qua đời, Hoàng Thái tử Aleksei được 25 tuổi, cao 1,83 mét, thấp hơn Pyotr cao 2 mét. Peter Bruce, một người nước ngoài phục vụ triều đình Nga, mô tả Aleksei trong những năm này là người "ăn mặc rất cẩu thả, cao lớn, mạnh khỏe, có nước da nâu, tóc và mắt đen, khuôn mặt nghiêm nghị và giọng nói to." Đôi mắt anh thường nhấp nháy lộ vẻ lo lắng và sợ hãi.

Hai cha con hoàn toàn khác biệt nhau. Aleksei thông minh, thích đọc sách, luôn suy nghĩ về những đề tài thần học và có khiếu về ngoại ngữ. Bản tính lười biếng trong hoạt động thể chất, anh ưa chuộng cuộc đời tĩnh lặng, không thích tiếp xúc với thế giới bên ngoài và không muốn đem sở học vào mục đích thực dụng. Tất cả điều này đều trái ngược với tố chất và việc đào tạo của Pyotr. Trong khi Aleksei đang nghiền ngẫm sách vở thì Pyotr huấn luyện binh sĩ, đóng tàu và bắn pháo bông.

Hơn nữa, Aleksei hoàn toàn thiếu năng lượng sôi nổi, óc hiếu kỳ cháy bỏng và động lực như Pyotr. Đứa con trai dường như thuộc về một thế hệ xưa cũ hơn người cha. Nếu là hậu duệ của một Sa hoàng khác - như ông nội Aleksei hoặc người bác Fyodor - tố chất của Aleksei có thể thích hợp hơn

và cuộc đời của anh sẽ theo chiều hướng khác. Thay vào đấy, anh hoàn toàn không phù hợp trong vai trò con trai - và người kế vị - của Pyotr Đại đế.

Những xung khắc giữa hai cha con chỉ là ngấm ngầm, vì Aleksei chưa bao giờ công khai cất tiếng chống lại Sa hoàng. Tuy thế, những xung khắc này luôn tồn tại, và cả hai đều nhận ra điều đó. Lúc nhỏ, Aleksei đã cố gắng làm vui lòng Pyotr, nhưng mặc cảm tự ti khiến cho anh không đạt kết quả. Pyotr càng phiền trách thì anh càng thêm yếu kém, càng thêm oán giận và e sợ cha, đại thần của cha và lối sống của cha. Anh rút lui và lẩn tránh, và khi Pyotr càng nổi giận, Aleksei càng trầm lặng và hãi sợ thêm. Dường như không có cách nào hóa giải tình hình này.

Để trấn áp nỗi sợ hãi và che giấu sự yếu kém, Aleksei uống rượu nhiều thêm. Để lẩn tránh những trách nhiệm mà anh biết mình không thể chu toàn, anh viện cớ bị bệnh. Khi Aleksei trở về năm 1713 sau một năm học hành ở Dresden, Pyotr hỏi anh đã học được những gì về môn hình học và xây pháo đài. Câu hỏi khiến cho Aleksei kinh hãi: anh sợ người cha sẽ bắt anh vẽ một sơ đồ trước mặt ông mà anh không vẽ được. Aleksei lấy súng bắn vào tay định tự gây thương tích, nhưng bắn không trúng, tay chi bị cháy sém vì thuốc súng. Khi Pyotr hỏi han, Aleksei cho biết là do tai nạn.

Đấy không phải là trường hợp duy nhất. Không màng đến kỹ thuật quân sự hoặc môn xây dựng, đóng tàu, bất kỳ dự án hoặc sự cải tổ nào của Pyotr, đôi lúc Aleksei dùng dược phẩm sai lạc để ngã bệnh, do đấy viện cớ không thể đến gặp cha hoặc hoàn tất công việc ông giao. Càng hãi sợ người cha, Aleksei càng không đủ can đảm đối diện với ông. Có lần, khi được yêu cầu hiện diện trong một lễ hạ thủy một con tàu, anh nói với một người bạn: “Tôi thà làm nô lệ chèo thuyền galê hoặc bị cơn sốt nặng còn hơn là bị bắt buộc đi ra đấy.” Với người khác, anh nói: “Tôi không phải là người ngu dốt,

nhưng tôi không thể làm việc.” Còn mẹ vợ anh, Nữ Quận công Xứ Wolfenbüttel, nói: “Không ích gì mà cha anh ấy bắt anh ấy tham gia vào các sự vụ quân đội, vì anh ấy muốn cầm trong tay mình chuỗi tràng hạt thay vì khẩu súng lục.”

Khi Aleksei càng khiếp sợ người cha, anh càng không muốn giáp mặt ông. Anh đã thú thật với Ignatiev, giáo sĩ rửa tội của anh, rằng anh thường mong muốn cha mình chết. Ignatiev trả lời: “Chúa sẽ tha thứ cho anh. Tất cả chúng ta đều mong cho ông ấy chết bởi vì người dân đang phải chịu đựng một gánh nặng.”

Dù Aleksei muốn hay không, điều không thể tránh khỏi là anh trở thành tâm điểm cho phe chống đối Pyotr. Những người không đồng ý với sách lược của Pyotr đều quy tụ quanh anh để nuôi hy vọng cho tương lai. Giới tăng lữ cầu nguyện anh khi lên làm Sa hoàng sẽ phục hồi giáo hội trở lại thời huy hoàng ngày xưa. Dân chúng tín tưởng anh sẽ bớt huy động nhân công, bớt bắt đi làm nghĩa vụ quân sự và thu thuế. Giới quý tộc xưa cũ hy vọng anh sẽ phục hồi họ và sa thải những đại thần gốc dân thường như Menshikov và Shatirov. Ngay cả những đại thần gốc quý tộc được Pyotr tin tưởng cũng tỏ ra đồng cảm với Hoàng Thái tử. Các gia tộc Golitsyn và Dolgorukov, Hoàng

thân Boris Kurakin va thậm chí Nguyên soái Boris Sheremetyev cũng nằm trong số này. Hoàng thân Thượng Nghị sĩ Yakov Dolgorukov cảnh báo với Aleksei: “Đừng nói gì nữa, họ đang theo dõi chúng ta.” Còn Hoàng thân Vasily Vladimirovich Dolgorukov thì bảo Aleksei: “Cha anh là người khôn ngoan nhưng lại không thấu hiểu lòng người. Anh sẽ hiểu lòng người tốt hơn.”

Tuy có tâm tư đối kháng với Sa hoàng, nhưng không có âm mưu phản loạn nào. Sách lược của phe ủng hộ Aleksei chỉ là chờ đợi cho đến ngày anh lên làm Sa hoàng, và họ nghĩ ngày này không xa - xét qua sức khỏe của Pyotr. Một trong những cố vấn thân cận nhất của Aleksei là Aleksandr Kikin (cũng là cận thần mới của Pyotr, tham gia Đại Phái bộ Sứ thần và sau đấy được cất nhắc đứng đầu Bộ Hải quân) đã bí mật khuyên Aleksei nên lánh mặt ở nước ngoài một thời gian đề tránh đối đầu trực tiếp với người cha. Kikin đã tham mưu cho Aleksei:

> Sau khi chữa bệnh ở Karlsbad, hãy biên thư cho cha anh nói rằng vào mùa xuân anh sẽ phải dùng thêm thuốc men, nên trong lúc này anh có thể đi Hà Lan rồi sau khi chữa bệnh vào mùa xuân thì đi Ý. Theo cách này, anh có thể vắng mặt trong hai hoặc ba năm.

Riêng về Pyotr, tình cảm của ông đối với con trai là pha trộn giữa thất vọng và tức giận. Một phần là do lỗi ở ông. Lúc đầu ông đã bỏ bê đứa trẻ, vì lúc ấy nó là con của Evdokia và ông chỉ là một thanh niên trẻ. Khi đứa trẻ lớn dần và lộ ra nhược điểm, Pyotr cố gắng sửa sai anh một cách cứng rắn thay vì uốn nắn một cách mềm mỏng. Qua sự đỡ đầu của Menshikov, qua thư từ và ngôn từ dẫn dụ, qua công việc giao cho làm, Pyotr luôn muốn truyền đạt cho con trai ý thức về nghĩa vụ đối với đất nước và tham gia cùng ông trong những nỗ lực cải tổ nước Nga. Ông hy vọng thay đổi được đứa con qua việc cho đi học ở Đức, cưới cho một cô vợ người Đức. Nhưng khi đứa con trở về và ông sát hạch, kết quả là Hoàng Thái tử tìm cách tự gây thương tích cho mình.

Hơn nữa, Pyotr thấy đứa con chối bỏ tất cả trách nhiệm của người kế vị ngai vàng, chỉ muốn rút lui và ngoảnh mặt lại mọi thách thức. Thay vì tiếp nhận vai trò của mình trong nỗ lực của vua cha, Aleksei lại tụ hội quanh mình một nhóm người chống đối bất kỳ việc gì Sa hoàng đang theo đuổi. Pyotr không màng việc người con uống rượu hoặc có cô hầu người Phần Lan là nhân tình - những thói xấu mà chính người cha cũng mắc phải. Điều mà Sa hoàng không chấp nhận là đứa con luôn chối bỏ những nhiệm vụ của một Hoàng Thái tử. Sa hoàng sẵn sàng thứ tội cho người cố gắng chấp hành mệnh lệnh của mình, nhưng dễ nổi giận khi thấy mình bị chống đối. Liệu ông có thể làm cách nào khác khi Hoàng Thái tử ở tuổi 25 không xứng đáng là gương mẫu cho những ý niệm của Sa hoàng về nhiệm vụ, từ chối tham gia vào sự nghiệp của ông?

Trong mùa đông 1715-1716, Pyotr quyết định phải chấn chỉnh tình trạng này: con người ù lì, biếng nhác và sợ hãi, không quan tâm đến những sự vụ quân đội, tàu thuyền và biển cả, không màng đến công cuộc cải tổ và xây dựng dựa trên nền móng của vua cha, phải thay đổi lập tức và quyết liệt Điều mà Pyotr đòi hỏi là một nhân cách hoàn toàn mới. Không may cho ông, thời gian cho việc như thế đã qua đi: giống như người cha, cá tính của đứa con trai đã bị đóng khung vĩnh viễn.

Đúng ngày cử hành tang lễ của Công nương Charlotte, Hoàng thái tử nhận được một lá thư Pyotr đã viết 16 ngày trước, trước khi Công nương qua đời, trước khi hai hoàng tử sinh ra[170]. Lá thư này cho thấy những kỳ vọng mà Pyotr đặt nơi Aleksei, lòng thiết tha muốn thấy Aleksei gánh vác trọng trách, và nỗi thất vọng ngày càng cao khi thấy Aleksei không có năng lực hoặc không muốn gánh vác.

Tuyên ngôn đối với Con trai của ta:

Con không thể làm ngơ đối với những gì đang xảy ra trên thế giới, đối với lời than khóc của dân ta dưới ách thống trị của Thụy Điển trước khi cuộc chiến hiện tại xảy ra.

Qua việc chiếm đoạt nhiều lãnh thổ hàng hải thiết yếu cho đất nước ta, họ đã tách rời nền thương mại của ta khỏi phần còn lại của thế giới… Con biết chúng ta đã bị tổn hại như thế nào trong thời gian cuộc chiến bắt đầu[171] - mà qua đấy Thượng Đế đã dẫn dắt cho chúng ta và vẫn còn dân dắt tiếp để chúng ta có thêm kinh nghiệm trong kỹ năng chiến tranh và chặn đứng những mối lợi mà kẻ thù vô tâm đã chiếm đoạt từ tay chúng ta.

Chúng ta chấp nhận sự định đoạt của Thượng Đế, tin chắc rằng chính Người sẽ đưa chúng ta vào sự thử thách cho đến khi Người dẫn dắt chúng ta vào con đường đúng đắn và chúng ta sẽ tỏ ra mình đã không uổng công khi thấy chính kẻ địch vốn ban đầu đã khiến cho ta run sợ thì bây giờ trước mặt chúng ta đến phiên họ run sợ hơn. Đấy là những thành quả nhờ vào trước hết sự phù hộ của Thượng Đế và kế đến lao động trung thành và có tình nghĩa của con em chúng ta, những thần dân Nga của chúng ta.

… Nhưng vào lúc ta đang nhìn lại sự cường thịnh mà Thượng Đế đã mang đến cho đất nước ta, nếu xét qua hậu sự, tim ta càng thêm đau khổ đối với những gì sẽ diễn ra, khi thấy con trai ta bằng mọi cách chối từ có năng lực để trị vì tốt khi kế vị ta. Ta nói sự kém năng lực của con là cố tình vì con không thể viện cớ thiếu tố chất tự nhiên và sức mạnh thể chất, như thể Thượng Đế đã không ban cho con hai điều kiện này; và dù cho thể chất của con không phải là mạnh nhất, không thể nói rằng thể chất này là yếu.

Nhưng con sẽ không phải nghe ta đề cập nhiều đến sự vụ chiến tranh, cho dù qua sự vụ này chúng ta đã thoát ra khỏi bóng tối, và chúng ta đã được biết đến ở những nước hiện đang quý trọng chúng ta.

Ta không cổ vũ con gây chiến tranh mà không có lý do đúng phép tắc; ta chỉ muốn con học hỏi kỹ năng chiến tranh. Không thể nào trị vì tốt mà không biết đến những quy luật và kỹ năng chiến tranh, để phục vụ mục đích duy nhất là bảo vệ đất nước.

Ta có thể đặt trước mắt con nhiều tình huống mà ta muốn con học hỏi. Ta chỉ muốn đề cập đến người Hy Lạp [Đế quốc Byzantine, với thủ đô Constantinople rơi vào tay người Thổ năm 1453], mà chúng ta chia sẻ cùng đức tin. Điều gì đã mang đến sự suy tàn của họ nếu không là chểnh mảng về vũ khí? Sự nhàn rỗi và ngơi nghỉ đã làm cho họ suy yếu, khiến họ bị kẻ chuyên chế khuất phục và họ lâm vào chế độ nô lệ. Con đã sai lầm khi nghĩ rằng một quân vương chỉ cần có tướng lĩnh giỏi để thi hành mệnh lệnh. Mọi người đều nhìn đến nhà lãnh đạo; họ tìm hiểu những xu hướng của ông và ngả theo những xu hướng này. Cả thế gian đều biết điều này. Người anh của ta [Fyodor] dưới triều đại của ông yêu thích vẻ lộng lẫy trong quân phục cho binh sĩ và trang bị cho ngựa. Quốc gia không đi quá xa theo chú tâm này, nhưng yêu thích của quân vương chẳng bao lâu lan rộng thành yêu thích của thần dân, vì họ thường noi theo gương ông mà yêu hoặc ghét.

… Con không chú tâm học hỏi kỹ năng chiến tranh, con không tham gia lĩnh vực này, và vì thế con sẽ không bao giờ học hỏi được. Và làm thế nào con sẽ chỉ huy những người khác, suy xét tưởng thưởng người làm tròn nhiệm vụ, hoặc trừng phạt người gây thất bại?…

Con nói rằng tình trạng sức khỏe yếu đuối không cho phép con chịu khổ nhọc của chiến tranh. Đấy là lời ngụy biện tệ hại như những ngụy biện khác. Ta không mong con chịu khổ nhọc; ta chỉ đòi hỏi ý chí mà thậm chí bệnh tật không thể ngăn cản. Hãy hỏi qua những người còn nhớ về người anh của ta. Ông ấy có thể chất còn yếu đuối hơn con nhiều. Ông ấy không thể cưỡi ngựa, hầu như không thể leo lên mình ngựa. Nhưng ông ấy yêu ngựa, vì thế trước đấy và sau này đoàn ngựa của ông ấy vẫn là tốt nhất.

Qua đấy con thấy rằng thành công không hẳn tùy thuộc vào khổ nhọc, mà vào ý chí.

Nếu con nghĩ có vài quân vương đã trị vì thành công mà chính họ không phải ra trận, điều này là đúng. Nhưng tuy họ không tham dự chiến tranh, họ có ý chí về chiến tranh và thông hiểu chiến tranh. Lấy ví dụ, Hoàng đế Louis XIV của Pháp không phải lúc nào cũng ra trận, nhưng ông thích chiến tranh và hành động tích cực để hỗ trợ nỗ lực chiến tranh, khiến cho những chiến dịch quân sự của ông được thế giới xem là khuôn mẫu. Ông chú tâm không chỉ đến chiến tranh, mà còn đến cơ khí, sản xuất và những lĩnh vực khác, khiến cho đế quốc của ông càng phát triển hơn bao giờ.

Sau những lời quở trách trên, ta muốn trở lại với vấn đề ban đầu có liên quan đến con.

Ta chỉ là con người, vì thế ngày nào đấy sẽ chết. Ta sẽ để lại cho ai hoàn tất những gì ta làm dở dang? Phải chăng để lại cho người chỉ lo che giấu tài năng của họ - người không muốn khai thác theo cách tốt nhất năng lực mà Thượng Đế đã ban cho?

Hãy nhớ đến sự bướng bỉnh và những tính xấu mà vì đấy ta đã từng quở trách con bao lần và vì đấy trong nhiều năm ta đã không nói chuyện với con… Con đã không nỗ lực gì cả, tất cả nguồn vui thú của con dường như chỉ là ru rú trong nhà mà biếng nhác. Những việc mà đáng lẽ con phải lấy làm xấu hổ, thì con lại lấy làm vui thú và không nhận ra hậu quả nguy hiểm. Thánh Pavel đã để lại cho chúng ta một sự thật sâu sắc khi viết: "Nếu một người không biết cái quản căn nhà của mình như thế nào, làm sao ông cố thể chăm sóc nhà thờ của Thượng Đế?"

…Ta thấy cần phải cho con rõ hành động cuối cùng của ta: chờ đợi thêm một thời gian để xem con có sửa đổi hay không. Nếu không, ta sẽ tước quyền kế vị ngai vàng của con, như người ta cắt đi một cánh tay vô dụng.

Đừng tưởng tượng rằng, vì ta chỉ có con là người con duy nhất, ta viết thế chỉ để khủng bố tinh thần con. Chắc chắn ta sẽ thực hiện điều này nếu làm Thượng Đế được vui; vì trong khi ta không tiếc mạng sống của ta cho đất nước và nhân dân, tại sao ta lại tiếc con là người đã không tự thể hiện mình xứng đáng cho cả đất nước và nhân dân?

Pyotr

Phản ứng của Aleksei với lá thư này trái ngược với ước vọng của người cha. Anh vội tham khảo ý kiến những người thân cận của mình. Kikin khuyên anh từ bỏ quyền kế vị ngai vàng vì lý do sức khỏe.

Sau cùng anh có thể được thảnh thơi nếu anh lánh xa mọi việc. Tôi biết nếu không làm thế, với bản chất yếu đuối anh không thể trụ vững. Nhưng điều lấy làm tiếc là anh đã không lánh đi khi đang ở Đức.

Viazemsky, thầy dạy học đầu tiên của Aleksei, đồng ý rằng anh nên tuyên bố mình không đủ khả năng nhận lãnh gánh nặng mà ngồi trên ngai vàng. Aleksei cũng bàn bạc với Hoàng thân Yurievich Trubetskoy, và ông này bảo anh: "Anh không kế vị thì tốt hơn. Anh không thích hợp trong cương vị đó."

Rồi Hoàng Thái tử khẩn cầu Hoàng thân Vasily Vladimirovich Dolgorukov thuyết phục Sa hoàng cho anh từ chối ngôi vị một cách êm thấm và sống cuộc đời còn lại ở vùng quê. Dolgorukov hứa sẽ nói chuyện với Pyotr.

Ba ngày sau khi nhận lá thư, Aleksei viết trả lời.

Vị Quân vương và Cha nhân từ nhất:

> … Tôi không có gì trả lời, ngoại trừ rằng nếu Hoàng thượng có lệnh truất quyền kế vị ngai vàng nước Nga vì lý do tôi thiếu năng lực, lệnh này sẽ được thi hành. Tôi còn muốn khẩn cầu Ngài như thế vì tôi nghĩ bản thân mình không thích hợp để trị vì. Trí nhớ của tôi rất kém, trong khi cần thiết có trí nhớ tốt cho các sự vụ. Sức lực tinh thần và thể chất của tôi bị hao tổn nhiều vì bệnh tật khiến cho tôi thiếu khả năng để trị vì nhiều lãnh thổ như thế. Việc này cần đến một người khỏe mạnh hơn tôi.
>
> Vì thế, tôi không tha thiết cầu xin Ngài cho tôi kế vị ngai vàng nước Nga, ngay cả nếu tôi không có em trai… Tôi cũng sẽ không giả vờ sẽ được kế vị trong tương lai, và tôi xin Thượng Đế chứng giám cho lòng này, khi chính tay tôi viết và ký tên bức thư này.
>
> Tôi giao phó các con tôi cho Ngài, và về phần tôi, tôi không mong ước gì từ Ngài ngoại trừ cuộc sống đơn giản nhất cho tôi, và để lại tất cả

cho sự xem xét và phán quyết của Ngài.

Người bề tôi và con trai hèn mọn nhất của Ngài,

Aleksei

Sau khi Pyotr đọc lá thư và nghe Hoàng thân Vasily Vladimirovich Dolgorukov truyền đạt ý kiến của Aleksei, có vẻ như ông đồng ý. Dolgorukov nói với Aleksei:

> Tôi tin rằng ông ấy sẽ tước quyền kế vị của Ngài, và dường như ông ấy bằng lòng với bức thư của Ngài.

Thật ra, Pyotr không hề hài lòng. Lời đe dọa của ông đối với Hoàng Thái tử đã tạo nên phản ứng trái ngược với ý muốn của ông, và xem ra thư trả lời của Aleksei quá nhanh nhảu, quá bao quát. Làm thế nào một con người nghiêm túc lại bỏ qua ngai vàng một cách dễ dàng như thế? Liệu việc chối bỏ có chân thành không? Và nếu là chân thành, làm thế nào người kế vị một ngai vàng vĩ đại có thể chỉ việc rút lui mà về sống nơi thôn dã? Khi sống như một nông dân hoặc một trại chủ, liệu anh - dù cho không chủ định - có trở thành trung tâm điểm của các thành phần chống đối hay không?

Trong một tháng, Pyotr suy nghĩ về các câu hỏi trên nhưng không làm gì. Rồi định mệnh can dự vào và gần như xếp đặt cho tất cả. Sau một buổi uống rượu, Sa hoàng lên cơn co giật mạnh và ngã bệnh nặng. Trong hai ngày hai đêm, các bộ trưởng và Thượng Nghị sĩ túc trực trong một gian phòng kế bên phòng ngủ của ông. Đến ngày 02/12, bệnh tình ông trở nên trầm trọng đến nỗi phải làm Phép thánh Cuối cùng. Rồi Pyotr cố tự vực dậy và thuyên giảm dần dần. Ông tiếp tục tĩnh dưỡng trong ba tuần rồi cuối

cùng có thể đi lễ nhà thờ vào ngày Giáng sinh, lúc ấy người ta thây ông rất gầy và xanh xao. Trong suốt thời gian ông ngã bệnh, Aleksei giữ im lặng và đến thăm ông chỉ một lần. Có lẽ đấy là do Kikin đã góp ý cho Aleksei: Sa hoàng giả vờ bệnh hoặc thổi phồng cơn bệnh để xem mọi người xung quanh - nhất là Aleksei - có động thái ra sao.

Khi đang dần dần bình phục, Pyotr tính toán bước đi kế tiếp. Tuy Aleksei đã thề rằng anh không thiết tha việc kế vị, Pyotr vẫn e ngại ảnh hưởng của các thế lực khác, nhất là giới tăng lữ. Hơn nữa, Pyotr vẫn còn muốn con trai đảm nhiệm vai trò hoàn chỉnh là người kế vị. Vì thế ông quyết định: Aleksei hoặc tham gia với ông trong việc trị vì, hoặc từ chối cả thế gian bằng cách sống trong tu viện. Ngày 19/1/1716, Hoàng Thái tử nhận lá thư thứ hai.

> … Con đã không nói đến điều gì trong bức thư trả lời ngoại trừ việc kế vị, như thể ta cần có con ưng thuận việc này, trong khi chỉ có mình ta toàn quyền quyết định. Nhưng câu trả lời những điều ta đề cập là ở đâu: sự thiếu năng lực mà con cố ý tạo ra và việc thiếu quan tâm đến sự vụ đất nước, mà chỉ nhấn mạnh đến việc kém sức khỏe? Ta đã nói với con về nỗi bất như ý của ta đối với cung cách của con trong bao năm nay, và con không trả lời điều này. Từ đấy, ta phán xử rằng những lời kêu gọi của một người cha đối với đứa con không tạo ảnh hưởng gì cả. Vì thế, ta quyết định viết một lần nữa trong thư này, là lá thư cuối cùng. Nếu con khước từ lời khuyên ta cho con khi ta còn sống, làm thế nào con sẽ thấy giá trị của lời khuyên này sau khi ta chết?
>
> Liệu con có thể giữ lời thề của con hay không khi người ta thấy con có trái tim vô cảm? Vua David đã nói: “Mọi người đều nói dối.” Nhưng

giả sử bây giờ con có ý định làm theo lời cam kết, những người còn mang bộ râu kia[172] có thể xoay chuyển con theo ý họ muốn và khiến cho con phá bỏ lời cam kết.

Bởi vì bây giờ do tinh thần bại hoại và biếng nhác mà họ không có địa vị, họ hy vọng rằng một ngày nào đó sẽ được con nâng đỡ vì con đã nghiêng về phía họ.

Ta thấy con không nhận thức được những nghĩa vụ đối với cha của con, đối với cuộc sống của con. Từ lúc con trưởng thành, có khi nào con hỗ trợ cha trong những công tác và khốn khó của cha hay không? Chắc chắn là không có gì, cả thế gian đều biết điều này. Ngược lại, con còn kết án và ghét bỏ tất cả thành quả mà ta đã thực hiện bất chấp hiểm nguy cho sức khỏe nhằm phục vụ thần dân. Và ta có mọi lý do để tin rằng con sẽ là người phá hoại những thành quả này, nếu con sống lâu hơn ta. Do đó, ta không thể để cho con sống theo cách con mong muốn… Vì thế, con phải thay đổi cung cách, hoặc cố gắng chứng tỏ con xứng đáng với việc kế vị, hoặc làm tu sĩ. Ta không thể dễ dãi cho con, nhất là bây giờ sức khỏe của ta đang suy yếu. Vì thế sau khi đọc thư này, hãy trả lời. Nếu con không trả lời, ta sẽ xem con như là tội đồ.

Pyotr

Tối hậu thư này đến với Hoàng Thái tử như tiếng sấm: Hoặc sửa đổi thành một người con trai của Pyotr, hoặc đi tu! Aleksei không thể làm việc thứ nhất; anh đã cố gắng và đã thất bại. Nhưng sẽ trở thành tu sĩ? Điều này có nghĩa là từ bỏ mọi thứ trên thế gian, kể cả người tình Afrosina chen vào với lời khuyên yếm thế:

Hãy chấp nhận làm tu sĩ như cha anh ra lệnh. Nên nhớ rằng họ không thể đóng đinh chiếc mũ lên đầu anh. Lúc nào người ta cũng có thể thoát ra và ném nó đi.[173]

Aleksei hăm hở chấp nhận giải pháp này, viết trả lời:

Vị Quân vương và Cha nhân từ nhất:

… Tôi không được khỏe nên không thể viết nhiều. Tôi sẽ chấp nhận cuộc sống trong tu viện và mong cha chấp thuận việc này.

Bề tôi và đứa con không xứng đáng của ngài,

Aleksei

Một lần nữa, Pyotr thất vọng vì Aleksei nhanh nhảu cam chịu tất cả. Mặt khác, Sa hoàng đang chuẩn bị cho chuyến đi Tây Âu dài ngày[174], và thời gian còn lại quá ngắn nên không thể giải quyết vấn đề quan trọng và phức tạp như thế này. Hai ngày trước chuyến đi, Pyotr đến thăm Aleksei ở ngôi nhà dành cho Hoàng Thái tử, và thấy đứa con trai đang run rẩy trên giường. Một lần nữa, Pyotr hỏi Aleksei anh chọn lựa cách nào. Aleksei thề với Thượng Đế là anh muốn trở thành tu sĩ. Nhưng khi nghe nói thế, Pyotr thối lui, cho rằng có lẽ tối hậu thư của mình quá khắt khe và ông nên cho người con thêm thời gian để suy nghĩ. Ông nhẹ nhàng nói:

Một thanh niên mà trở thành tu sĩ thì sẽ không dễ dàng. Con hãy suy nghĩ thêm. Đừng vội. Rồi biên thư cho cha nói con quyết định ra sao. Đi theo con đường thẳng trước mặt thì tốt hơn là làm tu sĩ. Dù sao, cha sẽ chờ thêm 6 tháng nữa.

Ngay sau khi Pyotr ra khỏi ngôi nhà, Aleksei vui mừng tung mình ra khỏi giường và đi đế một buổi họp mặt.

Sau khi Pyotr rời Sankt-Peterburg để đi Danzig và Tây Âu, Aleksei cảm thấy nhẹ hẳn người - cha anh đã ra đi và cái bóng trùm lên anh đã lùi xa. Anh vẫn là người kế vị ngai vàng và trong 6 tháng không cần phải suy nghĩ chọn lựa gì cả. Trong thời gian này, với người cha bốc đồng như thế hoặc dễ ngã bệnh như thế, chuyện gì vẫn có thể xảy ra.

Sáu tháng có thể qua nhanh khi người ta hoãn lại một chọn lựa bất như ý. Đây là trường hợp của Aleksei vào mùa xuân và mùa hè năm 1716. Khi mùa thu đến, thời hạn 6 tháng của Pyotr đã trôi qua và Hoàng Thái tử vẫn chần chừ. Anh đã viết thư cho người cha, nhưng chỉ đề cập đến sức khỏe và công việc hằng ngày. Đến tháng 10, một lá thư của Pyotr mà Aleksei e sợ được mang đến. Lá thư đề ngày 26/8/1716 ở Copenhagen, nơi những việc chuẩn vị cho chiến địch đánh Scania đã diễn ra tấp nập. Đấy là tối hậu thư như cuối cùng của người cha đối với đứa con trai.

> … Vì thấy con chỉ nói về tình trạng sức khỏe của mình, bây giờ ta nhắc con là khi ta giã từ, ta đã đòi hỏi con xác định việc kế vị… Trong bảy tháng qua ta đã mong chờ con trả lời, và con vẫn không trả lời cho ta một chữ về việc này; vì thế khi nhận thư này con phải chọn lựa một trong hai việc. Nếu con chọn việc kế vị, đừng chần chừ quá một tuần, khi mà con có thể đến kịp lúc để tham gia chiến dịch. Nhưng nếu con chọn việc thứ hai, hãy cho ta biết nơi chốn và ngày giờ con thực hiện ở đâu, để tâm trí ta được yên ổn và để ta biết ta trông mong nơi con như thế nào. Hãy cho ta câu trả lời cuối cùng qua liên lạc viên đã mang thư này đến cho con.

… Ta nhắc lại là ta đòi hỏi con phải quyết định, nếu không ta sẽ xem như con trì hoãn thời gian nhằm hưởng thêm lạc thú.

Pyotr

Cầm lá thư trên tay, rốt cuộc Aleksei đã quyết định. Anh không chọn lựa một trong hai cách thức Pyotr đưa ra, nhưng anh sẽ chạy trốn, đi đến một nơi mà cái bóng cao lớn của người cha không thể phủ đến anh. Chỉ hai tháng trước, khi rời Sankt-Peterburg, Kikin đã nói nhỏ với Hoàng Thái tử rằng "Tôi sẽ tìm một chỗ trú ẩn cho anh". Kikin chưa trở về; Aleksei không biết phải đi đâu, nhưng có một suy nghĩ cháy bỏng: phải chạy trốn khỏi bàn tay sắt của vua cha.

Aleksei hành động một cách nhanh chóng và gian trá. Anh đi đến Sankt-Peterburg, nói với Menshikov là sẽ đĩ gặp vua cha ở Copenhagen và xin Menshikov cấp tiền cho anh. Rồi anh cũng nhận tiền từ những người thân cận, tổng cộng 9.000 rúp. Khi Menshikov hỏi anh sẽ làm gì với Afrosina khi đi vắng, anh trả lời rằng mình sẽ dẫn cô đi theo đến Riga rồi trả cô về Sankt-Peterburg. Menshikov đề nghị: "Anh nên dẫn cô ấy đi theo cả hành trình thì tốt hơn."

Trước khi rời Sankt-Peterburg, Aleksei chỉ thổ lộ ý định thật sự với người hầu Afanasiev. Nhưng dọc đường đi, anh gặp cỗ xe của người dì Maria Alexeevna đang trở về sau chuyến chữa bệnh ở Karlsbad. Aleksei ngồi trong cỗ xe của bà, ban đầu kể rằng anh tuân theo mệnh lệnh của người cha và đang trên đường đi gặp ông. Người dì đáp: "Tốt. Cần phải tuân phục ông ấy." Nhưng rồi Aleksei bật khóc và nói anh muốn tìm nơi ẩn náu. Người dì kinh hãi nói: "Anh đi đâu? Ở nơi nào thì cha anh cũng sẽ tìm ra." Bà khuyên anh nên chịu đựng, hy vọng rằng cuối cùng Thượng Đế sẽ giải

quyết những khó khăn của anh. Trong lúc này, Kikin đang ở tại Libau và có lẽ ông ấy sẽ khuyên anh cách tốt hơn.

Ở Libau, Kikin cho biết Wien có thể là nơi an toàn, vì Hoàng đế Karl VI là anh cọc chèo của Hoàng Thái tử. Aleksei nghe theo lời khuyên này. Anh cải trang làm sĩ quan Nga mang tên giả Kokhansky, ra đi cùng Afrosina giả dạng làm thị thần cùng với ba thị thần khác. Trước khi anh đi, Kikin khuyên:

> Nên nhớ: nếu cha anh phái người đến khuyến dụ anh trở về, đừng nghe theo. Ông ấy sẽ công khai hành quyết anh.

170. Một người là con của Charlotte; người kia là con của Ekaterina. (ND)

171. Pyotr ám chỉ trận đại bại của quân Nga ở Narva năm 1700 - xem Chương 25. (ND)

172. Pyotr đã ra lệnh đàn ông cắt bộ râu mà ông cho là biểu tượng của thói quen xưa cũ, nhưng có nhiều người sẵn lòng trả một khoản thuế để giữ bộ râu. Vì thế, trong ý nghĩ của Pyotr, những người còn mang bộ râu thể hiện ý không muốn cải cách. (ND)

173. Ý nói Aleksei cứ vào tu viện vì có cơ hội vẫn hoàn tục được. (ND)

174. Đây là chuyến đi thứ hai của Pyotr đến Tây Âu - xem Chương 48. (ND)

53 CHUYẾN TRỐN LÁNH CỦA HOÀNG THÁI TỬ

Vào buổi tối 10/11/1716, Bá tước Schönborn, Thứ trưởng Ngoại giao của triều đình Đế quốc La Mã Thần thánh ở Wien, khi chuẩn bị đi ngủ thì nhận tin báo là Hoàng Thái tử nước Nga đến. Trước khi ông kịp thay trang phục để đi ra đón tiếp, Aleksei đã chạy vào. Trong tâm trạng gần như hoảng loạn, anh xin Hoàng đế cứu lấy mạng sống của anh, nói rằng Sa hoàng, Menshikov và Hoàng hậu Ekaterina muốn phế bỏ anh khỏi việc kế vị ngai vàng, đưa anh vào tu viện hoặc thậm chí sẽ giết anh. Aleksei thêm:

> Tôi yếu đuối, nhưng tôi có đủ ý thức để trị vì. Hơn nữa, Thượng Đế chứ không phải con người tạo ra vương quốc và cử người kế vị ngai vàng.

Schönborn chằm chằm nhìn anh trai trẻ bấn loạn đang nhìn ngang dọc như thể anh e có người đuổi theo kịp ngay trong gian phòng. Cất tay ra dấu anh nên giữ bình tĩnh, vị Thứ trưởng Ngoại giao mời anh ngồi. Aleksei vật mình trên chiếc ghế và xin uống bia. Schönborn không có bia, nhưng mời anh một ly rượu vang và rồi, với giọng thân mật và trấn an, hỏi han anh để biết chắc đấy là Hoàng Thái tử nước Nga.

Khi đã biết chắc, Schönborn giải thích với anh Hoàng Thái tử đang khóc rấm rứt rằng không thể đánh thức Hoàng đế lúc này, nhưng sẽ thông báo cho ông ấy sáng hôm sau. Trong lúc này, Hoàng Thái tử nên trở về quán trọ và giấu tung tích trong khi chờ quyết định phải làm gì. Aleksei đồng ý, lại rơi thêm nước mắt ngỏ lời cảm ơn lòng tử tế của ông, rồi ra về.

Việc Aleksei trốn lánh ở Wien khiến cho Hoàng đế Karl VI lâm vào hoàn cảnh khó xử. Dây dưa vào chuyện của hai cha con dễ bị bất trắc. Nếu có phản loạn hoặc nội chiến ở nước Nga, không ai dám chắc phe nào sẽ thắng, và nếu Áo hậu thuẫn cho phe thua, ai có thể nói phe chiến thắng sẽ trả thù như thế nào? Rốt cuộc, triều đình Áo quyết định không chính thức tiếp đón Aleksei hoặc công khai nói về sự hiện diện của anh trên lãnh địa của đế quốc. Mặt khác, không thể bỏ qua lời khẩn cầu của Aleksei đối với người anh cọc chèo. Hoàng Thái tử sẽ tiếp tục giấu tung tích, ẩn náu trong đế quốc cho đến ngày hai cha con dàn hòa với nhau hoặc có biến chuyển mới.

Hai ngày sau[175], trong sự bí mật tuyệt đối Aleksei và tùy tùng (kể cả Afrosina, cải trang làm thanh niên nhưng chưa bị khám phá) được đưa đến lâu đài Ehrenberg ở thung lũng Tyrol để sống trong sự canh phòng cẩn mật. Viên chỉ huy canh phòng không được cho biết về thân thế của vị khách, mà tin rằng đây là một nhà quý tộc Ba Lan hoặc Hungary. Binh sĩ canh phòng được cắt cử thường xuyên ở lâu đài, không ai được nghỉ phép và thay thế. Vị khách được đối xử một cách kính cẩn như thượng khách của triều đình, lại có khoản chu cấp tiền mặt. Mọi thư từ gửi và nhận đều bị chặn lại và đưa đến Bộ Ngoại giao. Người lạ không được phép đến gần tòa lâu đài, nếu không sẽ bị bắt giữ lập tức.

Được tường thành kiên cố bao quanh, chìm giữa núi cao và lớp tuyết dày của dãy núi Alps, cuối cùng Aleksei cảm thấy an toàn cùng người tình Afrosina, bốn thị thần người Nga và nhiều quyển sách. Yêu cầu duy nhất của anh là một cha cố Chính Thống giáo - việc bất khả thi trong khi anh đang giấu tung tích, nhưng anh van nài Schönborn tìm cho anh một cha cố như thế trong trường hợp anh ngã bệnh hoặc đến lúc hấp hối. Trong 5 tháng, sống ở đây, mọi liên lạc giữa Aleksei và thế giới bên ngoài đều thông qua Bá tước Schönborn và Bộ Ngoại giao Đế quốc ở Wien.

Thỉnh thoảng vị Bá tước thông báo tín tức cho anh. Có lúc ông thông tin:

> Người ta bắt đầu nói về việc Hoàng Thái tử đã biến mất. Theo một số người, anh ấy trốn chạy để tránh sự hà khắc của người cha; một số người khác nói cha anh đã ra lệnh giết anh. Lại có người nói trong khi đi đường anh đã bị kẻ cướp hạ sát. Không ai biết chính xác anh đang ở đâu. Tôi đính kèm bản tin người ta viết ở Sankt-Peterburg. Hoàng Thái tủ- được khuyên nên ẩn mình thật kín, bởi vì ngay sau khi Sa hoàng từ Amsterdam trở về thì anh sẽ bị truy lùng gắt gao.

Về phía Nga, tín tức lan chậm hơn người ta nghĩ. Gia đình Sa hoàng đang sống phân tán: Pyotr ở Amsterdam, Ekaterina ở Mecklenburg. Aleksei đáng lẽ phải đi đến khu trú đông của quân Nga ở Mecklenburg, và chuyến đi phải mất vài tuần. Tuy nhiên, dần dà người ta bắt đầu lo lắng. Ekaterina hai lần biên thư cho Menshikov hỏi về Aleksei. Cuối cùng, một trong những gia nhân của Hoàng Thái tử, do Kikin phái tháp tùng Aleksei, mất dấu chủ nhân, rồi báo cáo với Ekaterina là ông theo dấu Aleksei đến Danzig, và

Hoàng Thái tử mất hút từ đây. Chính trong những tuần lễ đầu tiên này mà Bá tước Schönborn gửi cho người trốn lánh một bức thư của Pleyer, đại diện của Áo tại Sankt-Peterburg:

> Vì lúc này không ai chú ý đến Hoàng Thái tử, họ đã không nghĩ nhiều đến việc anh ấy ra đi. Nhưng khi Công chúa Maria [người đã nghe anh ấy thú thật ý định trốn lánh] trở về từ các nhà tắm [ở Karlsbad] đến thăm nhà Aleksei và khóc lóc: "Tội nghiệp các trẻ mồ côi, không có cha và mẹ, tôi thấy thương hại cho các cháu." Và ngoài ra có tin cho biết Hoàng Thái tử không đi xa hơn Danzig, mọi người bắt đầu dò hỏi về anh ấy. Nhiều nhân vật cấp cao kín đáo đến tìm tôi và những người nước ngoài khác để hỏi chúng tôi qua các công văn có nhận tin tức gì về anh ấy hay không. Hai người hầu của anh ấy cũng đến gặp tôi để hỏi han. Họ than khóc nói rằng Hoàng Thái tử đã mang nhiều tiền đi theo và đã gửi tin bảo họ bí mật bán nội thất của anh ấy để trả nợ. Từ lúc đó họ không nhận được tin tức gì của anh ấy. Cùng lúc, có người nói nhỏ rằng anh ấy đã bị người của Sa hoàng bắt gần Danzig và dẫn đến một tu viện xa xôi, nhưng không rõ anh ấy còn sống hay đã chết. Những người khác thì nói anh ấy đã đi Hungary hoặc một lãnh thổ nào đó của Hoàng đế.

Rồi Pleyer, vốn có ác cảm với Pyotr, bắt đầu phóng đại tin tức, cho rằng "ở đây mọi thứ đều chín muồi cho cuộc nổi loạn". Ông kể về một âm mưu nhằm hạ sát Pyotr, bắt giam Ekaterina, giải thoát Evdokia và đưa Aleksei lên ngôi. Ông thuật lại những lời than phiền của giới quý tộc Nga - mà hẳn họ đã nói chuyện với ông - về việc họ và con cái bị bắt đi làm thủy thủ và đóng tàu, phải đóng thuế cao, còn nông nô của họ bị điều đi xây pháo đài và cảng biển. Bá tước Schönborn trao thư này cho Aleksei, và anh giao cho

Afrosina giữ. Sau này, Afrosina trình bức thư cho những người hỏi cung cô, khiến gây bất lợi rất nhiều cho Aleksei.

Đối với Pyotr, đang trú đông ở Amsterdam chờ ngày đi Pháp, khi tin đồn đại trở nên xác thực, ông giận dữ và cảm thấy nhục nhã. Việc trốn chạy tự nó đã xúc phạm thể diện của Sa hoàng; tệ hại hơn nữa là sự thách thức của người kế vị ngai vàng có thể kích động những phần tử chống đối chỉ mong một ngày nào đấy xóa đi những cải tổ của ông. Tướng Weide, tư lệnh quân Nga ở Mecklenburg, nhận lệnh lùng kiếm khắp vùng Bắc Đức. Abraham Veselovsky, Đại sứ Nga ở Wien, nhận lệnh kín đáo dò tìm trong các lãnh địa của đế quốc Áo và trao cho Karl VI một bức thư trong trường hợp có chứng cứ Aleksei thật sự ẩn náu trong đế quốc của ông.

Veselovsky dò tìm đến Danzig, nhận tin về một người mang tên Kokhansky có hình dạng như Hoàng Thái tử, nhưng đến Wien thì mất dấu. Việc hỏi han Bá tước Schönborn, Hoàng thân Eugene và ngay cả Hoàng đế đều không cho tin tức gì. Đại úy Cảnh vệ Rumyantsov - tùy viên của Pyotr - dẫn quân đến tăng viện, với chỉ thị bắt giữ Aleksei bằng vũ lực nếu cần.

Cuối tháng 3/1717, nỗ lực của Veselovsky và Rumyantsov cho kết quả. Một thư ký làm việc trong Bộ Ngoại giao nhận hối lộ, cho biết khả năng tìm kiếm ở Tyrol có thể thành công. Rumyantsov dò đến lâu đài Ehrenberg, rồi cuối cùng thoáng thấy một người mà ông tin rằng đấy là Hoàng Thái tử. Với tin này, Veselovsky quay lại Wien để trao lá thư của Sa hoàng gửi cho Hoàng đế Áo. Veselovsky cho ông biết đã tìm thấy Aleksei, và hiển nhiên là chính phủ Áo biết rõ Aleksei đang sống ở đây. Hoàng đế được khẩn cầu thuận theo ý nguyện của Sa hoàng về vấn đề con trai của ông.

Karl VI chần chừ, vẫn còn chưa biết phải làm gì khi vướng vào vụ rối rắm này. Ông trả lời Veselovsky rằng ông nghi ngờ thông tin của anh Đại

úy, nhưng hứa sẽ cho điều tra. Ông gửi một bí thư đế quốc đến thông báo vụ việc cho Aleksei, cho anh xem bức thư của Sa hoàng, và hỏi liệu anh có sẵn sàng quay về với cha hay không. Aleksei trở nên điên dại, khóc lóc, cho biết sẵn sàng làm bất cứ chuyện gì ngoại trừ trở về. Lúc ấy, người bí thư mới thông báo quyết định của hoàng đề: vì lý do nơi cư ngụ hiện tại đã bị lộ và không thể khước từ ngay yêu cầu của Sa hoàng, cần phải chuyển Hoàng Thái tử đến một địa điểm khác: Thành phố Naples[176], bốn năm trước được giao cho Đế quốc Áo theo Hòa ước Utrecht.

Aleksei vui vẻ đồng ý, trong vòng bí mật tuyệt đối dẫn theo "thị thần" Afrosina cùng vài người khác hay uống rượu say xỉn dọc đường. Vị bí thư đế quốc báo cáo cho Bá tước Schönborn rằng trên đường đi đến tận Trento có một số người trông khả nghi theo dõi chúng tôi; nhưng mọi chuyện đều êm đẹp. Tôi dùng đủ mọi cách để đoàn đừng uống rượu thường xuyên đến mức say xỉn, nhưng không thành công.

Đoàn đi đến Naples vào đầu tháng 5. Họ được đưa vào lâu đài St. Elmo với tương thành dày và tòa tháp cao, nhìn ra vịnh Naples và xa hơn nữa là núi lửa Vesuvius đã tắt. Họ lưu lại đây trong 5 tháng. Aleksei viết thư gửi cho giới tăng lữ và Thượng viện ở Nga, cho họ biết anh vẫn còn sống và giải thích ly do tại sao anh phải chạy trốn. Cuối cùng, giới tính của người "thị thần đặc biệt được tiết lộ vì cô đã có thai, và vị thế người tình của Hoàng Thái tử được nhìn nhận.

Không may cho cặp tình nhân, họ tin tưởng nhầm lẫn rằng đang được an toàn ở nơi cư trú bí mật. Đại úy Rumyantsov đã theo dấu họ bén gót qua nước Ý cho đến Naples, rồi gửi tin báo cho Pyotr ở Spa, nơi ông đang nghỉ dưỡng sau chuyến đi Pháp.

Khi nhận được tin chính xác, Pyotr vô cùng giận dữ. Đã qua chín tháng từ lúc Hoàng Thái tử bỏ trốn, và trong thời gian này ông cảm thấy bị mất thể diện. Bây giờ, ông biết Hoàng đế Áo không những đã nói dối ông, mà còn muốn che giấu Aleksei qua việc đưa anh này đến Naples. Pyotr lại viết thư cho vị Hoàng đế yêu cầu giao trả đứa con hư đốn.

Để gửi bức tối hậu thư này đến Wien, Pyotr chọn nhà ngoại giao khôn khéo nhất: Pyotr Tolstoy, giờ đã 72 tuổi. Ông này đã sống tồn sau khi phục vụ Sofia trong sự đấu tranh giữa hai anh em cùng cha khác mẹ trước đây. Ông đã sống tồn sau 12 năm làm đại sứ ở Ottoman và nhiều lần bị giam giữ. Bây giờ, sau khi trở về cùng Pyotr từ Paris, ông được trao sứ mệnh cuối cùng. Ông sẽ đi Wien để hỏi Hoàng để tại sao chứa chấp một đứa con ngỗ nghịch. Ông nhận lệnh ngầm cảnh báo Hoàng đế Karl VI về những hệ lụy nếu có hành động kém thân thiện, và khi có thể tiếp xúc Aleksei, trao bức thư của người cha với nội dung hứa sẽ tha thứ nếu con trai quay trở về. Mệnh lệnh thật sự cho Tolstoy là: phải mang Hoàng Thái tử trở về Nga bằng bất cứ giá nào.

Tolstoy đến Wien cùng với Veselovsky và lập tức xin yết kiến Hoàng đế. Ông trình bức thư của Pyotr cho biết đích xác Aleksei hiện đang ẩn náu ở đấu, và Pyotr với tư cách là người cha và quân vương chuyên chế có toàn quyền xử lý đứa con trai của mình. Karl VI lắng nghe và không nói gì nhiều, nhưng hứa sẽ trả lời sớm. Kế đến, Tolstoy đi yết kiến Công nương của Wolfenbüttel, mẹ vợ của Aleksei lúc ấy đang đến Wien để thăm con gái là Hoàng hậu Áo. Ông yêu cầu bà sử dụng ảnh hưởng của mình đề giúp đưa con rể về nước. Bà bằng lòng vì hiểu rõ rằng nếu Hoàng Thái tử không thuận theo vua cha, đứa con trai nhỏ Pyotr Alekseyevich của anh sẽ bị truất quyền nối ngôi.

Ngày 18/8, Triều đình Áo nhóm họp để xem xét tình cảnh tiến thoái lưỡng nan của mình. Họ thấy không thể bắt buộc Aleksei trở về Nga: nếu Pyotr không giữ đúng lời hứa khoan hồng cho con trai, họ sẽ bị kết án là đóng vai trò trong cái chết của Aleksei. Mặt khác, một đội quân Nga hùng hậu đang trấn đóng ở Ba Lan và Bắc Đức có thể tiến đánh nếu triều đình Áo từ chối cộng tác. Họ chọn giải pháp là trả lời Pyotr rằng Hoàng đế thật ra đã hỗ trợ Sa hoàng bằng cách cố duy trì tình cha con giữa hai người và không để cho Aleksei rơi vào tay một quốc gia thù địch. Hoàng đế khẳng định với Tolstoy rằng Aleksei không phải là tù nhân ở Naples: anh luôn có tự do muốn đi đâu tùy ý. Cùng lúc, Hoàng đế chỉ thị Phó vương ở Naples không được ép buộc Aleksei chuyện gì, và phải ngăn chặn mọi mưu đồ ám sát anh.

Ngày 26/9/1717, Aleksei được mời đến dinh Phó vương Naples, và gặp Tolstoy cùng Đại úy Rumyantsov. Aleksei run rẩy, vì vị Phó vương không cho biết trước về sự hiện diện của hai người này, thừa hiểu rằng nếu biết trước thì anh sẽ không đến. Với giọng nói trấn an, Tolstoy cho biết đoàn Nga đến chỉ để trao thư của Sa hoàng, lắng nghe ý kiến của Hoàng Thái tử và chờ câu trả lời của anh. vẫn còn run rẩy, Aleksei nhận lấy bức thư và mở ra đọc.

Con trai của ta:

> Toàn thế giới đã biết về sự bất tuân và khinh thường của con đối với những mệnh lệnh của ta. Ngay cả những lời nói và sự dạy bảo của ta đã không thể khiến cho con tuân hành chỉ thị, và cuối cùng, sau khi đã lừa dối ta khi ta từ biệt con và trong sự thách thức đối với những lời tuyên thệ của con, một lần nữa con đã bất tuân lệnh ta mà tự đặt mình vào vị thế một kẻ phản quốc dưới sự che chờ của ngoại bang. Đấy là điều

trước đây chưa từng nghe nói đến, cả trong hoàng tộc lẫn trong thần dân của ta. Con đã sai lầm và gây đau khổ cho người cha, và tạo ô nhục cho đất nước của con!

… Ta hứa với Thượng Đế là sẽ không trừng phạt con. Nếu con phục tùng ta mà chịu trờ về, ta sẽ thương yêu con hơn bao giờ hết. Nhưng nếu con từ chối, với tư cách người cha và qua quyền hạn ta đã nhận từ Thượng Đế, ta sẽ nguyền rủa con đời đời; và với cương vị quân vương ta sẽ tuyên bố con là kẻ phản quốc, và ta hy vọng Thượng Đế sẽ độ trì cho ta…

Sau khi đọc bức thư, Aleksei cho hai đại diện của Pyotr biết rằng anh đi tìm sự bảo trợ của Áo vì cha anh lúc trước đã quyết định truất quyền nối ngôi của anh và đưa anh vào tu viện. Bây giờ, vì cha anh hứa sẽ khoan hồng, anh sẽ suy nghĩ lại.

Hai ngày sau, Aleksei bảo Tolstoy và Rumyantsov rằng anh vẫn còn e ngại việc trở về và sẽ tiếp tục xin Hoàng đế che chở. Tolstoy lập tức đổi thái độ. Ông đi vong quanh gian phòng lớn tiếng cho biết Pyotr sẽ khai chiến với Áo, cuối cùng Sa hoàng sẽ bắt được Aleksei như là kẻ phản quốc dù sống hay chết, và dù cho anh có chạy trốn nơi nào cũng không thoát vì Tolstoy và Rumyantsov đã nhận lệnh sẽ bám sát anh.

Sợ hãi cùng cực, Aleksei nắm lấy tay vị Phó vương Naples - Bá tước Daun - van xin Hoàng đế Áo che chở cho anh. Bá tước Daun lãnh nhiệm vụ chính thức là lam trung gian cho cuộc gặp gỡ và ngăn chặn bạo lực, nhưng cũng nhận ra là nên thuyết phục Aleksei tự nguyện trở về thì mới yên ổn mọi bề. Vì thế một mặt ông trấn an Aleksei và mặt khác thương lượng với phía Nga.

Trong lúc ấy, Tolstoy áp dụng kinh nghiệm lõi đời khi làm đại sứ ở Ottoman: hối lộ bí thư của Phó vương để rỉ tai với Aleksei rằng họ nghe tin Hoàng đế Áo đã quyết định giao trả anh cho vua cha. Kế đến, ông nói dối Aleksei rằng đã nhận được tin Pyotr đang trên đường đến Áo để bắt giữ đứa con trai bằng vũ lực, và quân Nga đang chuẩn bị tiến công. Tolstoy tiếp: "Khi ông ấy đến đây, ai có thể ngăn cản ông đến gặp anh?" Aleksei tái mặt khi nghĩ đến việc này.

Rốt cuộc, đầu óc hoạt động không ngừng nghỉ của Tolstoy đã nhận ra chìa khóa cho quyết định của Aleksei: Afrosina. Ông cho vị Phó vương biết cô này là nguyên nhân chính yếu cho sự rạn nứt giữa hai cha con. Ông thêm là cô vẫn ngăn cản Aleksei quay về vì ở Nga vị thế của cô đang bị chất vấn. Nghe theo lời thúc giục của Tolstoy, Bá tước Daun ra lệnh trục xuất cô gái khỏi lâu đài St. Elmo.

Tinh thần Aleksei suy sụp sau việc này. Tolstoy tiến thêm một bước: vừa thuyết phục vừa mua chuộc Afrosina bằng hiện vật để cô khuyên người tình quay về quê hương anh. Cô nghe theo, va rơi lệ khuyến người tình nên bỏ ý định cuối cùng khi tuyệt vọng chạy đến Vatican để xin Giáo hoàng che chở.

Aleksei không còn tinh thần nào để kháng cự. Anh phải chọn lựa giữa việc trở về Nga cùng với người tình đề được cha tha thứ, hoặc bị mất người tình và sự che chở của Hoàng đế; để anh chơ vơ đối phó với Tolstoy và Rumyantsov, hoặc tệ hại hơn, với chính Pyotr. Sự chọn lựa là rõ ràng, và khi Tolstoy quay lại, Aleksei nhanh chóng đầu hàng. Dù còn băn khoăn và sợ hãi, anh nói với Tolstoy:

> Tôi sẽ trở về với cha tôi qua hai điều kiện: tôi sẽ được sống an bình nơi thôn dã và Afrosina sẽ không bị tách rời khỏi tôi.

Vẫn còn nhớ chỉ thị của Pyotr là đưa Aleksei quay về bằng bất cứ cách nào, Tolstoy đồng ý ngay, hứa sẽ đích thân xin Sa hoàng cho phép anh cưới Afrosina lập tức. Trong bức thư gửi cho Pyotr, Tolstoy giải thích rằng cuộc hôn nhân này sẽ chứng tỏ Aleksei chạy trốn không phải là vì lý do chính trị mà đơn giản là do tình yêu phù phiếm với một cô gái quê. Tolstoy thêm rằng, vì thế Hoàng đề Áo sẽ không còn thương xót cho người em cọc chèo nữa.

Aleksei viết thư cho Sa hoàng xin tha thứ và khẩn cầu ông thực hiện hai điều kiện mà Tolstoy đã chấp thuận. Ngày 17/11, Pyotr trả lời:

> Con xin được tha thứ. Việc này đã được cam kết bằng miệng và qua thư gửi cho Tolstoy và Rumyantsov và bây giờ cha tái xác nhận để con có thể hoàn toàn an tâm. Còn về lời yêu cầu kia của con [cưới Afrosina], con sẽ được cho phép ở đây.

Pyotr giải thích với Tolstoy rằng ông cho phép hôn lễ nếu Aleksei vẫn còn mong ước việc này khi trở về, nhưng hôn lễ phải được cử hành trên đất Nga hoặc trên một trong những lãnh thổ vừa chiếm được ở vùng Baltic. Pyotr cũng hứa sẽ đáp ứng yêu cầu của Aleksei là sống trong vùng đồng quê. Sa hoàng biên thư cho Tolstoy:

> Có lẽ anh ấy còn nghi ngại liệu sẽ được cho phép việc này hay không, nhưng hãy để cho anh ấy tự suy luận: khi ta đã tha thứ cho cái tội nghiêm trọng kia thì tại sao ta lại không cho phép chuyện nhỏ nhặt này?

Một khi Aleksei đã đồng ý trở về và đã viết thư cho Hoàng đế báo tin về việc này, quan chức triều đình Áo không có lý do gì mà giữ anh lại. Vị

Hoàng Thái tử rời Naples cùng với Tolstoy và Rumyantsov, nhẩn nha ghé qua Roma và được Giáo hoàng tiếp kiến. Trong tinh thần phấn khởi, anh đi đến Venice, rồi được khuyên nên để Afrosina lưu lại đấy vì cô đang mang thai, không thể vượt qua dãy núi Alpes giá lạnh.

Đối với hai người hộ giá - Tolstoy và Rumyantsov - cũng như Veselovsky lúc này đang chờ đợi họ ở Wien, đi qua Wien là việc đầy bất trắc. Aleksei muốn đoàn dừng lại ở Wien để anh đi yết kiến Hoàng đế Áo tỏ lời cảm ơn. Tuy nhiên, Tolstoy e ngại một hoặc cả hai anh em cọc chèo có thể đổi ý khiến cho sứ mệnh của mình thất bại. Vì thế, ông dàn xếp cho Veselovsky đưa đoàn đi nhanh qua Wien trong một đêm. Khi Hoàng đế nhận được tin thì đoàn Nga đã đi đến tỉnh Moravia của Áo.

Hoàng đế Karl VI của Áo phẫn nộ, vì ông muốn nghe chính miệng Aleksei nói ra đúng là anh tự nguyện trở về Nga. Dĩ nhiên, đấy là điều ông mong muốn; đưa vị khách lôi thôi này ra về sẽ giúp tháo gỡ gánh nặng cho ông. Nhưng danh dự đòi hỏi là Aleksei phải tự nguyện; đế quốc ông sẽ mất mặt nếu Aleksei bị lôi đi bằng vũ lực. Vì thế, Hội đồng Đế quốc được vội vã triệu tập để họp bàn, rồi ông ra lệnh Thông đốc Moravia giữ đoàn Nga lại để nghe Aleksei xác nhận rằng anh tự nguyện trở về.

Khi quân Áo bao vây quán trọ của đoàn Nga, Tolstoy nói Aleksei không có mặt, dọa sẽ rút gươm ra để chống lại ý đồ vào lục soát, và cho biết Sa hoàng sẽ trả đũa bất kỳ hành động thiếu thân thiện nào.

Vị Thống đốc báo cáo với Hoàng đế để xin chỉ thị, và một lần nữa được lệnh không cho đoàn Nga ra về nếu không có cơ hội nói chuyện với Aleksei; nếu cần, ông phải dùng vũ lực để đạt mục đích này. Lần này, Tolstoy nhượng bộ một phần: cho phép phía Áo nói chuyện với Aleksei, nhưng phải có sự hiện diện của ông và Rumyantsov. Trong tình huống như

thể, Aleksei chỉ lắp bắp từng tiếng, nói với phía Áo rằng anh muốn trở về với vua cha, và anh không thể đến yết kiến Hoàng đế vì không có triều phục và cỗ xe thích hợp.

Thế là nghi thức được thực hiện xong xuôi như yêu cầu. Vị Thống đốc, và qua ông, Hoàng đế đã làm tròn trách nhiệm. Đoàn Nga được phép ra về. Chỉ trong vòng vài tiếng đồng hồ Tolstoy đã mua được ngựa mới và đoàn Nga lên đường. Ngày 21/1/1718, họ về đến Riga trên lãnh thổ do Nga chiếm đóng. Từ đây, Aleksei được đưa về Iver gần Moskva, để chờ đến khi vua cha triệu đến.

Riêng Afrosina còn ở lại Venice, dự định sẽ đến Nga sau, khi thời tiết ấm lên và không phải vất vả đi nhanh. Khi càng lúc càng đi xa khỏi cô, Aleksei viết thư cho cô thường xuyên, khuyên cô nên giữ gìn sức khỏe. Lúc về đến Nga, điều anh lo trước tiên là phái vài thị nữ và một cha cố Chính Thống giáo đi đến với cô. Anh tỏ ra lạc quan trong bức thư cuối viết cho cô:

> Cảm tạ Thượng Đế, mọi việc đều suôn sẻ. Anh mong sẽ thoát khỏi mọi chuyện để được chung sống với em, nếu Thượng Đế phù hộ, ở vùng đồng quê, nơi chúng ta sẽ không bị lôi thôi gì cả.

Trong khi Aleksei đang tuôn trào tâm tư với cô, Afrosina yêu quý của anh đang vui hưởng vị thế mới: là người thân thương của con trai và - theo lời Tolstoy - của người cha. Cô vui chơi ở Venice, đi thuyền trên kênh và mua sắm nữ trang. Phần lớn các bức thư của cô đều không biểu hiện sự bức xúc hoặc nồng nàn như anh; cô chỉ đọc cho thư ký viết, rồi thêm vài dòng ngoằn ngoèo, xin Aleksei gửi cho cô vài món ăn mà cô ưa thích.

Trên nước Nga, tin Hoàng Thái tử trở về được đón nhận theo những tâm trạng khác nhau, nhưng không ai biết sẽ đón tiếp anh như thế nào: Là người kế vị ngai vàng trong tương lai hay là đứa con trai đang chờ đợi người cha quyết định số phận? Tham tán thương mại De la Vie của Pháp ghi lại tâm trạng bất ổn này:

> Việc Hoàng Thái tử trở về làm cho nhiều người vui mừng nhưng cũng khiến cho một số người khác đau buồn. Trước khi anh ấy trở về, những người theo phe anh đã hy vọng một cuộc cách mạng nào đấy sẽ diễn ra. Bây giờ mọi chuyện đã thay đổi. Chính sách thế vào chỗ bất mãn và mọi việc đều im ắng trong khi chờ vụ việc kết thúc. Nhiều người không đồng tình việc anh ấy quay về, vì họ nghĩ anh sẽ chịu chung số phận như mẹ anh.

Những người vốn hy vọng Hoàng Thái tử sẽ lên ngôi trở nên giận dữ.

Hoàng thân Vasily Vladunirovich Dolgorukov nói với Hoàng thân Gagarin:

> Ông có nghe cái anh Hoàng Thái tử ngu dốt đang trở về vì cha anh ta đã cho phép anh cưới Afrosina? Anh ta sẽ có một cỗ quan tài thay vì một đám cưới!

175. Đấy là ngày 27/11/1716. (ND)

176. Trung tâm lịch sử của Naples đã được công nhận là Di sản Văn hóa Thế giới. (ND)

54 TƯƠNG LAI BỊ XÉT XỬ

Ngày 3/2/1718, các đại thần và quan chức trọng yếu khác của triều đình Nga cùng với giới lãnh đạo tôn giáo và các nhà quý tộc được triệu đến Phòng Khánh tiết trong Cung điện Kremlin để chứng kiến một sự kiện lịch sử. Ba tiểu đoàn Cảnh vệ lập vành đai bảo vệ trong Kremlin với súng nòng dài lên đạn sẵn.

Pyotr đến trước và ngự trên ngai vàng. Rồi Tolstoy dẫn Aleksei đi vào. Mọi người đều nhận thấy rõ vị thế của anh: không mang gươm, có nghĩa anh được triệu đến như là tội phạm. Aleksei lập tức xác nhận tình trạng này: bước ngay đến trước mặt Sa hoàng, quỳ xuống, nhận tội và xin khoan hồng. Pyotr ra lệnh cho anh đứng lên trong khi lời thú tội của anh đã viết sẵn được đọc to lên:

Kính bẩm Quân vương và Cha Nhân từ:

Một lần nữa, tôi xin nhận tội đã né tránh những bổn phận của một người con và thần dân khi bỏ trốn và tự đặt mình dưới sự che chở của Hoàng đế Áo và xin ông ấy hỗ trợ. Tôi xin Ngài tỏ lòng tha thứ và nhân từ.

Bề tôi khiêm cung và yếu kém nhất, không đáng tự gọi mình là con trai,

Kế tiếp, Pyotr long trọng tuyên bố từ bỏ đứa con trai, cáo buộc anh về các tội danh: liên tục bất tuân mệnh lệnh của Sa hoàng, ruồng bỏ người vợ, có quan hệ bất chính với Afrosina, đào thoát khỏi quân ngũ, và cuối cùng, đã bỏ trốn ra nước ngoài theo cung cách thiếu danh dự. Cất cao giọng nói, Sa hoàng tuyên cáo rằng Hoàng Thái tử chỉ van xin tha mạng sống và sẵn sàng từ bỏ quyền kế vị ngai vàng. Với lòng nhân từ, Sa hoang xác nhận khoan hồng cho Aleksei, nhưng với điều kiện là người con phải khai ra tất cả sự thật về những hành động trong quá khứ và tên những người tòng phạm.

Aleksei đồng ý và đi theo Pyotr vào một gian phòng nhỏ kế bên. Anh thề rằng chỉ có Aleksandr Kikin và Ivan Afanasiev, thị thần của anh, là những người được biết anh sẽ bỏ trốn ra nước ngoài.

Rồi hai cha con trở ra Phòng Khánh tiết. Thứ trưởng Ngoại giao Shafirov đọc một bản tuyên cáo đã in sẵn liệt kê những tội danh của Hoàng Thái tử, công bố khoan hồng cho anh nhưng truất quyền kế vị của anh, và rằng con trai lên 2 tuổi Pyotr Petrovich của Hoàng hậu Ekaterina là Hoàng Thái tử và là người sẽ kế vị ngai vàng.

Sau đấy, mọi người đi đến Thánh đường Thăng thiên, nơi Aleksei hôn Thánh Kinh và thánh giá rồi tuyên thệ rằng khi vua cha qua đời, anh sẽ trung thành với người em cùng cha khác mẹ, và sẽ không bao giờ có hành động giành lại ngai vàng cho mình. Mọi người hiện diện đều cất lời tuyên thệ tương tự.

Tối hôm đó, tuyên cáo được phát hành rộng rãi. Trong ba ngày kế tiếp, tất cả thần dân ở Moskva được triệu đến thánh đường để cùng cất lời tuyên

thệ. Cùng lúc, chỉ dụ được mang đến Menshikov và Thượng viện ở Sankt-Peterburg, ra lệnh cho họ chủ trì tất cả quân đội, giới quý tộc, cư dân thành phố và nông dân cất lời tuyên thệ trung thành đối với Pyotr Petrovich.

Hai buổi lễ công cộng ở Moskva và Sankt-Peterburg xem dường đã chain dứt vụ việc. Aleksei đã từ bỏ quyền kế vị; người kế vị khác đã được tuyên cáo. Cần phải làm việc gì khác nữa? Sự thật là: còn rát nhiều việc. Vì tấn tuồng kinh khủng chỉ mới bắt đầu.

Tuyên cáo của Sa hoàng trong buổi lễ ở Kremlin thật ra đã đi ngược lại lời hứa trước đây của Tolstoy đối với Aleksei: sự khoan hồng không điều kiện. Bây giờ, Aleksei bị buộc phải khai ra những "tòng phạm" và tất cả chi tiết của "âm mưu".

Lý do đơn giản là: Pyotr muốn biết đã có âm mưu lớn như thế nào nhằm chống lại chế độ của ông hoặc thậm chí tính mạng của ông, và ai trong số thần dân của ông - có lẽ cả cận thần của ông - đã bí mật về phe với con trai ông. Ông không tin rằng Aleksei đã trốn ra nước ngoài mà không có ai giúp đỡ hoặc không có mưu đồ nào. Vì thế Pyotr thấy rằng đây không phải là thảm kịch gia đình, mà là mầm mống chống đối chính trị nhằm phá hoại những thành quả của mình. Ông đã quyết định trao quyền kế vị cho một người con khác, nhưng Aleksei vẫn còn sống tự do. Làm thế nào ông có thể tin tưởng rằng sau khi ông chết, chính những người cất lời thề hôm nay sẽ không trở mặt mà quay sang ủng hộ Aleksei? Quan trọng nhất, làm thế nào ông cho phép những kẻ sẵn sàng phản bội ông vẫn quây quần quanh ông?

Day dứt với những nghi vấn này, Pyotr quyết định phải đào sâu vào vụ việc. Vin vào lời hứa của Aleksei là sẽ thành khẩn khai báo tất cả, Pyotr tự tay thảo ra bảy câu hỏi để Tolstoy đưa đến Aleksei, với lời cảnh cáo rằng ông sẽ rút lại sự khoan hồng nếu có bất kỳ hành động giấu giếm hoặc tránh

né nào. Để trả lời, Aleksei viết ra bản tường trình dài dòng về những sự kiện xảy ra trong 4 năm trước. Anh nêu thêm tên một số người mà anh đã nói về mình và về mối quan hệ giữa hai cha con. Trong số những người anh khai tên, có: Công chúa Maria Alekseyevna (chị cùng cha khác mẹ của Pyotr), Abraham Lopukhin (anh của Evdokia), Thượng Nghị sĩ Pyotr Apraksin (anh của Đại tướng-Đô đốc Fyodor Apraksin), Semyon Naryshkin, Hoàng thân Vasily Vladimirovich Dolgorukov, Hoàng thân Yurievich Trubetskoy, Hoàng thân Xứ Siberia, Viazemsky, và Ignatiev (giáo sĩ rửa tội của Aleksei).

Người duy nhất mà Aleksei xác nhận không hề can dự là người tình Afrosina: cô không hay biết gì, và ngay cả không biết trước anh sẽ bỏ trốn ra nước ngoài. Anh cho biết cô mang chiếc hộp chứa những bức thư của anh, nhưng không hề biết gì về nội dung những thư này.

Phần lớn những người bị Aleksei khai báo sống ở Sankt-Peterburg. Pyotr lập tức ra lệnh cho Menshikov ở Sankt-Peterburg đóng các cổng ra vào thành phố và không cho ai ra ngoài với bất kỳ lý do gì. Nông dân vẫn được phép mang sản phẩm vào thành phố nhưng bị lục soát cẩn thận khi ra về để đảm bảo họ không che giấu ai trên xe thồ. Dược sĩ bị cấm bán arsenic và những loại độc dược khác kẻo người bị tố cáo tìm cách tự tử.

Một khi thành phố đã bị phong tỏa, nhân viên của Pyotr ra tay hành động. Lúc giữa đêm, 50 Cảnh vệ đến bao vây nhà Kikin. Một sĩ quan đi vào, tìm thấy ông đang nằm trên giường, bắt giữ ông vẫn còn mặc bộ đồ ngủ và mang đôi dép, lấy dây xích trói và mang gông sắt quấn quanh cổ rồi dẫn đi khi ông chỉ kịp nói vài lời với người vợ xinh đẹp. Thật ra, Kikin đang tìm cách lẩn trốn. Nhận biết mình đang ở trong tình trạng nguy hiểm, Kikin đã hối lộ cho một thị thần thân tín của Pyotr để cảnh báo cho ông bất

kỳ động thái nào của Sa hoàng đối với ông. Khi Pyotr đang thảo mệnh lệnh cho Menshikov, người thị thần này đứng sau lưng Pyotr và ghé qua vai Pyotr mà đọc được nội dung. Anh này vội cử giao liên phi ngựa đến Sankt-Peterburg để thông báo cho Kikin. Tin báo đến chỉ vài phút sau khi Kikin bị bắt.

Menshikov cũng nhận lệnh bắt giữ Hoàng thân Trung tướng Vasily Vladimirovich Dolgorukov, Huân chương Hiệp sĩ của Đan Mạch, tổng giám đốc một ủy ban được Sa hoàng lập nên để xử lý những yếu kém trong việc quản lý tài chính công. Ông này đang được Pyotr ưu ái, vừa trở về sau khi tháp tùng Sa hoàng đi Copenhagen, Amsterdam và Paris. Menshikov dẫn binh sĩ đến bao vây nhà ông, rồi bước vào nhà và tuyên bố lệnh bắt giam. Dolgorukov giao nộp thanh gươm, tuyên bố: “Tôi có lương tâm trong sạch nhưng chỉ có một cái đầu để mất.” Ông bị xích rồi bị giải đến Pháo đài Petropavlovsk.

Cùng buổi tối hôm ấy, Menshikov dẫn quân đến bắt giữ Thượng nghị sĩ Pyotr Apraksin, Abraham Lopukhin, Thượng nghị sĩ Mikhail Samarin và Hoàng thân Xứ Siberia. Tất cả gia nhân của Aleksei và 9 người khác cũng bị bắt, bị xích để chuẩn bị giải đi Moskva.

Suốt tháng 2, mành lưới mở rộng thêm: bắt bớ xảy ra hằng ngày ở Moskva và Sankt-Peterburg. Giám mục Dositheus cai quản địa phận Rostov, một trong những người nổi tiếng và có thế lực nhất, bị cáo buộc đã công khai cầu nguyện trong nhà thờ cho Evdokia và đã tiên tri về cái chết của Pyotr. Evdokia và Maria (chị cùng cha khác mẹ duy nhất còn sống của Pyotr) cũng bị bắt. Pyotr rất nghi ngờ về Evdokia, người sẽ hưởng lợi rất nhiều nếu Aleksei lên ngôi. Evdokia đã từ bỏ tấm voan của nư tu tại Tu viện

Suzdal, mặc lại triều phục của phụ nữ hoàng gia, và có người tình là Thiếu tá Stephen Glebov chỉ huy nhóm cận vệ của bà.

Giờ đã 41 tuổi sau khi trải qua 19 năm trong tu viện, khi bị bắt giữ, Evdokia viết một bức thư gửi cho Pyotr trước khi chính mình đi đến nơi.

> … Sau khi trờ thành nữ tu, tôi mặc áo tu viện trong một năm rưỡi. Nhưng vì không muốn là một nữ tu, tôi đã từ bỏ bộ áo, sống âm thầm trong tu viện như là người thế tục. Bí mật của tôi đã bị lộ… Bây giờ tôi trông mong vào sự độ lượng nhân đạo của Hoàng thượng… Tôi cầu xin lòng khoan dung đối với tội trạng của tôi, và sự tha thứ, để tôi không phải chết một cái chết vô ích. Và tôi hứa sẽ trở lại cuộc đời của một nữ tu và ở trong đấy cho đến khi chết, và sẽ cầu xin Thượng Đế ban phước cho Ngài, Quân vương.
>
> Kẻ nô lệ khiêm tốn nhất của ngài, vợ cũ của ngài,
>
> Evdokia

Dù cáo trạng ban đầu có vẻ không nặng - Evdokia và con trai ít khi liên lạc với nhau và không trao đổi với nhau chuyện gì quan trọng - Pyotr muốn điều tra lối sống của người vợ cũ trong Tu viện Suzdal. Thiếu tá Glebov cũng bị bắt cùng với Cha Andrei cai quản tu viện và một số nữ tu. Khó mà tin rằng trong gần 20 năm, Pyotr không hay biết gì về lối sống của Evdokia trong tu viện, vì thế động lực của ông không phải hướng đến tội trạng chà đạp danh dự của ông. Đúng hơn, lý do chính là ông tin rằng đã có một âm mưu chống lại ông, và có khả năng âm mưu ấy nhen nhúm trong Tu viện Suzdal.

Khi các tù nhân từ Sankt-Peterburg, Suzdal và những nơi khác được đưa về Moskva, một đám đông lớn tụ tập ở các cánh cổng khu Kremlin để cố nhìn ai là ai và bắt lấy những lời đồn đại. Các cấp lãnh đạo tôn giáo, đại thần trong triều đình, tướng lĩnh, quan chức cấp cao và phần lớn nhân vật quý tộc được triệu đến để tham gia việc xét xử. Từng cỗ xe ngựa kéo chở các nhân vật này cùng gia nhân của họ tấp nập ra vào, tạo nên một quang cảnh hoành tráng.

Giới tăng lữ tham dự phiên xử người đồng liêu của họ: Giám mục Dositheus của địa phận Rostov. Ông bị kết án theo cáo trạng, bị lột áo giám mục rồi bị giao cho chính quyền thế tục để tra xét tiếp. Trong khi bị lột áo giám mục, ông quay sang các đồng liêu đã xét xử mình:

> Có phải chỉ mình tôi có tội trong vụ này hay sao? Tất cả các người hãy xét lòng mình. Hãy đến gần với dân chúng. Lắng nghe họ. Họ nói gì? Các người nói gì? Các người nhân danh ai?

Sau khi bị tra tấn, Dositheus chỉ thú nhận có cảm tình chung chung với Aleksei và Evdokia; không thể khai thác hoặc chứng minh gì về hành động thách thức hoặc lời nói phản kháng của ông. Nhưng cũng như Cấm vệ 20 năm về trước, chính lời khai mơ hồ như thế khiến Pyotr càng tức tối thêm và muốn đào sâu thêm vào sự thật.

Nhân vật nổi bật trong các cuộc thẩm tra là chính Pyotr, vội vàng ra vào từ cung điện và thành phố, chỉ có hai hoặc ba thị thần theo hầu. Pyotr luôn xuất hiện trong các phiên xử, không phải chỉ là quan tòa trong triều phục cổ xưa theo truyền thống của những Sa hoàng trước, mà còn với cương vị công tố trong trang phục phương Tây. Đứng giữa Đại sảnh đường Kremlin, cất

cao giọng vì giận dữ, ông nêu ra mối nguy hiểm đối với triều đình của mình đã bị phát hiện và những tác hại khủng khiếp của tội phản quốc. Chính Sa hoàng đã cất lời buộc tội Giám mục Dositheus, và khi ông dứt lời, số phận vị lãnh đạo tôn giáo kia đã khép lại.

Cuối tháng 3/1718, việc xét xử ở Moskva chấm dứt khi Hội đồng Bộ trưởng tuyên án trên cương vị Tòa Thượng thẩm. Kikin, cố vấn thân cận nhất của Aleksei, Thiếu tá Glebov và Giám mục Dositheus nhận án tử hình bằng cách xử tử chậm và gây đau đớn; một số người khác nhận cái chết chóng vánh hơn. Nhiều người bị đánh roi trước công chúng rồi đi đày. Vài nữ tu ở Suzdal cũng bị đánh roi và bị điều đến những tu viện vùng Biển Bắc. Cựu Hoàng hậu Evdokia không nhận hình phạt gì về thể xác, nhưng bị điều đến một tu viện xa xôi gần Hồ Ladoga. Bà sống ở đây trong 10 năm dưới sự quản thúc chặt chẽ. Đến khi cháu nội Pyotr II lên ngôi, bà được chuyển về hoàng cung rồi mất năm 1731.

Công chúa Maria, chị cùng cha khác mẹ của Pyotr, bị kết án đã ủng hộ sự chông đối nhằm vào Sa hoàng, bị giam trong 3 năm, và mất năm 1723.

Một số bị cáo được tha bổng hoàn toàn (như Thượng Nghị sĩ Pyotr Apraksin), hoặc chỉ bị thuyên chuyển đi xa (như Hoàng thân Xứ Siberia). Thượng Nghị sĩ Pyotr Apraksin bị cáo buộc đã trao cho Aleksei 3.000 rúp trước khi anh này rời Sankt-Peterburg để trốn đi. Ông được miễn tố hoàn toàn vì cuộc điều tra xác nhận là ông ngỡ Aleksei sẽ đi gặp Pyotr chứ không hề biết rằng Hoàng Thái tử định đi trốn.

Riêng Hoàng thân Vasily Vladimirovich Dolgorukov - người thú nhận đã có cảm tình với Aleksei - thoát khỏi án tử hình do người anh là Hoàng thân Yakov Dolgorukov xin khoan hồng dựa theo công trạng của dòng họ Dolgorukov đối với triều đình. Tuy thế Vasily vẫn bị tước quân hàm cấp

tướng, Huân chương Hiệp sĩ Đan Mạch của ông được trả về Đan Mạch, rồi ông phải đi đày. Khi rời Sankt-Peterburg với bộ râu mọc dài và chiếc áo choàng lếch thếch, ông được phép đến chào từ biệt Ekaterina. Trước mặt bà, ông phát biểu một hồi dài để biện minh cho hành vi của mình, đồng thời ta thán rằng ông không mang theo món gì khác ngoài trang phục đang mặc trên người. Vốn vẫn có lòng nhân từ, Ekaterina biếu ông 200 ducat.

Việc hành hình những người bị kết án phải chịu cái chết đau khổ được thực hiện vào ngày 26/3, dọc chân tường thành Kremlin, với sự hiện diện của đám đông khoảng 200 đến 300 nghìn người. Giám mục địa phận Rostov cùng ba người khác bị chém bằng búa rồi để cho chết dần. Thiếu tá Glebov, người tình của Evdokia, nhận hình phạt khủng khiếp hơn: bị đánh roi, thân thể bị đốt bằng sắt nung đỏ và than hồng, rồi bị găm bằng giáo trên một tấm gỗ và để chết dần trong 3 ngày. Nhưng ông vẫn không chịu nhận tội. Có chuyện kể rằng trong khi ông đang chịu đau đớn khủng khiếp vì bị một cây cọc đâm vào hậu môn, Pyotr tiến đến gần. Pyotr nói nếu Glebov chịu nhận tội thì ra lệnh chấm dứt ngay việc hành hạ và cho xử tử tội nhân lập tức để tránh đau đớn kéo dài. Theo chuyện kể này, Glebov phun nước bọt vào mặt Pyotr, và Sa hoàng lạnh lùng bước đi nơi khác.

Tương tự, Kikin, người thú nhận đã khuyên Aleksei bỏ trốn đi Áo, bị tra tấn từ từ, thỉnh thoảng được hồi sức để chịu đau đớn hơn. Qua ngày thứ hai, Pyotr đến xem và nghe ông xin khoan hồng để được trở thành tu sĩ. Pyotr từ chối, nhưng trong hành động khoan dung, ra lệnh chém đầu Kikin ngay đề tội nhân đỡ đau đớn.

Chín tháng sau, đợt trừng phạt thứ hai được thi hành trên Quảng trường Đỏ. Bốn người chịu hình phạt gây đau đớn nhưng được tha tội chết, trong số này có Hoàng thân Shcherbatov và một thông dịch viên người Ba Lan

của Aleksei. Năm người bị xử tử: Abraham Lopukhin, Ignatiev, Afanasiev (thị thần của Aleksei) cùng hai người khác.

Trong khi máu tội nhân đang chảy, Pyotr vẫn không nghĩ đã truy bắt hết phe chông đối, nhưng tin rằng mình đã làm điều đúng lý và cần thiết. Ông nói:

> Nếu một ngọn lửa gặp rơm và chất nhẹ khác dễ cháy, nó sẽ bùng lên nhanh. Nhưng nếu có sắt và đá ngăn chặn, ngọn lửa sẽ tự dập tắt.

Sau các đợt thi hành án ở Moskva, mọi người đều hy vọng vụ việc đã xong. Những can phạm chính trong cuộc âm mưu - nếu đúng là có âm mưu - đã bị quét sạch. Khi Pyotr đi Sankt-Peterburg vào tháng 2/1718, ông dẫn Aleksei đi theo. Nhiều người thấy thế tin rằng mối rạn nứt giữa hai cha con đã được hàn gắn. Tuy vậy, tâm trí Pyotr vẫn còn vướng bận mối nghi ngờ pha lẫn e sợ. Nỗi tiến thoái lưỡng nan của ông là không tìm ra bằng chứng rõ rệt của một âm mưu chông đối, nhưng Aleksei cũng không minh chứng được lòng trung thành, và ông không tin những người thân cận với ông là bề tôi tuyệt đối thần phục ông. Trên tất cả, ông vẫn chưa làm gì để giải quyết vấn nạn vốn vướng bận tâm tư ông nhất. Một báo cáo của Weber nêu rõ về sự tiến thoái lưỡng nan này:

> Bây giờ là câu hỏi: Phải làm gì thêm với Hoàng Thái tử? Có tin nói anh ấy sẽ được đưa đến một tu viện hẻo lánh. Đối với tôi thì việc này khó xảy ra, bởi vì Sa hoàng càng đẩy anh ấy đi xa hơn thì anh ấy càng có nhiều cơ hội tụ tập đám người bất ổn để giải thoát cho anh. Tôi nghĩ anh ấy sẽ bị dẫn về đây và bị giữ ở gần Sankt-Peterburg. Tôi không muốn nói Sa hoàng đúng hay sai khi truất quyền kế vị của anh ấy và

mãi nguyền rủa đứa con. Điều chắc chắn là giới tăng lữ, quý tộc và dân thường kính trọng Hoàng Thái tử như là thần thánh.

Dự đoán của Weber tỏ ra chính xác. Dù trên danh nghĩa là tự do, Aleksei phải sống trong một ngôi nhà gần cung điện của Ekaterina và ít khi có dịp lọt khỏi tầm mắt cúa Pyotr. Vị Hoàng Thái tử lúc này tỏ ra kinh sợ và có vẻ như không quan tâm đến những gì đang xảy ra. Anh thấy mẹ, gia sư, giáo sĩ nghe xưng tội, bạn hữu và tùy tùng của mình bị bắt, bị tra tấn, đi đày, bị đánh roi hoặc bị xử tử mà không lên tiếng phản kháng gì cả. Dường như ý nghĩ duy nhất của anh là cưới được Afrosina. Trong buổi lễ Phục sinh, Aleksei long trọng cất tiếng chúc mừng Ekaterina theo nghi lễ truyền thống, rồi quỳ xuống trước mặt bà và khẩn cầu bà gây ảnh hưởng với người cha để cho phép anh cưới Afrosina.

Afrosina đi đến Sankt-Peterburg ngày 15/4. Thay vì được vòng tay của người tình đang nôn nóng đón nhận, cô bị bắt giữ lập tức và bị đưa đến Pháo đài Petropavlovsk. Người ta tìm thấy hai bức thư được viết bằng nét chữ của Aleksei khi anh còn ở Naples. Một bức gửi cho Thượng viện và bức kia gửi cho các tổng giám mục. Bức thư gửi Thượng viện viết:

Kính gửi Quý Thượng Nghị sĩ:

Tôi tin quý vị, cũng như tất cả những ai khác, sẽ không lấy làm lạ về việc tôi đi khỏi nước và hiện đang cư ngụ tại một nơi kín đáo. Việc ngược đãi và những xáo trộn đã buộc tôi phải xa rời đất nước thân yêu của tôi. Vào đầu năm 1716 họ đã định nhốt tôi vào tu viện, dù tôi đã không làm việc gì đáng để chịu như thế. Tất cả quý vị đã biết chuyện này. Nhưng vào mùa thu rồi Thượng Đế nhân từ đã cứu giúp tôi bằng

cách cho tôi một cơ hội để đi vắng khỏi đất nước thân yêu của tôi và quý vị, những người mà tôi không muốn rời xa nếu tôi không lâm vào hoàn cảnh này.

Hiện tôi vẫn khỏe mạnh dưới sự che chở của một Nhân vật Quyền quý[177], cho đến lúc Thượng Đế kêu gọi tôi trở về đất nước thân yêu của tôi.

Tôi mong quý vị đừng bỏ rơi tôi, lúc này không nên nghe theo tin đồn nói rằng tôi đã chết hoặc tin túc nào khác mà họ muốn xóa tôi khỏi ký ức của nhân loại, vì Thượng Đế vẫn phù hộ tôi và những ân nhân của tôi sẽ không bỏ rơi tôi. Họ đã hứa sẽ không bỏ rơi tôi, ngay cả sau này khi tôi cần đến họ. Tôi vẫn còn sống và lúc nào cũng cầu chúc cho quý vị và cho toàn quốc gia.

Lá thư gửi các tổng giám mục có nội dung tương tự, nhưng thêm là ý tưởng nhốt anh trong tu viện "nảy sinh từ chính những người đã hành xử với mẹ tôi theo cách như thế".

Bốn tuần sau, vào giữa tháng 5, tại Cung điện Peterhof, Pyotr quyết định thẩm vấn đôi tình nhân riêng rẽ, sau đấy cho hai bên đối chất với nhau. Ông dẫn Aleksei đi với mình đến Peterhof, và hai ngày sau Afrosina được dẫn từ Pháo đài Petropavlovsk đi qua Vịnh Phần Lan trong một chiếc thuyền mui kín. Trong tòa nhà Mon Plaisir, đích thân ông cật vấn cả hai.

Ở Peterhof, Afrosina phản bội Aleksei khiến cho đời anh tiêu tan. Không cần phải tra tấn, cô khai ra nhiều chi tiết về ý định của Aleksei từ bỏ ngai vàng để cưới cô và sống thầm lặng với cô. Afrosina mô tả những chi tiết thân mật về cuộc sống hằng ngày của hai người trong thời gian họ ở nước ngoài. Qua ngôn từ của cô, nỗi sợ hãi và cay đắng của Aleksei đối với

vua cha tuôn trào. Cô nói rằng Aleksei vài lần đã viết thư cho Hoàng đế Áo than phiền về người cha, tỏ ra vui mừng khi nghe tin đồn quân đội Nga ở Công quốc Mecklenburg làm phản và khi đọc báo chí loan tin Hoàng Thái tử Pyotr Petrovich ngã bệnh. Afrosina khai ra là nhiều lần Aleksei nói với cô về việc anh sẽ lên ngai vàng, và khi ấy anh sẽ bỏ phế Sankt-Peterburg cùng những vùng đất mà Pyotr đã chiếm được của nước ngoài. Anh sẽ giải tán triều đình của Pyotr và sẽ đưa người của mình vào. Anh sẽ xóa bỏ lực lượng hải quân, mặc cho tàu thuyền bị mục nát. Anh sẽ giảm lực lượng bộ binh Nga còn vài trung đoàn. Sẽ không còn có chiến tranh với nước nào cả, và anh sẽ thỏa nguyện với những đường biên giới cũ. Vai trò của giáo hội xưa cũ sẽ được phục hồi và tôn trọng.

Về phần mình, Afrosina cho biết Aleksei đồng ý trở về nước là nhờ cô thúc giục anh. Thêm nữa, cô khai mình phải đi theo Aleksei vì bị anh này dọa giết nếu cô từ chối. Cô còn khai là cô ngủ với Aleksei vì anh ta đã dọa dẫm và dùng vũ lực.

Lời khai của Afrosina củng cố nhiều nỗi nghi ngờ của Pyotr. Ông biên thư cho vị Phụ chính của Pháp, kể rằng đứa con trai đã không nhận tội gì cho đến lúc đối mặt với hai bức thư trong tay cô tình nhân của anh.

Qua những bức thư ấy, tôi đã thấy rõ có một âm mưu phản loạn mà tất cả những tình tiết đã được người tình ấy nói ra một cách công khai, tự nguyện mà không cần cật vấn nhiều.

Kế tiếp, Pyotr triệu Aleksei đến tòa nhà Mon Plaisir để anh trả lời những cáo buộc của Afrosina. Họa sĩ Nikolai Ge vẽ ra khung cảnh trong bức họa nổi tiếng vào thế kỷ 19: Pyotr ngồi với khuôn mặt đanh lại, mắt nhướng lên nhìn Aleksei; trong khi Aleksei đứng lộ vẻ lo lắng, ủ rũ nhìn xuống đất.

Aleksei tìm cách chống chế đối với những cáo buộc của Afrosina. Anh nói đã viết thư cho Hoàng đế Áo than phiền về người cha nhưng chưa gửi thư đi; anh viết thư cho Thượng viện và các tổng giám mục vì bị triều đình Áo thúc ép, nếu không họ sẽ trục xuất anh.

Rồi Pyotr triệu Afrosina vào, và cô này lặp lại những lời tố giác trước. Đến đây thì những lời bào chữa của Aleksei trở nên yếu ớt. Anh thú nhận đã gửi thư cho Hoàng đế Áo. Anh đã nói xấu vua cha, nhưng lúc ấy anh đang say rượu. Anh đã nói về việc lên ngai vàng, nhưng đấy là sau khi Pyotr qua đời do nguyên nhân tự nhiên. Anh giải thích:

> Khi tôi nghe tin vua cha lên cơn co giật, tôi nghĩ là ông sắp qua đời, vì tôi nghe nói người có tuổi khi bị bệnh như thế khó sống lâu thêm, tôi tin rằng ông ấy sẽ qua đời cùng lắm là trong hai năm. Tôi nghĩ sau cái chết của ông ấy, tôi sẽ đi Ba Lan và từ Ba Lan đi Ukraina, nơi mà không cần hỏi mọi người vẫn ủng hộ tôi. Tôi tin rằng ở Moskva, Công chúa Maria và đa số giám mục cũng thế. Còn về dân thường, tôi nghe nhiều người nói rằng họ thương yêu tôi.

Đối với những việc còn lại, tôi đã có ý định sẽ không trở về nước khi nào mà vua cha còn sống, trừ phi vua cha triệu tôi về.

Pyotr vẫn không thỏa mãn. Ông còn nhớ Afrosina đã khai rằng Aleksei tỏ ra vui mừng khi nghe tin đồn quân đội tạo phản. Bây giờ, ông cáo buộc nếu quân đội ở Mecklenburg thật sự làm phản, "con hẳn đã theo phe phản loạn ngay cả khi ta còn sống."

Aleksei trả lời một cách thành thực nhưng khiến cho anh dễ bị kết tội thêm:

Nếu tin đồn ấy là sự thật và nếu họ có gọi đến tôi, tôi sẽ tham gia với những người bất mãn, nhưng tôi không có ý định chắc chắn liệu sẽ hưởng ứng hay không trừ phi họ kêu gọi tôi. Trái lại, nếu họ không mời gọi, tôi hẳn đã sợ hãi mà không đi. Nhưng nếu họ mời gọi, tôi hẳn đã đi.

Tôi tin rằng họ chỉ kêu gọi tôi khi ông không còn nữa, bởi vì họ muốn kết liễu cuộc sống của ông, và tôi tin họ sẽ không chỉ lật đổ ông mà để cho ông sống. Nhưng nếu họ kêu gọi tôi ngay cả trong lúc ông còn sống, có lẽ tôi đã về phe với họ nếu họ đủ mạnh.

Vài ngay sau, Sa hoàng nhận thêm một chứng cứ cáo buộc nghiêm trọng. Ông đã ra lệnh cho Đại sứ Veselovsky của Nga tại Áo hỏi Hoàng đế Áo tại sao bắt buộc Aleksei viết thư cho Thượng viện và các tổng giám mục. Báo cáo của Veselovsky ngày 28/5 cho biết sóng gió đã nổi lên trong triều đình Áo. Hoàng thân Eugene Xứ Savoy báo cho Veselovsky biết rằng cả Hoàng đế lẫn Thư trương Ngoại giao Schönborn đã không hề thúc ép Aleksei viết hai bức thư kia. Sự thật là chính Aleksei tự ý viết hai bức thư này và nhờ Bá tước Schönborn gửi về Nga, nhưng ông này vẫn giữ lại hai bức thư. Tóm lại, Aleksei đã nói dối, và trong lời nói dối còn lôi kéo cả triều đình Áo vào.

Sa hoàng không cần phải nghe thêm nữa. Aleksei bị bắt giam trong Pháo đài Petropavlovsk, rồi hai tòa án - một của giới tăng lữ, một thế tục - được triệu tập để xét xử. Tòa án tăng lữ gồm có các cấp lãnh đạo của giáo hội Chính thống Nga; còn tòa án thế tục bao gồm tất cả bộ trưởng, thượng nghị sĩ, nhiều thống đốc, tướng lĩnh và sĩ quan Cảnh vệ. Trước khi hai tòa án nhóm họp, Pyotr đã quỳ cầu nguyện trong nhiều giờ xin Thượng Đế

phán bảo ông phải làm thế nào cho đúng theo danh dự và nền an ninh của đất nước.

Ngày 14/6/1718, hai tòa án nhóm họp trong trụ sở Thượng viện ở Sankt-Peterburg. Một buổi lễ cầu nguyện được tổ chức trước để xin ơn Trên đưa đường chỉ lối. Mọi người ngồi quanh một dãy bàn dài; các cửa cái và cửa sổ đều được mở toang. Công chúng được mời vào dự khán; Pyotr muốn có nhiều người đến nghe quá trình xét xử. Aleksei được điệu vào, rồi phiên tòa bắt đầu.

Pyotr nhắc lại với cử tọa rằng trong nhiều năm, ông vẫn không chối bỏ quyền kế vị ngai vàng của con trai. Ngược lại, ông đã cố gắng "thiết tha kêu gọi Aleksei hãy tỏ ra xứng đáng với cương vị của người kế vị ngai vàng". Nhưng Hoàng Thái tử đã quay lưng lại với vua cha, đã "bỏ trốn và xin Hoàng đế Áo che chở, thậm chí xin Áo cử quân đội đề hỗ trợ anh lên ngai vàng nước Nga". Pyotr cho biết Aleksei đã thú nhận rằng nếu quân đội làm phản ở Mecklenburg kêu gọi đến anh, anh sẽ lãnh đạo họ ngay ca khi Sa hoàng còn sống.

Vì thế, qua các tình tiết, người ta có thể phán xét ràng anh ấy đã có ý định lên ngôi, không phải qua cách vua cha xếp đặt, mà qua cách của riêng mình, với sự hỗ trợ của ngoại bang hoặc sức mạnh của quân phản loạn, ngay cả khi cha anh còn sống.

Sa hoàng nói, hơn nữa, trong suốt quá trình điều tra, Aleksei liên tục dối trá và tránh né khai ra sự thật. Vì lẽ lệnh khoan hồng của Sa hoàng dựa trên điều kiện hoàn toàn thành khẩn khai báo, giờ đây không còn có sự khoan hồng nữa.

Sau khi Pyotr dứt lời cáo buộc, Aleksei "thú nhận với vua cha, trong sự hiện diện của toàn thể phiên tòa tăng lữ và thế tục, có tội như đã mô tả".

Sa hoàng yêu cầu tòa án tăng lữ gồm 13 thành viên tham mưu cho ông biết phải làm thế nào. Các thẩm phán cố né tránh đưa ra câu trả lời trực tiếp. Họ biện luận rằng vụ việc không thích hợp để đưa ra phán xử trước tòa án tăng lữ. Khi Pyotr thúc ép phải cho câu trả lời rõ ràng hơn, họ đáp rằng nếu Sa hoàng muốn trị tội đứa con, ông có thể dựa theo Thánh Kinh Cựu Ước, như "Ai nguyền rủa cha hoặc mẹ thì phải bị tội chết", hoặc "Nếu một người có một đứa con trai ngỗ nghịch, cứng đầu, không vâng lời cha… thì người cha… sẽ dẫn anh ta đến trước các phụ lão của thành phố… Rồi tất cả những người trong thành phố sẽ ném đá anh ta cho đến chết". Các thẩm phán cũng nói rằng, mặt khác, nếu Sa hoàng muốn tỏ ra khoan dung thì cũng có nhiều ví dụ trong những lời giáo huấn của Jesus.

Vẫn không hài lòng với cách trả lời như thế, Pyotr quay qua 127 thành viên của tòa án thế tục. Ông ra lệnh cho họ phải phán xử đứa con trai một cách công bằng và khách quan, và

> không cần phải tâng bốc, hoặc e ngại ta. Đừng bị lay động vì quý vị phán xử người con trai của quân vương. Ta xin thề với Thượng Đế và với sự phán xử của Người để cam đoan là quý vị không có gì phải lo sợ.

Ngày 16/6, Pyotr chính thức trao cho tòa án tất cả quyền hạn để xét xử Aleksei giống như khi xét xử bất kỳ thần dân nào bị cáo buộc tội danh phản loạn, "theo thể thức và cách tra khảo cần thiết" - có nghĩa là việc tra tấn.

Nhận được lời trấn an và chỉ thị như thế, tòa án triệu Aleksei đến trụ sở Thượng viện và tuyên bố:

Dù tòa án cảm thấy phiền muộn do hành vi của ông trong quá khứ, nhưng vì phải tuân thủ chỉ thị mà tra vấn ông, không xét đến cá nhân ông và tư cách của ông là con của đấng quân vương.

Thế là, Aleksei phải chịu sự tra tấn. Ngày 19/6 anh nhận 25 roi nhưng không khai báo điều gì mới. Ngày 24/6, anh bị đánh thêm 15 roi. Sau khi bị rách da tróc thịt vì 40 roi, Aleksei khai với người tra vấn, Tolstoy: "Tôi đã mong cho cha tôi chết." Anh cho biết anh đã sẵn sàng chi trả cho Hoàng đế Áo để điều quân đội cho anh cướp ngai vàng từ vua cha.

Như thế là đủ. Cùng đêm 24/6 ấy, tòa án nhất trí và không cần nghị án, tuyên án "với con tim đau khổ và đầy nước mắt", Aleksei phải chịu tử hình vì tội

có mưu đồ phản loạn, theo tính chất mà thế giới ít khi nghe qua, với tội danh giết cha có tình tiết nặng gấp đôi, trước nhất là Người Cha của đất nước và kế đấy là Người Cha của riêng mình.

Hầu như toàn thể cận thần của Pyotr đều ký tên trong bản án, bắt đầu từ Menshikov đến Đại tướng-Đô đốc Fyodor Apraksin, Bộ trưởng Ngoại giao Golovkin, Thứ trưởng Ngoại giao Shafirov, ba ủy viên Hội đồng Cơ mật, Pyotr Tolstoy, Ivan Romodanovsky, một thượng nghị sĩ, hai đại tướng, và hai thống đốc.

Bản án lúc này nằm trong tay Sa hoàng; ông có thể ký cho thi hành án. Ông chần chừ, nhưng chẳng bao lâu những biến cố vượt ngoài tầm kiểm soát của ông. Đại sứ Friedrich Christian Weber của Hanover, kể lại:

Sáng sớm ngày Thứ Năm, 26/6, có tin báo đưa đến Sa hoàng là… Hoàng Thái tử đang hôn mê vì chứng vỡ động mạch não. Khoảng giữa trưa, có tin báo là Hoàng Thái tử đang ở trong tình trạng nguy cấp, khiến cho Sa hoàng triệu tập các đại thần và ra lệnh họ túc trực với ông. Rồi có tin báo kế tiếp là tình trạng của Hoàng Thái tử đã trở nên tuyệt vọng, và anh tỏ ý muốn gặp mặt vua cha.

Cùng với một số đại thần nói trên, Sa hoàng đi đến gặp người con. Khi vừa thấy cha, Aleksei bật lên khóc, và nói rằng anh đau buồn vì đã xúc phạm người cha một cách ác độc, rằng anh muốn chết trong sự buồn khổ như thế, và dù cho anh có thể sống, anh không đáng sống… Anh xin người cha tha thứ cho mọi tội lỗi tày đình của mình, ban cho anh ơn phước của tình phụ tử, và cho phép đọc kinh cầu nguyện cho anh.

Trong khi nghe những lời nói cảm động như thế, Sa hoang va quần thần quanh ông đều chảy nước mắt, rồi ông đáp lời một cách thống thiết, rồi ban lời khoan dung và chúc phúc…

Đến năm giờ chiều, một thiếu tá Cảnh vệ mang tin nhắn là Hoàng Thái tử rất mong mỏi được gặp Sa hoàng lần nữa. Lúc đầu Sa hoàng không muốn chiều theo lời khẩn cầu, nhưng những đại thần quanh ông khuyên Hoàng thượng không nên chối từ sự an ủi đối với một người con đang hấp hối và có lẽ lương tâm đang giày vò. Nhưng khi Hoàng thượng chuẩn bị đi, tin báo kế tiếp đưa đến là Hoàng Thái tử đã qua đời.

Cho đến bây giờ, không ai biết đích xác Aleksei đã chết như thế nào. Có nhiều tin đồn trái ngược phát xuất từ Sankt-Peterburg ra cả nước Nga rồi lan ra cả Châu Âu. Lo ngại vì ấn tượng bất lợi do cái chết uẩn khúc có thể

tạo ra, Sa hoàng ra lệnh soạn thảo bản giải trình chính thức gửi đến mọi triều đình ở Tây Âu. Đặc biệt lo lắng đôi với triều đình Pháp mà ông vừa viếng thăm, Pyotr gửi một bức thư dài gửi cho Đại sứ Nga tại Pháp đề trao cho Hoàng đế Louis XV và Phụ chính Philippe d'Orleans của Pháp. Sau khi đã thuật lại từ đầu vụ việc, Pyotr kết luận:

> Tòa án tăng lữ, chiếu theo tất cả luật thần quyền và chính quyền, bắt buộc phải tuyên án tử hình [đối với Aleksei], với sự hạn chế là việc này tùy thuộc vào thẩm quyền chuyên chính và lòng khoan dung của bậc phụ huynh mà tha thứ cho những trọng tội của anh ấy hay thi hành án. Và chúng tôi đã thông báo cho Hoàng Thái tử, con trai của chúng tôi.
>
> Tuy thế, chúng tôi vẫn chưa quyết định, không biết phải giải quyết thế nào vụ việc quan trọng như thế này. Một mặt, tình phụ tử thân thương khiến cho chúng tôi thiên về việc tha thứ cho những trọng tội của anh ấy, mặt khác chúng tôi xem xét những việc độc ác mà đất nước chúng ta sẽ sa vào và những điều không may sẽ đến nếu chúng tôi ban phúc cho con trai chúng tôi.
>
> Giữa hoàn cảnh vô định và đau buồn này, ơn Trên với những Phán quyết Thiêng liêng luôn công bằng, đã ban phúc cho người này và cho toàn đế quốc tránh khỏi tất cả sự sợ hãi và nguy khốn và chấm dứt những chuỗi ngày của con trai Aleksei chúng tôi, người đã qua đời hôm qua. Ngay sau khi anh ấy đã nhận thức được những tội tày đình mà anh ấy đã phạm phải chống lại chúng ta và cả đế quốc chúng ta, và đã nhận bản án tử hình, anh ấy bị lên cơn động kinh. Khi anh ấy hồi phục, vẫn còn tỉnh táo và nói năng được, anh ấy xin chúng tôi đến gặp anh, và chúng tôi đến cùng với các bộ trưởng và thượng nghị sĩ, dù cho mọi lỗi

lầm mà anh ấy gây ra cho chúng tôi. Chúng tôi thấy mắt anh ấy đẫm lệ và tỏ ý thật sự ăn năn. Anh ấy nói với chúng tôi rằng anh biết bàn tay của Thượng Đế đang đặt lên anh và rằng anh đang suy xét mọi hành động trong cuộc đời mình, và rằng anh tin mình không thể hòa giải được với Thượng Đế nếu không hòa giải được với đấng Quân vương và người cha. Sau đó, anh ấy kể lại những chi tiết mới về mọi sự việc đã xảy ra, bản thân anh ấy cảm thấy mình phạm tội; anh ấy nhận tội, nhận ban Phép thánh, xin chúng tôi ban phước và khẩn cầu chúng tôi tha thứ cho tất cả tội trạng của anh. Chúng tôi đã tha thứ cho anh ấy như bổn phận phụ huynh và đức tin Cơ Đốc đòi hỏi chúng tôi phải làm thế.

Cái chết bất ngờ này khiến cho chúng tôi buồn khổ tột cùng. Tuy nhiên, chúng tôi cũng tìm thấy nguồn an ủi là ơn Trên đã muốn giải thoát tất cả khỏi cơn phiền muộn và đã tạo an bình cho nước Nga. Vì thế, chúng tôi thấy cần phải cảm tạ Thượng Đế và xử sự đúng mực với tất cả lòng khiêm tốn của Cơ Đốc giáo trong hoàn cảnh đau buồn này.

Chúng tôi thấy càn thông báo mọi chi tiết đã xảy ra bằng thư tốc hành để ông biết tường tận, và để thông báo theo cách thức thông thường cho Đức Hoàng thượng [Hoàng đế Louis XIV] và Ngài Phụ chính Quận công d'Orleans.

Trong trường hợp có ai đấy loan tin về biến cố này theo cách xấu xa, ông có trong tay tất cả thông tin hầu xóa tan và phủ nhận mọi chuyện thiếu công tâm và vô căn cứ.

Weber của Hanover và De la Vie của Pháp tin nơi lời giải thích chính thức của Nga và báo cáo về triều đình của họ rằng Hoàng Thái tử đã qua đời vì chứng vỡ động mạch não. Nhưng một số người nước ngoài khác nghi

ngờ, rồi chẳng bao lâu có nhiều tin đồn trái ngược. Pleyer của Áo ban đầu báo cáo rằng Aleksei chết vì chứng động kinh, nhưng ba ngày sau ông báo tin cho chính phủ mình rằng Aleksei đã bị chặt đầu (nhiều năm sau có tin nói rằng chính Pyotr đã chém đầu con trai mình). Có tin nói một phụ nữ ở Narva kể rằng mình đã được triệu đến tòa pháo đài để khâu cái đầu vào thân người để thi thể được trình diện cho tử tế. Một kiều dân Hà Lan tên De Bie báo cáo rằng Aleksei bị bỏ mặc cho chảy máu đến chết vì vết thương do một ngọn giáo. Sau đó, lại có tin đồn đại rằng Aleksei bị bốn Cảnh vệ giết bằng cách dùng gối bông đè cho chết ngạt; trong số bốn Cảnh vệ có Đại úy Rumyantsov, người đã truy lùng anh.

Nhật ký của nhà giam Sankt-Peterburg cho thấy khoảng 8 giờ sáng ngày 26/6, Menshikov và tám người khác đi đến tòa pháo đài để tham gia buổi hỏi cung mới, có kèm tra tấn - nhưng không ghi rõ ai bị tra tấn. Nhật ký ghi là lúc 6 giờ chiều, Aleksei qua đời.

Nhật ký của Menshikov ghi là sáng hôm ấy ông đi đến tòa pháo đài, gặp Sa hoàng ở đây, rồi đến gặp Aleksei lúc này đang rất yếu, và lưu lại đây trong nửa giờ. Nhật ký cũng ghi Aleksei qua đời cùng ngày.

Sự thật là không cần viện dẫn những lý do đã được nêu ra - chặt đầu, để chảy máu đến chết, đè cho ngạt thở hoặc ngay cả chứng vỡ động mạch não - nhằm giải thích cái chết của Aleksei. Lời giải thích đơn giản có lẽ là đúng nhất: 40 ngọn roi đủ để giết một người khỏe mạnh. Thể chất của Aleksei không được khỏe, và vết thương từ 40 ngọn roi đánh lên cơ thể mỏng manh của anh dễ dàng gây ra cái chết.

Dù cho chính xác Aleksei chết theo cách nào, những người đương thời đều quy trách nhiệm cho Pyotr. Và dù nhiều người bị sốc nặng, họ vẫn nghĩ

rằng cái chết của Aleksei là phương án giải quyết tốt nhất cho vấn nạn của Pyotr. Như De la Vie báo cáo về triều đình Pháp:

> Cái chết của Hoàng Thái tử cho thấy điều chắc chắn là mọi mầm mống phản loạn và âm mưu đã bị dập tắt hoàn toàn. Cái chết xảy ra thật đúng lúc trong việc lập lại sự an bình và hóa giải nỗi e sợ của chúng tôi về những điều tiềm ẩn đe dọa.

Ít ngày sau, ông thêm: "Không làm sao ngợi khen cho hết sự hành xử của Sa hoàng."

Pyotr không né tránh lời buộc tội chông lại ông. Dù ông nói rằng Thượng Đề cuối cùng đã lấy đi mạng sống của Aleksei, ông không bao giờ phủ nhận chính mình đã mang đứa con trai ra xét xử rồi dẫn đến bản án tử hình. Ông đã không ký thi hành án, nhưng đã đồng ý hoàn toàn với phán quyết của phiên tòa.

Và ông cũng không buồn giả vờ lộ vẻ đau khổ. Một ngày sau khi Aleksei qua đời là ngày kỷ niệm chiến thắng Pultowa, và không có nghi thức nào được hoãn lại hoặc giảm bớt. Pyotr vẫn tham dự lễ ăn mừng chiến thắng, yến tiệc chiêu đãi buổi tối và khiêu vũ. Hai ngày sau, 29/6, Sa hoàng cùng tất cả bộ trưởng dự lễ hạ thủy một chiến hạm có 94 khẩu đại bác do chính ông thiết kế.

Nghi thức lễ tang dành cho Aleksei thể hiện sự thiếu nhất quán trong tâm tư của Pyotr. Có vẻ như giờ đây Aleksei không còn là mối đe dọa cho ông, thế nên ông cho phép cử hành tất cả nghi thức phù hợp với tước vị Hoàng Thái tử của anh khi còn sống, nhưng không phải ở mức long trọng như người có nhiều công trạng. Vào buổi sáng một ngày sau khi Aleksei

qua đời, thi thể anh được mang từ nhà ngục đến tư dinh vị chỉ huy pháo đài, được nhập quan và được phủ bằng một tấm vải nhung đen, rồi một tấm vải dát vàng phủ bên ngoài áo quan. Golovkin và những nhân viên cấp cao của triều đình được cử đưa linh cữu đến Thánh đường Chúa Ba ngôi.

Khuôn mặt và hai bàn tay được để lộ ra ngoài để người viếng tang có thể đặt nụ hôn vĩnh biệt lên bàn tay hoặc vầng trán người chết.

Tang lễ được cử hành ngày 30/6, với lệnh của Sa hoàng là đàn ông không được mặc tang phục, nhưng có vài phụ nữ vận trang phục màu đen. Các đại sứ không được mời và nhận khuyên cáo không nên mặc tang phục, như thể người con đã qua đời trong tư cách là một tử tội. Tuy thế, lời cầu nguyện trích trong Kinh Thánh là lời than khóc cho một người con trai, và vài người dự lễ cho biết Pyotr đã khóc.

Sau buổi lễ ở Thánh đường Chúa Ba ngôi, linh cữu Aleksei được đưa đến Pháo đài Petropavlovsk, theo sau là Sa hoàng, Hoàng hậu Ekaterina và tất cả quan chức cấp cao (phần lớn đã bỏ phiếu tuyên án tử hình Aleksei). Trong Thánh đường Petropavlovsk, linh cữu của Aleksei được đặt kế linh cữu của vợ anh, Công nương Charlotte.

Đến cuối năm, Pyotr ra lệnh đúc một loại huân chương mới, như thể ông kỷ niệm một chiến thắng. Tấm huân chương có hình đám mây rẽ sang hai bên và một ngọn núi dưới những tia nắng. Bên dưới quang cảnh là hàng chữ: “Chân trời đã sáng sủa.”

Về phần Afrosina, cô được tha bổng và trả tự do. Cô sống tiếp 30 năm ở Sankt-Peterburg, lấy một sĩ quan Cảnh vệ. Không ai biết rõ số phận giọt máu của Aleksei trong bụng cô. Có tin nói đứa trẻ ra đời ở Riga trong khi Afrosina trên đường trở về Nga, và cũng có tin cho biết cô sinh hạ đứa trẻ

khi bị giam trong Pháo đài Petropavlovsk. Dù sao đi nữa, đứa trẻ biến mất khỏi lịch sử.

Cuối cùng, ta có thể nói gì về thảm kịch này? Có phải đây chỉ là vụ việc trong gia đình, do sự xung đột giữa hai cá tính, hoặc do người cha quá khắc nghiệt luôn hành hạ và cuối cùng giết chết đứa con hai đáng thương?

Mối quan hệ giữa hai cha con là sự pha trộn giữa những tâm tư cá nhân và thực tế chính trị. Tố chất của Aleksei tạo nên sự xung khắc giữa hai cha con, nhưng cội rễ của vấn đề là ở quyền chuyên chế. Có hai quân vương - một trên ngai vàng và một đang chờ đợi lên ngôi - với những mong ước khác nhau và mục tiêu trái ngược cho nước Nga. Mỗi người đều cảm thấy thất vọng khi cố thực hiện những mong ước của mình. Khi người cha còn ngự trị, người con phải chờ, nhưng người cha thấy rằng một khi ông qua đời, những mong ước của mình sẽ tiêu tán, những mục tiêu của mình sẽ bị đảo lộn. Quyền lực chỉ năm ở chiếc vương miện.

Dĩ nhiên là lịch sử đã ghi lại nhiều mối bất đồng trong những gia đình hoàng tộc, nhiều tính khí xung khắc, nhiều nghi ngờ và thủ đoạn tranh giành quyền lực giữa những thế hệ, nhiều trường hợp thế hệ sau mất kiên nhẫn chờ đợi thế hệ trước chết đi để nắm lấy quyền lực. Cũng có nhiều câu chuyện về vua chúa và hoàng tử tố cáo người thân của mình đã cống đối lại ngai vàng, hoặc là nếu rơi vào cảnh thất bại phải chạy trốn ra nước ngoài. Cùng thời với Pyotr, Công chúa Mary của nước Anh đã nhúng tay vào việc lật đổ vua cha James II, và khi ông này qua đời, con trai ông hai lần trở về Anh để cố giành lại ngôi vua.

Trong những giai đoạn trước, con đường đưa đến ngai vàng nhiều khi đẫm đầy máu của cùng hoàng tộc. Nữ hoàng Elizabeth I đã giam giữ người chị cùng cha khác mẹ, Nữ hoàng Mary của Scotland, héo hắt trong ngục

thất 27 năm, rồi cuối cùng ký lệnh thi hành án tử hình vì e sợ Mary sẽ lên ngôi. Hơn thế nữa, con trai của Mary, Vua James VI của Scotland, còn lấy làm vui về cái chết của mẹ vì nhờ đó ông trở thành người kế vị Elizabeth.

Nhưng giết chính con cái mình trong hoàng gia là chuyện hiếm hoi hơn. Ivan Bạo chúa của Nga đã giết đứa con trai, nhưng gần như trong cơn điên. Điều khiến cho ta dễ bứt rứt về cái chết của Aleksei vì đây là hậu quả của cuộc phân xử lạnh lùng, khoác vẻ công lý. Ta cảm thấy việc một người cha cho phép tra tấn đứa con của mình là một vết nhơ khó tin, là hành động tàn bạo nhất trong cả cuộc đời của Pyotr đầy bạo lực.

Tuy nhiên, đối với Pyotr, phiên tòa là bước pháp lý cuối cùng cần thiết để ông bảo vệ một cách hợp pháp đất nước và thành quả của mình. Pyotr cảm thấy rõ ràng đấy là điều thiết yếu về mặt chính trị hơn là môi hiềm thù cá nhân. Trong ý nghĩ của Pyotr, ông đã tỏ ra bao dung cho đứa con. Không có người Nga nào nhận được từ Sa hoàng hết bức thư này đến bức thư khác, hết lời khuyên bảo này đến lời khuyên khác, nhằm cố thúc đẩy họ nhận lãnh trách nhiệm và tuân theo ý chí của ông. Một người Nga nào khác hành xử như Aleksei sẽ bị trừng phạt lập tức. Pyotr đã nhân nhượng nhiều vì mối quan hệ cha con.

Các phiên xử đã phát hiện những lời lẽ có tính cách phản loạn và sự mong mỏi cùng khắp cho cái chết của Pyotr. Nhiều người đã bị trừng phạt; liệu có thể kết tội những người ngoại vi mà để yên cho nhân vật trung tâm? Pyotr đã đối diện với sự chọn lựa như thể và ông đã đưa sự chọn lựa ấy ra tòa án. Vì bị giằng co giữa một bên là tình phụ tử và một bên là bảo vệ những thành quả của mình, Pyotr đã phải chọn giải pháp đưa đứa con trai ra xét xử. Aleksei đã bị kết án vì những lý do liên quan đến đất nước, không phải đến gia đình. Cũng giống như Nữ hoàng Elizabeth I, đấy là quyết định

dứt khoát của một quân vương quyết tâm bảo vệ đất nước mà họ đã dày công xây dựng suốt cuộc đời.

Aleksei có thật sự là mối đe dọa cho Pyotr khi ông còn sống hay không? Xét theo tố chất của hai cha con, hình như không có mối hiểm họa nào. Aleksei không có năng lực và ý định cầm đầu một phe nhóm phản loạn. Đúng là anh muốn kế vị ngai vàng và mong cho Pyotr chết đi, nhưng anh chỉ có ý chờ đợi, tin rằng mình được nhiều người Nga ủng hộ và vua cha hẳn không còn sống được bao năm nữa.

Và nếu Aleksei kế vị, liệu nỗi lo sợ của Pyotr - rằng anh sẽ phá hỏng cả cơ nghiệp của ông - sẽ thành hiện thực không? Điều này cũng khó xảy ra. Vì một lẽ, Aleksei không phải là hoàng tử thời Trung cổ. Anh được nhiều gia sư Tây Âu dạy dỗ, đã đi học ở Tây Âu, đã cưới một công chúa Tây Âu, và có anh cọc chèo là Hoàng đế Áo. Nước Nga dưới triều đại của Aleksei hẳn không thể quay ngược về thời Trung cổ. Lịch sử có thể đi chậm lại, nhưng không quay ngược về quá khứ.

Rốt cuộc, Aleksei đã tự chấp nhận phán quyết của tòa án và của vua cha. Anh đã thú tội và xin khoan hồng. Sự chống đối yếu ớt, hầu như không tự nguyện đối với người cha mạnh mẽ đã thất bại, người yêu đã phản bội và bỏ rơi anh, và thể chất anh suy sụp do tra tấn. Có lẽ anh muốn rút lui khỏi cuộc đời cũng giống như anh muốn rút lui khỏi triều đình để về sống nơi thôn dã, vì đã quá mệt mỏi mà không muốn tiếp tục, không thể tiến bước dưới cái bóng to lớn của người cha nghiêm khắc mà cũng là một quân vương chuyên chế.

177. Aleksei có ý nói đấy là Hoàng đế Áo. (ND)

55 CUỘC TẤN CÔNG CUỐI CÙNG CỦA KARL

Khi Pyotr hủy bỏ cuộc tấn công Thụy Điển của quân đồng minh vào tháng 9/1716, Karl XII không thể biết liệu việc đổ bộ được bãi bỏ hẳn hay chỉ là dời qua mùa xuân năm sau. Vì thế suốt mùa đông ông lưu lại Lund, ở mũi cực nam của Thụy Điển, đối diện với Đan Mạch ở bờ biển bên kia. Ngôi nhà ông ngụ là của một giáo sư; để phù hợp với thị hiếu của nhà Vua, các gian phòng được mở rộng và được sơn hai màu vàng và xanh lam của quốc kỳ. Đến mùa xuân, người ta đào một cái giếng mới, trồng rau cải và đào hai cái ao để nuôi cá phục vụ bữa ăn của Karl.

Trong ngôi nhà này, nhà Vua sống và làm việc gần hai năm. Mùa hè, Karl thức dậy lúc 3 giờ sáng khi mặt trời đã ló rạng. Ông làm việc với các trợ lý hoặc tiếp khách cho đến 7 giờ sáng. Sau đó, dù cho thời tiết tốt xấu ra sao, Karl vẫn lên ngựa đi thị sát các trung đoàn đóng dọc bờ biển phía nam, rồi trở về lúc 2 giờ chiều. Các bữa ăn tối đều giản dị và kết thúc nhanh chóng. Thứ đặc biệt duy nhất mà ông yêu thích là món mứt trái cây do em gái Ulrika tự làm gửi cho ông. Đồ dùng trên bàn ăn làm bằng thiếc; các bộ bằng bạc đã được bán đi từ lâu để lấy tiền phục vụ chiến tranh. Lúc 9 giờ tối, nhà Vua ngả lưng ngủ trên một chiếc đệm rơm.

Trong những tháng tĩnh lặng này, nhà Vua có cuộc sống êm đềm, tham dự những bài giảng và thảo luận với các giáo sư đại học, lập quy hoạch cho những cung điện và tòa nhà chính phủ mới sẽ được xây dựng một khi hòa bình lập lại, thiết kế mẫu cờ xí và đồng phục mới (cấm sử dụng màu xanh lục, có lẽ là do Pyotr đã mặc màu này trong Trận Pultowa).

Ở tuổi 34 Karl XII đã trở thành một con người hiền dịu hơn, thanh thản hơn, dễ dàng chấp nhận khuyết điểm của người khác hơn. Tuy thế, về một phương diện cực kỳ quan trọng khác, ông không hề thay đổi: ông vẫn muốn tiếp tục chiến tranh.

Vì lý do này, nhiều người Thụy Điển xem việc ông trở về nước là điều bất hạnh. Sau khi Stralsund và Wismar rơi vào tay đối phương, họ cảm thấy hầu như nhẹ nhõm, tin rằng việc mất những mảnh đất cuối cùng ở lục địa Châu Âu có nghĩa là rốt cuộc hòa bình sẽ được tái lập. Từ ước vọng vinh quang cho đất nước và nên thương mại phồn thịnh, họ đã chuyển qua khát khao hòa bình. Karl XII biết thế nhưng giải thích với em gái Ulrika:

> Tôi không chống lại hòa bình. Tôi chỉ mong một nền hòa bình có thể duy trì được lâu dài. Đa số các nước đều muốn Thụy Điển suy yếu hơn lúc trước. Chúng ta phải dựa trên thực lực của chính mình.

Tiếp tục cuộc chiến tranh có nghĩa là cần thêm người và tiền của, nhưng Thụy Điển đã bị hao kiệt. Phân nửa diện tích đất canh tác bị bỏ hoang vì thiếu nhân lực. Ngành đánh bắt hải sản bị bỏ phế. Ngoại thương suy thoái vì bị hải quân các nước thù địch phong tỏa; trong vòng 20 năm đội thương thuyền của Thụy Điển chỉ còn lại một phần tư.

Trong những tình huống như thế, những kế hoạch của Karl XII cho cuộc tổng tiến công quân sự mới khiến cho nhiều thanh niên bỏ trốn vào rừng để tránh nghĩa vụ quân sự. Nhiều người khác bị lùng sục và dẫn đi từ nhà thờ, hầm mỏ hoặc quán rượu. Thậm chí sinh viên và học sinh cũng bị bắt đi làm nghĩa vụ. Nhiều người tự gây thương tích hòng trốn tránh, nhưng luật mới quy định đánh roi rồi vẫn sung họ vào quân ngũ chiến đấu hoặc làm lao công cho quân đội nếu thương tích nặng hơn. Vì thế, một người Hà Lan di chuyển trên đất Thụy Điển vào năm 1719 thấy chỉ có đàn ông tóc hoa râm, phụ nữ hoặc con trai dưới 12 tuổi đánh xe cho mình. Thuế khóa tăng lên 2 lần, rồi 3 lần. Nhiều mặt hàng xa xỉ - trà, cà phê, sôcôla, tơ lụa, nữ trang, áo lông thú và xe ngựa - bị đánh thuế quá nặng đến mức hầu như biến mất hẳn trên thị trường.

Dường như ngay cả một quân vương chuyên chế như Karl XII vẫn khó huy động thêm nhân lực và tiền của trên một đất nước đã kiệt quệ. Ông làm được điều này là nhờ vào công lao của một nhân vật lạ thường: Nam tước Georg Heinrich von Goertz, con người thông minh, tận tâm và thâm hiểm, không có quốc tịch rõ ràng nhưng có tham vọng về quyền lực và đam mê mưu đồ đại sự.

Trong bốn năm, từ 1714 đến 1718, nương theo quyền uy của Karl, cái bóng của Goertz bao trùm cả Thụy Điển. Ông sinh ra ở miền Nam Đức trong một gia đình quý tộc, theo học đại học rồi phục vụ Quận công Friedrich IV Xứ Holstein-Gottorp, anh rể của Karl (xem Chương 24). Friedrich IV tử trận năm 1702 khi tham chiến bên cạnh Karl, để lại một con trai có tên là Karl Friedrich thừa kế ngôi vị, và nâng Goertz lên vị thế thật sự cai trị Công quốc Holstein-Gottorp. Quan trọng hơn, nếu Karl không có con nối dõi, đứa trẻ Karl Friedrich sẽ là người kế vị ngôi vua Thụy Điển.

Goertz hành xử tất cả sự vụ của Công quốc Holstein-Gottorp, đi thăm viếng Sa hoàng, Nữ hoàng Anne của Anh, Vua của Phổ, và Tuyển hầu tước của Hanover. Năm 1713, ông củng cố uy thế của Công quốc bằng cách liên minh với Nga, dàn xếp cuộc hôn nhân giữa Công chúa Anna lúc ấy lên 5 tuổi - con gái của Pyotr - và Karl Friedrich được 12 tuổi. Có lúc, Goertz đề xuất với Menshikov là đào Kênh Kiel trên đất Đức để tạo hành lang cho tàu thuyền Nga qua lại giữa Biển Baltic và Biển Bắc, tránh đại bác duyên phòng của Đan Mạch. Nhưng mãi cho đến năm 1887, ý tưởng của Goertz mới trở thành hiện thực.

Dù đã có địa vị khá, Goertz vẫn thấy Công quốc Holstein-Gottorp quá nhỏ bé nên ông không thể phát huy tất cả năng lực. Vốn từ lâu đã từng ngưỡng mộ Karl, cũng là cậu của quân vương của mình, khi Karl đi đến Stralsund sau cuộc hành trình gian khổ xuyên Châu Âu (xem Chương 45), Goertz vội tìm đến xin diện kiến. Chỉ sau một buổi tiếp kiến kéo dài, Goertz chiếm được lòng tin của Karl, nổi lên thành một cố vấn bán chính thức. Chẳng bao lâu, Karl hoàn toàn tùy thuộc nơi ông. Karl ngưỡng mộ năng lực, tầm nhìn chiến lược, khả năng phân tích của ông và - cũng giống như bản thân Karl - thái độ sẵn sàng tiến hành những phương án lớn lao với nguồn lực hạn chế. Theo như Karl nhận ra, Goertz áp dụng vào các ngành quản lý công và ngoại giao với cùng cách dám nghĩ dám làm như Karl đã áp dụng vào chiến tranh.

Từ lúc này cho đến khi Karl tử trận, Goertz là cánh tay phải. Ông nắm quyền kiểm soát toàn bộ nền tài chính cũng như những vấn đề nội vụ của Thụy Điển. Ông trở thành tiếng nói của Karl trên trường ngoại giao. Đến năm 1716, ông tự xưng là Cục trưởng Tài chính và Thương mại. Trên thực tế ông có quyền hành như là thủ tướng tuy không giữ chức vụ hoặc quân

hàm chính thức nào của Thụy Điển. Về danh nghĩa, ông vẫn là bề tôi của Quận công Holstein-Gottorp.

Khi nhận lời phục vụ Karl, Goertz đặt điều kiện là hai người liên lạc trực tiếp với nhau mà không phải qua người trung gian. Ông biết cách tốt nhất là không nên làm phiền hà nhà Vua với tiểu tiết trong những lĩnh vực mà Karl không quan tâm. Ông thấy rằng khi ông trình bày bằng miệng mà nhà Vua không đồng ý với mình thì ông có thể viết ra giấy theo cách rạch ròi, quyết đoán, rồi sẽ được chấp thuận.

Mọi giai cấp ở Thụy Điển đều căm ghét vị cố vấn ngoại giao của Karl. Giới công quyền ghét ông vì ông đã xâm lấn vào hệ thông hành chính của họ. Phe nhóm của Ulrika (em gái của Karl) và người chồng, Quận công Friedrich Xứ Hesse, ghét ông vì họ nghĩ ông đang qua mặt họ mà vun đắp cho Quận công Xứ Holstein-Gottorp ngày sau sẽ lên làm vua Thụy Điển. Và dân thường khắp nước Thụy Điển cũng ghét ông vì ông quá năng nổ và khôn ngoan để huy động thêm tiền của và sức người của một quốc gia đã kiệt quệ nhằm tiếp tục chiến tranh. Ông phát hành tiền giấy. Ông tìm mọi cách tăng thuế rồi lại tăng thêm thuế. Ông bị kết án đã tư túi riêng, nhưng những lời kết án này không đúng sự thật: trong vấn đề tiền bạc, ông hoàn toàn liêm chính. Ngược lại, ông còn bỏ ra lợi tức ít ỏi của mình trong nỗ lực đạt hiệu quả cao hơn nhằm huy động mọi nguồn lực phục vụ chiến tranh. Những người Thụy Điển giận dữ gọi ông là "Tể tướng". Nhưng ngày nào mà Karl còn tại vị, không ai làm gì được ông.

Dù các chính sách quốc nội của Goertz khiến cho người Thụy Điển nổi giận, ông còn phục vụ đắc lực hơn cho nhà Vua trên cương vị một nhà ngoại giao. Nhờ bản lĩnh khôn khéo trong lĩnh vực này, Karl giao toàn quyền cho Goertz để trổ tài xoay xở trên toàn Châu Âu. Goertz phân tích

tình trạng của Thụy Điển như sau: Vì không thể chiến đấu với tất cả kẻ thù, Thụy Điển cần phải hòa hoãn - thậm chí tạo liên minh - với một nước để chống lại nước khác. Karl phải chọn một trong hai đối sách: hoặc hòa hoãn với Nga để dồn nỗ lực chống Đan Mạch, Phổ và Hanover, hoặc liên minh với ba nước này để mở lại chiến tranh với Nga. Goertz thiên về đối sách thứ nhất: dàn hòa với Nga. Điều này có nghĩa là phải hy sinh các tỉnh Nga đã chiếm: Ingria, Karelia, Estonia, Livonia và có thể ngay cả Phần Lan, cũng như chấp nhận sự hiện diện của hải quân và thương thuyền Nga trên Biển Baltic. Nhưng bù lại, Thụy Điển có thể thu hồi các tỉnh đã mất trên đất Đức, Công quốc Mecklenburg, cùng với Na Uy.

Một phần lý do tại sao Goertz thiên về phương án này là sự hiện diện của Thụy Điển ở Bắc Đức sẽ có lợi cho quân vương trẻ của ông ở Holstein-Gottorp, và phần khác là vì ông đánh giá uy thế và quyết tâm của Sa hoàng còn cao hơn các nước đồng minh của Nga. Pyotr đã thể hiện ý chí sắt đá nhằm nắm giữ và mở rộng cửa sổ nhìn ra Biển Baltic. Sự lớn mạnh của hạm đội Nga, những cuộc hành quân xa xôi và ý chí không gì lay chuyển được của Pyotr kết hợp lại cho thấy dù cho một nỗ lực khổng lồ của Thụy Điển vẫn khó mà chiếm lại các tỉnh vùng Baltic đã rơi vào tay Nga.

Tuy nhiên, nhiều giới chức Thụy Điển không đồng ý với Goertz. Họ không buồn vì bị mất các tỉnh trên đất Đức, thế nên họ muốn hòa hoãn với Đức để chiếm lại các tỉnh vùng Baltic, đặc biệt Livonia vốn được xem là "vựa bắp của Thụy Điển" và các cảng biển khi xưa tạo nguồn thuế quan dồi dào cho Thụy Điển.

Dù chọn phương án nào, điều quan trọng là khi nêu lên ý tưởng những hòa ước riêng rẽ và liên minh mới, Goertz đã đặt quyền quyết định cán cân quyền lực trở lại vào tay của Karl. Trong những tháng kế tiếp, Goertz khéo

léo khai thác bối cảnh này: cho mọi bên thấy rõ rằng từ lúc này Thụy Điển có thể ngả theo bất cứ chiều hướng nào. Chẳng bao lâu, sách lược ngoại giao khôn ngoan của Goertz đã chuyên biển Thụy Điển từ vị trí một nạn nhân gần như bị một liên minh hùng mạnh o ép trở thành một yếu tố chủ động, có thể tùy chọn đồng minh về bên mình mà tấn công mục tiêu bên kia. Kể từ sau Trận Pultowa, bây giờ Thụy Điển nắm giữ vị thế mạnh nhất.

Goertz nhận thấy liên minh chống Thụy Điển có vị thế yếu vì các đồng minh của Pyotr đều nghi kỵ Nga, và mắt xích yếu nhất là bang giao giữa Nga và Anh do hai cá nhân không hợp tính tình với nhau: Pyotr và Vua George I của Anh (cũng là Tuyển hầu tước của Hanover). Biết như thế, Goertz đàm phán cùng lúc với cả hai bên, biết rằng khi tiếp xúc với một bên, ông cũng có thêm uy thế với cả hai bên. Trước nhất, ông đi yết kiến Sa hoàng ở Hà Lan vào tháng 6/1716. Pyotr tôn trọng ông, tuy lúc ông còn phục vụ cho công quốc Holstein-Gottorp bé tí tẹo mà cố xoay xở giữa các vương quốc và đế quốc thì ông bị Pyotr cười vào mũi. Tuy nhiên, bây giờ ông đang nắm nền ngoại giao của Thụy Điển thì lại là chuyện khác. Pyotr và Goertz thảo luận ý tưởng về một sự cân bằng mới ở Bắc Âu dựa trên mối liên minh giữa Thụy Điển và Nga, được Pháp đảm bảo. Trong hòa ước, Nga sẽ trả Phần Lan cho Thụy Điển nhưng giữ lại tất cả những lãnh thổ khác đã chiếm được, trong khi Thụy Điển được toàn quyền lấy lại bất cứ lãnh thổ nào từ Đan Mạch và Hanover. Goertz biết Karl sẽ chẳng bao giờ chịu nhượng nhiều lãnh thổ như Pyotr đòi hỏi. Tuy thế, ông lấy làm vui mà thấy Pyotr vẫn chịu đàm phán. Hai người đồng ý rằng cần triệu tập đàm phán hòa bình càng sớm càng tốt trên Đảo Åland trong Vịnh Bothnia, là nơi những gián điệp khó tiếp cận.

Nhân viên của Goertz truyền đi các nước tin tức về việc ông gặp gỡ Sa hoàng. Cả Vua George I của Anh và Vua Frederick của Đan Mạch đều lo lắng, cho dù George tuyên bố Pyotr sẽ không bao giờ chịu từ bỏ Riga còn Karl XII cũng không muốn nhượng thành phố này. George I phái đặc sứ đến yết kiến Karl ở Lund để cho biết nếu Thụy Điển chịu nhượng Bremen và Verden cho Hanover thì Anh sẽ giúp Karl đánh đuổi Nga ra khỏi vùng Baltic. Karl khước từ.

Phía Nga tái xác nhận với George là họ sẵn sàng đàm phán. Đúng hơn, Pyotr muốn bắt đầu đàm phán càng sớm càng tốt dù đang bị rắc rối trong mối quan hệ với Hoàng Thái tử Aleksei. Một phần vì vụ việc này, phải đến tháng 5/1718 hai bên mới gặp nhau trên bàn hội nghị.

Quần đảo Åland gồm 6.500 hòn đảo đá hoa cương nhỏ được phủ bởi rừng thông và đồng cỏ giữa Vịnh Bothnia. Hai ngôi nhà lớn được xây lên trên Đảo Lofo cho hai đoàn làm việc và ăn ngủ. Lúc đầu, Pyotr đề nghị nên tiến hành đàm phán một cách cởi mở, không có nghi lễ và chỉ cần nơi ăn chốn ở giản dị; thậm chí ông đề nghị hai bên sống dưới một mái nhà, mỗi bên có một phòng nhưng không có vách ngăn để làm việc có hiệu năng. Bên Thụy Điển không muốn như thế. Goertz đi đến với một đoàn đông đảo gồm những quan chức, thư ký, người giúp việc và binh sĩ. Có thêm bàn ghế đẹp và bộ đồ ăn bằng bạc do Quận công Holstein-Gottorp cho mượn.

Đứng đầu bên Thụy Điển là Goertz và Bá tước Gyllenbord, Đại sứ Thụy Điển tại Anh. Đứng đầu trên danh nghĩa bên Nga là Đại tướng James Bruce người Scotland, nhưng kỹ năng thương thảo phải dựa vào ủy viên Ngoại giao Andrei Osterman người Đức. Osterman được Phó đô đốc Cruys dân đến Nga, là một trong những người nước ngoài có năng lực cao nhất phục vụ triều đình Pyotr. Ông nói được các thứ tiếng Đức, Hà Lan, Pháp, Ý và

Latinh cũng như tiếng Nga; ông đã tháp tùng Shafirov và Pyotr ở Chiến dịch Pruth và tham gia cuộc đàm phán với vị Tể tướng Ottoman; năm 1714, ông đi Berlin để thuyết phục Phổ gia nhập liên minh chống Thụy Điển.

Bây giờ là lúc Osterman mang tất cả tài năng để đọ sức với Goertz (Bruce là trưởng đoàn trên danh nghĩa, còn Osterman thi thố tài năng ngoại giao). Có điều mỉa mai một chút ở đây: hai người Đức ngồi đối diện nhau để bàn cãi thay mặt cho Thụy Điển và Nga. Goertz ở tuổi 51 thì già dặn và có kinh nghiệm hơn, đại diện cho vị thế đang xuống dốc của Thụy Điển; trong khi Osterman chỉ mới 32 tuổi nhưng tài thương thuyết không hề kém, thay mặt cho vị thế đang lên của Nga.

Hai đoàn đam phán hiểu rằng họ gặp nhau trên cơ sở đề xuất của Goertz: Nga trả lại Phần Lan để Thụy Điển được rảnh tay chống lại các nước ở miền Bắc Đức. Pyotr nói chung ưng thuận, vì ông đã chiếm được nhiều lãnh thổ trên mức cần thiết trong khi muốn có sự công nhận chính thức cho Karelia, Estonia, Ingria và Livonia. Tuy thế những đề xuất và chỉ đạo mà quân vương mỗi bên đưa ra cho đoàn của mình lại cách biệt nhau đến nỗi hai bên không đạt được thỏa thuận. Bruce và Osterman đưa ra điều kiện tiên khởi: Thụy Điển nhượng Karelia, Estonia, Ingna và Livonia; chỉ đàm phán về Phần Lan.

Goertz đã nghe qua các điều kiện này từ trước nhưng không hề dám báo cáo với Karl, biết rằng nhà Vua sẽ bác bỏ ngay. Thay vào đấy, ông thuyết phục Karl để cho ông đi đàm phán nhằm dần dà đạt nhượng bộ phía Nga. Thật ra, ông mang theo chỉ thị có chữ ký của Karl mà nếu ông trình ra, cuộc đàm phán sẽ đổ vỡ ngay: Karl đòi hỏi Nga không những phải trả lại tất cả lãnh thổ đã chiếm được từ đầu cuộc chiến, mà còn phải trả tiền bồi thường vì đã khởi động “chiến tranh bất công”.

Trong các buổi đàm phán đầu tiên, Goertz đã tỏ ra là nhà thương thuyết xuất sắc, như thể Karl chứ không phải Pyotr là người chiến thắng. Hơn nữa, ông còn vận dụng sự kiện là Thụy Điển cũng đang đàm phán với Anh, nói rằng hai nước này sẽ chóng đạt thỏa thuận mà kết quả chỉ bất lợi cho Nga. Dưới sức ép này, phía Nga nhượng bộ: trả lại thêm Livonia, chỉ giữ Karelia, Estonia và Ingria. Cuối vòng đàm phán thứ nhất, vấn đề vướng mắc còn lại là cảng Reval: phía Thụy Điển muốn lấy lại đề kiểm soát Phần Lan, trong khi phía Nga cũng muốn giữ lại vì sợ hải quân và thương thuyền của Nga sẽ bị Thụy Điển khống chế khi ra vào Vịnh Phần Lan.

Giữa tháng 6/1718, khi Goertz trở về Thụy Điển để tham khảo với Karl, Osterman được chỉ thị của Pyotr hứa riêng với Goertz là sẽ thưởng cho ông này hiện vật và tiền nếu ông thuyết phục được Karl ký vào hòa ước. Goertz báo cáo vụ việc với Karl, và đúng như đã dự liệu: Karl khước từ các điều khoản đề xuất vì cho rằng Nga hưởng lợi quá nhiều.

Goertz trở lại vòng đàm phán mới giữa tháng 7/1718 với một số đề nghị theo ý của riêng ông, không phải của Karl, khiến cho ai nay đều ngạc nhiên: Thụy Điển sẽ nhượng cho Nga Ingria và Livonia, còn Karelia và Estonia sẽ được thương thảo sau. Nội dung kế tiếp là liên minh quân sự Thụy Điển-Nga, theo đấy Sa hoàng sẽ giúp Thụy Điển chiếm lại Na Uy, Mecklenburg, Bremen, Verden và thậm chí một phần Hanover. Đối với Pyotr, điều này có nghĩa là Nga sẽ chống lại các đồng minh cũ của mình: Đan Mạch và Hanover.

Osterman đáp lại là Sa hoàng sẽ không chiến đấu trên danh nghĩa đồng minh của Thụy Điển, mà chỉ đóng góp 20.000 binh sĩ và 8 tàu chiến cho Karl để "phụ trợ". Điều lý thú là Osterman thêm rằng, nếu kế hoạch được chấp nhận, Sa hoàng sẽ muốn ghi vào một điều khoản đòi hỏi Karl không

được quá liều lĩnh trên chiến trường, vì hòa ước có thành công hay không hiển nhiên tùy thuộc vào sự chỉ đạo của Karl.

Goertz vui mừng trở về báo cáo với Karl, và Osterman quay về Sankt-Peterburg để báo cáo với Sa hoàng. Nhung Karl lại bác bỏ tất cả, cho rằng không thể nhượng bộ các tỉnh vùng Baltic trong khi không có gì chắc chắn sẽ chiếm được các lãnh thổ ở Bắc Đức. Rốt cuộc, Karl chỉ chịu nhượng Karelia và Ingria vì lúc trước hai tỉnh này đã thuộc Nga, nhưng Sa hoàng "lẽ tự nhiên là phải trả lại Livonia, Estonia và Phần Lan vốn đã bị thôn tính trong một cuộc chiến không chính nghĩa". Goertz nói với một bộ trưởng Thụy Điển: "Thế là tốt, chỉ có một khó khăn nhỏ là Sa hoàng sẽ chẳng bao giờ chịu trả lại." Một lần nữa, Karl phái Goertz đi đến bàn đàm phán mà không có nhượng bộ nào. Khi lên đường, Goertz nói: "Nhiệm vụ của tôi là lừa gạt người Nga nếu họ dễ bị lừa."

Vị thế của cá nhân Goertz càng ngày càng trở nên chông chênh. Kế hoạch của ông là nhanh chóng đạt nền hòa bình mà hoặc Nga hoặc Hanover hoặc cả hai chấp nhận, và đa số người Thụy Điển cũng phải đồng ý. Nếu không được như thế, ông sẽ bị kết án là đã khơi lại chiến tranh. Khi trở lại bàn đàm phán, Goertz nghe câu trả lời của Sa hoàng: Nga không chịu nhượng bộ thêm nữa, và từ chối theo phe Thụy Điển mà chống Đan Mạch hoặc Phổ. Nga cung ứng 20.000 binh sĩ và 8 tàu chiến dưới cờ Thụy Điển để chỉ đánh chiếm Hanover mà thôi. Cuối cùng, Osterman nói cho Goertz biết rằng Pyotr đã quá mệt mỏi với sự ngoan cố của Thụy Điển, và nếu tháng 12 không đạt được thỏa thuận thì sẽ chấm dứt hẳn đàm phán hòa bình.

Goertz hứa danh dự sẽ quay lại bàn đàm phán trong vòng bốn tuần, rồi trở về tham khảo với Karl lúc này đang chinh chiến ở Na Uy.

Bốn tuần trôi qua, nhưng không thấy Goertz quay lại. Trong những ngày cuối tháng 12, tin tức từ Thụy Điển gửi đến khiến cho đoàn thương thuyết Thụy Điển hoang mang: Goertz đã bị bắt, mọi tàu thuyền ở cảng Stockholm bị cấm khởi hành, tất cả thông tin liên lạc với nước ngoài bị đình chỉ. Mười ngày trôi qua mà không có thêm tin tức nào. Đến ngày 3/1, một đại úy Thụy Điển đi đến, và ngày hôm sau Bruce và Osterman được thông báo rằng trong khi đang vây hãm một thị trấn ở Na Uy, Vua Karl XII đã tử trận.

Lúc trước, Osterman đã chỉ ra cho Pyotr thấy có khả năng của một thiếu sót: Karl sẽ không hiện diện để ký vào hòa ước. Osterman e rằng Vua Thụy Điển "qua hành động điên rồ, có lúc nào đấy sẽ bị tử nạn hoặc gãy cổ khi phi ngựa". Nỗi lo của Osterman hoàn toàn có cơ sở.

Sự thật là: trong mùa hè 1718, khi Goertz đang đi đi về về mang theo đề xuất và phản đề xuất cho các vòng đàm phán, Karl không hề có ý định hòa hoãn với Nga. Ông vẫn muốn dựa trên thanh gươm của mình hơn là thủ đoạn ngoại giao của Goertz để tháo gỡ bế tắc. Vì thế, đối với Karl, việc đàm phán chỉ nhằm kéo dài thời gian hầu đảm bảo Nga sẽ không tấn công chính quốc Thụy Điển, để ông rảnh tay hành quân nơi khác.

Khi hoạch định chiến lược của mình, Karl nhận ra rằng Nga quá mạnh, thế nên ông không thể trực diện đánh bật Nga ra khỏi các lãnh thổ Nga đã chiếm. Ông muốn đánh gục Đan Mạch trước qua ngả Na Uy, rồi sẽ tính đến Bremen và Verden. Đoàn quân của ông sẽ thu nhận 16.000 quân do Friedrich Xứ Hesse (em rể của Karl) cung ứng. Ông sẽ cầm đầu đội quân này mà áp đặt hòa bình hoặc đi đánh Hanover, Prussia và Saxony. Cuối cùng, từ vị trí được củng cố này, ông sẽ dẫn quân đi đánh Nga lần nữa nếu Sa hoàng không muốn trả lại lãnh thổ đã chiếm một cách phi chính nghĩa. Ông nói cả chiến dịch "có thể mất 40 năm chiến tranh", nhưng "nếu chấp

nhận một thỏa ước hòa bình chung chung sẽ nguy hại cho Thụy Điển hơn là một cuộc chiến lâu dài bên ngoài biên giới của chính quốc Thụy Điển".

Vào tháng 8/1718, Karl dẫn 43.000 quân Thụy Điển tấn công mục tiêu đầu tiên là Na Uy. Nhà Vua đi vào Kristiania tháng 10. Đến tháng 11, đại quân tiên đến pháo đài vững chắc Frederiksten. Karl điều đại pháo đến, và cuộc vây hãm kinh điển bắt đầu.

Từ lúc đầu của chiến dịch, Karl nhận thức rằng đây là đoàn quân cuối cùng mà ông có thể huy động được. Ông từ chối tất cả tiện nghi hoặc an toàn cho cá nhân, nhằm khơi dậy trong tinh thần binh sĩ lòng tin vào định mệnh một cách dũng cảm và sẵn sàng tuân phục bất kỳ mệnh lệnh nào. Karl không ép buộc sĩ quan và binh sĩ của mình làm việc gì mà ông không làm; nếu mọi người thấy nhà Vua đang chịu hiểm nguy, họ sẽ noi gương. Vì thế, ngày 27/11 nhà Vua đích thân dẫn 200 lính bộ binh dùng thang leo lên chiếm được Gyldenlove, vị trí tiền tiêu của pháo đài Frederiksten. Từ lúc này, ông không ở tại tổng hành dinh mà sát cánh cùng binh sĩ nơi tuyến đầu, ăn và ngủ trong một túp lều gỗ ngay phía sau chiến hào đầu tiên.

Vào buổi chiều ngày 30/11/1718, Charles phi ngựa đến tổng hành dinh. Sĩ quan trong bộ tham mưu nhận thấy ông có vẻ lo lắng và buồn bã, lựa ra một số hồ sơ đề đốt bỏ. Ông thay một bộ binh phục, giày và găng tay sạch, rồi đến 4 giờ chiều nhảy lên ngựa phi ra chiến tuyến. Người hầu cận Hultman mang súp đến cho ông, và Karl trông có vẻ thư giãn. Ông vui vẻ nói: "Anh nấu ăn ngon lắm, ta sẽ cất nhắc anh lên làm bếp trưởng." Mối quan hệ thân quen giữa hai người cho phép anh bếp trả lời: "Thưa Ngài, tôi muốn có quyết định bổ nhiệm bằng văn bản."

Sau bữa tối ngày 30/11/1718, Karl đi ra con hào ở tuyến đầu để thị sát công tác đào hào mà quân Thụy Điển thực hiện mỗi đêm để lợi dụng bóng

tối tránh hỏa lực từ trong pháo đài. Quân Na Uy đốt đuốc rồi giăng ra bên ngoài mặt tường thành hoặc bắn hỏa châu để soi sáng, nhờ đấy quân thiện xạ có thể nhắm bắn quân Thụy Điển đang làm việc trong những con hào bên dưới. Họ bắn khá chính xác: giữa 6 và 10 giờ họ đã bắn chết 7 binh sĩ Thụy Điển và làm bị thương 15 người.

Khoảng 9 giờ 30 tối, Karl đang ở trong một con hào sâu cùng với vài sĩ quan, rồi quyết định leo lên phía trên bờ hào đề thị sát. Đầu và ngực ông phơi ra ngoài, tầm đạn súng nòng dài của Na Uy lúc ấy đang bắn veo véo xung quanh. Các sĩ quan tùy tùng đang đứng trong con hào, đầu của họ ngang với chân của Karl, cảm thấy lo lắng. Một người lên tiếng: "Đấy không phải là nơi thích hợp cho Hoàng thượng", và khuyên ông bước xuống. Nhưng những người biết tính ông bảo nhỏ người khác: "Cứ để yên cho ông ấy. Càng ngăn cản, ông ấy sẽ càng trở nên khinh suất hơn."

Bầu trời đêm nhiều mây, nhưng quân Na Uy vẫn đốt đuốc và bắn hỏa châu để soi sáng chiến trường, trong khi Karl đứng tựa trên miệng hào, tay chống lên cằm. Karl đứng như thế một hồi lâu trong khi các sĩ quan tùy tùng bàn nhau làm thế nào khuyên ông bước xuống. Nhưng nhà Vua vui vẻ nói "Đừng có sợ", rồi vẫn đứng như thế mà quan sát.

Thình lình, những người đứng bên dưới trong con hào nghe một tiếng động, "như viên đá ném mạnh xuống bùn". Sau đấy, họ không thấy Karl có cử động gì khác, cánh tay ông đã thõng xuống. Thế rồi, một sĩ quan nhận biết việc gì đã xảy ra, kêu lên: "Chúa ơi! nhà Vua trúng đạn rồi." Một viên đạn súng nòng dài đã chui vào bên trái mang tai, xuyên qua sọ rồi trổ ra bên phải của đầu, giết chết Karl ngay lập tức. Nhóm tùy tùng mang vào một chiếc cáng, đặt xác chết lên rồi lấy hai áo choàng phủ lên che kín. Mười hai binh sĩ cận vệ được lệnh mang chiếc cáng lên khỏi con hào và theo con

đường đi vào phía sau mà không biết gì về tầm quan trọng của công việc họ làm. Một binh sĩ vấp ngã, chiếc cáng chao đảo và tấm áo choàng che phần trên xác chết rơi xuống. Đúng vào lúc ấy, mây mù tan đi, ánh trăng soi rọi lên khuôn mặt người chết. Các binh sĩ lập tức kinh hoàng nhận ra đấy là quân vương của họ.

Cái chết của Karl gây hệ lụy tức thời không những đến cuộc công hãm, mà còn đến cả kế hoạch chiến tranh trong đó chiến dịch Na Uy chỉ là bước đầu. Một khi các tướng lĩnh còn đang kinh hoàng hội họp với nhau ở tổng hành dinh, họ thấy không thể làm được gì: không có Karl để lãnh đạo và truyền tải nguồn phấn khởi, cuộc chiến tự nó trở thành vô nghĩa. Hai ngày sau, tướng lĩnh Thụy Điển ra lệnh hủy bỏ cuộc tiến công. Xe goòng tiếp vận - trong số này có một chiếc mang thi thể của Karl - lăn bánh qua những ngọn đồi để quay về. Sau khi đã đi chinh chiến ngoài chính quốc Thụy Điển trong 18 năm, rốt cuộc Karl đã vĩnh viễn trở về nước.

Nhà Vua đã đi vắng quá lâu và gây ra quá nhiều gánh nặng chiến tranh đến nỗi thần dân không thương tiếc ông. Nhưng những người quen biết mật thiết với ông đều cảm thấy đau khổ. Người thầy và chiến hữu của ông, Nguyên soái Rehnskiöld, vừa trở về sau cuộc trao đổi tù binh sĩ quan, nói:

> Chúng ta sẽ cảm thấy mất mát ông khi thành công đến. Quả là đau khổ khi nhìn thấy ông nằm chết trước mắt chúng ta.

Lễ tang được cử hành trong Thánh đường Storkyrkan, chính là nơi Karl đã đăng quang. Thi hài của ông được chuyển đến Giáo đường Riddarhorn, nơi an nghỉ của các vua và hoàng hậu Thụy Điển. Ở đây, linh cữu bằng đá hoa cẩm thạch đen của ông được đặt đối diện vị anh hùng huyền thoại, Đại

đế Gustavus Adolphus. Phía trên đầu hai người là hàng trăm cờ xí được tịch thu trong các trận đánh của họ, giờ đã bạc màu và đang dần dần rệu rã thành bụi.[178]

178. Nhiều người Thụy Điển chống đối chính sách tiến hành chiến tranh của Karl XII đến nỗi qua nhiều năm, có lời đồn đại rằng XII chết vì bị binh sĩ Thụy Điển bắn. Đến năm 1859, với sự chứng kiến của Vua Thụy Điển kiêm Vua Na Uy Karl XV (1826-1872), thi thể của Karl XII được khám nghiệm. Từ vị trí của vết thương, người ta xác định rằng Karl XII bị bắn bởi một viên đạn của đối phương. (ND)

56 VUA GEORGE I TIẾN VÀO BIỂN BALTIC

Khi nghe tin báo cái chết của kỳ phùng địch thủ, Pyotr đẫm nước mắt thốt lên: "Karl thân yêu, ta thương xót cho ông xiết bao!" Rồi ông ra lệnh cho triều đình Nga để tang trong một tuần.

Ở Thụy Điển, việc kế vị được quyết định nhanh chóng. Quận công Karl Friedrich Xứ Holstein 18 tuổi, con trai chị cả Hedwig của Karl, có tư cách để lên ngôi. Người khác có thể kế vị là em gái của Karl, Ulrika Eleonora, lúc này 30 tuổi, kết hôn với Quận công Friedrich Xứ Hesse. Trong nhiều năm, khi chàng trai trẻ Karl Friedrich đang lớn lên, phe nhóm của hai chị em cố tranh giành ảnh hưởng để mong cho người của phe mình lên ngai vàng trong trường hợp nhà Vua qua đời. Khi còn sống, Karl không muốn chọn ai giữa cháu gọi bằng cậu và em gái để kế vị. Dĩ nhiên là ông tin rằng một ngày nào đấy ông sẽ kết hôn và có con. Ông giữ mối quan hệ tốt với cả hai phe vì muốn được cả hai hậu thuẫn.

Quận công Friedrich Xứ Hesse, em rể của Karl, có tính toán thực tế hơn. Trước khi đi chiến dịch ở Na Uy, ông đã trao cho bà vợ một danh mục những việc cần phải làm trong trường hợp nhà Vua đột ngột qua đời: Ulrika sẽ tự phong làm nữ hoàng, tự đăng quang và bắt giữ bất cứ ai chống đối. Sự việc xảy ra đúng như thế: Ulrika lên ngôi mà không gặp trở ngại nào. Lúc

đầu, anh trai trẻ Karl Friedrich (cũng đang tháp tùng Karl ở Na Uy) vì quá đau buồn nên không thể chống đối hoặc không màng đến, và khi anh tỉnh táo lại để xem xét tình hình thì đã quá muộn. Sau đấy, nhờ tuổi tác lớn hơn và kinh nghiệm nhiều hơn, Quận công Friedrich Xứ Hesse dễ dàng thuyết phục là anh có bổn phận phải trung thành với người dì Ulrika, giờ là Nữ hoàng của Thụy Điển.

Nhân vật bị ảnh hưởng nặng nề nhất sau cái chết của nhà Vua là Goertz. Một ngày sau khi Karl qua đời, Quận công Friedrich Xứ Hesse phái người bắt giữ ông "nhân danh nhà Vua". Vừa trở về từ bàn hội nghị mang theo những tin tức về vòng đàm phán mới nhất, Goertz tỏ ra ngạc nhiên, hỏi: "Nhà Vua vẫn còn sống à?" Các loại giấy tờ và tiền bạc của ông đều bị tịch thu, và để ngăn chặn ông tự tử, ông không được dùng dao và nĩa.

Trong sáu tuần khi Goertz bị giam vào ngục, bản cáo trạng được soạn thảo một cách cẩn thận để đảm bảo ông không có lối thoát. Bên Thụy Điển e ngại Goertz có thể viện cớ mình không phải là công dân Thụy Điển, ông chỉ là bề tôi của Vua Karl, không phải của nước Thụy Điển, và những gì ông đã làm không phải là tự chuyên; ông không hề nhũng lạm đồng xu nào của Thụy Điển.

Tuy thế, Thụy Điển vẫn quyết tâm trừ khử ông. Một ủy ban pháp chế đặc biệt được lập ra để xét xử ông, theo tội danh mới trong luật Thụy Điển: "Ngăn cách tình thương yêu giữa nhà Vua quá cố với thần dân." Ông bị kết tội đã lạm dụng sự tin tưởng của nhà Vua để đề xuất những kế sách có hại cho Thụy Điển, ví dụ như tiếp tục chiến tranh. Ngay từ đầu Goertz không thể làm gì được, dù cho ông phản đối tư cách bất hợp lệ của ủy ban pháp chế hoặc viện dẫn yêu tố mình là người nước ngoài. Ông không được phép có luật sư biện hộ, không được mời nhân chứng của mình hoặc tự mình đối

chất với nhân chứng của bên công tố không được soạn văn bản tự biện hộ hoặc mang tài liệu vào phòng xử án. Ông chỉ có một ngày rưỡi để chuẩn bị những câu trả lời bản cáo trạng, và vì thế chỉ có thể đọc được một phần năm những chứng cớ chống lại ông.

Điều không tránh khỏi là ông bị phán quyết có tội, bị nhất trí xử thi hành án bằng cách chặt đầu và thi thể được chôn dưới giàn xử - là dấu hiệu cho sự khinh thường. Ông bình tĩnh đón nhận bản án, nhưng xin tránh làm nhục lần cuối cùng thi thể của mình. Nữ hoàng Ulrika phán phải thi hành án theo đủ cách thức đã phán. Goertz bước lên giàn xử với vẻ can đảm và phẩm giá, nói: “Hỡi những người Thụy Điển khát máu, hãy lấy cái đầu mà các người đã thèm khát bấy lâu.” Cái đầu ông rơi sau nhát chém đầu tiên và thi thể ông được chôn tại chỗ.

Trong cuộc sống, Goertz có nhiều điểm tương đồng với người đương thời Patkul. Cả hai đều bước ra từ bóng tối, có nhiều tài năng đáng kể và săn sàng chấp nhận rủi ro. Vì thế, mỗi người có một vai trò riêng trong lịch sử của thời đại họ. Lòng trung thành của họ thì khác biệt: Patkul là kẻ thù tinh ranh của Karl XII, còn Goertz là thủ hạ tận tụy của Karl XII. Nhưng họ cùng chung số phận: chết một cách thê thảm dưới lưỡi rìu của Thụy Điển.

Sau khi Karl và Goertz bất thình lình bị loại khỏi chính trường, lẽ tự nhiên nhiều người tin rằng sẽ có thay đổi sâu xa để vãn hồi hòa bình. Điều kỳ lạ là nhiều tháng trôi qua mà hy vọng chấm dứt Đại chiến Bắc Âu vẫn còn xa vời. Khi lên ngôi, Nữ hoàng Ulrika của Thụy Điển viết thư cho Sa hoàng là bà mong ước hòa bình. Sa hoàng phúc đáp rằng dù ông vẫn muốn giữ Livonia, Nga sẵn lòng trả một khoản tiền lớn đề đổi lấy việc tiếp nhận chính thức các tỉnh miền Baltic. Ulrika từ chối và ra yêu sách mới. Do đấy, cuộc đàm phán sụp đổ; Bruce và Osterman được lệnh rút về.

Phía sau thái độ nhùng nhằng của Thụy Điển là tia hy vọng rằng qua đường ngoại giao Thụy Điển có thể thu hồi một ít lãnh thổ đã bị mất trong chiến tranh: mối liên minh với Anh quốc. Goertz đã được Karl cho phép tiến hành đàm phán để tạo mối liên minh này. Tuy hai người đã chết, tấn tuồng ngoại giao vẫn tiếp tục. Và nhân vật chủ chốt trong tấn tuồng này là Vua George I của Anh - một con người dũng cảm nhưng hay e thẹn (có người cho là ngu dốt), nhưng có cá tính kiên trì đề đạt cho được mục đích đã đặt ra. Pyotr đã gặp ông 20 năm trước trong chuyến vi hành với Đại Phái bộ Sứ thần và sau đấy gặp thêm vài lần. Sa hoàng không ưa thích ông, nhưng không bao giờ có thể phớt lờ ông. Vì lẽ, trong những năm cuối cùng của Đại chiến Bắc Âu, chìa khóa để chấm dứt sự đối đầu nằm trong tay của George I - hoặc ít nhất có lẽ như thế.

Màn sương mù trên Sông Thames sáng ngày 29/9/1714 dày đến nỗi chiếc tàu của tân vương nước Anh không thể đi ngược dòng sông để ông có thể bước lên thủ đô mà ông sắp trị vì. Thay vào đó, chiếc tàu của ông, được những chiến hạm Anh và Hà Lan hộ tống hai bên, thả neo phía dưới Greenwich, rồi Vua George được đưa xuống một chiếc thuyền nhỏ để đi lên bờ giữa màn sương mù ẩm ướt dày đặc. Nơi đây, những nhân vật cao cấp của chính phủ hoàng gia trong những bộ trang phục đẹp nhất đang đứng trước Bệnh viện Hải quân Hoàng gia lộng lẫy để chào đón quân vương mới. Vua George I bước lên và chào hỏi quần thần của mình - nghi lễ thêm phức tạp bởi vì ông không nói được tiếng Anh và ít thần dân Anh nói được tiếng Đức của ông. Quay sang Quận công Marlborough, người đã bị Nữ hoàng Anne và các bộ trưởng phe bà làm nhục[179], nhà Vua cố tỏ ra hòa nhã. Ông nói bằng tiếng Pháp mà Marlborough hiểu được: “Quận công thân yêu của tôi, tôi hy vọng bây giờ ông không còn bị rắc rối nữa.”

Sự kiện một hoàng thân nước ngoài lên ngai vàng Anh quốc hầu như đã trở nên thông thường trong lịch sử nước này: 3 lần chỉ trong một thế kỷ, khi James I, William III và bây giờ George I được mời từ nước ngoài về để bảo tồn đạo Tin Lành. Ông có tư cách lên ngôi vì mẹ ông là cháu ngoại của Vua James I; nhưng sự thật là ông lên ngôi một cách miễn cưỡng. Trên cương vị Tuyển hầu tước của Hanover, ông đang cai trị một trong những công quốc người Đức quan trọng của Đế quốc La Mã Thần thánh, giàu tiềm năng về nông nghiệp và công nghiệp nhẹ. Hanover chỉ bằng một phần mười lãnh thổ và dân số của Anh, nhưng có đội quân thiện chiến sau 11 năm đánh với Pháp. Vị Tuyển hầu tước của công quốc này đã sát cánh với Marlborough và Hoàng thân Eugene với tư cách là một trong những tư lệnh chiến trường chính. Trên cán cân quyền lực ở Tây Âu, Hanover ngang bằng với Đan Mạch, Phổ hoặc Saxony. Đấy là một công quốc nhỏ nhưng phồn thịnh và kiêu hãnh.

George Louis chấp nhận lên ngôi với cùng lý do như Hoàng thân Công quốc Orange 26 năm về trước (Chương 15): để đảm bảo sự hậu thuẫn của Anh cho những tham vọng riêng của mình trên lục địa Châu Âu. Với tư cách Tuyển hầu tước của Hanover, George Louis đã là một nhân vật đáng kể ở Châu Âu; bây giờ trên cương vị Vua George I của Anh quốc, ông còn là một trong những quân vương có quyền thế nhất, mạnh hơn cả Hoàng đế Habsburg là người trên danh nghĩa cai trị Hanover.

Lên ngôi vua Anh lúc 54 tuổi, George Louis trưởng thành qua chiến tranh, là nhà cầm quân dũng cảm và có năng lực tuy không đến mức xuất chúng. Ông có ác cảm với thần dân Anh của mình. Không giống như người Đức vốn có kỷ luật, ông thấy người Anh có tính kiêu hãnh, dễ bị tự ái, thích tranh luận, và khăng khăng tin rằng quân vương của họ phải chia sẻ quyền

lực với Nghị viện. Mỗi khi có cơ hội, George I rời Anh để trở về Hanover, lưu lại đây cả nhiều tháng mặc cho nỗi khổ tâm của các bộ trưởng triều đình Anh. Ông cố tình cho thấy ông ghét bỏ thần dân mới của mình bằng cách không màng học tiếng Anh.

Về phần dân Anh, họ cũng ghét bỏ George I vì thấy ông vô cảm, lạnh lùng; và cũng ghét bỏ luôn các bộ trưởng người Đức và các cô nhân tình xấu xí của ông. Họ chỉ chấp nhận tôn giáo của ông, tuy ông theo giáo phái Phúc Âm chứ không phải Anh giáo.

Ở London, nhà Vua né tránh nghi lễ nếu có thể được. Ông sống trong hai gian phong, được hai gia nhân người Thổ phục vụ mà ông bắt được trong một chiến dịch. Hai người kề cận mà ông yêu thích là hai cô nhân tình người Đức, một người cao và gầy, người kia lại phấp pháp. Ông thích chơi bài và thương đi đến nhà của một trong những người bạn của mình để chơi với bạn hữu. Ông ưa thích âm nhạc và say mê George Handel, người Đức di cư đến Anh do vị quân vương này bảo trợ.

Ông ghét bỏ người con trai. Đôi mắt của ông long sòng sọc và khuôn mặt tím lại mỗi khi Thái tứ Xứ Wales xuất hiện. Ông châm chọc người con kế vị ngai vàng mỗi khi có cơ hội. Sự đối xử như thế khiến cho Hoàng Thái tử rất phẫn nộ, nhưng anh chỉ biết chờ đợi. Trong lúc này, nhà Vua bắt đi các cháu nội của mình và cấm con trai xuất hiện ở triều đình. Người làm trung gian giữa hai cha con là cô con dâu, Công nương Caroline Xứ Anspach, có đôi mắt xanh, mái tóc vàng hoe, khổ người đẹp và đầy đặn, có trí thông minh tuyệt đỉnh và óc lanh lẹ theo thực tế. Đấy là mẫu phụ nữ mà nhà Vua yêu thích nhất, và việc cô cưới con trai ông càng khiến cho ông ghét bỏ người con.

Sau khi bước lên ngai vàng nước Anh, George I luôn có ý định lợi dụng thế lực của Anh quốc để phục vụ cho quyền lợi của Hanover. Ông luôn dòm ngó hai công quốc dưới quyền Thụy Điển: Bremen và Verden có vị trí chế ngự cửa sông Elbe và Weser, cách ly Hanover khỏi Biển Bắc. Khi thấy đế quốc Thụy Điển suy yếu, ông nhắm đến việc chia chiến lợi phẩm ở hai công quốc này bằng cách tham gia vào liên minh chống Thụy Điển, nhưng với tư cách Hanover, không phải trên danh nghĩa Anh quốc. Đại sứ Vasily Lukich Dolgorukov tại Đan Mạch đã giải thích tình trạng khó hiểu này với Sa hoàng:

> Dù Vua nước Anh tuyên chiến với Thụy Điển, ông ấy tuyên chiến chỉ với tư cách Tuyển hầu tước của Hanover, còn hạm đội Anh đi vào [Biển Baltic] là chỉ để bảo vệ doanh nhân Anh. Nếu hạm đội Thụy Điển tấn công hạm đội của Hoàng thượng, xin đừng nghĩ rằng Anh sẽ giao chiến với Thụy Điển.

Dù có sự rạch ròi như thế, Pyotr lấy làm vui, vì chính sách của ông trong những năm vừa qua là mang cả Hanover và Anh vào cuộc chiến chống Thụy Điển. Ông càng vui mừng thêm khi nghe Đô đốc Anh John Norris đã chỉ huy 18 chiến hạm hộ tống 106 thương thuyền đi vào Biển Baltic. Khi Norris ghé qua Reval, Pyotr đang ở trên Đảo Kronstadt, nhưng khi nghe Norris sẽ quay lại, ông vội dẫn một hạm đội đi đến Reval.

Khi Norris quay lại, ông này thấy Pyotr hiện diện ở đây với 19 chiến hạm Nga. Norris lưu lại trong ba tuần, trong khi các đô đốc và sĩ quan hai bên thay phiên chiêu đãi nhau. Ekaterina cùng phần lớn quần thần cũng hiện diện và dùng bữa với Norris trên soái hạm của ông. Trong chuyến

viếng thăm này, Pyotr xem xét những chi tiết của tàu Anh từ bánh lái lên đến cột buồm, còn Norris cũng được tự do xem qua tàu Nga. Ông thấy ba chiến hạm mới với 60 đại bác được đóng ở Sankt-Peterburg mà ông mô tả "theo mọi khía cạnh đều ngang bằng loại tàu cùng cỡ trong nước ta mà còn được trang bị đẹp hơn."

Vào cuối chuyên viếng thăm, Sa hoàng phấn khích mời Norris lãnh chức vụ chỉ huy hạm đội Nga. Tuy vị Đô đốc từ chối, Sa hoàng vẫn tặng ông một bức họa của mình được cẩn với kim cương.

Từ đấy về sau cho đến khi Karl XII tử trận, vào mỗi mùa hè 1715, 1716, 1717 và 1718, Norris đều quay lại Biển Baltic với một hạm đội Anh và với cùng chỉ thị: không được giao chiến với tàu Thụy Điển trừ phi tàu Anh bị tấn công. Vào năm 1716, hạm đội của Norris là một phần trong hạm đội liên minh để yểm trợ cuộc tấn công lên Scania. Nếu hạm đội Thụy Điển xuất hiện, đại bác của Anh hẳn đã khai hỏa. Nhưng hạm đội Thụy Điển vẫn lưu lại trong căn cứ, và trong tháng 9 Pyotr hoãn lại cuộc tấn công (Xem Chương 48).

Với cái chết của Karl XII năm 1718, Anh quốc thấy một tình hình hoàn toàn mới mẻ ở vùng Baltic. Cho đến lúc này, mối quan tâm của George I là Hanover chiếm lấy vĩnh viễn Bremen và Verden, và nội các Anh quốc quan tâm đến việc bảo vệ đội thương thuyền Anh và nguồn cung ứng hàng hậu cần của Anh từ Biển Baltic. Cả hai đều lo lắng về khả năng Karl XII hỗ trợ phe nhóm chống đối ở Anh chống lại Hanover. Nhưng cái chết của Karl XII đã xóa tan nỗi e sợ này, cho phép George I và các bộ trưởng của ông rà soát sự chuyển biến: Thụy Điển đã xuống dốc và nước Nga đang lấp vào chỗ trống quyền lực.

Vua George I hoạch định một kế sách mà, nếu thành công, sẽ phục vụ quyền lợi của Hanover và Anh; Biển Baltic sẽ trở nên an toàn cho nền ngoại thương của Anh và là nguồn hậu cần thông suốt cho hải quân Anh, rồi khi chiếm lấy Bremen và Verden sẽ được Thụy Điển chính thức nhượng chủ quyền. Mục đích của George I là duy trì thế lực của Thụy Điển đủ mạnh để "Sa hoàng không trở nên quá hùng mạnh ở Baltic".

Phương cách của ông là thay đổi hoàn toàn mối liên minh ở Baltic. Thụy Điển vào năm 1718 phải chống chọi với một liên minh hùng mạnh bao gồm Nga, Ba Lan, Đan Mạch, Hanover và Phổ. Bây giờ cần phải thay đổi liên minh này. Trước nhất, phải bắt buộc Thụy Điển hòa hoãn với mọi kẻ thủ ở Tây Âu, rồi một liên minh tập trung các quyền lực Đức sẽ đánh đuổi Nga ra khỏi vùng này. Khởi đầu, Thụy Điển sẽ phải trá một giá khá đắt: tất cả lãnh thổ của Thụy Điển trên đất Đức sẽ được phân chia cho Hanover, Phổ, Đan Mạch và Ba Lan. Đổi lại, các nước này sẽ trở thành đồng minh của Thụy Điển đề hỗ trợ Thụy Điển chiếm lại các lãnh thổ từ Nga. Thụy Điển sẽ nhận về Livonia, Estonia và Phần Lan, chỉ nhượng Sankt-Peterburg, Narva và Kronstadt.

Nếu Pyotr khước từ các điều khoản này, liên minh sẽ áp đặt điều khoản khắc nghiệt hơn: lấy lại tất cả lãnh thổ mà Nga chiếm được, thêm Smolensk và Kyyiv trả về cho Ba Lan. Tóm lại, Nga từ vị thế chiến thắng lúc này sẽ trở thanh kẻ thua thiệt và phải chi trả cho hòa bình. Hanover và Phổ, vốn tham gia cuộc chiến muộn màng và hầu như không phải chiến đấu, sẽ trở thành người chiến thắng.

Kế sách của George I thành công rực rỡ trong giai đoạn đầu. Qua đường lối ngoại giao khôn khéo, từng đồng minh của Nga lần lượt được thuyết phục, mua chuộc hoặc chịu áp lực mà phải hòa hoãn với Thụy Điển. Ngày

20/11/1719, George I với tư cách là Tuyển hầu tước Hanover ký hòa ước chính thức với Thụy Điển, qua đấy tiếp nhận vĩnh viễn Bremen và Verden sau khi trả cho Thụy Điển một khoản tiền. Hai tháng sau, với tư cách Vua nước Anh, George I cũng ký liên minh với Thụy Điển cam kết mỗi năm sẽ hỗ trợ cho Thụy Điển một khoản tiền cho đến khi cuộc chiến với Nga kết thúc, nhằm điều một hạm đội hỗ trợ Thụy Điển ở Biển Baltic và giúp Thụy Điển đạt một hòa ước thuận lợi với Nga.

Vua Friedrich Wilhelm I của Phổ cảm thấy rất khó xử với đề nghị của Anh, vì ông tự xem mình là người bạn của Pyotr và vừa ký một liên minh mới với Nga. Nhưng ông bị cám dỗ - rồi rốt cuộc ngả theo - với lời hứa chiếm được vĩnh viễn cảng Stettin giúp mở đường thông thương cho vương quốc của ông ra biển, cộng thêm một phần đất Pomerarua của Thụy Điển. Để lương tri được yên ổn, ông thông báo cho Nga tất cả chi tiết về cuộc đàm phán của mình với Anh, cố thuyết phục rằng hòa ước mới sẽ không làm phương hại đến Nga. Sau khi ký hòa ước với Thụy Điển ngày 21/1/1720, ông còn ký một bản tuyên cáo rằng ông sẽ không bao giờ hành động chống lại quyền lợi hoặc lãnh thổ của người bạn Pyotr.

Đan Mạch bị dẫn dụ hòa hoãn với Thụy Điển vì ảnh hưởng kết hợp do đồng tiền và hải quân của Anh. Qua hiệp định đình chiến ngày 19/10/1719 và hòa ước Thụy Điển-Đan Mạch ngày 3/7/1720, Thụy Điển đồng ý trả phí cho tàu của Thụy Điển đi qua hải phận Đan Mạch và thôi ủng hộ Holstein-Gottop.

Kế tiếp, Vua Augustus, người đã khơi dậy Đại chiến Bắc Âu và đã khuyên dụ Nga đánh Thụy Điển, ký hòa ước với Thụy Điển ngày 27/12/1719. Không có sự trao đổi về lãnh thổ, nhưng Augustus được xác nhận tước vị Vua của Ba Lan, trong khi ứng viên khác cho tước vị này là

Stanislaus được phép lang thang khắp Châu Âu với danh hiệu Vua Stanislaus.

Vua George I và các bộ trưởng người Anh của ông giải thích với Nga rằng tất cả việc này chỉ là kết quả những nỗ lực của Anh nhằm làm trung gian cho nền hòa bình ở Bắc Âu. Nhưng người Nga hiểu rõ hơn thế. Mùa hè 1719, Đại sứ Nga Fyodor Veselovsky tại Anh đến gặp Tướng James Stanhope phụ trách chính sách ngoại giao Anh. Veselovsky cảnh báo Anh một cách thẳng thừng rằng bất kỳ liên minh nào giữa Anh và Thụy Điển, dù có nội dung phòng thủ, sẽ bị xem là sự tuyên chiến với Nga. Stanhope cho rằng đáng lẽ Nga nên đánh giá cao sự hỗ trợ quan trọng của Anh cho Sa hoàng trong cuộc chiến.

Veselovsky đáp trả: "Anh quốc hỗ trợ Nga như thế nào trong cuộc chiến này?"

Stanhope đáp: "Anh quốc đã cho phép Sa hoàng chiếm nhiều lãnh thổ và tạo thế đứng trên vùng Baltic, và còn phái hạm đội hỗ trợ các chiến dịch của ông ấy."

Veselovsky trả lời: "Anh quốc cho phép Sa hoàng chiếm lãnh thổ vì nước này không có thực lực để ngăn cản, dù họ không muốn giúp ông ấy mà còn giữ thế trung lập. Anh quốc phái hạm đội vào Biển Baltic để bảo vệ nền ngoại thương của chính các ông và bảo vệ Vua Đan Mạch do đã ký hiệp ước với các ông."

Phương tiện chính yếu để Anh thực hiện sách lược chông Nga là một hạm đội Anh hùng hậu hiện diện trên Biển Baltic. Tư lệnh của hạm đội này vẫn là Đô đốc John Norris, người đã chỉ huy cùng hạm đội ở đây trong 4

năm qua. Bây giờ, Norris bí mật nhận lệnh phải thay đổi đường lối: làm trung gian hòa giải giữa Nga và Thụy Điển.

Tháng 7/1719, Đô đốc Norris dẫn hạm đội Anh đến thủ đô Thụy Điển, mang theo một bức thư gửi cho Nữ hoàng Ulrika, và tiếp đón bà đến ăn tối trên soái hạm của ông. Nhân dịp này, Nữ hoàng thông báo rằng Thụy Điển chấp nhận vai trò hòa giải của Anh quốc.

Lẽ tự nhiên là Nga tỏ ra nghi ngờ và lo ngại về động thái của hạm đội Anh. Pyotr dò hỏi về mục đích của chuyến hải hành và đòi Norris phải cam đoan với ông rằng Anh không có ý đồ gây hấn, nếu không ông sẽ không cho phép tàu Anh đến gần bờ biển Nga. Mục đích của Anh trở nên rõ ràng hơn khi Norris và Đại sứ Anh tại Thụy Điển gửi hai lá thư riêng trực tiếp cho Pyotr. Hai người yêu cầu Nga dàn hòa với Thụy Điển, cho biết hạm đội Anh ở Biển Baltic không những chỉ nhằm bảo vệ mậu dịch, mà còn để "hỗ trợ sự hòa giải".

Bruce và Osterman nhận thấy ngôn từ của hai lá thư là "bất thường và xấc xược" nên không muốn chuyển thư cho Sa hoàng, và đề nghị rằng với vấn đề quan trọng như thế, Vua George I nên viết thẳng cho Sa hoàng. Pyotr tỏ ra khinh bỉ khi nghe qua nội dung hai bức thư. Ông không muốn chấp nhận sự hòa giải của một đồng minh tích cực của Thụy Điển. Để tỏ lộ nỗi bất mãn, Sa hoàng ra lệnh hai Đại sứ James Jefferyes của Anh và Đại sứ Weber của Hanover rời khỏi Sankt-Peterburg.

Trong khi những tấn trò ngoại giao khúc mắc của Anh đang diễn ra sau lưng mình, Pyotr xúc tiến việc đánh bại Thụy Điển trên chiến trường. Karl XII đã chết và các vòng đàm phán giữa Nga và Thụy Điển không đi đến kết quả nào; vì thế cần nhắc nhở cho Thụy Điển biết rằng cuộc chiến vẫn chưa chấm dứt.

Nỗ lực chính của chiến dịch năm 1719 là đổ bộ tấn công chính quốc Thụy Điển dọc Vịnh Bothnia. Chiến thuật cũng giống như khi đánh Phần Lan lúc trước: sử dụng thuyền galê chở bộ binh đến vùng biển cạn, nơi mà chiến hạm không thể đến được. Tháng 5/1719, 50.000 quân được điều đến miền tây Phần Lan, nơi sẽ phát xuất cuộc tấn công. Apraksin là tư lệnh của hạm đội Nga gồm 180 thuyền galê và 300 thuyền đáy bằng, được 28 chiến hạm hộ tống. Ngày 2/6, Pyotr chỉ huy 30 thuyền galê chở 5.000 quân rời Sankt-Peterburg để đi Peterhof và Kronstadt.

Mùa hè năm ấy, hạm đội Nga đạt thắng lợi. Ngày 4/6/1719, 7 tàu chiến của Nga chặn đánh 3 tàu nhỏ hơn của Thụy Điển giữa biển khơi và, sau cuộc hải chiến kéo dài 8 tiếng đồng hồ, bắt giữ cả 3 tàu này. Pyotr vô cùng hồ hởi với chiến lợi phẩm này, vì đây là chiến thắng trên vùng nước sâu, không phải như ở Trận Hangö.

Ngày 30/6/1719, Pyotr cùng một phân đội tàu đi đến Reval gồm những chiến hạm Nga lớn nhất, kể cả một tàu 96 đại bác, ba tàu 72 đại bác và một chiếc 64 đại bác. Dù có sự hiện diện của hạm đội Anh dưới quyền Đô đốc Norris gồm 16 chiến hạm, Pyotr dẫn phân đội cùng 130 thuyền galê chở đầy binh sĩ tiến đến Thụy Điển. Sương mù và gió lặng khiến cho chiến hạm phải thả neo, nhưng thuyền galê chèo tới dưới quyền chỉ huy của Apraksin, ngày 22/6 đổ bộ lên hòn đảo đầu tiên của Thụy Điển.

Trong 5 tuần lễ kế tiếp, hạm đội và 30.000 quân dưới quyền Apraksin đánh phá vùng bờ biển phía đông của Thụy Điển. Apraksin phái Trung tướng Lacy dẫn một lực lượng tiến lên hướng bắc rồi đưa hạm đội chính tiến xuống phía nam. Ông phái một lực lượng Cossack tiến đánh. Stockholm, nhưng họ bị chặn lại. Một lực lượng hải quân Thụy Điển gồm 4

chiến hạm và 9 tàu khu trục trú đóng trong cảng Stockholm khiến thuyền galê của Nga không dám tiến vào.

Apraksin chia lực lượng tàu Nga thành từng nhóm nhỏ đánh phá dọc bờ biển phía nam, đốt phá thị trấn, nhà máy và xưởng lọc sắt, và bắt giữ một số tàu của Thụy Điển chở quặng sắt rồi mang số tàu này về Nga. Trong một xưởng đúc đại bác, quân Nga tịch thu được 300 khẩu pháo chưa kịp gửi đi cho quân đội Thụy Điển. Thêm một cuộc tấn công của Nga vào Stockholm, nhưng lại bị đánh bật ra.

Cùng lúc, lực lượng dưới quyền Trung tướng Lacy đánh phá và gây tổn thất tương tự cho vùng bờ biển phía bắc của Thụy Điển, phá hủy nhà máy, kho tàng, và đốt phá 3 thị trấn. Quân Nga tịch thu và mang về một lượng lớn quặng sắt và nông sản, và ném xuống biển hoặc đốt phần không thể mang theo. Ngày 31/8, toàn bộ lực lượng Nga dưới quyền Lacy và Apraksin rút về nước.

Mùa thu năm ấy, hy vọng rằng bài học của những cuộc tấn công trong mùa hè đã có hiệu quả, Sa hoàng phái Osterman đến Stockholm để thăm dò liệu Thụy Điển lúc này có sẵn sàng tiến đến hòa bình hay chưa.

Osterman trở về với một lá thư của Nữ hoàng Ulrika đề nghị nhượng Narva, Reval và Estonia nhưng vẫn muốn đòi lại Phần Lan và Livonia. Osterman báo cáo là phía Thụy Điển giận dữ vì các cuộc tấn công của Nga, và không muốn đàm phán khi quân Cossack đang hiện diện cách thủ đô của họ chỉ dăm ba kilômét.

Tuy thế, vào mùa hè này một sự chuyển biến quyền lực khác thường đã xảy ra. Mười năm trước, Karl XII dẫn quân đi 1.600 kilômét để đánh phá

vùng Ukraina đầy nắng và bụi. Bây giờ, kỵ binh Cossack dưới quyền điều động của Nga đang quấy phá sát thủ đô của Thụy Điển.

179. Dưới triều Nữ hoàng Anne, Marlborough bị kết tội oan là biển thủ công quỹ, mất chức tổng tư lệnh quân đội và các chức vụ khác. Sau khi Geogre I lên ngôi, ông được khôi phục tất cả chức vụ. (ND)

57 THẮNG LỢI

Ít nhất theo bề ngoài, mùa xuân năm 1720 mang đến sự suy sụp về vị thế của Nga so với Thụy Điển. Tất cả đồng minh của Nga đã quay lưng sau những nỗ lực của Vua George I. Hạm đội hùng mạnh của Anh đã hoạt động trên Biển Baltic nhằm ngăn cản và đe dọa Nga. Tháng 3/1720, chỉ sau 17 tháng trị vì, Nữ hoàng Ulrika thoái vị để nhường ngôi cho chồng, Quận công Friedrich Xứ Hesse, người chống Nga mạnh mẽ và nhất quyết theo đuổi chiến tranh, lên làm Vua Friedrich I của Thụy Điển.

Tháng 5/1720, Đô đốc John Norris tiến vào Biển Baltic với hạm đội hùng hậu hơn bao giờ, gồm 21 chiến hạm và 10 tàu khu trục. Chỉ thị cho ông trong năm này là rõ ràng ý đồ gây hấn. Một lần nữa Stanhope đề nghị Anh làm "trung gian" giữa Nga và Thụy Điển, và một lần nữa Veselovsky từ chối. Dù sao đi nữa, Stanhope nói một cách ngạo nghễ rằng tùy phía Nga quyết định đối xử với Norris như thế nào: Họ có thể xem Norris là người bạn bằng cách dàn hòa với Thụy Điển, hoặc xem ông là kẻ thù bằng cách tiếp tục chiến tranh.

Norris được Sir Carteret chỉ thị là trong trường hợp Sa hoàng từ chối việc trung gian của Anh mà vẫn chống Thụy Điển, Norris phải đánh chìm hạm đội Nga để gây áp lực.

Norris cũng được Vua Friedrich I của Thụy Điển yêu cầu dẫn hạm đội tuần tiễu để ngăn thuyền galê xâm nhập đánh phá như năm trước. Nhưng

cũng giống như các đô đốc Thụy Điển, vị tư lệnh hạm đội Anh không muốn chạm trán với thuyền Nga trong vùng biển nguy hiểm này. Có quá nhiều bãi đá ngầm, nhiều cơn gió bất ngờ, thiếu bản đồ hải hành, và không có tài công giỏi. Nếu hạm đội viễn dương nào đi vào đấy thì phân nửa sẽ chạm đá ngầm, phân nửa còn lại sẽ làm mồi cho thuyền galê của Nga khi gặp gió lặng.

Thay vào đấy, Norris cương quyết dẫn hạm đội gồm 20 chiến hạm Anh và 11 chiến hạm Thụy Điển tiến đến Reval, giờ là căn cứ của hạm đội Nga. Cùng lúc, ông gửi thư cho Sa hoàng, đề nghị cho Anh lam trung gian hòa giải. Lá thư được gửi trả lại mà không mở ra. Hiểu rằng bây giờ Anh đã rõ ràng về phe với Thụy Điển, Pyotr đã ra lệnh không nhận thư từ gì nữa từ Norris hoặc từ Đại sứ Anh. Apraksin còn cảnh cáo vị Đô đốc Anh nên giữ hạm đội Anh khỏi tầm đại bác của những pháo đài Nga dọc duyên hải. Bị khước từ và nhận thấy sự bố phòng ở Reval quá mạnh, hạm đội của Norris biến mất khỏi chân trời.

Trong khi Norris đang biểu dương lực lượng ngoài khơi Reval, thuyền galê của Apraksin đã đi vòng quanh hạm đội Anh và một lần nữa tiến đánh bờ biển Thụy Điển. Một lực lượng gồm 8.000 quân, kể cả quân Cossack, đổ bộ và xâm nhập vào đất liền đến 45 kilômét mà không gặp sức kháng cự nào, thỏa sức đốt phá thị trấn và làng mạc Thụy Điển. Được Friedrich I gọi cầu cứu, Norris dẫn hạm đội Anh về, nhưng thuyền galê của Nga đã đi mất, lẩn lút qua những vùng biển cạn mà chiến hạm Anh không dám truy kích. Ngoại trừ một điều và đấy chính là điều Norris đã e sợ. Một phân đội gồm 2 chiến hạm và 4 tàu khu trục của Thụy Điển cố đuổi kịp 61 thuyền galê của Nga, nhưng rốt cuộc cả 4 tàu khu trục đều vướng đá ngầm và bị bắt. Sa hoàng vui mừng vì chiến thắng này và vì thấy hạm đội Anh đã tỏ ra bất lực.

Xét qua vụ việc, động thái của hạm đội Anh có vẻ kỳ lạ: dù ở trong tình trạng thù địch vũ trang, tàu Anh không hề bắn phát đạn nào qua tàu Nga. Nếu chiến hạm Anh chạm trán với thuyền galê của Nga, tàu Anh với tốc độ nhanh hơn và hỏa lực mạnh hơn chắc chắn sẽ bắn tan tác thuyền Nga. Nhưng dù Norris đã nhận lệnh rõ ràng từ cấp trên, ông vẫn hỗ trợ Thụy Điển chỉ qua sự hiện diện của hạm đội, kéo cờ Anh trong cảng Thụy Điển và tuần tiễu giữa Biển Baltic. Khó mà tin rằng một đô đốc thích tham chiến chỉ huy một hạm đội Anh hùng mạnh mà lại không gây tổn thất gì cho Nga, nếu họ thật sự muốn. Có nghi vấn là Norris không muốn tham chiến với hạm đội của Sa hoàng, người đã tỏ ra ngưỡng mộ ông khi hai bên gặp nhau 5 năm về trước trong liên minh chống Thụy Điển (Xem Chương 48).

George I cảm thấy xấu hổ vì thất bại của Đô đốc Norris. Mặc cho bao tấn trò của ông nhằm cô lập Nga và tách rời các nước đồng minh của Nga, mặc cho việc điều động hạm đội Anh trên Biển Baltic, cả ngành ngoại giao lân hải quân của ông đã không thể giúp đỡ gì Thụy Điển và không làm hại gì được Nga. Trong khi chiến hạm của Anh tuần tiễu trên Biển Baltic hoặc trú đóng trong các cảng của Thụy Điển, các đoàn thuyền galê của Nga vẫn chèo lên xuống dọc bờ biển Thụy Điển, đổ quân lên đốt phá và cướp bóc tùy thích. Tại nước Anh, phe đối lập của nhà Vua chế nhạo hạm đội vốn được phái đến để bảo vệ Thụy Điển, nhưng bằng cách nào đấy không hề hiện diện đúng nơi và đúng lúc.

Đến giữa mùa hè 1720, chính sách chống Nga của George I đang trên bờ vực thất bại. Phần lớn người Anh tin rằng không thể đánh bại Nga nếu thiếu nỗ lực lớn hơn. Đa số nghị viên Anh của cả hai đảng đều tin rằng chiến tranh với Nga là đi ngược lại quyền lợi của Anh. Sa hoàng đã khôn ngoan vạch rõ rằng ông không có hiềm khích gì với dân Anh hoặc thương

thuyền Anh, mà chỉ với Vua Anh. Vì thế dù Sa hoàng đã cắt đứt quan hệ ngoại giao và trục xuất hai Đại sứ Anh và Hanover khỏi Sankt-Peterburg, ông không bao giờ cho phép cắt đứt quan hệ thương mại. Trước khi Đại sứ Anh James Jefferyes về nước, ông này kêu gọi các thủy thủ và sĩ quan hải quân Anh về theo, nhưng họ đều nhận đặc ân của Sa hoàng nên chỉ vài người nghe theo lời của đại sứ họ. Đích thân Sa hoàng đã bảo các thương nhân Anh ở Nga rằng họ được hoan nghênh ở lại Nga dưới sự che chở của ông. Nga cũng gửi thông điệp như thế cho các công ty ở Anh đang làm ăn buôn bán với Nga.

Ít lâu sau, Pyotr bãi bỏ lệnh phong tỏa ở các cảng của Thụy Điển, cho phép tàu buôn của Anh và Hà Lan tự do thông thương. Bằng mọi cách, Sa hoàng muốn nhấn mạnh rằng ông không có tranh chấp gì với nước Anh, mà chỉ với chính sách của nhà Vua vốn muốn lợi dụng nước Anh để mưu đồ cho quyền lợi của Công quốc Hanover.

Cuối cùng, vào tháng 9/1720, khả năng của Anh can dự mạnh mẽ về quân sự ở vùng Baltic bị tiêu tán bởi cuộc khủng hoảng kinh tế khiến cổ phiếu tụt giảm thảm hại, nhiều nhà đầu tư tán gia bại sản, nhiều người tự tử, làm dấy lên làn sóng chống đối chính phủ và nhà Vua.

Trong cuộc khủng hoảng này, Sir Robert Walpole nổi lên để cứu giúp nhà Vua và đảm bảo vị thế của ông trong 20 năm kế tiếp. Ông lập ra kế hoạch nhằm tạo dựng lại niềm tin và kéo giá cổ phiếu lên. Do những nỗ lực này, ông được cả George I và George II mang ơn, và tin tưởng trao cho ông thêm nhiều quyền hạn để điều hành vương quốc. Vì ly do này, Walpole thường được gọi là "Thủ tướng đầu tiên".

Sau khi đã cứu giúp nhà Vua, Walpole nắm lấy chính sách của nước Anh. Ông chủ trương tránh chiến tranh, khuếch trương thương mại, cho

rằng cái trò nửa chiến tranh nửa hòa bình với Nga là nguy hiểm cho tương lai phồn vinh của Anh. Với Walpole nắm quyền chủ động, chính sách mới của Anh là chấm dứt chiến tranh càng sớm càng tốt. Nhà Vua phiền lòng, nhưng cũng thấy rằng chính kế hoạch của mình chống Nga không đạt hiệu quả.

Chẳng bao lâu, Vua Friedrich I của Thụy Điển nhận ra tình thế mới. Thất vọng vì sự hỗ trợ bất lực của George I và nhận ra rằng nếu tiếp tục tình trạng chiến tranh thì Nga sẽ tiếp tục đánh phá chính quốc Thụy Điển, Friedrich I phải chấp nhận thực tế là Thụy Điển đã chiến bại. Nhận thức này càng rõ ràng hơn khi ông được tin Quận công Karl Friedrich - người cháu gọi Karl XII bằng cậu - đến xin tị nạn chính trị ở Sankt-Peterburg. Quận công được Sa hoàng đón tiếp một cách long trọng, và Pyotr còn đề nghị gả một trong số các cô con gái của mình cho anh. Tất cả cho thấy Nga ủng hộ phe nhóm tranh giành ngai vàng của Thụy Điển, và nếu không đạt thỏa thuận hòa bình với Nga thì địa vị của Friedrich I không bao giờ được vững chắc.

Friedrich I thông báo với Sa hoàng là ông sẵn sàng mở lại cuộc đàm phán. Vòng đàm phán hòa bình lần này diễn ra từ ngày 28/4/1721 tại thị trấn Nystad trên bờ biển Phần Lan nhìn ra Vịnh Bothnia. Đoàn Nga vẫn được cầm đầu bởi Bruce, lúc này là bá tước, và Osterman, lúc này là nam tước. Trong phiên khai mạc, phía Nga kinh ngạc được biết Thụy Điển nhượng bộ hơn so với trước. Phía Thụy Điển thì buồn phiền được biết bây giờ Pyotr đòi hỏi chiếm vĩnh viễn Livonia, trong khi lúc trước ông chỉ muốn chiếm đóng "tạm thời" trong 40 năm. Bây giờ, Sa hoàng tuyên bố:

Ta biết quyền lợi của ta. Nếu để Thụy Điển nắm giữ Livonia thì giống như là ôm một con rắn vào lòng.

Kỳ vọng của Anh cho nền hòa bình không có nghĩa là hoàn toàn bỏ rơi Thụy Điển. Vào tháng 4/1721, George I gửi thư cho Friedrich I thông báo rằng, chiếu theo hiệp ước giữa hai nước, một hạm đội Anh sẽ tiến vào Biển Baltic mùa hè năm ấy. Nhưng George I cũng van nài Thụy Điển nên kết thúc chiến tranh với Nga, vì chi phí cho một hạm đội hoạt động mỗi mùa hè ở Baltic là quá cao. Vài tuần sau, 22 chiến hạm của Đô đốc Norris xuất hiện, nhưng suốt mùa hè hạm đội này thả neo trong cảng Stockholm, hoàn toàn bất động.

Trong khi ấy, với sự bế tắc trên bàn đàm phán qua vấn đề Livonia và không có hiệp định đình chiến nào, một lần nữa Sa hoàng ra lệnh tấn công dọc bờ biển Thụy Điển. Trung tướng Lacy dẫn 5.000 quân Nga đổ bộ cách Stockholm 160 kilômét về phía bắc và tấn công thị trấn pháo đài Gefle nhưng không chiếm được, bèn chuyển về phía nam, tàn phá dọc đường tiến quân. Lacy đánh hạ một lực lượng Thụy Điển chống cự ông, trong khi thuyền galê của ông đốt cháy 6 thuyền galê của Thụy Điển. Ngày 24/6, sau khi đã tàn phá nhiều thị trấn và hàng trăm làng mạc dọc bờ biển dài hơn 600 kilômét, Lacy được lệnh rút lui.

Dù cuộc tấn công của Lacy có mức độ nhỏ hơn năm trước, Thụy Điển không thể tiếp tục chịu đựng được nữa. Friedrich I rốt cuộc nhượng bộ. Hòa ước Nystad nhượng cho Nga các lãnh thổ Pyotr đã ước muốn từ lâu. Livonia, Ingria va Estonia được nhượng vĩnh viễn cho Nga, cùng với Karelia kéo dài đến Vyborg. Phần còn lại của Phần Lan được trả lại cho Thụy Điển. Nga đồng ý trả một khoản tiền để bồi thường cho Livonia, và

Thụy Điển được mua nông sản ở Livonia mà không phải trả thuế. Tất cả tù binh của hai bên đều được trả tự do. Sa hoàng cam kết không can dự vào nội bộ của Thụy Điển, do đấy công nhận Friedrich I là vua của Thụy Điển.

Hòa ước Nystad giữa Nga và Thụy Điển được ký kết ngày 14/9/1721 trong khi Pyotr đang ở Vyborg để thị sát đường biên giới mới được xác định trong hòa ước. Sa hoàng sung sướng tột độ.

Tin báo tái lập hòa bình sau 21 năm chiến tranh được vui mừng đón nhận ở nước Nga. Sankt-Peterburg nhận ra sự kiện khác thường ngày 15/9 khi thấy chiếc thuyền buồm của Sa hoàng thình lình đi ngược dòng Neva, sau khi đã trở về từ Vyborg sớm hơn dự kiến. Mọi người đều biết là có tin lành khi thấy ba khẩu pháo trên chiếc thuyền liên tục bắn ra từng loạt đạn chào mừng, cộng thêm tiếng kèn trống trên boong thuyền. Một đám đông nhanh chóng tụ tập trên bến tàu ở Quảng trường Chúa Ba ngôi, rồi có thêm quan chức của triều đình, vì họ biết chỉ có một lý do cho những động thái như thế của chiếc thuyên buồm. Khi Pyotr bước lên bờ và xác nhận tin tức về hòa bình, cả đám đông bật lên tiếng khóc và hoan hô. Pyotr đi bộ từ bến tàu đến Thánh đường Chúa Ba ngôi để làm lễ tạ ơn. Sau buổi lễ, Đại tướng-Đô đốc Apraksin cùng nhiều sĩ quan cấp cao và bộ trưởng cùng tề tựu, đề xuất Sa hoàng nhận quân hàm đô đốc - là phần thưởng khiến cho ông vui nhất.

Cùng lúc, bia và rượu vang được đặt ra trên đường phố đông đúc người đang phấn chấn. Pyotr bước lên một khán đài nhỏ dựng lên vội vã bên ngoài Thánh đường để nói chuyện với đám đông:

> Hãy vui lên và cảm tạ Thượng Đế đã chấm dứt cuộc chiến tranh kéo dài 21 năm và đã ban cho chúng ta một nền hòa bình hạnh phúc và vĩnh

cửu với Thụy Điển!

Nhận lấy một ly rượu vang, Sa hoàng nâng cốc mừng nước Nga trong khi binh sĩ chĩa súng nòng dài bắn lên trời và những khẩu đại bác ở Pháo đài Petropavlovsk bắn chào mừng.

Một tháng sau, Pyotr tổ chức lễ hội hóa trang tiếp diễn trong nhiều ngày. Bỏ qua tuổi tác cao và tình trạng bệnh tật của mình, ông nhảy múa trên bàn tiệc và cất cao tiêng hát. Khi thấm mệt, ông ra lệnh quan khách không được trở về nhà, rồi đi ngủ trên chiếc thuyền buồm của ông neo ở Sông Neva. Khi ông quay lại, lễ hội tiếp tục, với rượu vang chảy như suối và tiếng ồn đinh tai nhức óc. Suốt một tuần, hàng nghìn người vẫn mang mặt nạ hóa trang và trang phục lạ lùng mà ăn uống, nhảy múa, đi bộ dọc đường phố, chèo thuyền trên Sông Neva, lăn ra ngủ khi mệt mỏi rồi lại tiếp tục ăn mừng khi thức dậy.

Cuộc ăn mừng lên đến đỉnh điểm ngày 31/10/1721 khi Pyotr xuất hiện ở Thượng viện để công bố rằng, với lòng tri ân Thượng Đế đã ban ơn phước cho nước Nga, Sa hoàng sẽ ân xá cho tất cả tù nhân ngoại trừ can phạm giết người và xóa tất cả những khoản nợ đối với chính phủ và tiền thuế còn tồn đọng trong 18 năm chiến tranh, bắt đầu từ năm 1718.

Cũng trong phiên họp này, Thượng viện biểu quyết ban tặng cho Pyotr tước vị "Pyotr Đại đế, Hoàng đế và Cha của Đất nước". Biểu quyết này, Công đồng Giáo hội ủng hộ, được trình bày dưới dạng kiến nghị do Menshikov và một phái đoàn gồm hai thượng nghị sĩ cùng hai Tổng Giám mục địa phận Pskov và Novgorod trình lên Sa hoàng. Pyotr hứa sẽ xem xét kiến nghị.

Vài ngày trước, Đại sứ Pháp Campredon, người đã giúp thúc đẩy Thụy Điển tiến đến hòa bình, đi đến trên một tàu khu trục của Thụy Điển. Bỏ qua mọi nghi thức, vị Sa hoàng đang vui sướng bước lên chiếc tàu, ôm lấy vị đại sứ trên boong và dẫn ông đi tham quan 6 chiến hạm lớn của Nga đang thả neo trong bên cảng. Trong buổi lễ tạ ơn ở Thánh đường Chúa Ba ngôi, tự Pyotr chỉ huy dàn đồng ca, cùng hát với các tu sĩ và giúp đánh nhịp. Vào cuối buổi lễ, các điều khoản của hòa ước được đọc lên cho cử tọa nghe. Tổng Giám mục Prokopovich đọc một bài diễn văn ca ngợi Sa hoàng, tiếp theo là Bộ trưởng Ngoại giao Golovkin phát biểu trực tiếp với Sa hoàng:

> Chỉ với sức lao động không mệt mỏi của ngài và sự lãnh đạo của ngài, những thần dân chúng tôi vốn luôn trung thành với ngài đã từ bóng tối của sự dốt nát để bước lên sân khấu nổi tiếng của cả thế giới, và có thể nói rằng đã chuyển từ vùng không hiện hữu sang vùng hiện hữu, và đã gia nhập xã hội của những dân tộc chính trị. Đối với điều này và việc đạt thắng lợi cho nên hòa bình nổi tiếng đến thế và được tưởng thưởng đến thế, làm thế nào chúng tôi thể hiện được lòng tri ân cho đúng cách? Hầu chúng tôi không cảm thấy hổ thẹn trước toàn thế giới, chúng tôi tự nguyện nhân danh toàn đất nước Nga và tất cả tầng lớp của thân dân Hoàng thượng, khiêm tốn khẩn cầu ngài chúc phúc mà đồng ý, như là dấu hiệu nhỏ nhoi cho sự công nhận những ơn phước mà ngài đã mang đến cho chúng tôi và cho toàn đất nước, để nhận danh hiệu: Cha của Tổ quốc, Pyotr Đại đế, Hoàng đế toàn Nga.

Với cái gật đầu khẽ, Pyotr cho thấy ông sẽ chấp nhận tước vị.

Bên trong và bên ngoài thánh đường, đám đông hò reo, kèn trống nổi lên, tất cả chuông ngân vang và tất cả pháo bắn chào mừng. Khi im lặng vãn hồi, Pyotr Đại đề cất tiếng đáp từ:

> Qua những chiến công, từ trong bóng tối chúng ta đã bước ra vùng ánh sáng của thế giới, và những người trước đây chưa từng biết đến chúng ta giờ đã tôn trọng chúng ta. Ta muốn cả đất nước phải nhận ra bàn tay trực tiếp của Thượng Đế đã phù hộ cho ta trong cuộc chiến vừa qua và trong việc đi đến nền hòa bình này. Chúng ta phải có phép tắc tạ ơn Thượng Đế với tất cả tấm lòng, nhưng trong khi hy vọng vui hưởng hòa bình, chúng ta không được trở nên yếu kém về mặt quân sự… Chúng ta phải nỗ lực cho sự phồn vinh mà Thượng Đế có thể ban cho chúng ta cả trong và ngoài nước.

Rời khỏi tòa thánh đường, Pyotr dẫn đầu đoàn diễu hành đi đến trụ sở Thượng viện, nơi những bàn tiệc đã được đặt sẵn trong một sảnh đường rộng để tiếp đãi hàng nghìn thực khách. Nơi đây, ông được Quận công Karl Friedrich Xứ Holstein-Gottorp và các đại sứ nước ngoài chúc mừng. Tiếp theo yến tiệc là buổi khiêu vũ và màn bắn pháo bông do chính Pyotr thiết kế. Các khẩu đại bác lại bắn chào mừng và các con tàu đậu trên sông lại được soi sáng. Trong sảnh phòng, một bồn rượu vang khổng lồ do hai binh sĩ vác trên vai mang đến cho các thực khách. Bên ngoài, từng dòng suối rượu vang tuôn chảy và nguyên từng con bò được nướng ở các góc phố. Pyotr bước ra để chính tay cắt lấy những miếng thịt nướng đầu tiên rồi phân phát cho đám đông. Ông cũng dùng một chút thịt và nâng cốc để chúc sức khỏe dân tộc Nga.

Dĩ nhiên là việc tôn vinh tước vị hoàng đế cho Pyotr không phải là hoàn toàn tự phát từ Thượng viện. Bốn năm trước, vào năm 1717, khi lục lọi tài liệu cũ trong thư khố Michael Shafirov - em trai của Thứ trưởng Ngoại giao - tìm thấy một lá thư viết vào năm 1514 của Hoàng đế Đế quốc La Mã Thần thánh Maximilian gửi Sa hoàng Vasily Ivanovich (cha của Ivan Bạo chúa). Trong thư, Maximilian viết xưng hô Vasily là "Hoàng đế và Quân vương toàn nước Nga". Khi Shafirov trao bức thư (bằng Đức văn) cho Pyotr xem, Sa hoàng lập tức ra lệnh dịch bức thư ra mọi thứ ngôn ngữ rồi gửi bản sao cho tất cả các đại sứ nước ngoài tại Sankt-Peterburg. Cùng lúc, qua các nhà ngoại giao Nga, ông cho đăng tải bức thư trên báo chí khắp Tây Âu với lời chú giải:

> Bức thư này cho thấy không ai phủ nhận được tước vị đã nêu đối với tất cả quân vương ở nước Nga, với tước vị cao đã được phong tặng từ nhiều năm trước và phải được đánh giá cao hơn nữa vì đã được viết ra bởi một hoàng đế vốn là một trong những vị quân vương đầu tiên của thế giới.

Hà Lan và Phổ lập tức công nhận tước vị Hoàng đế của Pyotr. Những nước khác chần chừ, một phần vì không muốn làm phật ý Hoàng đế Habsburg của Áo. Tuy nhiên, Thụy Điển công nhận Pyotr là Hoàng đế năm 1723, và Đế quốc Ottoman công nhận Anna là Nữ Hoàng đế năm 1739. Vua George I không bao giờ muốn công nhận, và mãi đến 1742, mười lăm năm sau khi ông qua đời, Anh mới công nhận tước vị này. Cùng năm này, Hoàng đế Habsburg cũng công nhận Hoàng đế Nga ngang hàng với mình, theo sau là Pháp và Tây Ban Nha năm 1745 và Ba Lan năm 1764.

Tước vị Hoàng đế của Nga được sử dụng bắt đầu từ tuyên cáo của Pyotr năm 1721 cho đến khi Hoàng đế Nikolai II thoái vị năm 1917.[180]

180. Riêng từ "đế quốc" vốn thường có nghĩa tương xứng với lãnh thổ do hoàng đế cai trị thì đã được Nga sử dụng từ trước, ngay cả trong công văn, nhưng không liên hệ trực tiếp đến tước vị mà chỉ có ý nói lãnh thổ rộng lớn của Nga. (ND)

NĂM NƯỚC NGA MỚI

58 TRONG NHIỆM VỤ ĐỐI VỚI ĐẤT NƯỚC

Một buổi tối năm 1717 (4 năm trước khi cuộc chiến Nga-Thụy Điển kết thúc), khi Pyotr dùng bữa với các cận thần, câu chuyện chuyển qua Sa hoàng Aleksei. Bá tước Ivan Musin-Pushkin nêu nhận xét rằng không có thành tựu nào của Aleksei sánh bằng Pyotr, và rằng phần lớn thành công của Aleksei là do các bộ trưởng. Pyotr lạnh nhạt nói:

> Lời chê bai của ông đối với người cha của ta và lời khen ngợi của ông đối với ta là không thuận tai ta.

Pyotr đứng dậy, tiến đến vị Hoàng thân 78 tuổi Yakov Dolgorukov:

> Ông đã phê bình ta nhiều hơn những người khác dám phê bình và đã tranh luận nhiều với ta khiến đôi lúc ta nổi khùng với ông. Nhưng ta biết ông chân thành, tận tụy với ta và với đất nước, luôn nói lên sự thật mà ta lấy làm cảm kích. Bây giờ, nói cho ta biết ông đánh giá thế nào về những thành tựu của cha ta và ông nghĩ về những thành quả của ta ra sao.

Yakov Dolgorukov nhìn lên và nói: “Xin Hoàng thượng ngồi xuống để tôi suy nghĩ.” Pyotr ngồi xuống. Dolgorukov im lặng một lúc, rồi nói:

Không thể trả lời ngắn gọn cho câu hỏi của Ngài, vì cha của Ngài và Ngài vướng bận với những sự vụ khác nhau. Sa hoàng có ba nhiệm vụ chính phải làm. Nhiệm vụ quan trọng nhất là nền hành chính của đất nước và việc thực thi công lý. Cha của Ngai có nhiều thời giờ để thực hiện việc này, trong khi Ngài không có thời giờ gì cả, vì thế mà cha của Ngài đã đạt nhiều thành tựu hơn. Có lẽ là khi Ngài xem xét lĩnh vực này - và đã đến lúc Ngài phải xem xét - Ngài có thể đạt được nhiều thành tựu hơn cha của Ngài.

Nhiệm vụ thứ hai của Sa hoàng là tổ chức quân đội. Cũng thế, nên ca ngợi cha của Ngài vì ông đã đặt nên tảng cho quân đội chính quy, qua đấy dọn đường cho Ngài làm tiếp. Không may là vài người lầm đường lạc lối đã phá hoại công sức của ông ấy khiến cho Ngài phải làm lại từ đầu, và tôi phải nhìn nhận rằng Ngài đã làm tốt. Dù vậy, tôi vẫn chưa biết giữa cha của Ngài và Ngài ai đạt thành tựu nhiều hơn; chúng ta chỉ biết khi chiến tranh kết thúc.

Cuối cùng, nhiệm vụ thứ ba của Sa hoàng là xây dựng hạm đội, ký kết hiệp ước và tạo quan hệ với nước ngoài. Ở đây - và tôi hy vọng Ngài sẽ đồng ý với tôi - Ngài đã phục vụ tốt cho đất nước. Tối nay, có người đã nói công việc của Sa hoàng tùy thuộc vào các bộ trưởng. Tôi không đồng ý mà còn nghĩ ngược lại, vì một quân vương anh minh sẽ biết chọn người tham mưu giỏi cho mình. Vì thế, một quân vương anh minh sẽ không chấp nhận người tham mưu ngu dốt vì ông ấy nhận ra phẩm

chất của họ và có khả năng phân biệt giữa lời khuyên đúng đắn và lời khuyên sai lạc.

Khi Dolgorukov dứt lời, Pyotr đứng lên khen: "Người bạn trung thành, chân thật!" rồi ôm hôn Dolgorukov.

Pyotr bận tâm nhiều với "nền hành chính của đất nước và việc thực thi công lý" trong những năm sau đấy. Chiến thắng Pultowa đã cho ông có thêm thời gian và tự do để xem xét những vấn đề nội vụ; động thái của ông không còn là những biện pháp kịp thời dưới sự đe dọa của ngoại xâm. Trong nhiều năm sau chiến thắng Pultowa, Pyotr chuyển hướng từ tổ chức quân đội và đóng tàu chiến qua việc cải tổ nền hành chính công quyền và giáo hội. Trong nửa giai đoạn sau của triều đại ông, 1711-1725, công cuộc cải tổ mang dấu ấn Pyotr Đại đế được hình thành. Aleksandr Pushkin, nhà thơ vĩ đại nhất của Nga, đã so sánh cuộc cải tổ sau này:

> Các bộ luật vĩnh cửu được soạn thảo với đầu óc phóng khoáng, đầy khôn ngoan và từ tâm; các chỉ dụ trước đó phần lớn là khắc nghiệt, có tính áp đặt và có vẻ như được viết ra bằng ngọn roi.

Chiến tranh và nhu cầu huy động tiền của để phục vụ chiến tranh thúc đẩy những cải cách ban đầu của Pyotr. Trong giai đoạn này, nước Nga được cai trị chủ yếu bởi những chỉ dụ do Pyotr viết tay vội vàng trên những mảnh giấy. Theo truyền thống Nga, Sa hoàng cai trị với một hội đồng cố vấn gồm các boyar, và dưới đấy là các văn phòng chính phủ. Trong hai thập niên đầu của triều đại Pyotr, 1689-1708, không có thay đổi nào. Vị Sa hoàng trẻ tuổi tham dự những buổi họp khi có mặt ở Moskva và ủy quyền khi vắng mặt. Vì thế, khi Pyotr đi nước ngoài trong giai đoạn 1697-1698, ông bổ nhiệm

Hoàng thân Fyodor Romodanovsky làm chủ tịch hội đồng cố vấn và ra lệnh các thành viên của hội đồng phải tuân theo sự lãnh đạo của ông này. Khi Pyotr lớn thêm và đã nắm vững được guồng máy chính phủ, ông ít khi sử dụng hội đồng cố vấn, mà còn có ý công khai khinh thường hội đồng này.

Vào năm 1708 khi Karl XII dẫn quân tiến đánh Nga, có vẻ như chính phủ trung ương không thể đối phó với cơn khủng hoảng. Để huy động tiền của và tuyển quân, Pyotr phân quyền bộ máy hành chính. Cả nước được chia ra làm 8 tỉnh[181] khổng lồ với quyền hạn rộng rãi, đặc biệt trong các lĩnh vực thu thuế và tuyển quân. Để nhấn mạnh tầm quan trọng của hệ thống hành chính này, Pyotr bổ nhiệm cận thần của mình vào chức vụ thống đốc các tỉnh. Nhưng hệ thống mới hoạt động không hiệu quả. Phần lớn các thống đốc đều ngụ ở Sankt-Peterburg, cách vùng thuộc trách nhiệm của họ quá xa nên họ điều hành công việc không được suôn sẻ. Vài thống đốc - như Menshikov và Apraksin - còn mang nhiều trọng trách trong quân đội. Năm 1711, Pyotr ngầm công nhận thất bại khi khiển trách Menshikov:

> Cho đến bây giờ, Thượng Đế đã biết ta buồn rầu đến thế nào, vì các Tổng trấn đã lươn lẹo trong các giao dịch thương mại. Vì thế, ta sẽ không đối phó với họ bằng ngôn từ, nhưng ta sẽ ra tay.

Chính Menshikov cũng bị khiển trách:

> Hãy cho ta biết nhà ngươi có mặt hàng gì, đã bán được bao nhiêu, tiền đã đi đâu và lúc nào.

Thất bại của bộ máy hành chính cấp tỉnh dồn trách nhiệm lên vai Pyotr cùng với hội đồng cố vấn đang suy sụp và các cơ quan chính phủ ngày càng

kém hiệu năng, chồng chéo lẫn nhau. Tuy Pyotr với năng lực vô tận cố vượt qua sự trì trệ, kết quả không là bao. Trong nỗi thất vọng, ông biên thư cho Ekaterina:

> Anh không thể quản lý với tay trái[182], thế nên chỉ với cánh tay phải anh phải sử dụng cả thanh gươm và cây bút. Có bao nhiêu người [ít ỏi] phụ giúp được anh, hẳn em đã biết.

Theo thời gian, bản thân Pyotr nhận ra ông là một phần của vấn nạn. Mọi quyền hành đều tập trung nơi ông trong khi ông lại hay di chuyển đó đây, khiến cho sự vụ hành chính trở nên khó khăn. Để xác định cần phải ban hành đạo luật nào, để thực thi luật pháp, quản lý nền hành chính và phán xử tội phạm, Pyotr cần đến một định chế mạnh hơn và có hiệu năng hơn là hội đồng cố vấn.

Thượng viện[183] ra đời tháng 2/1711, trước ngày Pyotr lên đường chỉ huy chiến dịch Sông Pruth, với mục đích là một định chế cai trị tạm thời trong khi Sa hoàng vắng mặt. Vì lẽ 9 thượng nghị sĩ cai trị thay mặt cho Sa hoàng, họ được ban quyền hành rộng rãi: giám sát các thông đốc tỉnh, hành xử là thẩm phán tối cao, quyết định mọi việc chi tiêu, và trên hết là thu thuế càng nhiều càng tốt. Một chỉ dụ khác ra lệnh cho mọi người - thế tục lẫn tăng lữ - phải tuân phục Thượng viện giống như tuân phục Sa hoàng.

Khi Pyotr trở về từ chiến dịch Sông Pruth, Thượng viện không biến mất mà dần dần trở thành một định chế hành pháp kiêm lập pháp của chính quyền trung ương. Khi Sa hoàng vắng mặt, Thượng viện đúng là chính phủ nước Nga. Tuy thế, dù Pyotr cố gắng củng cố quyền hạn của Thượng viện, nhưng không ai bị lừa dối. Quyền hành của Thượng viện chỉ là rỗng tuếch,

khoác vẻ bề ngoài trọng đại. Trên thực tế Thượng viện chỉ có chức năng truyền đạt và thi hành ý muốn của quân vương mà không có được tính độc lập. Đấy chỉ là một công cụ, một đại diện, chỉ có quyền hành xử công việc nội vụ; tất cả sự vụ ngoại giao hoặc hòa hay chiến đều do Sa hoàng quyết định. Thượng viện hỗ trợ Pyotr bằng cách diễn giải những quyết định của ông viết vội vàng trên giấy để chuyển thành văn bản pháp luật. Nhưng trong con mắt của mọi người và trong thâm tâm của các thượng nghị sĩ, Thượng viện chỉ là bề tôi của một quân vương vốn không ai thách thức được.

Một sự kiện thể hiện rõ hơn tính chất nô bộc của Thượng viện: các cận thần thân tín nhất của Pyotr - Menshikov, Apraksin, Golovkin, Sheremetyev - đều không nằm trong Thượng viện. Các "Siêu Đại thần" này có thể gửi chỉ thị cho Thượng viện nhân danh lệnh của Hoàng thượng". Tuy thế, cùng lúc Pyotr ra lệnh cho Menshikov và các đại thần khác phải tuân phục Thượng viện.

Thật ra, Pyotr muốn có sự hỗ trợ của cận thần trung tín lẫn sự giúp đỡ của một cơ quan trung ương có nhiều quyền hành. Ông không tỏ rõ bên nào là cao hơn. Vì thế ông để mặc cho tình trạng hoang mang tiếp diễn, với hai hệ thống công quyền làm việc giẫm chân lên nhau. Điều không tránh khỏi là các Siêu Đại thần đều kiềm chế và bất tuân cơ quan còn non trẻ này.

Riêng Pyotr không phải lúc nào cũng hài lòng với cách làm việc của các thượng nghị sĩ. Ông thường trách cứ họ như là những đứa trẻ không biết suy nghĩ, làm trò cười cho thiên hạ. Ông ra lệnh cho họ tránh làm mất thời giờ vào những việc không đâu, tránh bông lơn cười đùa, không được làm việc công ở nhà, phải làm biên bản cho mọi cuộc thảo luận… Tuy thế Pyotr vẫn thấy họ quá chậm so với ý nguyện của mình. Một lần, ông triệu tập họ

đến để báo cáo cho ông "đã làm được gì; chưa làm được gì, và lý do ra sao". Ông nhắc đi nhắc lại với các thượng nghị sĩ những lời đe dọa:

> Các ngươi chỉ có một việc phải làm là quản trị. Nếu không siêng năng trong việc này thì các ngươi sẽ phải chịu trách nhiệm trước Thượng Đế và cũng sẽ không thoát khỏi lưới pháp luật dưới trần gian này…
>
> Các ngươi đã hành xử trong thói khinh thường [luật pháp], nhận hối lộ theo những thói quen xưa cũ và ngu dốt. Khi đến trước mặt ta, các ngươi sẽ chịu trách nhiệm theo một cách khác.

Vào tháng 11/1715, trong nỗ lực mang lại kỷ cương và tăng thêm hiệu năng cho Thượng viện, Pyotr lập nên chức Tổng Thanh tra các Nghị định để làm việc "tại cùng nơi như Thượng viện, để ghi chép những nghị định của Thượng viện, để xem những nghị định này được thực hiện như thế nào, để tố cáo và trùng phạt thượng nghị sĩ thiếu trách nhiệm". Vasily Zotov - con trai được giáo dục ở nước ngoài của người thầy dạy học Pyotr lúc thơ ấu - được bổ nhiệm làm Tổng Thanh tra đầu tiên, nhưng ông này không mấy thành công. Chẳng bao lâu, chính ông than phiền với Pyotr rằng Thượng viện không nghe theo ý kiến của mình, biếng nhác việc họp, và thu thuế không đủ.

Vào năm 1720, quy chế làm việc mới của Thượng viện được ban hành nhằm thúc đây Thượng viện làm việc nhanh nhẹn hơn. Cuối cùng, khi đã thấy rõ là ngay cả Tổng Thanh tra không thể duy trì trật tự trong Thượng viện, sĩ quan Cảnh vệ nhận nhiệm vụ giám sát thượng nghị sĩ. Nếu một

thượng nghị sĩ có lỗi, ông ta sẽ bị giam giữ ở Pháo đài Petropavlovsk trong khi vụ việc được báo cáo cho Pyotr.

Thượng viện vẫn còn tỏ ra hữu ích phần nào là do công của Hoàng thân Yakov Dolgorukov, Thượng Nghị sĩ Thứ Nhất, người đã kinh qua nhiều chức vụ trong nhiều thập kỷ. Ông là đại sứ Nga đầu tiên ở Pháp, sau Trận Narva bị Thụy Điển bắt làm tù binh trong 11 năm, cho đến khi ông trốn thoát vào năm 1712 ở tuổi 73. Ông là người dũng cảm, bướng bỉnh, kiên định và thích làm theo ý mình. Khi không thể áp đặt ý muốn của mình bằng sức mạnh của logic hoặc sức mạnh của cá tính, ông chỉ việc cất hết sức la hét. Chỉ có Menshikov, vốn luôn được Pyotr che chở, là dám chống lại ông.

Yakov Dolgorukov lúc nào cũng dám nói sự thật với Pyotr. Một lần, vào giai đoạn sau của triều đại Pyotr, Dolgorukov tự tay xé một bản chỉ dụ vì cho rằng Hoàng đế chưa suy xét cặn kẽ. Chỉ dụ này ra lệnh cho tất cả địa chủ ở Sankt-Peterburg và Novgorod gửi nông nô đi đào Kênh Ladoga. Dolgorukov đã vắng mặt vào ngày ký chỉ dụ, và sáng ngày kế, sau khi đọc qua, ông mạnh mẽ phản đối. Những thượng nghị sĩ khác cảm thấy ngượng, nhưng đáp rằng Hoàng đế đã ký nên đã quá muộn để hủy bỏ. Trong một phút căm phẫn, Dolgorukov xé bản chỉ dụ ra làm hai. Các thượng nghị sĩ khác kinh hãi, đứng dậy hỏi ông có nhận thức mình đã làm gì hay không. Dolgorukov đáp:

> Có, và tôi sẽ trả lời về việc này trước Thượng Đế, Hoàng đế và đất nước tôi.

Vừa lúc ấy, Pyotr bước vào. Ngạc nhiên khi trông thấy toàn thể Thượng viện đang đứng dậy, ông hỏi đã xảy ra chuyện gì. Với giọng run run, một

thượng nghị sĩ kể cho ông nghe. Nét mặt đanh lại, Pyotr Đại đế quay sang vị Thượng Nghị sĩ Thứ Nhất 83 tuổi và ra lệnh ông này phải giải thích.

Dolgorukov trả lời:

> Đấy là lòng nhiệt huyết của tôi đối với danh dự của Ngài và đối với phúc lợi cho thân dân của Ngài. Pyotr Alekseyevich, xin đừng nổi giận khi tôi đã tin tưởng nơi sự anh minh của Ngài nên không dám nghĩ Ngài muốn làm kiệt quệ đất nước giống như Karl XII đã làm. Ngài chưa suy nghĩ kỹ càng về hai địa phương có liên quan trong chỉ dụ của Ngài. Ngài có thấy rằng họ đã chịu nhiều khổ sở vì chiến tranh hơn là tất cả nhưng địa phương khác của đế quốc Ngài cộng lại không? Rằng nhiều cư dân đã bỏ mình không? Và Ngài không biết đến tình trạng thống khổ của nhân dân hiện thời hay sao? Có điều gì ngăn cản Ngài huy động một số ít người từ mỗi tỉnh để đào con kênh này, mà tôi thấy chắc chắn là cần thiết? Các tỉnh khác có dân số đông hơn và có thể cung ung nhân lực dễ dàng hơn. Hơn nữa, phải chăng Ngài không có đủ tù binh Thụy Điển để làm việc ở đấy mà không cần cưỡng ép thần dân của Ngài hay sao?

Pyotr chăm chú lăng nghe lời trần tình của Dolgorukov và rồi điềm tĩnh quay sang các thượng nghị sĩ khác, nói:

> Hãy đình chỉ chỉ dụ này. Ta sẽ xem xét thêm về vụ việc và sẽ cho các người biết ý định của ta.

Chẳng bao lâu sau, vài nghìn tù binh Thụy Điển được điều đến đề làm việc trên Kênh Ladoga.

Tuy thế, dù có sự hiện diện của Yakov Dolgorukov, Zotov và các sĩ quan Cảnh vệ, Pyotr vẫn thất vọng với Thượng viện. Theo thời gian, ông nhận ra rằng biện pháp kỷ luật vẫn không có hiệu quả mà còn phản tác dụng. Nếu bị kỷ luật quá nặng như cách Pyotr hay áp dụng, Thượng viện sẽ mất danh dự và uy tín dưới mắt quần chúng. Cách làm việc thiếu hiệu năng, tranh cãi trong nội bộ và bản chất không dám gánh vác trách nhiệm khiến công việc bị ùn tắc.

Vì thế, vào năm 1722 Pyotr Đại đế thành lập văn phòng của Tổng Kiểm sát, là người thay mặt cho Hoàng đế ở Thượng viện. Ông tuyên bố với các thượng nghị sĩ:

> Người này là tai mắt của ta. Ông ấy hiểu rõ những ý định và ước muốn của ta. Điều gì ông ấy nghĩ rằng đúng thì các người phải làm theo. Dù các người thấy dường như việc làm của ông ấy đi ngược lại ý muốn ta và ngược lại [quyền lợi của] đất nước nhưng vẫn phải thi hành, rồi báo cáo cho ta mà chờ chỉ thị.

Chức năng của Tổng Kiểm sát là chỉ đạo và giám sát công việc của Thượng viện. Dù không phải là thành viên của Thượng viện và không có quyền bỏ phiếu, trên thực tế ông là Chủ tịch Thượng viện, có nhiệm vụ duy trì trật tự trong những phiên họp, đặt ra nghị trình và điều khiển việc bỏ phiếu (thường là trong thời gian ấn định, không được tranh luận kéo dài). Khi các cơ quan hành chính không hiểu rõ nội dung của một nghị định từ Thượng viện, họ sẽ báo cáo với Tổng Kiểm sát, và ông này sẽ yêu cầu Thượng viện viết lại nghị định cho rõ ràng hơn.

Pyotr Đại đế bổ nhiệm Pavel Yaguzhinsky, một trong những người đang lên từ giai cấp thấp, trẻ hơn Hoàng đế 11 tuổi, vào chức vụ Tổng Kiểm sát. Pyotr ưa thích ông vì tính tình vui vẻ và trí thông minh, đưa ông vào Cảnh vệ, rồi cử ông làm sĩ quan tùy viên cho mình. Yaguzhinsky được thăng cấp nhanh chóng, tham gia vào những phái bộ sứ thần và tháp tùng Pyotr đi Pháp. Tạo ra nhiều kẻ thù nhưng cũng quên họ nhanh chóng, ông tuyệt đối trung thành, hoàn toàn chân thật và có tính quyết đoán - những tố chất mà Pyotr thấy thiếu ở các thượng nghị sĩ.

Ngay cả trước khi bổ nhiệm Yaguzhinsky, Pyotr đã thay đổi chức năng của Thượng viện. Trong khoảng thời gian 1711-1718, Thượng viện là cơ quan lập pháp kiêm hành pháp, nhưng Pyotr thấy cần có thêm một cơ quan để giúp Thượng viện chuyên trách về lập pháp. Ông muốn thử nghiệm với một định chế du nhập từ Tây Âu: hệ thông hành chính gồm các bộ ngành.

Từ các cuộc thăm viếng của chính mình và báo cáo của đại sứ Nga cũng như cận thần, Pyotr được biết rằng cơ quan cấp bộ chuyên ngành là định chế cơ bản cho chính phủ các nước Đan Mạch, Phổ, Áo và Thụy Điển. Ngay cả ở Anh, Bộ Hải quân giống như là một bộ chuyên ngành, có tính bán tự chủ, được giao nhiệm vụ quản lý những sự vụ của Hải quân Hoàng gia. Leibniz, người đã được Pyotr hỏi ý kiến, nói:

> Không thể có hệ thống hành chính công tốt nếu không có các bộ chuyên ngành. Cơ chế của các bộ này giống như của chiếc đồng hồ, trong đó các bánh xe tác động lẫn nhau mà vận hành.

Hệ thống bộ chuyên ngành của Thụy Điển nổi tiếng nhất Châu Âu, hoạt động hữu hiệu đến nỗi chính phủ Thụy Điển vẫn điều hành đất nước một

cách suôn sẻ cho dù quân vương đi vắng trong 15 năm, quân đội bị tan tác, lãnh thổ đế quốc bị chinh phục và thêm một trận dịch tàn khốc. Vốn vẫn ngưỡng mộ cả Karl và tính hiệu năng cao của Thụy Điển, Pyotr không ngượng ngùng gì khi học hỏi từ kẻ thù, vì thế ông quyết định sử dụng mô hình bộ chuyên ngành của Thụy Điển.

Đến năm 1718, hệ thống mới đã sẵn sàng: 38 văn phòng chính phủ được đặt dưới 9 bộ: Ngoại giao, Thuế vụ, Tư pháp, Chi tiêu, Kiểm soát Tài chính, Chiến tranh, Hải quân, Thương mại, cùng Hầm mỏ và Sản xuất. Bộ trưởng đều là người Nga (thật ra là cận thần của Pyotr), còn thứ trưởng là người nước ngoài. Chỉ có hai ngoại lệ: Hầm mỏ và Sản xuất do Đại tướng Bruce người Scotland đứng đầu, còn Ngoại giao do Golovkin làm bộ trưởng và Shafirov làm thứ trưởng - cả hai đều là người Nga. Tất cả 9 bộ trưởng đều kiêm nhiệm thành viên của Thượng viện, vì vậy trên thực tế biến cơ quan này thành Hội đồng Bộ trưởng.

Để giúp hệ thống mới làm việc có hiệu quả, Pyotr phái đại diện đi khắp Tây Âu đê tuyển chuyên gia nước ngoài đến Nga làm việc tại các bộ. Ngay cả tù binh Thụy Điển đã học tiếng Nga cũng được mời. Cũng cần có thông dịch viên làm việc với các thứ tiếng Latinh, Ba Lan, Hà Lan, Anh, Đan Mạch, Pháp, Ý, Tây Ban Nha, Hy Lạp, Thổ, Hoa, Tatar, Kalmuck và Mông Cổ.

Ngay cả với chuyên gia nước ngoài làm việc ở nhiều cấp bậc, guồng máy mới vẫn bị trục trặc. Chuyên gia nước ngoài thấy khó khăn khi phải giải thích về hệ thống mới cho đồng nghiệp người Nga của họ. Việc giải thích những quy trình công tác cho chính quyền cấp tỉnh còn nan giải hơn, trong khi thư ký còn thiếu năng lực nên cấp tỉnh gửi báo cáo về các cơ quan

mới ở Sankt-Peterburg mà không ai có thể phân loại hoặc thông hiểu, thậm chí đọc cũng không được.

Thêm nữa, vài bộ trưởng đối xử với nhân viên nước ngoài một cách lạnh nhạt, khiến cho Pyotr phải thêm một lần dạy bảo họ như dạy con trẻ:

> Không được nói chuyện phiếm, mà phải bàn bạc vấn đề trước mặt. Nếu có người phát biểu, những người khác không được ngắt lời mà phải chờ họ nói xong. Phải làm việc như người có kỷ luật chứ không phải như đàn bà ngoài chợ.

Pyotr đã hy vọng việc đặt các bộ trưởng ngồi trong Thượng viện sẽ tăng cường hiệu năng của cơ quan này, nhưng thực tế là những thành viên thường kình chống hoặc ganh tỵ lẫn nhau, đến nỗi thường xảy ra cãi vã ồn ào khi không có sự hiện diện của Sa hoàng. Thượng nghị sĩ thuộc giới quý tộc của hai dòng họ Dolgorukov và Golitsyn khinh thường người ở tầng lớp thấp: Menshikov, Shafirov và Yaguzhinsky. Bộ trưởng Ngoại giao Golovkin và Thứ trưởng Ngoại giao Shafirov không ưa nhau. Những cuộc cãi vã trở nên gay gắt hơn, các thượng nghị sĩ kết án nhau về tội tham nhũng, và trong khi Pyotr đang đi chinh chiến ở Biển Caspi, Thượng viện biểu quyết báo cáo với Hoàng đế rằng Shafirov có những hành vi lăng nhục và phạm pháp. Khi Pyotr trở về, một tòa án cấp cao đặc biệt gồm các thượng nghị sĩ và tướng lĩnh được triệu tập đề xét xử Shafirov và, sau khi nghe các chứng cứ, tuyên án tử hình.

Ngày 16/2/1723, Shafirov bị giải lên giàn xử ở Quảng trường Đỏ. Ông liên tục làm dấu thánh giá, quỳ xuống và đặt đầu lên cái bục. Khi tay đao phủ nhấc chiếc rìu lên chuẩn bị chém xuống, có lệnh của Hoàng đế đưa đến

tuyên bố xét qua công lao trong nhiều năm của ông mà tha tội chết, chỉ đày Shafirov đi Siberia. Shafirov đứng dậy, từ giàn xử đi xuống mà giàn giụa nước mắt. Ông được đưa đến Thượng viện, nơi những bạn đồng liêu chúc mừng mà vẫn còn cảm thấy kinh hoàng vì ông. Sau đấy, bản án đi đày được giảm thành quản thúc tại gia ở Novgorod. Hai năm sau, khi Pyotr Đại đế băng hà, Ekaterina ân xá cho ông. Dưới triều của Nữ Hoàng đế Anna, Shafirov được trở lại Thượng viện.

Những hy vọng của Pyotr đối với bộ máy hành chính mới phần lớn không trở thành hiện thực. Người Nga hoàn toàn xa lạ với những định chế mới, quan chức không được đào tạo đầy đủ và không có động lực để làm việc, và sự hiện diện của một Sa hoàng cương nghị, bốc đồng càng khiến quan chức không dám có sáng kiến hoặc ra quyết định. Một mặt, Pyotr ra lệnh cho họ phải nhận lãnh trách nhiệm và hành xử một cách quyết đoán, mặt khác ông trừng phạt nếu họ làm sai. Lẽ tự nhiên là họ trở nên cẩn trọng thái quá, "như thể một nô bộc khi thấy chủ nhân sắp chết đuối không dám kéo ông ta lên vì không rõ hợp đồng có ghi việc này hay không".

Khi Pyotr trở nên già dặn hơn, dường như ông nắm được nguyên ủy của vấn nạn này. Ông hiểu ra tầm quan trọng của việc cai trị qua luật lệ và định chế chứ không phải qua uy quyền tuyệt đối của các cá nhân, kể cả của ông. Thay vì truyền mệnh lệnh từ trên xuống, phải giáo dục, hướng dẫn và thuyết phục dân Nga. Ông nói:

> Cần thiết phải giải thích những quyền lợi của đất nước là gì, và làm cho dân chúng hiểu được những điều này.

Kể từ năm 1716, những chỉ dụ quan trọng của ông đều mở đầu với lời giải thích theo cách sư phạm cho thấy chỉ dụ này cần thiết như thế nào, nhắc đến trường hợp tương đồng trong lịch sử, vạch ra những logic, và chỉ ra cách thức áp dụng.

Nói chung, hệ thống công quyền mới của Pyotr đạt tiến bộ. Nước Nga đang thay đổi; Thượng viện và các bộ điều hành đất nước mới này có hiệu quả hơn là hội đồng *boyar* và các văn phòng xưa cũ. Cả Thượng viện và các bộ đều hoạt động cho đến năm cuối của vương triều (1917), tuy tên gọi có thể thay đổi, như Thượng viện được đổi thành Hội đồng Đế quốc.

Năm 1720, một tòa nhà to lớn được xây bằng gạch đỏ trên Đảo Vasilevsky bên bờ Sông Neva để làm văn phòng cho các bộ và Thượng viện. Tòa nhà này, bây giờ được sử dụng làm cơ sở của Đại học Leningrad[184], là tòa nhà hành chính lớn nhất còn sót lại ở Sankt-Peterburg từ thời Pyotr Đại đế.

Những cải cách của Pyotr cũng ảnh hưởng mạnh đến cá nhân. Xã hội Nga, giống như trong thời Trung cổ, dựa trên những nghĩa vụ. Nông nô có nghĩa vụ với địa chủ; địa chủ có nghĩa vụ với Sa hoàng. Pyotr còn thắt chặt những nghĩa vụ này nhằm bắt buộc tất cả tầng lớp của xã hội thực hiện nghĩa vụ cho đất nước mà không có ngoại lệ và ân giảm. Tầng lớp quý tộc làm nghĩa vụ sĩ quan trong quân đội mới của Nga phải biết tác chiến với vũ khí và chiến thuật hiện đại; quan chức làm việc trong cơ quan theo mô hình Tây Âu phải được đào tạo và có kỹ năng cần thiết để đảm đương công việc mới. Ý niệm về nghĩa vụ được mỡ rộng thêm là nhiệm vụ phải học hỏi.

Pyotr bắt đầu chương trình đào tạo một cách thực dụng bằng cách ra lệnh gửi nhóm người Nga đầu tiên đi du học ở Tây Âu vào năm 1696, trước

chuyến đi của Đại Phái bộ Sứ thần. Sau Trận Pultowa, nỗ lực này nghiêm túc hơn, có bài bản hơn. Năm 1712, một chỉ dụ ra lệnh tất cả con trai của địa chủ phải trình diện tại Thượng viện. Họ được chia theo từng nhóm tuổi: nhóm trẻ nhất được gửi đi học hàng hải ở Reval, nhóm trung niên đi Hà Lan để theo học về hải quân, và nhóm lớn tuổi hơn được đưa vào quân đội. Năm 1714, việc huy động nhân lực được mở rộng: mọi người thuộc giới quý tộc trong độ tuổi 10-30 chưa làm nghĩa vụ gì phải trình diện tại Thượng viện để được phân công làm việc trong mùa đông.

Pyotr đặt kế hoạch xây dựng quân đội với toàn sĩ quan thuộc giới quý tộc được huấn luyện chuyên nghiệp. Họ bắt đầu binh nghiệp trong 25 năm ở tuổi 15 với cấp binh nhì. Từ quân hàm thấp nhất này, mỗi người phải tự chứng tỏ để được thăng thưởng. Vào tháng 2/1714, Pyotr ra chỉ dụ cấm phong hàm sĩ quan cho bất kỳ ai, không cần biết đến giai cấp, mà không tuần tự leo lên theo thứ bậc. Có lúc, 300 hoàng thân thuộc những gia tộc danh giá nhất nước Nga phục vụ với tư cách binh nhì, nhận đồng lương, thực phẩm và chế độ đãi ngộ ở mức thấp nhất. Dân chúng Sankt-Peterburg thường trông thấy những hoàng thân thuộc gia tộc Golitsyn hoặc Gagarin cầm súng nòng dài đứng gác trước doanh trại của họ.

Tuy nhiên, việc huấn luyện cho những thanh niên không phải chỉ hạn chế ở cách bắn súng hoặc diễn tập quân sự, mà còn lan rộng ra nhiều lĩnh vực khác. Các trung đoàn không chỉ là những cái nôi cho sĩ quan, mà trở thành những học viện để đào tạo nhân tài cho đất nước theo nhiều ngành nghề khác nhau. Sĩ quan trẻ được phân ra để theo học đạn đạo, kỹ thuật, hải hành, ngoại ngữ, hầm mỏ. Theo thời gian, sĩ quan Cảnh vệ là nguồn nhân lực để Pyotr có thể điều làm bất kỳ nghĩa vụ nào; chính những sĩ quan này chiếm đa số trong tòa án thế tục xét xử Hoàng Thái tử Aleksei.

Loại nghĩa vụ được ưa chuộng vẫn là hành chính công vì ít nguy hiểm và nhiều lợi lộc hơn trong quân ngũ. Để thu hẹp số người đổ xô theo hướng này, Pyotr ra chỉ dụ quy định chỉ một phần ba số thành viên mỗi gia đình được làm việc trong cơ quan hành chính; hai phần ba còn lại phải phục vụ trong quân đội.

Hải quân, vốn là binh chủng mà phần lớn người Nga cảm thấy xa lạ và chán ghét, càng khó thu hút nhân lực hơn là quân đội nói chung. Khi một người con trai phải làm nghĩa vụ đối với đất nước, ông bố thường tìm cách cho anh ta tránh né hải quân. Tuy thế, vào năm 1715, khi Trường Toán học và Hải hành ở Moskva được dời đến Sankt-Peterburg, các lớp học đều được lấp đầy. Vào mùa hè 1715, Học viện Hải quân được thành lập.

Giới quý tộc Nga không dễ dàng chấp nhận sự điều động của Pyotr. Vì thế, ông ra chỉ dụ đe dọa người không ra trình diện khi có lệnh gọi sẽ bị phạt tiền, hoặc bị đánh roi, thậm chí tịch biên gia sản. Theo thời gian, Pyotr buộc phải ra chỉ dụ quy định mọi người kể cả giới quý tộc không ra trình diện làm nghĩa vụ đều bị xem là đứng ngoài vòng pháp luật. Điều này có nghĩa là ai cũng có quyền cướp bóc hoặc giết họ mà không bị trừng phạt, và người nào đem họ ra trước pháp luật sẽ được hưởng phân nửa gia tài của họ.

Lời đe dọa thường thiếu uy lực. Để tránh đăng ký nghĩa vụ, giới địa chủ nghĩ ra vô số phương cách lừa dối và giải thích: công việc làm ăn và đi xa, đi nước ngoài, bị bệnh, hoặc vào tu viện. Một số người trốn lánh trong vùng đất xa xôi bao la của nước Nga. Một ngôi nhà có thể bị bỏ hoang mà không ai biết gia đình chủ nhà đã đi đâu.

Có lúc Pyotr hạ lệnh đưa một nhóm tu sĩ trẻ ở Moskva vào Học viện Hải quân Sankt-Peterburg, rồi bắt họ đi đóng cọc ở Kênh Moika. Đại tướng- Đô đốc Fyodor Apraksin cảm thấy bất mãn vì danh dự của giới quý tộc bị xúc phạm, đi đến Moika, cởi bộ quân phục đô đốc cùng với Huân chương Sankt-Andrei treo lên một cái cột, rồi đóng cọc cùng với nhóm trai trẻ. Pyotr đi đến và ngạc nhiên hỏi: "Làm thế nào mà một đại tướng-đô đốc như ông lại đi đóng cọc?" Apraksin trả lời:

> Thưa Hoàng thượng, những lao công này là cháu họ, cháu nội ngoại của tôi. Thế thì tôi là ai và tôi có quyền gì mà được hưởng đặc ân?

Theo thời gian, Pyotr buộc phải ra chỉ dụ quy định mọi người thuộc giới quý tộc nếu không đi trình diện làm nhiệm vụ sẽ bị coi là kẻ đứng ngoài vòng pháp luật. Điều này có nghĩa là họ có thể bị cướp bóc hoặc sát hại mà không được pháp luật che chở. Đến năm 1721, nhằm giảm thiểu việc trốn lánh, Pyotr thiết lập một cơ quan có nhiệm vụ cập nhật danh sách giới quý tộc, ghi chép tên tuổi tất cả các con trai của họ cùng nơi chốn và năng lực theo đó họ có thể phục vụ đất nước.

Trong đầu óc của Pyotr, giáo dục chỉ là nấc đầu tiên trong bậc thang của nghĩa vụ. Năm 1714, cùng với kế hoạch nghĩa vụ bắt buộc cho mọi người thuộc giới quý tộc ở tuổi 15, ông ra chỉ dụ bắt buộc các em trai của họ phải vào học ở những trường thế tục khi lên 10. Trong 5 năm, trong khi chờ đến tuổi nghĩa vụ quân sự, những thiếu niên này phải học đọc, học viết, toán sơ cấp và hình học; và nếu họ không có chứng chỉ tốt nghiệp giai đoạn này sẽ không được phép kết hôn.

Người thi hành nghĩa vụ trong lục quân, hải quân hoặc hành chính công đều phải tỏ ra xứng đáng để được thăng cấp, qua đấy Pyotr đã phá bỏ lệ thừa kế của nước Nga xưa cũ. Theo truyền thống xưa, khi người cha qua đời, tất cả bất động sản được chia đều cho các con trai. Hệ lụy của việc tiếp tục phân chia đất đai như vậy theo từng thế hệ là giới địa chủ mỗi thời đều nghèo thêm, và triều đình thất thu nguồn thuế. Chỉ dụ của Pyotr ngày 14/3/1714 quy định toàn bộ bất động sản được đề thừa kế cho một người con trai mà thôi (Không bắt buộc phải để thừa kế cho con trai trưởng, và khi không có con trai, có thể để thừa kế cho con gái").

Khi thăm viếng nước Anh, Pyotr có ấn tượng với hệ thống thừa kế theo đấy con trai trưởng thừa kế tước hiệu và toàn bộ bất động sản, còn các con trai thứ phải gia nhập quân ngũ hoặc hành nghề thương mại[185]. Nhưng Pyotr áp dụng luật thừa kế theo năng lực: người con có năng lực xứng đáng nhất nhận quyền thừa kế toàn bộ đất đai, do đó vị thế gia tộc được bảo tồn và triều đình dễ thu thuế. Không may là chỉ dụ này gây xao động dữ dội trong các gia tộc, và vào năm 1730, năm năm sau khi Pyotr Đại đế qua đời, chỉ dụ bị hủy bỏ.

Suốt cuộc đời của Pyotr, năng lực, lòng trung thành và sự gắn bó với nghĩa vụ luôn là những tiêu chí để theo đấy ông chọn lựa, đánh giá và cất nhắc. Dù là thuộc giới quý tộc hoặc người bán bánh rán như Menshikov, người Nga hoặc Thụy Sĩ, người Scotland hoặc Đức, người theo đạo Chính thống, Thiên Chúa giáo, Tin Lành hoặc người Do Thái, Pyotr đều có thể ban tước vị hoặc tiền của một cách trọng hậu nếu họ sẵn sàng phục vụ và có năng lực. Sheremetyev, Dolgorukov, Golitsyn và Kurakin là những dòng họ danh giá lâu đời, nhưng dưới triều Pyotr Đại đế, người trong các họ này đi lên không phải vì huyết thống mà do công lao thật sự.

Trong khi đó, cha của Menshikov làm thư ký, cha của Yaguzhinsky đánh đàn oócgan trong nhà thờ, Shafirov nguyên là người Do Thái đổi qua Chính Thống giáo, còn cha của Kurbatov là nông nô; riêng Cảnh sát Trưởng đầu tiên của Sankt-Peterburg nguyên là người Bồ Đào Nha gốc Do Thái làm phục dịch trên tàu mà Pyotr gặp ở Hà Lan và dẫn về Nga. Nikita Demidov là một thợ kim khí mù chữ nhưng chăm chỉ, cho đến khi Pyotr - ngưỡng mộ ông vì tính nết và sự thành công - giao cho ông quyền sử dụng một vùng đất rộng ở rặng Urals để phát triển hầm mỏ.

Ibrahim Hannibal là một hoàng thân gốc Abyssinia (Ethiopia hiện giờ), bị mua làm nô lệ ở Constantinople rồi được gửi đến cho Pyotr làm quà tặng. Pyotr trả tự do cho ông và còn nhận ông làm con nuôi, gửi ông đi du học ở Paris, và cuối cùng trao quân hàm Đại tướng Pháo binh cho ông. Sau khi qua đời, Hannibal trở nên bất tử vì ông là ông ngoại của Aleksandr Pushkin và cũng là nhân vật chính trong một tiểu thuyết của Pushkin: *Người da đen của Pyotr Đại đế*[186].

Những người kể trên xuất thân không là gì cả, nhưng khi qua đời họ là hoàng thân, bá tước, nam tước…, và tên tuổi của họ gắn liền với sự nghiệp của Pyotr Đại đế trong lịch sử nước Nga.

Trường hợp của Ivan Neplyuev là ví dụ sống động nhất về sự thăng thưởng của Pyotr dựa trên năng lực. Neplyuev là con của một địa chủ nhỏ, được gọi đi nghĩa vụ năm 1715 lúc 22 tuổi và làm cha của 2 đứa con. Anh được cho theo học toán, rồi vào một trường hải hành và kế tiếp là Học viện Hải quân ở Sankt-Peterburg. Năm 1716, anh đi Venice để được huấn luyện trên thuyền galê. Sau 2 năm chinh chiến chống Thổ và 6 tháng phục vụ hải quân Tây Ban Nha, anh trở về Sankt-Peterburg năm 1720, rồi được triệu đến Bộ Tư lệnh Hải quân đề Pyotr đích thân sát hạch.

Khi đến phiên anh, Pyotr đưa bàn tay cho anh hôn rồi nói:

Anh thấy đấy, ta là Sa hoàng, nhưng hai bàn tay ta có nhiều vết chai vì ta muốn cho anh xem một ví dụ.

Trong khi Neplyuev vẫn quỳ, Pyotr nói:

Anh hãy đứng dậy và trả lời các câu hỏi. Đừng sợ hãi. Nếu biết thì nói biết. Nếu không biết thì nói không biết.

Neplyuev vượt qua cuộc sát hạch và được trao quyền chỉ huy một thuyền galê.

Nhưng ngay sau đấy, anh được chuyển đến xưởng đóng tàu ở Sankt-Peterburg. Khi nhận việc, anh được khuyên: "Luôn luôn nói sự thật và không bao giờ gian dối. Ngay cả khi sự việc trở nên xấu đi, Sa hoàng sẽ càng giận dữ hơn nếu anh nói dối." Chẳng bao lâu sau, người trai trẻ có cơ hội để thử nghiệm lời khuyên này. Một buổi sáng đến làm việc muộn, anh thấy Pyotr đã có mặt. Anh định chạy về nhà và gửi tin nhắn rằng anh đang bệnh, nhưng rồi anh nhớ đến lời khuyên kia và bước đến trước mặt Pyotr. Pyotr nhìn lên, nói: "Anh bạn trẻ, anh thấy đấy, ta đến đây trước anh." Neplyuev trả lời: "Thưa Ngài, tôi có lỗi. Tối qua, tôi vui chơi với bạn bè rồi thức khuya và sáng nay dậy muộn." Pyotr nắm lấy vai anh và bóp mạnh. Neplyuev tin rằng số phận mình đã hết. Nhưng Pyotr nói:

Cám ơn, anh trai trẻ, vì anh đã nói ra sự thật. Thượng Đế sẽ tha thứ cho anh. Tất cả chúng ta chỉ là con người.

Nhưng Neplyuev không ở lâu trong công tác này. Nhờ trình độ ngoại ngữ, anh thường nhận công việc thông dịch, và đến tháng 1/1721, khi chỉ mới 28 tuổi anh được cử làm đại sứ ở Đế quốc Ottoman, rồi năm 1734 trở về để vui hưởng trên mảnh đất mà Pyotr đã cấp khi anh đi vắng. Cuối cùng, anh trở thành thượng nghị sĩ. Năm 1774, dưới triều đại của Ekaterina Nữ Đại đế; Neplyuev qua đời ở tuổi 80.

Gần giai đoạn cuối của triều đại ông, năm 1722, Pyotr Đại đế tỏ rõ niềm tin vào chế độ thăng thưởng dựa trên năng lực khi ông soạn Bằng Cấp bậc của Đế quốc Nga, gồm những thăng cấp bậc cho ba ngành: quân đội, dân sự và tòa án. Mỗi thang gồm 14 cấp bậc tương đương nhau cho ba ngành. Mọi người đều phải bắt đầu thực hiện nghĩa vụ ở cấp bậc dưới cùng; việc thăng bậc không phải qua giai cấp trong xã hội, mà hoàn toàn qua năng lực và thời gian phục vụ. Từ đấy về sau, cấp bậc và chức vụ đều được mở rộng cho mọi người. Những tước vị thuộc giới quý tộc xưa cũ không bị xóa bỏ, nhưng không mang đặc ân hoặc phân biệt gì. Dân thường và người nước ngoài được khuyến khích xin việc ở bậc cao hơn. Binh sĩ, thủy thủ, thư ký có năng lực được đưa vào bậc phù hợp và ganh đua bình đẳng với giới quý tộc Nga.

Vì thế, bản thân vốn đã tuần tự leo lên các cấp bậc trong lục quân và hải quân, Pyotr truyền tải cho những thế hệ đi sau niềm tin của mình vào hệ thống thăng thưởng theo năng lực. Sự cải tổ này tồn tại lâu dài; sau này dù trải qua những sửa đổi và bị suy mòn vì lợi ích riêng tư và tham nhũng, vẫn là cơ sở cho việc phân định cấp bậc trong Đế quốc Nga. Bảng cấp bậc thay thế gia phả huyết thống để làm thước đo giá trị của một người, nhân tài mới được liên tục thu nhận vào quân đội và công quyền. Một người có cha là nông dân hoặc ngay cả nông nô từ vùng sâu vùng xa có thể thấy mình phục

vụ trong cùng hàng ngũ với nhà quý tộc của dòng họ nổi danh lâu đời nhất nước Nga.[187]

Trên giấy tờ, các cải tổ có thể khiến guồng máy chính phủ hoạt động như những bánh xe của đồng hồ. Sự thật không diễn ra như vậy, không những do tinh thần học hỏi trì trệ hoặc không muốn thay đổi, mà còn do tham nhũng ở nhiều thứ bậc. Tham nhũng ảnh hưởng không những đến tài chính của nhà nước, mà còn đến hiệu năng cơ bản. Tham nhũng khiến cho hệ thống hành chính được du nhập, vốn đã khó hiểu, hầu như không thể vận hành được.

Nhận hối lộ và biến thủ là vấn nạn thông thường ở Nga, và người ta xem công vụ là phương tiện để thu tóm lợi lộc cá nhân. Nhiều người chấp nhận việc này, đến nỗi quan chức Nga cam lòng nhận ít tiền lương hoặc không có lương gì cả; họ phải sống bằng cách nhận hối lộ. Dưới triều đại của Pyotr, chỉ có một nhóm nhỏ được xem là trong sạch và có tinh thần tận tâm phục vụ đất nước; số còn lại chỉ trung thành với Pyotr nhưng xem nhà nước là con bò sữa.[188]

Hậu quả là đa số quan chức ít có động lực do trách nhiệm đối với đất nước, mà chỉ muốn thu vén tư lợi, cộng thêm nỗ lực đề tránh bị phát hiện và trừng phạt. Vì thế, hai động lực mạnh mẽ có tính tiêu cực - tham lam và sợ hãi - trở thành các sắc thái nổi bật trong hàng ngũ quan chức của Pyotr. Có nhiều cơ hội để trở nên giàu có tột bậc - gia sản vĩ đại của Menshikov là ví dụ - và cũng có cơ hội cho việc tra tấn hoặc giàn xử giảo. Tuy vậy, dù cho Pyotr có làm gì - thúc đẩy, thuyết phục, hứa hẹn, đe dọa, trừng trị - dường như không tạo sự chuyển biến. Ông đã nhận ra rằng chỉ có uy quyền thì không đủ.

Thất vọng nối tiếp thất vọng, không chỉ ở cấp cao nhất. Một lần, Pyotr cất nhắc một luật sư liêm khiết lên làm thẩm phán. Ở chức vụ mới này, nơi mà mỗi quyết định có thể là công cụ để hối lộ, vị thẩm phán trở thành tham nhũng. Khi Pyotr biết được, không những ông tha bổng cho vị thẩm phán, mà còn tăng lương ông này lên gấp đôi. Tuy nhiên, Pyotr nói nếu vị thẩm phán còn phản bội sự tin tưởng của quân vương thì sẽ bị treo cổ. Vị thẩm phán tha thiết hứa rằng ông sẽ không phụ lòng tin của Pyotr - và chẳng bao lâu sau lại nhận một món hối lộ khác. Pyotr ra lệnh treo cổ ông ta.

Pyotr chấp nhận thực tế là ông không thể tạo ra sự liêm khiết ở mỗi cấp chính quyền, nhưng ông quyết chí ngăn chặn tất cả loại hình tham nhũng khiến cho Kho bạc của quốc gia bị hao hụt. Năm 1713, một chỉ dụ kêu gọi tất cả thần dân tố giác với chính Sa hoàng bất kỳ vụ việc tham nhũng nào của quan chức chính phủ. Phần thưởng cho người tố giác là tài sản của bị cáo, miễn là tố giác chính xác. Kết quả là Pyotr nhận hàng loạt thư nặc danh, phần lớn do động lực xấu xa muốn trả thù chuyện riêng tư. Pyotr ban hành một chỉ dụ khác, kết án thư nặc danh và hứa bảo vệ cho người tố giác trung thực. Cuối cùng, một bức thư nặc danh được gửi đến tố cáo vài quan chức cấp cao nhất đã nhũng lạm với quy mô lớn. Người viết thư được thuyết phục ra mặt làm chứng, và một phiên tòa đầy kịch tính diễn ra.

Trong nhiều năm, làng mạc được phân công cho quân đội canh tác và mang nông sản đến Sankt-Peterburg và các thị trấn trên những vùng đất mới chiếm được. Hệ thống này tạo ra gánh nặng vì giao thông khó khăn. Để đối phó với vấn nạn này, những người trung gian đứng ra nhận cung ứng nông sản hầu đổi lấy quyền định giá cao hơn. Cách làm này là nguồn gốc cho nhiều vụ gian lận. Một số nhân vật chủ chốt trong chính phủ bị dính líu, thông đồng với những nhà cung ứng, và đôi lúc tự đứng ra cung ứng dưới

tên người khác. Tuy nhiều người không dám thách thức giới quý tộc và quan chức cấp cao bằng cách tố giác với Sa hoàng, cuối cùng có một người để thư nặc danh ở những nơi Pyotr thường đi qua. Ông đọc được một thư, rồi thông báo hứa bảo vệ và trọng thưởng cho người tố giác. Người này lộ diện và cung cấp bằng chứng không thể chối cãi là các cận thần của Pyotr có dính líu.

Một cuộc điều tra rộng lớn được thực hiện vào đầu năm 1715. Những người liên can gồm có Hoàng thân Menshikov, Đại tướng-Đô đốc Fyodor Apraksin, Hoàng thân Matvey Gagarin, Tướng Bruce (Tư lệnh Pháo binh), Korsakhov (Phó Thông đốc Sankt-Peterburg), Sinavin (Phó Tư lệnh Pháo binh), Kikin (Bộ trưởng Hải quân), các Thượng nghị sĩ Opukhtin và Volkonsky, cùng nhiều nhân vật cấp thấp hơn.

Vì Menshikov bị nhiều người ganh ghét, và vì ủy ban điều tra được đứng đầu bởi Hoàng thân Yakov Dolgorukov, kẻ thù của ông, những lời kết án được thổi phồng do việc trả thù cá nhân, khiến cho Menshikov dễ tự biện hộ. Cuộc điều tra chi tiết cho thấy không phải chỉ vì do tham lam, cũng có phần lớn do quản lý yếu kém mà không cố ý gian dối. Thu nhập hợp pháp của Menshikov từ những trang trại khác nhau của ông là rất lớn. Ông thường sử dụng thu nhập này cho nhiều mục đích trong triều đình và cũng thường tiêu pha công quỹ cho mục đích riêng. Nhiều việc khuất tất là do chuyển tiền từ mục đích này sang mục đích khác mà không có sổ sách rõ ràng. Ví dụ, Menshikov làm Thống đốc Sankt-Peterburg trong 10 năm mà không có tiền lương, trái lại phải bỏ tiền túi đề chi trả cho những sự vụ của nhà nước. Vì lẽ Pyotr ghét bỏ cung điện lớn và lễ lạc rườm rà, Menshikov xây một cung điện nguy nga cho riêng ông và chủ trì nhiều buổi chiêu đãi cho công chúng và ngoại giao đoàn vốn tiêu tốn rất nhiều tiền. Thường thì

ông không được bồi hoàn chi phí, nhưng Pyotr muốn ông tiếp tục trong vai trò này.

Đôi lúc Menshikov còn bỏ tiền túi ra để đối phó với những tình trạng khẩn cấp của nhà nước. Tháng 7/1714, Đô đốc Apraksin ở Phần Lan báo cáo khẩn cấp là binh sĩ của mình đang chịu đói kém. Vì Pyotr đang đi xa, Menshikov yêu cầu Thượng viện giải quyết, nhưng các thượng nghị sĩ từ chối nhận trách nhiệm. Menshikov can đảm tự huy động hàng hậu cần trị giá 200.000 rúp, chất xuống tàu để chuyển đến binh sĩ của Apraksin.

Tuy thế, có những khoản chi tiêu không thể chứng minh được. Menshikov bị phạt gần 350.000 rúp dựa theo những khoản này, nhưng sau khi trả một phần, ông van nài với Pyotr và được miễn trả phần còn lại.

Apraksin va Bruce không bị trừng phạt vì lý do công trạng trong quá khứ và cũng vì lý lẽ biện hộ là họ thường đi chinh chiến xa nên không biết gì về những việc làm của thuộc hạ. Những người còn lại bị trừng trị nặng nề. Hai thượng nghị sĩ Opukhtin và Volkonsky bị đánh roi trước công chúng, và lưỡi của họ bị gí sắt nung đỏ, vì không những đã làm mất uy tín cá nhân mà còn làm ô danh cho Thượng viện vừa mới được thành lập. Korsakhov cũng bị đánh roi. Ba người khác bị đánh roi, cắt mũi rồi lên giàn xử giảo. Tám người bị kết tội nhẹ hơn, binh sĩ được phép dùng gậy gộc xúm lại đánh họ. Khi Pyotr ra lệnh cho họ ngừng lại, họ trả lời: “Thưa cha, để cho chúng tôi đánh thêm chút nữa, vì họ đã chiếm đoạt miếng ăn của chúng tôi.”

Một số người bị đày đi Siberia. Vốn vẫn được Pyotr thương mến, Kikin chỉ bị phạt đi đày và tịch biên gia sản, nhưng được Hoàng hậu Ekaterina nài xin nên được phục chức và phục hồi gia sản. Bốn năm sau, Kikin bị xét xử

lần nữa do liên can đến chuyện chạy trốn của Hoàng thái tử Aleksei (xem Chương 54), và lần này bị mất đầu.

Việc gửi thư nặc danh và đấu tố trước đám đông là những cách thức bừa bãi để loại bỏ tham nhũng. Thế nên, vào tháng 3/1711 Pyotr thiết lập một cơ quan gồm những nhân viên cáo giác gọi là "biện lý", do Biện lý Trưởng đứng đầu. Cơ quan này có chức năng điều tra và báo cáo với Thượng viện tất cả nghi can cho dù ở cấp bậc nào. Cách thức cáo giác có hệ thống, theo kênh chính thức là điều mới mẻ ở Nga. Lúc trước, luật lệ Nga cho phép bắt giữ và xét xử dựa trên sự cáo giác riêng tư, nhưng cáo giác là con dao hai lưỡi. Người cáo giác phải trình đủ bằng cớ chứng minh, nếu không sẽ bị tra tấn và trừng trị. Bây giờ, người cáo giác là quan chức triều đình, nên họ không sợ bị trả thù.

Lẽ tự nhiên là con số những vụ việc tố giác tăng lên, và chẳng bao lâu 500 biện lý là những người bị thù ghét nhất nước Nga. Ngay cả các thượng nghị sĩ, trên danh nghĩa đứng trên biện lý, cũng e sợ các mật báo viên tận tâm này. Dù một số quan chức chống đối biện lý, Pyotr vẫn không can thiệp, và các biện lý vẫn tiếp tục công việc bị ghét bỏ của họ.

Vị biện lý tận tâm nhất là Aleksei Nesterov, sau cùng trở thành Biện lý Trưởng. Con mồi nổi tiếng nhất của ông là Hoàng thân Matvey Gagarin, Thống đốc Siberia từ năm 1708. Vì xa cách thủ đô, Gagarin cai trị tỉnh mình gần như là một quân vương. Một trong những trách nhiệm của Gagarin là quản lý nền ngoại thương với Trung Hoa, bấy giờ là độc quyền của triều đình. Qua mạng lưới mật báo viên, Nesterov biết rằng Gagarin đang biển thủ tiền thuế của chính phủ bằng cách cho phép thương nhân buôn bán bất hợp pháp, và chính ông cũng buôn bán bất hợp pháp. Qua cách này, ông đã tích lũy một tải sản khổng lồ.

Tuy vậy, không phải tất cả là điểm nhơ. Gagarin đã đóng góp nhiều cho sự phát triển ở Siberia qua việc khuếch trương công nghiệp, thương mại và hầm mỏ. Hơn nữa, Gagarin được lòng dân trong tỉnh nhờ chế độ cai trị hiền hòa. Khi ông bị bắt, 7.000 tù binh Thụy Điển làm việc ở Siberia gửi thư kiến nghị xin Pyotr ân xá cho ông.

Năm 1714, Nesterov gửi báo cáo lên Pyotr về tội gian tham của Gagarm, nhưng Pyotr bỏ qua. Đến năm 1717, Nesterov nộp một hồ sơ có thêm chứng cớ, và Pyotr chỉ định một ủy ban gồm những sĩ quan Cảnh vệ để điều tra. Gagarin bị bắt và thú nhận các tội danh làm trái, ngay cả phạm pháp, xin ân xá và xin được cho vào sống trong tu viện. Mọi người đều tin rằng Pyotr sẽ ân xá cho Gagarin vì công lao của ông. Nhưng Pyotr giận dữ vì thấy nhiều chỉ dụ của mình về tính liêm khiết bị xem thường, nên nhất quyết tạo tiền lệ để làm gương. Gagarm bị treo cổ trước công chúng ở Sankt-Peterburg vào tháng 9/1718.

Nesterov hành xử uy quyền trong gần 10 năm. Rồi chính vị Biện lý Trưởng lại bị tố giác là đã nhận quà biếu. Những món quà này có giá trị không cao, đáng lẽ không cấu thành trọng tội, nhưng kẻ thù của ông không chịu bỏ qua. Ông bị đưa ra xét xử, bị kết án tử hình trên bánh xe xử giảo[189]. Việc thi hành án được thực hiện tại quảng trường phía trước tòa nhà cho các bộ và Thượng viện trên Đảo Vasilevsky. Lúc này ông đã già, tóc bạc trắng. Trong khi ông bị thi hành án một cách đau đớn, nhân đang đến làm việc tại văn phòng các bộ, Pyotr Đại đế tình cờ bước đến một cửa sổ và nhìn ra. Trông thấy tình cảnh đáng thương, Pyotr ra lệnh chém đầu vị Biện lý Trưởng lập tức đề tránh gây đau đớn thêm cho tử tội.

Người phạm tội nặng nhất - mà ngay cả Nesterov không hề dám tố giác - là Menshikov. Hết lần này đến lần khác, vị Hoàng thân trông cậy vào lòng

khoan dung của quân vương. Ông biết rằng Pyotr cần đến ông; với người cô đơn trên đỉnh cao quyền lực, một người bạn như thế là điều cần thiết. Ông là người tin cẩn, có khả năng đọc được ý nghĩ và thực hiện những quyết định của Pyotr. Là bạn ăn nhậu với Pyotr, là cánh tay phải của Pyotr. Ngoài công chúng ông hết mực tôn kính Pyotr. Trong riêng tư ông biết giới hạn của mình, luôn tỏ ra vui vẻ dù bị Pyotr đánh đấm, nhờ đấy càng được Pyotr yêu mến. Ông có tham vọng vô bờ và cư xử xấc xược với bạn đồng liêu, khiến nhiều người vừa thù ghét vừa e sợ.

Theo thời gian, quyền lực của Menshikov càng cao, và sau Trận Pultowa thì không bến bờ. Ông vừa là Thống đốc Sankt-Peterburg, kiêm Thượng Nghị sĩ Thứ Nhất, Hiệp sĩ nhận Huân chương Sankt-Andrei, Hoàng thân của Đế quốc La Mã Thần thánh, và còn mang những tước vị của Ba Lan, Đan Mạch và Phổ. Có lời nhận xét rằng khi ông di chuyển xuyên nước Nga từ Biển Baltic cực bắc xuống đến Biển Caspi cực nam, mỗi tối ông đều có thể nghỉ đêm trên đất phong của mình. Ông có một dinh thự đồ sộ ở Sankt-Peterburg có thể dọn 200 món ăn đựng trên đĩa bằng vàng. Ông di chuyển trên đường phố trong cỗ xe hình quạt với huy hiệu bằng vàng gắn trên cửa và vương miện bằng vàng gắn trên nóc, được kéo bởi 6 con ngựa phủ vải đỏ và vàng, luôn có đoàn tùy tùng gồm gia nhân, nhạc công và kỵ binh mở đường.

Dù Pyotr đã yêu mến ban cho ông nhiều bổng lộc, ông không hề cảm thấy đủ. Khi không có đủ tiền hối lộ và quà cáp, ông tìm cách biển thủ công quỹ. Dù Pyotr đã ra những mức tiền phạt khổng lồ, ông vẫn luôn giàu có, và sau một thời gian bị thất sủng ông lại vươn lên.

Pyotr thường nhắm mắt làm ngơ cho ông. Đến một lúc, Thượng viện tìm ra chứng cớ khuất tất trong vụ Menshikov mua đạn dược. Họ yêu cầu

Menshikov giải trình, nhưng ông gạt họ qua một bên, từ chối trả lời bằng văn bản hoặc ký vào bất kỳ văn bản nào, chỉ cử một nhân viên cấp thấp trả lời bằng miệng. Các thượng nghị sĩ liệt kê những tội danh rồi đặt văn bản trên bàn của Pyotr. Khi Pyotr bước vào, ông cầm văn bản lên, liếc qua rồi đặt xuống mà không nói một lời. Khi Tolstoy có đủ can đảm hỏi ông định làm gì, Pyotr trả lời: "Không làm gì cả. Menshikov thì lúc nào vẫn là Menshikov."

Tuy thế, có lúc Pyotr quá mức chịu đựng. Một lần, khi Pyotr tạm thời phong tỏa đất phong bao la của ông ở Ukraina và đòi ông phải trả khoản tiền phạt 200.000 rúp, Menshikov trả đũa bằng cách cho mang đi tất cả rèm cửa, màn che và đồ nội thất trong dinh thự của ông. Khi Pyotr đến thăm, ông thấy tòa nhà hầu như trống không.

Ông hỏi: "Việc này có nghĩa là gì vậy?"

Menshikov trả lời: "Than ôi, thưa Hoàng thượng, tôi bắt buộc phải đem bán mọi thứ để thanh toán tiền cho Kho bạc."

Pyotr nhìn ông chăm chăm một lúc rồi nói: "Ta biết rồi. Đừng làm trò với ta. Nếu 24 giờ sau ta trở lại, ngôi nhà của ông không được trang bị cho xứng với một Hoàng thân và Thông đốc Sankt-Peterburg, số tiền phạt sẽ gấp đôi!"

Khi Pyotr quay lại, tòa dinh thự được trang hoàng còn lộng lẫy hơn trước.

Pyotr cảnh cáo Menshikov lần đầu tiên năm 1711 sau khi vị Hoàng thân bị cáo giác tống tiền lúc chỉ huy quân đội ở Ba Lan. Ông tự biện hộ là ông chỉ lấy tiền từ người Ba Lan. Pyotr đe dọa: "Ông phải lo tự sửa mình, nếu không ta sẽ lấy đầu ông." Trong một thời gian, Menshikov tuân lời.

Năm 1715, ông lại bị cáo giác, và ông lại trả tiền phạt. Sau lần này, Pyotr tỏ ra lạnh lùng, không còn tin tưởng ông nữa. Menshikov thích nghi một cách thận trọng với tình trạng mới. Trong những lá thư ông viết, thay vì ngôn từ thân mật là cách xưng hô trang trọng như cách một thần dân viết cho quân vương. Ông nhắc lại tình bạn cũ với Pyotr và những công trạng của mình ngày trước. Ông cũng được che chở bởi Hoàng hậu Ekaterina, người sẵn sàng can thiệp để giúp ông. Vào một dịp như thế, Pyotr chiều theo ý vợ, nhưng cảnh báo với bà về tương lai: "Nêu ông ta không sửa mình, chắc chắn ông ta sẽ mất đầu."

Menshikov không thoát được lâu. Đến năm 1719, ông và Apraksin bị kết tội biển thủ, bị xử tịch thu mọi đất phong và tước vị, nhận lệnh phải trả lại thanh gươm, và bị quản thúc tại gia để chờ Pyotr phê duyệt bản án. Pyotr thoạt đầu ký duyệt, rồi ngày sau trong sự ngạc nhiên của nhiều người, hủy bỏ bản án vì xét công trạng trong quá khứ. Cả hai được phục hồi tất cả tước vị và tài sản, chỉ phải trả tiền phạt nặng. Pyotr không thể cai trị mà thiếu hai người.

Đúng như lời tiên đoán của Pyotr rằng "Menshikov thì lúc nào vẫn là Menshikov", đến năm 1723, Menshikov lại bị bắt và đưa ra xét xử cũng vì tội biển thủ. Cuộc điều tra đang tiếp diễn thì Pyotr qua đời, và sau đấy Nữ Hoàng đế Ekaterina ra lệnh chấm dứt điều tra.

Trong một thời gian, Menshikov có vẻ như chịu khuất phục. Ít lâu sau, phó đại sứ Phổ viết:

> Vị Hoàng thân tốt Menshikov bị bóc lột. Sa hoàng hỏi ông có bao nhiêu tá điền ở Ingria. Ông thú nhận có bảy nghìn, nhưng nhà Vua, vốn đã nắm được thông tin, bảo ông có thể giữ lại bảy nghìn tá điền nhưng

phải từ bỏ số người còn lại - nói cách khác, là tám nghìn người nữa. Vì lo âu và không rõ chuyện gì khác sẽ xảy đến với mình, Menshikov lâm bệnh và đói khổ như con chó, nhưng một lần nữa ông lại thoát tội và được ân xá cho đến khi Quỷ Sa tăng dẫn dụ ông trở lại.

Vốn là con người giản dị, Pyotr buồn phiền và khinh bỉ khi thấy cận thần của mình tìm mọi cách đê bòn rút của công. Ông nhìn đâu cũng thấy hối lộ, biển thủ và tống tiền. Một lần, sau khi được Thượng viện báo cáo về những vụ tham nhũng mới, ông triệu Yaguzhinsky đến, ra lệnh viết chỉ dụ xử tử lập tức bất kỳ quan chức nào ăn trộm thậm chí một khoản tiền chỉ đủ mua một cuộn dây thừng. Trong khi đang viết theo lệnh của Pyotr Đại đế, Yaguzhinsky nhác bút lên và hỏi: "Liệu Hoàng thượng đã suy nghĩ kỹ về những hậu quả của chỉ dụ này chưa?" Pyotr giận dữ nói: "Cứ viết đi." Yaguzhinsky hỏi tiếp:

Hoàng thượng muốn sống cô độc trong đế quốc mà không có thần dân hay không? Bởi vì tất cả chúng thần đều ăn cắp. Có người ăn cắp ít, có người ăn cắp nhiều, nhưng tất cả chúng thần đều ăn cắp cái gì đấy.

Pyotr cười lớn, lắc đầu một cách buồn bã rồi bỏ dở ý định.

Tuy vậy, Pyotr vẫn kiên trì cho đến ngày cuối. Thỉnh thoảng, như trường hợp xử tử Gagarin, ông muốn trừng phạt người cấp cao để làm gương cho cấp dưới. Một lần, Nesterov hỏi: "Chỉ cắt nhánh hoặc cắt rễ?" Pyotr trả lời: "Tiêu diệt tất, cả nhánh lẫn rễ." Nhưng đấy là một việc làm vô vọng; Pyotr không thể thúc đẩy tính lương thiện.

Người đương thời Ivan Pososhkov đã đúng khi viết:

Vị quân vương vĩ đại làm việc khó nhọc mà không hoàn tất gì cả. Sa hoàng kéo lên với sức lực của 10 người, nhưng hàng triệu người kéo xuống.

181. Từ "tỉnh" là do dịch đúng từ "province" trong nguyên tác. Ian Grey (sách đã dẫn, trang 414) cho biết vào năm 1708, Pyotr chia nước Nga làm 8 rồi tăng lên thành 11 "chính quyền", và cho đó là một hành động táo bạo phân chia quyền lực cho địa phương trong một nước vốn lệ thuộc mọi việc vào Moskva. Sau Trận Pultowa Pyotr có thêm cải tổ: 11 chính quyền được chia thành khoảng 50 tỉnh tùy thuộc vào các chính quyền địa phương về mặt quân sự và tư pháp nhưng được tự trị theo các mặt khác. Mỗi tỉnh lại được chia thành huyện. (ND)

182. Pyotr hay bị chứng co giật khiến cho cánh tay trái của ông cũng thường co giật theo. (ND)

183. Từ “Thượng viện” được dịch sát theo Anh ngữ “Senate”, tuy cả hai từ có ý nghĩa khác với ngày nay. “Thượng viện” của Nga thời Pyotr Đại đế trên thực chất là một hội đồng nhiếp chính, có chức năng hạn chế về hành pháp và càng hạn chế hơn về lập pháp, trong khi thượng viện ngày nay là cơ quan có nhiều quyền lực lập pháp mạnh mẽ. (ND)

184. Với việc đổi tên thành phố từ Leningrad trở lại tên cũ Sankt-Peterburg, Đại học Leningrad hiện mang tên Đại học Quốc gia Sankt-Peterburg. (ND)

185. Đây là hệ thống thừa kế theo thứ tự: việc thừa kế bất động sản theo một thứ tự đã được định trước cho từng người nam trong gia tộc. Khi người đang giữ quyền thừa kế qua đời, toàn bộ bất động sản được chuyển giao cho người đứng đầu trong thứ tự thừa kế (bắt đầu là con trai trưởng, kế đến là con trai thứ, rồi anh, em trai…). Những người khác có thể nhận khoản tiền chu cấp hoặc vật dụng gia đình… Mục đích của việc này là tránh chia manh mún đất đai sau mỗi lần thừa kế. (ND)

186. Aleksandr Sergeyevich Pushkin (1799-1837) bắt đầu viết tác phẩm này vào tháng 7/1827, dự định sẽ dựng lên một tác phẩm lớn. Ông tiếp tục viết - hiển nhiên là không đều đặn - trong hai năm 1827-1828, nhưng cuối cùng bàn thảo vẫn còn dang dở, chỉ được không đến 30 trang đánh máy. (ND)

187. Bảng Cấp bậc được sử dụng xuyên suốt trong các vương triều Nga cho đến Cách mạng tháng 10 năm 1917. (ND)

188. Ian Grey (sách đã dẫn, trang 414) cho biết trong số những nhân vật quan trọng của triều đình Pyotr, chỉ có 6 người được xem là trong sạch: Osterman, Yaguzhinsky, Hoàng thân Repnin, Rumyantsov, Sheremetyev, và bí thư riêng của Pyotr là Makarov. (ND)

189. Một hình thức xử giảo có từ thời Trung cổ nhằm gây cái chết đau đớn cho người phạm trọng tội. Tử tội được cột trên giàn cử giống một bánh xe lớn, có nhiều xà gỗ như nan hoa. Tay và chân của tử tội được được trên mỗi xà gỗ, rồi người hành quyết dùng búa đánh lên mỗi tay và chân nhiều lần, ở các khoảng trống giữa xà gỗ, khiến xương bị gãy ở nhiều đoạn. Sau đó, bánh xe được treo dựng đứng lên trên một cây cột, và tử tội bị để mặc như thế cho đến chết. (ND)

59 XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI QUA CHỈ DỤ

Dưới triều đại của Pyotr, ở Nga không có gì nhiều đáng gọi là công nghiệp. Rải rác khắp các thị trấn là những nhà máy và cơ xưởng nhỏ sản xuất hàng gia dụng, hàng thủ công và đồ lề cho nhu cầu của triều đình, giới quý tộc và thương nhân. Trong làng mạc, dân quê tự sản xuất mọi thứ họ cần.

Sau khi từ Tây Âu trở về năm 1698, Pyotr nhất quyết thay đổi tình trạng này, và trong suốt cuộc đời còn lại ông nỗ lực giúp nước Nga giàu có thêm, nền kinh tế có thêm hiệu năng và sản lượng. Vào thời gian đầu khi Nga lâm vào cuộc chiến lớn, nỗ lực của Pyotr trong việc xây dựng nền công nghiệp nhắm vào nhu cầu chiến tranh. Ông phát triển xưởng đúc đại bác, xưởng làm thuốc súng, xưởng chế tạo súng nòng dài, xưởng thuộc da cho yên cương của kỵ binh, xưởng dệt để may quân trang và sản xuất buồm cho hạm đội.

Sau Trận Pultowa, nỗ lực xoay chiều. Vì nhu cầu phục vụ chiến tranh giảm đi, Pyotr chú trọng đến những lĩnh vực sản xuất khác nhằm nâng cao mức sống người Nga cho ngang bằng với Tây Âu, đồng thời giúp nước Nga bớt lệ thuộc vào hàng nhập khẩu. Nhận thấy những khoản tiền lớn đang tuôn ra khỏi nước để nhập khẩu tơ lụa, gấm vóc, đồ sứ và pha lê, Pyotr thiết

lập những nhà máy sản xuất các mặt hàng này trong nước. Để bảo hộ nền công nghiệp còn non trẻ, Pyotr đặt thuế suất nhập khẩu cao đối với tơ lụa và vải vóc nước ngoài khiến cho giá các mặt hàng này ở Nga tăng lên gấp đôi. Về cơ bản, chính sách của Pyotr tương tự những nước Châu Âu khác: tăng xuất khẩu để thu ngoại tệ, giảm nhập khẩu để đỡ tiêu hao nguồn lực Nga ra nước ngoài.

Chính sách công nghiệp hóa của Pyotr có mục đích thứ hai, cũng quan trọng không kém. Dân Nga đã bị thu thuế tận lực để phục vụ cuộc chiến. Cách thức lâu dài khác để thu thêm thuế từ thần dân là gia tăng sản xuất trong nước, qua đấy tăng nguồn thuế. Để đạt mục đích này, Pyotr tận lực làm việc và huy động tài nguyên vào mọi lĩnh vực phát triển nền kinh tế quốc dân. Mục tiêu của ông là phát triển một tầng lớp thương nhân Nga nhằm hỗ trợ và dần dà thay thế triều đình trong lĩnh vực sản xuất.

Công việc này không phải là dễ dàng. Theo truyền thống, giới quý tộc khinh bỉ bất kỳ hoạt động thương mại và công nghiệp nào, và không chịu đầu tư vào cơ sở sản xuất. Pyotr kết hợp các biện pháp khuyến dụ và bắt buộc, rao giảng chân giá trị và tính hữu dụng của thương mại, biến thương mại và công nghiệp thành loại hình phục vụ đất nước một cách cao cả - cũng ngang bằng nghĩa vụ trong lục quân, hải quân và hành chính công. Qua Bộ Hầm mỏ và Sản xuất, Chính phủ hỗ trợ vốn đầu tư dưới dạng tín dụng và trợ giá, nhượng độc quyền và miễn thuế; đôi lúc xây nhà máy với ngân quỹ từ Kho bạc để cho cá nhân và công ty tư nhân thuê lại. Những biện pháp này thường có tính áp đặt.

Năm 1712, triều đình xây một số nhà máy dệt rồi đề cho thương nhân quản lý. Lệnh truyền ra rằng:

Nếu họ không tự nguyện làm việc này thì phải thúc ép họ. Trao cho họ cơ sở sản xuất để loại bỏ giá đầu tư vào nhà máy khiến cho họ vui vẻ trong việc mua bán.

Không phải tất cả cơ sở sản xuất mới đều làm ăn phát đạt. Một công ty tơ lụa do Menshikov, Shafirov và Pyotr Tolstoy thành lập với những ưu đãi và trợ giá phóng khoáng vẫn bị lỗ, cuối cùng được bán lại cho tư nhân. Menshikov thì may mắn hơn với một công ty đánh bắt hải sản trên Biển Trắng.

Sự hợp tác giữa triều đình và tư nhân trong ngành hầm mỏ và công nghiệp nặng đạt thành công hơn. Khi Pyotr mới lên ngôi, nước Nga chỉ có khoảng 20 xưởng đúc công lẫn tư. Pyotr bắt đầu ngay với việc khai thác tài nguyên khoáng sản. Trong số những người nước ngoài do Đại Phái bộ Sứ thần tuyển dụng có nhiều kỹ sư hầm mỏ. Khi chiến tranh xảy ra, các xưởng đúc sắt ở Tula được mở rộng để chế tạo súng nòng dài và đại bác cho quân đội. Chủ nhân các cơ xưởng này là nhà sáng lập người Hà Lan, cha của Andrei Vinius, cũng có phần hùn từ nhà nước và Nikita Demidov, người đốc công đúc sắt đã mở rộng cơ xưởng để đúc súng cho toàn quân đội Nga. Thanh phố Tula trở thành một công xưởng khổng lồ, những khu ngoại ô đầy cư dân làm nghề chế tạo vũ khí và nghề rèn.

Sau Trận Pultowa, Pyotr phái các đoàn khảo sát đi khắp vùng Urals để tìm thêm mỏ quặng. Năm 1718, ông thành lập Bộ Hầm mỏ và Sản xuất để phát triển thêm mỏ kim loại. Tháng 9/1719, một chỉ dụ quy định hình phạt đánh roi địa chủ nào giấu giếm mỏ kim loại trên đất của họ hoặc ngăn cản người khác vào khai thác. Những ngọn đồi vùng Urals chứa quặng với hàm

lượng sắt lên đến phân nửa trọng lượng của đất. Để khai thác những mạch quặng phong phú này, Pyotr lại nhờ đến Nikita Demidov.

Đến cuối triều đại của Pyotr, đã có tổ hợp công nghiệp và quặng mỏ với 21 nhà máy đúc sắt và đồng mọc lên ở Urals, tập trung ở thành phố Ekaterinburg được lấy theo tên của vợ ông, Ekaterina. Nhà nước làm chủ 9 nhà máy, Demidov làm chủ 5, còn lại là những tư nhân khác. Sản lượng các nhà máy này liên tục tăng cao. Dưới triều đại Pyotr, sản lượng quặng sắt của Nga ngang bằng Anh, và đến triều đại của Nữ Hoàng đế Ekaterina, Nga vượt lên Thụy Điển để trở thành nước sản xuất sắt lớn nhất Châu Âu. Những hầm mỏ và xưởng đúc giúp nước Nga hùng mạnh về quân sự: 16.000 đại bác có sẵn ở các công xưởng lúc Pyotr qua đời. Năm 1720, Pyotr phong Bá tước cho Demidov, và tước vị này được truyền trong gia tộc Demidov cho đến cuối vương triều.

Để hỗ trợ thương mại, Nga cần có thêm lượng tiền tệ lưu hành. Đồng tiền Nga đã được đúc từ sau khi Pyotr trở về với Đại Phái bộ Sứ thần, nhưng lượng lưu hành vẫn thiếu hụt đến nỗi thương nhân ở Sankt-Peterburg, Moskva, Arkhangelsk phải đi vay nặng lãi để tiếp tục làm ăn. Một lý do cho sự thiếu hụt này là thói quen của dân quê lẫn giới quý tộc chôn giấu tiền họ kiếm được. Như một người nước ngoài giải thích:

> Trong số nông dân, nếu có được một khoản tiền, họ giấu nó dưới đất, tiền trở thành tiền chết đối với họ và đất nước. Còn giới quý tộc thì sợ bị triều đình để ý và ghét bỏ nếu lộ ra bề ngoài giàu có, nên họ thường cho vào két sắt rồi hàn chặt, riêng người tiên tiến hơn thì mang đi gửi vào các ngân hàng ở London, Venice hoặc Amsterdam.

Lúc chiến tranh xảy ra, một chỉ dụ tuyên cáo:

> Cấm việc cất giấu tiền. Người cáo giác tìm ra nơi cất giấu được thưởng một phần ba số tiền, phần còn lại được sung công quỹ.

Một lý do khác cho việc thiếu hụt tiền lưu hành là thiếu kim loại quý. Thợ vàng và thợ bạc nước ngoài bị thất vọng và trở về nước, trong khi những đồng tiền rúp mới có khuyết điểm cả về thành phần hợp kim lẫn trọng lượng. Pyotr biết được điều này và lo lắng. Năm 1714, ông ra lệnh cấm xuất khẩu bạc. Năm 1718, thương nhân rời khỏi Nga bị khám xét, mọi đồng tiền vàng, bạc hoặc đồng đều bị tịch thu. Nếu nghi ngờ, nhân viên hải quan có thể tháo rời xe cộ của thương nhân để khám xét thêm. Năm 1723, án tử hình được quy định cho tội xuất khẩu bạc. Mặc khác, việc nhập khẩu vàng và bạc được khuyến khích mạnh mẽ mà không phải chịu thuế suất nhập khẩu. Và khi người Nga bán hàng hóa cho người nước ngoài thì không được phép nhận tiền Nga mà phải nhận ngoại tệ.

Mệnh lệnh của Pyotr - được ban hành một cách vội vã - thường được cấp dưới và dân chúng đón nhận mà không hiểu lý do hoặc phải làm gì. Điều này khiến cho Pyotr không những phải tự mình giám sát chặt chẽ việc thi hành, mà còn phải hành xử uy quyền để đạt mục đích. Bản chất bảo thủ theo truyền thống, người Nga chống đối lại mọi thay đổi, nên Pyotr nói với các bộ trưởng:

> Các người tự biết rằng bất kỳ điều gì mới lạ, dù cho là điều hay hoặc cần thiết, thì dân ta sẽ không chịu thi hành nếu không bị thúc ép.

Pyotr không hề tỏ ý băn khoăn về việc sử dụng uy quyền. Trong một chỉ dụ năm 1723, ông giải thích:

> Dân ta giống như con trẻ: không bao giờ chịu học chữ cái trừ phi thầy giáo thúc ép. Họ gặp khó khăn lúc đầu, nhưng sau khi đã học được, họ sẽ thấy biết ơn. Trong các ngành nghề sản xuất cũng vậy, chúng ta không chỉ đề xuất, mà còn phải hành động và ép buộc.

Thương mại là một cơ chế phức tạp, và chỉ dụ của triều đình không phải lúc nào cũng có tác dụng. Trong trường hợp của Pyotr, ông không bao giờ chắc chắn mình muốn gì. Khi có chuyện khác chi phối tâm trí của ông, những người dưới quyền ông không hiểu rõ ông muốn gì nên họ không làm gì cả; mọi hoạt động vì thế ngừng lại. Những phương pháp của Pyotr đều là theo cách vừa làm vừa học. Ông thử hết cách này đến cách kia, ra lệnh rồi hủy bỏ lệnh, tìm kiếm cách thức đạt hiệu quả mà đôi lúc không hiểu ra phải cần gì hoặc bản chất của những trở ngại trước mặt ông là gì. Ông luôn thay đổi phương hướng, những chỉ dụ vụn vặt của ông không cho phép địa phương điều chỉnh, khiến cho thương nhân và nhà sản xuất bối rối và mất sáng kiến. Một lần, khi đại sứ Hà Lan thúc giục phía Nga phê chuẩn một hiệp ước thương mại mới vì Hà Lan đang cảm thấy chán nản do nhiều lần trì hoãn, Osterman bảo ông:

> Giữa hai chúng ta, tôi nói cho ông nghe sự thật. Không có người nào ở Nga thông hiểu được những sự vụ thương mại.

Có những trường hợp việc làm ăn bị suy sụp chỉ vì Pyotr không có mặt để ra chỉ dụ. Ông có cá tính nóng nảy và bất thường đến nỗi, nếu không có

chỉ dụ cụ thể, không ai muốn đưa ra sáng kiến, nên không ai làm gì cả. Chẳng hạn, một số lượng yên cương bằng da được tồn trữ ở Novgorod cho kỵ binh. Chính quyền địa phương biết rõ về kho này, nhưng không có lệnh phân phối, nến số yên cương này bị mốc và hư hỏng.

Tương tự, vào năm 1717 nhiều thớt gỗ sồi được vận chuyển từ miền trung Nga qua các kênh rồi đến Hồ Ladoga, dự trù dùng để đóng tàu cho hạm đội nhưng bị bỏ mục nát bên bờ hồ, chỉ vì Pyotr đang đi Đức và Pháp mà không để lại chỉ dụ cụ thể phải sử dụng những thớt gỗ ấy ra sao.

Chuyên gia nước ngoài giúp trám vào khoảng trống giữa một bên là vị vua nhiều sáng kiến nhưng hay bận bịu nhiều việc và bên kia là đất nước thiếu hiểu biết, ù lì. Mọi công cuộc phát triển nền kinh tế quốc dân của Pyotr sở dĩ thành công là nhờ có chuyên gia và kỹ thuật viên nước ngoài đổ xô đến Nga từ lúc Pyotr trở về từ Tây Âu năm 1696 cho đến lúc ông qua đời năm 1725. Pyotr tuyển dụng trên một nghìn người nước ngoài trong chuyến đi đầu tiên đến Amsterdam và London, tiếp theo đấy các nhà ngoại giao và đại diện Nga ở những triều đình nước ngoài nhận nhiệm vụ khẩn trương tìm kiếm và thuyết phục thợ giỏi và chuyên viên kỹ thuật đến làm việc cho Nga.

Chuyên gia nước ngoài, ý tưởng nước ngoài và máy móc nước ngoài cùng nguyên vật liệu trong nước kết hợp trong tất cả hoạt động công nghiệp, thương mại và nông nghiệp. Dây nho từ Pháp được mang về trồng gần Astrakhan, cho loại rượu vang mà người nước ngoài khen là khá ngon. Hai mươi chuyên gia từ Silesia được mời đến Nga để huấn luyện người Nga cách hớt lông cừu và dệt thành len cho quân đội mà không phải nhập khẩu len của Anh. Pyotr trông thấy giống ngựa tốt ở Phổ và Silesia, ra lệnh lập trại nuôi ngựa và mua ngựa giống về. Ông quan sát loại lưỡi liềm cỏ cán dài

mà nông dân Tây Âu sử dụng, khác với loại lưỡi liềm có cán ngắn mà nông dân Nga phải cúi người xuống khi sử dụng, ông chỉ thị thần dân ông phải dùng loại lưỡi liềm mới. Phụ nữ Hà Lan được mời huấn luyện cho phụ nữ Nga cách dệt vải lanh trên khung cửi mà ít người ở Nga biết đến. Khắp nước Nga, người nước ngoài huấn luyện người Nga trong nhà máy thủy tinh, lò gạch, nhà máy làm thuốc súng, lò luyện quặng sắt, nhà máy giấy… còn ra chỉ dụ nghiêm khắc cấm thần dân của mình làm hại hoặc trục lợi từ người nước ngoài. Ngay khi một người nước ngoài gặp thất bại, ông thường đối xử tử tế với họ và cho họ một số tiền để về nước.

Phía sau chính sách này không phải là tính yêu thích phù phiếm đối với mọi thứ từ nước ngoài. Pyotr có một mục đích duy nhất, kiên định: dùng người nước ngoài để xây dựng một nước Nga hiện đại. Người nước ngoài được mời đến và được ban đặc quyền với một điều kiện duy nhất trên mỗi bản hợp đồng: "Dạy cho người Nga một cách thích đáng, và không được giấu giếm gì cả."

Đôi lúc người nước ngoài thật sự muốn giấu nghề. Trong một trường hợp, chuyên gia ủ thuốc lá người Anh khi rời nước Nga đã dùng đến biện pháp quá khích để cố tình không truyền đạt công nghệ đặc biệt của họ cho người Nga. Điều ngạc nhiên là Đại sứ Charles Whitworth của Anh tại Nga góp công vào việc bảo vệ bí mật này:

> Bí mật to tát mà người Nga muốn biết là loại thuốc dùng để tẩm và nhuộm màu thuốc lá… Những người thợ Nga bị đuổi ra ngoài, và buổi tối ấy tôi đi đến nhà kho cùng với ông Parsons, thư ký, và bốn người hầu của tôi. Chúng tôi làm việc gần trọn đêm để phá hủy vài loại vật liệu và dụng cụ, vài món chắc chắn đến nỗi chúng tôi phải gây tiếng

động lớn khi phá vỡ thành từng mảnh. Có những thùng đựng chất lỏng của thuốc lá mà tôi ra lệnh trút ra… Rồi tôi phá hủy ba máy cơ khí đã được lắp đặt để cắt thuốc lá, lấy đi các linh kiện… Ngày hôm sau, gia nhân của tôi trở lại để đốt cháy tất cả những thứ gì làm bằng gỗ.

Nếu Pyotr khám phá ra vai trò của vị đại sứ với hành động bạo lực lén lút trong màn đêm như thế, ông hẳn đã trục xuất đại sứ Anh về nước.

Tuy nhiên, trong một trường hợp khác người Nga có mánh của họ. Pyotr thiết lập một xưởng dệt ruybăng và mời một đốc công người nước ngoài đến làm việc để huấn luyện thợ Nga. Sau một năm, Pyotr thấy rằng một anh thợ trẻ Nga có tay nghề cao nhất có thể dệt bất cứ loại sợi nào đặt trên khung cửi, nhưng thợ Nga không thể tự bắt đầu công việc vì anh đốc công nước ngoài luôn tự mình xếp đặt khung cửi và không cho ai xem mình làm việc này. Pyotr ra lệnh cho anh thợ Nga tìm cách khám phá bí mật và hứa thưởng nếu thành công.

Anh thợ Nga đục một cái lỗ nhỏ trên tấm trần phía trên khung cửi, và qua đấy nằm quan sát cách anh đốc công xếp đặt khung cửi. Sau khi đã học được bí mật nghề nghiệp, anh báo cho Sa hoàng biết Pyotr ra lệnh đặt một khung cửi trong cung điện để anh thợ Nga biểu diễn. Khi anh thành công, Pyotr ôm hôn, thưởng tiền và cử anh làm đốc công.

Sau khi xây thủ đô mới Sankt-Peterburg, Pyotr muốn thành phố này cũng phải là một cảng biển và trung tâm thương mại. Vì thế, ông thực hiện nhiều biện pháp để chuyển tuyến đường hàng hải vòng vèo từ Arkhangelsk qua Sankt-Peterburg ngắn và tiện lợi hơn. Nhiều doanh nhân - cả Nga lẫn nước ngoài - bất mãn với áp đặt của Pyotr vì họ đã đầu tư nhiều cho cơ sở hạ tầng của tuyến hàng hải kia. Nhưng Pyotr vẫn dần dần tăng sức ép. Cuộc

đấu tranh giằng co cho đến năm 1722, khi cuối cùng Pyotr Đại đế cấm chuyên chở hàng hóa qua Arkhangelsk ngoại trừ đối với sản phẩm thật sự sản xuất từ tỉnh này hoặc từ hai bờ Sông Dvina Bắc. Năm ấy, Sankt-Peterburg rốt cuộc trở thành cảng biển hàng đầu tiên trên đất Nga, dù thương mại chưa đạt mức sầm uất như Riga. Vào cuối triều Pyotr Đại đế, khối lượng nền ngoại thương Nga vượt xa kỳ vọng của ông.

Nhưng Pyotr Đại đế thất bại trong một lĩnh vực: xây dựng đội thương thuyền. Ông đã hy vọng hàng hóa của Nga sẽ được chở đi Tây Âu trên tàu Nga, nhưng nỗ lực này bị Tây Âu ngáng trở: thương nhân Tây Âu từ chối mua hàng hóa của Nga từ tàu Nga, mà chỉ muốn mua ở cảng Nga rồi tự lo vận chuyển bằng tàu của họ. Có lần, một doanh nhân Nga tự chở hàng lông thú đem đi bán ở Amsterdam, nhưng qua sự đồng lòng của các khách hàng Hà Lan ông này không bán được bộ lông nào, đành phải chở về Arkhangelsk. Ở đấy, một thương nhân Hà Lan lập tức mua trọn lô hàng với giá cao vì ông là chủ nhân con tàu đã chở lô hàng lông thú trở về Nga.

Pyotr đã quyết tâm cải thiện tình trạng bằng cách ra lệnh Apraksin, Thống đốc Arkhangelsk, đóng hai tàu hàng để chở hàng hóa đi Tây Âu dưới cờ Nga. Vì áp lực của những thương nhân Hà Lan và Anh, Pyotr phải nhượng bọ bằng cách cho tàu Nga kéo cờ Hà Lan. Nhưng một chiếc tàu hàng Nga vẫn bị Pháp bắt giữ. Nói chung, trong nỗ lực này Pyotr không bao giờ thành công: Trong việc chuyển vận trên những tuyến hàng hải quốc tế và trao đổi hàng hóa qua các cảng Nga, thương thuyền Hà Lan và Anh luôn giữ độc quyền.

Dù thất bại trong việc này, Pyotr không đố kỵ với thuyền trưởng hoặc thủy thủ nước ngoài. Ngược lại, ông vui mừng mỗi khi có tàu hàng cập cảng Kronstadt hoặc Sankt-Peterburg, tiếp đón họ một cách nồng nhiệt và

đối xử với thuyền trưởng như đồng nghiệp hải hành. Ông thường lên tham quan tàu của họ, xem xét cấu trúc và tìm kiếm những dấu hiệu tiến bộ trong ngành đóng tàu, rồi ngồi chung bàn với thủy thủ đoàn cùng với rượu, phô mát, bánh quy, và hỏi han họ về chuyến hải hành. Đề đáp lại, ông mời họ lên tham quan triều đình và dự một lễ ăn mừng nào đấy, và họ ít khi trở xuống tàu mà không say xỉn.

Pyotr không cho phép chuyện gì làm xấu đi những mối quan hệ này. Năm 1719, khi bản dự thảo điều lệ của hải quan Sankt-Peterburg được trình cho Pyotr duyệt, một điều khoản quy định tịch thu tàu chở hàng lậu. Pyotr gạch bỏ điều khoản này, giải thích rằng vẫn còn quá sớm đối với một bên cảng nên không thể có hành động nghiêm khắc như thế; ông không muốn thương thuyền nước ngoài hãi sợ mà lánh xa cảng biển Nga.

Vị Hoàng đế cho phép thuyền trưởng nước ngoài nói chuyện với ông một cách bình dân, khiến gây sốc cho thần dân Nga. Khi một thuyền trưởng Hà Lan nói ông vẫn thích đến Arkhangelsk hơn là Sankt-Peterburg, và Pyotr hỏi tại sao, ông trả lời một cách hóm hỉnh rằng vì không có bánh rán ở Sankt-Peterburg. Pyotr trả lời: “Mời ông đến triều đình ngày mai, rồi ông sẽ được ăn bánh rán thỏa thích.”

Khi xảy ra tranh chấp giữa thủy thủ nước ngoài và người Nga, Pyotr thường chen vào giúp đỡ người nước ngoài. Có lần một thương thuyền Hà Lan đụng phải một tàu khu trục Nga trong cảng Kronstadt chật chội, làm gãy cầu thang của tàu này. Dù thuyền trưởng tàu Hà Lan đã xin lỗi và hứa bồi thường thiệt hại, hạm trưởng người Nga của chiếc khu trục vẫn giận dữ. Anh phái lính Nga canh giữ chiếc tàu và thủy thủ Hà Lem, cùng lúc đòi bồi thường gấp 10 lần cao hơn mức thông thường. Pyotr tình cờ có mặt tại Kronstadt, và khi nghe chuyện huyên náo, chèo thuyền đến đề xem xét thiệt

hại của chiếc tàu khu trục Nga. Thấy rằng chỉ có cầu thang bị gãy và có thể sửa chữa nhanh, ông nổi giận nói với anh hạm trưởng: "Ta sẽ trở lại trong ba giờ và muốn thấy cầu thang phải sửa xong." Ba giờ sau, ông quay lại, thấy cầu thang đã được sửa nhưng chưa được sơn lại. Ông ra lệnh: "Sơn cầu thang màu đỏ, và từ nay về sau phải đối xử tử tế và thân thiện với người nước ngoài."

Tố chất đặc biệt của Pyotr là trong khi cuộc chiến đang diễn ra, cần phải xây dựng lục quân mới, hạm đội mới, thủ đô mới, nền kinh tế quốc dân mới, thì ông cũng muốn đào một con kênh ở nơi nào đấy trên đất Nga. Vấn đề không phải nước Nga cần thêm kênh, mà ông muốn huy động toàn nguồn lực đất Nga đề cùng lúc làm nhiều việc. Đất Nga quá rộng và đường sá quá thiếu kém khiến cho việc vận chuyển hàng hóa và hành khách cực kỳ gian khổ, nhất là khi cần vận chuyển nông sản từ vùng sâu ra Sankt-Peterburg để nuôi thành phố này. Dù các sông lớn của Nga đều chảy về hướng nam: Dniepr, Don và Volga (riêng Sông Dvina chảy về hướng bắc), vẫn có thể chuyên chở hàng hóa đi ngược dòng qua nỗ lực của sức người hoặc súc vật. Chỉ cần hệ thông kênh đào để nối những con sông tự nhiên với nhau ở những giao điểm quan trọng.

Công trình khổng lồ đầu tiên của Pyotr là tìm cách nối Sông Volga với Sông Don, để có lối ra Biển Đen qua Azov mà Nga đã chiếm được. Sự hình thành của Sankt-Peterburg làm nảy sinh tầm nhìn khác: nối toàn nước Nga với Biển Baltic bằng kênh đào từ Sông Volga qua Sông Neva. Qua khảo sát kỹ lưỡng, Pyotr tìm ra ở vùng Tver và Novgorod một chi lưu của Sông Volga cách một dòng sông khoảng hơn 1 kilômét chảy vào Hồ Ladoga rồi ra Sông Neva. Vấn đề là một con kênh ngắn ở Vyshny-Volochok. Phải mất 4 năm với 20.000 người để đào con kênh cùng với hệ thống âu thuyền. Khi

hoàn tất, Biển Caspi được nối với Sankt-Peterburg, Biển Baltic và Đại Tây Dương. Nhờ đấy, sà lan đáy bằng có thể chở nông sản và lâm sản từ miền nam và trung Nga ra cảng xuất khẩu, và mang hàng hóa nhập khẩu từ Ba Tư và Viễn Đông vào sâu trong đất Nga.

Lẽ tự nhiên là có nhiều khó khăn và chống đối. Hoàng thân Boris Golitsyn, được phái giám sát dự án đầu tiên, than phiền: "Thượng Đế đã khiến cho dòng sông chảy theo một hướng, con người quá ngạo mạn khi muốn chuyển dòng theo hướng khác." Các âu thuyền trên kênh Vyshny-Volochok thỉnh thoảng có bùn bồi lắng, cần phải nạo vét.

Nhưng đấy chỉ là trở ngại nhỏ so với Hồ Ladoga, hồ lớn nhất Châu Âu. Mặt nước hồ này thường có sóng to dễ đánh chìm sà lan đáy bằng vốn phải có đáy thật nông để có thể vượt qua các âu thuyền trên kênh Vyshny-Volochok. Mỗi năm, gió to làm hàng trăm sà lan bị đắm hoặc trôi dạt vào bờ rồi bị sóng đánh tan tành. Pyotr ra lệnh đóng loại tàu đặc biệt có đáy sâu hơn để đi trên hồ nước sâu, nhưng lại phải chuyển hàng hóa qua lại giữa sà lan và tàu, tốn chi phí và thời gian đối với ngũ cốc hoặc gỗ. Pyotr tìm lối khác để tránh đi qua hồ. Năm 1718, ông quyết định cho đào một con kênh qua vùng đầm lầy dọc bờ nam của Hồ Ladoga đến cửa Sông Neva. Chiều dài tổng cộng sẽ là hơn 100 kilômét.

Dự án được giao cho Menshikov, người không biết gì về kỹ thuật nhưng sẵn sàng làm mọi việc để lấy cảm tình của Pyotr. Nhiều công tác không cần thiết được thực hiện, chi phí cao và làm chết 7.000 công nhân. Khi gần đi đến ý định hủy bỏ công trình, Pyotr gặp kỹ sư Burkhard Christopher von Munnich, người Đức, có nhiều kinh nghiệm xây đê biển và kênh ở Bắc Đức và Đan Mạch, giao trách nhiệm cho ông này. Công tác tiến hành tốt hơn, nhưng khi Pyotr Đại đế qua đời năm 1725, ông chỉ mới thấy được hơn 30

kilômét của con kênh (rộng hơn 20 mét và sâu gần 5 mét). Mãi đến năm 1732, con kênh mới được hoàn tất, và Munnich hãnh diện tháp tùng Nữ Hoàng đế Anna dẫn đầu một đoàn sà lan đi suốt chiều dài của con kênh phi thường.

Ngày nay, hệ thống kênh đào vĩ đại do Pyotr khởi xướng tạo thành đường thủy huyết mạch cho nước Nga, qua đấy tàu lớn có thể đi lên xuống từ Biển Đen và Biển Caspi ở phía nam đến Biển Trắng và Biển Baltic ở phía bắc. Tàu viễn dương có thể đi ngược dòng Sông Neva ở Sankt-Peterburg rồi vào sâu trong đất liền cách xa hơn 1.500 kilômét.

Mọi công trình đều cần đến tiền của. Chiến tranh và những dự án xây dựng lớn luôn vét cạn kiệt Kho bạc của nhà nước và túi tiền của dân chúng. Dù Pyotr luôn nhấn mạnh với quan chức của mình là chỉ nên thu thuế ở mức "không tạo gánh nặng quá đáng cho nhân dân", mệnh lệnh phải đào ra tiền liên tục của ông luôn lấn áp nguyên tắc này. Thuế đè nặng lên mọi khía cạnh của đời sống, nhưng triều đình vẫn không bao giờ thu đủ để trang trải các chi phí gia tăng mỗi năm. Năm 1701, lục quân và hạm đội nuốt ba phần tư tiền thuế; đến năm 1710 bốn phần năm; và đến 1724, hai phần ba tuy chiến tranh đã chấm dứt. Khi ngân sách hao hụt, Pyotr cắt tiền lương của tất cả quan chức, chỉ trừ những người cần thiết nhát: chuyên gia và quân nhân người nước ngoài. Năm 1723, ngân sách thâm thủng đến nỗi một số công chức được trả lương bằng lông thú.

Trong khi thương mại và công nghiệp chưa phát triển để tăng nguồn thuế, giải pháp duy nhất là thu thuế nặng thêm từ dân chúng. Từ trước đến giờ, loại thuế cơ bản là thuế nóc gia dựa trên số lượng nhà và trang trại, từ đấy tạo nên tình trạng phổ biến là nhiều gia đình cùng sống dưới một mái nhà để trả ít thuế.

Năm 1710, tin rằng dân số đã gia tăng, Pyotr ra lệnh tổng kiểm tra. Ông kinh ngạc thấy rằng trong vòng 30 năm, số nóc gia đã giảm đi khoảng một phần năm. Có lý do cho việc này: Pyotr đã huy động hàng trăm nghìn người vào quân đội, xưởng đóng tàu, dự án đào kênh và xây dựng Sankt-Peterburg, trong khi thêm hàng chục nghìn người bỏ trốn vào rừng núi hoặc gần biên giới.

Nhưng con số nóc gia giảm sút cũng cho thấy triều đình đã bất lực với mánh khóe trốn thuế của giới quý tộc và địa chủ. Cách thức thông thường là hối lộ nhân viên kiểm kê nóc gia. Nếu hối lộ không được, người dân chỉ việc dời nhà vào vùng ẩn khuất. Nhà của nông dân Nga phần lớn gồm những thớt gỗ ghép mộng với nhau ở bốn góc. Chỉ cần bỏ ra vài tiếng đồng hồ để tháo rời các mộng ghép và dời căn nhà vào sâu trong rừng. Nhân viên kiểm kê và thu thuế biết rõ mánh lới này, nhưng không làm gì được.

Sau khi từ Pháp trở về, Pyotr thay loại thuế nóc gia bằng thuế thân mà ông học được ở Pháp, dựa trên số nhân khẩu nam giới. Nhưng trước khi áp dụng loại thuế này, cần có cuộc thống kê dân số lần nữa. Ngày 26/11/1718, một chỉ dụ ra lệnh tất cả nam giới, ngoại trừ giới quý tộc, tăng lữ và một số thương nhân nhận đặc quyền (tất cả đóng thuế theo cách khác) phải đăng ký. Năm 1722, việc thống kê kết thúc, cho thấy có 5.794.928 người thuộc nam giới. Năm 1724, thuế thân được áp dụng. Dựa trên số thu, loại thuế thân đạt thành công lớn, chiếm phân nửa mức thu ngân sách.

Thuế thân giải quyết vấn đề ngân sách, nhưng gây gánh nặng thêm cho nông dân và bóp chẹt thêm nông nô. Vào thời trước, nông dân Nga được tự do đi lại và sinh sống tùy thích, nhưng tạo khó khăn cho địa chủ vì không có đủ nguồn nhân lực. Sau khi Ivan Bạo chúa chiếm được những vùng đất mới tương đối còn hoang vu, hàng trăm nghìn nông dân đổ xô đến những

vùng đất này, bỏ lại những thị trấn và làng mạc hoang vắng. Địa chủ kêu van với triều đình, và triều đình đáp ứng vì không thể thu thuế từ địa chủ. Sau đấy, nông dân bị cấm rời bỏ nơi cư trú. Những người bỏ trốn bị truy bắt, và ai chứa chấp họ sẽ phải bồi thường cho chủ nhân của họ. Dưới thời Pyotr, trên 95 phần trăm dân số là nông nô, số còn lại là nông dân làm việc cho triều đình và số ít là địa chủ, nhưng tất cả đều bị trói chặt trên mảnh đất mà họ canh tác.

Thuế thân mới của Pyotr càng đẩy nông dân vào vòng kiểm soát của địa chủ. Khi dân số của một huyện đã được kiểm kê, địa chủ và chính quyền địa phương có trách nhiệm giao nộp tiền thuế dựa trên dân số, còn thu như thế nào là tùy nơi họ. Để hỗ trợ địa chủ trong việc giao nộp tiền thuế năm 1722 Pyotr ra chỉ dụ cấm nông dân rời khỏi đất của chủ nhân họ trừ phi có giấy phép do ông ký. Đây là bước đầu của chế độ hộ khẩu còn tiếp tục đến sau này ở Nga.

Dần dà, quyền hành đặt vào tay của địa chủ - để thu thuế, kiểm soát sự di chuyển, giao nhiệm vụ trên nông trường, phạt lỗi vi phạm - đã biến mỗi địa chủ thành một viên chức chính quyền địa phương. Khi địa chủ không thể sử dụng quyền hành, ông ta có thể nhờ quân đội địa phương can thiệp. Theo thời gian, nông nô nào muốn rời đi sống nơi khác phải có thêm giấy phép của quân đội.

Phần lớn nông nô Nga bị trói chặt với trang trại, nhưng không phải tất cả. Một trong những trở ngại khi khuyến khích giới quý tộc và thương nhân đầu tư vào nhà máy sản xuất là khó kiếm đủ công nhân. Một chỉ dụ vào tháng 1/1721 quy định chủ nhà máy và hầm mỏ có thể có "công nô", tức là công nhân vĩnh viễn bị trói chặt vào nhà máy hoặc hầm mỏ họ đang làm

việc. Pyotr cũng cho phép giữ lại nông nô đã bỏ trốn khỏi địa chủ của họ, để trở thành "công nô" phục vụ công nghiệp.

Cuối cùng, những chính sách về thuế khóa của Pyotr tạo thành công cho triều đình nhưng gây ảnh hưởng nặng nề cho dân chúng. Khi Pyotr Đại đế qua đời, ngân sách không bị thâm thủng gì cả. Ông đã tham dự một cuộc chiến kéo dài 21 năm, gây dựng lực lượng hải quân hùng mạnh từ con số không, xây lên thủ đô tráng lệ mới, nhiều cảng biển và kênh đào vĩ đại mà không hề nhận khoản nợ hoặc viện trợ nào từ nước ngoài (ngược lại, ông còn viện trợ cho Vua Augustus của Ba Lan). Mọi đồng kopek đều được thu qua công sức lao động và sự hy sinh của duy nhất một thế hệ người Nga. Pyotr không phát hành công trái để vay mượn rồi bắt những thế hệ tương lai phải chi trả, mà cũng không phát hành tiền giấy để phá giá đồng tiền như Goertz đã làm cho Thụy Điển. Thay vào đấy, Pyotr Đại đế đặt cả gánh nặng lên những người dân Nga đương thời. Họ oằn mình sản xuất, họ tranh đấu với cuộc sống, họ bất mãn, họ ta thán. Nhưng họ tuân thủ mà làm theo.

60 UY QUYỀN TỐI CAO DƯỚI THƯỢNG ĐẾ

Trong những sự vụ tôn giáo, Pyotr giống như người sống ở thế kỷ 18 chứ không phải thế kỷ 17, là con người thế tục và duy lý hơn là mộ đạo và huyền bí. Ông chú ý đến thương mại và sự phồn thịnh của đất nước hơn là giáo điều hoặc sự diễn dịch Kinh Thánh; ông không hề gây cuộc chiến tranh nào trên danh nghĩa tôn giáo. Nhưng cá nhân ông tin nơi Thượng Đế. Ông chấp nhận là Thượng Đế hiện diện mọi noi và quyết định mọi việc: sự sống và cái chết, chiến thắng và bại trận. Thư từ của ông đầy rẫy những câu như "Cảm tạ Thượng Đế"; sau mỗi chiến thắng quân sự đều có Lễ Tạ ơn ở nhà thờ. Ông tin rằng Sa hoàng - hơn là thần dân - có trách nhiệm đối với Thượng Đế bởi Sa hoàng được giao phó nhiệm vụ cai trị, nhưng ông không đặt vương quyền trong lớp vỏ lý thuyết hoặc triết lý. Pyotr chỉ tiếp cận tôn giáo như khi ông tiếp cận bất cứ việc gì khác: Điều hợp lý là như thế nào? Điều thực dụng là ra sao? Cái gì làm việc tốt nhất? Pyotr tin rằng cách tốt nhất để phụng sự Thượng Đế là làm việc cho sức mạnh và sự phồn vinh của nước Nga.

Pyotr thích đi dự lễ nhà thờ. Ông thích hát thánh ca, và có thói quen cùng với đám đông hát hoặc gõ nhịp cho đám đông hát. Giáo dân Chính thống thường ít có kỷ luật hơn những giáo phái khác: trong khi hành lễ,

người ta có thể đi ra vào, ra hiệu, thì thầm hoặc mỉm cười với nhau. Pyotr chấp nhận điều này, nhưng khi nghe có người nói lớn tiếng, ông lập tức thu khoản tiền phạt 1 rúp.

Đối với Pyotr, tôn trọng việc hành lễ quan trọng hơn là nghi thức. Nhiều người Nga - đặc biệt là giới lãnh đạo Giáo hội Chính thống - cảm thấy thất vọng vì Pyotr dễ chấp nhận những nhánh Cơ Đốc khác, điều mà Chính Thống giáo chưa từng kinh qua bao giờ. Từ đầu, Pyotr đã hiểu rằng muốn thu hút nhân tài nước ngoài, ông cần cho phép họ được hưởng quyền tự do tín ngưỡng. Pyotr đã nhìn thấy điều này năm 1697 khi thăm viếng Amsterdam lần đầu tiên: mọi người đều được tự do theo bất kỳ tôn giáo nào miễn là họ không làm phiền đến giáo hội của người khác.

Như Thị trưởng Nicholas Witsen của Amsterdam giải thích:

> Chúng tôi tin rằng nghi thức tôn giáo của những người đến sống với chúng tôi là không quan trọng đối với nhà nước, miễn là không có gì đi ngược lại với pháp luật của chúng tôi.

Pyotr nhận xét rằng chính sách tự do tín ngưỡng này "thu hút nhiều người nước ngoài đến và nhờ đấy giúp tăng ngân sách nhà nước", và thêm: "Ta có ý định bắt chước Amsterdam để áp dụng ở thành phố Sankt-Peterburg của ta."

Pyotr đã làm đúng như thế. Người nước ngoài ở Nga được phép tự giải quyết trong nội bộ những vụ việc về gia đình như kết hôn và ly dị, hoặc sự vụ tôn giáo, mà không phải theo luật của Nga. Pyotr ra chỉ dụ công nhận lễ rửa tội theo đạo Tin Lành và Thiên Chúa giáo, và cho phép hôn nhân giữa các tín đồ Chính thống Nga và tín đồ những tôn giáo khác (nhờ đấy nhiều tù

binh Thụy Điển định cư trên đất Nga có thể kết hôn với phụ nữ Nga). Ở các tỉnh vùng Baltic mà Nga vừa chiếm được từ Thụy Điển, Pyotr cho phép duy trì đạo Tin Lành là tôn giáo chính ở địa phương, và nguyên tắc này được đưa vào hòa ước Thụy Điển-Nga. Trên Hãn quốc Kazan bao la và những vùng khác với đa số cư dân theo đạo Hồi, Pyotr không tìm cách bắt họ chuyển qua Chính Thống giáo; ông hiểu rằng làm như thế có thể thất bại và tạo mầm mông phản loạn.

Pyotr cũng hòa hoãn với Tín đồ Cựu giáo, trong khi giáo hội Chính thống Nga lên án và bài xích họ dữ dội. Đối với Pyotr, vấn đề cốt lõi là liệu đức tin tôn giáo phục vụ hay làm hại đất nước; còn việc nên làm dấu thánh giá bằng 2 hay 3 ngón tay thì không quan trọng.

Khi trốn lánh, hàng nghìn Tín đồ Cựu giáo lập nên những khu định cư mới trong những vùng rừng miền Bắc nước Nga. Năm 1702, khi Pyotr hành quân qua những vùng này, Tín đồ Cựu giáo nghĩ rằng họ sẽ bị tấn công, nên tụ tập trong các nhà thờ, khóa cửa lại và sẵn sàng tự thiêu thay vì chối bỏ đức tin. Nhưng Pyotr không có ý định làm gì cả. Ông ra lệnh: "Để cho họ sống tùy thích", rồi dẫn quân đi đánh Thụy Điển.

Sau khi khám phá mỏ sắt trong vùng này, một số Tín đồ Cựu giáo làm việc trong các hàm mỏ và tỏ ra là những công nhân đắc lực. Pyotr hài lòng về họ; đây là kết quả tốt từ chính sách tự do tín ngưỡng của ông.

Hãy để cho họ theo đuổi đức tin của họ, vì nếu lý lẽ không thể thuyết phục thì vũ lực cũng không làm gì được. Biến họ thành thánh tử vì đạo là việc điên rồ, vì như thế họ không làm lợi gì cho nhà nước.

Được chấp nhận như thế, Tín đồ Cựu giáo tiếp tục sống một cách trầm lặng trong vùng sâu vùng xa, không chịu tuân phục uy quyền của giáo hội,

nhưng đóng thuế đầy đủ và có cuộc sống lành mạnh.

Tuy nhiên, theo thời gian, chiến tranh đòi hỏi thêm nguồn nhân lực, và Pyotr thấy việc Tín đồ Cựu giáo lẩn tránh trong rừng không chỉ là thái độ phản kháng về tôn giáo, mà còn là sự chông đối về chính trị. Năm 1716, ông ra lệnh thực hiện thống kê Tín đồ Cựu giáo, thu tiền thuế từ họ gấp đôi, và bắt họ mang một mảnh vải màu vàng trên lưng để công chúng chế giễu và qua đấy thúc ép họ trở lại với giáo hội. Chỉ dụ của Sa hoàng tỏ ra phản tác dụng: Tín đồ Cựu giáo mang mảnh vải vàng một cách hãnh diện, và để trốn thuế họ dời nhà đến vùng xa hơn, ngoài tầm kiểm soát của chính phủ.

Vào những năm cuối triều đại của mình, Pyotr tỏ ra kém khoan dung đối với Tín đồ Cựu giáo. Trong động thái cáu tiết, ông ra lệnh điều họ đi Siberia, rồi sau đấy cho ngừng lại vì "đã có đủ số người bọn họ ở đấy". Từ năm 1724, tất cả Tín đồ Cựu giáo muốn để râu phải trả phí cao và được cấp một thẻ bài bằng đồng chứng nhận việc thu phí.

Dù dung hòa với nhiều giáo phái ở Nga, có một nhánh Cơ Đốc mà Pyotr ác cảm: Dòng Tên. Khởi đầu, tu sĩ Dòng Tên cũng được tự do hành lễ ở Moskva và được tự do di chuyển khắp nước Nga trên đường đi đến triều đình của Hoàng đế Khang Hi nhà Mãn Thanh. Tuy nhiên, một thời gian sau, Pyotr bắt đầu nghi ngờ rằng giáo phái này chỉ là vỏ bọc cho mưu đồ đoạt quyền lực chính trị. Theo nhãn quan của Pyotr, việc này là do quan hệ mật thiết giữa giáo phái và triều đình Đế quốc La Mã Thần thánh ở Wien. Rốt cuộc, ông ra chỉ dụ yêu cầu tu sĩ Dòng Tên rời khỏi đất Nga trong vòng bốn ngày sau khi nhận lệnh này vì lý do họ đã chen lấn vào chính trị. Nhưng Pyotr không đòi hỏi phải đóng cửa nhà thờ Thiên Chúa giáo ở Sankt-Peterburg. Ông cho phép giáo khu nhận tu sĩ thay thế, chỉ đòi hỏi họ không

phải thuộc Dòng Tên và không được viện dẫn sự bảo vệ của triều đình Wien.

Ở những quốc gia khác, chính sách nổi tiếng của Pyotr khoan dung về tôn giáo làm dấy lên tia hy vọng của những nhà lãnh đạo tôn giáo rằng, qua ông, họ có thể xâm nhập hoặc thậm chí chiếm ưu thế trên nước Nga. Không có khả năng nào như thế. Pyotr chú ý đến những giáo phái Cơ Đốc khác chỉ là do tính hiếu kỳ, muốn tìm hiểu những sự vụ và định chế quản lý. Ông không bao giờ xem xét đến việc thay đổi đức tin.

Trong khi duy trì ưu thế của Chính Thống giáo ở Nga, Pyotr đòi hỏi giáo hội này phải phục vụ đất nước một cách hữu hiệu. Theo quan điểm của ông, việc hữu ích nhất mà giáo sĩ Nga có thể làm - ngoài việc cứu rỗi những linh hồn - là giáo dục. Không có trường học, vì thế giáo sĩ là kênh duy nhất qua đấy họ có thể nâng cao trình độ hiểu biết của nông dân sống rải rác trên lãnh thổ bao la. Nhưng giáo sĩ không đáp ứng được nhu cầu này. Nhiều giáo sĩ có trình độ dốt nát và lười biếng. Một số người có óc mê tín ngang bằng với giáo dân của họ. Ít người biết cách rao giảng, vì vậy với trình độ và đạo đức như thế họ không thể giáo dục được ai. Để khắc phục, Pyotr gửi một số giáo sĩ vùng nông thôn đến những trường thần học không chỉ để học giáo lý, mà còn học cách nói trước đám đông.

Ngoài sự dốt nát của giới tăng lữ, có một điều khác khiến Pyotr nổi giận. Đấy là óc mê tín lan tràn trong dân chúng, và nhiều kẻ bất lương cùng với một số giáo sĩ bất hảo lợi dụng óc mê tín này. Nhiều dân thường hằng ngày vẫn tin vào phép lạ, và mê tín là miếng mồi béo bở cho hạng lang băm. Khi Pyotr đối diện với loại giáo sĩ như thế, ông nổi cơn thịnh nộ. Một giáo sĩ ở Sankt-Peterburg cho biết bức ảnh Đức Mẹ trong nhà của mình có thể tạo phép lạ, và ai muốn vào xem phải trả tiền. Dù ông này cố che giấu,

Pyotr vẫn biết được. Ông ra lệnh lục soát ngôi nhà, mang ra cho ông bức ảnh để xem có phép lạ nào hay không. Vị giáo sĩ phủ phục dưới chân Pyotr, thú nhận tội lừa gạt, rồi bị xử nhục hình[190] nặng nề và mất chức trong giáo xứ.

Tội lừa gạt khiến Pyotr giận dữ nhất là khi thách thức mệnh lệnh của ông. Một nông dân muốn chống lại lệnh cưỡng ép sống ở Sankt-Peterburg nên truyền bá lời tiên tri rằng tháng 9 năm ấy, nước sông Neva sẽ làm ngập lụt thành phố. Nhiều người tin theo, dời đồ đạc lên vùng cao. Giận dữ vì kế hoạch xây dựng Sankt-Peterburg bị rối loạn, Pyotr ra lệnh tống giam nông dân này. Đến cuối tháng 9, khi không thấy có hiện tượng ngập lụt, Pyotr ra lệnh dựng một giàn xử giảo, triệu tập dân chúng đến, cho dẫn anh nông dân kia ra đánh 50 roi, trong khi đám đông được khuyên nhủ không nên nghe theo những lời tiên tri sai lạc.

Một hiện tượng có vẻ huyền bí hơn vừa kích thích trí tò mò của Pyotr vừa khiến cho ông điên tiết. Năm 1720, có tin đồn một bức tượng Đức Mẹ trong một nhà thờ ở Sankt-Peterburg rơi lệ vì cảnh sống ở nơi này quá khổ sở. Bộ trưởng Ngoại giao Golovkin đến, chen qua đám đông đang tụ tập để xem xét, rồi báo cáo cho Pyotr. Đang đi thị sát Hồ Ladoga, Pyotr lên đường ngay, đi suốt đêm trắng đến nhà thờ. Các tu sĩ dẫn ông đến xem bức tượng, lúc này mắt đã khô, nhưng nhiều người cả quyết với ông rằng họ đã thấy nước mắt. Pyotr nhìn kỹ bức tượng treo trên cao, rồi ra lệnh mang nó đến cung điện của ông. Với sự hiện diện của Bộ trưởng Ngoại giao, nhiều nhà quý tộc, các nhà lãnh đạo tôn giáo và tu sĩ đã chứng kiến việc mang bức tượng xuống, Pyotr xem xét tỉ mỉ. Ông thấy có vài lỗ nhỏ ở hai khóe mắt bức tượng mà rìa cong của con mắt tạo bóng tối khiến người đứng bên dưới không thấy được các lỗ này. Ông xoay bức tượng lại, mở ra lớp vải che phía

sau đầu, thấy có một lô hổng nhỏ đục vào thân gỗ, trong đây có một mảnh dầu đã đông đặc. Ông kêu mọi người đến gần để xem cho rõ, tuyên bố: "Đây là nguồn gốc của phép lạ nước mắt." Ông giải thích rằng trong không khí bình thường, mảnh dầu đông đặc lại, nhưng trong buổi hành lễ khi đốt nhiều ngọn nến, không khí trở nên nóng, dầu tan chảy và Đức Mẹ "khóc".

Pyotr vui mừng sau khi khám phá ra cơ chế kỳ diệu và quyết định đưa bức tượng vào bảo tàng trưng bày những vật lạ. Nhưng ông nổi giận với kẻ lừa gạt đã tạo ra óc mê tín nhằm phá hoại công cuộc xây dựng Sankt-Peterburg. Người chủ mưu bị phát hiện và bị trừng phạt nặng nề với lời cảnh cáo mọi người không nên làm việc như thế.

Cùng với việc thắt chặt kỷ luật trong giới giáo sĩ và bài trừ mê tín cùng lang băm, Pyotr còn cổ động lòng nhân ái và phụng sự ở tu viện. Ông buồn phiền nhận thấy tu viện Nga đã xa rời lý tưởng của họ. Một số tu viện có của cải rất lớn vì giới quý tộc và doanh nhân Nga thi nhau đóng góp tiền bạc và đất đai cho để mong linh hồn được cứu rỗi về sau. Pyotr nhận thấy tài sản khổng lồ của tu viện đóng góp rất ít cho phúc lợi của đất nước. Dưới thời của Pyotr, tu viện không cung cấp học bổng và cơ sở giáo dục nào, và tiền bố thí của họ chỉ thu hút đám người trốn lính hoặc nông nô trốn khỏi nông trại của địa chủ mà ông khinh bỉ gọi là "những kẻ ăn xin tráng kiện nhưng lười biếng, những kẻ thù của Thượng Đế và những bàn tay vô dụng". Pyotr xem nhiều giáo sĩ là ký sinh của xã hội, chìm đắm trong bê trễ và mê tín.

Chẳng bao lâu sau khi Giáo chủ Adrian qua đời năm 1700, Pyotr thu hẹp vai trò của tu viện Nga. Việc quản lý các cơ sở này được đặt dưới Vụ Tu viện do *boyar* Ivan Musin-Pushkin, người thế tục, đứng đầu. Vụ này có chức năng quản lý tất cả tiền bạc và bất động sản của tu viện "nhằm giúp tu

sĩ làm tốt hơn nghĩa vụ tôn giáo của họ.” Số giáo sĩ mới bị hạn chế chặt chẽ bằng cách cấm người không biết đọc biết viết nhận lễ phong để trở thành giáo sĩ. Dần dà, người nào muốn nhận lễ phong phải được Sa hoàng chấp thuận. Cùng lúc, triều đình đóng cửa những tu viện nào có dưới 30 tu sĩ, chuyển tu viện thành nhà thờ hoặc trường học, và điều tu sĩ vào những tu viện lớn hơn.

Trên cương vị là người cai trị đất nước, Pyotr quan tâm đến cơ cấu và vai trò của giáo hội như là một trong những định chế và mối quan hệ giữa định chế này với triều đình. Dù Sa hoàng Aleksei đã hạn chế sự độc lập của giáo hội khi bãi chức Giáo chủ Nikon, chức vị Giáo chủ vẫn còn quyền lực đáng kể khi Pyotr lên ngôi. Guồng máy của Giáo chủ đảm trách tất cả chức năng hành chính, pháp chế và tài chính, thu thuế từ nông dân canh tác trên những mảnh đất rộng lớn của giáo hội, ra phán quyết trong tất cả sự vụ hôn nhân, ngoại tình, ly dị, di chúc và thừa kế.

Giáo chủ Adrian, nhậm chức khi Pyotr lên 18, có cá tính không cứng cỏi như Nikon nhưng vô cùng bảo thủ khi can dự vào đời sống cá nhân của Pyotr: phản đối việc Sa hoàng giao du với người ngoại quốc, yêu cầu ông không được mặc trang phục kiểu Tây Âu mà ông ưa thích, đòi hỏi ông nên dành thêm thời gian cho người vợ đầu - Evdokia - mà ông chán ngán. Điều dễ hiểu là vị Sa hoàng trẻ tuổi mong ước bằng cách nào đấy loại bỏ sự phiền hà cá nhân và quan điểm bảo thủ mà vị Giáo chủ mang đến.

Adrian đột ngột qua đời tháng 10/1700 khi Pyotr đang dẫn quân công hãm Narva. Sa hoàng không tỏ lộ ý muốn rõ ràng ai lên làm Giáo chủ mới[191]. Ông chỉ muốn có Giáo chủ một mặt không thách thức uy quyền tối cao của ông, mặt khác ủng hộ những chương trình cải tổ của ông. Ông không thấy ai đạt những yêu cầu như thế và không có thời giờ tìm kiếm.

Thay vì chỉ định nhầm người và cũng không muốn bãi bỏ chức Giáo chủ kẻo gây chia rẽ trong đất nước, ông chọn giải pháp dung hòa. Ông vẫn duy trì chức Giáo chủ, nhưng tuyên bố chiếc ngai Giáo chủ "tạm thời bỏ trống". Để giáo hội có người lãnh đạo, ông chỉ định một người "Giám hộ Tạm thời" mà vị thế không cho phép người này có quyền lực. Thỏa mãn với giải pháp này, Pyotr chỉ việc để cho sự việc lửng lơ như thế. Giới tăng lữ nhiều lần thúc giục mạnh mẽ Pyotr nên chỉ định Giáo chủ mới, nhưng mỗi lần như thế ông đều trả lời rằng vì quá bận bịu lo cho cuộc chiến bảo vệ đất nước nên không thể xem xét kỹ càng sự việc.

Pyotr chọn Stephen Yavorsky, giáo sĩ 42 tuổi thuộc giáo khu Ryazan và cũng là giáo sư thần học, làm Giám hộ Tạm thời. Ông này xuất thân từ Học viện Chính Thống giáo ở Kyyiv, có hoạt động giáo dục và trình độ văn hóa cao hơn giới tăng lữ Nga thuần túy. Ông có tài thuyết giảng với những ngôn từ, điệu bộ và mẩu chuyện trích dẫn khiến cử tọa dễ cười hoặc khóc theo ông. Pyotr chưa hề nghe tài hùng biện như thế trong nhà thờ Nga, và mỗi khi có thể - lễ cử hành trong nhà thờ, lễ khánh thành trước công chúng hoặc lễ mừng chiến thắng trong quân đội - Pyotr đều mời ông đến thuyết giảng. Nhưng khi giao nhiệm vụ cho Yavorsky, Pyotr không giao theo đấy dù là tạm thời quyền hạn mà các Giáo chủ trước hành xử. Vụ Tu viện vẫn có chức năng quản lý tài sản của giáo hội. Từ đấy về sau, phần lớn nguồn thu của giáo hội đi thẳng vào Kho bạc nhà nước dưới quyền Musin- Pushkin, và Kho bạc xuất quỹ trả lương cho giáo sĩ.

Yavorsky không hề cảm thấy hài lòng với cương vị của mình. Bản thân không có tham vọng, ông yêu thích cuộc sống an bình ở Kyyiv hơn. Nhiều lần ông xin từ chức, nhưng Pyotr đều từ chối vì không thấy ai có thể thay thế được ông. Dần dà, Yavorsky trở nên quyết đoán hơn, bênh vực giáo sĩ

trong những cuộc đối đầu với bộ máy hành chính, phản đối việc sử dụng tài sản của giáo hội cho mục đích chiến tranh. Những bài giảng của ông thậm chí đi theo chiều hướng mà Pyotr không thích: Ông phê phán những người chồng ép buộc người vợ vào tu viện để người chồng có thể cưới vợ khác - đúng là trường hợp của Pyotr.

Năm 1712, trong buổi lễ Thánh Aleksei, Yavorsky nói về Hoàng Thái tử Aleksei như là "hy vọng duy nhất của chúng ta". Pyotr đọc kỹ bản ghi chép của bài thuyết giảng, rồi cho người nhắn nhủ Yavorsky là không nên cất lời phê phán ngoài công chúng trước khi phê phán trong riêng tư. Yavorsky viết thư xin lỗi, được lưu lại chức vụ, nhưng trong một thời gian Pyotr cấm ông thuyết giảng.

Sau đấy, Pyotr tìm được một nhân vật khác giúp ông cải tổ giáo hội. Đấy là một giáo sĩ người Ukraina khác ở Kyyiv, so với Yavorsky thì trẻ hơn nhiều, có đầu óc tiên tiến hơn, thực dụng hơn và chắc chắn là quyết đoán hơn. Feofan Prokopovich là một người tiến bộ thuộc thế kỷ 18. Ông vừa là nhà quản trị, nhà cải cách, bút chiến giỏi, thậm chí giỏi về tuyên truyền. Ông toàn tâm ủng hộ quan điểm của Pyotr về việc canh tân và đưa giáo hội đến gần hơn với thế tục. So với người Nga đương thời, ông đọc rất nhiều, có hiểu biết rộng. Mồ côi từ thuở nhỏ, ông nhận nền giáo dục từ người chú - là một tu sĩ và Viện trưởng Viện Hàn lâm Kyyiv - rồi theo học các trường Dòng Tên ở Ba Lan và tiếp đó là một trường ở Roma. Nơi đây, ông học thần học, nhận sắc phong Thiên Chúa giáo, và vào năm 1700 ở tuổi 23 ông chứng kiến Đức Giáo hoàng Clement XI đăng quang. Tuy nhiên, 3 năm du học ở Roma khiến cho ông có ác cảm vĩnh viễn với Giáo hoàng và Thiên Chúa giáo.

Trở về Học viện Chính Thống giáo Kyyiv, ông dạy các môn triết học, hùng biện và văn học. Ông là người khởi xướng việc đưa các môn số học, hình học và vật lý vào chương trình giảng dạy. Năm 1706, Pyotr đi đến Kyyiv và nghe Prokopovich thuyết giảng. Trong cuộc khủng hoảng năm 1708, khi Mazeppa phản bội Pyotr và ngả theo Karl XII, Prokopovich nhanh chóng về phe Pyotr. Năm 1709, tiếp theo sau chiến thắng tại Pultowa, khi Pyotr trở về Kyyiv, Prokopovich đón tiếp quân vương một cách trọng hậu và đọc bài giảng đầy những ngôn từ tôn vinh Sa hoàng. Năm 1711, ông tháp tùng Pyotr trong chiến dịch Pruth, và vào cuối năm này, ở tuổi 31, ông được cử làm Viện trưởng Học viện Chính Thống giáo Kyyiv. Năm 1716, Pyotr triệu ông đến Sankt-Peterburg. Ông rời Kyyiv và không hề trở lại.

Không giống Yavorsky, Prokopovich ủng hộ mạnh mẽ chính sách của Pyotr nhằm đặt giáo hội nằm dưới những chính sách của triều đình. Ông chống việc các giáo sĩ ủng hộ Hoàng Thái tử Aleksei, nói: “Thanh gươm của Thượng Đế thiết lập và trang bị uy quyền tối cao, chống lại uy quyền này là có tội với chính Thượng Đế.” Ông phê phán ý tưởng cho rằng phải miễn trừ cho giới tăng lữ lòng trung thành và nghĩa vụ đối với quân vương: “Giới tăng lữ, cũng giống như quân đội, công chức, bác sĩ và thợ thủ công, phải có nghĩa vụ đối với nhà nước.” Lẽ tự nhiên là giới tăng lữ còn lại kết án Prokopovich có thói bợ đỡ, là kẻ cơ hội, đạo đức giả, và có tham vọng.

Khi cuộc chiến với Thụy Điển đến hồi kết thúc, Pyotr xem xét việc thiết lập một cơ cấu vĩnh cửu để điều hành giáo hội. Chức vụ “tạm thời” của Yavorsky đã kéo dài 18 năm. Các giám mục nhiều lần hối thúc Sa hoàng chỉ định giáo chủ. Lần này thì ông đáp ứng, nhưng theo cách thức khác với sự mong đợi của họ. Khi đi ra nước ngoài, ông đã xem xét định chế của các

giáo hội Tây Âu, rồi chọn mô hình gần giống như Giáo hội Tin Lành. Năm 1718, ông chỉ định Prokopovich soạn bản dự thảo Điều lệ Giáo quyền, nhằm đặt ra một cơ cấu quản trị cho giáo hội. Pyotr đọc kỹ lưỡng bản dự thảo, ở mỗi đoạn đều sửa chữa và đôi lúc viết lại.

Năm 1721, một chỉ dụ ban hành Điều lệ Giáo quyền, đánh vào những điểm yếu đã từng khiến cho Pyotr nổi giận. Điều lệ nhằm khai trừ sự dốt nát và mê tín. Giám mục được lệnh thiết lập trường đào tạo giáo sĩ. Giáo sĩ phải học môn thần học là chính, thêm lịch sử, chính trị, địa lý, số học, hình học và vật lý. Giáo dân phải đi lễ nhà thờ; người vắng mặt hoặc nói chuyện trong nhà thờ sẽ bị phạt.

Điểm quan trọng của bản Điều lệ là việc bãi bỏ chức vụ Giáo chủ, thay vào đấy là Công đồng được tổ chức giống như một bộ của chính phủ, gồm một chủ tịch, hai phó chủ tịch và tám thành viên. Pyotr muốn Công đồng vượt lên trên các bộ, ngang với Thượng viện. Cũng giống như Thượng viện, Công đồng có Giám sát trưởng Công đồng, với trách nhiệm xem xét việc quản trị giáo hội, giải quyết những tranh cãi, đối phó với những việc làm trái và bỏ phế nhiệm vụ. Trên thực tế, Công đồng, với chức năng trong những sự vụ giáo quyền và thế tục, trở thành một Bộ Giáo vụ, và Giám sát trường Công đồng trở thành Bộ trưởng.

Trong lời mở đầu dài dòng, Prokopovich (và qua ông, là Pyotr) giải thích quyết định bãi bỏ chức vụ Giáo chủ và thay thế bằng Công đồng:

> Việc quản trị giáo hội theo cách tập thể thì ít có nguy cơ làm đất nước rối loạn so với một nhà lãnh đạo tinh thần duy nhất. Vì lẽ người thường không hiểu được sự khác biệt giữa giáo quyền và vương quyền. Thay vào đấy, bị lóa mắt bởi vẻ lộng lẫy và vinh quang của nhà lãnh đạo tôn

giáo, họ nghĩ rằng ông ấy là người chuyên chế ngang bằng hoặc thậm chí còn cao hơn quân vương, và rằng giáo quyền là phạm trù khác tốt hơn. Nếu có sự tranh chấp giữa giáo chủ và Sa hoàng, họ có thể ngả theo phe giáo chủ trong sự tin tưởng rằng họ đang chiến đấu trên danh nghĩa của Thượng Đế.

Trong hai thế kỷ kế tiếp, cho đến năm 1918, những nguyên tắc quy định trong Điều lệ Giáo quyền cai quản Giáo hội Chính thống Nga. Giáo hội không còn là định chế độc lập khỏi chính phủ; qua Công đồng, việc cai quản giáo hội là một chức năng của triều đình.

Dù Yavorsky mạnh mẽ chống lại định chế mới, Pyotr vẫn chỉ định ông vào chức vụ Chủ tịch Công đồng, cho rằng để ông tự do ở ngoài thì nguy hiểm hơn. Yavorsky từ chối, nhưng Pyotr nhất quyết bắt ông phải chấp nhận. Ông giữ chức vụ này cho đến khi qua đời năm 1722.

Dù còn trẻ, chỉ 41 tuổi vào năm 1721, và có vị thế thấp trong hàng giáo phẩm, Prokopovich được chỉ định đứng hàng thứ ba trong Công đồng với chức vụ Phó Chủ tịch thứ hai. Ông điều hành Công đồng theo những nguyên tắc ông đã soạn thảo trong bản Điều lệ. Ông sống thọ hơn Pyotr 10 năm và tiếp tục tạo ảnh hưởng lên Công đồng dưới những triều đại Hoàng đế kế tiếp, cho đến khi ông nhận một chức vụ cao quý: Tổng Giám mục địa phận Novgorod.

Bằng cách xóa bỏ chức vụ Giáo chủ và chuyên quyền điều hành giáo hội thành một chức năng của chính phủ thể tục, Pyotr đã đạt được mục đích của mình. Không còn có nguy cơ thế lực mạnh thứ hai trên đất nước kình chống ông, vì hàng giáo phẩm được điều hành bởi những người do ông tuyển chọn. Trình độ học vấn và tính kỷ luật của giáo sĩ được cải thiện.

Điều nổi bật là Điều lệ Giáo quyền không gặp phải sự chống đối nào từ giáo hội hoặc dân thường, phần lớn là vì Pyotr đã không xen vào những sự vụ mà giáo hội quan tâm nhất, như nghi lễ và giáo lý. Đối với Pyotr, ai điều hành giáo hội mới là điều quan trọng, còn loại hình lễ nghi là không đáng kể, nên ông không đụng chạm đến.

Tuy nhiên, theo thời gian, việc triều đình nắm lấy quyền kiểm soát giáo hội gây ảnh hưởng tai hại cho nước Nga về phương diện khác. Một giáo hội ngoan ngoãn chỉ lo giáo vụ mà không đứng lên tranh đấu cho công bằng xã hội thì không tạo sự gắn bó giữa những thành phần năng động của xã hội Nga. Những học giả, người có trình độ và giai cấp trung lưu khinh thường một giáo hội thần phục chính quyền theo cung cách gần như là nô bộc đối với chủ nhân. Thay vì đi đầu, giáo hội chỉ biết vâng lời, và rốt cuộc cả guồng máy quản trị giáo hội sụp đổ cùng với chính phủ hoàng gia. Đến năm 1918, Công đồng bị giải tán cùng với những định chế hành chính của chế độ quân chủ.

190. Tác giả không ghi rõ, nhưng người mang bản án nhục hình thường bị đánh roi trước công chúng; số roi nhiều ít tùy tội nặng hay nhẹ. (ND)

191. Giáo chủ có thể được bầu bởi một công đồng do chỉ dụ của Sa hoàng triệu tập, gồm những nhà lãnh đạo cấp cao trong giáo hội: tổng giám mục, giám mục, cha bề trên tu viện… Nếu không có chỉ dụ thì công đồng không thể họp, và nếu Sa hoàng không chấp thuận thì không thể tôn phong Giáo chủ. Sa hoàng thường tự chọn giáo chủ, nhưng phải thuyết phục được công đồng. Ví dụ, cha của Pyotr, Sa hoàng Aleksei, chọn Nikon và được chấp thuận, nhưng khi Pyotr chọn Marcellus thì bị chống đối, đành phải chấp nhận Adrian. (ND)

61 HOÀNG ĐẾ Ở SANKT-PETERBURG

Theo nhận xét của một người nước ngoài, "trong một buổi sáng Sa hoàng có thể giải quyết khối lượng công việc ngang bằng với toàn bộ Thượng viện hoàn tất trong một tháng". Ngay cả trong mùa đông, khi mặt trời mọc ở Sankt-Peterburg vào lúc 9 giờ, Pyotr Đại đế thức dậy lúc 4 giờ sáng và lập tức đọc báo cáo hoặc gặp gỡ các bộ trưởng. Sau bữa điểm tâm nhẹ, lúc 6 giờ ông đến Bộ Hải quân làm việc trong 1-2 tiếng đồng hồ, rồi đi đến Thượng viện. Ông trở về nhà lúc 10 giờ để làm việc trên máy tiện rồi dùng bữa trưa lúc 11 giờ. Ông nghỉ trưa 2 tiếng đồng hồ, rồi lúc 3 giờ chiều đi thị sát thành phố hoặc làm việc với bí thư riêng Makarov. Ông luôn mang theo một cuốn sổ tay để ghi chép ý tưởng hoặc để xuất khởi phát từ những sự vụ trong ngày. Vào buổi tối, ông đi thăm viếng bạn bè hoặc dự một trong những buổi họp mặt cộng đồng mà ông triệu tập sau chuyến đi thăm nước Pháp. Dĩ nhiên là lịch trình làm việc có thay đổi. Có những lúc ông dùng phần lớn thời gian ngoài hiện trường, và cũng có khi làm việc trong văn phòng 14 giờ mỗi ngày.

Không có nghi thức nào trong bữa ăn riêng tư của Pyotr. Ông và Ekaterina thường ngồi ăn với nhau cùng một gia nhân và một thị nữ phục vụ. Khi có vài bộ trưởng hoặc tướng lĩnh ngồi ăn với ông, chỉ có 5 người

phục vụ[192], và họ phải rút lui sau khi đã dọn món tráng miệng. Ông giải thích là họ có thể nghe lỏm khi ông thoải mái nói năng, và hiểu sai lạc. Không bao giờ có hơn 16 món, được dọn lên không theo thứ tự nào. Một lần, khi ông và Hoàng hậu đã ngồi xuống, ông nói: "Quý vị hãy ngồi cho đến cuối bàn. Những người còn lại phải về nhà ăn uống với vợ."

Đầu bếp cho Pyotr là một người gốc Saxony tên Johann Velten, đến Nga để phục vụ đại sứ Đan Mạch. Năm 1704, Pyotr có dịp nếm các món do Velten nấu và thuyết phục anh đến nấu cho ông. Pyotr rất yêu mến Velten, tuy cũng thường trừng phạt anh. Velten kể: "Cây gậy ông ấy hay nhảy múa trên lưng tôi." Một trường hợp như thế xảy ra khi Velten dọn cho Pyotr một loại phô mát Limburger mà Pyotr thấy rất ngon. Ông ăn một phần rồi lấy ra chiếc compa, cẩn thận đo kích thước miếng phó mát còn lại và ghi chú vào sổ. Rồi ông gọi Velten đến và bảo: "Mang cất đi và không được để cho ai ăn, vì ta muốn ăn nữa." Ngày kế khi miếng phó mát được dọn ra, Pyotr nhận thấy dường như nó nhỏ đi. Ông lấy ra chiếc compa, đo kích thước rồi so với sổ ghi chú. Miếng phó mát đúng là đã nhỏ đi. Ông gọi Velten đến, cho xem sổ ghi chú, chỉ ra phần sai biệt, lấy cây gậy đánh anh đầu bếp, rồi ngồi xuống ăn hết miếng phó mát với một chai rượu vang.

Pyotr không thích hào nhoáng, mà sống một cách giản đơn và tằn tiện. Ông thích mặc trang phục cũ kỹ, mang giày đã sờn và bít tất được mạng vá nhiều chỗ. Tính thích giản đơn của Pyotr còn thể hiện ở đội ngũ người hầu: không có thị thần cung điện, chỉ có hai người hầu phòng thêm 6 hộ lý làm việc luân phiên mỗi lần 2 người. Các hộ lý làm nhiều việc khác nhau cho Pyotr: chuyển tin tức, hầu bàn ăn, đi theo cỗ xe của ông, và canh chừng khi ông ngủ. Khi Pyotr di chuyển trên đường xa, ông ngủ trưa trên một lớp rơm, đầu gác trên bụng người hộ lý làm gối, và anh này không được động

đậy gì cả kẻo làm Pyotr bị mất giấc ngủ, tính tình sau đấy trở nên cộc cằn. Phục vụ với tư cách hộ lý là bước đầu trong nấc thang danh vọng; Menshikov và Yaguzhinsky đều đã làm hộ lý cho Pyotr.

Pyotr cho rằng vẻ bề ngoài hào nhoáng không phải là cách để thể hiện sự cao cả. Ông luôn nhớ đến những cung điện hoàng gia ở Anh và Hà Lan được bài trí đơn giản, và tính khiêm tốn của William III, người cai trị hai trong số các quốc gia giàu có nhất Tây Âu. Ông cũng không chú ý đến lời tâng bốc. Khi có người cất lời tán dương ông quá đáng, ông chỉ cười lớn và lắc đầu. Trong quan hệ với mọi giai cấp, ông đều tỏ ra bình dị và dễ dãi. Ông ít khi tuân thủ nghi thức. Ông ghét những buổi chiêu đãi kéo dài với nhiều nghi lễ. Trong những buổi chiêu đãi chính thức, ông nhường ghế danh dự ở đầu bàn cho Romodanovsky hoặc Menshikov, thích ngồi ở cuối bàn để dễ rời đi khi muốn. Khi đi qua đường phố, ông sử dụng loại xe hai bánh nhỏ, mui trần, chỉ có chỗ ngồi cho ông và thêm một người nữa. Một người nước ngoài nhận xét rằng không thương nhân danh giá nào ở Moskva muốn ngồi trên cỗ xe như thế[193]. Vào mùa đông, ông thích dùng loại xe trượt tuyết do một ngựa kéo, với một người tùy tùng ngồi kế bên. Nếu có thể, ông muốn đi bộ thay vì cưỡi ngựa để đến nhiều nơi chốn hơn và quan sát được nhiều việc hơn. Ông thường bắt chuyện hỏi han người ông gặp khi thị sát thực địa.

Thói quen của Pyotr thích tự do đi giữa đám đông dân thường gây rủi ro về an ninh cho ông. Có nhiều lý do để người ta muốn ám sát ông; thật ra, nhiều người Nga cho là ông phản Chúa, và đấy đủ là lý do cho bất kỳ kẻ cuồng tín nào muốn giết ông. Có lần, khi Pyotr tham dự buổi họp ở Cung điện Mùa Hè, một người đàn ông lạ mặt lẻn vào tiền phòng của cung điện, mang theo cái túi nhỏ tương tự loại túi các thư ký mang giấy tờ đến cho

Pyotr ký. Khi Pyotr cùng với các bộ trưởng đi ra, người lạ mặt rút ra vật gì đấy từ cái túi, dùng cái túi bọc ngoài để che giấu, rồi tiến đến Pyotr. Những người tùy tùng của Pyotr không ngăn cản anh, nghĩ rằng đấy là hộ lý hoặc gia nhân của một trong các bộ trưởng. Tuy nhiên, vào phút cuối một hộ lý của Pyotr bước đến nắm lấy cánh tay anh kia. Một cuộc xô xát diễn ra, và khi Pyotr quay nhìn, một lưỡi dao dài 15 cm rơi xuống. Pyotr hỏi anh kia định làm gì. Anh đáp: "Để ám sát ông." Pyotr hỏi tiếp: "Tại sao? Ta có làm gì hại đến anh không?" Anh đáp: "Không, nhưng ông làm hại đến các giáo hữu và tín ngưỡng của chúng tôi", và cho biết anh là Tín đồ Cựu giáo.

Kẻ ám sát không làm Pyotr sợ, nhưng có một loài côn trùng khiến cho ông phải run rẩy: con gián. Khi ông di chuyển, ông phải biết chắc ngôi nhà không có gián, và phòng ngủ được gia nhân dọn dẹp sạch gián rồi ông mới bước vào. Có lần, khi đến làm khách ăn tiệc ở một ngôi nhà đồng quê, Pyotr hỏi chủ nhà có gián hay không. Người chủ trả lời: "Không có nhiều, và để đuổi gián đi, tôi đã ghim một con lên tường." Ông chỉ đến nơi ghim con gián, vẫn còn ngọ nguậy, cách nơi Pyotr đứng không xa. Pyotr kêu thét một tiếng, nhảy dựng lên, tống cho chủ nhà một quả đấm nên thân rồi chạy ra ngoài.

Pyotr luôn có tính nóng nảy và thói quen thi hành kỷ luật cấp dưới bằng roi hoặc nắm đấm. Không ai thân cận với Pyotr thoát nạn này, và thường sau khi đánh đấm, Pyotr dịu ngay. Một trường hợp điển hình là khi Pyotr đi thị sát hiện trường ở Sankt-Peterburg cùng với Trung tướng Anthony Devier, Cảnh sát Trưởng của Sankt-Peterburg, cũng có trách nhiệm quản lý cầu đường trong thành phố. Khi xe chở Pyotr đi qua một cây cầu nhỏ, ông thấy vài tâm gỗ bị mất, một số tấm khác bị lỏng. Cho dừng xe lại, Pyotr

bước ra và lệnh cho anh hộ lý tháp tùng sửa lại cây cầu lập tức. Trong khi anh này siết lại các tấm ván, Pyotr dùng roi đập lên lưng của Devier, nói:

> Đây là sự trừng phạt cho tội sơ sót, giúp ông nhớ đi xem xét thường xuyên và đảm bảo mọi thứ được an toàn và chắc chắn.

Khi chiếc cầu đã được sửa xong, Pyotr quay qua Devier nói với giọng hiền dịu: "Người em lên xe đi". Rồi hai người tiếp tục đi trên cỗ xe như không có chuyện gì xảy ra.

Những cú đấm đá của Pyotr giáng xuống mọi người ở tất cả cấp bậc. Một lần, Pyotr ngủ trưa trong khoang chiếc thuyền buồm của mình, và bị tiếng động làm mất giấc ngủ. Ông giận dữ bước lên boong và chỉ thấy một người hầu ngồi im lặng. Pyotr dùng roi quật anh, nói "phải nhớ giữ yên tĩnh khi ta ngủ". Nhưng anh trai trẻ bị đòn oan, vì tiếng động là do những người khác gây ra; họ đều chạy trốn khi nghe Pyotr bước lên. Sau đấy, họ bảo anh trai trẻ đừng khai ra sự thật kẻo đến phiên họ bị Sa hoàng đánh. Một giờ sau, Pyotr bước lên boong, lúc này vui vẻ trở lại sau giấc ngủ. Ông ngạc nhiên thấy anh trai trẻ vẫn còn khóc, và hỏi tại sao. Anh nói: "Bởi vì ngài đã đánh oan tôi", và khai tên các thủ phạm đã gây tiếng ồn. Pyotr nói: "Vì lần này ta phạt ngươi oan ức, lần sau nếu ngươi phạm tội gì ta sẽ tha thứ." Ít ngày sau, khi Pyotr định đánh anh trai trẻ lần nữa, anh nhắc về lời hứa trước. Pyotr nói: "Đúng. Ta nhớ và ta tha thứ ngươi lần này, vì ngươi đã bị phạt trước rồi."

Cơn giận của Pyotr có thể khiến cho người ta sợ hãi tột cùng. Một ngày, Pyotr làm việc trong xưởng tiện với đốc công Andrei Nartov cùng một anh học việc trẻ mà Pyotr mến thích vì tính vui vẻ và thẳng thắn. Anh này đã

được chỉ bảo là mỗi khi Hoàng đế ngồi xuống mà còn đội mũ thì phải nhấc chiếc mũ lên. Lần này, khi vội vã nắm lấy chiếc mũ trên đầu Pyotr nhấc lên, anh học việc nhổ lên một nhúm tóc. Gầm lên vì giận dữ, Pyotr nhảy dựng lên và đuổi theo anh học việc, dọa giết anh ta. Anh học việc chạy thoát được, và hôm sau Pyotr trở lại máy tiện, không còn nóng giận gì nữa. Ông cười nói: "Thằng quỷ này không nhân từ với ta gì cả, nhưng hắn làm ta đau mà không có chủ ý, ta mừng là hắn đã chạy nhanh hơn ta." Vài ngày trôi qua, Pyotr nhận thấy anh học việc vẫn chưa quay lại. Ông bảo Nartov đi tìm anh ta và nhắn rằng anh ta có thể trở về mà không phải sợ, nhưng không ai, kể cả cảnh sát, có thể tìm ra anh.

Thật ra, anh đã bỏ trốn đến nơi xa, nói dối rằng mình là trẻ mồ côi, được một người thợ làm kính bao bọc rồi truyền nghề cho anh. Mười năm sau, khi Pyotr qua đời, anh mới dám trở về và khai tên thật của mình. Nartov kể cho anh nghe chuyện cũ sau khi anh bỏ trốn, rồi thu dụng anh trở lại. Anh tiếp tục phục vụ trong hoàng cung dưới triều của hai Nữ Hoàng đế Anna và Elizaveta.

Thời gian dần trôi, Pyotr cố khắc phục tính khí của mình, và dù không thành công trọn vẹn, ông nhận ra đấy là khuyết điểm, nói:

> Tôi tự biết mình có lỗi vì hay dễ nóng giận. Vì lý do này mà tôi không cảm thấy bị xúc phạm bởi những người nói cho tôi biết điều ấy và can gián tôi, như Ekaterina của tôi.

Đúng thế: chính Ekaterina là người có thể đối phó với cơn giận dữ của Pyotr. Cô không sợ hãi ông, và ông biết điều này. Một lần, khi cô cố đề cập đến một vấn đề vốn đã khiến cho ông phát cáu, ông nổi cơn thịnh nộ và đập

vỡ một tấm kính đẹp, la lối: “Thế là ta có thể phá hủy món đẹp nhất trong cung điện của ta!” Ekaterina hiểu ý nghĩa của câu đe dọa, nhưng nhìn thẳng vào mặt ông và điềm tĩnh đáp: “Làm như thế Hoàng thượng đã giúp cho cung điện đẹp đẽ hơn hay sao?” Cô tỏ ra khôn ngoan không bao giờ chống đối ông trực diện, nhưng tìm cách cho ông nhìn ra sự việc theo khía cạnh khác.

Một dịp khác, cô lợi dụng con chó có tên Lisette mà ông yêu mến để làm dịu cơn giận của ông. Mỗi khi ông về nhà, con chó nhỏ này luôn đi theo ông, và khi ông ngủ trưa luôn nằm bên chân ông. Vào thời gian này, Pyotr đang giận dữ với một người trong triều đình mà ông kết án tham nhũng và dọa sẽ xử tội bằng hình phạt đánh roi. Mọi người trong triều đình kể cả Ekaterina tin rằng người này vô tội, nhưng mọi lời can gián chỉ khiến cho ông nổi giận thêm. Cuối cùng, để được sự an bình cho mình, Pyotr ra lệnh cấm mọi người nói gì về việc này.

Ekaterina không chịu thua. Cô soạn một bản trần tình ngắn dưới tên Lisette, trình bày chứng cớ mạnh mẽ cho thấy người kia là vô tội, và nhân danh sự trung thành tuyệt đối của Lisette dành cho ong, van xin ông tha thứ. Rồi cô cột bản trần tình vào vòng đeo cổ của con chó. Khi Pyotr đi họp ở Thượng viện trở về, con chó trung thành Lisette nhảy nhót xung quanh ông như thường lệ. Pyotr đọc bản trần tình, mỉm cười một cách mệt mỏi rồi nói: “Được rồi, Lisette, vì đây là lần thứ nhất mi van nài, ta chấp nhận lời cầu xin của mi.”

Bản chất ghét nghi thức rườm rà, Pyotr chỉ chấp nhận nghi lễ như là bổn phận của quân vương phải thực hiện. Tuy nhiên, có vài loại nghi lễ mà ông rất vui thích, nhất là lễ hạ thủy một tàu chiến. Tuy thường tằn tiện nhưng Pyotr không tiếc tiền cho những lễ hạ thủy, và dân chúng tụ tập đông đảo để

vui hưởng tính phóng khoáng của ông. Trong buổi lễ này, luôn luôn có một tiệc chiêu đãi thịnh soạn trên boong con tàu mới, và Pyotr với gương mặt rạng rỡ, giọng nói khích động, luôn là trung tâm điểm của tất cả hoạt động, xung quanh là gia đình ông, kể cả các công chúa và ngay cả Hoàng tẩu quả phụ Praskovaya đã cao tuổi, người không bỏ qua lễ hạ thủy nào và chầu rượu tiếp theo đấy.

Cuộc sống ở Sankt-Peterburg xoay vần quanh những lễ cưới, lễ rửa tội, đặt tên con và lễ tang. Sa hoàng và những thành viên trong gia đình luôn sẵn lòng tham dự những buổi lễ này, và ông thường chấp nhận làm cha nuôi trong những buổi lễ rửa tội, thường tự tay bế đứa trẻ của binh sĩ, thợ thủ công và viên chức cấp thấp ở bục hành lễ. Pyotr làm công việc này một cách vui vẻ, nhưng gia đình không nên trông mong ông tặng quà có giá trị; tất cả chỉ là một nụ hôn cho bà mẹ và một đồng rúp chèn dưới chiếc gối rửa tội theo truyền thống của Nga. Sau buổi lễ, ông thường đi đến bàn tiệc ngồi xuống bất kỳ chiếc ghế nào gần nhất rồi bắt đầu ăn uống.

Mùa đông hiếm khi làm chậm lại hoạt động của Pyotr. Vào những ngày khi đại sứ Anh James Jefferyes viết về London rằng "người ta không dám đưa mũi ra khỏi cửa kẻo nó rụng mất trong cái giá lạnh", Pyotr, Ekaterina và các cận thần trong triều đình thích vui đùa trên xe trượt tuyết đổ dốc hết tốc lực xuống triền núi. Một môn thể thao mùa đông được Pyotr ưa thích khác là đi thuyền trên băng. Khi nước Sông Neva và vịnh đóng băng, ông cho gắn buồm theo một cách tài tình để khi gió nổi lên cho chiếc thuyền lướt trên mặt băng.

Trong những tháng mùa hè, Pyotr vui sướng mở cửa Cung điện Mùa Hè đề mở tiệc chiêu đãi hoặc ăn mừng. Ngày kỷ niệm chiến thắng Pultowa 28/6 luôn đáng nhớ nhất: Lữ đoàn Preobrazhenskoe trong đồng phục màu

xanh ve chai và Lữ đoàn Semyonovsky trong đồng phục màu lam đậm dàn hàng ngũ trên một cánh đồng kế bên, đích thân Pyotr trao cho binh sĩ những cốc rượu vang và bia để mừng kỷ niệm chiến thắng. Ekaterina cùng hai con gái, Anna và Elizaveta, trong bộ áo lễ hội dài thanh lịch, với nữ trang và ngọc trai trên mái tóc, đứng giữa khu vườn tiếp đãi khách, xung quanh là quần thần và những vòi phun nước của kiến trúc sư LeBlond. Gần đấy, trông giống như hai búp bê bằng sáp, là hai cháu nội của Pyotr, Pyotr (mang tên theo ông nội) và Natalia, con trai và con gái mồ côi của Hoàng Thái tử Aleksei. Sau khi đã chào hỏi hoàng gia, quan khách ngồi xuống quanh những chiếc bàn bằng gỗ dọc theo những hàng cây, không ai vui thích hơn là những giám mục mang râu và những chức sắc khác được dịp uống thỏa thích.

Thành viên của hoàng gia cũng như người đã phục vụ Hoàng đế một cách trung thành được chôn cất với lễ nghi trọng thể. Một số cận thần lớn tuổi của Pyotr đã nằm xuống. Romodanovsky qua đời năm 1717; con trai ông được giữ chức vụ của cha. Sheremetyev qua đời năm 1719, hưởng thọ 67 tuổi, ít năm sau khi cưới một góa phụ có văn hóa ở London. Yakov Dolgorukov qua đời năm 1720, hưởng thọ 81 tuổi.

Pyotr trọng đãi những người đã phục vụ ông. Đối với những người đã làm việc cho ông lâu năm, ông đãi ngộ một cách hào phóng. Khi còn sống họ nhận đất phong, khi về hưu họ nhận lương hưu, và sau khi qua đời vợ con của họ tiếp tục nhận lương hưu. Pyotr không chấp nhận trả lương hưu thấp hơn mức lương khi làm việc. Khi một người nước ngoài về hưu sau 30 năm phục vụ Sa hoàng, Bộ Kiểm soát Tài chính đề xuất lương hưu cho ông này bằng phân nửa lương khi làm việc. Pyotr tỏ ra phiền lòng, nói:

> Cái gì? Liệu một người đã bỏ cả cuộc đời để phục vụ ta phải chịu nghèo túng trong tuổi già hay sao? Không được, phải trả cho ông lương nguyên vẹn khi nào mà ông còn sống, mà không đòi hỏi ở ông gì cả. Nhưng phải ghi nhận lời khuyên bảo của ông mỗi khi liên quan đến chuyên môn của ông và học hỏi nơi kinh nghiệm của ông. Ai lại muốn hy sinh cả cuộc đời quý giá của họ nếu biết rằng họ sẽ bị nghèo khổ trong tuổi già?

Đối với người có tính thiếu kiên nhẫn, đầy năng động như Pyotr thì khó mà thư giãn được. Một lần, ông hỏi những người quanh mình: "Các ông làm gì ở nhà? Ta không biết phải sống ở nhà như thế nào nếu không có việc gì làm." Khác với nhiều quân vương khác, ông ghét môn săn bắn. Một lần, khi được mời đi săn gần Moskva, ông nói:

> Các ngươi cứ săn thỏa thích và tuyên chiến với dã thú. Ta không lấy đó làm vui thú trong khi phải đối phó với kẻ thù nước ngoài và với thần dân ương ngạnh trong nước.

Thú tiêu khiển Pyotr thích nhất là môn cờ vua, và ông có thể chơi bất cứ lúc nào với bất cứ ai. Ông chấp nhận việc đánh bạc ăn tiền, và ông thích đánh bạc với thuyền trưởng và thợ đóng tàu chủ yếu là để vui vẻ trong sự tụ họp và chuyện trò với họ. Ông ra điều lệnh nghiêm ngặt đối với binh sĩ và thủy thủ: không ai được thua bạc quá một rúp. Dưới mắt của Pyotr, người đánh bạc không làm việc gì ích lợi và không nghĩ đến chuyện gì khác ngoài phương cách cố ăn tiền của thiên hạ.

Pyotr được thư giãn tốt nhất khi làm việc với đôi tay của mình: làm thợ hàn ở xưởng đóng tàu của hải quân, hoặc làm việc ở máy tiện để chế tạo

những vật dụng bằng gỗ hoặc ngà, hoặc đập những thanh sắt ở lò rèn. Có lần ông bỏ ra một tháng tại lò rèn của đốc công Werner Muller. Pyotr làm việc tận lực. Sau đấy đến kỳ phát lương, Muller trả cho ông một khoản tiền hậu hĩnh. Pyotr từ chối, chỉ nhận theo mức lương của một thợ rèn trung bình, rồi mang tiền lương đi mua một đôi giày. Sau đấy, ông đem khoe đôi giày một cách tự hào với mọi người, nói: "Tôi có được đôi giày này là nhờ đã đổ mồ hôi với búa và đe".

Lúc nào cũng thể Pyotr cảm thấy vui thú nhất trên mặt nước. Ngay cả khi ông ở trên bờ, ông chỉ định quy trình theo đấy khi có ba phát đại bác bắn từ Pháo đài Petropavlovsk, tất cả tàu thuyền đang hiện diện trên đoạn sông giữa Pháo đài và Cung điện Mùa Đông phải cho thủy thủ đoàn diễn tập bằng cách căng buồm lên, kéo neo lên rồi lái thuyền tiến lên xuống con sông. Pyotr đứng ở một cửa sổ của Cung điện Mùa Đông chăm chú quan sát mọi hoạt động với tất cả niềm vui.

Vào mùa xuân, ông dành nhiều thời giờ trên một con tàu. Khi tổ chức một cuộc diễn tập, ông cho treo những lá cờ đặc biệt ở mọi ngã tư khắp thành phố. Vào ngày này, tất cả chủ thuyền đưa thuyền tập trung trước Pháo đài Petropavlovsk. Theo lệnh của Pyotr, đoàn thuyền xuôi dòng với Sa hoàng dẫn đầu trên chiếc thuyền do ông cầm lái. Nhiều nhà quý tộc mang theo dàn nhạc trỗi vang lừng trên mặt sông. Gần cửa sông, đoàn thuyền thường rẽ vào một con kênh dẫn vào một cung điện đồng quê nhỏ của Ekaterina. Đoàn người đi lên bờ rồi ngồi vào những bàn tiệc đặt dưới bóng mát của những cây ăn trái rồi thưởng thức rượu vang.

Sở thích của Pyotr là lái thuyền trên Vịnh Phần Lan, giữa Sankt-Peterburg và Kronstadt. Khi thời tiết tốt, lênh đênh trên mặt biển dưới bầu

trời xanh, ánh mặt trời chói chang, tiếng sóng vỗ rầm rì ở mạn thuyền và bàn tay đặt trên bánh lái, vị Sa hoàng cảm thấy niềm an bình.

Trái những với tính giản đơn của Pyotr, Ekaterina thích xa hoa. Trong những nam sau này, Pyotr xây dựng cho bà vợ một cung điện hoàn toàn trái ngược với cách sống của ông. Hoàng hậu thích trang phục đẹp và nữ trang, hình như muốn nhấn chìm gốc gác thấp kém của bà trong sự xa hoa. Điều ngạc nhiên là người hầu cận được Hoàng hậu yêu mến lại là Matrena Balk, em gái của Anna Mons vốn là người tình của Pyotr trước khi ông gặp Ekaterina. Những quần thần khác của bà gồm có Giáo sĩ Gluck (người nuôi nấng bà thuở xưa), Nữ Bá tước Osterman (vợ của Thứ trưởng Ngoại giao), Công nương Kantemir Xứ Moldavia (chạy sang Nga sau Chiến dịch Sông Pruth), Nữ Bá tước Anna Golovkina (vợ thứ hai của Yaguzhinsky), con gái của Anthony Devier (Chỉ huy trưởng Cảnh sát Sankt-Peterburg)…

Vào tháng 4/1719, định mệnh giáng xuống Pyotr và Ekaterina một đòn đau khổ. Cái chết của Hoàng Thái tử Aleksei đã tạo vấn đề trong việc truyền ngôi. Pyotr chỉ còn hai hoàng tử trong thứ tự lên ngôi: Pyotr Petrovich, con trai với Ekaterina; và Pyotr Alekseyevich, đứa cháu nội, con của Aleksei và Charlotte. Người chú Pyotr Petrovich luôn được sự chăm sóc tận lực của cha mẹ, nhưng không được khỏe mạnh như đứa cháu với tuổi nhỏ hơn 4 tuần.

Vào tháng 2/1718, khi Aleksei bị truất quyền kế vị, Pyotr Petrovich mới lên hai tuổi. Giới quý tộc và tăng lữ Nga cất lời thề trung thành với đứa con này của Pyotr và Ekaterina. Mười bốn tháng sau, cậu Hoàng Thái tử theo Aleksei về bên kia thế giới lúc mới lên ba tuổi rưỡi.

Cái chết của đứa con cưng - mà Pyotr đã đặt mọi kỳ vọng cho tương lai của vương triều - làm cho Pyotr cực kỳ đau khổ. Ông đập đầu mạnh vào

tường đến nỗi lên cơn động kinh; rồi trong ba ngày ông giam mình trong một căn phòng kín mà không chịu dùng bữa, không đi ra ngoài và không nói với ai qua khung cửa. Công việc của chính phủ bị ngừng trệ, cuộc chiến với Thụy Điển bị bỏ quên, công văn và thư từ không được phúc đáp. Ekaterina cố dằn cơn đau khổ, lo lắng cho tình trạng của Pyotr, vừa than khóc vừa xin Hoàng thân Yakov Dolgorukov giúp đỡ.

Vị Thượng Nghị sĩ thứ Nhất cố an ủi Hoàng hậu đang sợ hãi, rồi triệu tập toàn thể Thượng viện đến trước cửa phòng của Pyotr. Ông gõ cửa, nhưng không có tiếng trả lời. Ông gõ cửa lần nữa, cất tiếng nói với Pyotr rằng ông đến đây với cả Thượng viện, rằng đất nước cần đến Sa hoàng, và nếu Sa hoàng không mở cửa, ông chỉ còn cách duy nhất để cứu nguy cho ngai vàng là bắt buộc phải phá cửa vào để mang quân vương ra ngoài.

Cánh cửa mở, Pyotr nhợt nhạt và hốc hác đứng trước mặt mọi người. Ông hỏi: "Có chuyện gì thế? Tại sao các người đến quấy rầy trong lúc ta đang nghỉ ngơi?"

"Bởi vì khi Ngài rút lui và buồn khổ quá mức, cả đất nước lâm vào tình trạng bất ổn", Dolgorukov trả lời.

Pyotr cúi đầu, trả lời: "Ông nói đúng".

Rồi Pyotr đi với họ đến thăm Ekaterina. Ông dịu dàng ôm lấy bà và nói: Chúng ta đã tự làm khổ mình quá lâu. Ta không nên than phiền chống lại ý muốn của Thượng Đế nữa.

Sau cái chết của cậu hoàng tử bé, Pyotr và Ekaterina chỉ còn có ba cô con gái: Anna 11 tuổi, Elizaveta lên 10, còn Natalia mới lên 1 tuổi. Cả Anna và Elizaveta đều nhận nền học vấn theo cách thức của những công chúa Tây Âu, chủ yếu gồm ngoại ngữ, cách giao tiếp và khiêu vũ. Hai người đều nói

được tiếng Đức và tiếng Pháp. Khi Pyotr hỏi các thầy dạy học tại sao hai cô cần học tiếng Pháp, có phải tiếng Đức đã trở nên thông dụng đủ để giao tiếp? Họ trả lời rằng đúng như thế nhưng những người văn minh, ngay cả người Đức, đều muốn học tiếng Pháp. Anna có năng khiếu hơn, còn học thêm một ít tiếng Ý và Thụy Điển. Riêng công chúa thứ ba, Natalia, sống chưa đến tuổi học hành nghiêm túc, vì cô chết lúc 7 tuổi. Trong số 12 người con của Ekaterina và Pyotr, 6 trai và 6 gái, chỉ có Anna và Elizaveta sống quá 7 tuổi.

Nhiều năm sau, Nữ Hoàng đế Elizaveta nhắc lại việc cha cô đã quan tâm đặc biệt đến sự giáo dục cho các công chúa. Ông thường đến thăm và hỏi han họ đã làm những việc gì trong ngày. Pyotr thường nói với con cái rằng ông rất tiếc đã bỏ qua việc giáo dục nghiêm túc cho mình, và hầu như hằng ngày ông đều cảm nhận khiếm khuyết này.

Năm 1718, Pyotr tổ chức những buổi họp mặt, thường là mỗi tuần 2 hoặc 3 lần trong mùa đông dài. Chủ đích của Pyotr là tạo cơ hội cho phụ nữ và nam giới được giao tiếp với nhau, và gây hình ảnh giao tiếp xã hội cho Sankt-Peterburg mà ông đã thấy ở Paris. Vì đây là điều mới mẻ ở Nga, Pyotr phổ biên bản điều lệ, quy định rõ ràng với thần dân của mình những buổi họp mặt như thế có ý nghĩa gì và phải được tổ chức như thế nào. Ngôn từ trong bản điều lệ này thể hiện thói quen của Pyotr như là người thầy dạy bảo học trò của mình, chẳng hạn: gia chủ không bị bắt buộc phải đón tiếp hoặc tiễn khách, nhưng phải cung ứng đủ ghế ngồi, đèn nến và thức uống; không định giờ giác chính xác khách phải đến và ra về; mọi người có thể đứng, ngồi hoặc chơi môn gì đấy tùy thích; người ở mọi cấp như giới quý tộc, quan chức cấp cao, cùng vợ và con cái được tự do tham dự; phải có phòng riêng cho người hầu của khách, v.v…

Pyotr soạn ra một danh sách những người tuần tự chủ trì buổi họp mặt ở nhà riêng của họ. Tuy ông từ chối tổ chức họp mặt ở cung điện của mình, ông sẵn lòng làm chủ trì ở nơi khác khi đến lượt.

Chẳng bao lâu, người ta đổ xô đến tham dự những buổi họp mặt này. Khiêu vũ được tổ chức trong một gian phòng, khách đánh bài ở phòng khác, trong phòng thứ ba đàn ông hút ông vố và uống rượu, và trong phòng thứ tư phụ nữ và đàn ông cùng chuyện trò cười đùa với nhau - là cách chưa từng xảy ra trước đây ở Nga. Pyotr luôn tham dự, vui vẻ và nói năng, đi từ phòng này sang phòng kia hoặc ngồi xuống ở một bàn, hút một ông vố dài kiểu Hà Lan, uống rượu vang Hungary và suy nghĩ cho nước đi kế tiếp trên ván cờ vua.

Phần lớn phụ nữ ở Sankt-Peterburg hoan nghênh những buổi họp mặt này. Thay vì bị giam hãm trong nhà theo cung cách truyền thống, giờ đây họ có thể bước ra một cuộc đời mới đầy hứng khởi. Những cô gái chưa chồng giờ đây có dịp gặp gỡ nhiều thanh niên còn độc thân. Họ cảm thấy vui khi được chưng diện, được khiêu vũ, được thể hiện nét thu hút của họ ngoài công chúng. Những bộ trang phục sang trọng, rực rỡ với màu sắc và kiểu dáng, dần dần xuất hiện.

Với phong cách Tây Âu dần trở nên thịnh hành, các bà mẹ sắm sửa cho các cô con gái theo thời trang Đức hoặc Pháp. Bậc cha mẹ không tiếc tiền cho sự giáo dục của con cái, vì thế trong một thời gian ngắn, xã hội Nga đã chuyển biến rất nhiều.

Một kết quả khác trong việc giải phóng cho phụ nữ sau nhiều thế kỷ bị cô lập là việc nới lỏng về đạo đức. Pyotr có nhân tình vào những thời gian khác nhau. Có tin đồn hai thị nữ của Ekaterina cũng là nhân tình của ông,

hoặc thậm chí có con với ông. Người ta biết rằng Pyotr không phải là con người khổ hạnh, và tin đồn về mối quan hệ giữa ông với một nữ nghệ sĩ ở London hoặc một phu nhân ở Paris có thể là đúng. Tuy nhiên, điều rõ ràng là những mối quan hệ như thế, nếu có thật, chỉ là những vụ việc mà Pyotr không tỏ ra nghiêm túc. Ekaterina hiểu điều này và thường trêu ghẹo ông trong những bức thư bà gửi ông.

Quan điểm cơ bản của Pyotr về đạo đức trong quan hệ giữa đàn ông và phụ nữ dựa trên nguyên tắc vị lợi cho xã hội. Ông tỏ ra khoan dung đối với những hành vì không gây hại cho xã hội. Gái mại dâm được tự do hành nghề ở Nga, ngoại trừ trường hợp một gái mại dâm bị cho là đã "gây bệnh cho hàng trăm binh sĩ Cảnh vệ đến nỗi họ không thể đi hành quân, mà phải ở lại để được chữa bệnh"; người phụ nữ này bị xử hình phạt đánh roi với tội danh làm hại đến quyền lợi của triều đình.

Phụ nữ không kết hôn mà có thai được khuyến khích nuôi dưỡng thai nhi và sinh con. Một lần, khi biết một phụ nữ trẻ bị cấm tiếp xúc với những cô gái chưa chồng chỉ vì cô có một đứa con ngoại hôn, Pyotr ra lệnh cấm sự phân biệt đối xử như thể. Đứa con trai của cô gái này được đặt dưới che chở của Pyotr.

Triều đình của Pyotr có đầy những đàn ông và phụ nữ được Pyotr đối xử rộng lượng trong những sự việc như thế. Ông khuyến khích Yaguzhinsky ly dị với bà vợ đang làm người chồng quá khổ sở. Ông không cho phép Hoàng thân Repnin cưới người tình làm vợ thứ tư (Giáo hội Chính thống chỉ cho phép đàn ông kết hôn ba lần riêng rẽ), nhưng hợp thức hóa các đứa con của hai người và cho mang họ Repninsky. Khi người hộ lý mà Pyotr yêu mến cưới một cô nhạc công thổi sáo, ông tham dự cả lễ cưới của hai người và lễ rửa tội cho đứa con của họ ngày hôm sau. Ông ủng hộ Tướng

Anthony Devier cưới em gái của Menshikov. Anh cô này không tán đồng chuyện hôn nhân nhưng hai người vẫn có con với nhau. Devier lại xin Menshikov cho cưới em gái để đứa trẻ được hợp thức hóa nhưng bị Menshikov đá ngã xuống cầu thang. Pyotr can thiệp cho Devier, và hôn lễ được cử hành.

Trong khi Pyotr khoan hồng với hành vi lén lút do rào cản của xã hội hoặc tôn giáo, ông không hề nhân nhượng với tội ác. Luật Nga quy định án tử hình cho việc phá thai hoặc sát hại trẻ sơ sinh. Ví dụ điển hình nhất là trường hợp của một trong những thị nữ phục vụ Ekaterina được bà yêu mến nhất. Cô này có những mối quan hệ bừa bãi, vì thế đã sinh ra ba đứa con ngoại hôn. Hai đứa trẻ đầu bị giết một cách bí mật đến nỗi trong triều đình không ai hay biết, nhưng việc sát hại đứa trẻ thứ ba bị phát giác và người mẹ bị bắt. Cô thừa nhận đã giết cả ba đứa trẻ, nhưng tỏ ra kinh ngạc khi nhận án tử hình, vì cô đã hy vọng sẽ được ân xá nhờ sự thân quen và yêu mến của Hoàng hậu và Sa hoàng. Đến lúc thi hành án, Pyotr bước lên giàn xử giảo và thầm thì nói vào tai cô. Tử tội và phần lớn người dự khán nghĩ ông sẽ ra lệnh ân xá vào phút cuối cùng. Thay vào đấy, Pyotr ban cho cô một nụ hôn và nói một cách buồn bã:

> Ta không thể vi phạm pháp luật để cứu mạng sống của ngươi. Hãy can đảm mà chấp nhận hình phạt, trong niềm hy vọng Thượng Đế sẽ tha thứ cho tội lỗi của ngươi, hãy hướng lời cầu nguyện đến Đức Ông với cả con tim chân thành và ăn năn.

Người nữ tử tội quỳ xuống và cầu nguyện, Pyotr quay người bước đi, và bản án được thi hành.

Trong những năm cuối đời, Pyotr chuyển trọng tâm trong việc phát triển Sankt-Peterburg thành một xã hội văn minh bằng cách mang đến những tiện ích nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống: viện bảo tàng, phòng trưng bày nghệ thuật, thư viện và vườn thú. Cũng như mọi thứ được gây dựng mới trong nước Nga, những công trình này thể hiện thú thưởng ngoạn của riêng Pyotr. Ông không thích kịch nghệ (chỉ tham gia vào các trò hóa trang náo nhiệt trong "Đám Quậy") và lại càng không thích âm nhạc. Những buổi trình diễn kịch nghệ duy nhất mà xã hội Nga được tiếp cận là do em gái của Pyotr, Công chúa Natalia, bảo trợ khi tự bà thiết lập một nhà hát nhỏ, cải tiến từ một ngôi nhà lớn bị bỏ hoang. Trình độ nghệ thuật biểu diễn của đoàn kịch nghệ và ban nhạc ở nhà hát này bị người nước ngoài chê bai thậm tệ. Khi Công chúa Natalia qua đời năm 1716, nhà hát này bị dẹp bỏ.

Sau đấy, Công chúa Ekaterina, gọi Pyotr bằng chú, thành lập một nhà hát gần Moskva do chính bà làm đạo diễn, thu hút nhiều người dân Nga đến thưởng thức. Kế tiếp, một nhà hát nhỏ hoạt động trong 2 hoặc 3 năm ở Sankt-Peterburg, nhái lại một cách tệ hại những vở kịch của Pháp và hài kịch Đức được dịch nghĩa một cách thô thiển. Pyotr không quan tâm đến nhà hát này, và nhiều người Nga cũng thế: họ thích những màn trình diễn bình dân hơn, như trò tung hứng và múa trên dây thừng.

Trong chuyến đi thăm viếng Tây Âu lần thứ hai 1716-1717, Pyotr say mê đến xem những bộ sưu tập khoa học và hội họa tư nhân cũng như công cộng, và mua nhiều tác phẩm hội họa để mang về Nga. Với hy vọng sẽ đến một ngày, không phải tất cả tác phẩm hội họa trưng bày đều được mang về từ nước ngoài, ông gửi một số họa sĩ Nga trẻ đi học ở Hà Lan và Ý.

Pyotr cảm thấy hãnh diện với những bộ sưu tập khoa học của mình. Năm 1717, ông mua nguyên bộ sưu tập cơ thể học được thực hiện trong 40

năm của Giáo sư Ruysch, người mà ông đã đến thăm 20 năm trước. Ông cũng mua bộ sưu tập của nhà dược học Seba người Hà Lan, tập hợp mọi mẫu sinh vật dưới nước và trên cạn được biết đến thời bấy giờ ở vùng Caribê[194], gồm những loài thú, chim, bò sát và côn trùng. Hai bộ sưu tập danh tiếng này là nền tảng cho Bảo tàng của Viện Hàn lâm Khoa học Nga mà Pyotr thành lập trong một tòa nhà bằng đá trên Đảo Vasilevsky đối diện Bộ Hải quân. Sau đấy, ông thường có thói quen hai hoặc ba lần mỗi tuần, vào sáng sớm đến nghiên cứu các mẫu vật trước khi đi làm việc ở Bộ Hải quân. Ông thích thú với hai bộ sưu tập đến nỗi có lúc ông tiếp đại sứ Áo tại Bảo tàng. Bộ trưởng Ngoại giao hỏi liệu Cung điện Mùa Hè là nơi thích hợp hơn hay không. Pyotr đáp: "Đại sứ được cử đến làm việc với ta, không phải với cung điện". Rồi ông tiếp vị đại sứ vào lúc 5 giờ sáng hôm sau.

Pyotr bắt mở cửa Bảo tàng cho công chúng vào xem và tổ chức người hướng dẫn đề giải thích về các hiện vật trưng bày. Khi Yaguzhinsky đề xuất thu phí 1 rúp để phụ vào chi phí điều hành, Pyotr không chịu, cho rằng làm như thế sẽ khiến công chúng không đến nữa. Ông cương quyết đòi hỏi không những phải mở cửa Bảo tàng tự do, mà còn phải dẫn dụ người đến xem bằng cách thay mặt Sa hoàng mời khách tham quan một tách cà phê hoặc một cốc rượu vang. Những chi phí này do tiền túi của Pyotr chi trả.

Thêm vào những bộ sưu tập mua được còn có những mẫu vật lạ kỳ như răng voi được tìm thấy ở Voronezh mà Pyotr đoán là dâu vết cuộc hành quân của Alexander Đại đế và những cổ vật được tìm thấy giữa phế tích của một ngôi đền gần Biển Caspi. Tương tự, những người đi đào vàng gần Samarkan tìm ra một số tượng cổ bằng đồng, rồi gửi đến Hoàng thân Gagarin, Thống đốc Siberia, và ông này chuyển đến cho Pyotr. Hai hàm của các tượng được lắp bản lề để có thể cử động. Vôn luôn nghi ngờ sự mê tín

dị đoan, Pyotr đoán rằng "có lẽ giới thầy pháp áp đặt tư tưởng lên dân chúng bằng cách phát biểu qua các tượng này".

Pyotr cũng muốn thần dân ông mở rộng kiến thức qua sách vở và thư viện. Bản thân ông thu thập được nhiều sách trong suốt cuộc đời, đặc biệt trong những chuyến đi đến Đức, Pháp, Hà Lan và những nước Tây Âu khác. Thư viện cá nhân của ông gồm sách thuộc nhiều đề tài, từ quân sự và hải quân đến khoa học, sử, y khoa, luật và tôn giáo. Sau khi Pyotr Đại đế qua đời, thư viện của ông trở thành hạt nhân cho thư viện của Viện Hàn lâm Khoa học Nga. Năm 1722, Pyotr ra lệnh cho những tu viện cổ ở Nga đi tìm những bản thảo, bản ghi chép và sách cổ để đưa vào thư viện cá nhân của ông ở Sankt-Peterburg. Sau khi Hoàng đế qua đời, những tài liệu vô giá này cũng được chuyển qua thư viện của Viện Hàn lâm Khoa học Nga.

Pyotr đã ngưỡng mộ vườn thú ở Paris, và khi về nước ông lập tức ra lệnh thành lập cơ sở nuôi thú ở Sankt-Peterburg. Khởi đầu có các loài khỉ, sư tử, báo, và cả một con voi mua từ Ấn Độ; nhưng tất cả không thể thích ứng với khí hậu lạnh của Sankt-Peterburg. Dù Pyotr ra lệnh xây một chuồng đặc biệt cho con voi, đốt lửa sưởi ấm ngày đêm, con vật chỉ sống được vài năm.

Những bộ sưu tập và cơ sở lưu trữ các mẫu vật này là kết quả của tính hiếu kỳ vô bờ và mong muốn của Pyotr dạy cho thần dân của mình về những gì ông đã học được. Mỗi chuyến đi trong nước Nga và nhất là chuyến đi ra nước ngoài đều mang về những vật dụng kỳ lạ, đồ lề, sách vở, khuôn mẫu, tác phẩm hội họa, và thú vật. Mỗi khi ghé qua dù là một thị trấn nhỏ, Pyotr đều hỏi han địa phương ấy có cái gì lạ không. Khi nghe trả lời không có gì lạ, ông đáp:

Ai biết được? Nó có thể không lạ với ngươi, nhưng lạ với ta. Hãy cho ta xem mọi thứ.

Một trong những món sưu tập kỳ lạ nhất là Quả cầu của Gottorp. Trong khi di chuyển qua Công quốc Gottorp năm 1713, Pyotr tìm thấy vật dụng khoa học và cơ khí lạ lùng này. Đấy là một quả cầu rỗng, đường kính 3,5 mét, được chế tạo năm 1664 cho Quận công Xứ Holstein-Gottorp. Bề ngoài là bản đồ địa cầu, bên trong thể hiện vũ trụ. Người tham quan có thể leo vào bên trong qua vài bậc thang đi lên, rồi ngồi ở một chiếc bàn tròn, xung quanh là băng ghế cho 10-12 người. Bộ khung thể hiện vũ trụ ở trên có thể được xoay chuyển bằng tời. Lẽ tự nhiên là Pyotr tỏ ra thích thú. Khi người quản lý đại diện cho chàng trai trẻ Karl Friedrich (sau này là con rể của Pyotr) tỏ ý muốn nhân danh công quốc tặng quả cầu cho ông, ông vui mừng tiếp nhận, tuyên bố rằng không có món quà nào của nhân dân Holstein-Gottorp quý giá hơn thế. Menshikov, lúc ấy đang chỉ huy quân Nga ở Đức, được lệnh đích thân phụ trách việc đóng gói và vận chuyển quả cầu. Phía Nga cũng phải xin phép đặc biệt của Thụy Điển (lúc này hai nước vẫn còn ở trong tình trạng chiến tranh) để chở quả cầu trên Biển Baltic đến Reval. Vào mùa đông 1715, quả cầu khổng lồ được chở trên xe trượt tuyết đi đến Sankt-Peterburg. Vì quả cầu quá to và Pyotr không muốn gây rủi ro khi tháo dỡ, người ta phải mở rộng nhiều đoạn đường, tỉa cành cây hoặc đốn hẳn cả cây để có thể đưa quả cầu đi qua. Pyotr ra lệnh đặt quả cầu vào ngôi nhà dành cho con voi (đã chết), và mỗi ngày ông đến tham quan hàng giờ.

Cống hiến quan trọng và lâu dài của Pyotr đối với hoạt động tri thức của Nga là việc ông thành lập Viện Hàn lâm Khoa học, mà sau 250 năm vẫn là cơ quan tri thức cao nhất nước Nga. Ý kiến thiết lập Viện Hàn lâm là do

Leibniz đề xuất, nhưng ông này qua đời năm 1716 trước khi Pyotr ra quyết định. Mối quan tâm của Pyotr được củng cố thêm sau khi ông được Viện Hàn lâm Pháp phong làm Viện sĩ.

Ngày 28/1/1724, một năm trước khi qua đời, Pyotr Đại đế ra chỉ dụ thành lập Viện Hàn lâm Khoa học Nga. Đúng theo cung cách thường thấy của Pyotr, chỉ dụ này cũng bao gồm phần giải thích một cách chân chất để người Nga hiểu được triều đình đang định làm việc gì:

> Thông thường có hai loại định chế nhằm tổ chức các ngành nghệ thuật và khoa học. Thứ nhất là Đại học, thứ hai là Viện Hàn lâm nghệ thuật và khoa học. Đại học là cơ sở cho những cá nhân có tri thức giảng dạy cho người trẻ… Còn Viện Hàn lâm là cơ sở cho những cá nhân có tri thức và kỹ năng làm nghiên cứu và phát minh.

Tuy nhiên, trong trường hợp này - chỉ dụ ghi tiếp - vì lẽ giới tri thức của Nga còn hạn chế, các Viện sĩ cũng đảm nhận công tác giảng dạy[195] đi đôi với nghiên cứu.

Pyotr qua đời trước khi Viện Hàn lâm bắt đầu hoạt động. Tháng 12/1725, 17 Viện sĩ bắt đầu làm việc. Họ đến từ Pháp, Đức và Thụy Sĩ, gồm những nhà triết học, toán học, lịch sử, thiên văn, giải phẫu học, luật, và hóa học - nhiều người là học giả hàng đầu trong ngành của họ. Không may là không có sinh viên Nga đủ học lực để theo học bậc đại học, vì thế phải đưa 8 sinh viên Đức vào học. Dù vậy, số người nghe giảng vẫn ít ỏi, nên các Viện sĩ thỉnh thoảng tham dự các buổi giảng của Viện sĩ khác.

Người đương thời nhận ra điều trái khoáy của một viện hàn lâm hoạt động trong một nước chưa có đủ trường trung học. Nhung Pyotr Đại đế

nhìn về tương lai mà gạt mọi sự chống đối qua một bên. Ông dùng ẩn dụ để giải thích việc làm của mình:

> Ta phải thu hoạch vụ mùa lớn mà không có máy xay bột, và không có nguồn nước để chuyển động cối xay nhưng có đủ nước từ nơi xa; chỉ có điều ta không rõ có đủ thời giờ trong đời ta mà đào một con kênh hay không. Vì thế, ta đang xây nhà máy xay bột trước và chỉ ra lệnh bắt đầu đào kênh, để tạo động lực cho những người kế thừa ta mang nước đến nhà máy xay đã hoàn tất.

192. Nhiều quân vương có vài chục người phục vụ bữa ăn, mỗi người đảm trách một công việc riêng biệt: bài trí, tô đĩa, dọn thức khai vị, rau trộn, món chính, món tráng miệng, rót rượu mạnh, rót rượu vang…, tất cả đều theo nghi thức long trọng. Vì thế, 5 người hầu bàn ăn của Pyotr là con số rất ít. (ND)

193. Để so sánh, ngay cả nhiều gia đình địa chủ trung lưu ở Tây Âu vẫn thường dùng loại xe lớn có 4 bánh, mui và màn kín, có 4 chỗ ngồi trong xe và thêm 2 chỗ ngồi phía sau cho gia nhân. (ND)

194. Vùng quần đảo gồm các nước Cuba, Jamaica, Puerto Rico và một số nước nhỏ hơn như Barnados, Dominica, Grenada, Haiti, Martinique, Saint Lucia, Antigua, Guadeloupe, Montserrat… Một số đảo thời này là thuộc địa của Hà Lan, vì thế các nhà khoa học Hà Lan có cơ hội thu thập mẫu vật những chủng loại ở đây. (ND)

195. Vì lẽ chỉ dụ của Pyotr cũng đặt nền tảng cho nền giáo dục bậc đại học; tiến đến việc hình thành Đại học Quốc gia Sankt-Peterburg, nên Pyotr Đại đế được cho là người sang lập đại học này. (ND)

62 DỌC BỜ BIỂN CASPI

Qua hòa ước ký với Thụy Điển, rốt cuộc Nga được hưởng hòa bình. Dường như bây giờ là lúc khối năng lượng vô tận rót vào các chiến dịch quân sự được chuyển qua cho chính nước Nga. Pyotr Đại đế không muốn được nhớ đến trong lịch sử như là chiến binh hoặc người đi xâm chiếm lãnh thổ; ông xem vị thế của mình là nhà cải tổ. Tuy vậy, ngay khi các lễ ăn mừng hòa bình ở Sankt-Peterburg chưa chấm dứt, Pyotr Đại đế ra lệnh quân đội chuẩn bị cho chiến dịch mới. Mùa xuân năm sau, quân đội sẽ đi đánh Ba Tư. Một lần nữa, Pyotr sẽ đích thân dẫn đầu đoàn quân.

Dù tuyên cáo gây ngạc nhiên, chiến dịch Ba Tư không phải là hành động bốc đồng. Pyotr đã từng nghe nói nhiều về phương Đông, về Đế quốc Cathay[196], mức giàu sang của các đại hãn ở Ấn Độ. Bây giờ, ông định thực hiện những ước mơ thời tuổi trẻ.

Pyotr đã cố mở đường thương mại về hướng Trung Hoa qua việc trao đổi trà, lông thú, tơ lụa và thiết lập phái bộ thường trực của Nga ở Bắc Kinh. Nhưng người Hoa là dân tộc kiêu hãnh và nghi ngại. Đế chế Mãn Thanh đang ở trên đỉnh cao quyền lực. Hoàng đế Khang Hi, trị vì từ năm 1661 lúc lên 7 tuổi cho đến khi qua đời năm 1722, đã hòa hiếu với mọi nước láng giềng và đặt dấu ấn cho triều đại của ông qua việc bảo trợ hội họa, thi ca, nghề gốm, và giáo dục; những bộ tự điển và bách khoa toàn thư do ông cổ súy biên soạn trở nên hữu dụng cho cả nhiều thế hệ về sau.

Khang Hi chấp nhận sự hiện diện của người nước ngoài tại triều đình của mình, nhưng những nỗ lực của Pyotr nhằm cải thiện mối bang giao với Trung Hoa đạt tiến bộ chậm chạp.

Năm 1715, một giáo sĩ Nga được tiếp kiến ở Bắc Kinh và được phong hàng Nhất phẩm trong triều đình Mãn Thanh.

Năm 1719, Nga cử Đại úy Cảnh vệ Lev Ismailov làm đại sứ toàn quyền đến Bắc Kinh, mang theo bốn kính viễn vọng bằng ngà do chính tay Pyotr chế tạo để làm quà cho Khang Hi. Ismailov được tiếp kiến một cách thân thiện và vinh dự tại triều đình Trung Hoa, nhưng tự ông lại đi quá xa. Ông yêu cầu dỡ bỏ tất cả hạn chế mậu dịch giữa Nga và Trung Hoa, cho phép xây một nhà thờ Nga ở Bắc Kinh và đặt lãnh sự quán Nga ở các thành phố lớn của Trung Hoa để điều phối nền mậu dịch. Triều đình Trung Hoa trả lời một cách kiêu ngạo:

> Hoàng đế chúng tôi không buôn bán và không có hàng quán… Chúng tôi khinh thường thương mại. Chỉ có dân nghèo và giới nô bộc là buôn bán với chúng tôi, và chúng tôi không có lợi gì mà buôn bán với các ông. Ở đây đã có quá đủ hàng hóa Nga cho dù các ông không mang đến.

Ismailov, trở về Nga, và từ lúc này các đoàn thương nhân của Nga càng bị cản trở thêm. Khang Hi qua đời năm 1722, và người kế vị Ung Chính còn thù địch với người Kitô giáo hơn, vì thế trong những năm cuối đời Pyotr Đại đế thương mại giữa Nga và Trung Hoa suy giảm.

Về phía bắc hướng đến Thái Bình Dương, không ai hiện diện để ngáng trở bước tiến của người Nga. Dưới triều Pyotr Đại đế, Nga sáp nhập Bán đảo Kamchatka rộng lớn và Quần đảo Kurile vào lãnh thổ của mình.

Năm 1724, Pyotr Đại đế chỉ định Vitus Bering, một hạm trưởng người Đan Mạch phục vụ trong hạm đội Nga, dẫn một đoàn thám hiểm để xác định xem Châu Mỹ và Châu Á được nối nhau bằng đất liền hay không. Bering tìm thấy một eo biển rộng 85 kilômét và nước sâu khoảng 44 mét ngăn cách Châu Mỹ và Châu Á. Eo biển này sau đấy mang tên ông. Nhờ cuộc thám hiểm của Bering, trong những năm kế tiếp người Nga vượt qua Eo biển Bering rồi thiết lập một loạt tiền đồn và thương điếm dọc bờ Alaska, kéo dài cho đến San Francisco vào năm 1806. Năm 1867, Mỹ mua vùng này từ Nga để thành lập Bang Alaska hiện giờ.

Một năm trước chuyến đi thám hiểm của Bering, Pyotr Đại đề phái hai tàu khu trục mang thông điệp hữu nghị của mình đến Madagascar trên Ấn Độ Dương và ký một hòa ước với lãnh thổ này, rồi đi tiếp đến Ấn Độ. Ngoài mở rộng thương mại, Pybtr còn nghĩ đến việc mua gỗ giá tị để thử nghề làm mộc của mình. Không may là một tàu khu trục bị rò nước ít ngày sau khi khởi hành, và cả hai tàu phải quay lại Reval, nên chuyến đi bị hủy bỏ. Pyotr thất vọng, nhưng ông qua đời trước khi kịp tổ chức chuyến đi khác.

Không phải đường biển đến Ấn Độ, mà chính đường bộ qua Ba Tư và Trung Á đã hấp dẫn Pyotr. Các đoàn thương nhân vẫn đi qua lại giữa Ấn Độ và Nga qua Kabul (thủ đô của Afghanistan hiện giờ), vượt qua hàng nghìn kilômét hoang mạc cỏ các bộ tộc Kazak và Kalmuck sinh sống. Dưới triều của Pyotr, các bộ tộc này gây khó khăn cho việc thông thương qua lãnh thổ của họ, vì thế Pyotr cần thu phục họ trước khi có thể mở đường mậu dịch suôn sẻ. Hai bộ tộc Khiva và Bokhara theo Hồi giáo lúc này đang cố giành ưu thế nên đôi lúc quay sang yêu cầu Nga trợ giúp. Vì bị vướng víu trong

chiến tranh với Thụy Điển, Pyotr không thể đáp ứng những lời kêu gọi này, nhưng vẫn chú tâm đến các vùng hoang mạc.

Pyotr để ý đến các miền phía đông và nam giáp với Nga do tin đồn về những mỏ vàng. Những con sông vùng Siberia có cuội vàng, dọc bờ Biển Caspi có những mạch mỏ vàng, và có cát vàng trên những sa mạc ở Trung Á - tất cả những câu chuyện này râm ran ở Sankt-Peterburg. Vào các năm 1714,1716 và 1719, Pyotr phái những đoàn thám hiểm đi Siberia và Trung Á để tìm vàng. Họ không tìm được gì, nhưng chuyến đi đầu tiên giúp thiết lập một pháo đài, sau đấy mở rộng thành thị trấn mới Omsk.

Chuyến thám hiểm thứ hai thất bại nặng nề. Pyotr nghe tin có vàng ở Hãn quốc Khiva dọc Biển Caspi, nên phái Hoàng thân Aleksandr Bekovich Tcherkassky dẫn đầu 4.000 quân cùng một số quân Cossack, kỹ sư và nhân viên trắc địa thực hiện cuộc thám hiểm, trên danh nghĩa là để chúc mừng tân Hãn vương và ngỏ lời Nga sẽ bảo hộ cho hãn quốc. Một khi đoàn thám hiểm thu thập đủ thông tin và hai Hãn vương Bokhara cùng Khiva tỏ lòng trung thành, Pyotr có thể phát triển con đường thương mại bền vững.

Điều không may là Pyotr đã chọn nhầm người để chỉ huy đoàn thám hiểm. Hoàng thân Aleksandr Tcherkassky theo đạo Hồi, đất đai của cha ông ngày trước nằm trong Đế quốc Ba Tư. Pyotr nghĩ ông là người thích hợp để tiếp xúc với dân đạo Hồi ở các hãn quốc, nên phái ông đi.

Mùa hè 1716, Tcherkassky bắt đầu cuộc hành trình. Ông xây lên hai pháo đài trên bờ đông Biển Caspi, từ lâu được xem là lãnh thổ của Hãn quốc Khiva. Mùa xuân 1717, Tcherkassky bắt đầu tiến đến Khiva, dù có tin Hãn vương bộ tộc này đang tức giận, đi qua vùng đất gần 500 kilômét không người ở, không có nước. Khi còn cách Khiva 160 kilômét, quân Hãn quốc Khiva chặn đánh nhưng Tcherkassky chiến thắng. Hãn vương Khiva

xin hòa hoãn; ông cùng các phụ lão còn tuyên thệ trước kinh Koran sẽ giữ lời. Rồi họ khuyên quân Nga chia ra thành 5 nhóm, mỗi nhóm được cho vào ở trong một thị trấn riêng biệt. Tcherkassky ngu xuẩn mà chấp nhận. Sau đấy quân Khiva tấn công từng thị trấn một, sát hại tất cả sĩ quan Nga, bắt binh sĩ Nga đem bán làm nô lệ và xử tử Tcherkassky.

Không thể tìm đường đi đến Ấn Độ qua Trung Á, Pyotr xoay qua cố mớ con đường đi qua Ba Tư. Ông muốn thuyết phục Hoàng đế Ba Tư cho chuyển việc buôn bán tơ lụa từ Ba Tư qua đường Astrakhan rồi đi đến Sankt-Peterburg thay cho con đường truyền thống qua Thổ đến Địa Trung Hải. Pyotr phái Artemius Volynsky dẫn đầu phái bộ để đạt thỏa thuận này, đồng thời để tìm hiểu "đế quốc Ba Tư thật sự, lực lượng, những pháo đài, những hạn chế", và cũng để xem "có con sông nào chảy từ Ấn Độ vào Biển Caspi hay không". Pyotr nghĩ việc này là không khó; quan hệ giữa ông và Hoàng đế Ba Tư vẫn luôn thân thiện.

Vào tháng 3/1717, Volynsky đi đến Isfahan, thủ đô cũ của Ba Tư, rồi bị Ba Tư bắt. Đấy không phải do hành vi của ông, mà vì Hoàng đế Ba Tư đã nghe chuyện Tcherkassky xây một số pháo đài dọc Biển Caspi rồi bị quân Khiva giết. Vì thế Ba Tư đã nhìn ra ý đồ của Pyotr là muốn do thám đất nước của họ. Để ngăn cản Volynsky dòm ngó và thu thập thông tin, Ba Tư giam lỏng ông này trong ngôi nhà ông đang cư ngụ.

Tuy bị hạn chế, Volynsky vẫn có thể nhận định về con người của Hoàng đế Ba Tư, "một người ngu xuẩn… tự mình không quyết định việc gì mà chỉ thông qua tể tướng còn ngu hơn bò nhưng vẫn được Hoàng đế lắng nghe mọi việc…".

Volynsky còn cố gắng đạt một hiệp ước thương mại, qua đấy thương nhân Nga được quyền mua bán tơ lụa khắp Ba Tư. Ông cũng thu thập đủ

thông tin để báo cáo cho Pyotr rằng Ba Tư đã quá suy yếu, nên Nga có thể chinh phục và khai thác.

Khi trở về, Volynsky được tưởng thưởng với chức vụ Thống đốc Astrakhan, và Đại tướng Tùy viên cho Sa hoàng. Ngoài việc cho biết một đoàn quân Nga nhỏ có thể đánh chiếm Ba Tư, Volynsky luôn tham mưu cho Pyotr rằng nếu Nga không chiếm lấy vùng này trước, Ottoman cũng sẽ chiếm. Pyotr trì hoãn quyết định vì còn bận bịu trong cuộc chiến với Thụy Điển. Thế rồi, gần đến lúc Nga ký hòa ước với Thụy Điển, một biến cố xảy ra khơi mào cho sự can dự của Nga. Một sắc tộc miền núi Caucasus vốn thân Nga mà chống lại Ba Tư, quyết định không thể chờ đợi được nữa, tràn xuống giết hại và cướp bóc vùng trọng điểm mậu dịch Shemaha của Ba Tư. Ban đầu, thương nhân Nga không lo ngại, được hứa là cửa hàng và nhà kho của họ sẽ không bị xâm phạm. Nhưng sắc tộc miền núi này lại giết bừa bãi vài người Nga và cướp đi nhiều hàng hóa của người Nga. Volynsky lập tức báo cáo cho Pyotr rằng đây là cơ hội tốt nhất cho Nga gửi quân đến Ba Tư với danh nghĩa bảo vệ công dân Nga và giúp Hoàng đế Ba Tư vãn hồi trật tự.

Volynsky cũng đề xuất giúp các hoàng thân theo đạo Kitô nổi dậy chống lại Ba Tư. Ở điểm này thì Pyotr ngần ngại, vì không muốn đi vào vết xe đổ trong chiến dịch Pruth ngày xưa (xem Chương 42). Ông chỉ muốn đạt các mục đích mậu dịch tơ lụa, đường bộ đi đến Ấn Độ và ổn định vùng dọc Biển Caspi cho thương nhân Nga buôn bán được an toàn. Vì thế, ông không muốn ra tuyên cáo dựa trên tôn giáo hoặc hành động như mình là người giải phóng.

Trong khi Pyotr chờ cho đến mùa xuân để hành động theo cách phù hợp hơn, tình hình mới ở Ba Tư khiến ông lo lắng. Hoàng đế Ba Tư bị bộ tộc

Afghan lật đổ, con trai thứ ba lên ngôi và đang tranh đấu chống lại người Afghan để giữ yên ngôi vị. Điều nguy hiểm là Ottoman đang lăm le lợi dụng thời cơ.

Tháng 5/1722, Pyotr Đại đế điều các lữ đoàn Cảnh vệ ở Moskva lên đường đi Astrakhan, dẫn theo Ekaterina, Đô đốc Apraksin và Tolstoy. Chuyến đi kéo dài vì Pyotr muốn dừng lại ở mỗi thị trấn để thị sát, xem xét mọi món vật mà ông quan tâm, đón nhận đơn thỉnh nguyện và hỏi han về những vấn đề hành chính và thu thuế địa phương. Tại Astrakhan, Pyotr phải mất một tháng để hoàn tất các bước chuẩn bị cuối cùng cho chiến dịch. Đoàn quân gồm có 61.000 người, kể cả 20.000 quân Cossack và 5.000 quân Kalmuck.

Ngày 18/7, Pyotr lên thuyền đi 360 kilômét dọc bờ tây của Biển Caspi, trong khi kỵ binh vượt qua vùng thảo nguyên bán hoang mạc. Đoàn thuyền đi trên sóng to, một tuần sau đổ bộ lên một vịnh nhỏ phía bắc thị trấn Derbent. Pyotr là người đầu tiên đi lên bờ, tuy ông ngồi trên một tấm ván được bốn thủy thủ khiêng lên. Ông lập tức truyền lệnh sĩ quan nào chưa tắm ở Biển Caspi thì phải thử cho biết. Vài sĩ quan lớn tuổi, không biết bơi, vẫn phải tuân lệnh tuy miễn cưỡng. Pyotr cũng vui vẻ xuống nước, nhưng thay vì bơi ông vẫn nằm trên tấm ván nổi trên mặt nước.

Khi kỵ binh Nga đến, dù cả người và ngựa đều khổ sở vì "nước thiếu và cỏ xấu", quân Nga tiên tiếp đến Derbent. Con đường chạy dọc bờ biển, phía trên là núi. Chỉ có một sự kháng cự nhỏ. Ba binh sĩ Cossack được Pyotr cử đi với một bức thư, nhưng bị dân địa phương sát hại, moi tim. Quân Nga trả đũa chớp nhoáng, thiêu rụi cả ngôi làng của dân địa phương.

Ở mọi nơi khác, Hoàng đế và Hoàng hậu nước Nga được tiếp đón như là thượng khách. Vị Hoàng thân Hồi giáo ở địa phương dẫn các bà vợ và

thứ phi đến thăm doanh trại Nga. Pyotr và Ekaterina dự lễ ở ngôi nhà thờ do Lữ đoàn Preobrazhenskoe dựng lên, sau đó mỗi người đặt một viên đá, rồi mỗi binh sĩ cũng đặt một viên đá, rốt cuộc thành một kim tự tháp để ghi dấu địa điểm bài thuyết giảng cho Hoàng đế Nga.

Mục tiêu quan trọng đầu tiên của Pyotr Đại đế là Thị trấn Derbent, được cho là do Alexander Đại đế thành lập. Derbent có tầm quan trọng về cả mặt quân sự lẫn thương mại: có vị trí chiến lược trên đường bắc-nam dọc bờ tây Biển Caspi. Ở đây, núi kéo dài gần biển nhất, vì thế thị trấn tọa lạc ở con đường hẹp này không chế tất cả đường di chuyển của quân đội hoặc thương nhân. Derbent đầu hàng quân Nga mà không kháng cự gì, thậm chí vị tổng trấn còn trao tặng chìa khóa vàng của thị trấn cho Sa hoàng.

Mục tiêu kế tiếp của Pyotr Đại đế là Thành phố Baku, cách 240 kilômét về phía Nam, vì ông muốn thành lập ở đây một thành phố thương mại mới làm trung gian giữa Ấn Độ, Ba Tư, Nga.

Tuy nhiên, Pyotr không được toại nguyện. Tổng trấn Baku từ chối việc Nga thiết lập doanh trại quân đội Nga ở đây, có nghĩa là Nga chỉ có thể dùng vũ lực nếu muốn hiện diện ở Baku. Dù đoàn quân Nga đủ mạnh để trấn áp bất kỳ sự kháng cự nào, Pyotr lo lắng về mặt hậu cần. Thuyền tiếp vận từ Astrakhan có thể bị bão tố trên Biển Caspi nên không thể đến Baku, và nguồn lực địa phương không đủ cung ứng cho quân Nga. Hơn nữa, cái nóng trong tháng 8 đang khiến quân Nga suy yếu, binh sĩ Nga ăn quá nhiều trái cây địa phương đến nỗi bị bệnh. Cả Hoàng đế và Hoàng hậu đều cạo đầu để đỡ nóng ban ngày, lấy khăn trùm đầu cho đỡ lạnh ban đêm.

Hoàng hậu còn lo cho binh sĩ hơn là người chồng, thậm chí một lần còn dám làm ngược lại quân lệnh của ông. Hoàng đế đã ra lệnh quân đội di chuyển rồi trở vào lều của ông mà ngủ. Khi thức dậy, ông thấy họ vẫn còn ở

trong doanh trại. Ông tức giận hỏi tướng nào đã làm trái lệnh của ông. Ekaterina đáp: "Chính tôi, bởi vì binh sĩ của ông có thể chết vì nóng bức và khô khát".

Khi điểm qua tình hình đoàn quân Nga, Pyotr cảm thấy bất an. Ông đang ở cách hậu phương Astrakhan quá xa, tuyến hậu cần đường biển không ổn định, một số bộ lạc sông trên những triền núi gần đấy có khả năng trở nên thù địch, và luôn có nguy cơ là quân Ottoman tiến vào để bảo vệ những quyền lợi của họ ở đây. Pyotr không muốn lặp lại như ở chiến dịch Pruth. Thế nên ông quyết định dẫn quân Nga rút về nước, chỉ để lại một doanh trại ở Derbent.

Pyotr trở về Astrakhan vào ngày 4/10/1722. Ông lưu lại đây một tháng lo chăm sóc cho binh sĩ, chữa trị thương binh và chuẩn bị khu trú đông. Một phần thời gian ở đây, ông bị bệnh nặng về đường tiết niệu. Trước khi rời Astrakhan, ông vạch rõ rằng dù đã rút ngắn chiến dịch mùa hè này, ông không từ bỏ tham vọng ở Biển Caspi.

Tháng 11/1722, Pyotr phái một lực lượng lục quân và hải quân kết hợp đánh chiếm cảng Resht (hoặc Rasht, giờ thuộc về Iran) trên bờ nam của Biển Caspi.

Tháng 7 năm sau, Nga chiếm được Baku, qua đấy kiểm soát toàn bờ tây Biển Caspi. Hoàng đế Ba Tư giờ đã trở nên bất lực, nên sau một cuộc đàm phán, Ba Tư nhượng cho Nga Derbent cùng với ba tỉnh dọc bờ đông của vùng Caucasus. Pyotr Đại đế giải thích với đại sứ Ba Tư rằng, nếu Ba Tư không nhượng các tỉnh này cho Nga - vốn vẫn muốn thân thiện với Ba Tư - chắc chắn Ottoman sẽ vào chiếm. Phía Ba Tư không có vị thế để chống lại luận cứ này.

Sự tan rã của Ba Tư và chiến dịch của Nga dọc Biển Caspi một lần nữa khiến cho Nga và Ottoman đối đầu. Sultan chấp nhận Nga chiếm các tỉnh Ba Tư dọc Biển Caspi, nhưng không muốn Nga tiến xuống Biển Đen vốn luôn được xem là nằm trong lãnh thổ của họ. Rốt cuộc, Nga và Ottoman đạt thỏa thuận để chia nhau các tỉnh của Ba Tư. Tuy nhiên, Ba Tư không chấp nhận thỏa thuận này và vẫn thỉnh thoảng chiến đấu với cả Nga và Ottoman.

Năm 1732, Nữ Hoàng đế Anna chán ngán vì những tổn hại liên tục ở vùng này (khoảng 15.000 quân Nga chết mỗi năm vì bệnh tật do phong thổ lạ), nên trả lại các tỉnh ven Biển Caspi cho Ba Tư.

Phải đợi đến năm 1813, dưới triều đại của Aleksandr I, Ba Tư mới vĩnh viễn nhượng cho Nga các lãnh thổ dọc bờ Biển Caspi mà Pyotr Đại đế đã đi qua trong chiến dịch cuối cùng của ông.

196. “Cathay” là tên do nhà thám hiểm Marco Polo đặt cho miền bắc Trung Hoa thời bấy giờ. “Cathay” được cho là biến thể của Khiết Đan, tên một bộ tộc lập nên nước Liêu ở miền Bắc Trung Hoa. (ND)

63 CHIỀU TÀ BÓNG XẾ

Vào tháng 11/1722, Pyotr Đại đế cùng Ekaterina lên đường trở về Moskva, rồi tham gia vào những lễ hội mùa đông. Trong một tuần lễ, đoàn diễu hành bằng xe trượt tuyết được tổ chức rộn ràng hơn những năm trước, với đoàn xe chở các Hồng y, theo sau là Giáo hoàng giả, rồi đến các giám mục ra dấu ban ơn phước cho đám đông dự khán. Ekaterina hóa trang làm một nông dân, theo sau là thị nữ của bà hóa trang làm người da đen. Tiếp theo là các đại thần ăn mặc giả làm người Đức, Ba Lan, Trung Hoa, Ba Tư, Siberia…

Vào đầu tháng 3/1723, trước khi rời Moskva đi Sankt-Peterburg, Pyotr Đại đế mời thân hữu của mình tham dự một quang cảnh gây kinh ngạc cho mọi người: đốt cháy ngôi nhà gỗ ở Preobrazhenskoe, nơi ông đã bí mật trù hoạch cuộc chiến chống Thụy Điển. Pyotr tự tay rắc hóa chất cháy có màu và pháo bông rồi châm lửa đốt trụi ngôi nhà. Nhiều tiếng nổ nhỏ phát ra và những ngọn lửa mang nhiều màu rực rỡ bốc lên, và trong một khoảnh khắc, khung gỗ của ngôi nhà in bóng đen trong bức cầu vồng sáng chói. Sau đấy, khi ngôi nhà chỉ còn là đống tro tàn, Pyotr Đại đế quay qua Quận công Karl Friedrich, cháu gọi Vua Karl XII bằng cậu, nói:

Đây là hình ảnh của chiến tranh: những chiến công hiển hách được nối tiếp bởi sự tàn phá. Nhưng cùng với sự thiêu rụi của ngôi nhà trong

đó tôi đã đề ra những kế hoạch đầu tiên chống Thụy Điển, tôi cầu cho tất cả ý nghĩ thù địch với Thụy Điển cũng tàn lụi theo, và mong vương quốc này mãi mãi sẽ là đồng minh trung thành nhất của đế quốc tôi.

Trong những tháng ấm áp, Pyotr Đại đế dành nhiều thời giờ cư ngụ ở Peterhof. Nghe theo lời khuyên của bác sĩ, ông uống nước khoáng và vận động cơ thể, kể cả việc cắt cỏ và mang ba lô đi bộ đường dài. Nhưng đi thuyền vẫn là thú vui quan trọng nhất của ông.

Vào tháng 7/1723, cả triều đình - kể cả Hoàng tẩu quả phụ Praskovaya - cùng với Pyotr Đại đế dời đến Reval, nơi ông đã ra lệnh xây một cung điện màu hồng cho Ekaterina và một ngôi nhà nhỏ cho riêng ông. Cung điện của Ekaterina được bao quanh bởi hoa viên rộng rãi cùng đài phun nước, hồ nước và tượng điêu khắc, nhưng khi Pyotr Đại đế đi dạo, ông ngạc nhiên thấy không có ai khác. Ông nhanh chóng hiểu ra rằng lính canh đã được lệnh khóa cổng không cho công chúng vào. Pyotr lập tức truyền hủy bỏ lệnh cũ, giải thích rằng ông không hề muốn xây dựng một hoa viên rộng lớn như thể để chỉ dành riêng cho vợ chồng ông. Ngày hôm sau, binh sĩ đánh trống được phái đi khắp thành phố để thông báo rằng khu hoa viên được mở cửa cho tất cả mọi người.

Tháng 8, Pyotr Đại đế trở về từ cuộc tập trận hạm đội trên Biển Baltic để tham dự một buổi lễ tôn vinh chiếc thuyền nhỏ mà ngày xưa ông tìm thấy khi đã mục nát rồi sửa sang lại và chèo trên Sông Yauza (xem Chương 6). Bây giờ được gọi là "Ông tổ của Hải quân Nga", chiếc thuyền được đưa đến Kronstadt. Tại đây, Pyotr Đại đế bước lên chiếc thuyền, kéo lên hiệu kỳ của hoàng đế và cầm bánh lái cùng bốn đô đốc cầm dầm chèo, chiếc thuyền lướt ra trước 24 chiến hạm Nga cùng với 200 thuyền galê thả neo theo

hàng. Theo hiệu lệnh của Pyotr Đại đế, tất cả tàu thuyên đều bắn đại bác chào mừng, và chẳng bao lâu một làn khói dày đặc lan trên mặt nước, người ta chỉ thấy những phần cao nhất của những con tàu lớn nhất.

Tiếp theo là một tiệc chiêu đãi kéo dài 10 tiếng đồng hồ, và Pyotr tuyên bố rằng quan khách nào không say ngày này thì không đáng làm bạn với ông. Các phụ nữ đều nán lại; hai công chúa trẻ Anna và Elizaveta cũng ở lại để trao những cốc rượu vang Hungary. Các vị khách quan trọng đều ngà ngà, ôm nhau, hôn nhau, rồi sau đấy cãi vã và thụi nhau. Ngay cả Pyotr Đại đế lúc này uống rượu ít hơn thời trai trẻ, cũng uống nhiều cốc.

Vào mùa hè, một buổi diễu hành hóa trang công cộng được tổ chức để kỷ niệm năm thứ hai của hòa ước ký với Thụy Điển. Pyotr ban đầu ăn mặc giả làm hồng y Thiên Chúa giáo, rồi làm mục sư Tin Lành, và cuối cùng là lính đánh trống. Đấy là lễ hội cuối cùng dành cho Hoàng tẩu quả phụ Praskovaya, vì không lâu sau đấy bà qua đời.

Để phục hồi sức khỏe sau những chầu say xỉn, Pyotr Đại đế uống loại nước khoáng chứa nhiều chất sắt. Không phải ai cũng đồng ý với ông, cho rằng tiếp tục uống loại nước chứa nhiều sắt có thể làm hại cho sức khỏe thay vì có công dụng trị liệu. Dù tuổi đã cao, Pyotr Đại đế vẫn làm việc ở máy tiện vài giờ mỗi ngày, tạo ra những vật dụng bằng gỗ và ngà. Khi cảm thấy khỏe, ông đi làm việc tại những lò rèn quanh vùng.

Hai cô con gái lớn của Pyotr Đại đế đang đến tuổi thành hôn: năm 1722, Anna được 14, và Elizaveta 13 tuổi. Cũng như những quân vương nhạy cảm khác, Pyotr Đại đế đang nhắm đến những cuộc hôn nhân nhằm củng cố mối quan hệ ngoại giao của mình. Từ lúc đi thăm viếng nước Pháp, ông đã đặt hy vọng gả một trong các cô con gái - có thể là Elizaveta - cho Hoàng đế Pháp. Việc này không những sẽ tăng uy thế của Nga, mà còn biến Pháp trở

thành một đồng minh hữu ích ở Tây Âu để làm đối trọng với Anh. Nếu cuộc hôn nhân với Hoàng đế Pháp không thành, Pyotr hy vọng ít nhất có thể gả Elizaveta cho một Hoàng tử Pháp trong vương gia, và đưa hai người làm vua và hoàng hậu của Ba Lan. Ngay sau khi ký hòa ước với Thụy Điển và được tôn vinh làm Hoàng đế Nga, Pyotr đưa đề nghị qua phía Pháp.

Phụ chính Philippe d'Orleans của Pháp cảm thấy hấp dẫn với đề nghị của Pyotr. Ba Lan sẽ là một đồng minh hữu ích cho Pháp phía sau Áo. Nhưng ông có vài suy nghĩ: Ekaterina có gốc gác không rõ ràng, tấm màn bí mật bao quanh hôn lễ của bà với Pyotr đặt dấu hỏi về tính hợp pháp. Nhưng rốt cuộc ông vượt qua được nỗi băn khoăn này, và đề nghị chàng rể phù hợp nhất - sẽ làm vua Ba Lan sau này - chính là con trai của ông, Công tước de Chartres. Pyotr hài lòng với đề nghị này.

Không may cho hai bên, có một ngáng trở quan trọng mà họ không thể kiểm soát: Augustus, lúc này 53 tuổi và đang đau yếu, vẫn đang ngự trên ngai vàng Ba Lan. Dù ông và Pyotr bây giờ không phải là đồng minh và cũng không phải là thù địch, Pyotr không có ý định đẩy Augustus ra khỏi ngai vàng. Vì thế, Pyotr Đại đế đề nghị Công tước de Chartres cưới ngay con gái của mình, rồi đợi cho ngai vàng Ba Lan trống chỗ mới làm vua. Bên Pháp muốn Công tước de Chartres lên ngôi vua Ba Lan trước rồi cử hành hôn lễ sau, nhưng Pyotr không muốn chờ. Ông hỏi: Nếu Augustus sống thêm 15 năm, thì sẽ tính thế nào? Sự thật sau này là: Augustus sống tiếp 10 năm, qua đời năm 1733.

Bên Pháp bằng lòng xúc tiến hôn nhân ngay, nhưng lần này bị chống đối bởi kẻ thù cũ của Pyotr: Vua George I của Anh. Pháp đã gây dựng quan hệ hữu nghị với Anh thân thiện đến mức giờ đây Anh không có đại diện ngoại giao ở Nga. George I không muốn thấy ảnh hưởng của Nga mạnh

thêm. Năm 1723, vị Phụ chính Pháp qua đời, Hoàng đế Louis XV trị vì thực thụ. Công chúa Elizaveta không bao giờ kết hôn chính thức (có lẽ kết hôn bí mật với người tình Aleksei Razhumovsky, từ dân thường được cô cất nhắc lên tước vị bá tước).

Kế hoạch hôn nhân của cô con gái lớn, Công chúa Anna, đạt kết quả tốt hơn. Nhiều năm trước, Goertz đã khơi mào ý tưởng cuộc hôn nhân giữa Anna và quân vương của mình, Quận công Karl Friedrich Xứ Holstein-Gottorp, người có khả năng lên ngôi vua Thụy Điển. Năm 1721, Karl Friedrich đã bí mật đến Nga để xin Pyotr ủng hộ cho mình lên làm vua Thụy Điển. Nữ hoàng Ulrika của Thụy Điển thấy sự hiện diện của Karl Friedrich ở Sankt-Peterburg hàm chứa mối đe dọa, vì thế tiến nhanh đến việc ký hòa ước với Nga trong đấy có một điều khoản là Nga đảm bảo không ủng hộ Quận công lên làm vua Thụy Điển[197]. Karl Friedrich vẫn lưu lại Nga, tham dự tất cả nghi lễ công cộng, và triều đình nhỏ của anh thu hút một số cựu tù binh của Thụy Điển giờ đã cưới vợ Nga nhưng bị cấm mang vợ về nước. Họ gặp nhau bên ly vodka, và đứa cháu trước kia đã từng chiến đấu bên cạnh người cậu Karl XII và khóc than khi ông qua đời, giờ đây chỉ còn là con bài ngoan ngoãn trong tay triều đình Nga.

Nhưng Karl Friedrich vẫn nuôi hy vọng cưới được Anna. Hy vọng càng cao vào năm 1724, khi liên minh phòng thủ Nga-Thụy Điển được ký kết. Quận công được Thụy Điển ban tước vị Hoàng tử và cấp lương bổng; còn Nga và Thụy Điển thỏa thuận sẽ khuyến dụ Đan Mạch trả lại lãnh thổ Holstein-Gottorp cho Thụy Điển để Quận công có đất mà cai trị. Rốt cuộc, hôn lễ giữa Karl Friedrich và Anna được cử hành.

Anna chỉ sống được thêm 4 năm sau khi kết hôn, qua đời lúc mới 20 tuổi. Nhưng định mệnh khiến cho cô và chồng cô tiếp tục ở trong thứ tự lên

ngôi của Nga. Một thời gian ngắn trước khi qua đời, Anna sinh hạ một trai, được đặt tên là Karl Ulrich Pyotr. Năm 1741, khi cậu bé này lên 13, người dì của cậu lên ngôi, trở thành Nữ Hoàng đế Elizaveta. Vì không kết hôn và cần chỉ định người kế vị, Elizaveta ra lệnh đưa người cháu đến Nga và đổi tên là Pyotr Fyodorovich. Năm 1762, khi Elizaveta qua đời, người cháu lên ngôi, trở thành Hoàng đế Pyotr III của Nga. Sáu tháng sau, anh bị cô vợ người Đức hạ bệ và giết chết[198]. Cô này được tấn phong làm Nữ Hoàng đế Ekaterina II, và được thế giới biết đến dưới danh hiệu "Ekaterina the Great" - Ekaterina Nữ Đại đế.

Các hậu duệ của Pyotr III và Ekaterina Nữ Đại đế của vương triều tuần tự lên ngai vàng nước Nga cho đến năm 1917. Trong số tổ tiên của họ có Karl Friedrich, cháu gọi Vua Thụy Điển Karl XII bằng cậu. Vì thế, dù Karl XII là kẻ thù cũ của Nga, vương triều Nga sau này cho đến năm 1917 đều mang một phần huyết thống dòng ngoại của ông.

Nỗ lực của Pyotr Đại đế muốn gả các cô con gái cho nước ngoài hàm ý ông không định đưa cô nào lên kê vị. Thật ra, cho đến lúc này chưa bao giờ có phụ nữ ngự trên ngai vàng nước Nga. Nhưng sau cái chết của Pyotr Petrovich năm 1719, chỉ còn lại một hoàng nam trong vương triều: Pyotr Alekseyevich, con của Hoàng Thái tử Aleksei. Nhiều người Nga xem hoàng tử này là người kế vị ngai vàng hợp pháp, và Pyotr Đại đế hiểu rõ rằng những người thiên về truyền thống xem đây là niềm hy vọng cho tương lai. Pyotr Đại đế muốn xóa đi niềm hy vọng này.

Nhưng nếu Pyotr Alekseyevich không lên ngôi, thì là ai? Càng nghĩ về vấn đề này, Pyotr Đại đế càng hướng đến người thân cận nhất của ông: Hoàng hậu Ekaterina. Qua nhiều năm tháng, niềm đam mê lúc trước đối với cô gái giản đơn, khỏe mạnh đã chín muồi thành tình yêu, sự tin tưởng và

mãn nguyện. Ekaterina có nguồn năng lượng mạnh mẽ và tính dễ thích ứng; dù thích hưởng thụ xa hoa bà vẫn tỏ ra vui vẻ khi chịu cực khổ. Bà tháp tùng Pyotr trong những chuyến đi ngay cả khi mang thai. Họ được kết nối trong nguồn vui qua những cô con gái và chia sẻ nỗi đau thương khi nhiều đứa trẻ qua đời. Họ vui vẻ khi gần bên nhau và buồn rầu khi xa nhau.

Một lần, khi Pyotr đi chiến dịch phải vắng nhà một thời gian, Ekaterina chuẩn bị cho ông sự ngạc nhiên. Biết rằng ông thích xây cất dinh thự mới, bà ra lệnh bí mật xây một cung điện đồng quê, cách Sankt-Peterburg hơn 20 kilômét về hướng tây nam. Cung điện được xây băng đá, gồm 2 tầng, xung quanh là vườn hoa và cây ăn trái, tọa lạc trên một ngọn đồi nhìn xuống khoảng bình nguyên mênh mông trải dài đến Sông Neva và thành phố Sankt-Peterburg. Khi Pyotr trở về, Ekaterina thông báo cho ông biết rằng minh vừa tìm được một vị trí nên thơ trống trải nơi mà Hoàng thượng sẽ không lấy làm phiền hà xây một ngôi nhà thôn dã nếu muốn, nhưng xin Ngài chịu khó đi xem". Pyotr lập tức hứa sẽ đi và xây bất kỳ ngôi nhà nào theo ý bà thích "nếu vị trí đúng như mô tả của nàng."

Sáng ngày kế, một đoàn đông đảo lên đường, theo sau là xe goòng chở cái lều nói là để căng ra che nắng cho bữa ăn trưa. Khi đến chân một ngọn đồi, con đường đi lên dốc, và khi đến cuối con đường hai bên trồng cây che bóng mát, thình lình Pyotr trông thấy ngôi nhà. Ông vẫn còn kinh ngạc khi đến trước thềm cửa ngôi nhà và Ekaterina nói với ông: "Đây là ngôi nhà thôn dã mà thiếp đã xây cho quân vương của thiếp." Pyotr vui sướng cùng cực và dịu dàng ôm lấy bà vợ, nói: "Ta biết nàng muốn cho ta thấy rằng có những cảnh quan đẹp đẽ xung quanh Sankt-Peterburg dù không phải ở trên mặt nước." Ekaterina dẫn ông đi xem qua các nơi trong ngôi nhà, rồi đi đến phòng ăn rộng, nơi đã đặt sẵn một bàn tiệc thịnh soạn. Ông chúc mừng bà

vợ về chất lượng kiến trúc, và Ekaterina chúc mừng chủ nhân của ngôi nhà mới. Một việc khiến cho Pyotr thêm ngạc nhiên và thích thú là, khi họ vừa chạm cốc, 11 khẩu đại bác ẩn giấu trong khu hoa viên bắn ra một loạt đạn chào mừng. Khi màn đêm buông xuống, Pyotr nói ông không thể nhớ ra có ngày nào ông cảm thấy hạnh phúc như ngày này.

Theo thời gian, khu gia cư ở đây được biết đến dưới cái tên Tsarskoe Selo - Ngôi làng của Sa hoàng. Sau này, Nữ Hoàng đế Elizaveta cho xây thêm ở đây Cung điện Ekaterina, được đặt tên theo bà mẹ, Nữ Hoàng đế Ekaterina I. Cung điện Ekaterina vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay.

Pyotr càng tôn trọng và yêu quý người vợ hơn khi Ekaterina tháp tùng ông trong hai chiến dịch Pruth và Ba Tư. Bà đã mang danh hiệu hoàng hậu với tư cách là vợ của hoàng đế nhưng bây giờ, khi ông đối diện với tương lai không có con trai, ông muốn đi xa hơn. Bước đầu, trước khi ông và Ekaterina lên đường đi chiến dịch Ba Tư, là ban hành chỉ dụ về quyền kế vị. Chỉ dụ này bãi bỏ truyền thống kế vị của con trai Sa hoàng. Kể từ nay, mỗi quân vương tại vị có toàn quyền chỉ định người kế vị. Chỉ dụ cũng đòi hỏi quan chức và thần dân tuyên thệ chấp nhận người do Hoàng đế chỉ định.

Dù có tính cách mạng, chỉ dụ tháng 2/1722 chỉ là bước đầu dẫn đến động thái gây chấn động: ngày 15/11/1723 Pyotr Đại đế tuyên cáo rằng ông chính thức ban tước vị Nữ Hoàng đế cho Ekaterina. Pyotr Đại đế đã có một quyết định nguy hiểm. Ekaterina lúc trước là một người hầu gốc Litva bị Nga bắt. Liệu bà có thể mang vương miện mà ngự trên ngai vàng nước Nga? Dù bà không được chỉ định rõ ràng như thể trước lễ đăng quang của bà, Pyotr Đại đế đã nói với vài thượng nghị sĩ và lãnh đạo tôn giáo rằng Ekaterina được đăng quang để có quyền cai trị đất nước. Ông chờ xem có ai phản đối; ông không nghe ai nói gì.

Lễ đăng quang cho Ekaterina được tổ chức theo nghi thức lộng lẫy nhất. Tuy luôn dè sẻn với tất cả chi tiêu cho riêng mình, Pyotr ra lệnh không tiết kiệm khoản nào cho lễ đăng quang này, được tổ chức không phải ở Sankt-Peterburg mà trong Khu Kremlin, theo truyền thống dành cho những Sa hoàng ngày xưa. Thượng viện, Công đồng giáo hội, tất cả quan chức và các nhà quý tộc các cấp đều nhận lệnh phải tham dự.

Sáng sớm ngày 7/1/1724, một loạt đạn đại bác bắn ra từ Kremlin báo hiệu buổi lễ bắt đầu. Đám rước bên ngoài Kremlin gồm 10.000 quân Cảnh vệ Hoàng gia và đội kỵ binh, mà những thương nhân ở Moskva ngắm nhìn với nỗi bất mãn vì ngựa của họ đã bị trưng dụng cho buổi lễ. Lúc 10 giờ sáng, khi mọi quả chuông nhà thờ ở Moskva đồng loạt ngân vang và mọi khẩu pháo trong thành phố bắn chào mừng, Pyotr Đại đế và Ekaterina xuất hiện ở bậc trên cùng của Cầu thang Đỏ, theo sau là tất cả đại thần, thượng nghị sĩ, tướng lĩnh. Hai vợ chồng đứng đúng nơi mà, 42 năm trước, cậu bé Pyotr lên 10 và mẹ cậu đã đứng nhìn xuống đám Cấm vệ phản loạn. Rồi họ bước xuống các bậc của Cầu thang Đỏ, đi qua Quảng trường Đỏ và bước vào Thánh đường Thăng thiên. Hai chiếc ngai cẩn đá quý đã được đặt sẵn cho hai người.

Khi bước qua cửa chính của Thánh đường, Yavorsky, Giám hộ Tạm thời của Chính Thống giáo, và Tổng Giám mục Feofan Prokopovich cùng các nhà lãnh đạo tinh thần trong trang phục giáo sĩ đón tiếp hai người rồi đưa họ vào bên trong. Trong buổi lễ, Pyotr đứng dậy, và Yavorsky trình cho ông chiếc vương miện. Pyotr nhận lấy, quay sang cử tọa, cất cao lời tuyên bố đăng quang. Tự tay Pyotr đặt chiếc vương miện lên đầu Ekaterina. Pyotr trao cho Ekaterina quả cầu cắm thánh giá, nhưng - trong một động tác có ý

nghĩa đặc biệt - tay ông vẫn cầm lấy vương trượng biểu trưng cho quyền lực tuyệt đối.

Khi Pyotr đặt chiếc vương miện lên đầu Ekaterina, bà chảy nước mắt vì xúc động, quỳ trước mặt ông và định hôn bàn tay ông. Nhưng ông bước tránh ra, và khi bà định ôm lấy chân ông, ông nâng bà đứng lên.

Sau buổi lễ, Pyotr trở về cung điện, Ekaterina đội vương miện dẫn đầu đám rước đi từ Thánh đường Thăng thiên đến Thánh đường Arkhangelsk Mikhail để cầu nguyện kế nơi an nghỉ của các Sa hoàng nước Nga, như theo truyền thống. Các tiệc chiêu đãi và ăn mừng tiếp diễn ở Moskva trong nhiều ngày.

Không có quy định rõ ràng về quyền hạn của Ekaterina và ý định của Pyotr Đại đế. Với dấu hiệu cho thấy Ekaterina có một ít quyền hạn, Pyotr cho phép bà phong bá tước cho Pyotr Tolstoy, và tước vị này được truyền cho đến nhà văn nổi tiếng Lev Tolstoy. Ekaterina cũng phong Yaguzhinsky Hiệp sĩ Huân chương Sankt-Andrei, và ân xá cho Hoàng thân Vasily Vladimirovich Dolgorukov, bị kết tội sau vụ tai tiếng của Hoàng Thái tử Aleksei. Nhưng quyền hạn của Ekaterina trong những vụ việc tương tự khác bị giới hạn. Bà xin ân xá cho Shafirov, nhưng không được chấp thuận. Không ai biết chắc Pyotr có ý định như thế nào. Có lẽ ông vẫn chưa quyết định rõ ràng ngay cả khi đang hấp hối. Nhưng có điều chắc chắn rằng ông muốn đảm bảo địa vị quan trọng của Ekaterina - có lẽ để làm phụ chính cho một trong các con gái của ông. Pyotr thừa hiểu rằng không thể ban phát ngai vàng cho bất cứ ai như là phần thưởng của lòng trung thành và thương yêu. Người mang vương miện phải có năng lực, óc khôn ngoan và kinh nghiệm. Ekaterina có phẩm chất: theo chiều hướng khác.

Sau lễ đăng quang, con đường dẫn đến quyền lực đã được mở ra trước mặt Ekaterina. Tuy vậy, chỉ vài tuần sau, Ekaterina bị đẩy đến bờ vực nguy cơ khiến cho bà thân bại danh liệt. Trong số thị thần của Ekaterina có Wilhelm Mons, em trai của Anna Mons - là người tình của Pyotr 25 năm trước. Anh chàng người Đức hào hoa, vui vẻ, tinh khôn, đầy tham vọng và cũng là kẻ cơ hội đã chọn người chủ một cách khôn ngoan, cúc cung tận tụy rồi leo lên chức vụ thị thần và bí thư tin cậy của Ekaterina. Người chị của Mons, Matrena, cũng đạt thành công tương tự: cưới Thiếu tướng Fyodor Balk, Tổng trấn Riga, trong khi chính cô cũng là thị nữ và người thân cận nhất của Ekaterina.

Dần dà, dựa trên vai trò hỗ trợ Hoàng hậu và chăm lo cho những quyền lợi của bà, hai chị em âm mưu với nhau nhằm kiểm soát lối tiếp cận đến Ekaterina. Họ kiểm soát báo cáo và đơn thỉnh nguyện trước khi trình lên Ekaterina. Bộ trưởng chính phủ, đại sứ nước ngoài, thậm chí hoàng thân nước ngoài và thành viên của gia đình Hoàng đế tìm đến anh Wilhelm Mons người Đức với bản thỉnh nguyện trong một tay và khoản hối lộ trong tay kia. Nạn nhân của họ gồm những nhân vật cao cấp như Hoàng tẩu Praskovaya và các công chúa con gái của bà, Quận công Holstein-Gottorp, Hoàng thân Menshikov, Hoàng thân Repnin, và bá tước Pyotr Tolstoy… cho đến nông dân đáng lẽ phải quay về quê quán nhưng hối lộ Mons để được ở lại Sankt-Peterburg. Ngoài tiền hối lộ, hai chị em còn nhận nhiều bất động sản, gia nô và tiền bạc trực tiếp từ Ekaterina.

Có lời đồn râm ran - mà Pyotr không được nghe - cho rằng Mons là người tình của Ekaterina. Dù có nhiều mẩu chuyện kể, không có bằng chứng xác đáng nào được đưa ra. Tố chất của Ekaterina ngược lại các lời đồn đại. Bà là người hào phóng, có lòng nhân ái, cục mịch nhưng thông

minh. Bà hiểu rõ Pyotr. Ngay cả nếu bà có trở nên lạnh nhạt với Pyotr (điều này khó xảy ra vì ông vừa làm lễ đăng quang cho bà), chắc chắn bà phải hiểu rằng không thể giữ bí mật chuyện tình ái với Mons, và bà biết rõ hậu quả sẽ thảm khốc như thế nào khi bị phát giác. Mons có thể mơ tưởng đến bà, nhưng bà khó mà dám phiêu lưu với Mons.

Ngay cả khi không có tội lỗi tày đình kia, điều lạ lùng là trong thời gian dài Pyotr không hay biết gì về tội tham nhũng của Mons nhưng mọi người ở Sankt-Peterburg đều biết. Đây là dấu hiệu sau này ông trở nên yếu đuối, phần lớn do bệnh tật. Khi Pyotr Đại đế biết được sự thật, ông lấy ngay quyết định. Không rõ chính xác ai đã nói cho Pyotr biết. Nhiều người tin rằng đấy là Yaguzhinsky, người đã bị Mons nhũng nhiễu. Người khác cho biết đấy là một trong những người dưới quyền Mons. Một khi đã biết được, động thái đầu tiên của Pyotr Đại đế là ra lệnh cấm mọi người xin ân xá cho các phạm nhân.

Buổi tối 8/11, Pyotr trở về cung điện mà không lộ vẻ gì tức giận, ăn tối với Ekaterina và các con gái, trò chuyện bông lơn với Wilhelm Mons, rồi bảo mọi người đi nghỉ. Mons trở về nhà, thay y phục và đang hút ống vố trước khi đi ngủ thì bị bắt vì tội tham nhũng. Giấy tờ của Mons bị tịch thu, nhà của Mons bị niêm phong, và riêng Mons bị dẫn đi trong tư thế bị xiềng.

Ngày hôm sau, Mons được dẫn vào giáp mặt với Pyotr Đại đế. Theo biên bản hỏi cung chính thức ghi lại, Mons quá kinh hãi đến nỗi ngất đi. Khi tỉnh lại, anh khai ra tất cả. Anh thú tội nhận hối lộ, bỏ nguồn thu từ bất động sản của Ekaterina vào túi mình, và người chị Matrena Balk cũng có liên can. Anh không nói gì đến mối quan hệ với Ekaterina vì không được tra hỏi - thêm bằng có cho thấy các lời đồn đại dường như là vô căn cứ. Pyotr Đại đế cũng không ra lệnh hỏi cung trong vòng bí mật. Ngược lại, ông còn

ra lệnh người nào đã hối lộ cho Mons hoặc biết gì về những chuyện như thế phải khai báo. Trong hai ngày, mõ tòa đi khắp đường phố Sankt-Peterburg loan báo mệnh lệnh trên, và cảnh cáo hình phạt nặng cho những ai giấu giếm thông tin.

Số phận của Mons đã khép lại: bất kỳ một lời cáo buộc nào cũng đủ để kết án anh. Ngày 14/11, anh bị kết án tử hình. Nhưng Ekaterina không chịu tin rằng anh sẽ bị thi hành án. Tự tin mình có uy quyền để gây ảnh hưởng lên ông chồng, bà gửi tin nhắn đến người chị Matrena Balk rằng không nên lo lắng, rồi đi gặp Pyotr để xin ân xá cho anh thị thần đẹp trai. Trong việc này, bà đã phán đoán sai lạc về chồng mình. Cơn giận dữ đã từng tuyên án tử hình Gagarin (Thông đốc Siberia), và Nesterov (Biện lý Trưởng), cũng như đã từng làm nhục Menshikov và Shafirov, thì bây giờ không thể tha mạng sống cho Wilhelm Mons.

Ngày 16/11/1724, Wilhelm Mons và Matrena Balk bị mang ra bãi thi hành án. Mons tỏ ra can đảm, gật đầu và cúi chào những người bạn anh nhận ra trong đám đông. Bước lên giàn xử, anh bình tĩnh cởi chiếc áo khoác ra, nghe tuyên bản án rồi kê đầu lên tâm thớt đề bị chặt đầu. Người chị bị đánh 11 roi, chủ ý đánh nhẹ để không gây thương tích, rồi bị đày đi Siberia. Chồng của cô, Thiếu tướng Fyodor Balk, được phép kết hôn lần nữa nếu muốn.

Đương nhiên là vụ việc gây căng thẳng giữa Pyotr và Ekaterina. Dù cả Mons và chị anh ta không hề nhắc đến tên của Ekaterina, và không ai dám tố cáo chính bà nhận hối lộ, số đông tin rằng bà biết Mons đang làm gì và đã phớt lờ. Bản thân Pyoto Đại đế dường như cũng liên kết bà với Mons: trong ngày xử tội ông ra tuyên cáo cho tất cả quan chức triều đình. Tự tay viết, Pyotr Đại đế tuyên cáo rằng vì lý do hậu cung của Nữ Hoàng đế xảy ra

những vụ lạm dụng mà bà không biết, nay nan tất cả quan chức tuân theo mệnh lệnh hoặc đề xuất của bà trong tương lai. Cùng lúc, bà mất quyền quản lý những sự vụ tài chính của mình.

Ekaterina đón nhận những biến cố này một cách can đảm. Bà cố kiềm chế mọi cảm xúc, biết rằng nếu có tỏ lộ gì sẽ gây nguy hiểm cho mình. Nhưng bà không dễ dàng tha thứ cho Pyotr. Một tháng sau vụ hành hình, hai người ít nói chuyện, và họ không còn ngồi ăn chung, ngủ chung với nhau. Đến giữa tháng 1/1725, mối căng thẳng giảm bớt, và bà làm lành lại với chồng.

Người ta không hề rõ việc dàn hòa này được vĩnh viễn hay không. Trong thời gian xảy ra vụ Wilhelm Mons, Pyotr Đại đế bị bệnh, và ngày càng trầm trọng. Một tháng sau khi Ekaterina tỏ thái độ dàn hòa, Pyotr Đại đế qua đời.

Sau Hòa ước Nystad ký với Thụy Điển và lễ đăng quang cho Ekaterina, dưới con mắt của thế giới Pyoto Đại đế đang đứng trên đỉnh cao quyền lực. Nhưng đối với những người trong nước Nga, và nhất là những người thân cận với Pyotr Đại đế có nhiều dấu hiệu đáng lo. Nông nghiệp bị mất mùa trong hai năm liền; Nga phải nhập khẩu ngũ cốc nhưng không đủ cho nhu cầu. Có thêm cáo giác tham nhũng nhằm vào những người có vị thế cao nhất nước. Shafirov đã bị kết án, bị mất chức và đi đày, và bây giờ Menshikov bị mất chức Bộ trưởng Chiến tranh. Mọi sự việc bị đình trệ nếu không có Pyotr Đại đế đích thân nhúng tay vào.

Trong khi ấy, sức khỏe và tinh thần của Pyotr Đại đế ngày càng đi xuống. Đôi lúc ông vẫn còn làm việc với năng lượng và sự hăng say như bình thường. Một trong những dự án cuối cùng của đời ông là lập quy hoạch cho một tòa nhà mới của Viện Hàn lâm Khoa học. Nhưng thường

hơn, ông trở nên cáu kinh và ù lì. Trong giai đoạn suy thoái này, Pyotr để cho mọi việc đình trệ, chỉ ngồi một chỗ mà than thở, không muốn làm việc gì cho đến phút cuối. Khi vị Hoàng đế không còn thiết tha gì với việc nước, những người thân cận không còn dám bẩm báo gì với ông ngay cả những việc khẩn cấp. Các nhà ngoại giao nước ngoài và các bộ trưởng Nga không còn biết trông cậy vào ai. Khi được hỏi ý kiến, các bộ trưởng Nga chỉ biết thờ dài và thú nhận họ cảm thấy vô vọng về những khó khăn của họ trong mọi vấn đề.

Lý do của tất cả tình trạng này, mà thậm chí những người thân cận với Pyotr Đại đế dần dà mới hiểu ra, là ông đã trở bệnh nặng. Bệnh cũ vẫn còn hành hạ ông, những cơn co giật vẫn xảy ra với thể trạng to lớn nhưng đang yếu dần, và thêm triệu chứng mới. Cánh tay trái của ông bị yếu, và vị bác sĩ giải phẫu kém cỏi khi tìm cách cắt tĩnh mạch để rút máu đã chạm phải dây thần kinh, gây đau đớn cho ông. Nhiều năm hoạt động tận lực, di chuyển không ngừng, và những chầu rượu liên miên thời tuổi trẻ - tất cả đã bào mòn sức lực của ông. Vào năm 1724, ở tuổi 52, Pyotr Đại đế đã trở thành một ông già.

Thêm vào đấy, ông mắc chứng bệnh mới khiến cuối cùng tử vong. Nhiều năm trước ông đã bị nhiễm trùng đường tiết niệu, và đến năm 1722, trong cái nóng mùa hè ở chiến dịch Ba Tư, triệu chứng xuất hiện trở lại. Bác sĩ của ông chẩn đoán ông bị sỏi trong niệu đạo và bàng quang. Mùa đông 1722-1723, cơn đau ở niệu đạo xuất hiện trở lại. Ban đầu, Pyotr Đại đế không nói cho ai biết ngoại trừ người hộ lý, vẫn tiếp tục uống rượu và vui đùa như bình thường, nhưng chẳng bao lâu cơn đau nặng thêm và ông phải nhờ bác sĩ chăm sóc. Trong hai năm kế, cơn đau xuất hiện từng đợt. Ông tuân theo lời khuyên của thầy thuốc, dùng mọi loại thuốc của họ, hạn

chế uống rượu. Trong vài ngày ông đau đớn và không thể làm việc, rồi thời gian kế tiếp ông có thể hoạt động bình thường.

Cuối mùa hè 1724, cơn bệnh tái phát, và lần này triệu chứng trở nên nặng hơn nhiều. Ông đau đớn vì đi tiểu không được. Một bác sĩ người Anh tìm cách luồn ống thông vào niệu đạo, cố cho xuyên lên bàng quang nhưng chỉ thấy máu và mủ. Ông tiếp tục cố gắng, và rút ra được nửa cốc nước tiểu.

Trong thời gian này không có thuốc mê, Pyotr nắm lấy bàn tay của bác sĩ ở mỗi bên. Ông cố giữ yên cơ thể mình, nhưng vì đau quá, hai bàn tay ông đang nắm gần như bị bóp nát. Cuối cùng, một hạt sỏi to được lấy ra, và cơn đau dịu xuống. Trong vòng một tuần, ông đi tiểu được gần như bình thường. Nhưng ông phải nằm tĩnh dưỡng cho đến cuối tháng 9 mới có thể bước đi quanh phòng.

Đầu tháng 10/1724, bầu trời bên ngoài cửa sổ trong xanh và không khí khô ráo, ông ra lệnh mang chiếc thuyền buồm của mình đến thả neo trên Sông Neva để ông có thể nhìn thấy nó. Vài ngày sau, dù các bác sĩ khuyên ông không nên vận động, ông vẫn đi ra ngoài. Ông đi đến Peterhof để thị sát những vòi phun nước vừa được xây trong vườn hoa. Thế rồi, trong khi các bác sĩ phản đối mạnh mẽ hơn, ông tiếp tục một chuyến thị sát nhọc nhằn qua một pháo đài, một nhà máy luyện sắt, rồi đi xem xét việc đào Kênh Ladoga. Chuyến thị sát kéo dài gần cả tháng 10, và trong thời gian này Pyotr Đại đế chỉ cảm thấy đau ê ẩm.

Ngày 5/11, ông trở về Sankt-Peterburg, nhưng kế tiếp lại quyết định đi thị sát một nhà máy luyện sắt và một nhà máy chế tạo vũ khí trên bờ Vịnh Phần Lan. Khi đi quá cửa sông Neva, Pyotr Đại đế trông thấy phía trước có một chiếc thuyền chở 20 binh sĩ bị gió và sóng cuốn đi và chạm đá ngầm, bị đẩy tới lui, có nguy cơ bị chìm. Những người trên thuyền, rõ ràng là không

biết bơi, dường như không thể làm gì để thoát thân. Pyotr Đại đế phái một thuyền nhỏ của mình chèo đến cứu nhưng họ không thể giúp gì được, trong khi những binh sĩ trên thuyền bị nạn đang cóng người vì sợ hãi. Pyotr Đại đế nôn nóng ra lệnh cho chiếc thuyền nhỏ của mình đưa ông đến gần con thuyền bị nạn. Không thể đến gần hơn vì bị sóng to, Pyotr Đại đế thình lình nhảy xuống nước lạnh giá ngập đến ngực rồi đi đến con thuyền bị nạn. Sự hiện diện của ông tác động lên tính thần những binh sĩ đang mắc nạn. Đáp lại những tiêng hô của ông, họ nắm bắt lấy những sợi dây từ thuyền cứu hộ ném sang, rồi với sự trợ giúp của những thủy thủ khác giờ cũng ngâm mình dưới nước như Hoàng đế của họ, kéo con thuyền bị nạn ra khỏi rạn đá ngầm.

Pyotr Đại đế trở về thuyền của mình để thay quần áo. Lúc đầu, dù đã ngâm mình trong nước giá lạnh khá lâu, dường như ông không có vấn đề gì. Tuy nhiên, ban đêm ông lên cơn rét và sốt, và trong vài tiếng đồng hồ cơn đau bụng trở lại. Ông hủy bỏ chuyến đi, trở lại Sankt-Peterburg. Từ lúc này trở đi, cơn bệnh vẫn đeo bám ông.

Có thời gian, Pyotr dường như phục hồi. Vào ngày Giáng sinh, ông đã khá khỏe đề có thể tham gia ban nhạc và đồng ca, đi thăm viếng vài gia đình ở Sankt-Peterburg theo truyền thống. Vào ngày Tết Dương lịch, ông tham dự lễ bắn pháo bông, và vào ngày lễ Hiển linh ông tham dự lễ ban ơn phước trên Sông Neva, một lần nữa phơi mình trong gió lạnh.

Đến giữa tháng 1/1725, Pyotr Đại đế và Ekaterina dường như đã dàn hòa, họ đi tham dự lễ cưới một người hộ lý của ông. Nhưng cơn bệnh đã trở lại, và các bác sĩ nhận ra bàng quang và ruột đã bị viêm nặng đến mức hoại tử.

Lúc đầu, tĩnh dưỡng trên giường bệnh, Pyotr có vẻ như đang hồi sức. Ông tiếp tục làm việc, triệu các bộ trưởng đến giường bệnh và thảo luận với họ suốt đêm. Ngày 22/1/1725, ông nói chuyện với con rể là Quận công Karl Friedrich Xứ Holstein-Gottorp, hứa với anh này sẽ đi thăm viếng Riga ngay khi khỏi bệnh. Nhưng ông trở bệnh nặng ngày hôm sau, và gọi giáo sĩ đến để nhận Phép thánh Cuối cùng. Tolstoy, Apraksin[199] và Golovkin được triệu đến giường bệnh, và Pyotr Đại đế truyền lệnh ân xá và phóng thích tất cả tội nhân, trừ tội phạm giết người, và ân xá cho mọi người thuộc giới quý tộc đã bị kết án vì không trình diện làm nghĩa vụ. Ông cũng ra lệnh cho Apraksin, lúc này đang khóc, và những bộ trưởng khác phải bảo vệ tất cả người nước ngoài trong trường hợp ông qua đời. Cuối cùng, vẫn còn thói quen để ý đến từng chi tiết, ông ký các chỉ dụ quy định việc đánh bắt cá và bán keo dán.

Vào buổi chiều 26/1/1725, Pyotr Đại đế có vẻ khỏe hơn, và các bác sĩ nói đến việc cho phép ông đi lại trong phòng. Cảm thấy phấn khởi, Pyotr ngồi dậy và ăn một ít cháo lúa mạch. Lập tức, ông bị cơn co giật dữ dội đến nỗi mọi người nghĩ giờ phút cuối đã đến. Các bộ trưởng, thượng nghị sĩ, sĩ quan Cảnh vệ và quan chức cao cấp được triệu đến để túc trực. Chăng bao lâu, cơn đau trở nên dữ dội hơn. Pyotr Đại đế nhiều lần thổ lộ sự ăn năn đối với những tội lỗi của mình. Hai lần, ông nhận Phép thánh Cuối cùng và cầu xin được ban lời xá tội.

Ngày 27/1/1725, giáo sĩ túc trực bên giường bệnh là Feofan Prokopovich.

Với sự hiện diện của ông, Pyotr Đại đế nói như thế nói với chính mình:

> Tôi hy vọng Thượng Đế sẽ tha thứ cho nhiều tội lỗi của tôi vì lý do tôi đã cố gắng làm điều tốt lành cho thần dân tôi.

Suốt thời gian này, ngày lẫn đêm, Ekaterina không bao giờ rời khỏi giường bệnh của chồng. Đến một lúc, bà nói với Pyotr rằng, để ông được hưởng an bình với Thượng Đế bà xin ông tha thứ cho Menshikov. Pyotr Đại đế đồng ý, và vị Hoàng thân bước vào đề được quân vương đang hấp hối tha thứ lần cuối.

Vào lúc 2 giờ chiều ngày 27/1/1725, có lẽ vì đang nghĩ đến việc kế vị, Pyotr Đại đế đòi mang đến bảng viết. Ông chỉ viết được "Để lại tất cả cho", rồi cây bút rơi khỏi tay ông. Ông cho gọi con gái Anna đến, nhưng trước khi Công chúa đến kịp, ông đã chìm vào cơn hôn mê.

Ông không bao giờ tỉnh lại nữa, mà chỉ cử động khi rên rỉ. Ekaterina quỳ bên ông từ giờ này đến giờ khác, cầu nguyện liên tục cho ông. Cuối cùng, lúc 6 giờ sáng ngày 28/1/1725, Pyotr Đại đế, sau 43 năm trị vì, đi vào cõi vĩnh hằng, hưởng thọ 53 tuổi.

197. Chi tiết những việc này được trình bày ở Chương 57. (ND)

198. Có tài liệu cho rằng Ekaterina II chỉ bị nghi ngờ dính dáng đến cái chết của người chồng, nhưng không có bằng chứng rõ ràng. (ND)

199. Ở đây và những đoạn sau, trong nguyên tác không ghi rõ là Apraksin nào, nhưng có phần đúng là Đại tướng-Đô đốc Fyodor Apraksin. (ND)

LỜI KẾT

Nguyên nhân đích xác cho cái chết của Pyotr Đại đế không hề được mô tả đầy đủ theo thuật ngữ y học. Giáo sư Herman Boerhaave, người thầy thuốc nổi tiếng ở Leiden, đã được các bác sĩ chăm sóc cho Pyotr Đại đế thông báo khẩn cấp về các triệu chứng, nhưng trước khi ông kịp đề ra phương án điều trị, ông nhận tiếp tin báo người bệnh đã qua đời. Boerhaave thốt lên kinh hoàng: "Trời ơi! Có thể như vậy sao? Thật là đáng tiếc cho con người vĩ đại như thế lại phải chết khi chỉ tốn vài xu thuốc men đã có thể cứu mạng ông ấy."

Sau đấy, khi nói chuyện với các bác sĩ triều đình, Boerhaave cho biết ông tin rằng nếu đừng giấu giếm căn bệnh trong thời gian dài như thế và nếu được tham khảo sớm hơn, ông đã có thể chữa trị khiến cho vị Hoàng đế sống thêm nhiều năm. Nhưng Boerhaave không nói cho người cháu ông (sau này trở thành bác sĩ cho Nữ Hoàng đế Elizaveta và cũng là người kể mẩu chuyện này) biết liệu ông sẽ dùng dược phẩm gì và ông đã chẩn đoán là bệnh gì. Có thể nghi ngờ lời nói lạc quan của Boerhaave do ông chưa từng nhìn thấy người bệnh, và là, khi xét nghiệm tử thi Pyotr Đại đế, người ta thấy vùng quanh bàng quang đã bị hoại tử, cơ vòng đã bị sưng và trở nên xơ cứng.

Việc kế vị được nhanh chóng quyết định cho Ekaterina. Trong khi Pyotr Đại đế đang hấp hối, một nhóm cận thần của ông, trong số này có Menshikov, Yaguzhinsky và Tolstoy - đều là dân thường đi lên, sẽ bị mất mát nhiều nếu giới quý tộc cũ nắm quyền trở lại - cùng nhau quyết định ủng hộ Ekaterina. Biết rõ rằng các lữ đoàn Cảnh vệ sẽ có tiếng nói cuối cùng, họ đã điều các lữ đoàn này vào đóng quanh hoàng cung. Nơi đây, Cảnh vệ được nhắc nhở rằng Ekaterina đã đi theo họ và người chồng trong các chiến dịch quân sự. Mọi khoản tiền lương còn thiếu Cảnh vệ được thanh toán nhanh chóng trên danh nghĩa Nữ Hoàng đế. Các lữ đoàn Cảnh vệ đều trung thành với Pyotr Đại đế và đều yêu mến Ekaterina, vì thế với những lời dẫn dụ và cách đãi ngộ họ sẵn lòng ủng hộ.

Ngay cả với những bước thận trọng như thế, việc lên ngôi của một cô gái quê gốc Litva, người tình và cuối cùng là người vợ của quân vương, không phải là chắc chắn. Một ứng viên khác là Đại Công tước Pyotr Alekseyevich, con trai của Hoàng Thái tử Aleksei. Theo truyền thống của Nga, với tư cách là cháu nội của quân vương tạ thế, đây là người có quyền trực tiếp kế vị ngai vàng, và đa số trong giới quý tộc, tăng lữ cùng dân thường đều xem Đại Công tước là người kế vị hợp pháp. Qua đó, những gia đình quý tộc danh giá cũ như Dolgorukov và Golitsyn hy vọng có thể phục hồi quyền lực và đảo ngược những cải tổ của Pyotr Đại đế.

Cuộc chạm trán xảy ra vào đêm 27/1, chỉ vài giờ trước khi Pyotr Đại đế qua đời, khi Thượng viện và những nhà lãnh đạo cấp cao của đất nước nhóm họp đề quyết định việc kế vị. Hoàng thân Dmitry Golitsyn, - thuộc giới quý tộc cũ và hay cổ vũ cho việc chia sẻ quyền lực giữa quân vương và giới quý tộc - đề xuất giải pháp dung hòa: Pyotr Alekseyevich lên ngôi và Ekaterina làm phụ chính. Pyotr Tolstoy - vốn can dự vào việc xét xử và kết

án Hoàng Thái tử Aleksei và vì thế e sợ người con của Aleksei lên kế vị - phản đối, cho rằng để một đứa trẻ trị vì là điều nguy hiểm; đất nước cần một người mạnh mẽ, có kinh nghiệm, và chính vì lý do này mà Pyotr Đại đế đã huấn luyện và đăng quang cho bà vợ của ông.

Khi Tolstoy đang cất tiêng, một số sĩ quan của hai Lữ đoàn Cảnh vệ Preobrazhenskoe và Semyonovsky, trước đấy đã lẻn vào phòng họp, lên tiếng ủng hộ. Cùng lúc, một hồi trống nổi lên phía dưới khiến các chính khách bước ra cửa sổ để nhìn xuống. Họ thấy các đội ngũ của Cảnh vệ đang dàn xung quanh hoàng cung.

Hoàng thân Buturlin, chỉ huy doanh trại Sankt-Peterburg và là một thành viên của phe quý tộc, trở nên giận dữ và hỏi tại sao quân sĩ tụ tập ở đây mà không có lệnh của mình. Vị tư lệnh Cảnh vệ cứng cỏi đáp: “Thưa Ngài, chúng tôi làm theo mệnh lệnh của phu nhân quân vương, Nữ Hoàng đế Ekaterina, mà Ngài, tôi và tất cả thần dân trung thành đều phải tuân lệnh lập tức và vô điều kiện.” Các binh sĩ, nhiều người đẫm nước mắt, hô lên: “Cha chúng ta đã chết, nhưng mẹ chúng ta vẫn còn sống.”

Trong hoàn cảnh như thế, Apraksin cất lời đề nghị tôn Ekaterina là Quân vương chuyên chế với tất cả quyền hạn như vị Hoàng đế phu quân. Lời đề nghị được chấp thuận nhanh chóng.

Sáng ngày sau, người quả phụ 42 tuổi bước vào, mắt đẫm lệ, tựa lên cánh tay của Quận công Xứ Holstein-Gottorp, lúc này đã là con rể của bà. Bà vừa cất tiếng nức nở rằng mình bây giờ là “quả phụ và kẻ mồ côi”, thì Apraksin quỳ xuống trước mặt bà và tuyên cáo quyết định của Thượng viện. Mọi người trong gian phòng đều tung hô, và binh sĩ Cảnh vệ bên ngoài phụ họa theo. Một bản tuyên cáo ngày hôm ấy thông báo cho đế quốc

Nga và cả thế giới biết rằng vị quân vương mới của nước Nga là một phụ nữ, Nữ Hoàng đế Ekaterina I.

Ngày 8/3/1725, linh cữu của Pyotr Đại đế được chuyển đến Pháo đài Petropavlovsk, với Ekaterina dẫn đầu đoàn đưa tang, theo sau là 150 phụ nữ trong triều đình và một đoàn đông đảo các quan chức triều đình, ngoại giao đoàn và sĩ quan quân đội, tất cả đều đề đầu trần dưới trời tuyết rơi. Feofan Prokopovich đọc điếu văn.

Khi lên ngôi, Nữ Hoàng đế Ekaterina tuyên bố sẽ giữ nguyên tất cả chính sách và chương trình cải tổ của Pyotr Đại đế. Là người thực dụng, bà nhanh chóng củng cố quyền lực của mình ở những mặt có hiệu quả nhất: giải tán công nhân của quân đội làm việc trong công trình xây Kênh Ladoga, trả lương cho binh sĩ đúng kỳ hạn, cung cấp quân phục mới… Bà vẫn tỏ ra thân thiện, cởi mở và hào phóng, đến nỗi các khoản chi tiêu của triều đình nhanh chóng tăng lên gấp ba lần. Bà không ra vẻ tự phụ về việc mình bất ngờ được tấn phong. Bà thường nói về gốc gác dân thường của bà và mời thân quyến của bà đến Sankt-Peterburg để chia sẻ vinh quang của mình. Bà và con gái Elizaveta phong Bá tước cho một số người thân của bà.

Nhân vật nắm quyền cai trị thật sự là Menshikov.[200] Một năm sau khi Pyotr Đại đế qua đời, ông thiết lập Hội đồng Cơ mật Tối cao để "giảm gánh nặng quản trị nhà nước của Lệnh Bà". Sáu thành viên ban đầu của Hội đồng - gồm Menshikov, Apraksin, Golovkin, Osterman, Tolstoy và Hoàng thân Dmitry Golitsyn - có quyền lực gần như là quân vương, kể cả quyền ban hành chỉ dụ. Menshikov chi phối Hội đồng giống như ông đã chi phối Thượng Nghị viện vốn giờ đây đã bị cắt bớt quyền hạn. Trong khi họp Hội đồng, mỗi khi có sự chống đối ông chỉ việc đứng lên và tuyên bố rằng ý kiến mà ông phát biểu chính là ý của Nữ Hoàng đế.

Menshikov tỏ ra thận trọng khi đề ra chính sách. Ông hiểu rằng nông dân đang chịu gánh nặng của thuế khóa, nên ông nói với Nữ Hoàng đế: "Nông dân và quân đội giống như linh hồn và cơ thể; ta không thể mất cái này mà được cái kia." Theo đấy, Ekaterina đồng ý giảm một phần ba thuế thân, cùng lúc cắt giảm một phần ba lực lượng quân sự. Hơn nữa, triều đình xóa nợ cho mọi khoản thuế còn tồn đọng. Nhưng Menshikov không nắm quyền tuyệt đối. Quận công Friedrich của Holstein-Gottorp, con rể của Ekaterina, được bổ nhiệm vào Hội đồng Cơ mật Tối cao dù bị Menshikov chống đối.

Ekaterina qua đời vì bệnh chỉ 2 năm 3 tháng sau khi lên ngôi. Ngày 21/1/1727, bà tham dự lễ chúc phúc cho Sông Neva. Sau đó, với mái tóc đã điểm bạc và cây gậy thống chế trên tay, bà đứng trong con gió mùa đông trong nhiều tiếng đồng hồ để duyệt 20.000 binh sĩ diễu hành. Việc này khiến cho bà lâm bệnh trong hai tháng và liên tục bị chảy máu mũi. Khi sắp qua đời, bà chỉ định cháu nội của Pyotr Đại đế - Đại Công tước Pyotr Alekseyevich - là người kế vị, với toàn thể Hội đồng Cơ mật Tối cao làm phụ chính. Hai công chúa, Anna lúc này 17 tuổi, Elizaveta 16 tuổi cũng được cử làm phụ chính.

Điều trái khoáy ở chỗ Pyotr Alekseyevich, tức Hoàng đế Pyotr II, niềm hy vọng của giới quý tộc cũ và phe bảo thủ, được lên ngôi là do Menshikov sắp đặt. Dĩ nhiên, động lực của ông chỉ đơn thuần là do ích kỷ. Trong khi Ekaterina còn sống, Menshikov tính toán cơ may hai cô con gái của bà, Anna và Elizaveta, so với cơ may của Pyotr II, rồi đi đến kết luận là cậu hoàng tử này có triển vọng nhất. Vì thế, ông quay sang ủng hộ Pyotr II và dùng uy quyền để thuyết phục Ekaterina nghe theo ý của ông: chỉ định Pyotr II lên ngôi, cử hai công chúa làm phụ chính. Và Menshikov cũng

không quên gia đình mình. Trước đây, ông đã xin Ekaterina đồng ý cho hoàng đế tương lai 11 tuổi cưới con gái Maria của mình 16 tuổi.

Việc Menshikov bất ngờ quay sang ủng hộ Pyotr II khiến các đại thần cũ của Pyotr Đại đế kinh ngạc và lo âu. Nhất là Tolstoy: ông này hiểu rõ rằng Hoàng đế Pyotr II sẽ tìm cách hại ông để báo thù chó việc ông đã dẫn dụ người cha từ Naples về đề nhận cái chết (xem Chương 53). Tolstoy kêu gọi đến các thành viên khác của Hội đồng Cơ mật Tối cao, nhưng không được ủng hộ mấy, vì nhiều người muốn chờ đợi để nghe ngóng tình hình. Chỉ có Anthony Devier, em rể của Menshikov, và Tướng Tư lệnh Cảnh vệ Ivan Buturlin, là chống đối Menshikov. Nhưng đã quá muộn. Ekaterina đang hấp hối, và Menshikov đã điều người thân tín của mình làm việc xung quanh bà khiến cho những người khác không thể tiếp xúc với bà. Rồi ông trả đũa: Devier bị đánh roi rồi đày đi Siberia, Tolstoy bị điều đến một hòn đảo trên Biển Bắc và sống ở đây hai năm cho đến khi qua đời năm 1729, hưởng thọ 84 tuổi.

Một khi Ekaterina đã qua đời và cậu hoàng trẻ Pyotr II được tấn phong, Menshikov hành động nhanh chóng để gặt hái thành quả. Một tuần sau lễ tấn phong, Pyotr II bị bắt buộc phải rời Cung điện Mùa Đông để đến sống trong dinh thự của Menshikov. Hai tuần sau, Pyotr II cử hành hôn lễ với Maria. Những người cùng phe với Menshikov, thuộc hai dòng họ quý tộc mới Dolgorukov và Golitsyn, được cử vào Hội đồng Cơ mật Tối cao. Menshikov còn đón cựu Hoàng hậu cao tuổi Evdokia, người vợ đầu của Pyotr Đại đế và bà nội của tân Hoàng đế từ pháo đài Shlisselburg cô đơn trở về Tu viện Novodevichiy gần Moskva để bà được thoải mái hơn.

Quận công Karl Friedrich Xứ Holstein-Gottorp, vốn được Ekaterina cử vào Hội đồng Cơ mật Tối cao bất chấp sự chống đối của Menshikov, bây

giờ lo sợ cho mình. Vì thế, ông xin phép cùng với người vợ, Công chúa Anna, rời Nga để trở về đất phong của mình ở Kiel. Công chúa Anna qua đời ở Kiel ngày 28/5/1728, ít lâu sau khi sinh một trai - sau này là Hoàng đế Pyotr III. Một dạ hội được tổ chức, tiếp theo là lễ bắn pháo bông để ăn mừng đứa trẻ ra đời. Dù thời tiết miền Biển Baltic lạnh và ẩm, bà mẹ trẻ đang tràn trề hạnh phúc vẫn muốn đứng trên ban công mà xem quang cảnh. Khi các nữ tỳ nhắc nhở, nàng cười lớn và nói: "Nên nhớ ta là người Nga và đã, quen với thời tiết còn tệ hơn thế này." Trong vòng 10 ngày, người con gái lớn của Pyotr Đại đế qua đời.[201] Bây giờ chỉ còn lại người con duy nhất của Pyotr Đại đế và Ekaterina, đó là Công chúa Elizaveta.

Hoàng đế Pyotr II là người đẹp trai, có thể chất cường tráng và cao hơn so với tuổi. Là người duy nhất nắm chính sách ngoại giao của Nga, bây giờ Osterman nhận thêm trách nhiệm là gia sư của Hoàng đế. Cậu học trò không chú ý đến sách vở mà chỉ thích cưỡi ngựa và săn bắn. Khi Osterman tỏ ý trách móc, cậu hoàng đế 11 tuổi đã tỏ tư cách cứng cỏi:

> Ông Andrei Ivanovich thân yêu, ta mến ông, và với chức vụ Bộ trưởng Ngoại giao ông là người thiết yếu, nhưng ta phải yêu cầu ông trong tương lai đừng chen vào thú tiêu khiển của ta.

Thân cận với Pyotr II gồm có 3 người: chị gái Natalia lớn hơn 1 tuổi, dì Elizaveta 18 tuổi chỉ thích vui chơi mà không màng đến việc nước, và Hoàng thân Ivan Dolgorukov 18 tuổi.

Mùa hè 1727, một mình Menshikov ngự trên đỉnh cao quyền lực; có lẽ còn chuyên chế hơn cả Pyotr Đại đế. Ông là nhà cai trị của nước Nga mà không ai dám chống đối, cộng thêm địa vị là cha vợ của Hoàng đế: tất cả

quân vương của Nga trong tương lai sẽ mang một phần dòng máu của ông. Nhận thấy địa vị của mình đã được vững chắc, Menshikov trở nên táo tợn: ban hành mệnh lệnh một cách kiêu ngạo thậm chí đối với Hoàng đế, ngăn chặn khoản tiền được chuyển đến cho Hoàng đế và khiển trách cậu bé, lấy đi cái đĩa bạc mà Pyotr II đã tặng cô chị Natalia. Cảm thấy cay cú, cậu bé nói với Menshikov một cách đe dọa: "Chúng ta sẽ xem ai là hoàng đế: ông hay là tôi."

Tháng 7/1727, Menshikov không may ngã bệnh, phải ngừng tham gia việc triều chính. Trong thời gian ông không thể nắm quyền lực, Pyotr II cùng Natalia và Elizaveta dời đến cư ngụ và làm việc ở Cung điện Peterhof. Quan chức triều đình có nhận xét là việc nước vẫn trôi chảy cho dù Menshikov không hiện diện. Khi khỏi bệnh, Menshikov xuất hiện ở Peterhof, nhưng ông kinh ngạc thấy Pyotr II quay lưng lại với ông. Những người xung quanh cũng kinh ngạc khi nghe Hoàng đế nói với họ: "Các ông thấy đấy, rốt cuộc tôi đã học được cách khuất phục ông ta."

Tháng 9/1727, Menshikov bị tước tất cả chức vụ và bị thu hồi mọi huân chương. Cả gia đình ông - kể cả con gái Maria - bị dời đến cư ngụ trên một vùng đất phong ở Ukraina. Họ vẫn chưa khổ sở lắm, khi rời Sankt-Peterburg với 4 cỗ xe có sáu ngựa kéo và 60 rương hành lý.

Bây giờ, Pyotr II chịu ảnh hưởng của dòng họ Dolgorukov. Hoàng thân Aleksei Dolgorukov, cha của bạn Hoàng đế là Ivan, và Hoàng thân Vasily Dolgorukov[202] được cử vào Hội đồng Cơ mật Tối cao. Dòng họ Dolgorukov chấm dứt hẳn sự nghiệp của Menshikov: tháng 4/1728, ông bị kết tội phản quốc vì đã tiếp xúc với Thụy Điển, toàn bộ gia sản to lớn của ông bị tịch thu. Cả gia đình bị đày đến một ngôi làng hẻo lánh trên vùng thảo nguyên ở

bắc Siberia. Ông qua đời ở đây vào tháng 11/1729, thọ 56 tuổi, và ít tuần sau con gái Maria cũng qua đời.

Dưới thời Pyotr II, Moskva trở lại là trung tâm quyền lực của nước Nga. Sau khi lên ngôi, Pyotr II không muốn trở lại Sankt-Peterburg, than phiền: "Ta sẽ làm gì ở nơi chốn chỉ có nước mặn?" Lẽ tự nhiên là triều đình lưu lại Moskva với ông, và trong những tháng kế tiếp, một số cơ quan chính phủ quay lại thủ đô cũ. Nhưng triều đại của Pyotr II chỉ kéo dài hơn triều đại của Ekaterina có vài tháng. Ngày 11/1/1730, cũng là ngày dự định cử hành hôn lễ, vị Hoàng đế 14 tuổi qua đời vì bệnh đậu mùa.

Bây giờ dưới quyền của Hoàng thân Dmitry Golitsyn, Hội đồng Cơ mật Tối cao chủ trì việc tấn phong người kế vị. Họ thấy Công chúa Elizaveta, người con cuối cùng còn lại của Pyotr Đại đế không thích hợp do tính tình phù phiếm vì chỉ biết vui chơi. Còn Ekaterina của Công quốc Mecklenburg, con gái lớn của Sa hoàng Ivan V (anh cùng cha khác mẹ của Pyotr Đại đế), bị xem là chịu ảnh hưởng quá nhiều từ người chồng, Quận công của Mecklenburg. Vì thế, con gái thứ của Sa hoàng Ivan V: Anna (Nữ Quận công của Courland nhưng trở thành góa bụa vài tháng sau cuộc hôn nhân năm 1711), được chọn[203]. Việc tấn phong đi kèm với vài điều kiện: Anna không được tái hôn và không có quyền chỉ định người kế vị mình, còn Hội đồng Cơ mật Tối cao nắm quyền quyết định về chiến tranh và hòa bình, việc thu thuế và chi tiêu, ban đất phong, phong quân hàm cấp tướng.

Anna chấp nhận các điều kiện này, trở về Nga, rồi ngay sau đấy với sự ủng hộ của lực lượng Cảnh vệ và giới hành chính hủy bỏ các điều kiện đã hứa, giải tán Hội đồng Cơ mật Tối cao, thiết lập lại uy quyền chuyên chế. Sau khi đã cư ngụ ở Courland trong gần 18 năm, vị tân Nữ Hoàng đế chịu ảnh hưởng của Tây Âu, và dời triều đình quay lại Sankt-Peterburg. Ba nhân

vật chi phối chính phủ của bà: Thủ tướng Ernst Biron của Courland, bây giờ được phong bá tước của Nga; Osterman, vẫn tiếp tục giữ ghế ngoại giao; và Munnich, lúc trước chỉ huy công trình đào Kênh Ladoga, bây giờ là Tổng Tham mưu trưởng quân đội với quân hàm nguyên soái.

Nữ Hoàng đế Anna qua đời năm 1740, để ngai vàng lại cho cháu ngoại của người chị, Ekaterina của Mecklenburg. Đứa trẻ, Ivan VI, khó có thể biết

lúc ấy mình là Hoàng đế: lên ngôi lúc được 2 tháng và bị truất phế lúc được 15 tháng, rồi bị giam lỏng trong 22 năm còn lại của cuộc đời.

Người kế vị Ivan VI là Công chúa Elizaveta, bây giờ 31 tuổi, vẫn còn thích chơi đùa nhưng được lực lượng Cảnh vệ ủng hộ, lên ngôi chủ yếu vì sợ bị gia quyến của Ivan VI tống vào tu viện. Triều đại của Elizaveta kéo dài 21 năm (1741-1762), kế tiếp là triều đại ngắn ngủi của Pyotr III, rồi đến triều đại của Ekaterina Nữ Đại đế kéo dài 34 năm.

Việc Pyotr Đại đế sửa luật để cho phép quân vương đương quyền chỉ định người kế vị tạo nên tình trạng bất bình thường trong lịch sử nước Nga là sau khi ông qua đời, bôn nữ hoàng đế trị vì hầu như liên tục trong vòng 71 năm kế tiếp: Ekaterina I (vợ của ông), Anna (cháu nội mẹ cả của ông), Elizaveta (con gái), Ekaterina Nữ Đại đế (vợ của cháu ngoại). Ba năm hoàng đế trị vì xen kẽ trong những giai đoạn ngắn: Pyotr II (cháu nội), Pyotr III (cháu ngoại) và Ivan VI (chắt ngoại của người anh cùng cha khác mẹ).

Sau khi Ekaterina Nữ Đại đế qua đời, con trai bà là Pavel, người có ác cảm với mẹ, lên ngôi. Vào ngày đăng quang, Hoàng đế Pavel tái lập quyền kế vị cho đàn ông trong vương triều. Từ đấy về sau, những quân vương của

nước Nga đều là đàn ông. Vương triều kéo dài cho đến khi Hoàng đế Nikolai II thoái vị trong cuộc Cách mạng 1917 của Lenin.

Pyotr Đại đế trở về với cát bụi, nhưng di sản ông để lại là vô cùng phong phú. Ngay sau khi ông qua đời, người Nga sưu tầm mọi thứ liên quan đến cuộc đời của ông để đưa ra trưng bày: bộ hoàng bào ông mặc trong nghi lễ triều đình, bộ quân phục màu xanh lục của Lữ đoàn Preobrazhenskoe ông mặc trong Trận Pultowa, chiếc mũ, đôi giày đã sờn nhưng đóng đế mới, đôi bít tất mạng vá nhiều chỗ, bộ đồ lề giải phẫu, bộ đồ lề làm răng, máy tiện, yên cương… Con chó nhỏ Lisette ông yêu quý và con ngựa ông cưỡi trong Trận Pultowa được độn bông để trưng bày. Nhiều loại kỷ vật như thế được lưu giữ và trưng bày ở nhiều viện bảo tàng.

Đối với người đã làm việc thân cận Pyotr Đại đế, cái chết của ông là không gì bù đắp được. Andrei Nartov, người đốc công làm việc với Pyotr Đại đế bên máy tiện hầu như hằng ngày trong những năm cuối của quân vương, nói:

> Dù Pyotr Đại đế đã ra đi, tinh thần của ông sống mãi trong tâm hồn chúng tôi.

Ivan Neplyuev, người sĩ quan hải quân trẻ tuổi được cử làm đại sứ ở Đế quốc Ottoman, viết:

> Vị quân vương này đã đưa đất nước chúng ta lên ngang hàng với những nước khác… Mọi thứ ta nhìn thấy ở Nga bắt nguồn từ ông, và mọi thứ được làm ra trong tương lai sẽ bắt nguồn từ đây.

Một thế kỷ sau, sự ngưỡng mộ đối với Pyotr Đại đế trở thành gần như là lòng sùng bái, với vô số lời ca ngợi nồng nàn về ông xuất phát từ những nhà khoa học, nghệ sĩ… kiệt xuất. Ekaterina Nữ Đại đế nhờ điêu khắc gia người Pháp Falconet tạc một bức tượng bằng đồng đặt trên một tảng đá hoa cương 1.600 tấn được kéo đến bờ Sông Neva. Vị Hoàng đế đội vòng nguyệt quế ngồi vững chắc trên một con ngựa dũng mãnh, móng ngựa đang đạp lên một con rắn; tay phải của ông chỉ về hướng Pháo đài Petropavlovsk - và về tương lai. Bức tượng thể hiện tố chất phấn đấu, sức sống mãnh liệt và quyền hành tuyệt đối của Pyotr Đại đế. Chẳng bao lâu, "Kỵ sĩ bằng đồng" trở thành bức tượng nổi tiếng nhất nước Nga, và có một chỗ đứng vĩnh cửu trong văn học qua bài thơ của Aleksandr Pushkin.

Lẽ tự nhiên là có ý kiến khác biệt. Sau khi Pyotr Đại đế qua đời, người dân dấy lên niềm hy vọng là gánh nặng làm nghĩa vụ và đóng thuế sẽ giảm bớt. Trong thế kỷ 19, người có óc bảo thủ vấn vương với những giá trị truyền thống của nước Nga cũ chê trách Pyotr là người đầu tiên mở cánh cửa để đón tiếp ý tưởng và sáng kiến của phương Tây. Có người cho rằng, dưới thời Pyotr Đại đế, người Nga trở thành những công dân của thế giới nhưng theo vài phương diện không còn là công dân Nga nữa. Tranh luận trên quy mô lớn đã nổ ra giữa hai trường phái: một bên là bảo thủ lên án sự nhiễm bẩn và phá hủy của nền văn hóa cùng các định chế của nước Nga cũ; bên kia là "Tây hóa" vốn ngưỡng mộ và ca ngợi Pyotr Đại đế vì đã chế ngự quá khứ và thúc đẩy nước Nga đi lên con đường tiến bộ.

Riêng Pyotr thì có đầu óc thực tế và triết lý khi nghĩ người khác xem ông là như thế nào và sẽ nhớ về ông ra sao. Osterman thuật lại cuộc trò chuyện với một đại sứ nước ngoài, trong đó Pyotr hỏi nước ngoài nghĩ về ông ra sao.

Vị đại sứ đáp:

Thưa Hoàng thượng, mọi người đều có đánh giá cao nhất về Ngài. Đặc biệt là cả thế giới ngạc nhiên về trí thông minh và thiên tài mà Ngài đã thể hiện trong việc điều hành những kế hoạch quy mô do Ngài khai sáng, và đã khiến cho tên tuổi vinh quang của Ngài lan xa ra mọi miền.

Pyotr nói một cách nóng nảy:

Được rồi, được rồi, điều này có thể đúng, nhưng quân vương nào cũng được người đối diện tâng bốc như thế. Mục đích của tôi không phải là muốn nhìn thấy mặt tốt, mà để biết người ta phán xét về tôi ra sao theo mặt trái của vấn đề. Tôi mong ông hãy nói cho tôi biết, dù nó là thế nào chăng nữa.

Vị đại sứ gập người thấp xuống, nói:

Thưa Ngài, vì Ngài đã hạ lệnh, tôi sẽ nói cho Ngài biết tất cả mặt xấu mà tôi đã nghe. Họ bảo rằng Ngài là một quân vương độc đoán và nghiêm khắc, đối xử với thần dân của mình một cách cứng rắn, người luôn sẵn sàng trừng phạt mà không có khả năng tha thứ cho lỗi lầm.

Pyotr mủn cười và lắc đầu nói:

Ông bạn, chưa hết đâu. Tôi hiện thân là nhà độc tài hà khắc; đấy là ý kiến mà nước ngoài nghĩ về tôi. Nhung làm thế nào họ phán xét cho đúng được? Họ không biết rõ về những hoàn cảnh mà tôi đã lâm vào

trong giai đoạn đầu của triều đại tôi, họ không biết có bao nhiêu người chống đối những kế hoạch của tôi, đi ngược lại những dự án hữu ích nhất của tôi và bắt buộc tôi phải nghiêm khắc. Nhung tôi không hề đối xử với ai một cách tàn nhẫn hoặc chúng tỏ là người độc tài. Trái lại, tôi luôn yêu cầu thần dân tôi hãy thể hiện óc suy nghĩ và lòng yêu nước, hãy tỏ ra công bằng với những sách lược đúng đắn của tôi mà ủng hộ cho những sách lược này. Và tôi không bao giờ quên bày tỏ lòng trọng vọng của mình bằng cách ban phát ân huệ cho họ.

Tranh cãi về Pyotr Đại đế và những cải tổ của ông không bao giờ dứt. Ông đã được thần tượng hóa mà cũng bị kết án, được phân tích hết lần này qua lần khác, và rồi vẫn là con người huyền bí. Một tố chất mà không ai có thể tranh cãi là năng lượng làm việc vô tận của ông. Chính Pyotr Đại đế đã viết cho Menshikov: “Không nên để mất một thời khắc nào, chúng ta phải trút ra hết năng lượng để làm việc.” Ông có một sức mạnh của thiên nhiên, và có lẽ vì lý do này không thể có phán xét cuối cùng về ông. Làm thế nào người ta có thể phán xét những đợt sóng biển cuồn cuộn không dứt hoặc sức mạnh khổng lồ của một cơn lốc xoáy?

200. Có tài liệu ghi là dưới triều Nữ Hoàng đế Ekaterina, Menshikov tự phong quân hàm Đại Nguyên soái (Generalissimo) cho mình, và là người duy nhất mang tước hiệu quận công (của Ingria), cao hơn cả hoàng thân. (ND)

201. Như thế là trong giai đoạn này, ít nhất còn có 2 người khác trong vương triều qua đời vì thời tiết mùa đông: Sa hoàng Aleksei năm 1676, và Nữ Hoàng đế Ekaterina năm 1727. (ND)

202. Cả hai Hoàng thân Vasily Dolgorukov (là anh em họ xa, chỉ khác phụ danh) đều được cử vào Hội đồng Cơ mật Tối cao. (ND)

203. Như thế là sau cái chết của Pyotr II, vương triều Romanov không còn hậu duệ dòng nội. Các hoàng đế sau đều thuộc về dòng ngoại. (ND)

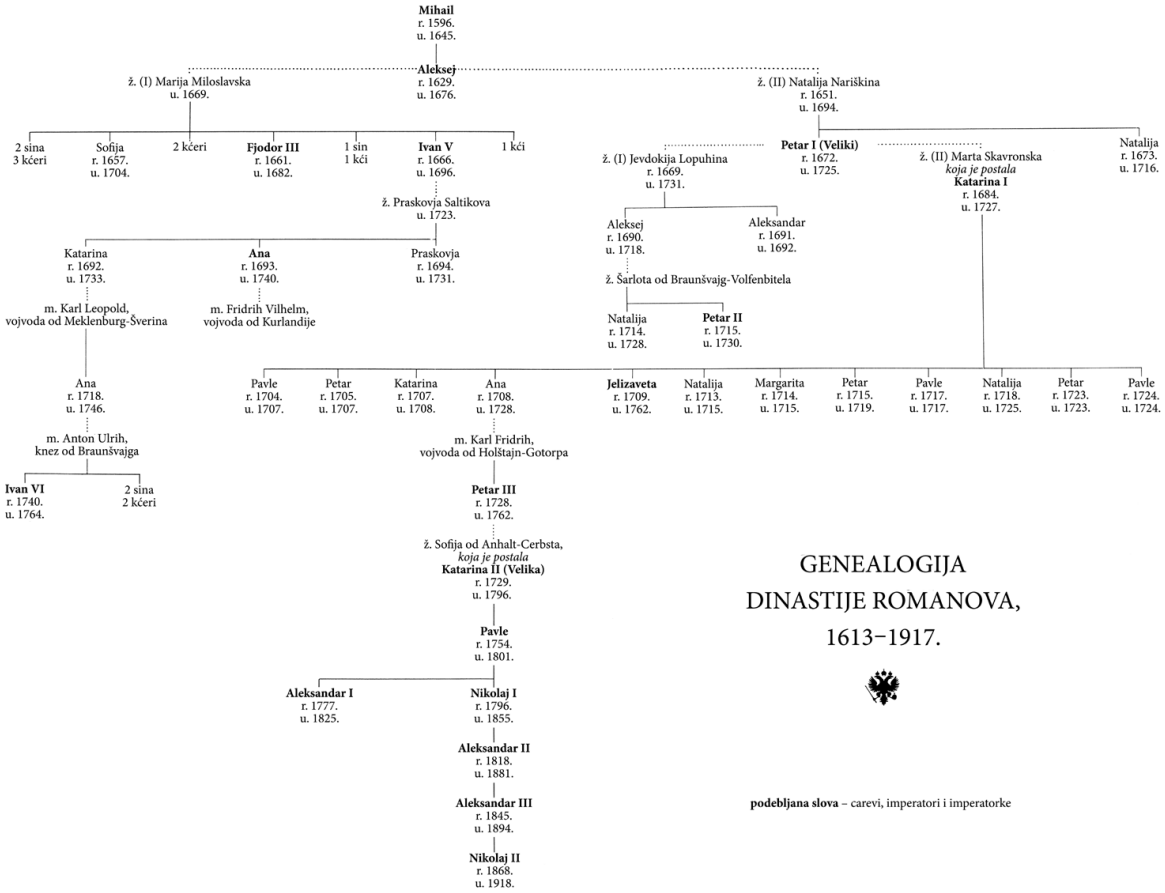

GENEALOGIJA DINASTIJE ROMANOVA, 1613–1917.

podebljana slova – carevi, imperatori i imperatorke

PHỤ LỤC
NHỮNG SỰ KIỆN ĐẦU TIÊN DƯỚI TRIỀU PYOTR ĐẠI ĐẾ

- Thuyền buồm không những có thể đi xuôi, mà còn có thể đi ngược lại chiều gió. Pyotr học lái trên Sông Yauza gần Moskva (năm 1688).
- Sa hoàng nước Nga đi trên biển khơi (1693).
- Một hạm đội Nga vượt đại dương, khởi đi từ cảng của Nga và trở về cảng của Nga, do tướng lĩnh hải quân Nga chỉ huy (tháng 7/1694).
- Quy định quốc kỳ của Nga cho đến khi vương triều chấm dứt vào năm 1917, rồi được phục hồi cho nước Nga hiện nay (năm 1694).
- Sa hoàng nước Nga đi ra nước ngoài trong thời bình để thăm viếng Tây Âu, tuy không phải với tư cách chính thức (1697).
- Pyotr học đóng tàu từ lễ đặt ki cho đến công đoạn cuối cùng, con tàu được hạ thủy ngày 16/11/1697; riêng Pyotr được cấp chứng chỉ tốt nghiệp thợ đóng tàu chuyên môn.
- Căn cứ đầu tiên của Hải quân Nga, ở Taganrog, trên bờ Biển Azov (địa điểm được Pyotr chọn vào tháng 7/1696).

- Khởi động những công trình đào kênh vĩ đại để nối nội địa với các biển xung quanh, bắt đầu năm 1697 với công trình nối hai con sông lớn Volga và Don ở vài điểm khác nhau nhằm mở một đường thủy từ Moskva đến Azov và ra Biển Đen. Công trình bị bãi bỏ do việc trả lại Azov cho Ottoman, nhưng sau này Kênh Volga-Don được đào cho tàu biển đi qua. Năm 1718, bắt đầu đào Kênh Ladoga, đào được hơn 30 kilômét khi Pyotr Đại đế qua đời năm 1725, hoàn tất toàn công trình năm 1732. Pyotr Đại đế nêu ý tưởng về lâu dài cho hệ thống kênh nối các biên Baltic, Đen, Caspi va Trắng, được thực hiện trong thế kỷ kế tiếp.
- Chiến hạm của Nga mang cờ hiệu của Sa hoàng nước Nga, thực hiện một cuộc hải hành đơn độc và tự do trên vùng biển của Đế quốc Ottoman (ngày 15/8/1699).
- Đổi niên lịch Nga theo niên lịch Tây Âu (tháng 12/1699): năm mới bắt đầu vào ngày 01/1 thay vì ngày 01/9.
- Cử hành lễ ở tất cả nhà thờ nước Nga vào ngày đầu năm theo niên lịch mới (1700). Mọi người được lệnh trang hoàng nhà cửa trong dịp này, và tất cả công dân Moskva phải "biểu lộ niềm hạnh phúc bằng cách lớn tiếng chúc mừng lẫn nhau".
- Huân chương đầu tiên (năm 1700): Huân chương Sankt-Andrei, là phần thưởng danh dự ở cấp cao nhất mà Sa hoàng ban tặng cùng với tước vị Hiệp sĩ, áp dụng cho đến khi chế độ quân chủ của Nga chấm dứt năm 1917.
- Trường Toán học và Hải hành được thành lập ở Moskva năm 1701.
- Ngày 30/12/1701, Pyotr ra chỉ dụ là từ đây thần dân ông không nên quỳ hoặc dập đầu trước mặt ông, hoặc vào mùa đông không cần phải giở mũ khi đi qua cung điện Sa hoàng ở Kremlin.

- Phụ nữ hoàng gia được giải thoát khỏi chế độ biệt lập hà khắc trong cấm cung.
- Cấm cha mẹ ép duyên con cái; tất cả quyết định về hôn nhân phải là tự nguyện. Hai bên trai gái phải gặp nhau ít nhất sáu tuần trước khi kết hôn, mỗi bên có quyền tự do từ chối bên kia, và việc chú rể vung cây roi trong ngày cưới như là biểu trưng cho quyền hành phải được thay thế bằng nụ hôn thể hiện tình yêu (Tháng 4/1702).
- Ngày 17/12/1702, Pyotr ra chỉ dụ thành lập công báo nhằm đưa tin tức về chiến thắng quân sự, phát triển công nghiệp… cùng tin tức nước ngoài, cũng là kênh thông tin cho Sa hoàng giải thích với thần dân về những chương trình cải tổ của ông.
- Cho phép thành lập Nhà hát nhân dân, do em gái Natalia của Pyotr thực hiện, năm 1702.
- Tòa án đặc biệt gồm những thẩm phán nước ngoài áp dụng luật dân sự La Mã để giải quyết mọi tranh chấp giữa người nước ngoài với người Nga.
- Bãi bỏ tước hiệu *boyar*, thiết lập hệ thống tước hiệu giống như Tây Âu, thay thế Hội đồng *Boyar* bằng Hội đồng Cơ mật (sau khi Pyotr qua đời là Hội đồng Cơ mật Tối cao).
- Thành phố Sankt-Peterburg được xây dựng từ bãi đầm lầy (động thổ ngày 16/5/1703).
- Chuyến hải hành lần đầu tiên của một Sa hoàng nước Nga trên một tàu của Nga trên Biển Baltic (mùa hè 1703).
- Hệ thống chữ cái mới để in sách Nga văn (năm 1707).
- Thành lập Trường Y khoa (năm 1707).
- Đô đốc người Nga đầu tiên, Fyodor Matveyevich Apraksin, được phong hàm này năm 1708.

- Tổng kiểm toán các nguồn thu chi ngân sách trên cả nước (1710).
- Thành lập Thượng viện (tháng 2/1711).
- Cho phép Sa hoàng đương quyền chỉ định người kế vị (năm 1711), nhưng Pyotr Đại đế không hành xử quyền này.
- Thiết lập chế độ giáo dục cưỡng bách cấp sơ học cho giới trung lưu (1714).
- Thư viện Quốc gia được thành lập năm 1714, làm nền móng cho Thư viện của Viện Hàn lâm Khoa học Nga.
- Pyotr ra chỉ dụ thành lập bệnh viện nhân dân ở tất cả thành phố và thị trân Nga (1715).
- Thành lập Học viện Hải quân, được chuyển đổi từ khoa Hải hành của Trường Toán học và Hải hành (mùa hè 1715).
- Pyotr được chính thức phong làm Viện sĩ của Viện Hàn lâm Khoa học Pháp (ngày 22/12/1717).
- Thành lập các bộ chuyên ngành của chính phủ (năm 1718), hoạt động cho đến năm cuối (1917) của vương triều.
- Thành lập Trường Cao đẳng Hầm mỏ và Công nghiệp (1717).
- Bảng Cấp bậc của Đề quốc Nga (1722), gồm thang cấp bậc dựa trên năng lực cho ba ngành: quân đội, dân sự và tòa án, được sử dụng cho đến năm cuối (1917) của vương triều.
- Chỉ dụ của Pyotr Đại đế ngày 28/1/1724 thành lập Viện Hàn lâm Khoa học Nga và đặt nền móng cho Đại học Quốc gia Sankt-Peterburg.

EVROPA U DOBA
PETRA VELIKOG
SEVERNI LEDENI OKEAN
BELO MORE
Arhangelsk
Dvina
NORVEŠKA
ŠVEDSKA
BOTNIJSKI ZALIV
FINSKA
j. Onjega
j. Ladoga
KARELIJA
Helsingfors
Sankt Peterburg
Neva
Kristijanija
Stokholm
Reveli
Narva
INGRIJA
ESTONIJA
Novgorod
Pskov
LIVONIJA
Riga
Mitau
V. KURLANDIJA
LITVANIJA
Vilna
Mogiljov
Smolensk
Minsk
Dnjepar
Kenigzberg
PRUSKA
Dancig
Torn
Varšava
POLJSKA
Rava
Kijev
Poltava
UKRAJINA
Harkov
Donjec
Voronjež
Don
Moskva
Oka
Volga
Kazanj
RUSIJA
Ural
Astrahan
KASPIJSKO JEZERO
Azov
AZOVSKO MORE
Kerč
Derbent
CRNO MORE
Bug
Dnjestar
Prut
MOLDAVIJA
Bender
UGARSKA
VLAŠKA
Dunav
SRBIJA
OSMANLIJSKO CARSTVO
Jedrene
Carigrad
MRAMORNO MORE
Rima
Visla
Odra
Krakov
Karlsbad
Prag
Drezden
Lajpcig
SAKSONIJA
Berlin
Hamburg
Bremen
HANOVER
Hanover
Amsterdam
Hag
London
Brisel
AUSTRIJSKO NIZOZEMLJE
UJEDINJENE NIZOZEMSKE DRŽAVE
BREMEN-FERDEN
SVEDSKA POMERANIJA
DANSKA
Kopenhagen
BALTIČKO MORE
SEVERNO MORE
IRSKA
VELIKA BRITANIJA
ATLANTSKI OKEAN
Sena
Pariz
Loara
FRANCUSKA
Ženeva
ŠVAJCARSKA
Rona
Venecija
MLETAČKA REPUBLIKA
BAVARSKA
AUSTRIJA
Budimpešta
Sava
BOSNA
PAPSKE DRŽAVE
CRNA GORA
NAPULJ
Napulj
SARDINIJA
Rim
SVETO RIMSKO CARSTVO
Rajna
Duero
Ebro
Taho
ŠPANIJA
Madrid
PORTUGALIJA
Lisabon
SREDOZEMNO MORE
Razmera u kilometrima
0
500
S

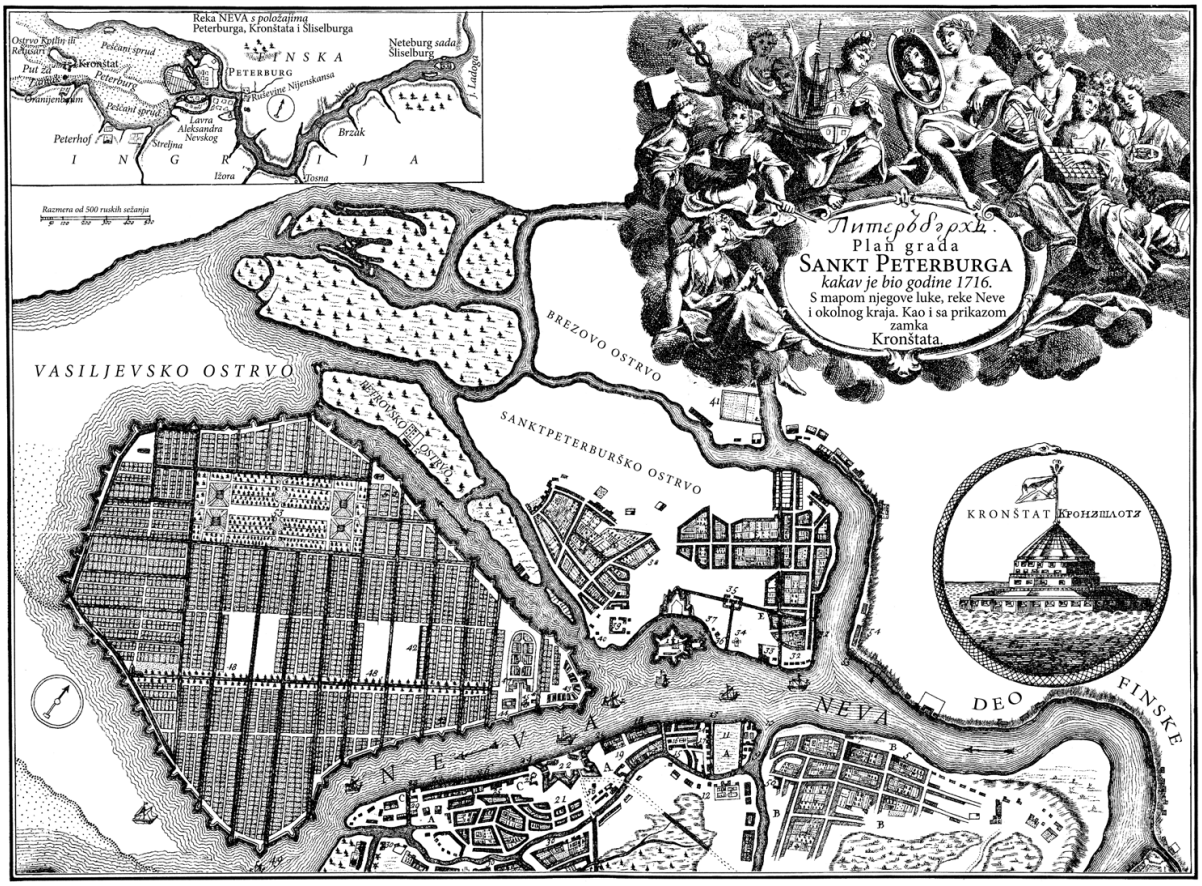
Reka NEVA s položajima
Peterburga, Kronštata i Šliselburga
Ostrvo Kotlin ili Retusari
Pešćani sprud
Kronštat
Put za Zamkove
Peterburg
Oranijenbaum
Pešćani sprud
Peterhof
Lavra Aleksandra Nevskog
Streljna
I N G R I J A
Ižora
Tosna
Brzak
Neva
Ruševine Nijenskansa
PETERBURG
I N S K A
Neteburg sada Šliselburg
J. Ladoga
Razmera od 500 ruskih sežanja
Питербдэрхъ.
Plan grada
SANKT PETERBURGA
kakav je bio godine 1716.
S mapom njegove luke, reke Neve
i okolnog kraja. Kao i sa prikazom
zamka
Kronštata.
VASILJEVSKO OSTRVO
BREZOVO OSTRVO
SANKTPETERBURŠKO OSTRVO
KRONŠTAT
NEVA
DEO
FINSKE

Sa hoàng Aleksei, cha của Pyotr

Natalya Naryshkina, mẹ của Pyotr

Cung điện bằng gỗ của Kolomenskoe

Ivan V, anh em cùng cha khác mẹ và đồng Sa hoàng với Pyotr

Vasily Golitsyn (credit bm5.1)

Nhiếp chính Sophia, chị cùng cha khác mẹ với Pyotr (credit bm5.2)

Francis Lefort (credit bm5.3)

Cuộc vây hãm Azov, 1696 (credit bm5.4)

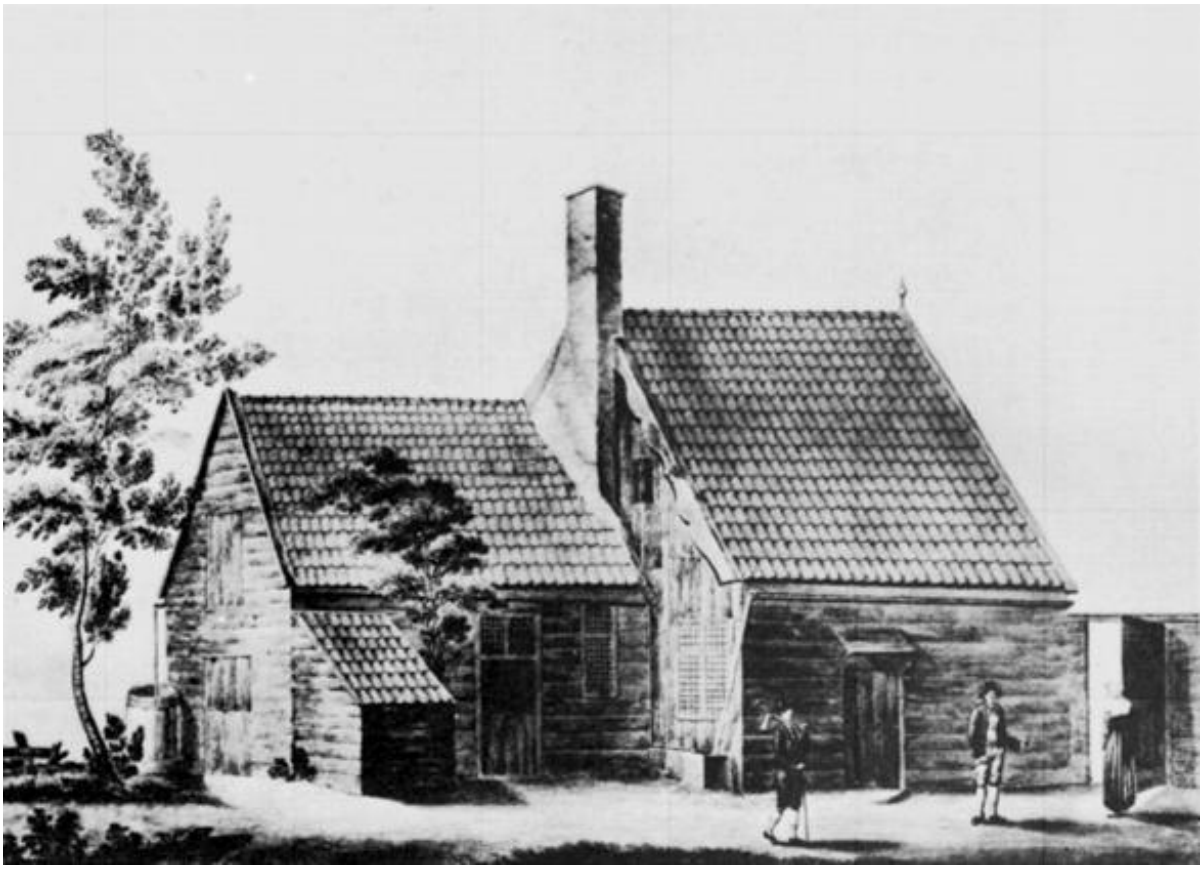

Nhà của Pyotr ở Zaandam, Hà Lan, 1697 (credit bm5.5)

Khắc gỗ phổ biến mô tả việc cắt râu của Nga (credit bm5.6)

Huy chương cho thấy người đeo đã trả một khoản thuế để giữ lại bộ râu của mình (credit bm5.7)

Alexander Menshikov (credit bm5.8)

Peter Tolstoy (credit bm5.9)

Fedor Romodanovsky (credit bm5.10)

Boris Sheremetev (credit bm5.11)

Jacob Dolgoruky (credit bm5.12)

Fedor Apraxin (credit bm5.13)

Gavril Golovkin (credit bm5.14)

Peter Shafirov (credit bm5.15)

Trận Pultowa, 1709 (credit bm5.16)

Trận Hangö, 1714 (credit bm5.17)

Lễ kỷ niệm tại Moskva, vào năm 1722, vì Hòa bình Nystad (credit bm5.18)

Nghịch ngợm những con tàu Thụy Điển bị bắt trước cung điện Menshikov, trên đảo Vasilevsky, 1714 (credit bm5.19)

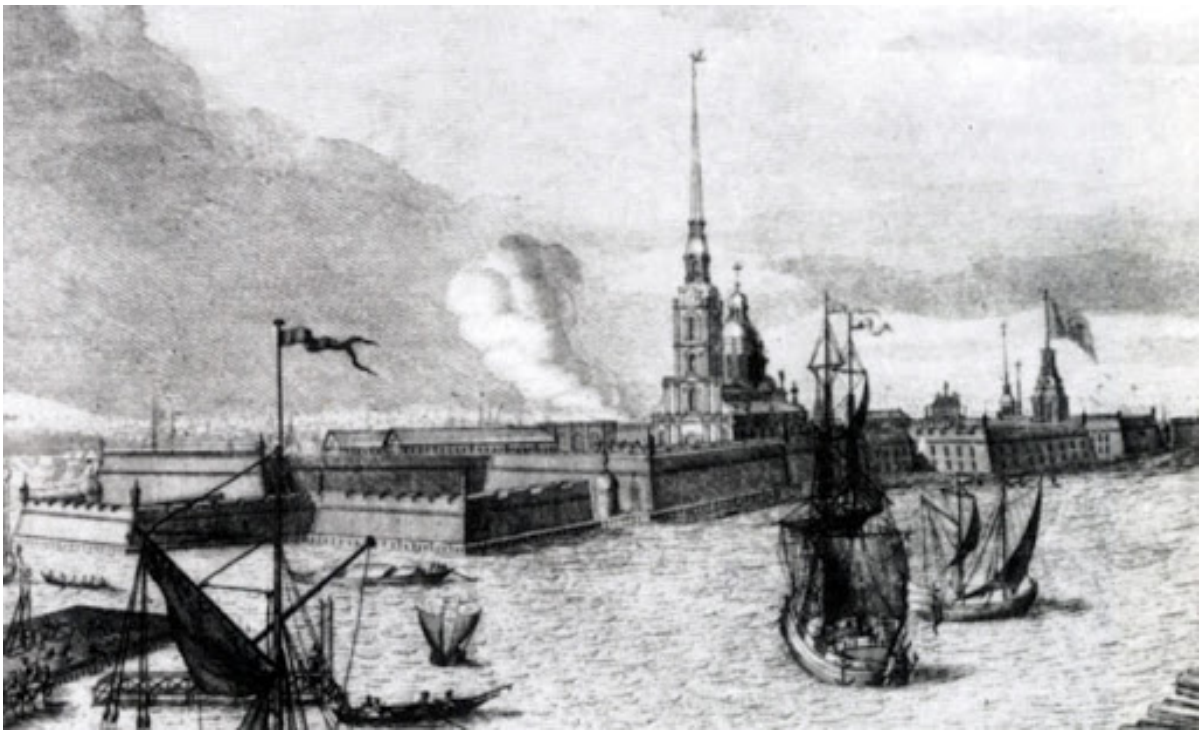

Nhà thờ St. Peter và St. Paul (credit bm5.20)

Cung điện mùa hè của Peter (credit bm5.21)

The Admiralty (credit bm5.22)

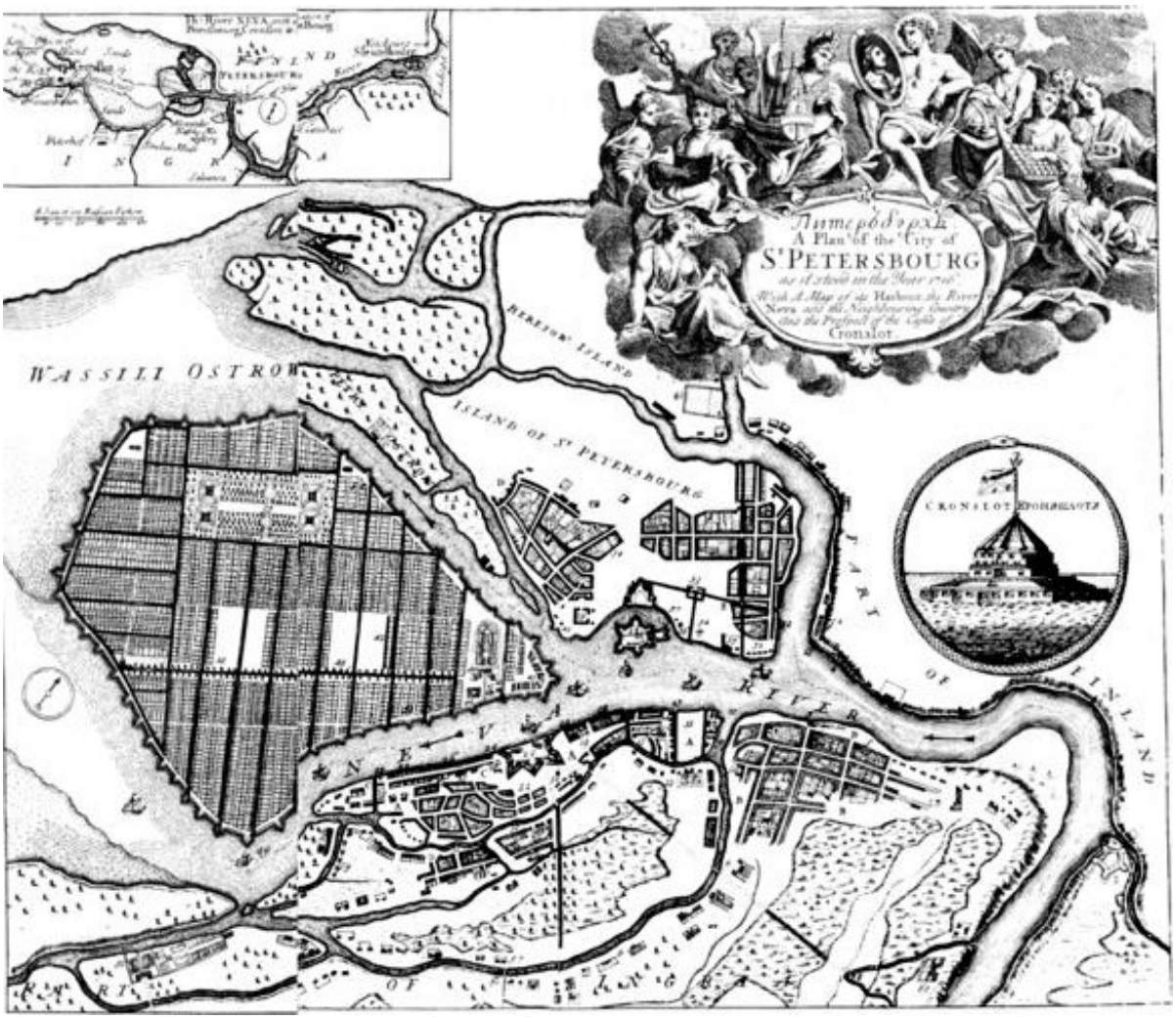

Sankt-Peterburg năm 1716 (credit bm5.23)

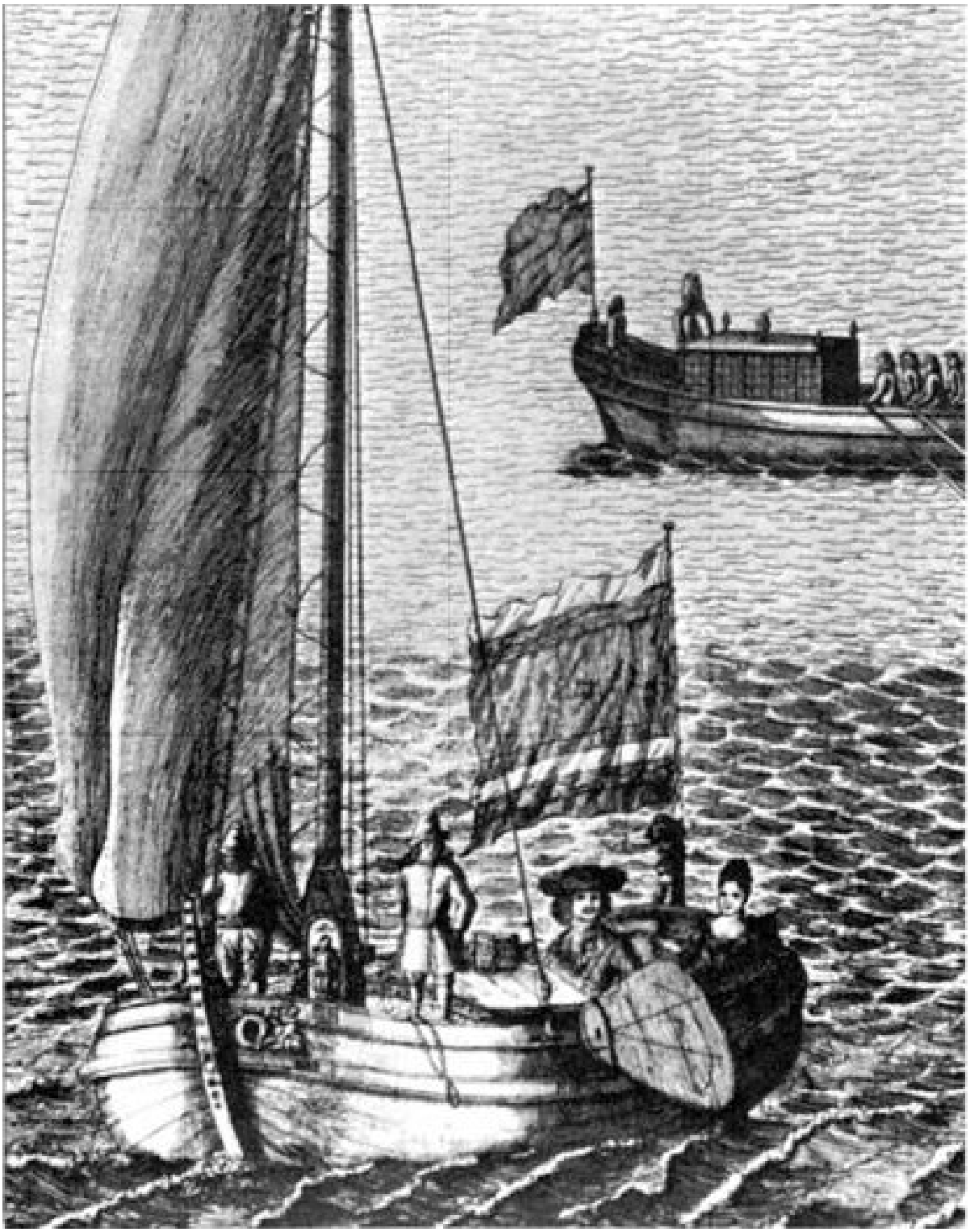

Contemporary gravure, by A. F. Zubov, of Peter and Ekaterina sailing on the Neva (credit bm5.24)

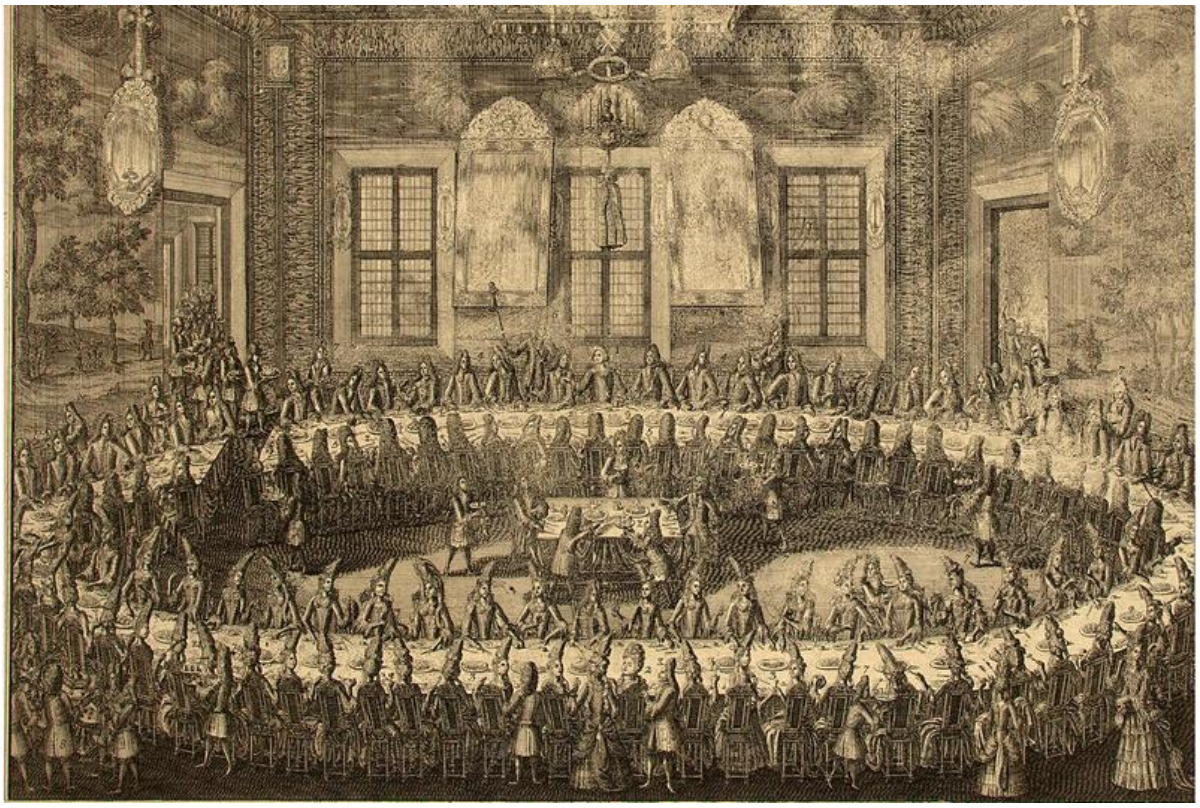

Gravure, by A. F. Zubov, of the marriage of Ekaterina and Peter, 1712 (credit bm5.25)

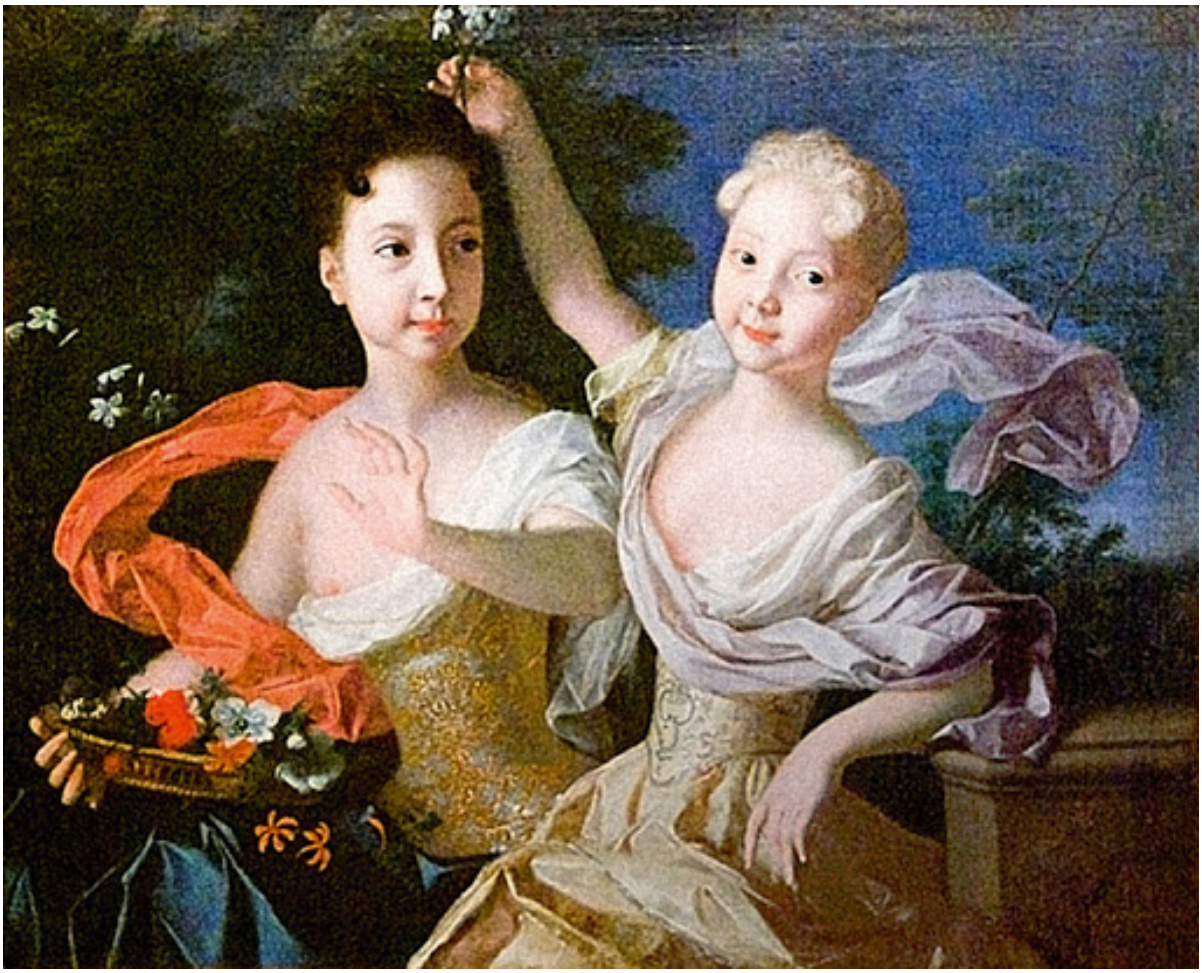

Anna and Elizabeth, con gái của Pyotr và Ekaterina, (credit bm5.26)

Hoàng thái tử Aleksei (credit bm5.27)

Pyotr, bởi Carl Moor, 1717 (credit bm5.28)

ПЕТРЪ ВЕЛИКІЙ

Victory crowning Peter Emperor, by A. F. Zubov, 1721 (credit bm5.29)

Pyotr Đại Đế, bởi Carlo Rastrelli, 1723 (credit bm5.30)

TÁC GIẢ ROBERT K. MASSIE

Sử gia người Mỹ Robert K. Massie sinh năm 1929. Ông theo học môn lịch sử Hoa Kỳ tại Đại học Yale ở Mỹ, và với tư cách Học giả Rhodes theo học môn lịch sử Châu Âu hiện đại tại Đại học Oxford, Vương quốc Anh. Ở Mỹ, từ năm 1959 đến năm 1964, ông là ký giả cho tờ tuần báo *Newsweek*, và sau đó cho tờ nhật báo *Saturday Evening Post.*

Năm 1967, ông cho xuất bản quyển *Nicholas and Alexandra* (Nikolai và Alexandra), là tiểu sử Hoàng đế cuối cùng của nền quân chủ Nga, Nikolai II, và vợ là Hoàng hậu Alexandra Fyodorovna, cùng gia đình họ và khung cảnh văn hóa-chính trị vào thời kỳ này. Năm 1971, một bộ phim cùng tựa quyển sách nêu trên đoạt một Giải Oscar. Năm 1995, trong quyển *The Romanovs: The Final Chapter* (Vương triều Romanov: Chương cuối), Massie cập nhật thông tin về Nikolai II và Alexandra dựa trên những phát hiện mới nhất.

Massie được trao Giải Pulitzer của thể loại lịch sử năm 1981 cho quyển *Peter the Great: His life and World*. Dựa theo quyển sách này, năm 1986

Hãng NBC thực hiện bộ phim truyền hình nhiều tập có tựa *Peter the Great*, đoạt ba Giải Grammy.

Massie là chủ tịch Hội Tác giả (Authors Guild) của Hoa Kỳ từ năm 1987 đến năm 1991, sau đó tiếp tục phục vụ trong hội đồng của tổ chức này.

Ông đã cho xuất bản 13 đầu sách, phần lớn về lịch sử Châu Âu.